HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

NHIỀU TÁC GIẢ

CA DAO, HÒ, VÈ MIỀN TRUNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

CA DAO, HÒ, VÈ MIỀN TRUNG

NHIỀU TÁC GIẢ

THƯ VIỆN
Anphongsô
398.809 597 4
CAD

ISBN: 978 - 604 - 70 - 0143 - 9
SÁCH NHÀ NƯỚC TÀI TRỢ

398.809597 4

CA DAO, HÒ, VÈ MIỀN TRUNG

390 - Vhoá
CHID

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

TRƯƠNG ĐÌNH QUANG - NGUYỄN XUÂN NHÂN
DƯƠNG THÁI NHƠN - NGUYỄN VIẾT TRUNG
(Sưu tầm, giới thiệu)

THƯ VIỆN THÁNH ANPHONGSÔ
TỈNH DÒNG CHÚA CỨU THẾ VIỆT NAM

CA DAO, HÒ, VÈ MIỀN TRUNG

THƯ VIỆN
TRƯỜNG
Cao Đẳng VH.NT
STL
13.1021

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
Hà Nội - 2012

27

DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu – Bách Khoa – Hà Nội
Điện thoại: (043) 627 6439; Fax: (043) 627 6440
Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH	*Trưởng ban*
2. ThS. HUỲNH VĨNH ÁI	*Phó Trưởng ban*
3. GS. TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH	*Phó Trưởng ban*
4. Ông NGUYỄN KIỂM	*Ủy viên*
5. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG	*Ủy viên*
6. TS. TRẦN HỮU SƠN	*Ủy viên*
7. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG	*Ủy viên*
8. ThS. ĐOÀN THANH NÔ	*Ủy viên*

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

Chịu trách nhiệm nội dung:

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

Thẩm định:

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên Hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là "Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa-văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam". Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa-văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những

lĩnh vực và hình thái văn hóa-văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án "Công bố và phổ biến tài sản văn hóa-văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam" đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012) chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền "Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn.

Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

PHẦN I

MEN RƯỢU HỒNG ĐÀO

Tác giả: *Trương Đình Quang*

LỜI NÓI ĐẦU

Mong bạn đọc cho phép tôi được ngỏ lời trân trọng biết ơn đến những nhạc sĩ, nghệ nhân, bạn bè nghệ thuật - những ân nhân đã giúp đỡ, khuyến khích tôi ghi chép, suy nghĩ, viết *Men rượu hồng đào*.

Vào tuổi thiếu niên, mới làm quen với ca khúc của Lưu Hữu Phước, Hoàng Quý, Văn Cao, Đỗ Nhuận, Đặng Thế Phong, Dương Thiệu Tước..., tôi đã thử mò mẫm đàn những điệu hát chèo do Nguyễn Xuân Khoát ghi âm, dịch nhạc.

Vào đầu những năm 50 của thế kỷ trước, làm văn nghệ trong quân đội, biết cái đẹp của dân ca, ca nhạc dân tộc cổ truyền từ những bài báo trên tạp chí Văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc gởi vào qua trò chuyện với Vân Đông, Huỳnh Văn Cát, Dương Minh Ninh, Dương Minh Hòa, Lê Cường, Lâm Tô Lộc. Vào Tây Nguyên, gặp K'pa Púi, Y Dơn, Nhật Lai. Vốn sống, cái hiểu biết về ca nhạc dân gian của vùng này thật đầy đặn, phong phú ở Nhật Lai.

Ra miền Bắc, từ năm 1955 đến năm 1959, tôi học ở Trường âm nhạc Việt Nam. Các thầy Tạ Phước, Tô Vũ, Lê Yên luôn nhắc lũ học trò chúng tôi về tính dân tộc của âm nhạc Việt Nam, đi vào đời sống, gắn bó với các vùng dân ca:

hát xoan, hát ghẹo Phú Thọ, ví - dặm Nghệ An - Hà Tĩnh, quan họ Bắc Ninh v.v...

Tốt nghiệp, từ cuối năm 1959, làm việc trong ban nghiên cứu nhạc của Bộ Văn hóa. Ở đây, tôi được cái may mắn gắn bó với những người có tâm huyết với ca nhạc dân gian và dân tộc cổ truyền. Bên cạnh Phạm Sửu, Phạm Phúc Minh, Lê Huy, còn có Tú Ngọc, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Vĩnh Long, Huy Trân, Nguyễn Đăng Hòe, Đào Trọng Từ, Trần Hữu Pháp, Hồng Thao, Lư Nhất Vũ, Nguyễn Tài Tuệ, Nguyễn Viêm, Lê Quang Nghệ, Nguyễn Ngọc Oánh, Lê Toàn Hùng, Ngô Đông Hải và những người cộng tác: Nguyễn Xuân Khoát, Tô Vũ, Hoàng Kiều, Văn Cao, Bùi Đức Hạnh.

Giữa năm 1963, sau một thời gian làm việc ở Nhà xuất bản Âm nhạc, tôi về ban nghiên cứu - sáng tác của Đoàn ca kịch bài chòi Liên khu V. Nhóm âm nhạc chúng tôi có: Văn Cận, NSƯT Hoàng Lê, NSƯT Cung Nghinh, Trần Hồng, Hà Sâm và tôi. Nhóm ghi chép, thu âm, dịch nhạc dân ca miền Nam Trung bộ từ nghệ sĩ hát bộ (NSND Ngô Thị Liễu, NSND Nguyễn Nho Túy, NSƯT Văn Phước Khôi, NSƯT Văn Bá Anh) và nghệ nhân bài chòi (NSƯT Đinh Thái Sơn, NSND Lệ Thi, NSƯT Nguyễn Kiểm, NSƯT Phan Ngạn, Kim Kích, Trần Chức, Đinh Thị Hải), nghệ nhân hô hát dân gian (NSƯT Hoàng Thủ, Trịnh Thiện) sưu tầm dân ca ở chiến sĩ của các sư đoàn 324, 305 của Liên khu V tập kết ra miền Bắc.

Nhớ Xứ Quảng, thương Hội An, Đà Nẵng, tôi ước mong viết tốt *Men rượu hồng đào*, bên cạnh ca nhạc bài chòi, kịch hát bài chòi.

Từ sau ngày Tổ quốc thống nhất, tôi tiếp tục tìm và viết về dân ca quê hương.

Vẫn với tình cảm thân yêu từ lúc làm văn nghệ quân đội, người bạn - người anh Phan Huỳnh Điểu luôn khuyến khích tôi viết tốt công trình.

Với sự có mặt của *Men rượu hồng đào* trong đời sống xã hội, mong bạn đọc cho phép tôi được ngỏ lời trân trọng biết ơn đến những ân nhân của tôi.

TRƯƠNG ĐÌNH QUANG

Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm
Rượu hồng đào chưa ngấm đà say
Bạn về nằm nghĩ gác tay
Thử nơi mô, ơn trượng, nghĩa dày cho bằng ta?

QUẢNG NAM TRỜI - ĐẤT - NGƯỜI

Khi Chúa Nguyễn khai sinh *"Quảng Nam thừa tuyên"* thì biên giới phía Nam Đại Việt kể đến tận đèo Cù Mông và lãnh địa Quảng Nam trải dài từ đèo Hải Vân đến Cù Mông, một dải đất bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay(*).

Thế nhưng, theo thời gian và do nhu cầu hành chánh, đất Quảng Nam được các vương triều nhà Nguyễn phân bố lại, sau này, chỉ còn giới hạn từ đèo Hải Vân đến Bến Ván.

Đầu năm 1998, thành phố Đà Nẵng trực thuộc trung ương, ranh giới Quảng Nam một lần nữa được sửa lại trên bản đồ, bớt một số xã phường huyện Hòa Vang sáp nhập vào thành phố.

(*) *"Dư địa chí"* của Phương Đình Nguyễn Siêu ghi là đến Đá Bia, thuộc Phú Yên, nhưng lại cho rằng đó chỉ là lời truyền của dân. Riêng khi làm *"Dư địa chí Quảng Nam"*, ông Thạch Phương đến tận nơi, kiểm chứng và kết quả là không có di chỉ nào ở đây khẳng định vua Lê đã mở rộng đất nước đến tận Đá Bia.

Lịch sử, địa lý Quảng Nam là thế, nhưng danh xưng Quảng Nam trước sau vẫn là một đơn vị hành chánh cấp tỉnh - tỉnh Quảng Nam. Do bề dày lịch sử, Quảng Nam là một vùng đất được các nhà biên khảo, dân tộc học, xã hội học, sử học, khảo cổ học quan tâm, nghiên cứu và viết về địa phương này.

Phải chăng Quảng Nam có *trời - đất - người* mang một bản sắc đặc thù về một vùng đất mới của dân tộc ta, bắt đầu từ năm 1471 ở miền cực Nam nước Đại Việt cho đến nay? Và ngày nay, dù Quảng Nam chỉ còn một vị trí - địa khiêm nhường trên bản đồ Việt Nam, vẫn còn riêng những cảnh trí thiên nhiên, tiềm ẩn nhiều tài nguyên quan trọng và cả những con người tài hoa trên nhiều lĩnh vực.

Linh địa Quảng Nam nằm dọc. Bắc là đèo Hải Vân có "Đệ nhất hùng quan", sườn phía Tây nối tiếp nhau, núi liền núi của dãy Trường Sơn "Vạn đại dung thân", với những ngọn núi hùng vĩ: Tượng Lãnh, Răng Cưa, Núi Chúa, Hòn Tàu, Bàu Than..., mặt Đông là biển với Ngũ Hành Sơn "năm cụm ngắm sông Hàn" uy nghi, huyền bí... Và dọc theo bờ biển, mở ra những cảnh biển thuận lợi cho tàu thuyền ra vào Tiên Sa, Đà Nẵng, Cửa Đại (Hội An), An Hòa (Tam Kỳ). Những cửa biển này đã một thời là nơi trung chuyển thổ sản địa phương đến Trung Hoa, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Pháp, Tây Ban Nha..., phát triển thương mại, kinh tế của xứ Đàng Trong, tạo dựng một tiềm lực kinh tế hùng hậu, giúp chúa Nguyễn ổn định việc nội trị, đủ sức chống họa chúa Trịnh phương Bắc và thừa khả năng để nhà Nguyễn sau này nới rộng biên giới phía Nam đến tận Cà Mau, Phú Quốc.

Song song với những thuận lợi do các cửa biển đem lại, ngõ nguồn Quảng Nam còn có nhiều lợi thế về đường nước.

Các nguồn Câu Đê, Lỗ Đông thuộc Hòa Vang, cùng các nguồn Ô Gia Đại Lộc, Thu Bồn Quế Sơn, Chiên Đàn Hữu Bang..., với những nhánh ngang dọc, họp thành một đường nước, thuận lợi cho việc xuôi ngược thuyền bè, trao đổi sản vật từ nơi thâm sơn cùng cốc đến các đô thị sầm uất của huyện Điện Bàn, Hòa Vang, Tam Kỳ; nhất là phù sa do các ngõ nguồn này cung cấp hàng năm trong những trận lụt, làm cho lúa thêm màu mỡ, bắp dâu tươi tốt.

Đặc biệt, Quảng Nam còn có những con sông đào do công sức của người, như sông đào Câu Nhí, hay còn gọi là sông đào Vĩnh Điện. Điều đáng nói ở đây là, sông đào Câu Nhí, một dấu ấn lịch sử, được khắc tên một trong Cửu Đỉnh, đặt tại kinh thành Huế năm 1886, nói lên thành tích lớn lao của nó, nối liền hai nguồn Ô Gia Thu Bồn với sông Cẩm Lệ, tại xã Hóa Khuê, trước khi đổ ra cửa biển Đà Nẵng, âm thầm tạo điều kiện cho thành phố Đà Nẵng phát triển thuở ấy. Sau này, phải chăng sông đào Câu Nhí đã "hoàn thành nhiệm vụ lịch sử", nên nay chỉ còn lại một vài dấu vết!

Phần đất nằm giữa Trường Sơn và biển Đông là một bình nguyên khá rộng mà mồ hôi, nước mắt của người xưa Quảng Nam đã kế thừa, liên tục khai hoang, vỡ hóa ngót bốn trăm năm qua, hứng chịu bao nguy hiểm bởi chốn rừng thiêng, nước độc, hoang thú, dã thú; và nhất là sự khắc nghiệt của các cuộc chiến tranh khốc liệt, từ nội chiến đến ngoại xâm, những đắng cay từ thời tiết không ổn định. Tuy vậy, phần bình nguyên này có vai trò quan trọng về thành quả nông nghiệp nuôi người.

THƯ VIỆN TÍNH DÒNG CHÚA CỨU THẾ VIỆT NAM
THƯ VIỆN TRƯỜNG Cao Đẳng VH.NT
37
13.102

Điểm qua trời đất, chưa hẳn chúng ta hình dung được sự quan trọng của thiên nhiên ở đất này nếu chúng ta không tìm hiểu thêm các mặt tích cực của nó.

Thật vậy, chỉ riêng dãy núi Tiên Sa bọc quanh Vũng Thùng Dà Nẵng, cũng như Cù Lao Chàm cách Cửa Đại 15 kilômét, là hai "bức bình phong trời cho", có khả năng ngăn chặn những cơn bão hung dữ nhất đổ vào vùng duyên hải dọc từ Đà Nẵng vào tận Duy Xuyên, Thăng Bình; bảo vệ vững vàng tàu thuyền neo tại các cửa biển nơi đây, đáng tin cậy với khách hàng các nước giao thương.

Vùng biển, ngoài yến sào ở Cù lao Chàm, còn có những đặc sản quý hiếm: đồi mồi, ốc hương, vây cá, tôm hùm, cá đủ loại...

Vùng núi, trời đất ưu đãi cho tỉnh này một kho tàng vô tận. Gỗ quý: kiền kiền, lim, kỳ nam hương, trầm hương... Dược thảo: sa nhân, đậu khấu, quế... Hoang thú quý: hổ, báo, tê giác, voi..., với xương, sừng và ngà là hàng đắt giá mà thương giới viễn xứ một thời khao khát. Khoáng sản: than Nông Sơn với trữ lượng từ phía Nam ngọn Cà Tang (Quế Sơn) đến tận An Điềm (Đại Lộc), mà đến nay chưa khai thác được bao nhiêu, suối nước khoáng ở Tây Viên, Tiên Lãnh, Phú Ninh...

Vùng trung du và bình nguyên có nhiều sản vật nhu yếu cho đời sống của người: lúa, ngô trồng dọc theo các triền sông như Thu Bồn, Ô Gia nối tiếp, nà trồng bắp và dâu nuôi tằm vào mùa hè, mùa thu. Khoai lang Tiên Đõa to củ, ngon lạ lùng, rau Trà Quế, tôm, cua, cá Hội An, được mọi nơi ưa thích. Vải bô, lụa là của Duy Xuyên, Bảo An, Phú Bông. Nước mắm Nam Ô với hương vị đặc biệt, nổi tiếng cả nước. Có thể kể đến những

nghề truyền thống đang sống lại dần: nghề mộc và đóng thuyền của Kim Bồng, nghề dệt chiếu cói ở Bàn Thạch, nghề gốm của Thanh Hà, nghề làm trống của Lam Yên, nghề đúc đồng, chiêng cồng của Phước Kiều, nghề đẽo đá, tạc tượng của Hòa Hải...

Từ những thành quả tạo nên bởi trí tuệ, tính chịu thương chịu khó, dành dụm, tấm lòng ngay thẳng..., qua thời gian, đất và người Quảng Nam, lớp sau kế thừa lớp trước, vững vàng phát huy truyền thống tốt đẹp, sáng ngời, mà chúng ta có thể nhận biết qua lịch sử dân tộc.

Đấy là chúng ta mới chỉ nhận biết *trời - đất - người* Quảng Nam. Còn về mặt *văn hóa - nghệ thuật*, tâm hồn của vùng đất này thì sao?

Điểm đặc biệt của miền địa linh nhân kiệt này đã tự nó chứng thực rằng Quảng Nam không thiếu tuấn kiệt trên đường học vấn. Thành quả gần 500 năm thành lập Quảng Nam, tuy chưa có thời gian nào thanh bình được 50 năm, nhưng Quảng Nam cũng có được 245 vị đỗ Cử nhân, 39 vị phó bảng, tiến sĩ. Tính từ năm 1819 đến 1929, trong đó có vị là Đình Nguyên (Đình nguyên hoàng giáp Phạm Như Xương), hai vị là song nguyên: Phạm Phú Thứ, Huỳnh Thúc Kháng. Có người luôn tìm cánh lập thuyết cho hành động của mình như Trần Cao Vân "dám chọn khoảng giữa Dịch tiên thiên của Hoàng đế và Dịch hậu thiên của Văn Vương, để tìm cho được Dịch trung thiên của người Việt"(*)

Cùng với học vấn, cán bộ chuyên môn nghệ thuật cũng phong phú. Phải chăng khung trời Quảng Nam không thơ mộng

---

(*) Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Người ham chơi* (Nhàn đàm), Nhà xuất bản Thuận Hóa - 1998 - Huế.

như xứ Huế, không cổ kính như Thăng Long, không dịu êm như Đà Lạt, không tha thướt như rừng dừa Tam Quan, không rì rào ca hát như biển Nha Trang, không kỳ quan, hùng vĩ như vịnh Hạ Long, và không rộn ràng, sôi nổi như thành phố Hồ Chí Minh... Mà trời đất nơi đây tạo cho con người có cái nhìn và sự cảm nhận không thể vẽ nên bằng tranh, không diễn đạt được bằng lời mà được kết tinh cái tinh chất quý báu của vốn liếng văn hóa nhiều nơi, nhiều miền, hòa quyện vào, nhuần nhuyễn với quê hương. Người Quảng Nam có một lối sống chân thật, rất ngay thẳng, có thể chút ít vụng về, thích tìm chân lý (*Quảng Nam hay cãi*). Trời đất và tâm hồn người xoắn xuýt vào nhau, do đó, các thể loại văn chương, nghệ thuật có môi trường phát triển, muôn màu muôn vẻ.

Hát bội, hò khoan, nói vè, nói lía, hô thai, hô bài chòi, hát soi, hát bả trạo, hát sắc bùa, hát chào con rắn, tập tầm vông, hò nghé ngơ... của miền đất mới này, mà người nào đã có dịp nghe, xem - nghe, hẳn khó quên. Những tiếng hát, giọng hò, những lối diễn xướng ấy, sẽ khắc sâu vào tâm khảm, trở thành những kỷ niệm sống mãi trong trái tim người nghe, người xem - nghe.

Ai có dịp đến thành phố trên sông Hàn, thanh thản ngồi trên ghế đá trên bờ sông, sẽ thấy lung linh trên mặt nước gợn sóng tỏa năm ngọn Hành Sơn, sẽ cảm nhận:

Ngũ Hành Sơn năm cụm ngắm sông Hàn

Chùa Non Nước trầm tư hương khói quyện

Ai có dịp ngược đò lên Xuân Yên, Phước Hội, sông Thu Bồn sẽ đưa bạn viếng cảnh Thạch Bích, Đá Dừng. Bạn sẽ nghe đâu đó vút lên giọng hò:

Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng

Thương cha, nhớ mẹ quá chừng lắm, bậu ơi!

Thương cha, nhớ mẹ thì về

Nhược bằng thương kiểng, nhớ quê thì đừng!

Câu hò khoan chèo đò mang tính lịch sử đấu tranh của những người con nặng tình với quê hương, khi đất nước lâm họa xâm lược. Hòn Kẽm, Đá Dừng là chiến khu của Nghĩa hội. Đấy cũng là lời nhắn nhủ, kêu gọi tha thiết đến những tấm lòng nặng nghĩa nước non.

Ai đó ghé đến phố cổ Hội An, tâm tình lưu luyến với câu hát nhắn:

Ngã tư, nơi chốn hẹn hò

Gặp nhau, mắt liếc, dặn dò đôi câu

Chàng trao thuốc, thiếp trao trầu

Thấm tình Cẩm Lệ, mặn vôi Thanh Hà

Bây giờ, chàng cách thiếp xa

Vì đâu ra nông nỗi trầu héo, cau già, phải lẻ đôi?

Ngày nay, tỉnh Quảng Nam cùng với các miền đất nước chuyển mình trên khắp các lĩnh vực, hòa nhập với trào lưu đổi mới. Đã có những công trình lớn mà Dung Quất (Vũng Quít) là điểm khởi với nhiều triển vọng tốt đẹp cho quê hương, cho đất nước. Cũng từ đây, chắc chắn văn chương, nghệ thuật với các thể loại và thể tài trăm hoa đua nở, càng thêm phong phú, để phản ảnh trung thực bản chất đặc thù của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trong câu dân ca:

Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm

Rượu hồng đào chưa nhấm đà say

Vâng "Rượu hồng đào chưa nhấm đà say". Người Quảng Nam nhạy cảm:

Bạn về nằm nghĩ, gác tay

Hỏi (thử) nơi mô ơn trượng, nghĩa dày cho bằng ta?

Và khi ai đó mới đến đất này, dù nghe lời hát ru:

Tới đây đất nước lạ lùng

Con chim kêu (rồi ra) phải sợ, con cá vùng, phải kiêng.

Vẫn không phải đắn đo, ngập ngừng khi từ nà dâu bay lên câu hát nhân ngãi:

Gió đưa, gió đẩy bông trang

Ai đưa, ai đẩy duyên nàng (duyên chàng) tới đây

Tới đây (thì) phải ở đây,

Ở cho bén rễ xanh cây, hãy về.

Trời đất luôn ưu đãi Quảng Nam, đứa con sinh ra và lớn lên trong máu lửa và nước mắt, sẽ đưa miền đất này của Tổ quốc đi vào thiên niên kỷ XXI, với tương lai đầy hứa hẹn.

Phố cổ Hội An, phố mới Sông Hàn,

Trọng hạ âm lịch Kỷ Mão.

TRƯƠNG ĐÌNH QUANG

LỜI VÀO...

Tôi say mê, yêu quý dân ca của đất nước, của quê hương. Trong kháng chiến lần thứ I, cùng lúc với việc ghi chép, sưu tập dân ca miền Bắc, tôi bắt đầu sưu tầm tìm hiểu hò khoan, đồng dao, vè, lý Quảng Nam...

Cổ nhạc cổ truyền(*) và ca nhạc dân gian của Quảng Nam phong phú, nhiều dáng vẻ, lắm màu sắc.

Cái đẹp, cái hay cũng như cái cốt cách của nền ca nhạc ấy, thế hệ này sang thế hệ khác, đã thấm nhuần vào không khí, hơi thở của đất nước, của quê hương, vào tinh thần và tâm hồn dân tộc, ngấm sâu vào tiềm thức của mỗi người.

Chính cái đẹp ấy, cái hay ấy, cái cốt cách ấy, đã tạo cho chúng ta những tình cảm cao đẹp chân chính và cũng cùng lúc đó, bồi đắp cho chúng ta một sức đề kháng mãnh liệt đối với những cái hào nhoáng bên ngoài mà bên trong chứa đầy độc tố.

(*) Trong luận văn tiến sĩ *Âm nhạc Việt Nam cổ truyền* (La musique Vietnamienne traditionnelle, Nhà xuất bản PUF-PARIS, 1962) ở các trang 98-100, nhạc sĩ Trần Văn Khê có nói đến vai trò của nhạc cổ truyền Quảng Nam trong nền ca nhạc tài tử.

Từ năm 1955, sống trên miền Bắc, được gần các nghệ sĩ hát bội, kịch hát bài chòi, diễn xướng dân ca (nói vè, nói lía, hát sắc bùa v.v...), tôi tiếp tục ghi chép dân ca và tập tành nghiên cứu. Với một vài bạn nhạc sĩ, chúng tôi bắt đầu giới thiệu dân ca của quê hương(*).

Sau 25 năm xa đất Quảng Nam, nay tôi trở về sống trong tiếng hát quê hương. Tôi lại tìm đến những nghệ sĩ dân gian, những vùng ca hát. Trong tôi bao điều băn khoăn. Các vùng Đại Lộc, Duy Xuyên, có còn ai nhớ các điệu múa hát *Sắc bùa* nữa không. Những câu hát nhắn khi kéo sợi, se chỉ, hái dâu, ươm tơ... của Bảo An, Phú Bông, Xuân Đài, Quảng Huế; những câu hát huê tình, từ lúc hái lá chè cho đến khi đạp lá chè - một vòng khúc với giai điệu duyên dáng, mượt mà của Tam Kỳ, Tiên Phước - những điệu hát ru, những giọng hò khoan đò ngang, đò dọc của khúc sông Thu Bồn, về phố cổ Hội An, khúc sông Hoài - chợ Được, Tiên Đõa - Bến Đá - Tam Giang..., vẫn còn vang lên giữa đất trời yêu thương, kiên cường...?

Đi tìm nghệ nhân ở các nhóm bạn hò khoan ngày xưa, nay không còn trên đất cũ, tôi lại nghe giọng hò giã gạo, hò chèo ghe, điệu lý, câu vè..., ca ngợi tình yêu trai gái, thiên nhiên, lao động, chống đối các bất công của xã hội.

Tôi chú trọng đi sâu vào tính chất, màu sắc của dân ca. Mỗi làn điệu, mỗi bài hát có dáng vẻ riêng, với cái đẹp không thể so sánh ngay trong từng thể loại.

(*) Các tập dân ca Liên khu V của nhà xuất bản Âm nhạc Hà Nội, từ năm 1961 trở đi. *Dân ca miền Nam Trung Bộ I, II* của Trần Việt Ngữ, Trương Đình Quang, Hoàng Chương, lời bạt của Xuân Diệu, Nhà xuất bản Văn học, 1963, Hà Nội.

Tiếng hát dân gian vút bay lên từ hiện thực cuộc sống xã hội. Bản chất của những sáng tác ấy chắt lọc từ cuộc đời, nhưng chúng sống bền vững là do sức thể hiện của tâm hồn người hát, người diễn xướng, từ bản thân nghệ thuật.

Ở những dân ca ấy, sự hòa hợp các yếu tố của ngôn ngữ âm nhạc thật nhuần nhuyễn, chặt chẽ: điệu thức, giai điệu, tiết tấu, sắc thái, độ nhanh chậm, độ vang, kể cả các cơ cấu bên trong, tức cấu trúc và tính chất biểu diễn của chúng. Với những thể loại mang tính sân khấu, dù chỉ là yếu tố mầm mống, phải được nhìn nhận trong sự kết hợp nghệ thuật diễn viên.

Giai điệu là linh hồn của bài hát, bản nhạc. Thực chất của hình tượng âm nhạc, nghĩa là phần căn bản của nó, nằm trong giai điệu. Trong giai điệu có vẻ đẹp chính, có một sự hấp dẫn chính của nghệ thuật âm thanh, không có giai điệu thì tất cả trở nên mờ nhạt, vô duyên; dù có một sự kết hợp hòa âm gắng gượng, có lối phối dàn nhạc khá đẹp.

Trong âm nhạc dân gian thường có những giai điệu mà thật ra thì chúng là những tác phẩm hoàn mỹ. Tất cả những yếu tố truyền cảm trong các giai điệu ấy thật trong sáng, đẹp đẽ lạ lùng.

Giai điệu dân ca rất giàu hình tượng. Những hò khoan chèo ghe gợi lên hình tượng sông nước mênh mông. Giai điệu trữ tình, nhịp điệu sôi nổi của biết bao điệu hò lao động, gợi lên hình tượng trai gái gắn bó, thân thương, trong công việc lao động, trong tâm tình giao duyên.

Cũng trong phạm vi giai điệu, chúng ta không thể không tự hào về cái khả năng tài tình của một thể loại mà chúng ta thường gọi là *làn điệu,* là *giọng.* Ở đây, giai điệu có thể thay đổi cung

bậc ở vào những phách nhất định, miễn là một cung bậc chính vẫn giữ tương đối nguyên vị. Và bất cứ một khổ thơ nào của dân tộc cùng thể nào, gắn với giai điệu gốc, cũng có thể kể, ngâm, hát theo làn điệu đó, giọng đó; tất nhiên là có sự chuyển hóa bên trong, do tài năng và tâm hồn người và nhóm diễn xướng... Khả năng khắc họa hình tượng, nếu như để tạo một không khí, thể hiện một tâm trạng, thì thật là sở trường.

Đi sâu vào giai điệu, tôi vẫn gắn bó với nội dung của lời ca. Dựa trên lời thơ ấy, nghệ sĩ dân gian và người dân quê hương đã sáng tạo những giai điệu phong phú, thể hiện tình cảm và ý tưởng của mình.

Tiếng hát dân ca bay lượn trên khắp mọi miền Tổ quốc. Vì thế, khi con sáo sang sông..., cũng có thể dừng cánh trên đất Quảng Nam, đã có sự đổi mới tâm hồn. Sự di chuyển và trao đổi của âm điệu, càng thấm thía tâm tình "gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau"..., và "đến đây, phải ở lại đây, ở cho bén rễ xanh cây hãy về"...

Hãy lắng nghe quê hương ta cất lên tiếng hát.

Chèo thuyền trên sông, trên biển, lấy gỗ trên rừng, cuốc cày trên đồng ruộng, giã gạo trên sân, chăn trâu bò ngoài bãi vắng, quây quần đầm ấm trong căn nhà thân thương..., trong mọi sinh hoạt của người dân đều vang lên làn điệu quê hương, thắm thiết, trữ tình và trong sáng.

Làn điệu *hò* có hai thể loại:

- Hò trên sông nước.

- Hò trên cạn.

Các điệu hò chèo ghe - *hò đò dọc - hò đò ngang,* trên một dòng sông, không phải giữ nguyên giai điệu hay tiết tấu, mà do hình thái địa lý và dòng chảy của khúc sông, làn điệu ở mỗi nơi, có dáng vẻ và màu sắc riêng.

Hò kéo lưới với giai điệu dàn trải, khi mới buông tay lưới, nhưng rồi tốc độ tăng dần với nhịp điệu lao động, tiết tấu thay đổi, từ khi lưới còn ở xa cho đến lúc lưới vào gần bờ.

Cùng là hò chèo thuyền, lúc mái chèo buông lơi, thuyền lướt nhẹ, thì giai điệu êm đềm, thanh thản, nhưng trong cuộc đua thì giọng hò trở nên nhanh nhẹn, chắc khỏe, nhất là lúc sắp tới đích thì câu kể, lời xô dồn dập, khẩn trương.

Sinh hoạt và lao động trên cạn, trong dân gian lại có những điệu hò có tên gắn liền với việc làm cụ thể như *hò giã vôi, hò ba lí, hò giã gạo, hò đi cấy, hò tát nước, hò xay lúa, hò đạp chè...* Giai điệu và tiết tấu của chúng khắng khít với tính chất và tốc độ của từng việc làm. Thể loại hò này không bị ràng buộc bởi một thủ tục nào. Trai gái hò hát khi lao động, không hát mời trước, không hát hẹn sau.

Hát hò khoan đối đáp hòa quyện vào việc tập thể sản xuất. Nhóm bạn hò, chủ yếu là những người giã gạo, đập lúa, đạp chè, mài dừa..., có sự giúp đỡ của nghệ nhân chuyên hò, giỏi "hát kiến tại" - sáng tác kịp thời tại chỗ - ghép ý cũ và chế biến lời hát mới.

Ngày xưa, ở vài nơi trong tỉnh, hò khoan đối đáp đã được đưa lên sân khấu.

Nhiều vùng còn có *hát ống, hát đối, hát nhân ngãi, hát kết...* đều là thể loại *hát huê tình* của trai gái lúc rỗi rãi, lúc

hội hè. Các nhóm bạn hát hò đều lấy đối ý là chính. Lời hát đáp phải khớp ý, liền vần với câu của bạn hò đối. Đối ý ở đây chỉ là trai thắc mắc, gái giải thích và ngược lại, đối đáp trong từng vế, hoặc cả trổ. Đáp lại mà sai ý sẽ bị nhóm bạn chê cười. Suốt buổi hát thường chỉ với một giai điệu - mô hình chính, có chuyển hóa vài nét cho hợp với thanh điệu và tình cảm của lời hát.

Cuộc hát cũng không nhất thiết phải có mở đầu, có giã từ, mà nhiều khi suốt buổi chỉ hát nhớ thương kết nghĩa, dặn dò...

Hát đố để đố chữ, đố vật, chủ yếu là thử thách sự nhanh trí, cái hiểu biết của nhau, thường được chen vào cuộc hát, để thay đổi không khí, nội dung vẫn đậm đà tính chất trữ tình.

Hát ru, với độ nhanh chậm và sắc thái thay đổi dần, từ lúc em bé đang thức đến lúc thiu thiu ngủ, rồi ngủ say..., là giai điệu yêu thương của người mẹ, người chị... gửi gắm, dạy bảo cho em những ý tình đẹp đẽ về con người, về quê hương, về cuộc sống và xã hội.

Trong dân gian, nhiều nghệ nhân chuyên *nói vè, nói lía, nói thơ. Nói vè, nói lía* đều trình diễn vè truyện dài, nhiều tình tiết, có xung đột, diễn biến tình cảm mang tính kịch sân khấu.

Từ chất liệu vè - thể 4 từ, 5 từ - *Hô lô tô* góp vui cho trò chơi đánh số vào dịp hội hè, ngày Tết ta; tính chất sôi nổi, linh hoạt.

Lý là một thể loại ca hát đặc sắc. Từ dân gian, được nghệ nhân hát múa nhạc ở các hoạt cảnh, tổ khúc *Sắc bùa, Bả trạo...,* và nghệ sĩ hát bội tiếp nhận, chuyển hóa, trau chuốt giai điệu, sức diễn cảm càng phong phú.

Làn điệu từ cuộc *chơi xô cổ nhơn, câu thai* câu hô trong trò đánh bài chòi, chuyển hóa dần từ câu hô đơn giản đến giai điệu, trở thành thể loại diễn xướng. Lối hô quân bài trong hội đánh bài chòi trong ngày Tết ta, nhanh chóng vượt khỏi hội chơi, từ đất lên dàn, trở thành thể loại hô diễn - nhân tố ca nhạc chủ yếu của kịch hát bài chòi.

Hò, hát, vè, lý, hô bài chòi là những làn điệu chủ yếu trong thể loại ca cảnh hoặc hoạt cảnh.

Con nít chơi *đập chuồn chuồn, hu hu ve ve, họa bù rầy dùng, đố tuổi...,* vừa hát đồng dao hòa hợp vào trò chơi, thể loại *chơi + hát + học + vui* hoặc *hát + múa + học + chơi.*

Sắc bùa là tổ khúc gồm *lý* và *vè* nối tiếp nhau, nội dung có phần trừ ma yểm quỷ, nhưng chủ yếu là đuổi cái xấu, đón cái tốt, tập trung ca ngợi tổ tiên, mô tả việc làm của một số nghề (làm ruộng, nuôi tằm, đánh cá, thợ mộc v.v...), cầu chúc những điều may mắn và tốt lành cho người lao động.

Hò đưa linh hoặc *hò bả trạo,* hoạt cảnh gồm diễn xướng kết hợp cử điệu với động tác hình thể, có pha múa, thường được trình bày dưới hai dạng. Vùng biển, hò này là tiết mục trong lễ tang cá voi. Theo tục lệ của ngư dân, để tỏ lòng biết ơn cá voi thường cứu người và thuyền lúc giông tố trên biển, ai thấy và vớt xác cá voi bị chết trôi dạt vào bờ thì đứng làm trưởng nam, lo lễ tang.

Trong đám tang, để tiễn đưa linh hồn người chết về nơi yên nghỉ thanh bình, hoạt cảnh được trình diễn với một chiếc thuyền tưởng tượng, hát các bài lý, câu vè, làn điệu hát bội kết hợp với những động tác cách điệu: chèo thuyền, câu cá, tát nước, cứu

thuyền vượt qua giông tố..., thể hiện tình cảm yêu thương, nhớ tiếc người đã khuất, nhưng với tính chất lạc quan, tươi sáng, làm khuây khỏa nỗi buồn cho tang gia và bạn bè, để tin tưởng rằng người chết sẽ được về nơi vĩnh cửu, linh hồn siêu thoát.

Còn có các loại hát soi: soi môi, soi chổi, soi vung, soi quạt v.v... sinh động, hóm hỉnh, màu mè.

Do hình thái địa lý và kinh tế, do cuộc đấu tranh với thiên nhiên, chống đối lại những bất công trong xã hội và đời sống, người dân ở đất Quảng Nam có một tinh thần kiên cường, bất khuất, một tâm hồn chân thành, mộc mạc, một đời sống tinh thần sôi nổi, phong phú.

Phản ánh trung thực và sinh động cuộc sống lao động và tinh thần của nhân dân, như một bức tranh hoàn mỹ, những màu sắc của nền dân ca vùng đất này được kết hợp trong một sự hài hòa tài hoa, sâu sắc.

Từ xa xưa, nền dân ca này đã thấm vào máu thịt, hòa quyện vào tình cảm của nhân dân, tiếp sức cho cuộc đời "một nắng hai sương", thêm niềm thiết tha với cuộc sống, thêm tình yêu quê hương, đất nước.

ĐI TÌM DÂN CA CỔ CỦA HOÀI PHỐ

Trên đường đi tìm dân ca cổ của Hoài phố và vùng ven thị xã, tôi bắt gặp những câu thật gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Từ nhỏ tôi đã nghe những câu hát ru của bà nội, bà ngoại, dì và mẹ:

Thương nhau cởi áo cho nhau

Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay

với những câu nối tiếp:

Gió bay cầu thấp hay cầu cao?

Gió bay cầu nào, con nói mẹ nghe.

và:

Con sao ăn nói trớ trênh

Áo bận trên mình, sao nổi gió bay?

chưa có gì gắn bó với phố cổ, đất Quảng; tuy rằng có thể từ câu quan họ Bắc Ninh di chuyển vào miền Trung, mà nẩy nở những câu trên đây.

Cái bị đựng dân ca quê hương dần dần nặng thêm.

Để cười đùa trêu ghẹo nhau trong:

Phố Hoài có bốn nàng tiên

Hai nàng tuổi Tuất, hai nàng tuổi Thân

(là hai con chó và hai con khỉ ở đầu và đuôi Lai Viễn kiều)

Dẹp lép như đầu cá chai

Ăn tham của vợ là trai Kim Bồng

Nhọn hoắt như đầu cá nhồng

Ăn tham của chồng là gái Trà Nhiêu

hoặc:

Con trai Cẩm Phô chưa xô đà ngã

Con gái Thanh Hà chưa gả đà theo

Có câu quảng cáo bánh ngọt sống trong dân gian:

Dày công chế tạo mới nên hình

Bánh đậu thơm ngon, đường bột tinh

Quý khách phương xa nên nhớ đến

Mỹ Trân chính hiệu ở làng Minh (xã Minh Hương)

Đây là bài vè rất "phố cổ":

... ...

Trống ai to bằng trống chú Chầu

Lầu ai cao bằng lầu ông Rôbe

Chè ai ngon bằng chè ông Lục

Mủng ai nhiều bằng mủng cậu Hai

Chai ai dày bằng chai bà Đạt
Bạc ai lắm bằng bạc ông Tây
Mây ai dài bằng mây bà Muối
Chuối đâu ngon bằng chuối chợ Gò
Bò ai nhiều bằng bò Năm Thống
... ...

Nhiều nhất là câu hát trữ tình, yêu thương của đôi lứa:

Chiều chiều ra đứng gốc bàng
Nhớ anh, nước mắt hai hàng láng lai

(Ngày xưa, đường Minh Hương, tức đường Phan Châu Trinh bây giờ, có hai hàng cây bàng rất cao tuổi).

Phố Hoài bốn tháng một phiên
Gặp cô hàng xén, anh kết duyên vừa rồi

Ngày xưa ấy, có đường xe lửa chạy vòng ra lối Ngũ Hành Sơn, nhà làm chè của người Pháp (thường gọi là nhà chè ở ngã tư đầu đường Phan Châu Trinh, Nguyễn Huệ), câu hát nhắn thiết tha:

Thiếp gặp chàng tại đàng xe lửa
Chàng gặp thiếp tại cửa ông Rôbe
Mấy lời chàng dặn thiếp nghe
Thức khuya, dậy sớm, lượm chè mười hai xu
Mãn mùa chè, đệm cuốn sàng treo
Ra về, bỏ bạn cheo veo có một mình

Bạn ơi, bạn chớ có phiền tình

Mùa ni không gặp, nguyện tình mùa sau

Trăm lạy ông trời, mưa xuống cho mau

Chè kia ra đọt, thì trước sau, thiếp cũng gặp chàng.

Hoài phố - trên Chùa Cầu, dưới chùa Ông Bổn, bên ngoài Sài giang, sau lưng xóm Mới, chỉ có hai cái ngã tư - đường Lê Lợi cắt ngang đường Trần Phú và đường Nguyễn Thái Học, thường được gọi là ngã tư ông Trịnh Liên và ngã tư Diệp Đồng Nguyên - là nơi chớm nở tình yêu, họ "ưng" nhau, rồi họ bỗng nhiên phải chia tay nhau:

Ngã tư nơi chốn hẹn hò

Gặp nhau liếc mắt, dặn dò đôi câu

Chàng trao thuốc, thiếp trao trầu

Thấm tình Cẩm Lệ, mặn vôi Thanh Hà

Vì ai nên chàng cách thiếp xa

Vì ai, nên trầu héo cau già, phải lẻ đôi?

Về khuya, khi từ gốc cây đa, kèn cất lên lời gọi lính khố xanh về đồn, câu hát tạm biệt người thương, có chen từ tiếng Pháp phiên âm:

Chín giờ, kèn thổi cu-sê (đi ngủ, đi nằm)

Chào em ở lại, anh về lập binh

Đau khổ vì tình yêu mà chỉ nói với sông với biển:

Sông Trường chảy ra sông Tranh

Sông Tranh đổ ra sông Thu Bồn

Sông Thu Bồn xuôi ra cửa Đợi

Nước không lạnh sao gọi là sông Hàn?

Sông không chờ sao gọi là cửa Đợi?

Nhớ thương mây nước sông Hoài

Bến bà Tha còn đó, đâu lời sắt son?

(Dân gian thường gọi cửa Đợi, hoài: nhớ. Bến bà Tha ở Cồn Chài xã Cẩm Châu ngày nay).

Những năm chiến tranh Pháp - Đức, thực dân Pháp tuyển mộ dân ta đi đánh thuê cho chúng, những người vợ ở phố cổ sống trong nỗi băn khoăn, cái lo âu:

Kể từ lính mộ ra đi

Ở nhà, nhiều nỗi sầu bi bất bình

Việc này là việc trào đình

Đêm nằm nghĩ lại phận mình gian nan

Rủ nhau ra tới ngoài Hàn (Đà Nẵng)

Thấy đang tập lính dư ngàn, dư trăm

Thương chàng, thiếp phải ra thăm

Chàng đi qua bên nước ấy, biết mấy năm chàng về?

Nhớ những câu hát vui, những câu phản ảnh hiện thực Hoài phố, nghe và ghi những câu hát trữ tình, yêu thương, tôi hơi ngần ngại khi ở lời bình phim *Phố cổ* "Ai qua phố Hội - Chùa Cầu - Để thương, để nhớ, để sầu cho ai - Để sầu cho khách vãng lai - Để thương, để nhớ, cho ai chịu sầu".

Bà con trong phố nói rằng câu hát này mới, không thể hiện đúng tính cách và tình cảm của con người nơi đây. Tôi cảm nhận nó vô duyên, bắt chước mô-típ cũ ai...ai... và để... để... nói lòng vòng, lẩn quẩn.

Năng nhặt chặt bị, trên phố cổ yêu thương của tôi còn biết bao dân ca.

Biết bao dễ thương câu hò khoan:

Gió nam thổi xuống lò vôi

Ai về nói với bạn ta có đôi mà bạn buồn

Kể từ ngày bước xuống ghe buôn

Sóng bao nhiêu gợn, dạ chàng buồn bấy nhiêu

Cạnh buồm gió thổi hiu hiu

Nước mắt tuôn lai láng, dây lưng điều chặm không khô

Sự tâm tình thảm thiết chừng mô

Con cá lui về biển bắc, để chiếc nơm khô một mình.

TỪ NGÀY TÂY LẠI ĐẤT HÀN...

Những ngày thơ ấu của tôi, bà tôi, mẹ tôi, những chị, những dì xóm giềng trong xóm chợ Hoài phố, hát những lời ru. Thiêm thiếp, đắm chìm trong chiêm bao êm đẹp, bởi những giai điệu ấy. Và, những câu hò giã gạo, hò chèo ghe...

Thấm đượm sắc màu Quảng Nam:

Trái bồ hòn, trong tròn ngoài méo
Trái sầu đâu trong héo ngoài tươi
Thương anh, em ít nói cười
Ôm duyên ngồi đợi, chín mười con trăng

Miền Bắc gọi cây sầu đâu (thầu đâu) là cây xoan, cây sầu đông, hát chệch sầu đâu nghe buồn hơn chăng?

Chan chứa tâm tình vùng biển với miền núi:

Ai về nhắn với bạn nguồn
Mít non gởi xuống, cá chuồn gửi lên

Thắm thiết tình yêu đất nước quê hương, tấm lòng hiếu thảo với mẹ cha:

Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng(*)
Thương cha, nhớ mẹ quá chừng lắm bạn ơi

(*) Hòn Kẽm, Đá Dừng thuộc huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Thương cha, nhớ mẹ thì về

Nhược bằng thương kiểng(*), nhớ quê thì đừng

Chen giữa những lời trữ tình yêu thương ấy, nồng nàn câu hát về đất Hàn. Xuống Phố, đi Phố - tức đi Hội An. Ra Hàn, vô Hàn - tức đi Đà Nẵng. Cách nói thân thuộc, tình cảm tha thiết giữa Phố - Hàn, Hàn - Phố, chất chứa dần dần vào cái bị nhặt nhạnh dân ca của tôi giọng điệu của mảnh đất thân thương này.

Sông không chờ sao gọi là cửa Đợi?

Nước không lạnh sao gọi là sông Hàn?

Nhớ thương mây nước muôn vàn

Bến bà Tha còn đó, đâu lời nàng sắt son?

Dễ thương lắm, sông không chờ sao gọi là cửa Đợi, nước không lạnh sao gọi là sông Hàn. Có ai đấy nghĩ rằng *hàn* là *bịt kín* bởi cái vũng Thùng. Có người nói *hàn* là tiếng Melayu cổ, chỉ *bến* sông, *cửa* sông. Dân gian có cách nghĩ riêng, nói khác...

Anh thợ mộc nổi tiếng, ở bên kia dòng sông Hoài, gần đất Bàn Thạch, Nồi Rang, tạm chia tay người thương, trong câu hát nhân ngãi:

Em ơi, xa mặt xin chớ cách lòng

Nơi đất Hàn em ở, chốn Kim Bồng anh lui.

Mặn nồng quá, lời hứa hẹn của cô gái:

Kể từ Đồn Nhứt kể vô

Liên Chiểu, Thủy Tú, Nam Ô, Cửa Hàn

(*) Nếu mà nhớ cảnh, nhớ quê thì đừng.

Hà Thân, Quảng Cái, Mân Quang

Miếu Bông, Cẩm Lệ là đường vô ra

Đường lên chợ Tổng bao xa

Bước lên chợ Thượng, bao la Cồn Dầu

Lòng em đây những thảm cùng sầu

Ngó lên đường cái thấy cầu Giáp Năm

Biết bao chừ cho đến chuyến chàng thăm

Miễn ai có ngãi, mấy mươi năm em cũng chờ.

Nhiều nhất là những câu hát gửi gắm lòng yêu nước, chống thực dân Pháp:

Ở bên ni Hàn, ngó qua bên Hà Thân, thấy nước xanh như tàu lá

Ở bên Hà Thân, ngó lại bên Hàn, thấy phố xá nghênh ngang

Kể từ ngày Tây lại đất Hàn

Đào sông Câu Nhí, bòn vàng Bông Miên

Dặn tấm lòng ai dỗ đừng xiêu

Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có em

Đào vàng, đãi vàng chưa đủ ý, bòn vàng nói rõ tính chất bóc lột keo kiệt.

Dân gian chuyển đổi, thêm điều chê trách:

Ngó sang Hà Thân, nước xanh như tàu lá

Ngó về Cửa Hàn, phố xá nghênh ngang

Kể từ ngày Tây lại, Sứ sang

Làm mương Thủy Tú, đắp đàng hỏa xa

Cu li[1] *vô số hằng hà*

Thảy đều làm mướn ai mà cười ai

Cười người làm đĩ lấy Tây

Ăn hàng[2] *ngồi chợ, người ta láng lai chê cười*

Chiến tranh Pháp - Đức lần I (1914-1918), rồi chiến tranh thế giới (1939-1945), thực dân Pháp tuyển mộ lính loại ONS[3] - thợ không chuyên, thợ đụng.

Câu hát đối đáp chống đi lính đầy tớ, đánh thuế:

Lời hò hỏi:

Sớm mai, em quang gánh xuống chợ Hàn

Gặp anh giữa đàng em hỏi một câu

Tai nghe anh sắp xuống tàu

Em đem ve rượu, mâm cau trầu trả anh.

Lời hò đáp:

Ai đồn lẩn quẩn, loanh quanh

Sao em nói dại, anh giựt mình rứa, bớ em!

Lính mô chớ lính nớ ai thèm

Đi chết uổng mạng, xa em răng[4] *đành.*

---

(1) Thợ.

(2) Ăn quà vặt.

(3) Ouvrier non spécialiste

(4) Sao đành.

Trong cuộc đấu tranh của nhân dân, vai trò của người mẹ, người vợ vẫn nổi bật lên hàng đầu.

Lời ướm hỏi người không biết suy trước nghĩ sau:

Con nhà ai nho nhỏ mà to gan

Thấy người ta đi lính mộ, cũng xuống Hàn, ký tên

Về nhà, con khóc, vợ rên

Hương trên, xã dưới, bốn bên xì xèo.

Lời can ngăn rắn rỏi:

Nước sông Hàn đời mô cho hết mặn

Rừng Sơn Trà ai đốn cho hết cây

Lời nguyền anh đó em đây

Biểu(*) anh đừng đi lính cho Tây, em phiền!

Lo lắng cho số phận của chồng mình:

Chân trời lính mộ anh ra đi

Lo chàng lao khổ, chớ sá gì mẹ con tôi!

Không ngăn được sự căm phẫn, nỗi uất ức chan chứa trong lòng người phụ nữ Quảng Nam:

Nhìn chàng bủn rủn gan vàng

Tây phương, tàu biệt dặm, đoạn trường phân ly

Vịn vai chàng nước mắt chảy xuôi

(*) Bảo, nói.

Ai làm nên nỗi đôi lứa tôi thế này?
Bước chân xuống bến tàu Tây
Chân trời, góc biển, biết rày còn gặp không?
Dậm chân, đấm ngực kêu trời
Vợ chồng gần gũi chưa mấy năm trời lại xa
Xứ người, đất lạ xông pha
Cái đời lính mộ, khổ là biết bao!
Chim bay về mỏm Sơn Trà
Chàng ra đi lính mộ, xa đà quá xa
Sự này bởi tại Lang sa(*)
Cho nên đũa ngọc mới xa mâm vàng.
Tây bang đi lính khó về
Ngày xưa em có nói, anh chẳng chịu nghe nên lụy mình.

Vẫn muôn thuở những nét mô hình, làn hơi của hát ru, hò giã gạo, hò chèo ghe, chuyển hóa nhiều màu, nhiều vẻ, theo lối bẻ làn nắn điệu, từ trong trái tim phụ nữ, bay lượn trên làng quê, đem đến cho mọi thành viên của cộng đồng lòng yêu nước, yêu dân tộc, ý chí đấu tranh, tinh thần chiến đấu chống thực dân Pháp.

Nhặt nhạnh, nghe câu hát dân gian, trong tôi ngân vang lời ngợi ca của Tổ quốc về phụ nữ Việt Nam *"anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang"*.

(*) Thực dân Pháp.

Quê hương chúng ta "Từ ngày Tây cút, Mỹ sang" thì "Quảng Nam chỉ một lời nguyền, chân mày đạp đến, đất này không tha!" - mảnh đất trung dũng, kiên cường, đi đầu diệt Mỹ, với trên sáu nghìn người mẹ, đã được Đảng và Nhà nước ta tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng!"

Cả dân tộc mang ơn lời ru, câu hò truyền miệng của dân gian Quảng Nam Đà Nẵng, từ:

Tai nghe súng nổ Cửa Hàn

Giận ai không giận, giận anh chàng lưu cơ.

và:

Tai nghe súng nổ cái đùng,

Tàu Tây đã tới Vũng Thùng, anh ơi!

SẮC BÙA(*)

Tết Nguyên Đán sắp đến.

Từ tối hai mươi tám tháng chạp, thôn xóm nhộn nhịp, tưng bừng tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng sinh tiền và trống cơm tầm vung hòa hợp trong giọng hát sắc bùa.

(*) Trong *Gia Định thành thông chí* (Tập hạ - quyển 4 - mục *Phong tục chí* nói về Tết âm lịch ở Đồng Nai, Trịnh Hoài Đức có chép rằng "Đêm 28 tháng Chạp, *na nhân* (tục danh nậu sắc bùa) đánh trống gõ phách, một bọn 15 người đi theo dọc đường, trông nhà hào phú nào mở cửa ngõ thì vào dán lá bùa nơi cửa, niệm thần chú, rồi nổi trống phách lên, ca xướng những lời chúc mừng, người chủ nhà dùng cỗ bàn, chè rượu khoản đãi và gởi tiền thưởng tạ. Xong nhà này, qua nhà khác cũng làm như vậy, cho đến bữa chiều trừ tịch mới thôi, ấy là có ý đuổi tà, tống ma, trừ cũ rước mới vậy.

- Dẫn theo *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ* của Lư Nhất Vũ và Lê Giang - trang 106 - Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh tháng 2/1983.
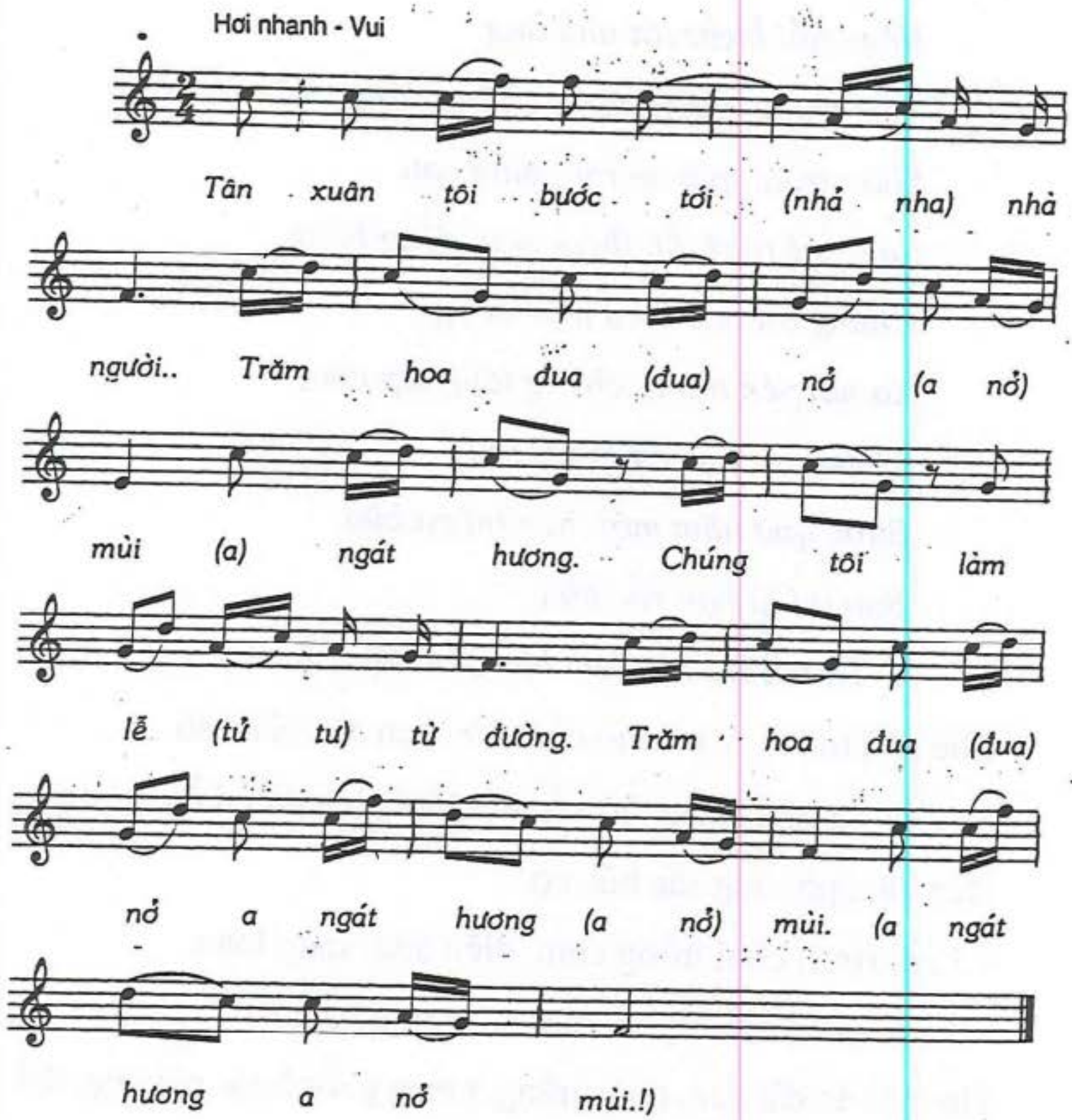
Khi phường sắc bùa đến trước ngõ của một ngôi nhà, dàn nhạc và giọng hát lại dội lên, báo tin cho bà con láng giềng.

Dân dân tứ thú

Xuân hòe thu đông

Năm mới bước tới nhà ông

Xem trước, vườn trước chẳng dồng vườn sau

Giàn trầu, giàn mướp, giàn cau

Sum suê tươi tốt, thêm giàu đồng bông

Chúng tôi báo hiệu mục đồng

Xa nơi yên thính, chung lòng tập chơi

Chúng tôi luyện tập hát vui

Bước qua năm mới, bạn tui ca bùa

Bạn tui là bạn sắc bùa

Ở Thanh Hà xã, đem bùa đến đây... (trấn đây).

Chủ nhà mở ngõ, rồi mở cửa, đón bạn sắc bùa vào.

Sau khi tự giới thiệu, họ xếp đội hình, bắt đầu diễn xướng.

Ban đầu, phường sắc bùa có:

- 3 *cái* (trai) chơi trống cơm, diêu dâu, song loan.

- 3 *con* (trai) mỗi người một bộ sinh tiền

Họ mặc áo dài đen, quần trắng, mang gươc hoặc giày hạ, đội khăn xếp.

* *Đội hình*

(Lúc chưa biểu diễn)

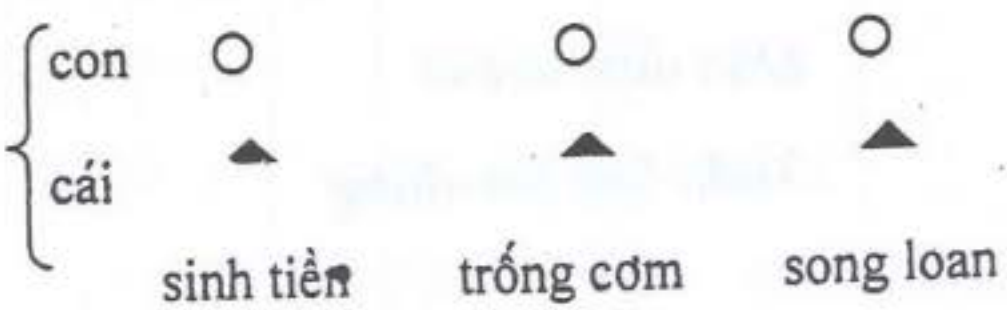

** Chương trình diễn xướng:*

- Phần I:

+ Mở ngõ - Biểu diễn *đua sinh*(*)

+ Tạ miếu Thổ thần (ở ngoài vườn)

+ Vào nhà - Mở cửa

+ Tạ các trang thờ Ông Táo, Quan Công (thường gọi là Quan Ông) Bà, Tiên sư, Thổ địa.

+ Trấn bùa (dán bùa)

+ Hát chúc chủ nhà (tùy theo nghề của chủ nhà: làm ruộng, nuôi tằm, thợ mộc v.v... mà có bài hát chúc).

Chủ nhà mời phường tạm nghỉ để ăn bánh, uống nước.

- Phần II: Hát từ giã chủ nhà và người xem.

Vào giai đoạn phát triển của sắc bùa, phường có sự thay đổi với:

+ 6 *cái* (trai) chơi trống cơm, diêu dâu, đàn cò, kèn nhỏ, sáo trúc, song loan (có thể bớt một nhạc khí, để thêm một song loan).

+ 6 *con* (gái) đều cầm mỗi người một bộ sinh tiền. Lúc dâng rượu, họ cầm bình rượu và cốc: lúc múa đèn, họ cầm đèn chậu.

+ 1 trai đốt đèn, rót rượu lên các bàn thờ, đưa đạo cụ cho cái và con.

(*) Trong tổ khúc *Sắc bùa*, có hai bài lý hát về truyền thuyết cái trống cơm và bộ sinh tiền ((miền Bắc gọi là sênh tiền). *Đua sinh* là lối trình diễn nghệ thuật xóc sênh tiền. Tên thường dùng trong dân gian.

Con trai mặc như trước đây.

Con gái mặc áo dài đen, quần trắng, cổ đeo kiềng bạc, tai đeo bông, cổ tay đeo xuyến, thắt dây lưng màu.

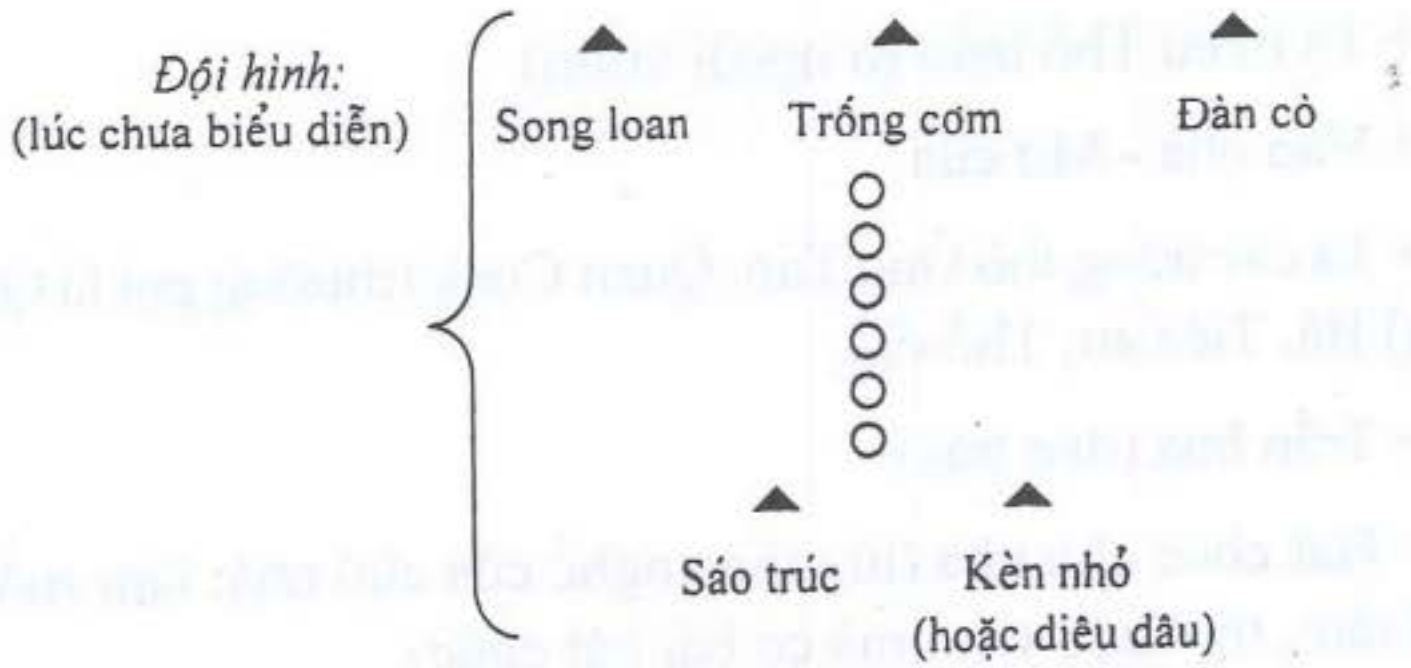

* *Chương trình diễn xướng:*

- *Phần I* - Vẫn như trước đây

Tạm nghỉ

- *Phần II*

+ Hát chúc chủ nhà được trình diễn như cuộc liên hoan nhỏ hát múa nhạc, gồm hát nói, các điệu vè, bài lý, hòa tấu khí nhạc, đua sinh (hát múa kết hợp thay đổi đội hình).

+ Hát từ giã chủ nhà và người xem.

Trong dân gian, làn điệu sắc bùa được thuộc lòng, hát lên:

Vui vầy trống vỗ đờn ca

Chúc mừng các bạn tới nhà chơi xuân

Tai nghe tiếng trống thậm ưng

Xui lòng, bạn tới vui chung, ca bùa

Bạn tới chơi một chặp hằng lâu

Bọn tui cúi đầu, dâng hai chữ bình an...

Phần I, các nghi thức cúng tạ các miếu, các trang thờ Thổ Thần, ông Táo, Tiên sư các nghề nghiệp v.v... Trấn bùa gắn liền với nội dung đuổi tà tống ma, trừ cũ rước mới.

Nội dung làn điệu sắc bùa chủ yếu phản ánh một số nét về đời sống của người lao động. Thể hiện ước mơ về một cuộc sống hạnh phúc, lâu dài.

Cuộc diễn xướng chú trọng phần II, với những bài hát chúc những gia đình làm những nghề khác nhau như "Chúc gia đình làm ruộng", "Chúc gia đình dệt vải", "Chúc gia đình nuôi tằm", "Chúc gia đình làm biển" v.v... Lời hát miêu tả và ca ngợi việc lao động như trong lời xô của bài "Chúc gia đình thợ mộc":

Thợ mộc, thợ mộc

Đẽo bào, ky cúc

Chạm trổ tối ngày

Khéo léo chân tay

Đường vân chỉ dặm

Lèo gường, lèo ghế

Chỉ liễn ngoài trong

Ông thợ khôn ngoan

Ai ai cũng muốn

... ...

Những bài hát này đều gồm hai phần. Phần một do *cái* kể, nói lên cách hiểu của người lao động về cội nguồn và lịch sử của mỗi nghề; phần do *con* xô, miêu tả sinh động những việc làm của từng nghề.

Phần II của chương trình diễn xướng mang tính chất nghệ thuật trội hẳn phần I chi đậm nét nghi thức, lễ cúng theo phong tục tập quán.

Trên đường vào đất mới miền Nam, qua cuộc hành trình từ Nghệ An vào Quảng Nam, Sắc bùa vẫn giữ nguyên lối trình diễn nhưng tính chất và sắc màu có phần thay đổi, giai điệu chuyển hóa theo thanh điệu của từng mảnh đất mà sắc bùa nương náu(*).

Có thể gặp lại lối nói vè của thể 4, 5 từ ở đội sắc bùa Thanh Châu (xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên) do ông Ngô Phước dắt dẫn; giai điệu hơi chải chuốt, mềm mại.

BÀI HÁT CHẠM NGÕ (đoạn trích)

Xuân Xuân Xuân, tất cả vài ba năm, Xuân chín chục

Tết Tết Tết, trong mười hai tháng, có ba ngày.

Kể ra ba vạn sáu ngàn ngày, phỏng chừng năm cái Tết

... ...

(*) Trao đổi ý kiến với nhạc sĩ Lê Hàm (Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An) về nguồn gốc sắc bùa.

Hát trấn bùa
(Đoạn trích)

Nhóm nhạc Văn Công F 324 ghi âm
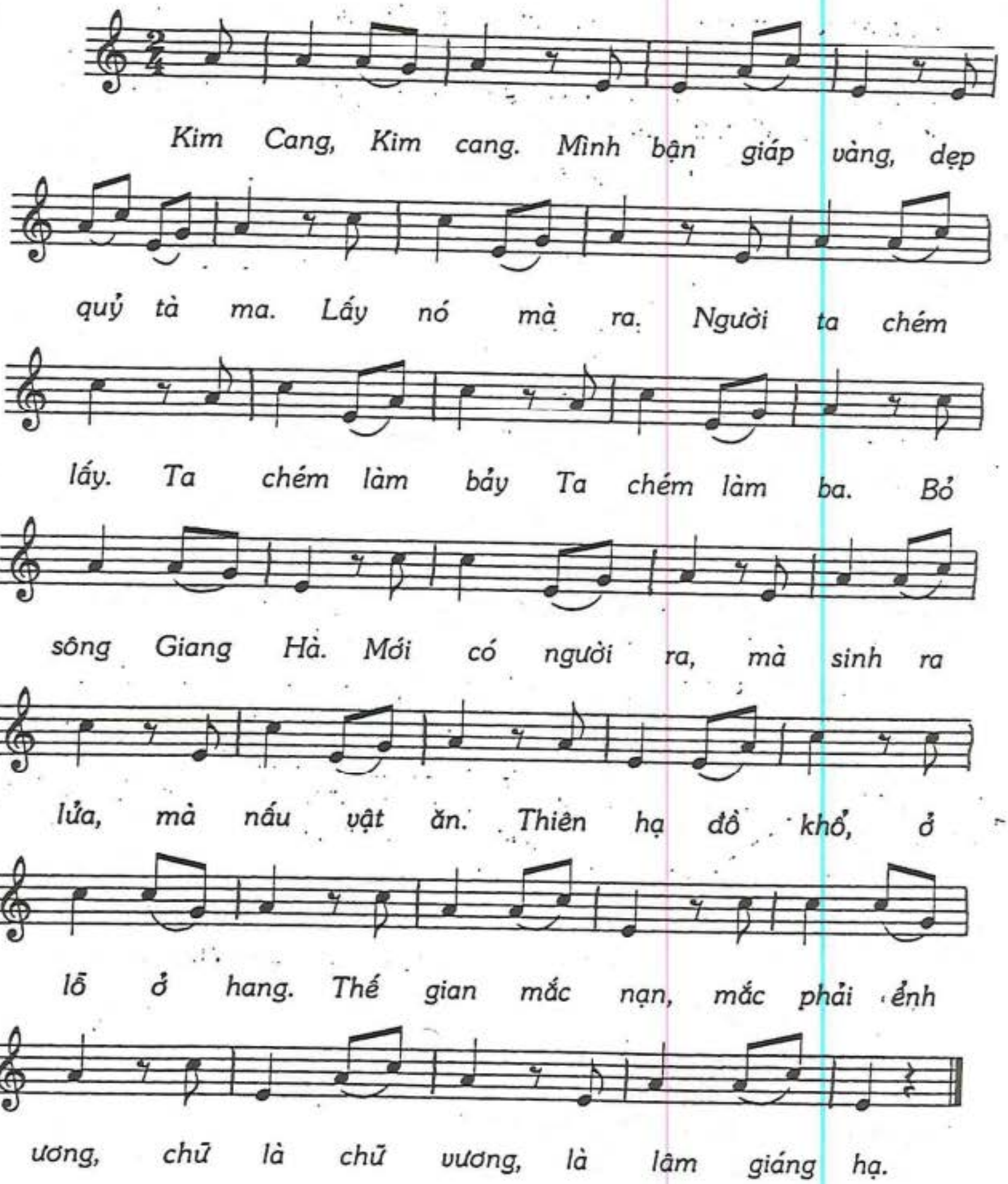
BÀI HÁT CHẦU[1]

Cái kể: Tống cựu nghinh tân, trai tui xin dâng một đường chúc thọ. Nay mừng quan họ được đông vãn xuân lai. Trên tư đường, hương xạ thơm bay, dưới con cháu được ca cù kích nhượng. Ân dày, nghĩa trọng, đạo làm con, dĩ hiếu vi tiên, trên bốn phương rạng rỡ hương đèn, ngoài tám cõi siêu siêu đà ảnh hưởng. Giữa[2] tiên án, nghê chầu, phượng lộn, trên người thờ tổ tiên nguy nga, bên ngoài treo liễn đối, màn hoa, dưới chiếu miến, giường tàu nghi vệ. Phụ truyền tử kế, phải người thờ hương hỏa bách niên.

Vào hát tịch:

Nhóm nhạc Văn công F324 ghi âm
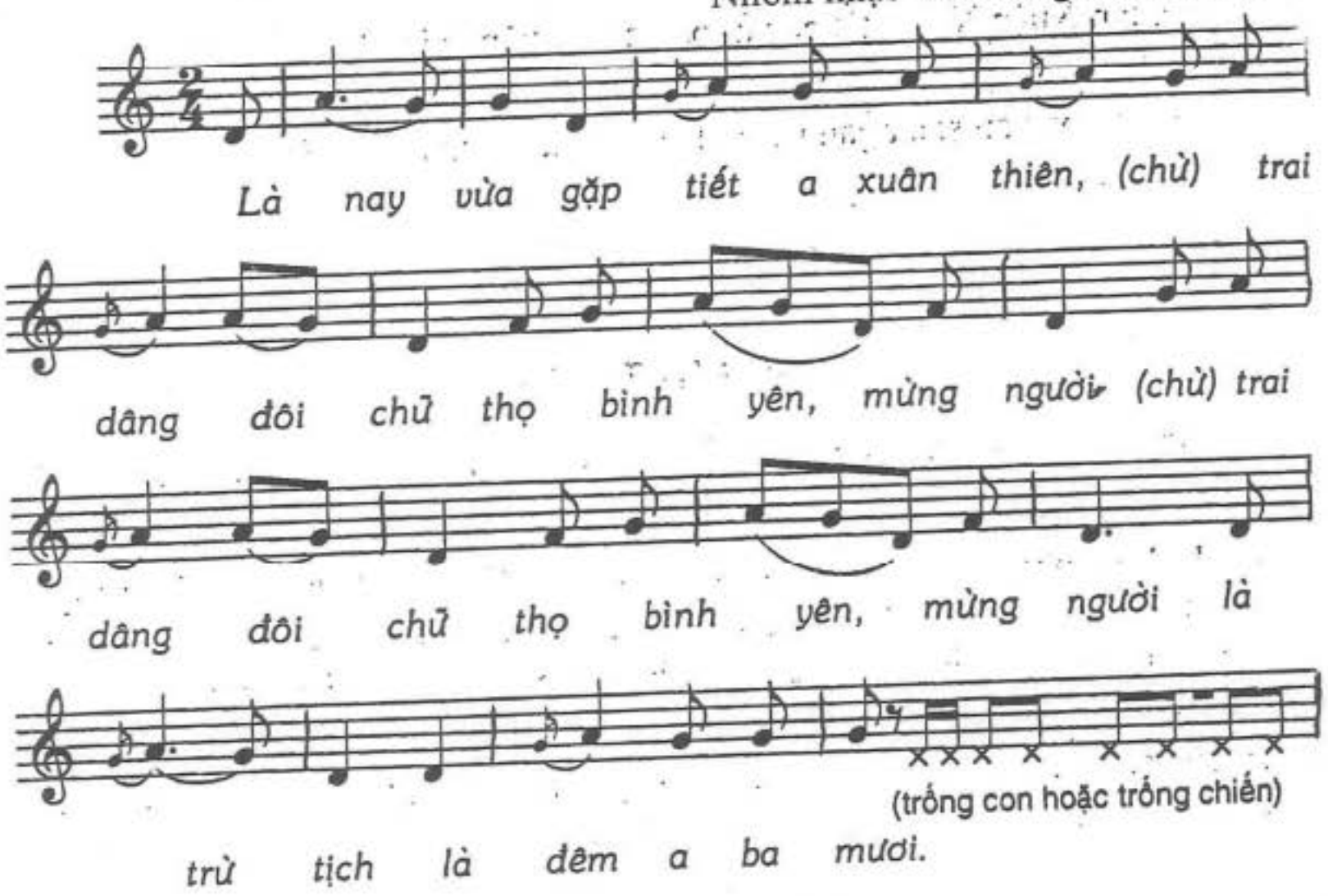
---

(1) Sắc bùa Tây Châu, Kỳ Châu, Kỳ Anh.

(2) Bản chính ghi là "Trửa", theo thổ ngữ.
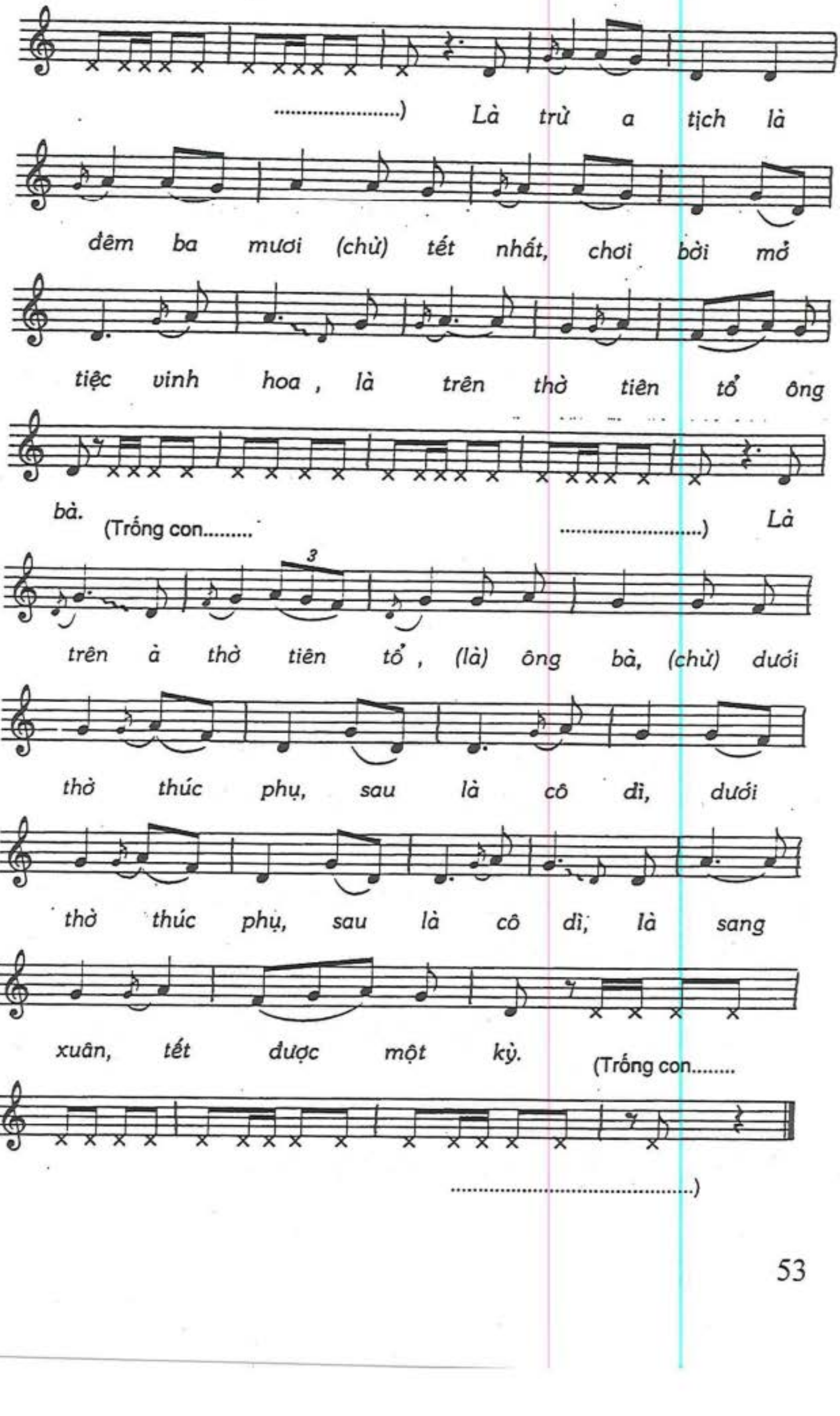
.....) Là trừ a tịch là
đêm ba mươi (chử) tết nhất, chơi bời mở
tiệc vinh hoa , là trên thờ tiên tổ ông
bà. (Trống con..... .....) Là
trên à thờ tiên tổ , (là) ông bà, (chừ) dưới
thờ thúc phụ, sau là cô đì, dưới
thờ thúc phụ, sau là cô dì, là sang
xuân, tết được một kỳ. (Trống con.....
.....)

LỜI HÁT NHÂN NGHĨA ĐỪNG QUÊN

Trên trời có đám mây xanh
Chính giữa mây trắng, chung quanh mây vàng
Ôi là phụ tình phàng
Chừ là duyên chi lắm bấy
Chừ cái dạ em trông chàng, mà không thấy chàng đâu
Ôi ông chồng, chồng mình ơi
Chi mà tệ, tệ lắm chàng!
Chi mà bạc, bạc lắm chàng!
Chừ nín, nín đi con, con ơi, con hỡi là hỡi, con hời
Thiếp nhắn một lời, xin chàng chớ có quên...

Người vợ chê trách người chồng ra đi không bao giờ trở lại. Mở rộng ra, tình cảm của điệu lý nhắn nhủ những ai quen lối sống bội bạc, phũ phàng.

Điệu lý cũng gợi chúng ta nhớ đến những hòn vọng phu và những truyền thuyết về những câu chuyện đáng thương ấy trên đất nước chúng ta.

Trên đỉnh núi bên cửa biển Đề Gi (huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định), một người vợ bồng con mong chồng.

Và trên quãng đường từ Phú Yên vào Khánh Hòa, ở rặng núi ăn sát ra biển, từ độ cao hơn 300 mét, sừng sững hình tượng người mẹ ấy, tay bế con, tay dắt con, đôi mắt nhìn vào bao la như còn hy vọng gặp lại người thương.

Trời cao, biển rộng, giữa vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, dựng vút lên tấm lòng chung thủy thiết tha, cất lên rực sáng lời yêu thương đằm thắm.

Ca sĩ dân gian kể lại đoạn kết của những truyền thuyết ấy:

Giai điệu chậm, buồn buồn...

Một trong những truyền thuyết ấy, kể với chúng ta:

"Ngày xưa ở làng Chính Uy, có hai anh em (1 trai, 1 gái) còn nhỏ tuổi, sống với mẹ. Một hôm, nhà phơi thóc, mẹ bảo con đuổi gà. Người con trai nhặt hòn đá ném gà, không ngờ trúng phải đầu em, máu ra lênh láng. Mẹ giận, mắng nhiếc, rồi đuổi con trai đi. Người con trai sợ quá, trốn nhà đi biệt, đến hơn 20 năm mới trở về nhà thì mẹ đã chết, còn em gái thì lưu lạc nơi nào không biết.

Trơ trọi, anh ta bèn ở lại làng ấy. Sau đó, anh ta lấy vợ người làng bên, sinh được 1 trai 1 gái.

Một hôm, nhân lúc rỗi rãi, chồng bắt chấy cho vợ, thấy vết sẹo trên đầu vợ và câu chuyện cũ được vợ kể lại, làm anh ta hiểu rõ sự thật. Sau đó, anh theo thuyền, nói dối vợ là đi buôn, nhưng thật ra là đi cho biệt tông tích. Vợ ở nhà mỏi mòn trông đợi, thường dắt và bế con lên núi, ngóng ra biển, rồi đứng đấy mãi và đều hóa thành đá.

Ở miền Bắc, cũng có nhiều hòn vọng phu (Lạng Sơn, Vịnh Hạ Long, Thanh Hóa).

Người dân Thanh Hóa yêu quý hòn vọng phu của quê hương mình:

Vọng phụ đẹp cảnh Núi Nhồi

Có người chinh phụ mắt ngời đăm đăm.

Và đất Lạng Sơn thì:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

... ...

Qua cầu Kỳ Lừa vắt ngang dòng sông Kỳ cùng, chúng ta nhìn rõ bóng nàng Tô Thị. Nàng Tô Thị tức là hòn vọng phu.

Chuyện xưa kể lại rằng:

Nơi đây, có người con gái đẹp tuyệt vời, lớn lên lấy chồng, sinh được một con, rồi chồng đi vắng, đi vắng mãi mãi... Thế rồi chiều chiều, người đàn bà họ Tô bồng đứa con thơ, đứng trên đỉnh núi, ngó về phương Bắc ngóng, đợi mong lâu dần, hóa đá. Vì hình tảng đá giống người, nên có chuyện như thế hay vì tình người kiên trinh như sắt đá, nên có chuyện như thế. Dù sao đi nữa, người nơi đây, sông núi nơi đây, vốn lâu đời gắn bó cùng nhau, càng làm rạng rỡ cho đất nước.

Những ngày nắng đẹp, chăm chú nhìn lên phía nàng Tô Thị, có lúc ta cảm thấy như hai vai nàng rung rung, cánh tay và tấm áo cũng hơi rung rung, hình khối người đẹp nổi bật trên nền trời xanh, làm phơ phất những làn mây trắng nõn. Tiếng gió rì rào đâu đó cũng gợi cho khách quan mường tượng tới âm thanh nhè nhẹ, dặt dìu của nàng đang ru con vào giấc ngủ, với những câu hát dân gian ngày xửa ngày xưa.

Vọng phu Tô Thị, từ bao đời nay, đã là những đề tài gợi cảm cho nhiều nét vẽ câu thơ. Cách đây hai thế kỷ, khi lên công cán xứ Lạng, Nguyễn Du, tác giả truyện thơ dài tuyệt tác Truyện Kiều, đã từng làm thơ vịnh người, vịnh núi. Trong đó có những câu:

Thạch da, nhân da bỉ hà nhân
Độc lập sơn đầu thiên bách xuân
Vạn kiếp hiển vô vân vũ mộng
Nhất trình lưu đắc cổ kim thân
Lệ ngâm bất tuyệt tam thu vũ
Đài triện trường minh nhất đoạn văn
... ...
Đá chăng? Người chăng? Đó là ai?
Đứng sững đầu non nghìn năm rồi
Muôn kiếp mây mưa, không vướng mộng
Lòng son nay trước trọn bao đời
Mưa thu châu lệ lòng không dứt
Rêu biếc văn chương chép đoạn dài
... ...

Trong tổ khúc "Sắc bùa" hát múa mừng xuân, bên cạnh những lý vè tươi tắn, sinh động chúc tụng công việc làm ăn của người làm ruộng, để tằm, thợ mộc, được phát tài, phát lộc, ca sĩ dân gian lại cho chen vào giai điệu "Lý vọng phu". Tất nhiên, người hát có dụng ý thay đổi màu sắc cho bức tranh ca

hát của mình, không phải để chê trách, thở than (vào năm mới, ai nấy chỉ mong ước điều vui, điều may mắn). Mà cái nét trữ tình ấy là để ngợi ca lòng chung thủy, nhắc nhở cách sống trọn điều nhân nghĩa.

Câu ca miền Bắc, điệu lý miền Nam, cả hai đều đẹp. Cái đẹp của thiên nhiên đã được nhân dân khám phá, vừa cải biên nó, và với tài năng của mình, đưa cái đẹp vào đó, vì những đòi hỏi về đời sống tinh thần của mình.

Lý vọng phu

Nhóm nhạc Văn công F 324 Ghi âm
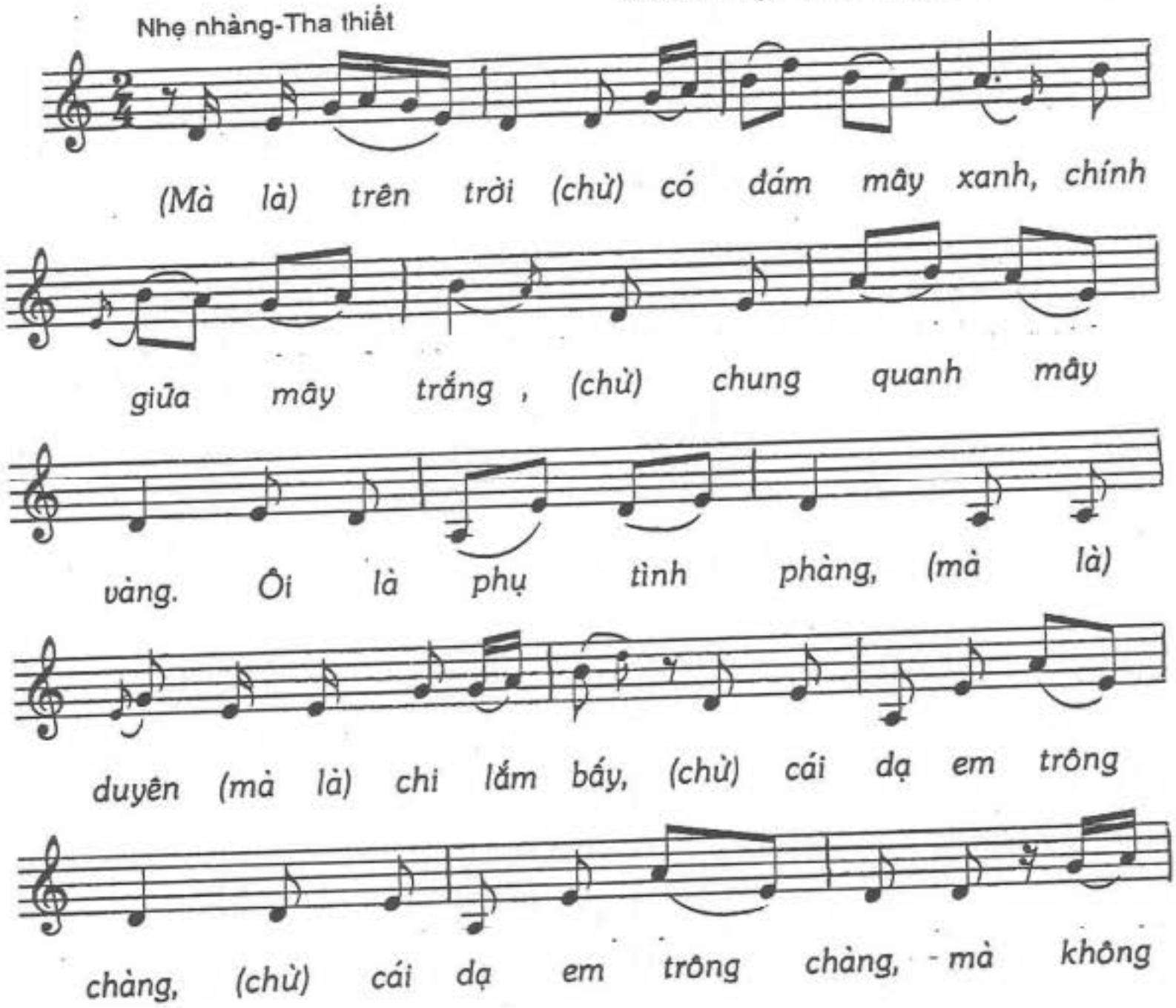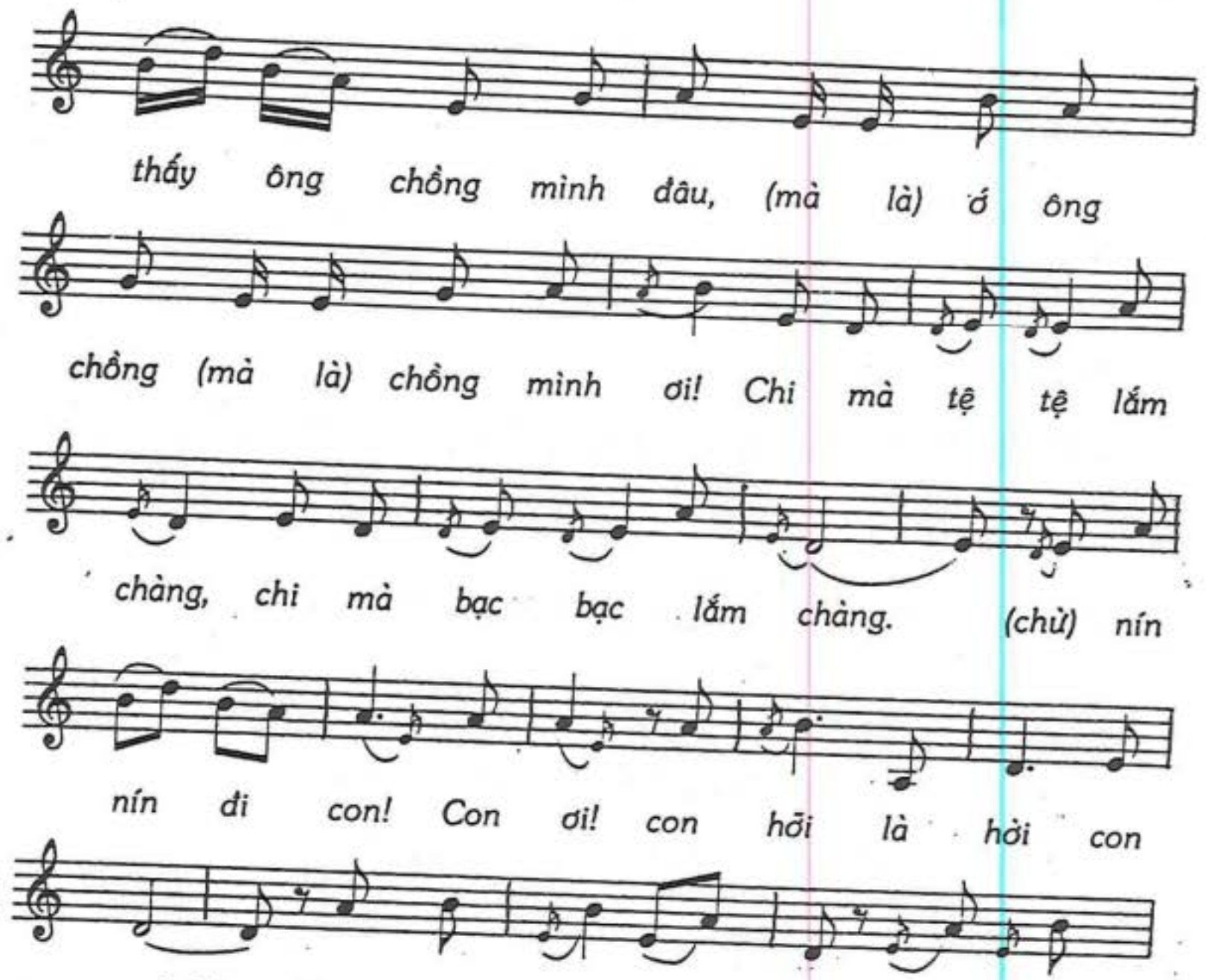
thấy ông chồng mình đâu, (mà là) ớ ông
chồng (mà là) chồng mình ơi! Chi mà tệ tệ lắm
chàng, chi mà bạc bạc lắm chàng. (chừ) nín
nín đi con! Con ơi! con hỡi là hỡi con
hỡi! Xin nhắn gửi một lời, nhân nghĩa
bạn (mà là) quên đừng quên, (mà là) ớ ông
chồng (mà là) chồng mình ơi! chi mà tệ tệ lắm
chàng! chi mà bạc bạc lắm chàng!

ĐUA SINH

HỒI NHẤT:

Biểu diễn sinh tiền 3 hồi 9 chặp.

Nhạc cổ bá lịnh.

HỒI NHÌ: Đua sinh kết hợp *nói vè,* chuyển xuống *hát lý*

NÓI VÈ:

CÁI: Mộc trực nhứt sinh trừ cựu tế

Bàn đào vạn hội canh tân xuân

Nhớ thuở xưa, trời đất chưa phân

Nay mới có dân an, vạn phụ

CON: Dân dân tứ thú

Xuân hòe thu đông

Xuân hòe thu đông

CÁI: Nay chúng tôi báo hiệu mục đồng

CON: Xa nơi xa yên thánh

Xa gần tập chơi

CÁI: Chúng tôi tập luyện hát vui

Bước sang năm mới bọn tui ca bùa

Bọn tui là bọn sắc bùa

CON: Ở ăn sạch sẽ, đem bùa trấn đây!

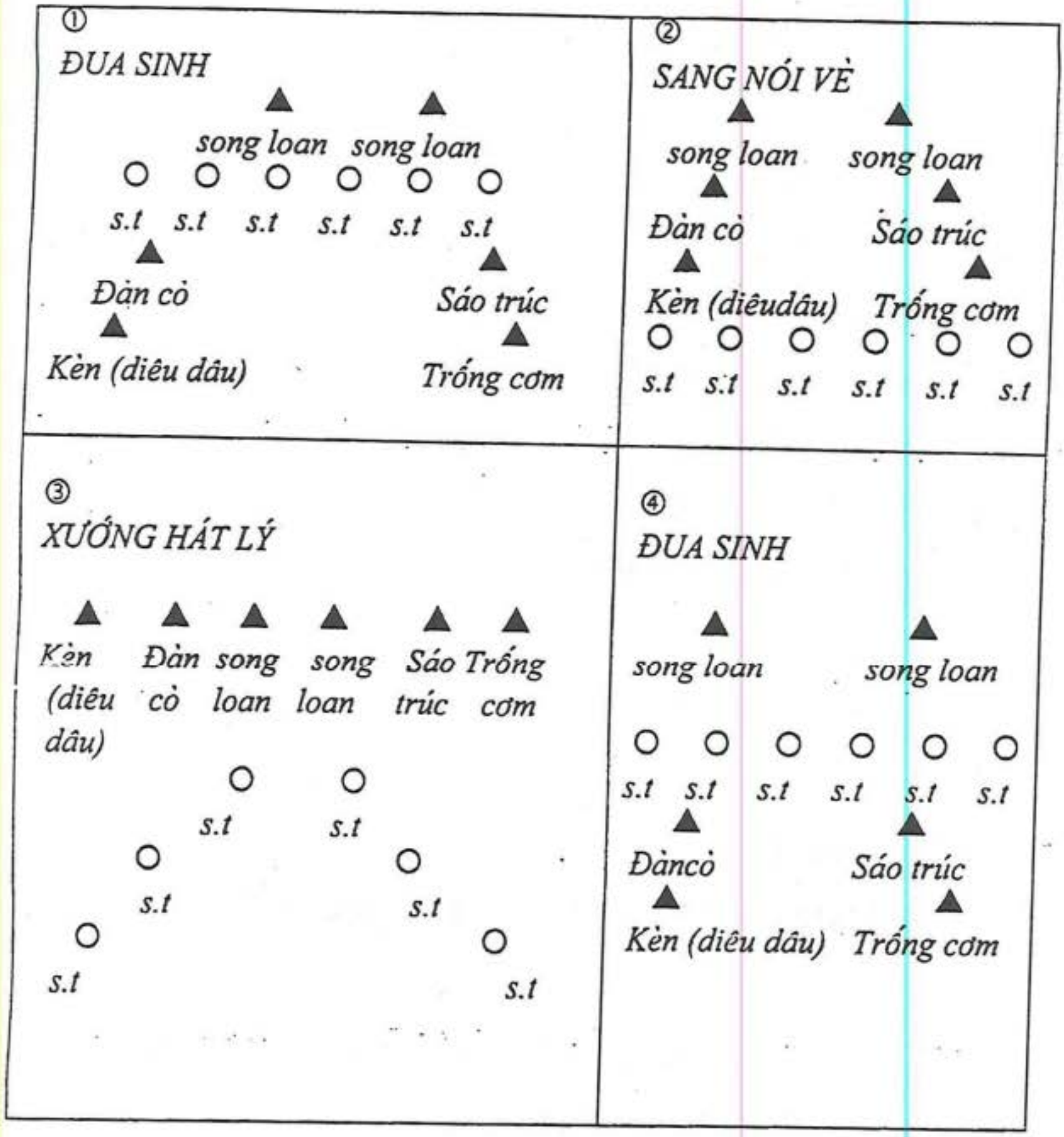

Nhà nào còn đèn còn lửa
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào
(Trông) Bước lên gường cao
thấy đôi rồng ấp
(Ngó) Bước xuống gường thấp

thấy đôi rồng chầu
Bước ra đằng sau
thấy nhà ngói lợp
Voi ông còn buộc
Ngựa ông còn cầm
Ông sống một trăm
Thêm năm tuổi lẻ
Vợ ông sinh đẻ
Những con tốt lành
Những con như tranh
Những con như đối.

Một số bài vè:

CHÚC GIA ĐÌNH LÀM NGHỀ NÔNG

Cái kể:

Nhớ xưa Nghiêu Thuấn (Khi *cái kể* xong thì *con xô)*
Người ở non Lịch sơn
Mộng thấy quý nhơn
Xuống cày giúp ruộng
Chim kia liền xuống
Cắn cỏ mà tha
Thiên hạ đồn xa

Như vua Nghiêu thấy lạ
Rước gả hai nàng
Bạch thị, Nga hoàng
Trong ý sinh ra
Thuộc việc nông trang
Dạy dân bắt chước
Lập ra vườn tược
Từ ấy đến nay
Có bụi cốc để làm giống má
Mấy đám gò khai phá
Dòng lưu thủy lấp bồi
Có đôi trâu ở núi Đông lôi
Trời sai xuống giúp dân làm ruộng
Thần Nông rộng lượng
Dạy dân đóng cày bừa
Phút bây chừ điều gió thuận mưa

Con xô:

Làm ruộng, làm ruộng
Cày lên trở xuống
Cuốc góc đắp bờ
Chỗ sâu ta chừa
Chỗ gò ta dựng

Mấy chỗ khô cứng
Trăn trở cho mềm
Kêu các chị em
Nhổ mạ cùng cấy
Không cấy lúa bén
Cùng là nhe đen
Ai ai cũng khen
Ruộng này đã tốt
Bông dài đuồn đuột
Dé thẳng mà dài
Có gái có trai
Trâu xe, trâu chở
Trong nhà rực rỡ
Nhà dãy nghênh ngang
Đầy hết kho tàng
Đủ ăn đủ để.

CHÚC GIA ĐÌNH LÀM NGHỀ TRÊN BIỂN

Cái kể:

Nhớ xưa Vương mẫu
Mộng thấy nhện giăng

Dạy dân làm ăn

Lưới săn lưới cá

Sắm thuyền cùng dã

Nò, rớ, đáy, đăng

Mặc sức biển sông

Giàu lòng bủa kéo

Hôm mai gió dịu

Cá chở hai thuyền

Ông bà cho ăn

Nghề ngư thong thả biển đông

Mành phơi, lưới bủa, dập dìu chiều mai

Buổi mai cho chí xế chiều

Thợ nào bạn nấy, bủa nhiều lắm thay

Chở vô, ta bán bằng nay

Tiền trăm bạc chục, thợ bạn rày chia nhau

Mặc sức, chủ, bạn, thợ làm giàu

Thờ cha, kính mẹ, mai sau đặng nhờ

Chung tình, chủ, thợ, bạn đồng ưng

Các nghề sắm đủ đã vừa lòng ông

Con xô:

Đẩy lưới, đẩy lưới
Lưới quét, lưới quanh
Lưới mành, lưới lội
Cá bè, cá đối
Cá trích, cá móm
Cá thu, cá giống
Ông mới đổ đống
Đổ đống đầy nhà
Ông mới chia ra
Nhiều thằng cũng đỡ
Không một mình ta.

Mỗi phần chục gánh
Rồi ông sẽ tính
Có đứa mấy phần
Đứa nào ở gần
Thì hay đi sáng
Mất phần cũng đáng
Mất phần cũng ưng
Kẻ cất, người đừng
Làm cho nó sợ.

CHÚC GIA ĐÌNH THỢ MỘC

Cái kể:

Nhớ xưa, có ông Lỗ Ban
Tài trí khôn ngoan
Chạm con diều gỗ
Đã bay lại đỗ
Cho cha cưỡi chơi
Cưỡi qua nước người
Nước Ngô bèn giết
Làm người thương tiếc
Làm kẻ mến ta
Ngài mới hóa ra
Một con nợm(*) gỗ
Ngón tay lồ lộ
Chỉ qua nước Ngô
Chỉ qua nước Ngô
Hạn hán ba năm
Lúa mạ cháy khô
Dâng lễ, dâng vật
Đem qua thú tạ

(*) Bù nhìn

Gẫm người cũng lạ
Bèn bứt ngón tay
Nước Ngô mưa rày
Phong điều vũ thủy
Nhỏ mà có chí
Lớn lại có công
Truyền xuống cho dân
Học nghề thợ mộc

Con xô:

Thợ mộc, thợ mộc
Đẽo bào ky cúc(*)
Chạm trổ tối ngày
Khéo léo chân tay
Đường vân chỉ đậm
Lèo gường lèo ghế
Chỉ liễn trong ngoài
Ông thợ khôn ngoan
Ai ai cũng muốn
Lệnh trên phán xuống
Thưởng thợ bằng vàng
Phú quý giàu sang.

(*) Cù lần

CHÚC GIA ĐÌNH THỢ DỆT

Cái kể: Nhớ xưa Lữ Vọng ở chốn Thạch Bàn
Việc dệt, cùng truyền lại cho ta
Bông Đồng Nai người mới cho ra
Gió[1] Trà Kiệu, Quảng Nam đưa lại
Bông nhiều, tiền ít, giá nổi băm hăm[2]
Đem bông về cán, về bán lăng xăng[3]
Giá bán giỏi giang,
Trăng rằm tỏ rõ
Xe con cúi nhỏ, sạch rác dễ làm
Quây cho sẵn sàng, chị em làm vải

Con xô: Làm vải, làm vải
Nào ai truyền lại
Cho chị em ta
Sắm quay cùng xa
Cầm cung, ống giựt
Sắm ống, sắm trục
Sắm gỗ, sắm go
Nào ai truyền cho

---

[1] cây vỏ gió
[2] rối rít
[3] giá lên nhanh.

Là cái xa cán

Bày ra giàn giạn

Là cái vày tay

Ngó lên trên đầu

Là con mỏ ác

Ngó xuống bàn đạp

Có cây đòn dông(*)

Bông ra làm vải

Lời lãi vô song

Lúa đổ đầy nong

Tiền chôn đầy chĩnh

Sớm mai thủng thỉnh

Đi chợ bán chơi

Lời lãi vô hồi

Vải này rộng khổ

Tiền chôn đầy lỗ

Lúa đổ đầy nhà

Bảo hộ toàn gia.

(*) Quay xa, cầm cung, ống giựt, ống, trục go, xa cán, vày tay, mỏ ác, bàn đạp, đòn dông: tên dụng cụ trong nghề dệt.

CHÚC GIA ĐÌNH NUÔI TẰM

Cái kể: Tây Lăng buổi trước
Người ở chốn Bồng Lai
Có đôi tằm ở non đoài
Giữ một lá buồm tang(*) ăn hết
Ăn rồi, lộn kiếp, làm ổ trên cây
Đức Nữ bà lấy giống về rày
Ươm làm chỉ, thêu hoa, dệt gấm
Tây Lăng ngồi ngẫm, hỏi giống đó là chi?
Á ngư nói "tằm kia sinh vật"
Tây Lăng nghe được, cho xuống hạ trần
Rao dân phàm đâu đó, xa gần
Đều bắt giống để tằm thay thảy

Con xô: Để tằm, để tằm
Để lứa đầu năm
Để tằm thành tốt
Đến chừng ăn mốt
Cho chí ngủ lên
Vận khá làm nên
Tràn nong, tràn đuổi
Ống tằm đặm đuội

(*) Tang: dâu tằm ăn.

Cái kén vàng hườm
Mớ bán, mớ ươm
Tơ tơ, lụa lụa
Cậu giàu thóc lúa
Lại có tơ tằm
Các vật đủ ăn.

TẠ TRANG THỜ ÔNG TÁO

Cái kể: Xưa, một mụ thờ kính hai chồng
Thiệt bổn tuy mạng là tôi chúa
Khi nước loạn, đến cơn đồ khổ
Lửa hỏa lò đầm ấm, nhảy vào
Trên đức bà chẳng biết làm sao
Nên cũng quyết theo chồng mà thác
Bà thấy vua xiêu lạc, quyết theo chúa một đàn
Ngọc đế thấy thác oan, phong Táo quân chưởng hỏa

Con xô: Này lời tui (tôi) tạ ông Táo tiền
Hăm ba tháng chạp, triều thiên bảy ngày
Đêm ba mươi tui (tôi) rước ông về rày
Táo tiền an tọa, cũ ra, mới vào

Cùng xô: Ông táo, ông táo
Ai ở có đạo

Ngài cũng chép biên
Dâng lên thượng thiên
Ngài chầu Ngọc đế
Ai ở phi lễ
Táo coi bằng
Ngài vị mắc lòng
Mừng quân chớ chấp
Soi xét loài gian
Chủ trạch bình an.

TẠ BÀN THỜ ÔNG BÀ

Cái kể: Tân xuân, bước tới nhà người
Trăm hoa đua nở, nở mùi ngát hương
Cháu con làm lễ từ đường
Xin ân con cháu chơn đường sống lâu
Nguồn ân biển ái thâm sâu
Vàng phai danh thống, bạc đầu ca ngâm

Con xô: Giải đồng tâm kết làm chéo áo
Giữa giang hồ sáo thổi quần y
Chung tình, rượu rót ngỏa nguê
Say vui non nước, dầm dề ngãi nhơn
Lá mẫu đơn tốt hơn đề đạm
Giữa giang hồ, sáo thổi quần y

Cái: Nay tôi dâng chữ phú quý làm giàu

Con: Giàu mà giàu có họ hàng đôi bên

Cái: Nay tôi dâng chữ thành là nên

Con: Thành mà thành trị đôi bên ông bà

Cái: Nay tôi dâng chữ hòa là hòa

Con: Hòa mà hòa hiệp, ông bà sống lâu

Cái: Nay tôi dâng chữ thọ sống lâu

Con: Thọ mà thọ phước, trước sau thanh nhàn

Cái: Vui vầy trống vỗ đờn ca

Con: Chúc mừng các cậu tới nhà chơi xuân

Cái: Tai nghe tiếng trống thậm ưng

Con: Xui lòng các cậu tới nghe tui chung ca bùa

Cái: Các cậu tới chơi một chặp hằng lâu

Con: Bọn tui (tôi) cúi đầu, dâng hai chữ bình an
Sau khi đã dán bùa (trấn bùa)

Cái kể: Bùa tấn trạch đông phương đã đủ
Bốn xuân hòe, tám tiết đều vui
Tướng tà tinh đã sợ chạy lui
Hình nhập một, bọn ta ngồi xuống

Cùng xô: Ngồi xuống, ngồi xuống
Gió reo cuồn cuộn
Gió thổi hiu hiu
Chiếu trải sắp bài
Nhà tơ, gối gấm

Nhà giàn, đụn lẫm
Chuồng chật heo, dê
Chuồng chật heo, dê
Con, rể đều về
Gia đình sum ấm

Đội sắc bùa ra về

Cái kể: Chúng tôi tới vui chơi hỉ hạ
Chúng tôi ra về, từ tạ lui chân
Hương lộc tổ tôn hành tài năng thọ phước
Chúc phước rồi lại chúc tài
Chủ ở lâu dài, ra về, tạ chủ
Anh danh, khách quý đều ra

Con xô: Chúc cho nội gia thịnh vượng, sống lâu

Cái kể: Sang giàu, thạnh ruộng, lợi trâu

Con xô: Tổ tôn phước nối, công hầu quyền phong

Cùng xô: Đi ra, đi ra
Mến kiểng, mừng hoa
Trong nhà mến khách
Khách đi có lợi
Chủ ở có tài
Mến kiểng, tiền lai
Bước qua năm mới
Chúng tôi rày, chúng tôi lui...

XỔ CỔ NHƠN

HÔ THAI

NGÀY XUÂN CHƠI HỘI XỔ CỔ NHƠN

Hội chơi *xổ cổ nhơn* là hội chơi dân gian vào Tết âm lịch ở miền Nam Trung bộ.

Có người cho rằng "cổ nhơn" là người xưa - lối giải trí của người xưa truyền lại, dựa vào cách suy luận, ý nghĩa của từ, ý ẩn trong câu thơ, câu văn - thể loại hội chơi mang tính chất văn chương.

Ban tổ chức hội chơi gồm nhiều người. Một số góp tiền vốn, có phần tiền của làng góp vào, để trả cho người chơi trúng đề xổ cổ nhơn. Một nhóm chịu trách nhiệm theo dõi hội chơi có:

- Người ra đề, giỏi văn chương, để sáng tác hoặc tuyển chọn câu đề, cộng tác với người thông thạo Hán học và nghệ nhân diễn xướng dân gian, để lo việc ra đề.

- Người treo đề cũng phải giỏi văn chương, chọn đề với lời giải ý nghĩa, viết lên một tấm giấy kết trên một tấm vải rồi cuộn lại, cất ở một nơi riêng biệt. Việc làm này phải thật kín đáo. Ngoài người này ra, không một ai trong ban tổ chức được quyền biết câu đề đã chọn đề sẽ treo trong hội chơi. Người treo đề phải

trả lời được và sẵn sàng ứng đối với người chơi, khi bị bắt bẻ về sự giải thích câu đề.

- Thủ quỹ thu tiền và trả tiền cho người chơi.

- Thư ký giúp người ra đề và người treo đề, kiêm việc kế toán.

Về câu đề (còn có tên là *thai,* tức câu đố). Mỗi đề phải có hai câu - 1 câu chữ Hán dùng cho người hiểu biết Hán văn, 1 câu chữ Nôm dành cho người bình dân ít học.

Câu đề được chọn không được mang ý nghĩa quá gần cũng như quá xa với tên cổ nhơn. Quá gần thì dễ suy luận, xét đoán không hấp dẫn, hứng thú cho người chơi. Quá xa thì khó suy đoán, người chơi bí quá sẽ phản đối ban tổ chức.

Trên tấm vải ghi câu cổ nhơn, người ta viết tên ở trên và vẽ hình con vật ở dưới. Trong dân gian còn lưu truyền tên 36 câu của bộ cổ nhơn.

Sau đây, bảng tên 36 cổ nhơn:

Trọng tiên: hạc

Thái bình: rồng nằm

Phùng xuân: công

Hải hiệp: ếch

Bản quế: ốc

Chiếm khôi: cá trắng

Trường thọ: tôm

Vinh sanh: ngỗng

Cửa quan: quạ

Giang từ: rồng bay

An sĩ: yêu tinh

Thiên thân: kỳ lân

Địa lương: lươn

Tinh lợi: cá đỏ

Hỏa diêm: rùa

Cấn ngọc: bướm

Song đồng: bồ câu đồng

Thượng chiêu: én

Nhựt thăng: gà

Phước tôn: chó

Khôn sơn: hổ

Quang minh: ngựa

Nguyên cát: nai

Chánh thuận: heo (lợn)

Mậu lân: ong

Tất khắc: chuột

Nguyệt bửu: thỏ

Hữu tài: voi

Tam hòe: khỉ

Chỉ đắt: mèo

Nhứt phẩm: dê

Hớn vân: trâu

Vạn kim: rắn

Thanh tuyền: nhện

Chí cao: trùn (giun)

Trân châu: hòn núi

Nơi chơi hội cổ nhơn thường là sân đình, bãi chợ (Ngày Tết âm lịch thường không họp chợ).

Để thêm phần rôm rả hội chơi, 1 dàn nhạc dân tộc nhỏ thường có mặt với một đàn cò líu hoặc cò lòn, 1 đàn hồ nhỏ, 1 đàn kìm (nguyệt), 1 kèn tiểu, 1 trống chiến, 1 trống chầu, 1 phèng la, 1 sênh tiền hoặc 1 đôi sênh sứa, thường hòa tấu khi treo đề hoặc xổ đề.

Mở đầu hội chơi, những hồi trống chầu gióng ba nổi lên, mời gọi, đón chào người chơi.

Khi người chơi và người xem đã tụ họp đông đúc, ban tổ chức cho treo đề.

Người treo đề (đề đã giấu kín trong tấm vải cuộn lại) lên ngọn cây nêu trồng giữa bãi chơi, trước công chúng. Cùng lúc, thư ký đem thai đề về, rồi viết trên giấy dán lên tấm bảng gỗ ngay gốc cây nêu, để người chơi, người xem dựa vào nội dung

thai đề mà bàn tán, xét đoán. Thai đề này cũng được hô lên như kiểu hát nói, theo lối phân tiết của câu thơ, câu văn.

Dựa vào thai, mỗi người dự suy luận về cái tên cổ nhơn, đã được dấu kín trong tấm vải cuộn lại treo trên ngọn cây nêu.

Khi đã suy đoán xong, mỗi người chơi ghi tên cổ nhơn mình chọn và số tiền mình muốn đặt vào một tờ biên nhận gọi là trịch rồi trao cho ban tổ chức. Cái trịch này là chứng từ để ban tổ chức căn cứ vào đó trả tiền khi xổ đề mà được trúng. Có người rủ người cùng đánh ra xa bãi chơi để suy đoán thai đề, tránh cánh khác nghe lỏm.

Trong khoảng thời gian công chúng bàn tán, trao đổi về thai đề ghi trịch, ban tổ chức phải theo dõi thật sít sao khả năng xét đoán đề của người chơi, dựa vào tờ gốc của các biên nhận.

Người treo đề nhận thấy người chơi đoán trúng đề nhiều quá thì có thể báo ngay ban tổ chức ngừng việc ghi trịch. Đây là trường hợp *động đề.*

Một hồi trống chầu vang lên. Việc được phép tạm kết thúc hội chơi giữa chừng này gọi là *chí quyển.*

Lúc sắp mở đề là lúc hấp dẫn nhất đối với công chúng. Người chơi hồi hộp chờ đợi kết quả suy luận, xét đoán, bàn tán văn chương của mình, mừng vui được nhận tiền thưởng trúng đề - điềm lành trong năm mới. Tất nhiên sẽ nổ ra tranh cãi về văn chương, về ý nghĩa của câu thai đề, nếu người treo đề giải thích không thỏa đáng.

Mở xổ đề diễn ra sôi nổi, hào hứng. Trống chầu vang lên ba hồi. Pháo nổ. Dàn nhạc trỗi lên những liên khúc Kim tiền, Bình bán, Lưu thủy, Hành vân, bài Thượng, bài Hạ trong hát bội v.v...

Người treo đề kéo tấm vải cuộn giấu đề từ trên ngọn cây nêu xuống. Khi cuộn vải đến đầu mình, người treo đề mở tung tấm vải ra, rồi lại kéo lên để mọi người nhìn thấy tên cổ nhơn. Với cách mở như thế - xổ tung cuộn vải có tên - nên hội chơi xuân còn mang tên là *Hội xổ cổ nhơn.*

Thử bàn về vài câu đề với thai sau đây:

Mình thời (thì) bận (mặc) áo mã tiên

Ngày thì lắm vợ tối nằm riêng một mình

Lời bàn: Áo mã tiên là bộ lông rực rỡ sắc màu của gà trống. Ban ngày thì lắm gà mái bám theo, nhưng đến đêm thì chỉ ngủ một mình, đúng với từ theo đề là *Nhựt thăng* (gà).

Câu đề với thai:

Dì dì dì dĩ dì di

Tôi bắt được dì tôi cũng nhai xương

Lời bàn: Mèo cho rằng mình là dì của cọp (hổ), cho nên cọp đã đe dọa dì như thế đấy. Đúng với từ treo đề là *Khôn sơn* (cọp, hổ).

Câu đề với thai:

Cha mẹ giàu thì con thong thả

Cha mẹ nghèo thì con vất vả, gian nan.

Sớm mai lên đốn củi trên ngàn

Chiều về xuống biển, mò hang cua còng.

Lời bàn: Lên rừng, lên ngàn thì gặp hổ, voi, lợn rừng. Đánh *khôn sơn* (cọp hổ), *Hữu tài* (voi), *Chánh thuận* (heo, lợn).

Xuống biển, không chỉ mò hang cua còng mà phải bắt cá, bắt ốc. Đánh *Tinh lợi* (cá đỏ), *Chiếm khôi* (cá trắng), *Bản quế* (ốc).

Câu đề với thai:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng, thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu, mới là đạo con.

Lời bàn: Ẩn ý trong huyền thoại dân gian là con quạ và con dê rất có hiếu với cha mẹ. Quạ con mớm mồi lại cho cha mẹ, dê con quỳ trước mẹ cha. Đánh *Cửu quan* (quạ), *Nhứt phẩm* (dê). Có người đánh *Trân châu* (hòn núi), dựa vào từ Thái Sơn ở câu 6 trên kia.

Để mở rộng hội chơi, người ta không chỉ dùng tên 36 cổ nhơn trên đây, mà còn dùng tên súc vật khác, đồ dùng hoặc sự việc, để ra thai đề.

Chẳng hạn: *Nhứt gia nhứt bách gia khổng cụ, nhị gia nhị bán tín bán nghi, tam gia tam bình yên vô sự.*

Nghĩa là: một thêm một trăm nhà hoảng sợ, hai thêm hai nửa tin nửa ngờ, ba thêm ba yên ổn không gì.

Lời bàn: Đây là tiết nhịp của trống mõ thôi thúc hoặc thanh thản theo từng sự biến trong thôn xóm, đúng với từ treo đề là *mộc đạc* (chuông đồng có quả lắc bằng gỗ) hoặc *đại cổ* (trống lớn).

Câu đề với thai pha chữ Hán và chữ Nôm:

Náu mình ở chốn giang tân

Lại còn mang tiếng vi thần bất trung.

Lời bàn: Xét đoán cây náu mình mọc ở bờ sông là tranh giành sự sống với nước. Ý ẩn "giành nước" tức là tranh ngôi vua, tranh đế vương, mang tiếng bề tôi chẳng trung, là *tranh đế* trúng với từ đề treo.

Cây *tranh đế* là một loại cây tranh dùng để lợp nhà.

Cái hay, cái vui, cái hấp dẫn trong việc suy luận xét đoán ở chơi xổ cổ nhơn là thế.

Hội chơi dành cho người yêu thích văn thơ có dịp bàn luận văn chương, tìm điển tích, từ ý ẩn ở nội dung thai đề, từ chuyện xã hội, từ đời thường, mà tìm ra tên quân cổ nhơn gắn với tên súc vật hoặc đồ dùng, sự việc phù hợp.

Lối xổ cổ nhơn đã mở đường cho hội chơi bài chòi khi câu thai gắn liền với tên quân bài tam cúc.

Nếu biết khai thác và dựng lại hội chơi xổ cổ nhơn này, với thai đề mới, thích hợp với xã hội và cuộc sống hiện nay, thì hội chơi dân gian cổ truyền này cũng đóng góp vào việc giải trí lành mạnh, trong sáng, cho công chúng trong ngày Tết dân tộc.

Mùa xuân, bên cạnh các trò chơi, trò diễn, diễn xướng..., còn có *đánh thai, bài đố thai.*

Trò chơi có thể tổ chức trong một căn phòng nhỏ. Người cầm lái và treo đề (thai), cùng người chơi ngồi quây tròn trên một chiếc chiếu. Khoảng trống ở giữa dành cho người hô thai.

Người chơi dựa vào thai, tìm ý ẩn đề chọn quân bài mà đánh.

Công chúng đến dự để thưởng thức giá trị văn chương của thai và tài nghệ người hô. Cùng lúc, họ trổ tài bàn tán, suy luận về thai.

Trò chơi này có họ hàng với trò chơi *xổ cổ nhơn.*

Ban đầu, cổ nhơn với thai chữ Hán có giá trị văn chương, dành cho người chơi có trình độ Hán học. Về sau, để thu hút công chúng lao động vào trò chơi, người ta kèm thêm thai chữ nôm. Dân gian bèn chuyển hóa tên thai cổ nhơn chữ Hán thành chữ nôm. Chẳng hạn, *Trọng tiên - con hạc, Giang tử - con rồng bay, Thái bình - con rồng nằm, An sĩ - con yêu (con tinh) v.v...*

Người hô thai 3 lần để người chơi suy đoán, tìm hiểu nghĩa tên quân bài. Lối hô như hát nói, kể lể, nhịp độ chậm rãi. Sau đó, anh giải thích thai, báo tên người đánh quân bài đúng thai, rồi lại tiếp tục hô câu khác.

Thai chữ Hán:

Vừa phải - khóe
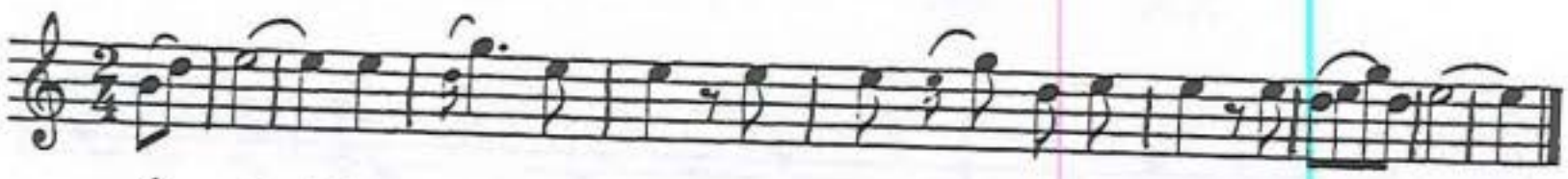
À ơi Xuân vũ như cao hành nhân ố hà nê ninh a ơ ơ...

Nghĩa là: Mưa xuân như dầu, người dạo chơi ghét đường lầy lội.

Người ta bàn rằng, mùa Xuân đường sá lầy lội vì mưa, gây sự bực bội cho người dạo chơi, song mưa xuân là biểu hiện cho sự thuận thời hợp tiết đầu năm, nên đề treo là *Nguyên cát - con nai* hay *Thái bình - con rồng nằm.*

Dân gian chuộng thai chữ nôm, dễ hiểu dễ đoán.

Không chỉ thu hẹp trong bộ tên thai quen thuộc, người hò mở rộng vốn liếng thai và chuyển hóa dần dần giai điệu.

Chẳng hạn, thai:

Chỉ vì cái lưỡi đa đoan

Cho nên cúc rã, lan tàn, hỡi ai!

là thai *cái kéo*

Thai: *Rung rinh nước chảy qua đèo*

Bà già lật đật mua heo cưới chồng

Là thai *trái lí*(*) có ý nghĩa trái ngược với lý lẽ thông thường và đạo lý - tên một thứ trái.
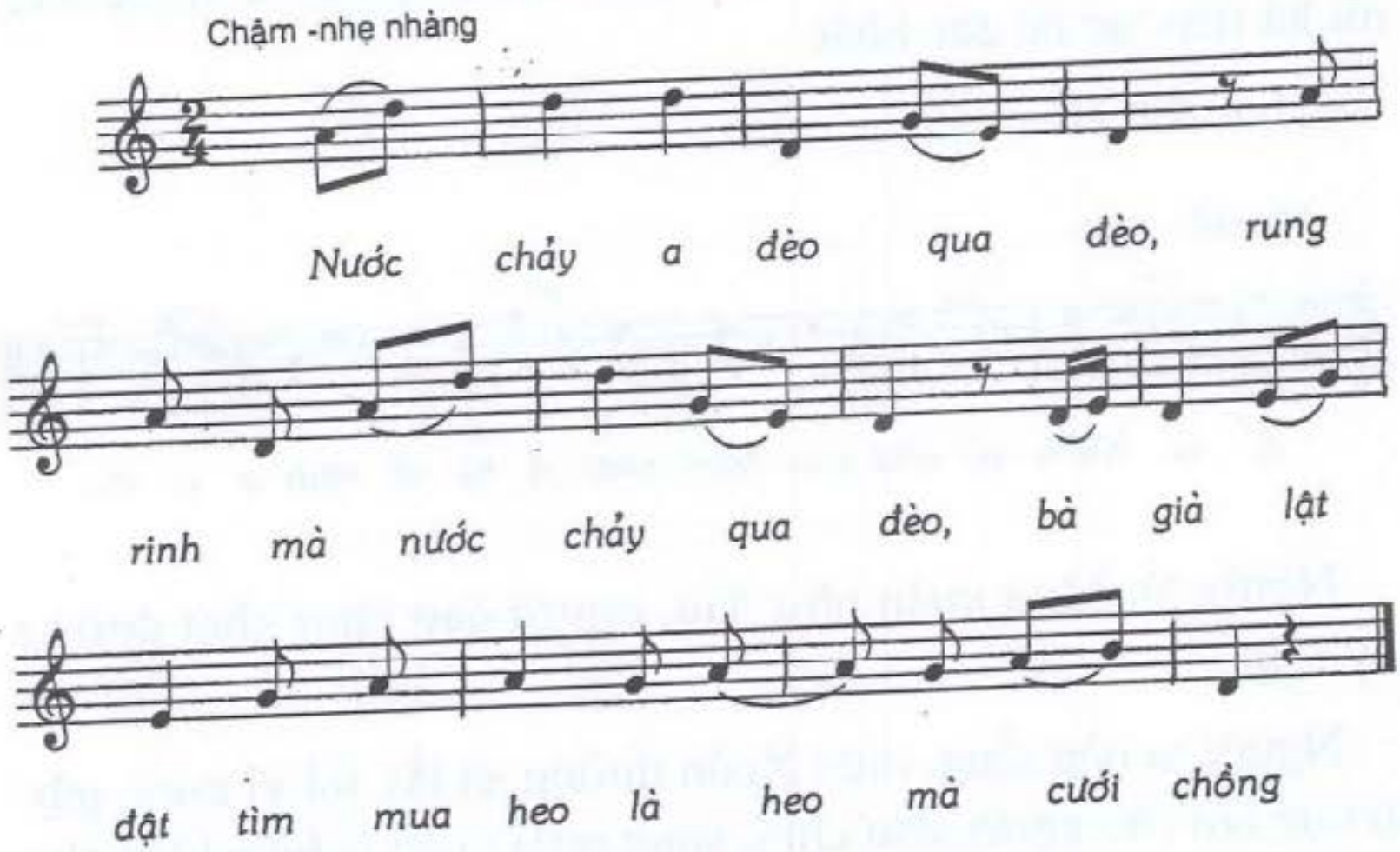
Thai: *Đem thân cho thế gian ngồi*

Lại còn mang tiếng là người bất trung!

(*) Ở miền Trung và miền Nam - trái: quả.

Là thai *cái phản,* có ý nghĩa làm cái vật để cho người đời ngồi, nằm mà còn bị người ta cho là *phản phúc.*
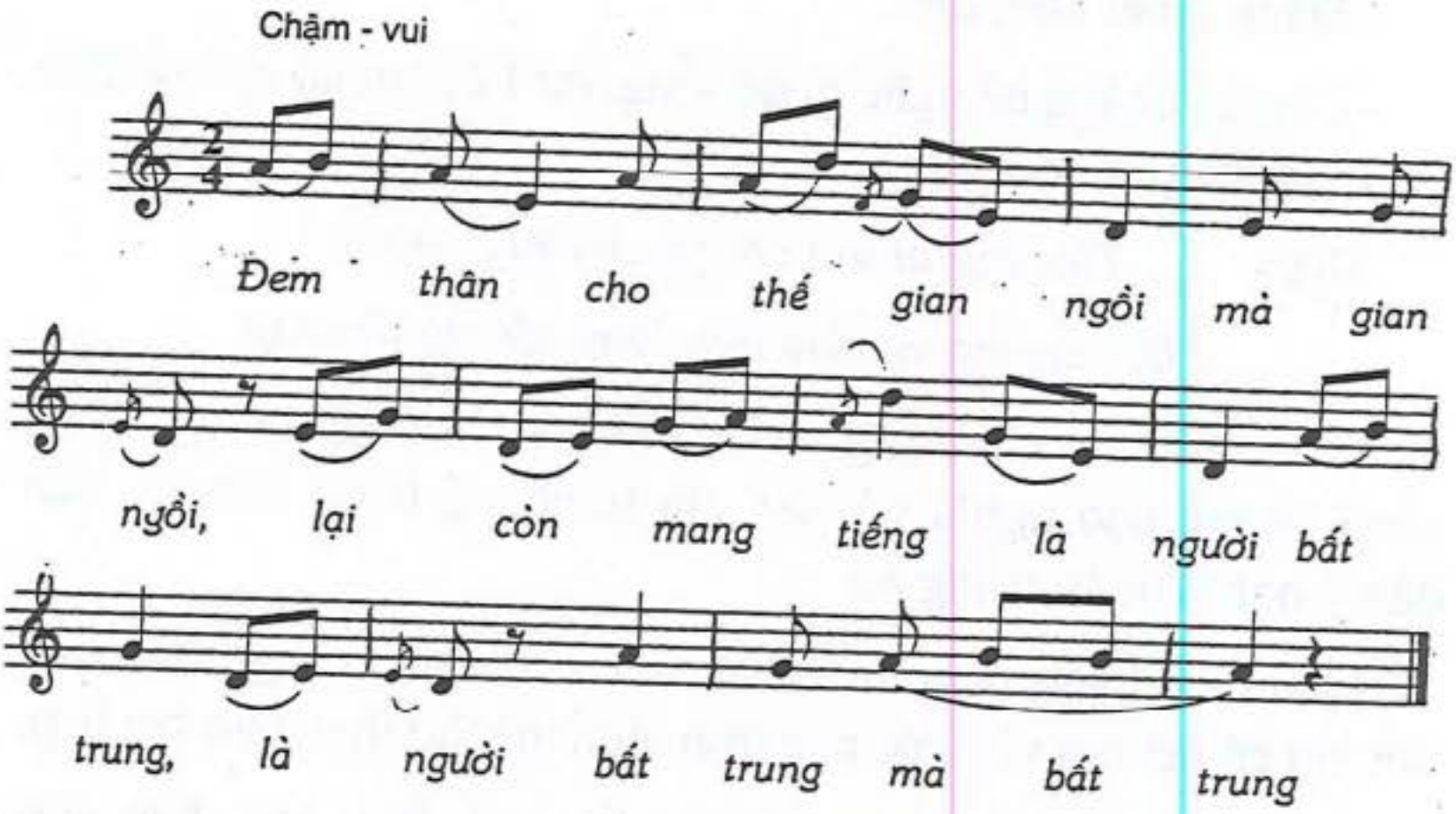
Có nơi người ta dùng *bài tam cúc*(*) để ra thai.

Chẳng hạn, thai quân *Ba gà:*

Sinh nhai chẳng có một nghề

Mười hai năm nữa, mới về tới đây.

Người chơi xét đoán:

- Cứ 12 năm một lần, làng tổ chức hát hội, hát bội; dân làng ở xa đều về dự, kể cả những người nghèo khổ phải đi kiếm sống ở mọi nơi, cũng tìm cách về quê xem hội, coi hát bội. Phải đi từng đoàn, từng lũ, kéo dây, đánh quân *Tám đây.*

(*) *Bài tới, bài trùng,* bài chơi ở hội bài chòi

- Hát bội phải có đánh trống chầu, để khen chê đào kép (tiếng trống ầm ầm)

- Đánh quân *Ông ầm.*

- Con gà chẳng có nghề gì để sống, cứ 12 năm lại qui về năm Dậu - đánh quân *Ba gà.*

Thai: *Thương ai mà chẳng thương chồng*

Bởi chồng vô đạo nên lòng không thương

Lời bàn rằng: Chồng gì mà vợ không thương, chồng gì mà sống không đạo nghĩa với vợ, chỉ là chồng bánh tráng(*), dẫn đến ý nghĩa quân *tráng ba*

Giai điệu thai mang tính chất mộc mạc, giản dị, gần hát nói, đôi khi có nét nói vè hoặc pha trộn, dựa thể thơ thai, tầm âm hẹp.

Phải chờ đến khi tham gia vào hội bài chòi, giai điệu mới phát triển và hoàn chỉnh dần.

(Do có họ hàng và chuyển hóa dần từ *hô thai* sang *hô bài chòi,* nên dân gian gộp hai thể loại diễn xướng này làm một, bổ sung cho nhau chất liệu âm điệu. Vì thế khi gọi nghệ nhân hô thai cũng là *anh hiệu* hoặc *nghệ nhân hô diễn bài chòi).*

Vài câu thai:

Lao xao nước chảy qua đèo

Ngựa đua xuống biển, thuyền chèo lên non.

Trái lý - Vì đều là những chuyện trái ngược với lý lẽ thông thường ở đời

---

(*) Bánh đa.

Một hai bậu nói rằng không

Dấu chưn ai đứng bờ sông hai người?

Tứ cẳng - hai người thì có bốn chân tức tứ cẳng.

Đi đâu mang trắp đi hoài

Cử nhân chẳng thấy tú tài cũng không

Học trò (Nhứt trò) - mang trắp đi mãi mà chẳng đỗ đạt gì cả, vẫn là anh học trò.

Em không ra lấy chồng thì thiên hạ đàm tiếu

Em ra lấy chồng thì bỏ mẹ yếu em thơ

Thôi thôi, em ở làm rứa(*) đầu tóc bạc như tơ em cũng đành

Nhà nghèo - người con gái nghèo khổ quá không dám đi lấy chồng.

Người ngay, trời Phật chứng minh

Cứu con vua Thủy, hiển vinh một đời.

Thái tử - Thạch Sanh cứu con vua Thủy tề, con vua là thái tử.

(*) như thế này

HÔ BÀI CHÒI

Tổ chức chơi bài chòi là một sinh hoạt văn hóa của nhân dân miền Trung (từ Bình Trị Thiên đến miền Nam Trung bộ), trong những ngày hội xuân, thể hiện sự thông minh suy đoán và yêu cầu thẩm mỹ của những chân bài. Bởi vì nó được kết hợp với một lối hô diễn dân ca của anh hiệu[1] tài hoa, thi vị và hấp dẫn mọi tầng lớp dân chúng. Hô diễn bài chòi không những có giá trị về âm nhạc, về nghệ thuật biểu diễn[2] mà cả về văn chương và nội dung xã hội, đậm đà tính chất địa phương và sắc thái dân tộc.

Gọi là bài chòi vì những chân bài ngồi trên chòi như kiểu đánh cờ người, đánh tổ tôm điếm, tam cúc điếm.

Thời gian chơi từ mồng một đến mồng bảy Tết theo âm lịch (khai hạ) hằng năm. Có nơi kéo dài đến rằm tháng Giêng.

---

(1) Người xướng tên quân bài, hô diễn làn điệu bài chòi.

(2) Từ nghệ thuật biểu diễn đơn sơ ban đầu, nghệ sĩ Bình Định đã đưa hô diễn bài chòi "từ đất lên dàn", vào giữa năm 1933, thành diễn xướng sân khấu (kịch bài chòi) và phát triển thành kịch hát bài chòi vào giữa những năm 50 ở miền Bắc. (Đọc thêm *Sơ khảo lịch sử sân khấu* Tập II phần *Kịch hát bài chòi* của Trương Đình Quang - Viện sân khấu xuất bản - Hà Nội, năm 1986).

I. CÁCH TỔ CHỨC

Trên một khoảng đất rộng hoặc sân đình chùa, sân chợ, người ta cất chòi theo cạnh hình chữ nhật. Hai cạnh dài, mỗi bên dựng 4 chòi đối mặt nhau. Chính giữa một cạnh ngắn là chòi trung ương, cạnh kia là một cái rạp nhỏ, ở trong kê một bộ phản ngựa. Cạnh bộ phản ngựa, kê hai cái trống chầu, trước trống chầu là một cái bàn lớn, trên đặt khay tiền và những lá cờ hiệu (cờ đuôi nheo nhiều màu). Chính giữa hình chữ nhật là "sân khấu" của anh hiệu(*) đứng hô bài, cạnh đó là chỗ ngồi của dàn nhạc. Tại đây, người ta trồng một cây tre mà từng gióng có khoét lỗ hổng hoặc treo vào đó những ống tre lủng lẳng như ống đũa để đựng những thẻ bài.

Chòi làm bằng tre, lợp tranh, phần ngồi dành chơi bài chòi cao độ 1,5 mét, hoặc hơn kém chút đỉnh. Ba mặt sau che kín. Phía mặt trước có một cái thang để trèo lên. Bên trên chòi ngang với mặt, một bên treo một cái mõ to, một bên đặt một khúc cây chuối hay một cái nùi rơm cuốn tròn để cắm những quân bài ăn.

Chòi được trang hoàng đẹp đẽ, rộng độ 4, 5 người ngồi.

Mỗi chân chòi mặc chỉnh tề, theo nghi thức ngày hội (ngày Tết tất nhiên phải mặc đẹp, lịch sự) và chiếm một chòi. Người đó có thể đưa người nhà hoặc bạn bè mình lên chòi chơi bài và thưởng thức hô diễn. Chòi trung ương dành cho những người có địa vị, chức sắc trong làng. Trong rạp, riêng bộ phản ngựa

---

(*) Có hiệu chính, hiệu phụ (gọi là hiệu xạ)
Hy vọng được trình bày hoàn chỉnh về bài chòi, từ nguồn gốc lên sân khấu, trong một công trình chuyên luận - TĐQ.

dành cho các viên chức và quan khách. Đám công chúng tới xem, đứng vây xung quanh. Mỗi hội, hoặc 10 chân bài góp tiền, nhưng chỉ chơi 8 hoặc 9 ván. Còn một suất chi vào tiền trà rượu, trầu cau thuốc lá, cho ban tổ chức và thù lao cho anh hiệu, dàn nhạc, đội lân múa v.v...

Tổ chức chơi bài chòi có qui mô lớn hay nhỏ tùy theo khả năng của từng địa phương. Có nơi người ta còn làm thêm một cái rạp lớn bao trùm cả chín chòi để che cho khu vực chơi bài khỏi mưa nắng, được mát mẻ, ấm cúng hơn. Có nơi do đồng tiền eo hẹp, người ta chỉ dựng một dãy nhà tranh, rồi chia ra từng ngăn để ghế thay cho chòi, trường hợp này gọi là đánh *bài chòi ghế*.

II. BỘ BÀI

Bộ bài để chơi bài chòi là *bộ bài tam cúc* (còn có tên là *bài xạo, bài trùng, bài tới,* tùy từng địa phương).

Quân bài làm bằng giấy, trên có phất một lớp điệp mỏng, gồm có 30 cặp, chia làm 3 pho. Mỗi quân bài mang một tên riêng. Mặt quân bài không có chữ như quân bài tổ tôm, mà chỉ là những hình vẽ theo ba loại:

a. Lối quấn dây thắt nút.

b. Lối hình học.

c. Lối tranh thờ khắc gỗ dân gian.

Tùy từng địa phương, có sự thay đổi tên quân bài và sự sắp xếp theo pho.

Ngoài ba pho (9 x 3 : 27), còn có ba cặp yêu: Lão, Thang, Chi. Lão có ông ầm - Thang có thái tử (hay tứ cẳng) - Chi có Bạch huê.

Nếu chơi 9 chòi (cũng có nơi 10 chòi), người ta bỏ bớt đi ba cặp (cặp gì cũng được).

27 cặp bài còn lại đem dán mỗi lá bài lên 1 thẻ tre dài độ 20 cm, ngang 4 cm, vót nhỏ và nhọn, phần dưới trông như chiếc đũa bếp. Bộ bài chia làm hai, một nửa đem chia cho 9 chòi, mỗi chòi ba lá, một nửa đem bỏ vào cái ống tre cắm giữa sân, do anh hiệu giữ. Có khi người ta dùng đến 2, 3 bộ bài để chơi thay đổi. Có nơi người ta chia bài làm hai loại: loại *cái* và loại *con*. Loại cái là thẻ bài nhỏ dán thẻ tre, rồi bỏ vào trong cái ống để rút ra mà hô. Loại con là thẻ bài lớn, dán nối tiếp ba lá bài, dành chia cho các chân bài. Mỗi loại thẻ bài sơn một màu để dễ phân biệt.

III. CÁCH THỨC HÔ BÀI

Khi 9 chòi đều có chủ, người ta mang hai ống bài ra trình làng (ban tổ chức), xóc mạnh hai ống, rồi mang một ống về chòi cái, để làm *bài tì,* một ống giao cho anh hiệu.

Người điều khiển hội chơi mở đầu trò chơi bằng một hồi trống chầu như mở đầu đêm hát.

Anh hiệu (có hội còn thêm *hiệu phụ,* hoặc *hiệu xạ*), mặc áo dài đen, thắt dây lưng đỏ, mặt trang điểm như kép hát, nhận một ống bài, lần lượt đi chia cho mỗi chòi con 3 quân bài, thu tiền cọc của chân bài góp vào hội, nộp vào chiếc khay ở trên bàn.

Trong khi đó, ở rạp, quan khách điểm trống, dàn nhạc cổ dân tộc trỗi lên một bài *kim tiền* hay *lưu thủy.*

Chia xong cỗ bài, anh hiệu đến trước ban tổ chức nói như lối hát bội:

Hiệu phát bài đã đủ.

Cho hiệu thủ bài tì.

Một tiếng trống chầu thay lời đồng ý.

Anh hiệu vái chào quan khách, các chòi con, công chúng, múa vài động tác tùy hứng và cất giọng hô, thường là nhắc trẻ em giữ trật tự, gây không khí và giới thiệu tên các quân bài.

Rồi anh bước ra giữa "sân khấu", đến chòi cái xóc cỗ bài trong ống, rút từng quân bài, rồi hô lên để cho các chòi con nghe để "ăn". Cứ như vậy, mỗi quân là một bài hô.

Những anh hiệu có giọng tốt, nắm vững lề lối và diễn, có vốn liếng khá lớn về thơ ca, có khả năng sáng tác và chuyển biên nhanh lời hát tại chỗ, đã góp phần quan trọng làm cho hội bài chòi có thêm sức thu hút người chơi, công chúng đến nghe hô, xem diễn.

Thỉnh thoảng, anh hiệu lại điểm vào vài câu hát bội, nói vè, hò khoan ngâm thơ v.v... Nhưng làn điệu được yêu thích nhất là *hô bài chòi,* phát triển từ chất liệu âm nhạc ban đầu của những câu hô tên quân bài.

Chòi nào có quân đúng bài tì thì đánh mõ báo hiệu. Anh hiệu đem quân đó và một lá cờ đuôi nheo màu xanh đỏ đến chỗ chòi đó, cắm vào khúc thân chuối hoặc nùi rơm đặt trước chòi.

Chòi nào ăn đủ ba quân đã được hô ra, lần thứ ba của quân bài sau cùng, phải đánh một hồi mõ dài, báo hiệu là *tới.*

Anh hiệu đến chòi tới xem xét và xướng:

"Hươi mà hưới! Hươi!

Chín chòi lẳng lặng mà nghe

Chòi này ăn một đôi *nhì nghèo,* một đôi *ba bụng,* và tới một đôi *lục chụng!*

Thật đó, hướ cửu trại!"

Ban tổ chức đổ một hồi trống chầu, xác nhận chòi tới. Các chòi con nổi mõ lên, cùng vui mừng với chòi được cuộc và để chấm dứt một ván bài.

Chòi tới đốt một dây pháo tiểu. Dàn nhạc cổ dân tộc trỗi lên. Đội lân, có cả nụ cười ông Địa, kéo vào múa mừng.

Anh hiệu trở về chỗ cũ rồi bưng khay tiền và cầm một lá cờ lớn, một chân đá lên làm ngựa, một tay ra bộ quất roi ngựa, trịnh trọng xướng theo lối hát bội:

"Vâng lệnh làng đỡ lấy cơi tiền(*)

Lên tráng mã cấp cờ đệ nhứt (hoặc đệ nhị, đệ tam v.v...)"

Anh cưỡi ngựa như thế, bưng khay tiền và đem lá cờ đến cho chòi tới, vừa đi, vừa hát một điệu hát bội (*Nam xuân, tẩu mã* hoặc *khách*)

Chòi tới nhận tiền và cắm cờ lên trước mái nhà.

Anh hiệu thu lại bài, xóc và trộn bài, chia ván khác. Tới tám ván như vậy là mãn một hội.

(*) Có nơi hô: Hân hoan lãnh lấy khay tiền
Hiệu khẩn cấp dâng cờ đệ nhứt (hoặc đệ nhị, đệ tam v.v...)

Xong một hội, các chân bài lại tiếp tục góp tiền để tiếp tục chơi ván khác và cứ như thế, hết hội này sang hội khác. Cũng có thể một số chân bài khác thay thế các chân bài đã chơi hội trước đó.
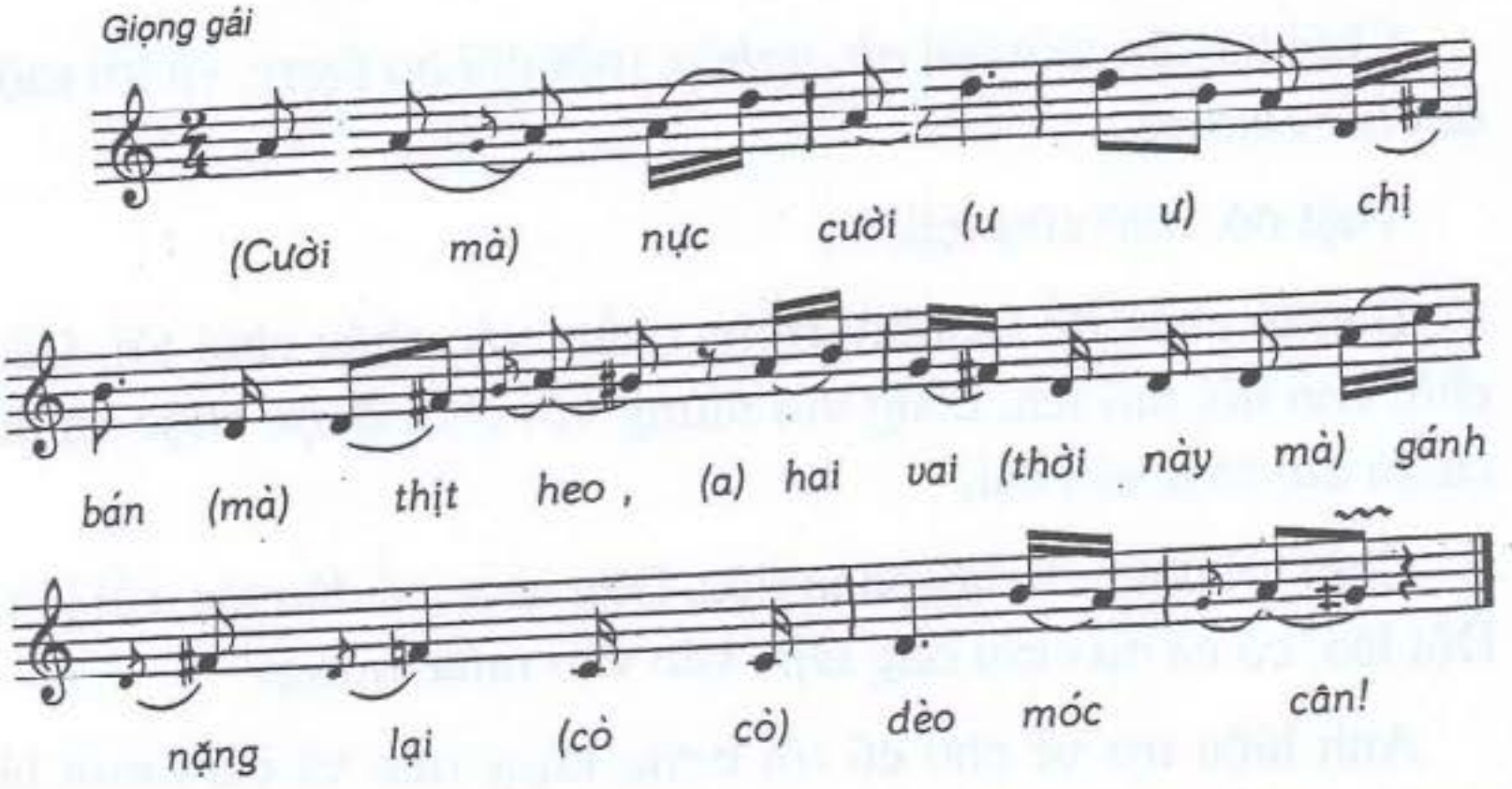
Bài chòi lớp, đoạn Quan Công làm tờ cam đoan với Khổng Minh ra Huê dung đạo bắt Tào Tháo. (Tên quân bài *Thất dung*, đúng với ba dung ở gần cuối bài).

Quan Công phục Huê Dung

XUÂN NỮ NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
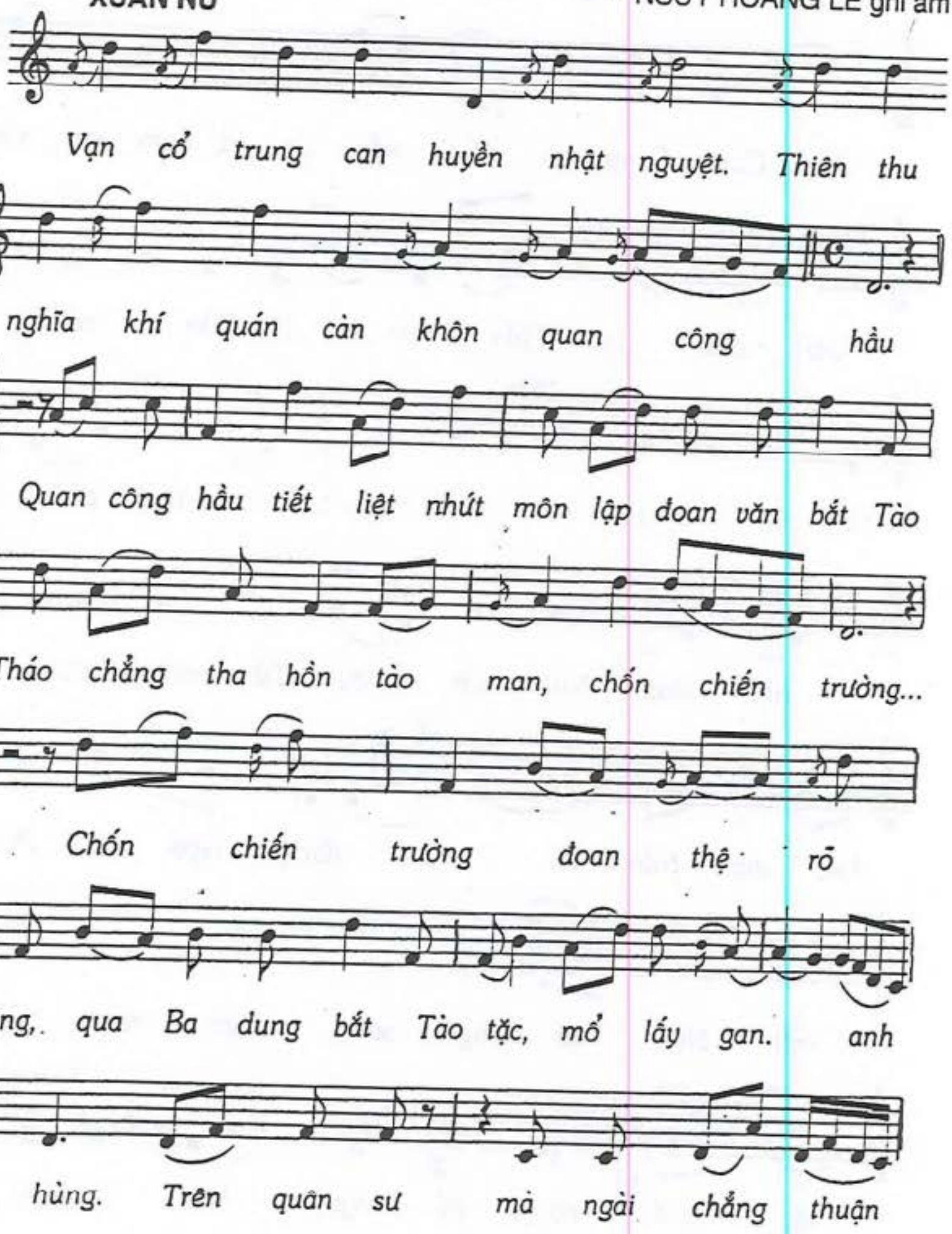
tùng e quan hầu ngài vị nghĩa tha cùng Tào gia (dạ!

dạ!) Quan Công tôi bẩm với ca ca, em xin xuất

trận đào ba. Hớn trào. Ví dù Tào nó có mưu

nào, em xin ra sức anh hào trả nợ trai, phân làm

nhị đạo binh oai, Triệu Tử Long, Trương Dực

Đức mà trấn hai nẻo đàng. Ngõ Ba Dung

rồi binh mã ông sang, phen này Tào

tặc mắc đàng (là nguy) lâm nguy!

NAM XUÂN

TRƯƠNG QUANG LỤC ghi âm

Hơi nhanh
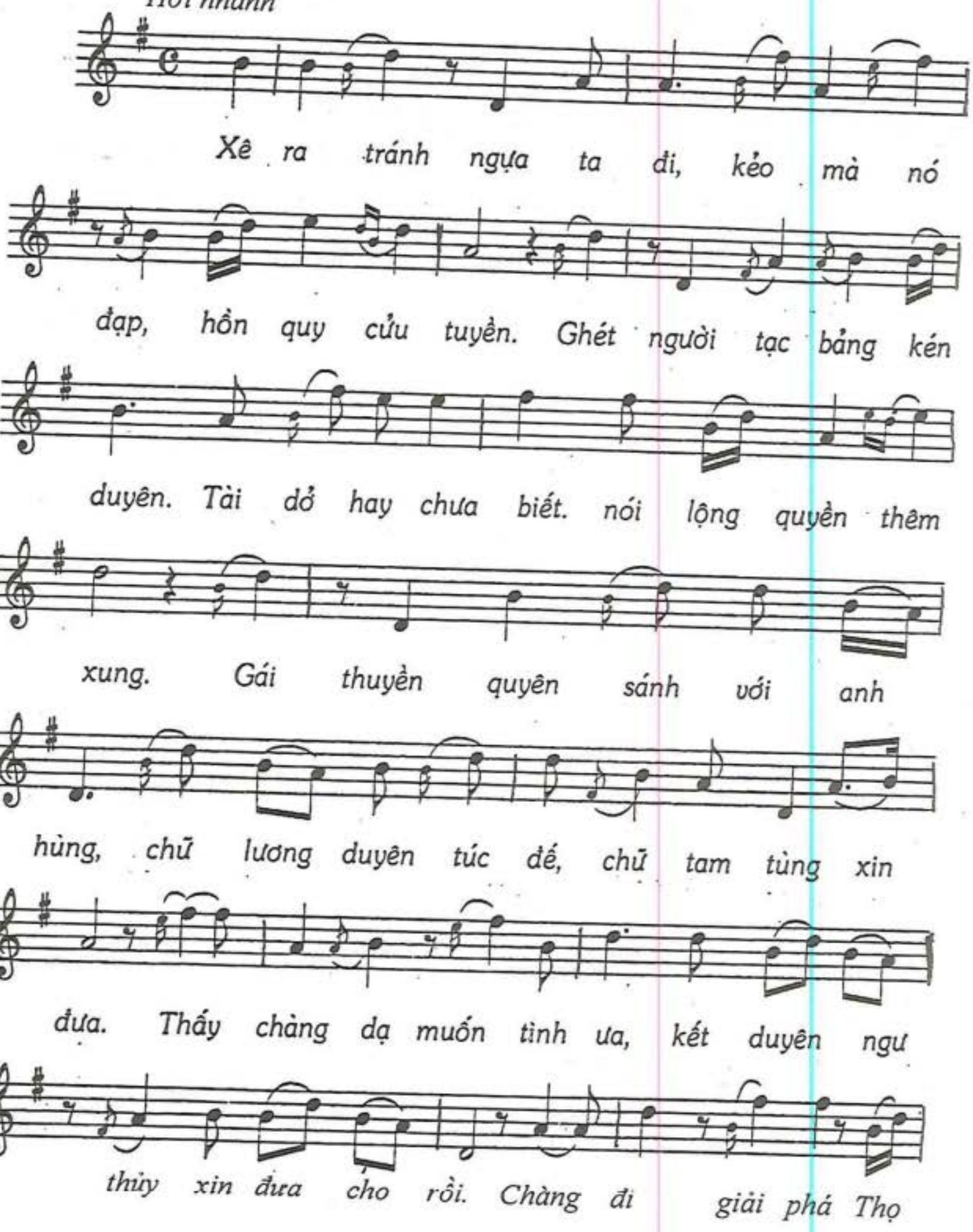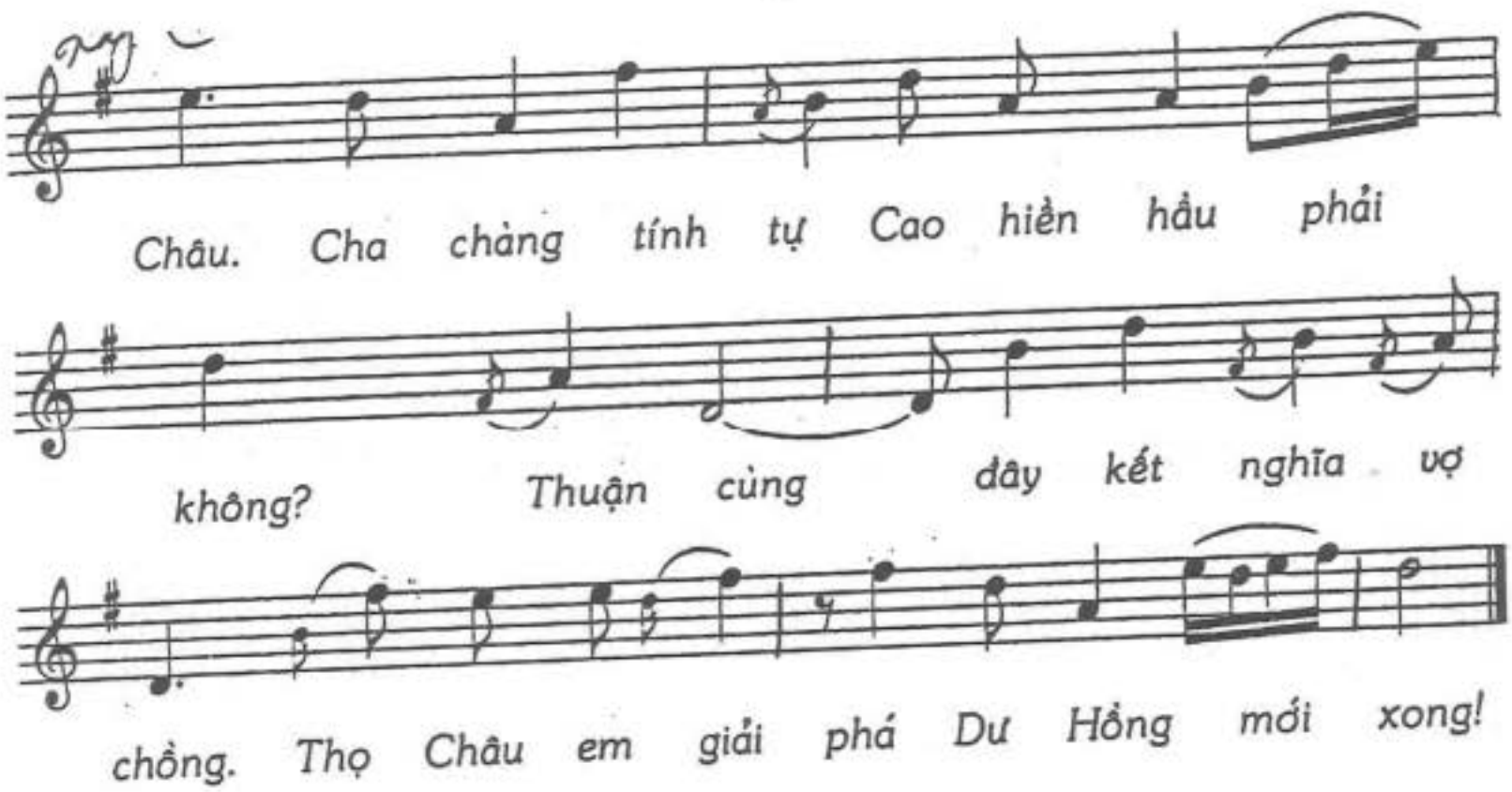
Châu. Cha chàng tính tự Cao hiền hầu phải
không? Thuận cùng đây kết nghĩa vợ
chồng. Thọ Châu em giải phá Dư Hồng mới xong!

NAM XUÂN

Trích bài thơ: Tin tưởng gởi em
của LƯU TRỌNG DƯƠNG
NSND ĐINH THÁI SƠN hô

Hơi nhanh
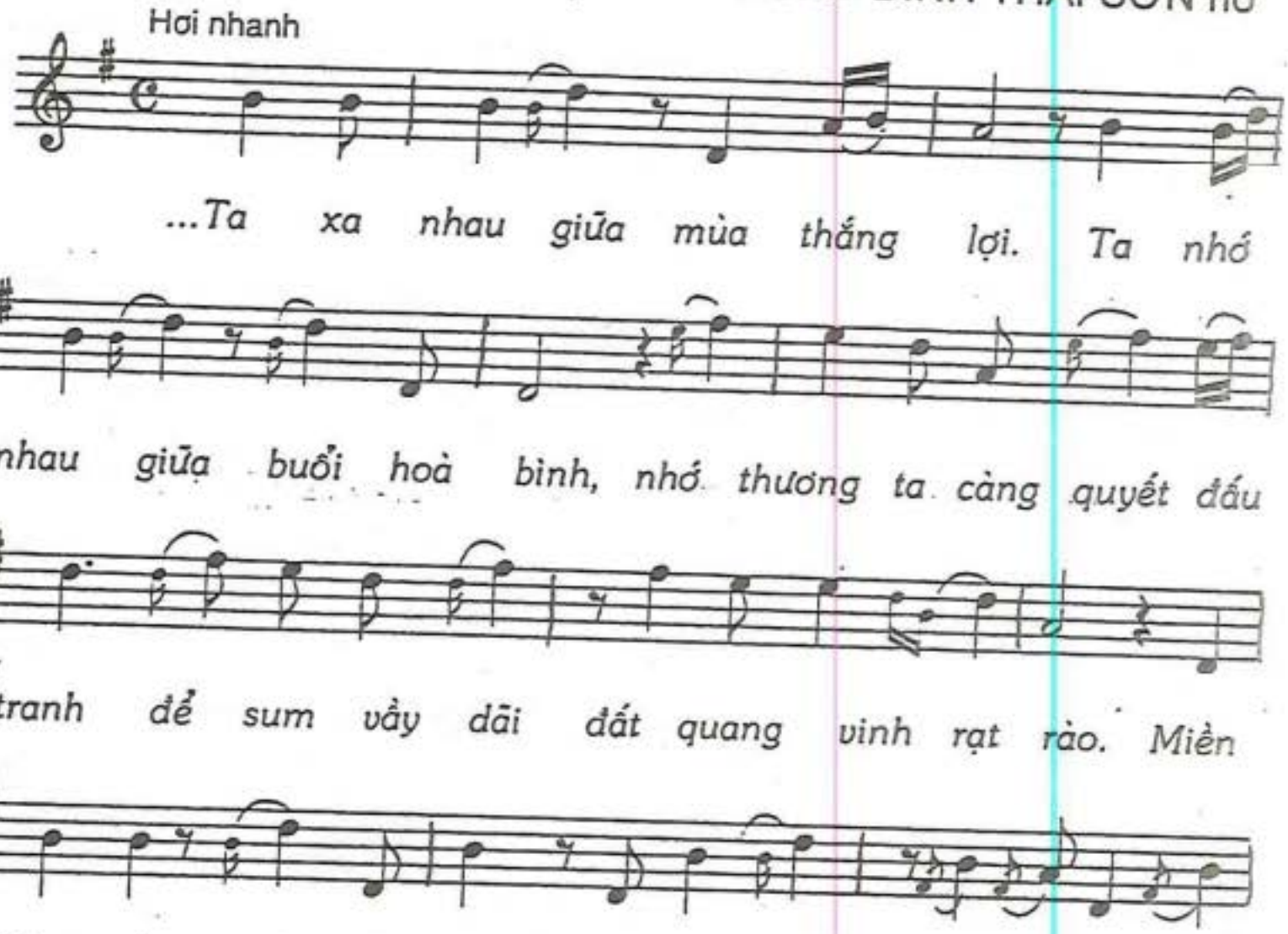
XUÂN NỮ (giọng ai)

Trích đoạn Kịch bài chòi
LÂM SANH - XUÂN NƯƠNG
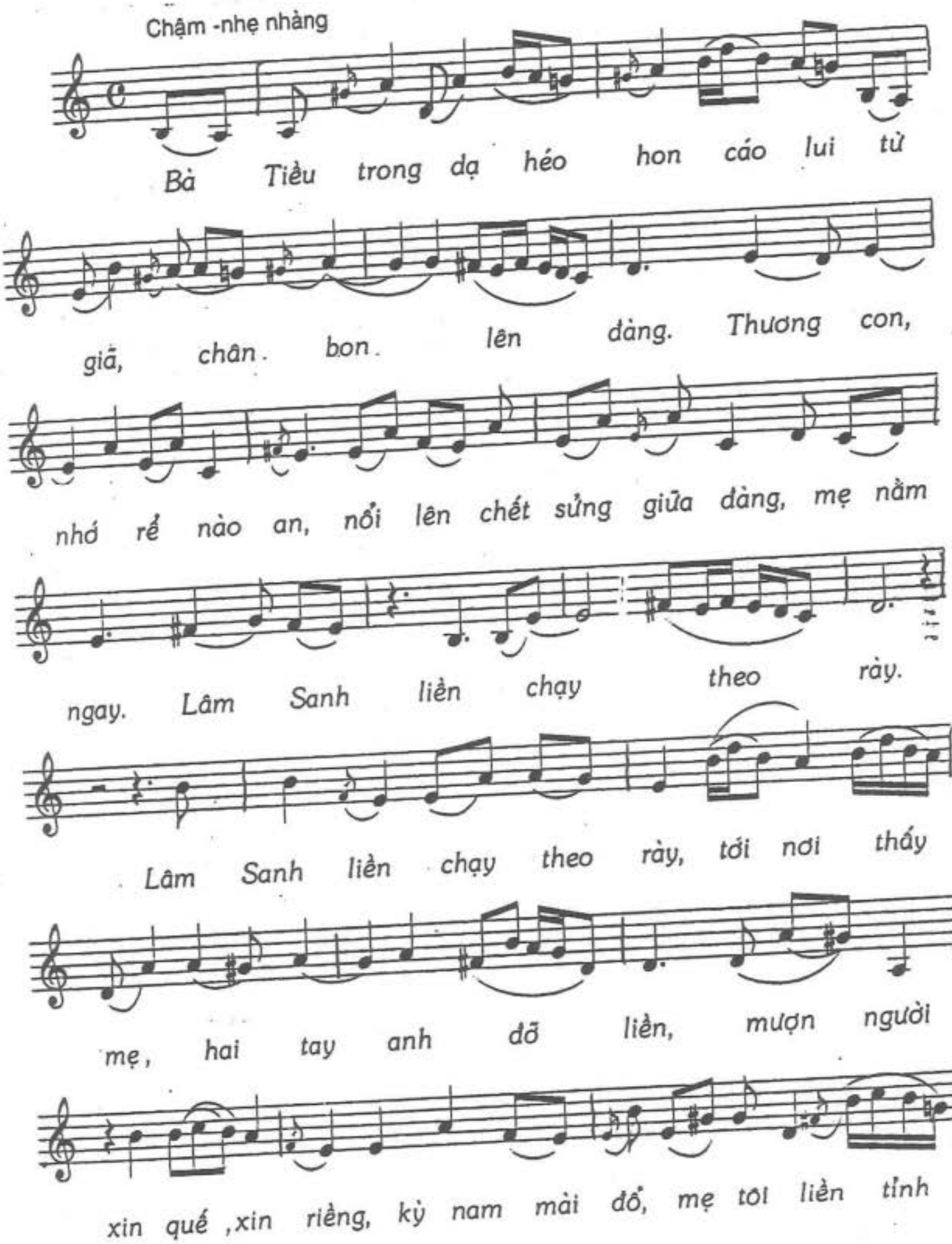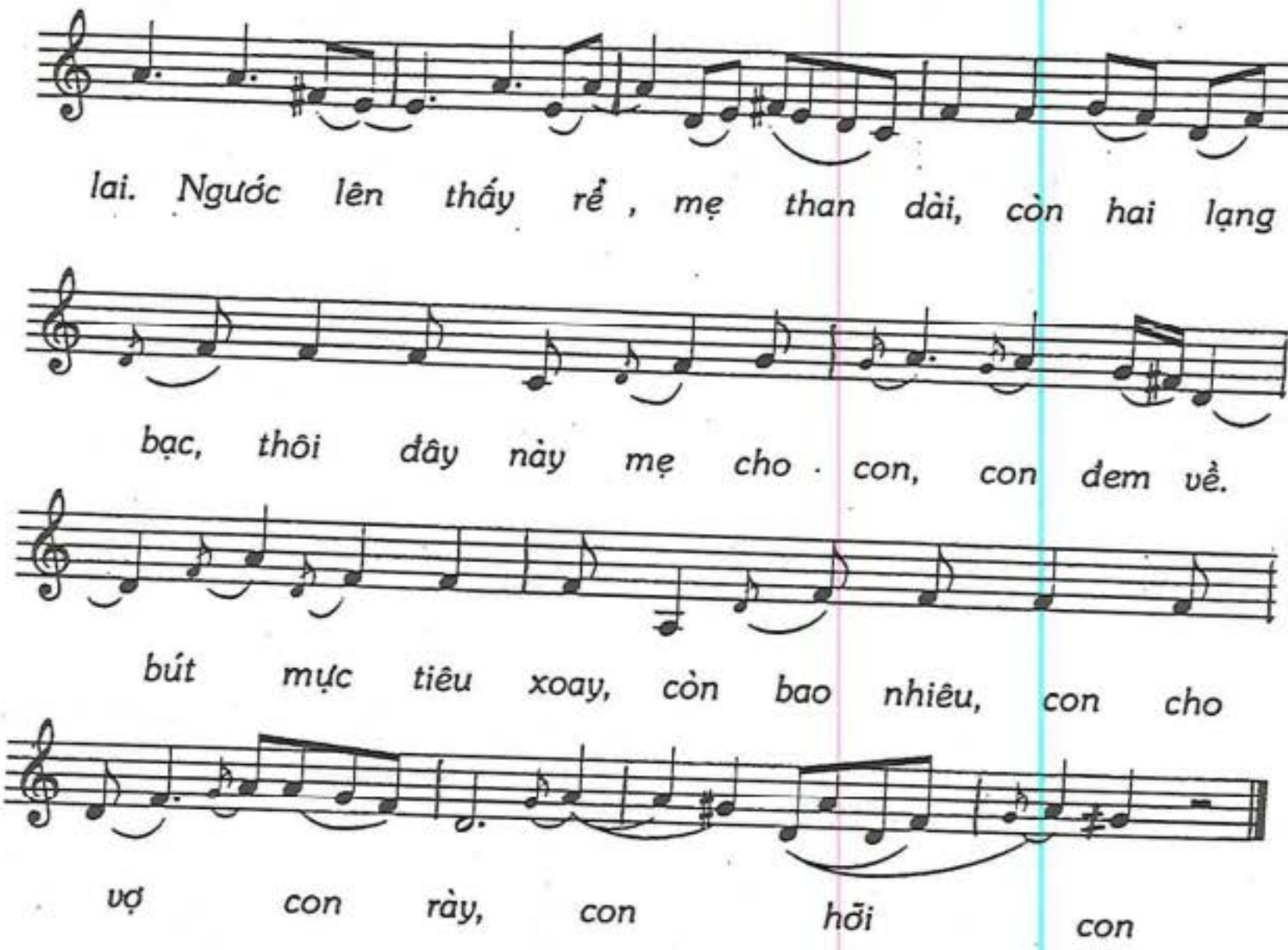
Trích vở kịch bài chòi *Ông xã - ông đội*, đoạn ông xã bị mụ đội lừa là sẽ lấy ông làm chồng, nên ông ta về nhà, tìm cớ mắng nhiếc bà xã để lấy cớ ly hôn, cưới mụ đội. Tìm chuyện gây gổ với bà xã, ông xã nói:

Nói lối: (gần như nói thường):

Này, bà xã! Sao ở nhà bà không răn con, dạy tớ

Đứa lớn gánh nước, đứa nhỏ quét nhà

Bà cứ lo chưng diện nhởn nhơ

Ra vô, lên xuống làm sao, vậy bà xã?

Tau nói cho bà biết...

NAM XUÂN NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm

Linh hoạt

Dù cho xa ướp hương xông, có thơm cho
mấy, cũng lấy lộc chồng mà thơm, mụ bỏ qua
ngày quẩy ngày đơm, con cá không đánh
vẩy, con tôm không lột đầu, mụ không lo
gánh nước tưới trầu, hẹ hành mụ bỏ
héo , dây bầu mụ bỏ khô, mụ cứ lo
trang điểm phấn tô, nhỏng nha nhỏng
nhảnh, tựa như đồ lầu xanh. Hèn chi
thiên hạ nói hành, vợ ông Xã
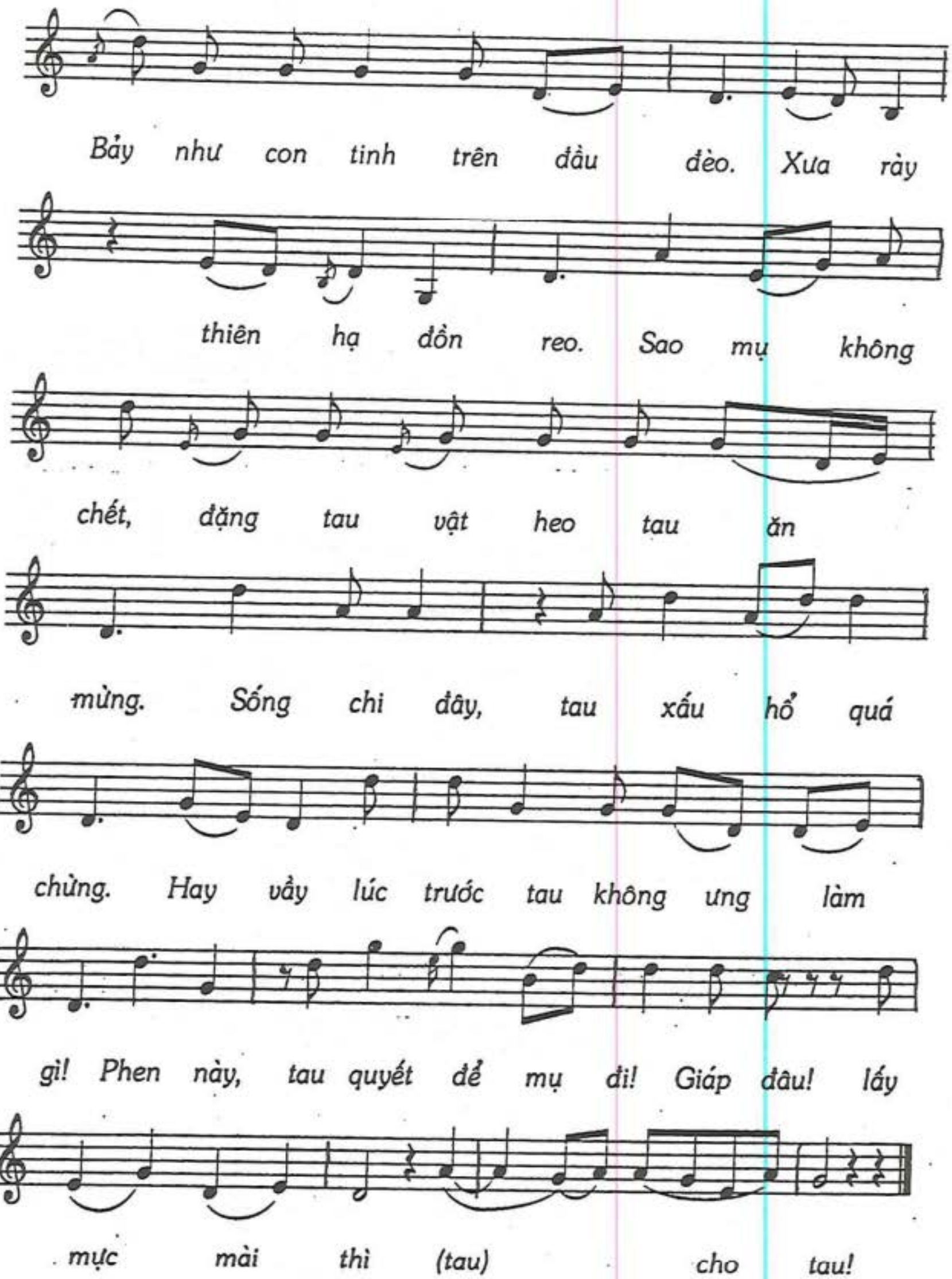
Bảy như con tinh trên đầu đèo. Xưa rày
thiên hạ đồn reo. Sao mụ không
chết, đặng tau vật heo tau ăn
mừng. Sống chi đây, tau xấu hổ quá
chừng. Hay vầy lúc trước tau không ưng làm
gì! Phen này, tau quyết để mụ đi! Giáp đâu! lấy
mực mài thì (tau) cho tau!

Bà xã chống đối lại ông ta, đòi chia tài sản.

Nói thường: Này, ông xã!
Một hai, ông cũng đòi để tôi ra
Ông để tôi không dễ gì đâu!
Ông để tôi, thì...

XUÂN NỮ NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
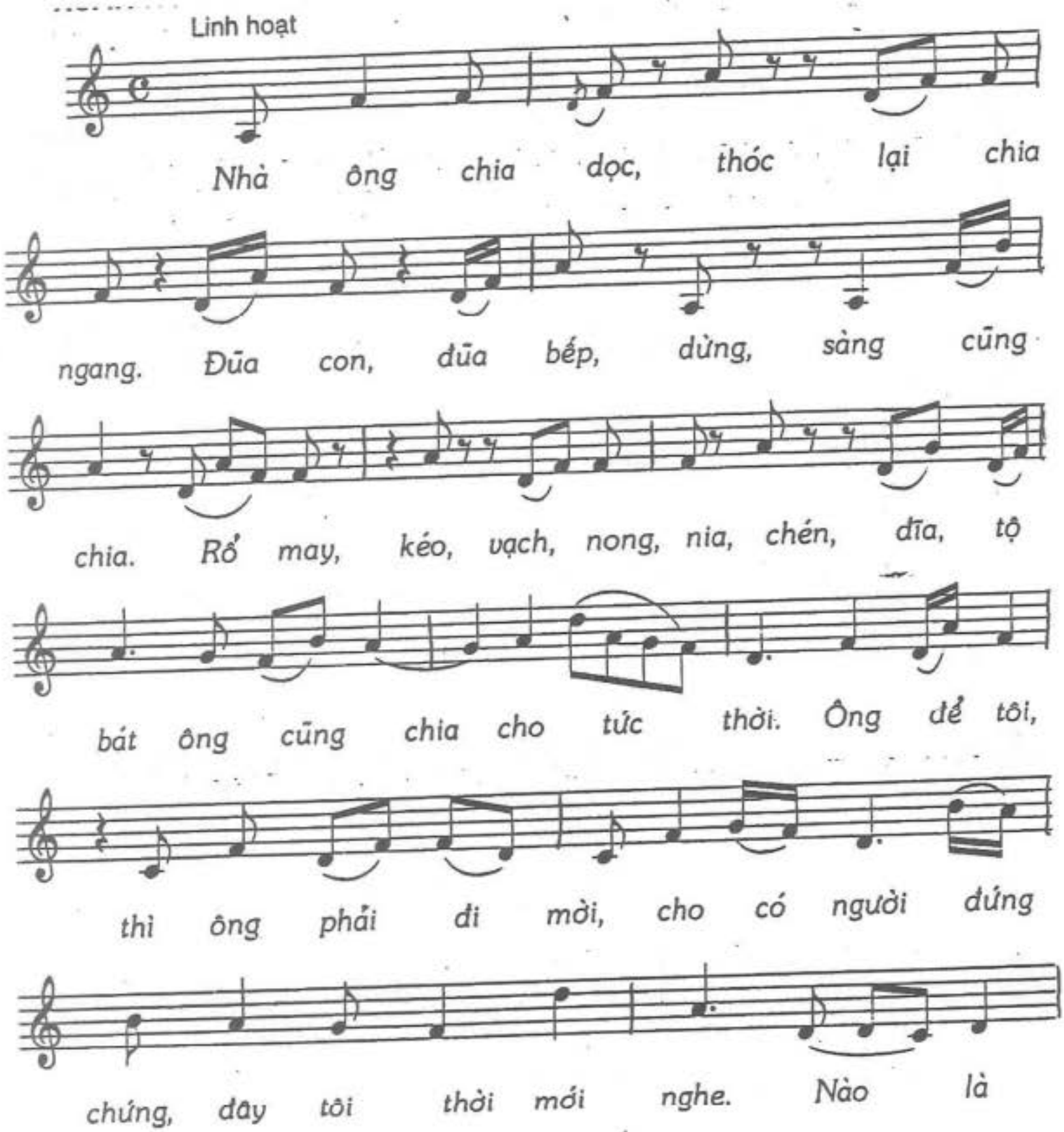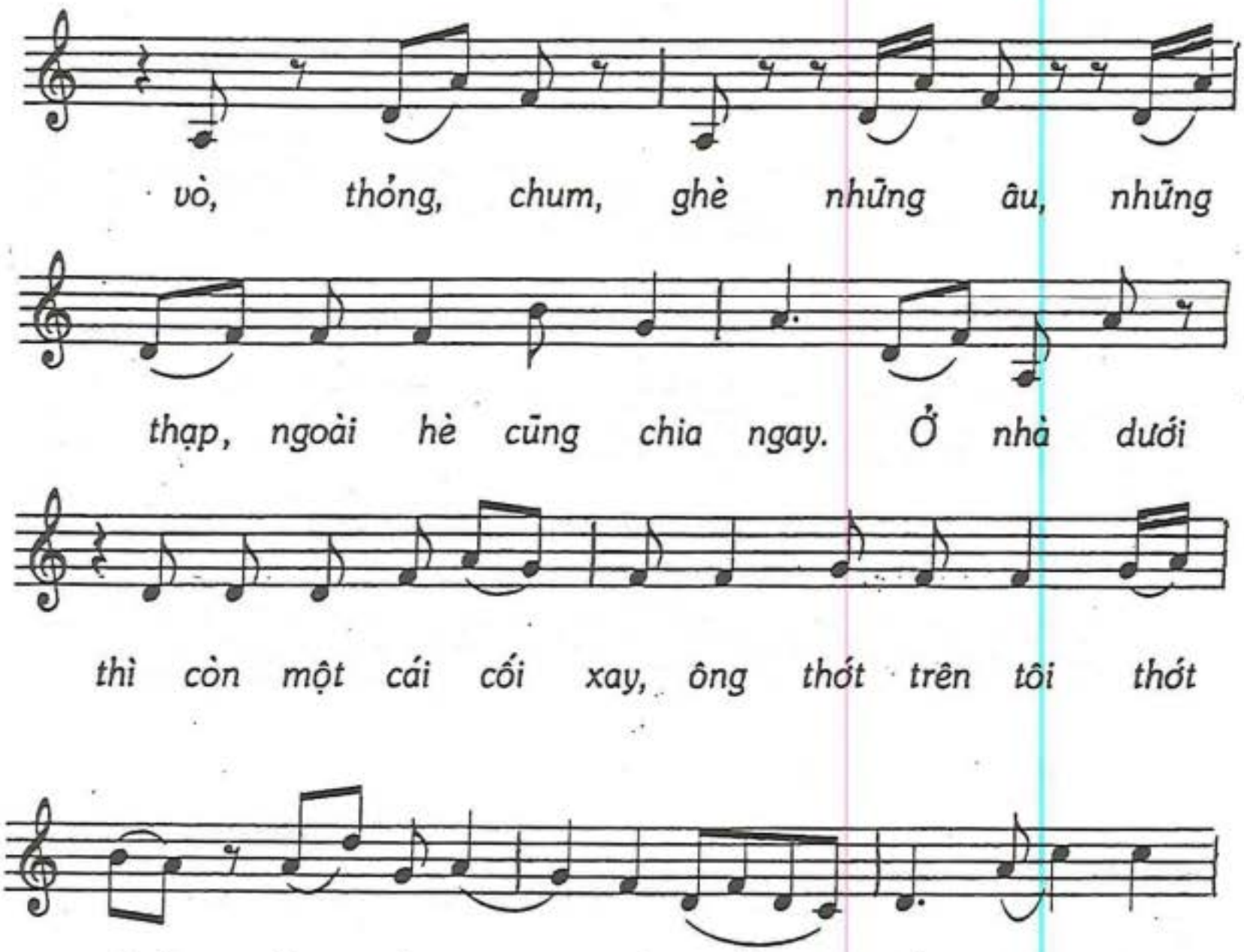
vò, thỏng, chum, ghè những âu, những
thạp, ngoài hè cũng chia ngay. Ở nhà dưới
thì còn một cái cối xay, ông thớt trên tôi thớt
dưới, cũng chia ngay cho đồng phần. Tôi đây
không có lụy không có cần, thà tôi về
xứ lấy anh dân trai cày. Ở chi đây, xấu hổ quá,
tay, nay ông hành, mai ông hạ cả ngày cả đêm. (Thân...

XÀNG XÊ

NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
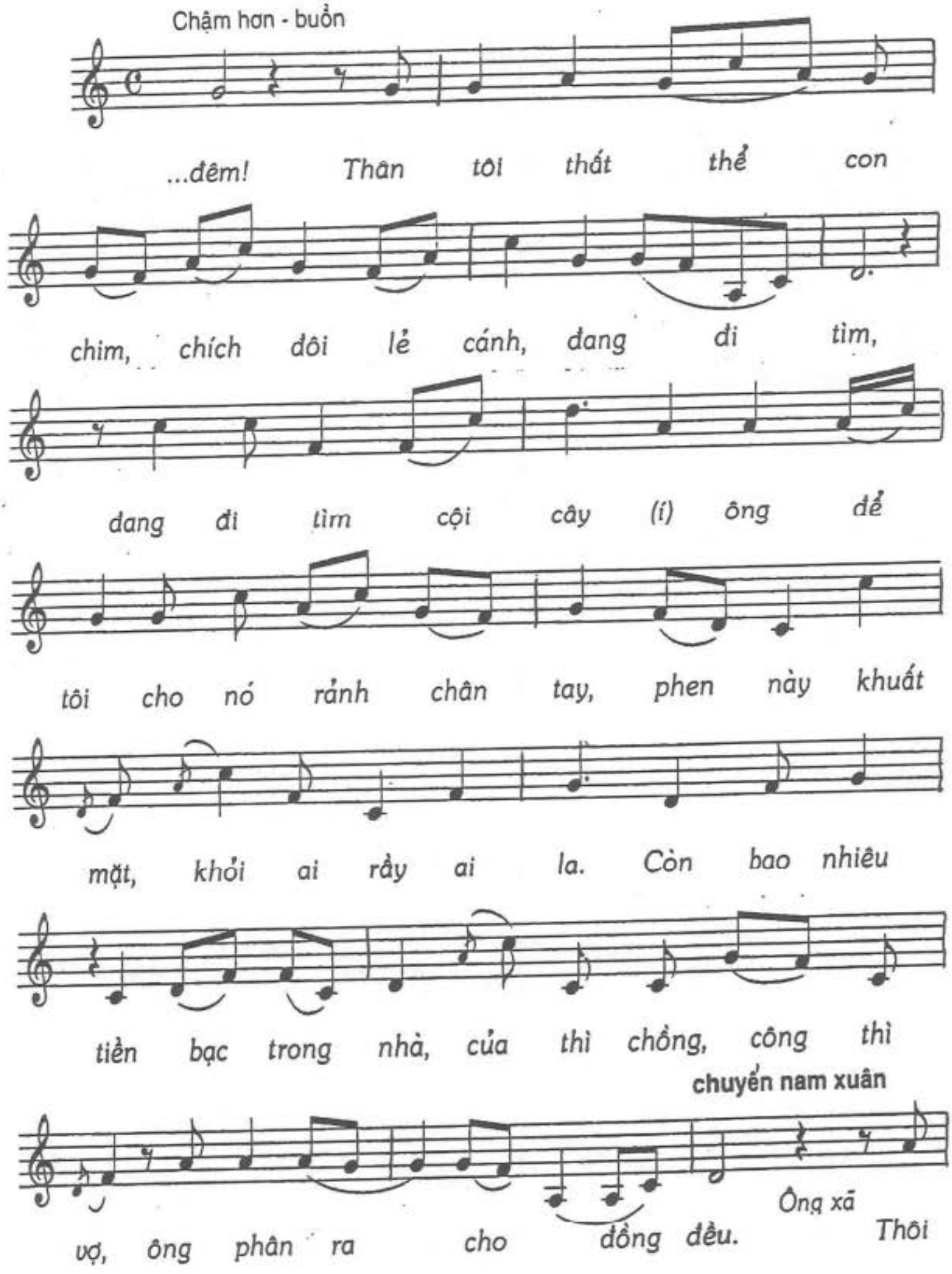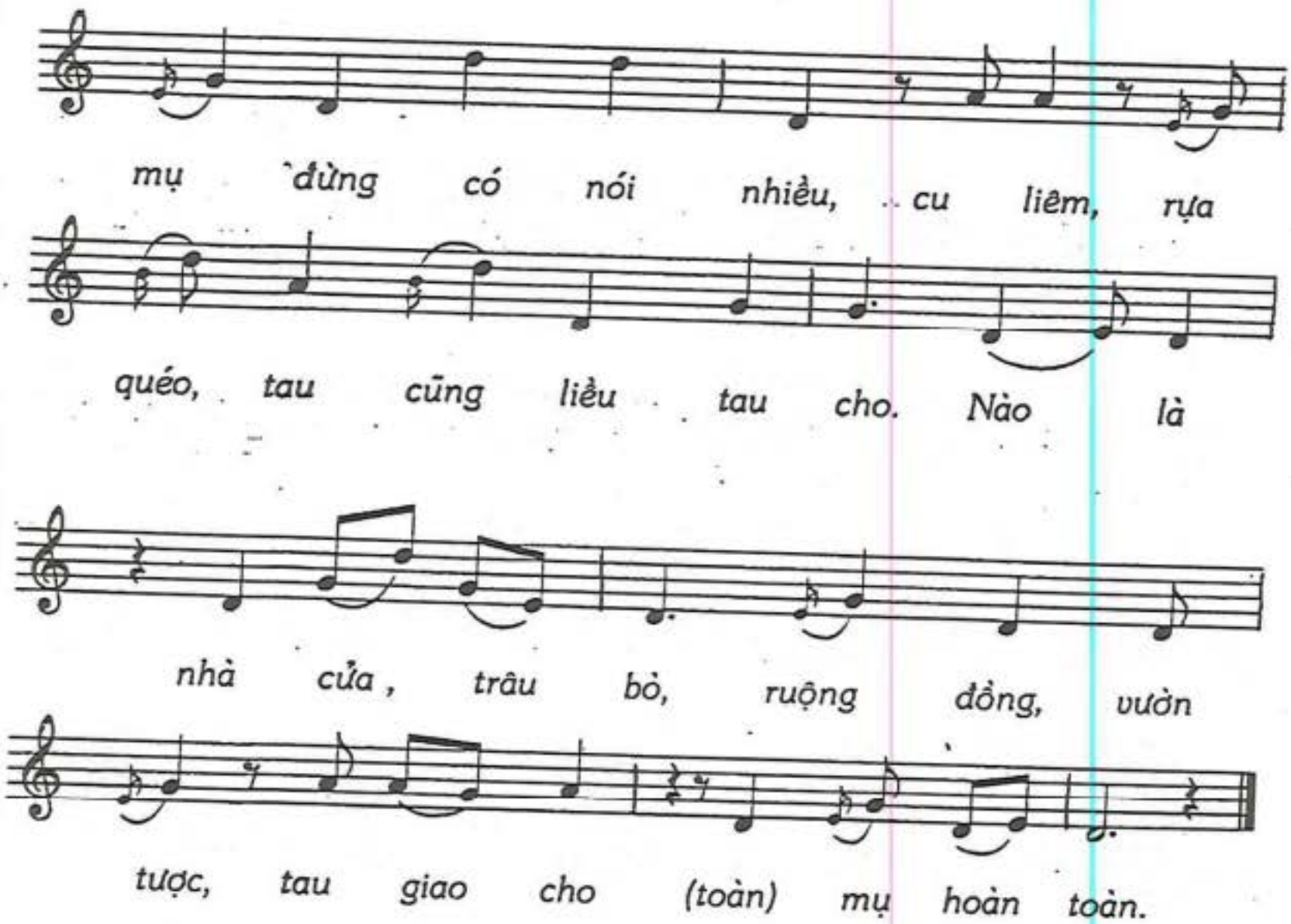
mụ đừng có nói nhiều, cu liêm, rựa
quéo, tau cũng liều tau cho. Nào là
nhà cửa, trâu bò, ruộng đồng, vườn
tược, tau giao cho (toàn) mụ hoàn toàn.

XÀNG XÊ

Hơi chậm
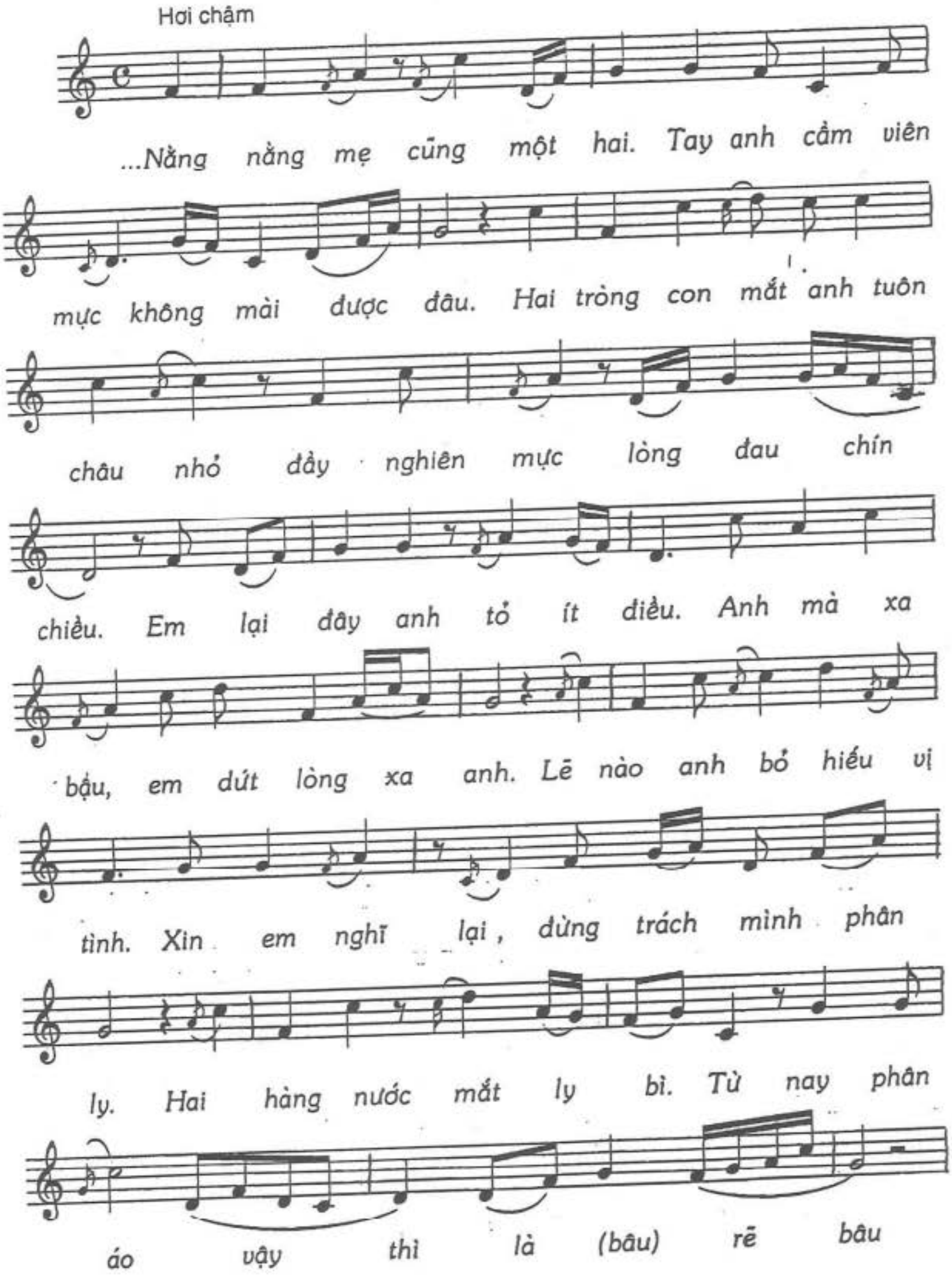
HỒ QUẢNG

Trích lớp Bài chòi TAM HẠ NAM ĐÀNG

TRƯƠNG QUANG LỤC ghi âm

Nghệ nhân KIM KÍCH hô

Nhanh vừa
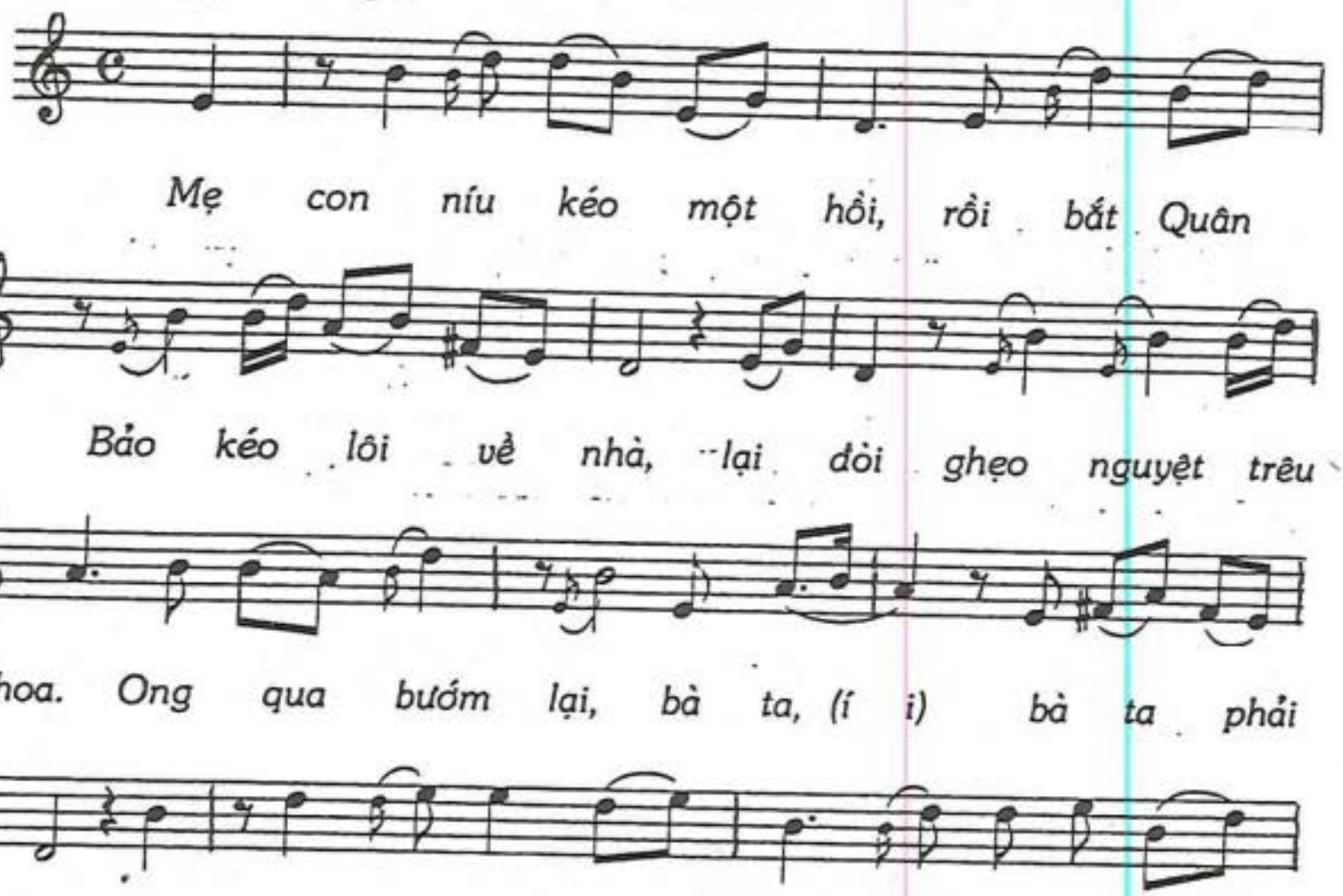
HÒ QUẢNG

TRƯƠNG QUANG LỤC ghi âm
Nghệ nhân KIM KÍCH hô
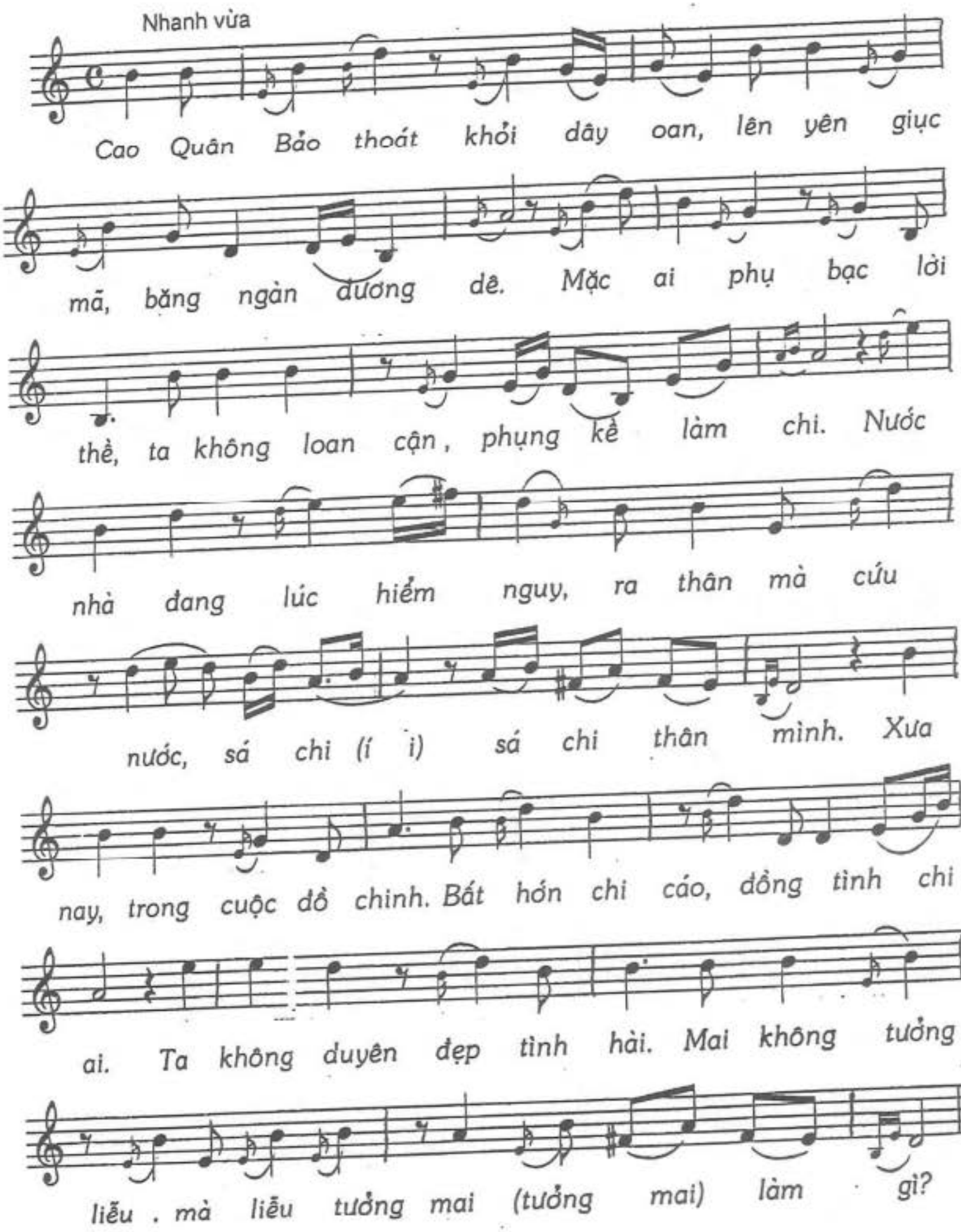
XUÂN NỮ (mới)

Trích bài chòi câu THƯ RA TIỀN TUYẾN

TRƯƠNG QUANG LỤC ghi âm

HUỲNH VĂN CÁT chuyển biên

và hô từ thơ của HOÀNG CẦM
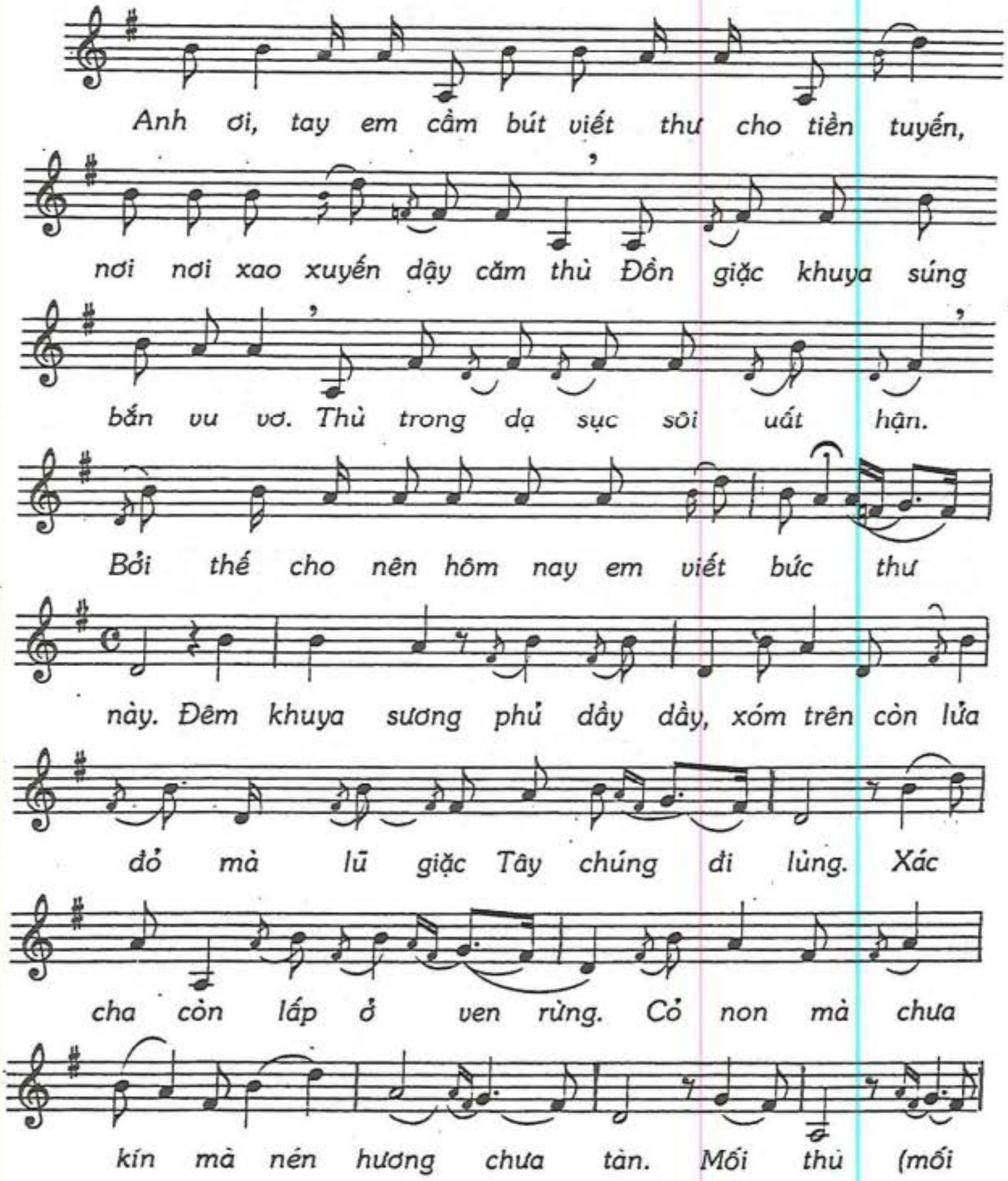
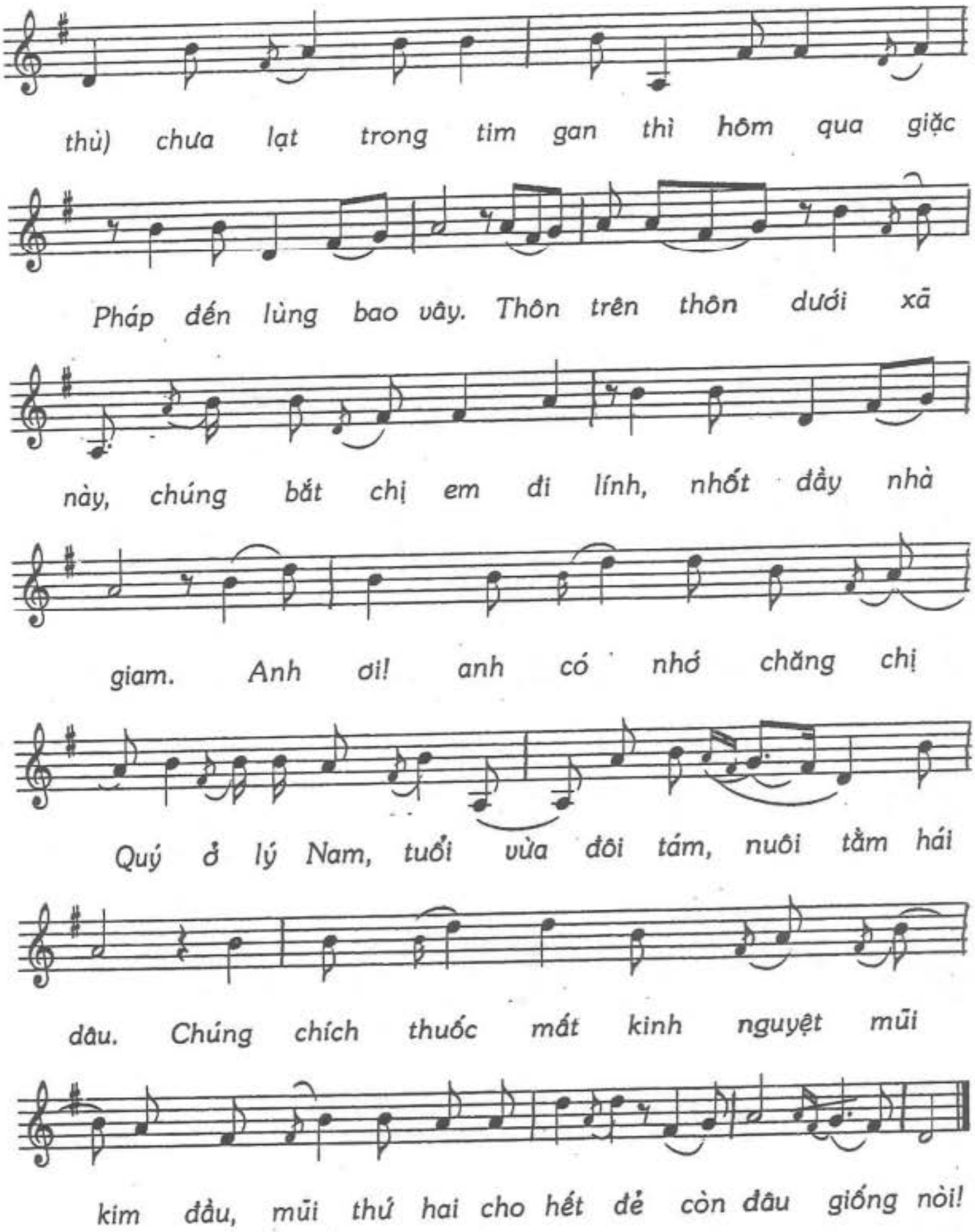
thù) chưa lạt trong tim gan thì hôm qua giặc
Pháp đến lùng bao vây. Thôn trên thôn dưới xã
này, chúng bắt chị em đi lính, nhốt đầy nhà
giam. Anh ơi! anh có nhớ chăng chị
Quý ở lý Nam, tuổi vừa đôi tám, nuôi tằm hái
dâu. Chúng chích thuốc mất kinh nguyệt mũi
kim đầu, mũi thứ hai cho hết đẻ còn đâu giống nòi!

XUÂN NỮ (mới)

Trích bài chòi lớp ĐƠN HÙNG TÍN
TRƯƠNG QUANG LỤC ghi âm
Nghệ nhân KIM KÍCH hô
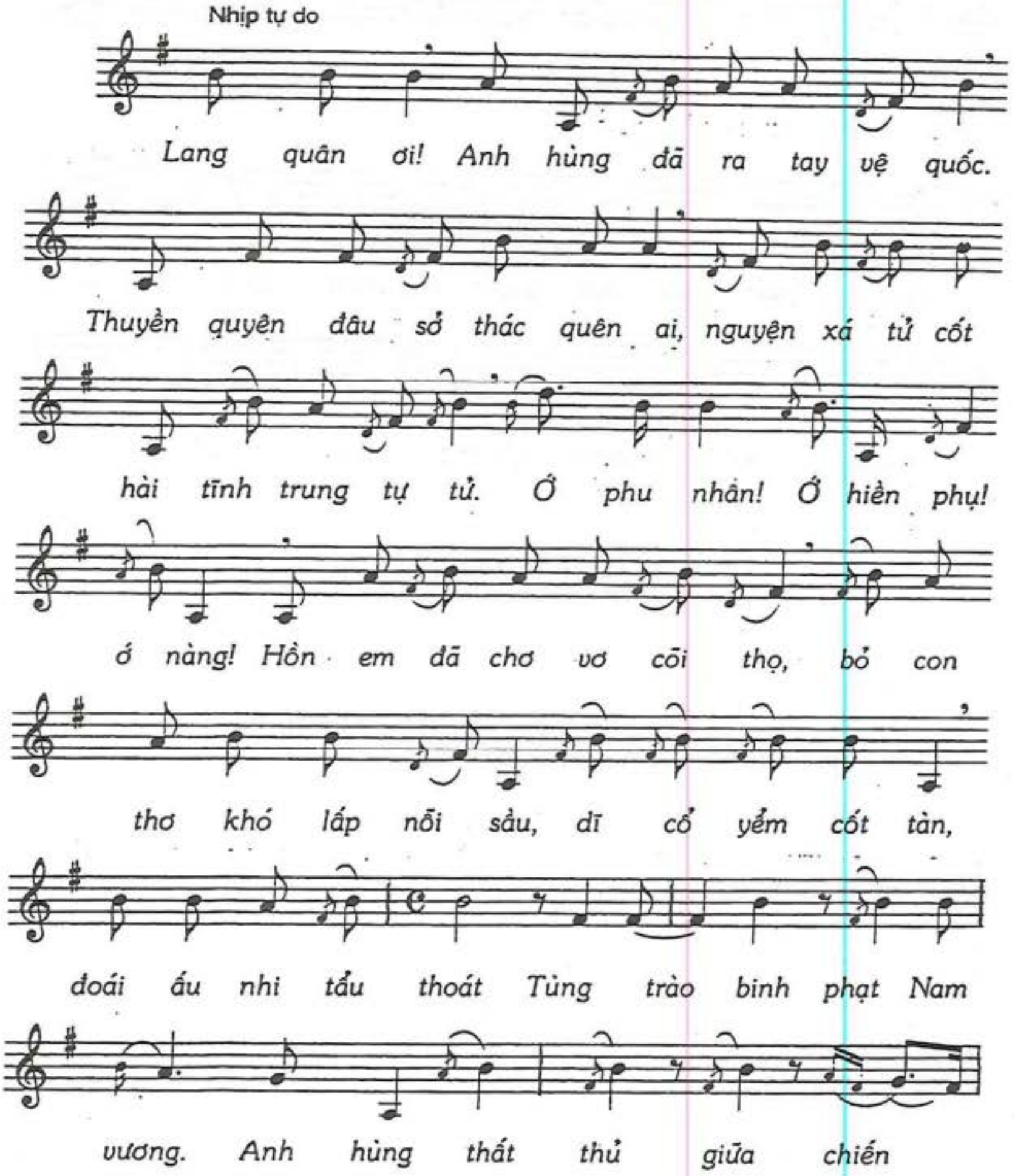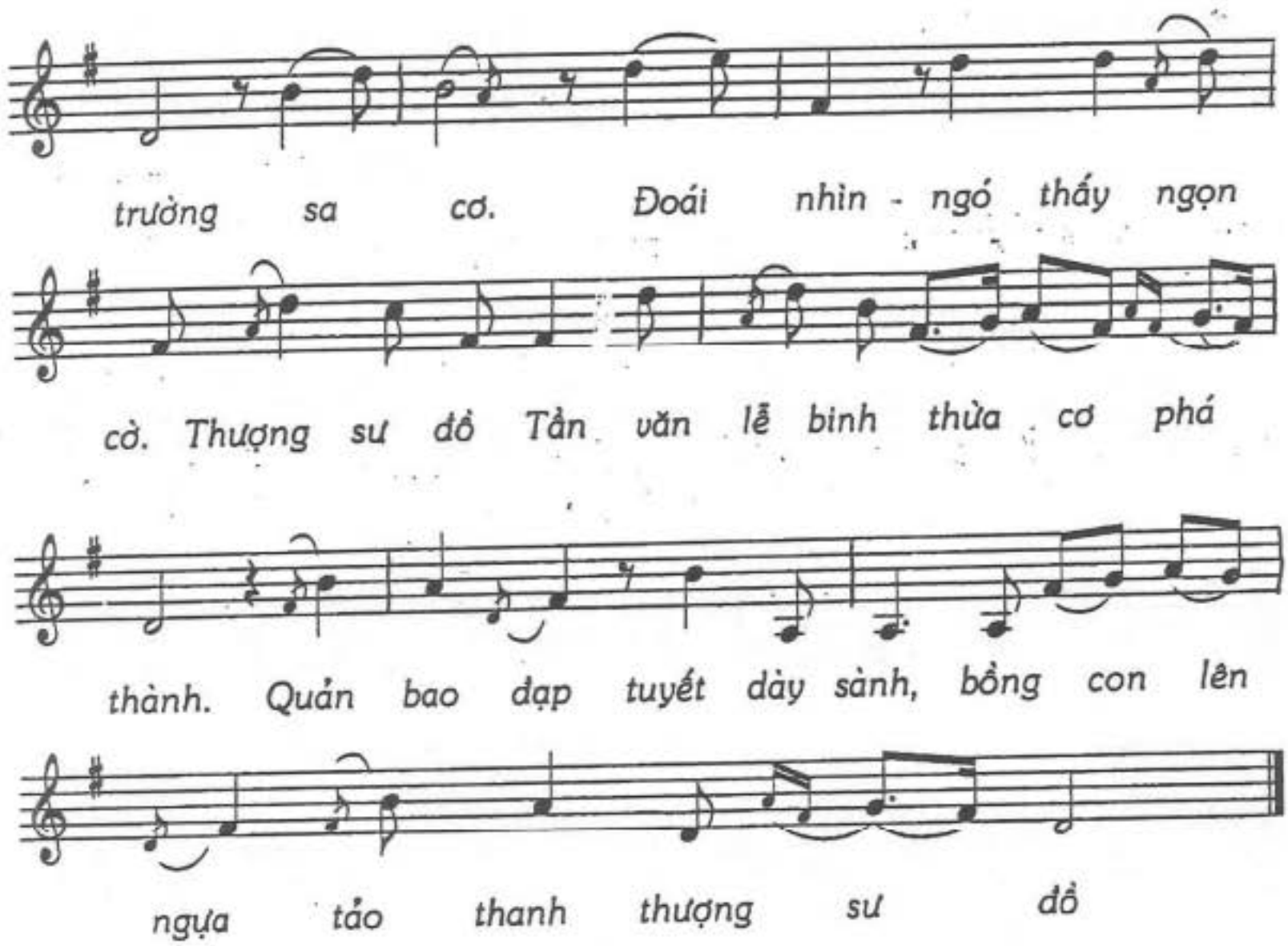
trường sa cơ. Đoái nhìn - ngó thấy ngọn
cờ. Thượng sư đồ Tản văn lễ binh thừa cơ phá
thành. Quản bao đạp tuyết dày sành, bồng con lên
ngựa tảo thanh thượng sư đồ

Giọng XUÂN NỮ (mới)

Trích bài thơ hô bài chòi "Chờ con má nhé"

(viết năm 1954 của THÚC HÀ)

NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
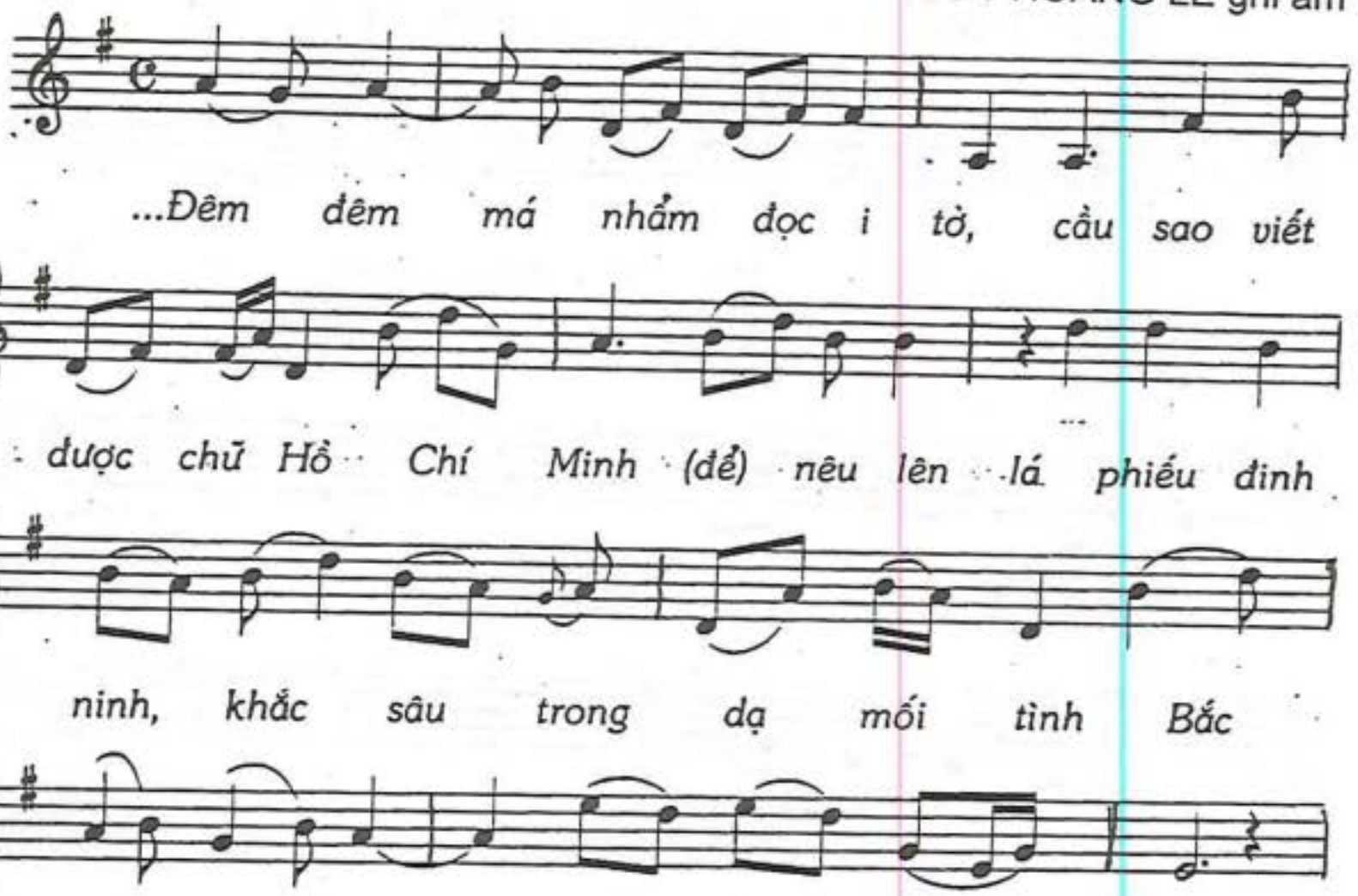
chuyển XÀNG XÊ DỰNG
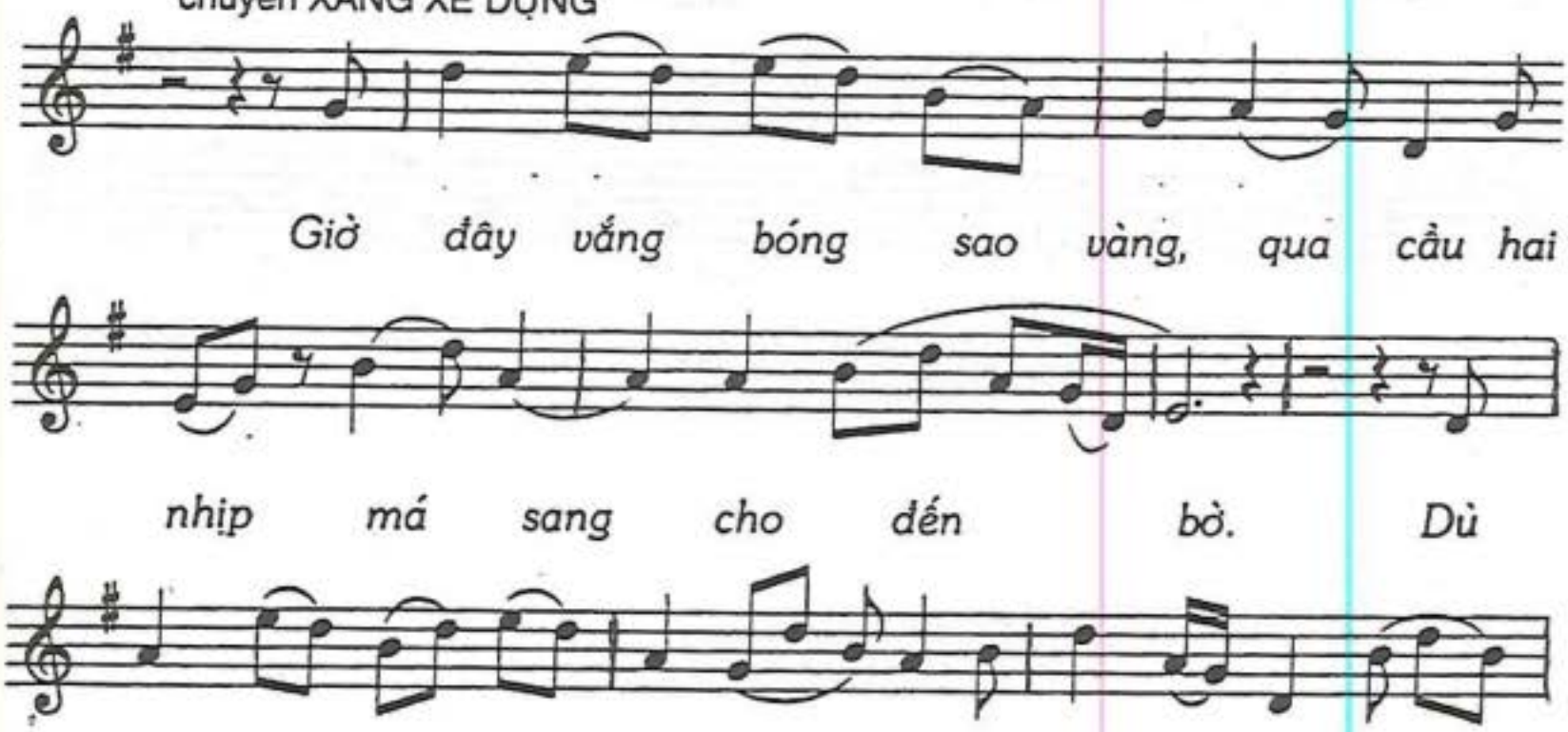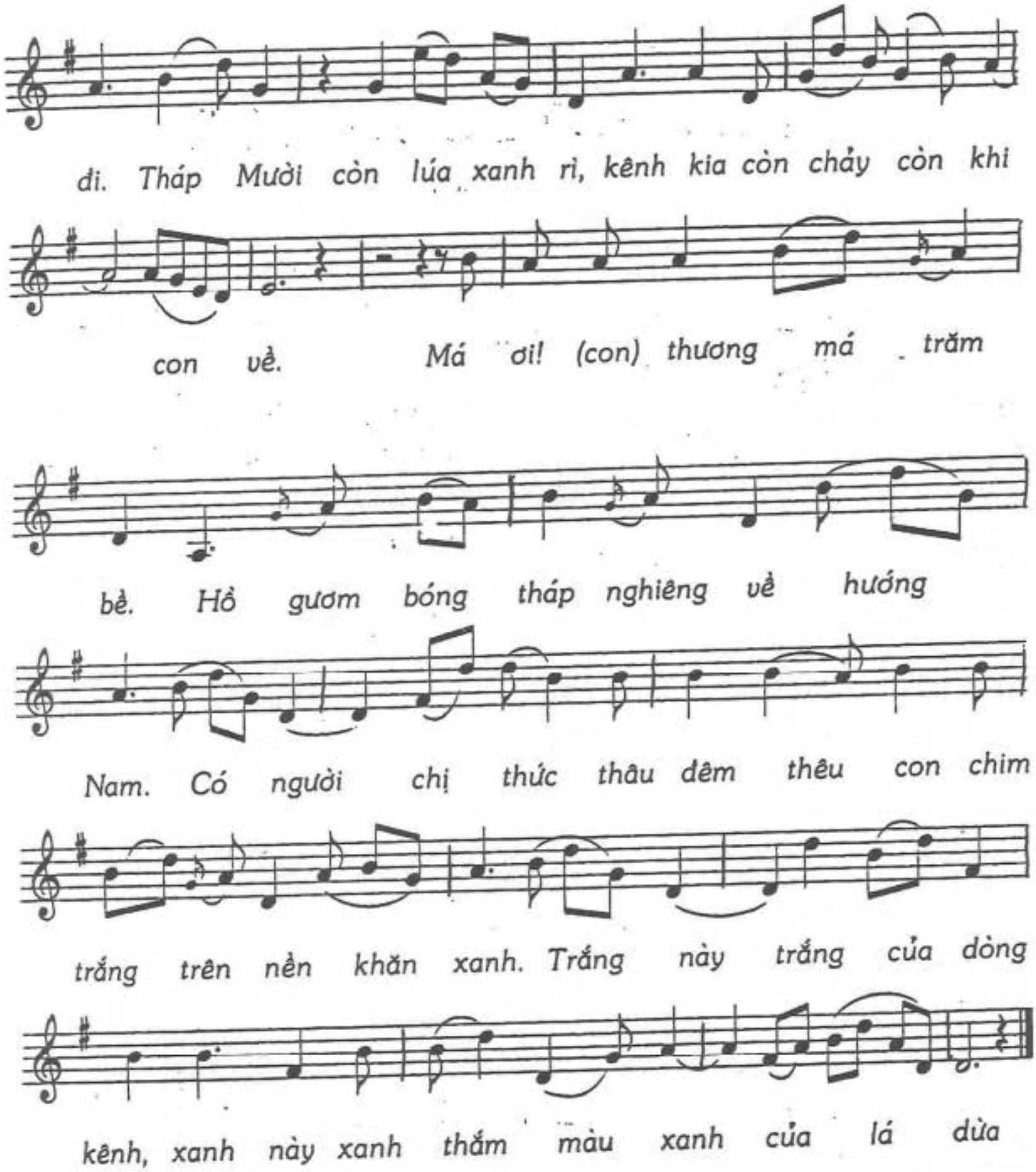
đi. Tháp Mười còn lúa xanh rì, kênh kia còn chảy còn khi
con về. Má ơi! (con) thương má trăm
bề. Hồ gươm bóng tháp nghiêng về hướng
Nam. Có người chị thức thâu đêm thêu con chim
trắng trên nền khăn xanh. Trắng này trắng của dòng
kênh, xanh này xanh thắm màu xanh của lá dừa

Bên bờ sông Côn

(Trích đoạn)

XUÂN NỮ giọng ai — NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm

từ thơ của TRƯƠNG PHÚ XUÂN
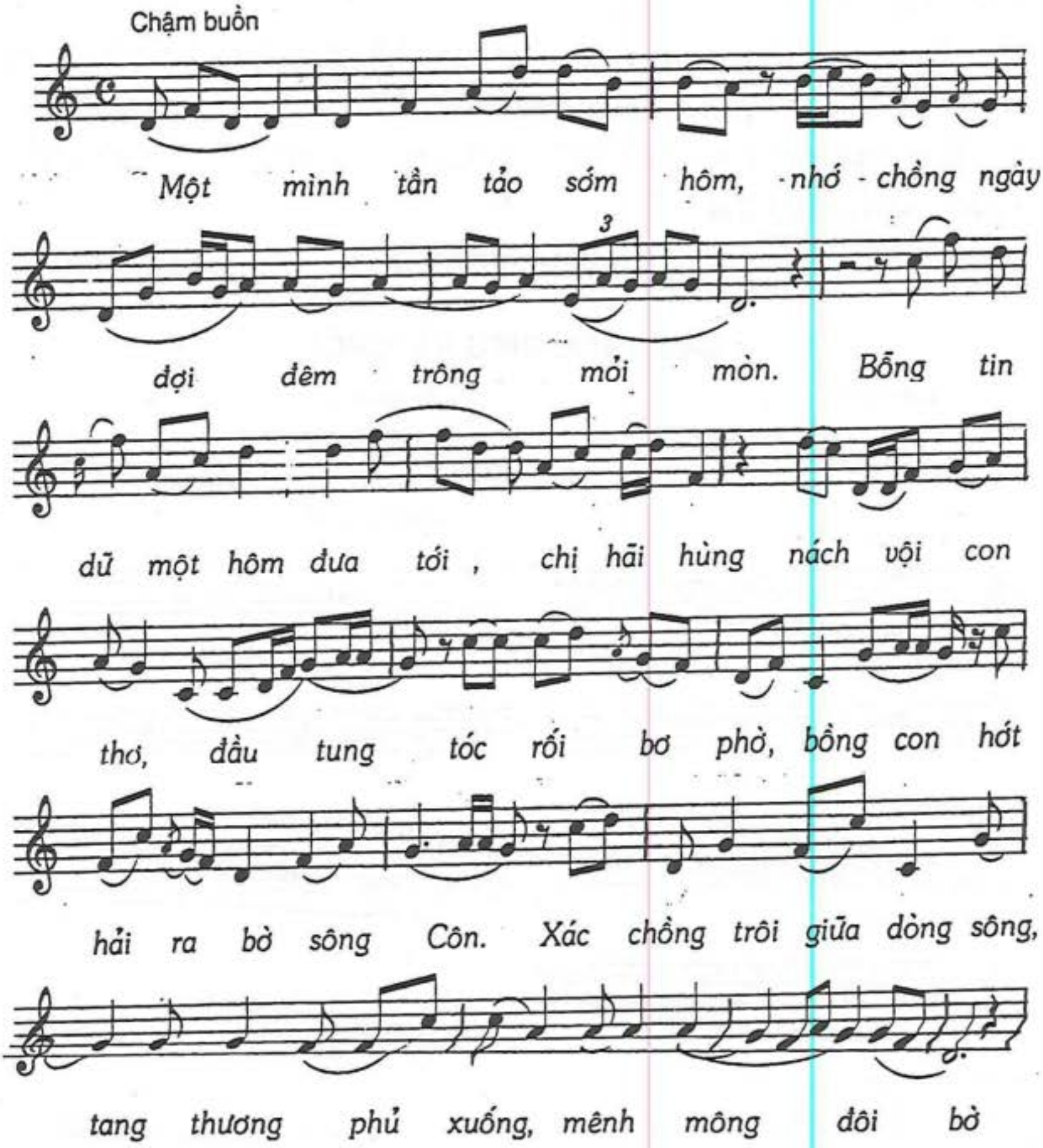
IV. TÍNH CHẤT CỦA CÁC ĐIỆU BÀI CHÒI

Bài chòi xuân nữ tha thiết, trữ tình, thích hợp với lối tự sự giãi bày tâm trạng, lối đan ghép chất liệu đem lại giọng điệu mới, tạo nên sự điều hòa tính chất u buồn, mềm mại, bên cạnh tính chất rắn rỏi, tươi mát.

Bài chòi nam xuân trong sáng khỏe khoắn. Với cách pha trộn tiết tấu, kết hợp ngữ khí có thể diễn tả tính chất đều giả, kệch cỡm.

Bài chòi xàng xê buồn bã, bi thảm; khi dựng lên, tính chất khẳng khái, đấu tranh.(*)

Bài chòi Hồ quảng tươi tắn, phấn khởi

CÁC DẠNG ĐIỆU BÀI CHÒI

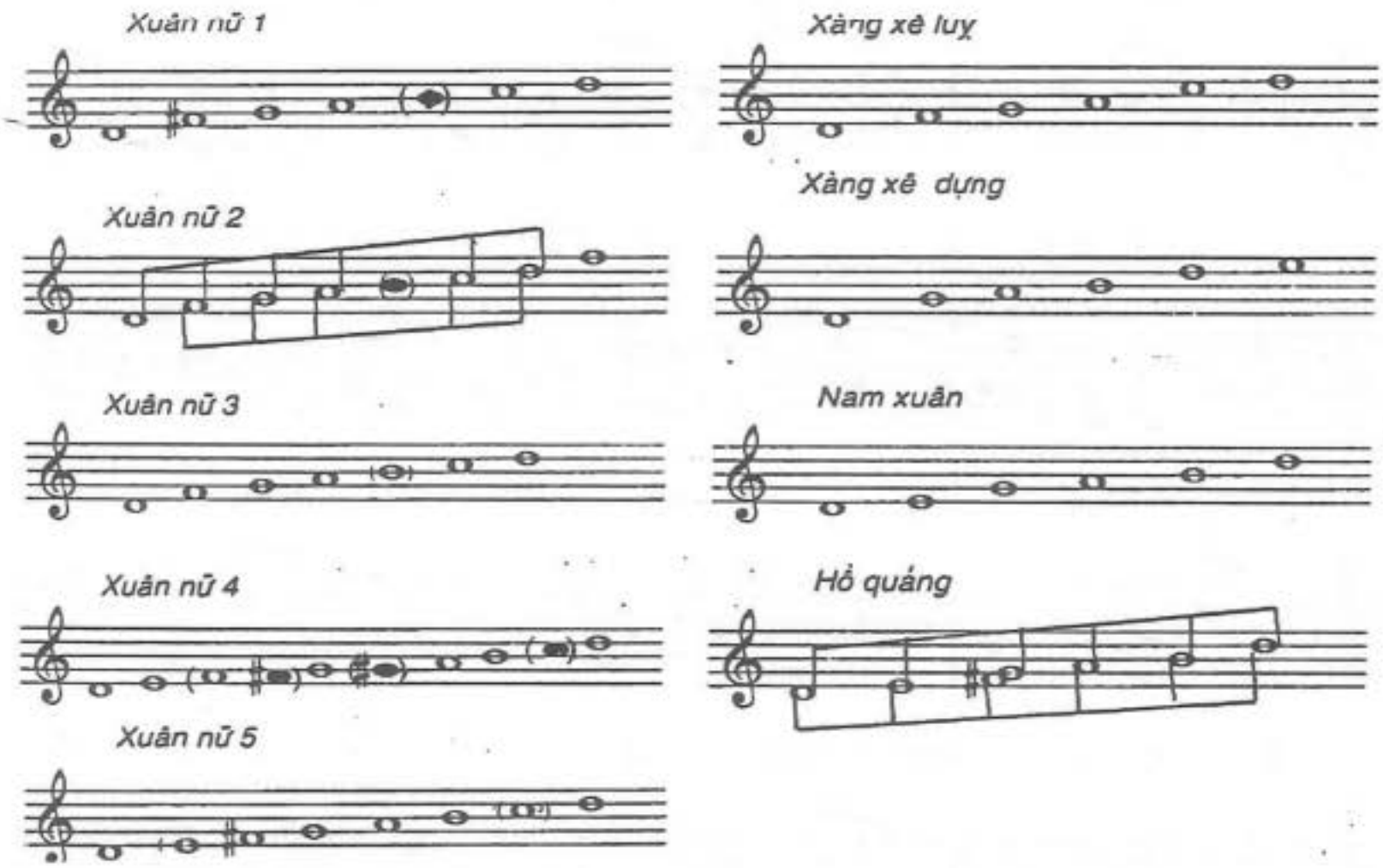

(*) Xàng xê giọng bi, hơi oán gọi là xàng xê cũ, Xàng xê giọng dựng, hơi xuân là Xàng xê mới. Xin được trình giải kỹ những vấn đề về giọng, hơi, điệu của bài chòi trong công trình chuyên luận.

VỀ KẾT NGẮN

Giọng gái làn điệu	Từ thứ tám câu 8 với dấu huyền	Từ thứ tám câu 8 với không dấu
Xuân nữ	Rê^{1}	La^{1}
Nam xuân	Rê^{1}	Sol^{1}
Xàng xê lụy	Rê^{1}	Sol^{1}
Xàng xê dựng	Mi^{1}	La^{1}
Hồ Quảng	Rê^{1}	La^{1}

VỀ KẾT DỨT TRỌN

Giọng gái làn điệu	Trên từ với dấu huyền	Trên từ với không dấu
Xuân nữ	Rê^{1}	La^{1} về Sol^{1}
Nam xuân	Rê^{1}	Sol^{1}
Xàng xê lụy	Rê^{1}	Sol^{1}
Xàng xê dựng	Mi^{1}	La^{1}
Hồ Quảng	Rê^{1}	Sol^{1} hoặc Rê^{2}

Giai điệu ban đầu với mô hình dựa trên một cặp 6-8, còn đơn giản, mộc mạc. Chỉ mới có đàn cò (đàn nhị) tòng sát thanh điệu của lời, đỡ giọng, đưa hơi và một cặp sanh đập theo nhịp một (tạm gọi nhịp 2/4), gõ một tiếng vào phách mạnh. Có nhóm nhạc dùng song loan (song lan) dập nhịp.

Với sự phát triển của nghệ thuật hô diễn, chúng ta nhận thấy:

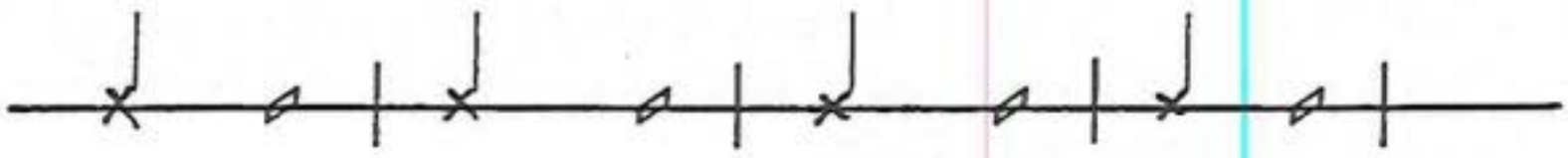

Câu hô dài hơn, có tình tiết, có đầu có đuôi, trọn vẹn nghĩa. Nội dung mở rộng đến những vấn đề xã hội, thời sự, phản ảnh hiện thực cuộc sống, có ý nghĩa gắn với tên quân bài.

Câu hô là của nghệ thuật hô diễn bài chòi, chứ không vay mượn ở hò khoan, vè, hát ru.

Giai điệu nhiều màu, nhiều vẻ. Nghệ sĩ *hô* sáng tạo, pha trộn chất liệu ca nhạc dân tộc và dân gian, để *diễn* cho phù hợp với tình cảm, sắc thái của nội dung; biến hóa tiết tấu sinh động, linh hoạt, gạt bỏ những từ đệm lót tùy tiện. Phần nhạc đệm có thêm trống con, đàn hồ nhỏ, đệm có mầm mống phức điệu, theo nhịp (tạm gọi) 4/4.

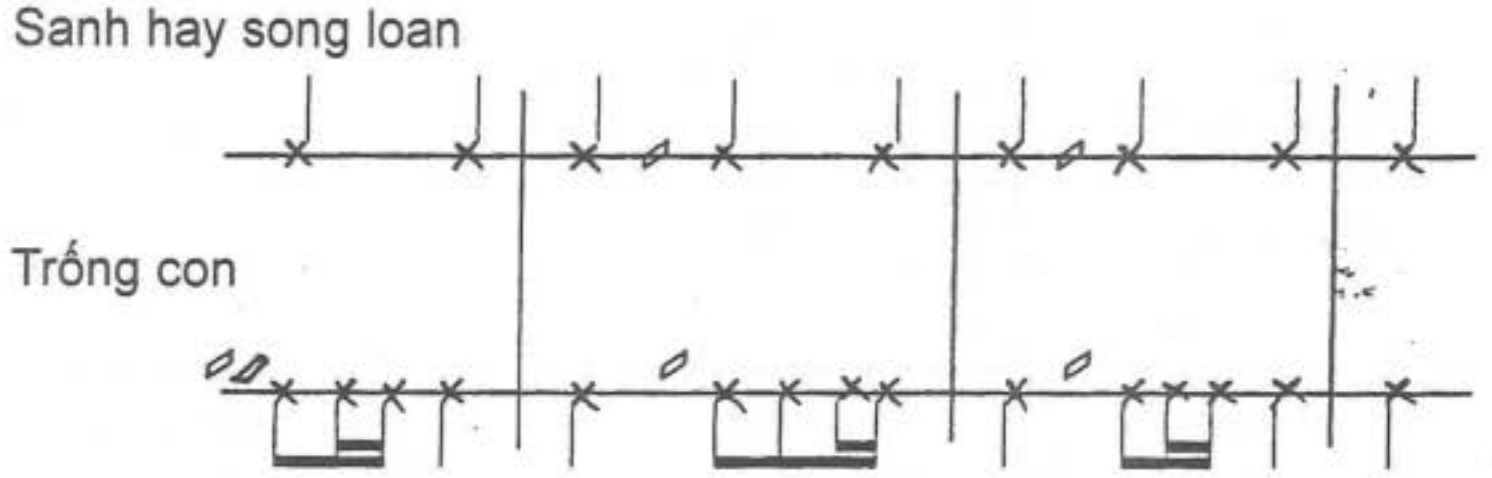

Người chơi trống con có thể tùy theo tính chất và màu sắc của giọng điệu mà trộn, đảo roi trống, biến hóa tiết tấu.

Cần nói rõ thêm về nguồn gốc của vài làn điệu Bài chòi(*).

(*) Trong *Đặc khảo về âm nhạc ở Việt Nam* (Hiện đại xuất bản - Sài gòn, tháng 4/1972) ở chương *Sân khấu ca kịch bài chòi* (trang 201 và 202), Phạm Duy nhận xét "Rồi vì nhu cầu cốt truyện, người ta tạo thêm một điệu hát nữa, ngoài điệu Xuân nữ kể trên. Đó là *điệu Xàng xê, vốn là điệu hò* địa phương cải tiến". Âm nhạc lúc nào cũng được bổ túc. *Điệu Cổ bản ở hát bội tới, điệu Hồ quảng ở dân ca lên* (Tôi nhấn mạnh - TĐQ).

Ở "Thử tìm nguồn gốc ca kịch bài chòi" - Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật số 2 (43) 1982 - Bộ Văn hóa xb - Hà Nội - do dựa vào nhận xét của Phạm Duy, Phan Kế Hoành cũng sai lầm như thế.

Đọc thêm "Góp thêm vài điểm về ca nhạc của kịch hát bài chòi" Trương Đình Quang - Tạp chí *Nghiên cứu nghệ thuật số 1* (54) 1984 - Bộ Văn hóa xb - Hà Nội.

Từ âm điệu ở một lớp của bản nhạc *Xàng xê* - bản Bắc lớn, thuộc nhạc lễ - người nghệ sĩ hô diễn sáng tạo điệu *bài chòi xàng xê.* Bản *Xàng xê* nhạc lễ với tính chất trang nghiêm, huy hoàng thường được hòa tấu ở các đám rước sắc Thần, với tên *"bài xây thượng",* dùng trong sân khấu hát bội, ở những sự kiện uy nghi, trang trọng (thiết triều, đại yến). Trong quá trình hô diễn, người ta tiếp nhận chất ca xướng, tính chất hùng tráng, cương nghị nhưng dịu dàng, êm ái của điệu *Xàng xê nhạc tài tử* và chuyển hóa vào *bài chòi xàng xê.*

Xàng xê lụy thường nối tiếp sau điệu *Xuân nữ,* đôi lúc với điệu *Nam xuân,* tiết tấu dãn ra, chậm hơn điệu trước nó.

Về lời hát, những từ để nhấn mạnh và báo trước sự chuyển điệu của nó, là những từ không dấu, bỗng nhiên được hát thấp xuống một cung, so với âm chủ của điệu trước nó.

Xàng xê dựng với sự thay đổi sáng tạo tiết tấu, nối tiếp sau điệu *Xuân nữ,* thể hiện vẻ trong sáng, niềm tin vào những điều tốt đẹp.

Về điệu *Bài chòi cổ bản* - Mãi đến những năm 50, người trong ngành ít hiểu sâu nghề, vẫn còn dùng tên này.

Đúng ra, điệu này chứa đựng tính chất và màu sắc của điệu *Nam xuân,* là một bản khí nhạc lớn, thuộc nhạc lễ mà hát bội, ca nhạc tài tử, ca kịch cải lương, ca kịch Huế và ca kịch bài chòi, đều đã tiếp nhận và chuyển hóa theo phong cách riêng của thể loại mình. Có thể điệu *bài chòi Nam xuân* còn chứa đựng tính chất trong sáng nồng nhiệt từ *Xuân tình* ca nhạc tài tử.

Về điệu *bài chòi Hồ quảng* - để tránh là vay mượn tùy tiện, khỏi mang tiếng lai căng - nhiều người khiên cưỡng cho rằng, điệu này ra đời từ chất liệu điệu *hò khoan Quảng Nam* (vì thế nên gọi là *bài chòi hò Quảng* - "hò" chứ không phải là "hồ", hoặc vì ta lấy *âm hò,* dựa theo giọng nhạc Quảng Đông (Trung Hoa).

Chất liệu của điệu này tiếp nhận ở các điệu Quảng ca kịch cải lương (có nguồn *Hồ quảng* này sinh từ những điệu *bi hoàng* của hí khúc Trung Hoa). Nghệ sĩ bài chòi dựa trên cái âm điệu "ngoại lai" ấy, biến nó thành vốn liếng của ngành mình.

HÔ LÔ TÔ

Hô lô tô của đất Nam kỳ cũ[1], diễn xướng thân thuộc của các đoàn bán rong thuốc dán và các loại thuốc khác: bổ huyết khu phong, điều kinh, bổ thận v.v..., đến đất Quảng vào đầu những năm 40.

Các gánh bán thuốc này chào đón bà con địa phương với lời rao mở đầu sáng tác kịp thời, chân chất, gần gũi với nói vè; mỗi câu được chấm dứt bởi một nét roi trống "tốc tốc xảng"[2].

Thưa bà con cô bác

Chúng tôi ở tại Sài Gòn

Lòn ta Phan Thiết

Xiếc ở Nha Trang

Lang thang rồi mới tới Hội An[3]

Dạ thưa - Quảng cáo thuốc dán

- Bao nhiêu tiền một miếng?

Ở tại Sài Gòn, Chợ Lớn bán hai cắc một miếng

Lại đây lần đầu

Hầu thăm bà con

Bán rẻ cho một cắc một miếng

Ông nào dùng lên tiếng, bà nào dùng lên tiếng

---

(1) Trò chơi đánh xổ số du nhập từ Pháp.

(2) Người ta quen gọi là "roi trống mãi võ Sơn Đông".

(3) Có thể đổi khi đến nơi khác: Bữa nay mới ghé Điện Bàn, chưa kịp sang Chợ Mới - Còn phải tới Câu Lâu - còn ở đâu nhiều lắm... Ghé thăm qua Vĩnh Điện - Xin thưa chuyện với bà con...

Chúng tôi hầu đem tới hai tay tận nơi

Rồi làm trò khác coi chơi

Tả lộ(*) lên á!

Trống tốc xảng kéo dài cho đến khi người rao ra lệnh dừng để nhóm xiếc (người hoặc thú), nhóm mazi (ảo thuật) trình diễn, hoặc đổi lời rao môn thuốc mới.

Thường chen vào giữa việc quảng cáo 3 môn thuốc, người ta cho đông đảo khách hàng xem vài tiết mục nhào lộn, trồng chuối (trồng người) xiếc khỉ, đánh kiếm, đánh đao, nhai bóng đèn, ngậm dầu phun lửa v.v...

Để đổi màu sắc cho việc quảng cáo và lôi cuốn khách hàng, gánh thuốc tổ chức trò chơi đánh lô tô. Vé chơi phát không, quà thưởng là thuốc.

Hô lô tô là trò chơi bình dân, kèm theo hình thức diễn xướng các bài vè. Mỗi người có thể chơi từ 1 đến nhiều tấm giấy bìa cứng, đặt trước mặt. Mỗi tấm hình chữ nhật có 4 hàng số theo chiều ngang, mỗi hàng có 5 ô chứa 5 con số khác nhau. Ai có giọng hấp dẫn, thuộc nhiều vần vè thì có thể thay nhau hô lô tô - người hô vừa móc con cờ (con số bằng gỗ tròn) đựng sẵn trong túi vải. Mọi người dự cuộc đều ngồi chung quanh, hồi hộp lắng nghe và phỏng đoán con số nào đó mà mình đang mong đợi qua ý nghĩa câu vè. Ai về đủ năm con số thì được cuộc. Thường gọi to chữ "KINH".

(*) Đánh trống lên! Nói tiếng Tàu cho ra vẻ mình bán thuốc của người Hoa.

Hô lô tô(*) có làn điệu gọn gàng, lời dí dỏm nên thu hút người nghe, tiết tấu đều đều nhưng cũng có nhiều chỗ biến phách dồn dập, giai điệu vận động trên điệu thức oán.

Nhóm hô lô tô thường có một con trai hay một con gái có giọng hay (tất nhiên là biết ca điệu cải lương) một người đánh trống con và thanh la nhỏ, một người kéo đàn cò (nhị), một người thổi kèn tiểu - đều do người làm xiếc, diễn ảo thuật hoặc bán thuốc kiêm nhiệm.

(*) Trang 149 - 191, *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ* của Lư Nhất Vũ và Lê Giang - Nxb Tp Hồ Chí Minh, tháng 2/1983. Ở phần "Các thể loại dân ca Nam bộ" - *Nói vè.* Giới thiệu một số khúc lời không giai điệu.
Điệu hò này tương đối mới, các cụ ở đây ít có người biết.
Tập kỷ yếu *Sưu tầm văn nghệ dân gian* - Viện nghiên cứu lý luận và lịch sử nghệ thuật - Hà Nội, xuất bản 1980, trang 64-66 về *Văn nghệ dân gian* tỉnh Phú Khánh.
Loto (de l'ital.lotto, lot) Jeu de hasard qui se joue avec des cartons numérotés, dont les joueurs couvrent les numéros à mesure que l'on tire d'unsac les pions correspodants. Ensmble des objets dont on se sert pour jouer ce jeu - page 593 - *Nouveau Petit Larousse Illustré* - Claude Augé et Paul - Paris -1948.

Nhanh vui

Na Tra thời lóc thịt, trả lại

cho mẹ cha, nhờ thầy mà hóa

ra bông sen mà hườn cốt con

hai mà mươi mốt. Con vượn bồng

con lên non mà ham hái trái, tôi

cảm thương nàng phận gái ấy mồ

côi, con số một ôi! Thuốc ho Ông

Tiên, bà con bên vợ, cậu mợ ấy bên

chồng, ai có ho phong cùng là mà ho
gió. Những dứa mà em nhỏ, cảm gió ấy mà
ho, trước biết dã chẳng lo, để sau thì ho
nữa, dàn bà có chửa, uống chẳng có kị
thai, con số á mười hai.

Bắn rơi máy bay bà già

Nhanh vui
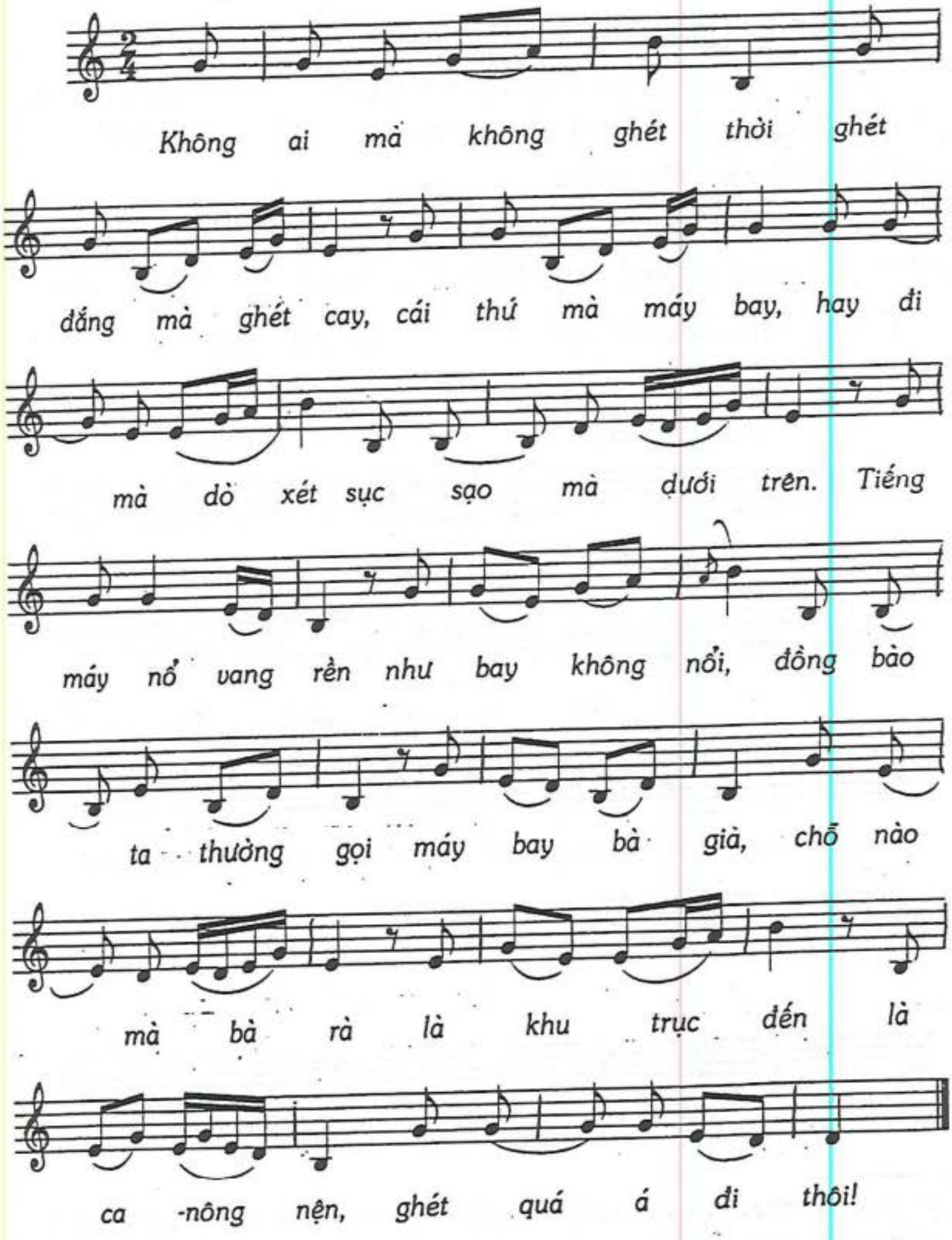
Những nét giai điệu trên cho thấy rõ sự pha trộn hai chất liệu:

a. Dân gian, mộc mạc, từ nói vè, gần gũi đồng dao.

b. Biến hóa màu sắc điệu Hồ quảng(*)

Ở trò chơi xổ số quen thuộc, với thể văn vần 4 từ, 5 từ chủ yếu kể lể gây sự chờ đợi cho người chơi, không có điều kiện cho sự trình diễn mở rộng.

Nhưng khi được đưa vào việc quảng cáo, nhóm biểu diễn (tổ nhạc và tổ hô) phải tìm cách nâng cao lối hô, lối nhạc đệm.

Chẳng hạn, để thêm tính chất tươi tắn, rộn ràng mở đầu vào hô, nét dạo nhạc có thể là:
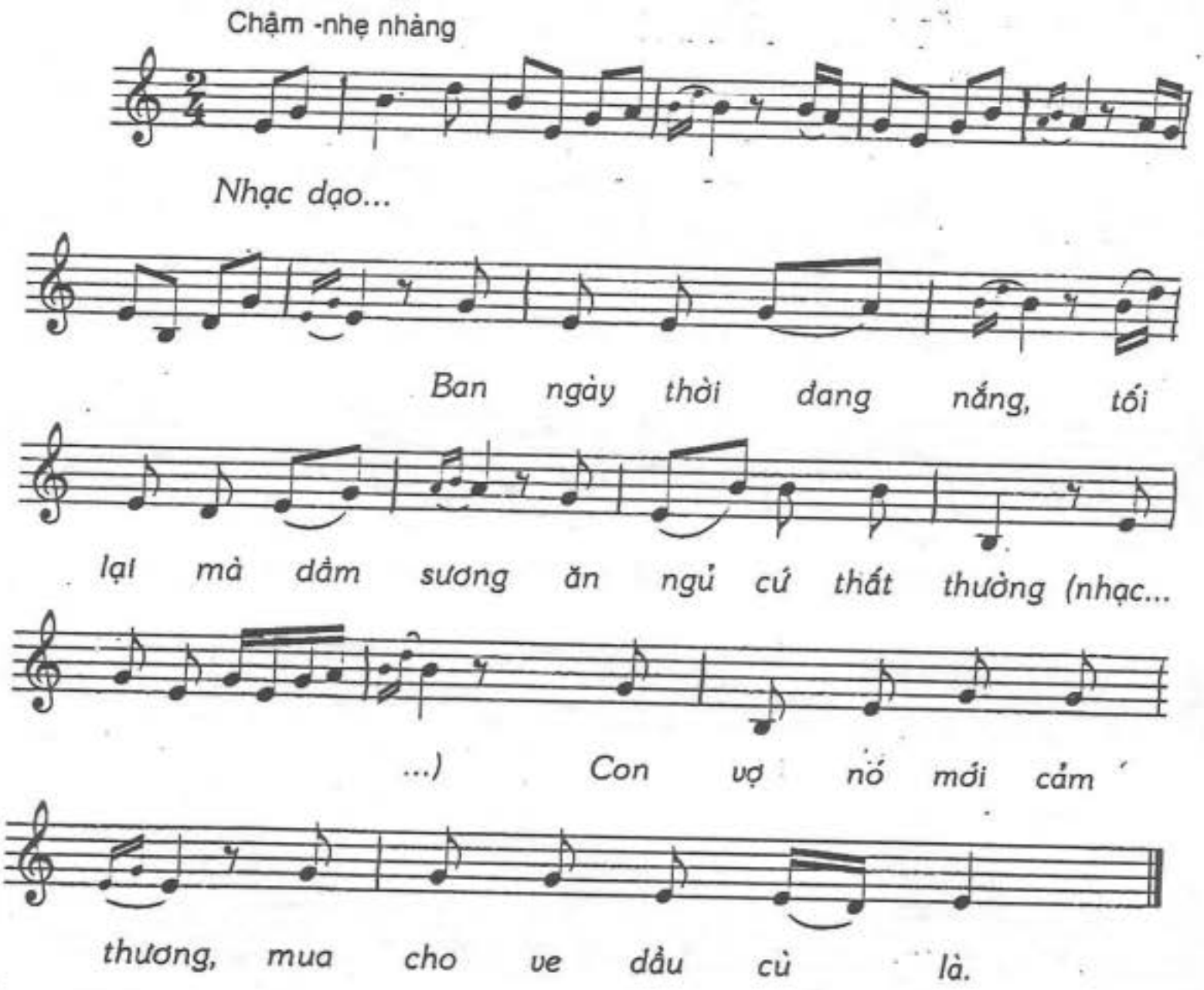
(*) Chất liệu ca nhạc điệu *bì hoàng* - kịch hát Trung Quốc du nhập vào kịch hát cải lương, từ những năm 30.

VÈ

Vè Quảng nhiều. Là diễn xướng độc đáo, tính chất âm nhạc riêng biệt, theo các thể 3 từ, 4 từ, 5 từ, 6-8 và 6-8 biến thể. Vè đồng dao ở các thể 2 từ, 3 từ, 4 từ (đôi khi, có biến thể) và 5 từ với tiết câu ngắn gọn, tiết tấu từng đoạn sôi nổi, thường thể hiện tình cảm vui tươi, hóm hỉnh. Vè theo thể 6-8, 6-8 biến thể và 7-7-6-8 thích hợp với lối tự sự, tình tiết sinh động, nhiều màu nhiều vẻ.

Vè về các đề tài lịch sử, theo truyện cổ dân gian, là những chuyện văn vần dài hàng ngàn câu như vè *Trương Quý Ngọc,* vè bà *Thiếu phó* (về bà đô đốc Bùi Thị Xuân) mang tính chất hùng tráng, bi kịch.

Bên cạnh những vè ghi lại tri thức về thiên nhiên, như *vè trái cây, vè các thứ hoa, vè chim chóc, vè con cá,* những chuyện vè thời sự như *vè Thông Tằm, vè Hương Yên...,* và những vè bình luận thế sự như *vè xem hát bội, vè dạy con, vè con gái đồng trinh...,* còn có những vè lên án chế độ đương thời và chống giai cấp thống trị như *vè thuế nặng, vè xin xâu v.v...*

Đáng chú ý là những vè phản ảnh phong trào nông dân khởi nghĩa, chống nhà nước phong kiến, hoặc những cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống bọn thực dân Pháp xâm lược, như *vè chàng Lía, vè dân dậy, vè khâm sai, v.v...*

Các truyện thơ *Thạch Sanh - Lý Thông, Phạm Công - Cúc Hoa, Thoại Khanh - Châu Tuấn...,* được trình bày theo *nói thơ,* nhưng người nghe cũng thích *nói vè* của nghệ sĩ dân gian hát rong.

NSƯT HUỲNH THỦ nói về
Ban nghiên cứu Dân ca Liên khu V ghi âm

Vừa phải
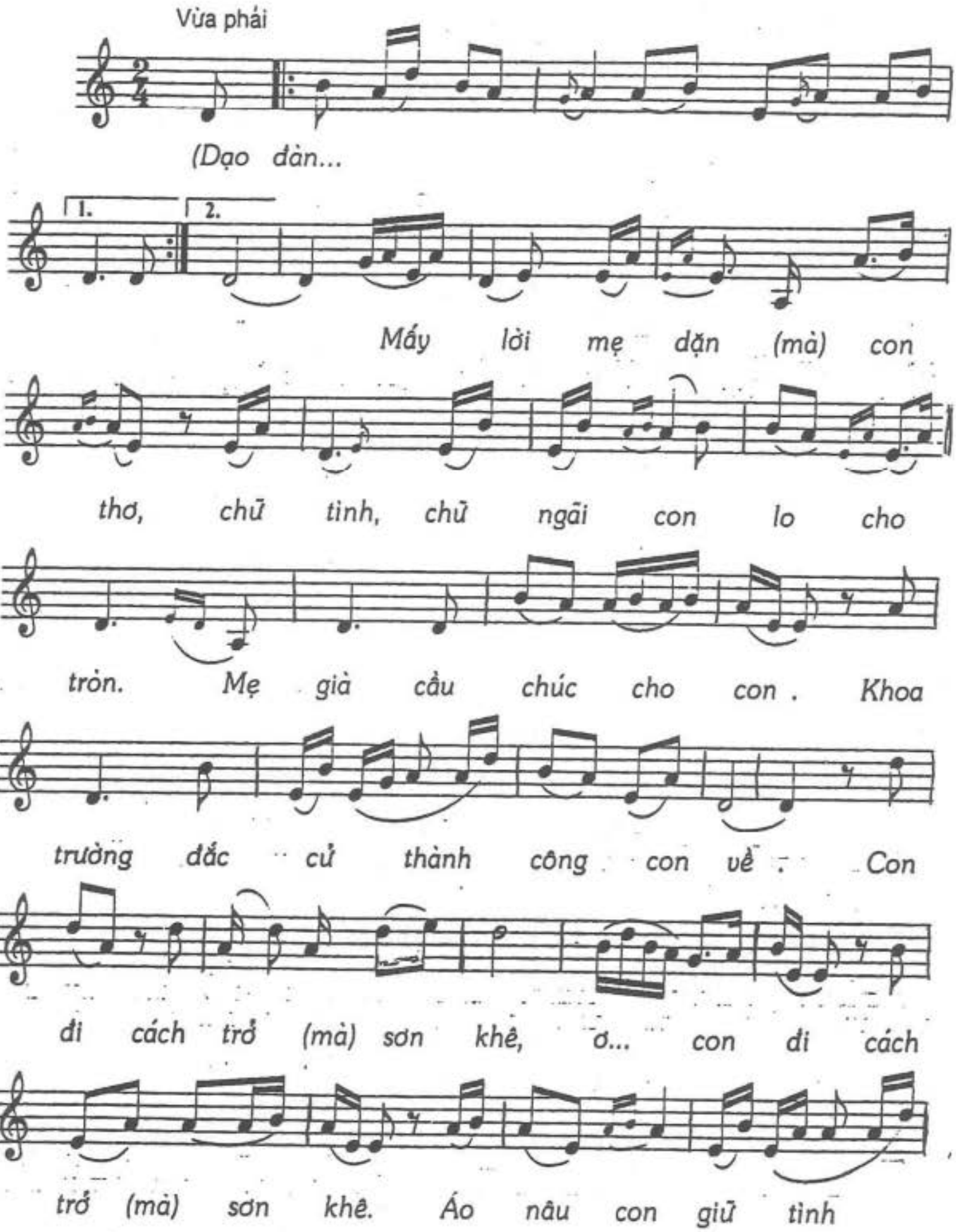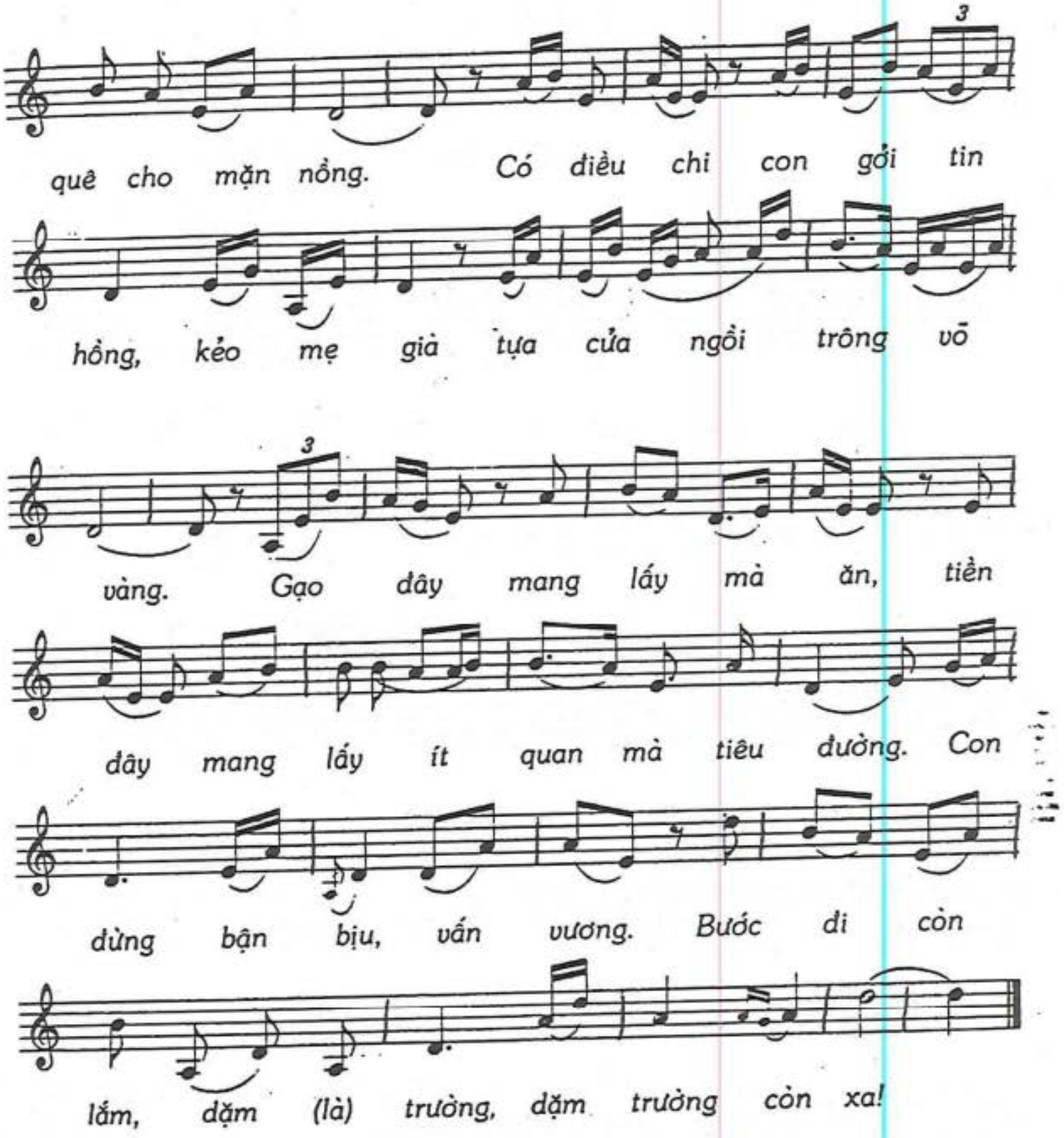
3
quê cho mặn nồng. Có điều chi con gởi tin
hồng, kẻo mẹ già tựa cửa ngồi trông võ
3
vàng. Gạo dây mang lấy mà ăn, tiền
dây mang lấy ít quan mà tiêu đường. Con
dừng bận bịu, vấn vương. Bước đi còn
lắm, dặm (là) trường, dặm trường còn xa!

Và đây, vè ca ngợi tinh thần kiên cường, bất khuất của một em thiếu niên chống thực dân xâm lược Pháp

Trích đoạn từ thơ: Em Đằng anh dũng
của LIÊN NGUYỄN
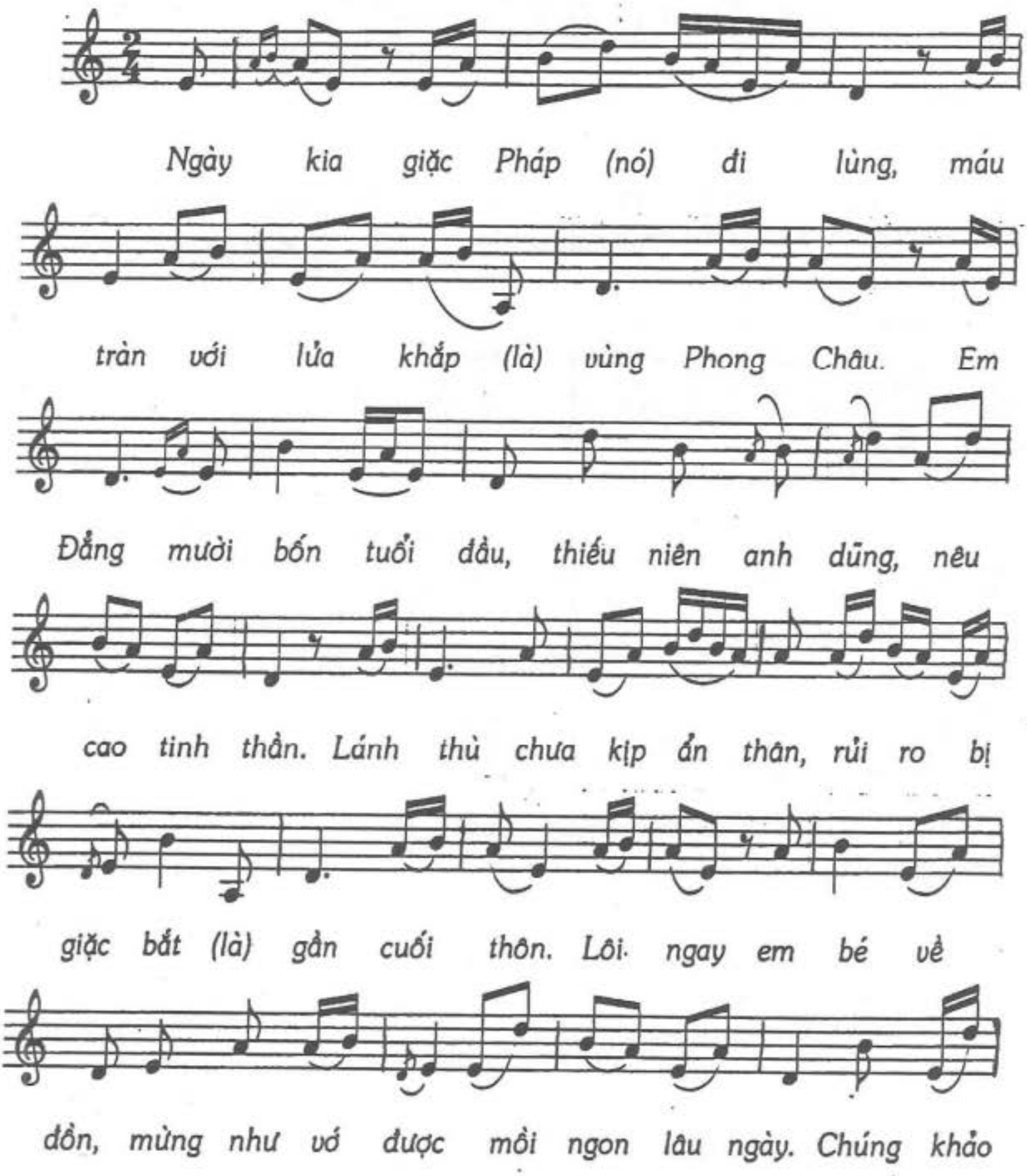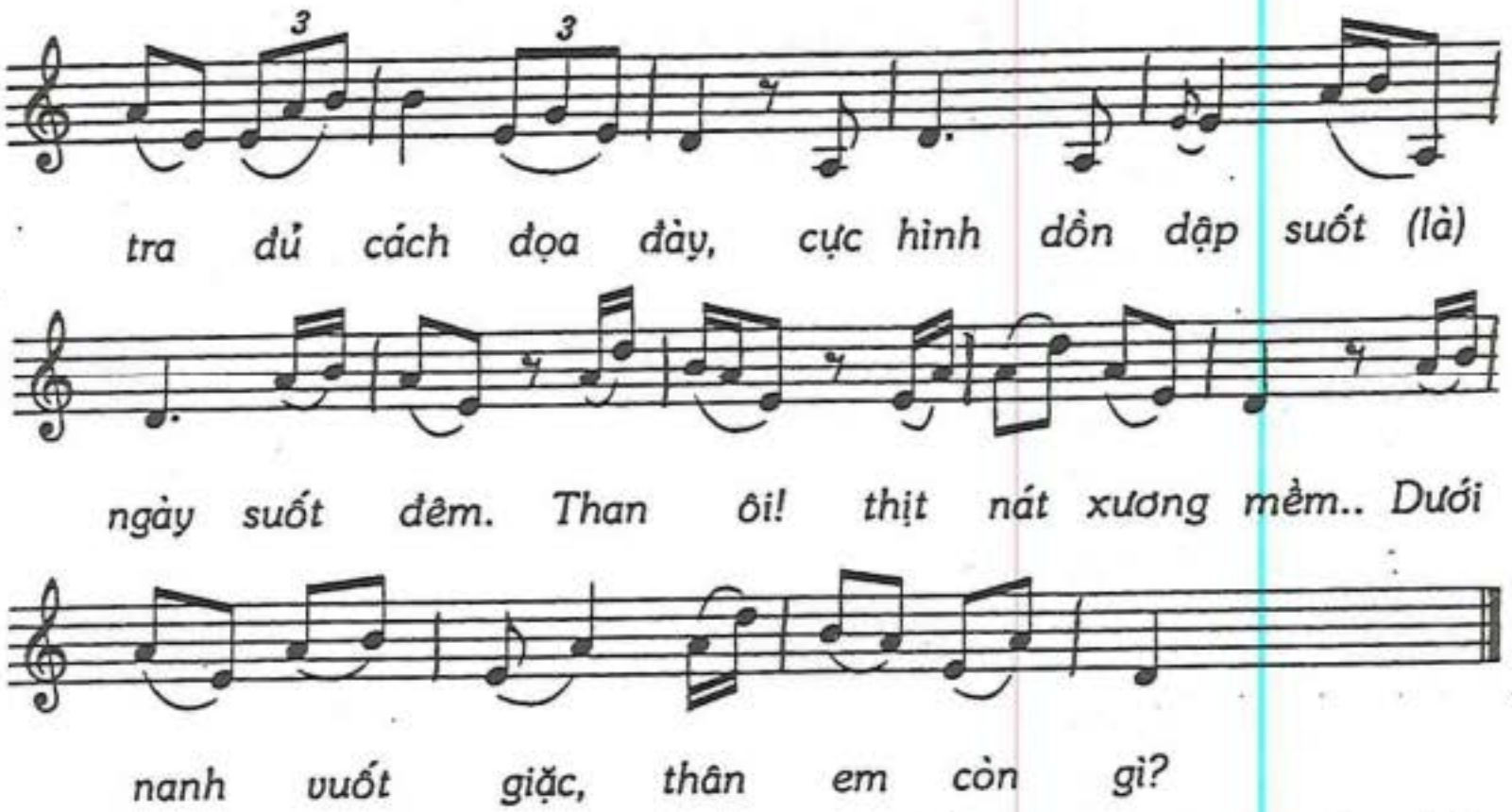
Phổ vào nhạc, tuân theo sự phân tiết, phân câu ở nhịp điệu thơ, tiết tấu của các thể loại vè 2 từ, 3 từ, 4 từ, 5 từ đều giữ đúng chu kỳ, dựa vào trọng âm mà sắp xếp nhịp.

Với thể 2 từ, trọng âm được đặt ở từ thứ hai:

Lên *chuyền*

Xuống *nẻ*

Khẻ *chưn*

Sưng *giò*

Co *cẳng*

Lẳng *cùi*

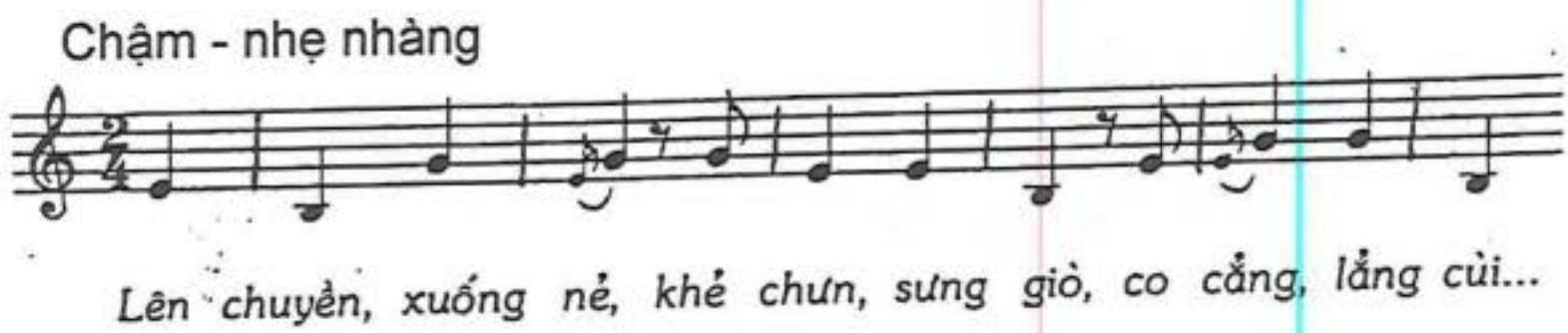

Có lúc, do yêu cầu diễn xướng với độ nhanh "rối loạn", cần đạp nhịp (phá nhịp sẵn có), trọng âm có thể được đặt ở cả hai từ:

Mồng tơi
chín đỏ
một bầy
trẻ nhỏ
ăn cắp
trứng gà
bồ xít
bồ xoa
thì ra
tay nầy!
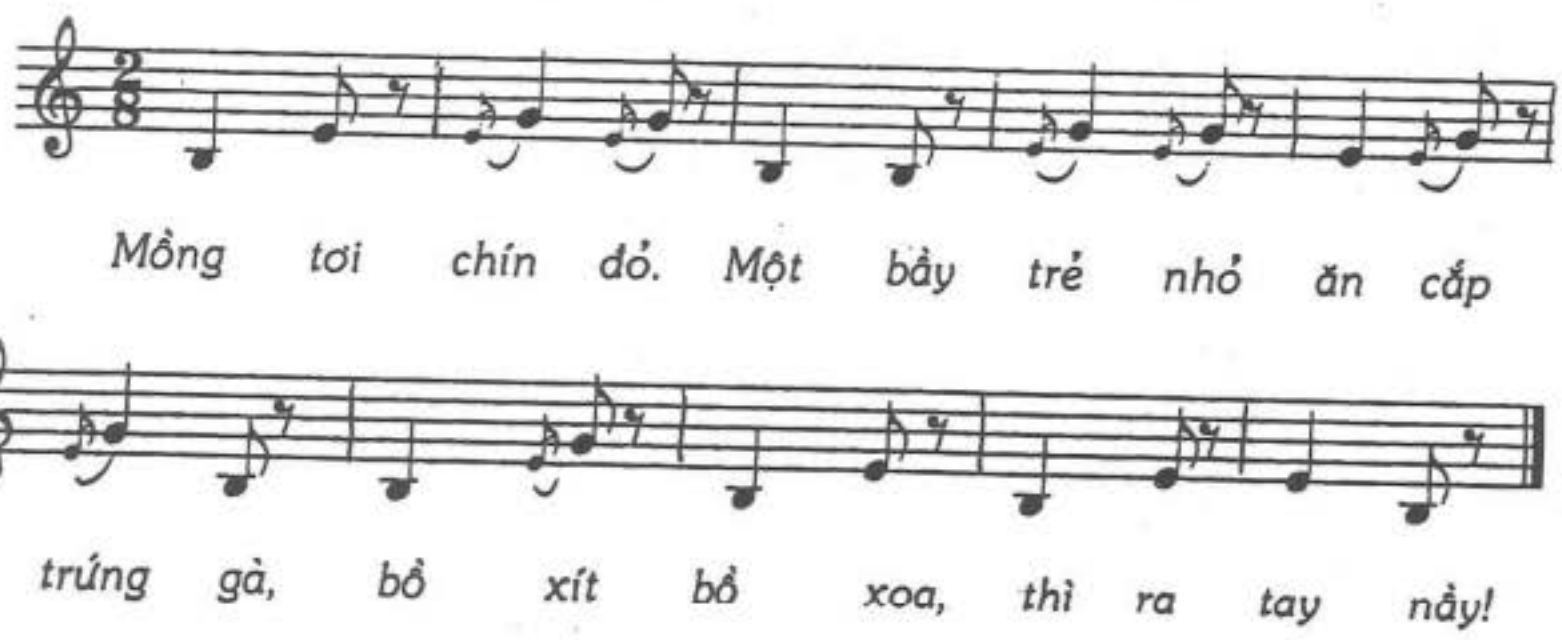
Với thể 3 từ, trọng âm đặt ở từ thứ nhất và từ thứ ba:

Tập tầm *vông*
Chị có *chồng,*
Em ở *vá*
Chị ăn *cá*
Em mút *xương*
Chị nằm *giường*
Em nằm *đất*

sẽ là
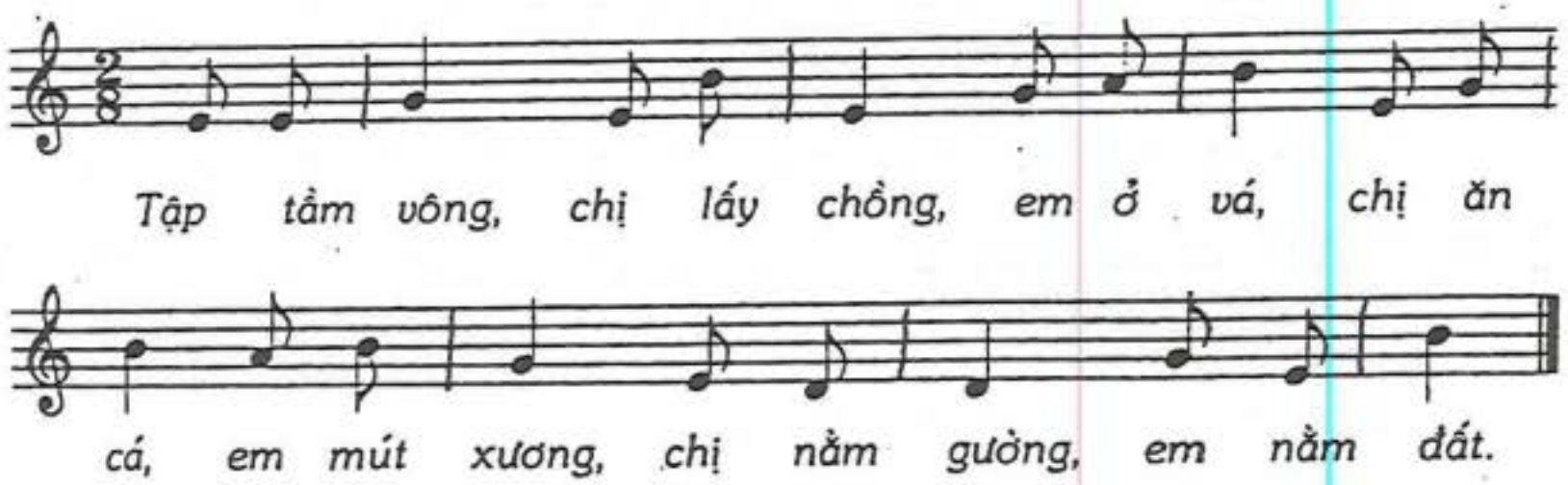
Với thể 4 từ, trọng âm đặt ở từ thứ hai và thứ tư, có thể xem là thể hai từ gấp đôi.

Thợ *mộc,* thợ *mộc*
Đẽo *bào* ky *cúc*
Chạm *trổ* tối *ngày*
Đường *vân* chỉ *đậm*

Sẽ là:
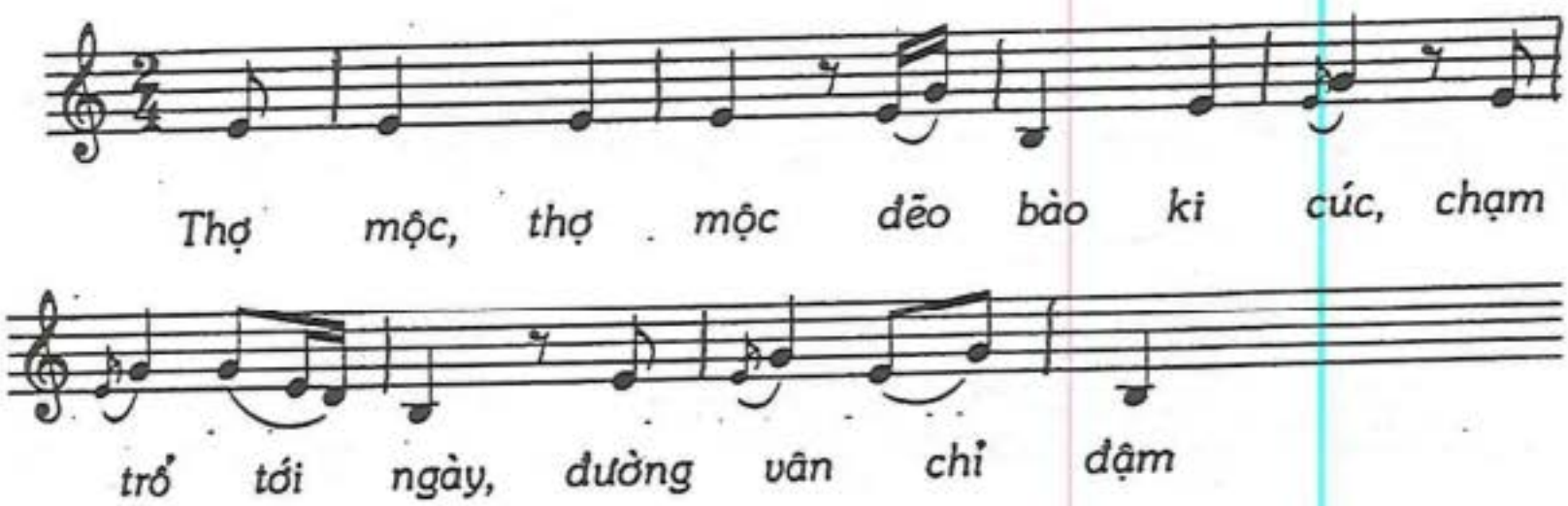
Với thể 5 từ, trọng âm đặt ở từ thứ hai và từ thứ năm:

Từ *thượng* mục hạ *hào*
Trống *mõ* nện *lao nhao*
Tiền *phải* mau đem *nộp*
Ba *đồng* thêm sáu *hào*

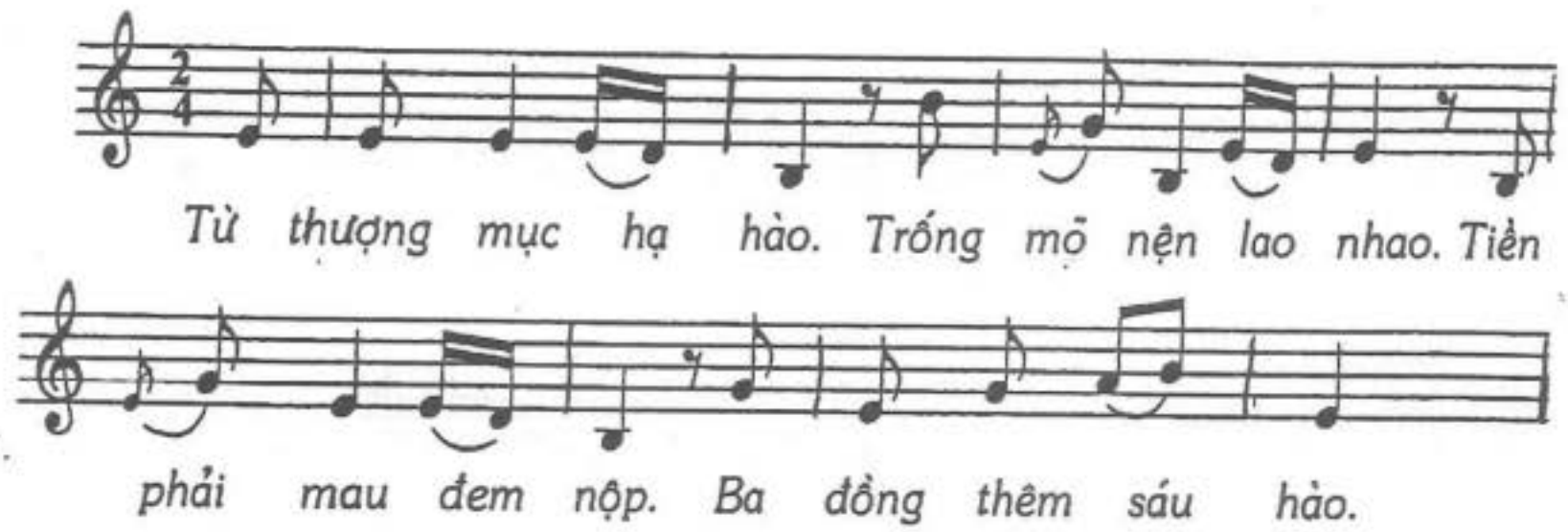

Vè 6-8 có những đặc điểm sau đây:

- Biến đổi giai điệu theo hai cách:
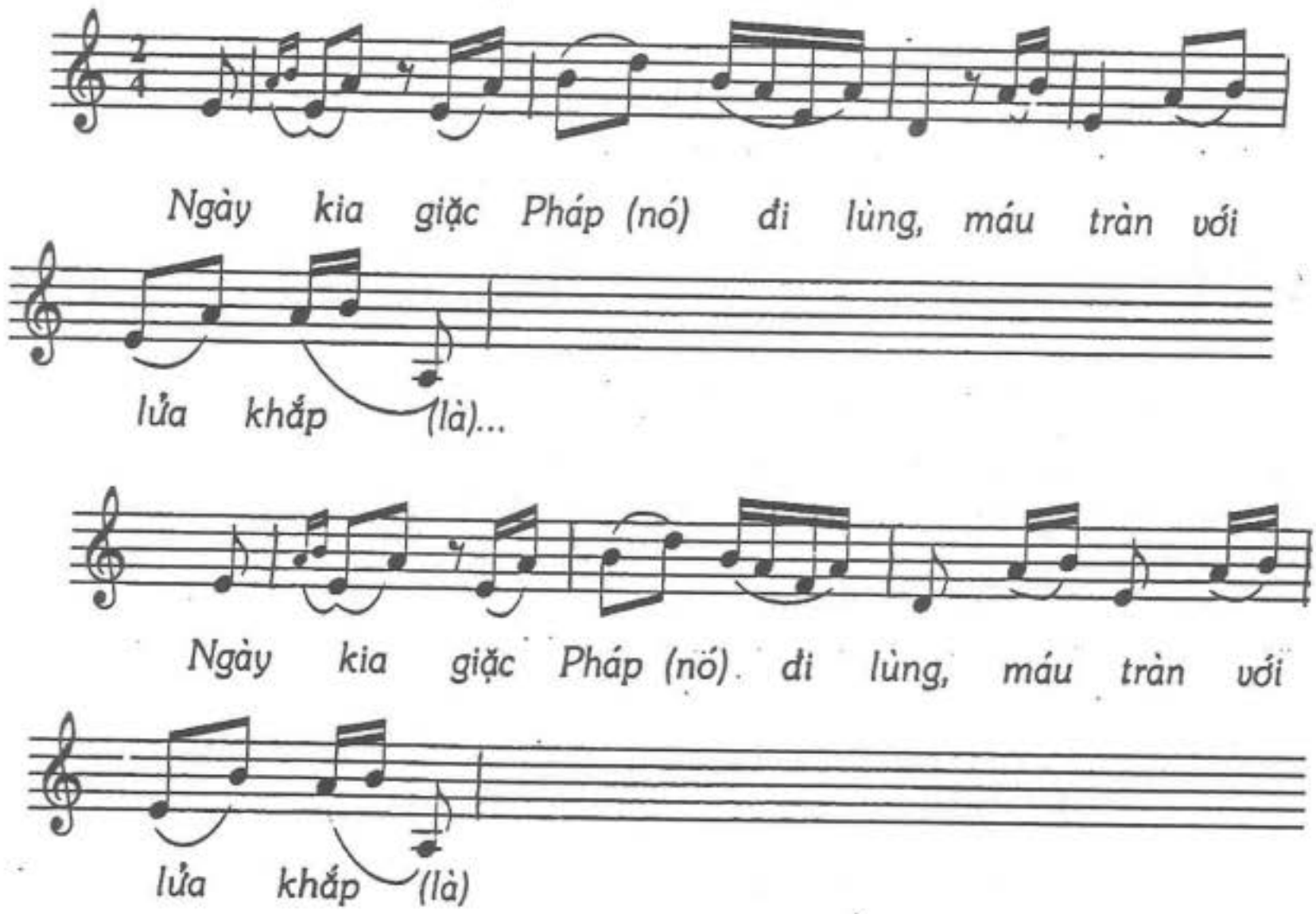
- Khi cần nhấn mạnh nội dung, giai điệu nhắc lại có biến hóa.

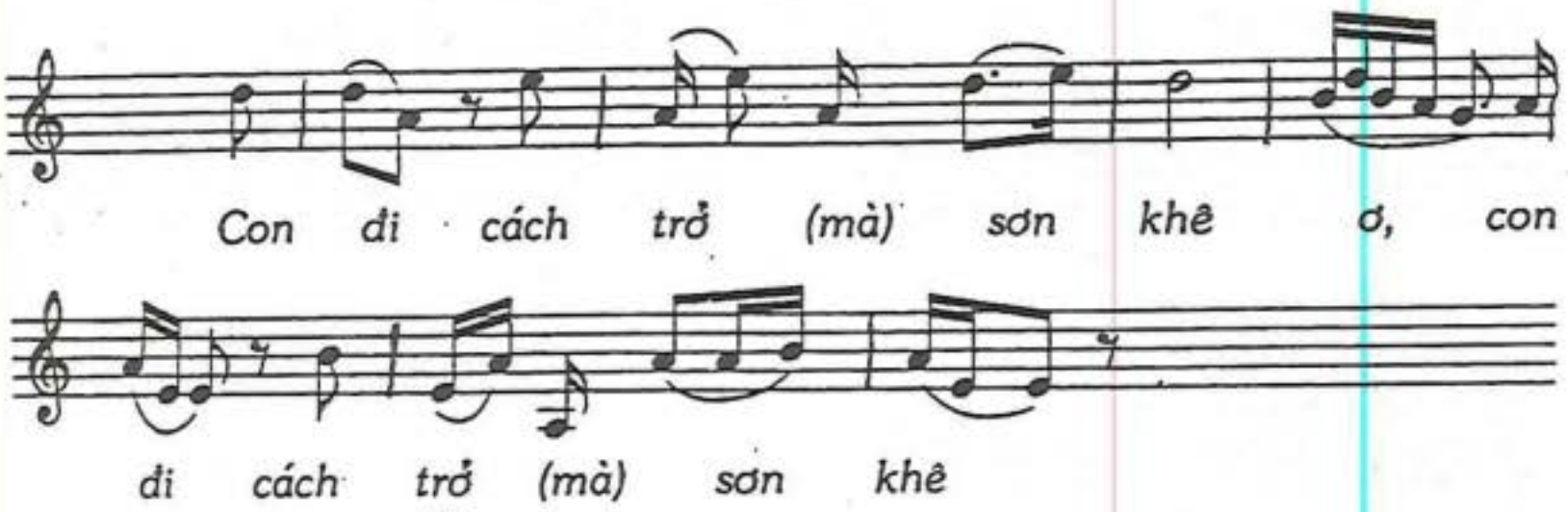

- Có nét giai điệu báo hết chấm dứt bài (nhắc lại từ thứ tư và từ thứ năm).

- Nét nhạc dạo dắt dẫn vào bài

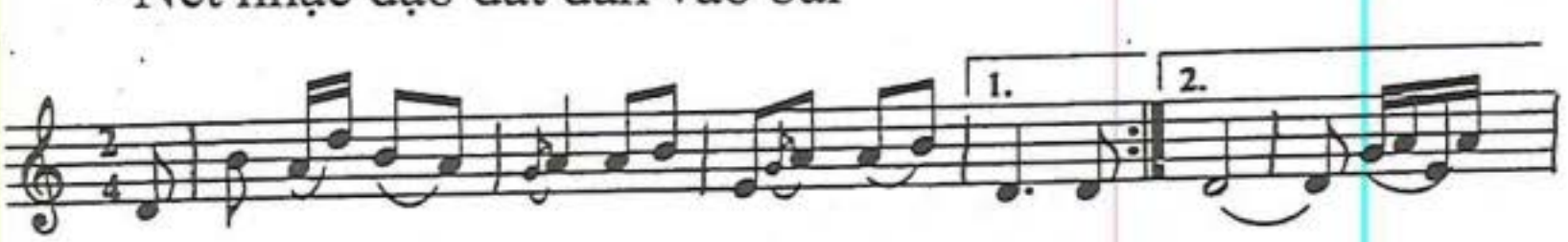

- Nét nhạc đệm lót cuối trổ hoặc cuối câu (theo yêu cầu diễn, nói hoặc làm cử điệu thể hiện của diễn viên)
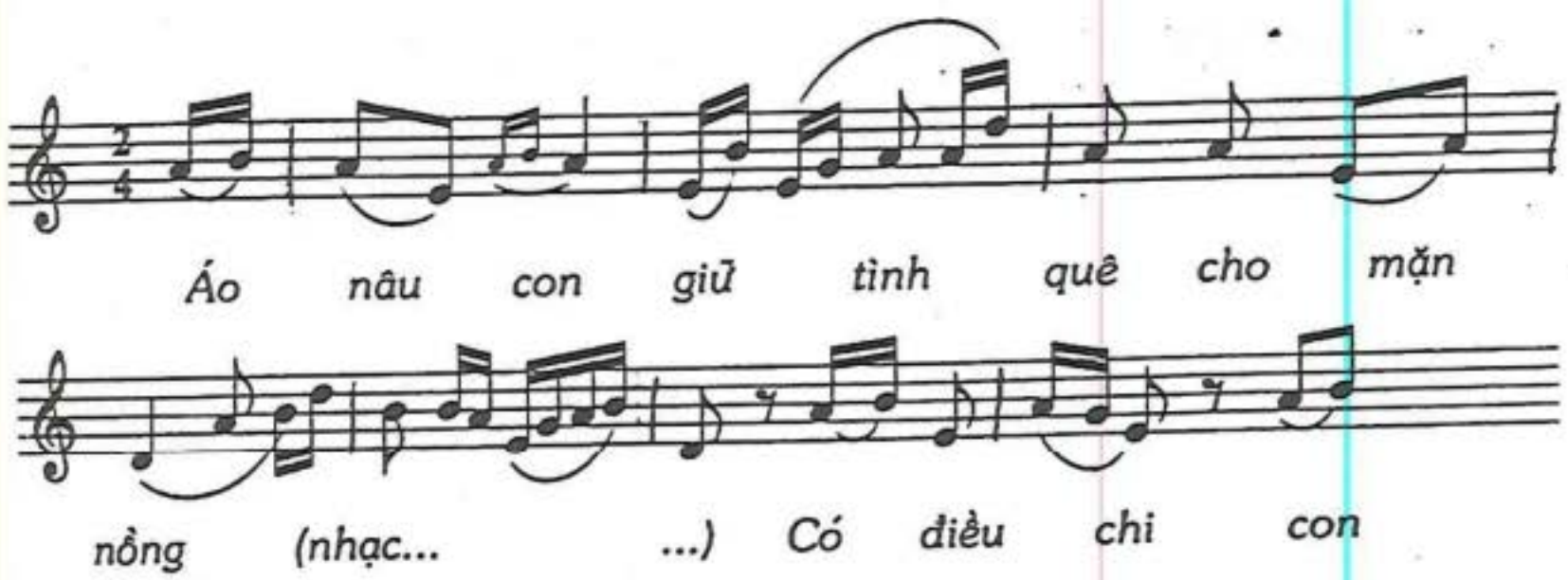
- Giai điệu có những bước nhảy quãng bảy, quãng tám, quãng chín khá đẹp. Quãng chín có mặt khá đặc biệt

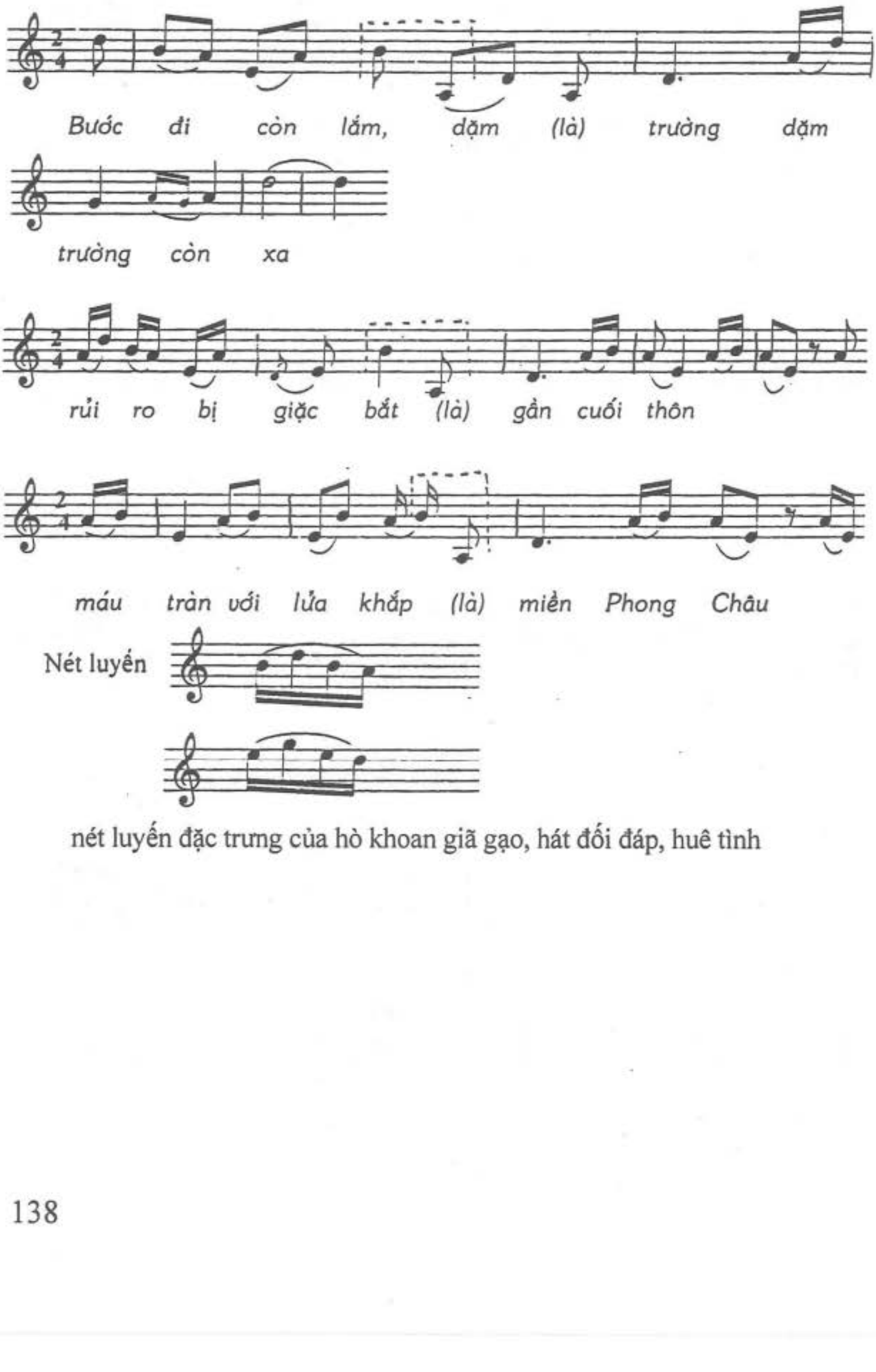

Nét luyến

nét luyến đặc trưng của hò khoan giã gạo, hát đối đáp, huê tình

NÓI LÍA

Người dân quê ta rất yêu chàng Lía:

Xập xè én liệng Truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành

Người ta đã biết truyện nôm *Chàng Lía*[1], truyện cổ tích *Chàng Lía*[2], nhưng người ta say mê hơn hết là nghe diễn xướng *vè chàng Lía* được trình bày dưới dạng *nói Lía.* Sự thích thú nói lên lòng quý mến, sự cảm phục đối với nhân vật Lía, là sự đánh giá đúng đắn những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của vè truyện ấy.

Lía là một cố nông mồ côi cha. Để có tiền mua thuốc chữa bệnh cho mẹ, Lía đành phải đi cướp giật. Được miếng ngon vật lạ, Lía đều đem về cho mẹ. Kẻ có quyền thế áp bức người nghèo khó, Lía không tha thứ. Từ những hành động hào hiệp của mình, Lía trở nên lừng danh, được nhân dân quý trọng, thương yêu. Lía trở thành thủ lãnh nông dân, đã chống cự mãnh liệt lại quân của chúa Nguyễn.

---

(1) Ông cử nhân Hoành Sơn viết, xuất bản tại Sài Gòn năm 1935. Ký hiệu số 8778 Thư viện quốc gia Trung ương - Hà Nội.

(2) Nguyễn Đổng Chi - *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam.* Tập III, trang 125.

Với tài năng và sức mạnh của lòng nhân đạo, của chính nghĩa, Lía khinh thường triều đình "vua quan chẳng sợ, binh trào chẳng kinh". Tên tuổi của Lía thì "Oai danh lừng lẫy, thần linh nể vì".

Tất nhiên vè *chàng Lía*(*) không phải không có những điểm hạn chế. Nhân vật Lía, qua những hành động từ lúc bé cho đến khi lớn, đã lộ cái chất anh hùng cá nhân, bên cạnh tấm lòng yêu thương người nghèo, Lía còn có vài hành động quá khích đối với một số người lương thiện. Nhưng chủ yếu vè truyện này là một tiếng nói rất trung thực phản ánh tinh thần chống đối, lòng căm phẫn và ước vọng của nhân dân ở thế kỷ 18 bị đàn áp bóc lột, muốn vùng lên đập tan chế độ phong kiến.

Nghệ nhân *nói vè Lía* (còn gọi là nói Lía) không để nguyên bản vè mà chuyển biên, diễn xướng dưới dạng những cảnh nối tiếp. Một mình đóng tất cả các vai.

Thể hiện tính cách chất phác, nóng nảy của nhân vật, giai điệu gần *hát nói* dễ kết hợp với *nói lối hát bội* và xen kẽ với các làn điệu của thể loại sân khấu này.

Nghệ nhân nói vè chưa đòi hỏi sự hỗ trợ của âm nhạc mà quan tâm đến nghệ thuật biểu diễn (tức diễn xuất), rất chú trọng và xử lý linh hoạt, khéo léo các cách nói diễn cảm, tả tình. Nói thường khi giới thiệu câu chuyện, nhân vật, nói phỏng theo ngữ khí, ngữ điệu của nhân vật kết hợp sinh động với cách thể hiện ở đôi mắt, nét mặt..., nói cách điệu với giai điệu khi cần diễn đạt tình cảm đằm thắm, yêu thương..., tiếp thu lối tự sự dàn trải,

---

(*) *Vè chàng Lía - Dân ca miền Nam Trung bộ* - Tập II của Trần Việt Ngữ và Trương Đình Quang - Nhà xuất bản Văn học - 1963 - Hà Nội.

chân chất, chất trữ tình nồng nàn của hát huê tình, chất sân khấu tính kịch thấm nhuần từ hát bội. Vì đôi tay bận tự đệm sênh sứa, nên nghệ nhân không kết hợp làm cử điệu và động tác hình thể vào diễn xuất.

Nhóm nói vè thường có hai người, người nói vè thường đệm sênh sứa và người đệm đàn cò. Phải nhắc đến đôi sênh sứa, người bạn đường thân thiết và độc đáo của nói vè. Sênh sứa rất giản dị, tiếng nói nghệ thuật của nó chất phác, chân thành. Đó là hai mảnh tre già vót cong, dài hơn một gang tay, ngang bằng ba ngón tay. Nghệ sĩ cầm hai cặp trên hai tay, tự đệm phần nói vè.

Nhanh - nóng nảy
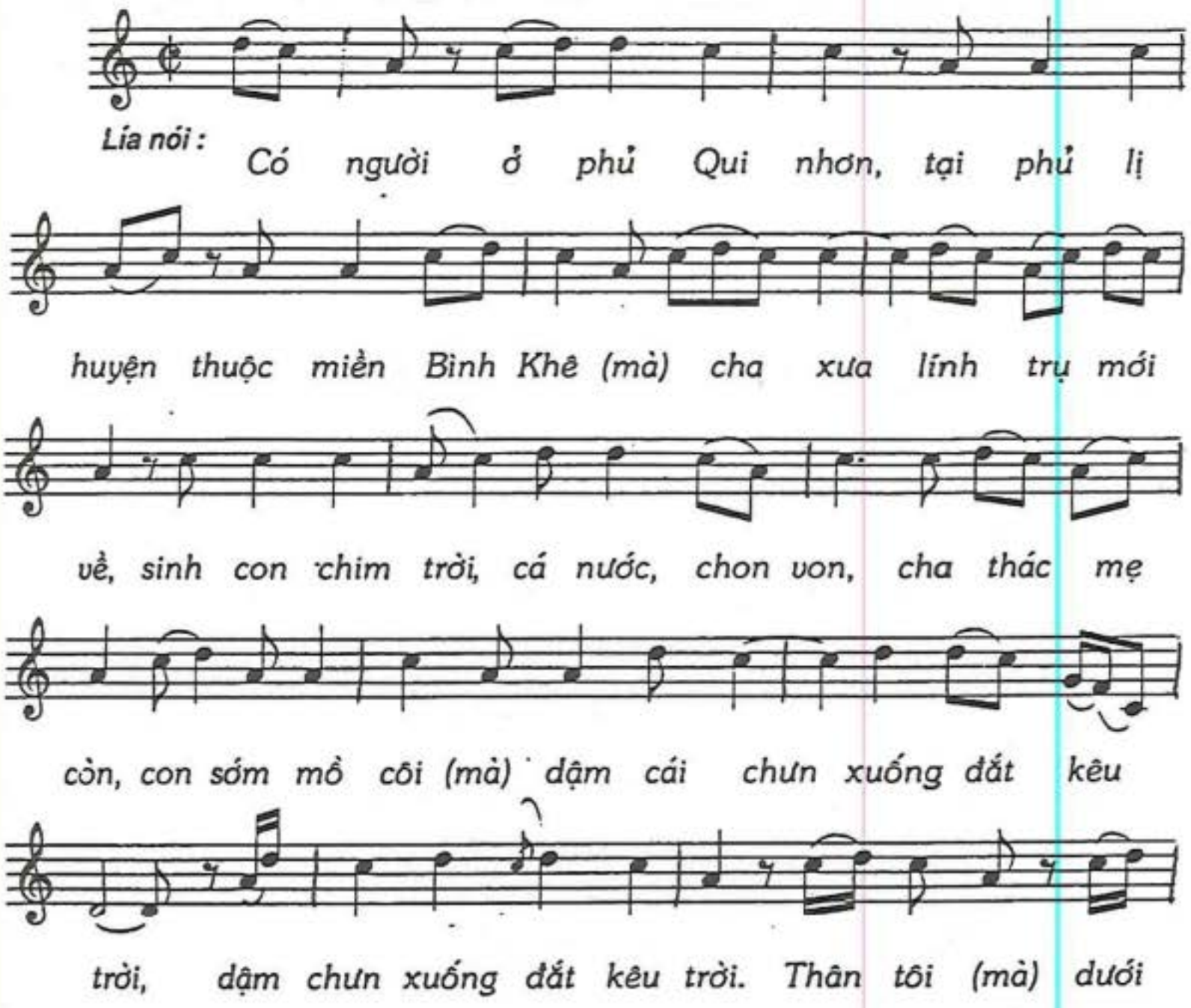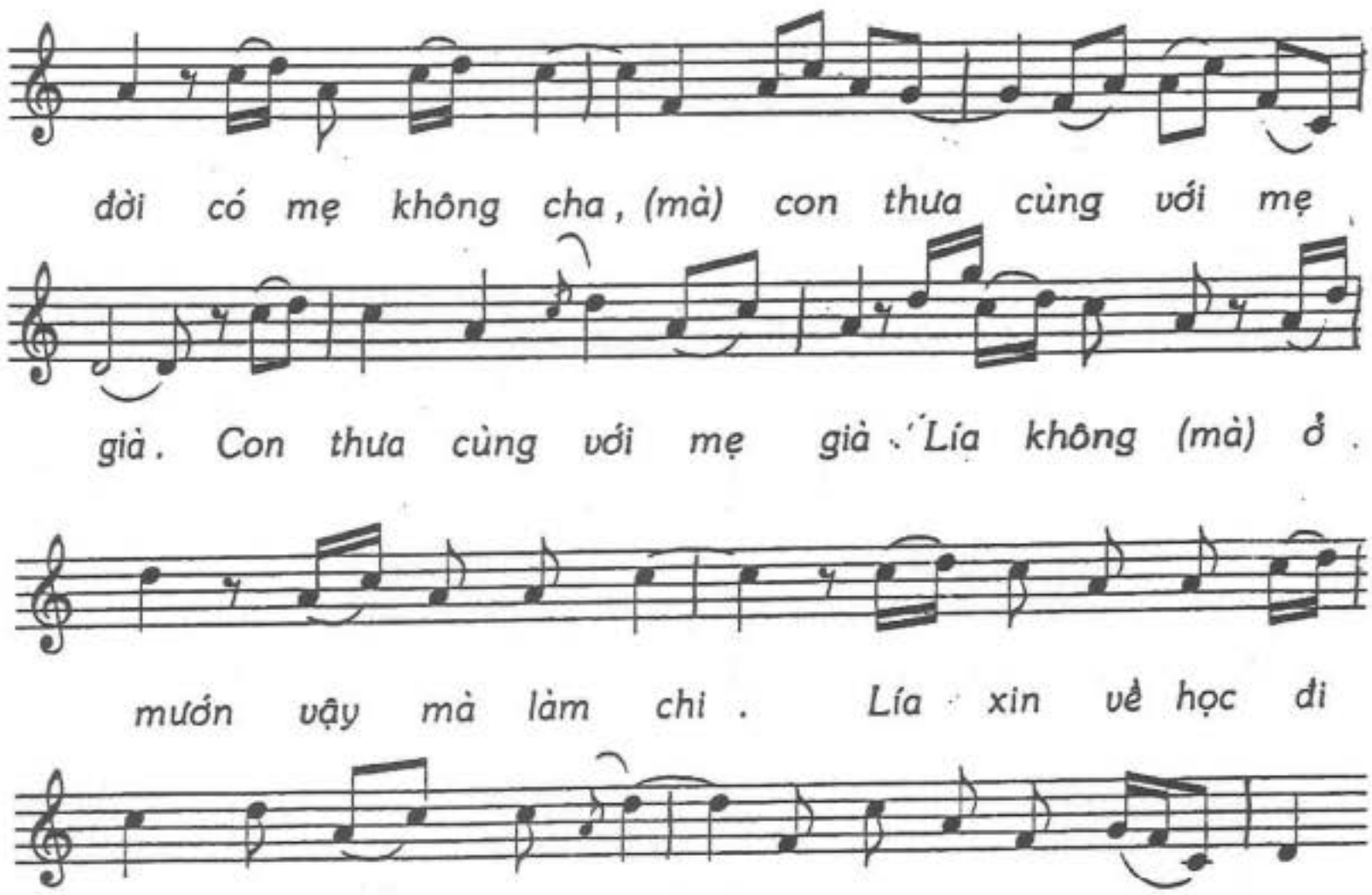
Mẹ nói lối rịn:

Ủy con ơi! Con thủng thẳng cho mẹ đi

Con đừng hối, mẹ té sấp té ngửa tội lắm, Lía ơi!

Hát nam ai:

Bảy mươi xếp gậy mà ngồi

Lão an phận lão, nỗi phiền phần con

Lía: Cái bà già, bả nói mới kỳ khôi (cái này)

Tôi hỏi bà chớ mả cha tôi bà chôn ở mô?

Bà chi chỗ tôi biết bây chừ

Hát tấu mã:

Bôn ba đạt lộ tẩu như phi[1]

Viếng thăm phần mộ đắc tương tri

Nói đến *Văn doãn diễn ca* kể chuyện *Chàng Lía*[2], tác giả cho biết diễn xướng này không giống bất kỳ thể loại diễn xướng dân gian nào ở miền Bắc.

Chuyện kể với thể 6-8 ngâm lên có chen vào *nói lối* và *làn điệu hát bội* như *hát, vãn, loạn.*

Tham khảo đoạn trích sau đây:

(Chàng Lía, sau khi thực hiện mưu đốt nhà người, bắt lại những con trâu đã mất đem về cho chủ cũ là Lục Tường)

Xướng viết:

Lục Tường nghe nói lắc đầu

Trâu ta đã mất may đâu lại còn

Trả ơn chú Lía mưu khôn

Hết lòng với chủ, mới tròn công tôi (tôi tớ)

Thằng Lía bèn nói một lời

Tôi xin thôi ở, về nuôi mẹ già

---

[1] Lên đường chạy như bay, thăm mộ cha cho biết chỗ.

[2] Nguyễn Văn Xuân - *Khi những lưu dân trở lại* (trang 135) NXB Thời Mới - Sài Gòn - 3/1969.

Xướng - nói theo phong cách nói Lía thể 6-8. *Tán:* nói lối kiểu câu thơ hát bội (câu phụ thể văn nói lối). *Vãn* (câu hát tiếp câu nói). *Loạn:* câu thơ phú bổ sung ý hoặc thực hiện câu nói. Biểu: bảo.

Tán viết:

Cúi đầu bái bật (biệt) chủ gia

Bắt mặt quê xưa trở lại

Vãn viết: Bắt mặt quê xưa trở lại

Cúi đầu từ, một lạy dời chưn

Tán viết: Âu là kịp trở lại thảo trang

Ngỏ báo lại từ mẫu (a!)

Loan viết: Diêu vọng sơn xuyên bộ bộ khinh

Bôn ba đoạt lộ khoái ngô tình

Xướng viết: Về nhà thưa lại mẹ hay

Tôi chăn trâu này, thế sự dễ nuôi

Con xin đi học mà thôi

Họa may văn võ nên người ngày xưa.

(câu chuyện cứ như thế tiếp diễn...)

Từ chất liệu vè Lía trên đây, dân gian lại sáng tạo những câu *nói Lía* ngắn để kịp thời trêu đùa, cười cợt những chuyện chướng tai gai mắt.

Nhanh - hài hước
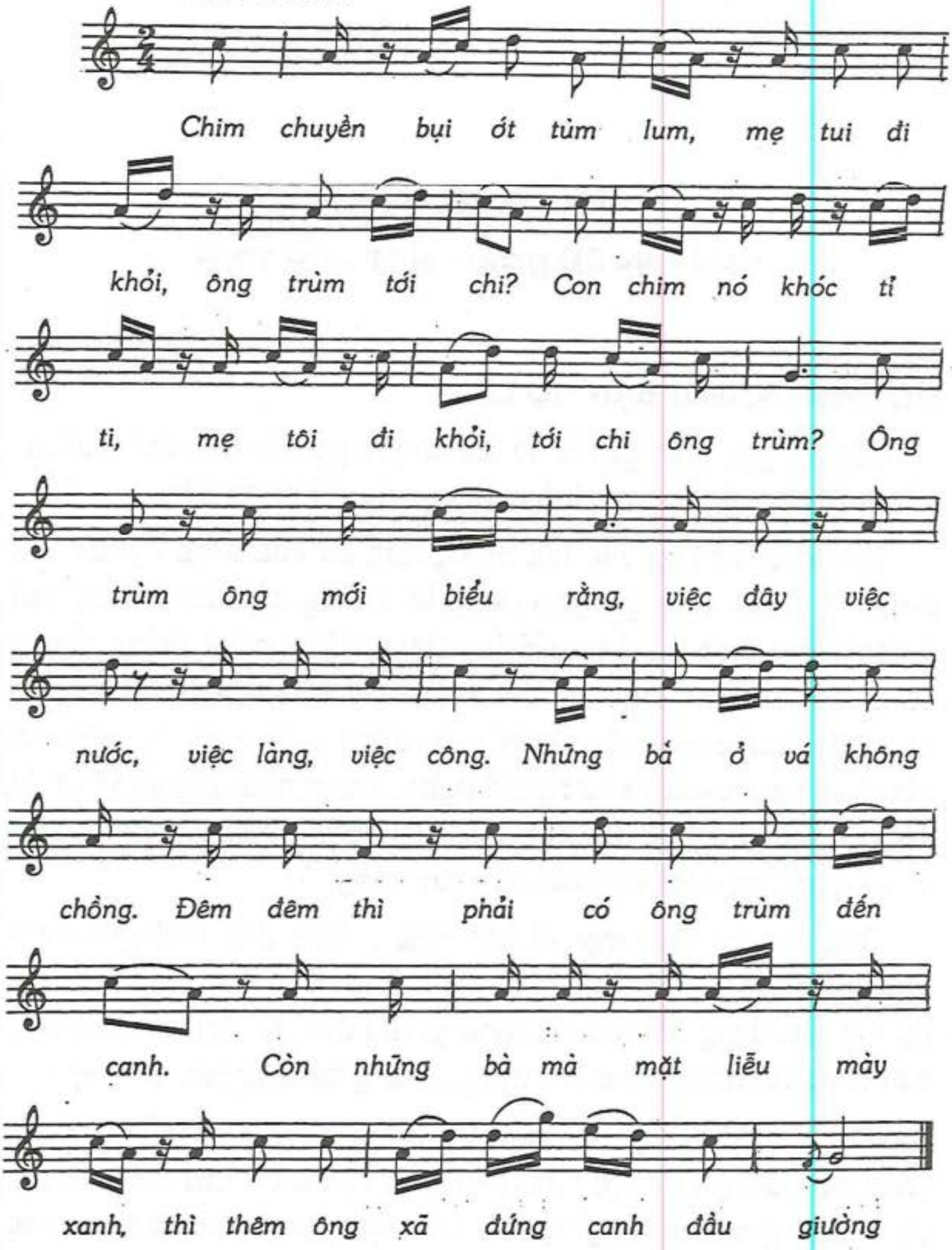
HÒ KHOAN

* HÁT NHÂN NGÃI * HÁT HUÊ TÌNH

HÒ KHOAN, MỜI BẠN HÒ LÊN

Hát giã gạo (còn gọi là hò khoan giã gạo) là một thể loại hát gắn bó với cuộc đời và tình cảm của người nông dân.

Ban đầu, những câu hát mang tâm sự của từng người hòa nhịp với tiếng chày giã gạo riêng lẻ, không gây được hứng thú trong công việc. Khi người lao động đã họp lại thành nhóm cùng làm thì hình thức hát đối xuất hiện. Những câu hát với lời hay ý đẹp được trao đổi qua lại giữa đôi bên trai gái, đã cuốn hút tâm hồn người hát và cả người nghe, khiến những giây phút đó người ta có thể quên hết mọi nỗi mệt nhọc trong công việc, chỉ còn lại những đêm vui tràn đầy sức sống.

Đêm vui ấy, thân mật và hồn nhiên, được dàn cảnh giữa một khoảng sân rộng ngập ánh trăng. Cái cảnh trăng thanh gió mát, với hương hoa đồng nội thoáng thoáng, dìu dịu, đã làm nền cho biết bao cuộc vui hò hẹn của đôi trai gái nông thôn, từ bao đời nay...

Trong khi những tâm hồn trẻ trung đang xao xuyến trước cảnh đẹp, đang chờ đợi một điều gì đó... Tất cả như lắng xuống, cả không gian, cả lòng người, thì một giọng hát cất lên trong trẻo, nhịp nhàng lời kể, câu xô.

Tự do - tha thiết

kể à ơ! ớ khoan hố hợi là hò khoan

kể à ơ. Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm, rượu hồng

đào chưa nhấm đà say, (chớ) bạn về nằm

nghĩ gác tay, thử nơi mô ơn trượng

à ơ ớ thử nơi (mô) ơn trượng

nghĩa dày cho bằng ta, hố

hợi là hò khoan hờ!

Giọng hò bay lên như rưới vào lòng mọi người chất men nồng của cuộc sống. Đám đông bỗng trở nên sôi nổi, cùng với nhịp điệu của tiếng chày giã gạo râm ran.

Nét nhạc mô hình quen thuộc - nét đặc trưng của hò khoan - mở đầu lối hò kể (đơn ca) "À ơ ơ khoan hố hợi khoan ờ..." nét "khoan ờ" kéo dài để nối tiếp nét "À ơ" bắt vào lời hát chính, là một kiểu trò chuyện tâm tình, được nâng lên chơi vơi. Tuyến nhạc gắn và mở ra với lối phân tiết của câu thơ, không gò bó vào nhịp. Câu cuối được cắt ở một nửa câu, với nét nối "a ơ ớ" dẫn dắt đến cuối bài và kết ở nét "hố hợi là hò khoan hờ!", cũng là một mô hình âm điệu đặc trưng của thể loại.

Giọng gái thiết tha mời chào:

Đến đây chẳng lẽ ngồi không

Mời chàng giã gạo cho đông tiếng hò.

Lời mời tuy tha thiết nhưng vẫn mang tính chất xã giao.

Giọng trai nối tiếp lời mời mọc đon đả và gợi ý:

Tới đây cối gạo đang đầy

Trước chung tay giã gạo, sau nữa gầy nhân duyên...

Sau lời mời tình tứ đó, hai bên trai gái nhập cuộc một cách tự nhiên. Một cô gái nào đó trả lời câu trên, một cách dè dặt:

Nhân duyên em cũng muốn gầy

Ngại nỗi cha mẹ rầy(*), em chẳng dám hở môi...

(*) Mắng.

Khi giọng hò đối đáp đã đủ sức vang vọng đến các ngõ gần xa, thì không chỉ những người giã gạo mới đến nghe, đến hát mà sức lôi cuốn của giọng hát đã lôi kéo đến đây cả những người nghe tự nguyện. Họ ngồi vây quanh đám đông nghe hát và cùng chia sẻ niềm say sưa trong tâm tình người hát.

Thấy có người đến nghe, họ lại "mời", đó là phép lịch sự thông thường. Mời cả những người còn rụt rè chưa dám vào, vì có thể họ chưa có bạn, hoặc không hay hát.

Vô đây bớ bạn vô đây

Trầu têm cánh phượng đã xây lên bàn

Tội chi mà đứng sá đứng đàng

Sương sa, gió lạnh, rủi nhiễm thương hàn ai nuôi.

Lời mời sao quá tình tứ ân cần.

Bên trai không thể lặng im trước lời gợi mở tâm tình đó:

Lăm lăm bước tới cội đông

Nam nữ tôi chào hết, không riêng người nào.

Cây lê, cây lựu, cây đào

Ba bốn cây đứng đó, cây nào đứng không

Nói cho tôi biết, tôi kết nghĩa đào đông

Người nào chỗ đó, có chồng thì đứng riêng

Ai kia thiệt gái thuyền quyên

Xin cho tôi được cất duyên, lên tiếng hò...

Một giọng trai khác tiếp theo:

Ở nhà nghe tiếng hò khoan

Trốn cha, trốn mẹ, băng ngàn tới đây.

Tới đây, gặp bạn chốn này

Hỏi bạn còn thương như cựu[1] hay đà[2] khuây nghĩa tình người?

Bị hỏi vặn bất ngờ, bên gái im lặng nhìn nhau, ngầm hỏi ý nhau để tìm câu trả lời. Cất lên tiếng lòng của một cô:

Trai thanh cảnh gặp gái thanh cảnh

Giả như[3] mâm trầu đầy gặp nhánh cau sây[4]

Ngộ tình cờ, thiếp gặp chàng đây

Cũng như con chim huỳnh điểu gặp cây ngô đồng

Đến đây, hai bên trai gái gần như đã hợp ý nhau trong tâm tình. Những giọng hò nhân ngãi, huê tình, thắm thiết trao gửi tâm tư, tình cảm.

Giọng trai:

Bước vô đây, tay chày lòng cối

Rủi anh thương nàng, biết lối nào ra?

Giọng gái:

Lối nào ra, đôi ta sẽ liệu

Kìa bông hải đường hàm tiếu trước sân

Mỗi năm được mấy mùa xuân

Mỗi ngày được mấy giờ dần, hỡi ai!

---

(1) cũ, xưa.

(2) đã.

(3) cũng như, ví như.

(4) nhiều trái, trĩu quả.

Giọng trai:

Hồi đó em nói em ưng
Anh về, anh trồng đám hành
Anh gieo đám cải
Anh vãi bông kê
Bây chừ(*) em trở lộn về
Em nói, em chê
Đám hành anh rã
Đám cải anh rữa
Đám kê anh tàn
Còn hai dây bí leo giàn
Sây bông, lắm nụ, ớ nàng, nàng ơi!

Giọng gái:

Em may gối tai bèo một cặp
Sắm gối ấp hai đôi
Rổ ô em đã mua rồi
Quả may đã có sẵn
Bởi nghe tin nhủng nhẳng
E duyên nợ rã rời
Nằm đêm, em luống vái trời
Hễ bà mai tới thì em cuốn gói theo chàng

(*) bây giờ.

Ai dè lỡ dở trăm đàng

Tại ai đó, chứ nào em có phụ phàng chi anh.

Những lời hò chứa chan tâm sự:

Bạn ơi, bớ bạn sao đành rẽ phân

Hỏi khi mô[1] bạn biểu[2] ta gần

Bá niên giai lão, ái với ân không lìa

Bây chừ, sao vội dứt phân chia

Làm cho em dậy sớm, thức khuya, hỡi trời

Cực lòng thiếp lắm, chàng ơi!

Duyên ta, nợ bạn, xứng lứa đôi cho trọn niềm

Bạc tình chi lắm, bớ chim

Bỏ vòi măng khô héo, đi tìm rừng xanh

Hay là có nơi mô sớm dỗ, chiều dành

Cho nên đó bạn đã đành quên ta

Cầm dao cắt ruột máu sa

Ruột đau chưa mấy, bằng xa nghĩa chàng.

Càng về khuya, giọng hát đôi bên càng đậm đà, thắm thiết, tâm tình càng cởi mở. Và nếu đôi bên đã để ý đến nhau thì những câu hát càng giàu hình ảnh gợi nên bao ý tình sâu nặng.

---

(1) Lúc nào, khi nào

(2) Bảo.

Giọng trai:

Con vịt nó kêu "cặp cặp"

Nó kêu không hồi không chặp

Nó kêu khắp cả dòng sông

Kêu đào hoa giang thượng tương chiếu hồng[1]

Nguyện làm sao đó vợ, đây chồng cân đôi

Đã đành nước chảy bèo trôi

Tuy rằng kêu "cặp", chừ mồ côi một mình

Giọng gái:

Con gà nó kêu "chiếc chiếc"

Nó kêu như tha như thiết

Nó kêu riết[2] *cả năm canh*

Kêu cô sản lưu thủy bất vị thần[3]

Trời kia sao khéo để duyên lành nhởn nhơ

May mô, ngộ gặp tình cờ

Tuy rằng kêu "chiếc", bây chừ thành đôi.

Tuyến nhạc vẫn tự do phát triển với âm điệu và những nét luyến láy mô hình, trên cơ sở thanh điệu địa phương. Câu kể của một giọng hát đã được lời xô (hò à ơ ơ hoặc khoan hỡi hò khoan

---

(1) Trên sông, cánh hoa đào phản chiếu màu hồng trong dòng nước.

(2) Suốt

(3) Dưới dòng nước chảy, cảnh cây lẻ loi không đâu là bờ bến (sản: một loại cây gần giống như cây mơ, trái chua)

hờ) - sự hòa hợp trong giọng trai và gái, với những quãng tám đi song song gắn bó, nâng đỡ làm ấm lòng người hò, người nghe.

Làn hơi vút trôi theo những âm cao, trong sáng, giai điệu trau chuốt, duyên dáng...

Xin ai đừng hiểu câu hát đã được sắp đặt sẵn, để trai gái đến đây hát cho vui. Ngoài những giọng hát đã được chọn lọc, đông vui, tập thể này còn là nơi thử tài, thử trí của các nhóm hát. Họ hát "kiến tại" (sáng tác tại chỗ), và người hát lại cũng ứng đối ngay tại chỗ. Lối ứng diễn này đòi hỏi tài năng đặc biệt. Những tài năng này làm nền cho đêm hát, bằng những câu hò đối đáp khi thì thông minh, hóm hỉnh, khi thì mặn mà, sắc sảo, khi thì duyên dáng, trữ tình..., mà thiếu chúng thì đêm hát không làm thỏa mãn lòng người.

Đôi khi đang giữa những giọng hát đối tâm tình, một giọng đột ngột chuyển sang lời thách đố, ví von:

- Bạn về đi học đừng thầy

Đừng viết, đừng mực, thân này theo không

Lập tức, giọng trai đáp:

- Bạn về dệt vải đừng go

Bắn bông đừng giựt(*), lại đây anh cho lượng vàng

Lời đố: *- Tiếng đồn các cậu trò hay*

Tôi đố các cậu, cối xay có mấy cái niềng

(*) Giật.

Lời đáp: - *Cối xay mười sáu cái niềng*

Tôi đố em bậu, thuyền quyên mấy mái chèo

Lời đố: - *Thuyền quyên mười sáu mái chèo*

Tôi đố các cậu, con mèo mấy cái lông

Lời đáp: - *Bạn đố chi đố ngặt đố nghèo*

Đố chi không đố, đố con mèo mấy cái lông

Ai về tát cạn bể Đông

Thì ta mới đếm hết mấy cái lông con mèo.

Không dễ gì những câu đố, câu giải diễn ra liên tục như vậy. Cũng có khi bên trai hay bên gái bí câu trả lời, ngập ngừng, e thẹn trước bạn hò thì liền bị chế giễu:

Ba đồng[1] *một mớ rau ngò*

Bảo chi câu hát, mà bạn mò không ra?

Nhưng người bị chế giễu đâu có chịu thua:

Câu hò anh đựng ba vò

Anh quên đậy nắp nó bò hết trơn

Tiếng cười làm không khí thêm thân mật. Họ tiếp tục đùa cợt bằng những câu hát xạo[2] tinh nghịch hơn.

Lời đối: - *Gặp anh Ba đây, mới khiến hỏi anh Ba*

Làm ăn lâu nay có khấm khá, hay là vẫn sát da như bọn mình

---

(1) Đồng tiền kẽm.

(2) Trêu ghẹo.

Lời đáp: - *Thời buổi bây chừ, công việc sớt sưa*[1]

Dư không dư, thiếu không thiếu, vẫn đu đưa như mọi ngày...

Đến lúc này, sự đùa vui đã đến cao trào. Tình cảm thật gắn bó trong câu hát dường như bị đẩy lùi. Đôi bên muốn biến thành những diễn viên, để đóng kịch với nhau, cho tự nhiên hơn:

Cô gái với giọng điệu đưa đẩy:

Em có chồng còn nhỏ

Như ngọn cỏ còn non

Chốn loan phòng chưa nhập, em vẫn còn như xưa

Muốn tỏ ra mình là người quân tử, anh lên giọng nghiêm trang:

Em đừng nói láo

Anh đánh cán gáo lên đầu

Tép dầu nhỏ cũng có râu

Xưa nay, ai lại bắc cầu giữa sông

Cô chẳng chịu nhẹ lời, lại trêu tức:

Ông già là ông già yêu[2]

Ông nhè[3] *con nít, ông trêu, hỡi ông già!*

Bị nói ác, anh trả đũa:

Luận chi con nít, ông già

Trăm năm lú lại, khôn qua là thường

---

(1) Thưa thớt.

(2) Yêu quái, tinh ma.

(3) Nhầm.

Màn kịch trở nên căng thẳng. Sự kiện này không thích hợp với phong cách vô cùng thoải mái của đám trẻ. Họ thích lời hát đùa gây cười, hơn là câu lý sự.

Một giọng nào đó nhanh nhẩu cắt ngang:

Lui lui, ớ bạn lui lui

Đừng chun(*) vô bếp mà đen thui mặt mày

Ăn ớt rủi cay, hít hà chịu vậy

Nhăn mặt nhăn mày, bạn thấy bạn cười chê

Tiếng cười lại rộn lên. Những câu hát nồng đượm ân tình tiếp tục ngân vọng, trong không gian yên tĩnh... Nhịp chày giã gạo vẫn rộn ràng, mải miết...

Nếu vầng trăng kia cũng mải vui, quên lặn, thì chắc rằng đêm vui sẽ kéo dài đến sáng. Nhưng, chị Hằng lại chưa bao giờ lơ đễnh như vậy. Đêm về khuya, chị Hằng kín đáo ẩn mình sau đám mây...

Trăng lặn. Báo hiệu cuộc vui tàn. Dù có say sưa cũng không thể kéo dài thêm được nữa. Công việc đồng áng ngày mai đang chờ họ. Đôi bên lưu luyến, hát lời tiễn biệt:

- Bây chừ đã hết canh ba

Láo lư trong dạ, xót xa muôn phần

Chàng ơi, xích lại cho gần

Để em phân Tấn, phân Tần cho nghe

(*) Chui.

Để em về kẻo núi áng, mây che

Tình chàng nghĩa thiếp, vẹn bề thiết tha.

- Chuyện Tấn Tần còn đương than thở

Chốn trường đình, đường đã chia hai

Em về, anh nhắn một bài

Đừng phai lá thắm, đừng phai chỉ hồng

Em về, anh những nhớ mong

Như loan nhớ phượng, như rồng nhớ mây

Em về, anh gửi tin thầm

Mấy nghìn trang giấy viết, mấy trăm trang thơ đề.

Tạm biệt. Càng thêm bịn rịn, hò hẹn:

- Công việc thu xếp đã xong

Nhắn người bên ấy, hẹn lòng lần sau

- Giã anh ở lại, tôi bước ra đi

Mai này hội ngộ, ước gì lại được thở than

- Mảng hò qua lại, nay đã trở canh gà

Trời đã hửng sáng, em xin về nhà nghỉ ngơi

- Đằng đông hửng sáng mất rồi

Xin chào cô bác, giã người tôi thương

Họ chia tay nhau. Chắc hẳn dư âm những câu hò hát đêm nay còn theo họ vào trong giấc ngủ.

Trên dải đất miền Trung, dòng sông và con đò đã gắn bó thắm thiết với đời sống con người. Dòng sông là nguồn lợi vật chất nuôi sống con người, nhưng dòng sông ấy cũng đầy ắp tình cảm mà con người đã gửi gắm cho nó. Trên những chuyến đò ngang, đò dọc, người chèo thuyền đã hát những khúc tâm tình của mình.

Trong không gian mênh mông của sông nước, những làn điệu ấy cứ vang mãi, vang mãi... lắng sâu vào lòng người, để trở thành những giọng hò thật gần gũi, thân thương của người dân bên những dòng sông quen thuộc.
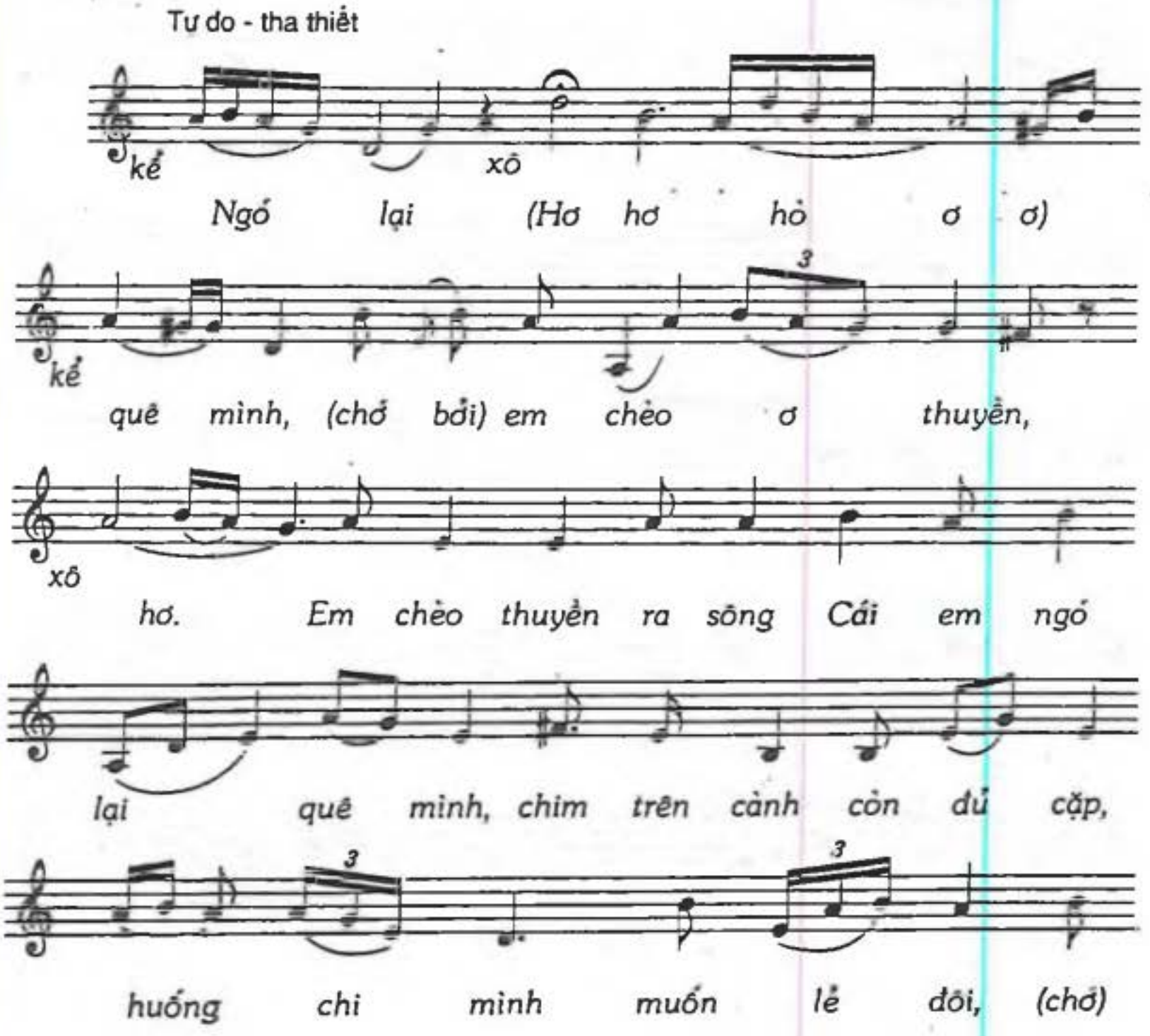
vì đâu (mà) đây với đó ơ

dà chia phôi, (chớ) chuyến đò ngang, bằng chiếc dũa không

một lời nhắn đưa, (chớ) cây đa bến cũ

ơ đò xưa (chớ) người thương dà

xô kể

hơ ơ sao? Hờ hơ (chớ) người thương mà có

xô

nghĩa, thì nắng mưa hố hơ

kể

hơ hơ hỏ (chớ) người thương mà có nghĩa,

thì nắng mưa ta vẫn chờ!

Thuyền xuôi trên mặt sông. Cô lái đò uốn thân mềm nghiêng tới trước, đẩy mái chèo êm. Chân phải lướt trên sạp ván theo người và cánh chèo dài vuốt nước ra sau, nhẹ nhàng xao xuyến. Giọng hò bay lượn giữa trời mây, sông nước, lan tỏa đến những bãi bắp, nà dâu, thắm đượm mùi bông dẻ, bông dứa dại.
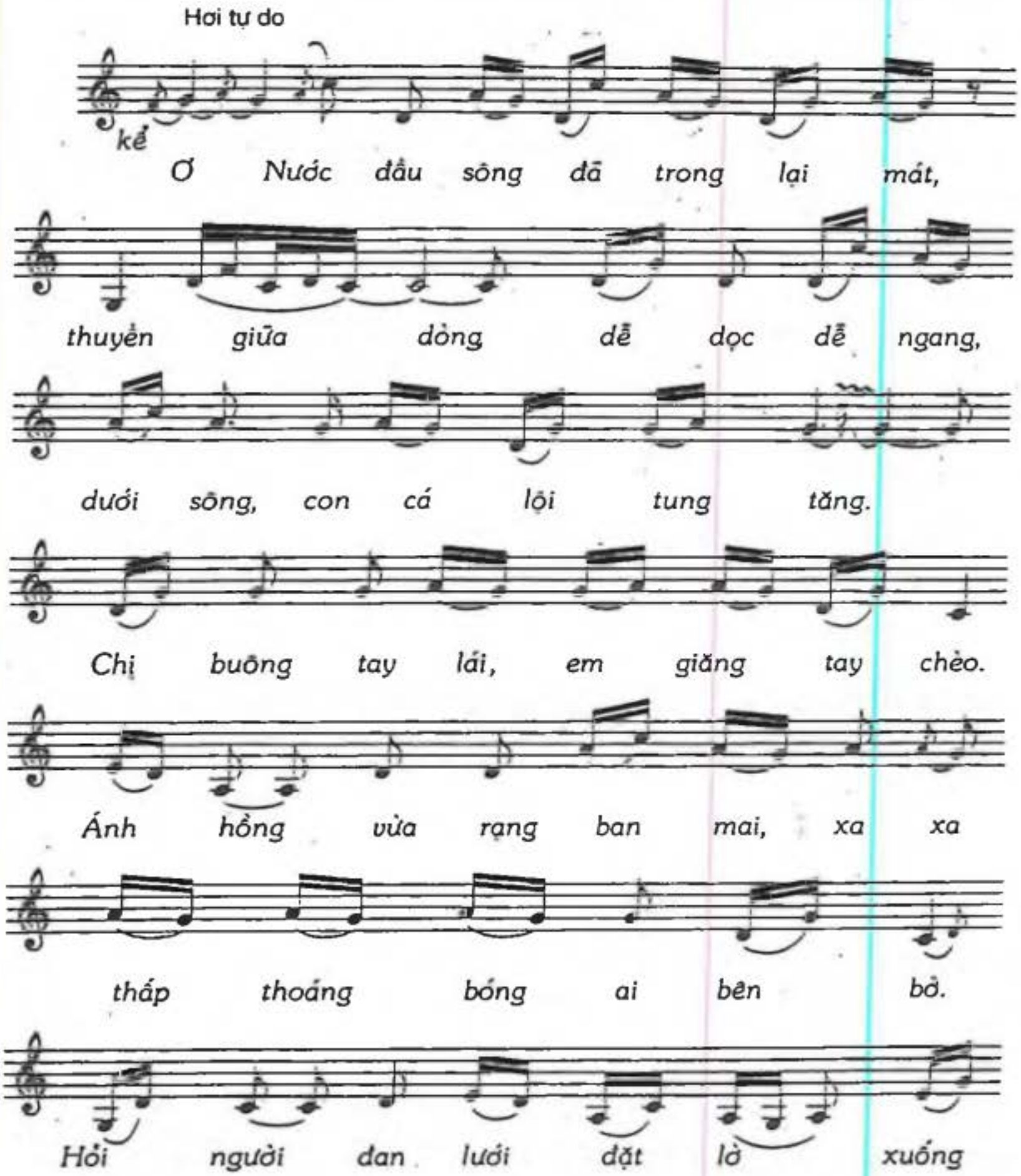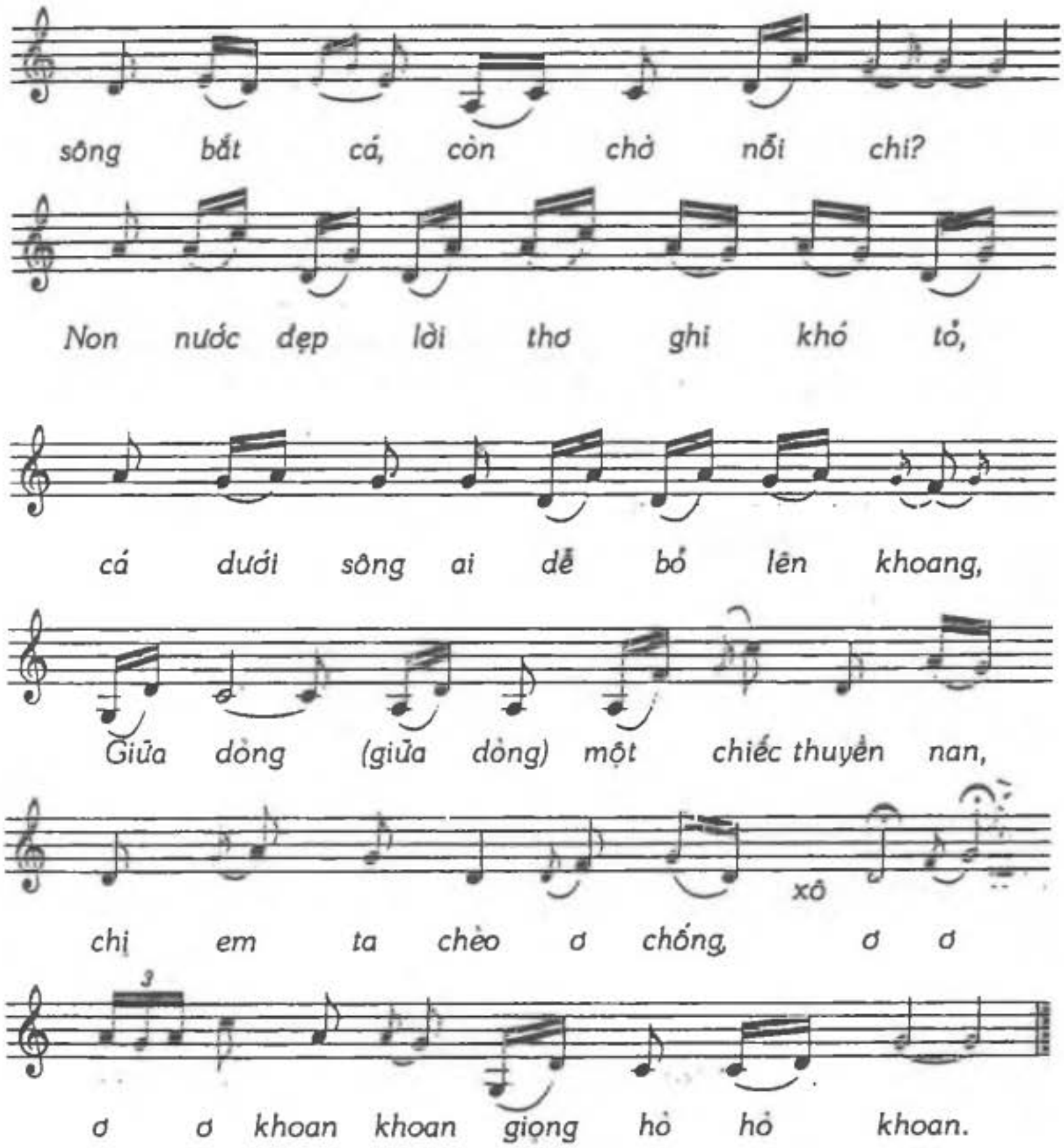
Điệu hò khoan vùng thượng lưu và trung lưu, với lời ca tuy bay bướm..., nhưng từng từ gọn và chắc, lồng vào giai điệu có tiết tấu gián cách, đọc nghe tưởng như rời rạc, đứt quãng... Những câu hò đó, trong khung cảnh dòng sông chảy giữa đôi bờ dựng đứng với tiếng vang vọng qua lại, đập vào vách núi truyền đi xa mãi, làm người nghe cảm thấy sự hài hòa giữa điệu hò với

khung cảnh thiên nhiên. Trái lại, về đến hạ lưu, khi mà dòng sông chảy giữa đôi bờ bát ngát bãi bắp, nà dâu... thì giọng hò lại luyến láy trầm bổng, giai điệu trau chuốt, gây nên cảm giác thanh thoát, mênh mông...

Ban đêm, cùng xuôi trên một dòng sông, từ những chiếc thuyền bên nhau vang lên câu hò đối đáp.

Ban đầu là thăm dò, làm quen:

- Gặp nhau một phút nên duyên

Xin mời bên đó cất lên tiếng hò

- Bớ chiếc ghe sau

Chèo mau, em đợi

Cho khỏi khúc sông này, bờ bụi tối tăm

- Sông sâu, sóng bủa, vắng đò

Thương em vì bởi câu hò có duyên

Chưa chồng, thì ở vậy, cho nguyên

Đặng anh dọn chiếc thuyền quyên, rước về

- Chèo mau cho thiếp gặp anh

Hai ta hợp lại cho thành một đôi

- Nay còn xưng thiếp kêu chàng

Ghe anh xuôi bến khác, bậu lăng loàn biết đâu!

Đâu có phải vì câu chuyện yêu thương mà giọng hò thắm thiết? Trìu mến, thân thương, giọng hò lại nối tiếp:

- Thấy em da trắng muốn kề

Hồng nhan cũng đẹp, sợ bề có đôi

- Anh đừng nói vậy, anh ơi!

Hình dung yểu điệu có đôi bao giờ?

Trăm năm tượng rách còn thờ

Lỡ duyên thực lỡ, cũng chờ đặng anh

- Gió đưa lắc lẻo cái bầu

Đổ qua, qua chịu, không cầu lựu lê

- Gió đưa, gió đẩy duyên đưa

Gặp nhau hay đó, kén lừa làm chi!

Khi hò, những người hò cũng chú trọng đối ý trong từng câu một, đôi khi tới 4 câu, nhưng thường là tự do. Hình như họ chỉ cốt giới thiệu với nhau giọng hát, ý tình, cho quên lãng đường dài. Đến chỗ rẽ hay cập bến, họ chia tay và mong gặp lại.

Tế nhị: *- Gặp anh giữa chốn đò đưa*

Ghe đà cập bến, phân chưa hết lời

- Gặp em như cá gặp mồi

Chia tay còn nhớ những lời đò đưa

Liều lĩnh: *- Gặp em như cá gặp mồi*

Được, không, anh cũng giỡn một hồi cùng em

Vào nhiều dịp lễ hội dân gian, trên những dòng sông diễn ra sôi nổi và hào hứng các cuộc đua ghe truyền thống.

Ghe trang trí đẹp, con bơi trang phục màu sắc rực rỡ. Có phổ(*) đưa theo nhóm nhạc để hỗ trợ cuộc đua, với kèn dăm, trống chiến, đàn cò, sáo trúc. Chương trình hô hát và tấu nhạc thường trình diễn khi rời phổ đi dự cuộc đua, trình diễn khán giả lúc đến, mới đua, hay khi thắng lợi trở về. Khi không hòa nhạc, họ dùng trống chiến điểm nhịp cho con bơi hò và xô.

Người đi xem không chỉ ca ngợi những ghe có độ bơi nhanh, có tay lái, tay mũi hào hoa, với con bơi sung sức, mà còn mê các điệu hò "xốc xạ", "mái nhặt", "mái bơi" giản dị, mộc mạc với giai điệu diễn cảm, sinh động.

Điệu hò này gồm 3 sắp. Sắp một "mái bơi" và sắp hai "mái nhặt" có phần kể linh hoạt, uyển chuyển, lời trữ tình, giai điệu mềm mại, yêu thương, thường hát trên đường dài (đoạn sông Trường Giang hoặc đầu sông Thu Bồn về phố cổ Hội An).

Lời của một sắp "mái bơi":

Phổ mình là Phổ Ngọc Hà
Tai nghe cờ hiệu thỉnh
Anh em mình ra đi
Ra đi gặp hội trường thi
Pháo ta, nước chảy bao nài
Trống hồi cờ phất
Ngựa mình tranh tiên
Phách ba, phách nhứt, phách nhì

(*) Cơ sở tổ chức, huấn luyện con bơi, người chèo.

Đứng lên quyết thắng phen ni đôi vòng

Chèo, xeo, lái, mũi ta đồng lòng(*)

Sắp ba "xốc xạ", với tiết tấu nhanh và khỏe, do các lái chính hò bắt điệu và tập thể con bơi xô, khi quyết tâm đuổi và vượt ghe phía trước, hoặc lúc sắp về đích.

(*) Tôi chưa có dịp ký âm trổ "mái bơi" mà ông Trần Thanh Lục nói trong "Đua ghe ở Quảng Nam Đà Nẵng" - *Kỷ yếu nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành* - Ty Văn hóa Thông tin Quảng Nam Đà Nẵng xuất bản, Đà Nẵng - 8/1981.

DƯƠNG MINH HÒA và
TRƯƠNG ĐÌNH QUANG ký âm
(1953 - Tam kỳ)

Trổ 1
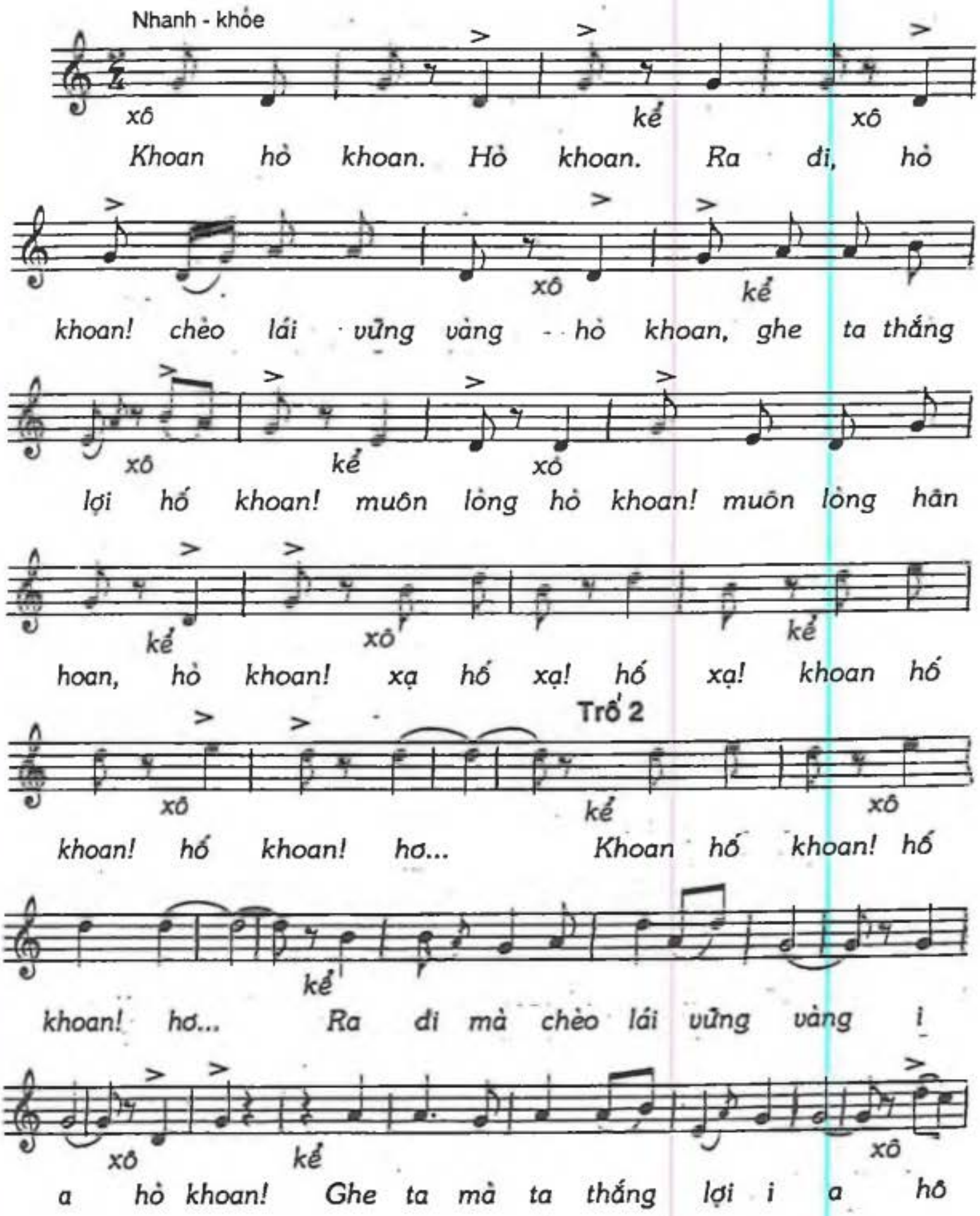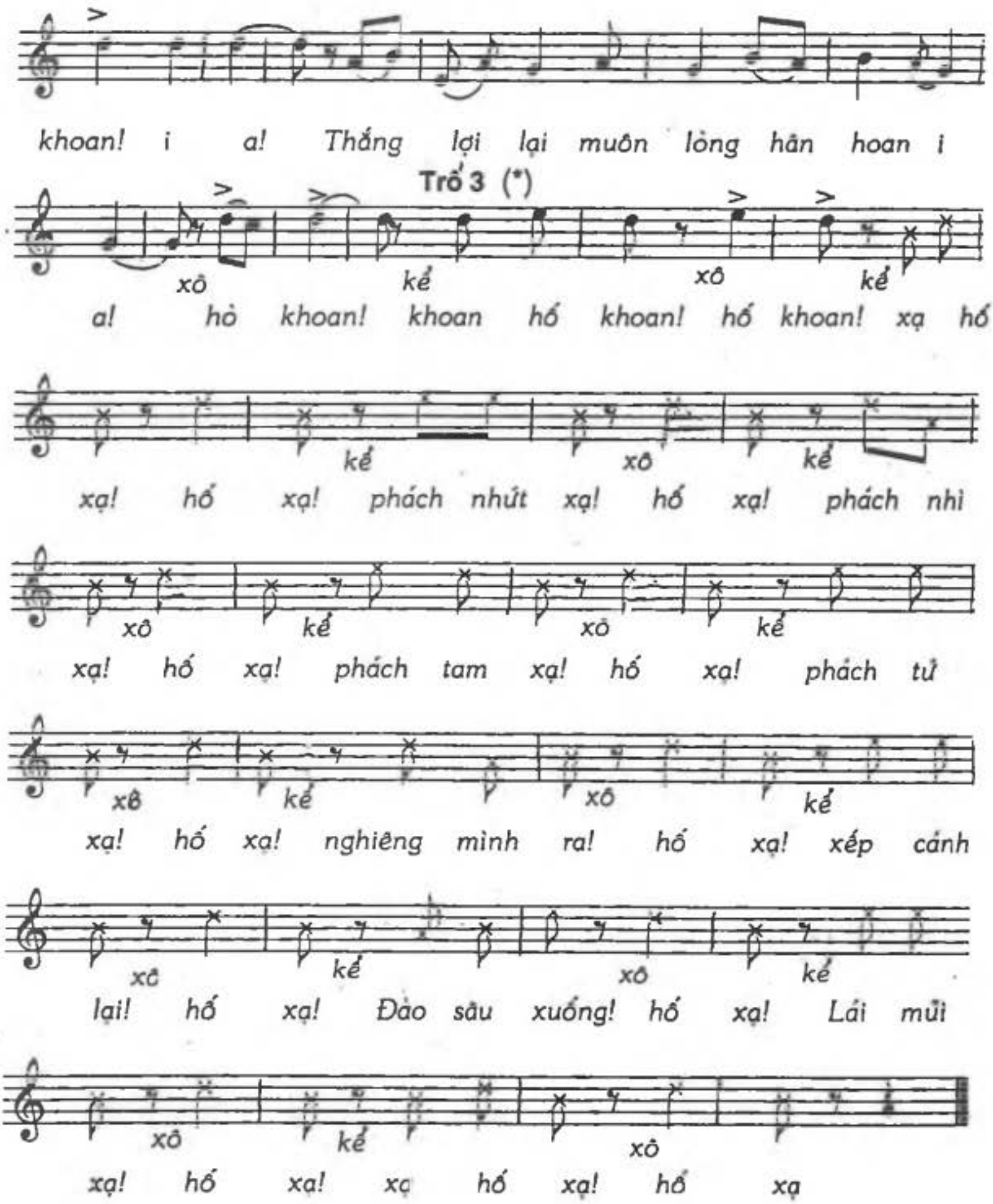
(*) Từ đây đến cuối trổ có thể *hát như nói.*

Hò là một thể loại xướng đặc biệt, được sản sinh từ việc lao động, gắn bó với những người lao động trong tình cảm thân thương, thúc đẩy và kích thích việc làm của họ.

Chất nhạc của hò mang những đặc tính: tính chất tập thể, tính chất chiến đấu, tính chất trung thực, tính chất trữ tình.

Tính chất tập thể thể hiện trước hết ở phương thức sáng tác, sáng tác để nhiều người cùng hò, với lề lối có một người *hò* dắt dẫn vào phần *"kể"*, rồi mọi người hưởng ứng bằng cách nhắc lại một câu hoặc một phần mới gọi là *"xô"*. Người cái kể, người con xô.

Tính chất hào hùng thể hiện ở cái chất khỏe mạnh, giai điệu cũng như nhịp điệu về hò, lời kể, câu xô, toát lên sự cố gắng, ý chí bền bỉ và chủ động. Có thể thấy rõ tính chất này ở những điệu hò gắn liền với việc lao động như hố giựt chì, hò đẩy xe goòng, hò đua ghe.

Tính chất trung thực ở việc phản ảnh một nội dung và đặc tính của từng việc lao động.

Tiếng đệm với những từ ngữ như là vô nghĩa, mà chính là những tiếng "làm đà" nên động tác và liên kết chúng lại.

"Dô ta! Hố ri!" gợi cho ta động tác kéo giật.

"Hò khoan!" gợi cho ta ý nghĩ đồng tình, nhất trí.

"La hố! Hê hê" gợi cho ta một động tác gọn, nhanh và sắc.

"Hụi! Hù là" gợi cho ta động tác nặng nề, chậm rãi.

"A lý khoan là hò khoan!" gợi cho ta động tác thanh thoát, nhẹ nhàng.

Tính chất trữ tình bao trùm lên tất cả hò khoan (dù dưới tên gọi khác nhau). Các điệu hò đều chung thể loại hát huê tình; tất cả đều là tình ca!

Nhịp điệu gắn liền với việc lao động nện nền nhà, mà giai điệu rất tình, ở phần kể:

Tìm em như thể tìm chim

Chim ăn biển Bắc, anh tìm biển Đông

Tình em như nước dòng sông

Thương anh áo rách phòng không, mà buồn...

Cùng nhau trèo lên rẫy để chẻ tre đan sịa phơi khoai mà giai điệu và nhịp điệu thể hiện phơi phới tình yêu:

Trèo lên trên rẫy khoai lang

Chẻ tre đan sịa cho nàng phơi khô.

Nhịp nhàng giã gạo đều đặn, khỏe khoắn mà tình yêu đậm đà chan chứa.

Trăng lên khỏi núi

Trăng mắc bụi duối trăng mờ

Lòng em thương bậu, tới bao giờ nói ra?

Em về thưa với mẹ cha

Cưới em, anh xin cưới, chỉ ba đồng tiền

Một đồng lật ngửa làm tin

Một đồng trầu nước ra xin trước làng

Một đồng thưa với họ hàng

Lạy ba bốn lạy, vậy nữa, cho nàng về anh.

Có thể chia hò khoan thành hai nhóm:

a. Nhóm gắn liền với nhịp điệu lao động.

b. Nhóm phóng khoáng, chuyển hóa theo nhịp điệu tâm hồn và tình cảm của từng người hát hay từng nhóm hát.

Thuộc nhóm thứ nhất là hò giã vôi, hò hụi (hò nện nền nhà), hò đua ghe, hố giựt chì, hò đẩy xe goòng v.v...

Thuộc nhóm thứ hai là hò giã gạo, hò đạp chè, hò se chỉ, hò ươm tơ, hò chằm nón, hò đẩy xe mía, hò chắp gai, hò hái dâu, hò đò dọc, hò đò ngang v.v...

Cùng là thể loại hò khoan trên sông nước, so sánh hò đua ghe với hò đò ngang, ta thấy rõ sự khác biệt về tiết tấu giữa chúng.

Hò đua ghe có tiết tấu chặt chẽ khẩn trương, những con bơi đều dồn sức đưa nhanh mái chèo để ghe vượt lên, mau về tới đích, đoạt giải thưởng cao. Giai điệu của nó chứng tỏ như thế:
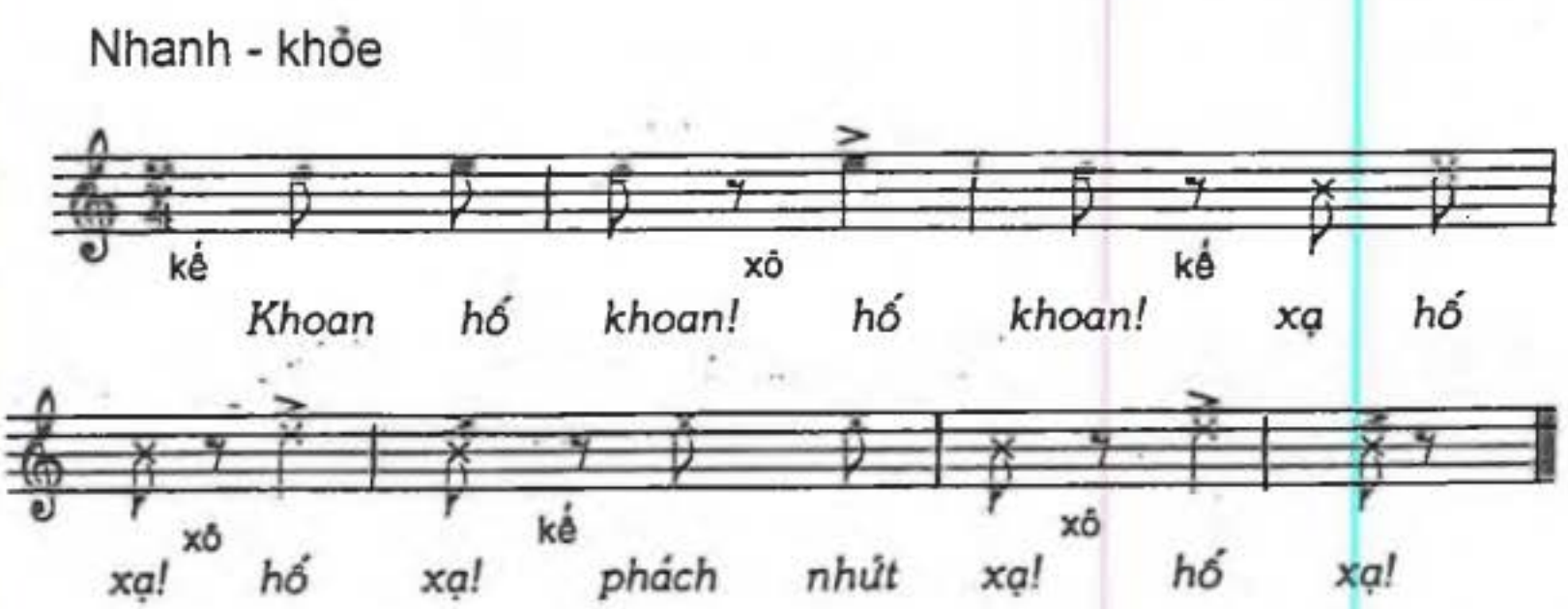
Hò đò ngang có tiết tấu dàn trải, giai điệu bay bổng, thể hiện tâm hồn thanh thản, dòng sông hiền hòa, mái chèo nhẹ nhàng.
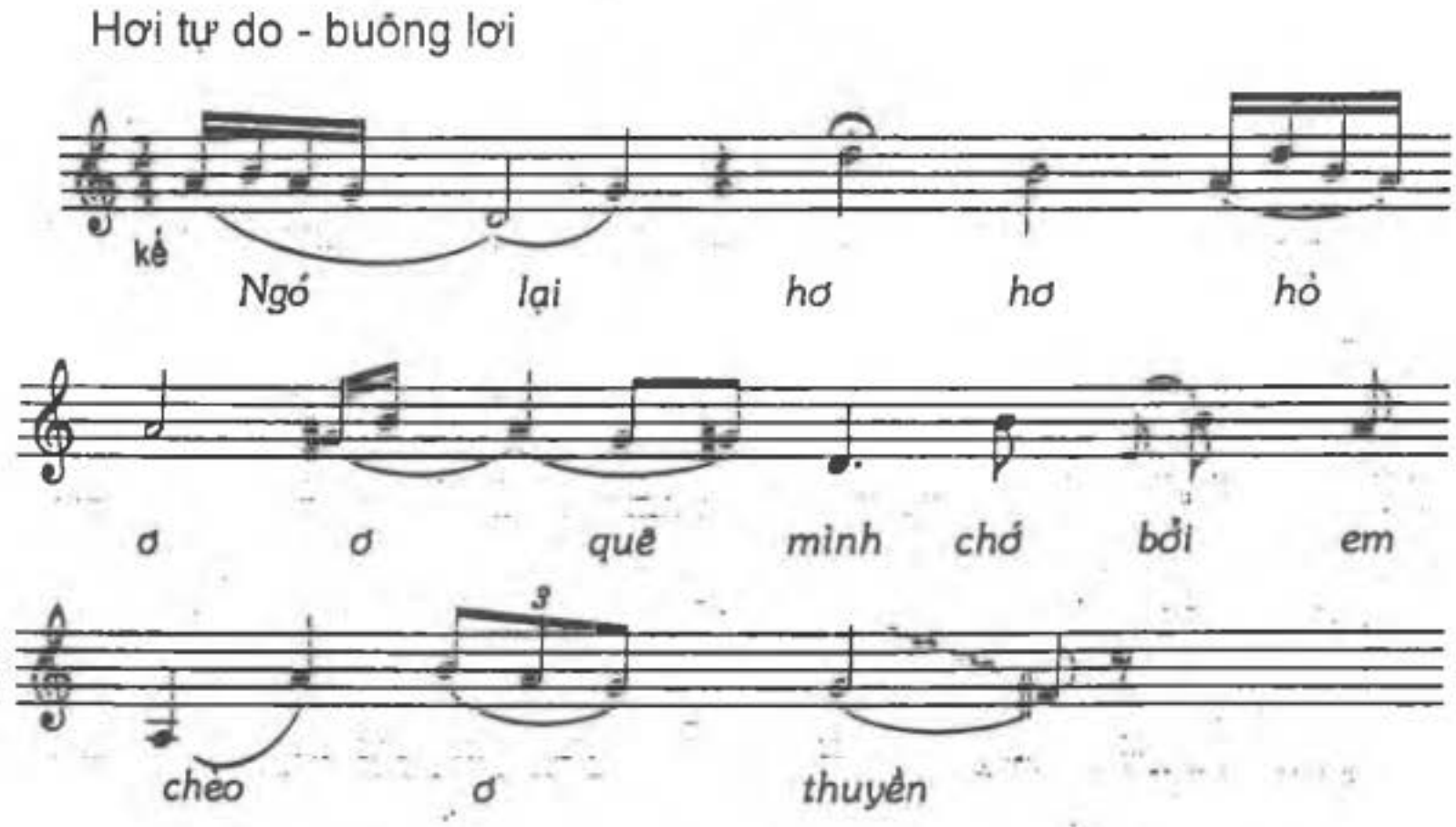
Hò giã vôi và hò đạp chè đều là hò khoan trên cạn nhưng nhịp điệu của chúng khác xa nhau.

Giai điệu của hò giã vôi cơ sở trên nhịp điệu của việc lao động, do đó, tiết tấu gắn liền với chu kỳ độ mạnh nhẹ của động tác, lặp đi lặp lại luân phiên, đều đặn: Phải giã thật khỏe cho vôi cục vỡ, đều tay nhịp chày (khỏi vướng chày người khác). Phần kể hoàn toàn tuân theo cái chặt chẽ của cấu trúc bài hát, trong lối kết hợp hài hòa với phần xô và phần hò.
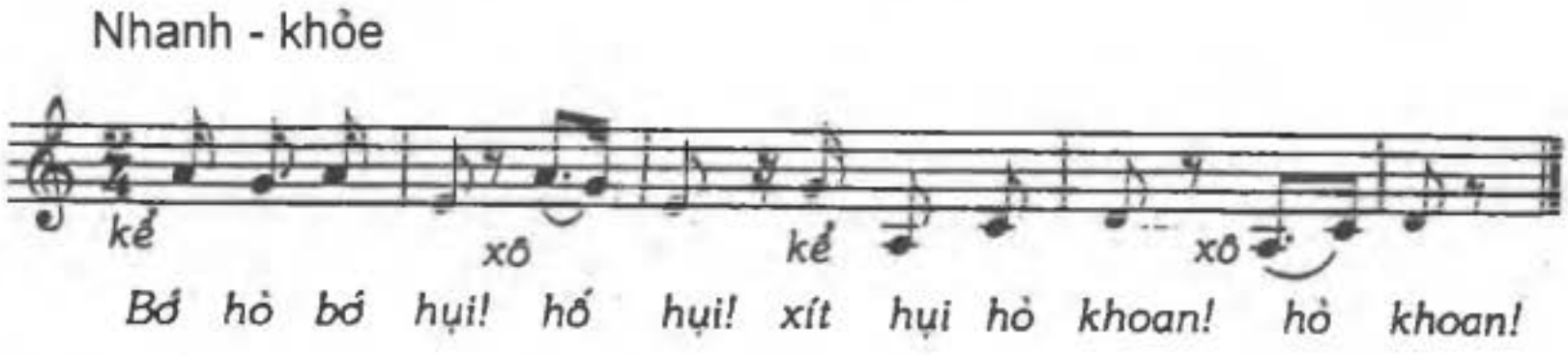
Việc lao động đạp chè nhẹ nhàng. Người đạp chè ngả một cái nong trên sân, kê chung hai người một cái giá ngang bụng để vịn tay. Chè lá đã phơi héo. Đôi bàn chân trần đạp nhả chè

chầm chậm, nhồi chè thành khối bằng trái dừa, từ từ lăn ra sau. Lại tóm gọn cả lọn chè ra phía trước, đạp tiếp. Các cử động đều mềm và đẹp.

Giai điệu khoan thai, mềm mại:
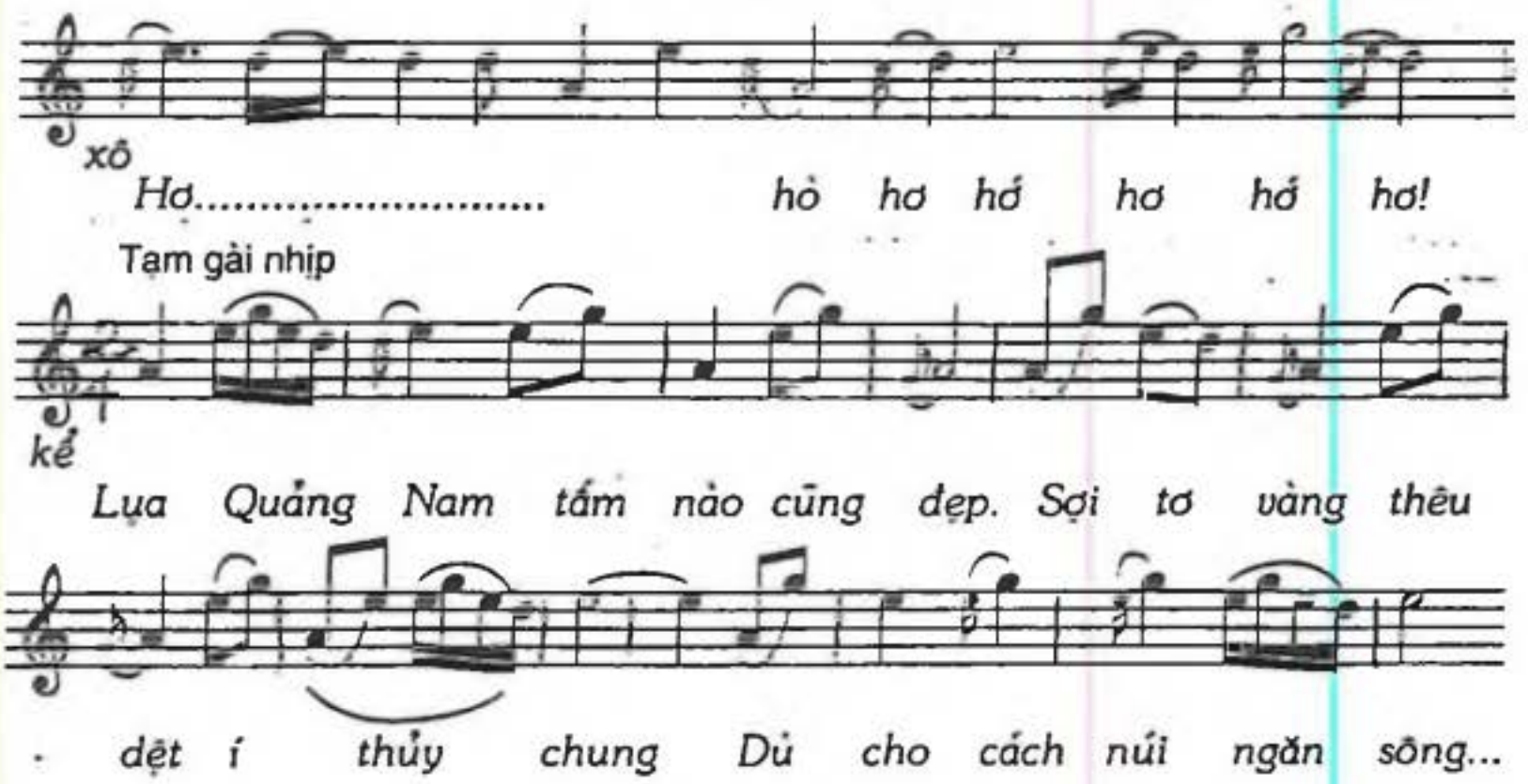
Bố cục của điệu hò gồm ba phần là: *hò - kể* và *xô*

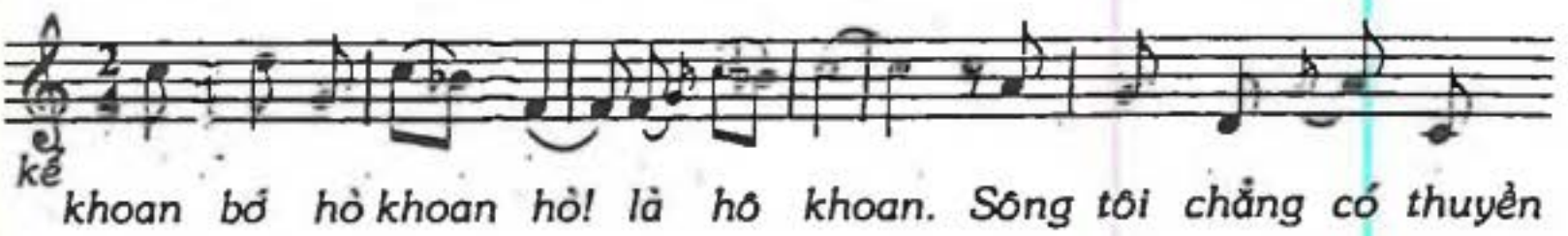

Những phần này được cấu tạo sinh động, biến hóa theo qui tắc và đặc điểm của từng thể loại thích hợp với từng loại việc lao động, thể hiện bằng giai điệu và nhịp điệu với trổ mở, trổ thân bài và trổ kết, cho thấy rõ cấu trúc hoàn chỉnh của một điệu hò, với những đặc điểm riêng.

I. PHẦN HÒ: - Giai điệu của phần này ở trổ mở vào bài nét mô hình đặc trưng của thể loại - do một giọng tốt nòng cốt của

nhóm bạn hò biểu diễn những nguyên âm hoặc nhóm từ đưa hơi, dẫn dắt vào trổ thân bài.
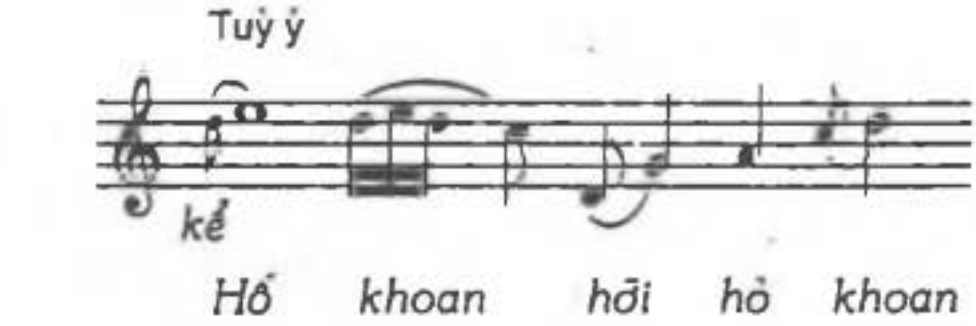
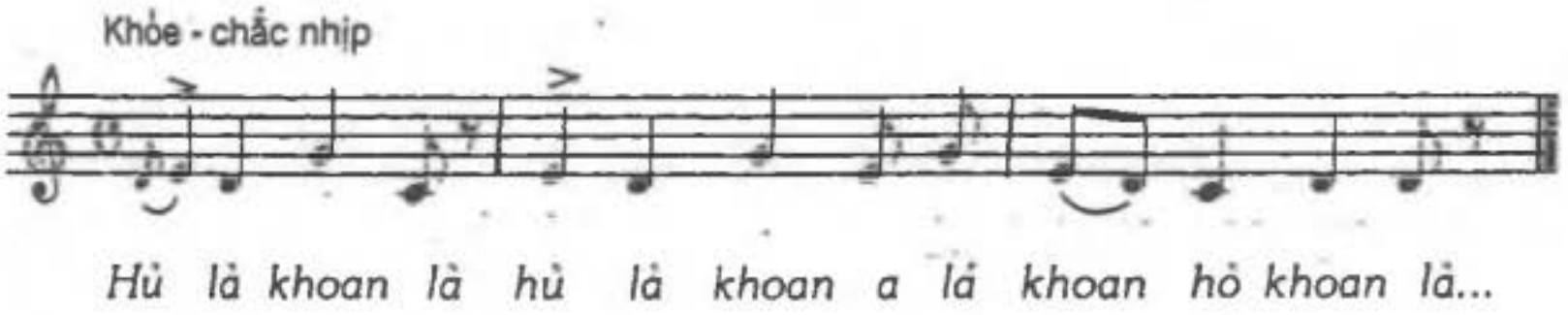

Thể hiện ở phần hò khỏe mạnh, lệnh tập hợp những người kéo lưới giữa cảnh trời biển bao la, từng đợt sóng trào
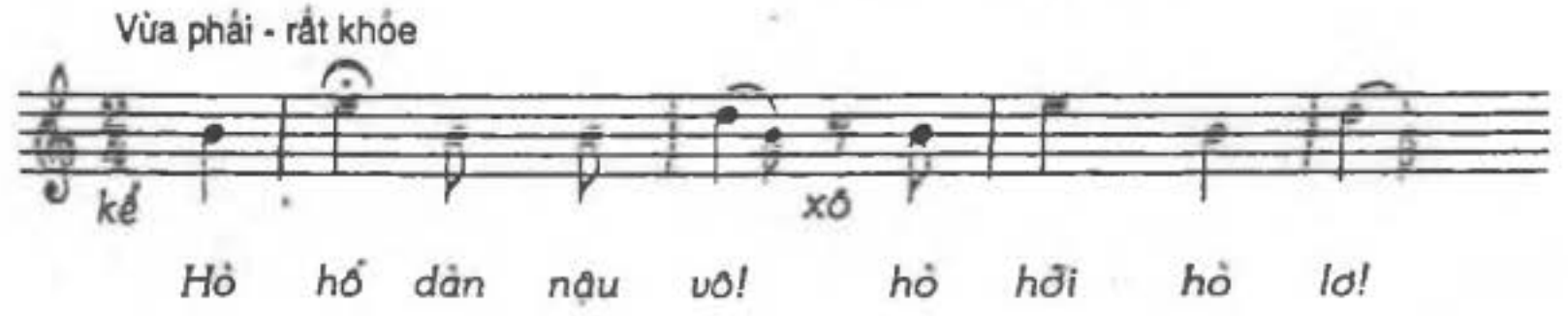
khác hẳn phần hò trong hò khoan giã gạo (hát kết) trữ tình, ngọt ngào.
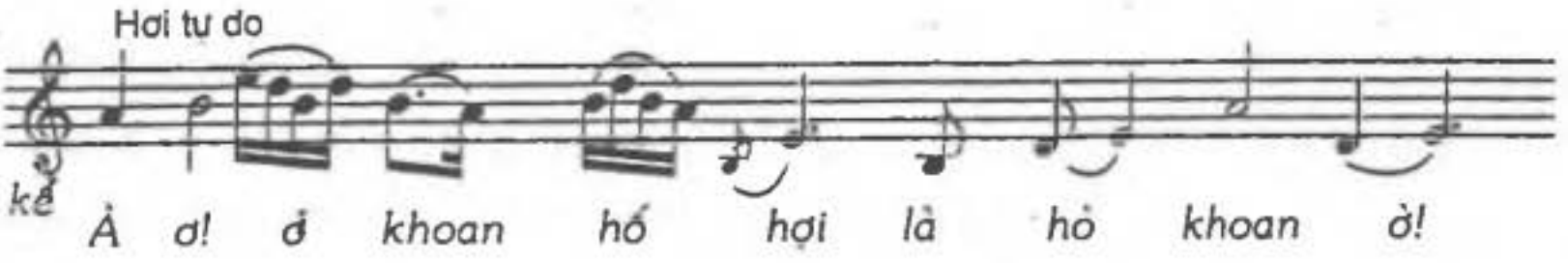
Phần hò là nét bắc cầu, chuyển tiếp giữa các trổ, giữa các giọng hò

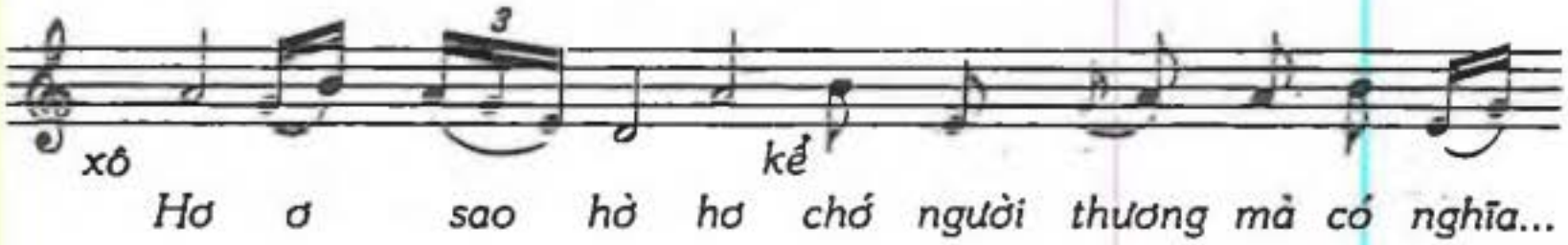

còn là nét lấy đà để bắt tay vào việc lao động được rập ràng, mạnh khỏe
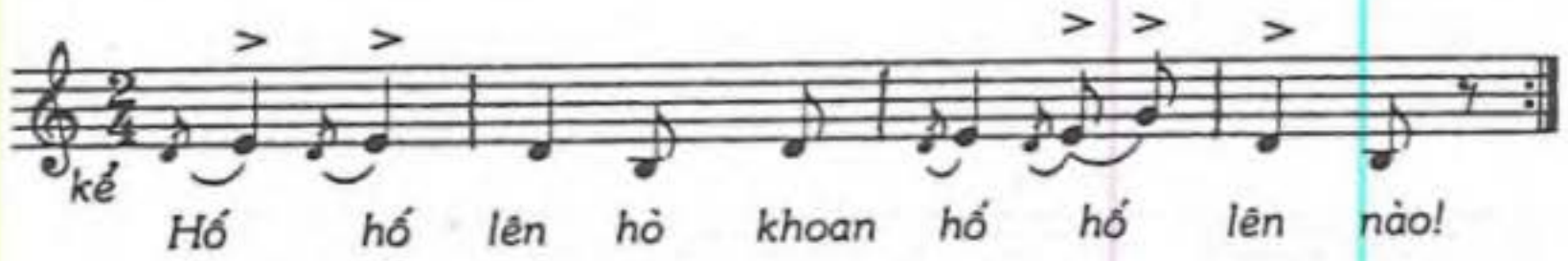
Giai điệu của phần hò thường là một cấu trúc âm nhạc tương đối ổn định; có thể biến hóa tùy người hò, đổi thay chút ít, ở từng vùng, nhưng vẫn giữ nét mô hình cơ bản.

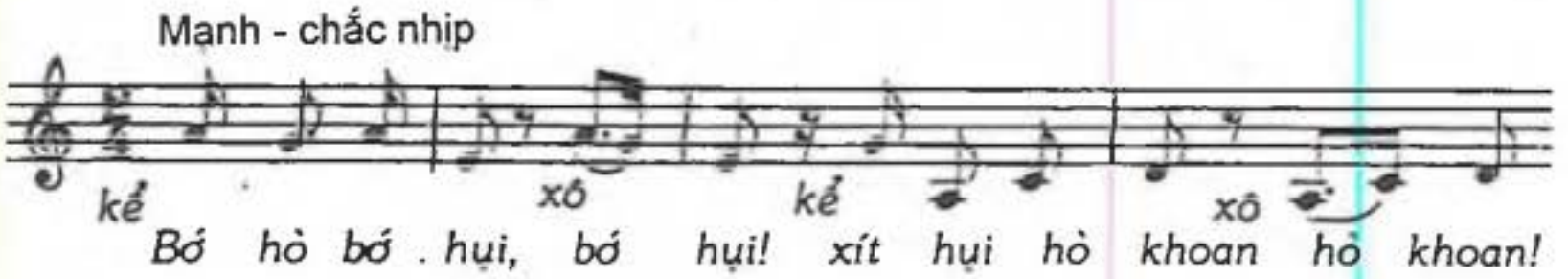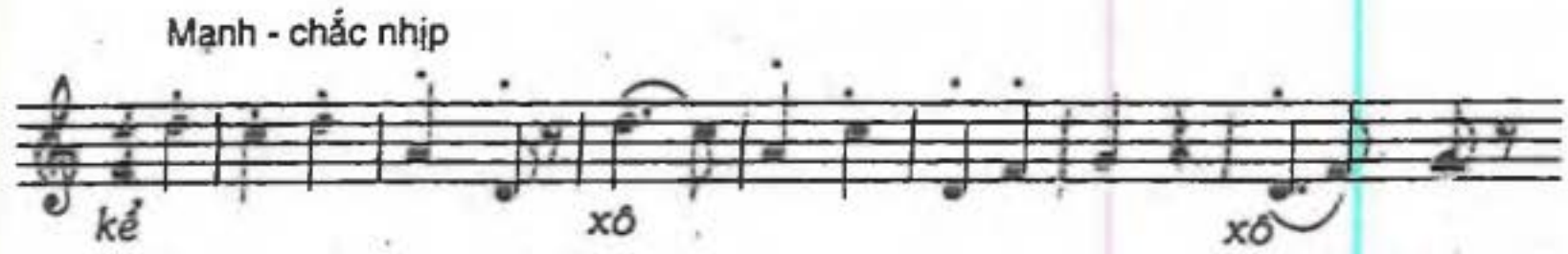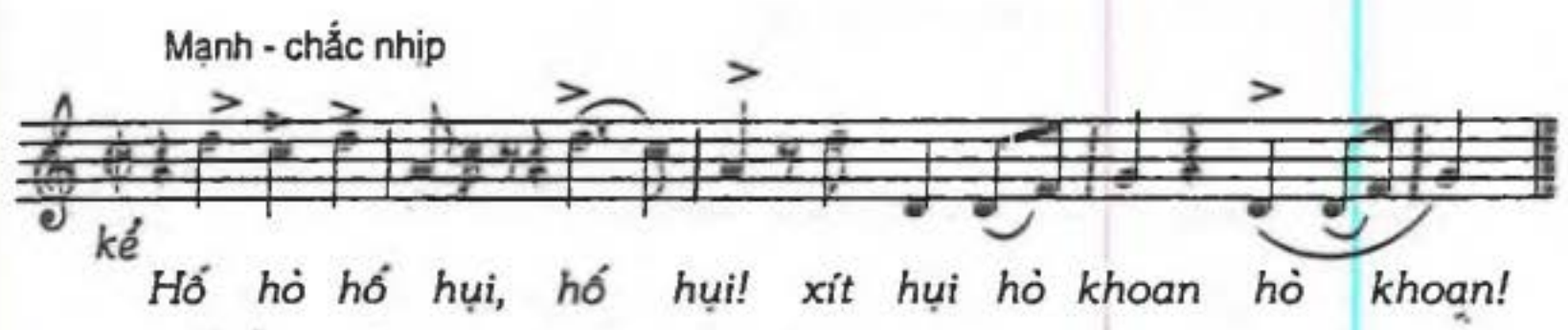

Giai điệu phần hò nổi bật hàng âm điệu thức, là nòng cốt dạng điệu của toàn bài hò.

Phần hò I với hàng âm la^1 đô^1 rê^1 mi^1 sol^1 (sẽ đan ghép với rê^1 mi^1 sol^1 la^1 si^1)

Phần hò II với hàng âm rê^1 fa^1 sol^1 la^1 đô^1

Phần hò III với hàng âm rê^1 fa^1 sol^1 la^1 đô^1

Kết của phần hò cũng là kết của điệu hò (nét giai điệu từ a đến b).
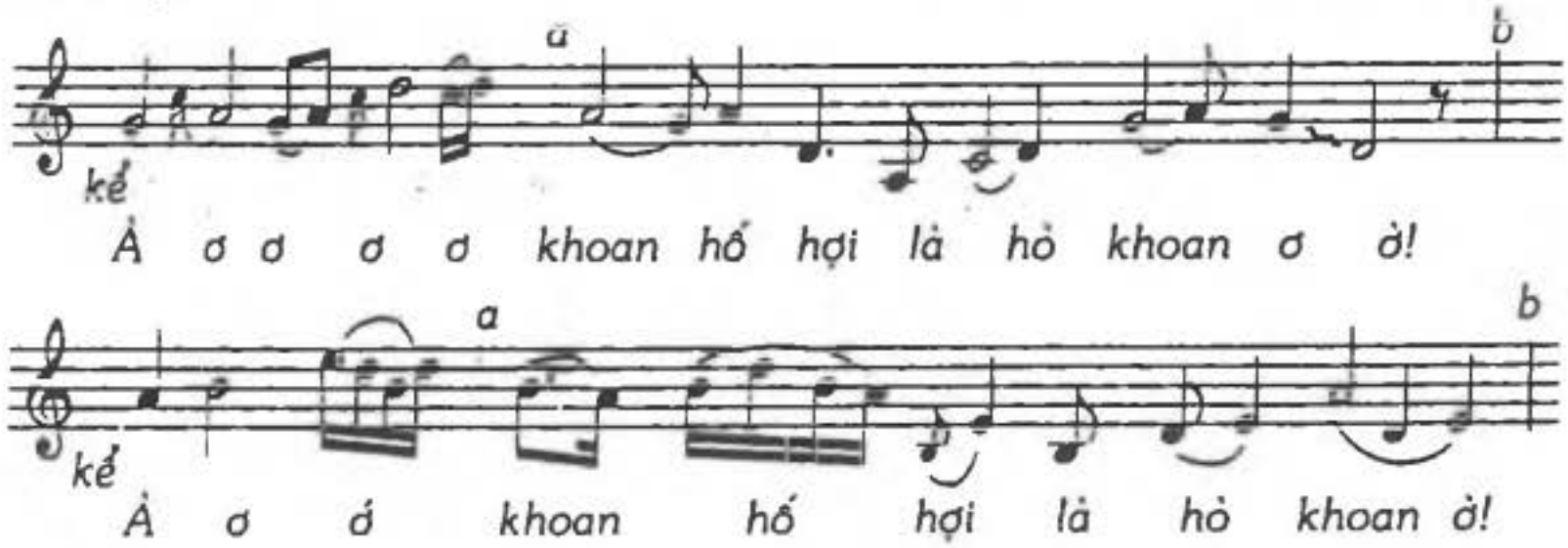
II. PHẦN KỂ: - Nằm ở trổ thân bài, nối tiếp phần hò (có đôi khi ở đầu phần *xô,* hoặc trước phần *hò*) do một người trình bày nội dung lời điệu hò; giai điệu biến đổi linh hoạt, thành tình cảm riêng và thanh điệu của từng vế lời. Vẫn phải tôn trọng những qui tắc về điệu thức, về cấu trúc (mở, thân bài, kết), nhưng với phong cách riêng, người hò mở rộng sự sáng tạo cho giai điệu phần kể này.

Giai điệu trữ tình duyên dáng

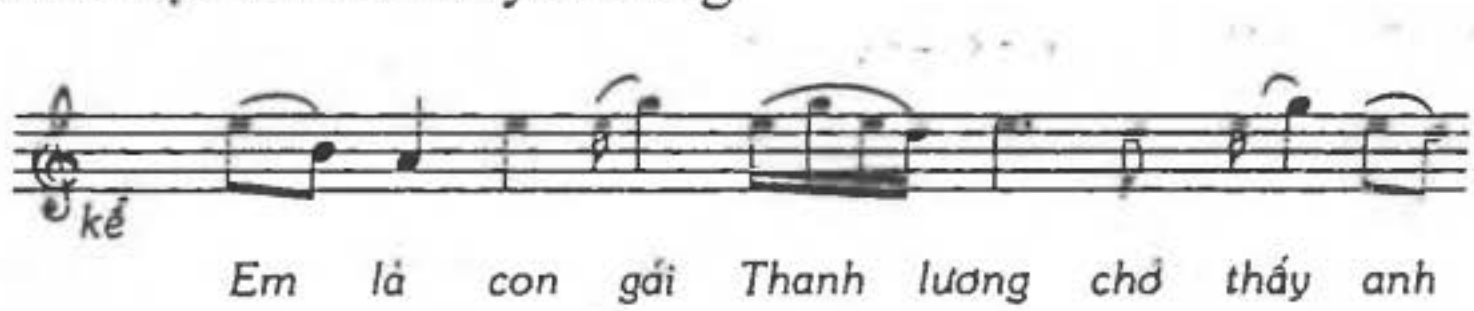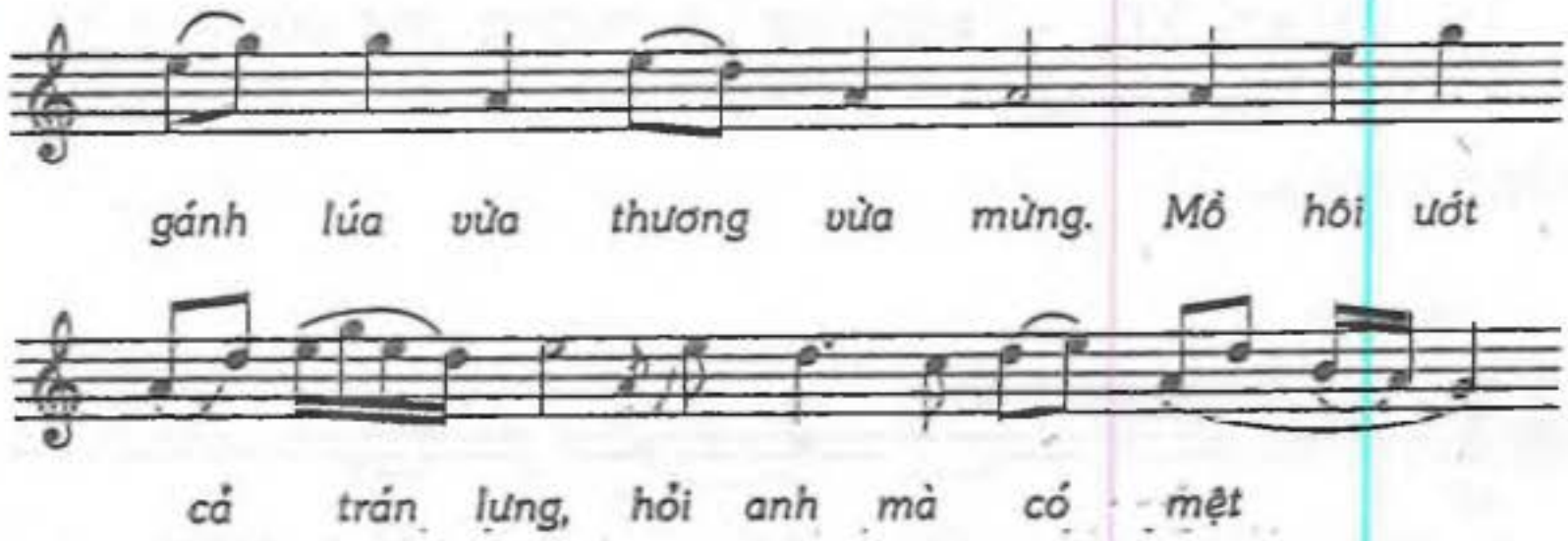

Giai điệu hiền hậu, trong trẻo
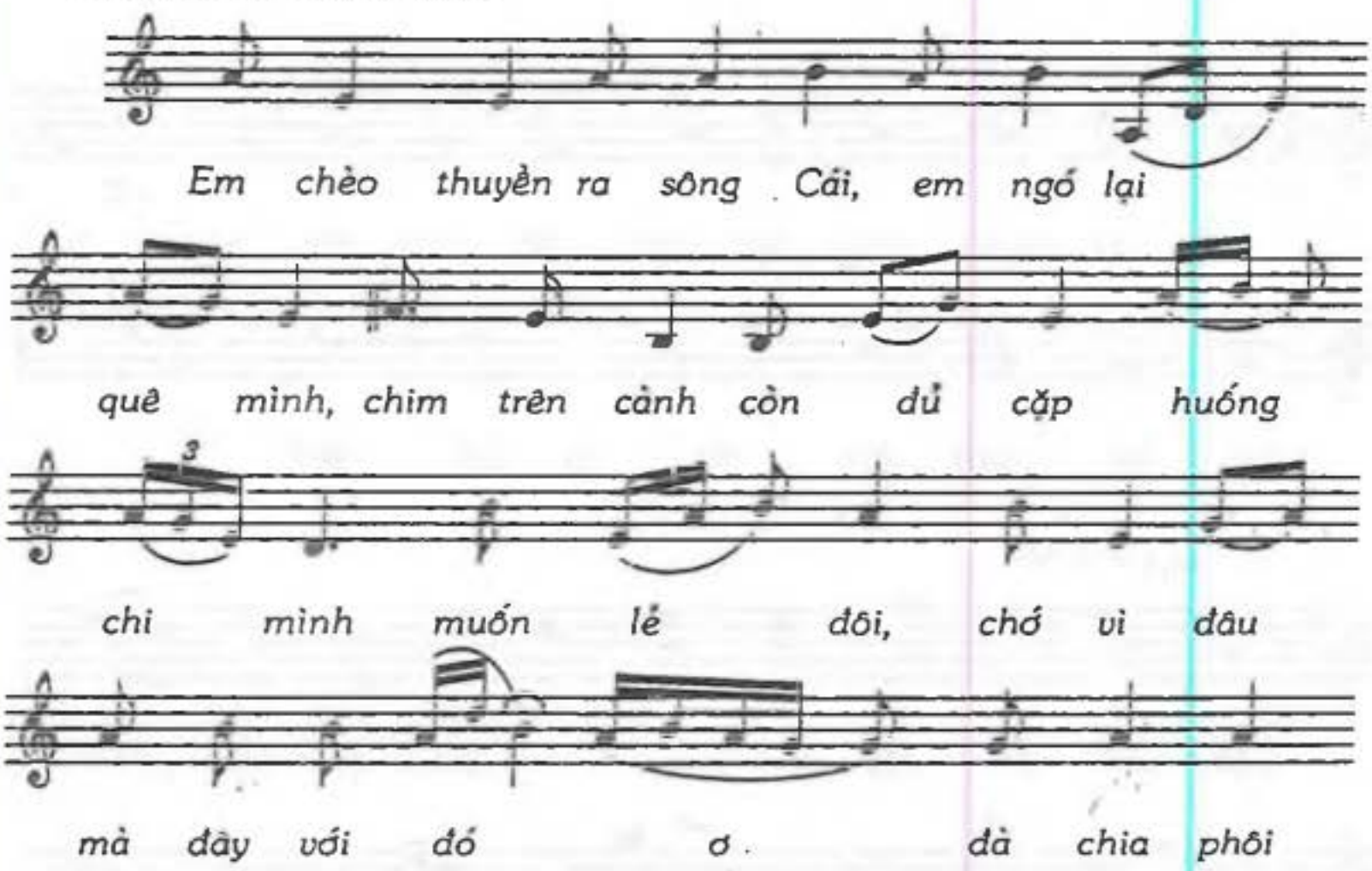
Nét nhạc biến đổi khéo léo theo thanh điệu của phần kể trổ mở

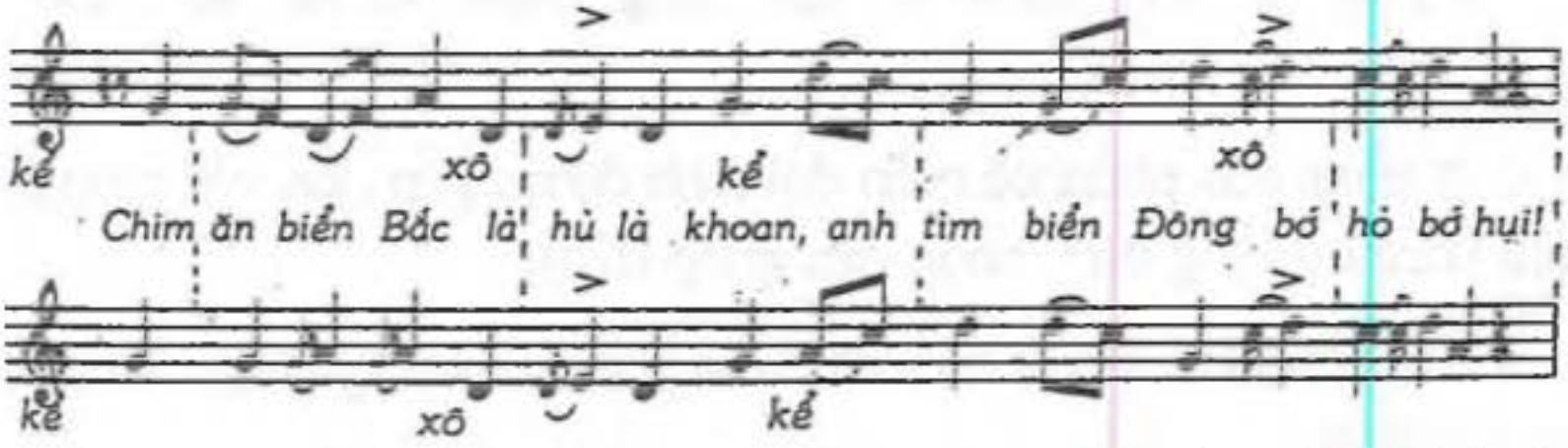

III. PHẦN XÔ: - Phần đáp lại hưởng ứng nối tiếp hòa hợp hoặc đệm lót sau lời hò hoặc lời kể, do nhóm bạn hò cùng xướng.
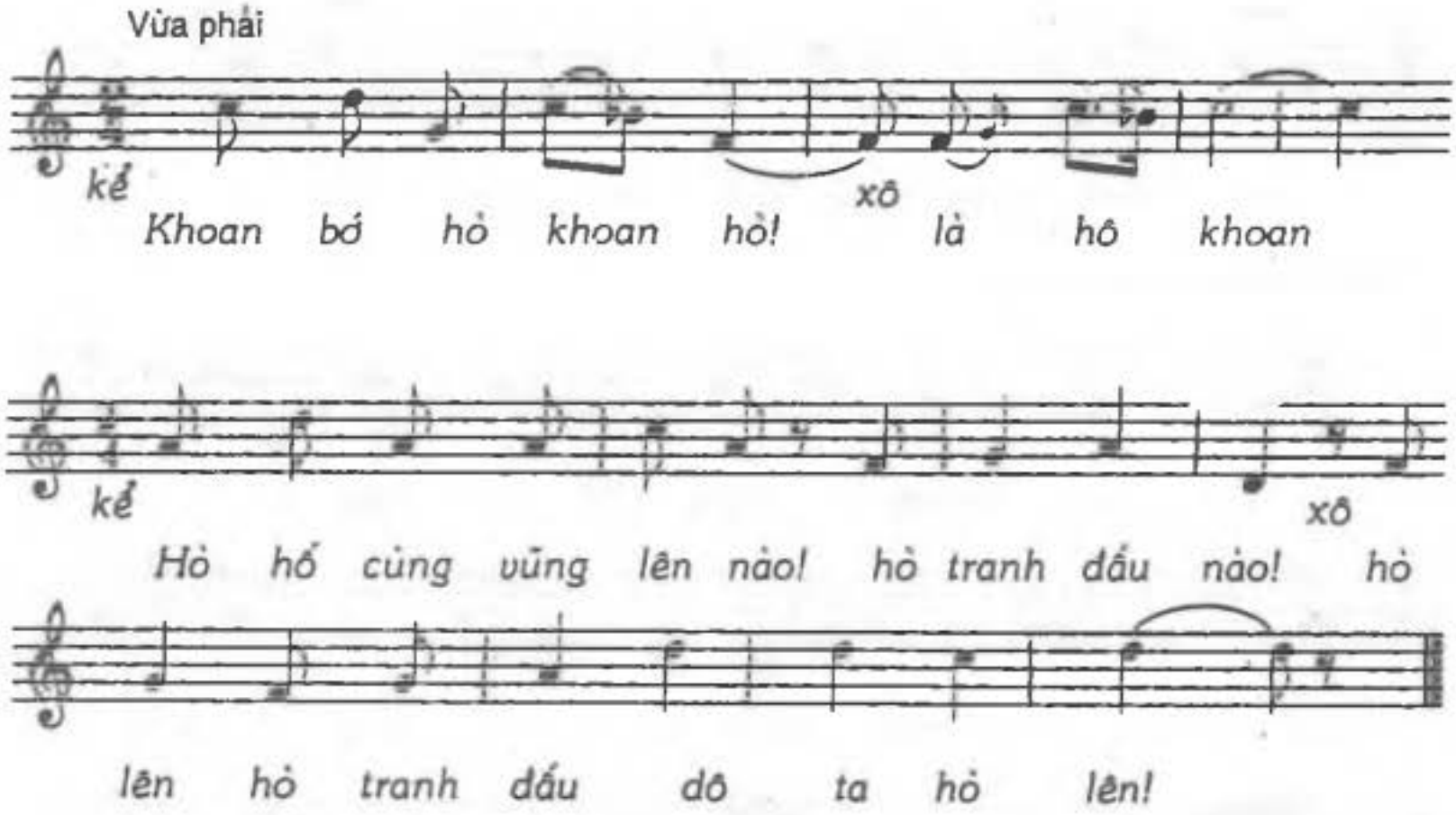
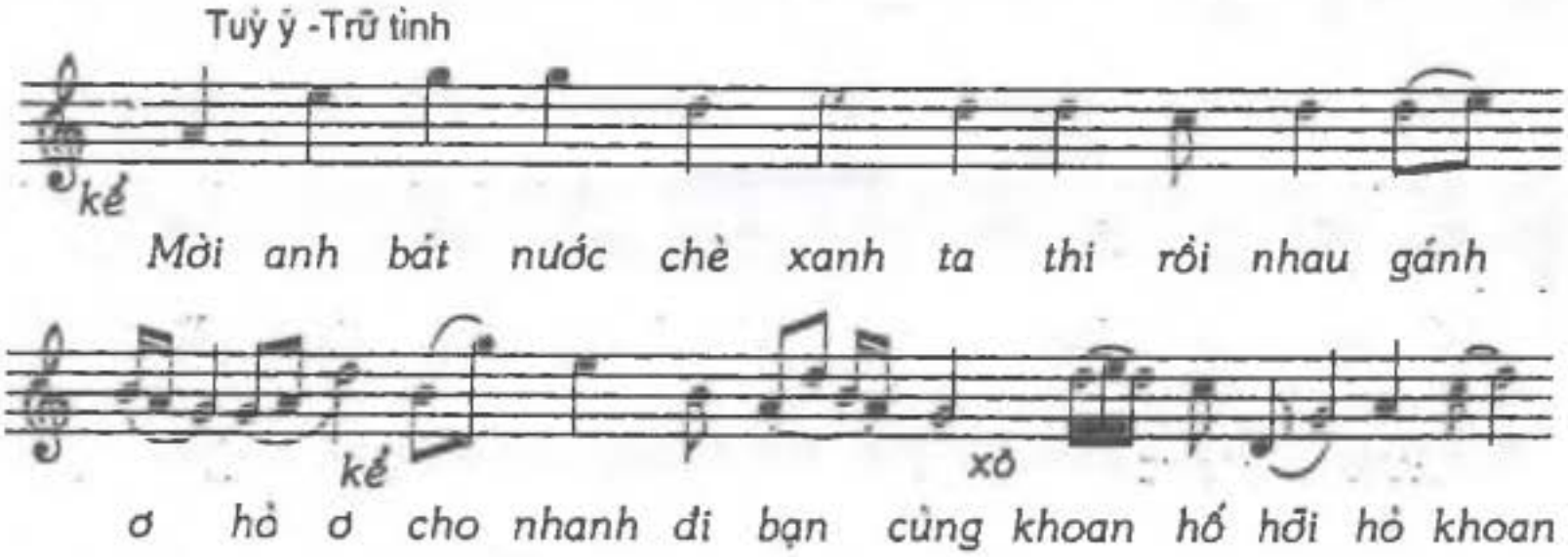

Nét nhạc của phần xô biến đổi sinh động, gắn liền với giọng điệu (nếu có lồng điệu hoặc đan ghép điệu)

Có thể nhận thấy nét biến đổi của phần xô trong *Hố giựt chì*, ở trổ một là:

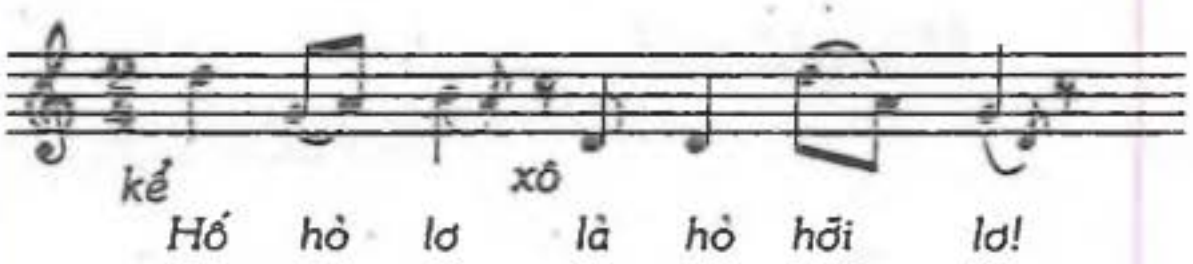

thì ở trổ hai là

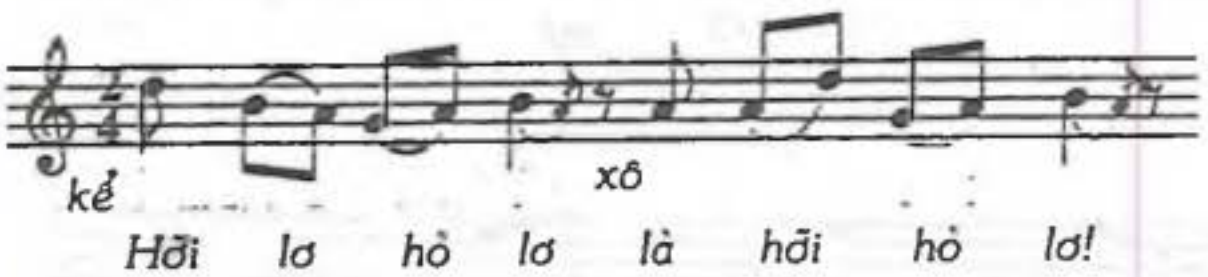

Phần xô là khúc bắc cầu, nối tiếp
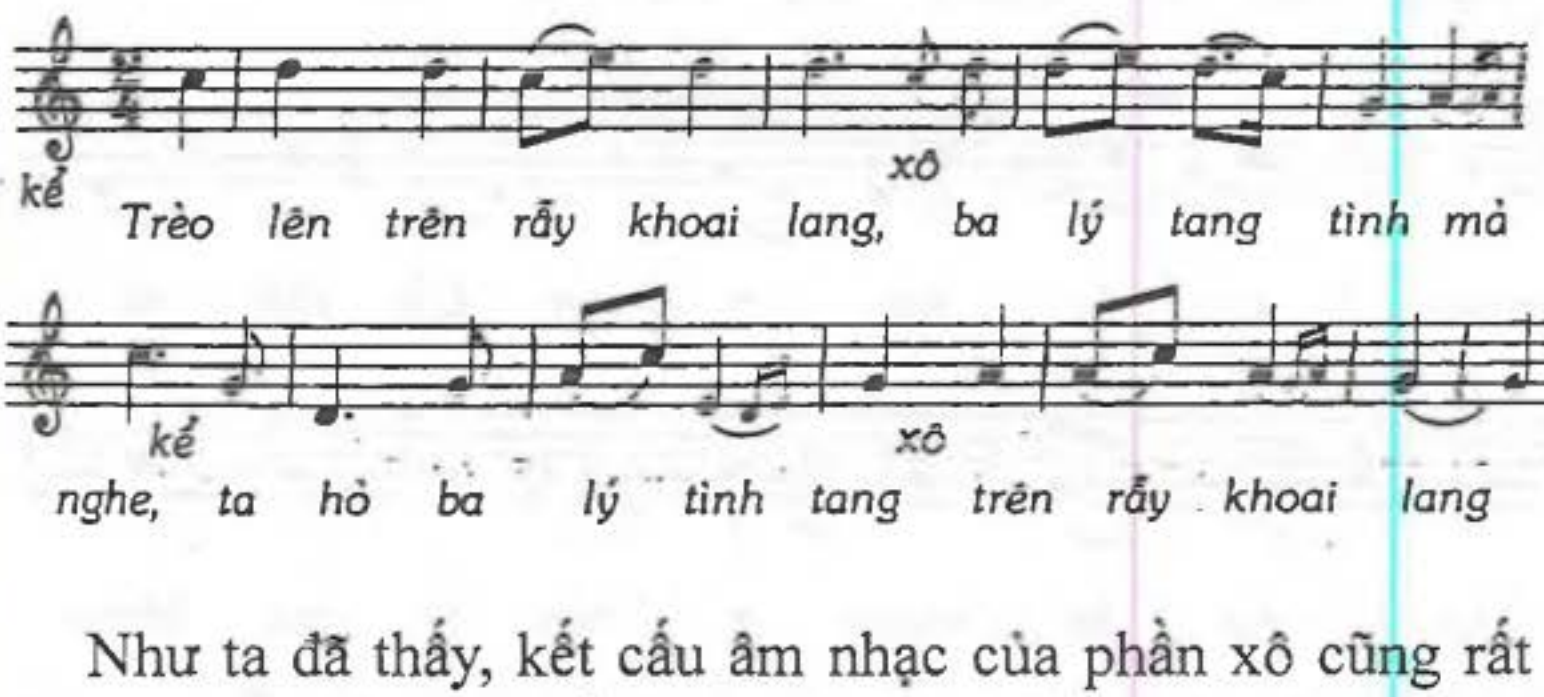
Như ta đã thấy, kết cấu âm nhạc của phần xô cũng rất rõ ràng, sinh động, có thể từ là một âm, một nhóm âm, một tiết nhạc đến một câu nhạc.

Phần xô có những đặc điểm gần giống phần hò. Hai phần này kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa trong điệu hò, làm nổi bật lên tính chất lao động, tính chất tập thể, khác biệt với các thể loại dân ca khác.

Hò giã vôi

Mạnh - chắc nhịp

VĂN ĐÔNG ghi âm
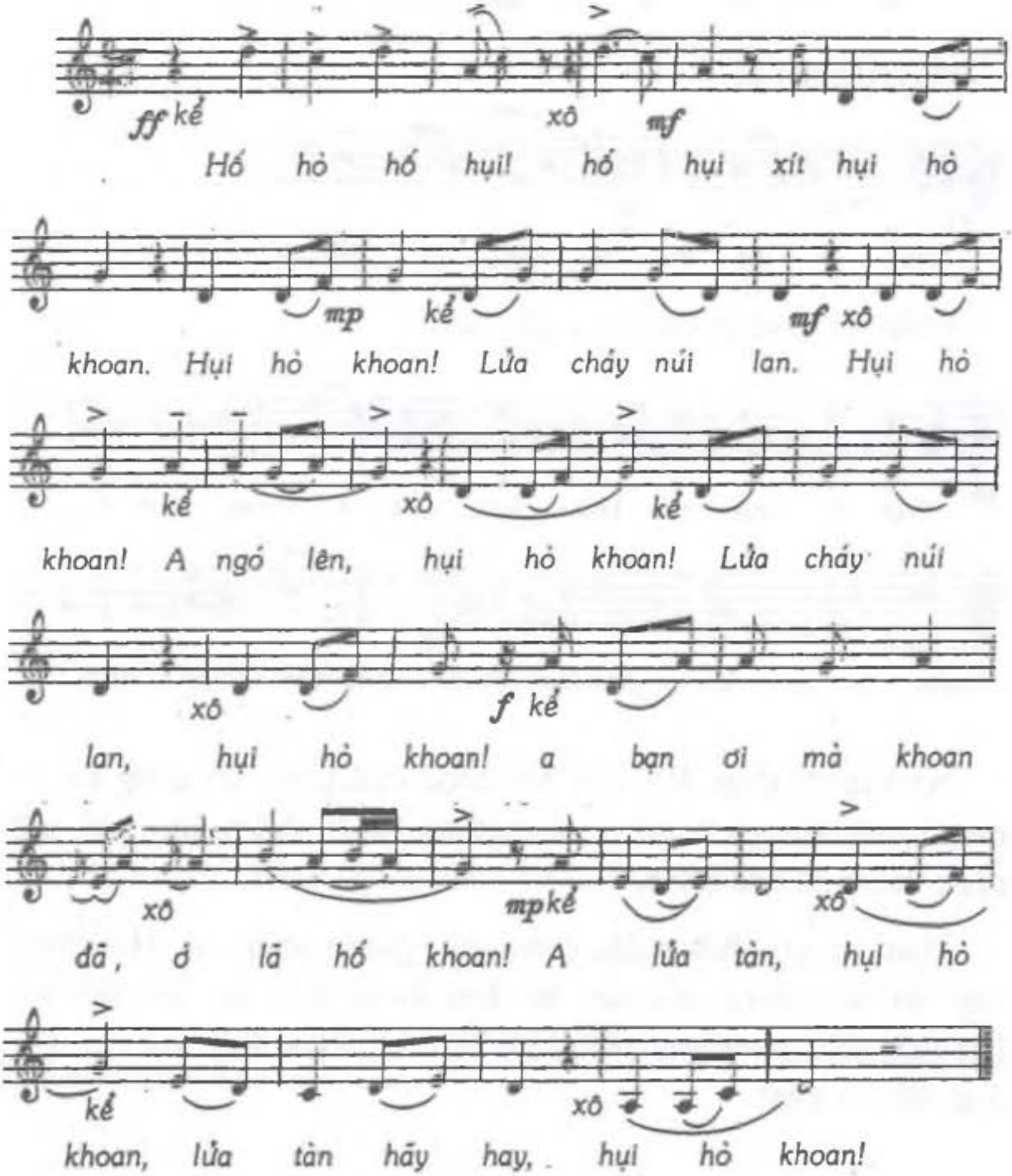
Hò giã vôi
(BIẾN THỂ)
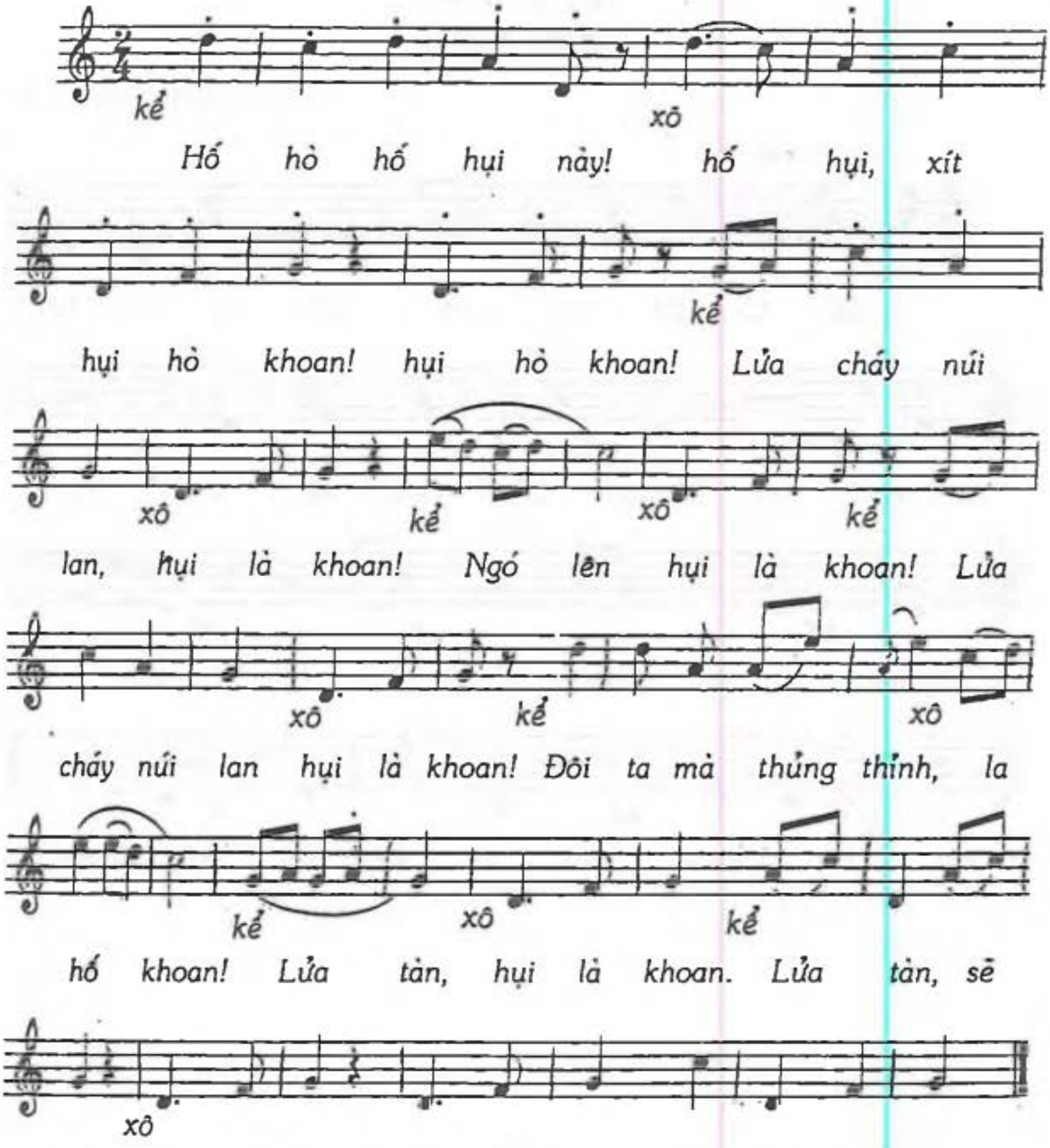
Hò giã vôi

(BIẾN THỂ 2)

DƯƠNG MINH HÒA ghi âm
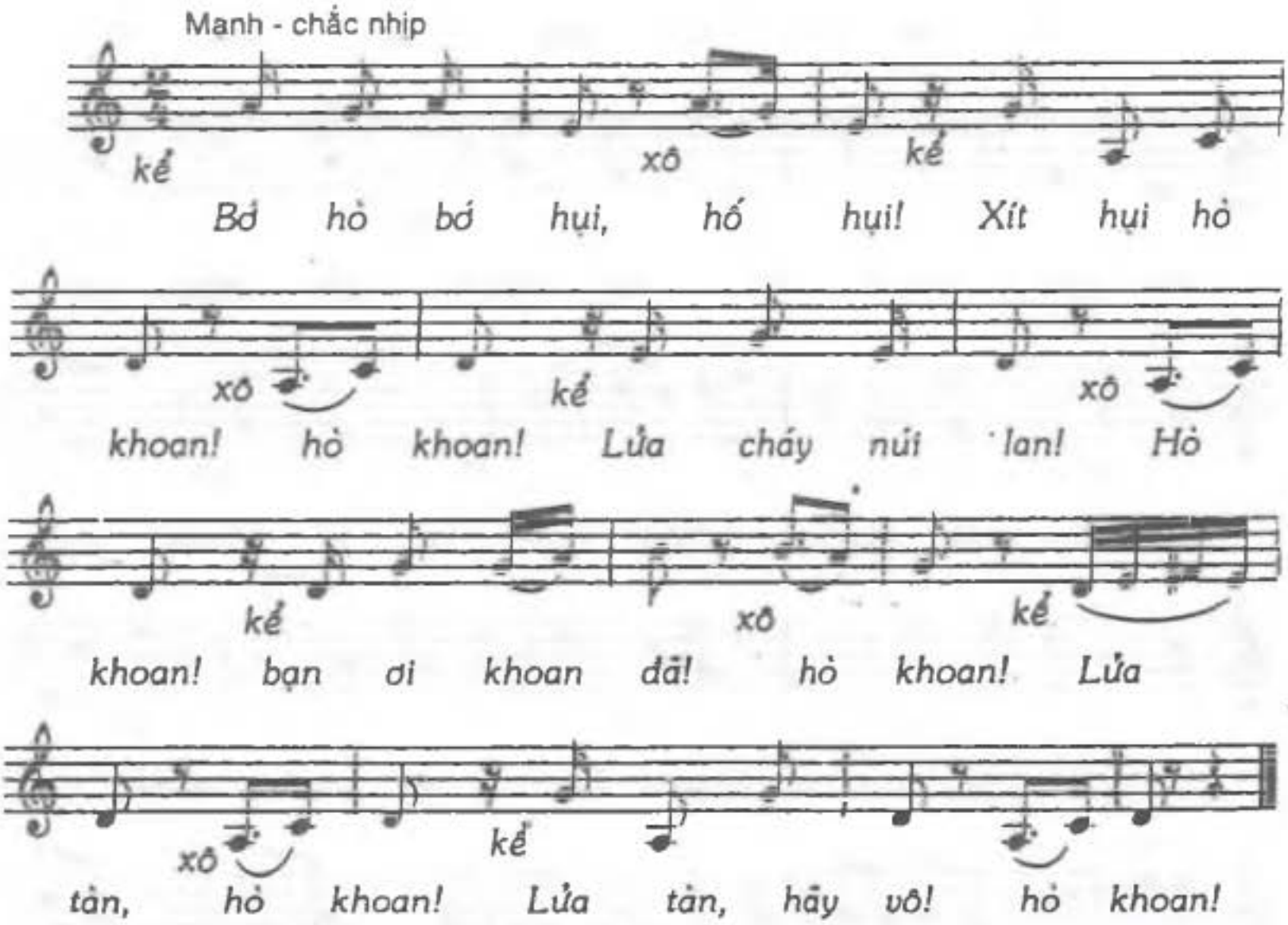
Hò giã gạo
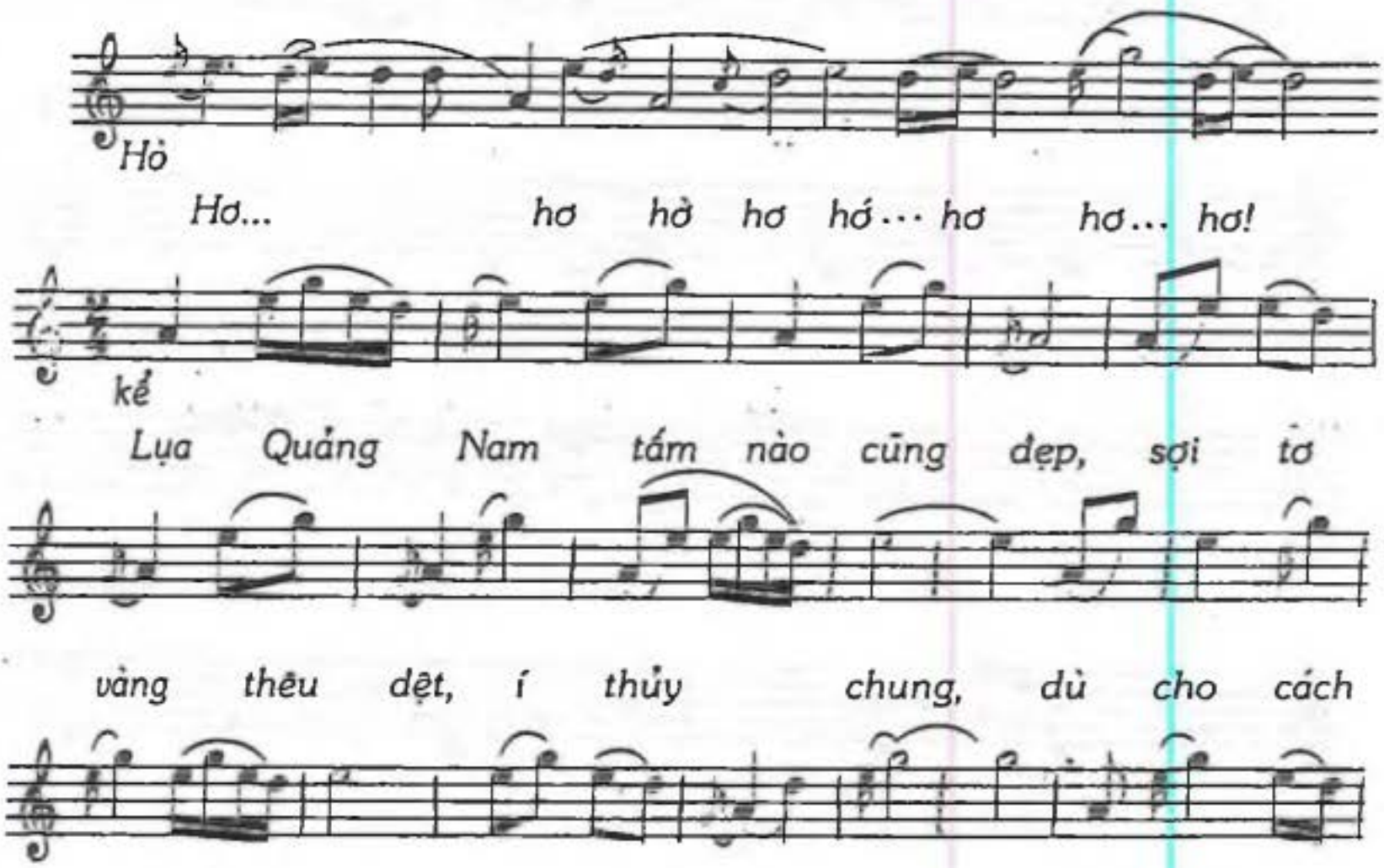
Hò
Hơ... hơ hờ hơ hớ··· hơ hơ... hơ!
kể
Lụa Quảng Nam tấm nào cũng đẹp, sợi tơ
vàng thêu dệt, í thủy chung, dù cho cách
núi ngăn sông, trăm cay ngàn đắng, đừng để cho
xô
kể
lỏng lẵng xao. Hố hời hỏ khoan! Lên non mà mới
biết non cao, xuống biển mới biết biển sâu mấy
xô
từng. Hố hời hò khoan

Hò chèo thuyền

Vừa phải - tươi vui
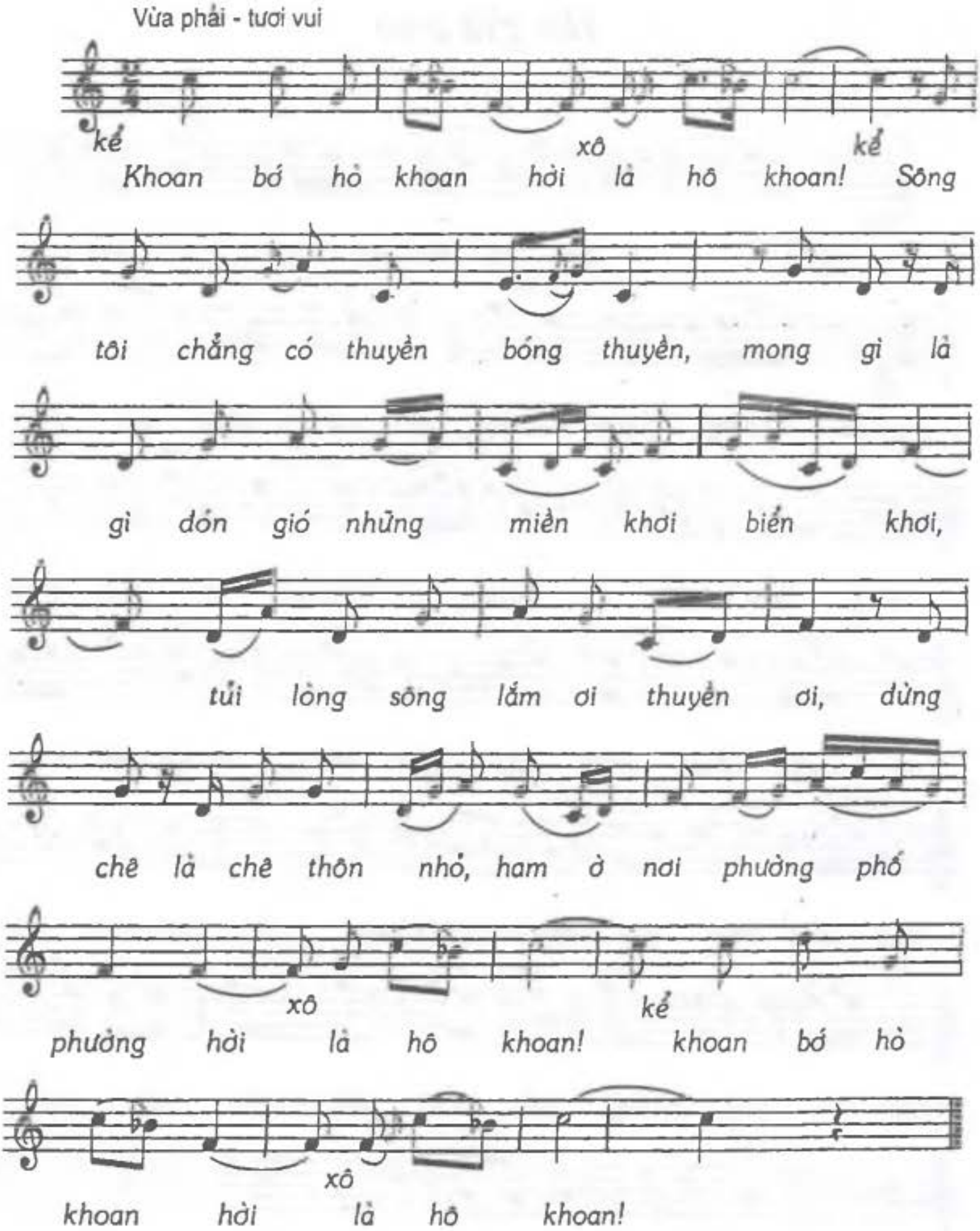
Hò giã gạo

(BIẾN THỂ)

Tự do - tình cảm
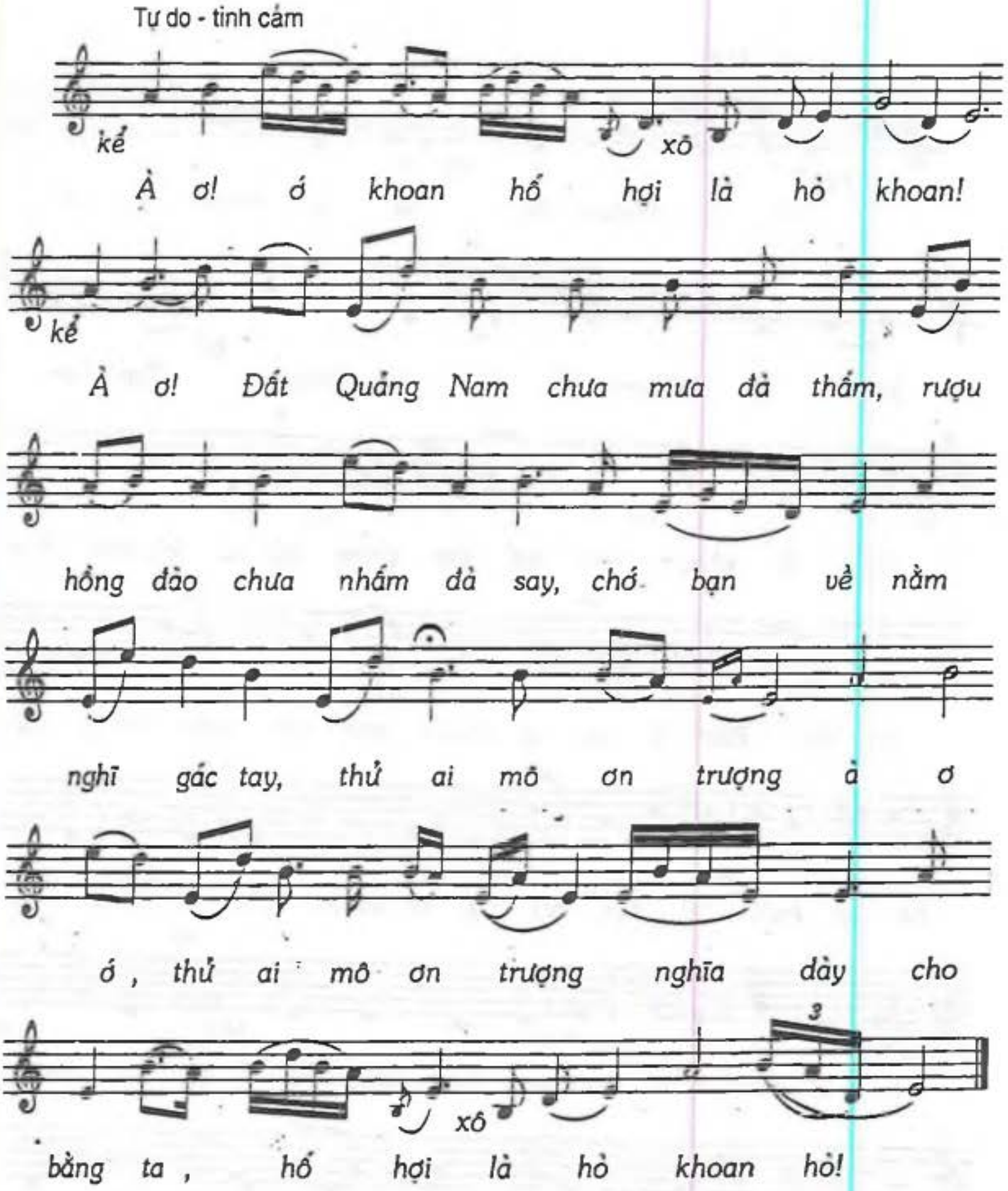
Hò nện nền nhà

HUỲNH VĂN CÁT ghi âm
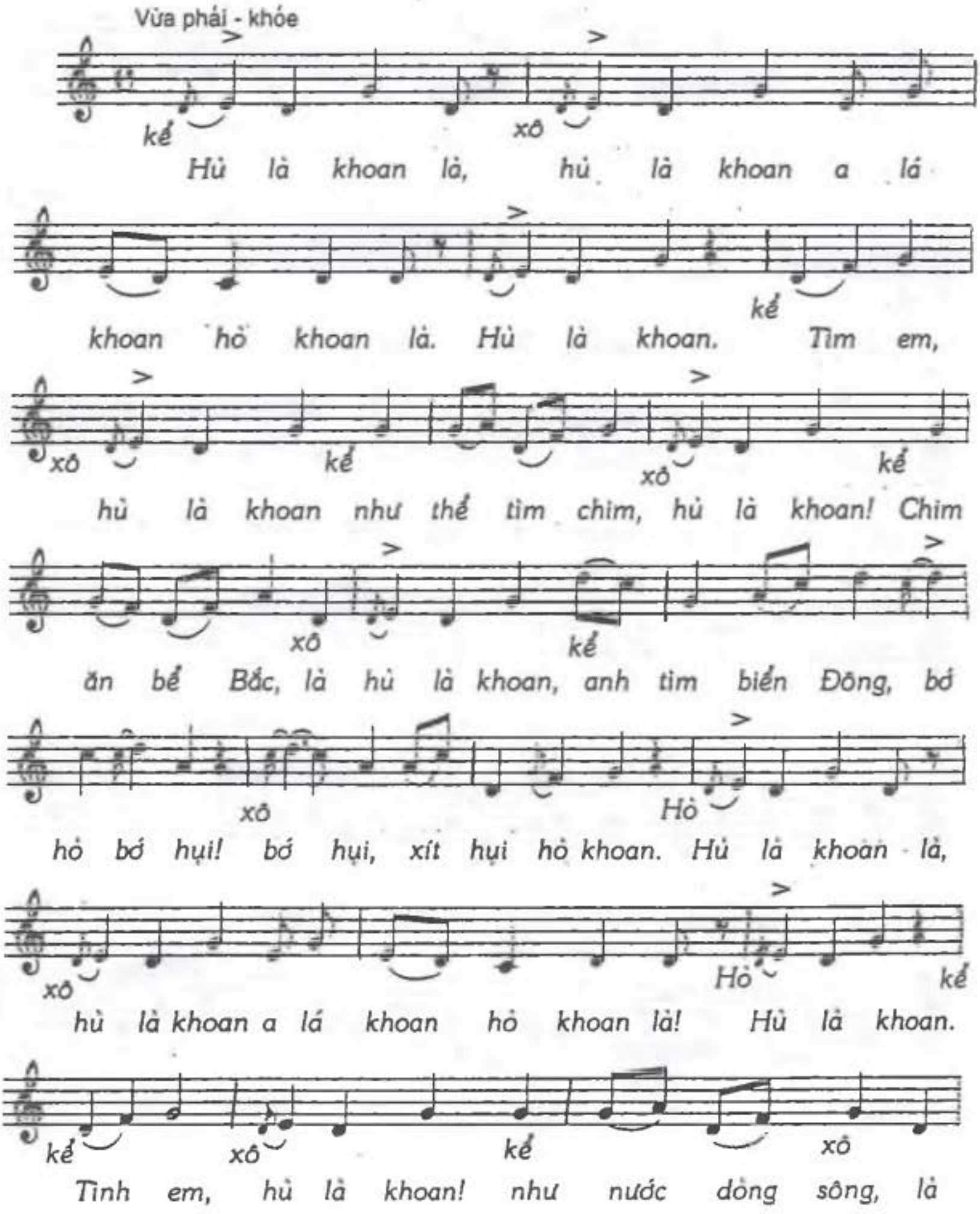
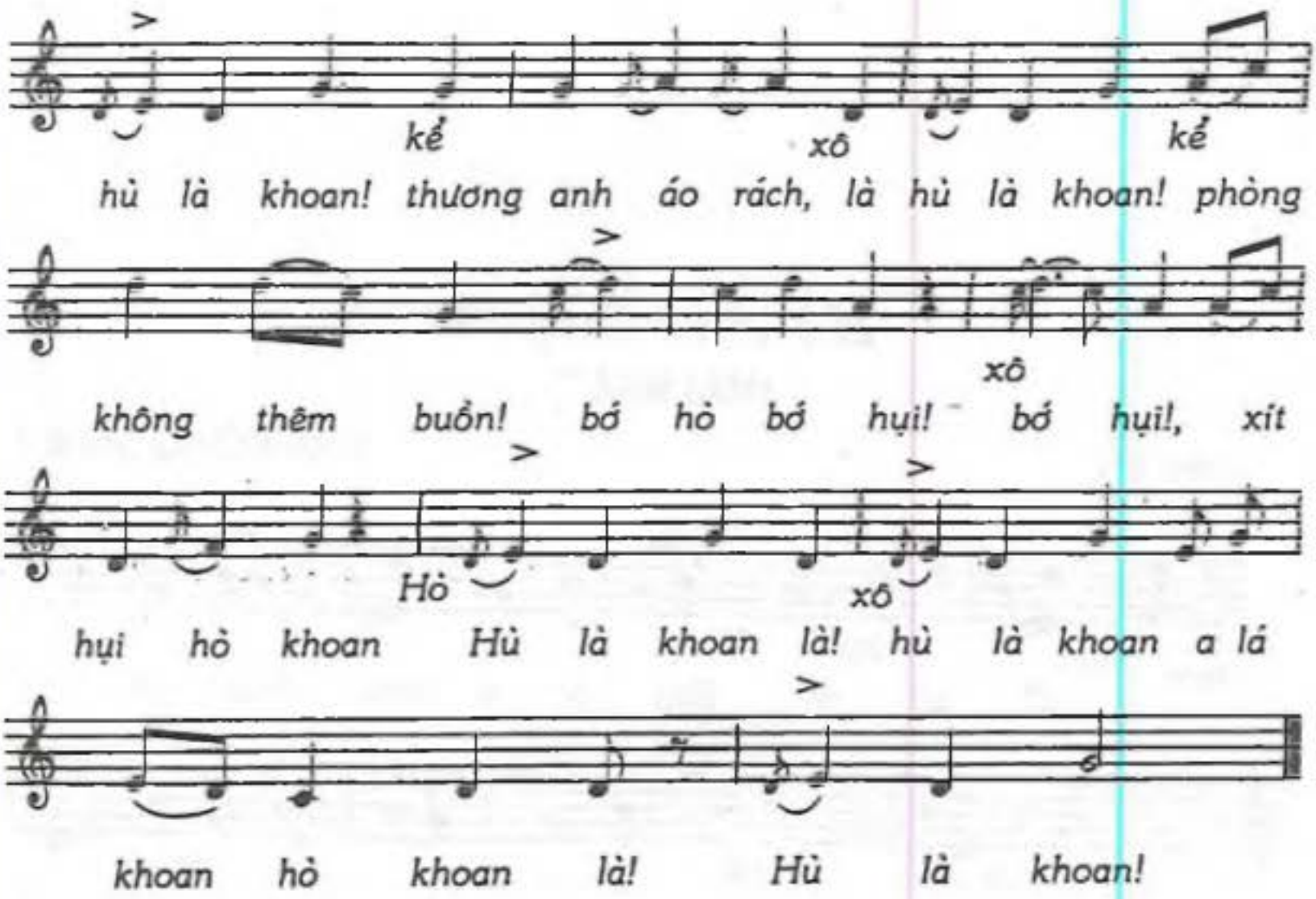
kể xô kể
hù là khoan! thương anh áo rách, là hù là khoan! phòng
xô
không thêm buồn! bớ hò bớ hụi! bớ hụi!, xít
Hò xô
hụi hò khoan Hù là khoan là! hù là khoan a lá
khoan hò khoan là! Hù là khoan!

Hò chèo thuyền

(MÁI NHẬT)

Đều tay

VĂN ĐÔNG ghi âm
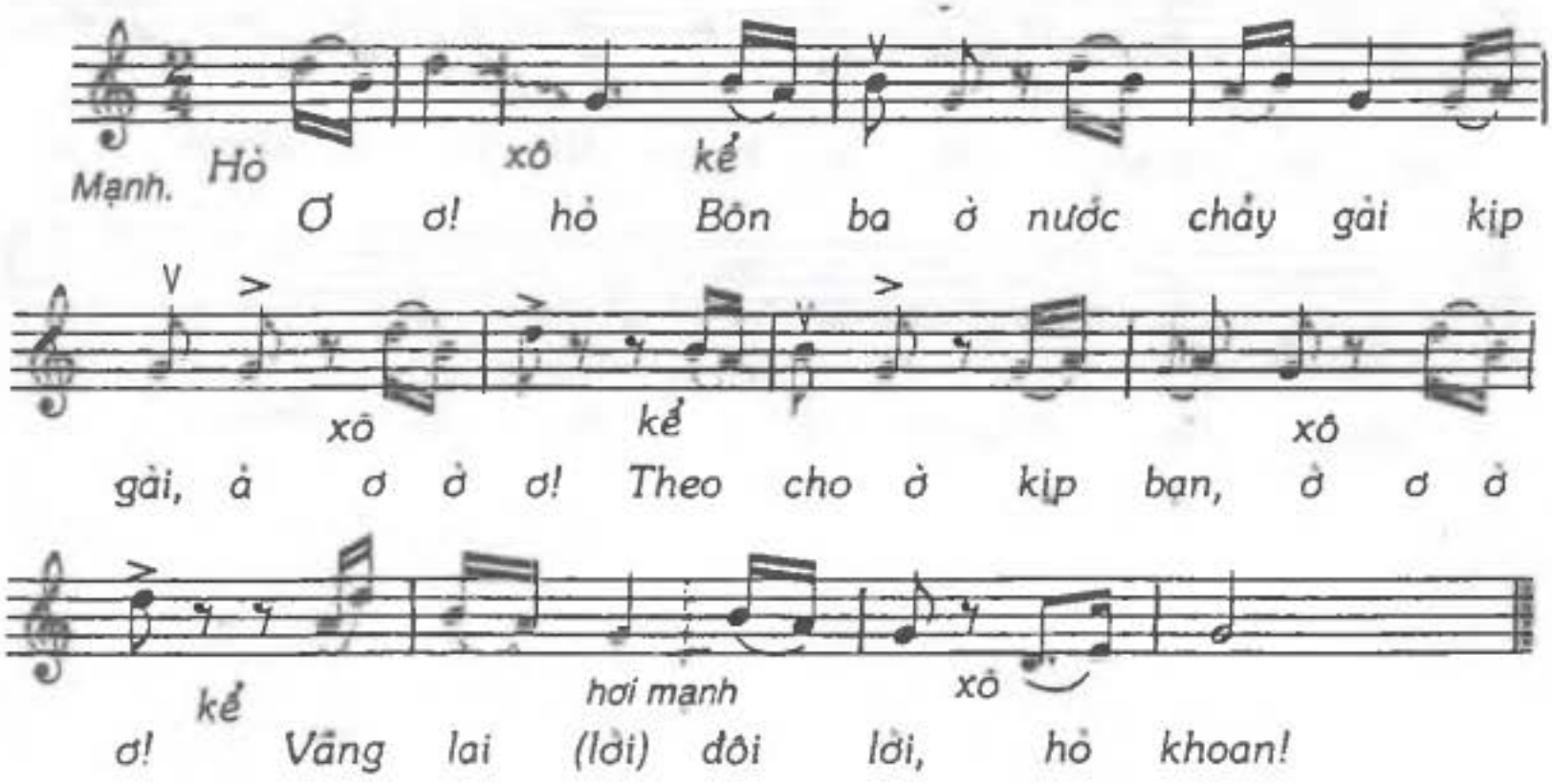
Hò chèo thuyền

(MÁI BA)

Khoan thai

VĂN ĐÔNG ghi âm
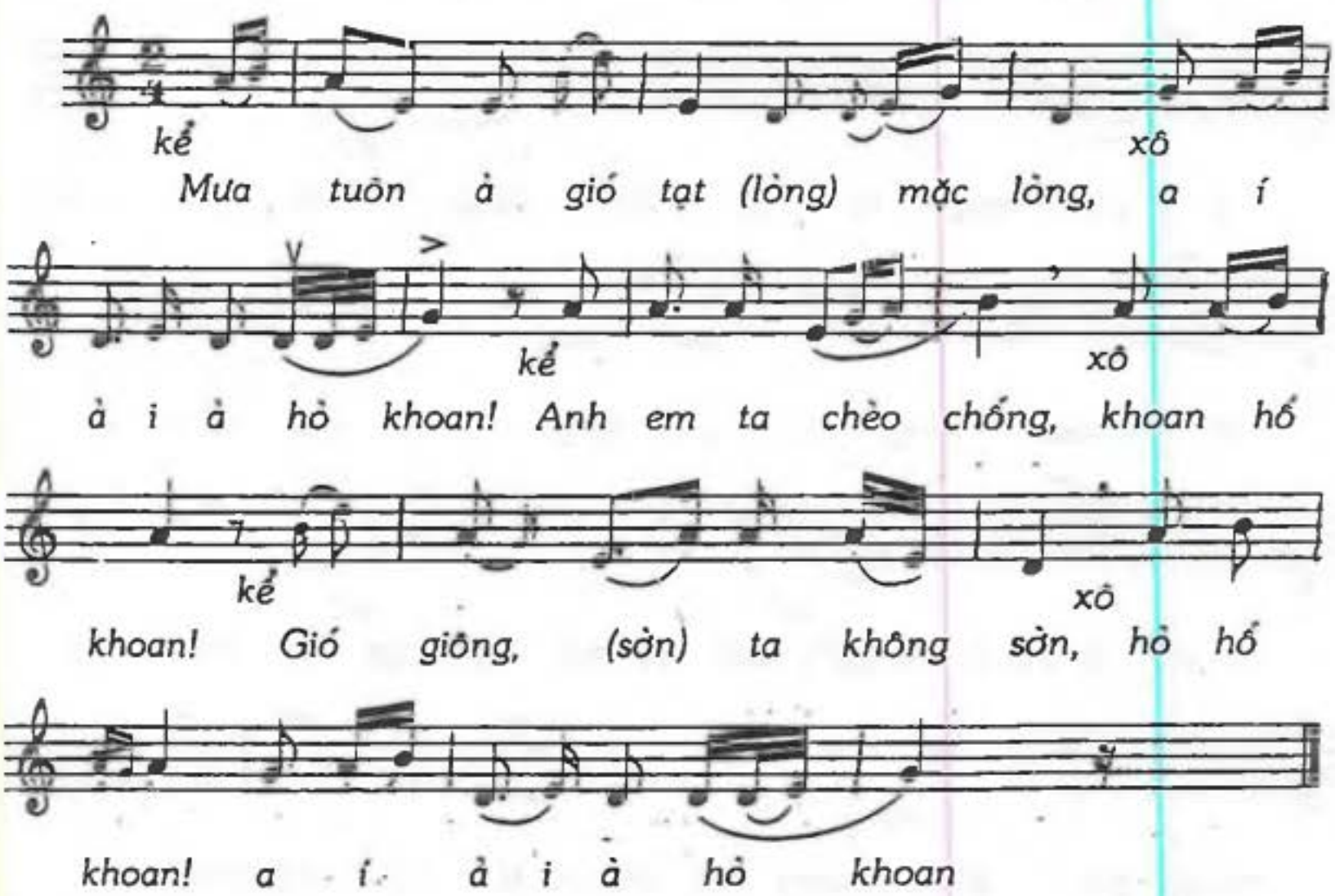
Hò ba lý
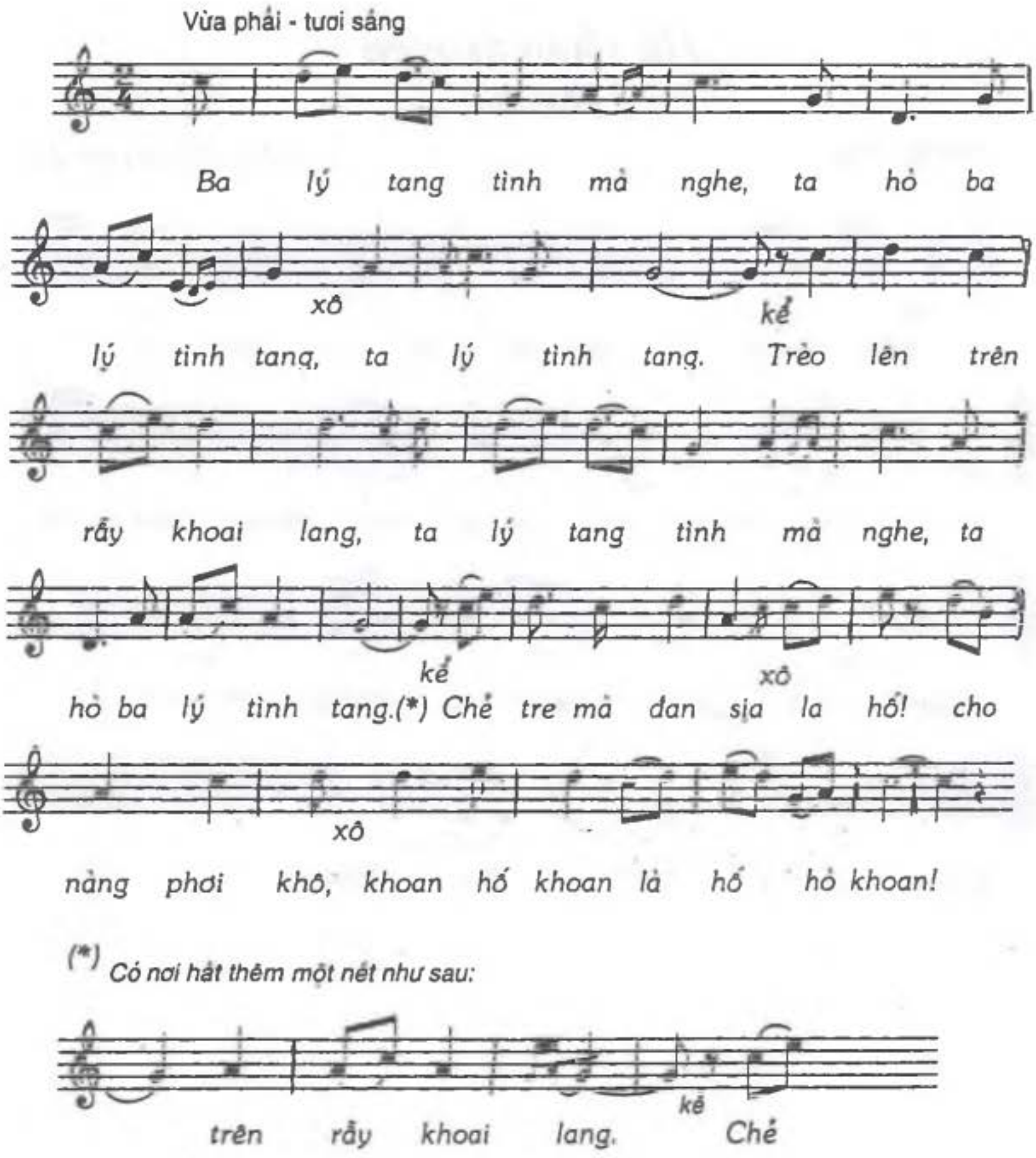
(*) *Có nơi hát thêm một nét như sau:*

Hò giã gạo

(BIẾN THỂ)
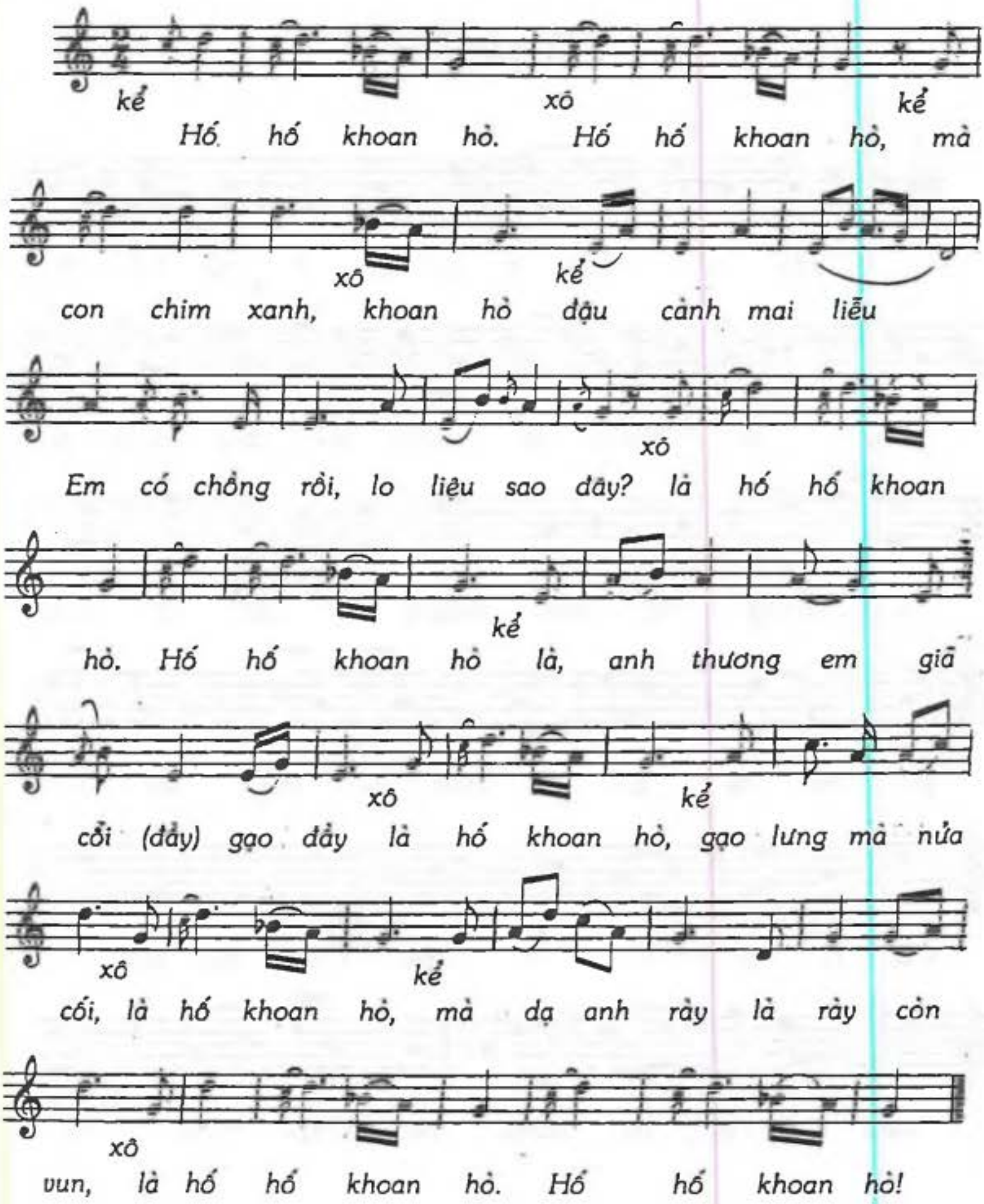
Hò giã bột
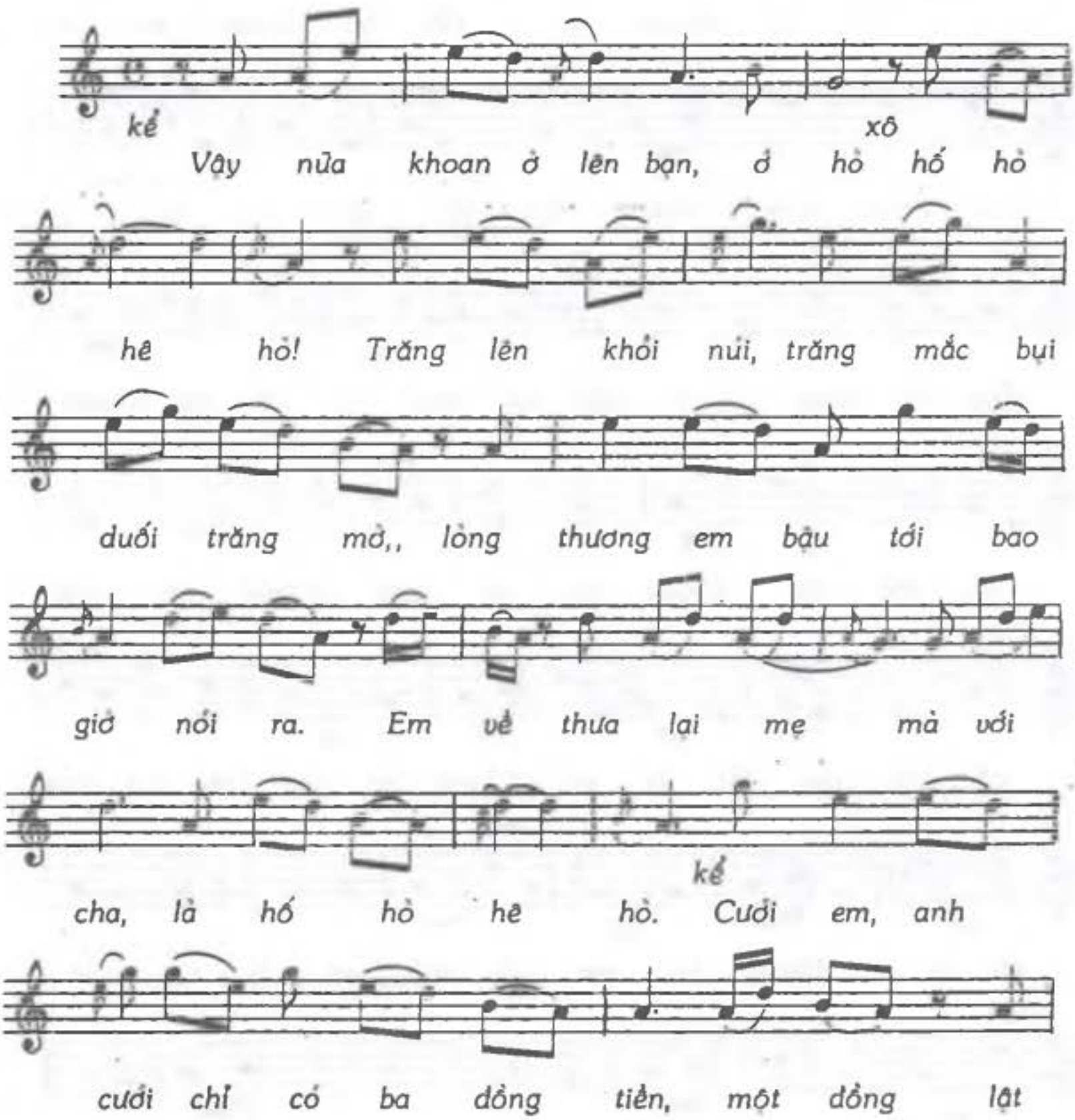
kể
Vậy nữa khoan ở lên bạn, ở hò hố hò
xô
hê hò! Trăng lên khỏi núi, trăng mắc bụi
duối trăng mờ,, lòng thương em bậu tới bao
giờ nói ra. Em về thưa lại mẹ mà với
kể
cha, là hố hò hê hò. Cưới em, anh
cưới chỉ có ba đồng tiền, một đồng lật
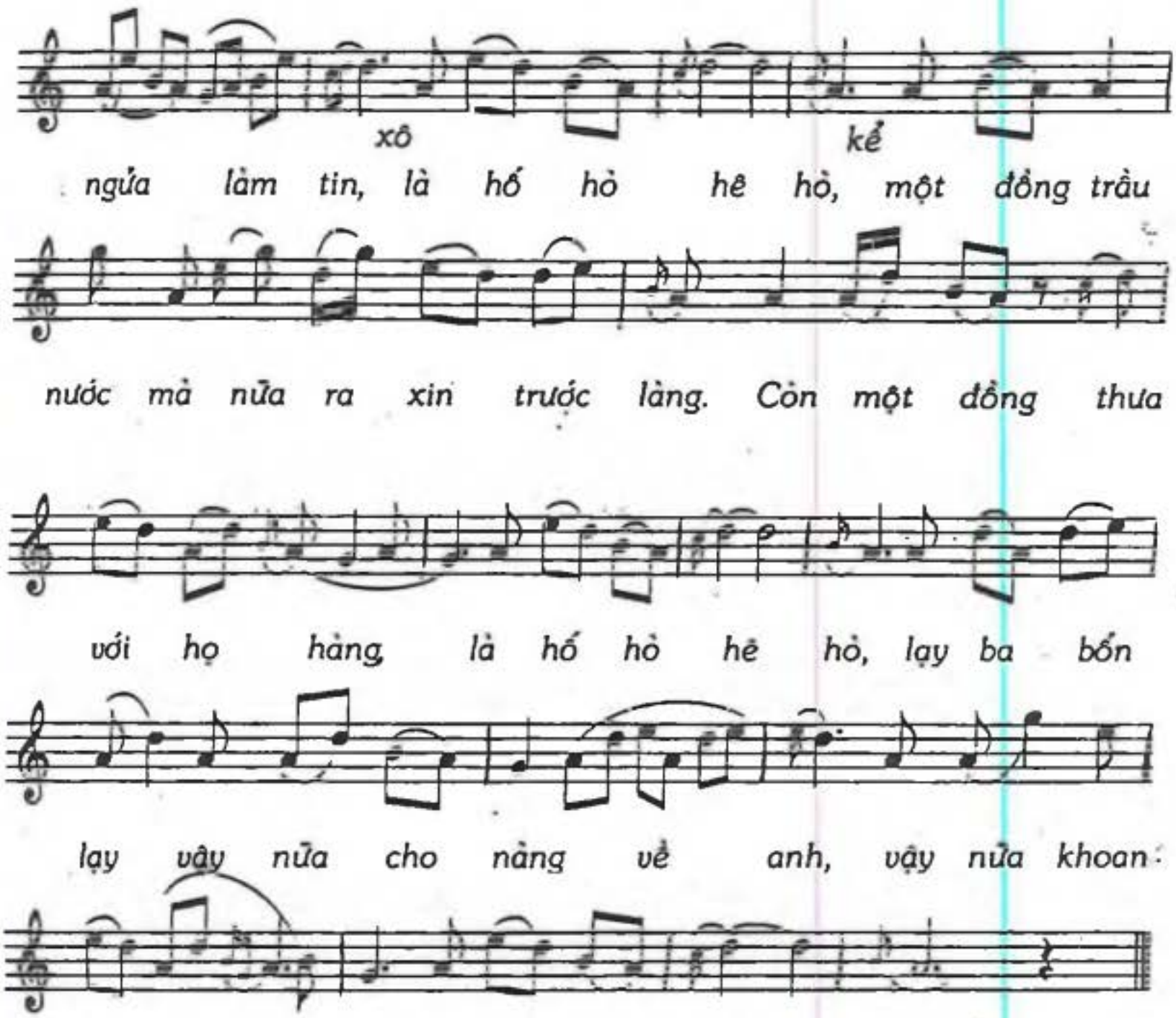
xô kể
ngửa làm tin, là hố hò hê hò, một đồng trầu
nước mà nữa ra xin trước làng. Còn một đồng thưa
với họ hàng là hố hò hê hò, lạy ba bốn
lạy vậy nữa cho nàng về anh, vậy nữa khoan
lên bạn hò, là hố hò hê hò!

Hò tát nước

Khoan thai

VÂN ĐÔNG ghi âm
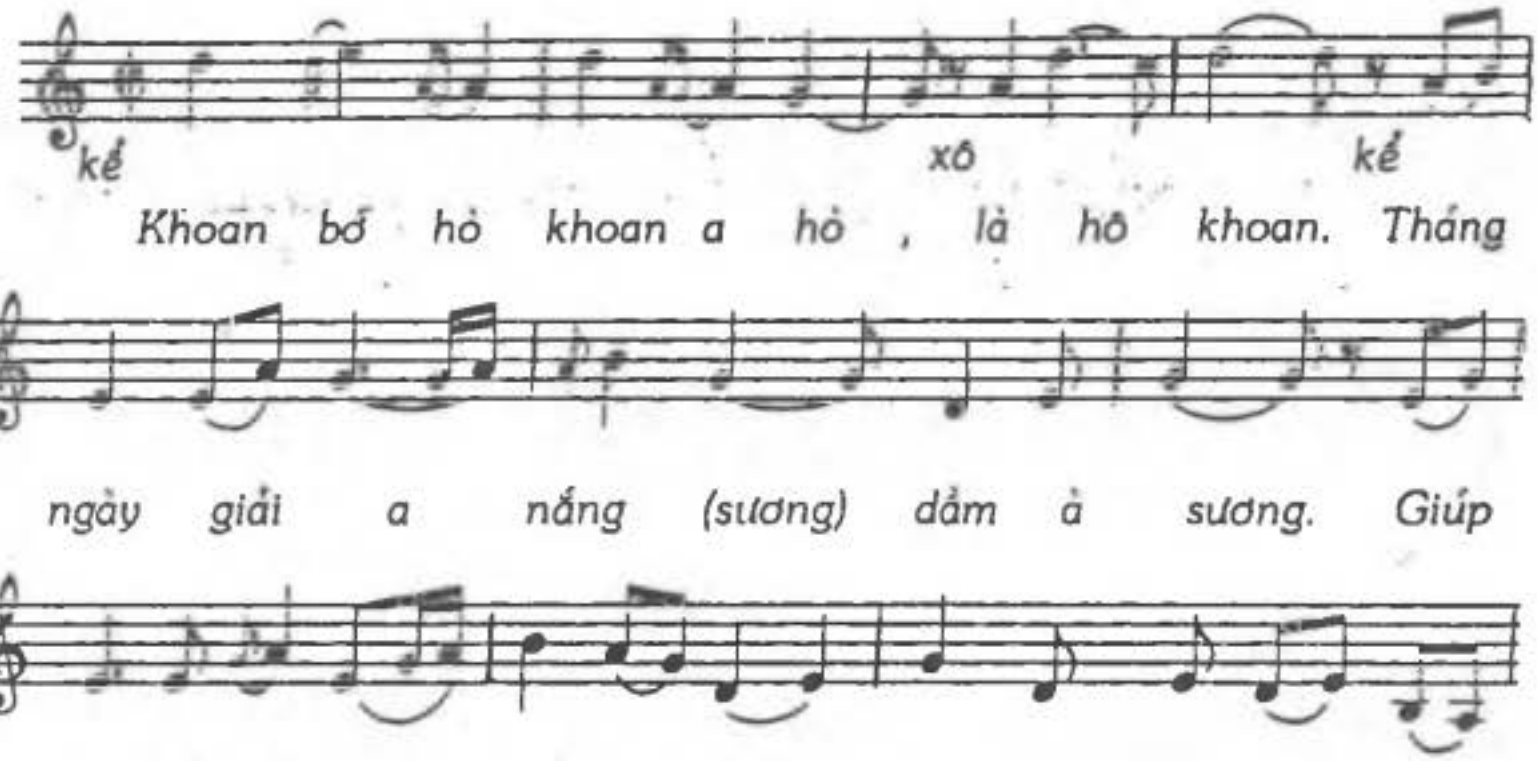
Hò khiêng xe nước

Khỏe HÀ SÂM ghi âm
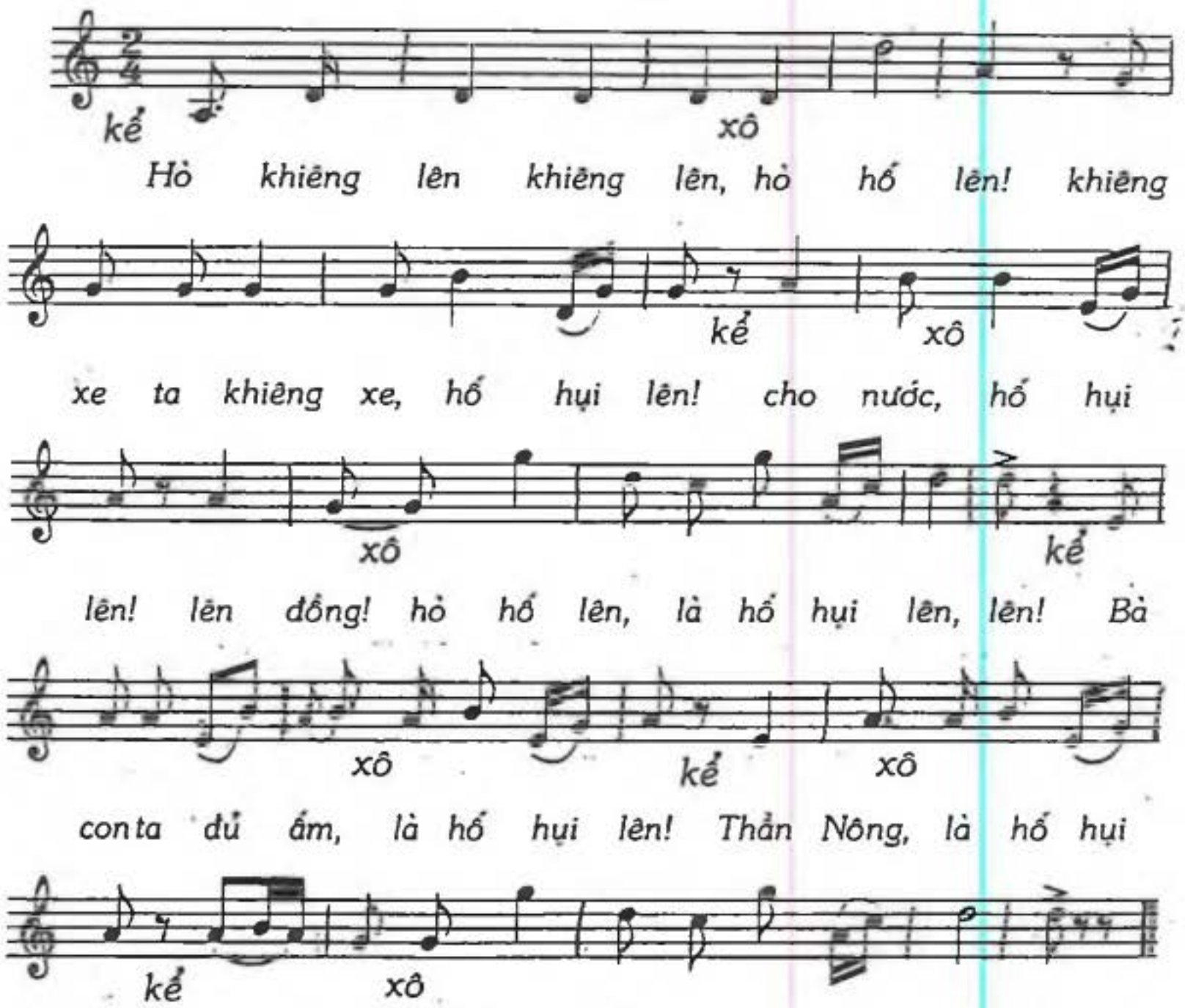
Hò giã vôi

(BIẾN THỂ)

Khỏe - chắc nhịp

VÂN ĐÔNG ghi âm
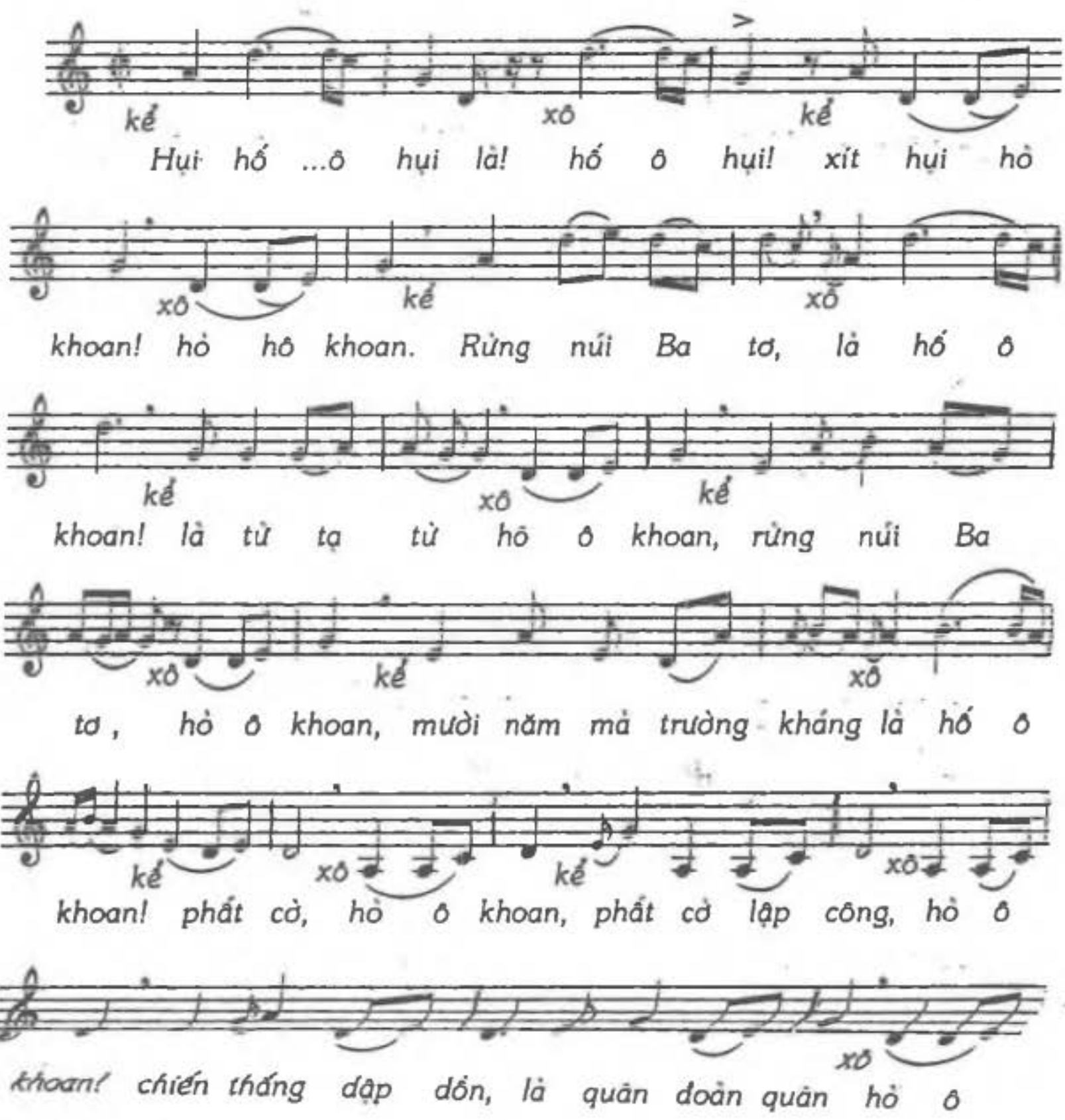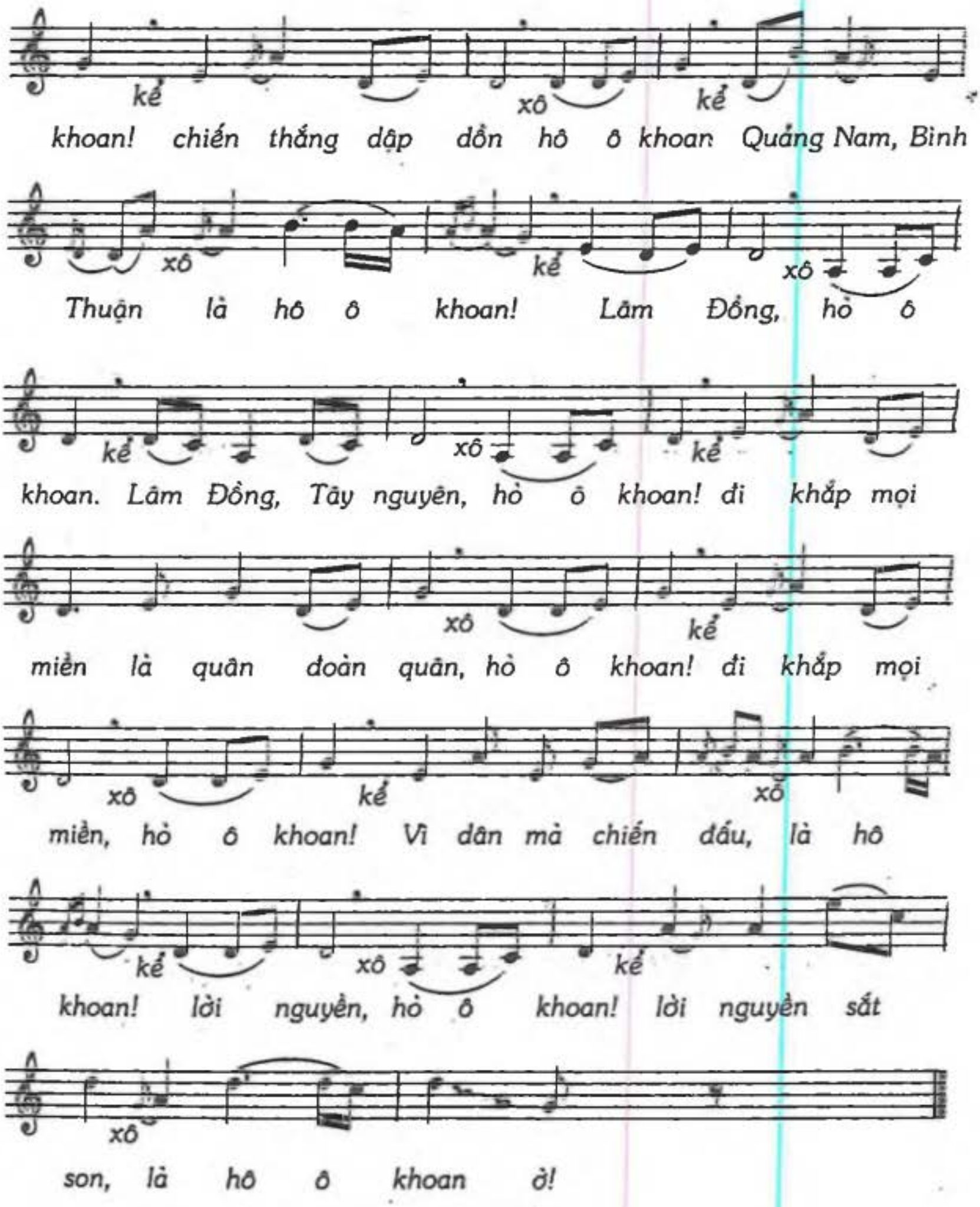
kể xô kể
khoan! chiến thắng dập dồn hô ô khoan Quảng Nam, Bình
xô kể xô
Thuận là hô ô khoan! Lâm Đồng, hò ô
kể xô kể
khoan. Lâm Đồng, Tây nguyên, hò ô khoan! đi khắp mọi
xô kể
miền là quân đoàn quân, hò ô khoan! đi khắp mọi
xô kể xô
miền, hò ô khoan! Vì dân mà chiến đấu, là hô
kể xô kể
khoan! lời nguyền, hò ô khoan! lời nguyền sắt
xô
son, là hô ô khoan ờ!

Hò lơ, hó lơ, hò lờ
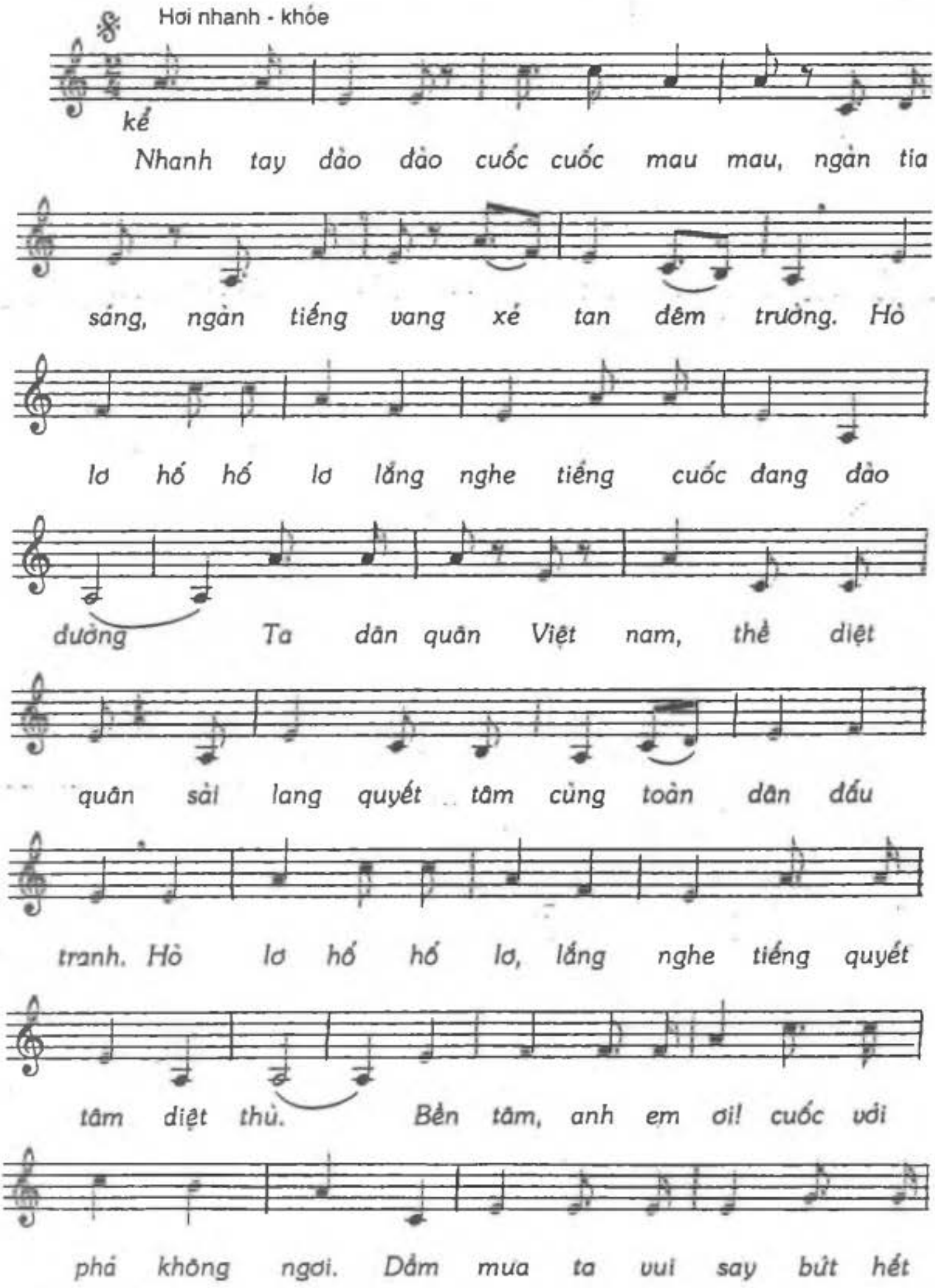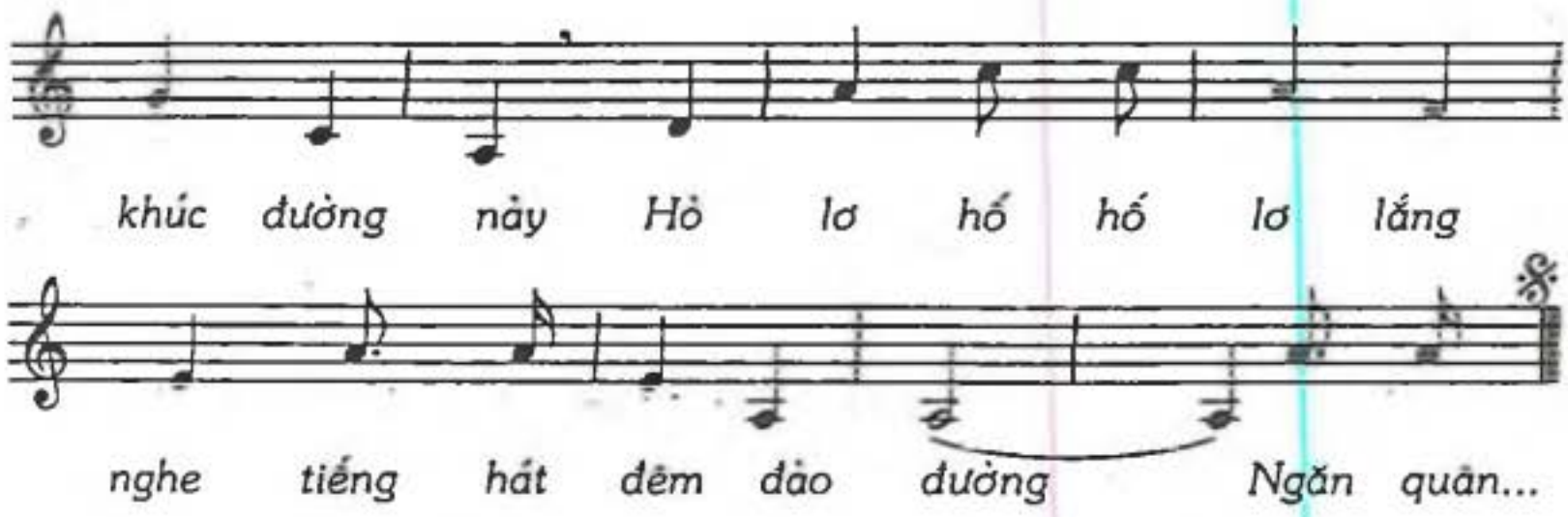
Kể: Ngăn quân thù này
Đánh chúng tan thây
Ngàn dân quân thề với bay
Phá tan đường này

Xô: Hò Lơ hố hố lơ
Lắng tai nghe tiếng cuốc đang đào đường

Kể: Đây hương thôn Việt Nam
Là mồ chôn loài quân bạo tàn
Cướp nước giết dân

Xô: Hò lơ hố hố lơ
Lắng nghe tiếng quyết tâm diệt thù

Kể: Ngày xưa dân quê ta
Sống kiếp sống đau thương
Ngày nay dân quê ta
Sống kháng chiến oai hùng

Xô: Hò lơ hố hố lơ
Lắng tai nghe tiếng hát đêm đào đường

SOI QUẠT

Ngày xưa, ở làng quê ta, dân gian có nhiều thể loại diễn xướng trò chơi cho người lớn.

Trên đất Quảng Nam, soi môi, soi rế, soi vung, soi quạt là trò chơi như kiểu lên đồng.

Trong nhà, ban đêm, lúc rỗi rãi, sau khi kể chuyện cười, chuyện tiếu lâm thì chuyển sang chơi soi.

Xin ghi lại trò chơi soi quạt cách đây 50 năm (ở làng Đông Yên nay thuộc xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên) do chị tôi kể.

Bà có dự một vài buổi soi quạt. Anh chị em thợ dệt ở đây, thỉnh thoảng rủ nhau chơi soi quạt, vào lúc 8 giờ tối.

Với cách diễn giải của bà, tìm hiểu nội dung của lời soi, tôi nhận biết đây là một thể loại trò chơi giải trí, sinh hoạt văn nghệ quần chúng, như đoạn hát bội trong lễ đưa linh ở đám tang (tức chèo "bả trạo") hoặc trò đua sinh (lượn, múa, xóc sênh tiền) kết hợp với các liên khúc vè, lý, đuổi dữ đón lành, cầu chúc việc làm ăn của những người lao động các nghề làm ruộng, làm mộc, làm biển, trồng dâu, nuôi tằm... trong "Ca Xuân sắc bùa".

Trò soi quạt được trình diễn như sau: Không đốt giác hương, không thắp đèn nhang. Người chơi vui tươi, phấn

khởi, ngồi vây vòng tròn. Chính giữa vòng, một người ngồi trên ghế cầm quạt. Một người khác đứng trước mặt người này đọc bài soi quạt theo giọng cầu lên đồng. Người đọc-hát, phải có giọng hay, đọc diễn cảm, hát hay, đã được tín nhiệm của người chơi.

Làn điệu là nét nhạc mô hình, biến hóa sinh động từ chất liệu hò khoan (giã gạo hoặc chèo thuyền), pha trộn nói vè cho thể thơ 6-8 từ. Với thể thơ 4 từ hát ở tốc độ nhanh, giai điệu như lối hát chơi đồng dao.

Lời hát như sau:

Quạt lên cho mát

Quạt hát cho hay

Miệng ngậm hoa đào

Tay vào âm tín

Quạt này mười chín rẻ xương

Hai mươi rẻ cái, tư lương thảm sầu.

Nàng đi có quạt che đầu

Nắng thì nàng đội, mưa lâu, nàng cầm

Nàng về tới chốn tri âm

Mở miệng chào khách, âm thầm giải khuây

Ai đưa nàng quạt đến đây

Cho nên quạt ốm quạt gầy nhúm xương(*)

(*) Gẩy nhom.

Tư bề mình phất giấy hường

Mình trúc là nổ hay là quạt bông

Đêm khuya vắng vẻ tinh không

Hai tay động tĩnh thông đồng đáo lai.

Người cầu đồng hát đến đây thì người ngồi đồng đã bắt đầu rung rinh tay quạt. Người cầu đồng hát tiếp với tốc độ nhanh và chuyển hóa tiết tấu:

Cách một hàng rào

Phải chen cho lọt

Cách một lỗ mọt

Phải biến mà sang

Cách đò cách giang[1]

Cậy chàng qua trước

Cấp cấp cho mau

Nhập vào đồng tử

Hữu gia luân sự[2]

Lên hát đôi câu

Ân tình nhân ngãi.

Đến đây thì người ngồi đồng rung chuyển mạnh, rồi múa quạt và hát. Người chơi chẳng ai hỏi, cầu xin gì ở đồng, chỉ

---

(1) Cách đò, cách sông.

(2) Nhà có việc cần bàn bạc.

nghe đồng vừa hát, vừa múa quạt. Lời hát huê tình, nhân ngãi theo lối chào mời, đối đáp trong hò khoan giã gạo hoặc chèo thuyền. Lời hát hoàn toàn mới, không có lời hát quen thuộc ở địa phương, là những lời hát kiến tại (nghĩ ra và hát ngay tại chỗ), càng hát càng say, điệu chuyển biến càng hay, lời thêm ý đẹp.

Đã lâu lắm rồi, trong dân gian không còn chơi các trò chơi soi nói trên, kể cả soi quạt vì dễ bị xếp vào loại trò mê tín. Nhưng những làn điệu lý, hò khoan và những nét giai điệu biến hóa nhiều màu, nhiều vẻ trong trò soi quạt đã hòa quyện trong kho tàng ca hát dân gian.

HÁT ỐNG

Yêu thương nhau ở những buổi hát hò khoan, chưa thỏa nỗi nhớ mong, chưa trao cho nhau đủ điều tâm sự, trai gái lại tìm nhau tỏ tình trong hát ống.

Thể loại hát huê tình này chỉ dành riêng cho hai người thôi.

Để hát cho nhau, họ dùng một bộ ống. Người con trai dùng hai ống tre con cưa mắt, lấy da ếch hoặc da trăn, bong bóng lợn bịt một đầu đem phơi khô, rồi se một sợi chỉ to thật săn, kết vào mặt da của hai ống tre.

Khi trời bắt đầu tối, anh đem một ống đặt nơi góc rào, có thể kéo vào phòng riêng của cô gái, còn ống kia thì giấu nơi bụi tre, bụi chuối hoặc tàu lá dừa, cách phòng riêng ấy chừng hai, ba mươi mét.

Đêm đến, khi xóm thôn đã chìm trong giấc ngủ, theo lời hẹn cô ra cầm ống tre kéo thẳng dây về phòng mình. Anh cũng cầm ống hát với người thương.

Tiếng hát theo dây truyền sang ống bên kia vào tai cô. Họ hát với nhau, lắng nghe những lời yêu thương dành riêng cho nhau.

Giai điệu vẫn là chất liệu của hát nhân ngãi, hát huê tình, được pha trộn với các hơi (xuân, ai, oán...). Lời theo thể 6-8 thường gắn thêm tiếng đệm, đảo câu đảo từ.

Hãy nghe một câu hát ống của người con trai nhắn với cô con gái:

Tình tình rằng mắc việc lê mê(*)

Xưa rày mắc việc lê mê

Xuống lên không đặng, bỏ bê duyên nàng.

Em ơi ngồi lại anh than

Không phải ràng buộc bởi một thủ tục nào (hát chào, hát mời, hát hẹn, hát tiễn...), những bức thư này với nét giai điệu mô hình khá tự do, chuyển biến đến từng đôi tấm lòng yêu thương, những điều tâm sự như không bao giờ dứt.

Gặp người quần lãnh (lĩnh) áo lương

Ngày dài tưởng nhớ, đêm trường chiêm bao

Anh buồn, em lại vui chi

Vui là vui gượng, có khi khóc thầm

Vợ chồng nghĩa nặng tình sâu

Thương nhau, đến tuổi bạc đầu còn thương

Nước sông Sài giang mênh mang mưa nắng

Dòng sông Thu Bồn lênh láng mùa mưa

Đã cam tháng đợi năm chờ

Duyên em đục chịu, trong nhờ quản bao

Anh với em thương nhau đã chắc

(*) Quá bận việc.

Cắt tóc thề nguyền

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Trăm năm thề nguyền, không bỏ nghĩa em

Vinh ba phú quý, ta không thèm nơi mô.

TRẦN HỮU PHÁP dịch nhạc(*)
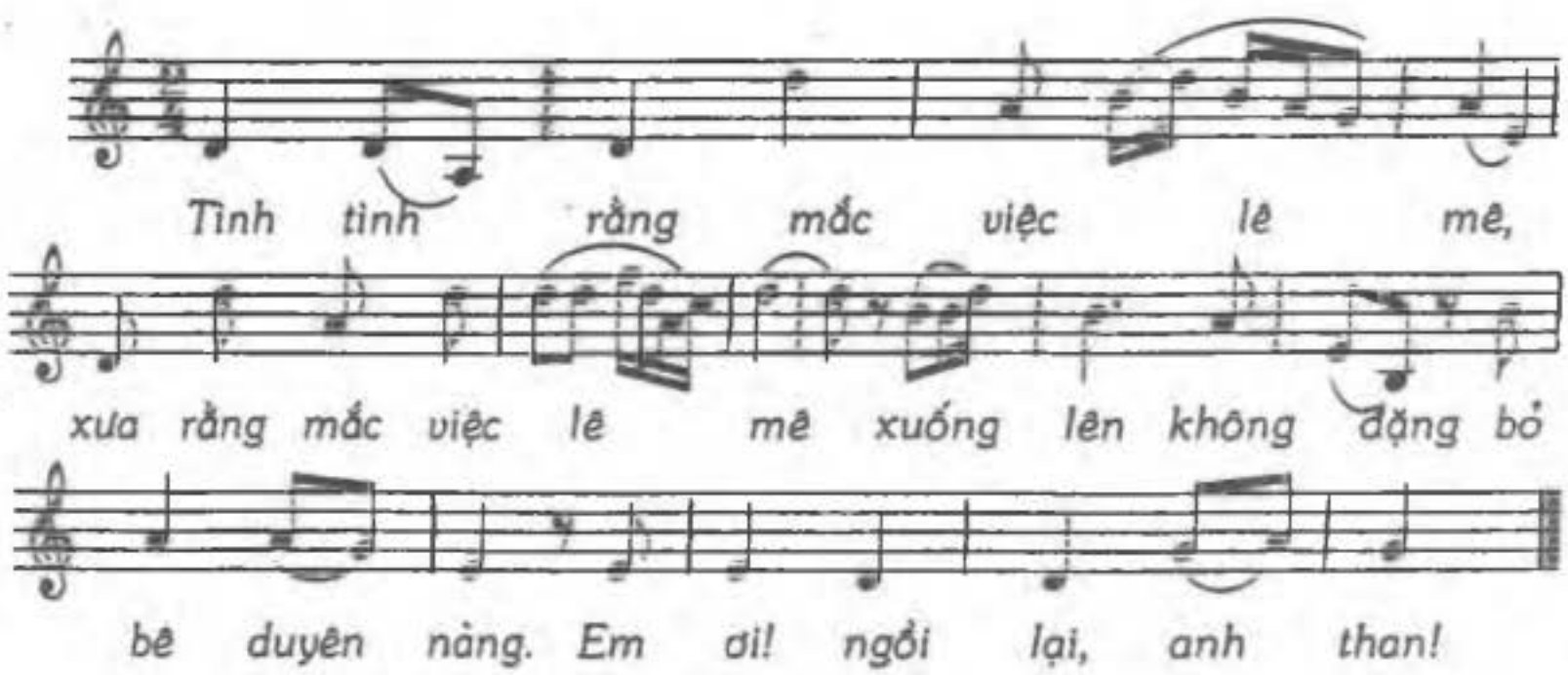
(*) *Dân ca Liên khu V,* tập 2. Nhà Xuất bản Âm nhạc - Hà Nội - 1962

LÝ

Trong dân gian đất Quảng, có một truyện kể:

Ngày xưa ở miền núi thuộc làng Mỹ Lưu, huyện Phước Sơn có một đoàn hát bội danh tiếng. Một trận lụt lớn cuốn mất cái trống chiến của đoàn. Cái trống này trôi dọc theo dòng Thu Bồn. Từ đó, ngành hát bội ở miền xuôi dần dần phát triển.

Giữa thế kỷ trước, ở vùng Quế Sơn có câu hát ru em:

Dù cho nhịn đói ăn rau

Cũng xem cho được con đàu(*) phó Phương.

Cô đào của gánh hát ông phó Phương tại làng Đại Bình thực ra là một nam diễn viên quê ở làng Phước Bình (nay là xã Quế Lộc). Bấy giờ, nam thường đóng giả nữ.

Trẻ em hát vui:

Đổng Kim Lân cứu chúa

Khương Linh Tá soi đàng

Tạ Ôn Bình nóng ruột sôi gan

Đánh Lôi Nhược bể tan ống điếu.

(*) Đào.

Niềm say mê hát bội thấm đượm trong câu hò khoan:

Hố hợi là hò khoan hò!

Tưởng là anh trung quân ái quốc

Hay đâu anh bội chúa rõ ràng

Tưởng là anh giúp Đổng Kim Lân

Phò Hoàng Thái hậu, đỡ tấm thân em nhờ

Ngờ đâu anh cỡi gió phất cờ

Theo dòng họ Tạ bao giờ, em không hay

Hố hợi là hò khoan hò!

Cái gắn bó giữa dân gian với hát bội thúc đẩy nghệ sĩ của ngành tiếp nhận lý dân gian, bẻ làn nắn điệu, chuyển hóa chúng vào sân khấu(*).

Vào với hát bội, lý là thể loại "điệu nhỏ", dành cho các nhân vật thuộc các tầng lớp dưới (nông dân, người hầu, lính trơn). Chúng mang tính chất diễn cảm riêng biệt, khắc họa sắc sảo tính cách nhân vật.

(*) Lúc còn bé, ở phố cổ Hội An, tôi đã được thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ hát bội Chánh Phẩm (Nguyễn Phẩm), Thủ hay đội Tảo (Nguyễn Nho Túy), Sáu Lai (Nguyễn Lai), Nguyễn Thị Hảng, Ba Vĩnh, Lê Thủy, Cối hoặc Sơn (Văn Phước Khôi), Ngô Thị Liễu. Từ năm 1954 đến năm 1975, ở Hà Nội, sống gần các vị, tôi đã nhận được những điều dạy bảo sâu sắc về sân khấu cổ truyền dân tộc, được ghi chép làn điệu hát bội, lý và dân ca của quê hương.
Những nghệ sĩ của dòng hát bội Quảng Nam được Nhà nước phong tặng danh hiệu NSND đợt đầu là: Nguyễn Phẩm, Nguyễn Nho Túy, Ngô Thị Liễu, Nguyễn Lai; NSƯT là: Văn Phước Khôi, Tư Bửu, Vĩnh Phô.

Lý năm canh, Lý con sáo, Lý chơi xuân... trữ tình, duyên dáng.

Lý Đồng Nai, Lý con quạ, Lý con ngựa... dí dỏm, hài hước.

Lý Thiên thai, Lý Thượng, Lý thương nhau... trong sáng.

Để làm phong phú thêm tính hấp dẫn cho thể loại diễn xướng của mình trong *Hò đưa linh* và *Sắc bùa,* nghệ nhân cũng *nói vè* và *hát lý.*

Đây cũng là một lối giao lưu làn điệu. Bên cạnh những lý dùng riêng cho *Sắc bùa (Lý hoa thơm, Lý vẽ rồng, Lý nước đứng v.v...), Lý con ngựa, Lý con sáo, Lý Thiên thai, Lý vọng phu, Lý vãi chài v.v...*, là những bài hát dùng chung cho các thể loại diễn xướng này.

Lý chơi xuân

NSND NGÔ THỊ LIỄU hát

PHAN HUỲNH ĐIỂU ghi âm

Thong thả - Nhịp nhàng
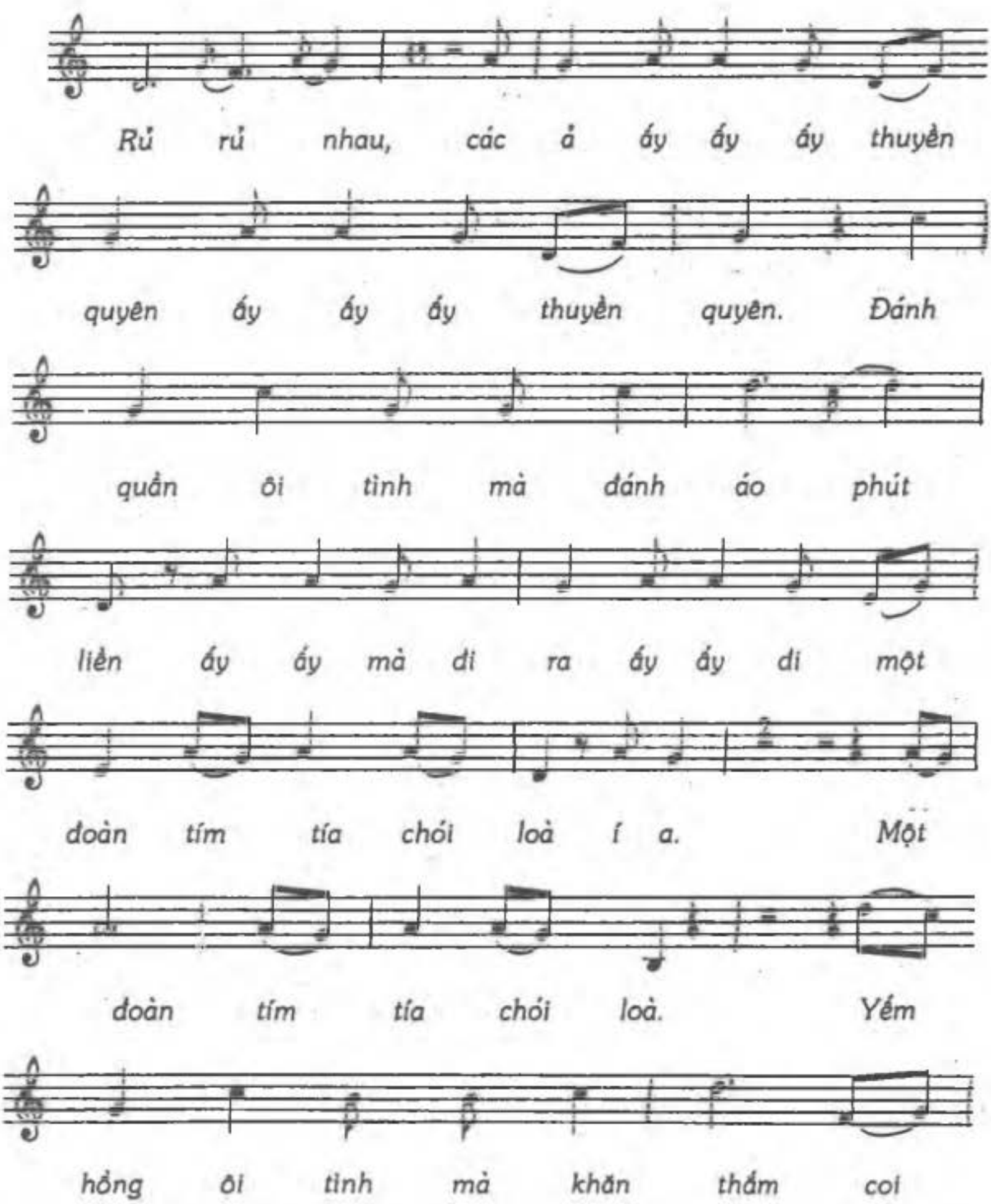
đà ấy ấy mà xinh thay ấy ấy này

tao này ả này mi Này em ơi tình mà này

chị ư này dì ấy ấy i này o, ấy ấy i cùng

nhau hát hát hò hò í a.

Cùng nhau hát hát hò hò chơi

trăng ôi tình mà cợt gió, ngỏ

cho ấy ấy i thoả lòng ấy ấy i chơi

trăng kẻo nữa tàn trăng í a.

tao này á này mi í a. Này

Chơi trăng kẻo nữa tàn trăng có

dây ôi tình mà không buộc ư đêm

nằm ấy ấy i đặng sao ấy ấy mà cho

mau cho mản cho màn í a. Cho

mau cho mản cho màn Lên

trên ôi tình mà hàng thịt ư xuống

bầu ấy ấy i cây đa ấy ấy i cây đa ứ a.

Lý chơi xuân

(Biến thể)

NSND NGUYỄN NHO TÚY hát
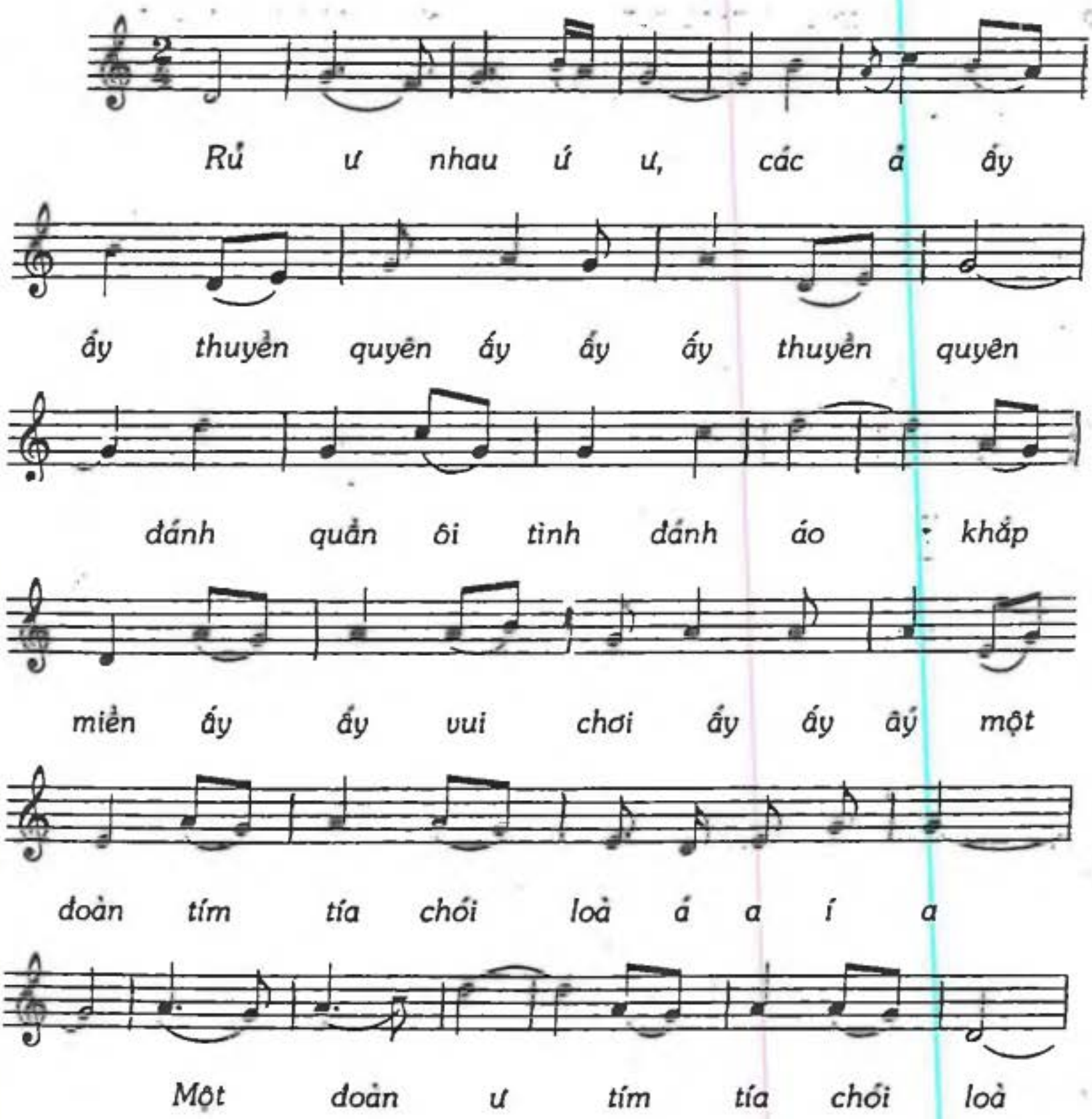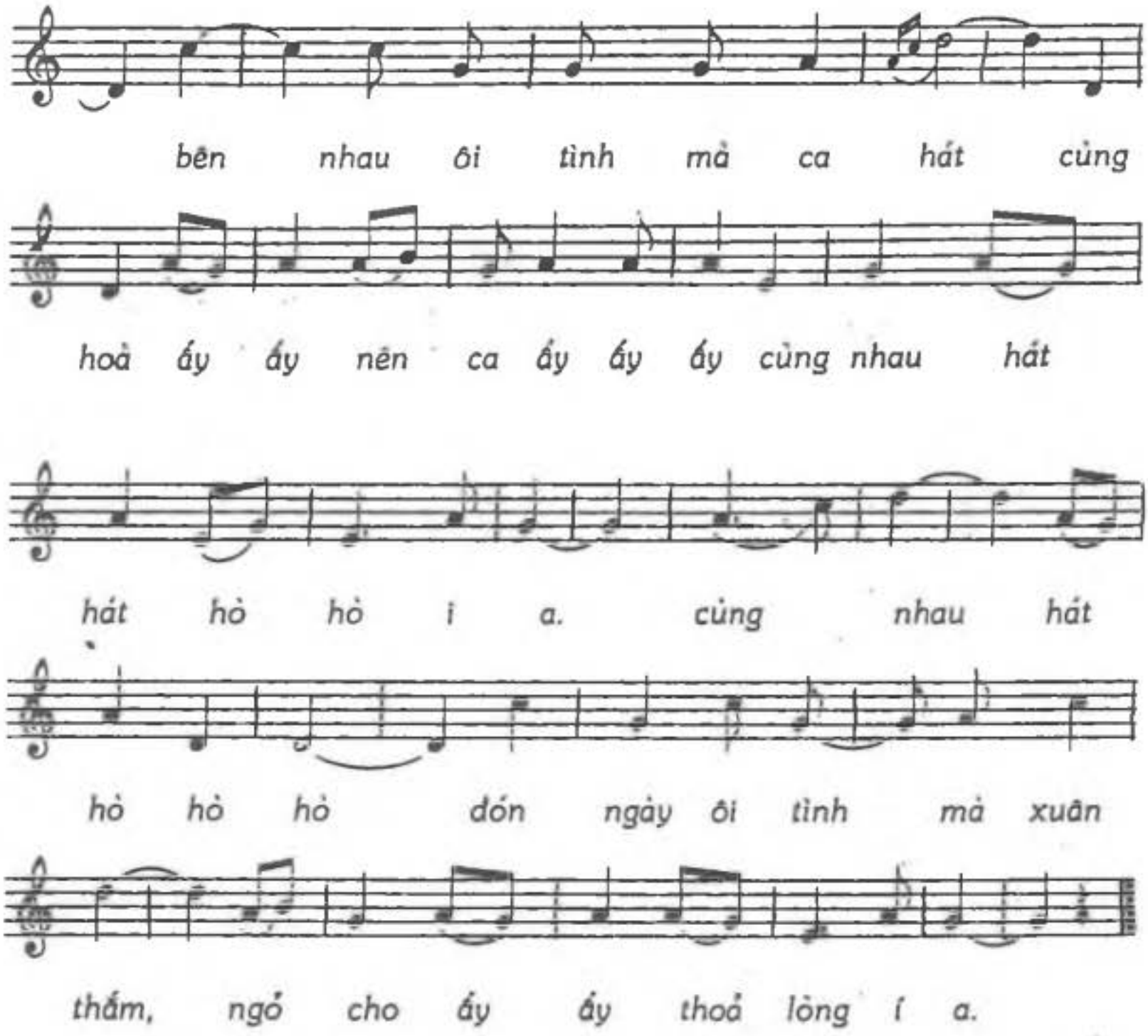
bên nhau ôi tình mà ca hát cùng
hoà ấy ấy nên ca ấy ấy ấy cùng nhau hát
hát hò hò i a. cùng nhau hát
hò hò hò đón ngày ôi tình mà xuân
thắm, ngỏ cho ấy ấy thoả lòng i a.

Lý dâng rượu
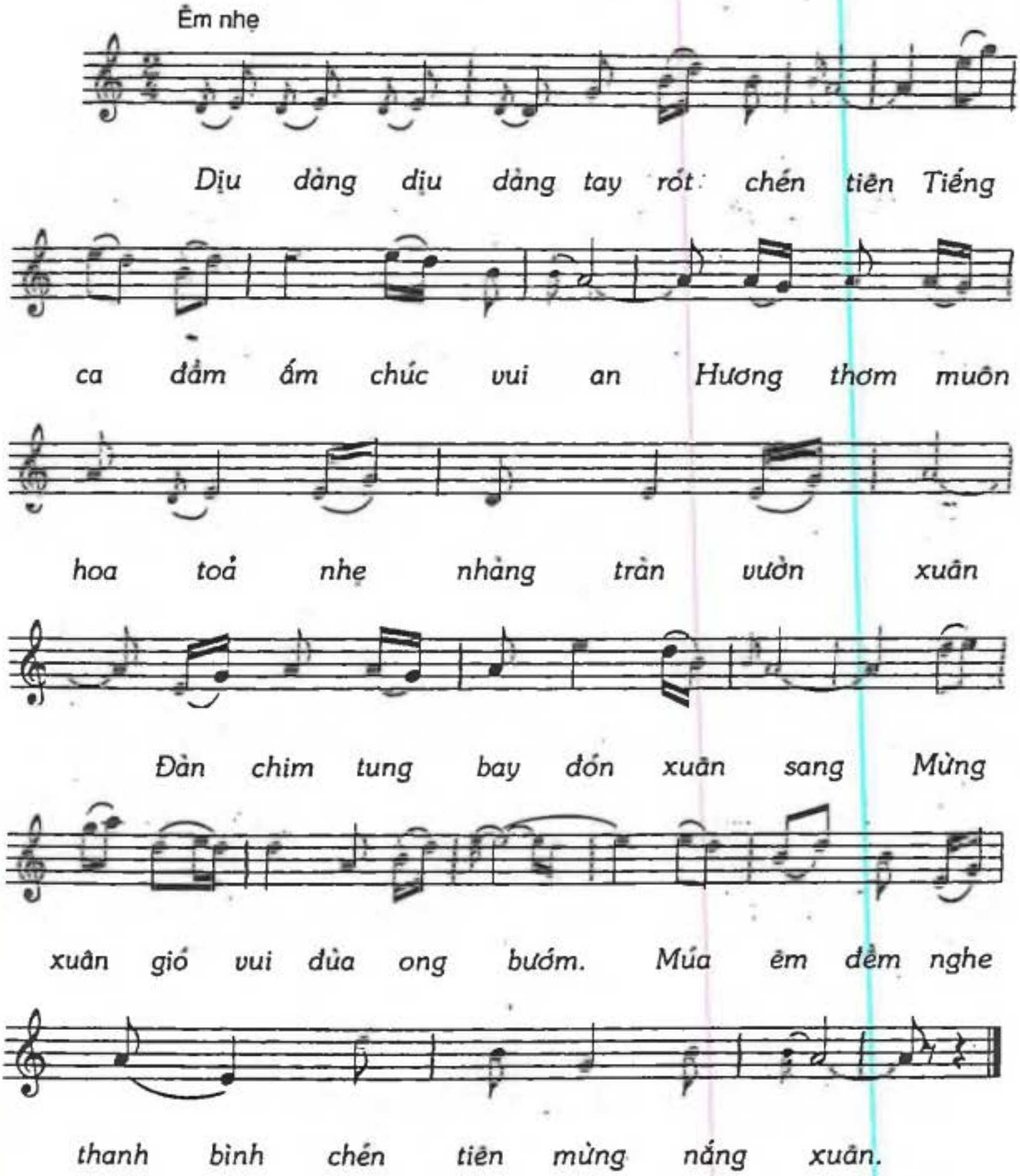
Êm nhẹ
Dịu dàng dịu dàng tay rót chén tiên Tiếng
ca đầm ấm chúc vui an Hương thơm muôn
hoa toả nhẹ nhàng tràn vườn xuân
Đàn chim tung bay đón xuân sang Mừng
xuân gió vui đùa ong bướm. Múa êm đềm nghe
thanh bình chén tiên mừng nắng xuân.

Lý ngựa ô

NSND NGUYỄN NHO TÚY hát
PHAN HUỲNH ĐIỂU ghi âm
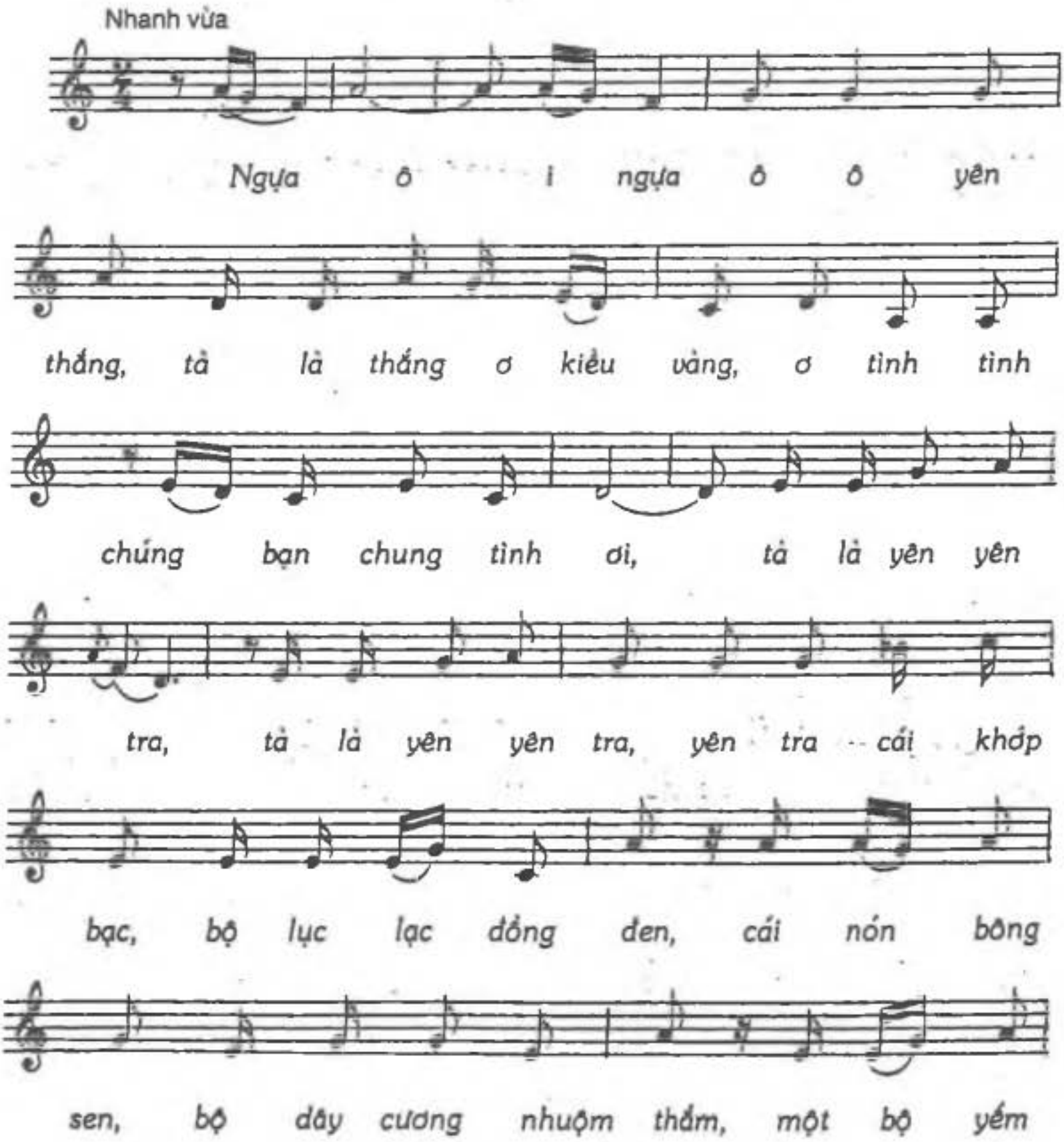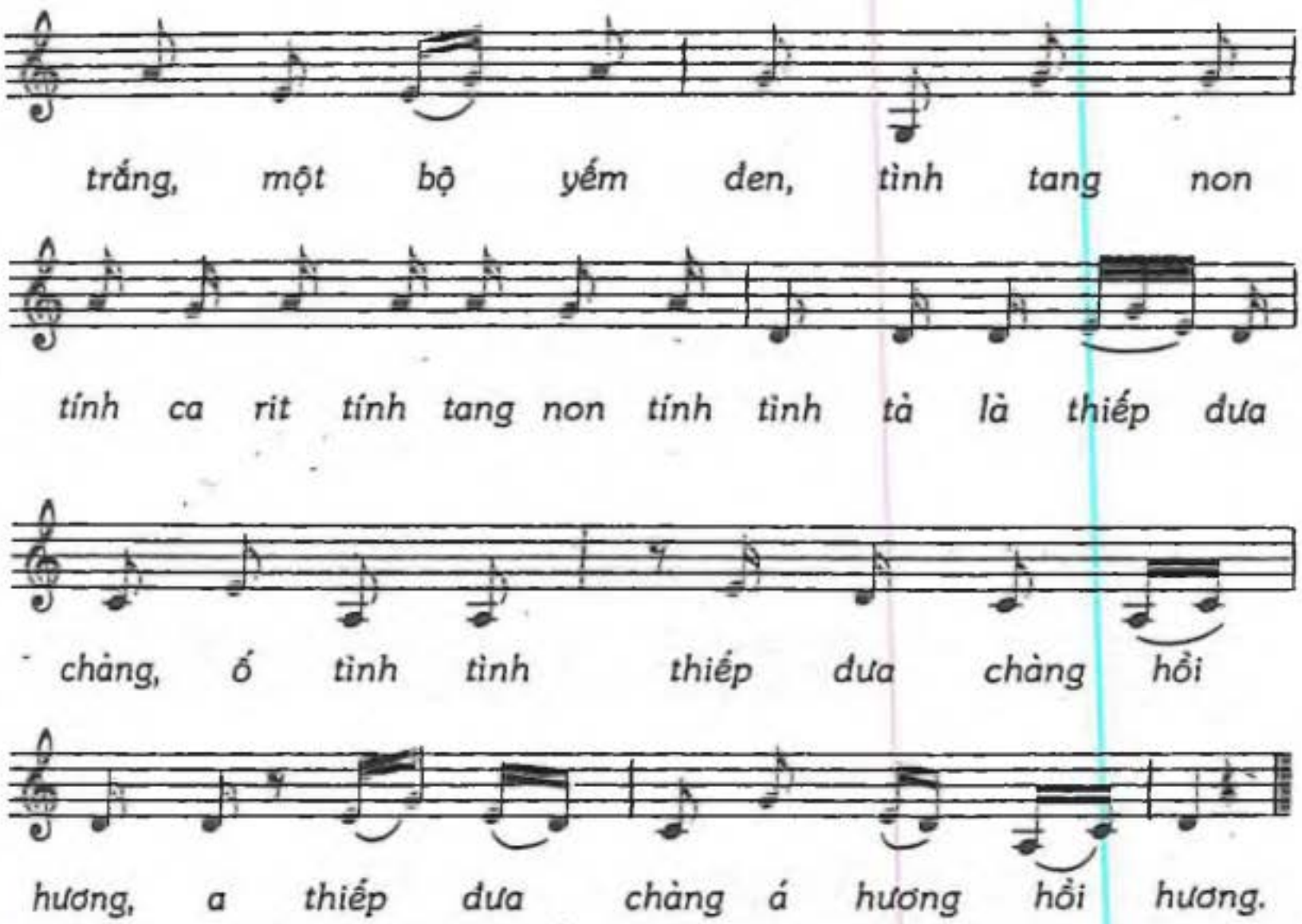
trắng, một bộ yếm đen, tình tang non
tính ca rit tính tang non tính tình tà là thiếp đưa
chàng, ố tình tình thiếp đưa chàng hỡi
hương, a thiếp đưa chàng á hương hỡi hương.

Lý thượng

NSND NGÔ THỊ LIỄU hát

TRẦN HỒNG ghi âm
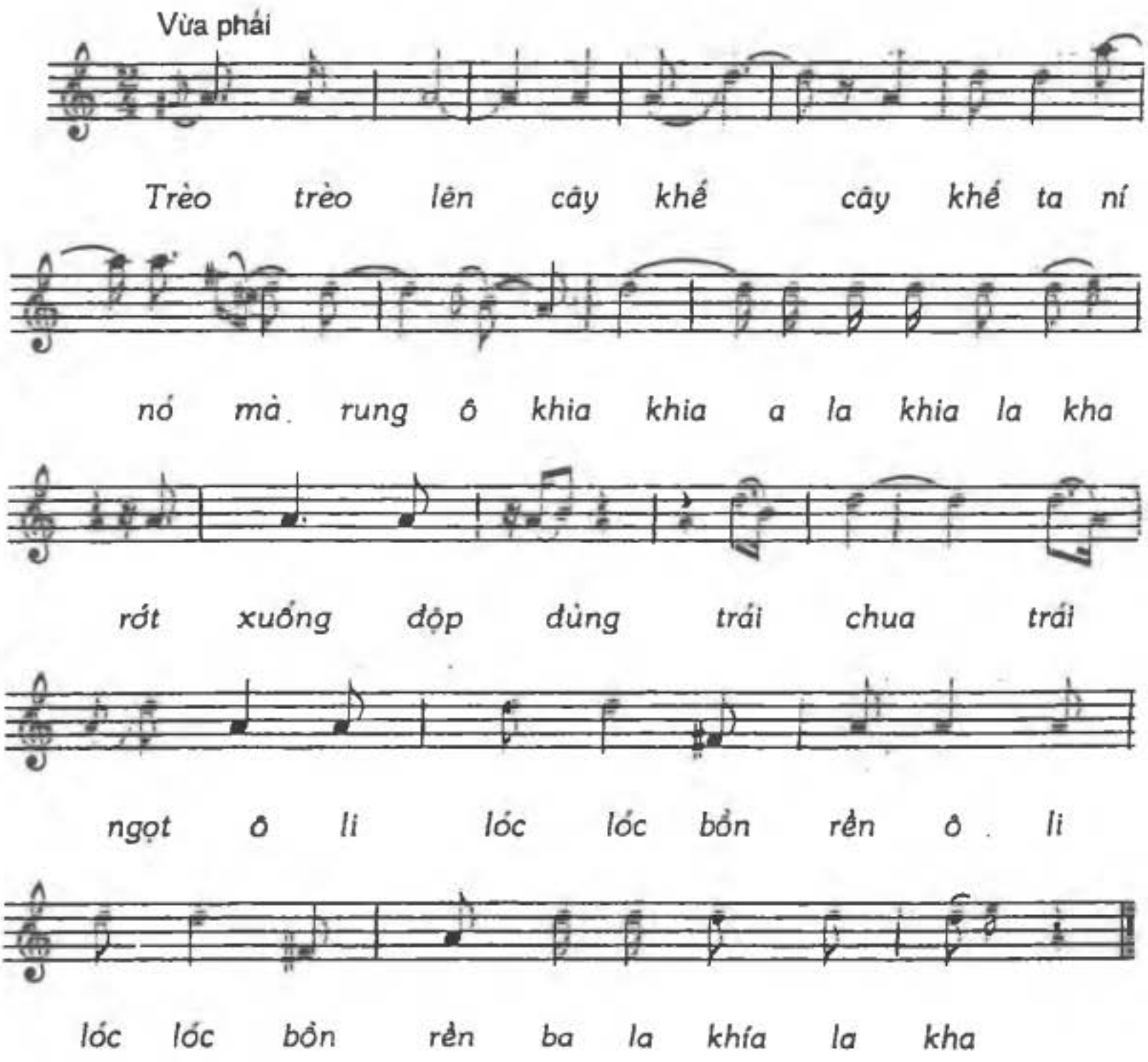
Lý con quạ

NSƯT VĂN PHƯỚC KHÔI hát
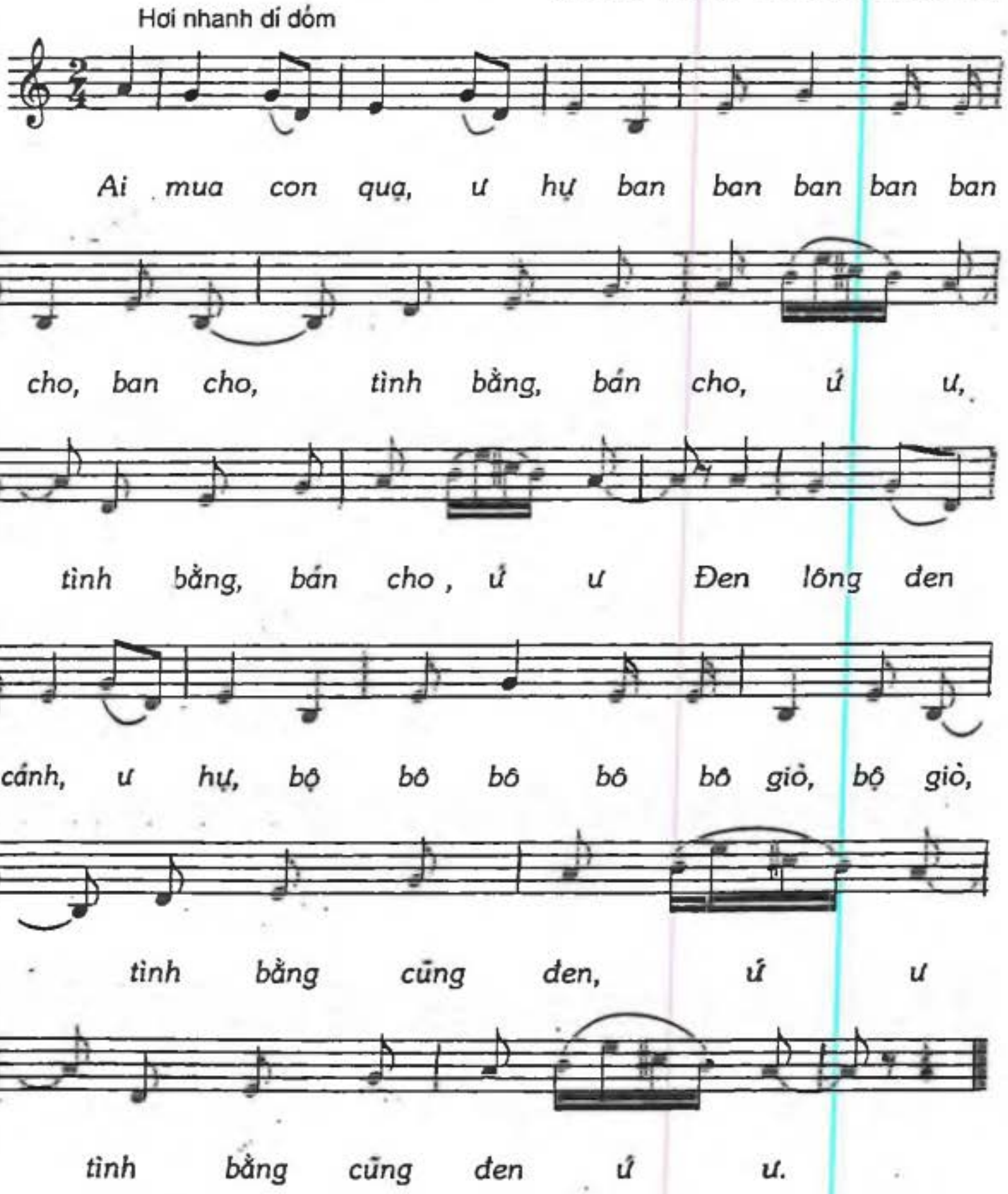
Lý qua ải

NSND NGUYỄN NHO TÚY hát

LÊ CƯỜNG ghi âm
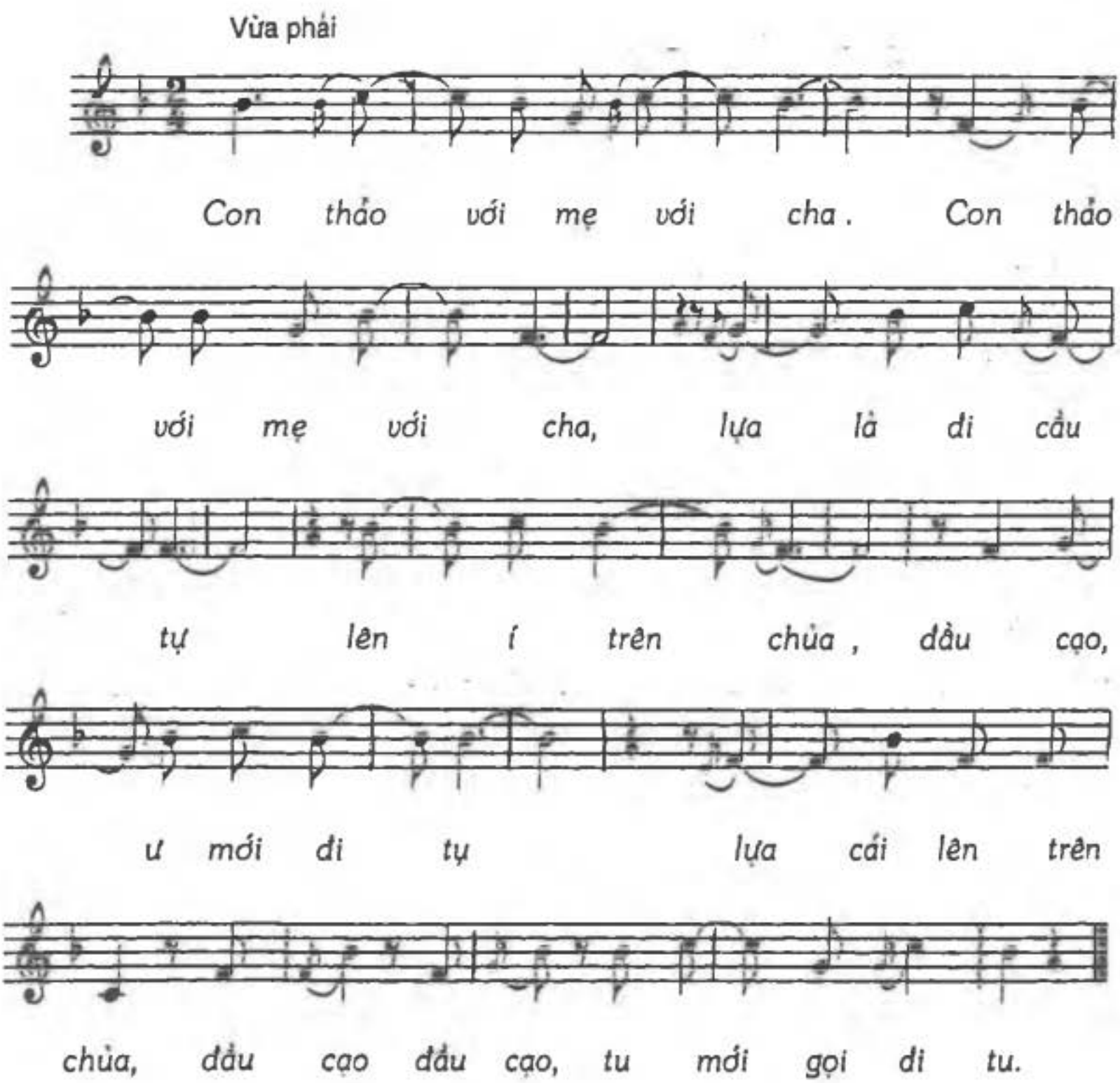
Lý thiên thai

NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
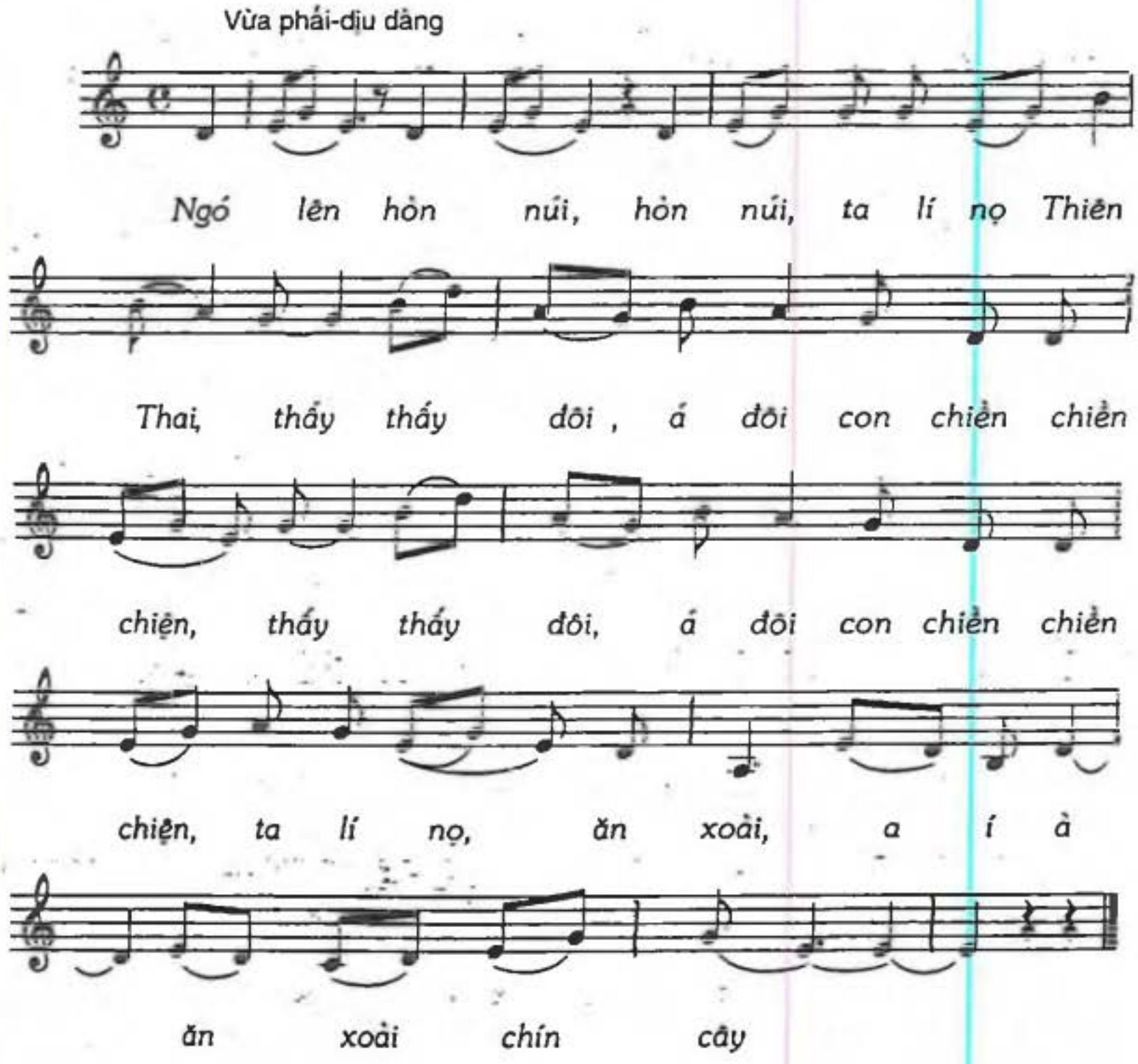
Lý thiên thai

(Biến thể)

NSƯT ĐINH THẢI SƠN hát
và thổi kèn bóp
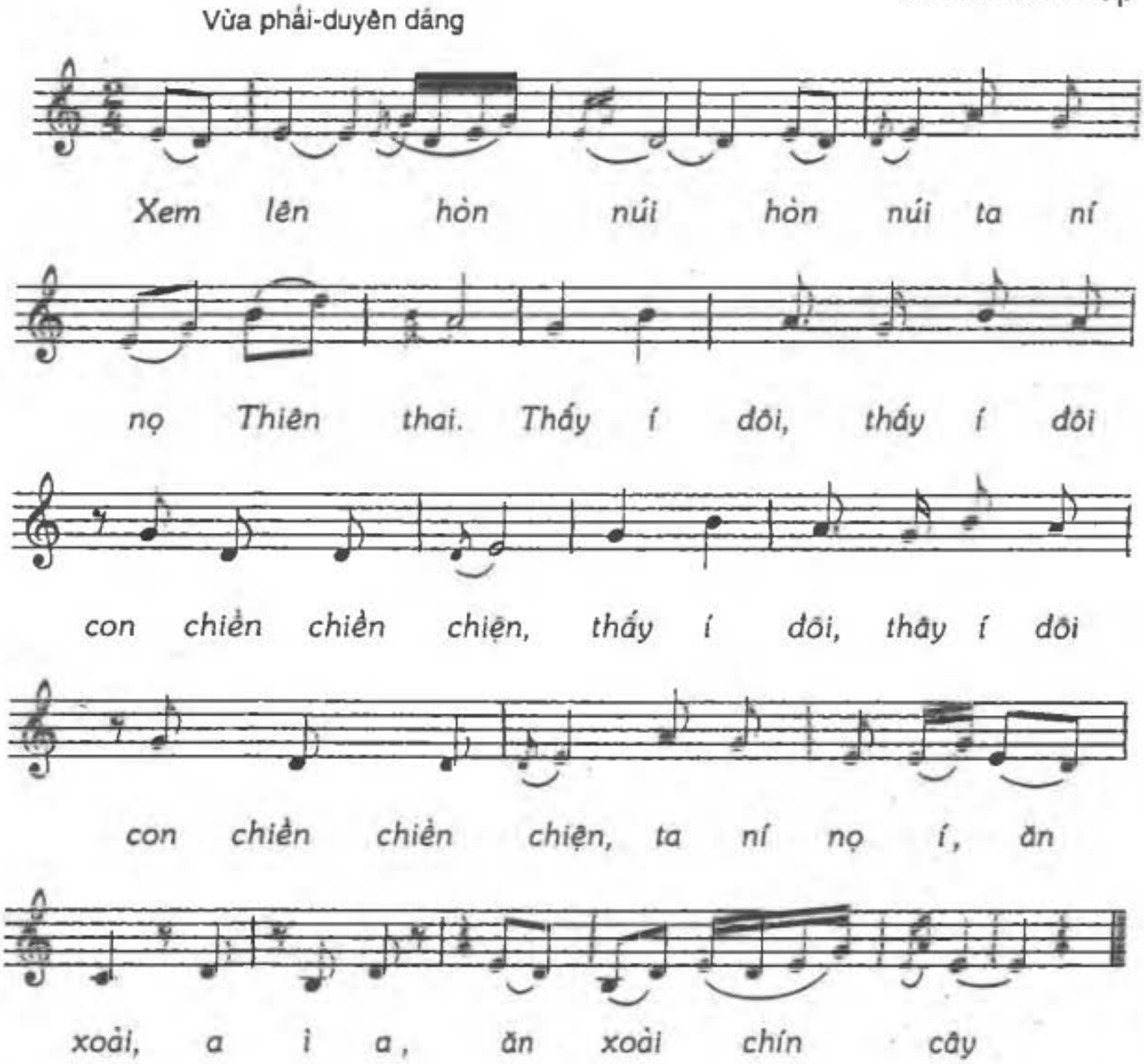
Lý con sáo

NSND NGUYỄN NHO TỦY hát

Vừa phải - Trữ tình
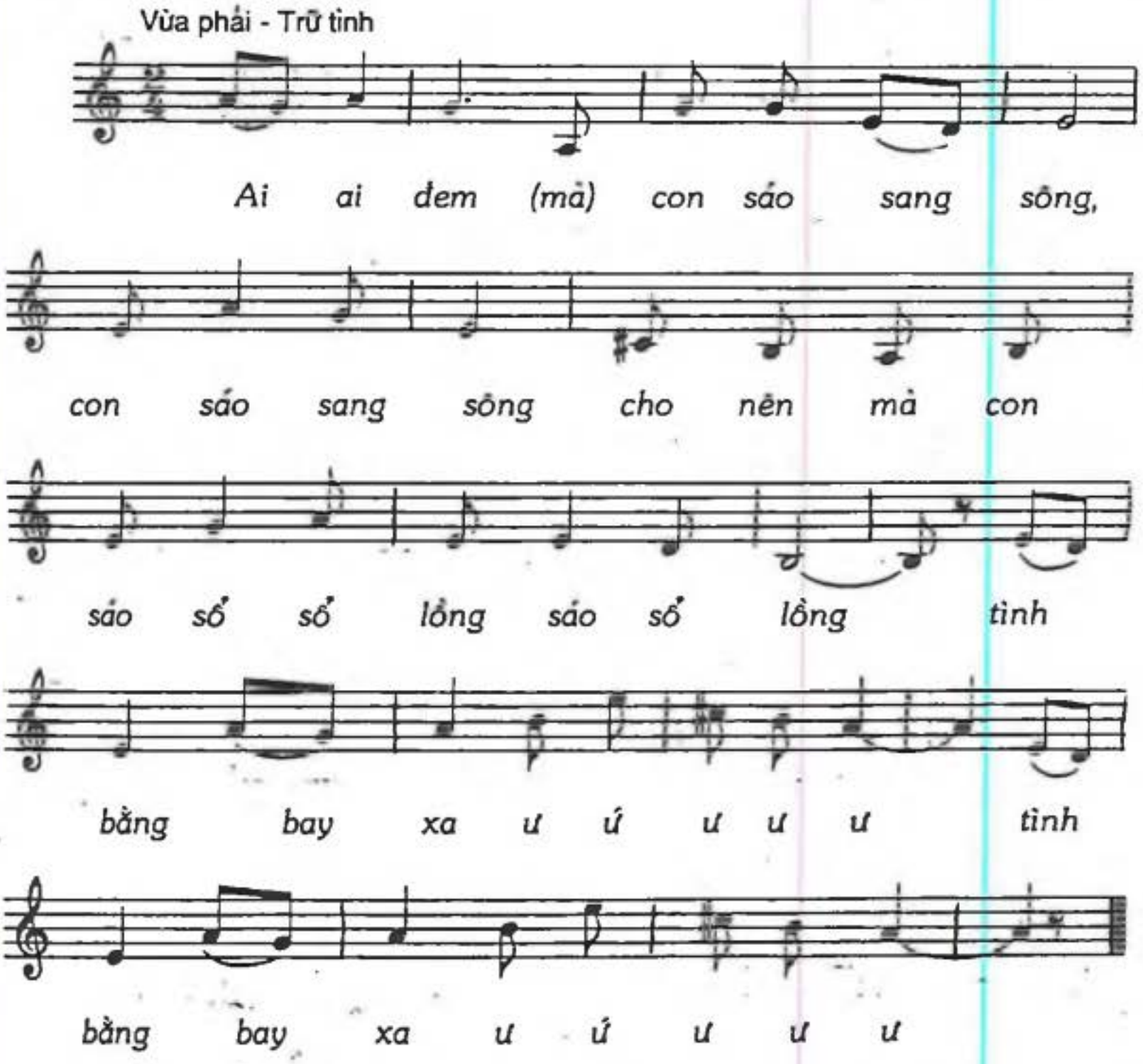
Lý chim cu

(Biến thể)

NSND NGUYỄN NHO TỦY hát

LÊ CƯỜNG ghi âm
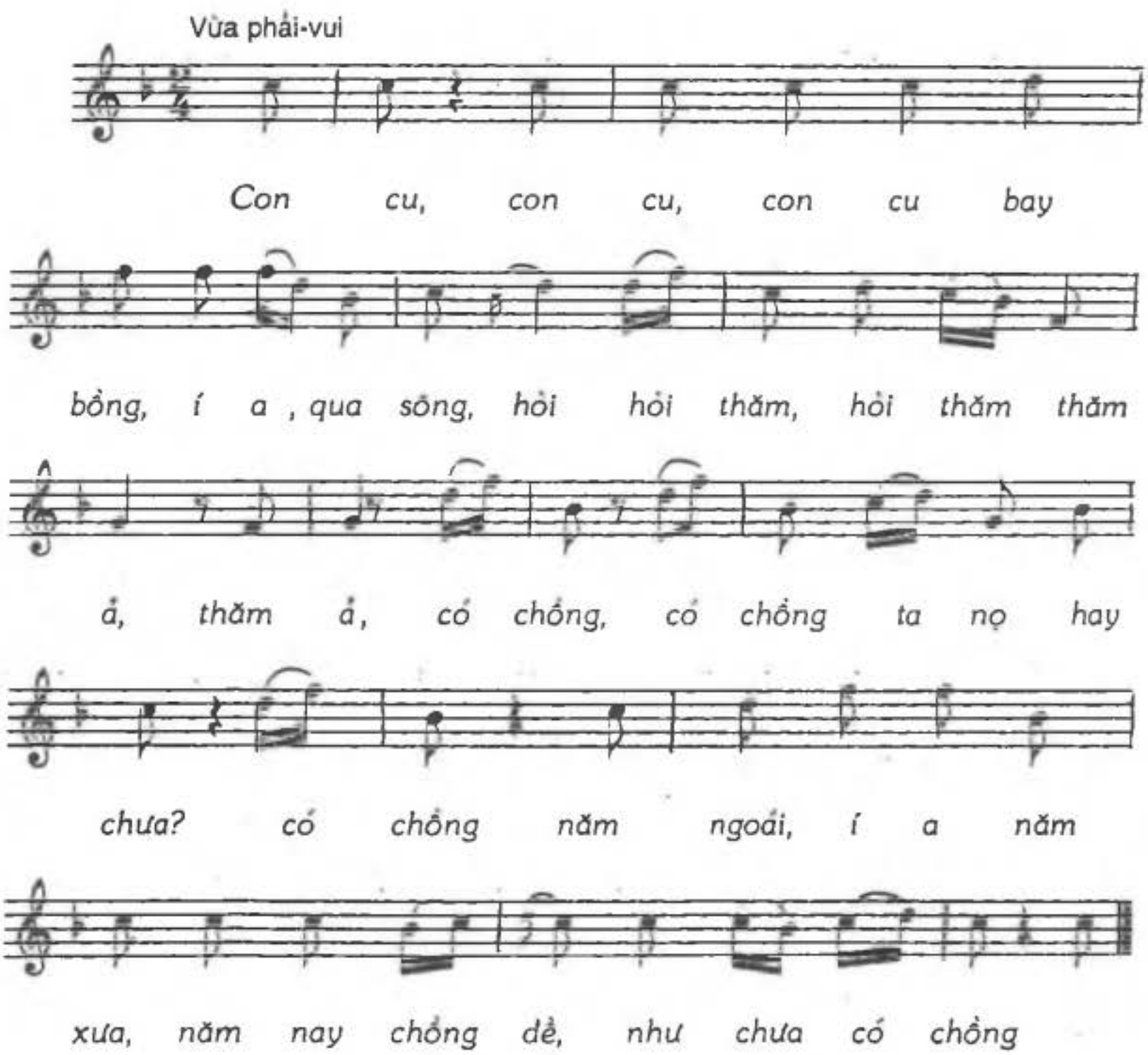
Lý năm canh

VĂN ĐÔNG ghi âm

Vừa phải -tình cảm

Canh một, thơ thẩn ý ra vào ra, chờ

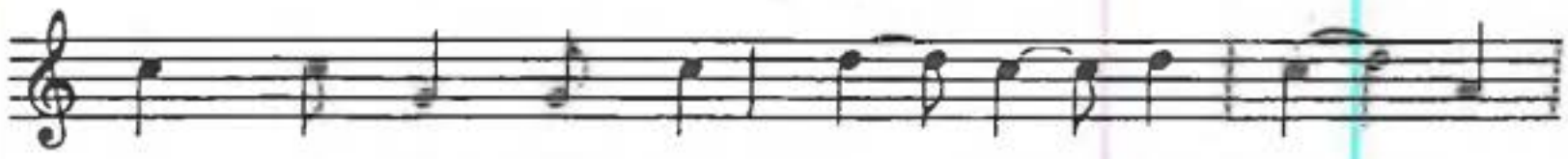

trăng, ôi tình mả, trăng xế, a í a, chờ

hoa, í bông hoa tàn, tà là trống canh hai, thắp
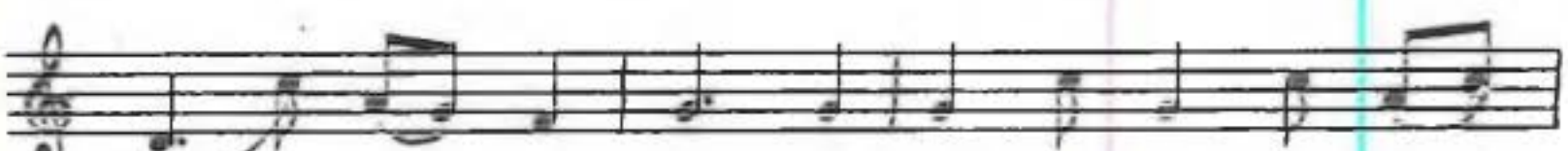
ngọn í loan đèn loan, chờ người ôi tinh quân tử

tới, a í a, thở than than đôi, ba

lời, tà là trống canh ba, dang

nói cười dang cười. Còn hai, ối tinh mả, canh
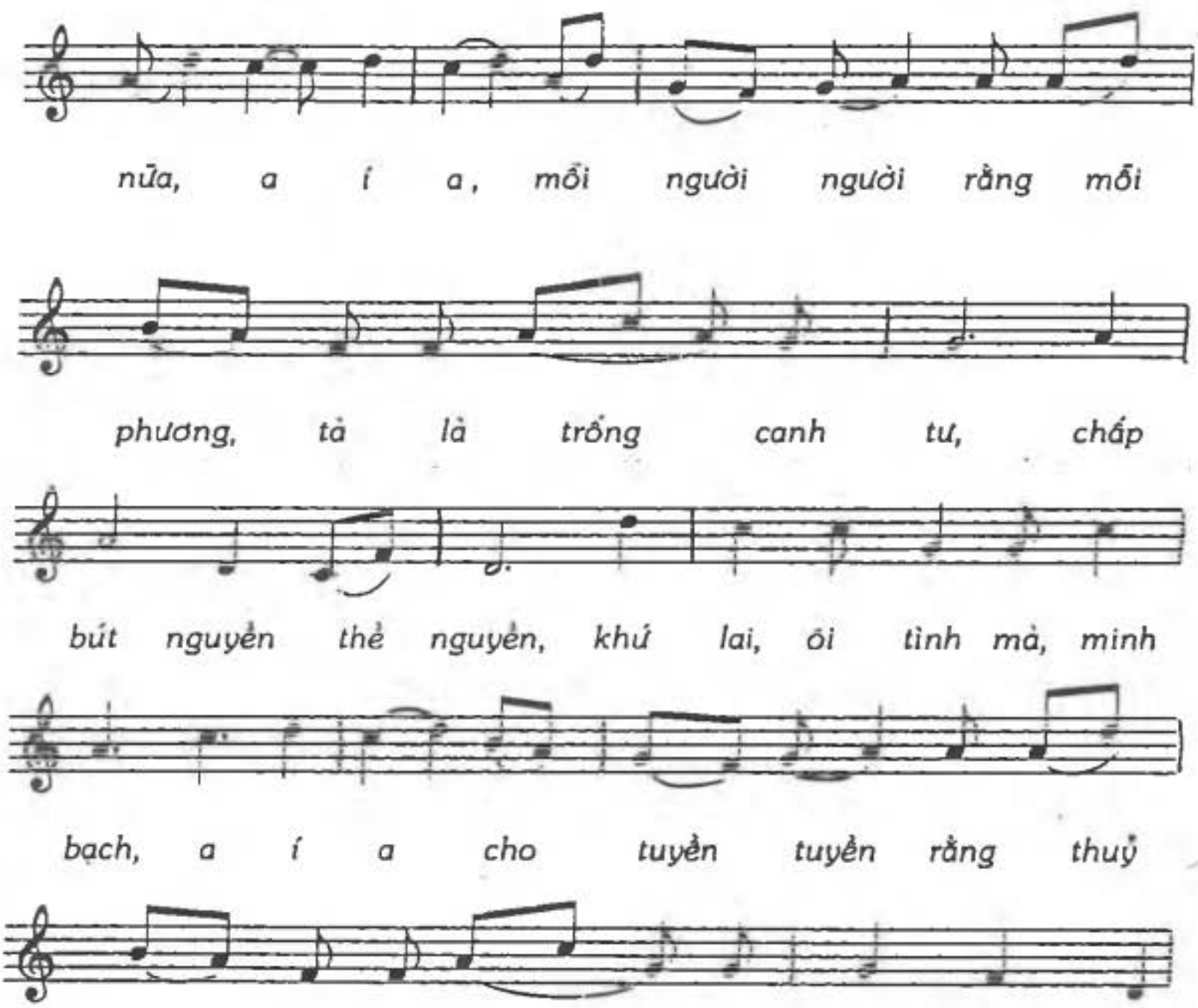
nữa, a í a, mỗi người người rằng mỗi
phương, tà là trống canh tư, chấp
bút nguyền thề nguyền, khứ lai, ôi tình mà, minh
bạch, a í a cho tuyền tuyền rằng thuỷ
chung, tà là trống canh năm. Ngọn cờ
phất, í rung trống rung, tang cắc cà
rụp thùng, qua gá tiếng cùng, em bậu chớ có nghe
ai, qua gá tiếng cùng em bậu chớ có nghe ai

Lý năm canh

(Biến thể)

NSND NGUYỄN NHO TÚY hát

Vừa phải - Tình cảm
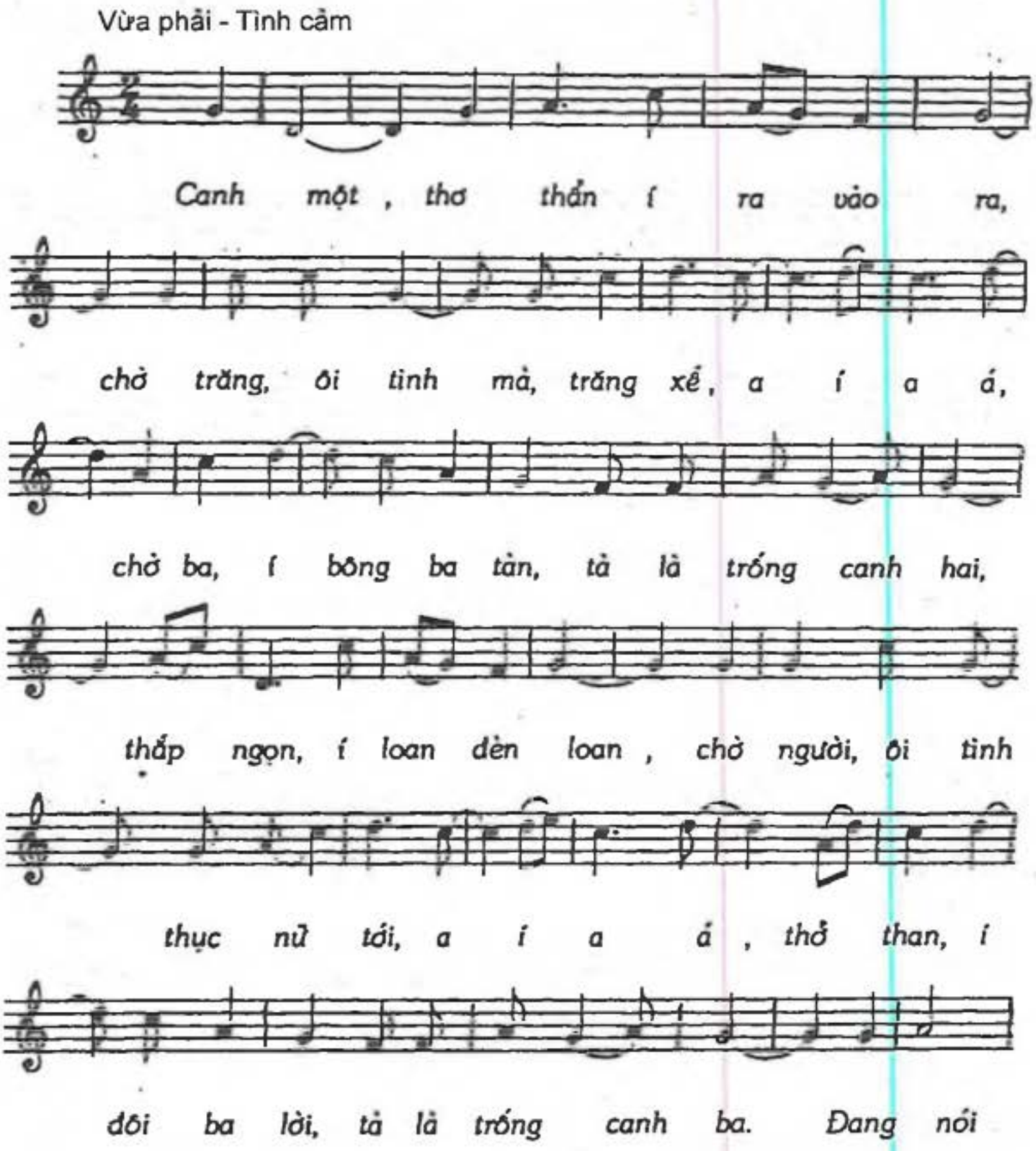
cười đang cười, còn hai, ôi tình mà, canh nữa, a

í a á, mỗi người rằng là mỗi phương, tà là

trống canh tư, chấp bút, í nguyền thề nguyền,

khứ lai, ôi tình mà, minh bạch, a í a á,

cho tuyền là tuyền mà thuỷ chung, tà là

trống canh năm. Ngọn cờ phất, í rung trống

rung, tang các cà rụp thùng, qua gá tiếng

cũng, em bậu chớ nghe ai, em bậu chớ nghe ai.

Lý thương nhau

Ban Nghiên cứu Liên khu V ghi âm
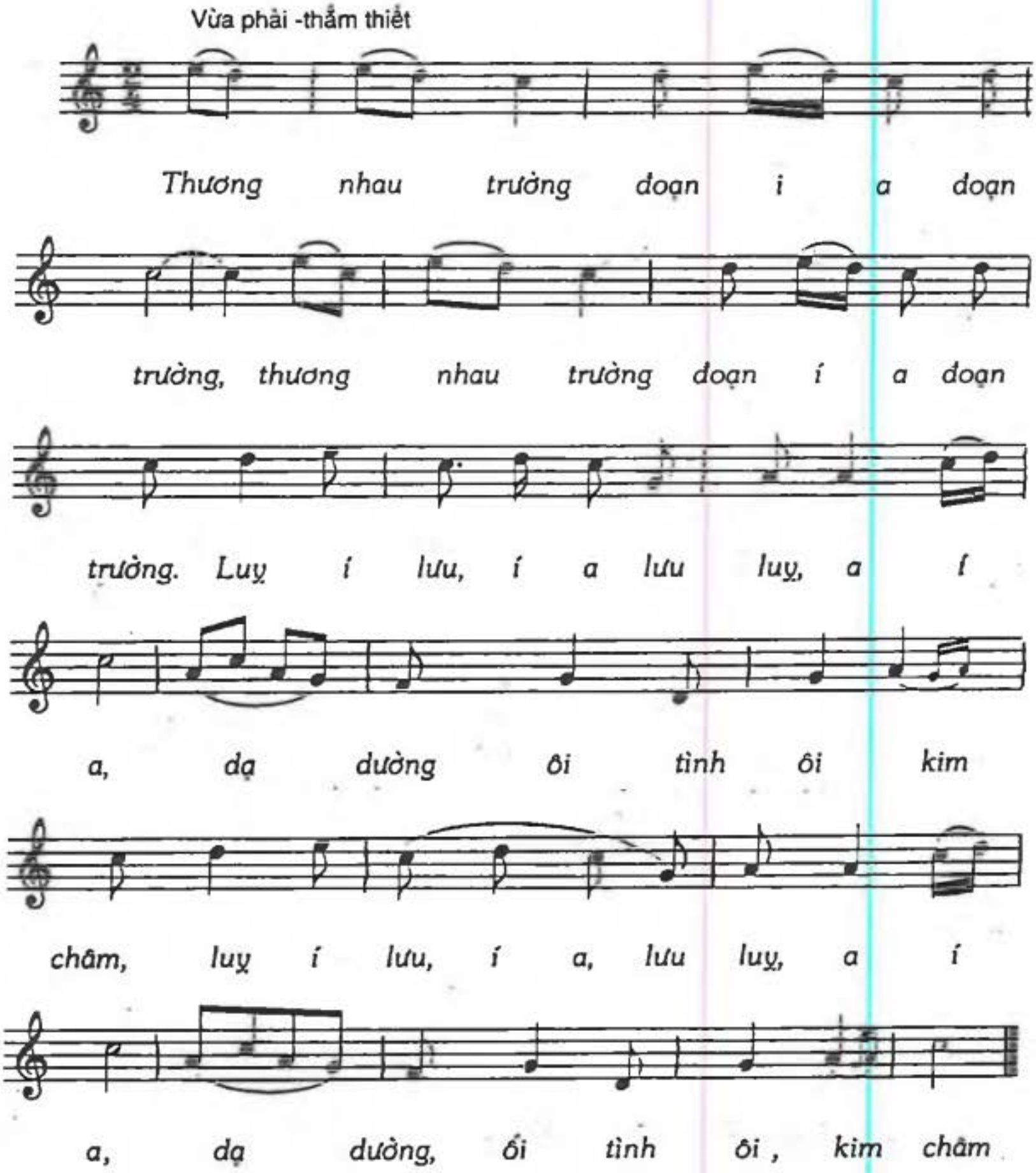
Lý vãi chài

VĂN ĐÔNG ghi âm
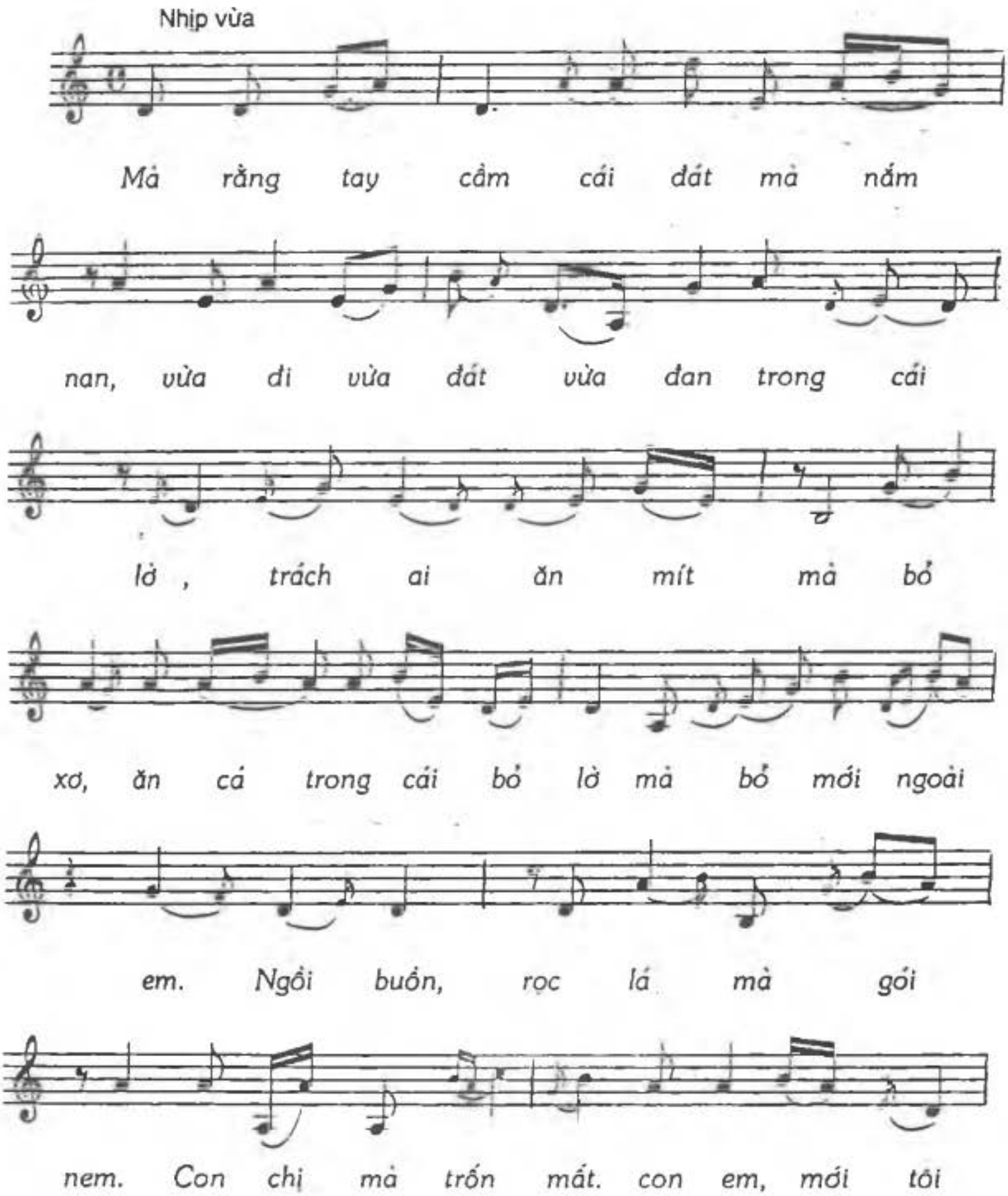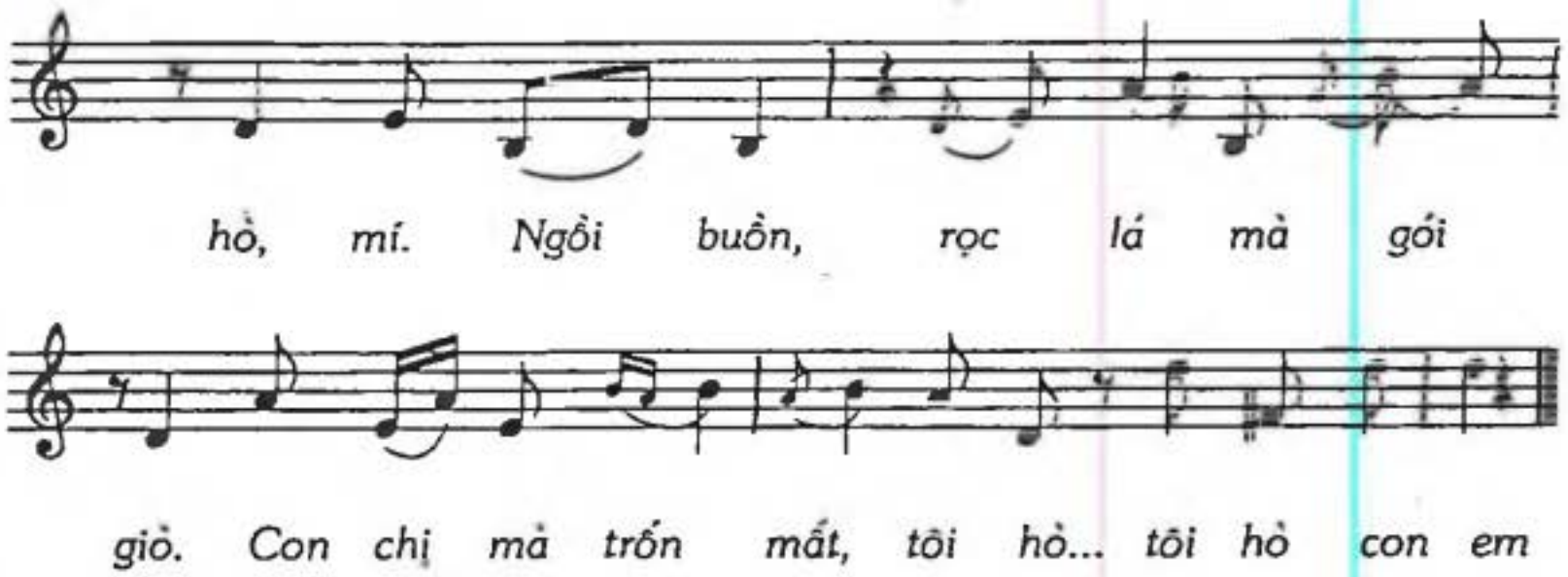
hồ, mí. Ngồi buồn, rọc lá mà gói
giỏ. Con chị mả trốn mất, tôi hò... tôi hò con em

Lý Đồng Nai

NSND HOÀNG LÊ ghi âm

Vừa phải-như nói

Gạo đằng ngoài một tiền bảy chén, chớ còn

gạo đàng trong một chén bảy tiền. Anh không tin

Hơi nhanh-vui,hóm hỉnh
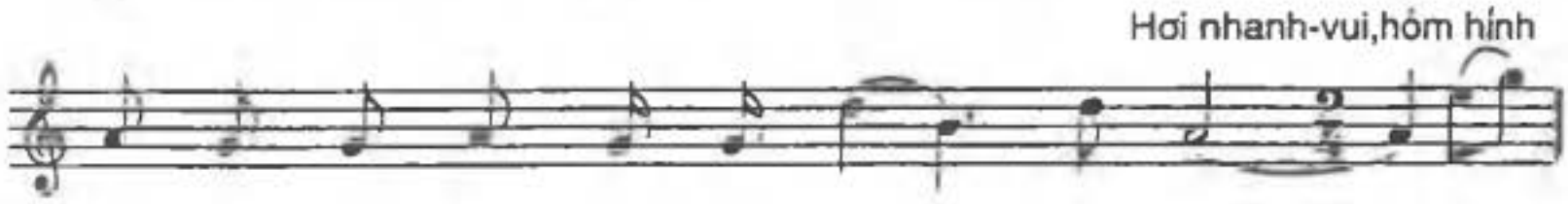
anh về Đồng Nai mà anh ngó... ngó coi. Có
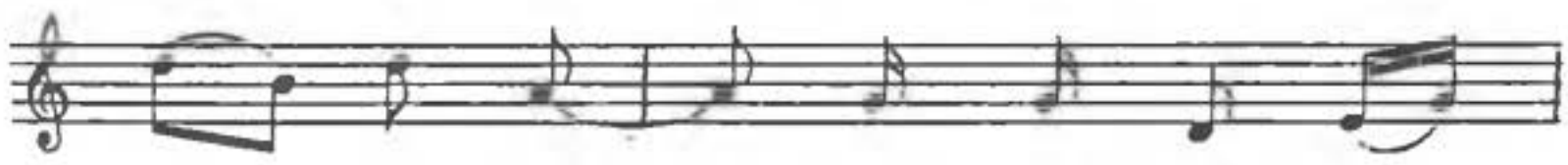
quân , á quân thôi đi mà, tập

trận. Có cái chòi là chòi có cái chòi bắn
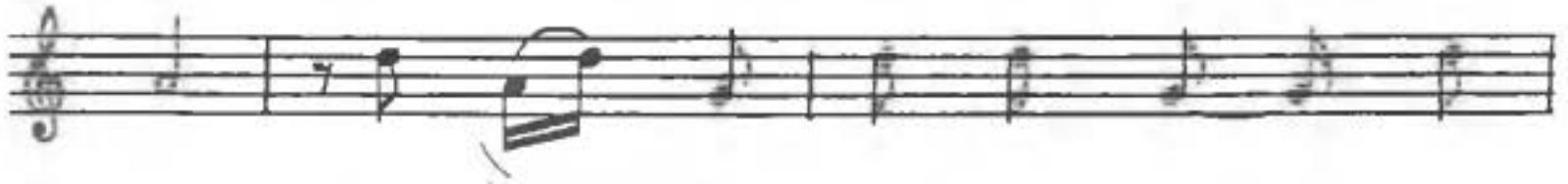
bia. Con ngựa hổng mao mao tiền mao
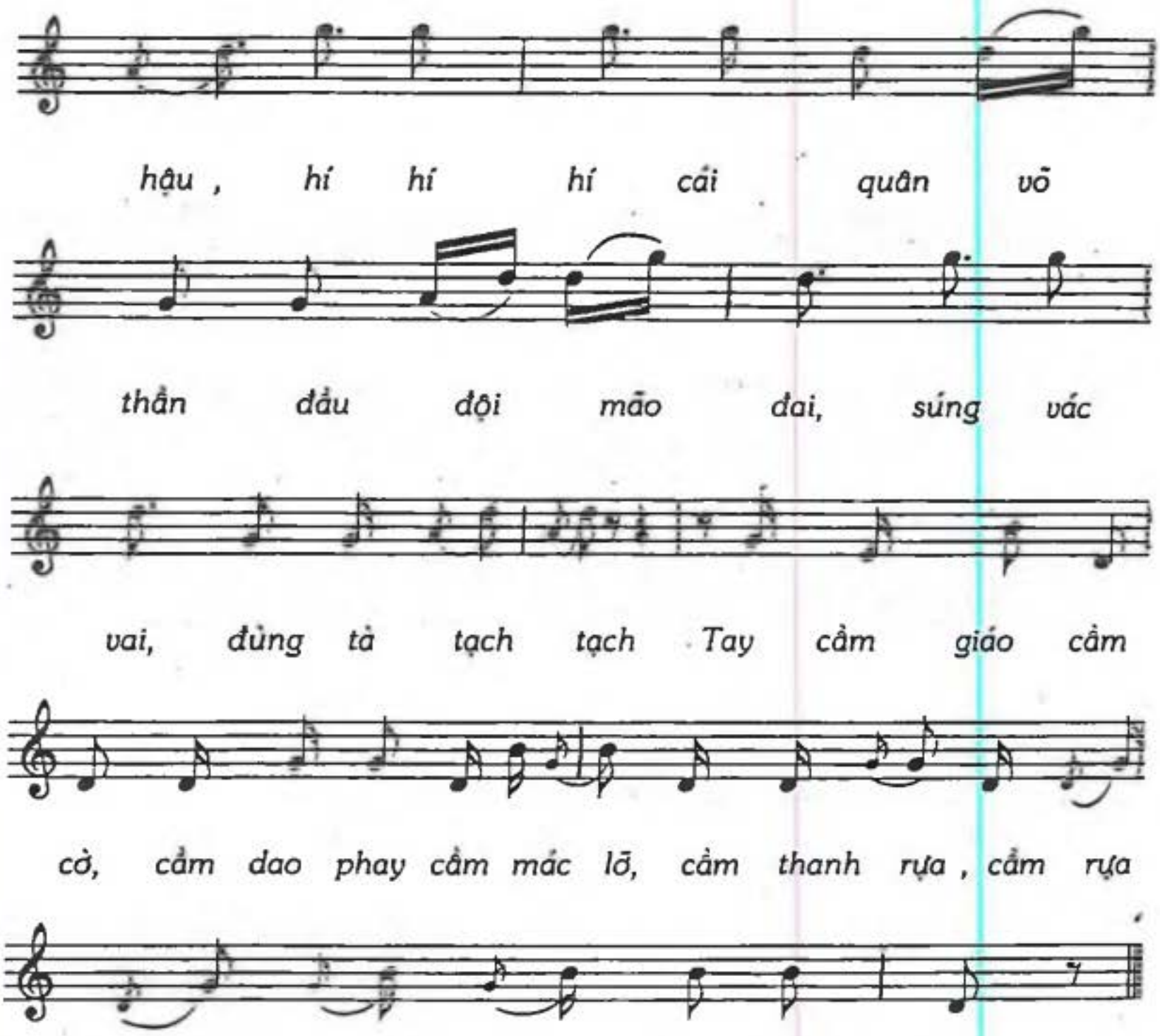
hậu , hí hí hí cái quân võ
thần đầu đội mão đai, súng vác
vai, đủng tà tạch tạch Tay cầm giáo cầm
cờ, cầm dao phay cầm mác lõ, cầm thanh rựa , cầm rựa
bụp , của bẩy đáp, hết cầm

Lý tóc chế (*)

VÂN ĐÔNG ghi âm
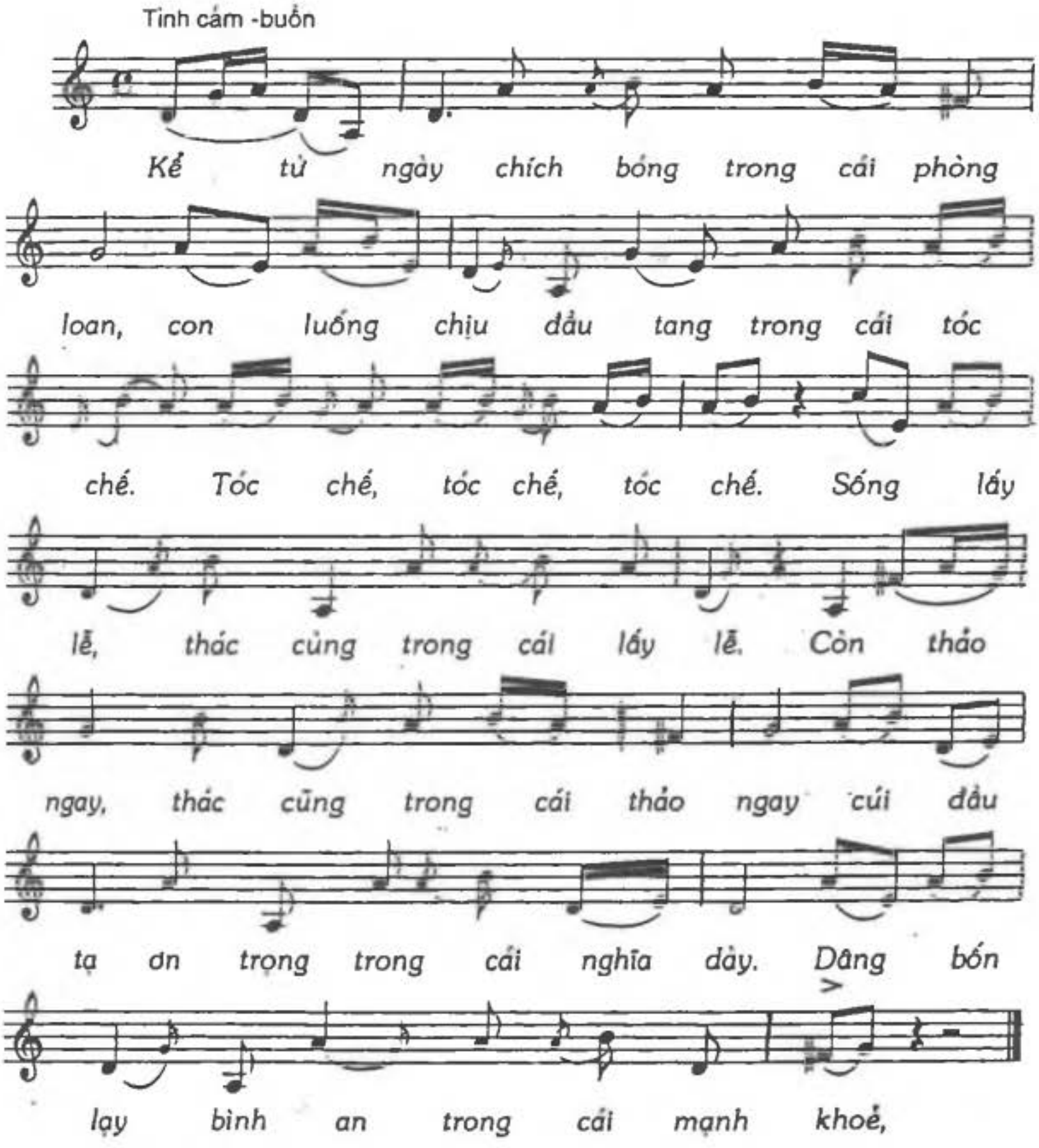
(*) bài hát để chịu tang

Lý con sáo sang sông

NSND LỆ THI hát

NSƯT HOÀNG LÊ ghi âm
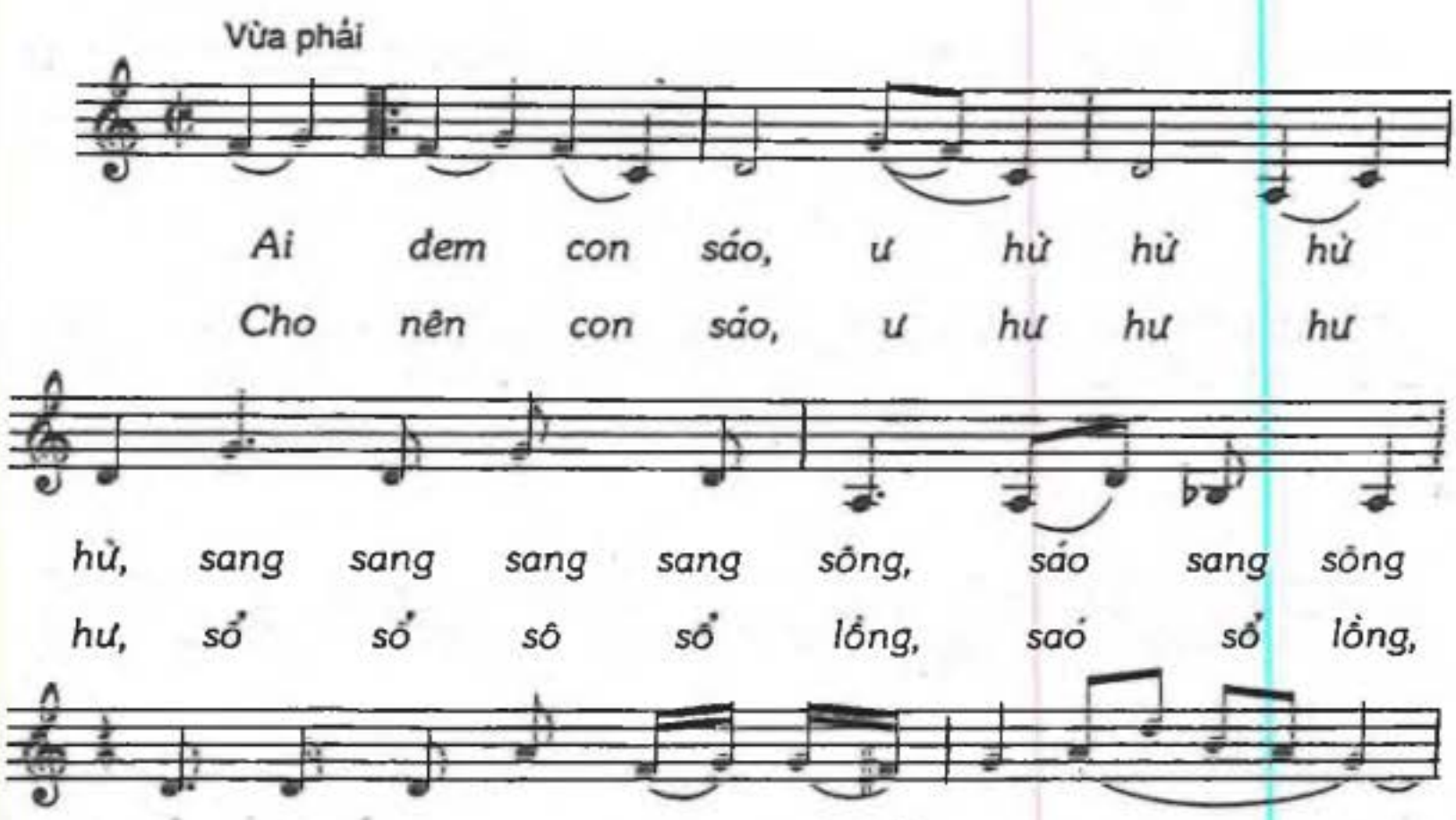
Lý se dây tơ hồng

NSND NGUYỄN NHO TÚY hát

LÊ CƯỜNG ghi âm
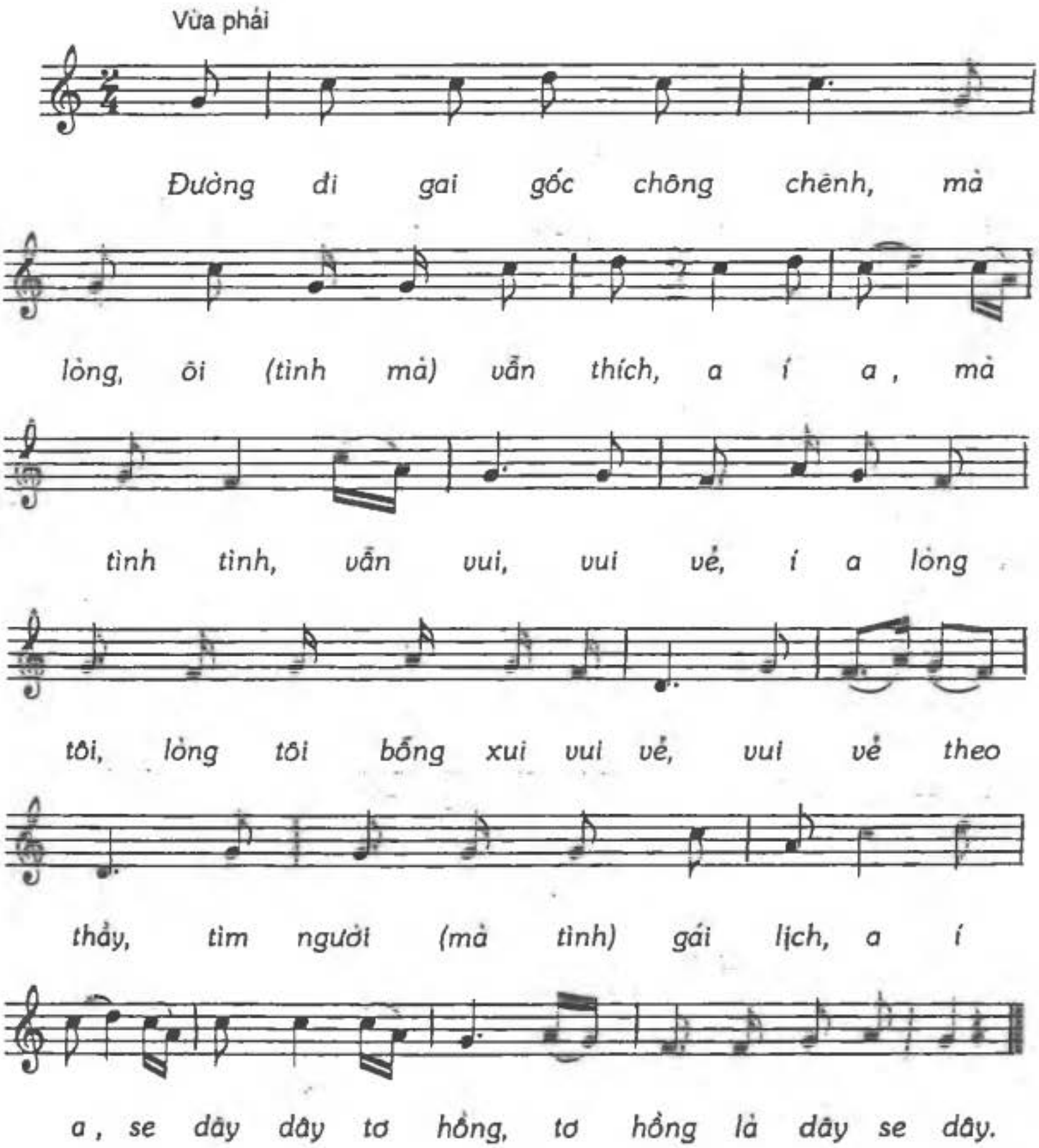
Lý giả dại qua ải
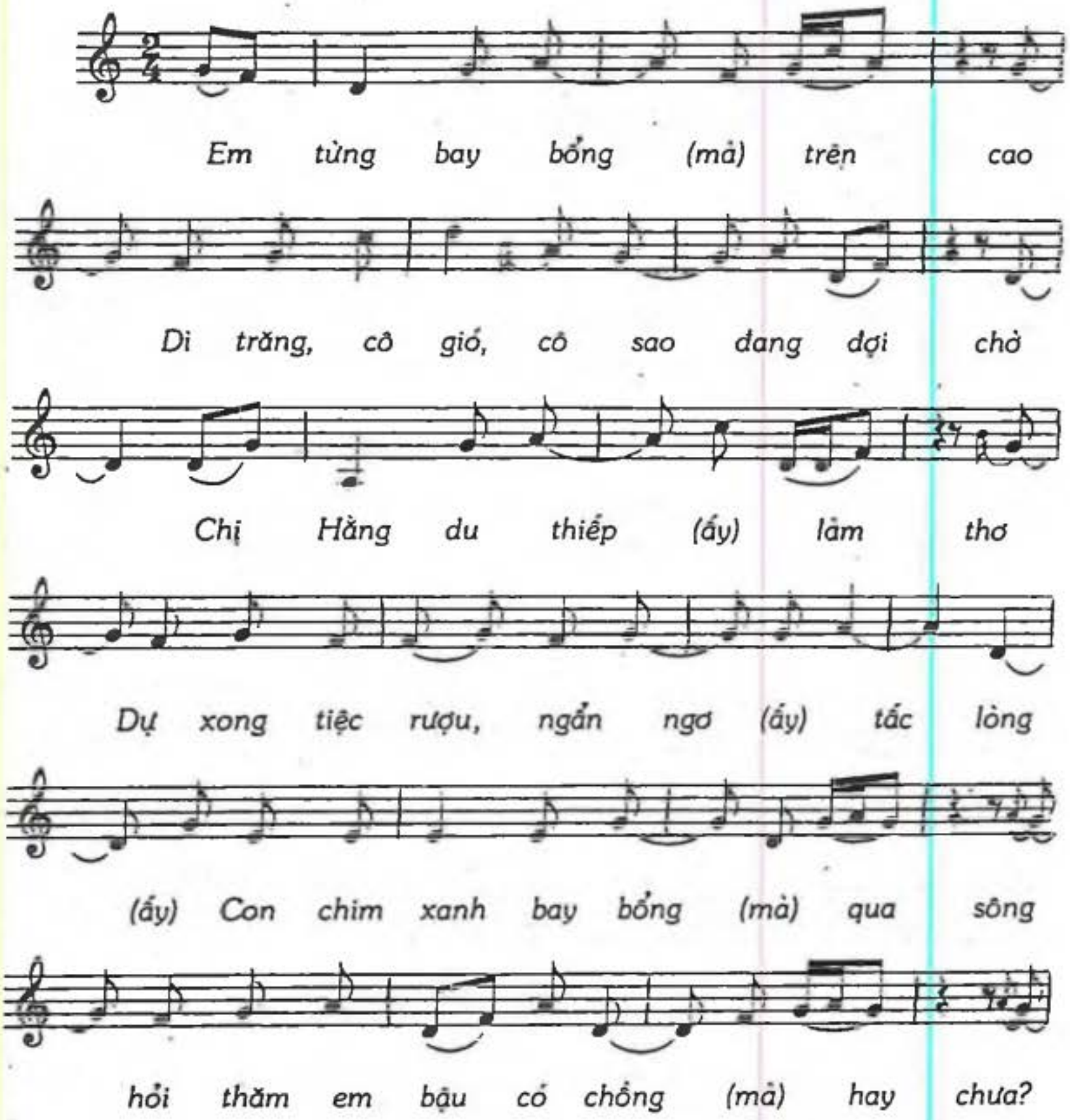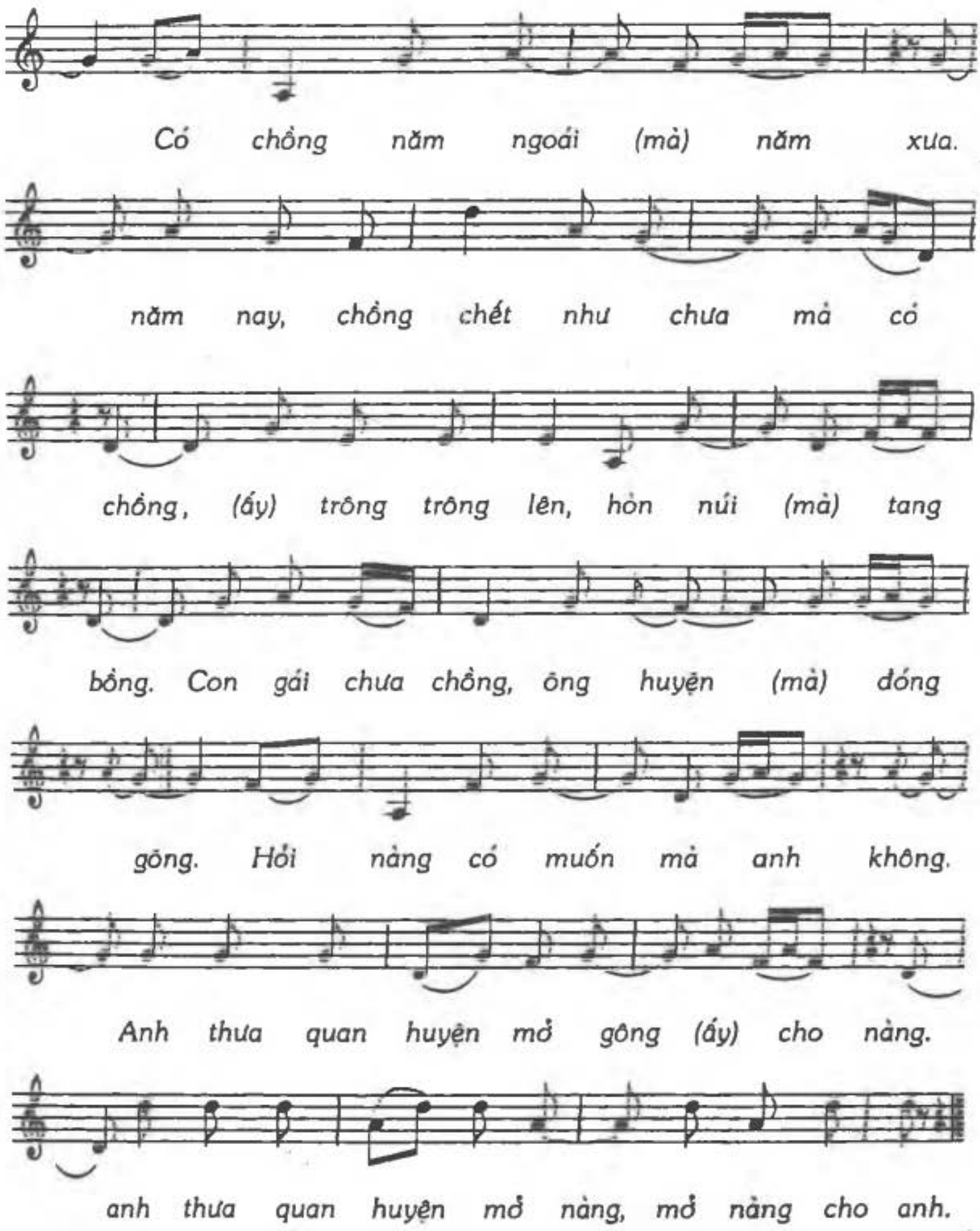
Có chồng năm ngoái (mà) năm xưa.
năm nay, chồng chết như chưa mả có
chồng, (ấy) trông trông lên, hòn núi (mà) tang
bồng. Con gái chưa chồng, ông huyện (mà) đóng
gông. Hỏi nàng có muốn mà anh không.
Anh thưa quan huyện mở gông (ấy) cho nàng.
anh thưa quan huyện mở nàng, mở nàng cho anh.

Hát ru

(có nhiều biến thể)

Chậm -tình cảm
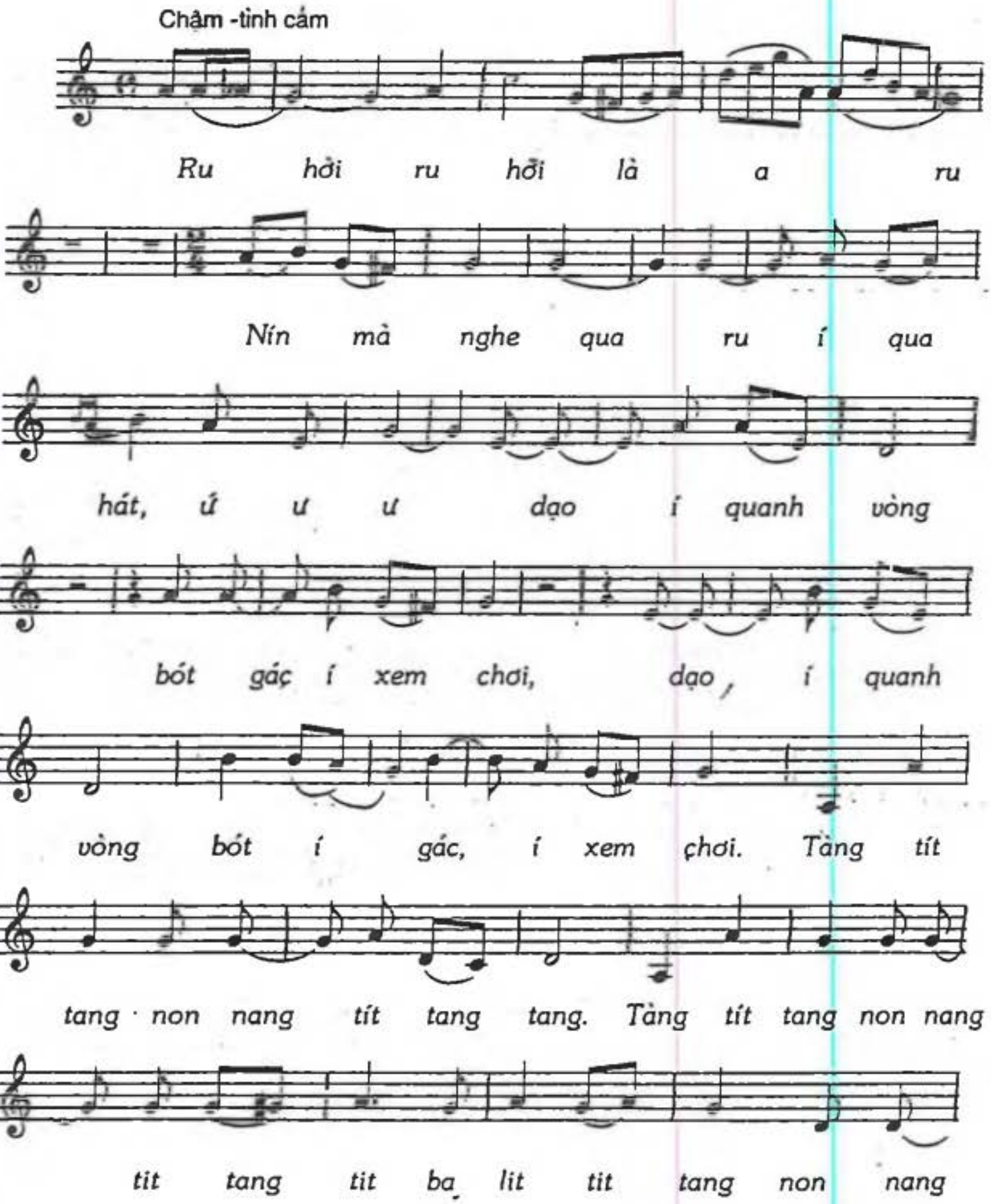
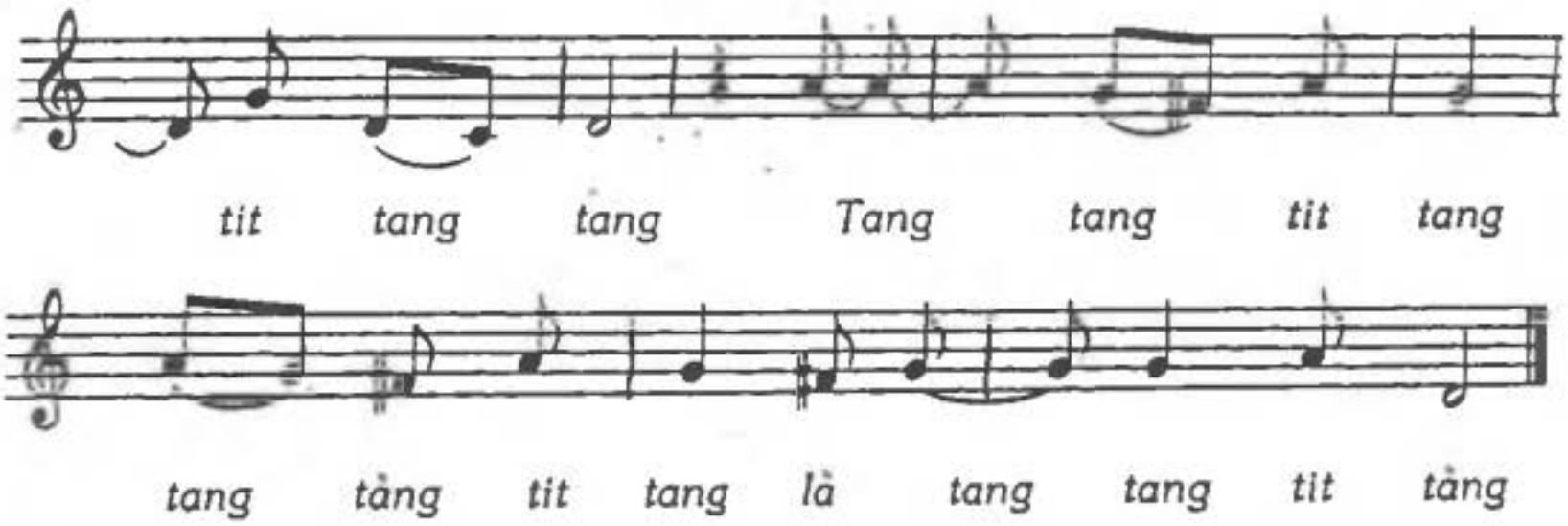

Hát ru (2)

NSND NGUYỄN NHO TỦY hát

HÀ SÂM ghi
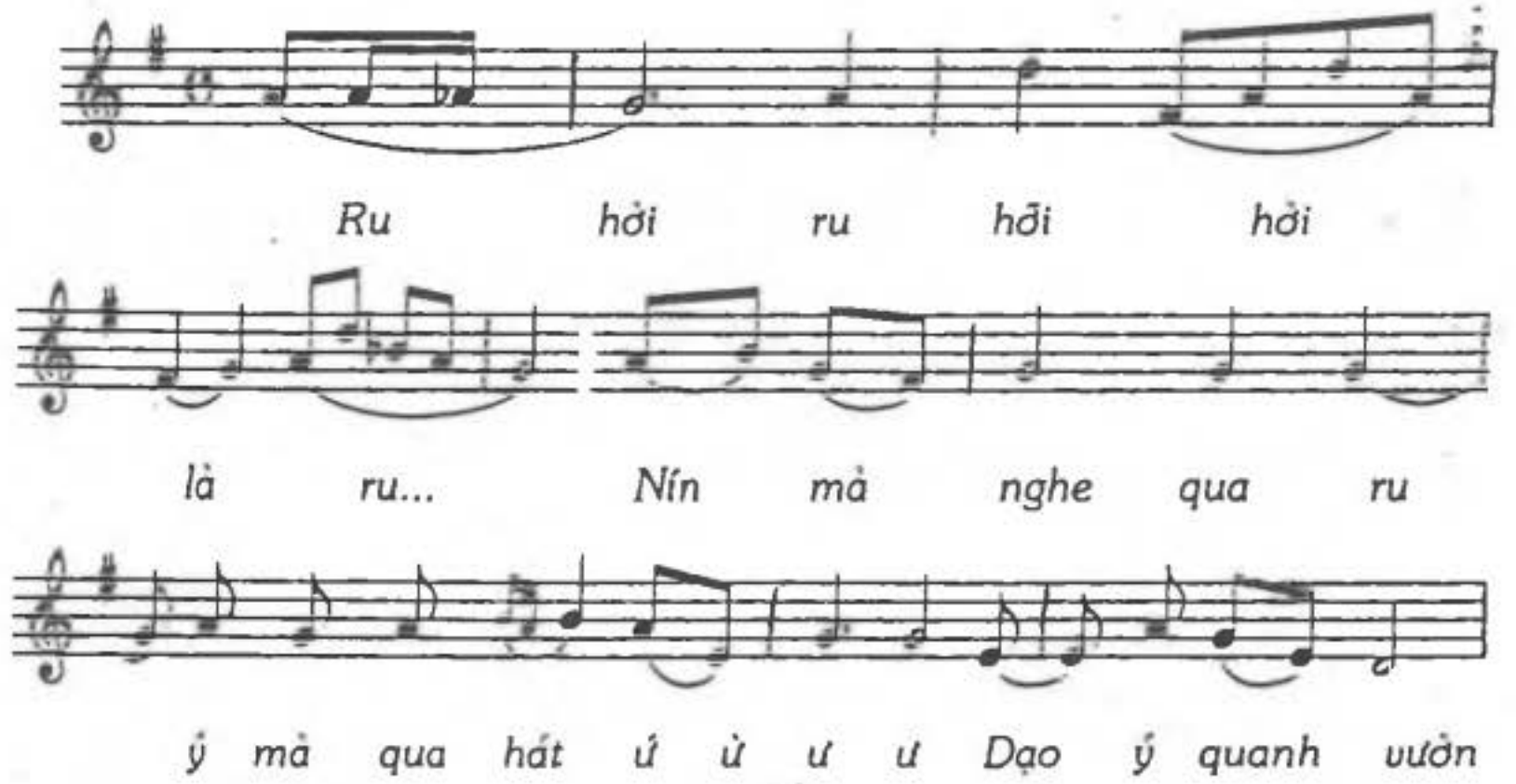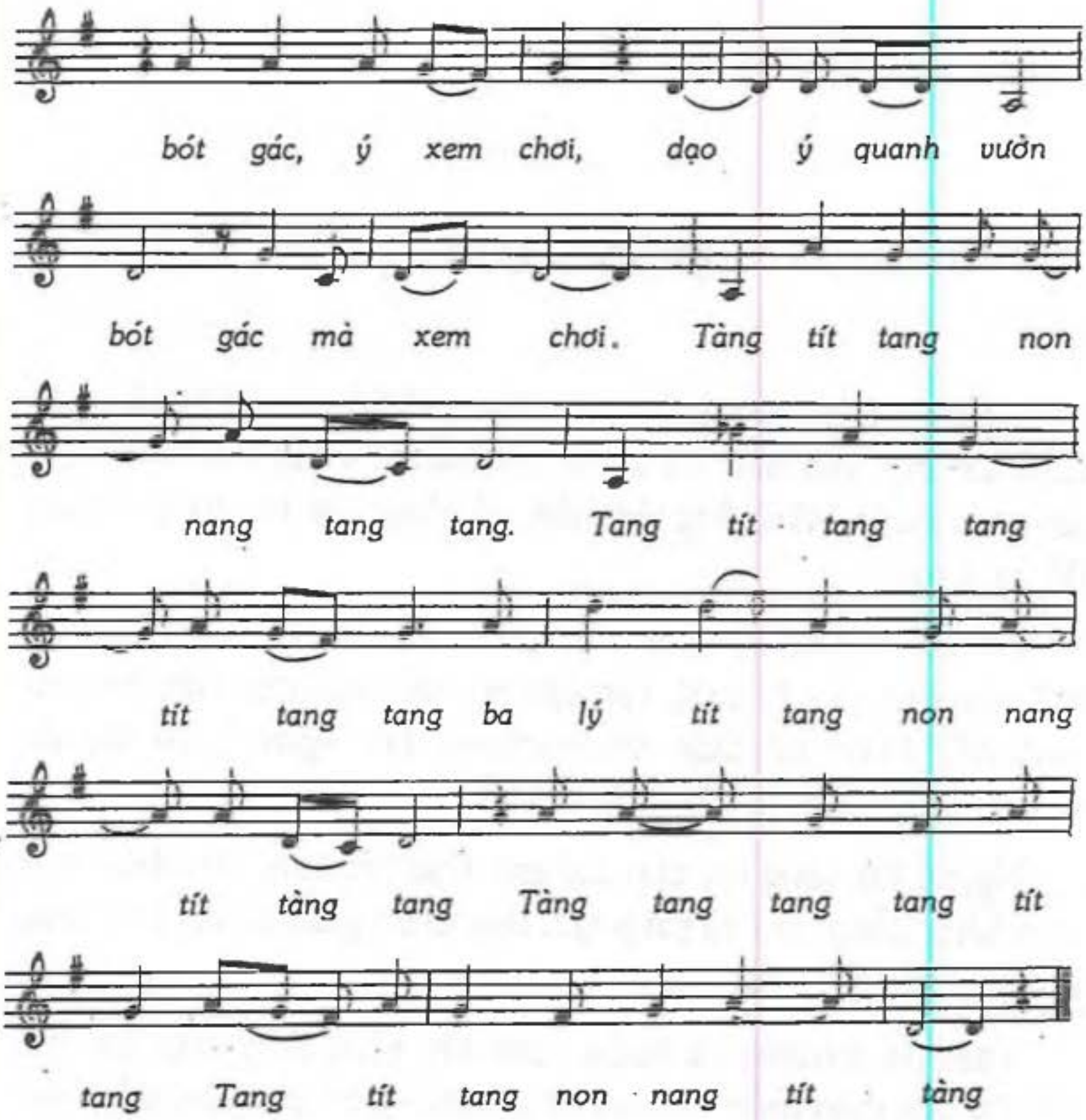
bót gác, ý xem chơi, dạo ý quanh vườn
bót gác mà xem chơi. Tàng tít tang non
nang tang tang. Tang tít tang tang
tít tang tang ba lý tít tang non nang
tít tàng tang Tàng tang tang tang tít
tang Tang tít tang non nang tít tàng

ĐỒNG DAO

Từ miền Bắc, trên đường vào Nam, tổ tiên chúng ta đã mang theo hát bội, bài hát, trò chơi, trò diễn...; cùng lúc có những sáng tạo mới về đời sống tâm hồn, về công việc lao động ở vùng đất mới này.

Đi theo ông bà, cha mẹ, trí nhớ của trẻ em - ở những lứa tuổi 6-7 tuổi đến 12 - 13 tuổi, vẫn gắn bó với *Chào con rắn, Ma gia đuổi bắt, Đánh nẻ, Đập chuồn chuồn, Gọi nghé*(*), *Dỗ sáo ăn mồi v.v...*

Người lớn sáng tác cho các em. Các em thay đổi, thêm bớt vốn liếng đồng dao và sáng tác, làm thêm giàu có cái kho tàng nghệ thuật chơi - hát - học - vui của mình.

Thật dễ thương và buồn cười khi nhìn thấy một em bé, với cử chỉ thân mến và lời nói dịu hiền, trò chuyện, dỗ chim sáo ăn mồi:

(*) Trẻ em ở miền Bắc gọi là Rồng rắn lên mây, Thả đỉa ba ba, chuyền thẻ hoặc chơi chuyền, lộn cầu vồng, nghé ngọ.

Vừa phải - Triu mến
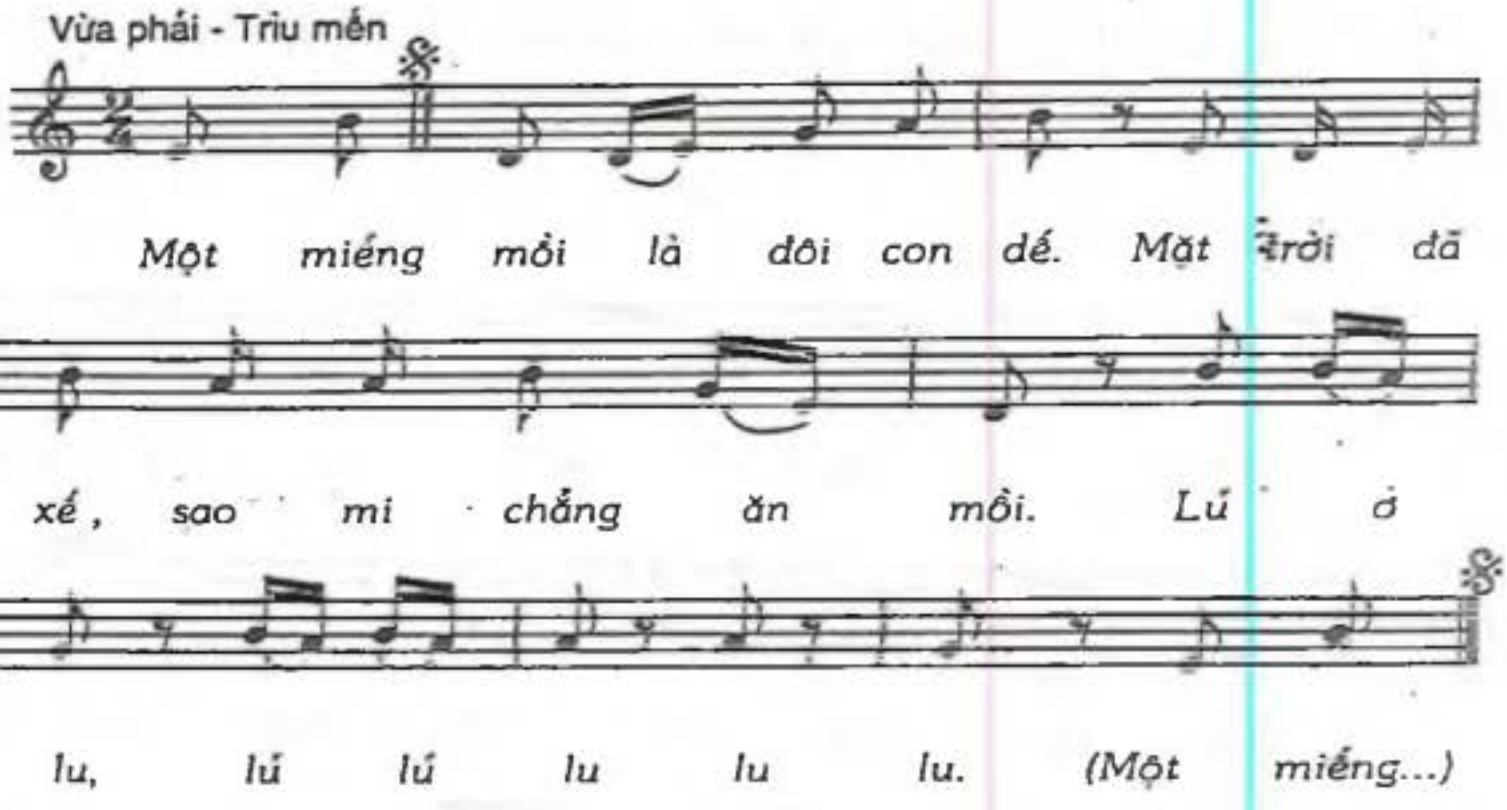
Vừa phải - Yêu thương
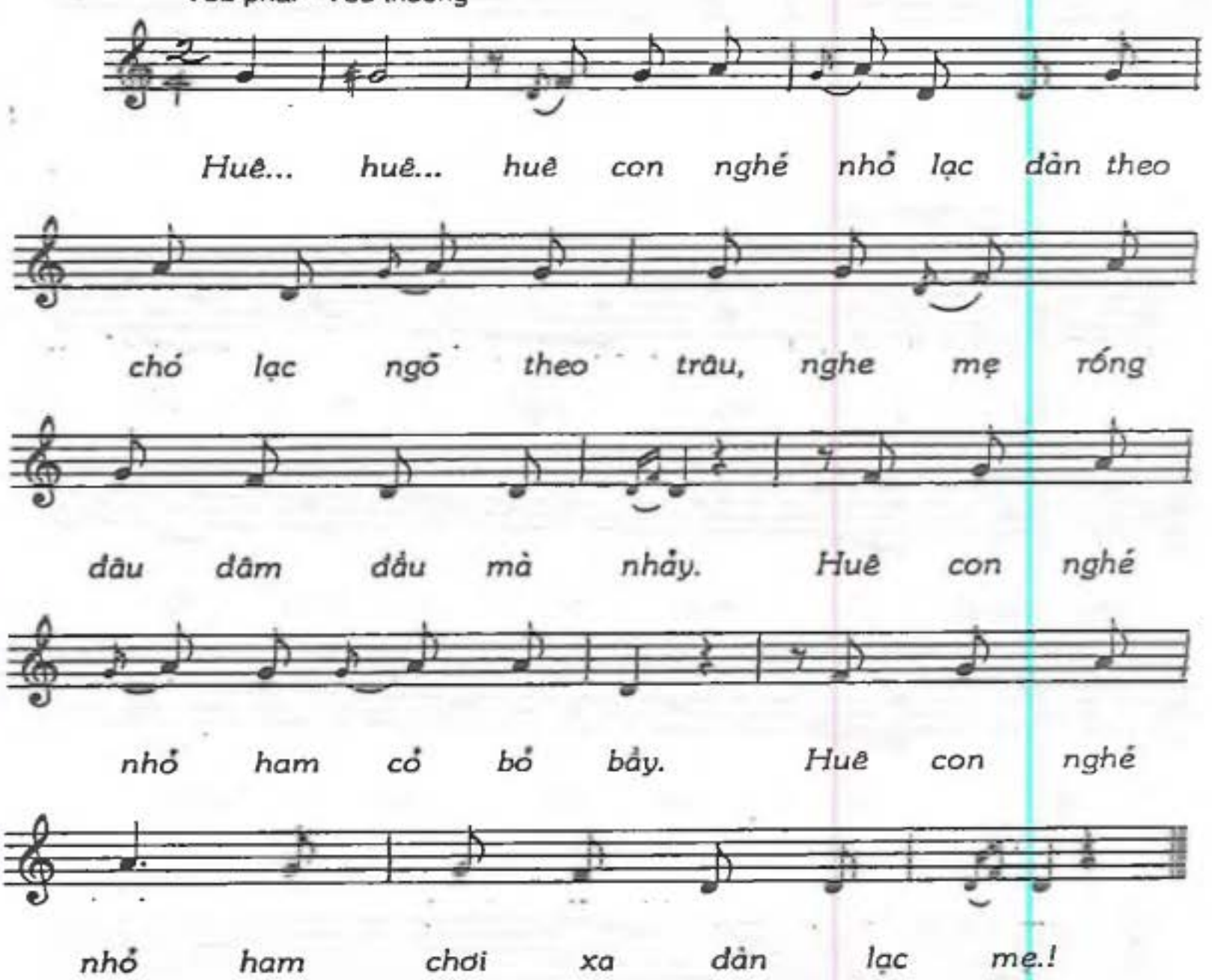
* Thấp hơn Sol một ít - âm sol giả.

Hai em cùng đi trên một con đường, đến chỗ rẽ, rủ bạn đi tiếp với mình, nhưng bạn không nghe theo.

Em này hát đi:
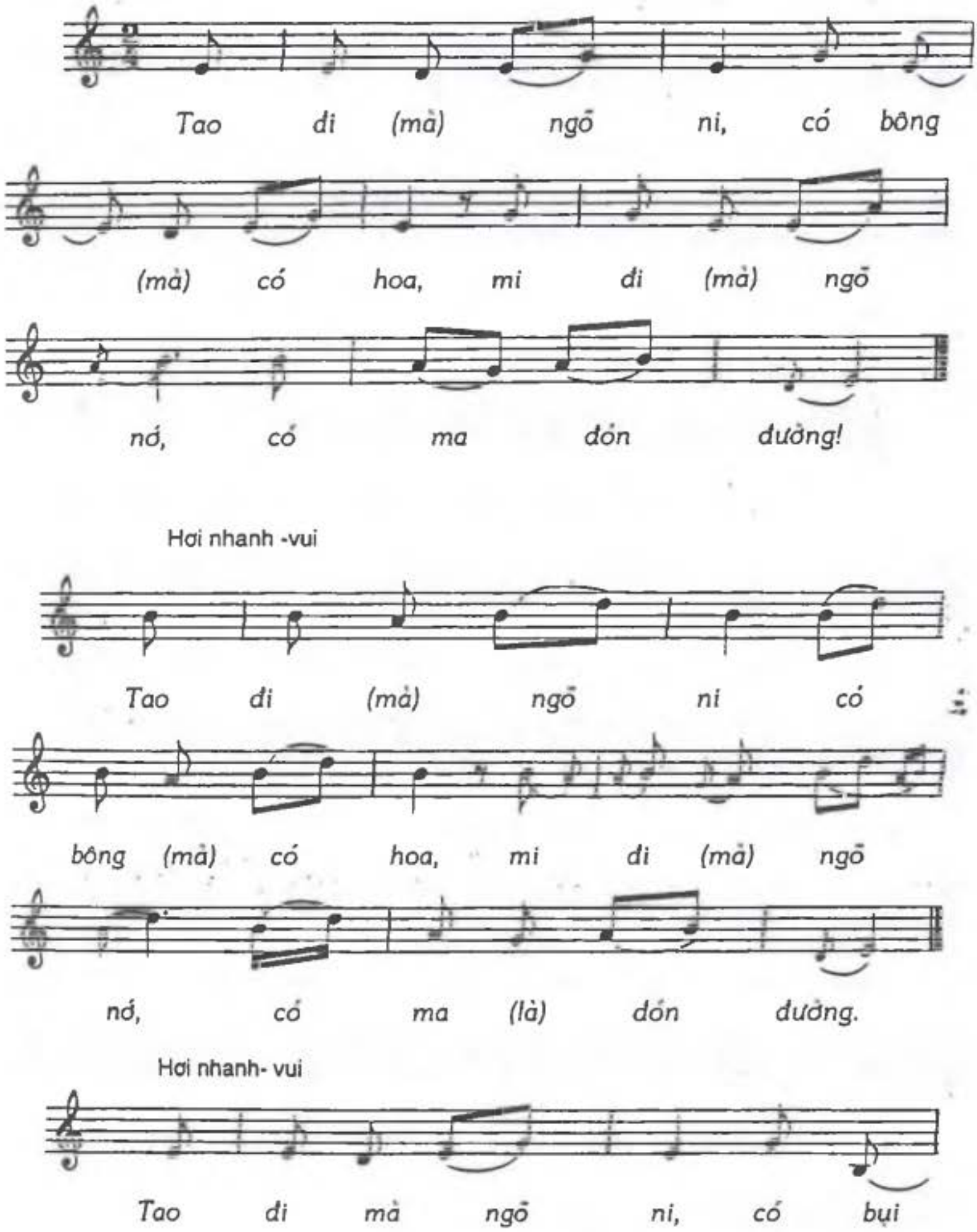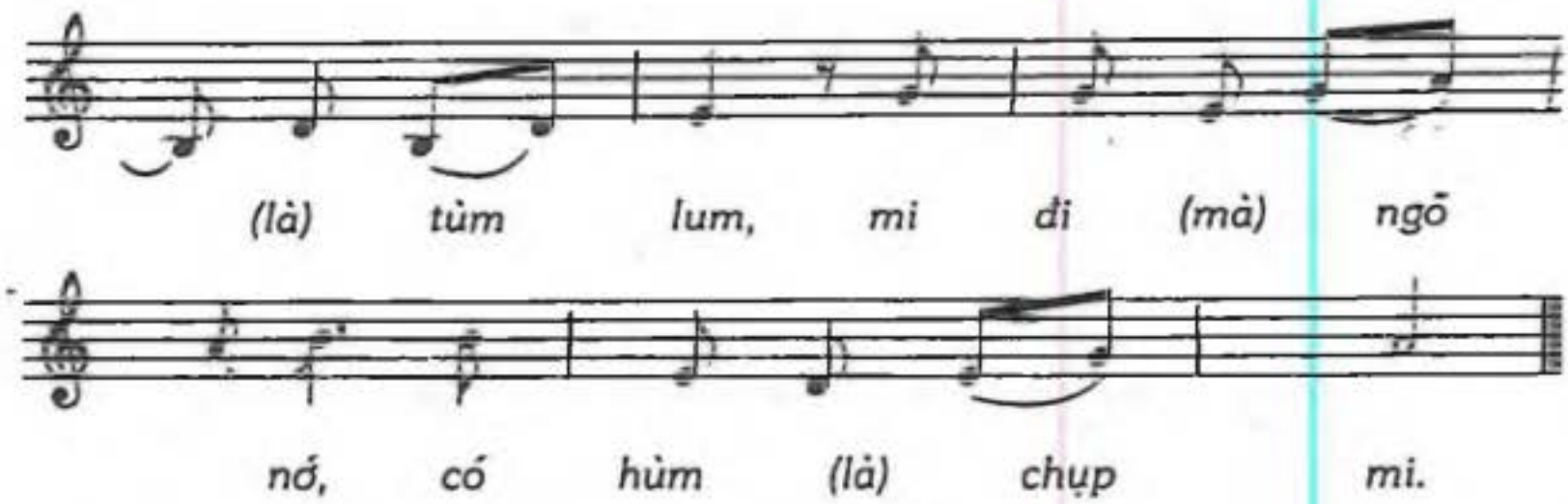
Hơi nhanh -vui
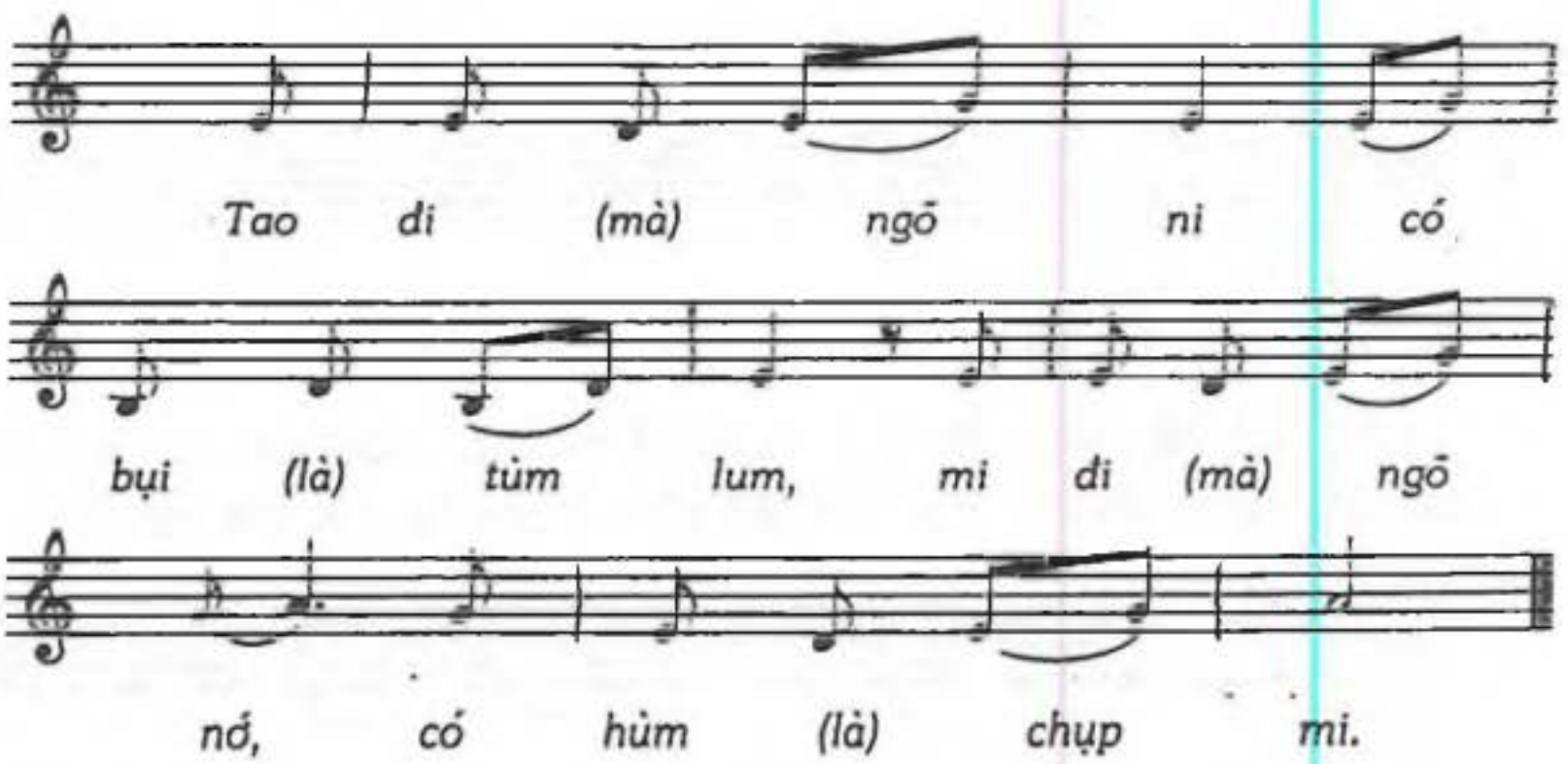
Trên đường đến trường có bạn nhà xa, đôi khi ra vẻ mệt mỏi, bực bội. Các em cùng hát trêu ghẹo:
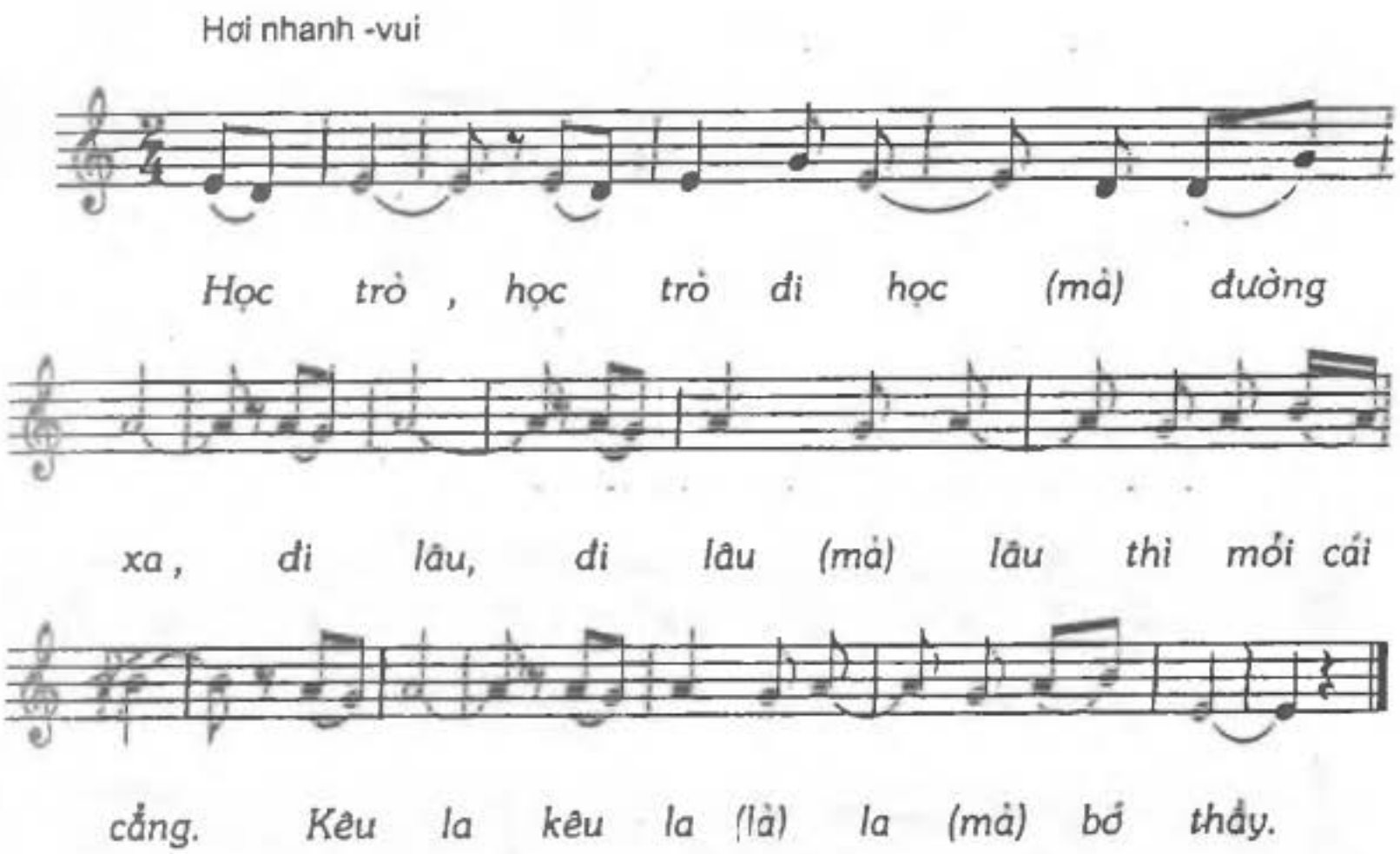
Đi học về, bếp nhà vẫn lạnh ngắt, đã thấy đói cồn cào, có em xấu chứng đói, nhăn nhó, iu xìu. Với nét nhạc trên đây, các em trêu bạn:
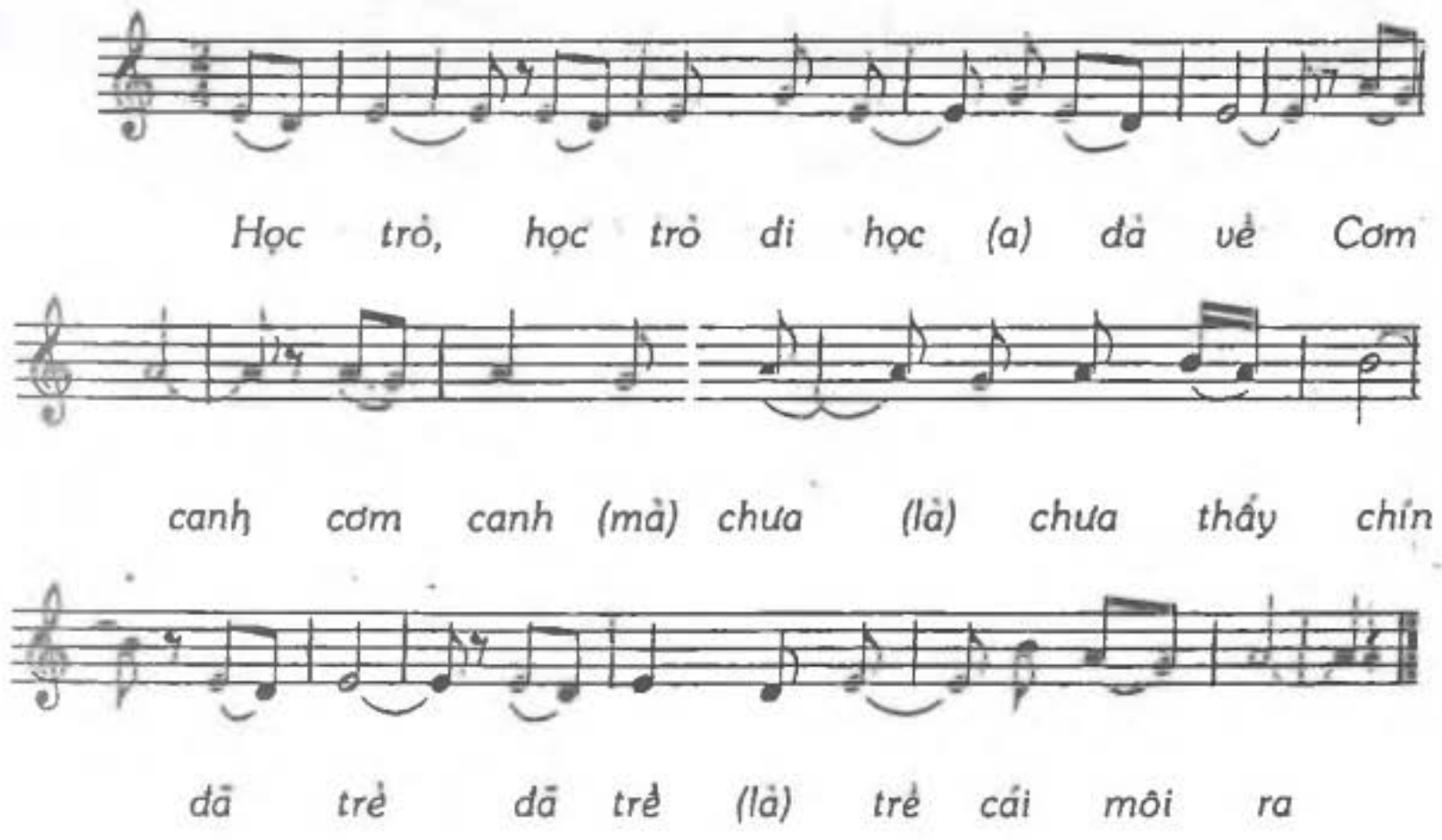
Trên bãi chăn trâu hoặc giữa sân trường, quây quần bên nhau, các em vui cùng hát:
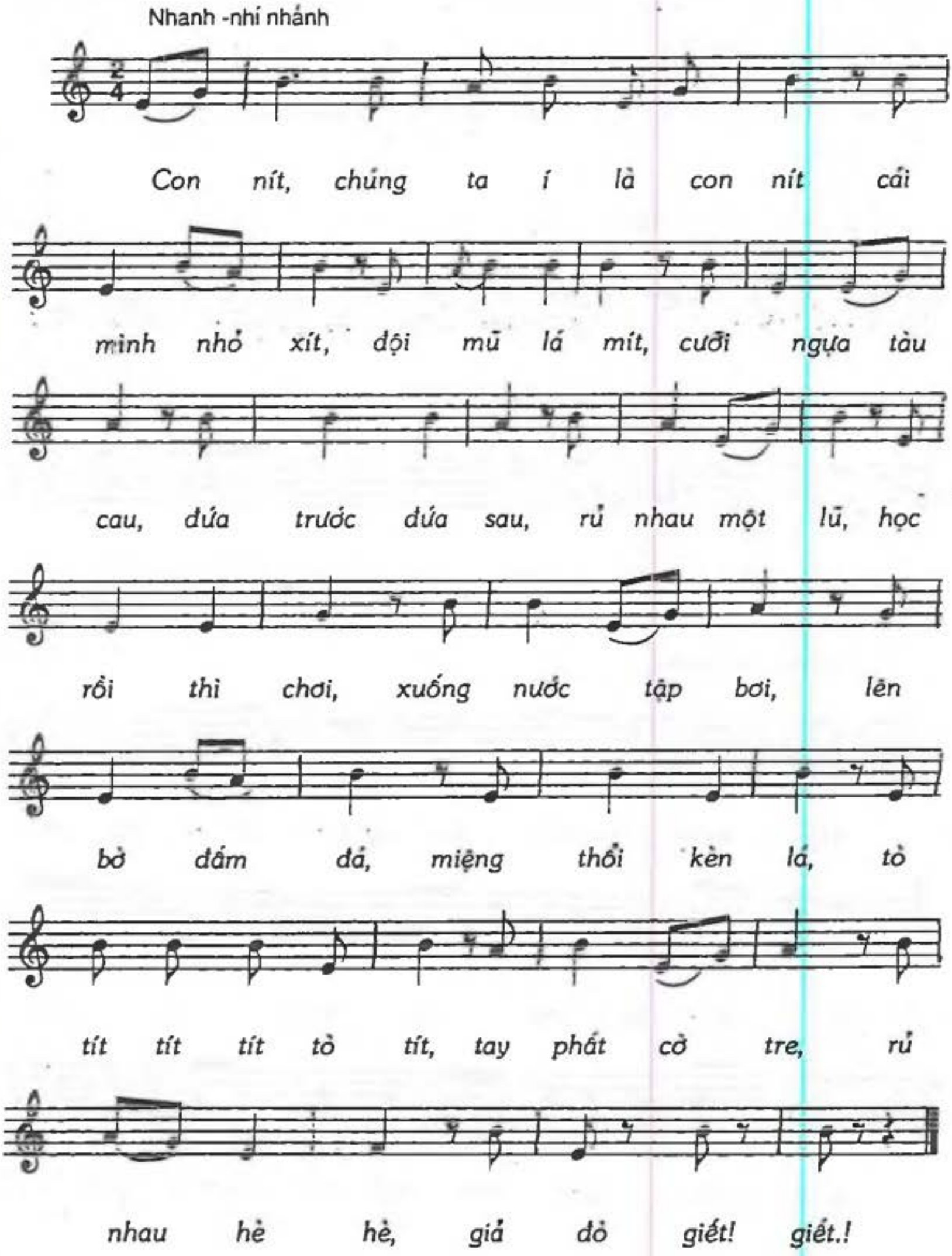
Thường là các em hát chơi bài này như dạng hoạt cảnh, với trang phục và đạo cụ đúng với đầu đội mũ lá mít, mình cưỡi ngựa tàu cau, rồi đứa trước đứa sau..., lập đội hình, chạy nhảy, làm cử điệu như hát bội.

Các em gái thích hát chơi bài *Đập chuồn chuồn* nhẹ nhàng.

Vừa phải - nhịp nhàng.

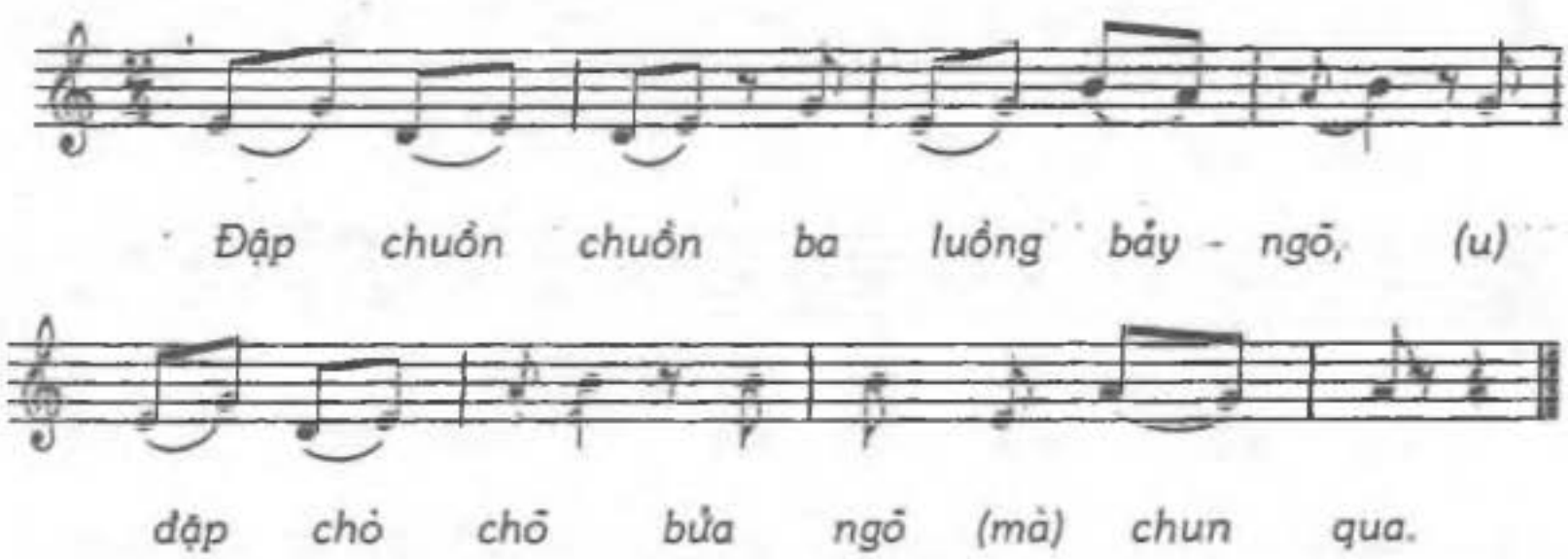

Vừa phải -nhịp nhàng.
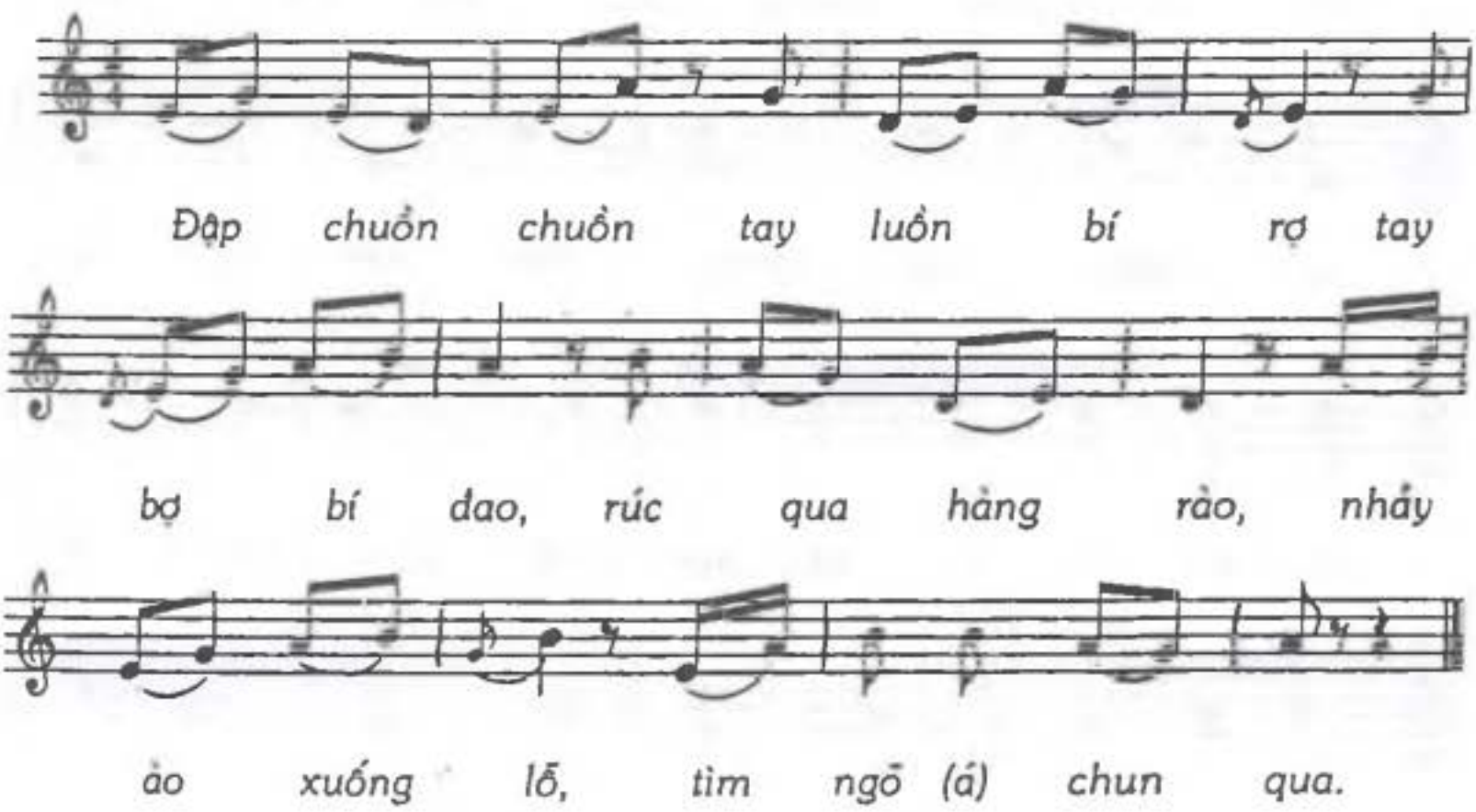
Uyển chuyển với cử điệu chân tay như một điệu múa. Các em thích hát - lối chơi rất đơn giản - chỉ có hai em. Phủi tóc bạn với hát nói:
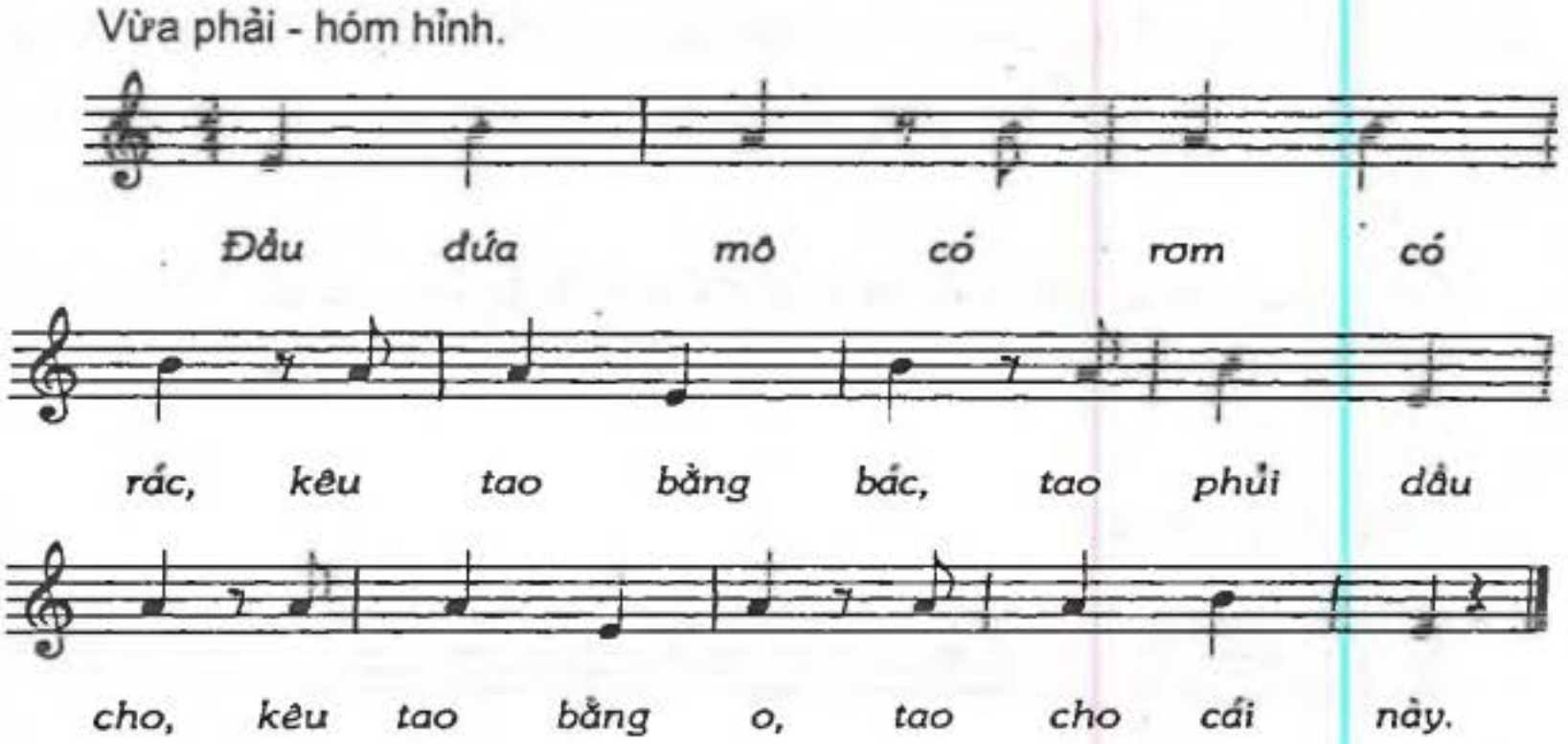
Các em có thể vừa vỗ tay, vừa nhảy tưng tưng theo câu hát, hát đi hát lại nhiều lần. Và "tao cho cái này", nghĩa là một quả thụi đáng yêu thực sự vào mạng sườn hoặc lưng bạn. Đôi khi, muốn hát chơi bài này, mà một em nào đó đã cố ý kín đáo cho một cọng rơm hay một chiếc lá lên đầu tóc bạn mình, để có thể một em hoặc cả nhóm nhảy vòng quanh bạn vô ý đó, như một trò chơi thú vị.

Tìm đến một số đồng dao (hát + chơi hoặc chơi + hát)

Trời đẹp, một buổi sáng ở đồng quê, các em vắt vẻo trên lưng trâu, dong chúng ra đồng. Đàn trâu được thả trên một bãi cỏ xanh mượt, mải mê gặm cỏ. Còn các em lúc này đã thảnh thơi, tụ tập nhau lại một góc bãi cỏ, chơi trò *Chưng cộ*(*).

(*) Nhà thơ Nam Trân (sinh 15-01-1907, tại Phú Thứ thượng, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Mất ngày 21-12-1967 tại Hà Nội), đã cho ghi giai điệu này, khi tôi ở Chi đoàn nhạc sĩ kháng chiến Liên khu V, vào tháng 9 năm 1953, đóng tại An Thường - Hoài Nhơn - Bình Định.
Dân ca Nam bộ gọi nhầm trò này là trò "Bắt kim thang". Đúng tên là "Bắc chưng thang". Xếp chồng người lên để bắc chưng cái thang.

Đồng dao *Dố dậy* kết hợp với trò chơi chung cộ, được sắp đặt như sau:

Một lớp ngồi ở dưới cầm tay nhau, xếp thành vòng tròn, rồi nhiều lớp nữa, cũng cầm tay nhau ngồi chồng lên lớp dưới cùng hô *"dố dậy"* tất cả đều đứng lên thành trụ cao, vừa đi vòng tròn, vừa hát.

Bài này có hai sắp lời, một sắp thiết thực nói về trẻ chăn trâu với mùa màng:
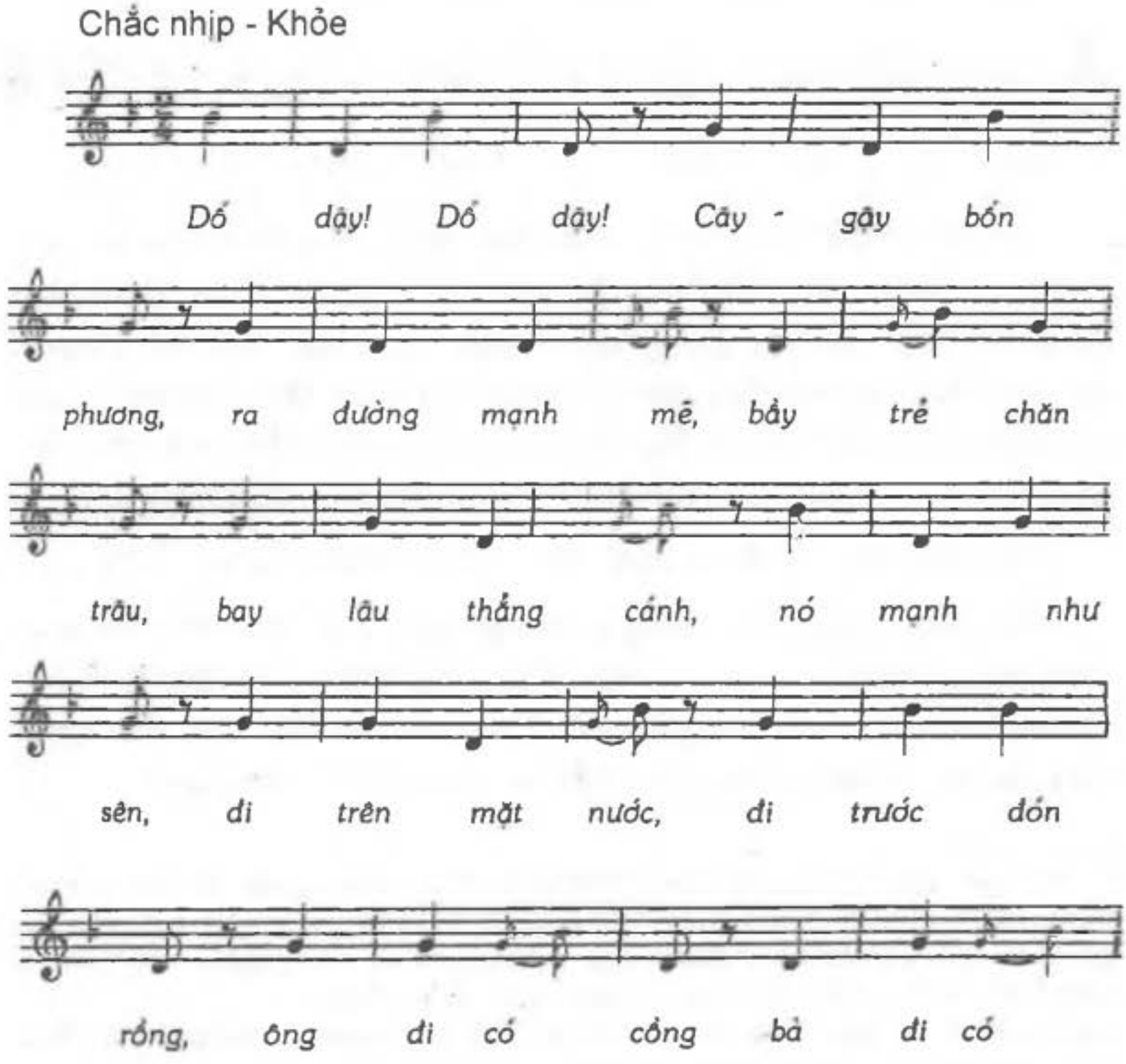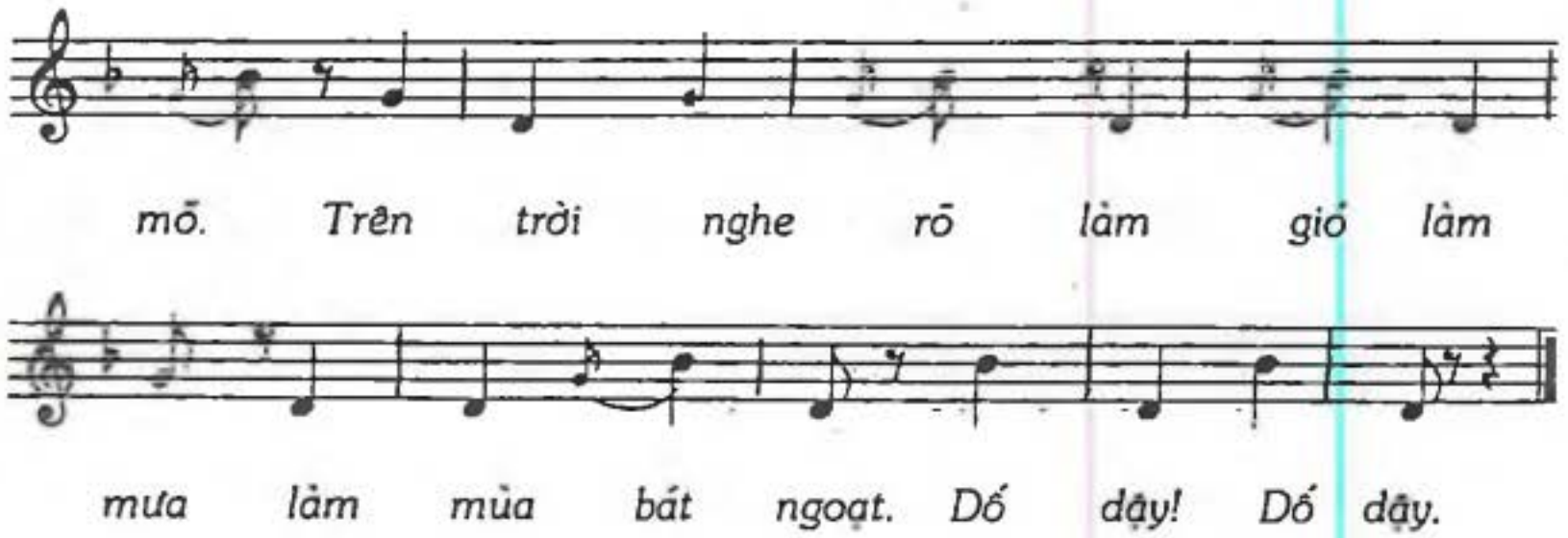
Một sắp kể những vật thường thức ở nông thôn:
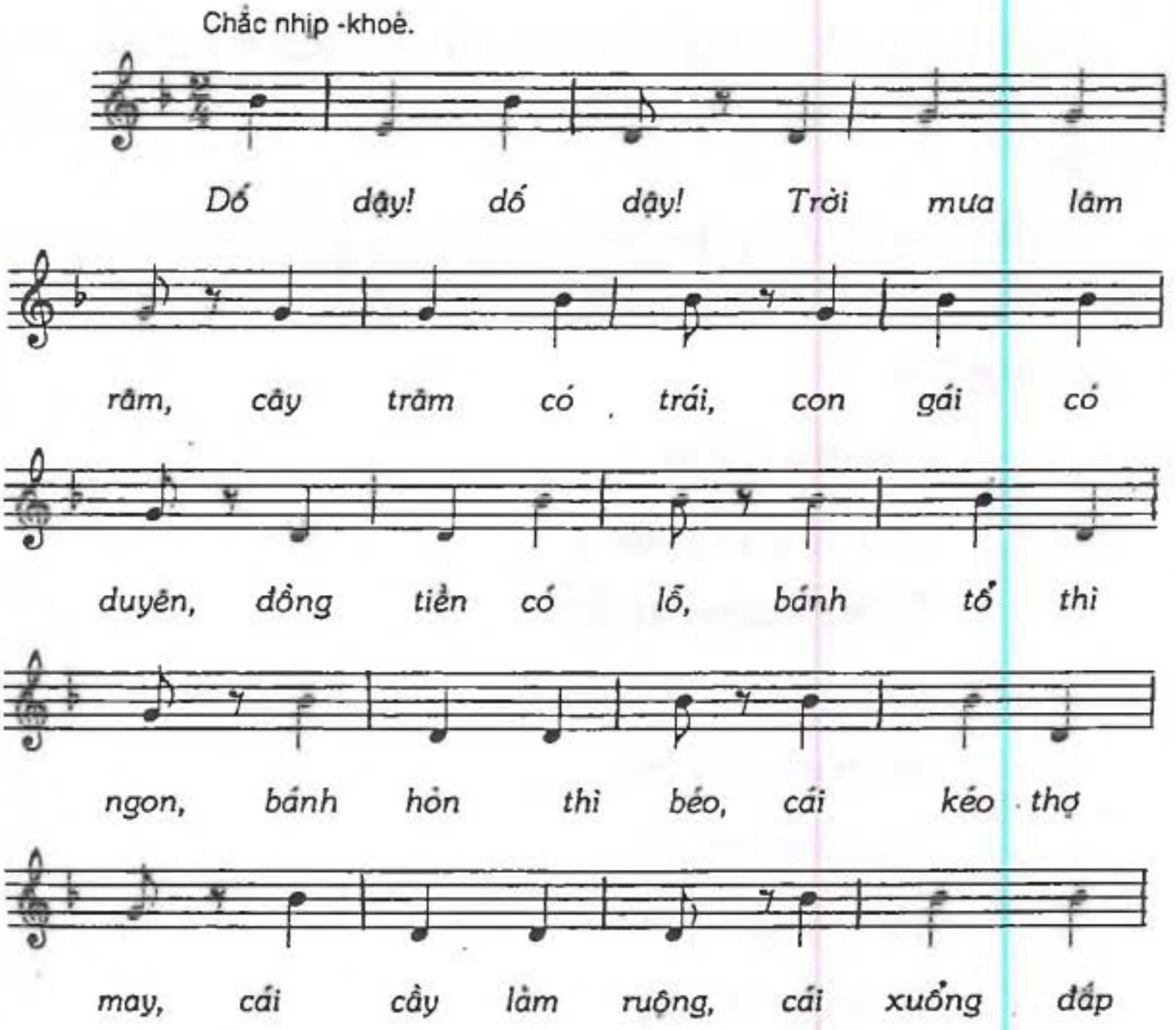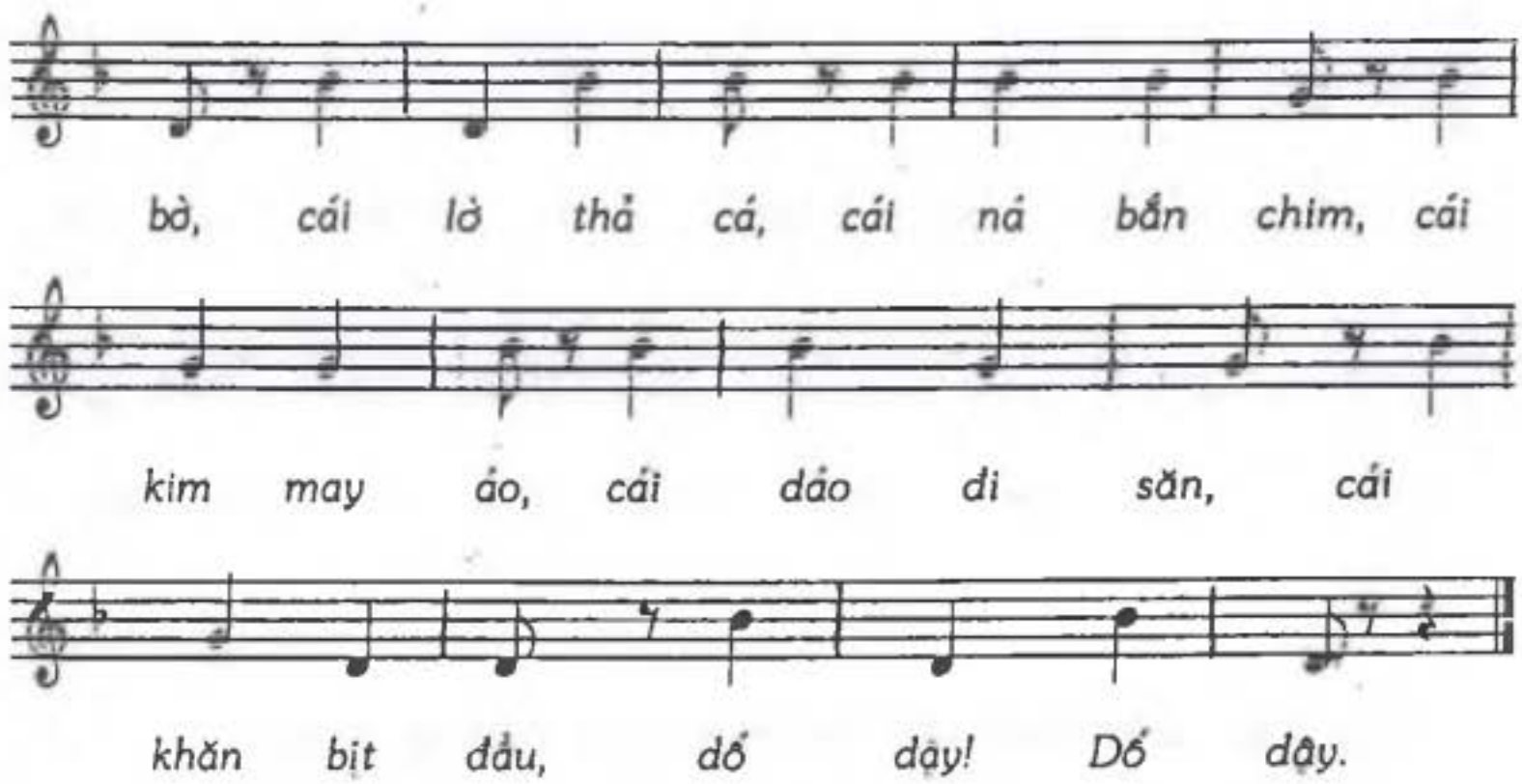
Hát hết sắp này trở lại sắp đầu, bắt vào *Bầy trẻ chăn trâu*, cứ như thế, vừa hát vừa quay tít vòng tròn cho đến khi nào cộ đổ.

Đôi khi, trong thôn xóm xảy ra một việc gì thì bài hát lại kéo dài thêm một khúc nữa, nối tiếp vào sắp ấy.

Chẳng hạn:

Cái cầu đi chợ
Con vợ thằng Bông
Thằng chồng mụ Bãi
Ỉa đái ngoài đình
Hương lý đi rình
Phạt hai con vịt
Đem về làm thịt
Ăn uống cả ngày

Cái mặt đỏ gay

Như là ăn ớt!

Đôi bạn gái thân mật hát *Tập tầm vông*(*). Có thể cả một nhóm chia thành hai tốp nhỏ hát theo hai nhân vật *chị* và *em*.
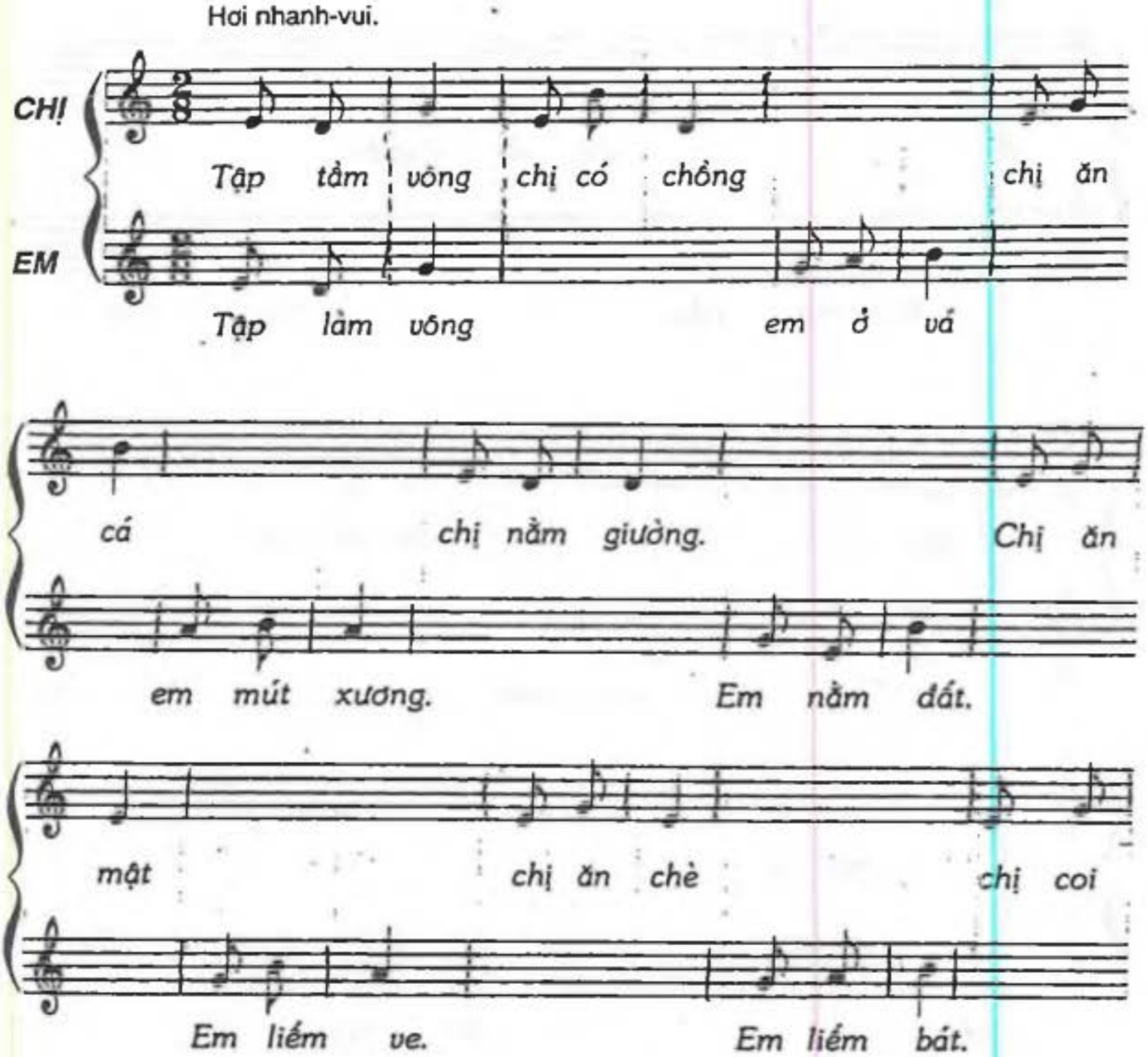
(*) Có tên khác ở nhiều nơi. Ở vá: góa chồng, Thâu: thu.

hát chị ăn mày. Chị làm

Em vỗ tay. Em xách bị.

đĩ chị đi thuyền

Em thâu tiền. Em đi bộ

chị đào lỗ chị giã hành

Em đánh tranh Em thêm

Chị đi tắm chị đi câu

mắm. Em gội đầu.
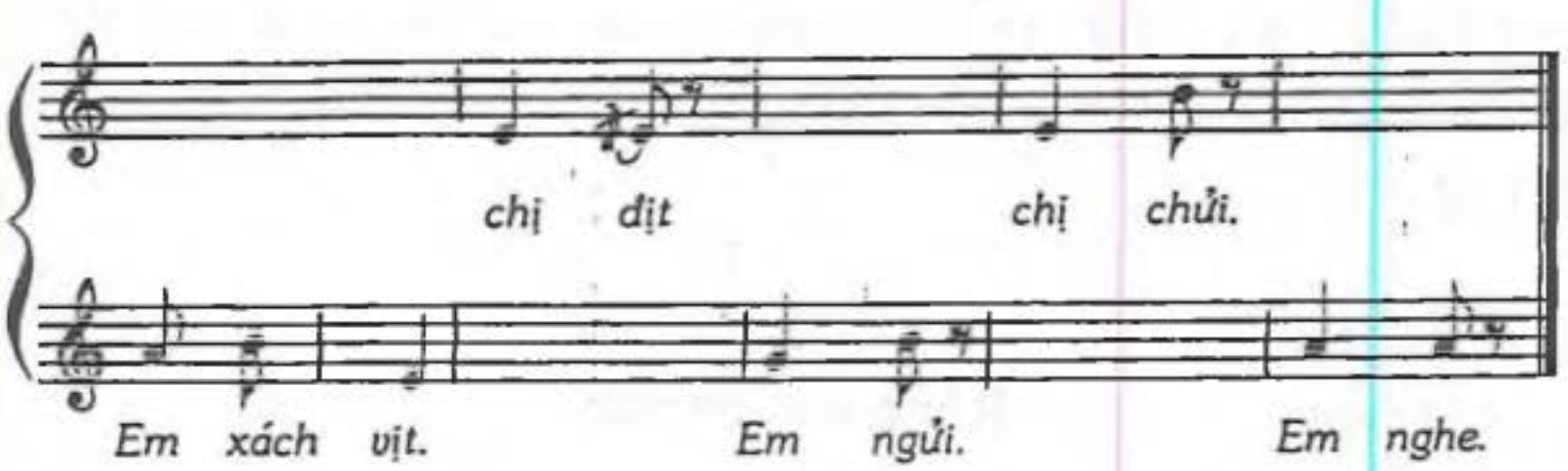
Tìm hiểu em bé quê ta thay đổi, thêm bớt gì cho đồng dao *Chào con rắn.* Thử so sánh từ ngữ và bố cục của bài hát trò chơi này, ở miền Bắc, vào Bình Trị Thiên, rồi nó tạm dừng trên đất Quảng.

1. Ở vùng đồng bằng và Trung du Bắc bộ, đồng dao *Rồng rắn lên mây* được trình diễn như sau:

Một nhóm em nối đuôi nhau (em này nắm đuôi áo em kia), vừa đi vòng quanh sân vừa hát:

Rồng rắn lên mây

Có cây núc nác

Có nhà điểm binh

- Thầy thuốc có nhà không?

Một em đứng riêng ra ở một góc sân làm ông thầy thuốc.

Cuối sắp hát, nhóm em này đến trước mặt thầy thuốc. Hai bên hỏi đáp xin thuốc.

Hỏi và đáp đến câu "Xin khúc đuôi - tha hồ thầy đuổi" thì nhóm em đi xin thuốc chụp, khéo léo và dũng cảm che

chở khúc đuôi. Thầy thuốc nhanh nhẹn luồn lách để tóm cho được em ở cuối. Đồng dao chấm dứt, khi thầy thuốc bắt được em đó.

Toàn bài hát là:

Các em:	- Rồng rắn lên mây
	Có cây núc nác
	Có nhà điểm binh
	- Thầy thuốc có nhà không?
Thầy thuốc:	- Đi xin thuốc cho ai?
Các em:	- Xin thuốc cho con
Thầy thuốc:	Con lên mấy?
Các em:	Con lên một
Thầy thuốc:	Không ngon!
Các em:	Lên hai
Thầy thuốc:	Không ngon!
Các em:	Lên ba
Thầy thuốc:	Không ngon!
Các em:	Lên bốn
Thầy thuốc:	Không ngon!
Các em:	Lên năm
Thầy thuốc:	Không ngon!

Các em: Lên sáu

Thầy thuốc: Không ngon!

Các em: Lên bảy

Thầy thuốc: Không ngon!

Các em: Lên tám

Thầy thuốc: Không ngon!

Các em: Lên chín

Thầy thuốc: Không ngon!

Các em: Lên mười

Thầy thuốc: Ngon vậy!

Xin khúc đầu

Các em: Những xương cùng xẩu!

Thầy thuốc: Xin khúc giữa

Các em: Những máu cùng me

Thầy thuốc: Xin khúc đuôi

Các em: Tha hồ thầy đuổi!

2. Ở Bình Trị Thiên, đồng dao *Vuốt râu hùm* được trình diễn như sau:

Các em nối đuôi nhau kéo đến gặp ông hùm

Ông hùm: Chào rắn đi đâu?

Các em: Vuốt râu ông hùm!

Ông hùm: Vuốt về làm chi?

Các em: Đem về làm thuốc

Ông hùm: Làm thuốc cho ai?

Các em: Làm thuốc cho con

Ông hùm: Con lên mấy?

Các em: Lên một

Ông hùm: Chưa nên!

(Hỏi và đáp cho đến) … … …

Các em: Con lên mười

Ông hùm: Đã nên! Cho xin một khúc!

Các em: Khúc đầu xương xóc!

Ông hùm: Cho xin khúc giữa

Các em: Khúc giữa máu me!

Ông hùm: Cho xin khúc đuôi

Các em: Khúc đuôi xuôi ngược! Ai làm nấy ăn!

3. Đồng dao này trên đất Quảng có nhiều biến dạng, chỉ chọn bài sau đây:

Các em nối đuôi nhau đi vòng vèo tìm thầy thuốc.

Thầy thuốc: Chào rắn đi đâu?

Các em: Vuốt râu ông thầy!

Thầy thuốc: Về làm chi?

Các em: Làm thuốc cho con

Thầy thuốc: Con lên mấy

Các em: Con lên một

Thầy thuốc: Chưa ngon!

(Hỏi và đáp cho đến) … … …

Các em: Con lên mười

Thầy thuốc: Đà ngon! Bớ chú lái đò!

Các em: Tôi có đây!

Thầy thuốc: Cho xin chút lửa

Các em: Lửa tắt

Thầy thuốc: Cho xin thùng quẹt!

Các em: Thùng quẹt chưa mua

Thầy thuốc: Cho xin càng cua

Các em: Cua kẹp!

Thầy thuốc: Cho xin cái nẹp!

Các em: Nẹp gãy!

Thầy thuốc: Cho xin cái đãy

Các em: Đãy ăn trầu!

Thầy thuốc: Cho xin cái đầu

Các em: Đầu cứng!

Thầy thuốc: Cho xin khúc giữa

Các em: Giữa toàn xương!

Thầy thuốc: Cho xin khúc đuôi

Các em: Đuôi mềm! Bắt được thì ăn!

Căn cứ vào ngữ âm tiếng Việt và dựa vào ba nhóm thanh điệu của tiếng Việt: thanh điệu cao, thanh điệu thấp và thanh điệu trung gian.

Nốt ghi trên dòng kẻ thuộc thanh điệu cao (dấu sắc, dấu ngã, dấu hỏi)(*), nốt ghi giữa dòng kẻ thuộc thanh điệu trung gian (không dấu), nốt ghi dưới dòng kẻ thuộc thanh điệu thấp (dấu nặng, dấu huyền).

Thử ghi âm điệu hát nói và tiết tấu đồng dao hát chơi này theo sơ đồ sau:

(*) Ở miền Bắc, *dấu hỏi* thuộc thanh điệu thấp. Từ Quảng Nam trở vào, ký âm dân ca, thấy *dấu hỏi* thuộc thanh điệu cao.

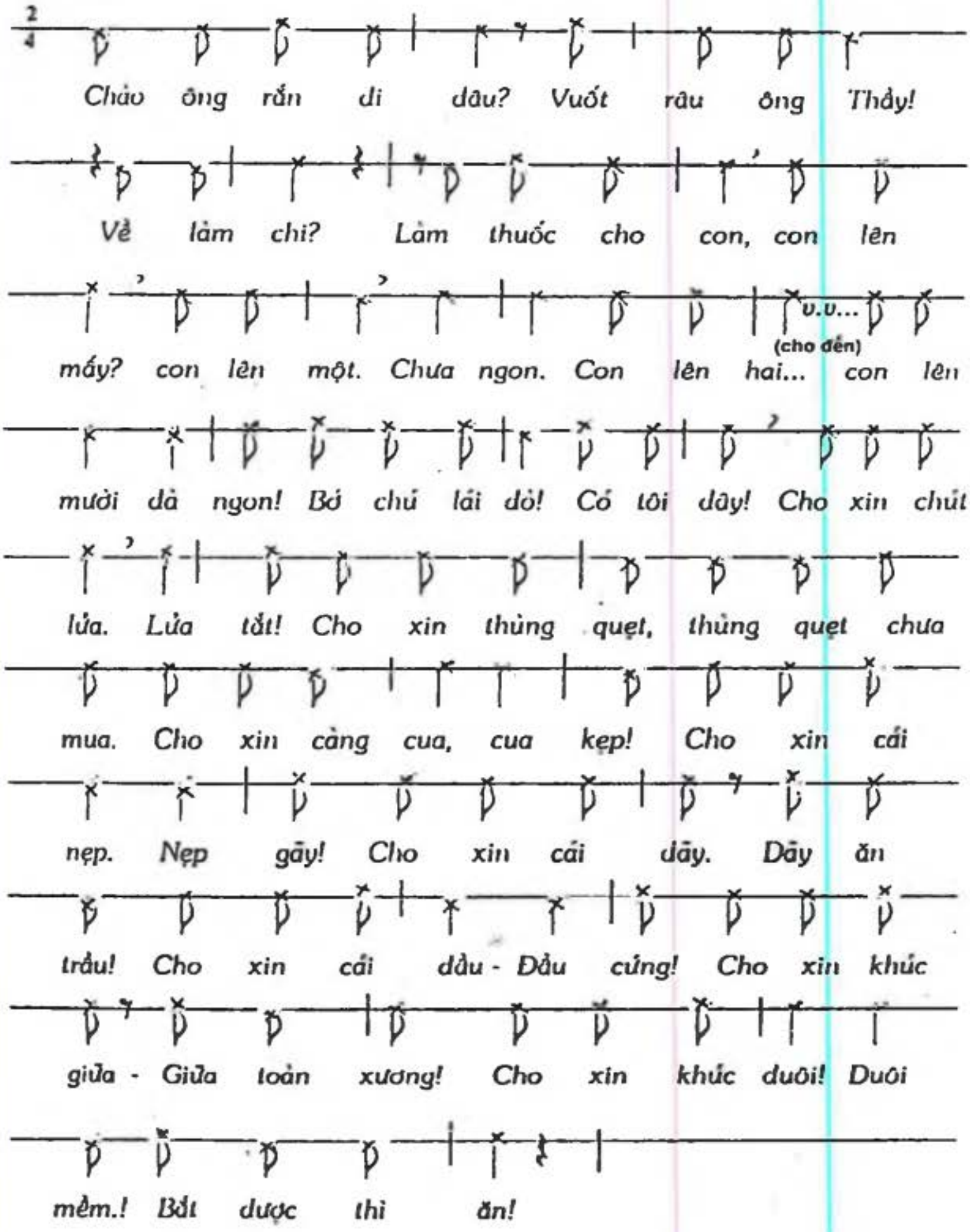
Chào ông rắn đi đâu? Vuốt râu ông Thầy!
Về làm chi? Làm thuốc cho con, con lên
mấy? con lên một. Chưa ngon. Con lên hai... con lên
(cho đến)
mười dà ngon! Bớ chú lái đò! Có tôi đây! Cho xin chút
lửa. Lửa tắt! Cho xin thùng quẹt, thùng quẹt chưa
mua. Cho xin càng cua, cua kẹp! Cho xin cái
nẹp. Nẹp gãy! Cho xin cái dây. Dây ăn
trầu! Cho xin cái dầu - Đầu cứng! Cho xin khúc
giữa - Giữa toàn xương! Cho xin khúc đuôi! Đuôi
mềm.! Bắt được thì ăn!

Đồng dao có những đặc điểm sau đây(*):

1. Bài hát gắn liền với một trò chơi, một lối chơi nhất định

Sinh hoạt vui chơi là môi trường của trẻ em. Trong dạng sinh hoạt tổng hợp chơi - hát - học - vui, đồng dao luôn gắn với trò chơi, các lối chơi. Chỉ thông qua các trò chơi, đồng dao mới có điều kiện phổ biến và lưu truyền.

Nhưng ngay trong sinh hoạt vui chơi ấy của các em, chúng ta vẫn thấy hiện lên cái bản chất xã hội của nó. Nói cách khác, mỗi đồng dao (bài hát - trò chơi) của các em đều nhằm mục đích rèn luyện và giáo dục các em trở thành những thành viên xã hội thực sự trong tương lai.

Chào con rắn nhằm giáo dục những ý thức rèn luyện thể lực, đùm bọc, bảo vệ lẫn nhau, giữa những người cùng gia đình, cùng chòm xóm.

Ma gia đuổi bắt, Dố dậy rèn luyện thể lực và tính nhanh nhẹn, trí thông minh.

Đánh nẻ, Đập chuồn chuồn, Con nít - con nít, là những bài học đếm, bài học miêu tả những vật thường thức, rèn luyện sự lanh tay, tinh mắt, rèn luyện thể lực nhẹ nhàng. Nội dung đồng dao giáo dục lòng thương yêu con vật gắn bó với cuộc sống của thế giới trẻ thơ: con dế, con cào cào, con ve ve; những gia súc gần gũi: con bê, con nghé, con gà, con chó v.v..., lòng bác ái trong con người Việt Nam.

(*) Tất nhiên đồng dao Quảng Nam cũng mang những đặc điểm chung của đồng dao. Từ *"Tìm hiểu những bài hát trẻ em"* - Tú Ngọc - Tạp chí *Nghiên cứu nghệ thuật* số 5 - 1974 - Bộ Văn Hóa xuất bản, Hà Nội.

2. Bài hát bao giờ cũng được cấu trúc nhịp điệu theo kiểu chu kỳ

Mỗi bài hát phải tồn tại dưới dạng một trò chơi, một lối chơi nhất định mà thường là do có nhiều người chơi nên đòi hỏi có sự hợp đồng và tính tổ chức.

So với sự lãnh hội tiếp thụ âm điệu, trẻ em tiếp thụ nhịp điệu nhanh nhất. Những sự tiếp thụ nhịp điệu đối với trẻ em cũng có giới hạn, tính chu kỳ là một phương thức dễ tiếp thụ, dễ củng cố trong ý thức của các em và nó có khả năng giảm bớt cái phức tạp.

Ta gặp ở đồng dao hai loại nhịp điệu: *chu kỳ đơn* và *chu kỳ phức.*

a. Loại có cấu trúc *chu kỳ đơn* chỉ có một dạng nhịp điệu thuần nhất (dù chúng thuộc thể bài hát thơ nào).

Sơ đồ nhịp điệu đồng dao *Dố dậy* gồm 4 âm tiết một câu:

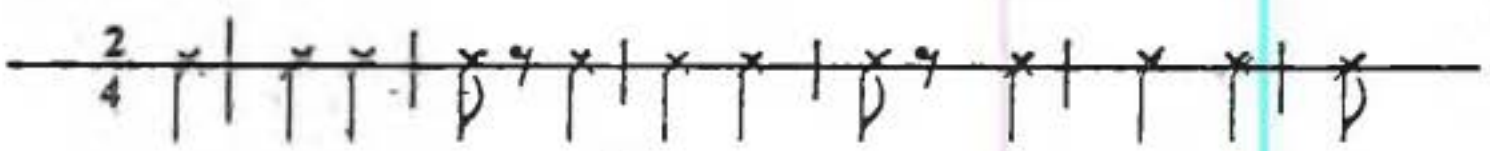

Sơ đồ nhịp điệu đồng dao *Đập chuồn chuồn* gồm 7 âm tiết một câu:

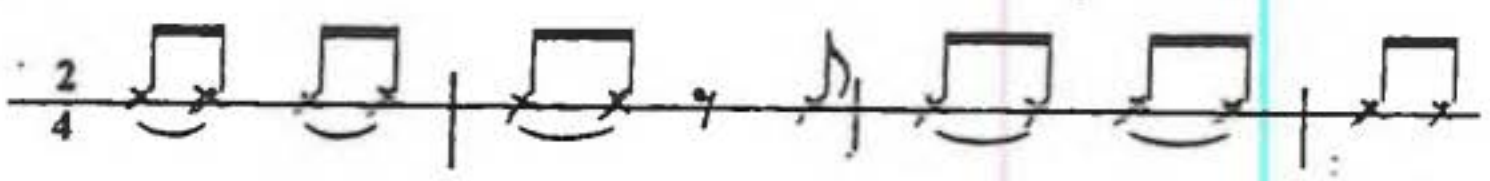

b. Loại có cấu trúc *chu kỳ phức* có nhiều dạng (thường là hai) nhịp điệu kết hợp.

Ở đồng dao *Đúc cây dừa* là sự kết hợp luân phiên giữa hai dạng 3 âm tiết và hai âm tiết:

Đúc cây dừa

Chừa cây mận

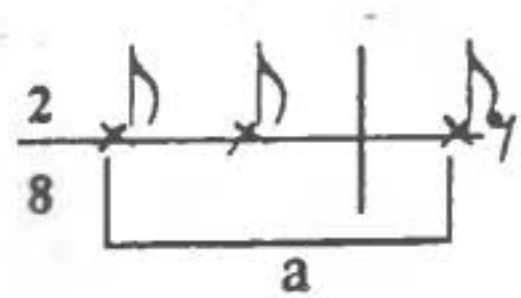

Cây lận khẩn

Cây bí đao

Cây nào cao

Cây nào thấp

Cây nào dập

Cây nào rời

Mồng tơi

Chín đỏ

Một bầy

Trẻ nhỏ

Ăn cắp

Trứng gà

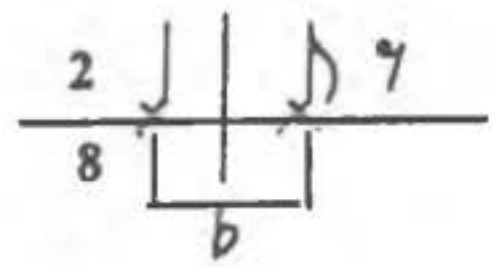

Bồ xít

Bồ xoa

Thì ra

Cây này

Đồng dao *Đánh nẻ* cho thấy sự kết hợp xen kẽ và luân phiên các dạng nhịp điệu sau đây:

Biến thể 1

Chuyền chuyền một một đôi
Chuyền chuyền hai hai đôi
... ...

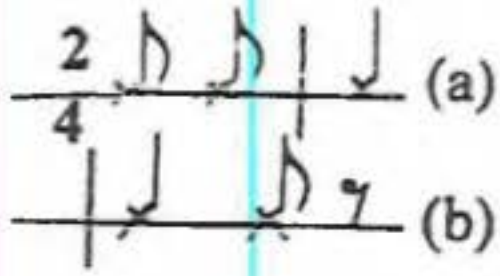

Qua cầu
Lăn sỏi
Chuối đỏ
Chó đuổi
như ma
hùm tha
Mây bắt
Bắt con cá
chặt đầu đuôi

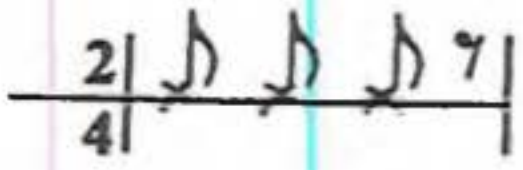

Biến thể 2

Chuyền chuyền một một đôi
Chuyền chuyền hai hai đôi
... ...

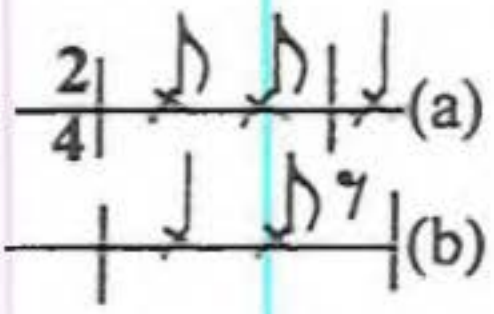

Lên chuyền
xuống nẻ
khẻ chưn

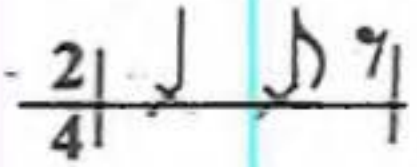

sưng giò

co cẳng

lẳng cùi

Lùi miếng thịt

xít chân ra và 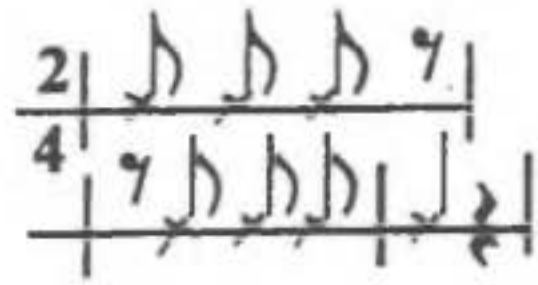

ăn ba ván nẻ

Quá trình vận động của đồng dao này bao giờ cũng có mở đầu, phát triển, kết thúc. Có đồng dao như mang trong nó cốt truyện, có trò diễn, do có tích mà dịch nên tuồng.

Với vai trò khán giả theo dõi các em hát chơi, như trình diễn tiết mục ca múa (hát kết hợp múa nhảy nhẹ), ta thấy những đồng dao này đều có sắp mở - sắp phát triển - sắp cao trào để chấm dứt. Có đồng dao mang tính kịch rõ rệt, do đó, không đơn điệu mà lôi cuốn, hấp dẫn. Tình huống, sự kiện, sự biến nối tiếp, dồn dập...

Chẳng hạn, với đồng dao *Chào con rắn:*

Ở đây có hai nhân vật: thầy thuốc và nhóm xin thuốc

Ngay mở đầu đã bắt đầu xung đột

Thầy thuốc: (triu mến và mềm mại) Chào rắn đi đâu?

Các em: (chào bằng cách khiêu khích) Vuốt râu ông thầy!

Vào sắp giữa, thầy thuốc đòi hỏi. Nhóm xin thuốc nhanh nhẩu trả lời, đùa giỡn.

Tưởng rằng đã ổn khi nhóm xin thuốc báo "Con lên mười", thầy thuốc bằng lòng "đã ngon". Nhưng thầy còn đòi hỏi:

- Bớ chú lái đò

- Có tôi đây

- Cho xin chút lửa

Nhóm xin thuốc vẫn trêu tức:

- Lửa tắt

... ...

Cứ thế, xung đột và mâu thuẫn dồn nén, cuộc đối đáp thêm căng thẳng và không nhân nhượng, cho đến cao trào thì nhóm xin thuốc trả lời kiêu hãnh:

- Đuôi mềm, bắt được thì ăn!

Đồng dao kịch hát - trò chơi chấm dứt khi thầy thuốc tóm được đuôi rắn.

Còn ở đồng dao *Tập tầm vông,* tính kịch nổi bật lên, với hai nhân vật là *chị* và *em,* kể lể đối đáp nhau chan chát về số phận trớ trêu - người thì sung sướng, người thì khốn nạn... đến nỗi cái bi hài kịch ấy hầu như không kết thúc, nếu đồng dao cứ kéo dài[1]

Cùng với nhịp điệu là phương tiện chủ yếu để tạo cao trào, ta còn gặp những phương tiện khác. Gọi là phương tiện nhưng nhiều khi cao trào được cấu tạo lệ thuộc vào tình cảm của các em và sự hăng say trong lúc hát - chơi - vui, khi hát nhanh lên, có khi đạp nhịp[2], có khi rút ngắn hoặc có khi mở rộng giai điệu.

---

[1] Đọc thêm *Con kỳ nhông* và *Tao đố bay.*

[2] Bỏ qua nhịp không cần theo đúng.

Các em đã cấu tạo cao trào bằng:

- Bằng cách kết hợp giữa độ dài và độ mạnh ở chỗ chấm dứt đồng dao.

- Bằng cách mở rộng nhịp điệu của câu cuối, do đó, làm cho câu hát mất tính chu kỳ thông thường.

- Bằng cách thay đổi độ nhanh: bài hát chơi từ độ dụng của trò chơi nhanh, vừa phải, chuyển hóa và chấm dứt ở độ nhanh "rối loạn".

1. Đồng dao thường dựa trên thanh điệu tiếng nói

Trong nhiều bài hát, giai điệu chỉ là sự cách điệu tiếng nói ở một mức độ nhất định.

Sự tự sáng tạo, sự nhanh chóng "đặt và bẻ vần", giúp các em rèn luyện, trau dồi tiếng mẹ đẻ.

Từ những *Dỗ chim sáo ăn mồi, Gọi nghé yêu thương* trìu mến, *Chọn ngõ, Phủi tóc bạn* nghịch ngợm, hóm hỉnh và *Chào con rắn, Tập tầm vông...* đầy kịch tính..., các em đã sử dụng giọng nói thích hợp cho từng tình huống, độ mạnh nhẹ, màu sắc giọng nói thích hợp với thái độ, cảm xúc phong cách phù hợp với từng tính cách nhân vật.

Ký âm những đồng dao có giai điệu hoàn chỉnh, chúng đều có tầm âm hẹp (quãng *bốn đúng* hoặc quãng *năm đúng - Gọi nghé, Con nít con nít, Học trò đi học đường xa v.v...*)

Về âm nhạc, về cơ bản, đồng dao thuộc loại *hát nói.*

Một số đồng dao có tầm âm mở rộng. *(Dỗ chim sáo ăn mồi, Chọn ngõ, Dố dậy v.v...).* Điều này chứng minh rằng, theo với lứa tuổi, với trình độ tư duy nhận thức và phương pháp thể hiện, đồng dao giảm dần tính chất *"nói"*, bằng tính âm nhạc - *"Giai*

điệu nói" - từ chỗ *"hát nói thơ"*, dần dần từng bước, *"bẻ làn nắn điệu"* đi đến sáng tạo giai điệu.

Từ những năm 40, khi bắt đầu có bài hát cho thiếu nhi[1], đã chuyển sang một giai đoạn đổi mới đồng dao cổ truyền.

Đồng dao cổ truyền bao giờ cũng mang tải một cơ chế âm nhạc *đậm màu sắc dân tộc.* Chúng được truyền dạy cho trẻ em với tư cách như một bộ "mã di truyền" của âm nhạc dân tộc. Cha ông ta đã tỏ ra rất sáng suốt giao tâm hồn âm nhạc dân tộc cho thế hệ mới, đúng vào lúc tâm hồn và trí tuệ chúng còn trắng tinh như tờ giấy mới. Cơ chế này lại được đưa vào một kết cấu phức hợp, với các yếu tố cũng mang bản sắc dân tộc, như trò chơi, trò vui, đố học, khiến cho trẻ em rất thích thú, và lại còn dành cơ hội cho trẻ, kích thích chúng sáng tạo thêm. Trong xã hội xưa, đồng dao là bài học vỡ lòng về âm nhạc: vỡ lòng với ý nghĩa là bài học đầu tiên trong cuộc đời. Nhưng, đó cũng là *những bài tập sáng tạo về âm nhạc đầu tiên.* Từ buổi sơ sinh đến lúc lên ba, lên năm, trẻ em chỉ được tiếp thụ âm nhạc dân tộc một cách thụ động qua *hát ru* của người lớn. Chỉ với đồng dao, trẻ em mới bắt đầu tự mình ca hát, chơi vui và sáng tạo[2].

Ở những phần nối tiếp sau đây, tôi giới thiệu một số đồng dao.

Bài *Ma da đuổi bắt*

Mở đầu hát chơi, các em đứng tụ lại, cùng hát chọn bạn làm ma da[3].

---

[1] Những bài hát *Kim đồng, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh, Đội ca thiếu niên tiền phong v.v...* của Phong Nhã.

[2] Theo Lê Thảo "Âm nhạc cho thiếu nhi nhìn từ góc độ xã hội học" - Tạp chí Âm nhạc số 22 (3-1983) - Hà Nội.

[3] Giai điệu cho thấy các em thiếu nhi tiếp thụ chất liệu *nói vè,* hoặc chút ít ca nhạc tài tử (từ những năm 40).

Ma da đuổi bắt
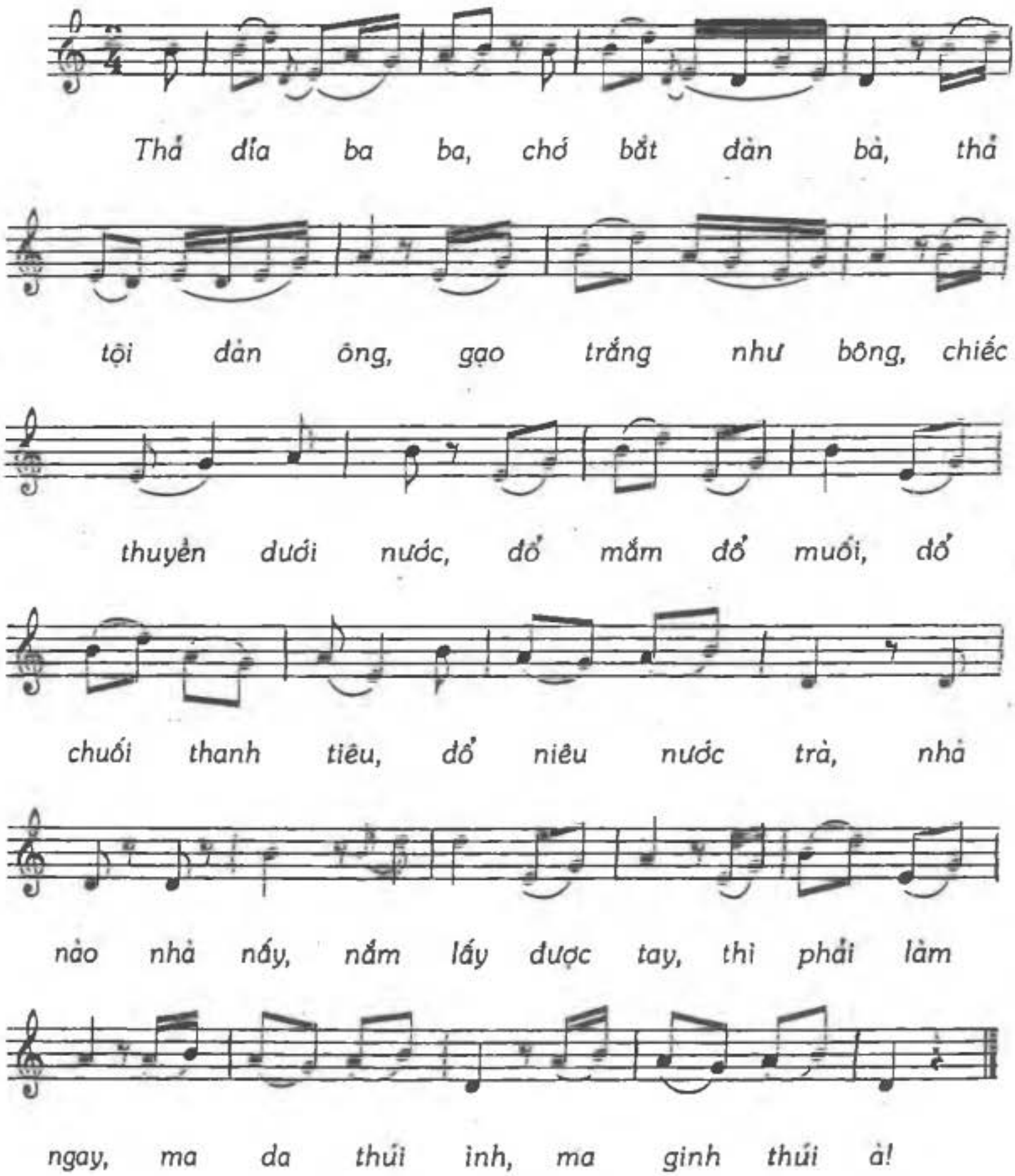
Một em xòe bàn tay ra. Các em khác, mỗi em đặt một ngón tay vào lòng bàn tay bạn vừa hát theo nhịp một (1/4), với độ nhanh dồn dập hoặc nhịp 2/4, với giai điệu chài chuốt, vừa đề phòng bạn nắm ngón tay mình. Đến "thúi à", bạn kia nắm bàn tay lại. Em nào bị tóm ngón tay thì phải làm ma da, lội ra giữa sông bắt người. Số em còn lại, chia sang hai bên bờ sông, bơi lội qua lại nơi được ước lệ là khúc sông. Ai bị ma da bắt, phải thay thế làm ma da.

Chơi được một lát, các em lại quây quần hát chọn lại ma da mới.

Các em ngồi quây vòng tròn. Ngay giữa các em cắm một chiếc cọc nhỏ làm trụ để trồng xen kẽ các nắm tay của từng em lên đấy. Rồi các em hát đồng dao *Đúc cây dừa*:

Đúc cây dừa
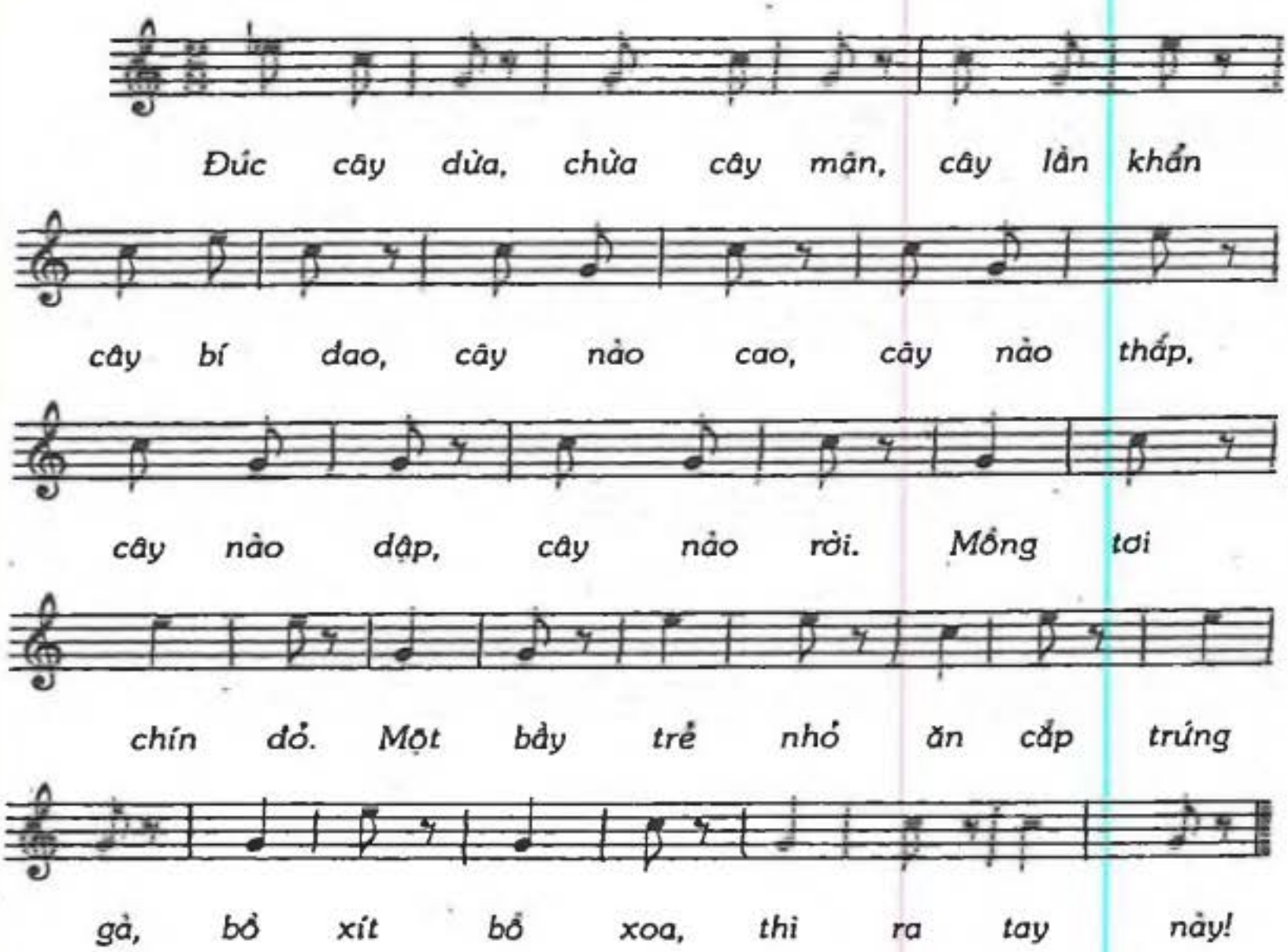
Vừa hát từng câu, em đầu trò chỉ vào từng nắm tay theo thứ tự từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên. Đến câu cuối cùng, *thì ra tay này.* Từ *này* trúng vào em nào thì em đó phải chịu bịt mắt. Các em kia đi trốn. Em này được mở mắt đi tìm các bạn. Sau một khoảng thời gian đã được qui ước, nếu không tìm thấy bạn, là em này bị phạt. Em phải làm ngựa cho bạn cưỡi từ chỗ trốn đến cây cọc.

Trò chơi tiếp tục.
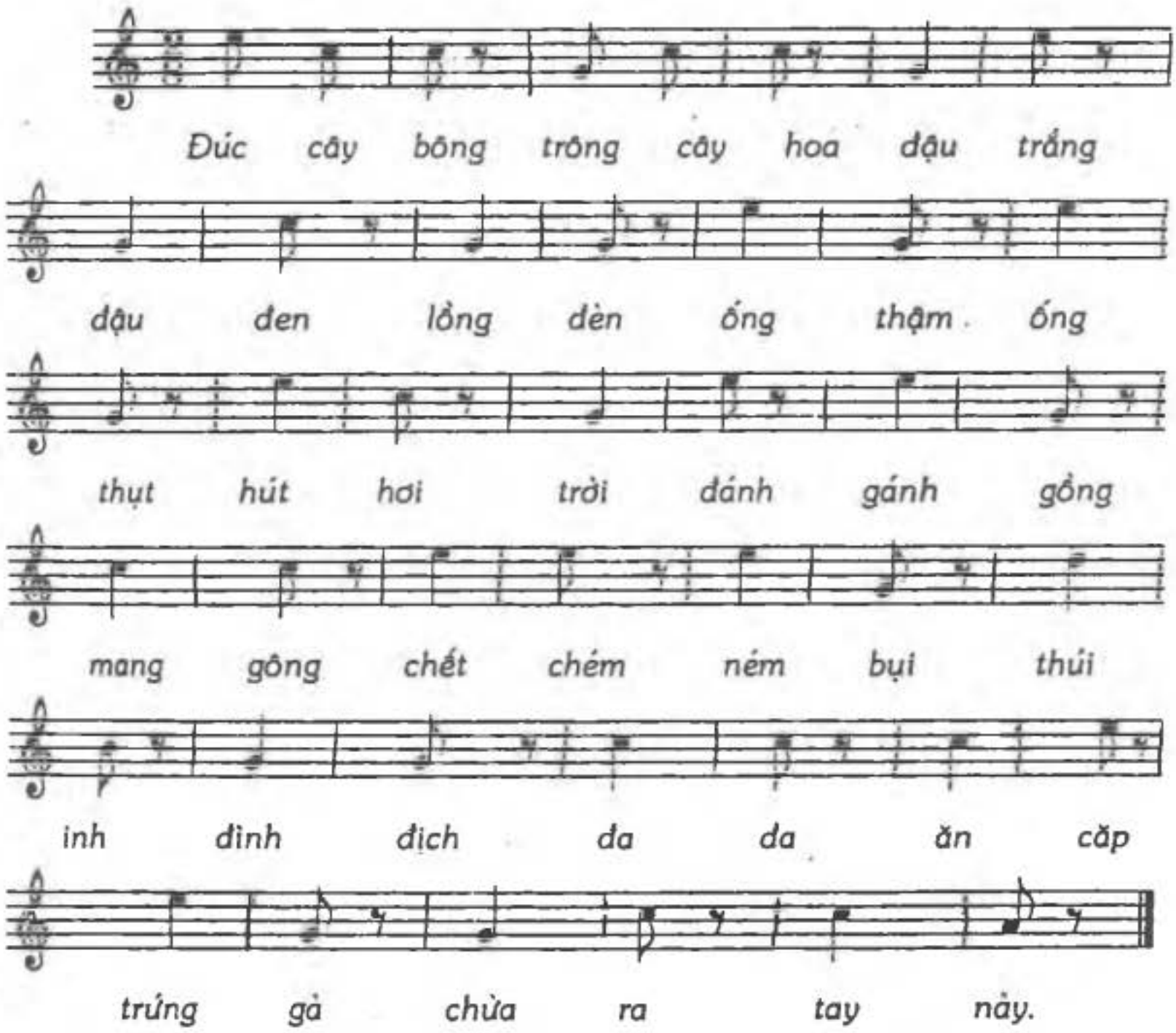
Bài hát với hai sắp, chứng tỏ các em khéo léo tìm tòi thay đổi tiết tấu gắn với nhịp độ dẫn dắt đến cao trào chấm dứt trò chơi: 8 nhóm 3 từ - 5 nhóm 4 từ - 2 nhóm 3 từ - 18 nhóm 2 từ.

HU HU! VE VE!

Mùa hè. Ở rừng, nhận ra khu nào lắm ve, tối đến các em rủ nhau đi bắt ve ve, rang ăn.

Đợi thiệt tối, lũ trẻ nhóm một đống lá khô, châm lửa, xúm xít ngồi chồm hổm, quây hình vòng tròn, vỗ tay vào vòm miệng, thành tiếng oa oa, òa òa, rồi hát nói từng âm:

Các em dùng vòm miệng như một hợp cộng hưởng. Những tiếng oa oa òa òa, tiếng hát rung lên dồn dập, lung linh - âm điệu và màu âm là lạ, mơ hồ...

Ve ve sà xuống, ban đầu ít ít, về sau thành bầy, rung cánh đảo trên lửa, đáp xuống quanh lửa. Các em chụp ve ve cho vào tĩn, cũng rang ăn như bù rầy mè, châu chấu(*).

Phần dưới đây là một số đồng dao được trình bày theo hát nói, hoặc dựa giai điệu *nói vè, hô bài chòi,* có khi pha trộn chất liệu của *lý*.

(*) Theo Phan Tứ, trong *Người cùng quê* (Tập I).

GỌI NGHÉ

Huê!... Nghé ngơ, nghé ngạ!

Nghé đi với mạ

Được ăn được bú

Nghé đi với chú

Được nhú rau khoai

Nghé đi với ai

Xẻo tai chấm mắm

Là nghé ngơ... ơ!

Huê!... Huê!...

Đồng cao ruộng thấp

Ba chôn bôn nơi

Nghé ăn nghé chơi

Nghé ngơi nghé nghỉ

Nghé không biết nghĩ

Nghé bỏ đi lung

Gặp lão hành hung

Nó vồ xẻ thịt

Là nghé ơi... ờ!

Tự trọng, không phải luồn cúi, nịnh nọt ai trong:

CON KỲ NHÔNG

Sớm mai, ăn bụng cơm no
Vác cuốc lên gò
Đào được con kỳ nhông
Đem về cho ông
Ông cho trái thị
Đem về cho chị
Chị cho cá rô
Đem về cho cô
Cô cho bánh ú
Đem về cho chú
Chú cho buồng cau
Chú thím rầy lộn với nhau
Thôi, tôi trả buồng cau lại cho chú
Trả bánh ú lại cho cô
Trả cá rô lại cho chị
Trả trái thị lại cho ông
Tôi xách con kỳ nhông về rừng!

Yêu thương, cảm thông với nỗi khổ chung của những kẻ đi ở đợ, để kiếm miếng ăn.

ĐI Ở MƯỚN

Đời tôi ở mướn giữ trâu
Dầm mưa dãi nắng, biết đâu cơ hàn

Trên đầu thì đội nón nan

Mình mặc áo vải nghèo nàn, đắng cay

Trăng kia vừa xế ba sào

Tôi mang bụng đói, bước vào chuồng trâu

Nước đái nó lộn đầy đầu

Nổi xung, tôi chửi, tôi rủa con nghé

Bỉnh trâu bầu sừng ngang

Con nào nằm tĩnh nằm tang

Da nịt trống bản, da căng trống chùa

Cái đầu thì nộp cho vua

Bộ sừng phù tạc, dạo làng bán chơi

Lí lắc mà cà lí lơi

Bay bổng về trời, thương mẹ nhớ cha!

Cậu bé kể về cảnh đi ở giữ trâu, với những nỗi khổ chung của những kẻ ở đợ: ăn đói, mặc rách. Nhưng qua giọng điệu thanh thản của đồng dao mang nhiều tính chất tự sự, cậu bé không muốn phơi bày nỗi khổ của mình cho mọi người biết. Có lẽ không phải chỉ mình cậu khổ, mà con trâu bầu bạn của cậu cũng chẳng sung sướng gì. Nó cũng phải sống chung trong cảnh cơ hàn như cậu.

Và nét cuối cùng của bài hát - "con nào nằm tĩnh nằm tang...", có phải là một gợi ý muốn giải thoát cho con trâu, với một suy nghĩ rất lạc quan, thơ ngây: dùng các bộ phận trên thân mình con vật cho những việc có ích - "da bịt trống, đầu nộp

quan, sừng bán cho làng...” Và, cũng vì đúng là như vậy, nên bài hát mới có được hai câu kết rất hồn nhiên:

Lí lắc mà cà lí lơi

Bay bổng về trời, thương mẹ nhớ cha!

Em bé chăn trâu sáng tạo giai điệu khá đẹp. Có thể nghe thấy ở đây chất liệu *hò khoan* trộn chút ít *vè* hơi oán, *hô thai* ở khúc trên và cái chất của *lý* tươi sáng, hóm hỉnh ở *Sắc bùa,* vào khúc từ “con nào nằm tĩnh nằm tang” đến hết bài.

Hài hước và mang tính kịch, với đồng dao *Tau đố bay*(*) hát đối đáp.

Em hát hỏi:

Tau đố bay

Chớ cái gì ở trong cái hộp?

Chớ cái gì mà đem nộp cho quan?

Chớ cái gì mà ăn loang tờ giấy?

Tau đố bay đấy

Đứa nào nói trúng

Thì tau khen thay!

(*) Nghệ sĩ nhân dân hát bội Ngô Thị Liễu, khi đóng nhân vật kép con, thường chuyển hóa đồng dao, đưa vào sân khấu. Bà cho tôi ghi bài này và bài *Dỗ chim sáo ăn mồi* vào mùa thu năm 1983 tại nhà riêng ở Đà Nẵng. Tôi chưa kịp ký âm bài này. Bà sinh ngày 15 tháng 10 âm lịch năm 1908 tại thị xã Quảng Trị. Mất ngày 17-9-1984 tại Đà Nẵng.
Tau: tao, Mi: mày, Rứa là: thế là.

Các em hát đáp:

- Chúng tau đã biết

Chúng tau đã hay

Rứa là mi đố thế này

Trầu là trầu ở trong cái hộp

Tiền là tiền đem nộp cho quan

Mực là mực ăn loang tờ giấy

Em hát hỏi khen:

- Ừ, chúng mi đã biết

Chúng mi đã hay

Tau đố chúng bay

Một câu này nữa...

Thông minh và khéo léo "nắn làn bẻ điệu", các em mượn chất liệu nói vè, nói lía, hô bài chòi..., để cùng hát cùng nghe, cùng vè cả lũ(*).

Đồng dao về hát bội:

Đổng Kim Lân cứu chúa

Khương Linh tá soi đàng

Tạ Ôn Bình nóng ruột sôi gan

Đánh Lôi Nhược bể tan ống điếu

(*) Tôi không đưa vào đây loại *vè, bài chòi, lý*... của người lớn, mà các em học và hát. Chỉ chọn một số bài thích hợp với lứa tuổi các em.

Và:

Đổng Kim Lân bẻ bắp
Khương Linh Tá lột cùi
Chu Thái công biểu để mà lùi
Lê thái giám đem ra cạp sống
Vua băng nịnh tiếm
Tướng xua quân lùng
Bóp rừng cứu viện
Diệt nịnh định đô

Hoặc:

Có thằng nhỏ dại
Chẳng biết xét suy
Cha mẹ hàn vi
Nuôi cho ăn học
Lo mua vở sách
Lo sắm áo quần
Trò bỏ ra sông
Suốt ngày đấm đá
Xưng hùng xưng bá
Nào Triệu Tử Vân
Nào là Địch Thanh
Quan Công, Hạng Võ

Trâu không có cỏ

Gầy tóp đôi hông

Lê la ngoài sông...

Trong ca hát cho trẻ em, cha ông ta đã dành một khoảng lớn cho sự *tự sáng tạo* của trẻ.

Với tư duy tưởng tượng mang màu sắc huyền thoại thích ứng với cái lôgic "nhảy cóc", các em đã hát những câu, trổ, bài mà theo lôgic của người lớn là linh tinh, hay chẳng có ý nghĩa gì[1].

Nhưng chính những bài như vậy lại đáp ứng yêu cầu *"đặt vè bẻ vần"* của các em; đáp ứng yêu cầu tập cho dẻo miệng như kiểu "nồi đồng nấu ốc, nồi đất nấu ếch", sửa sai dấu, như kiểu "Ôm ống nồi mà lội qua sông"[2], đáp ứng, phản ánh hiện thực quanh cuộc sống các em[3].

Cốc cốc cheng cheng

Mụ rèn đi chợ

Mụ rợ ở nhà

Bắt gà làm thịt

Bắt vịt chặt đuôi

Cắt đùi, chặt cánh

Đòn gánh có mấu

Con gấu có tai

---

[1] Có nhà nghiên cứu văn học xếp đồng dao vào thể loại *"hát bâng quơ"*

[2] Các em ở Bình Trị Thiên tập để không đọc nhầm là *"ôm ống nội mà lội qua sông"*

[3] Theo Lê Thảo, bài đã dẫn.

Con nai có sừng

Bánh canh thì ngọt

Rau mót thì dau

Hàng trầu hàng cau

Là hàng con gái

Hàng bánh hàng trái

Là hàng bà già

Hàng hương hàng hoa

Là hàng bà Bổn(*)

Nấu cơm lổn nhổn

Đi chợ bán tương

Đội nón không sườn

Là con ở Huế

Cỡi ngựa đi tế

Là con chánh Thi...

Ra đời những câu hát gây cười là để tập phát âm đúng. Trêu chọc các em bạn bè vùng đất Bình Trị Thiên hát nói những câu này, vì phát âm với thanh điệu của địa phương mình:

Ôm ống nồi mà lội qua sông

Đóng cái gông vào mông đít

(*) Có nơi hát "là hảng Nhựt bổn".

nghe ra là:

Ôm ông nội mà lội qua sông

Đọng cại gông vào mông địt

Câu hát:

Ăn ngày ba bữa, tắm rửa ba lần, sạch sẽ toàn thân,

răng mà ngứa xót, ngứa xót

nghe ra là:

ăn ngày ba bựa, tặm rựa ba lần, sạch sẹ toàn thân,

răng mà ngựa xọt, ngựa xọt(*)

Hát nói cho được dẻo mồm, dẻo miệng:

Trâu tra làm trúc bụi tre

Trách trời trơn trợt, xa trò mấy trăng

Hoặc:

Nhà bà Đỏ nuôi con gà mái đen nhảy ổ

Bà Đỏ sao không lót ổ cho con gà mái đen bà Đỏ đẻ.

Hoặc:

Tròng trà tròng trành, trâu trèo trâu trợt

Thậm thà thậm thụt trò trụt trò trìa

Đồng dao *Hỏi tuổi* về 12 con giáp diễn ra như một hoạt cảnh.

Các em ngồi vòng tròn. Mỗi em là một con vật trong câu hát, khi được hỏi đến, phải bắt chước động tác, dáng vẻ của con vật ấy, đi, bò, hoặc nhảy vòng quanh, về chỗ cũ của mình.

(*) Răng mà: sao mà.

Một em chỉ vào một bạn, hỏi: - *Tuổi tí con chi?*

Trả lời: - *Tuổi tí con chuột.*

Các em hỏi: - *Con chuột nó kêu làm sao?*

Trả lời: - *Nó kêu chút chít*

(đóng vai con chuột, vừa bò vừa kêu chút chít)

Các em nói: - *Chút chít chi mày*

Tau chặt khúc đầu

Tau thầu khúc giữa

Tau bửa lấy xương

Làm rường làm cột

Tau lột lấy da

Bỏ sông Ngân Hà

Còn chi chút chít

(Em chuột bò một vòng quanh về chỗ cũ)

Các em hỏi một bạn khác: - *Tuổi sửu con chi?*

Trả lời: - *Tuổi sửu con trâu*

Các em hỏi: - *Con trâu nó kêu làm sao?*

Trả lời: - *Con trâu nó kêu ngá ngạ (ậm ò)*

(đóng vai con trâu, dương đôi sừng, khệnh khạng đi, kêu ngá ngạ hoặc ậm ò)

Các em nói: - *Ngá ngạ (ậm ò) chi mày*

Tau chặt khúc đầu

Tau thầu khúc giữa

Tau bửa lấy xương

Làm rường làm cột

Tau lột lấy da

Bỏ sông Ngân Hà

Còn chi ngá ngạ (ậm ờ)!

Cứ như thế, hát - nói hỏi, trả lời, đóng vai con vật, cho đến con heo, mỗi con phải có tiếng kêu riêng.

- Tuổi dần con chi?

v.v... Con cọp nó kêu cóp cọp

v.v... còn chi cóp cọp!

- Tuổi mẹo con chi?

v.v... Con mèo nó kêu meo meo (ngoao ngoao)

v.v... còn chi ngoao ngoao!

- Tuổi thìn con chi?

v.v... Con rồng nó kêu rống rộng

v.v... còn chi rống rộng!

- Tuổi tị con chi?

v.v... Con rắn nó kêu rắn rặn

v.v... còn chi rắn rặn!

- Tuổi ngọ con chi?

v.v... Con ngựa nó kêu hí hí

v.v... còn chi hí hí!

- Tuổi mùi con chi?

v.v... Con mùi nó kêu be he (bê hê)

v.v... còn chi be he!

- Tuổi thân con chi?

v.v... Con khỉ nó kêu khẹt khẹt

v.v... còn chi khẹt khẹt!

- Tuổi dậu con chi?

v.v... Con gà nó kêu ò ó o o

v.v... còn chi cóp ò ó o o!

- Tuổi tuất con chi?

v.v... Con chó nó kêu gâu gâu

v.v... còn chi gâu gâu!

- Tuổi hợi con chi?

v.v... Con heo nó kêu ụt ịt (ủn ỉn)

v.v... còn chi ụt ịt (ủn ỉn)!

Con cọp kêu "cóp cọp", con rồng kêu "rống rộng", con rắn kêu "rắn rặn", thì đúng là cái bịa đặt của con nít!

Lý con cua
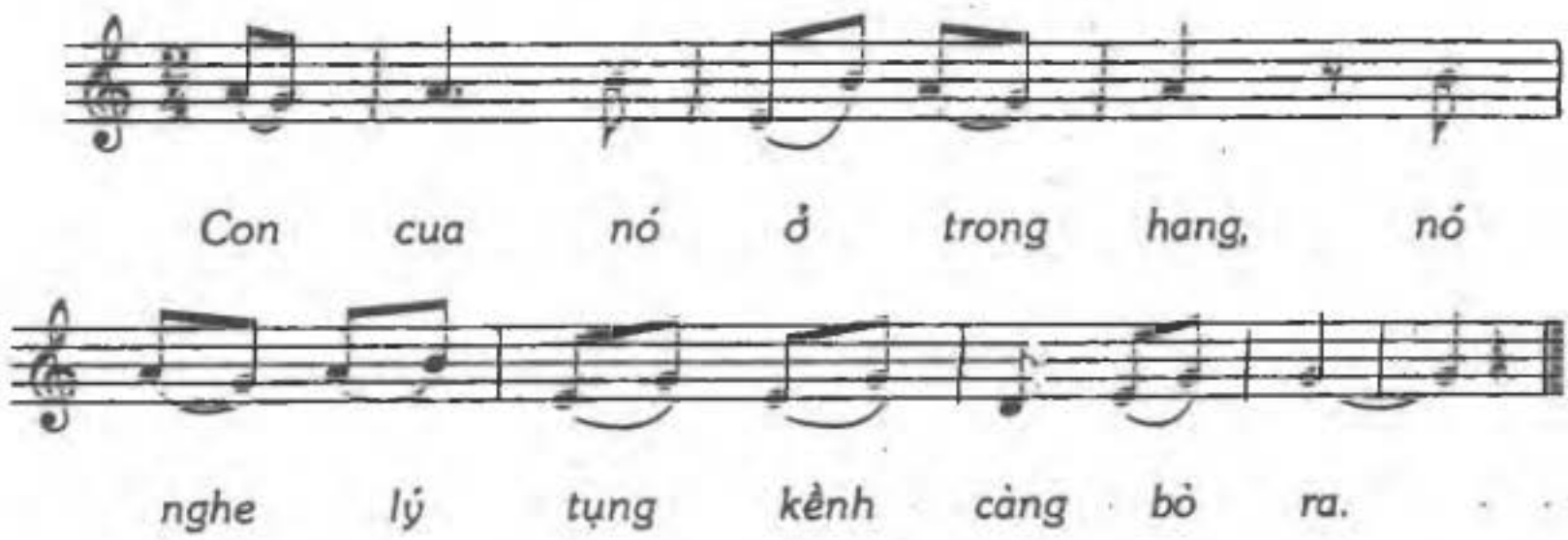
Lý cây xanh
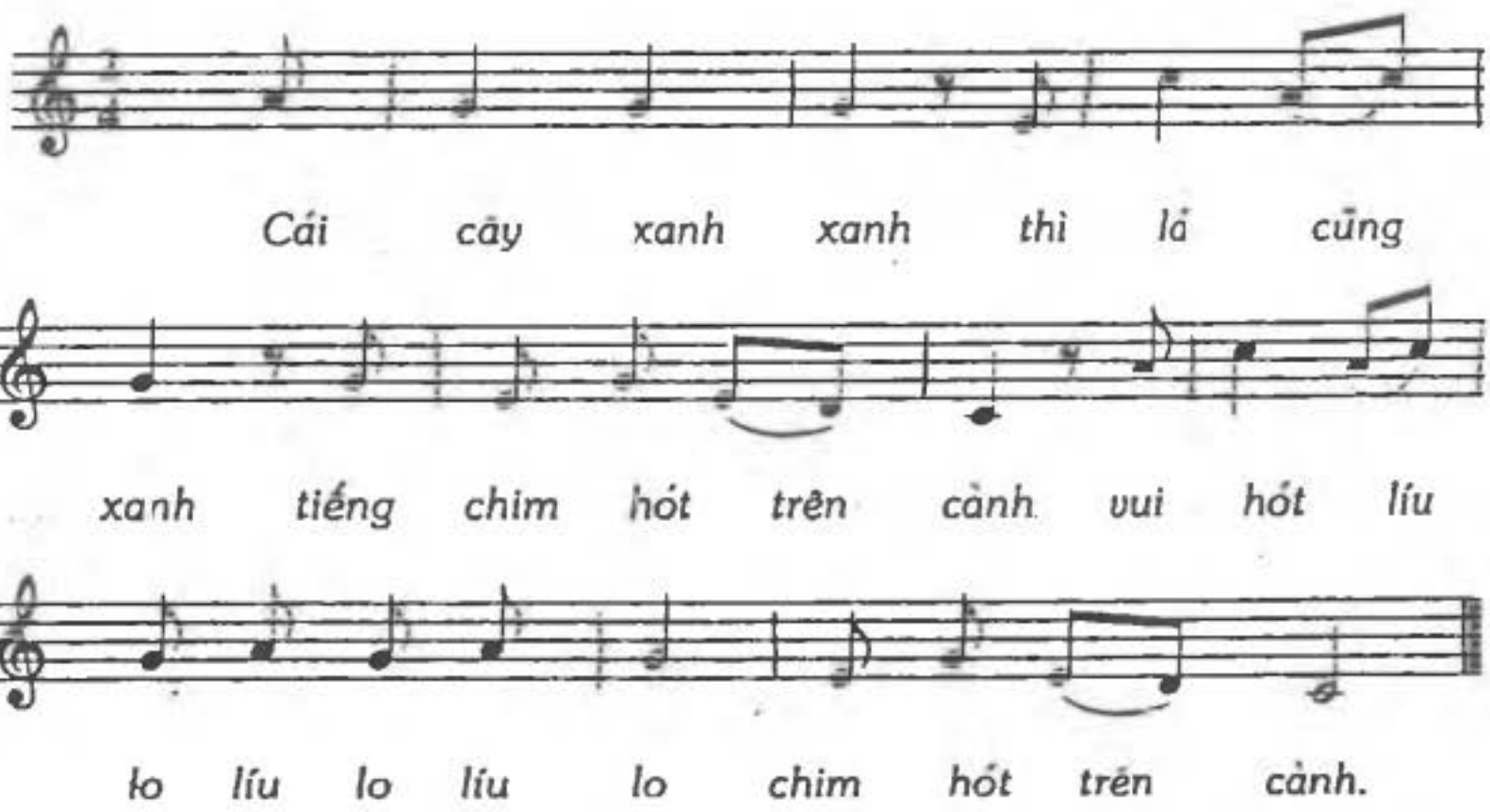
Đúc cây dừa

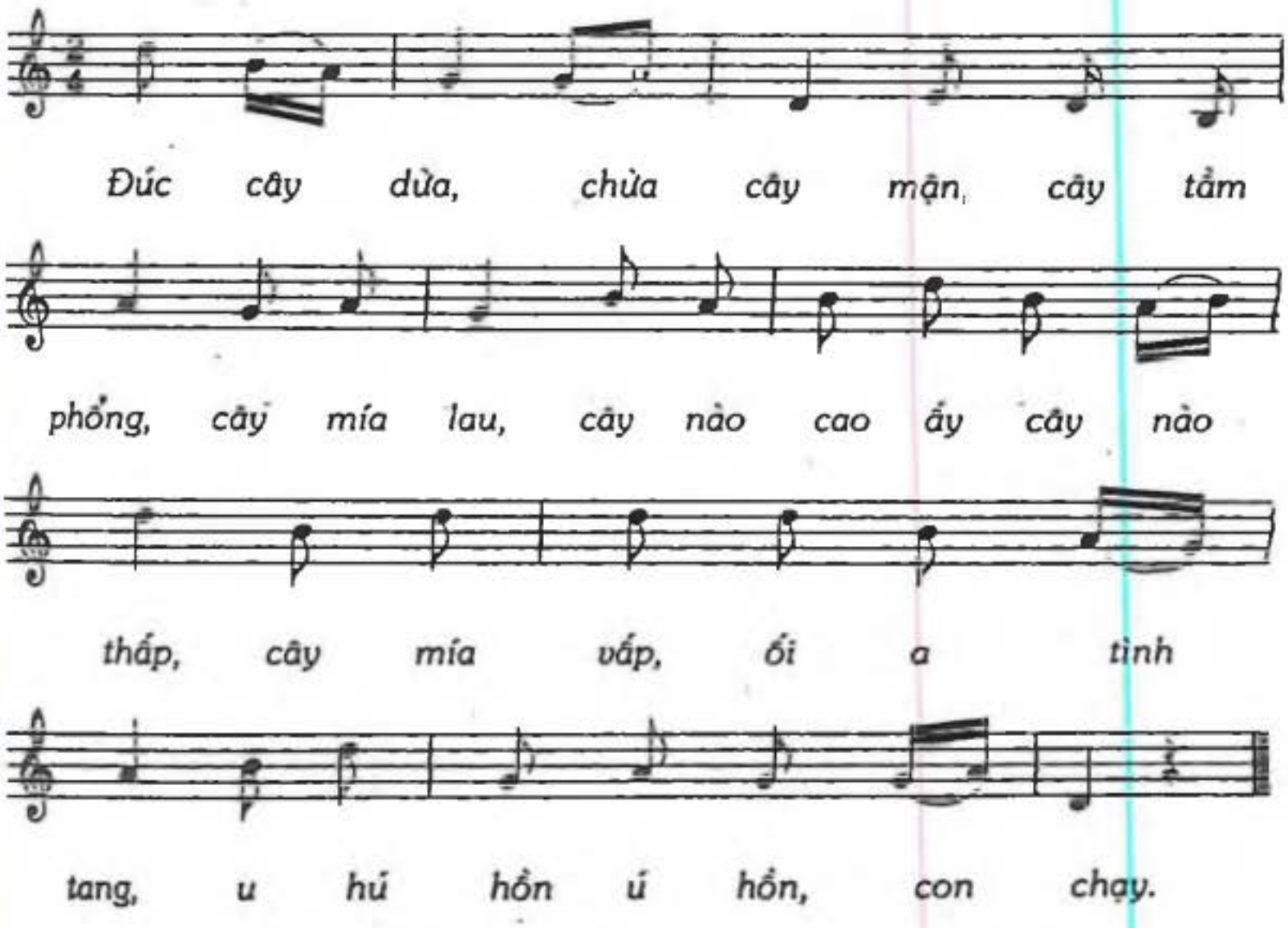

BẮT CHIM DÂNG MẸ

Sớm mai ăn bụng cơm no
Em đem trâu ra gò
Xách theo cái giỏ
Bắt con nhái nhỏ
Nó kêu cái "oỏng"
Rồi nó kêu cái "oảnh"
Cảm cảnh mẹ già xưa
... ...
Hỏi mẹ già xưa

Mẹ già đi đâu?
Mời mẹ về đây
Em bắt con quyên, con phượng
Bắt o ho, chà chiện
Bắt tu hú, chích chòe
Bắt cò, vạc, le le
Bắt cắt cu, vịt nước
Bắt gầm ghì, rạch đất
Bắt túi mắt, chàng ràng
Bắt con cưỡng, con khuyên
Bắt chìa vôi, dộc dộc
Bắt con ri, con khách
Bắt ra rả, chốc mào
Bắt ắt là, bù chao
Bắt sáo sáo, áo già
Bắt vịt gà, cồng cộc
Bắt chim cốc, lưới vằn
Bắt cu cuốc, chim xanh
Bắt chim keo, chim chích
Có loài bơi dưới rộc
Có loài lượn trên non
... ...
Em làm cái lồng son
Bắt chim dâng cho mẹ.

HÁT RU

Phố cổ Hội An. Một xóm nhỏ hiền lành quây quần gần chợ.

Trong một căn nhà ấm cúng, vang lên giọng hát ru dỗ dành, mến thương.

Vẫn cái giọng, vẫn lời hát của những ngày xa xưa mà bà nội, bà ngoại, mẹ ru tôi và các em tôi; dạy cho chúng tôi những bài hát thân yêu của quê hương ngay từ lúc còn nằm trong nôi.
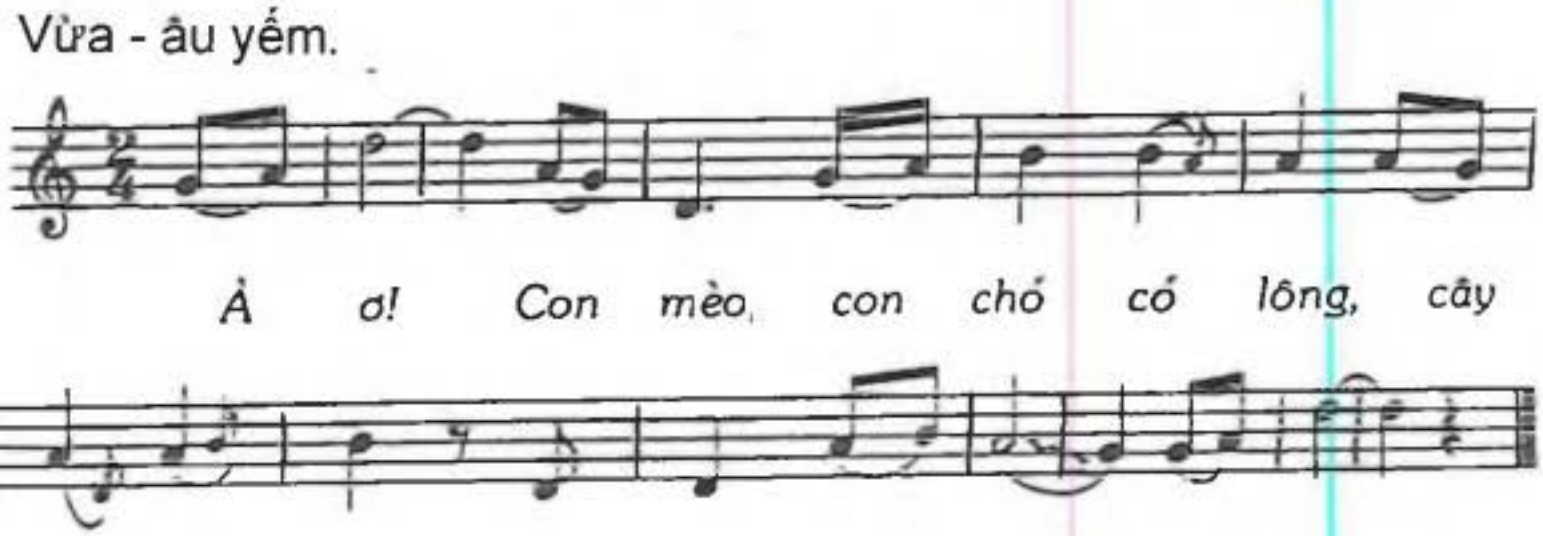
Với cái chất liệu 4 âm re^1 sol^1 la^1 si^1 - bài ru gần với *hát nói* rồi đan thêm âm mi^1 không vượt ra ngoài quãng tám, nhịp điệu bình ổn, thể hiện những lời ru, với ý tình chân chất, hiền hòa:
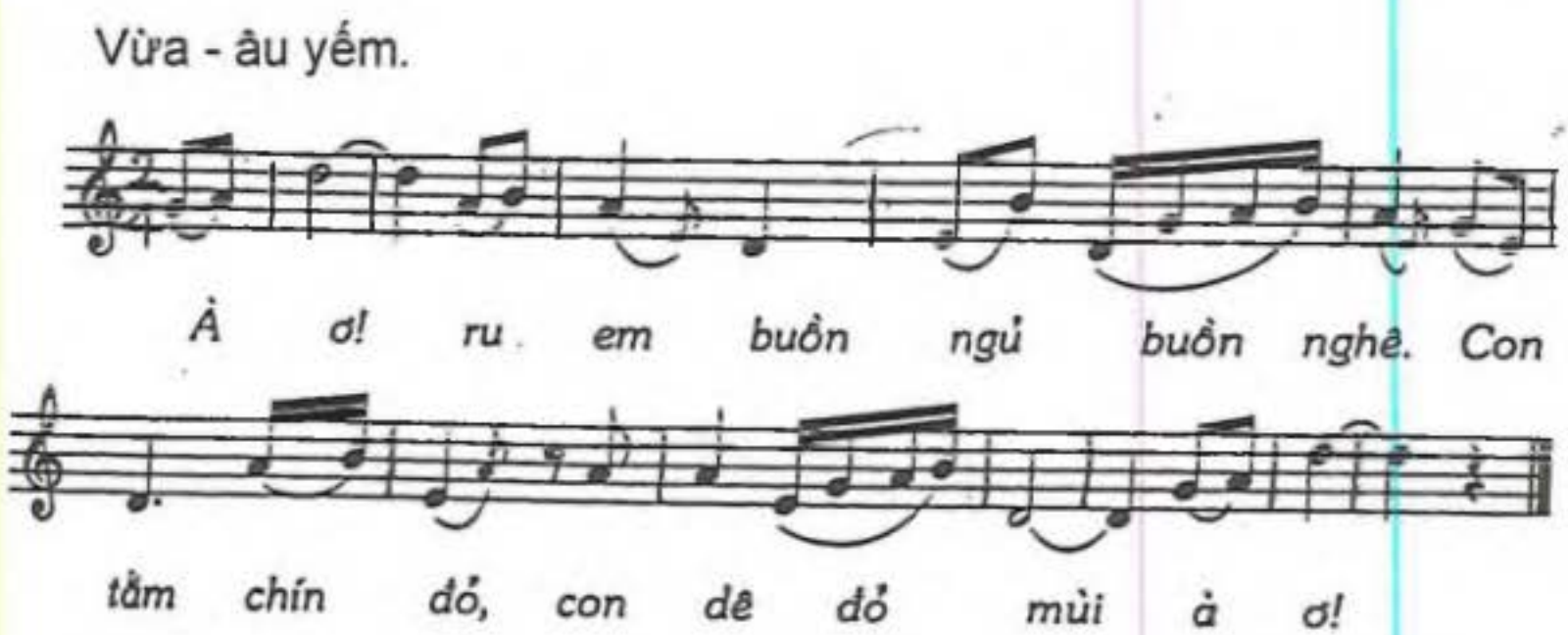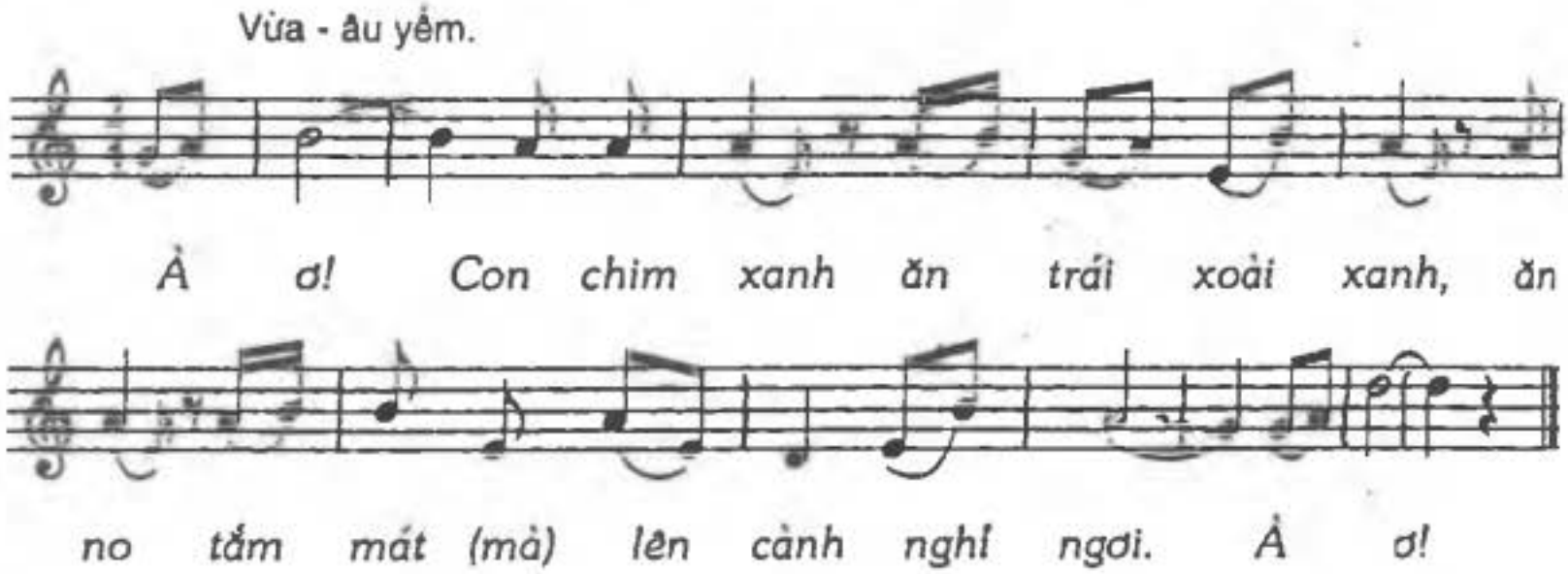
Em bé nín dần, tiếng khóc nhòa đi trong giọng ru đằm thắm.

Rồi em bé chịu nằm yên, lắng nghe.

Người ru chuyển sang lời hát trữ tình về con người, về cuộc sống, về quê hương.

Em bé ngủ dần.

Giọng hát biến đổi, thêm màu sắc...

Rất chậm -triu mến

À ơ! ơ chiều chiều lại nhớ chiều

chiều nhớ người quân tử ơ à

ơ! Khăn điều vắt vai Áo vắt

vai quản hai ống ướt chữ nghĩa

nòo lấn lướt võ thi. Tiền năm

quan ngũ quán bất ly trai nam nhơn

mô mà đối đằng à ơ

gái nữ nhi xin kết nguyền.

Em bé đã ngủ muồi, giọng ru thêm mượt mà, sâu lắng:
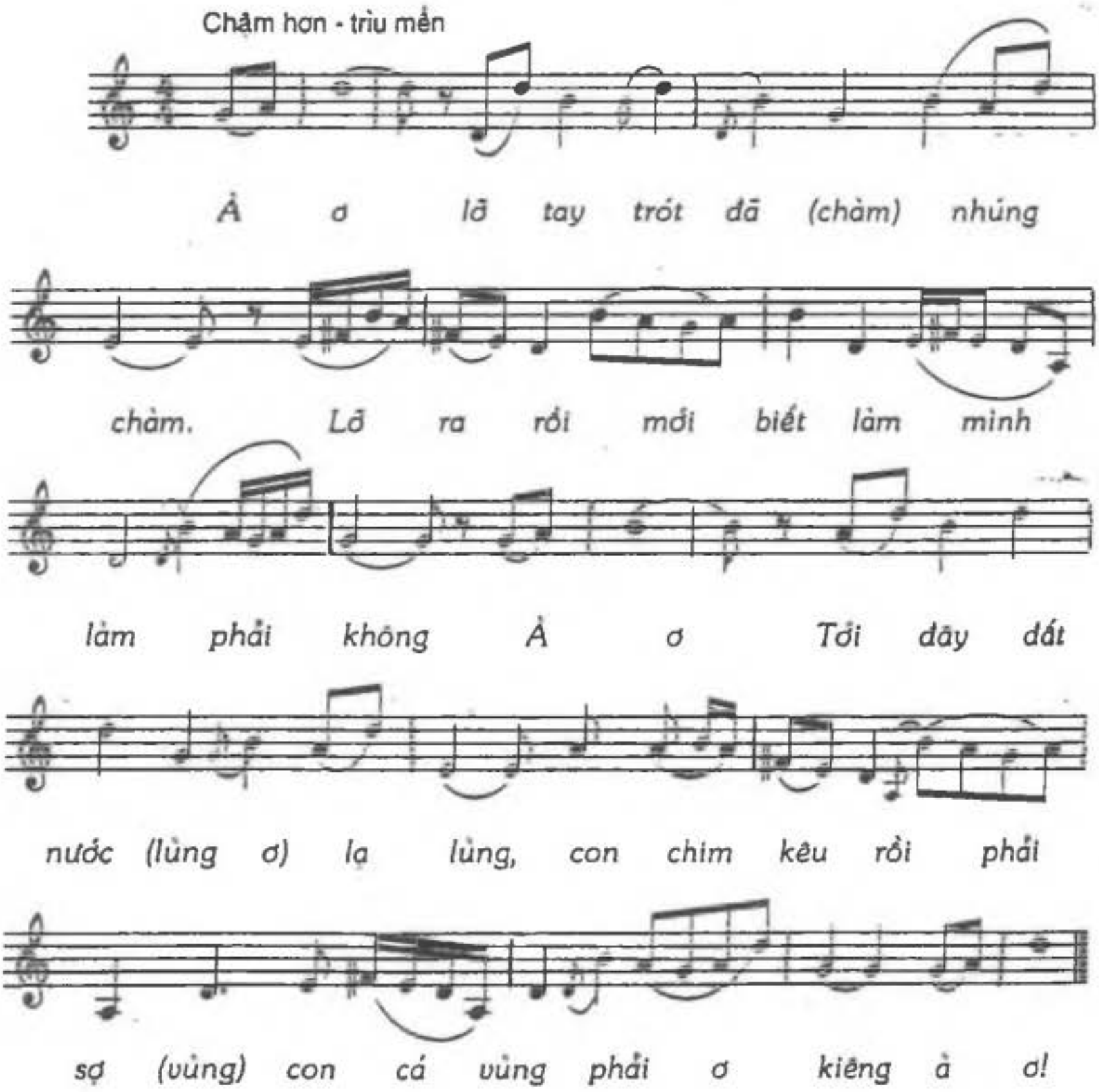
Chất liệu của giai điệu thay đổi, đan ghép điệu. Đã xuất hiện hàng âm đô re^{1} mi^{1} sol^{1} la^{1} với âm sol^{1}# và hàng âm re^{1} mi^{1} pha$^{\#}$ sol^{1} la^{1} Si^{1}, tầm âm vươn ra ngoài quãng tám, tiết tấu chuyển hóa, thay nhịp 2/4 bằng nhịp 4/4.

Tình cảm không còn có thể chứa đựng trong cặp 6-8 cân đối, mà trọng âm cứ phải tuân theo sự phân tiết đều đặn của

thể loại. Người ru phải biến thể lời, mở rộng cho sự thể hiện tình cảm, gửi gắm những gì tế nhị, kín đáo của tâm hồn. Đâu có phải chỉ ru em bé, mà là hát ru cả nhà, hát ru cả láng giềng thân quen. Hát ru đưa em bé vào giấc ngủ và làm rung động biết bao tấm lòng!

Theo dõi lề lối biểu diễn (cách đưa nôi và phong cách hát), thấy rõ sự sáng tạo tài hoa của người hát, vẻ đẹp và sắc thái của bài ru, tiết tấu độ nhanh chậm của giai điệu, từ lúc em bé được đặt vào nôi cho đến lúc em bé ngủ say.

Có thể minh họa sự chuyển biên sáng tạo ấy qua từng giai đoạn nhỏ:

	Các giai đoạn nhỏ	Em bé đang gắt ngủ, khóc	Em bé nín chịu nằm yên	Em bé ngủ dần	Em bé ngủ say, ngủ muồi
GIAI ĐIỆU BÀI HÁT RU	Nhịp độ đưa nôi	Linh hoạt Không nhịp hoặc nhịp 2/4	Hoi nhanh Nhịp 4/4	Thong thả	Chậm, rất chậm
	Phong cách hát. Tiết tấu sắc thái	Sôi nổi	Linh hoạt đáng yêu	Nhẹ nhàng	Rất êm nhẹ

Nhớ về tuổi thơ của mình, mỗi chúng ta biết ơn tiếng hát ru của bà, của mẹ, như nhà thơ Tế Hanh đã viết:

Cùng sữa mẹ, câu ca dao mộc mạc

Đã nuôi tôi khôn lớn

Đến nhà trường

Trang giấy mở cuộc đời bát ngát,

Những bản đồ xanh đỏ gợi nguồn thương

... ...

Trong dân gian, có câu hát:

Con đói, mẹ cho bú

Con lú (khờ dại), mẹ ru hời

"Cùng sữa mẹ, câu ca dao mộc mạc đã nuôi tôi khôn lớn" và "con đói, mẹ cho bú, con lú, mẹ ru hời" nêu rõ dòng sữa và tiếng ru là hai nguồn nuôi nấng và dạy bảo trẻ thơ. Không phải hát để ru em bé ngủ mà vì người mẹ hát là để gởi gắm vào cái giai điệu đầm ấm, thiết tha ấy, tình cảm mẹ con.

À ơ...

Hai tay cầm bốn tao nôi

Con nín thì ngôi, con khóc thì đưa

Hoặc:

À ơ...

Hai tay cầm bốn tao nôi

Tao thẳng, tao dùn (chùng), tao nhớ, tao thương

Và:

Nhà em vẫn tiếng a ời

Kẽo cà tiếng võng, mẹ ngồi mẹ ru.

Mỗi lần người mẹ cầm lấy tao nôi đưa đẩy hoặc nghiêng bên cánh võng lắc lay và cất lên tiếng "À ơi, hơi hời, ầu ơ, kni,

kni vong kni...", thì đó không chỉ là âm thanh, âm nhạc. Đó là lòng mẹ - mẹ thương con. Đó là lời mẹ - mẹ dạy con. Những giai điệu mượt mà, đằm ấm, thấm đượm thương yêu ấy, dẫn dắt em bé vào một thế giới huyền thoại, một thế giới kỳ diệu, thích hợp với sức tưởng tượng của trẻ thơ. Tình cảm, ý tưởng, tri thức trong ca từ, cái đẹp, màu sắc, cái huyền diệu của giai điệu - tất cả tạo nên một môi trường thiết yếu cho sự trưởng thành của em bé: sinh lý và tâm lý, thể chất và tinh thần.

Muốn làm cho em bé ngủ ư? Có nhiều cách: nói nựng, dỗ dành, với "Tắc âu! Tắc âu!", xoa đầu xoa lưng, rung rung em bé trên tay, bế vác em bé lên vai, đi đi lại lại, cho em bé nằm trên võng lắc lư, mãi rồi em bé phải ngủ.

Con người sáng tạo theo qui luật cái đẹp, con người phải đưa cái đẹp vào cuộc sống.

Người mẹ đã cất lên tiếng hát ru, sáng tạo một thể loại nghệ thuật. Dựa trên giai điệu mô hình với thể thơ lục bát và các biến thể, người mẹ bẻ làn nắn điệu, chuyển biên.

Khi đi sâu vào giai điệu, ta luôn chú trọng đến phần văn thơ nội dung của ca từ. Chính trên cơ sở lời văn, lời thơ ấy, với tài năng của mình, người hát với làn điệu mô hình, đã chuyển biên nên những giai điệu đẹp đẽ, để đưa em bé vào giấc ngủ, để diễn đạt gửi gắm tư tưởng và ý tình của mình.

Mối quan hệ xã hội đầu tiên và sâu sắc đối với mỗi con người chính là tình mẹ con. Người mẹ gửi gắm trong tiếng hát không chỉ những lời nhắn nhủ dạy bảo mà cả những gì bà suy nghĩ, cảm thụ về cuộc đời, về số phận, cả những lo lắng cho mai sau của đứa con. Cùng với dòng sữa và sự chăm sóc của mẹ, bài

hát ru đặt nền móng cho cuộc sống sinh vật và tâm hồn, cho cả hai phần "con" và "người" của em bé.

Hát ru chính là bài học vỡ lòng về âm nhạc dân tộc. Hát ru trở thành biểu tượng thân thương về quê hương, về ngôi nhà ấm cúng đầy tình nghĩa che chở, bao bọc của cha mẹ, trở thành những kỷ niệm sâu xa về người mẹ bình thường mà vĩ đại của mỗi chúng ta.

Những câu hát hiền lành về cái đạo đức làm con:

Mẹ ru con ngủ cho yên
Mong cho mai sau khôn lớn, con nên thân người
Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!

Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể
Con nuôi cha mẹ, con kể hằng ngày.

Trong tiếng hát có lời nhắn gửi về lẽ sống, cách cư xử ở đời:

Nồi tròn úp vung tròn
Nồi méo úp vung méo
Bạn ăn ở làm sao cho khôn khéo
Vung méo úp nồi tròn

Họa hổ, họa bì, nan họa cốt
Tri nhân, tri diện, bất tri tâm
Xa xôi chi đó mà lầm
Phải hương thì hương bén, phải trầm thì trầm thơm

Chim khôn tiếng hát rảnh rang
Người khôn tiếng nói dịu dàng dễ nghe

Con mèo đập bể nồi rang
Con chó chạy tới bị mang phải đòn

Tốn than mà tan lưỡi cày
Nong nia cũng hứng, mà cối xay cũng mòn.

Với cái giọng điệu hiu hắt, buồn buồn:

Mẹ già đầu bạc tuổi cao
Anh (phu quân) còn bưng chén rượu đào say sưa

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngóng về quê mẹ, ruột đau chín chiều

Lụt nguồn trôi trái loòng boong
Cha thác, mẹ còn, em chịu mồ côi
Mồ côi tội lắm, ai ơi!
Đói lòng không ai đỡ, lỡ lời không ai phân

Ba đồng một mớ loòng boong
Cha mẹ ham ngọt, gả con về nguồn

Chiều chiều mây phủ Hải Vân
Chim kêu gành đá, gẫm thân thêm buồn

Con quạ hắn đứng bên sông
Hắn kêu bớ mẹ, lấy chồng bỏ con

Trước se chỉ gấm không bền
Sau se chỉ chuối, làm nên cửa nhà

Cha mẹ giàu thì con thong thả
Cha mẹ nghèo thì con vất vả gian nan
Sớm mai đi kiếm củi trên ngàn
Chiều chiều xuống biển, mò hang cua còng.

Với những chuyện đời thường, giọng điệu hóm hỉnh, hài hước như đồng dao:

Con mèo, con chó có lông
Cây tre có mắt, nồi đồng có quai

Em thương anh lắm, anh ơi!
Em ăn hết nồi, em uống hết sông

Ngó ra ngoài biển mịt mù
Thấy ba ông đội che dù nấu cơm
Một ông xách chén đòi cơm
Hai ông ứ hự, nồi cơm chưa vần

Dẹp lép như đầu cá chai
Ăn tham của vợ là trai Kim Bồng
Nhọn hoắt như đầu cá nhồng
Ăn tham của chồng là gái Nồi Rang

Con quạ hắn đứng chuồng heo
Hắn kêu bớ mẹ, bánh bèo chín chưa

Hội An có bốn nàng tiên
Hai nàng tuổi Tuất, hai nàng tuổi Thân

Chiều chiều vịt lội bàu Gia
Vịt ai lội lại, lội qua lội về
Chiều chiều vịt lại lội về
Vịt ai lội qua, lội lại lội về bàu Gia
Chiều chiều vịt lại lội ra.

Những câu hát về thời tiết, nhắc đến tên một miền đất để làm thay đổi sắc màu cho chương trình biểu diễn của mẹ:

Mịt mù mây phủ Sơn Trà
Sấm vang Non Nước, trời đà chuyển mưa

Ông tha thì bà cũng chẳng tha
Làm chi cũng có cái lụt hai mươi ba tháng mười

Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng
Thương cha, nhớ mẹ quá chừng lắm bạn ơi
Thương cha, nhớ mẹ thì về
Nhược bằng thương kiểng, nhớ quê thì đừng

Muốn ăn bánh ít lá gai
Lấy chồng Bình Định, sợ dài đường đi

Cây da mô cao bằng cây da Bàng Lãnh
Đất đai mô thanh cảnh bằng đất Bảo An

Chỗ mô vui bằng chỗ Phố, chỗ Hàn
Dưới sông tàu chạy, đường trường ngựa đua

Ngó lên trên trời, thấy cặp chim đương đá
Ngó về biển Bắc, thấy cặp cá đương đua
Biểu em về lập miễu thờ vua
Xây lăng thờ mẹ, dựng chùa thờ cha.

Đất của hát bội, nên mẹ phải hát:

Mẹ ơi, đừng đánh con đau
Để con hát bội, làm đào mẹ coi

Tưởng là anh trung quân ái quốc
Hay đâu anh bội chúa rõ ràng
Tưởng là anh giúp Đổng Kim Lân
Phò Hoàng Thái hậu, đỡ tấm thân em nhờ
Hay đâu anh cưỡi gió phất cờ
Theo dòng họ Tạ bao giờ, em không hay.

Có những câu hát nam trau chuốt, đẹp:

Lao xao sóng vỗ ngọn tùng
Gian nan là nợ anh hùng phải vay

Xăn tay lần gỡ mối sầu
Tóc lo (lau) đã trổ trên đầu hùng anh.

Tiếng hát ru của mẹ dạy con yêu đất nước, thương dân tộc:

Chim quyên xuống đất ăn trùn
Anh hùng lỡ vận lên nguồn đốt than

Bây giờ, xâu nặng thuế cao
Thương anh thì hãy khoan trao ân tình
Chờ cho đất nước thái bình
Phụ mẫu nhà trường thọ, đôi lứa mình kết duyên

Đất ta bể bạc non vàng
Bể bạc Nam Hải, non vàng Bông Miêu.
Con cuốc (quốc) kêu khắc khoải sớm chiều
Miềng dồi, miềng huyết (tiết), sao để lũ quạ diều tới ăn?

Sớm mai em gánh gánh xuống chợ Hàn
Gặp anh giữa đàng, em hỏi một câu
Tai nghe anh sắp xuống tàu
Em đem ve rượu, mâm trầu trả anh

Vịn vai chàng, nước mắt chảy xuôi
Ai làm nên nỗi lứa đôi thế này
Bước chân xuống bến tàu Tây
Chân trời góc bể, biết rày còn gặp không?

Ở bên ni Hàn, ngó qua bên Hà Thân
Thấy nước xanh xanh như tàu lá
Ở bên kia Hà Thân, ngó lại bên Hàn
Thấy phố xá nghênh ngang
Kể từ ngày Tây lại xứ Hàn
Đào sông Câu Nhí, bòn vàng Bông Miêu

Dặn tấm lòng, ai dỗ cũng đừng xiêu
Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có em.

Tình mẹ con gợi lên mối liên hệ tình cảm vợ chồng, nên lời hát chứa chất hay thổ lộ những tâm tư của mẹ:

Ai về nhắn với bạn nguồn
Mít non gởi xuống, cá chuồn gởi lên

Trầu không vôi, ắt trầu lạt
Cau không hột, ắt cau già
Mình không lấy qua, ắt là mình thiệt.
Qua không lấy mình, qua biết lấy ai?

Trái bồ hòn, trong tròn ngoài méo
Trái sầu đâu trong héo ngoài tươi
Thương em, anh ít nói cười
Ôm duyên ngồi đợi, chín mười con trăng

Ngó lên hòn Non Nước
Thấy dưới mái đình
Hạc chầu thần đủ cặp, sao hai đứa mình lẻ đôi.
Nhớ mong ai, anh hết đứng lại ngồi

Bạn có thương thì thương cho chắc

Bạn có trục trặc thì trục trặc cho luôn

Làm chi như con quạ đứng đầu truông

Khi vui hắn kêu kha khá, khi buồn hắn kêu quau quau

Thiếp gặp chàng tại đàng xe lửa

Chàng mà gặp thiếp tại cửa ông Rôbe

Mấy lời chàng dặn thiếp nghe

Thức khuya, dậy sớm, lượm chè mười hai xu

Mãn mùa chè, đệm cuốn sàng treo

Ra về, bỏ bạn cheo veo có một mình

Bạn ơi, bạn chớ có phiền tình

Mùa ni không gặp, nguyện tình mùa sau

Trăm lạy ông trời mưa xuống cho mau

Chè kia ra đọt, trước sau cũng gặp chàng

Ba với ba là sáu

Sáu với bảy là mười ba

Bạn nói với ta không thiệt, không thà

Như trái đủng đỉnh không già, không non

Bạn nói với ta chưa vợ, chưa con

Bây chừ ai đứng đầu non kêu chàng.

Thương em từ thuở nằm nôi
Em nằm em khóc, anh đôi cục đường
Bây chừ, em có người thương
Em ơi, hãy trả lại cục đường cho anh.

Ngã tư nơi chốn hẹn hò
Gặp nhau liếc mắt, dặn dò đôi câu
Chàng đưa thuốc, thiếp trao trầu
Thấm tình Cẩm Lệ, mặn vôi Thanh Hà
Vì ai nên chàng cách thiếp xa
Vì ai nên trầu héo cau già, phải lẻ đôi?

Gió nam thổi xuống lò vôi
Ai về nói với bạn ta có đôi mà bạn buôn
Kể từ ngày bước xuống ghe buôn
Sóng bao nhiêu gợn, dạ chàng buồn bấy nhiêu
Cạnh buồm gió thổi hiu hiu
Nước mắt sa lai láng, dây lưng điều chặm không khô
Sự tâm tình thảm thiết chừng mô
Con cá lui về biển Bắc, để chiếc nơm khô có một mình.

Gió đưa gió đẩy bông trang
Ai đưa ai đẩy duyên nàng tới đây

Tới đây thì phải ở lại đây

Ở cho bén rễ xanh cây, hãy về.

Ví dầu tình bậu muốn thôi

Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra

Bậu ra cho khỏi tay ta

Cái xương bậu nát, cái da bậu mòn.

Ngồi buồn phút thấy nhện sa

Người thương đổi (trở) dạ, nhện đà đem tin.

Trong ca dao của cả nước, tôi không gặp lời ru của người cha. Ở đất Quảng, người cha hát ru con. Những bà mẹ cũng hát ru lời này, thông cảm với tình cảnh gà trống nuôi con, yêu thương những em bé sớm mồ côi mẹ:

À ơ...

Lắng tai nghe trống trên lầu

Phần thương cho vợ, phần sầu cho con

Đêm năm canh, tiếng khóc nỉ non

Tay cha bồng con thơ dại

Miệng cha nhai hột ngọc trời

Phần cha không sữa, con ơi

Nhai cơm, sú nước, con ăn chơi, cho cha nhờ

Con thời nhỏ dại, bé thơ

Vừa ru, vừa hát ù ơ, đếm năm canh trường

Nằm lăn mà khóc trên giường

Con ơi, nghĩ tới mà thương cha này

Cha ru con mỏi mệt cả hai tay

Hay là con khát sữa, đêm ngày khóc luôn

Vừa ru, vừa hát, vừa mong

Thấy con đứt ruột, lệ tuôn hai hàng.

Ngó vô trong cảnh gia đàng

Cây xàu (xòa) lá rũ, bông ba tàn héo khô

Một mình quày quảy ra vô

Bãi nước trầu còn đó, mẹ con đi mô, không thấy về?

Hay là đi biệt phu thê

Hẹn hò non nước, bỏ bê con trên dương trần.

Cái thuở dân tộc ta bị dập vùi trong kiếp nô lệ, có kẻ đã tịch thu, cấm đoán cả điệu ca lý, câu đồng dao. Có kẻ mà đầu óc còn tỏ ra tinh táo, nghĩ rằng: "Khi người ta còn vót đũa, tức là người ta còn vót chông, khi người ta còn hát ru con bằng những câu ca dao, tức là người ta còn nhớ đến hịch tướng sĩ..."

Raxun Gamdatôp, người dân tộc Avar, một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất của quê hương Daghextan, trên vùng núi Capcadơ, nói rất đúng rằng "đứa trẻ nào không được nghe mẹ hát ru, thì cũng thể như mồ côi".

Không phải ngẫu nhiên mà những làn điệu, những khúc hát ru chiếm một khối lượng to lớn trong gia tài của âm nhạc thế giới, để rồi định hình thành một thể tài hát ru (Berceuse, Giao lam khúc, Lullaby).

Dân tộc nào cũng có những khúc hát ru vì một lẽ đơn giản: dân tộc ấy phải tồn tại, bảo đảm cho sự phát triển và tồn tại, đó là thiên chức của những người mẹ.

"Cái hay, cái sâu sắc của ca dao, cái hồn của ca dao chỉ lộ ra được hết khi ta sống với nó, khi ca dao làm thành không khí ta thở, ca dao quyện làm một với nét mặt những nhà cửa, chòm xóm, làng mạc, khi ca dao cất lên trữ tình một cách hồn nhiên, ca dao sẽ thành một cái điệu của tâm hồn cảnh vật và tâm hồn người - "như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao", "con trong võng êm lành ru kẽo kẹt", "ta ru lòng bằng tiếng mẹ ru em..."

Cảm ơn nhà thơ Xuân Diệu đã viết lời ngợi ca tuyệt đẹp về tiếng hát ru.

HÒ ĐƯA LINH - BẢ TRẠO

Một trong những cách ứng xử văn hóa mang tính truyền thống của nhân dân ta là việc đối xử với người chết. Sự chia cắt vĩnh viễn giữa người sống với một người thân trong gia đình mất đi, đã gây nên một nỗi đau đớn không gì lấp được. Thay bằng quan niệm xa cách vĩnh viễn, người ta tiễn đưa người chết về nơi "cực lạc".

Khái niệm "Sống gửi thác về" không chỉ nói lên thế giới quan, mà còn cả nhân sinh quan của ông cha ta nữa. "Về" không đồng nghĩa với "mất". Ngược lại, "về" là một sự ngưng nghỉ vững bền, ổn định. "Về" để sống tiếp một cuộc sống dài lâu, và yên ổn hơn. Như thế, cái chết không chỉ đem đến buồn đau, mà còn mở ra cho mỗi con người cuộc sống mới vĩnh hằng.

Người ta yên tâm tiễn đưa người chết bằng một nghi lễ trang trọng, sầu não nhưng không thảm khốc; bi ai nhưng không ngao ngán, tuyệt vọng.

"Sống dầu đèn, chết kèn trống" nêu lên quan niệm của cha ông khẳng định khi sống con người không thể thiếu ánh sáng, lúc chết con người không thể thiếu ca nhạc. Lúc vào đời là tiếng hát ru và khi lìa đời là điệu hò đưa tiễn.

Trong lễ tiễn đưa, tiếng khóc được thay thế bằng diễn xướng hát múa nhạc mà từ lâu đời lễ tang không thể thiếu được - hoạt

cảnh *hò đưa linh*. Dàn nhạc phụ họa có trống chiến, đàn nhị (cò); đàn hồ tiểu, kèn tiểu, mõ, thanh la nhỏ.

Hoạt cảnh được trình diễn tại nhà đám, hay khi sắp hạ huyệt bao gồm các làn điệu hát bội xen kẽ, lý, hò, vè kết hợp với sự thay đổi đội hình của đội diễn viên.

Diễn viên cầm mái chèo, mặc xiêm trường, quần giáp (trang phục hát bội), đầu chít khăn tang, đứng thành hai hàng song song bên quan tài đặt trong thuyền rồng, vừa hát, vừa làm động tác chèo thuyền, theo sự điều khiển của tổng lái, tổng mũi, tổng thương (tổng khoang). Khi tát nước, câu cá, cuốn buồm, cứu thuyền trong giông tố... động tác hình thể đều được cách điệu, ước lệ theo phong cách nghệ thuật hát bội.

Với lời con đưa tiễn mẹ, vẹn toàn chữ hiếu, thể hiện nỗi tiếc thương sâu thẳm; với lời chia tay bạn, bộc lộ lòng quý mến thắm thiết, nội dung của *hò đưa linh* đã phản ảnh được một số nét đời sống và quan điểm của nhân dân ta đối với những mối liên hệ ràng buộc các thành viên trong gia đình với nhau, trong tình bè bạn.

Ôi than ôi!
Trời ơi, hỡi trời!
Người như thế ấy
Cảnh rất đau lòng
Đà ở trong vòng
Ỷ khôn thoát lưới
... ...

Hụi bớ hò bớ hụi! Khoan bớ hò khoan!
Phản hồi đưa linh
Đưa linh phản hồi
Đưa mẹ về quê
Mẹ về đất Phật
Trời hỡi trời!
Sao dời vật đổi
Nên chi cỏ héo hoa sầu
Đêm năm canh, ngày sáu khắc
Con ve kêu giục giã
Con đương mơ màng, sực nghe tiếng mẹ kêu
Muốn tìm mẹ, tìm sao đặng mẹ
Tây phương đất Phật, mẹ đi không về!
... ...
Hụi bớ hò bớ hụi! Khoan bớ hò khoan!
Mẹ già thọ bệnh
Khi nóng, khi lạnh
Thuốc thang chẳng rời
Mẹ về chầu trời
Xa quê, khác cảnh
Lòng con chành chạnh
Biết thuở nào khuây
Chọn tháng, chọn ngày

Tìm đường an số
Nhờ làng, nhờ họ
Đưa đám vẹn toàn
Đèn thắp hai bên
Sáng nhà sáng rạp
Trước án đèn chong
Khăn trắng, áo thùng
Nào con, nào cháu
Nào cô, nào cậu
Nào chị, nào em
Đứng lại xung quanh
Vừa than vừa khóc
... ...

(Bài nhịp một hát Bội)

Ôi, thương ôi!
Chốn thiên hương mẹ nay đã về quê
Nơi trần tục người chịu bề đau khổ
Mẹ thác đó, quê hương còn đó
Cảnh tình đây, chua xót nỗi đây
Đó bao đành cõi hạc, chơi mây
Đây khóc tủi, đầu tang, tóc chế
Ô hô, ai tri, phụ giai, thượng hưởng.

HÒ ĐƯA LINH[1]

NHÂN VẬT: 1 lái linh

1 phách cái

4 phụ chèo

4 phách phụ

Từ phía sau quan tài đi ra, theo lối lộn đường xà[2], rẽ làm đôi.

Phách cái: (Nói lối theo phong cách hát bội).

Nảy anh em,

Hộ linh cữu, anh em lo đèn chạo

Còn các bác,

Đưa thuyền lan, các bác sửa cọc chèo

Lái linh: Phải đó!

Phần chúng tôi cặp lái, giữ lèo

(còn) Việc các chú gõ sanh, nhịp phách

(Phách cái gõ một hồi 3 tiếng, tất cả đứng yên nghiêm túc)

Lái linh: Bớ này anh em bả trạo![3]

Hãy tạm nghỉ chân tay trong khoảnh khắc

Cùng chia buồn, tình cảnh chịu đôi nơi

(Có nên không)

---

[1] Sưu tầm tại Lai Nghi, Thanh Hà (nay là xã Cẩm Hà, Thị xã Hội An)

[2] Ngoằn nghèo đường rắn lộn.

[3] Trong dân gian, có nơi gọi nhầm là bả trạo (trăm mái chèo), nay gọi đúng là bả trạo (cầm mái chèo).

4 phụ chèo: Dạ, nên lắm

(Phách cái gõ một hồi sanh lệnh gác mái chèo)

Lái linh: Bây giờ lão muốn

Bắc thang lên hỏi ông trời

Để cho người ta sống mãi đời đời được không?

(Có được không bả trạo?)

4 phụ chèo: Việc nớ không được mô[1]

Lái linh: Rứa là[2]

Số càn khôn đã quyết

Lò tạo hóa khôn dò

Ai ai thì cũng một chuyến đò

Người người đã mấy lần qua bến

Bớ bả trạo kia kìa

Mây đen đà kéo đến

Sắp phủ kín Sơn Trà

(vậy) Phiền bà con cởi trật áo ra

Rắc buồn lại cho mái chèo mái xắp

(Phách gõ ba tiếng trống chiến bủa, 4 chèo phụ đầu gay mái chèo)

Phách cái: Ôi vong linh ơi!

Hồn nay vẫn an nơi tĩnh thất

---

[1] Việc ấy không được đâu.

[2] Thế là.

Sáng mai đà gác mái linh xa
Tôi xin chúc cho vong linh
Hồn siêu thăng thế giới ta bà
Miền cực lạc tiêu diêu cõi thọ

(hát nam) Cõi thọ tiêu diêu cực lạc
Thảm thương vì én bắc nhạn nam

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Lái linh: (hò) Con nhạn kêu sương nghe thấm thoát
Cái xà khóc nguyệt lụy bi sầu

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Phách cài: (hát nam) Trách ai cắt đứt nhịp cầu
(để cho người) Gậy vông chống đất, mái đầu khăn tang

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Lái linh: (hò) Nhất đáng, biệt ly âm dương cách
Thiên thu, vĩnh viễn thủy trường lưu

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Phách cái: (hát nam)
Trách hóa công không lường duyên số
Vẽ chi trò lưỡng lộ âm dương

Lái linh: (hát bài nhịp một hát bội)
Ôi thương ôi
Cây trên rừng có cây sống tới ngàn năm

Người dưới thế ít người sống đến ngoài trăm tuổi
Tưởng như đá đổ buồn có buổi
Hay đâu trời nước là khôn ngăn
Biết lấy chi đắp nghĩa khó khăn
Làm sao được đền ơn tri ngộ
Thời dã, mạng dã, số hề, căn hề
Chốn thiên hương bạn nay đã về quê
Nơi trần tục người chịu bề đau khổ
Bạn thác đó, quê hương còn đó
Cảnh tình đây, chua xót nỗi đây
Đó bao đành cõi hạc chơi mây
Đây khóc tủi đầu tang tóc chế
Ô hô, ai tai, phụ giai, thượng hưởng.

(Đồng thanh vào bài nhịp một)

Xà đông là không sầu tây
Suối vàng xa cách dặm cù
Người đời khác thể bóng trăng thu giữa trời

(Chuyển hò)

Ố hậy, ắc giàu hậy, dạ dô hò dậy hù khoan, là hù khoan

Lái linh: Lui thuyền khỏi bến Giang Tân

Tất cả: Hù là khoan

Lái linh: Phất phơ buồm liễu

Tất cả: Hù là khoan

Lái linh: Tay lần chèo ba

Tất cả: Hồ hò hố hụi, hất hụi hò khoan, a lý khoan hò khoan.

Hò đưa linh[1] được trình diễn như sau:

Dàn nhạc cổ truyền dân tộc[2] trỗi lên *giọng nam ai* và *giọng xuân nữ*.

Tổng mũi tay cầm sinh, dẫn đầu đội bả trạo (những tay chèo) đi vào gian nhà có long thuyền đặt quan tài.

Mỗi tay chèo cầm một mái chèo.

Tổng lái đi cuối hàng, tay cũng cầm một mái chèo đặc biệt, dài hơn mái chèo của hàng tay chèo.

Cả đội đi đều đặn nhịp nhàng, lượn ngoằn ngoèo theo nhịp sinh của Tổng mũi.

Khi tới gần bàn thờ đặt trước quan tài, đội tay chèo từ hàng đôi chuyển thành hàng tư rồi dừng lại.

Tổng mũi tách khỏi đội, tiến đến phía trước rồi tất cả hướng về bàn thờ.

Theo nhịp sinh của Tổng mũi, tất cả tay chèo ngồi xuống theo nhịp sinh khác, tất cả đặt mái chèo xuống đất, rồi đứng dậy.

---

[1] Theo *Tìm hiểu sân khấu chèo* của Vũ Khắc Khoan (dựa bản sưu tầm chép tay *Chèo đưa linh* của Phạm Thùy Nhân) Nhà XB Lửa Thiêng - Sài Gòn tháng 10/1974.

[2] Ban đầu có trống chiến, trống cái, trống cơm, thanh la nhỏ, kèn, sáo. Sau này có thêm đàn cò (nhị), đàn hồ trung, đàn nguyệt.

Xuất *lưu thuyền* bắt đầu.

(diễn xuất của đội đều theo phong cách hát bội, từ nói lối, bài, làn điệu đến cử điệu và động tác hình thể có kết hợp vài điệu hò khoan)(*)

Tổng mũi nói lối điệu nhanh:

Nhạn qui bắc hải

Nguyệt khuất non nam

Mây bạc một vùng trên đỉnh núi

Bóng vàng ngả rủi khuất đầu non

Cánh hạc hồn nương theo gió sớm

Cánh nhàn gió giục với chiều mây

Thảm thương cho mẫu tử phân tay

Đò tạo hóa sắp bày nhiều đoạn thảm

Nay bà đã vội lìa cõi tạm

Bỏ cháu con trăm thảm ngàn sầu

Cắt can tràng, lệ ngọc thấm bâu

Ta thán đã, ô hô, vĩnh biệt

Nay gặp lúc bà về cõi hạc

Chúng tôi phải ra tuồng bỏ bứt dương ba

(*) Theo ý kiến của nghệ nhân *hò đưa linh* ở Lai Nghi, Thanh Hà (Cẩm Hà, thị xã Hội An) và nghệ nhân hát bội Sáu Lai, Đội Tảo, Ngô Thị Liễu (Quảng Nam); Mạnh Cầm, Bạch Trúc, Viết Dung (Huế).

Tương thuyền lan, bái yết linh hồn bà

Truyền bả trạo ứng hầu cho tề chỉnh

Bớ bả trạo.

Đội chèo: Dạ

Tổng mũi nói lối đạp nhanh:

Nhất nhân nhất triệu

Chiếu diệu hương đăng

Nay bà đã nhắm mắt lìa trần

Vậy thì,

Truyền bả trạo lạy đưa bà ba lạy

Bớ bả trạo

Đội chèo: Dạ

Tổng mũi nói lối rịn:

Chín tháng mang thai đau lòng mẹ

Ba năm giọt sữa khổ mẫu từ

Con nhai cay đắng thương hình mẹ

Canh tàn ru trẻ thảm từ thân

Phận hiếu nhi lòng thảo phải làm đền

Ơn dưỡng sanh, con chẳng hề quên

Tình mẫu tử chia ly hai ngả

Tổng mũi bắt bài nhịp ba:

Hiến đăng ba

Vỗ sinh ca

Nhất bái đưa hồn bà về cõi hạc

Tiêu diêu hồn xuống chốn dạ đài

Nhì bái hồn bà về chín suối

Phiêu diêu cực lạc biệt ngàn thu

Tam bái âm dương lưỡng lộ

Hương hồn lai vãng chốn tây phương

(Ba "bái" đó, tất cả đều phải vái, quỳ xuống đứng lên đúng ba lần.)

Tổng lái làm cử điệu truyền lệnh, nói lối:

Vậy thì tiền hậu, trung ương đầy đủ

Đôi bên tả hữu lưỡng toàn

Vậy thì truyền trạo tử lưỡng ban

Hãy sắm sửa gây chèo cho cẩn thận.

Bớ bả trạo

Đội chèo: Dạ

(Cùng lúc, hai hàng tay chèo sửa soạn đưa mái chèo theo nhịp sinh của Tổng mũi.)

Cả đội chèo nói lối điệu:

Trong linh cữu tân quang đăng hỏa

Ngoài chúng tôi phất tiếng trạo ba

Điệu tôi con đâu dám nại hà

Chúng tôi đã gây chèo một lượt.

Tổng mũi nhịp sanh:

Tất cả đứng lên

Tổng lái hát nam ai:

Một lượt chèo bơi sửa soạn

Đưa linh hồn về cõi hạc tiêu diêu

(Tổng lái vừa hát vừa quỳ xuống, tất cả quỳ theo Tổng mũi nhịp sinh)

Rồi đội chèo cùng hò:

Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Tiêu diêu thiên đàng, hò đưa linh

Bắt đầu từ đây, tổng mũi hát bài *giọng nam ai*, thỉnh thoảng sang *giọng xuân nữ ai*, đội chèo hát nhại lại, vừa hát, vừa làm động tác chèo thuyền (bài này khá dài, khoảng 50 cặp 6-8 thể hiện nỗi nhớ thương người đã mất). Đôi lúc có chen mấy câu hát nam, theo sự sắp xếp của từng đội hò với lời hò.

Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Tiêu diêu thiên đàng, hò đưa linh

Cho đến khi *Tổng lái nói lối điệu*

Nay thuyền đã tới bến Giang Tân

Thuyền bả trạo nghỉ an giấc điệp

thì coi như chấm dứt xuất lưu thuyền, linh hồn người chết đã tới miền cực lạc. Tất cả nghỉ ngơi, để rồi lại trở về nơi trần thế. *Hò đưa linh* đi vào phần kết thúc *xuất lui thuyền*.

Tổng lái nói lối

Truyền bả trạo kéo neo

Đặng lui thuyền lập tức

Bớ bả trạo

(Đội chèo vừa hát vừa kéo neo. Rồi họ vừa chèo vừa hát hò khoan)

Chèo quế thuyền lan ra miền Bắc

Đừng có cho con chim nhạn đậu chốn non đoài

Để sông giang thọ trường

Việt việt mau mau

Khoan bớ hò khoan

Ta lý tang tình

Là nghẽo bù hò

Là lý tình tang

Khoan bớ hò khoan!

Điệu *hò đưa linh* chấm dứt ở đây.

Hò đưa linh
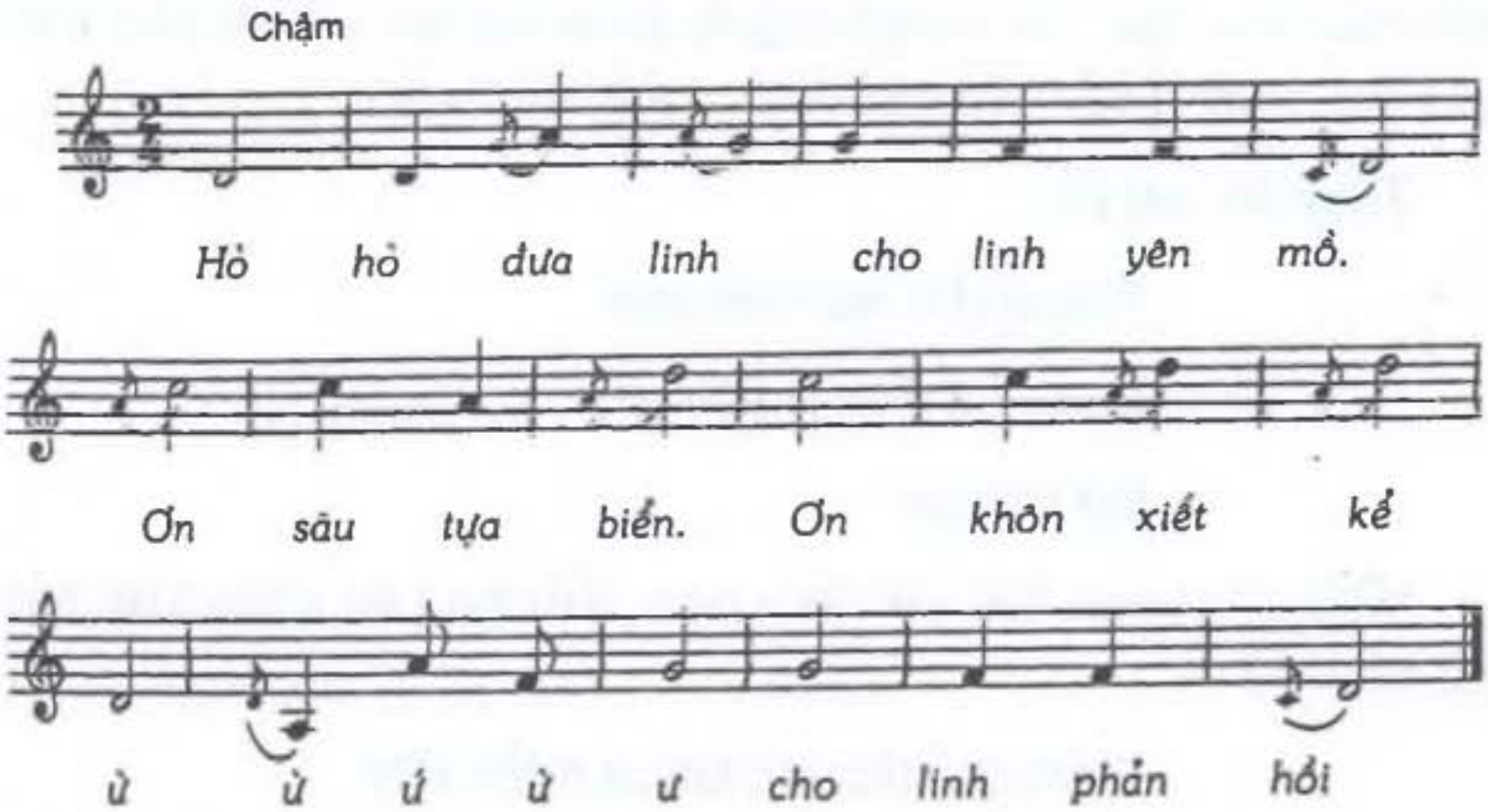
Hò đưa linh

Nhóm bạn hò Lệ Thủy hát

NGUYỄN VIÊM ghi âm

Chậm - kể lể
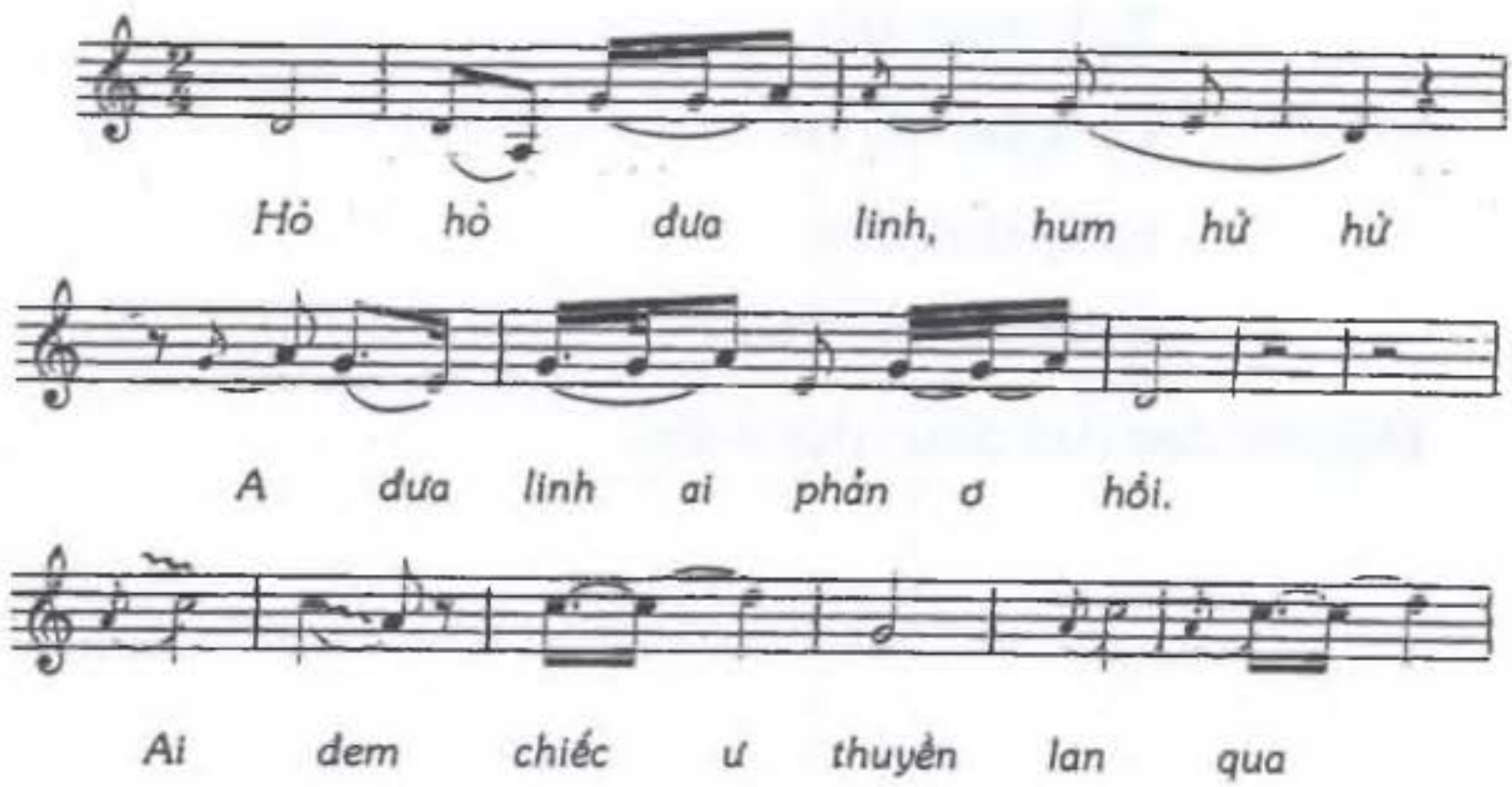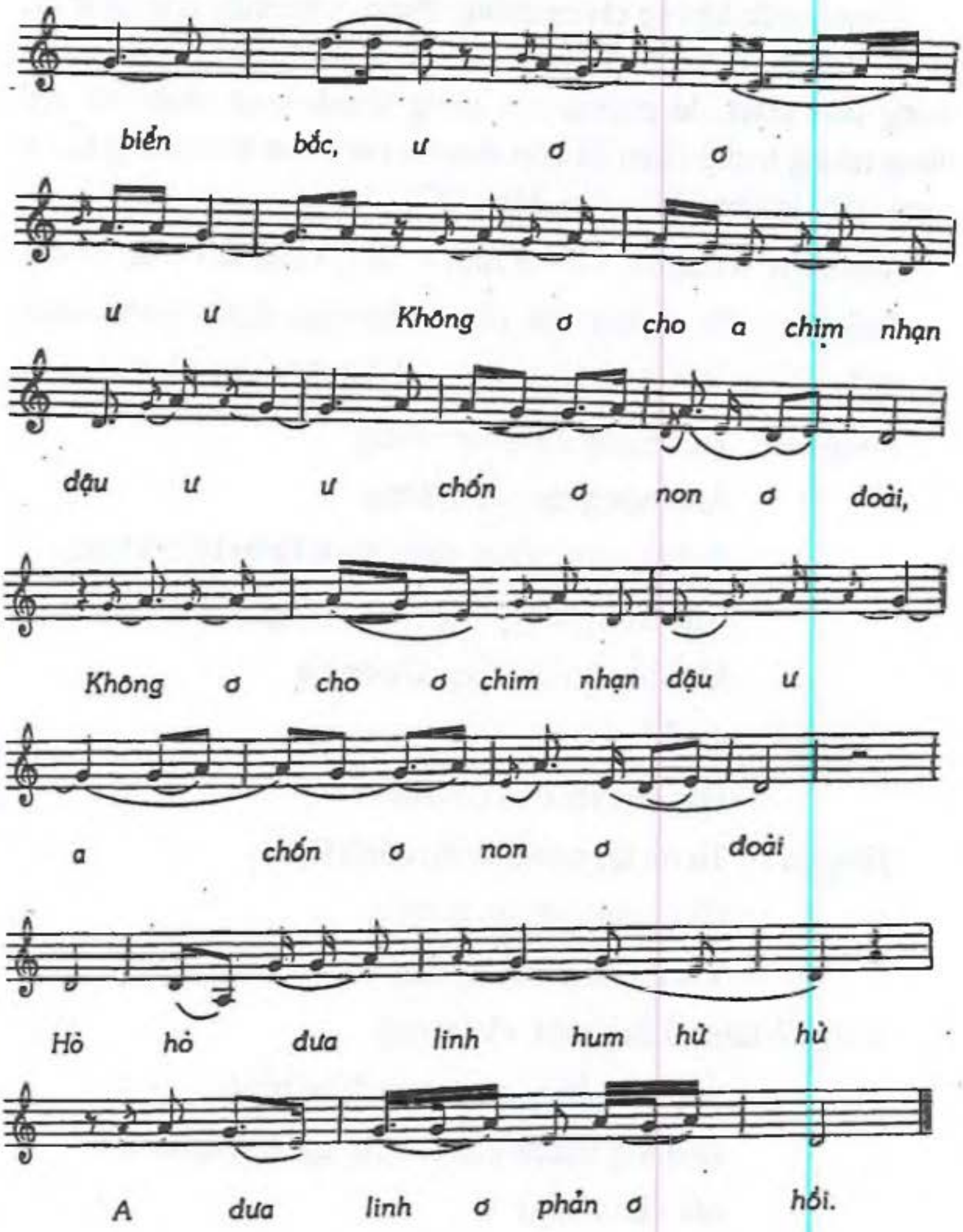
biển bắc, ư ơ ơ
ư ư Không ơ cho a chịm nhạn
dậu ư ư chốn ơ non ơ đoài,
Không ơ cho ơ chim nhạn dậu ư
a chốn ơ non ơ đoài
Hỏ hỏ đưa linh hum hử hử
A đưa linh ơ phản ơ hỏi.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tiếp nhận tính chất lạc quan, hào hùng và cách trình diễn sinh động của *hò đưa linh* trong dân gian, đã phóng tác, dựng thành hoạt cảnh với nội dung tượng trưng chèo lái con thuyền vượt qua cơn giông tố, ca ngợi cuộc kháng chiến của dân tộc(*).

Nhân vật: Tổng lái - Tổng mũi - Tổng khoang - 8 tay chèo

Dàn nhạc: đàn nhị (cò), đàn hồ tiểu, kèn tiểu, thanh la nhỏ, sanh.

Diễn viên: nói lối theo phong cách hát bội (nói lối xuân)

Tổng lái: Trời hừng đông tươi sáng
Ánh hồng rạng non sông
Buồm ngoài khơi phấp phới khắp biển Đông
Ghe trong lộng chập chờn dòng nước biếc
Mời tổng mũi, tổng khoang à

Tổng khoang, Tổng mũi:
Hai bên tôi đều có mặt

Tổng lái: Ta ôn lại con thuyền oanh liệt
(Bây giờ anh em ta hãy)
Vượt trùng dương đến bến thanh bình

Tổng khoang, Tổng mũi: (Vậy thì)
Sắp thuyền ta sửa soạn đăng trình
Giương buồm trắng, vượt gành nhẹ lướt
(đi vào trong)

(*) Sau khi có chỉ thị theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II họp vào cuối năm 1951, về "chủ trương phục hồi vốn cổ văn hóa - văn nghệ của dân tộc".

Tổng lái: Bả trạo!

Bả trạo ta mau mau sắp xếp

Quyết một lòng, đem hết tinh thần

Huy động nhau, cấp cấp tập trung

Chung sức lại để cùng vượt sóng

Bả trạo! (Vậy thì)

Anh em ta đồng thanh một giọng

Để vui chung đồng hát trạo ca:

Rộn rịp, rộn rịp, bả trạo ca

Lực lượng ta vượt giông tố

Giông tố kia còn kém thua ta (2 lần)

Chúng ta không nề gió táp

Chúng ta không nề mưa sa

Nguyền vượt qua dù giông tố

Có gió mưa, thuyền vẫn cứ đi (2 lần)

8 tay chèo: (Ra hai hàng song song, đứng trước Tổng lái)

Tổng lái: Bả trạo đã tề tựu

Cùng tổng mũi, tổng khoang

Chuẩn bị đâu vào đó đàng hoàng

Để sửa soạn băng ngàn, vượt sóng

Tay chèo: Anh em ta đồng thanh một giọng

Rẽ hàng đôi cùng hát trạo ca

Rộn rịp, rộn rịp bả trạo ca

Lực lượng ta vượt giông tố

Giông tố kia còn kém thua ta (2 lần)

Chúng ta không nề gió táp,

Chúng ta không nề mưa sa.

Nguyền vượt qua, dù giông tố

Có gió mưa, thuyền vẫn cứ đi (2 lần)

(Chuyển đội hình)

Tổng mũi, tổng khoang:

Chuẩn bị rồi đâu đó đều xong

Xin Tổng lái cho bả trạo chèo

Nhắm biển rộng hướng theo chiều gió

Tổng lái: (Vậy thì)

Bả trạo hãy gay chèo

Bắt mái ta lướt tới, á

(hát nam) Lướt tới, vượt dòng sóng bạc

Vững tâm, dù gió tạt, mưa tuôn

Tổng mũi: (hò) Mưa tuôn, gió tạt, mặc lòng

Anh em ta chèo chống, gió giông, ta không sờn.

Tổng lái: (hát nam)

Trăm năm giữ một chữ đồng

(Anh em hãy chèo lên)

Thuyền ta giữ lái, quyết không lơi chèo

Tổng khoang: (hò) Sức mình mạnh biết bao nhiêu

Sức này lấp biển, vá trời cũng nên

Tổng lái: (Anh em hãy gắng lên)

(hát nam) Anh em ta, dưới trên, một dạ

Lái thuyền mình một ngả mà đi

Tổng mũi: (hò) Thuyền ta chèo giỏi, lái hay

Ngày nay gian khổ, ngày mai vui vầy

Tổng khoang: Nhiệm vụ toàn thuyền đà giao phó

Phải chuyên cần, coi trước ngó sau

(Tính tôi siêng năng lắm, không làm thì thôi, hễ đã làm thì tay bằng miệng, miệng bằng tay, nên chi)

Miệng nói rồi, chân rảo bước liền

Xách gàu nọ, bôn ba tát nước

(Tát nước một hơi, đứng lại thì)

Ôi cha! Là mệt

(hát lý thiên thai)

Hai tay cầm lấy cái gàu

Tôi lo tát nước, cạn sâu không nài

Tổng lái: Ớ tổng khoang,

Đêm đã khuya, sương mù bao phủ

Một vùng mây dờn dợn phía Tây

Tôi đoán là sẽ có gió day

Anh em phải cùng nhau canh giữ

Tổng khoang: Ủa lạ!

Trời đang sáng, bỗng hóa ra u ám

Biển đang thanh (sao mà) lượn sóng chập chờn

Phương đông kia thổi ngọn gió nồm

Phía tây nọ, mây dồn đen đặc

Quả thiệt trời kia trở mặt

Con phong ba, gió dặc ngang thuyền

Mắt nhìn sóng chập chờn huyên thiên

Kêu chú tổng lái để mà định đoạt (a)

(hát tẩu mã) Bôn ba bộ bộ tẩu như phi (đặng mà)

Báo lại tổng lái đắc tường tri

(Giông! Giông)

Tổng lái: Này anh em toàn thuyền

Gió thổi mạnh, sóng kia ào ạt (Anh em)

Phải gành thuyền giữ vững đừng nao

Tổng mũi lo sắp xếp mau mau

Trong thuyền nội, tổng khoang xem xét

(Này anh em trạo)

Dù sóng gió chúng ta cũng quyết

Vượt phong ba, xông lướt tới nơi
Bảo tồn thuyền và tính mệnh mọi người
Chung sức lại, chèo mau qua cơn bão
(Anh em ta)
Bắt mái một gay chèo
(tổng mũi điều khiển chèo)

Tay chèo: (hát bài trận)
Ta quyết vượt gió giông
Lao động chấn uy phong
Đưa thuyền ta lướt tới
Chắc chắn sẽ thành công
Chắc chắn sẽ thành công

Tổng mũi: (hò) Mặc bao nguy hiểm, truân chuyên
Anh em chung sức, giữ yên con thuyền
Anh em ta một lời nguyền
Đưa thuyền đến bến vinh quang rạng hồng

Tổng khoang: (Thong thả bắt mái lơi)
Hoan hỉ vô cùng hoan hỉ
Bình yên quả thật bình yên
Vượt giông tố, thuyền vững con thuyền
Lão vui sướng, vô cùng vui sướng
Thuyền ta đã qua cơn bão chướng

(hát khách) Vượt khỏi gian lao (nên chi)
Mọi người đã tốn nhiều sức lực
(Bây giờ)
Tố giông yên tĩnh
(Tôi xin ngỏ ý với toàn thuyền)
Chúng ta nên nghỉ sức, dưỡng mình
(Anh em mình có nhất trí không)

Tổng lái: Cho anh em nghỉ dưỡng sức

Tổng mũi: Anh em trạo ngồi xuống
(Toàn thuyền nghỉ ngơi)

Tổng khoang: Tôi tính tình hay hài hước
Nhưng lòng dạ rất chăm lo
(Trong thuyền cũng đã hết đồ ăn rồi, hay là ta câu cá chăng? Phải rồi)
Quyết tìm tòi cá to, cá nhỏ
Cho bả trạo miếng chua, miếng ngọt
(Tôi ngắm)
Trời đêm nay rất tốt
Gành im bớt sóng xao
(Âu là xách cần câu)
Sửa soạn lại chút mồi ngon,
Móc mồi mực thả theo chiều nước vận (a) (buông câu)

(ngâm)

Vui a! thăm thẳm trời xanh chỉ một màu
Mặn nồng tình nghĩa thắm càng sâu
Long lanh Bắc đẩu sao vòi vọi
Biển nước bao la chỉ một màu
(cảnh thanh bình, tươi vui)

Tổng lái: Trời đà lặng gió
Biển lại càng xanh.
Cho anh em chèo lấy mức thường
Tổng mũi hãy tin anh em đặng biết

Tổng mũi: (Này anh em)
Gió mưa nay đã hết
(Vậy anh em ta)
Thong thả bắt mái lơi

Tổng mũi: (Hò mái lơi)
Nhìn ra ánh sáng huy hoàng
Thái bình trở lại, rộn ràng hát ca

Tổng khoang: (hát nam)
Chèo cho đến tận quê nhà
Gia đình sum họp, chan hòa chung vui

Tổng mũi: (hò) Đi cho đến bến cuối cùng
Trên bờ, dưới biển, tưng bừng gặp nhau

Cả thuyền: (hát nam)

Anh em ta đây

Giữ một lòng thủy chung như nhứt

Thương nhau cùng đến chết không phai

Bả trạo ca
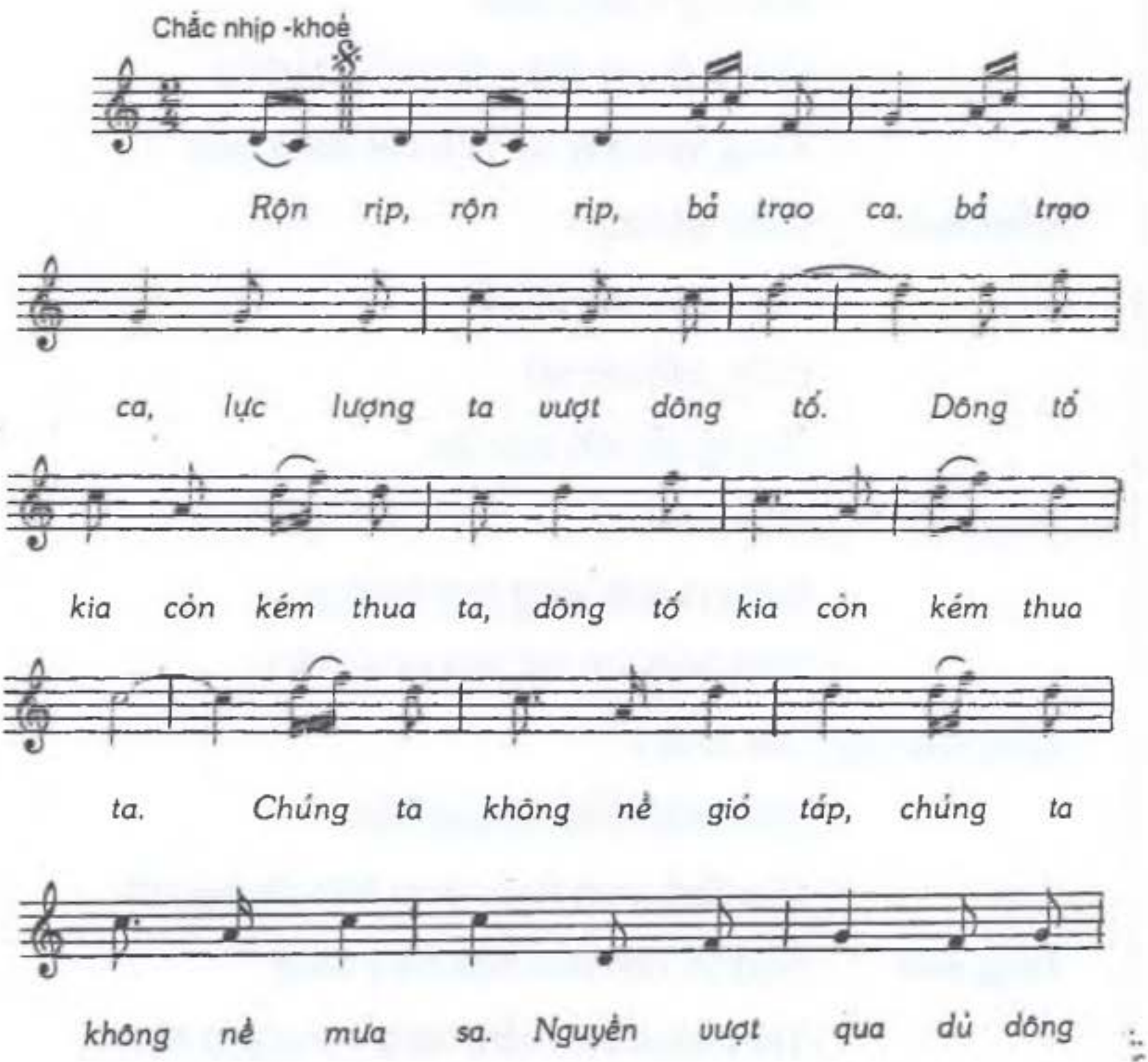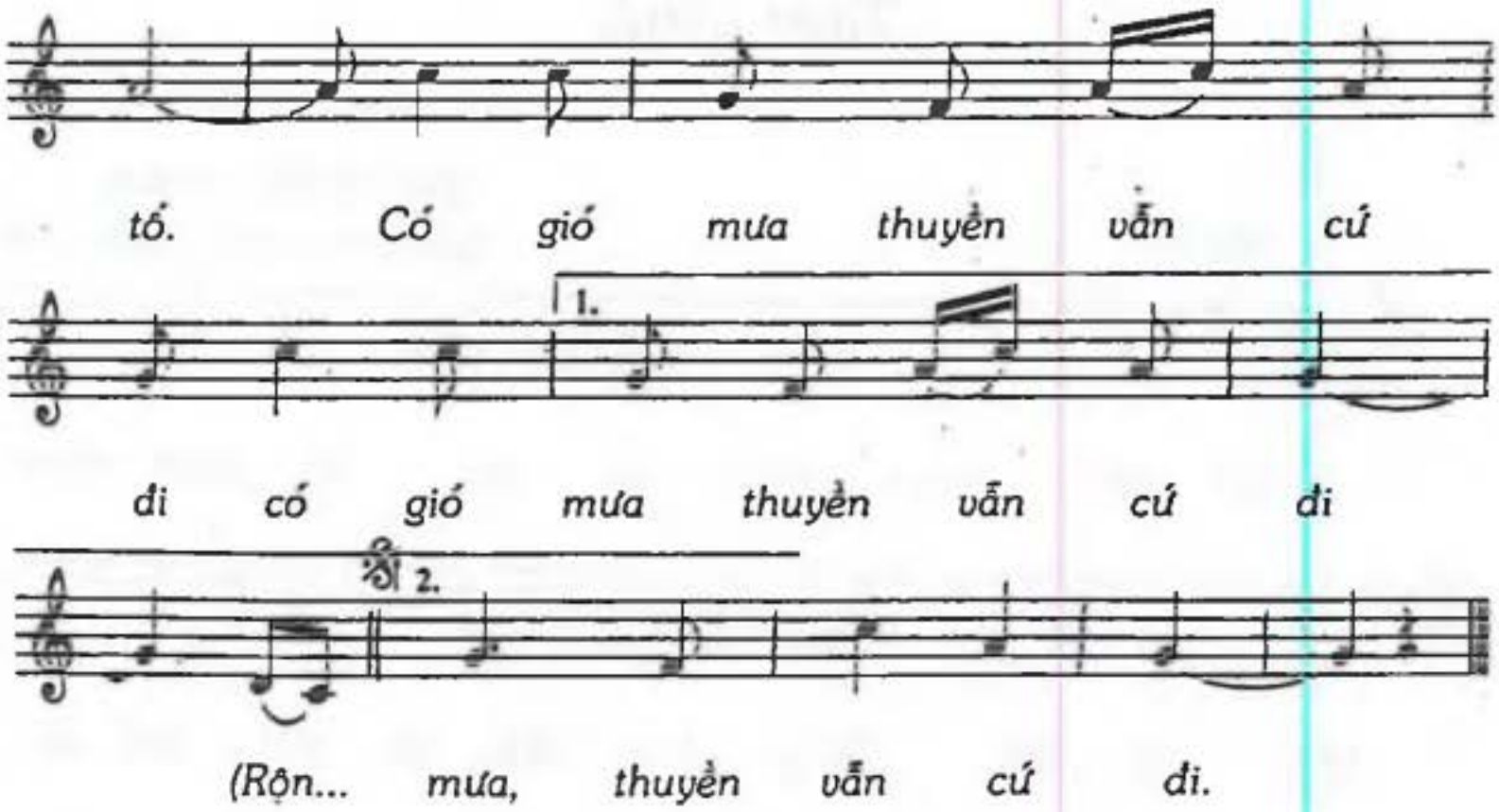
LÀN ĐIỆU MỚI

Vào giữa những năm 30 cho đến trước Cách mạng tháng Tám, nhịp nhàng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên quê hương ta, nhiều bài hát cách mạng, yêu nước được lưu truyền trong dân gian.

Đến Cách mạng tháng Tám, chúng được hát vang lên trong cao trào khởi nghĩa do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, xây dựng nền Cộng hòa dân chủ.

Có thể nhắc đến:

Tam bình

Nhạc và lời: TRẦN VĂN ÚC

Chiến sĩ Cách mạng
Quảng Nam-Đà Nẵng hát

Nhịp đi

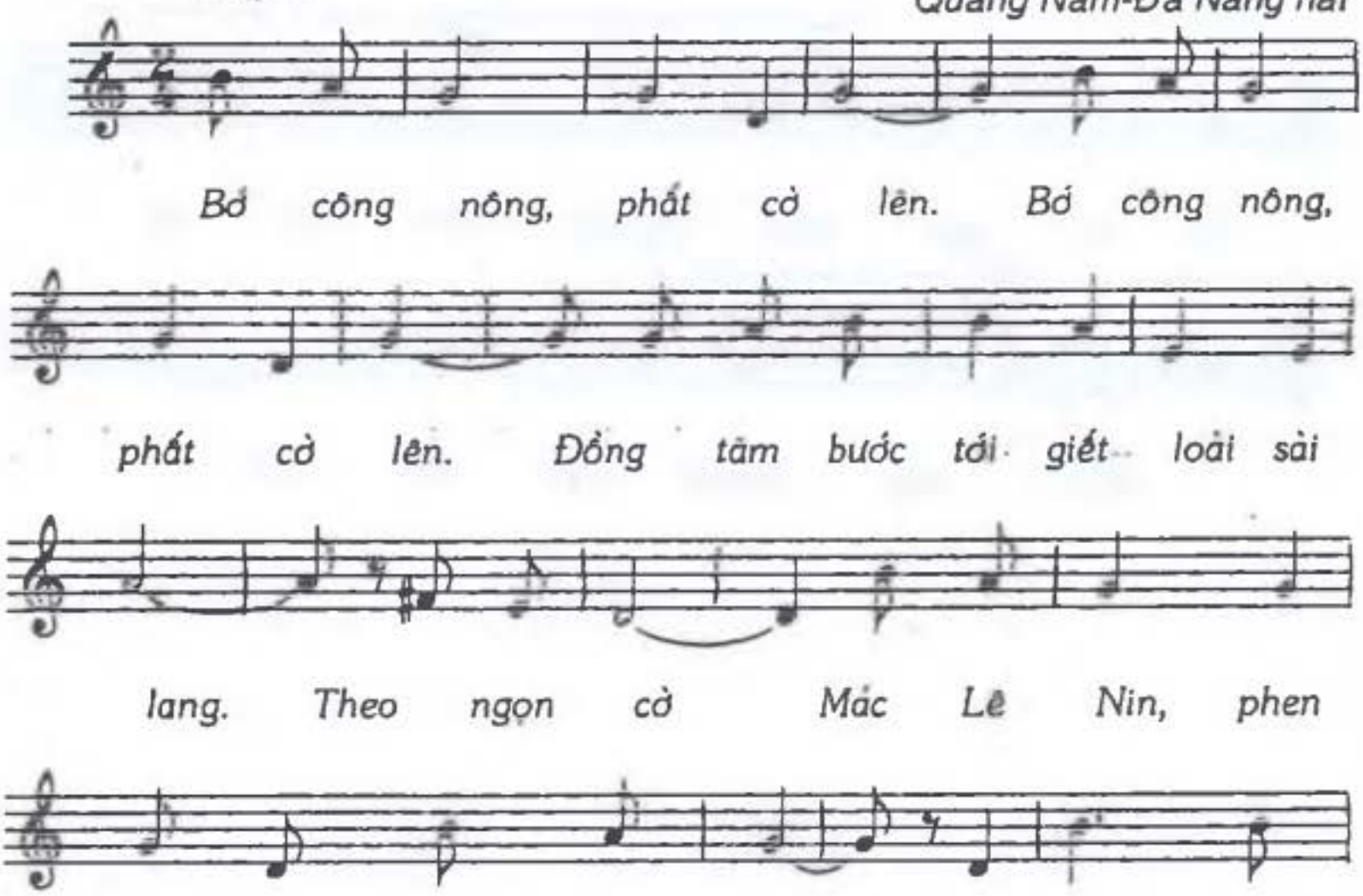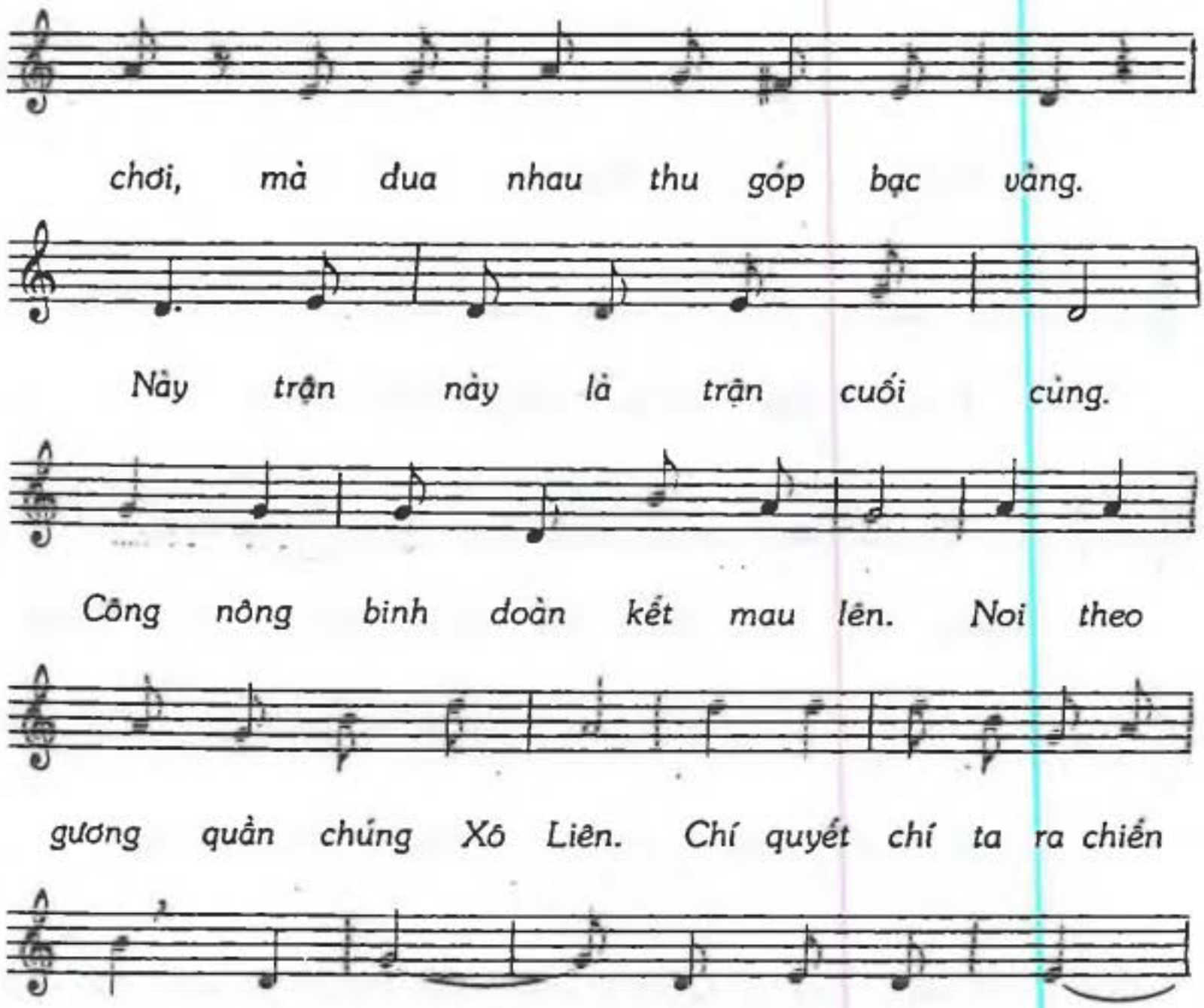

chơi, mà đua nhau thu góp bạc vàng.
Này trận này là trận cuối cùng.
Công nông binh doàn kết mau lên. Noi theo
gương quần chúng Xô Liên. Chí quyết chí ta ra chiến
dấu, làm cho người ta cùng hiệp,
làm sao cho tiêu tan giai cấp.
Rồi nhân dân muôn năm thái bình
Làm ăn chung vui sướng như nhau.
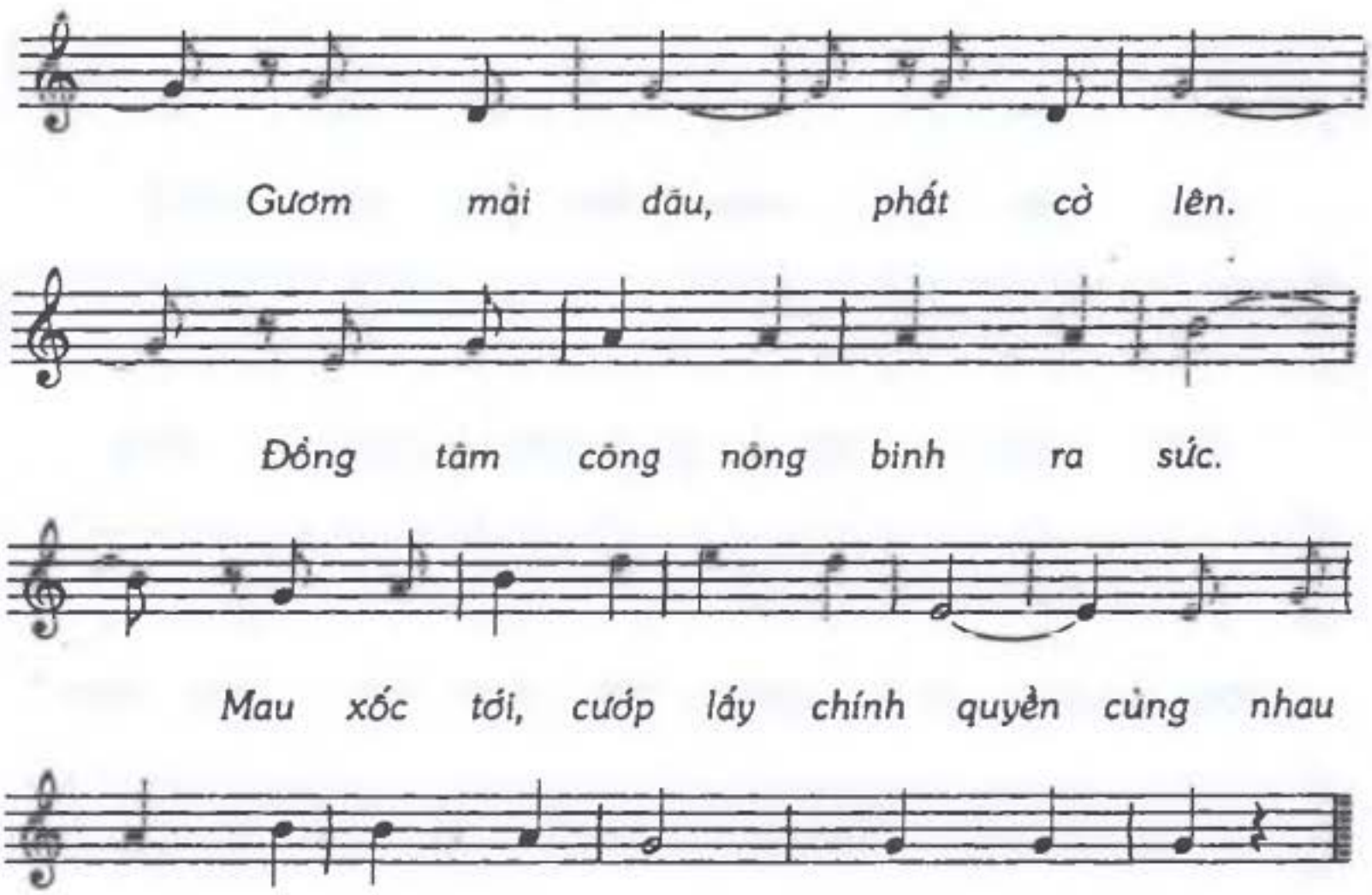
Ban lãnh đạo tỉnh bộ Quảng Nam đặt thêm lời cho bài hát này. Trong đêm khởi nghĩa cướp chính quyền, bài hát này cùng với *Kìa sáng chói, Cứu quốc ca, Bài ca Hoàng phố v.v...* được hát vang cùng với cờ tung bay, rực rỡ, hào hùng.

(*) Những bài hát Tam Bình, Kìa sáng chói, Cứu quốc ca, Bài ca Hoàng Phố đều được các chiến sĩ cách mạng Quảng Nam - Đà Nẵng hát trong nhà tù thực dân Pháp. Đến Cách mạng tháng Tám, họ phổ biến những bài hát này trong toàn tỉnh. (TĐQ)

TIẾN LÊN THEO CỜ VIỆT MINH

Quốc dân ơi! Vui mừng đi! Quốc dân ơi! Reo hò lên!
Cùng nhau ca hát dưới trời tự do
Theo ngọn cờ của Việt Minh
Quốc dân ta đoàn kết đi lên
Diệt lũ phát xít, việt gian phản quốc hết
Hợp sức kiến thiết sơn hà Nam quốc mau
Cùng gắng củng cố quyền chính bền lâu
Rồi cùng nhau vì tự do và cùng nhau chung hưởng hòa bình
Kìa ngọn cờ cách mạng tươi hồng
Quốc dân ta đoàn kết đi lên
Noi theo gương tiền bối ta xưa
Quyết chiến đấu giữ gìn Tổ quốc
Làm cho Việt Nam độc lập, bất bình xưa sao cho tiêu tan
Toàn năm châu thân ái nối liền, đặng cùng nhau xây hạnh phúc chung
Cao cờ lên, đồng bào ơi! Hiệp đồng tâm, nhân dân kiên quyết
Ta chiến đấu giữ lấy chính quyền, vì ngày mai tươi đẹp, ấm no.
Cao cờ lên!

Theo chiến sĩ cách mạng Đào Duy Đống, bài hát này còn có tên là *Công nông binh liên hiệp*, tác giả sáng tác tại khám lớn Sài Gòn vào giữa năm 1930.

Theo chiến sĩ cộng sản Trần Tống, vào đầu năm 1940, khi bọn thống trị Pháp chuyển một số đảng viên cộng sản từ nhà giam ở tỉnh đường tại Vĩnh Điện về thị xã Phai Phô (Faifoo - Hội An), trên đường đi, họ hát bài *Tam bình* này(*).

Kìa sáng chói

Chiến sĩ cách mạng
Quảng Nam - Đà Nẵng hát
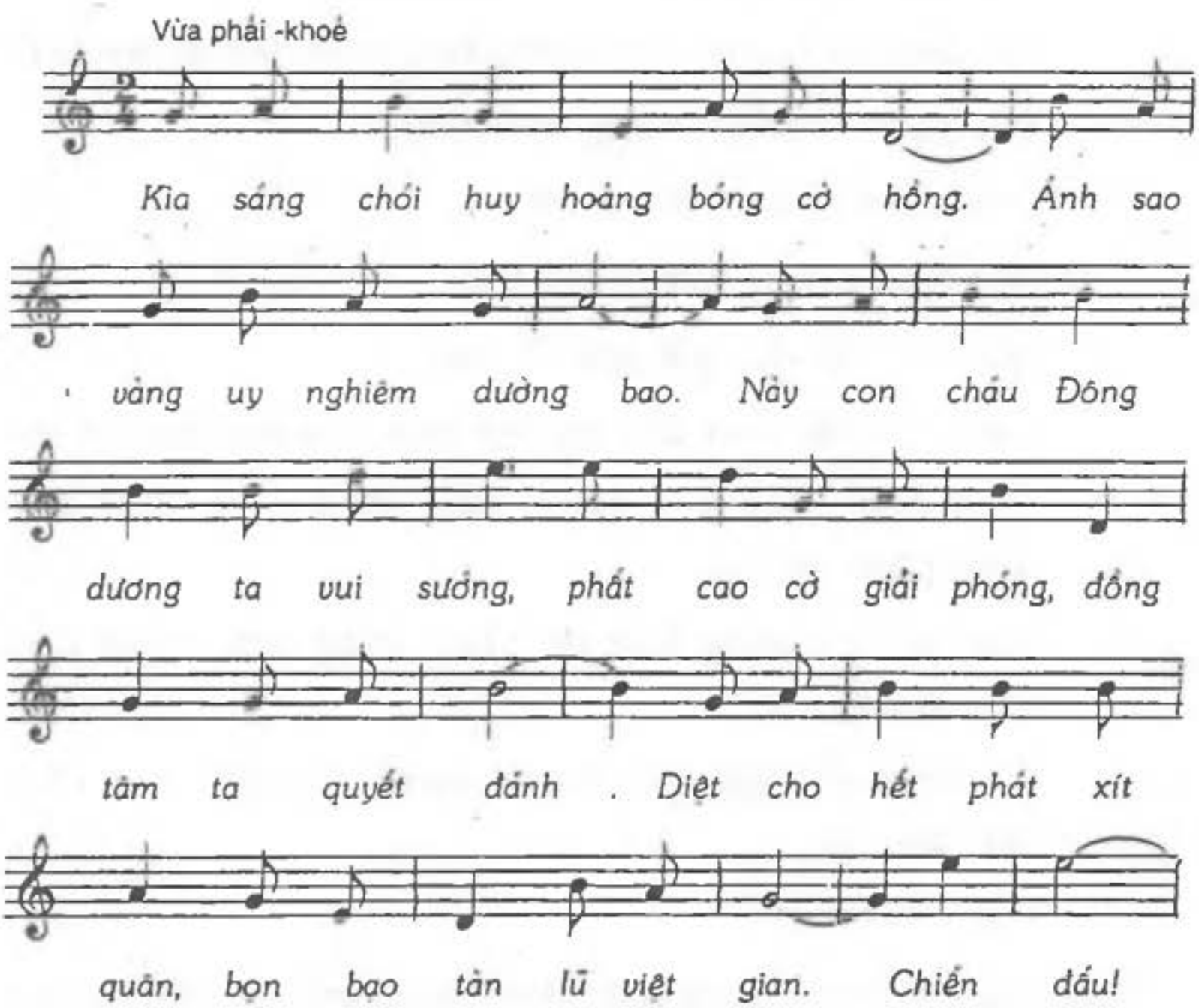
(*) Tập bài hát *"Cờ Việt Minh"* - Nhà XB Âm nhạc, Hà Nội, 1960.
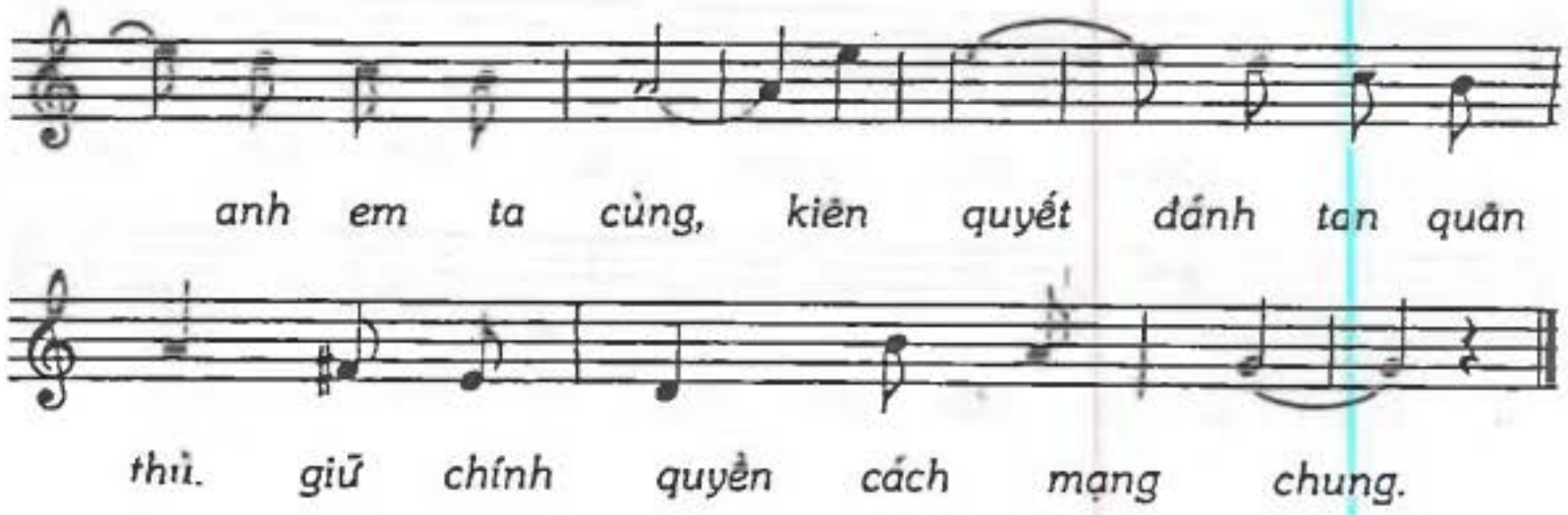
Cứu quốc ca

Chiến sĩ cách mạng
Quảng Nam - Đà Nẵng hát
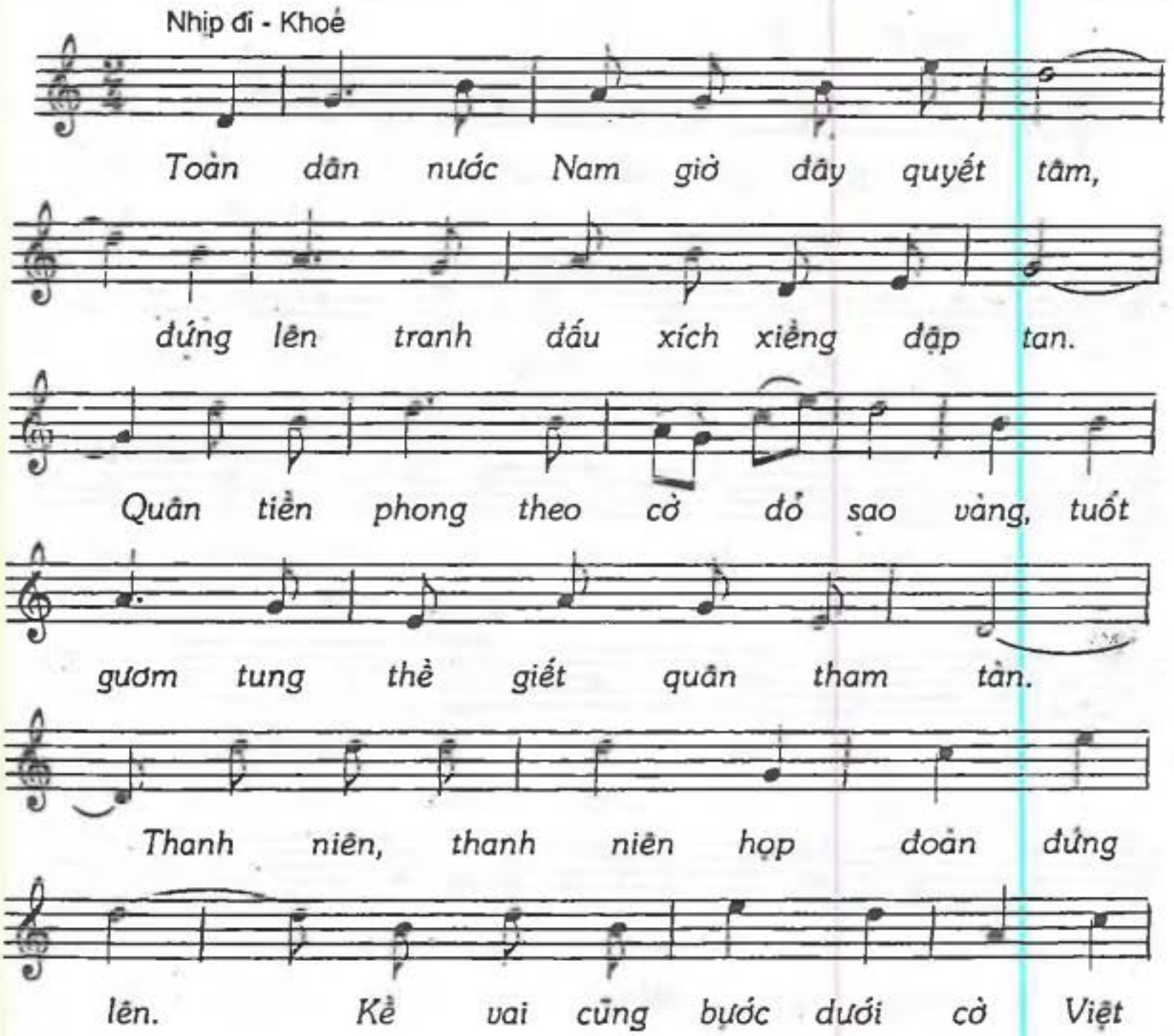
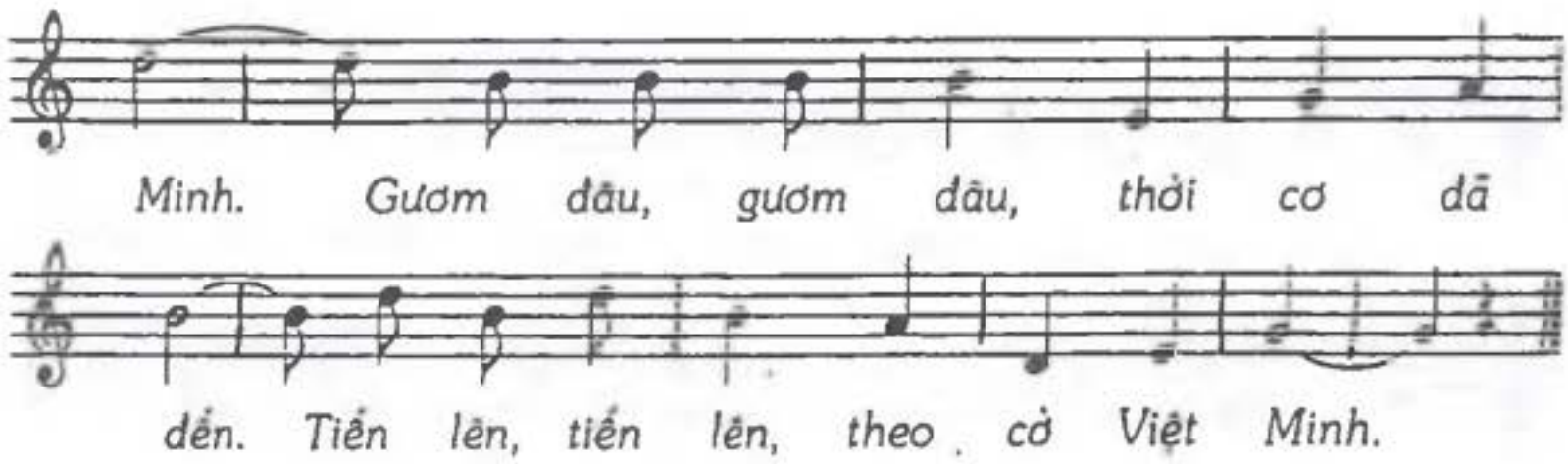

Bài ca Hoàng Phố

Chiến sĩ cách mạng
Quảng Nam - Đà Nẵng hát
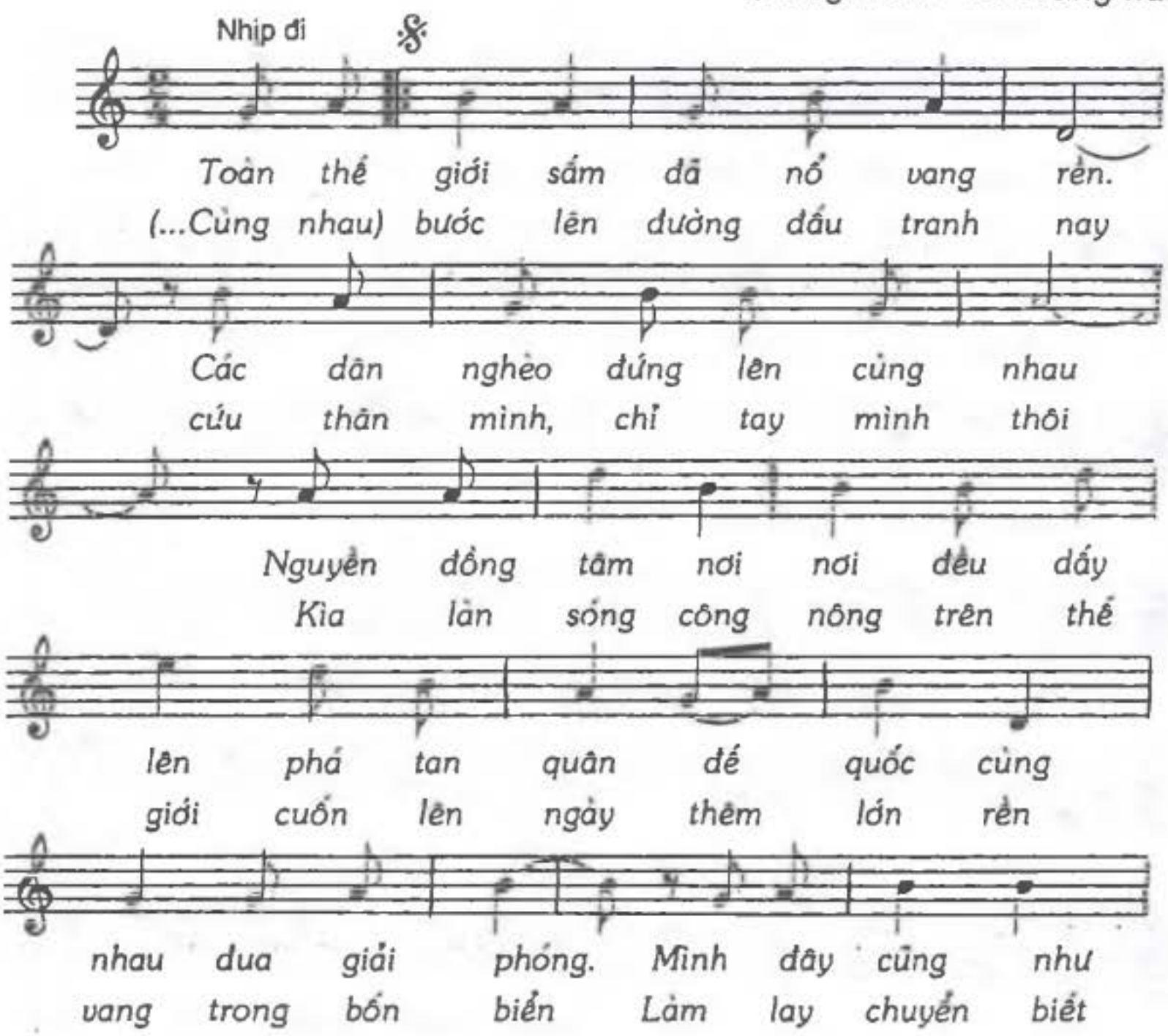
ai trong vòng áp bức, há lại ngồi điềm nhiên
bao nhiêu vòng lưới sắt, mấy mươi đời ràng buộc

sao? Cờ vô sản phất phới kia,
ta Mau xốc tới, công nông binh,

mau xốc tới, quyết phen ni đây dẫu
Ta quyết chí phá sao cho tiêu hết

cho tan xương mình thề quyết đấu tranh,
trơn bọn tham tàn đã hút máu ta,

Phấn khởi, hỡi công nông binh góp
Xốc tới, súng gươm cùng đi phấn

sức, dấn bước đi lên, được lợi
đấu hãy cứu lấy ta, vì lợi

quyền, ta hưởng chung. Cùng nhau...
quyền, ta hi sinh.

Những bài hát trên được viết với chất liệu dân ca, dân nhạc (điệu thức, vần điệu, lời ca...), cấu trúc và phong cách dân gian. Có bài với cấu trúc tiếp thu hài hòa nhân tố của lối sáng tác mới, trọng phương thức phát triển giai điệu và sử dụng tiết tấu.

Ở đất Quảng, được đông đảo nhân dân hát lên, chúng được biến đổi theo lời ca mới, phù hợp với yêu cầu cách mạng, kháng chiến.

Rồi từ cuộc kháng chiến chống Pháp (12/1946), đến khi hòa bình về lại trên đất nước ta (7/1954), lại có thêm những sáng tác mới trong dân gian.

Những bài hát sau đây: *hò tranh đấu, hò đẩy xe goòng*, mang dáng dấp hò hố, nhưng đã đổi mới; *Chú bé loắt choắt* biến đổi chất liệu nói vè, đồng dao sinh động, tươi sáng. *Núi sông muôn thuở xanh tươi, tình giữ lấy tình* đem lại tính chất trữ tình, trong trẻo của giai điệu lý.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ở giai đoạn chuẩn bị tổng phản công, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân vùng lên giành chính quyền làm chủ nông thôn, đấu tranh với giai cấp bóc lột, đòi giảm tô giảm tức, *hò đấu tranh* ra đời.

Bài hát không đi xa phong cách hò dân gian (gồm các vế *hò - kể xổ*) điệu thức Re V, với cấu trúc hai trổ.

Sau nét đậm đà: Hò hố cùng vùng lên nào? Bắt đầu vào *trổ mở đầu:*

Hò tranh đấu nào!

Hò lên, hò tranh đấu, dô ta, hò lên!

Trổ thân bài nối tiếp:

Bao đời qua đói nghèo

Mau vùng lên tranh quyền

Cùng nhau đòi cơm áo, dô ta, hò lên!

Hò tranh đấu
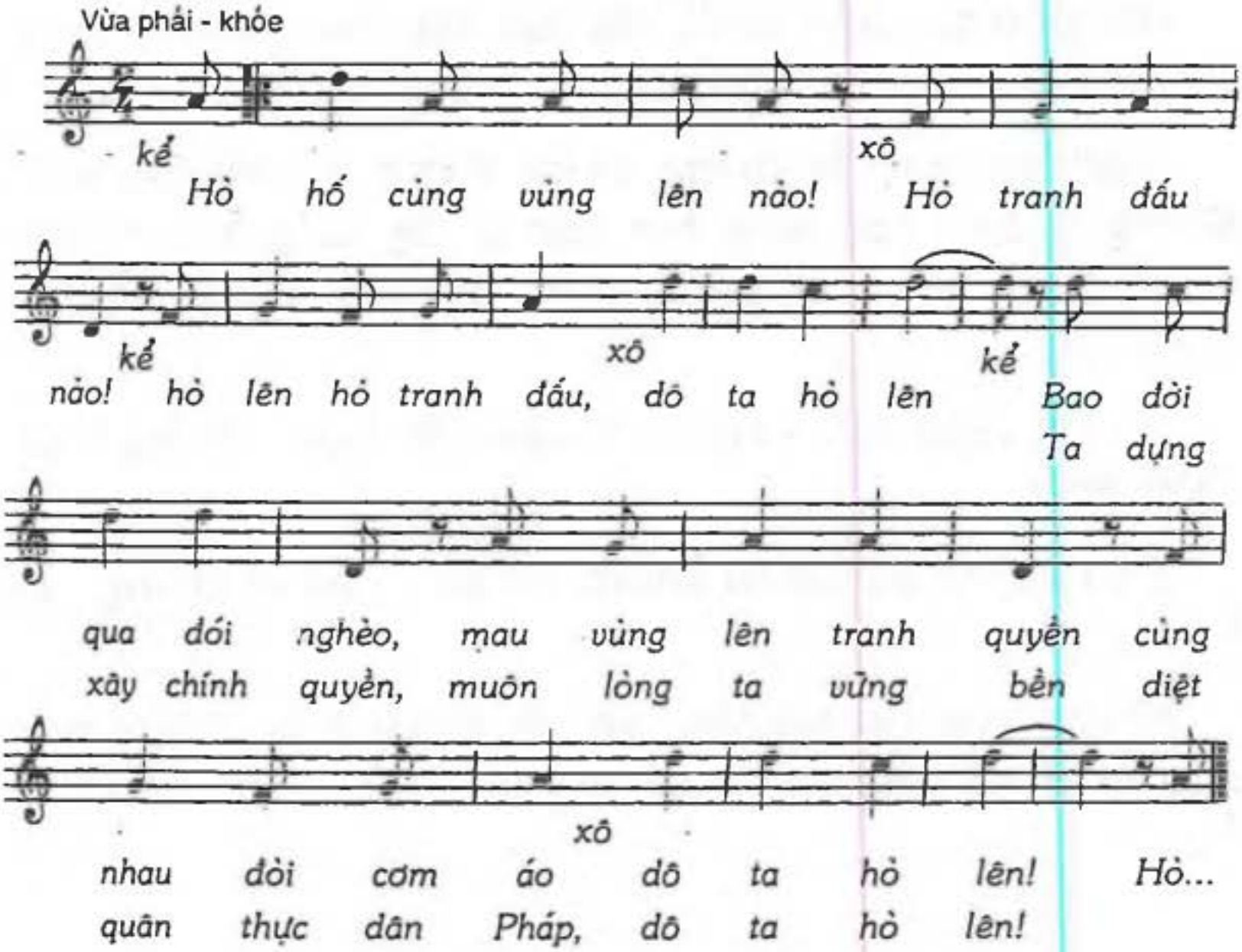
Nét nhạc đệm mở đầu có thể đổi:
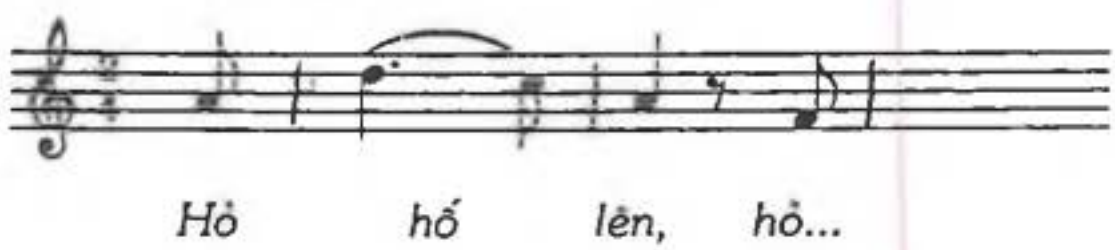
Những tháng ngày vùng đất Liên khu V đánh thực dân Pháp, tàu lửa vẫn chạy suốt từ An Tân qua Quảng Ngãi đến Bồng Sơn (Bình Định), vào Mục Thịnh, La Hai đến tận Tuy Hòa (Phú Yên).

Rồi xe camiông ray thay thế tàu lửa. Và cùng với camiông ray lại có thêm xe goòng đẩy tay.

Gạo ra Mặt trận, gạo cứu đói... bằng xe goòng đẩy tay.

Bông vải sợi, mắm muối, dầu dừa, dầu phụng cho cả miền, cho khu bốn, cho cả Nam Trung bộ... bằng xe goòng đẩy tay.

Giặc Pháp phá cầu đường. Ta mở đường, ta chữa cầu ta đi. Không đi được ban ngày, ban đêm ta đẩy xe goòng. Những người đẩy xe goòng chia từng nhóm, đẩy từng chặng, tiếp sức cho nhau.

An Tân (Bến ván) - Phước Thuận - Đại Lộc - Quảng Ngãi - Vạn Phúc.

Trên đường họ hát hò khoan, hò ba lý, hò lờ những câu hát cũ.

Nhưng công việc lao động mới này thôi thúc họ phải có một điệu hò. Họ đã sáng tác *Hò đẩy xe goòng*.

Hò đẩy xe goòng
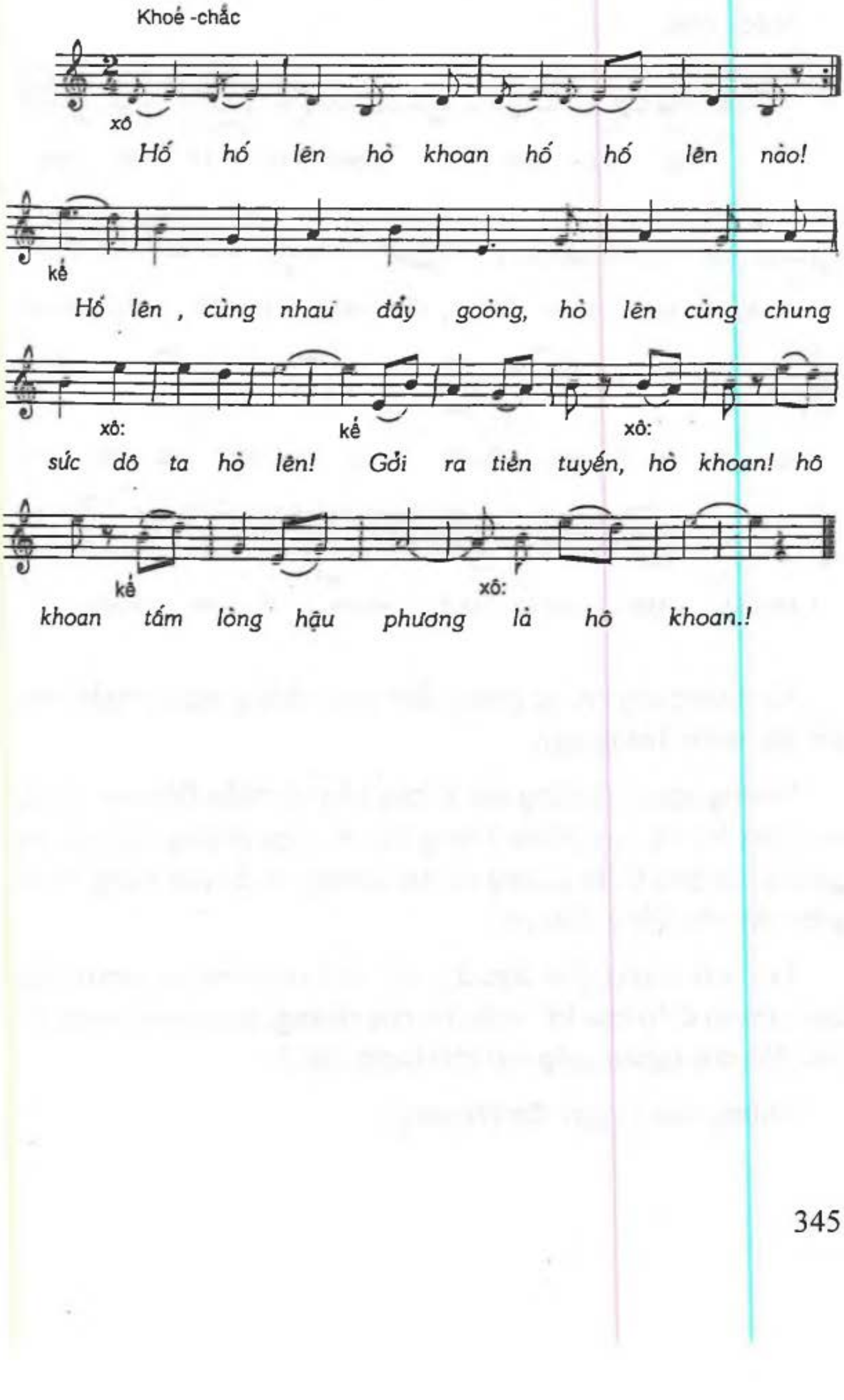
BIẾN KHÚC HÒ ĐẨY XE GOÒNG
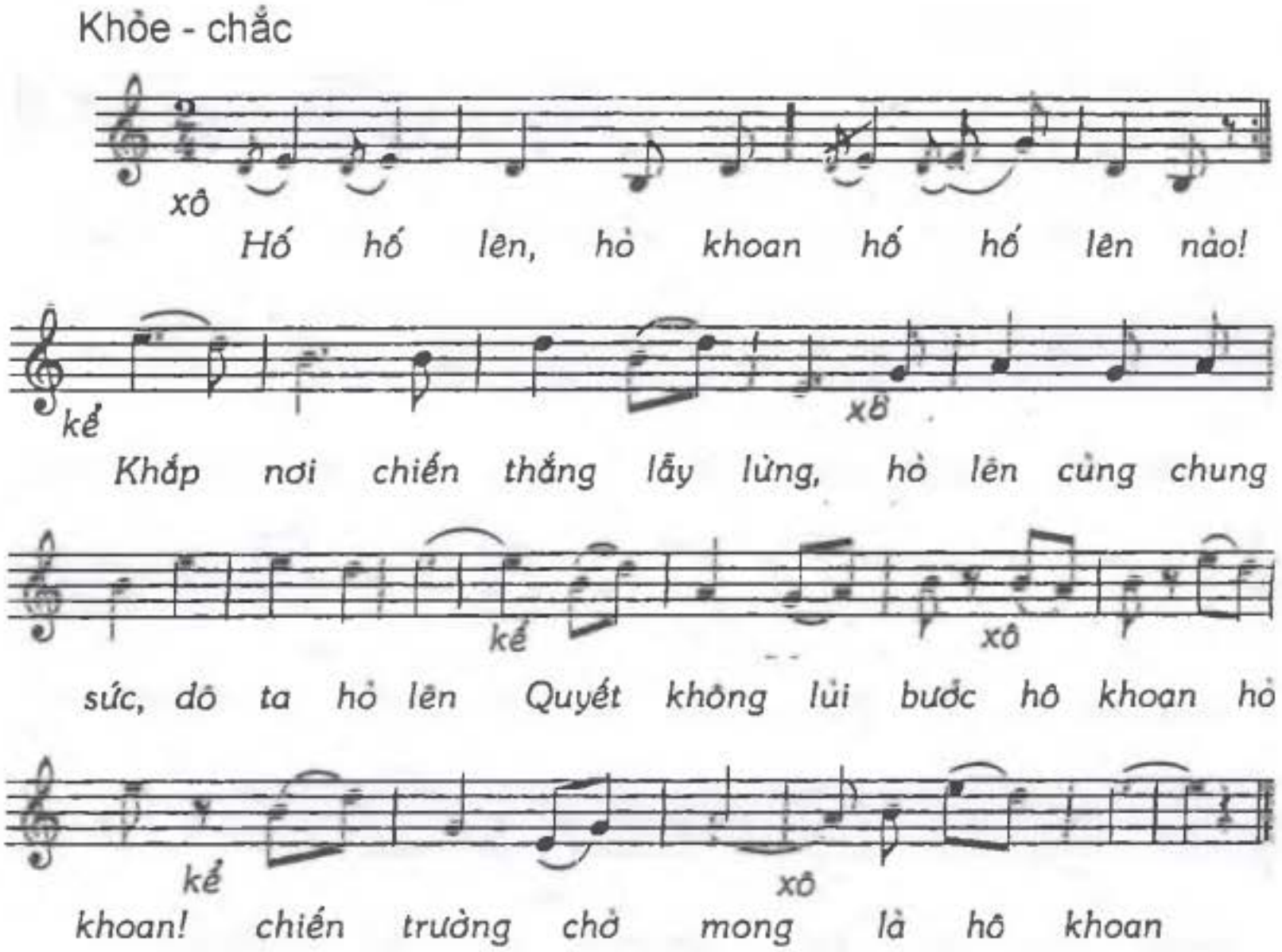
Xe goòng đẩy ra, xe goòng đẩy vào, không ngừng nghỉ trên dải đất miền Trung này.

Những người đi công tác từ khu bốn và miền Bắc vào, hoặc từ Nam bộ và cực Nam Trung bộ ra, trên những chuyến xe goòng, đã đưa thêm những ca dao kháng chiến của vùng mình góp vào vốn liếng điệu hò.

Trên cái khung giai điệu ấy, với cách hò biến hóa sinh động theo thanh điệu của lời, điệu hò nhẹ nhàng, thoải mái bước đi, sức đẩy của người, góp vui cho hành khách.

Những câu ở ngay địa phương:

Đông xuân đã đến đây rồi
Súng ơi là súng có bồi hồi không?

Goòng ta lên dốc xuống đèo
Thằng Tây còn mệt mới theo được goòng!

Đêm nay trên chuyến goòng ra
Chở cùng thương nhớ, một toa gạo đầy

Những câu từ Nam bộ và cực Nam Trung bộ:

Anh đi gìn giữ nước non
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ

Cực nam chỉ một lời nguyền
Chân mày đạp đến, đất này không tha!

Lòng kính yêu Hồ Chủ tịch của khu bốn:

Núi cao là núi Thái Sơn
Ơn cao nghĩa cả là ơn cụ Hồ

Liên khu năm gian khổ và anh dũng đã sinh ra xe goòng đẩy tay, và những người đẩy xe goòng từ đất Quảng cất lên tiếng hò.

Giữa năm 1948, hưởng ứng chủ trương *tăng gia sản xuất - tự túc tự cấp* của Chính phủ, thực hiện khẩu hiệu *"toàn dân tham gia canh tác đề phòng nạn đói"*, nhân dân nỗ lực trồng trọt, triệt để bao vây kinh tế địch, bài trừ hàng ngoại hóa, phát triển nghề thủ công, sản xuất hàng nội hóa.

Quân đội nêu quyết tâm "diệt giặc đói như diệt giặc xâm lăng".

Trong tình hình ấy, bài hát *Tự túc* vang lên trong dân gian:

Bài ca tự túc

Nhạc: DƯƠNG MINH NINH

Lời thơ: LƯU TRỌNG DƯƠNG

Vui hoạt
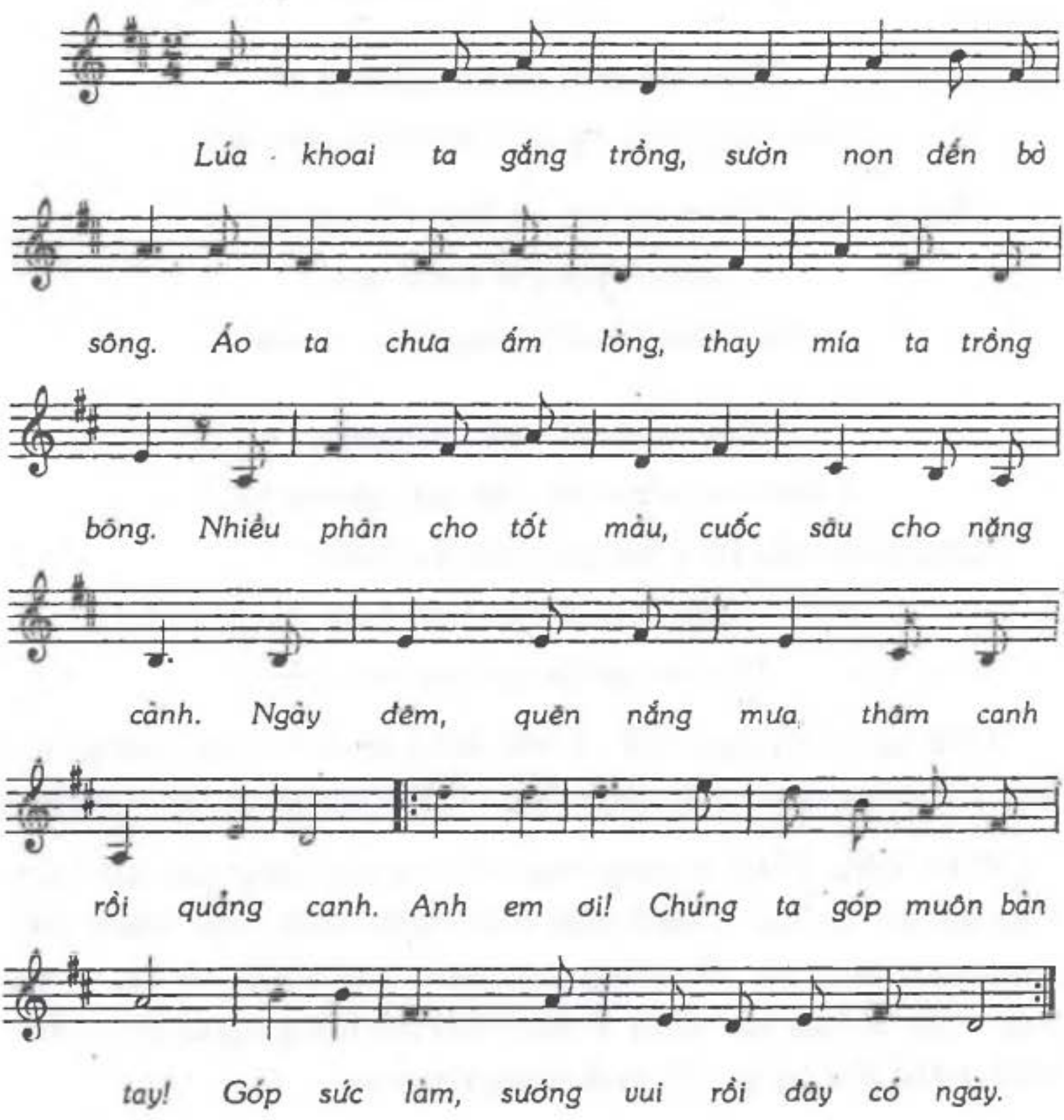
- Lời 2:

Nón ta ta biết chằm
Guồng tơ có nhà bên
Áo thưa như áo dày
Ta hái bông làm nên
Dừa trong hay đỗ ngoài
Thắp lên ta làm dầu
Đừng mong ai giúp cho
Khi sông dài núi cao
Anh em ơi! chúng ta góp muôn bàn tay
Gắng sức làm, sướng vui rồi đây có ngày

- Lời 3:

Gái trai đua đến trường
Làm sao giấy đừng khan
Giấy ta ta chế bằng
Tre đó nơi rừng hoang
Rồi ta lo đúc rèn
Súng gươm cho thật nhiều
Vừa lo cho ấm no
Lo giữ gìn nước yên
Anh em ơi! chúng ta góp muôn bàn tay
Gắng sức làm, sướng vui rồi đây có ngày

- Lời 4:

Lúa dư ta biết dành
Phòng khi thiếu về sau
Bố gai nhưng chắc bền
The gấm ta cần đâu
Giàu sang ta chẳng tìm
Thứ xa hoa lượt là
Dù cho thô xấu hơn
Ta dùng hàng của ta
Anh em ơi! chúng ta góp muôn bàn tay
Gắng sức làm, sướng vui rồi đây có ngày

- Lời 5:

Núi sông đang đói lòng
Kìa ai chớ ngồi yên
Quyết thi đua cấy cày
Sinh sản cho nhiều lên
Toàn dân ta góp tình
Góp công xây dựng đời
Ngày mai trên nước Nam
Một bầu trời sáng tươi
Anh em ơi! chúng ta góp muôn bàn tay
Gắng sức làm, sướng vui rồi đây có ngày

- Lời 6:

Để cho ta sẵn sàng
Ngày mai tổng phản công
Lúa khoai ta gắng trồng
Không bỏ đất ruộng hoang
Cày sâu cho trúng mùa
Lúa ta dư được nhiều
Gà heo ta gắng nuôi
Cho mọi người ấm no
Anh em ơi! chúng ta góp muôn bàn tay
Gắng sức làm, sướng vui rồi đây có ngày(*)

Điệu thức bài hát đan ghép bởi Re I + La I: re^1 mi^1 $fa^{\#1}$ si^1 với la si $do^{\#1}$ mi^1 $fa^{\#1}$

Bài hát thuộc thể ba trổ (dựa theo khúc lời 1)

Trổ thân bài: Lúa khoai... trồng bông

Trổ nhắc lại: Nhiều phân... quảng canh

Trổ kết: Anh em ơi!... có ngày.

Trổ thân bài với giai điệu mang chất liệu bài hát gồm 2 câu cân phương, tiết nhạc gắn với tiết lời ca (như thơ).

(*) Bài hát vào Nam bộ, nhạc sĩ Nguyễn Văn viết thêm khúc lời thứ sáu này. Hiện nay, *Bài ca tự túc* vẫn được vang lên trên miền đất này. (Một số đài phát thanh ở địa phương dùng làm nhạc điệu. Trong dân gian, hát, đàn và múa theo nhạc). Chi hội văn nghệ tặng giải nhất ở cuộc thi văn nghệ kháng chiến. Hội Văn nghệ Trung ương tặng giải khuyến khích ở cuộc thi văn nghệ kháng chiến toàn quốc năm 1951 - 1952.

Giai điệu của trổ nhắc lại phát triển theo kiểu đơn nhất đi xuống và đi ngược lên hướng tới nét giai điệu của trổ thân bài (từ ô nhịp 12 đến ô nhịp 17).

Trổ kết có mặt với hạt nhân mới. Giai điệu câu hai lặp lại câu một của trổ với lối đi ngược hướng đảo âm hình, không thay đổi tiết tấu để dắt dần về kết. Bài hát cho thấy đặc điểm riêng biệt của hình thức ca khúc, mà âm điệu ở đây được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, phù hợp với số lượng dòng thơ.

Vào đầu những năm 50, ở nông thôn quê ta, thực dân Pháp cướp lúa gạo, bắn giết trâu bò, phá hủy công trình thủy lợi đẩy nhân dân vào nạn đói.

Trong dân gian vang lên điệu hò mới.

Đánh giặc tăng gia

(1953)

Nhạc và lời: VĂN CẬN (*)
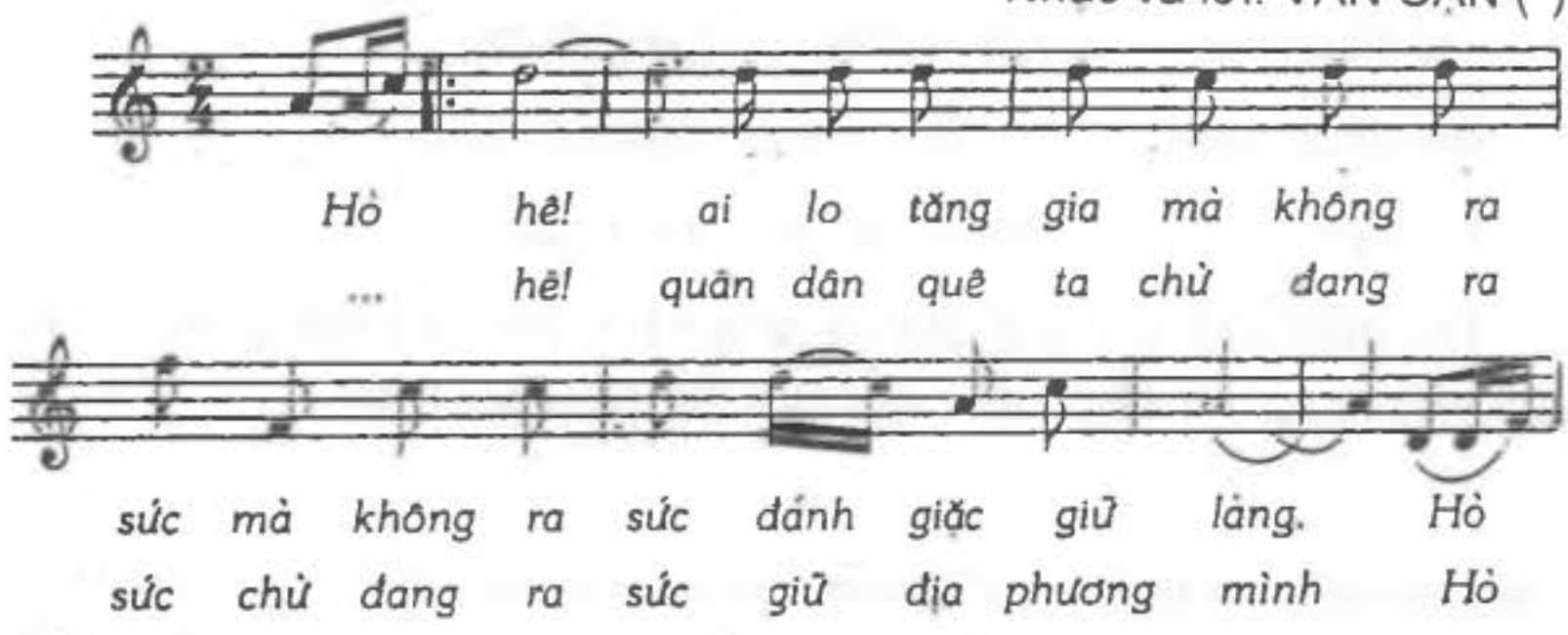
(*) Văn Cận (1928-1968) quê Hải Châu Đà Nẵng, tập kết ra miền Bắc năm 1955 trở về Quảng Năm năm 1966, hy sinh ngày 24 tháng 01 năm 1968 tại xã Điện Quang.
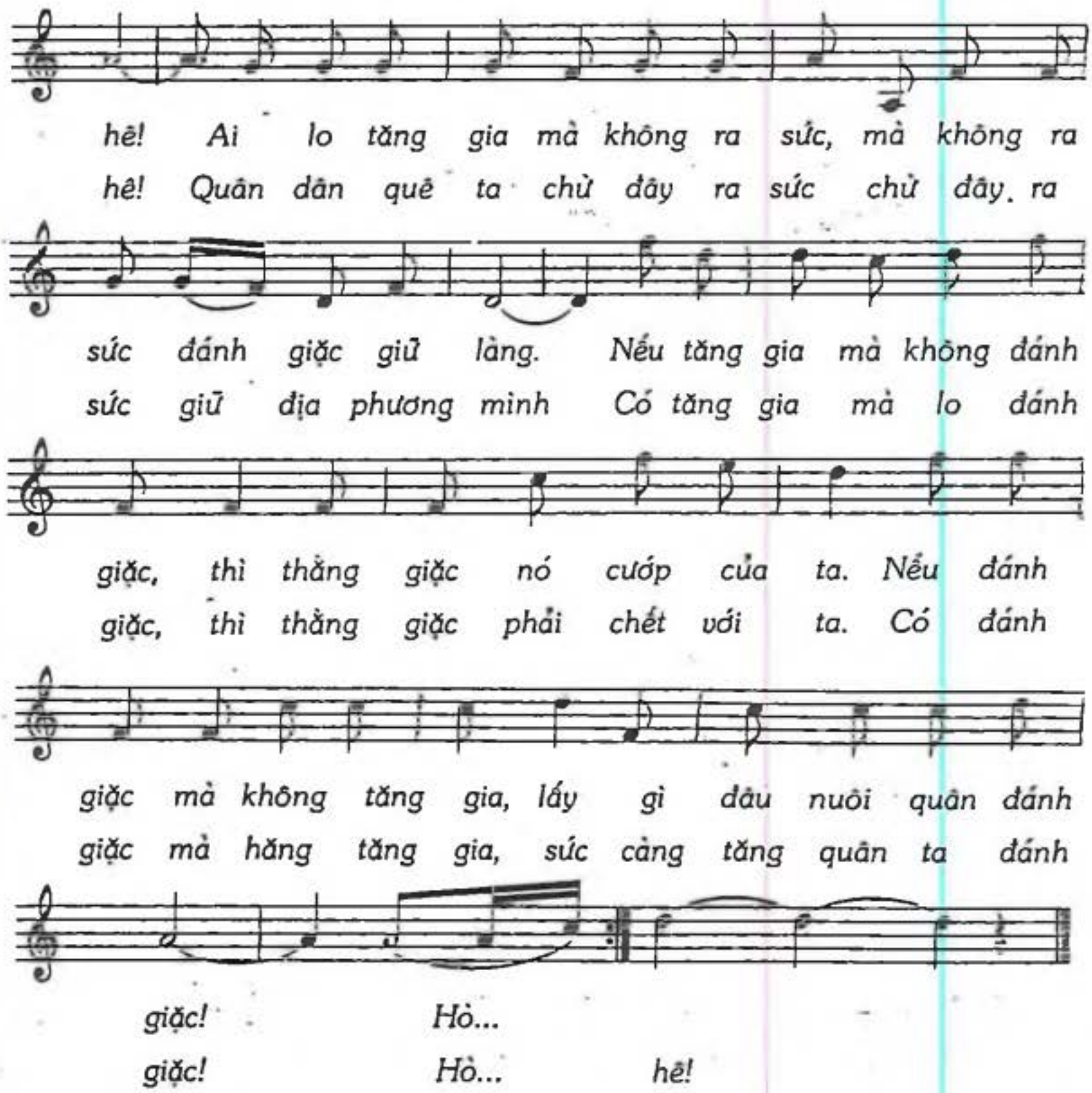
Bài hát thuộc diện thức Re V (re^1 fa^1 sol^1 la^1 do^2), âm mi^2 ở cuối ô nhịp 18 chỉ là *âm lướt*.

Bài hát có hai trổ. Sau nét đậm đà "hò hê", là trổ thân bài, với 2 câu nhạc. Giai điệu câu sau nhắc lại câu trước, mô phỏng và di chuyển xuống khu âm thấp.

Trổ kết với hai câu nhạc. Câu sau mô phỏng câu trước, giữ nguyên tiết tấu, với những bước nhảy quãng tám (ô nhịp 16-17,

ô nhịp 19-20) và các nhấn lệch (ô nhịp 17, ô nhịp 21), rất có duyên. Có một bước nhảy táo bạo (re^1 - fa^2) nhưng là hai âm III của trục điệu thức dịch lên một quãng tám, nên dễ hát và gắn với nét giai điệu.

Vào giữa năm 1954, hòa bình được lập lại trên đất nước ta.

Nhiều nhóm văn nghệ dân gian khai thác chất liệu ca nhạc từ tổ chức hát múa sắc bùa, dựng tiết mục biểu diễn chào mừng thắng lợi lớn của dân tộc, cùng lúc nói lên niềm ước mơ đến ngày thống nhất Tổ quốc.

Núi sông muôn thuở xanh tươi
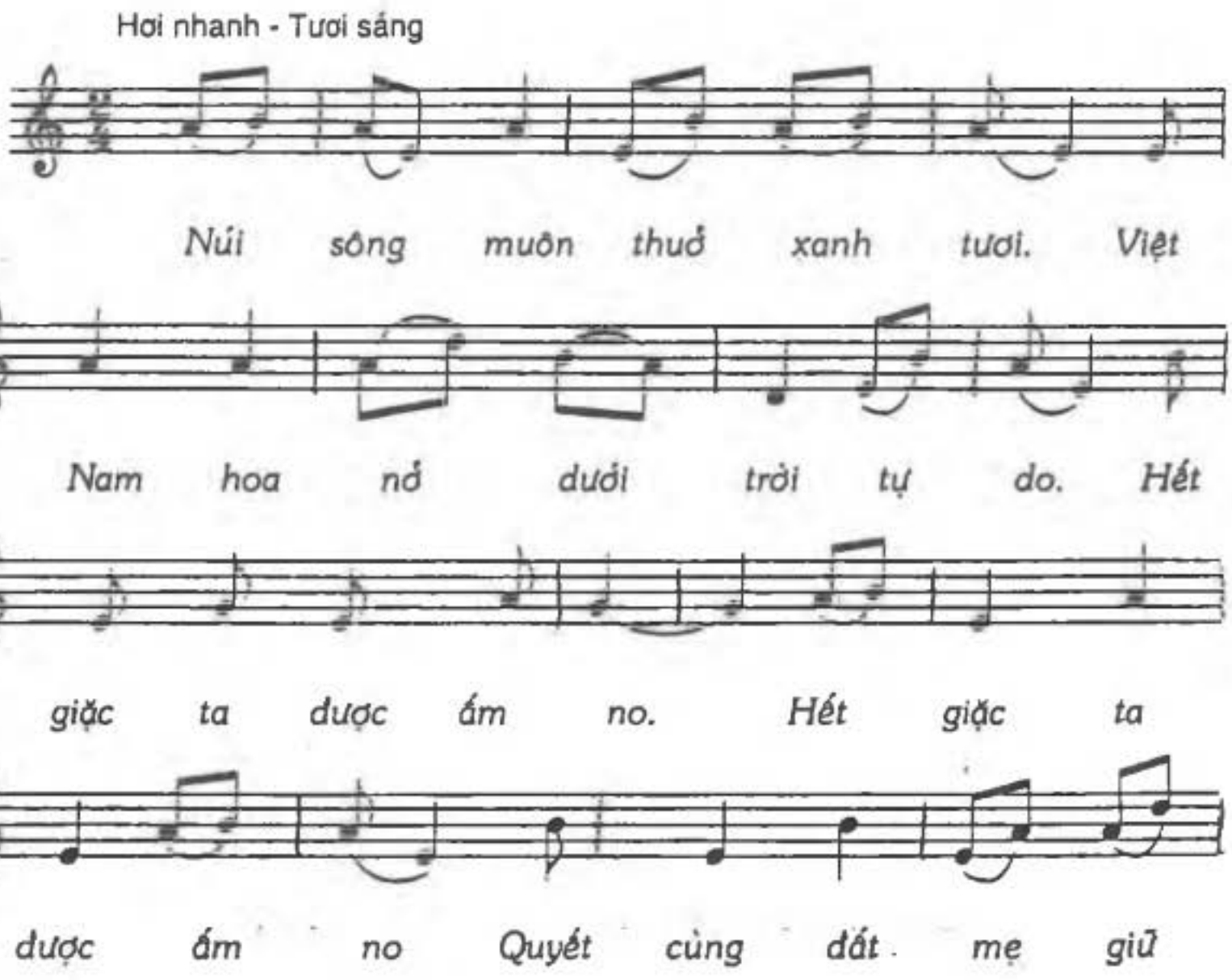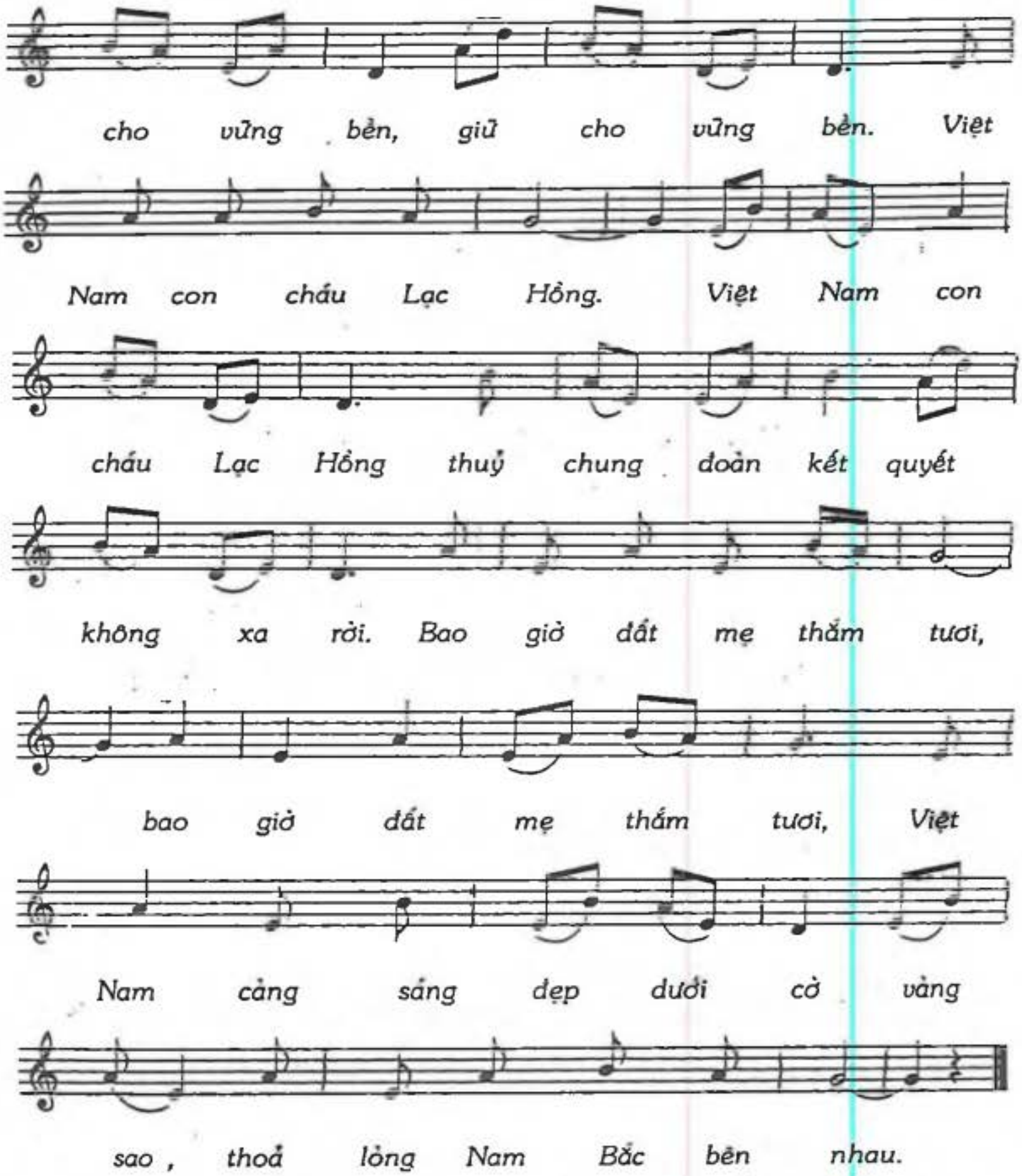
Và cũng từ tính chất trữ tình thắm thiết ở giai điệu *Lý vọng phu* (trổ mở đầu và trổ thân bài), pha trộn nét duyên dáng và trong sáng ở giai điệu hò khoan chèo đò (trổ nhắc lại), bài hát *tình giữ lấy tình* là lời nhắn nhủ của lứa đôi yêu thương, hứa hẹn vượt qua gian khó đấu tranh, để chờ ngày chung sống bên nhau.

Tình giữ lấy tình
(1956)

VÂN ĐÔNG sưu tầm

ĐÀO VIỆT HƯNG kí âm, dịch nhạc
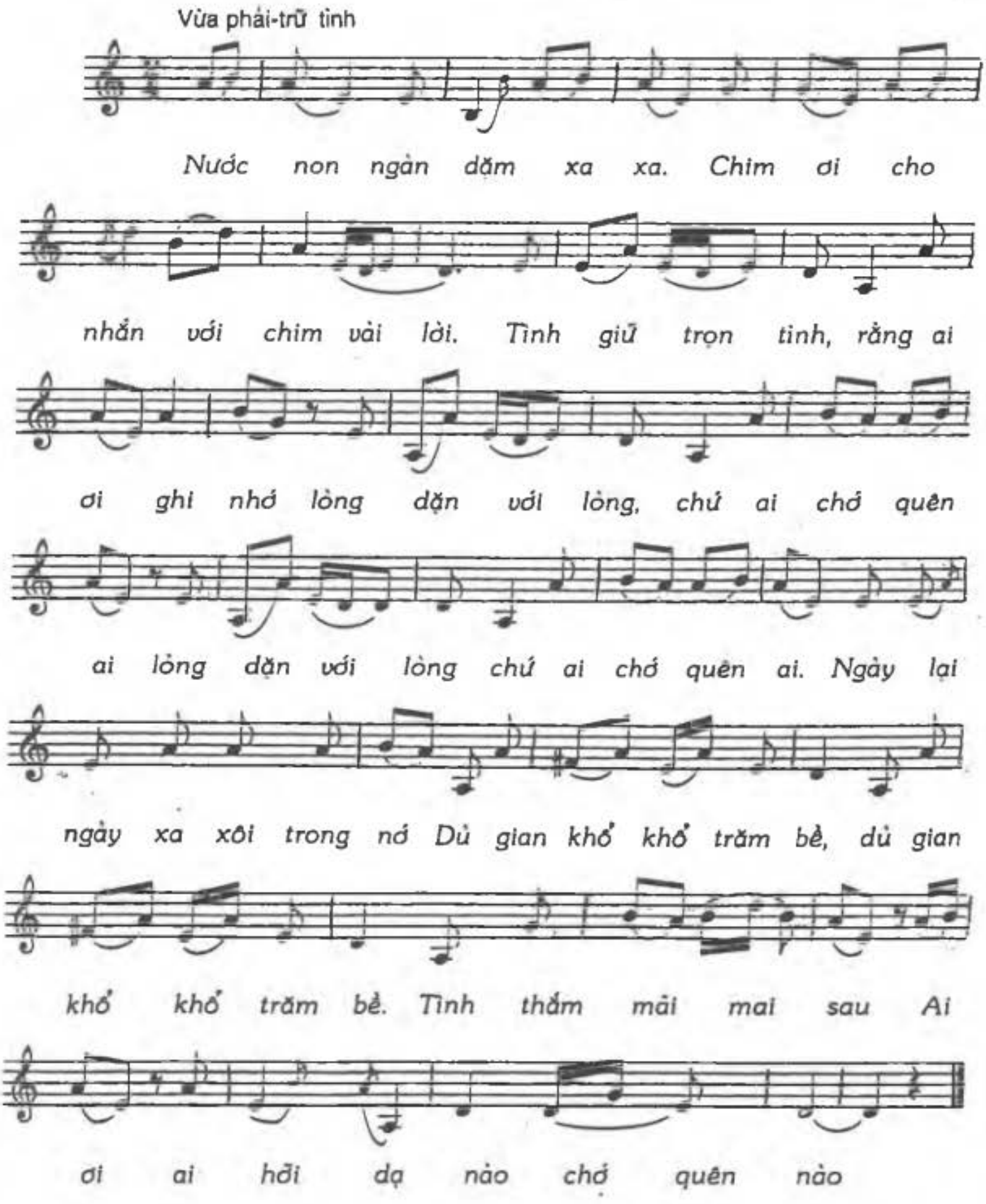
Hát ru
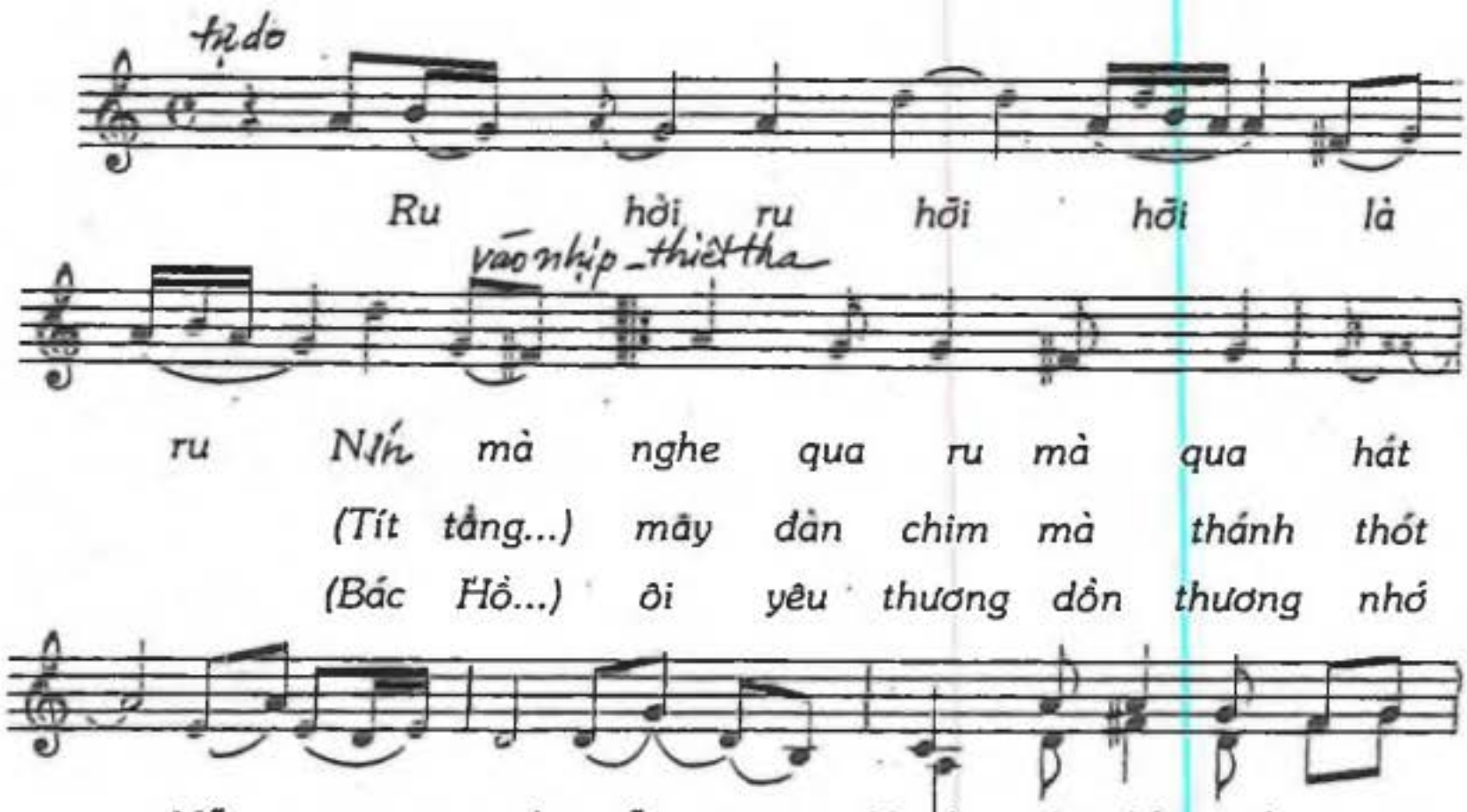
tự do
Ru hời ru hỡi hỡi là
vào nhịp_thiết tha
ru Nín mà nghe qua ru mà qua hát
(Tít tắng...) mấy đàn chim mà thánh thót
(Bác Hồ...) ôi yêu thương dồn thương nhớ
Nỗi mong người nỗi mong Người như lúa mà mong
Hát tên Người hát tên Người chan chứa những niềm
Nỗi mong chờ nỗi mong chờ thêm sức vượt gian
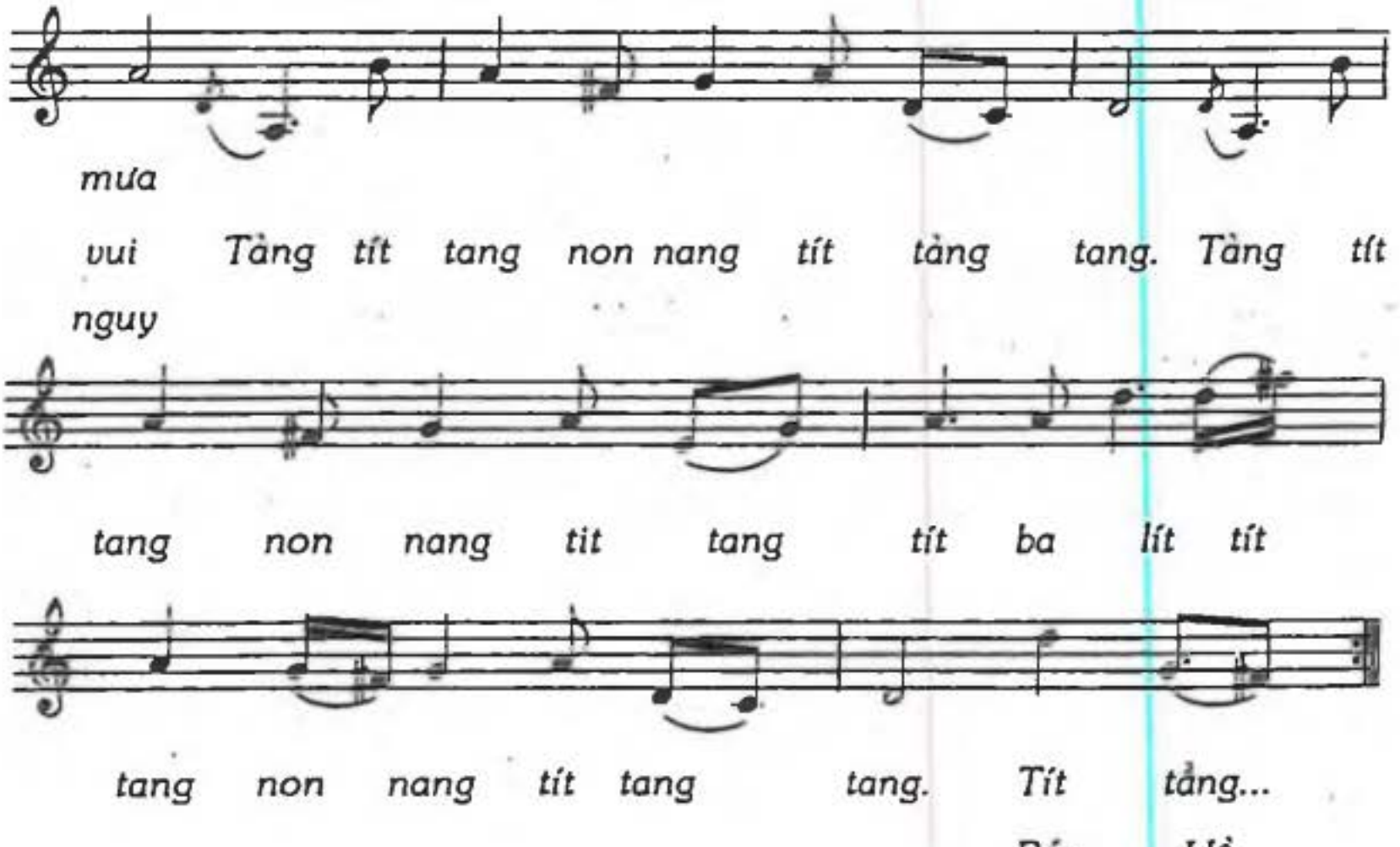
mưa
vui Tàng tít tang non nang tít tàng tang. Tàng tít
nguy
tang non nang tit tang tít ba lít tít
tang non nang tít tang tang. Tít tẳng...
Bác Hồ ...

Mừng chiến thắng Tây Nguyên

HUỲNH VĂN CÁT chuyển biên
từ Lý Đồng Nai và Lý năm canh

Câu mở đầu hát tự do
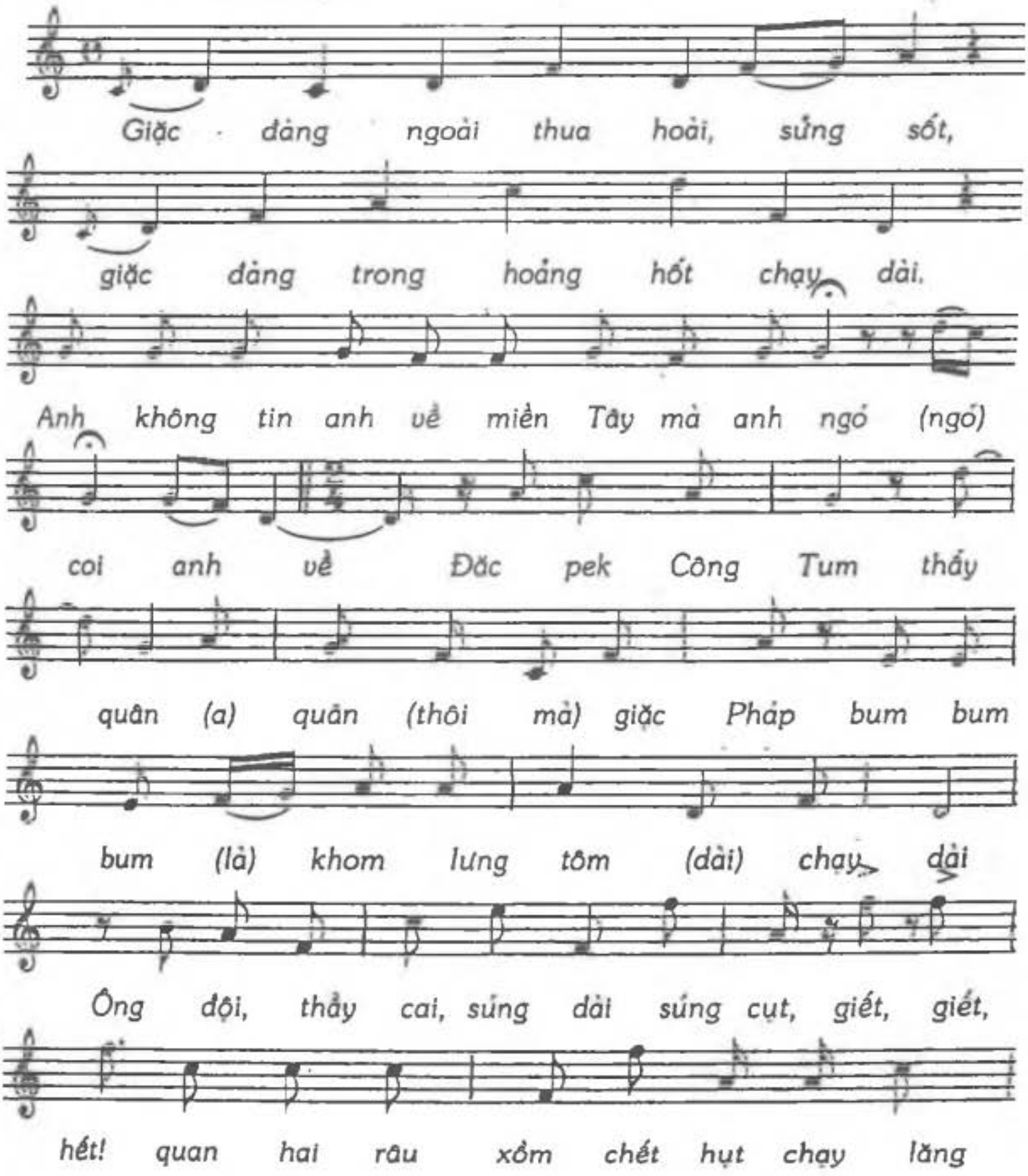
xăng. Súng xung phong, đùng tạch tạch

tạch. Nào Mang đen, nào Mang bụt, nào Đắc xút, nào Đăc

tô, nào Cà Tu, nào Côm brái, chạy như nhái vái

trời. Xuân về tết Việt (là) Xô Trung

(Xô) Dân quân (tinh mà) bộ đội, a í

a, quản nào (sương) gió sương (là) nỗi gió

sương gian khổ (thường) coi thường, quyết

tâm (tinh mà) tiêu diệt, a í a, cái
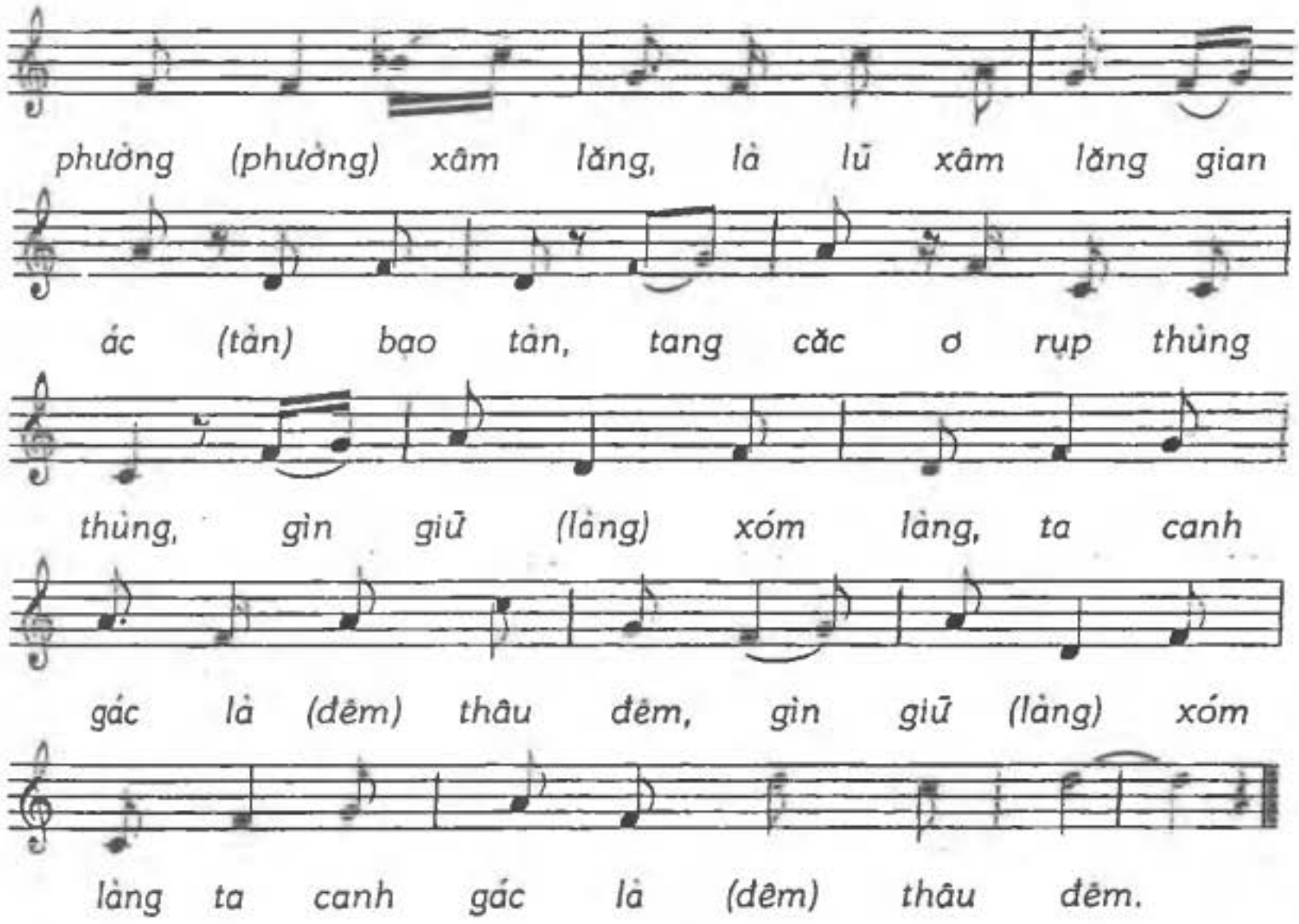
Giai điệu tươi tắn, gọn gàng, nổi bật tính chất nhí nhảnh, nhẹ nhàng của vè - đồng dao, có thể từ trong kịch hát bài chòi, được lưu truyền trong lứa tuổi thơ. Lời ca theo bài thơ *Lượm* của Tố Hữu ca ngợi một em bé đi liên lạc, hy sinh.

Chú bé loắt choắt

Chuyển biên từ bài thơ LƯỢM
của TỐ HỮU

Hơi nhanh - Tươi vui
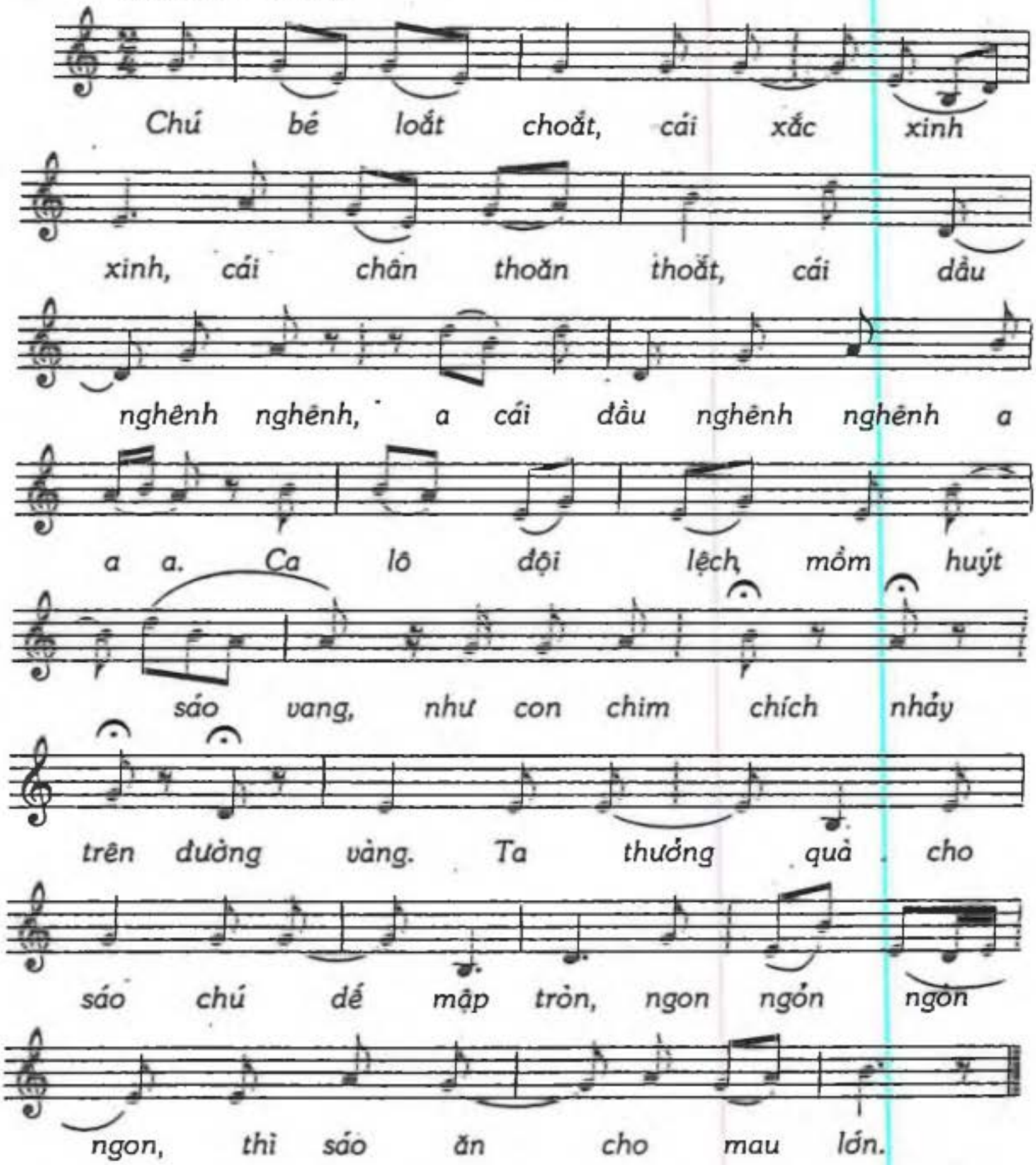
Với quá trình "dân gian hóa", chúng xứng đáng ở vào thể loại dân ca, được xếp vào giai đoạn tiếp thụ, kế thừa và phát triển mới của nền âm nhạc dân gian tỉnh ta[1].

Ở miền Bắc, vào năm 1957 đoàn ca kịch Liên khu V[2] dàn dựng thực nghiệm vở kịch hát bài chòi *Thoại Khanh - Châu Tuấn*[3] của Nguyễn Tường Nhẫn.

Cơ sở trên nền ca nhạc múa dân tộc cổ truyền và dân gian của miền Nam Trung bộ (từ Quảng Nam đến Khánh Hòa), hướng làm ca nhạc cho vở diễn sân khấu nêu rõ:

- Dùng nguyên.

- Chuyển hóa, đổi mới.

- Sáng tác.

Nhóm nghệ sĩ Văn Cận, Cung Nghinh, Võ Bài thực nghiệm kết hợp *hô bài chòi* với *vè Quảng* và *lý* vào lớp cuối của Màn I.

Với *Bài chòi xuân nữ* trữ tình, trong sáng, Thoại Khanh (vợ của Châu Tuấn) khuyên chàng yên tâm lên đàng ứng thí, *vè Quảng* thích hợp với lối tự sự, dặn dò của người mẹ già, *lý thương nhau* thể hiện tình cảm vợ chồng lúc chia tay.

---

[1] Tôi đang viết chuyên đề *"Dân ca mới trên đất Quảng"* TĐQ.

[2] Bấy giờ, tập kết tại miền Bắc, Đoàn nghệ thuật nhân dân Liên khu V gồm có đội hát bội, đội ca múa nhạc, đội kịch dân ca (kịch bài chòi), đội ca múa nhạc các dân tộc Tây Nguyên.

[3] Từ *Kịch bài chòi* (chỉ có làn điệu bài chòi), xây dựng thành *kịch hát bài chòi* (có đổi mới nhiều mặt).

NSƯT HOÀNG LÊ và
TRƯƠNG ĐÌNH QUANG ghi âm
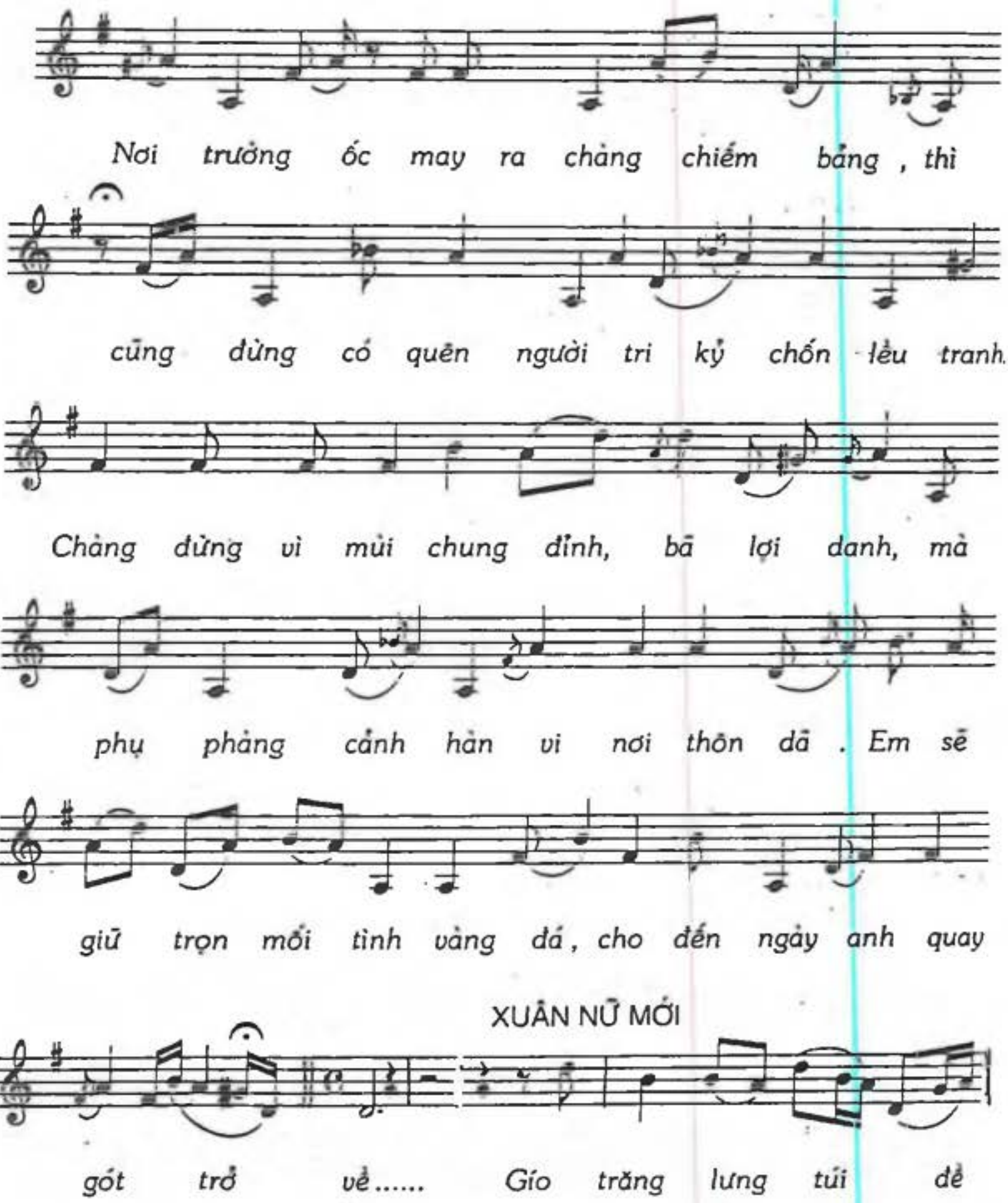
XUÂN NỮ MỚI

huề, đưa chàng đôi bước lòng se bên

lòng. Đưa chàng em chỉ cầu mong chàng đi đến

chốn, thành công khi về. Chàng đi, hãy giữ lấy tình quê

vinh ba phú quý chớ hề say sưa. Lều tranh

chung sống từ xưa, mẹ già tựa cửa sớm trưa

VỀ QUÁNG

đợi chờ. (Dạo nhạc....

.....) Mấy

lời mẹ dặn con thơ, chữ tình chữ ngãi con

lo cho trọn. Mẹ già cầu chúc cho con. Khoa

trường đắc cử thành công con về. (nhạc...

....) Con đi cách trở mà sơn khê. Con

đi cách trở sơn khê, áo nâu con

giữ tình quê cho mặn nồng (nhạc...

...) Có điều chi, con gửi tin hồng, kẻo mẹ

già tựa cửa ngồi trông võ vàng (nhạc....

.....) Gạo đây mang lấy mà

ăn, tiền đây mang lấy ít quan con tiêu
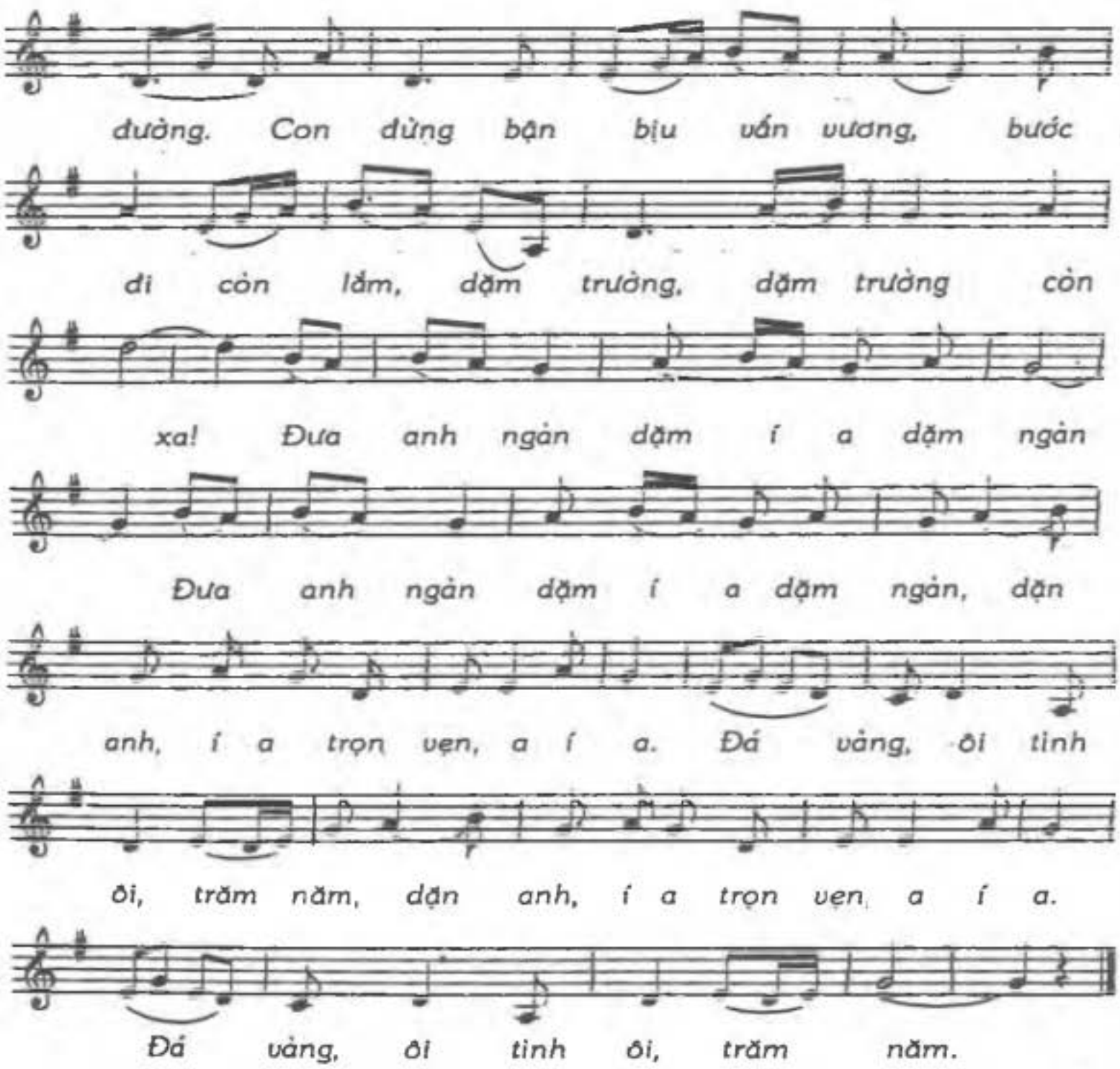
Việc thực nghiệm kết hợp làn điệu dân gian vào vở diễn *Thoại Khanh - Châu Tuấn*, cho thấy có thể đưa chất liệu ca nhạc dân gian vào sân khấu dân tộc.

Nhưng cái ý nghĩ xây dựng "kịch dân ca" theo lối cài các thể loại dân ca vào một kịch bản, được viết ở dạng kịch nói hoặc kịch thơ, sẽ chỉ đưa đến một thứ *"kịch cộng dân ca"*, không có tính nghệ thuật(*).

(*) Xin được bàn vấn đề này trong chuyên đề *Đặc trưng ca nhạc trong sân khấu dân tộc*. TĐQ.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT

Ở đây, ta gặp trong dân ca tất cả các thể thơ dân tộc.

Đôi khi tiết tấu của âm nhạc cắt lời thơ ra, như là có thể 2 từ sinh động khỏe khoắn.

Lên chuyền
Xuống nẻ
Khẻ chưn[1]
Sưng giò
Co căng
Lắng cùi
Lùi miếng thịt
Xít[2] *chân ra*
Ăn ba ván nẻ

(Đánh nẻ)

Thể 3 từ, 4 từ gặp ở vè, đồng dao gọn gàng, linh hoạt.

Vỗ vông vông
Chị có chồng

---

(1) Chưn: chân

(2) Xít: xê xích

Em ở vá

Chị ăn cá

Em mút xương

... ...

(Vè vông vông)

Dố dậy! Dố dậy!

Cây gậy bốn phương

Ra đường mạnh mẽ

Bầy trẻ chăn trâu

Bay lâu thẳng cánh

... ...

(Dố dậy)

hoặc kể lể dài dòng

Không ai không ghét

Ghét đắng ghét cay

Cái thứ máy bay

Hay đi dò xét

Lấm la lấm lét

... ...

(Máy bay bà già)

Thể 5 từ chững chạc:

Thôi thôi nằm nữa chi

Xóm làng ta lúc ni

Không ở được nữa rồi

Liệu thế nào, dậy di!

(Vè thuế nặng)

Thể 6-8 nhịp nhàng, thanh thản:

Canh một, thơ thẩn vào ra

Chờ trăng, trăng xế, chờ hoa, hoa tàn

Canh hai, thắp ngọn đèn loan

Chờ người thục nữ thở than đôi lời

(Lý năm canh)

Thể 7-7 biến thể 6-8, kết hợp cái rắn rỏi bên cạnh cái uyển chuyển:

Sông xa hồ, sông khô hồ cạn

Lựu xa đào lựu ngã đào nghiêng

Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiền

Ta xa người bạn cũ, dạ ta phiền ngàn năm.

Được hát lên nghĩa là từ cái vốn liếng lời thơ ban đầu ấy, đưa vào âm nhạc (sáng tác giai điệu và tiết tấu để làm nên bài hát), diễn đạt mọi tình cảm với nhiều sắc thái (kịch tính, bi thương, trong sáng...), dân gian phải phá cái khung, cái hạn chế của các thể, để có những biến thể cho 6-8, có sự pha trộn, hòa các thể với nhau, chuyển hóa kết hợp nhuần nhuyễn, theo quy luật của ngôn ngữ âm nhạc, để hình thành giai điệu biến đổi. Ở các loại hát đối, hát nhân ngãi, hò khoan..., lối biến thể càng táo

bạo, vượt xa đến nỗi cứ tưởng như khó nhìn nhận ra cái dáng vẻ ban đầu của thể chính. Cái đặc sắc là thanh điệu của từng cặp, của từng trổ, của toàn bài, vẫn thể hiện đặc điểm của từng thể loại thơ.

Ở đây, không biết ta nghèo

Thương thời khỏa bọt, khỏa bèo mà thương

biến thành:

Bạn ở đây chớ ở đâu, mà không biết ta nghèo

Có thương, thời khỏa bọt, khỏa bèo, mà thương

Gần không trao, xa mới với

Có vợ, có chồng, biết nói mần răng(*)

biến thành:

Ở gần, làm chi không trao, để xa mới với

Đây em có chồng, ta có vợ rồi, không biết nói mần răng

Sự pha trộn các thể hòa quyện trong thanh điệu, chỉ ngâm thôi, đã nghe nhạc điệu vang lên, với sự mô tả khác nhau.

Những câu cắt với những âm trắc, gợi lên cái trục trặc trong tình yêu.

Anh bứng cây trúc

Anh trồng cây trắc

Chẳng may gặp chỗ đất xấu

(*) Làm sao.

Sùng[1] *đục*

Trắc mục, trúc tàn

... ...

Có điều gì không vui lắm, khi nghĩ đến cuộc sống của người mẹ già. Với những câu cắt, âm trắc và mô phỏng âm thanh ở:

Sớm mai, ăn bụng cơm no

Em đưa trâu ra gò

Xách theo cái giỏ

Bắt con nhái nhỏ

Nó kêu cái "oỏng"

Rồi nó kêu cái "oảnh"

Cám[2] *cảnh mẹ già xưa*

(Đồng dao Bắt chim)

Tình yêu trục trặc dẫn đến sự chia tay.

Bài hát như có sự đối ti về tình cảm giữa ba trổ, qua thanh điệu, sự sắp xếp thể.

Trổ thân bài mềm mại, hạnh phúc:

Hồi nào em nói em ưng

Anh về, anh trồng đám hành

Anh gieo đám cải

Anh vãi bông kê

---

(1) Một thứ sâu đục thân cây.

(2) Thương xót.

Trổ nhắc lại nối tiếp chê trách, buồn:

Bây chừ[1]*, em trở lộn về*

Em nói em chê

Đám hành anh rã

Đám cải anh rữa

Đám kê anh tàn

Trổ kết le lói hy vọng:

Còn hai dây bí leo giàn

Sây bông, lắm nụ, ở nàng, nàng ơi!

Về giá trị văn chương, lời thơ ở nền dân ca này cho thấy đầy đủ những hình thức của phép mỹ từ[2].

Tâm hồn và tài hoa dân gian khéo léo phổ nhạc, cùng ngôn ngữ âm thanh, làm nổi bật hình tượng, diễn đạt sâu sắc mọi khía cạnh của tình cảm.

Dân ca là từ lời thơ phổ nhạc. Như thế khi sáng tác nhạc (tức phổ thơ), nghệ sĩ ca hát dân gian phải dựa vào ngữ điệu, nhịp điệu, câu và vần, cũng như nội dung câu thơ mà phổ nhạc.

Không phải chỉ có làn điệu (*hát ru, hò khoan, lý*), và các lối nói (*nói vè, nói lía, nói thơ*), phải dựa vào lời thơ để phát triển, sáng tạo giai điệu. Mà ngay cả *nói thường* cũng phải tuân theo cách tiến hành âm điệu, sự sắp đặt nhịp điệu, cũng như cách phân tiết, phân câu của câu thơ.

---

(1) Bây giờ.

(2) Đã được các nhà nghiên cứu chuyên về thơ ca dân gian viết rất kỹ trong nhiều sách.

Lời thơ được phổ nhạc để hát lên. Là một ngôn ngữ riêng, nghệ thuật âm nhạc có qui luật về cách diễn đạt tình cảm và thể hiện tâm hồn con người, cuộc sống. Vào nhạc, thơ phải có cách trình bày theo tính nhạc, phải đảo lộn, nhắc lại, thêm tiếng đệm... Với những kiểu phát triển riêng, giai điệu mở rộng, chắp cánh cho nội dung lời thơ.

Do đó, khi nghiên cứu cấu trúc dân ca, không thể tách rời với cấu trúc của các thể thơ Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP PHỔ THƠ TRONG ÂM NHẠC DÂN GIAN.

Trong âm nhạc dân gian Việt Nam (Quan họ Bắc Ninh, Hát xoan, Hát ghẹo Phú Thọ, Ví dặm Nghệ Tĩnh, Hò vè Lý miền Trung và Nam bộ, làn điệu Chèo...), về phương pháp phổ thơ, nổi bật lên bốn kiểu gốc.

Dân ca Quảng Nam cũng tuân theo những qui luật của phương pháp phổ thơ này. Đó là:

1. *KIỂU ĐẢO:* Ở kiểu này, trật tự câu thơ bị đảo lộn khi phổ vào nhạc. Có nhiều cách với câu 6 của cặp thơ 6-8.

a. *Đảo 4 nhắc lại 6*

Lấy 4 từ cuối của câu thơ đảo lên đầu thành một câu nhạc, sau đó lại hát xuôi chiều cả câu thơ đã đảo.

Lời thơ: *Ngó lên Hòn Kẽm, đá Dừng*

Khi hát sẽ là: Hòn Kẽm, đá Dừng, (chớ) bởi ta ngó lên

b. *Đảo 6 nhắc lại 4:*

Vẫn dùng cách đảo 4 từ cuối câu 6 lên đầu, nhưng hát nối liền 6 từ thành một câu nhạc.

Lời thơ: *Ta về ta tắm ao ta*

Khi hát sẽ là: Ta i tắm ao ta, ta i về

thời ta tắm ao ta

(*Hát sắp* - điệu chèo)

c. *Đảo 6 nhắc lại 6:*

Vẫn dùng cách đảo 4 từ cuối câu 6 lên đầu, nhưng hát nối liền 6 từ thành câu nhạc. Sau đó, nhắc lại câu 6 xuôi chiều thành câu nhạc:

Lời thơ: *Đôi ta duyên phận phải chiều*

Khi hát sẽ là: Duyên phận i ta phải chiều ì, ai ơi!

Đôi thời đôi lứa ta

(thời này duyên ơi phận) Đôi ta thời duyên i phận i ta phải i i chiều

(*Đường trường phải chiều* - điệu chèo)

Ghi chú: Nhóm "thời này duyên ơi phận" là nhóm từ đệm.

d. Đảo 2 nhắc lại 6:

Lấy từ cuối của câu 6 đảo lên đầu 2 lần hoặc 1 lần, thành câu nhạc mở đầu (hay lấy đà), sau đó vào cả câu 6 xuôi chiều.

Lời thơ: *Chồng tôi ở đất Võ Lăng*

Khi hát sẽ là: Võ thời Lăng i Võ thời Lăng

Quê chồng tôi i ở đất Võ i Lăng

(*Trần tình* - điệu chèo)

đ. *Đảo câu thứ hai lên trước câu thứ nhất:*

Lời thơ: *Em chèo thuyền ra sông Cái*

Em ngó lại quê mình

Khi hát sẽ là: Ngó lại quê mình (chớ bởi) em chèo thuyền ra sông Cái...

2. *KIỂU XUÔI:* Ở kiểu này, câu nhạc xuôi chiều theo trật tự câu thơ, giữa có xen tiếng đệm (làm rõ nghĩa, phát triển giai điệu theo hệ thống làn điệu), dài ngắn, tùy theo yêu cầu của bài hát.

Lời thơ: *Em là con gái Thanh Lương*

Thấy anh gánh lúa vừa thương, vừa mừng

Khi hát vẫn phổ nguyên văn lời thơ.

3. *KIỂU ĐỆM ĐÀ:* Ở kiểu này, trước khi vào lời ca chính để mở đầu bài hát, có một số từ hay hư từ làm tiếng đệm lấy đà. Nhóm từ đệm này có độ ngắn dài tùy tính chất bài hát.

Lời thơ: *Trèo lên trên rẫy khoai lang*

Khi hát sẽ là: Ta lí tang tình mà nghe, ta hò ta lí tình tang, ta lí tình tang.

Trèo lên trên rẫy khoai lang...

Lời thơ: *Sông tôi chẳng có bóng thuyền*

Mong gì đón gió những miền biển khơi

Khi hát sẽ là: Khoan bớ hò khoan hời! Là hò khoan!

Sông tôi chẳng có (thuyền) bóng thuyền

Mong gì là gì, đón gió những miền (khơi) biển khơi

Số lớn điệu hò hố được phổ theo kiểu này. Những nhóm từ thuộc kiểu đệm đà này đóng góp tích cực vào sự phát triển giai điệu, làm cân đối và mở rộng ý nhạc.

4. *KIỂU NHẮC LẠI LỜI THƠ:* Kiểu này được dùng nhiều trong nghệ thuật nhạc phổ thơ, có tác dụng phát triển giai điệu, làm cân đối câu nhạc, hoặc nhấn mạnh ý nào đó trong lời thơ.

Kiểu này có nhiều cách. Xin dẫn chứng hai cách khá phổ biến.

a. *Nhắc lại nguyên lời ca và nhạc*

Lời thơ: *Thương nhau trường đoạn đoạn trường*

Lụy lưu lưu lụy dạ dường kim châm

Khi hát sẽ là: Thương nhau trường đoạn í a đoạn trường

Thương nhau trường đoạn í a đoạn trường

Lúy í lưu í a lưu lụy a í a

Dạ dường ôi tình ôi i a kim châm

Lúy í lưu í a lưu lụy a í a

Dạ dường ôi tình ôi i a kim châm

b. *Nhắc lại nửa câu thơ: (cả nhạc)*

Lời thơ: *Xem lên hòn núi Thiên Thai*

Thấy đôi chiền chiện ăn xoài chín cây

Khi hát sẽ là: Xem lên hòn núi, hòn núi ta ni nọ Thiên Thai

Thấy ý đôi, thấy ý đôi con chiền chiền chiện

Thấy ý đôi, thấy ý đôi con chiền chiền chiện

TIẾNG ĐỆM

Tiếng đệm là nhân tố quan trọng trong nghệ thuật phổ thơ. Dùng tiếng đệm để phổ nhạc cho thơ là đặc điểm chung của âm nhạc dân gian.

Tiếng đệm có mấy tác dụng sau đây

a. *Tiếng đệm chỉ hệ thống làn điệu:*

- Ba lý tang tình mà nghe
- La hố
- Xít hụi hò khoan
- Rí hố rị... trong các điệu hò, hố.
- A í a
- Ôi tình
- Ấy ấy
- Tình bằng... trong các bài lý.

b. *Tiếng đệm để phát triển giai điệu:*

- Mở rộng ý câu thơ, đưa hình tượng âm nhạc vào câu thơ.
- Làm cân đối, hài hòa câu nhạc.
- Góp vào sự diễn cảm của bài hát.

Lời thơ: *Xăm xăm bước tới cây chanh*
Lăm le muốn bẻ, sợ nhành chông gai

Khi hát sẽ là: Xăm xăm bước tới cây chanh tình chanh
Lăm tình le, lăm tình le ơi muốn bẻ

Sợ nhành gai chông tình gai lăm tình le ơi muốn bẻ

Sợ nhành gai chông tình gai

(*Lý cây chanh* - Nam Bộ)

Lời thơ: *Ai đem con sáo sang sông*

Cho nên con sáo sổ lồng bay xa

Khi hát sẽ là: Ai đem con sáo ư hừ hự hừ hừ

Sang sang sang sang sông sáo sang sông

Tình là bằng con sáo sang sông ư hư hư hư hư

Tình là bằng con sáo sang sông ư hứ hư hư hư

Cho nên con sáo ư hừ hư hừ hư

Sổ sổ sổ sổ lồng sáo sổ lồng

Tình là bằng sổ lồng bay xa ư hư hư hư hư

Lời thơ: *Yêu nhau cởi áo cho nhau*

Về nhà, dối mẹ, qua cầu gió bay

Khi hát sẽ là: Yêu nhau cởi áo ới a cho nhau

Về nhà, dối rằng cha, dối mẹ ờ ơ ơ ớ ơ

Này a ối a, qua cầu

Tình tình tình gió bay, tình tình tình gió bay

(Quan họ Bắc Ninh)

c. *Tiếng đệm màu sắc*

Gợi màu sắc riêng của bài hát

Lời thơ: *Trèo lên cây khế mà rung*

Rớt xuống đợp đừng, khế ngọt khế chua

Khi hát sẽ là: Trèo trèo lên cây khế

Cây khế ta ní nó mà rung

Ô khìa khia a la khia la kha

Rớt xuống đợp đi đừng trái chua trái ngọt

Ô li lóc lóc bồn rên, ô li lóc lóc bồn rên

Ba la khia la kha

Bài hát có màu sắc miền núi(*)

Lời thơ: *Ai mua con quạ bán cho*

Đen lông đen cánh bộ giò cũng đen

Khi hát sẽ là: Ai mua con quạ ư hư hư

Bàn ban ban ban ban ban chọ ban chọ

Tình bằng bán cho ư ư

Đen lông đen cánh ư hừ hự

Bồ bô bô bô bô bô giò bộ giò

Tình bằng cũng đen ư ư

Tình bằng cũng đen ư ư

Ở đây, tiếng đệm làm phát triển giai điệu sinh động, tính chất hài hước, dí dỏm.

(*) Có sự chuyển hóa *Lý thiên thai* từ Huế vào, kết hợp chất liệu thanh điệu Tây Nguyên của nhân vật người hầu gái trong vở tuồng hát bội *Hộ sinh đàn* của Đào Tấn.

d. *Tiếng đệm nghĩa*

Lời thơ: *Chớ trông mỏi mắt, chớ chòi mỏi tay*

Khi hát sẽ là: Ới a chớ i i trông ơi i i là à là trông

A chớ a trông i mỏi mắt em i ơi

E chớ có chòi a la chòi

Em chớ có chòi thêm mỏi i tay i i i

(*Sắp qua cầu* - điệu chèo)

CÁC ĐIỆU THỨC 5 ÂM

Dân ca Quảng Nam được cấu tạo trên điệu thức 5 âm, dưới các dạng.

Dựa trên cách ghi âm 5 dòng, các tên gọi thường dùng, ta có:
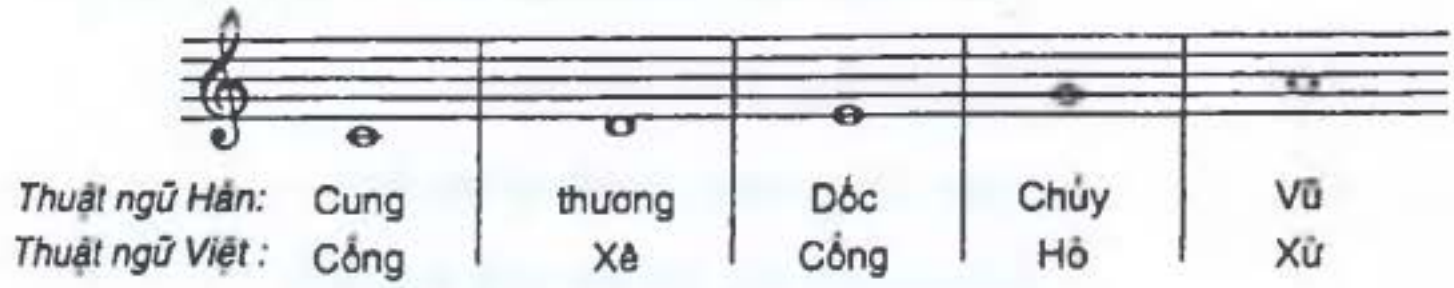
Với 5 âm trên, được tạo nên 5 điệu thức, có thành phần âm giống nhau, chỉ khác ở vị trí và nhiệm vụ của mỗi âm, trong từng điệu thức.

Mỗi điệu thức hình thành một trục âm thanh, gồm có âm chủ và hai âm cách âm chủ một quãng năm phía trên và phía dưới.

Ghi ở định âm *do*, 5 điệu thức này là:
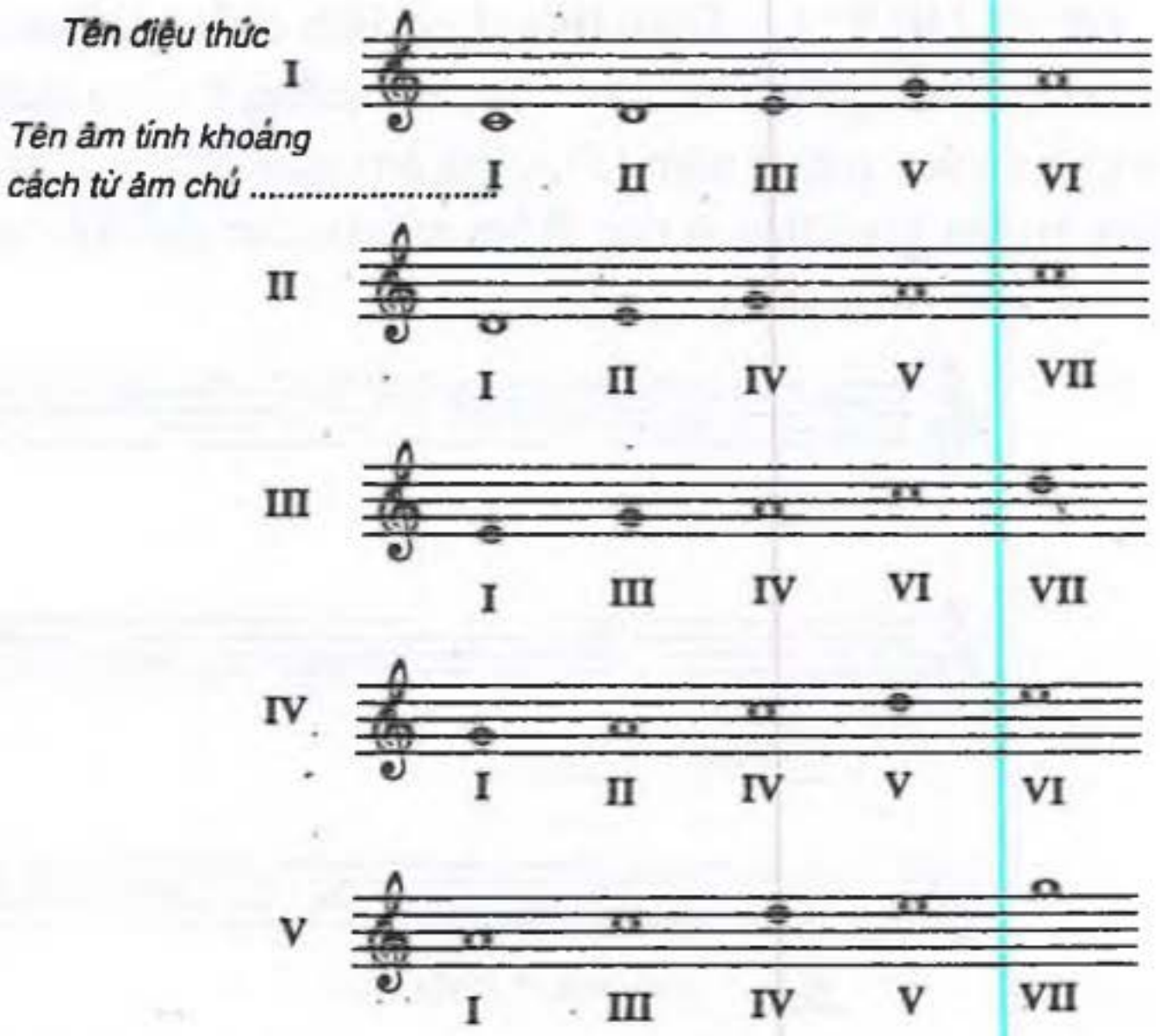
Thường gặp các điệu thức sau đây(*):

(*) Để tiện theo dõi các âm trong từng điệu thức, tôi dùng ký hiệu ở lối ghi âm 5 dòng sau đây:

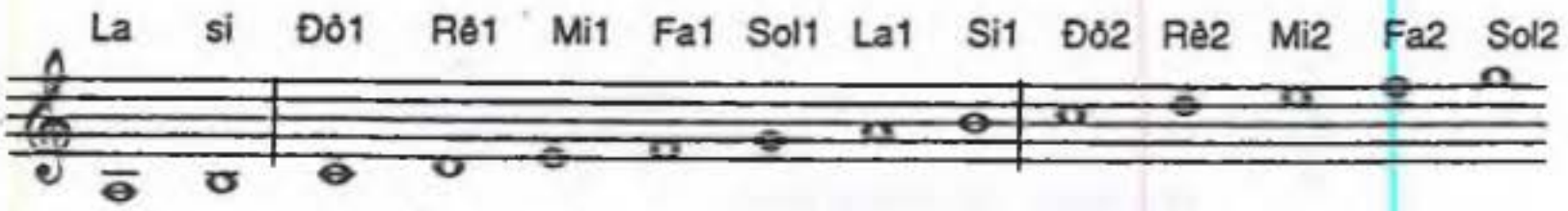

ĐIỆU THỨC I: - Điệu thức I có tính chất tươi sáng, khỏe. Trục điệu thức gồm 3 âm: âm chủ, âm quãng ba, âm quãng năm; âm chủ và âm quãng năm là những âm quan trọng. Các âm trục quán xuyến giai điệu ở các điểm mạnh, các chỗ kết, các điểm tựa của các bước nhảy.

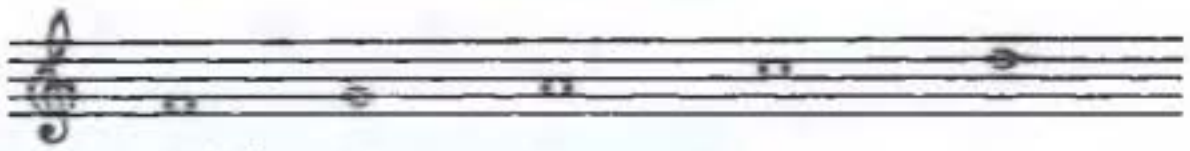

Nói lía

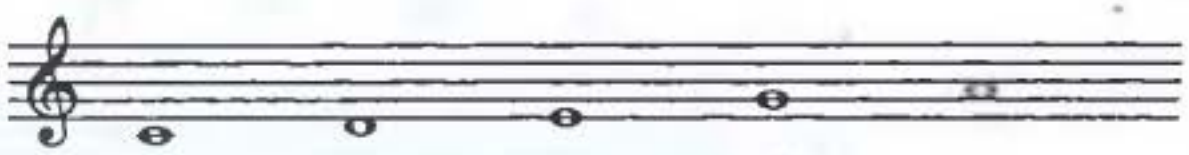

Hò đò dọc - Hò ba lý

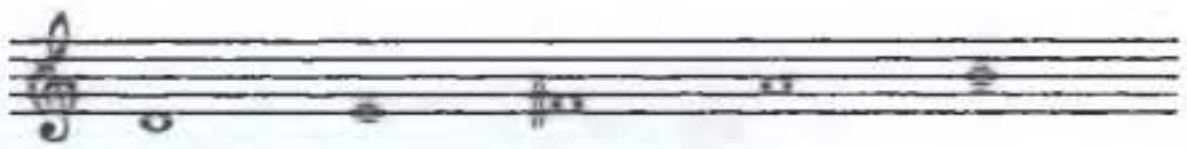

Hát ru "Lõ tay trót..." (ghép điệu)

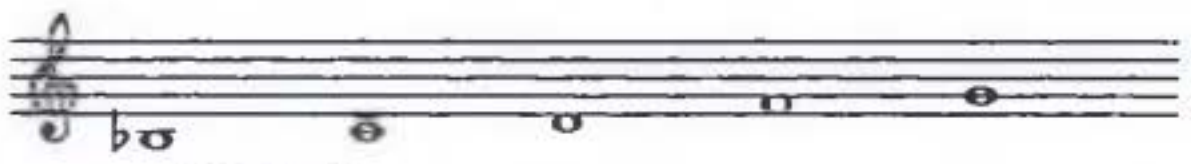

Lý qua ải

ĐIỆU THỨC II: - Điệu thức II có tính chất trữ tình, trong sáng, nhẹ nhàng. Trục điệu thức gồm 3 âm: âm chủ, âm quãng bốn và âm quãng năm.

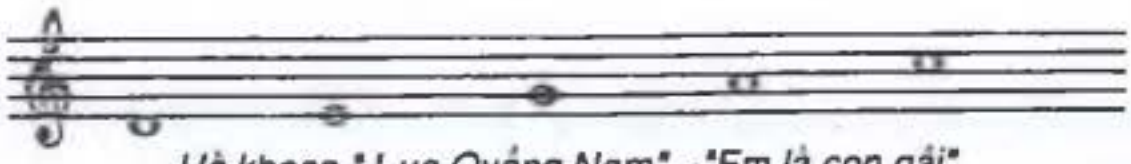

Hò khoan "Lụa Quảng Nam" -"Em là con gái"

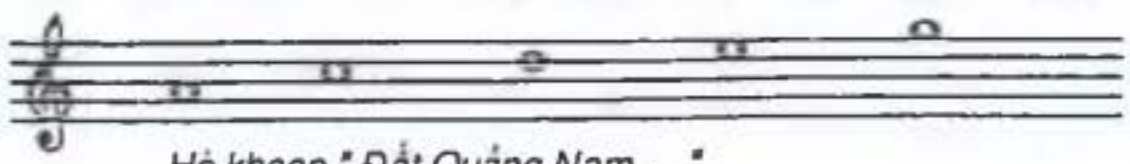

Hò khoan "Đất Quảng Nam ...."

ĐIỆU THỨC III: - Không có.

ĐIỆU THỨC IV: - Điệu thức IV có tính chất:

a. Khỏe, chắc, khi giai điệu chủ yếu đặt vào các âm chủ và âm quãng năm, thường vắng âm quãng bốn.

b. Vui, trong sáng, lúc đầy đủ các âm, các âm trục điệu thức được nhấn mạnh đôi chút.

Sắc bùa

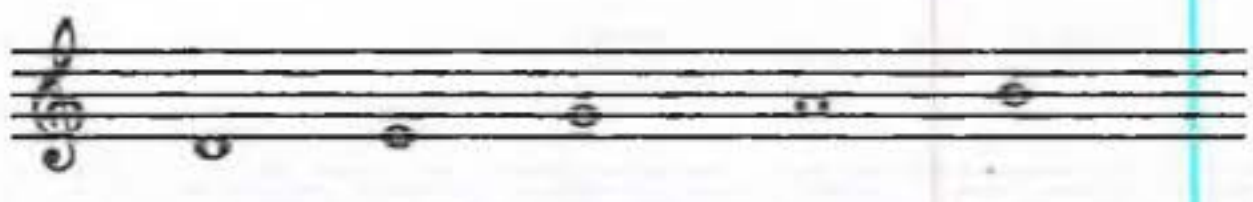

Vè Quảng - Lý con quạ

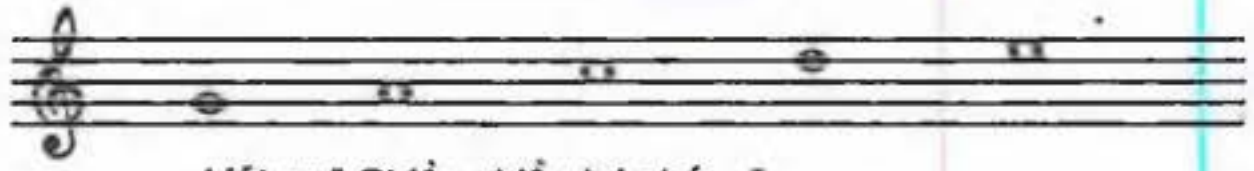

Hát ru " Chiều chiều lại nhớ ..."

ĐIỆU THỨC V: - Điệu thức V có tính chất trữ tình, nhẹ nhàng.

Trục điệu thức gồm 3 âm: âm chủ, âm quãng ba và âm quãng năm.

Khi giai điệu chủ yếu đặt vào các âm chủ, âm quãng ba, âm quãng năm, có mặt âm quãng bốn, thì nổi rõ tính chất buồn nhẹ, man mác.

Tính chất mềm mại, trữ tình, khi giai điệu chủ yếu đặt vào các âm chủ, âm quãng ba và âm quãng năm.
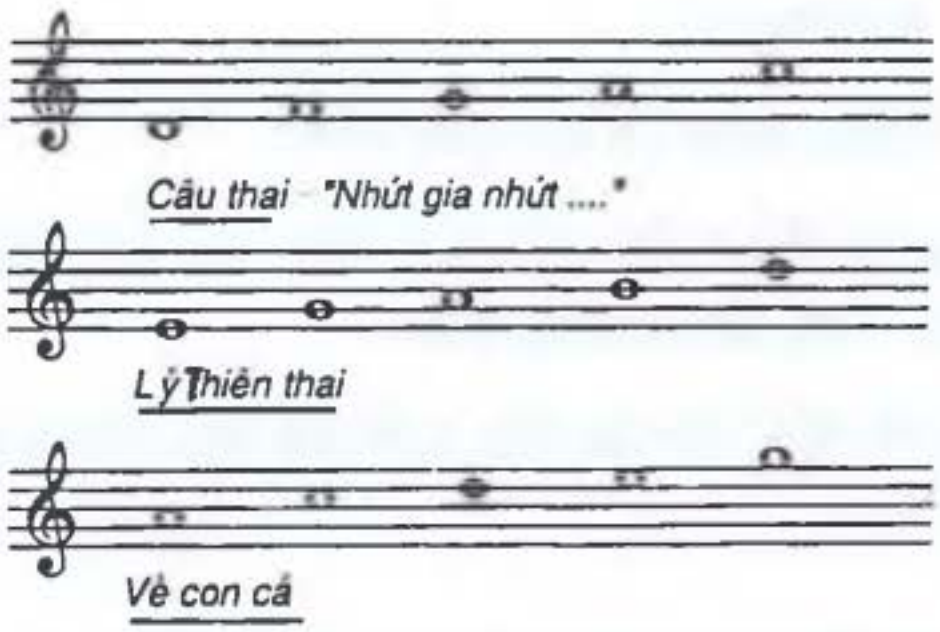
ĐIỆU THỨC ĐAN GHÉP

ĐIỆU THỨC IV + ĐIỆU THỨC I

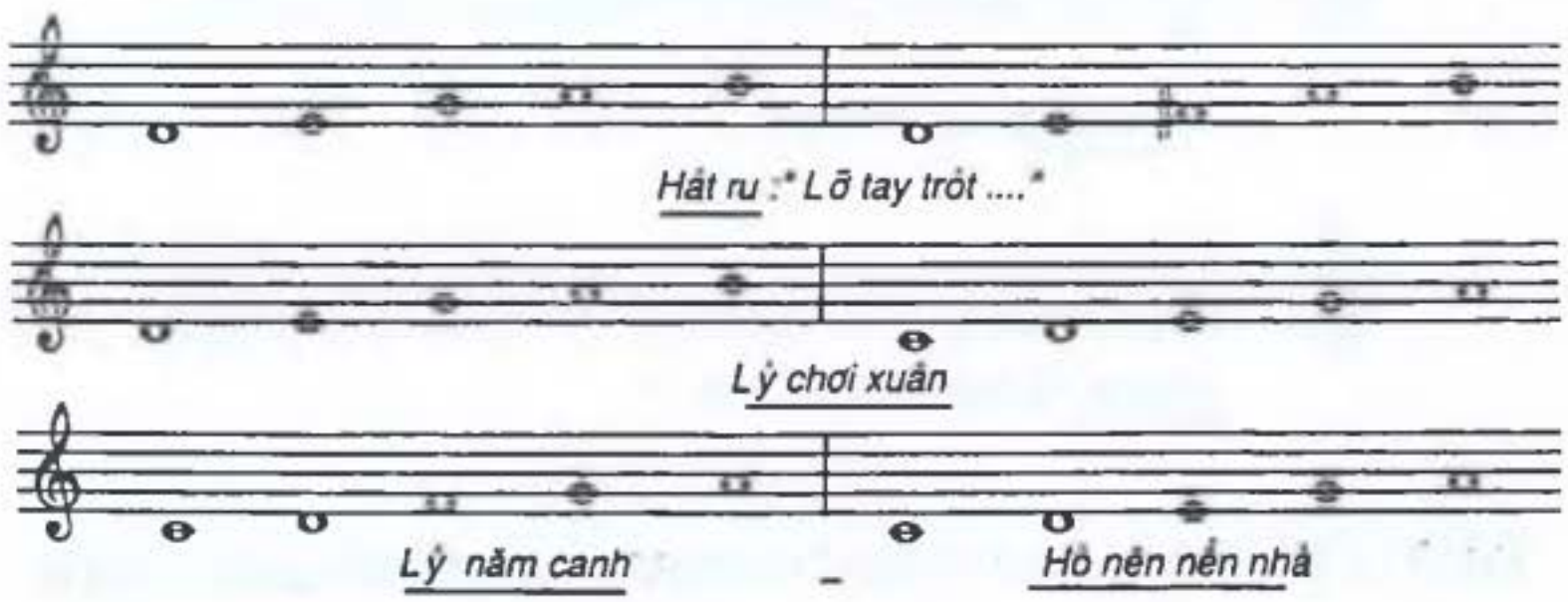

ĐIỆU THỨC V + ĐIỆU THỨC IV
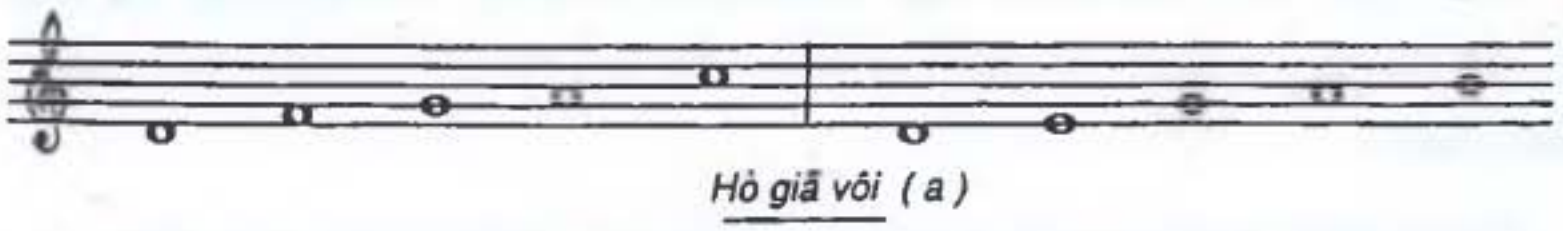
ĐIỆU THỨC V + ĐIỆU THỨC I

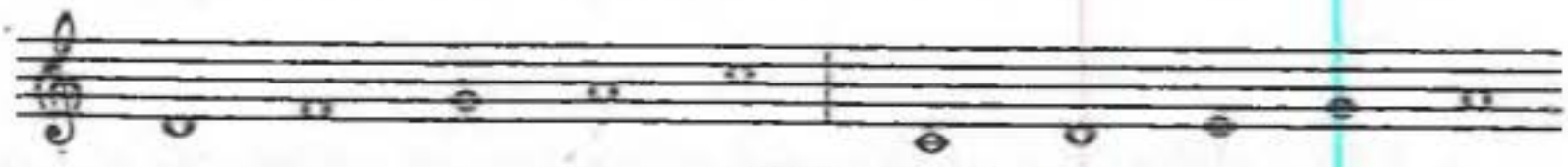

Hò giã vôi (b)

NHẬN XÉT TÓM TẮT VỀ ĐẶC ĐIỂM CÁC ĐIỆU THỨC 5 ÂM

1. Tính chất các điệu thức:

Bốn điệu thức trên, có thể chia làm hai nhóm, với hai tính chất chủ yếu.

a. Nhóm điệu thức I - IV có tính chất khỏe, chắc khi giai điệu có những bước nhảy đặt vào các âm trục điệu thức. Nếu giai điệu dùng điều hòa đủ 5 âm và đi các bước lần, thì nổi lên tính chất trong sáng, tươi mát.

b. Nhóm điệu thức II - V có tính chất trữ tình, mềm mại, man mác buồn thương.

Điệu thức V có khuynh hướng tính chất mềm mỏng.

2. Tính chất các bậc âm trong điệu thức:

a. Nhóm âm trục điệu thức - Trong mỗi điệu thức, những nhóm âm này đã hình thành một cái trục, trên cơ sở đó, thu hút các âm khác, giữ vững tính tổ chức và thể hiện khuynh hướng của điệu thức.

b. Qua số bài và làn điệu, thấy rõ sự hoạt động của các bậc âm trong các điệu thức, có kết cấu quan hệ giữa chúng chặt chẽ, diễn đạt các mặt tình cảm với tính chất khác nhau, đầy đủ tư cách của điệu thức về nhiệm vụ, chức năng và sự cấu tạo.

NHẬN XÉT VỀ SỰ ĐAN GHÉP CỦA ĐIỆU THỨC

1. Thủ pháp dùng để chuyển

a. Với 2 điệu thức có âm chủ đồng âm thì chúng có những âm chung trong nhóm âm trục điệu thức và dùng để chuyển.

b. Với 2 điệu thức có âm chủ cách nhau một quãng 4-5 đúng, thì chúng dùng âm chủ của điệu thức làm âm quãng V hay V của điệu thức sau để chuyển.

2. Sự đan ghép về khuynh hướng điệu thức

a. Phổ biến hơn cả là các trường hợp có cùng một khuynh hướng (trưởng hoặc thứ)

b. Còn có trường hợp tương phản về khuynh hướng, trong đó phải có một khuynh hướng là chủ thể.

3. Các hàng âm mới do sự đan ghép tạo nên

a. Đan ghép giữa hai điệu thức theo quan hệ quãng 4-5, tạo nên hàng âm 6 âm.

b. Đan ghép giữa hai điệu thức khác cơ cấu, mà âm chủ là đồng âm hay có quan hệ quãng 4 - 5 chung, tạo nên hàng âm 6 âm.

c. Âm lướt thoáng qua, không thuộc cơ cấu của điệu thức, không được tính vào âm của hàng âm mới.

Trong tất cả nội dung nhạc và lời nhiều vẻ khác nhau của dân ca, cũ cũng như mới, hầu như lúc nào chúng cũng có một đặc điểm độc đáo thống nhất là: sự nhắc lại nhiều lần một âm điệu với những lời ca khúc khác nhau. Và mặc dù giai điệu chính của bài hát được nhắc lại vài lần dưới hình thức không

thay đổi, hay thay đổi chút ít (biến tấu), lời ca vẫn được thay đổi, phát triển.

Cùng với điều đó, sự phát triển của hình tượng âm nhạc hoàn toàn không bị hạn chế, trong sự nhắc lại liên tục một tư tưởng âm nhạc như nhau, một âm điệu như nhau. Trong khi nhắc lại những lời ca khúc khác nhau, âm điệu thường phát ra với một màu sắc biểu hiện khác nhau, trong một chừng mực nhất định, biến đổi hình tượng giai điệu chính. Tùy theo sự phát triển của nội dung lời ca và sự biến đổi cùng lúc giọng hát kèm theo nó, người hát có thể thể hiện âm điệu theo cách khác nhau, đưa những tình cảm khác nhau vào từng đoạn(*).

Các thể dân ca Quảng Nam với giai điệu phát triển ở những mức độ khác nhau, dưới những dạng khác nhau, cho thấy một số hình thái giai điệu.

I. GIAI ĐIỆU BIẾN ĐỔI

Số lớn dân ca đều có giai điệu biến đổi. Tuy nhiên, sự biến đổi này có mức độ trong một khuôn khổ nhất định của đường nét cơ bản của từng làn điệu; được qui định bởi mấy yếu tố sau đây:

- Tiết nhạc mở đầu và tiết nhạc kết đuôi là những tiết nhạc đặc trưng của các thể loại hò hố, hát ru.

(*) Pôpôva - *Về các thể loại âm nhạc* - Nhà xuất bản Nhạc sĩ sáng tác xô viết - trang 17 - Maxcơva - 1961.

II. GIAI ĐIỆU KHÔNG BIẾN ĐỔI

Loại này ở những bài hát với tính cách độc lập, cấu trúc và giai điệu ổn định - ở các bài lý.

III. GIAI ĐIỆU MÔ HÌNH

Loại này ở những làn điệu mang tính chất kể chuyện, với những nét nhạc mở đầu, nét nhạc đệm lót và nét nhạc kết đuôi đặc trưng, đều là những giai điệu - mô hình. Giai điệu - mô hình chỉ mang tính hoàn chỉnh, khi nào nó được trải qua quá trình sáng tạo cụ thể của nghệ sĩ ca nhạc dân gian, nhằm biểu hiện một tình cảm nhất định. Với mục đích này, nghệ sĩ có quyền tự do điều chỉnh luyến láy, tiết tấu, nhịp của làn điệu, trong khi biểu diễn. Giai điệu - mô hình vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể nhất định.

Mặc dù về độ cao, lời ca gắn bó với đường nét giai điệu cơ bản của làn điệu, nhưng về âm nhạc, trọng âm của chúng lại được phân bố theo những nhóm độ dài bất kỳ, làm co dãn tiết tấu. Trong dân ca Quảng Nam có những phương thức phát triển giai điệu sau đây(*):

1. Kiểu đơn nhất

Giai điệu phát triển theo kiểu này có đặc điểm là nhắc đi nhắc lại một môtíp - âm điệu đơn giản gắn bó chặt chẽ với thanh điệu

---

(*) Nhạc sĩ Tú Ngọc giúp đỡ tôi, căn cứ vào *"Tìm hiểu giai điệu dân ca Việt Nam"* trên các tạp chí âm nhạc số 3, số 4 - 1979 và số 1 - 1980 Hội nhạc sĩ Việt Nam - Hà Nội để viết phần này.

giọng nói. Tính đơn nhất và tính đồng dạng của nó là do những môtíp ở đây hầu như ít có sự phân hóa về hình thái, về tầm âm và nhịp. Kiểu phát triển này gắn với nội dung tự sự giãi bày.

Với một số điệu hò, hố, kiểu phát triển này được dùng ở vế kể.
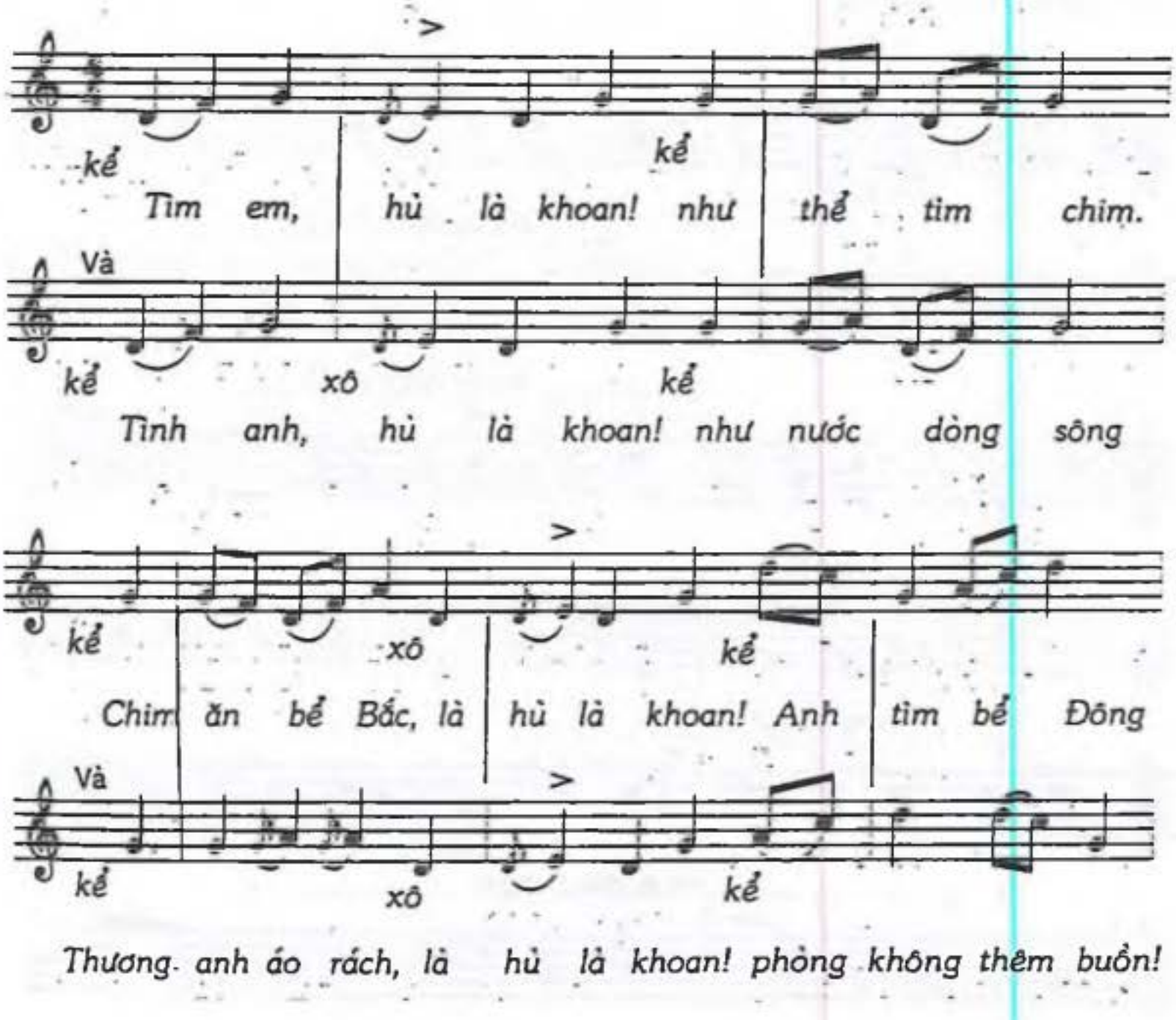
2. Kiểu phát triển biến tấu

Giai điệu phát triển theo kiểu này đã có sự phân hóa của các môtíp.

Căn cứ vào quan hệ "hạt nhân" mà kiểu này có nhiều mức độ, sắc thái khác nhau:

a. Hạt nhân để phát triển có thể là câu nhạc đầu, còn các câu tiếp theo có sự đổi dạng.

b. Hạt nhân để phát triển có thể là một hoặc hai môtíp đặc trưng được duy trì trong tất cả các câu, các môtíp khác còn lại thì được biến dạng.
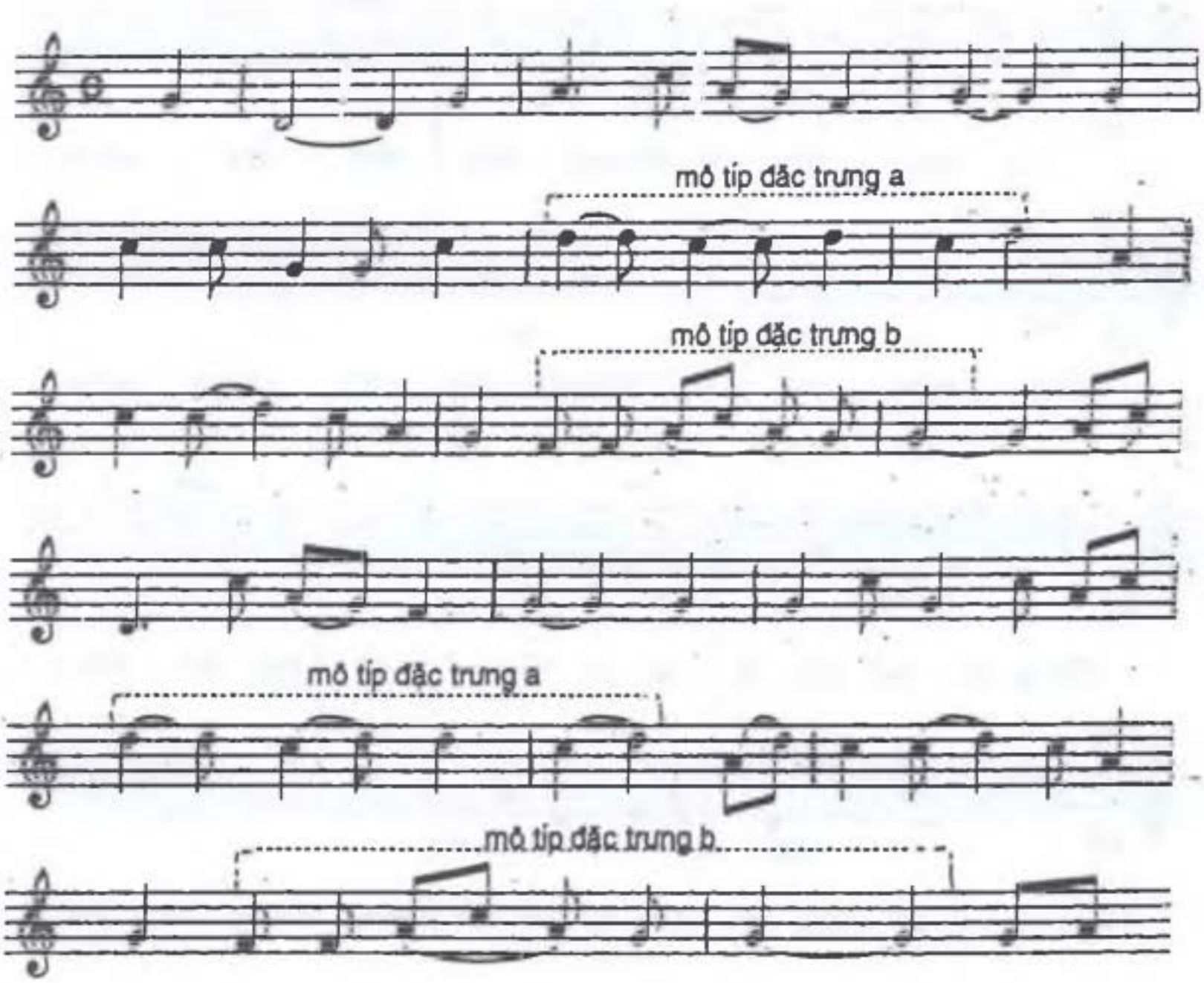
c. Kiểu phát triển biến tấu, được kết hợp với nhân tố nhắc lại (nhắc lại ngay trong mỗi câu). Hạt nhân để phát triển thường nằm ở vế đầu mỗi câu, còn vế sau của mỗi câu thì có sự biến hóa.

Có trường hợp giai điệu dựa trên kiểu phát triển biến tấu phức tạp hơn mà trong mỗi đơn vị cơ bản gồm có hai thành

phần. Đó là kiểu biến tấu "kép", khá phổ biến trong nhiều giai điệu hò hố.

3. Kiểu phát triển nhắc lại

Là kiểu phổ biến nhất trong những giai điệu dân ca: Khác với hai kiểu trên, thể hiện giữa câu này với câu kia, kiểu phát triển nhắc lại không những thể hiện các câu mà ngay trong một câu (tức là giữa các tiết nhạc, đã có thể có sự nhắc lại).

Kiểu này xuất hiện do yêu cầu phải củng cố và nhấn mạnh một nội dung xúc cảm nào đó, tạo ra sự tương phản với phần không nhắc lại và tạo ra một sự cân đối trong ý nhạc.

Cũng như phương thức trên, phương thức này được sử dụng ở nhiều mức độ với nhiều dạng vẻ.

a. Nhắc lại nguyên vẹn hoặc gần nguyên vẹn một tiết nhạc trong câu (thường đặt ở đầu hoặc cuối câu), nhằm củng cố và nhấn mạnh một bộ phận của chủ đề. Nhắc lại nguyên vẹn hoặc có biến hóa chút ít một câu, nhằm củng cố toàn bộ một ý nhạc, một chủ đề..., đều là những phương thức rất phổ biến.

Khác với kiểu phát triển biến tấu chỉ nhắc lại một chất liệu, ở kiểu này thường gồm nhiều chất liệu khác nhau.

b. Với thủ pháp nêu trên, giai điệu không lệ thuộc vào lời thơ. Nhưng có nhiều trường hợp lối nhắc lại gắn với lời thơ. Với thể 6-8, hát đảo 4 từ sau của câu 6 ra trước, rồi mới hát trọn câu, tạo câu nhạc thành một cấu trúc lặp có bổ sung ở phía đầu.
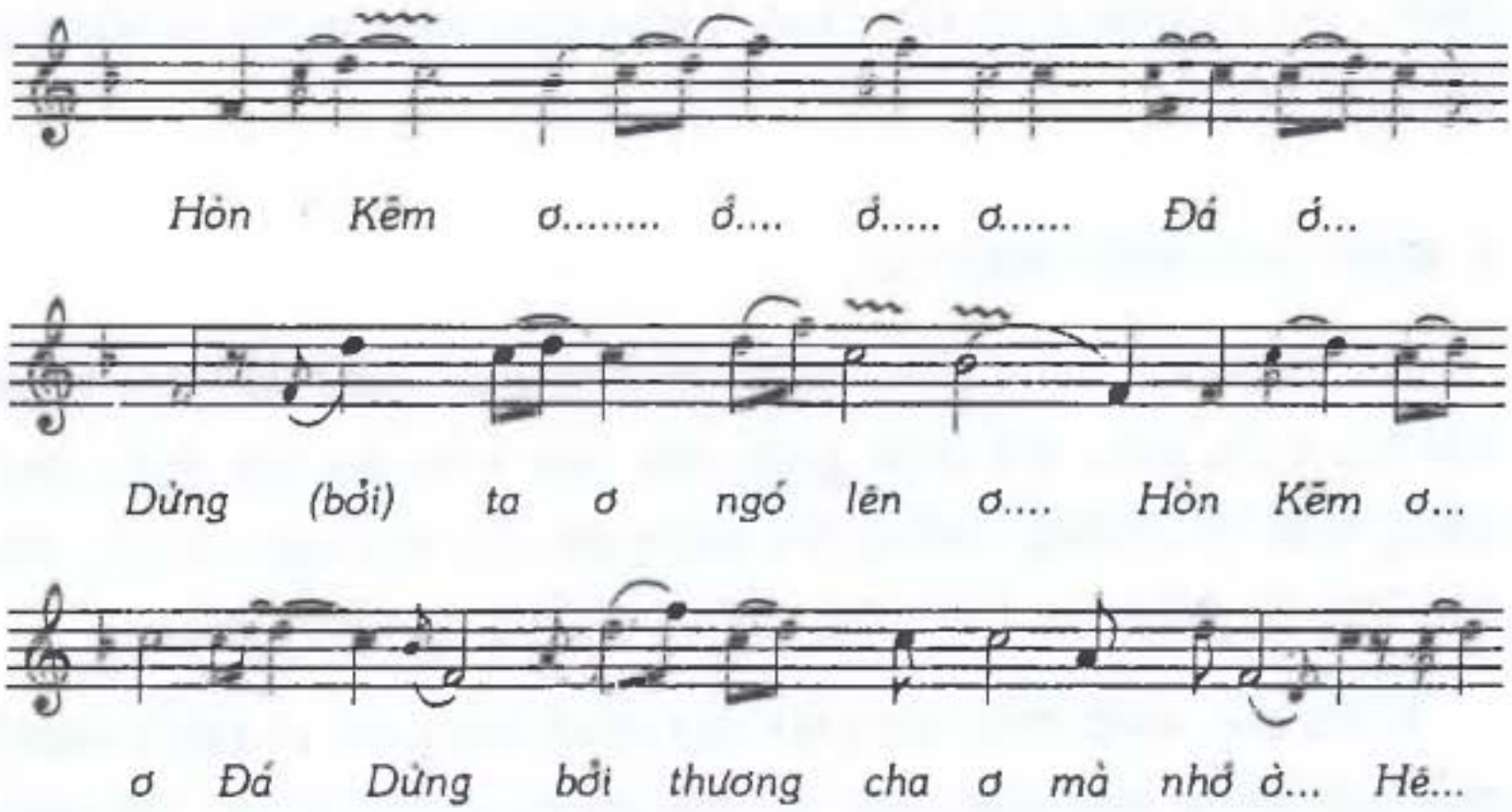
c. Sự nhắc lại có mở rộng, thường mở rộng sau khi nhắc lại trọn vẹn đoạn nhạc trước.

Có trường hợp thành phần mở rộng xen vào giữa thành phần nhắc lại, tạo thành sự nhắc lại có bổ sung.

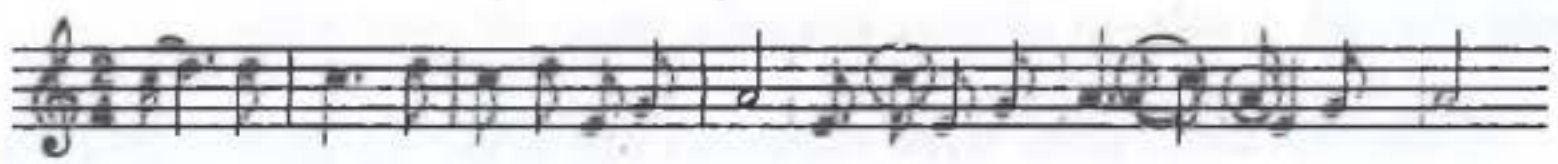

d. Trong điệu *Lạc nô*, ở đầu câu có sự nhắc lại lược bớt.
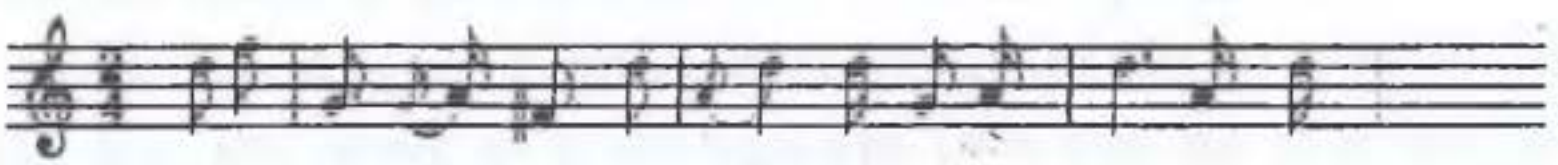
đ. Trong quá trình phát triển, một bộ phận của giai điệu có thể được nhắc lại ở một khoảng cách xa, không quan hệ trực tiếp với hạt nhân của nó; là kiểu nhắc lại "gián cách", thường dùng để kết đoạn kết bài.
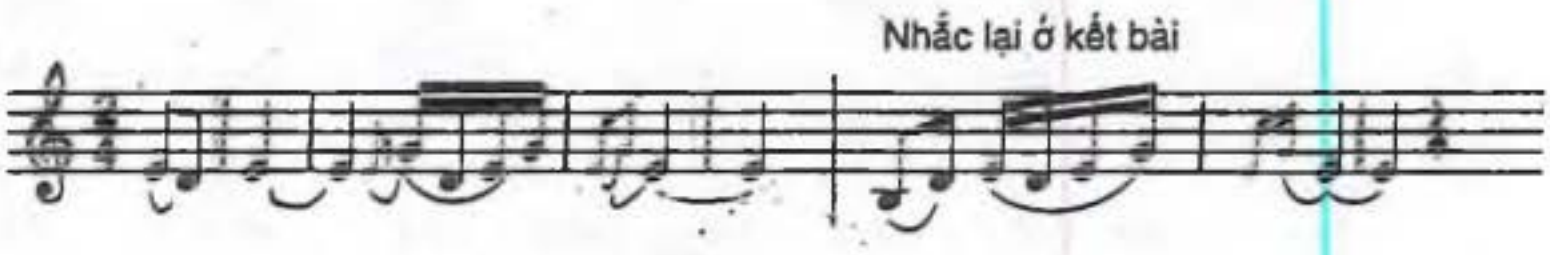
Ở *Lý thiên thai*, thấy có kiểu nhắc lại có thu gọn (các ô nhịp 9-10 và các ô nhịp 13-14), tăng cường tính chất năng động cho giai điệu.

4. Kiểu phát triển đảo hướng hình âm.

Đặc điểm của kiểu này là giai điệu được phát triển chỉ bó hẹp trong khuôn khổ một câu nhạc mà trong đó có hai cấu trúc giai điệu được tiến hành cạnh nhau, với đường nét giống nhau hay gần giống nhau nhưng vận động khác hướng.

5. Kiểu phát triển mô phỏng.

Xét về một mặt nào đó thì giai điệu phát triển theo kiểu này cũng giống với kiểu phát triển nhắc lại (đơn giản hoặc biến hóa), những vế nhắc lại được đặt ở một độ cao khác.

Cũng ở phương thức đảo hướng hình âm, kiểu mô phỏng chỉ tác động chủ yếu trong một câu. Cũng như các kiểu khác, ở đây, sự mô phỏng được biểu hiện ở nhiều mức độ và dạng vẻ khác nhau.

a. Tiết nhạc hoặc câu nhạc mô phỏng được đặt ở một quãng bốn thấp hơn, so với tiết nhạc hoặc câu nhạc được mô phỏng.
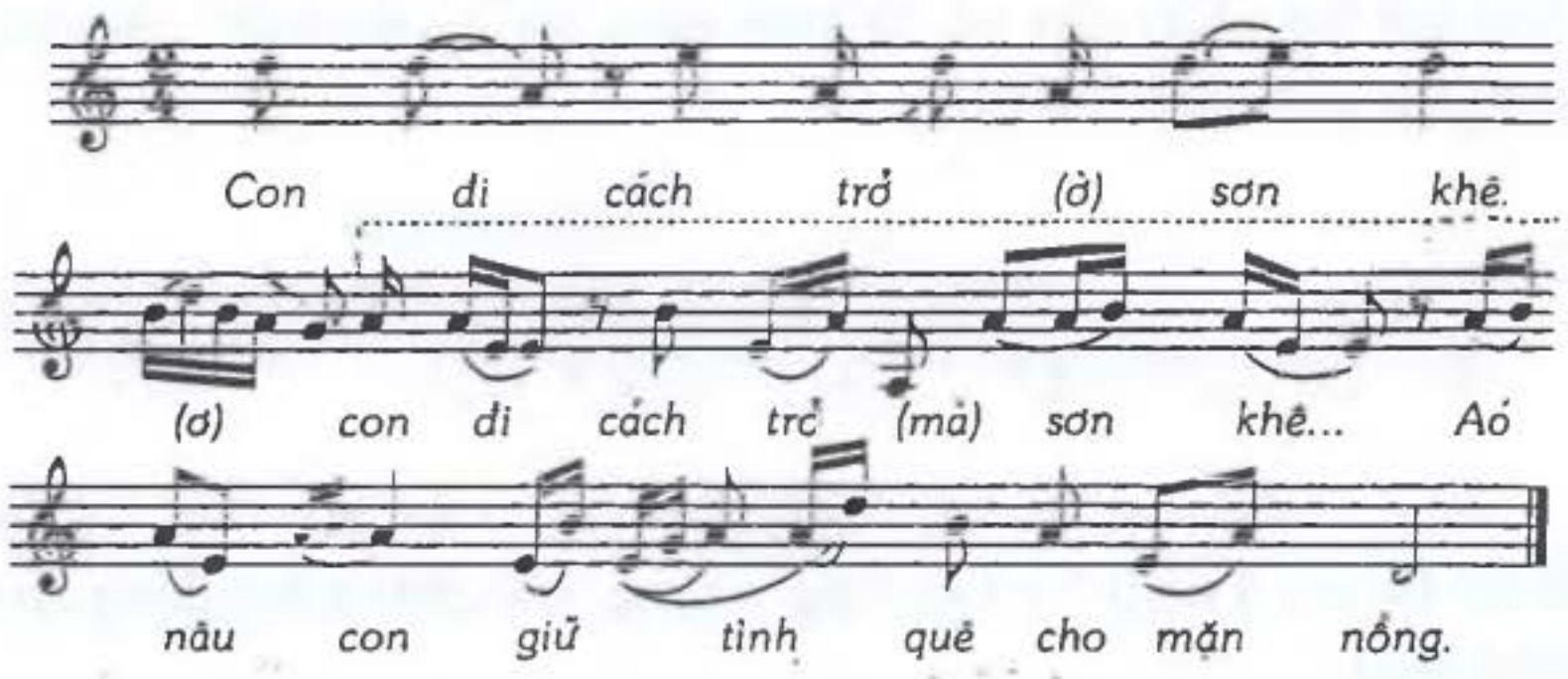
b. Tiết nhạc hoặc câu nhạc mô phỏng được đặt ở một quãng bốn, quãng năm cao hơn so với tiết nhạc hoặc câu nhạc được mô phỏng.

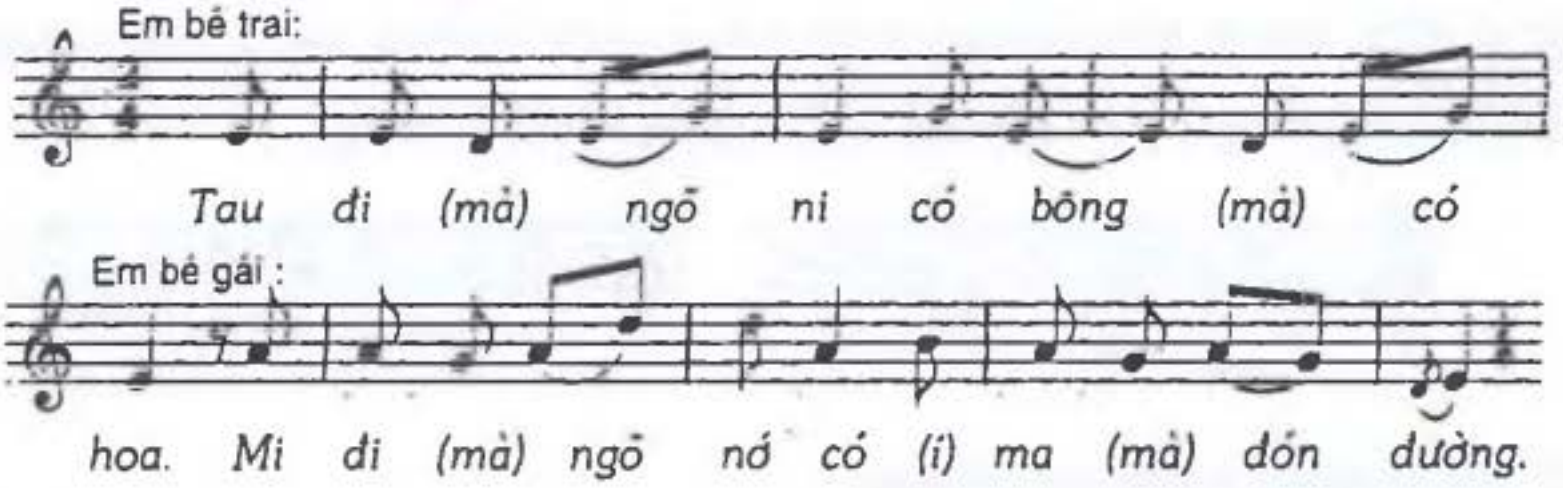

c. Ngoài lối mô phỏng chặt chẽ, còn lối mô phỏng tự do, tiết nhạc hoặc câu nhạc chỉ giống về nhịp điệu tiết tấu, còn độ cao của các âm không hoàn toàn chính xác; sự mô phỏng đặt ở quan hệ các quãng khác (quãng hai, quãng ba) lối mô phỏng tự do nhắc lại có bổ sung lời của vế trước khác với vế sau.
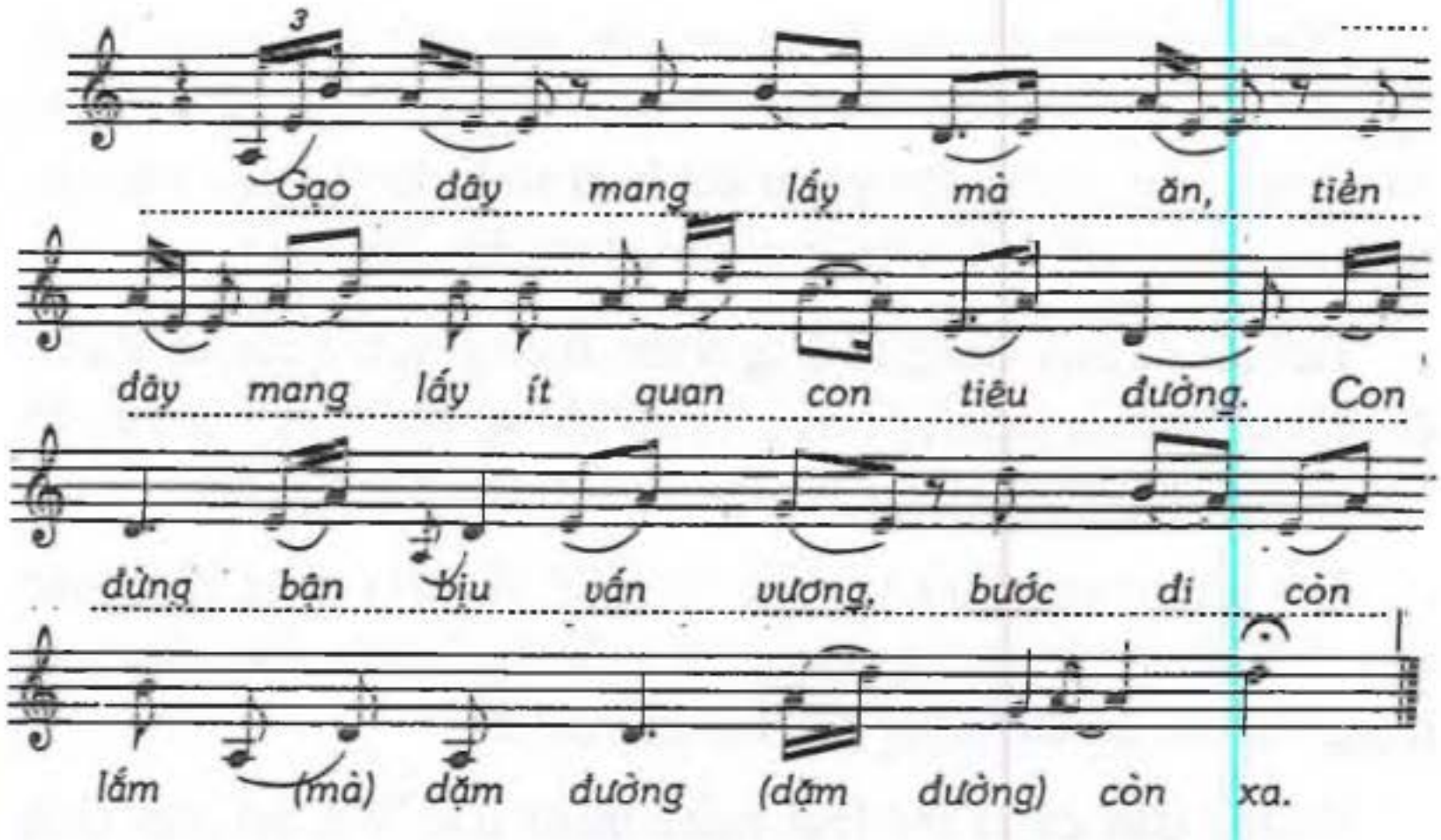
d. Nét nhạc sau không mô phỏng ngang nét nhạc trước, mà sau một đoạn trung gian mới có mô phỏng, là mô phỏng cách quãng.
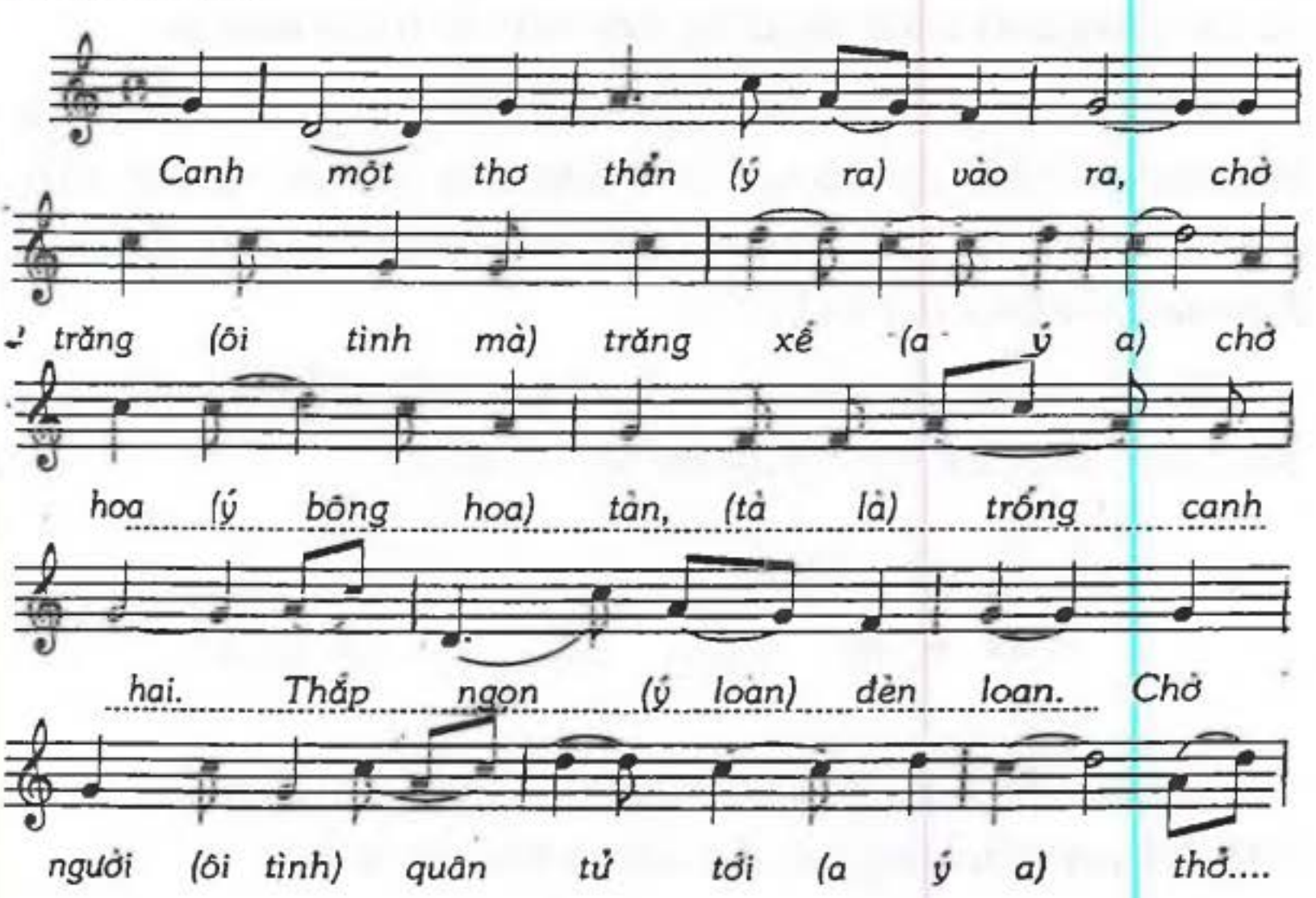
Cũng như dân ca của đất nước, giai điệu dân ca Quảng Nam ngoài 5 kiểu phát triển chính, với tài năng của nghệ sĩ ca nhạc dân gian, còn có sự đan ghép kết hợp sinh động uyển chuyển một kiểu này với một kiểu kia, sáng tạo giai điệu mới.

Tiết tấu là một trong những nhân tố có ý nghĩa bản chất của âm nhạc, là một thành phần gắn bó khắng khít với các yếu tố khác trong âm nhạc như giai điệu, điệu thức, hòa âm, khúc thức.

Tiết tấu trong dân ca thuộc loại tiết tấu của nhạc hát. Như vậy, bản thân nó không mang ý nghĩa thuần túy âm nhạc mà trong đó còn có tác động của tiết tấu thơ ca.

Nhưng dân ca là thể loại nghệ thuật đặc biệt, nó gắn chặt với đời sống xã hội, nảy sinh từ những môi trường của xã hội. Do đó, những điều kiện khách quan nào tác động một cách gián tiếp hay trực tiếp đến các nhân tố khác trong nghệ thuật của dân ca, thì đồng thời cũng tác động đến tiết tấu trong dân ca.

Những điệu hò gắn với thực hành lao động, do đó, nhiều hình thức tiết tấu đã bắt nguồn từ bản thân tiết tấu và tính chất của các quá trình lao động. Chúng không những thay đổi giai điệu mà còn thay đổi cả tiết tấu.

Tiết tấu uyển chuyển, các vế *xô* kéo dài, thể hiện việc lao động đòi hỏi ít thể lực và cường độ vừa phải.

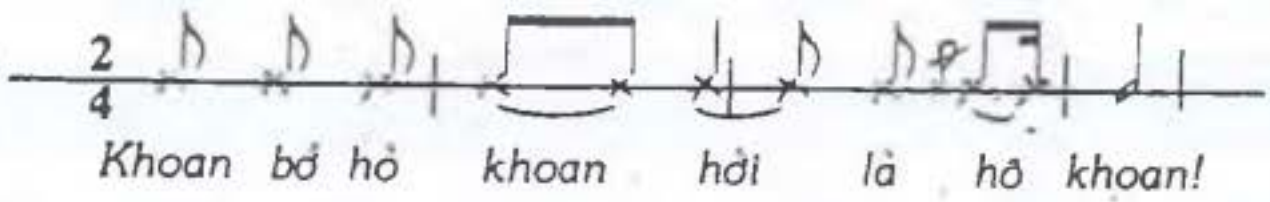

Có khi tiết tấu tăng thêm sự uyển chuyển hoặc chia nhỏ âm hình đối với mỗi công việc lao động hơi nhẹ nhàng.

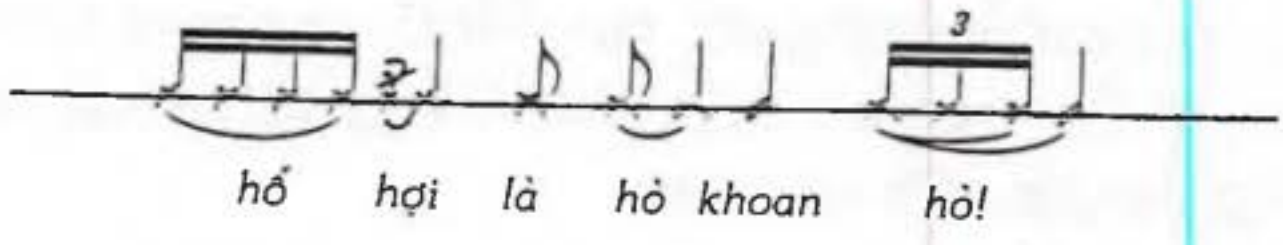

Nhịp điệu trở nên chặt chẽ, vế "xô" thu ngắn lại, thể hiện việc lao động đòi hỏi nhiều thể lực và cường độ lớn.

Trong điệu *Hò đưa ghe*, sự thay đổi cường độ, khuôn khổ và sắc thái trọng âm trong tiết tấu tùy thuộc ở tính chất của các chặng trong công việc.

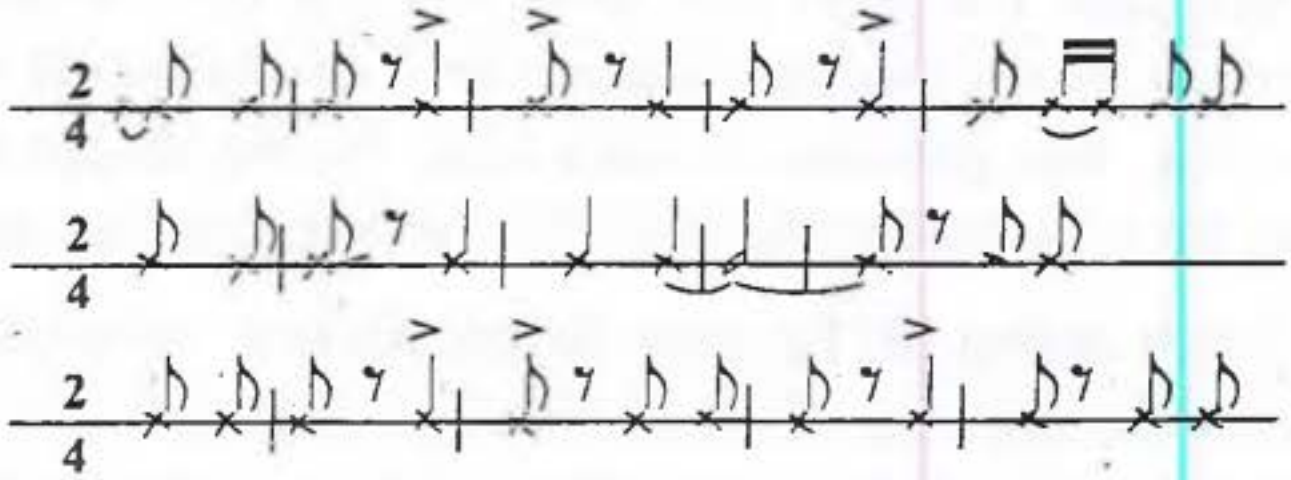

Nhịp vồ (dầm) lên xuống đều đặn trong *Hò nện nền nhà.*

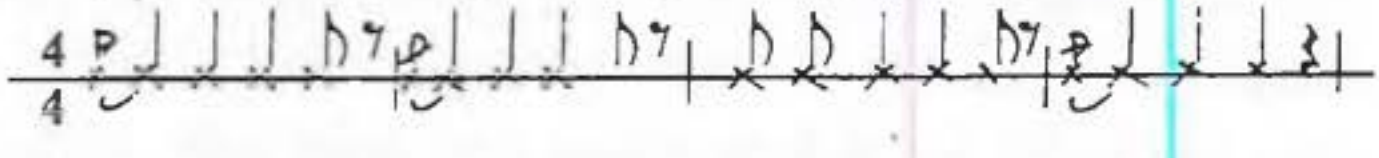

Đồng dao đề cao yếu tố tiết tấu. Vì tiết tấu không những đóng vai trò tổ chức của các lối chơi, mà còn là phương tiện chủ yếu tạo ra cấu trúc bài hát (Xem chương ĐỒNG DAO).

Trong tất cả những yếu tố khách quan tác động đến tiết tấu nhạc của dân ca thì yếu tố tiết tấu thơ là quán xuyến và trực tiếp hơn cả. Tiết tấu thơ gắn bó chặt chẽ với tiết tấu nhạc, nhưng không thể đồng nhất với tiết tấu nhạc. So với tiết tấu nhạc thì tiết tấu thơ ca trong dân ca chỉ là một cái khung đồ thị làm chỗ dựa cho tiết tấu nhạc.

Sự thống nhất khắng khít giữa tiết tấu thơ ca và tiết tấu nhạc dễ thấy nhất trong cấu trúc đơn sơ. Ở nhịp bài hát cổ, nhịp nhạc và nhịp thơ gắn chặt với nhau.

Như vậy là, trong những trường hợp mà tiết tấu nhạc chưa phát triển ra ngoài tiết tấu thơ, thì tác động của tiết tấu thơ thể hiện chủ yếu bằng sự ngắt nhịp, chia nhịp của câu thơ (đặc biệt là trong đồng dao). Trong trường hợp tiết tấu nhạc đã phát triển ra ngoài khuôn khổ tiết tấu thơ thì tiết tấu thơ biến thành những cái trụ mốc.

Bên cạnh việc ngắt nhịp trong câu thơ, tiết tấu thơ còn tác động đến tiết tấu nhạc qua sự gieo vần. Vần của thơ (dù vần lưng, vần chân, vào giữa câu và cuối câu), thường dễ tạo ra những trọng âm trong tuyến nhịp (đặc biệt với loại giai điệu ngâm).

Trong những bài hát giao duyên, trữ tình, vai trò biểu hiện của tiết tấu được thể hiện ở một trạng thái khác là thể loại biểu hiện cảm xúc nội tâm, và ít chịu tác động trực tiếp của những yếu tố ngoại cảnh, tiết tấu ở đây thường mang yếu tố uyển chuyển, tinh tế. Sự chia nhỏ những đơn vị nhịp thành những cụm âm luyến láy là hiện tượng phổ biến nhất. Chẳng hạn, sự xen kẽ, pha trộn giữa các cụm 2 âm, 3 âm và 4 âm.
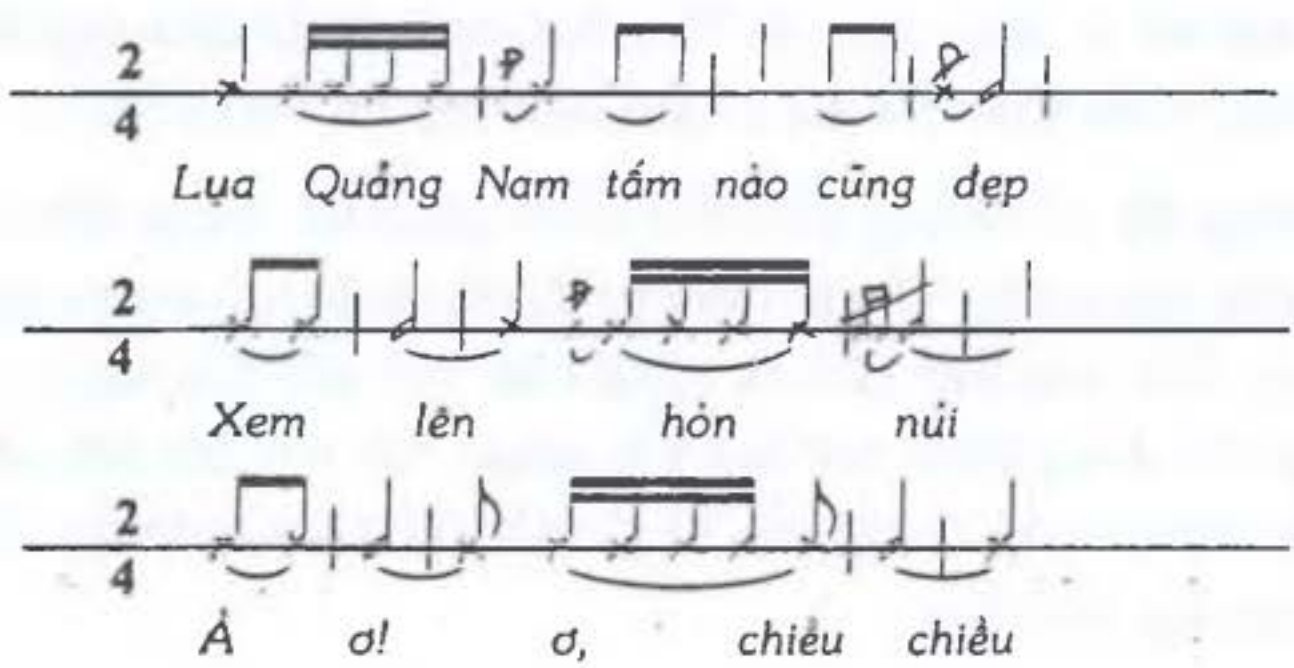
CÁC LOẠI TIẾT TẤU

Có thể gặp các loại tiết tấu:

1. Loại tiết tấu chưa có nhịp chu kỳ:

Có thể sắp xếp vào đây loại giai điệu hò có tiết tấu kết hợp giữa thơ và nhạc, gắn với phong cách diễn xướng ngẫu hứng (theo thuật ngữ ở địa phương là *"hát kiến tại"* - sáng tác tại chỗ).

Ví dụ hò khoan chèo thuyền - đò dọc, đò ngang, hò giã gạo (trong hò đám).

2. Loại tiết tấu có nhịp có chu kỳ:

Những bài hát thuộc loại này có nhịp với chu kỳ đều đặn và có một khuôn nhịp thống nhất trong cả giai điệu.

NHỮNG NHỊP CHỦ YẾU

1. Nhịp 2 phách

a. Nhịp 2 phách với phách phân hai khá phổ biến trong các làn điệu.

b. Nhịp 2 phách với phách phân ba không thấy có.

2. Nhịp 3 phách

a. Nhịp 3 phách với phách phân hai không thấy có.

b. Nhịp 3 phách với phách phân ba không thấy có.

3. Các nhịp khác

a. Nhịp 4 phách với phách phân hai có trong vài làn điệu.

b. Không có nhịp hỗn hợp hay phức tạp.

Một bài hay một điệu có thể là một trổ hay gồm nhiều trổ[1].

Căn cứ vào tính chất hay vị trí của các trổ, tên gọi của chúng khác nhau:

Trổ mở đầu - trổ thân bài - trổ nhắc lại - trổ kết.

TRỔ MỞ ĐẦU

- Trổ ngắn gọn, ở đầu bài hoặc điệu. Cấu trúc thường là 1 hay hai câu nhạc, cũng có thể dài hơn nhưng không bao giờ quá 4 câu nhạc.

- Trổ không bao giờ được hát lại lần thứ hai.

- Trổ mà lời ca cũng ít khi nhắc lại ở trổ thân bài.

TRỔ THÂN BÀI

- Trổ chính của bài hoặc điệu, có giá trị như một bài hát hoàn chỉnh. Trong nhiều trường hợp, nó không phải đi liền với trổ nhắc lại và trổ kết, nhưng rất gắn bó với trổ mở đầu.

- Là trổ chính, nên thường mang đủ các nhân tố (nhạc đệm lót, nhạc ngân đuôi...)[2].

---

[1] Theo thuật ngữ ca nhạc dân tộc, để gọi tên một đoạn thì ở *hát bội* là *sắp*, ở *chèo* là *trổ*, ở *ca nhạc cải lương, ca Huế, bài chòi* là *lớp*, ở *biểu diễn nhạc khí* là *khổ*.

[2] Trong chèo là nét nhạc *xuyên tâm* - nét nhạc ngắn có hai ô nhịp xen kẽ trong các trổ, để phân các câu nhạc, cũng có khi dài 4 ô nhịp.
Nhạc sĩ, nhà nghiên cứu chèo Hoàng Kiều, đã giúp đỡ tôi, căn cứ vào chương *"Đặc điểm và cấu trúc của ca khúc chèo"*, để viết phần này - *Sử dụng làn điệu chèo,* Nhà xuất bản Văn Hóa - Hà Nội - 1975.

TRỔ NHẮC LẠI

- Trổ luôn luôn nối tiếp với trổ thân bài và nhắc lại trổ thân bài (không nguyên bản).

- Trổ có thể được nhắc lại nhiều lần.

- Trổ nhắc lại lần thứ ba, lần thứ tư v.v..., bao giờ cũng giống hoàn toàn với trổ nhắc lại lần thứ hai.

TRỔ KẾT

- Trổ như trổ mở đầu, thường là ngắn gọn và có mặt ở những bài, điệu có nhiều trổ.

- Thể thức với nhiều dạng vẻ và cách biểu hiện khá sinh động, trổ này có khi rất ngắn hoặc dài, khi thì vẫn mang đặc điểm của trổ thân bài (nhưng rút ngắn) như *Hát ru,* khi chỉ dùng chất liệu âm nhạc mới tiết tấu tương phản với trổ thân bài - như trong *Lý năm canh* từ ô nhịp 67 đến cuối bài.

* Một số ví dụ về cấu trúc:

Thể 1 trổ - *Lý Thiên thai* là trổ thân bài, gồm 4 câu nhạc, câu thứ ba nhắc lại và mở rộng câu thứ hai.

- *Lý thương nhau* là trổ thân bài, gồm 4 âm nhạc. Câu thứ hai nhắc lại mở rộng câu thứ nhất. Câu thứ ba có nhắc lại phần cuối câu thứ hai (4 ô nhịp). Câu thứ hai nhắc lại rút ngắn câu thứ ba.

Thể 3 trổ - *Lý rủ nhau chơi xuân*

Lời thơ: *Rủ nhau các ả thuyền quyên*

Đánh quần đánh áo, khắp miền vui chơi

Một đoàn tím tía chói lòa

Em em chị chị, cùng hòa câu ca

Bên nhau ca hát, cùng hòa câu ca

Cùng nhau hát hát, hò hò

Đón ngày xuân thắm ngỏ cho thỏa lòng

Khi hát sẽ là

TRỔ MỞ ĐẦU

Rủ nhau các ả ấy ấy thuyền quyên

Đánh quần, ôi tình, đánh áo, khắp miền vui chơi

TRỔ THÂN BÀI

Ấy ấy ấy một đoàn tím tía chói lòa í a

Một đoàn tím tía chói lòa

Bên nhau ôi tình mà ca hát, cùng hòa ấy ấy câu ca

Ấy ấy ấy cùng nhau hát hát hò hò í a

TRỔ NHẮC LẠI

Cùng nhau hát hát hò hò

Đón ngày, ôi tình mà, xuân thắm

Ngỏ cho ấy ấy thỏa lòng í a!

LÝ NĂM CANH

Lời thơ: *Canh một, thơ thẩn vào ra*

Chờ trăng, trăng xế, chờ hoa, hoa tàn

Canh hai, thắp ngọn đèn loan

Chờ người thục nữ, thở than đôi lời

Canh ba, đang nói, đang cười

Còn hai canh nữa, mỗi người mỗi phương.

Canh tư chấp bút thề nguyền

Khứ lai minh bạch, cho tuyền thủy chung

Canh năm, cờ phất, trống rung

Qua gá tiếng cùng, bậu chớ nghe ai.

Khi hát sẽ là

TRỔ THÂN BÀI

Canh một, thơ thẩn í ra vào ra

Chờ trăng, ôi tình mà, trăng xế a í a

Chờ hoa, í bông hoa tàn.

Tà là trống canh hai

TRỔ NHẮC LẠI

Thắp ngọn, í loan đèn loan

Chờ người, ôi tình, thục nữ tới a í a

Thở than đôi ba lời

Tà là trống canh ba

Đang nói, cười đang cười

Còn hai, ôi tình mà canh nữa, a í a

Mỗi người rằng là mỗi phương

Tà là trống canh tư

Chấp bút, ý nguyền thề nguyền

Khứ lai, ôi tình mà, minh bạch, a í a

Cho tuyền là tuyền thủy chung

Tà là trống canh năm

TRỐ KẾT

Ngọn cờ phất, ý rung trống rung

Tang cắc cà rụp thùng

Qua gá tiếng cùng, em bậu chớ nghe ai, em bậu chớ nghe ai!

HÁT RU

Lời thơ: *Nín mà nghe qua ru, qua hát*

Dạo quanh vòng bót gác xem chơi

Khi hát sẽ là:

TRỐ MỞ ĐẦU

Ru hời ru hỡi... là ru

TRỐ THÂN BÀI

Nín mà nghe qua ru í qua hát ứ ừ ư

Dạo quanh vòng bót gác í xem chơi

Tàng tít tang non nang tít tang tang

Tàng tít tang non nang tít tang tít

Ba lít tít tang non nang tít tang tang

TRỔ KẾT

Tang tang tít tang, tang tàng tít tang

Là tàng tang tít tang

Thể 4 trổ - Hò giựt chì(*)

Lời thơ: *Đi ra sóng biển mịt mù*

Trời cho lưới nặng, dô hò kéo lên

Khi hát sẽ là:

TRỔ MỞ ĐẦU

Hò hố, dàn nậu vộ!

Hò hỡi hò lơ, hố hò lơ là hò hỡi lơ!

TRỔ THÂN BÀI

Ra đi mà sóng biển, là hò hỡi lơ

Sóng biển mịt mù, là hò hỡi lơ!

Trời cho mà lưới nặng, là hò hỡi lơ!

Dô hò ta kéo lên! là hò hỡi lơ!

(*) Để đính chính cho sự phân đoạn không đúng điệu hố này trong *Dân ca miền Nam Trung bộ* Tập I - trang 79, 80, 81, 82. Nhà xuất bản văn hóa - Hà Nội - 1963.

TRỖ NHẮC LẠI

Hỡi lơ hò lơ, là hỡi hò lơ!

Ra đi mà sóng biển, là hỡi hò lơ

Sóng biển mịt mù, là hỡi hò lơ!

Trời cho mà lưới nặng, là hỡi hò lơ!

Dô hò ta kéo lên! là hỡi hò lơ!

TRỖ KẾT

Rị hố rị! Hố rị!

Ra đi!... hố rị! Sóng biển... hố rị! Mịt mù... hố rị!

Trời cho!... hố rị! Lưới nặng... hố rị! Dô hò... hố rị!

Kéo lên! Hố rị rị rị rị rị!

PHẦN II

CA DAO, HÒ, VÈ MANG SẮC THÁI BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Xuân Nhân
Nguyễn Phúc Liêm
Châu Minh Hùng

LỜI THƯA

Ca dao, hò, vè chiếm một trữ lượng lớn trong kho tàng văn học dân gian Bình Định. Thuở trước trong các làng quê có những nghệ nhân hát hò ứng tác, đối đáp trong giã gạo dưới trăng, hết đêm này đến đêm khác dường như không bao giờ dứt lời ca. Nhiều đến mức, các công trình đã xuất bản từ trước đến nay chưa ai dám cho mình đã sưu tầm được thật đầy đủ.

Người Việt vào làm chủ dải đất Bình Định từ thuở được gọi là Viễn Châu dưới triều vua Lê Thánh Tông (1471). Trên đường theo bước đoàn quân viễn chinh từ các tỉnh phía Bắc vào lập nghiệp, họ mang theo trong hành trang của mình cả vốn văn học dân gian quê cha đất tổ để tái tạo và sáng tạo trước thiên nhiên và cuộc sống trên vùng đất mới, nhằm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của mình.

Tích hợp qua năm tháng suốt mấy thế kỷ, ca dao, hò, vè đã đóng góp vào kho tàng văn học dân gian Bình Định một vẻ đẹp sống động, tươi sáng, lành mạnh của người lao động trên đồng quê, trên sông biển.

Trong công trình này, chúng tôi không hy vọng trình bày đầy đủ về ca dao, hò, vè Bình Định mà qua sưu tầm chọn lọc

chỉ muốn nêu lên những sáng tác mang đậm tính địa phương, thể hiện chân chất sắc thái Bình Định và sắp xếp theo nhiều chủ đề lớn nhỏ.

Ca dao, hò, vè nói về đất nước và con người Bình Định xuất hiện trên mọi nẻo cuộc sống, từ ruộng đồng, núi đèo đến biển sông. Ở đâu có hoạt động con người là có ca dao, hò, vè.

Công trình của chúng tôi chỉ muốn trình bày một sắc thái riêng của ca dao, hò, vè Bình Định trong kho tàng ca dao, dân ca của cả nước.

Tháng 09 năm 2008

Nhóm tác giả

NGUỒN GỐC VÀ ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA CỦA CÁC MIỀN VÀO BÌNH ĐỊNH

Ngược dòng lịch sử, ta thấy rằng nguồn gốc người Bình Định đa phần là người miền Bắc di dân vào Nam, khi vào họ mang theo cả những ảnh hưởng văn hóa. Nếu ở miền Bắc có những gánh hát chèo thì ở Bình Định cũng có những gánh hát tương tự như "ban bầu dắt", về mặt cấu tạo tuy lỏng lẻo nhưng đầy nhiệt tình như những ban hát chèo.

Cho nên những gánh hát đều giống nhau về mặt tổ chức và biểu diễn, những gánh hát xẩm tổ chức đơn giản như một ban bài chòi ở Bình Định.

Hát hò ở Bình Định lại rất giống với hát đối đáp của các dân tộc ở miền Bắc. Tuy nhiên ảnh hưởng sâu rộng hơn là các dòng ảnh hưởng của Nghệ An - vì lẽ khi người Nghệ An vào định cư ở Bình Định có đến 24 dòng họ. Nhà từ đường "Nhị thập tứ tộc" ở Hương Định - Phù Cát đã nói rõ điều đó.

Ngoài ảnh hưởng của miền Bắc - văn hóa Bình Định còn chịu ảnh hưởng của văn hóa Chăm. Những cuộc hôn nhân Việt - Chăm, Chăm - Việt đã để lại những tập tục thờ cúng cá voi hay những nhà lá mái là những hình ảnh đậm nét nhất. Từ những

hình ảnh, những sự vật ấy lại nảy sinh ra những câu ca dao mang tính riêng biệt của Bình Định.

Thêm vào đó là ảnh hưởng của đất đai thổ nhưỡng nên giọng nói của người Bình Định có phần khác với phát âm của miền Bắc. Từ những chệch choạc của giọng nói lại phát ra những tiếng địa phương. Cho nên trong ca dao Bình Định luôn có tiếng địa phương, từ đó ta có thể phân biệt được đâu là ca dao chung của đất nước và đâu là ca dao của người Bình Định.

Ngoài những ảnh hưởng trên, Bình Định còn chịu dòng ảnh hưởng của các dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên - như những tập tục thờ thần rừng, thần hổ v.v...

Từ những tập quán riêng ấy mà họ luôn tự hào về địa phương mình. Họ biết rõ những ưu, nhược điểm của Bình Định. Họ tự cho mình cũng có những điều tốt đẹp so với các địa phương khác.

PHẢI CHĂNG LÀ CHUYỆN VẼ BÙA MÀ ĐEO?

Không biết câu phương ngữ "Thơ, nem, hèm, võ" có từ bao giờ và xuất xứ từ đâu để chỉ đất Bình Định. Bốn chữ vàng ấy được ai đó phong cho Bình Định hay từ dân gian tự nói về mình? Sau này nhiều tác giả của Bình Định cũng có những bài viết về Bình Định với chuyên mục "Đất võ trời văn" để nói về quê hương mình. Từ tình yêu quê hương và lòng biết ơn tiền nhân mà họ tự ca tụng quê nghèo Bình Định, nơi mình sinh ra và đã sống với bao nhiêu kỷ niệm không quên. Những bài viết mang tính chủ quan nhiều khi vượt qua cái thực thì cũng đáng tha thứ vì lẽ giản đơn "Quê hương là đẹp hơn cả".

Thơ ngày xa xưa khi phương tiện ghi chép chưa phổ biến thì Bình Định cũng như mọi miền của đất nước đều khởi đầu và bắt nguồn từ những câu nói có vần có điệu mà thành lối nói ở Bình Định gọi là nói "bắt quàng".

Nói bắt quàng: Câu nói luôn có vần có điệu được phát từ cửa miệng, họ không cần suy nghĩ nhiều, có khi ứng biến rất nhanh nên cách gieo vần, số câu cũng tùy tiện mà thành vè ứng tác nhanh, vì vậy, số chữ trong câu luôn biến đổi, câu dài, ngắn tùy theo từng trường hợp. Cách ghép vần lại càng linh động hơn, khi gieo vần bằng, khi vần trắc, khi thì gieo vần lưng, miễn sao nói được ý mình và suôn sẻ. Tiêu biểu nhất là lối hát hò - Thường ngày khi nói chuyện với nhau câu nói cũng có vần có điệu. Ở Bình Định (Gò Bồi) có hai bà cụ có lối nói ấy rất hay đó là bà Thủ Thính và bà Tú Thọ thân mẫu nhà thơ Xuân Diệu. Là người cùng làng nên mỗi khi gặp nhau họ nói với nhau như đối đáp hát thơ khiến người xung quanh phải dừng lại nghe, tán thưởng. Chỉ cần một câu chào thôi cũng thấy hay thấy lạ. Ví dụ "Chào chú mới lên chào người trên mới xuống" "bên ấy ruộng rẫy thế nào, đồng thấp đồng cao, mùa màng tốt xấu" v.v...

Trong lao động, những câu hát câu hò cũng được sáng tác nhanh như thế. Trên cánh đồng mặc dù họ đang làm việc cực nhọc, cái cảnh "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" không làm họ chán nản hay than vãn. Ngược lại câu hò câu hát luôn vang vọng trên đồng. Họ sáng tác thật nhanh - dí dỏm, vui vẻ. Họ thường trêu chọc nhau để gây cười không ngoài mục đích là giải trí, quên đi những mệt nhọc. Chưa thỏa với cảnh tự ghẹo nhau, họ còn trêu chọc cả những khách bộ hành hay những vị tai to mặt lớn ở địa phương mình.

Chuyện kể rằng: "Có một vị quan huyện vì ham giàu, hay vì "môn đăng hộ đối" mà phải cưới một cô vợ xấu xí. Hôm ấy đám thợ cấy đang cấy ruộng trước nhà quan. Một người trong đám cất tiếng hát rằng:

"Con cá rô róc rách đường cày

Đã đen lại rỗ, ông trời đày phải thương"

Tiếng hát vang vang trên cánh đồng và lọt đến tai quan. Nghe chột dạ, vị quan định gọi đám thợ cấy lại để chất vấn. Quan vừa bước đến gần thì quan lại nghe câu hát tiếp:

Vì chưng hộ đối môn đương

Đôi bên rạng mặt trăm đường ấm êm

Câu hát như ve vuốt lòng quan khiến quan bước lơ đi nơi khác vì quan thấy câu hát vừa đúng lại vừa hay nên đành "ngậm hồ hòn làm ngọt".

Người Bình Định sính thơ đến độ say mê, trên những chuyến đò dọc, các lái thuyền vừa chậm rãi chèo, vừa ngắm cảnh đêm trăng họ cất tiếng hát thật êm như ru lòng du khách. Còn trên bộ, những xóm làng quê, những đêm hát hò giã gạo luôn được tổ chức. Hai bên gái trai lại hát giao duyên qua những câu hò thật tình tứ (xem phần hát hò). Họ mê hát đến quên cả đêm khuya, nhiều đêm gần sáng mà họ vẫn hát, hát đến khi gạo đã trắng rồi, nhưng cuộc vui còn dở dang. Thế là họ lại đổ lúa vào cối để vừa giã vừa hát miễn sao là cuộc vui được tiếp tục.

Ngoài đám dân dã, còn hạng trung lưu có học thức chút ít thì lại thích những bài thơ Đường luật của các vị tiền bối, họ

còn ưa thích cả những bài văn tế dí dỏm như các bài "Văn tế của bà xã tế ông xã, bài văn tế con chuột chết", từ đó những bài thơ, phú hay lại được họ ngâm cho nhau nghe đến nỗi ai cũng thuộc. Những lúc trà dư tửu hậu họ lại cùng bình thơ cùng thưởng thức.

Truyền thống ấy còn mãi đến ngày nay. Người Bình Định yêu thơ là thế nên có những thi nhân mặc dù nghèo, đời sống kinh tế không thoải mái, họ vẫn luôn để dành tiền để in thơ. Những tập thơ chung, thơ riêng luôn được xuất bản và tặng cho nhau. Đó là những món quà tinh thần quý giá. Họ không tính chuyện thiệt hơn. Phải chăng đó là tâm tình, là hơi thở của họ.

Có lẽ vì thế mà đất Bình Định được mệnh danh là khung trời văn nghệ. Dù sao đi nữa thì người Bình Định vẫn là những người yêu thơ, yêu đến say mê. Trong bốn chữ "thơ, nem, hèm, võ", thơ được xếp lên hàng đầu quả là không ngoa.

Thơ của Bình Định cũng như mọi miền đất nước đều bắt nguồn từ những cảm xúc, từ những câu nói có vần, có điệu mà thành. Ngày xưa khi chữ viết (chữ Hán) chỉ dành cho các tầng lớp cao, có thể gọi đó là thượng tầng trí thức để ghi chép và thi cử thì trong dân gian họ không chép được, tâm tư, sự nhận định về cuộc đời về tình nghĩa xóm làng. Phải chăng đó là văn hóa, từ đó thành ca dao?

Ca dao của đất nước ta phong phú và dồi dào. Nhiều tác giả đã ghi chép thành nhiều quyển sách mà vẫn chưa đủ. Những tập sách đáng được ghi vào kho tàng ca dao như *Ca dao và Tục ngữ*

của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Vũ Ngọc Phan và nhiều tác giả khác. Những tác phẩm này đã được in và tái bản, sửa chữa nhiều lần mà vẫn chưa đủ.

Trong kho tàng ấy gồm cả ca dao và tục ngữ các miền, trong đó miền Bắc chiếm một vị trí cao hơn cả. Riêng ở Bình Định, một số ca dao các miền đã xâm nhập và ăn sâu và sau một thời gian đã biến thành ca dao của Bình Định. Tuy nhiên trong ca dao Bình Định cũng có những nét riêng của nó. Đề tài mà chúng tôi viết hôm nay là những câu ca dao, hò, vè mang tính địa phương rõ rệt nhất.

N.P.L

LÀM SAO ĐỂ PHÂN BIỆT CA DAO CỦA BÌNH ĐỊNH VỚI CA DAO CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC?

Có nhiều câu ca dao rất phổ biến, hầu như địa phương nào cũng có, ai cũng thuộc. Các bà các chị hát để ru em hay để ứng dụng trong hát hò, hát đối đáp.

Ví dụ:

Một mai ai chớ bỏ ai
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim

Những câu ấy âm vang như một lời khuyên, nó mang ý nghĩa chung về sự kiên nhẫn làm việc như đàn ong, bầy kiến. Đó là kiến thức chung của người Việt Nam hay cả nhân loại cho nên khi chọn ca dao cho Bình Định cần loại ra và xếp vào kho tàng ca dao Việt Nam. Vì vậy chúng tôi cần đặt ra những tiêu chuẩn để chọn lựa. Để khỏi lầm lẫn, chúng tôi còn căn cứ vào nhiều tiêu điểm khác mang tính địa phương như:

Căn cứ vào lịch sử. Nhiều tư liệu về lịch sử đã xác định rằng Bình Định là tỉnh mới thành lập trong thời kỳ mở rộng đất nước về phương Nam. Tuy nhiên Bình Định cũng có rất

nhiều phong trào đấu tranh trong đó có phong trào Tây Sơn là tiêu biểu.

Nhà Tây Sơn có nhiều danh nhân, nhiều anh hùng với nhiều chiến công hiển hách mà nhân vật lịch sử là ba anh em Tây Sơn hay các vị tướng La Hán. Hình ảnh đó đã để lại cho đời sau nhiều câu ca dao, hò, vè.

Tiếp theo là nhà Nguyễn Gia Miêu cùng các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp trong thời kỳ đô hộ như phong trào Cần Vương, phong trào chống sưu thuế.

Về địa lý: Tỉnh Bình Định cũng như các địa phương khác đều có một vị trí, một sắc thái riêng biệt nên nhiều câu ca dao đã nói lên điều ấy. Những câu này thường mô tả về một địa danh có mang tên rõ rệt trong ca dao. Ví dụ:

Công đâu công uổng công thừa

Công đâu xách nước tưới dừa Tam Quan

Về ngôn ngữ: Người Bình Định nói tiếng chung cả đất nước nhưng cũng có nhiều tiếng mang tính địa phương như những từ "nẫu, tui, úi chui cha, chầu rày, mắc mớ v.v... Chính những từ này làm câu ca dao Bình Định mang tính địa phương đậm đà nhất. Ví dụ:

Tai nghe em bậu có chồng

Nẫu ngồi nẫu khóc còn trông nỗi gì.

Về văn hóa: Văn hóa Bình Định là văn hóa Việt Nam, tuy vậy về mặt thổ nhưỡng, cách phát âm và giọng nói có phần khác với các địa phương khác cũng như về thức ăn, nghề nghiệp, thời tiết v.v... đều mang đặc trưng riêng của Bình Định.

Ai về Vinh Thạnh quê em

Ăn nem chợ Huyện, xem đêm hát tuồng.

Mỗi câu ca dao đều có xuất xứ của nó. Câu ca ấy nói về địa phương nào? Ở đâu? Hay nói về ai, nhân vật ấy dĩ nhiên là phải ở Bình Định.

Trên đây là những tiêu chí mà chúng tôi tự đề ra để sưu tầm và phân loại sắp xếp.

Nói như vậy không có nghĩa là không có sự lầm lẫn vì lẽ từ những câu ca dao chung được lưu truyền lâu ngày đã bị địa phương hóa bằng những tiếng địa phương.

Thêm vào đó là chuyện "tam sao thất bổn", lúc đầu câu hát, câu ca dao ấy được bắt đầu từ một nhân vật nào đó nói, hát ra rồi truyền miệng từ người này sang người khác dần dần biến đổi từ hình thức đến nội dung.

Vì vậy trong khi sưu tầm chúng tôi sẽ cố tránh những sai lệch ấy.

Để việc sưu tầm và nghiên cứu có quy củ, chúng tôi xin được sắp xếp những câu ca dao, vè, hò theo thứ tự sau:

- Ca dao về tình yêu.

- Những câu ca dao nói về địa lý Bình Định như: núi, sông, đèo, dốc, đầm, hồ những hành trình vượt biển vào Nam ra Bắc.

Về lịch sử qua các phong trào chính như: phong trào nông dân đấu tranh.

- Vè chàng Lía

- Phong trào Tây Sơn

- Phong trào Cần Vương

Về văn hóa - ghi lại những sinh hoạt, tập tục nghề nghiệp

Nhà ở - có nhà lá mái

Chợ búa

Sản phẩm

Văn hóa ẩm thực

Về văn nghệ: bài chòi, đánh bài chòi, hát bộ, hát hò.

CA DAO VỀ TÌNH YÊU CỦA BÌNH ĐỊNH

Bình Định cũng như các địa phương khác, ca dao về tình yêu rất phong phú và đa dạng. Tình yêu ẩn hiện trong nhiều hình thức nhưng ca dao là thể loại được thể hiện rõ ràng nhất.

Trước tiên phải nói đến ngôn từ - Người miền Bắc luôn dùng chữ "yêu" trong tình yêu trai gái. Và chữ yêu còn được dùng trong tình yêu cha mẹ, con cái. Trong khi đó chữ yêu lại ít được dùng ở tỉnh Bình Định. Chữ yêu chỉ để dùng cho "thương" hoặc chữ "phải lòng" - để chỉ tình yêu lứa đôi.

Thương sao thương lạ thương lùng

Thương tím khúc ruột thương bầm lá gan.

Thương đến tím ruột, đến bầm gan - phải chăng đó là tình yêu gái trai?

Thương nhau ai dỗ đừng nghe

Củi săng mới đượm, củi tre mau tàn

Hoặc: *Đường vui sao chẳng thong dong*

Hay là mình đã phải lòng rồi sao?

Một mình một ngọn đèn chong

Mà sao thương nhớ phải lòng bậu sao?

Trong tình yêu, nếu gặp những trở ngại khiến họ không gần nhau được thì họ thở than, câu hát hò hay nhất đã trở thành ca dao - câu ca dao dưới đây biểu hiện lời than vãn đó:

Em trải chiếc chiếu ra

Em ngồi một góc, anh ngồi một góc

Thiếp khóc chàng than

Anh xa em vì bởi thế gian

Cho nên nước mắt nhỏ tràn năm canh

...

Giậm chân kêu thấu trời vàng

Kêu anh trở lại nhìn nàng thuở xưa

Mai mưa, trưa nắng chiều xâm

Em là thục nữ cố tâm đợi chờ

Khi vui chén rượu con cờ

Khi buồn hoa nở còn chờ trăng thanh

Chầu rày em mới xa anh

Trăm hoa cũng héo, chín nhành cũng khô

Cơm ăn không được, chỉ uống nước hồ dưỡng thân

Dang tay anh dứt châu trần

Ai xa cho biết ai gần cho hay

Câu hát mang hơi hướng một chuyện tình xưa. Trong bài trên có nhiều từ địa phương như các chữ thấu, xâm (trời không nắng vì có mây che) chầu rày (dạo này).

Trong tình yêu, người Bình Định rất kín đáo, ít khi dám thổ lộ cho ai, nhiều khi gặp nhau họ chỉ âu yếm nhìn nhau mà chẳng nói nên lời:

Gặp nhau đâu dám nói năng

Từ qua đến bậu như trăng xế chiều.

Thương nhau lo lắng cho nhau, họ luôn nghĩ đến tương lai nhất là khi đau ốm:

Thương nhau trồng cửu lý hương

Ba năm, hái lá để người thương rịt đầu.

Cửu lý hương là cây thuốc quý rất lâu lớn, nhưng khi đã thương thì dù có lâu, có khó nhọc chàng cũng cố trồng cho được để đề phòng khi người tình đau ốm, nhức đầu là có thuốc "rịt" (đắp) cho nàng. Hoặc:

Dốc lòng tìm cửu lý hương

Để dành làm thuốc cho người thương rịt đầu

Tuy nhiên nhiều khi chàng trai cũng khéo ỡm ờ chọc ghẹo gái chưa chồng, đôi khi người ấy luôn lạnh lùng với người theo đuổi mình:

Trâm vàng giắt chặt còn rơi

Hỏi rằng em bậu ở đời được chăng.

Khi đã thương nhau thì đôi tình gái trai còn nồng đậm hơn tình gia đình:

Thương cha thương mẹ có khi

Thương em vào thuở kịp kỳ xuân tươi

Bữa ăn có cá cùng vui

Ăn không mát ruột bằng tui thấy nàng

Ngó lên am bạc chùa vàng

Tu thời đặng đó bỏ nàng ai nuôi

Lòng qua thương bậu không nguôi

Nước sao như nước chảy xuôi một bề.

Tình yêu gái trai mãnh liệt là thế nhưng người Bình Định luôn tôn trọng, sợ cha mẹ.

Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy

Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa

Em thương anh đâu dám nói ra

Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời.

Vì thế nên khi gặp nhau:

Gặp em đâu dám ngó lâu

Xếp ba miếng kéo lộn đầu lộn đuôi.

Khi yêu thì tinh thần luôn xao động. Họ lo lắng tình yêu một ngày nào đó có thể phai nhạt khiến họ luôn tìm cách thử thách người thương:

Vàng mười thử lửa thử than

Người khôn thử tiếng, bạn ngoan thử lời

Ngó lên trống giục neo dời

Nhớ câu ước thệ nhớ người giao ngôn

Một ngày có đặng vợ khôn

Cũng tày cá vượt vũ môn hóa rồng.

Được người yêu khôn khéo thì sung sướng biết bao, khác nào cá vượt vũ môn hóa rồng?

Tuy vậy khi quá yêu lại thường lo lắng, nhất là khi người yêu lại là người khôn lanh, nên anh phải hứa phải thề:

Mười lăm năm anh chẳng có quên

Bao nhiêu ân nghĩa đáp đền bấy nhiêu

Em đừng ỷ (cậy) sức tài kiêu

Tham nơi quyền quý đặt điều quên anh.

Ước vọng là thế nhưng vẫn luôn sợ người yêu thay lòng đổi dạ và chuyện chia lìa nhau đôi khi vẫn xảy ra:

Anh cầm cây viết, anh dứt đường nhơn nghĩa

Em cầm cây kim, em thêu chữ ân tình

Phải chăng người con gái luôn chịu phần thiệt thòi?

Mặc dù mình lại bị bội bạc và người con gái cũng nhắn nhủ rằng:

Chữ ân tình anh nghe có phải

Đường nhân ngãi anh nắm cũng vừa

Hòn núi liên sơn cây chặt cây chừa

Anh thương em có kẻ đón ngừa thế gian.

Mặc dù đang làm lụng vất vả, người thương vẫn than thân trách phận:

Sớm mai em xách cái thõng (hũ) ra đồng

Em bắt con cua em bỏ vô cái thõng

Nó kêu cái rõng

Nó kêu cái rảnh

Nó kêu: chàng ơi!

Chàng giờ an phận tốt đôi

Còn tui đây, lở lứa mồ côi một mình.

Khi đã yêu họ còn biết hy sinh cho nhau - Họ cam nhận lời quở mắng của cha mẹ, họ không muốn vạ lây đến chàng:

Con rắn có chân hay không thì con rắn biết

Đá có ngọc ẩn thì đá hay

Tội thì em chịu, chẳng để vạ lây tới chàng.

Trước cảnh khổ đau thì:

Lan huệ sầu ai lan huệ héo

Cúc sầu ai cúc lả trước bình phong

Nước thương ai mà nước chảy ròng ròng

Em thấy anh lịch sự em đem lòng nhớ thương

Tâm trạng khi yêu thì thấy người mình yêu lúc nào cũng đẹp.

Ai đi bờ đổ một mình

Cha chả là xinh

Bận áo màu đinh

Quần thao cánh kiến

Tay đeo vòng bông giếng

Lại có nhẫn vàng

Bịt khăn màu ngại

Chân lại mang giày

Anh tưởng em thục nữ đồng trinh

Hay đâu em bậu lại góa chồng

Trời xui đất khiến, anh đem lòng nhớ thương.

Thương nhau thì phải nghĩ đến chuyện cưới xin - mà cưới xin thì phải có lễ vật, ngày xưa lại có tục thách cưới. Ở Bình Định lại có đặc sản như lụa An Thái, nhiễu Kiến Hàng, gấm Nước Mặn... nên ca dao có câu:

Năm chục quan tiền

Xây vòng trái bưởi

Con heo bỏ cũi khiêng đi

Tấm lụa An Thái em bận chơi cho mát

Nhiễu Kiến Hàng em bận lót mồ hôi

Nón Gò Găng anh chạy đồi mồi

Gấm Nước Mặn dệt hoa bông cúc

Bạc thời năm nén vàng ròng hai đôi

Lụa năm bảy gọn (cây) anh ơi

Nhiễu thêm một gọn thì tôi mới về.

Tục thách cưới không riêng gì ở Bình Định mà cả nước ta thời xưa cũng thế. Đọc những ca dao về tập tục thách cưới ở trong sách vở thì đây chẳng qua là lời nói vui.

"Gan ruồi mở mũi cho tươi

Và đòi cả ông sao lên trời!"

Thách cưới có mấy điều đáng ghi nhận: hoặc là không muốn gả con gái, hoặc nếu muốn gả con thì đàng trai phải xứng đáng là môn đăng hộ đối.

Ngày xưa ở Bình Định cũng như nhiều địa phương lân cận, việc cưới xin hầu như cha mẹ quyết định tất cả. "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó" hoặc "Áo mặc không qua khỏi đầu" đã nói lên điều độc đoán ấy. Tuy nhiên không phải là điều tuyệt đối. Gái trai nhiều khi cũng âm thầm phản kháng hay lén lút hẹn hò:

Nhà tui có bụi mía mưng

Có con chó dữ bậu đừng vô ra.

Thoạt tiên ta cứ ngỡ người con gái từ chối, nhưng suy cho kỹ thì đó là cách báo động, cách dặn dò khéo léo mà thôi. Nơi hẹn hò chắc chắn là nơi vắng vẻ - có thể là bãi mía nương dâu. Chuyện hẹn hò như thế âu cũng là lẽ thường tình. Vì vậy mà việc tiền dâm hậu thú là điều có thể xảy ra ngày xưa cũng như ngày nay.

Còn gì nay ủ mai che

Áo em vạt trước so le mất rồi.

Vạt áo so le - vạt trước ngắn theo thời gian vì bụng ngày càng lớn.

Năm bảy tháng trước còn che còn đậy

Năm ba tháng sau lỡ bợ lỡ bưng

Trực nhìn nước mắt rưng rưng

Khai hoa nở nhụy khổ quá chừng bậu ơi!

Lúc đó người con gái có hối hận cũng đã muộn, nên trách móc:

Vui vui ở bậu vui vui

Tiền dâm hậu thú bỏ tui sao đành

Hồi nào lê lựu một nhành

Bây giờ (kẻ) cuối bãi (người) đầu gành thảm chưa?

Hết trách móc lại hy vọng dù là chút hy vọng mỏng manh rằng người con trai kia là kẻ hiểu biết học hành từ tế

Trái bồ hòn trong tròn ngoài méo

Trái thầu dầu (sầu đông) trong héo ngoài tươi

Anh ngồi trường học

Nghĩ tới chuyện nhà

Mẹ anh thì già

Con anh thì dại

Vợ lại nghén thai

Đắng cơm nghẹn nước biết ai cậy nhờ.

Than vãn chưa đủ làm tâm hồn mình thanh thản - người con gái còn nhớ lại những lời hẹn hò, những câu hát ân tình trong những đêm hát hò (xem phần hát hò phần cuối tác phẩm).

Những câu hát đậm nét địa phương Bình Định.

Anh nguyện cùng em từ chợ Giã cho tới cầu Đôi

Nguyện lên cây Cốc Vạn Gò Bồi Giao Long

Anh nguyện cùng em thành cựu cho đến thành tân

Gò Chàm, Đập Đá giao lân kết nguyền

Trung Định Trung Thuận cho tới Trung Liên

Để cùng Trung Lý kết nguyền giao ca.

Ngoài những câu hò câu hát, họ còn nhắc đến việc mời trầu thật trang trọng:

Dao vàng rọc lá trầu vàng

Trầu têm cánh phượng bỏ ngang khay cừ.

Đôi khi họ cũng tự ví von mình:

Thân em như trái mãng cầu

Đem đơm quả tử hạc chầu long che.

Nếu ở miền Bắc và miền Nam có mâm ngũ quả thì ở Bình Định chỉ có cỗ quả gồm nhiều thứ trái cây, càng nhiều thứ càng tốt. Quả chuối là thứ không thể thiếu trong nét đặc biệt của Bình Định.

Mặc dù người con gái Bình Định ít nói nhưng nhiều câu ca dao rất hay, rất cụ thể, nhiều khi đem tình yêu ví với chiếc áo

Thương nhau như áo mới may

Bây giờ áo đã thay tay vá quàng

Hay *Thương nhau như áo mới may*

Hôm qua thấy bận bữa nay mất rồi.

Tình yêu cũng được ví von như trèo đèo lội suối:

Đèo nào cao bằng đèo Cây Cốc (Cây Cốc ở Bình Khê)

Dốc nào cao bằng dốc Xuân Đài (Phú Yên)

Thương em thương hủy thương hoài

Dù bậu có ghẻ, có chóc, có sài vẫn thương.

Trong tình thế đó - tình yêu luôn gắn với người con gái, hình ảnh người yêu cũng được ví von như miếng trầu như giếng nước...

Em đây như miếng cau khô

Kẻ thanh tham mỏng người thô tham dày.

Hoặc:

Em như cái giếng giữa đàng

Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân.

Và khi đã yêu thì cái gì cũng tốt đẹp:

Rượu ngon cái cặn cũng ngon

Anh thương em bất luận chồng con mấy đời.

Nhưng người con gái Bình Định luôn xác định rằng:

Chưa chồng đi dọc đi ngang

Có chồng rồi cứ thẳng một đàng mà đi

Cho nên người con gái đã có chồng luôn từ chối thẳng thừng lời trêu ghẹo:

Hay chi chọc gái có chồng

Cơm chan nước lạnh mặn nồng vào đâu?

Và họ luôn từ chối khéo léo:

Rau răm đất cứng khó trồng

Dẫu thương cho lắm cũng chồng người ta.

Cuộc vui nào cũng có lúc phải chia tay - Người đi kẻ ở khiến họ thường bịn rịn:

Ra về giã biệt bậu ơi

Giã chốn bậu ngủ, giã nơi bậu nằm.

Họ còn dặn dò:

Ra về bậu có dặn dò

Mai ra xin chớ chuyện trò với ai.

Hay:

Ra về ngã rẽ chia tư

Đạo chồng nghĩa vợ, ai có trao thư đừng cầm.

Trong tình yêu luôn có đủ vui buồn, vui nhưng cái buồn luôn được nhắc nhở luôn:

Miễn em mở miệng em cười

Anh chẳng từ lao khổ

Dầu lên non trói hổ, hay xuống biển nã rồng

Anh cũng không bao giờ từ chối.

Phải chăng đó là những lời thề non hẹn bể, như "đinh đóng cột". Ngay cả trong cuộc sống, chàng trai cũng quyết tâm.

Ai đã một lần bị phỏng nhựa đèn chai (đèn bằng chất chai của cây dầu rái) mới thấy nó nóng đến mức không chịu nổi, nhưng một khi đã yêu thì dù có đau xót đến đâu họ cũng chịu được. Họ chỉ cần:

Cây cao bóng ngã qua rào

Mong sao gặp mặt, gật đầu chào cũng ưng.

Vì lẽ:

Nhất nhật bất kiến như tam thu hề

Thấy em một chút anh trở lên về

Dù núi non bốn mặt tứ bề cũng vui.

Hoặc nếu được cùng đi chung một đoạn đường:

Bấy lâu nay mong ước

Trời mưa trên núi mưa về

Hai ta cùng ướt dầm dề cũng vui.

Tình yêu nơi nào cũng có, nơi vùng sông nước thì có những cảnh đầy ân tình:

Gặp em giữa chốn đò đưa

Trách trời vội tối phân chưa đủ lời.

Quê tôi - gò bồi vùng sông nước cũng có những câu khá tình tự:

Bữa nay sao bậu không vui

Hay là bậu thấy chiếc ghe lui bậu buồn.

Gò bồi là nơi trên bến dưới thuyền, ghe các vùng Phan Rang, Phan Thiết ra bán mắm nơi đây, trong giao tiếp lại nảy nở tình yêu rồi lại chia xa:

Đêm nay anh gối tay nàng

Đêm mai ra biển, anh gối đàng dây neo.

Có thể đó là cảnh:

Tiếc công anh đào ao thả cá

Năm bảy tháng trời người lạ đến câu.

Hoặc:

Tiếc công đan giỏ bỏ cà

Giỏ thưa cà lọt, công đà uổng công.

Cũng có nhiều câu tình tứ hơn:

Ghe lui còn để dấu dầm

Người thương đâu tá, dấu nằm còn đây

Nhưng tình yêu có những oái oăm, gần như là số mệnh nên:

Gió đưa gió đẩy bông trang

Gió đưa gió đẩy thuyền nàng về đâu?

Một khi thuyền có bến rồi thì:

Em có chồng rồi như lúa đổ kho

Quân canh lính gác, anh chớ dò tới chi?

Miếng trầu có lúc có khi

Từ rày sắp tới, gặp nhau chi muộn màng.

Người con gái bỏ người yêu đi lấy chồng được xem như bội bạc:

Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím

Em có chồng rồi trả yếm lại anh

Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh

Yếm em em mặc, yếm gì anh anh đòi

Khi đã xa nhau thì biết bao chuyện rắc rối:

Khăn đen, áo đen đi đâu hớn hở

Em có chồng rồi bỡ ngỡ lúc gặp anh

Thậm chí:

Giờ đây bóng đã xa gương

Đừng chào nhau nữa tình thương cạn rồi

Tuy vậy họ vẫn còn lãng mạn

Làm một bức thơ, gửi thăm ai không biết

Lòng tôi chỉ quyết

Thương nhớ bông lung

Kể từ ngày đó Bắc, đây Đông

Lòng không tơ tưởng không trông không chờ

Đó với đây không duyên không nợ

Đây với đó không vợ không chồng

Sống chốn dương gian không được nằm chung

Chết xuống âm phủ mồ ai nấy ở.

Nói theo đạo lý là vậy nhưng họ vẫn muốn dù có xa nhau cũng phải cư xử cho đẹp

Bậu với ta như quế với gừng

Dù xa nhau mãi, xin đừng tiếng chi.

Phải chăng đó là phong cách văn hóa? Dù là miền ngược hay miền xuôi hay vùng sông nước cũng rất giàu hình ảnh.

Bước xuống ghe nan, chèo sang bến khác

Vừa chèo vừa khóc lụy nhỏ tày non

Áo kia đủ cặp nhưng còn thiếu hơi

Bữa nay đủ áo quen hơi

Ngày mai xa cách trời ơi hỡi trời!

Trời đã sở định đôi ta

Bậu gần vẫn nhớ bậu xa buồn rầu.

Rồi người trai còn thổ lộ nỗi khổ của mình vì đã yêu:

Tội cho tình anh lắm đó

Người thương ơi sao không rõ

Đã mấy chiều rồi không nói không ăn!

Hoặc:

Hồi nào nỉ nỉ, năn năn

Bỏ công bỏ việc, quên ăn vì nàng

Tâm trạng của chàng thật khó tả vì luôn bối rối!

Ngọn gió phất phơ, ngọn cờ phơ phất

Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi

Anh thương em lỡ đứng lỡ ngồi

Băn khoăn trong dạ, bồi hồi từng cơn!

Yêu là thế nên họ cần nhau để trao đổi nỗi lòng. Ngày xưa lễ giáo rất nghiêm khắc, nhất là đối với người con gái, nhiều khi cô đơn không biết ngỏ cùng ai.

Mặt trời đã xế bông trang

Anh buồn có chỗ thở than

Em buồn như thể ngọn nhang tàn đêm khuya

Cách ví von trên thật là thơ và rất phụ nữ. Khi đã yêu thì thời gian dường như có lúc mau lúc chậm khiến họ nài ni:

Chào nhau một lúc thôi mà

Trời chiều bóng xế, dần dà hết xuân.

Hoặc:

Chiều xuân trải chiếu ta ngồi,

Em ơi xích lại gần tôi kẻo buồn

Chiều chiều bước xuống ghe buôn

Cánh buồm gió thổi hiu hiu

Giọt nước mắt rơi chầm chậm, sợi dây lưng điều không khô.

Trong kho tàng câu hát ru em ở Bình Định ta thường nghe câu:

Chim chuyền bụi ớt líu lo

Lòng thương em bậu ốm o gầy mòn.

Từ câu trên ra còn nghe những câu tương tự qua hình ảnh con chim:

Chim chuyền bụi ớt líu lo

Líu lo bụi ớt không cho chim chuyền

Trách người thục nữ thuyền quyên

Ngồi giữ bụi ớt chim chuyền được đâu

Hoặc:

Ngó lên cây ớt chín từng

Càng cao càng lớn nửa mừng nửa lo

Trách người thục nữ so đo

Ngồi giữ bụi ớt không cho chim chuyền

Những câu trên mới nghe ta không nghĩ rằng đó là những câu nói về tình yêu nhưng ta thấy rằng đó là những câu thuộc thể tình yêu - mượn bụi ớt để trách người thiếu nữ sao không hiểu được tình chàng?

Một khi tình yêu đã bị từ chối thì hình ảnh người yêu lại càng thổn thức trong lòng:

Trực nhìn mở mắt không ra

Nàng đâu không thấy, úi chui cha là buồn.

Úi chui cha! là tán thán từ để bày tỏ sự ngạc nhiên.

Trong tình yêu luôn gặp những trở ngại khiến họ đau lòng:

Chim trên trời con bay con nhảy

Cá dưới nước con lội con trừng

Em thương cha mẹ bảo đừng

Ruột em như cắt, chín, mười từng anh ơi!

Thương nhau mà không lấy được nhau, bao nhiêu thương nhớ bị dồn nén đến phẫn uất khiến:

Tức đà quá tức

Giang tay đâm ngực

Thở chẳng ra hơi

Sống dương gian không gặp,

Ắt chờ nơi suối vàng

Người con trai cũng thế, khi đang yêu mà bỗng dưng người thương lại đi lấy chồng, thế thì còn gì đau khổ hơn!

Sáng dậy súc miệng rửa mặt
Ăn miếng trầu, hút điếu thuốc
Vai vác cuốc
Chạy ra đồng
Tai nghe em bậu lấy chồng
Bất tỉnh nhân sự, dậm chân kêu trời!

Vừa than khóc vừa làm việc nhưng:

Hai chân đạp đất giòn giòn
Ruột đau nỗi ruột, gan mòn nỗi gan.

Không riêng gì giới lao động chân tay, người lao động trí tuệ cũng chẳng khác:

Anh đang viết liên trong đình
Nghe em chồng hỏi, giật mình quăng nghiên.

Ngày xưa người Bình Định cũng như người các vùng khác, việc hôn nhân đều do cha mẹ quyết định, người con gái phải nghe theo lời cha mẹ nên cái cảnh:

Điệu chung tình thảm lắm bậu ơi
Về nhà cơm dọn, còn ngồi khoanh tay
Không ăn thì cha đánh mẹ rầy
Ăn thì nước mắt nhỏ đầy bát cơm

Rồi những lúc rỗi rãi họ lại nhớ nhung suy nghĩ:

Ngồi buồn nghĩ thấm

Hột cơm tấm cắn hai

Rau lang đỡ bữa liễu với mai đừng lìa.

Họ còn cả gan uống huyết ăn thề hay cắt tóc trao tin:

Lời nguyền trong cạn ngoài sâu

Khó khăn chi lắm dù bao lâu cũng chờ.

Hay:

Non thề nước hẹn còn in

Bậu ơi! Ớ bậu, giữ hai mớ tóc để ta gìn đầu dao.

Một khi tình đã quyết thì:

Cho dầu cha mẹ không ưng

Đèn chai nhỏ nhựa, con cùng lăn vô.

Từ này rất riêng, của Bình Định.

Tương tự có câu:

Thập thò chẳng dám vô ra

Nàng đâu ló mặt, úi chui cha là mừng

Gặp gỡ mang niềm vui, còn vui hơn khi người thương khước từ lời cầu hôn của một người trai khác:

Tai nghe em bậu chồng hồi

Cũng tày anh ních một bầu rượu ngon.

Vâng! Tình yêu là thế. Tình yêu của người Bình Định không ngoài những ngoại lệ. Tuy nhiên khi thể hiện qua ca dao thì những tiếng địa phương đã nói lên điều đó.

CA DAO, HÒ, VÈ
VỀ ĐỊA DANH, VÙNG ĐẤT

Bình Định phía Đông là biển cả, phía Tây giáp Trường Sơn. Hầu hết núi non ở Bình Định đều là những dãy núi tương đối thấp chạy từ Trường Sơn ra phía biển - các chân của Trường Sơn phân chia Bình Định thành 2 vùng đồng ruộng - Phía Bắc có đồng bằng Hoài Nhơn và Phù Mỹ - Phía Nam có vùng đồng Tuy Phước và An Nhơn.

Ai vô Bình Định thì vô
Bình Định không đồng khô cỏ cháy
Năm dòng sông chảy
Sáu dãy non cao
Biển Đông sóng vỗ dạt dào
Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh.

(Theo QT)

Câu ca dao trên đã mô tả một cách tổng quát về địa lý Bình Định. Tuy nhiên có vài nhà địa lý lại nhìn Bình Định một cách khác. Từ góc độ cổ kính các thầy địa lý lại bảo: Thế đất Bình Định mang dáng một con hổ đang tiến về phương Bắc, tuy nhiên con hổ không hoàn toàn. Nếu nhìn theo mắt thầy địa thì

con hổ thiếu một phần. Hổ có thân là Trường Sơn và 4 chân tượng trưng là 4 dãy núi có 4 đèo kể từ Bắc vào Nam, gồm đèo Bình Đê, Phủ Cũ, đèo An Khê và đèo Cù Mông. Nếu lấy đèo Cù Mông làm chân thì thiếu phần đuôi. Có lẽ vì thế mà việc phát vương tướng không thể lâu dài như nhà Tây Sơn chỉ tồn tại một thời gian mà thôi. Nên có câu:

Đất nào thế hổ chân vân

Đủ đuôi thì lại thiếu chân tiến về

Lên Tây thì vượt An Khê

Qua đèo Phủ Cũ, Bình Đê làm đầu

Khách anh hùng sẽ về đâu

Phát vương, phát tướng không (bao ngày) lâu bấy chầy.

Có lẽ từ góc nhìn ấy mà có câu:

Đầu cha lộn xuống chân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi!

Phải chăng đó là những câu sấm nói về phong trào Tây Sơn? Hay đó là những đòn tâm lý mà nhà Nguyễn Gia Miêu đã tung ra để lũng đoạn tinh thần nhà Tây Sơn chăng?

Cũng dựa vào thế đất mà nhiều câu ca dao khác cũng hình thành:

Đằng Tây án ngữ Trường Sơn

Biển Đông xanh ngắt sóng dồn cá tôm

Bắc Nam vàng lúa ngập đồng

Cơm no áo ấm muôn lòng ấm no.

Hoặc:

Trường Sơn đỉnh cả núi cao

Sông sâu, suối cá anh hào ẩn thân.

NÚI

Núi Xách Quần. Hòn Bòng Bong thuộc dãy núi Vĩnh Thạnh, núi có dáng nghiêng nghiêng về hướng Tây Nam giống người đàn bà "đi việc cần" vừa đứng dậy. Người địa phương gọi là núi Xách Quần nên có câu hát rằng:

Xứ em có núi Xách Quần

Lấy ai thì lấy xin đừng lanh chanh

Yêu anh thì giữ lấy anh

Em đừng ăn tỏi, chê hành là hôi

Xách quần chạy ngược chạy xuôi

Chạy mỏi cẳng rồi, đứng lại bơ vơ

Trên đầu mây kéo bạc phơ

Dưới chân nước chảy lững lờ về đông.

+ Hòn Sung:

Núi Hòn Sung có hai cây cổ thụ khá lớn, là di tích lịch sử thời Tây Sơn. Dân gian thường bảo:

Cây ké phất cờ, cây cầy khí cổ.

Tương truyền dưới vùng Hòn Sung có một bãi đất khá rộng, khi Nguyễn Nhạc đưa quân đến làm lễ tế cờ thì một con rắn đen

khá lớn bò xuống chặn đường. Nguyễn Nhạc dùng gươm chém rắn đem làm lễ tế cờ. Lễ được tổ chức gần hai cây ké và cây cầy. Vì vậy nên có câu trên. Hòn Sung cũng là nơi Mai Xuân Thưởng nổi lên chống Pháp trong phong trào Cần Vương.

Hòn Sung tuy thấp mà cao

Trời cho làm chốn anh hào lập thân

Kìa ai áo vải cứu dân

Kìa ai ba thước gươm trần chống Tây.

Hoành Sơn là chân núi của dãy Trường Sơn. Dãy chính nằm theo trục Bắc - Nam nước ta, đến vùng Tây Khê thì có một nhánh đâm nghiêng xuống hướng Đông Nam là vùng núi cao và hiểm trở, nên Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm có câu nói bất hủ:

Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân.

Câu nói bất hủ trên không chỉ đem áp dụng cho một thời mà áp dụng cho một thời đại trong chiến tranh.

Với Hoành Sơn có vương huyệt do một thầy địa lý người Tàu tìm cho Nguyễn Nhạc - Nhạc đem hài cốt của cha mình là Nguyễn Phi Phúc táng nơi đó.

Huyệt tinh, huyệt khí, huyệt vương

Hoành Sơn còn gởi nắm xương chẳng tàn

Một mai mai một tan hoang

Đời sau lắm kẻ thắp nhang cúng thờ.

Không biết câu này xuất hiện từ lúc nào nhưng lại ứng với việc lập đền thờ Tây Sơn ở Kiên Mỹ. Khi Gia Long thống nhất đất nước, tại làng Kiên Mỹ có đình thờ thần hoàng nhưng dân

đem sắc của Thành hoàng giấu nơi khác và đình ấy bỗng trở thành Điện Tây Sơn trong lòng dân. Vì vậy mà hàng năm có cúng tế nhưng không có lời vái về một vị nào cả.

Ngoài ra còn nhiều chuyện kể rằng sau khi Gia Long thắng trận, thân xác Nguyễn Nhạc cũng được chôn cất nơi đây một cách bí mật. Còn chuyện đầu lâu của Nguyễn Nhạc bị Gia Long giày vò là chuyện chưa xác thực.

+ Hòn Nghiên - Hòn Bút:

Hai hòn núi này cũng thuộc vùng Tây Khê (Tây Sơn ngày nay) hòn Nghiên bên trái tuy thấp mà bề thế. Hòn Bút cao bề thế vững vàng, nằm bên phải. Hướng về mặt địa, hướng của cuộc đất rất tốt có vương khí. Nhà Tây Sơn chọn nơi này là nơi khởi binh.

Nước non còn nợ chớ quên

Hòn Nghiên, Hòn Bút hai bên vững vàng

Nghiên son bút mực hai đàng

Võ văn bốn phía âm vang vương triều.

+ Hòn Kho:

Là nơi cất giấu lương thực của nghĩa quân Cần Vương.

Hòn Kho chất chứa gan trung

Tình sâu đất nước thắm dòng Hà giao.

+ Hòn Mồ O:

Mồ O nửa đất nửa dăm

Như lân sừng sững giữa đồng thênh thang.

Mồ O còn có tên là Đình Tức Long, ngày xưa là núi lửa.

Mò O đỉnh có giếng tiên

Ngoài tròn trong méo như (đồng) tiền Thiên Sơn.

Thật vậy, trên đỉnh Mò O có một trũng nước hình tròn, đáy hơi vuông như đồng tiền. Đáy toàn cát trắng thật đẹp.

+ Núi Huỳnh Mai:

Là núi đất ở gần huyện lỵ về phía đông Tuy Phước. Trên núi có nhiều cây hoa mai.

Huỳnh Mai đầy những mai vàng

Cuối mùa như đón xuân sang, mỉm cười.

Nơi đây có mộ cụ Đào Tấn, hiệu là Mộng Mai:

Mai Tăng nơi gởi xương mai

Hồn mai cùng giấc mộng dài đơm hương.

(Câu ca dao phỏng theo bài thơ của Đào Tấn)

Cuối dãy Huỳnh Mai là Hàm Long.

Long Sơn Tự. Nơi đây ngày xưa là nơi giao chiến giữa quân Pháp và nghĩa quân (1885).

Mai chiều gió ngạt ngào hương

Ai hay rằng bãi chiến trường ngày xưa.

+ Núi Bà:

Là núi cuối dãy Bích Kê và Lạc Phụng, núi bắt đầu từ chợ Gồm chạy đến thôn Phương Phi - Kẻ Thử. Núi Bà nổi danh vì gắn liền với truyền thuyết Đá Vọng Phu. Đá Vọng Phu nằm ở trên đỉnh núi bà. Phía đông có chùa ông Núi khá đẹp, cảnh vật thanh tú với sự tích kỳ lạ. Đó cũng là niềm tự hào của Bình Định.

Bình Định có đá Vọng Phu

Có chùa ông Núi có Cù Lao Xanh.

Tên Cù Lao Xanh được bắt nguồn từ màu sắc. Đứng trước chùa ông Núi nhìn ra biển, về mùa nắng, trời thanh biển lặng thì hòn Cù Lao hiện ra trước mắt toàn một màu xanh lơ như một bức tranh hoành tráng, xinh đẹp.

Kỳ thực khi đến viếng Cù Lao Xanh thì cảnh vật vẫn bình thường với cây cối bờ biển như mọi nơi khác.

ĐÈO

+ *Đèo Phủ Cũ:*

Qua đèo Phủ Cũ gỡ mũ mà trông

Phía tây rừng núi, phía đông cũng rừng

Núi vòng như ná cánh cung

Thâm sơn cùng cốc anh hùng nơi đây.

Phủ Cũ là lỵ sở của huyện Hoài Nhơn - Bình Định - cạnh đèo còn đền cũ. Vì vậy đèo mang tên là đèo Phủ Cũ.

Nơi đây thời chiến tranh thường xảy ra giao tranh khá ác liệt.

Đèo Tó Mọ đi dần về phía biển, rồi từ Kẻ thử ngược ra phía Bắc thì hầu hết các núi đều sát biển. Muốn đi về Tam Quan - Phù Cát phải qua một con đèo - gọi là đèo - Tó Mọ, Tố Mộ, và núi đá Giăng. Hai đèo này tuy nhỏ nhưng nhiều đá sắc nhọn lởm chởm. Vì vậy qua đèo người ta rất ngại nên có ca dao:

Anh về em cũng muốn theo

Sợ truông cát nóng, sợ đèo đá dăm.

Để an ủi người thương - chàng trai lại bảo:

Đá dăm anh đã lượm rồi

Còn truông cát nóng anh bồi đất thêm.

Hòn Kính Sơn - nằm trong thôn Phú Phong thuộc huyện Bình Khê, Tây Sơn ngày nay. Núi sắc xanh đậm, xung quanh có nhiều núi nhỏ thấp khiến thế đất hùng vĩ.

Nghênh ngang là ngọn Kính Sơn

Nung tình đất nước không sờn nắng mưa.

+ Đèo Cù Mông

Đèo Cù Mông là ranh giới phía Nam Bình Định giáp Phú Yên. Đèo dài và khá dốc. Nơi đây cũng là nơi chia tay của gái trai hay của gia đình trong cuộc tiễn đưa hay tiễn quân về Nam vào thời Trịnh Nguyễn:

Khoan khoan chân bước lên voi

Thương cha nhớ mẹ quan đòi phải đi.

Trước cảnh chia tay vì bắt buộc kia khiến người vợ theo chồng; khiến người nghe phải động lòng:

Tiếng ai than khóc ni non

Phải vợ chú lính leo hòn Cù Mông.

Từ đèo Cù Mông đi ngược về phía Tây là vùng núi cao, sẽ gặp nhiều đèo cao dốc đứng:

+ *Đèo Cây Cốc:*

Đèo nào cao bằng đèo Cây Cốc

Dốc nào cao bằng dốc Man Giang

Đôi ta cách núi cách xa đàng

Dù trăm ngọn thác, mấy làng cũng qua.

Cây Cốc và Man Giang là hai đèo dốc rất gần nhau, cả hai đều nằm trên quãng đường từ Cầu Bà Di đi An Khê - Gia Lai. Ngày xưa An Khê thuộc Bình Định.

Từ vùng Tây Sơn đi ngược ra phía Bắc, chúng ta còn gặp những địa danh mang tính lịch sử đó là Truông Mây.

Truông Mây là nơi chàng Lía đã nương náu làm sào huyệt nhưng Lía gặp phải thất bại khiến con người cảm thương:

Chiều chiều én liệng Truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

Hay:

Hỡi người gánh nước Truông Mây

Cho tôi gáo nước tưới cây ngô đồng.

Bởi vì:

Dây tơ hồng không trồng mà mọc

Thấy em chưa chồng muốn chọc làm quen.

Từ Truông Mây đến Kim Sơn tuy không xa lắm nhưng hiểm trở nên con người luôn tìm đến vì:

Kim Sơn đồi núi có vàng

Vàng đâu chẳng thấy, thấy vàng con ngươi.

Ngoài núi Kim Sơn có vàng, còn có trầm là loại gỗ quý nên nhiều người đi tìm:

Cất công ngậm ngải tìm trầm

Trầm đâu không thấy, thấy bầm tấm thân.

+ Hòn Trống, Hòn Mõ:

Ở Phước Sơn có hai hòn núi là Phụng Sơn và Kỷ Sơn - cũng là tên làng ở vùng đồng bằng. Trên núi Kỷ Sơn có hai hòn đá khá lớn, nếu lấy cây gõ thì phát ra âm thanh. Một hòn có thanh trầm gọi là Hòn Trống. Một hòn tiếng kêu cao hơn là Hòn Mõ, có người gọi là Hòn Chuông.

Nơi nào có đá trống chuông

Ấy là hòn đá Kỳ Sơn lạ lùng.

Nơi đây có một hang đá khá lớn, nên đó cũng là sào huyệt của bọn đạo tặc.

Cuối đèo Phú Quý, ở gần đầm Kim Ngân có núi Bé. Tuy không cao nhưng lại có câu hát ru em:

Ngó lên núi Bé ve kêu

Hố giang nước chảy nhiều điều đắng cay.

Câu này được các bà các cô hát ru em. Tuy nhiên không hiểu vì sao họ thường hát rằng:

Ngó lên suối Bé ve kêu

Khố giang nước chảy nhiều điều đắng cay.

Phải chăng là sự lầm lẫn.

Phía Tây đèo Phú Quý có một hòn núi đất được gọi là hòn con Cóc. Hòn núi đất này ngó xuống làng Đông Viên thuộc huyện An Nhơn. Dân làng làm lụng cần mẫn nhưng không giàu nên có câu than thở:

Đời sanh ra cóc làm chi

Lộc trời liếm sạch lấy gì nuôi dân.

Núi chúa Hòn Ông - núi này khá cao thuộc huyện Vân Canh nên được gọi là Hòn Ông. Núi cao, cây cối rậm rạp, cảnh quan khá đẹp nên còn được gọi là núi Chúa. Cuối dãy có Hòn Bà thấp hơn. Qua con mắt nhìn của dân gian quả là xứng đôi:

Hòn Ông đứng trông Hòn Bà

Chồng cao vợ thấp đôi đà xứng đôi.

Ở tận cùng Tuy Phước vẫn thấy được Hòn Ông. Hòn Ông mang dấu ấn về thời tiết:

Trưa mà mây phủ Hòn Ông

Thế nào cũng có mưa giông buổi chiều.

BỜ BIỂN QUY NHƠN

Bờ biển Quy Nhơn hình tương tự như lưỡi liềm, là hải cảng lớn của Bình Định, ngày xưa gọi là Tấn. Biển luôn lộng gió:

Gió cầu Tấn trưa chiều thổi mát

Bãi Quy Nhơn mịn cát dễ đi

Phương Mai, Ghềnh Ráng tương tri

Ngâm câu thủy tú Sơn Kỳ thảnh thơi.

Phía ngoài có Cù Lao Xanh rất đẹp về mùa nắng:

Bình Định có núi Vọng Phu

Có chùa Ông Núi có Cù Lao Xanh.

+ Đầm Thị Nại:

Hai chữ Thị Nại là bắt nguồn từ tiếng Chiêm. Thị li bì nại. Khi nói người Bình Định nói nhanh thành Thị Nại.

Còn một cách giải thích khác: Bên bờ biển Quy Nhơn có chợ bán muối, gọi theo tiếng Hán - Thị là chợ, Nại là muối nên có từ Thị Nại.

Ngoài ra còn có tên là Giã - Thị Nại không chỉ có cá tôm mà còn có nông nghiệp.

Ai về dưới Giã hồi hôm

Gánh phân đổ ruộng, gió nồm bay lên.

Hay:

Thị Nại xưa kia bãi chiến trường

Bao lần gươm giáo, đau thương bấy ngày.

+ Đề Gi:

Là vùng đầm nước mặn, là nơi nghề muối phát triển, hằng năm Đề Gi cung cấp cho thị trường nhiều tấn muối. Muối Đề Gi vừa trắng lại vừa mặn nồng nên có câu:

Đề Gi muối mặn tình thâm

Ai đi tới đó, chân cầm khó xa.

Anh về thưa với mẹ cha

Cho con tới đó xây nhà cưới em.

Hoặc:

Muối Đề Gi vừa trắng vừa đằm

Lòng em như muối mặn nồng khó quên.

+ Đầm Đạm Thủy:

Tên dân gian gọi là Đầm nước ngọt - gọi là đầm nước ngọt nhưng nước không ngọt hẳn - một phần nước ngọt là do nước sông Latinh chảy vào rồi từ đầm chảy ra cửa Đề Gi - phần mặn có thể là nước bể - vì vậy nên có câu hát đố trong hát hò:

Tiếng đồn chàng hay chữ

Tài ngang Tử cử

Lại đây em hỏi thử đôi câu

Ngọt ngay nước chảy dưới cầu

Gọi "cầu nước mặn" bởi vì đâu hỡi chàng?

Hoặc:

Thật thà là thói hồng nhan

Ăn xuôi nói ngược thá gian lạ gì

Mặn chằng vũng nước Đề Gi

Gọi đầm nước ngọt lẽ gì hỡi em?

(Hát hò)

+ Đầm Trà Ổ:

Tên dân gian là Bàu Bàn thuộc huyện Phù Mỹ - ba mặt Bắc, Tây, Nam là núi. Đầm rộng đến 12km^2, cá tôm rất nhiều, nổi tiếng nhất là chình thâm và chình bông - nên có câu tục ngữ:

"Chình bông Trà Ổ, Trà cam khổ - Vạn Hội - hát bội Vinh Thạnh"

Hay:

Rủ nhau bắt tép Trà Ổ

Sẵn bờ cát trắng phơi khô đem về.

+ Cửa Hà Ra:

Ngày xưa là Hải Tấn (cửa biển) nhưng bị bồi lấp thành đầm, xung quanh đầm có rất nhiều cỏ gấu làm thuốc nên có câu phương ngữ:

Lý ngư bàu sấu, củ gấu Hà Ra.

Ở Bàu Sấu ngoài cá chép còn có một con sấu khá lớn - nay không còn.

+ Cửa Kẻ Thử:

Ngày xưa nơi đây là Nha phiên Hải tấn thông với đầm Thị Nại - Ngoài ra còn nhiều tên gọi tuy khác nhau như Khách Thử, Cách Thử - Tuy nhiên những tên này đều chung một nguồn gốc:

Nơi đây có chùa ông Núi, sau chùa có một hang rất sâu gọi là hang âm phủ - từ nơi này người cõi âm đến gặp gỡ và buôn bán với người cõi dương. Nghe đồn vậy, nhiều người đến đây để tìm gặp người cõi âm:

Anh về Cách Thử tìm em

Âm dương cách biệt ngày đêm khó dò.

Và trong vè các lái có câu:

Thương cha nhớ mẹ ngùi ngùi

Hòn núi Cách Thử có người bồng con...

Hoặc:

Chợ nào gặp gỡ âm dương

Người trần kẻ phủ đôi đường gặp nhau.

Khi gặp nhau trao đổi hàng hóa, buôn bán, họ cũng trả tiền nhưng đó là tiền cõi âm, dương thế không dùng được nên có câu:

Ai ơi Kẻ Thử nhắc nhau

Nổi cao thì giả chìm sâu chính tiền

Nơi đây có chùa Ông Núi - Tục truyền Ông Núi hàng ngày mang củi xuống chợ - chợ này cũng gọi là chợ Kẻ Thử. Ông Núi đem củi đến chợ đặt ngay góc chợ gần cây đa và ra về lúc chợ chưa nhóm họp. Người nào cần củi thì đem củi về và treo trên nhánh đa số tiền tương đương hay một ít gạo muối là được.

Củi không giá là củi Lê Ban

Củi đổi lấy hàng, gạo muối treo cây.

Những truyền thuyết này được truyền miệng nhưng người xưa vẫn tin đó là những chuyện có thật nên chợ Kẻ Thử vẫn còn mang tên ấy mãi cho đến ngày nay. Chợ họp ngay dưới chân núi, trên đồi là chùa cũng mang tên ấy, còn tên chữ của chùa là Linh Phong Tự. Nhiều bài thơ được truyền miệng và còn khắc viết trên đá ở trước chùa mà lớp người lớn tuổi còn thuộc nằm lòng.

Linh Phong Tự là đây đó nhỉ

Cảnh thiên nhiên sơn thủy thật xinh.

Bài thơ này tuy được phổ biến nhưng không có tên tác giả - cuối cùng ghi "Vô danh thị soạn".

SÔNG NGÒI

Bình Định có ba sông lớn:

- Sông Côn có lưu vực sông rộng lớn thuộc các huyện Tuy Phước, An Nhơn.

- Sông La Tinh nằm giữa Phù Mỹ và Phù Cát - Phù Mỹ ở phía Bắc, Phù Cát ở phía Nam - Vì vậy còn tên là sông Phù Ly.

- Sông Lại Giang nằm phía Bắc - Lưu vực sông thuộc các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn - Tam Quan.

+ Sông Côn:

- Côn Giang ngày xưa còn gọi là sông Tuy Viễn - sau lại có tên là sông "Ba Huyện" cuối cùng là Côn Giang - lưu vực sông Côn gồm 3 huyện Tuy Phước, Bình Khê và An Nhơn, về mùa mưa thường có lũ lụt.

Nước Lại Giang mênh mang mùa nắng

Dòng sông Côn lai láng mùa mưa.

Hoặc:

Đá Hàng hợp nhánh sông Côn

Có tên bến chợ bến đồn đông vui.

Sông Côn cấp nước cho các vùng Tuy Phước, An Nhơn và Phù Cát. Sông Côn có hai mùa nước, mùa khô thì cạn kiệt, mùa lũ thì nước rất nhiều nên có câu:

Mùa lụt nước đứt đuôi rắn

Mùa nắng khô thì kiến vượt sông.

đó là vùng hạ lưu.

Sông Cửa Tiền là một nhánh của sông Côn - sông còn có tên là sông Trường Thi. Sông Trường Thi khá trong và đẹp nên có câu:

Sông Trường Thi ngược dòng cá lội

Bấy nhiêu người tụ hội về đây

Trường Thi chưa phải kinh kỳ

Bao nhiêu sĩ tử đợi ngày đăng quang

Nên người trai Bình Định thường mơ ước:

Đại đăng khoa đến trước võng nàng theo sau

Phải chăng đó là hi vọng của sĩ tử Bình Định ngày xưa. Sông Cửa Tiền còn có bến Trường Thi đẹp khiến nhà thơ Yến Lan viết nên bài thơ "Bến My Lăng" nổi tiếng. Tuy nhiên đối với dân gian thì:

Trường Thi tốt nước mà trong

Tưới khắp cánh đồng, cây lúa oằn sai.

Sông Trường Thi không những nổi tiếng về cảnh đẹp mà còn nổi tiếng nhờ bài thơ Bến My Lăng của nhà thơ Yến Lan - với những câu hay khiến người địa phương đều thuộc như ca dao:

Bến My Lăng nằm không thuyền đợi khách

Rượu hết rồi ông lái chẳng buồn câu

Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách

Ông lái buồn, để gió lén mơn râu.

+ *Sông La Tinh:*

Còn có tên nữa là sông Phù Ly vì sông này là ranh giới giữa hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát nên có câu "Bên kia mì - bên ni dừa" - để chỉ thổ sản của hai vùng. Hoặc:

Thương nhau mấy huyện cũng vì

Sông nào lại nỡ chia ly chúng mình.

+ *Sông An Lão:*

Sông An Lão gồm hai nguồn: nguồn từ Ba Tơ và nguồn nước Teup, (tớp - tiếng dân tộc), hai nguồn hợp thành An Lão:

Nước Ba Tơ chảy về Bình Định

Nhắn bạn thân tình tránh nịnh chớ theo.

Nguồn Kim Sơn có hai nguồn là nước Lương và Rong cũng là phát nguyên của dòng Lại Giang - ngày xưa bảo rằng nơi Kim Sơn có vàng:

Kim Sơn đồn đại có vàng

Vàng đâu chẳng thấy thấy vàng con ngươi

Vì vàng anh nở nụ cười

Cười ra nước mắt hổ ngươi với mình.

+ Sông La Vĩ:

Là sông mới đào từ thời vua Thái Đức - vua nghe lời bàn của thầy địa lí để tạo thế tứ thủy triều quy. Đào xong thì lụt làm lở phía Đông (vùng Đồ Bàn), nhà vua cho đắp thêm hình cong cong như quai vạc. Vì vậy mà sông La Vĩ có một tên nữa là Quai Vạc, còn có tên là sông Gò Găng. Tiếp theo là nhiều biến cố lịch sử và thiên tai. Nhà Tây Sơn suy vong nên có câu:

Nguồn nước trời đổ dạt về đâu

Khi hạn hán lúc mưa dầu

Lòng trời không thuận tránh đâu lưới trời.

Câu này có lẽ xuất xứ từ khi Gia Long giành được ngai vàng với mục đích củng cố lòng tin nơi dân gian. Tương tự như câu:

Lạy trời cho chóng gió nồm

Để thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm dong ra.

Phải chăng là một hình thức thu phục nhân tâm bằng ca dao?

Sông Lại Giang có loài cá bống cát, thịt trắng, lành và ngon nổi tiếng nên hàng năm có lệ cống cá cho vua quan:

Tiếng đồn cá bống Lại Giang

Hàng năm đem cống vua quan kịp kỳ.

Sông còn có tên là sông Bồng Sơn vì sông đi ngang qua thị trấn đẹp này:

Cảng nào thâm bằng đầm Thị Nại

Sông nào dài bằng sông Lại Bồng Sơn

Chảy từ An Lão, Kim Sơn

Cho đồng lúa tốt, chơn vơn bóng dừa

Sông nào từ dãy Kim Sơn

Từ vùng An Lão chảy dồn về Đông

Xin ai giải rõ giải thông

Em xin một tiếng tơ đồng làm quen.

(Hát hỏ)

Sông bắt nguồn từ Kim Sơn, An Lão nên có câu:

Nước nguồn hai ngọn giao chi

Bồng Sơn hai huyện thiếu gì vợ anh.

Hoặc:

Nước Lại Giang mênh mông mùa nắng

Dòng sông Côn lai láng mùa mưa.

Sông Lại ở phía Bắc - sông Bồn ở phía Nam, cách nhau chưa đầy trăm cây số mà khá khác nhau.

Mùa hè nước sông Lại quá sâu, có nhiều nhánh nhỏ phải bắc cầu tre cầu nhỏ, gập ghềnh khó đi. Mùa hè năm ấy có một nhà giáo tên là Ngô Uyên rất sợ nước (có lẽ vì bệnh riêng) một năm chỉ tắm một lần, khi đi qua cầu bị rơi tòm xuống nước, nước lại bẩn nên buộc lòng ông phải tắm - người xung quanh cho là chuyện lạ kéo đến xem - câu chuyện được lan truyền rất nhanh. Một chị cán bộ tên Lệ Hải qua đò, nghe kể chuyện chị cười ngặt nghẽo khiến chị cũng rơi tòm xuống nước. Từ đó có câu:

Lại giang để tiếng về sau

Chuyến đò Lệ Hải nhịp cầu Ngô Uyên!

+ Đồng Điền:

Đồng Đèo ở vùng xã Phước Sơn Tuy Phước - Đồng nằm trong vùng hai núi Phụng Sơn và Kỳ Sơn - cánh đồng khá rộng và phì nhiêu, dân trong vùng sống thong thả nhờ cánh đồng này:

Rủ nhau đi cắt Đồng Đèo

Giờ cơm cho sớm, mà theo xóm mình.

+ Ruộng rộc, ruộng gò:

Bình Định có hai loại ruộng: loại cao và loại thấp nên được phân biệt là ruộng rộc (thấp) và ruộng gò (cao).

Ra đi mẹ có dặn dò

Ruộng rộc thì cấy, ruộng gò thì gieo.

+ Đồng Hươu:

Đất Đồng Hươu núi ít nai

Vì chúng phá phách mấy ai dè chừng.

Bình Định là vùng lúa, vùng đồng bằng, nhưng đồng nằm rải rác chia thành những cánh đồng nhỏ. Người Bình Định lại sính thơ nên có bài vè:

Từ Bắc đi vào

Đồng cao đồng thấp

Trước gặp đồng vuông
Thuộc xã Hoài Sơn
Hướng lên An Lão
Đồng dài truông Ổi
Đồng Dí Năng an
Co, trì núi vàng(*)
Đồng Dớn, Đồng Đế
Bình Khê trì, mễ
Cạnh kế Đồng Hươu
Nai chẳng có nhiều
Đồng Lê, Đồng Vụ
Kể còn chưa đủ
Đồng Sinh, Đồng Tranh
Ngó quất ngó quanh
Đồng Quang, Đồng Sạ
Đồng Dầu chưa thỏa
Đi xuống các miền
Tuy Phước, An Nhơn
Phù Mỹ - Phù Cát
Ruộng nằm lác đác

(*) Co trì là hai giống lúa ngắn ngày năng suất cao.

Khắp cả mọi vùng

Đời cứ ung dung

Lắm đồng nhiều lúa.

(Bài của các ban bài chòi thường hát giáp vui)

GÒ

Ngoài những cánh đồng phì nhiêu cung cấp lúa gạo cho con người, Bình Định còn là nơi có nhiều gò.

+ Gò Ổi:

Ngày xưa Bình Định đất chiêm

Nhiều gò nhiều đống, gò Sim, gò Bồi

Phía Bắc chè lá gò Lôi

Trái cây ngon ngọt gò Dài, gò Chim

Gò Găng gò Củ, gò Lim

Trở qua gò Thị, gò Chàm thành xưa.

GHỀNH THÁC

+ Hầm Hô:

Là một thắng cảnh ở Bình Khê, quanh năm nước đổ thành nhiều suối thác nhỏ. Hầm Hô cách điện Tây Sơn không xa, khách du lịch viếng đền Tây Sơn luôn ghi lại cảnh đẹp này.

Tây Khê có thác Hầm Hô

Có dốc Bồ Bồ có điện Tây Sơn.

Đó là phong cảnh vừa đẹp vừa hùng vĩ được nhiều người biết đến, lại còn gắn với những biến cố lịch sử:

Hầm Hô cữ nước còn đầy

Còn gương phấn dũng, còn ngày vinh quang.

Hầm Hô đẹp, nổi tiếng, khiến các nhà du lịch có tâm hồn thơ không thể làm ngơ nên có nhiều câu thơ đầy xúc cảm

Hầm Hô mây nước cuốn vời vời

Đá nổi chập chùng rải khắp nơi

Sóng dội cuốn cuồn e ngợp nắng

Lá xanh phơ phất tựa mây trời.

+ Suối Đá Dàn:

Chim kêu dưới suối Đá Dàn

Em còn chút mẹ cậy chàng viếng thăm.

Đây là một câu thơ đã ứng lên trong dịp cầu cơ sau khi anh hùng Mai Xuân Thưởng, trong phong trào Cần Vương ở Bình Định đã chết. Bè bạn cầu cơ - để tìm hiểu tâm sự của người nhưng cơ chỉ cho biết là ông còn mẹ già, nhờ bè bạn nuôi nấng thăm hỏi - từ đó câu trên đã phổ biến thành ca dao.

Một câu tương tự:

Ai lên thăm suối Đá Dàn

Để lòng tưởng nhớ can tràng ngày xưa.

+ *Suối Đụt:*

Nước suối không trong như các suối khác mà ngà ngà như nước sữa - suối có một vùng lõm giống như mái hiên, đất có màu trắng. Nơi đây có thể trú ẩn khi gặp mưa. Vì vậy còn có tên là suối Đụt.

Ghé vào suối Đụt đụt mưa

Chẳng duyên thời nợ gió đưa gặp nàng (chàng).

Hoặc:

Trời mưa không quán không nhà

Bờ tre suối Đụt, đôi ta cùng ngồi

Chờ cho ráo giọt mồ hôi

Cầm tay tỏ thiệt rằng tôi yêu mình.

+ *Suối Nước Nóng:*

Người Bình Định quan niệm rằng mọi sự việc đều hình thành từ âm và dương nên suối nóng nước là do:

Lửa âm dương nấu lâu nay

Nước sôi một vũng nơi này trời cho

(Suối nước nóng ở thôn Hội Vân Phù Cát)

Ngày xưa người Pháp đã khai thác suối nước này để chữa bệnh, nhất là ghẻ và phong.

+ *Đập Đá:*

Đập Đá là tiếng nôm, tiếng dân gian về sau này.

Khoảng những năm 1802 - 1820 - có hai nhà phú hào tên Châu Thị Ngọc Mã và Trần Thị Ngọc Lân đứng ra xây con đập này - thời này vẫn gọi là Thạch Uyển, vừa là tên con sông vừa có nghĩa Đập Đá - dần dần thành tên riêng Đập Đá.

Em về Đập Đá quê cha

Gò Găng quê mẹ Phú Đa quê chàng

Anh về Đập Đá đưa đò

Trước đưa quan khách sau dò ý em.

Hay:

Anh về Đập Đá Gò Găng

Để em kéo vải sáng trăng một mình.

+ Đập Bảy Yển:

Nơi nào có bảy ông hiền

Dẫn thủy nhập điền lúa tốt nơi nơi.

(câu đố)

Đó là đập Bảy Yển - theo quy ước xưa, một đập nước được chỉ huy qua quyết định của một vị gọi là chánh yển - đập này khá lớn nên có bảy vị - mỗi vị phụ trách việc phân phối nước cho vùng mình quản lý.

+ Đập Kiền Giang:

Đập này nằm trên phụ lưu sông Đá Hàng thuộc huyện Bình Khê.

Nước reo trước đập Đá Hàng

Em còn chút mẹ cậy chàng viếng thăm.

+ Giếng vuông:

Ở Bình Định hiện còn khá nhiều giếng hình vuông - xây bằng đá ong. Một loại giếng mang hình dáng riêng. Phải chăng đó là giếng của người Chiêm trải bao đổi thay mà giếng vẫn còn ở Củ Lao Xanh và ở thôn Đại An - Phù Cát.

Giếng vuông xây đá ong ngầm

Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân

Nhớ người xưa cũ phân vân

Giếng kia ai xét và vuông vắn lòng.

Một chút hoài cổ thương xót người xưa. Câu ca dao mang tính nhân văn và hoài cổ.

Giếng hình vuông còn khắp nơi ở Bình Định. Nước giếng xây bằng đá ong thường rất trong:

Lòng em như giếng đá ong

Bên ngoài xấu xí bên trong mát lành.

Trong hát hò, một cô gái bị chê là xấu xí vì mặt rỗ, nên cô tự bào chữa:

Mặt rỗ đá ong mà lòng trong như nước

Đón em về kiệu trước võng sau.

+ Cù lao xanh:

Cù Lao Xanh có giếng vuông

Có đèn rọi biển dẫn đường tàu vô

Em về trước hạ sau hầu

Cho anh đi học về sau thành ông nghè.

Cù Lao Xanh có nhiều cảnh lạ như giếng vuông, đèn rọi biển, ngoài ra còn có nhiều loại cá đẹp như cá thần tiên, cá ngựa v.v...

GÒ BỒI

Gò Bồi là tiểu thị trấn nằm dọc theo sông Gò Bồi trên tỉnh lộ Bình Định và giao với đường Tuy Phước - Phù Cát. Gò Bồi được hình thành từ thế kỷ 18 - sau khi nước mặn đã bị bồi lấp.

Tiểu thị trấn khá sầm uất phát đạt, chuyên nghề làm nước mắm. Là thị trấn nên người dân ở đây sống về nghề làm cá và buôn bán nên khá giả.

Xứ nào thanh bằng xứ Gò Bồi

Anh đi tứ xứ cũng hồi về đây

Bài chòi, hát bội đêm ngày

Cá thu tôm bạc hàng đầy dọc ngang.

Người địa phương tự hào về sự thanh lịch của quê mình từ cái ăn cái uống đến việc giải trí. Vì vậy nên có nhiều người đến đây lập nghiệp khấm khá. Tuy nhiên cũng có người địa phương bỏ quê đến nhiều xứ làm ăn nhưng họ không thể xa được. Hoặc:

Xứ nào thanh bằng xứ Gò Bồi

Anh đi tứ xứ cũng hồi về đây

Cá thu tôm bạc đẫy đầy

Ngày hai buổi chợ, kẻ mày cũng no.

VÙNG CHUA MẶN

Quê em chín áo một quần

Bước ra thì lội, bàn chân nhuộm phèn

Vùng sông kề biển là vùng nước lợ, nước có chất phèn, phèn màu vàng bám vào chân rất chắc, khó rửa sạch nên đàn ông thường ở truồng hoặc mặc quần đùi. Vì vậy nên có câu trên.

Vùng chua mặn lại là vùng hứng chịu lũ lụt nhiều nhất nên lụt đầu mùa thường gọi là nước bạc. Nước pha lẫn nhiều chất bẩn khác khiến người lội luôn bị nước ăn kẽ chân - rất đau.

Một lần mà tởn tới già

Đừng lội nước bạc mà hà ăn chân.

NHÀ LÁ MÁI

Có thể nói rằng lá mái là hình ảnh đặc biệt nhất của miền Trung Nam Bộ - nhà chỉ xuất hiện từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận. Nhà lá mái nhiều nhất là ở 3 tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên. Nhà lá mái có nhiều ưu điểm và thích hợp với khí hậu miền Trung - Trung Bộ. Chỉ những nhà giàu mới cất được nhà lá mái.

Anh về dỡ gỗ đa đa

Cất nhà lẫm thượng, tháng ba em hầu

Em về coi trước ngó sau

Coi nhà mấy cột, coi cau mấy buồng.

Nhà lá mái toàn bằng gỗ và tre hoàn toàn, không dùng đinh sắt. Cất nhà được chuẩn bị khá kỹ, có thể chuẩn bị từ đời cha đến đời con nên nhà có nhiều thứ gỗ danh mộc khác nhau. Nhà có lẫm thượng - tương tự như kho lúa, khiến lúa luôn khô sạch và người ngoài khó xâm nhập. Nhà được trang trí khá công phu:

Ngó lên tòa nhà lá mái

Hai chái tô vôi

Hai cột đèn dồi

Trên chạm lòng ẩn

Dưới chạm thủy cà

Thấy anh còn chút mẹ già

Không ai hôm sớm em thương đà quá thương.

Hoặc:

Nhà lá mái ba dãy ba gian

Có cổng tam quan - ấy nhà quyền quý.

Nhìn nhà mái lá người ta có thể đoán được chủ nhà thuộc giai cấp nào. Vì nhà cất theo một quy định - Nhà quan chữ "công". Nhà giàu có chức vụ trong xã hội chữ "môn" và nhà giàu phú nông thì chữ "môn" thiếu

Nhà lá mái hai dãy một chuồng

Đi lại thông thương, một sương hai nắng.

Đó là nhà phú nông:

Nhà phú nông thì ruộng sâu trâu nái

So đâu bằng nhà lá mái chữ công

Nhà cặp là nhà của người trung nông.

Nên:

Mình nghèo ở nhà một gian hai chái

So làm chi nhà lá mái hai chái ba gian

Tranh săn dày, lớp cả ngàn

Mái thì hai lớp cửa toàn bàn pha.

Những câu ca dao trên đã mô tả nhà lá mái khá rõ. Cửa nhà lá mái đóng kiểu cách gọi là cửa bàn pha. Phải là những thợ giỏi mới làm được. Cửa bằng gỗ nhưng khi đóng kín vẫn có thể mở một bộ phận gọi là phần "con lớn". Nhà vừa thoáng vừa có thể quan sát được bên ngoài. Tuy nhiên cửa bàn pha tuy kín nhưng:

Nhà bà đóng cửa bàn pha

Con kiến chun không lọt, sao con bà chửa hoang?

Phải chăng là lời dí dỏm, phê phán và chê trách.

Nhà lá mái được mọi người chú ý nên nhà cũng là đối tượng để khen chê và xếp hạng.

Nhất nhà cửa Diêm nhì nhà cửa Triêm

Nhà ở Bình Định ngày xưa thường dùng gỗ. Nhiều loại danh mộc và nhiều thứ gỗ khác tuy không liệt vào nhóm quý nhưng được ưa chuộng. Đó là:

Bằng lăng tốt gỗ dễ cưa

So tài lương đống còn thua kiền kiền

Có một hòn núi mà chỉ mọc toàn loại cây này nên được mệnh danh là hòn Kiền Kiền. Gỗ này được dùng để cất nhà lá mái.

NGHỀ NGHIỆP

+ Làng gốm:

Nơi nào nghề gốm nghề đan

(Em) anh khoe đi hết xóm làng Bắc Nam

Dẫu rằng giàu có cũng ham

Đâu bằng nghề nghiệp có làm có ăn

Mặc dầu câu đố lăng nhăng

Lắng nghe cho rõ như trăng trên trời

Chợ gồm làm gốm nơi nơi

Đồ đan Phú Hội người người giỏi giang.

Những câu trên là câu hát hò khá phổ biến, nhiều người thuộc gần như ca dao - các câu trên đã bắt nguồn từ câu hát ru em dưới đây:

Chợ gồm đồ gốm

Phú Hội đồ đan

Tiện đường ghé lại Cảnh An

Mua thêm chiếc võng cho nàng đưa con.

+ Nghề dệt chiếu:

Là làng nghề thủ công ở vùng chua mặn, có nhiều ruộng lác - lác ở đồng, trân ở núi, đó là hai nguyên liệu để sản xuất chiếu. Ở Bình Định có câu đố:

Ông ở trên non, bà dưới bàu

Cớ sao họ lại được gần nhau

Tạo thành cơ hội cho đôi lứa

Đẻ bảy, sanh ba, ấy phép màu!

+ Nghề làm nước mắm:

Ở Bình Định có nhiều làng nghề làm nước mắm, tiêu biểu nhất là Gò Bồi và Đề Gi - nước mắm được đem bán khắp nơi trong tỉnh và cả vùng cao nguyên An Khê - Gia Lai - Kon Tum nên có câu:

Nước mắm nào ngon bằng nước mắm Gò Bồi

Vừa thơm, vừa ngọt ngon ơi lạ lùng (hoặc "vừa" hời đó em).

Hoặc:

Nước ép cá cơm vừa thơm vừa ngọt

Chan vào cơm chạy tọt xuống bụng.

Hoặc:

Nước mắm nào thơm bằng nước Đề Gi

Dính áo ba ngày thơm vẫn còn thơm.

Nói vui là thế nhưng nghề làm mắm cũng vất và lắm, nhất là mùi hôi của mắm nên có câu:

Gối bụng cô bán dầu, còn hơn nằm trên đầu cô bán mắm.

+ Nghề làm muối:

Ở Bình Định có hai vùng làm muối ở các làng Hưng Thạnh thuộc đầm Thị Nại và Đề Gi.

Chữ Thị Nại có nguồn gốc tiếng Chăm để chỉ vùng đất thuộc thành phố Qui Nhơn - Đó là "thị lị bì nại" - dần dần biến thành tiếng Việt - thị là chợ và nại là muối, không biết cách giải thích nào đúng hơn - tuy nhiên có câu nói vần

Muối trắng nhờ nắng Thị Nại

Gái nào xinh bằng gái Tam Quan

Anh đi ba tỉnh trăm làng

Trở về xứ muối cưới nàng đảm đang

Đề Gi muối mặn tình thâm

Giàu có dễ tầm, nhơn nghĩa cần hơn.

Nghề nào khổ bằng nghề làm muối

Nắng cháy da đen đủi như trâu

Phải chăng gặp lúc cơ cầu

Muối kia vẫn mặn, tình sâu thêm bền.

+ Yến sào:

Bán đảo Phương Mai chạy chắn ngang cửa đầm Thị Nại, khiến đầm trở nên yên ổn về mùa mưa bão. Trên đảo Phương Mai có nhiều hang ổ trong núi có vách đá cheo leo, đó là nơi tụ tập của loài chim yến - chúng dùng nước dãi để xây tổ đẻ trứng. Yến sào rất quý nên được gọi là vàng nước. Tổ yến nhiều nhất là ở các hang ở các núi Yến, mũi Mác…

Người xưa thường mua yến gởi về biếu cha mẹ già

Bình Định có yến sào

Chút quà báo đáp công lao mẹ già.

Lấy yến sào là nghề rất nguy hiểm vì tổ yến nằm cheo leo trên vách đá cao nên con người rất thận trọng khi khai thác yến.

Khai thác yến như làm xiếc

Việc làm khổ thiệt, mà chẳng ai xem

Ăn chay nằm đất ba đêm

Ngày mai lấy tổ như lên đầu đài

Vàng ròng mai mốt một mai

Giàu có cho ai mà thiệt tấm thân.

CHỢ BÚA

Bài vè đi chợ được Bạn Bầu dắt ở Gò Bồi cũng như nhiều nhóm bài chòi khác trong tỉnh được hô hát và phổ biến khắp vùng cánh Nam Bình Định.

Bài vè không xác nhận là của ai - Có thể là bài vè được sửa chữa nhiều lần, tuy nhiên bài đã phản ánh được việc buôn bán ngày xưa - kể gần đầy đủ những đặc sản từng vùng.

VÈ ĐI CHỢ

Muốn ăn đi xuống

Muốn uống đi lên

Ăn rẻ mặc bền

Cùng nhau đi chợ

Nhắc cho mà nhớ

Năm ngày một phiên

Lắm bạc nhiều tiền

Khéo mua có lợi

Đi chợ Gò Bồi

Tôm cá đủ rồi

Đi chợ Đập Đá

Mua gạch tổ ong

Đi chợ Lòng Sông

Mua sò mua sú

Đi chợ Gò Củ

Mua mì mua lang

Đến chợ Đại An

Mua xoài mua mít

Chợ nào đông nghịt

Là chợ Gò Chàm

Thấy rẻ đừng ham

Mà lên Cây Cốc

Hàng gỗ hàng mộc

Về chợ Cây Gia

Từ trong kể ra

Trở về Trường Úc

Chợ Tết cầu phúc

Bán trầu mua vôi

Lên chợ Tháp Đôi

Mua cá mua muối

Trở lên chợ Đũi

Mua vải mua hàng

Đi chợ Kiến Hàng

Mua kén mua lụa

Tới chợ Trường Thuế

Mua trã mua nồi

Đi chợ Gò Lôi

Mua trà mới hái

Đi chợ An Thái

Mua lụa đắt tiền

Năm buổi một phiên

Tha hồ nói chuyện

Trở về chợ Huyện

Uống rượu ăn nem

Ở lại một đêm

Xem tuồng hát bội

Trở qua Vân Hội

Mua mía mua đường

Đi chợ Bình Dương

Mua dừa mua nệm

Đi chợ Tri Thiện

Xem Tháp mua măng

Đi chợ Gò Găng

Nón trủm nón ngựa

Đi chợ bờ Dứa

Mua bứa mua chanh

Đi chợ An Hành

Mua mì mua sắn

Đi chợ Nước Mặn

Đồ chơi trẻ em

Vàng mã giấy tiền

Trở lên chợ Rượu

Khách đợi uống hèm

Đi chợ Gò Chim

Mua liềm mua hái

Đàn bà con gái

Tìm đến chợ Đông

Quần tía áo hồng

Trai tài gái sắc...

Nên có câu rằng:

Trai khôn tìm vợ chợ Đông

Gái khôn tìm chồng giữa đám ba quân.

Sau khi đi chợ xong, bài vè còn nhắc nhở - Chợ là nơi tập họp nam nữ - Tha hồ mà lựa vợ, chọn chồng. Vợ phải lanh lợi biết mua sắm - còn người chồng phải hoạt động giỏi giang về võ nghệ - Phải chăng đó là những tiêu chí được người Bình Định đề ra trên tinh thần thượng võ.

+ *Chợ Trường Úc*: Có nơi gọi là Cần Úc.

Chợ mỗi năm chỉ nhóm một lần vào mồng một tết. Chợ còn có tên là chợ Gò Mới. Đây có nhiều gò nhỏ, thời Tây Sơn có tuyển quân. Cứ sau một lần đủ người là họ tập hợp đứng trên một gò nên gọi là gò đong quân.

Cầu Úc là nơi hẹn hò

Họp thành cơ đội trên gò đong quân

Bao giờ Trường Úc hết vôi

Thì em mới hết đứng ngồi trông anh.

Ngoài ra chợ Gò còn gọi là chợ "Bán rủi mua may" nên giá rất hời. Phải chăng quan niệm này bắt nguồn từ câu:

Chuyện đời rủi rủi may may

Cái rủi người này cái tốt người kia.

Họ quan niệm rằng cái rủi của người này lại là cái may của người khác. Nên có câu:

Chợ Gò bán rủi mua may

Mua thì có lợi bán rày cũng hên.

Tập tục này vẫn còn đến ngày nay. Người họp chợ vừa bán mua có lợi, họ còn được thưởng xuân nữa.

Ngoài ra còn một thuyết khác: Cần Úc (núi Úc) còn gọi là Hàm Long, là chiến trường giữa quân Tây Sơn và Gia Long. Cuộc chiến đánh chiếm thành gò Chàm, quân Tây Sơn thất bại, nghĩa quân được chôn dưới chân núi và có miếu thờ. Hằng năm vào ngày Tết, đồng bào thường tụ họp nơi đây để tưởng niệm. Dưới triều Nguyễn, quan sở tại nhiều lần ngăn cấm nhưng không thể dẹp được chợ này.

+ *Chợ Dinh:*

Chợ Dinh thuộc huyện Tuy Phước, chợ nằm theo quốc lộ 1, cách Quy Nhơn chừng 3km. Chợ khá sầm uất:

Chợ Dinh bán nón quan hai

Bộ tua quan mốt, bộ quai năm tiền

Năm tiền một gịa đỗ xanh

Một cân đường cát đưa anh lên đường

(1 quan là 600 đồng tiền kẽm - 10 tiền thành 1 quan)

+ Đôi điều về chuyện chàng Lía:

Bình Định là vùng đất mới thành lập từ thời Lê thế kỉ 15 nhưng không vì thế mà thiếu vắng anh hùng. Cuộc di dân mở rộng đất nước về Nam đã tạo nên nhiều nhân vật lịch sử. Chàng Lía là người nông dân nổi lên trước nhất thời ấy chống lại thế lực phong kiến, nhìn qua góc độ chính trị có thể gọi là một cuộc khởi nghĩa của nông dân. Chuyện chàng Lía đã đi vào ca dao và huyền sử. Một vài tác phẩm bằng văn xuôi, văn vần, vè đã phản ánh lại cuộc khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa với mục đích chống lại sự bất công của quan lại, Lía đã nhiều lần đánh với quân triều đình và cướp của nhà giàu phân phát cho người nghèo, được nhiều người ủng hộ, chàng Lía thất bại vì: Mục tiêu chính trị không rõ ràng, thế lực không đủ mạnh.

Tuy nhiên chàng Lía cũng để lại được nhiều ấn tượng thương tiếc trong dân gian:

Chiều chiều én liệng truông mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

Bình Định là đất thượng võ. Vào thời nhiễu nhương vua Lê - chúa Trịnh, nhân dân chán Trịnh, không ưa Nguyễn. Nhiều người lên núi ở ẩn - luyện võ nghệ chờ ngày thi thố.

Lía, một nông dân bị áp bức dồn vào đường cùng, phải bẻ bí bắt gà, sau dần thành tướng cướp. Nhờ sự chỉ dạy của một đại lão trượng ở ẩn, tài võ nghệ của Lía được thêu dệt dần dần trở nên huyền thoại như chuyện phi thân, ném chiếc mâm đồng rồi

nhảy lên đó đứng, cứ thế mà bay vào núi, phải chăng những sự việc ấy được hình thành qua trí tưởng tượng của dân gian.

Bài vè chàng Lía đã nói lên điều ấy. Bài vè được lưu truyền khắp nơi trong tỉnh. Các gánh bài chòi đều thuộc và hô hát biểu diễn.

+ Nhà Tây Sơn:

Nhà Tây Sơn khi dấy binh khởi nghĩa đã có nhiều tiêu chí chiến lược rõ ràng. Các nhà sử học đã viết khá nhiều về cuộc khởi nghĩa này, tuy nhiên phần vè và ca dao chưa được nghiên cứu đầy đủ. Ca dao tục ngữ khá giàu có vì ngay từ đầu nhà Tây Sơn đã có nhiều phương cách khả dĩ, nhiều khi mang tính huyền thoại. Tuy nhiên người Tây Sơn và Bình Định luôn ghi nhớ. Từ đó mà triều đại Tây Sơn được tồn tại.

Bắt đầu bằng những tiêu chí chiến lược về địa lý:

Đông thành, Tây lũy, Nam phục, Bắc lương

Được bốn điều ấy, thành vương xứ này.

Thật vậy Tây Sơn đã làm được cái việc ấy.

Đông thành, phía đông đã xây dựng thành lũy như các thành Tây Sơn lấy từ thành cổ Vijifa của người Chăm làm thành chính, xung quanh có nhiều đồn như Thị Nại - Bãi Nhạn, Phù Cát có thành Chính mẫu,...

Tây lũy, điều đáng chú ý là đất Tây Sơn được che chắn bởi dãy Trường Sơn nên họ chỉ còn lo ba mặt khác. Những chiến lũy rải rác ở vùng Tây Khê thành chỉ có ba mặt Đông - Nam - Bắc, còn phía Tây luôn dựa vào thế núi hiểm trở.

Bắc lương, kho lương thực đều xây dựng từ phía Bắc tây bắc, chủ yếu vẫn là vùng phía Bắc Tây Khê. Vì vậy nên có địa danh hòn Lãnh Lương.

Lãnh Lương phía Bắc Tây Khê

Muôn quân lui tới, đi về yên tâm.

Bài Tây Sơn có đoạn:

Nhà Tây Sơn hiển hách

Thập bát cơ thạch

Gồm có ngũ anh thư

Thất hổ tướng dưới cờ

Còn thêm lục kỳ sĩ

Góp phần không nhỏ

Thần mã đủ năm con

Khôi phục lại nước non

Nhà Tây Sơn tam kiệt.

Những con số giải thích như sau:

Thập bát cơ thạch là 18 nhân vật quan yếu trong thời Tây Sơn. Đó là thất hổ tướng, ngũ anh thư và lục kỳ sĩ.

Ngũ anh thư hay ngũ phụng thư: Bùi Thị Xuân (vợ của Trần Quang Diệu). Bùi Thị Nhạn kết duyên cùng Nguyễn Huệ, sau khi bà Phạm Thị Liên qua đời. Trần Thị Lan kết duyên cùng Nguyễn Văn Tuyết. Nguyễn Thị Dung kết duyên cùng Trương Đăng Đồ người Quảng Ngãi. Huỳnh Thị Cúc theo phò tá Bùi Thị Xuân.

Thất hổ tướng: Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú, Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Tuyết, Lý Văn Bua, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Lộc.

Lục kỳ sĩ: Võ Xuân Hoài, Nguyễn Thung, Trương Mỹ Ngọc, La Xuân Kiều, Triệu Đình Thiệp, Cao Tắc Tựa.

Thần mã (5 con) đáng kể nhất là con bạch mã - được thu phục vào những ngày đầu. Bốn con còn lại đã từng theo các tướng nhà Tây Sơn những ngày đầu khởi nghĩa. Người dân Tây Sơn thường nghe những câu tuy có vẻ hoang đường và mê tín nhưng chính những câu ấy thu phục được nhân tâm, nhất là đồng bào vùng thượng du An Khê.

Chuyện thu được bầy ngựa:

Ngó lên trên đỉnh non thần

Một bầy ngựa hí ba lần một đêm

Có người xuôi ngược hai miền

Nhân tâm thu được ngựa thiên trở về.

Sau một thời gian cho bầy ngựa ăn không đầy đủ, Nguyễn Huệ đã dùng mưu đem ngựa cái lên núi để dẫn cả đàn ngựa về, thế là câu ca được ứng nghiệm.

Hoặc: *Có ông tướng của nhà trời*

Gánh nước bằng bội không rơi hột nào.

Đó là cách thu hút các dân tộc Xê đăng và Gia rai. Bội là giỏ đựng mạ, lỗ rất lớn. Thế mà dùng để chứa nước, nước lại không rơi. Quả là điều lạ. Thế mà Nguyễn Nhạc đã làm được việc ấy. Phải chăng là ma thuật?

Truyện kể rằng sau khi nghe những lời sấm ấy, nhiều người đều cố theo dõi từ xa. Nguyễn Nhạc đã lấy đôi bội đi gánh nước. Đến nơi thì đã có sẵn đôi bội đã phất giấy bổi, thứ giấy thoạt trông đùng đục như nước. Từ đó chuyện gánh nước bằng bội được lan truyền, thu phục được nhiều người theo.

Triều Tây Sơn không bền vững một phần do sự bất hòa giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ. Sau khi bình ổn mặt Bắc - Nguyễn Huệ lại kéo quân vào đánh Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn khiến Nguyễn Nhạc phải kêu lên: "Bì oa chữ nhục, đệ tâm hà nhẫn" nghĩa là "nồi da xáo thịt lòng em nỡ nào". Câu này được diễn nôm thành câu:

Lỗi lầm anh vẫn là anh

Nồi da xáo thịt sao đành hỡi em?

Trong lần tranh chấp quyền lợi, Nguyễn Nhạc vừa bị quân Nguyễn Ánh vây, thiếu lương thực, vừa bị chia rẽ. Tuy vậy Nhạc vẫn mượn câu ca dao để nhắn Nguyễn Huệ:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Ở trong đám bắp thật nhiều gà con

Gà con bưới rác bưới rơm

Còn anh chèo chẹo đòi cơm tối ngày.

Câu ca dao được truyền tụng và thành câu hát ru em.

Sau khi nhà Tây Sơn mất, Võ Văn Dũng tiếp tục trốn vào vùng Hoành Sơn, tiếp tục xây dựng lực lượng chiến đấu.

Cả vùng An Khê và các làng ven bờ sông Kôn như Tiên Thuận, Đồng Phó, Hà Nung, Phú Lạc, Phú Phong, Tiên Mỹ đều hưởng ứng, trong đó có cả các dân Ba Na, Xê Đăng bị nhà Nguyễn Gia Miêu mua chuộc rục rịch làm phản. Biết được sự việc, Võ Văn Dũng phải rút lên tận núi cao, nên ca dao có câu:

Củ lan Đồng Phó, đỗ phộng Hà Nhung

Chồng bòn thiếp mót đổ chung một gùi

Chẳng qua duyên nợ sụt sùi

Chàng giận chàng đá cái gùi chàng đi.

Nên:

Chim kêu dưới suối từ bi

Nghĩa nhơn không tiếc huống chi cái gùi.

Võ công cùng gia đình lên núi xanh Trường Sơn ẩn náu đến thời vua Thành Thái thì nhân dân mới đem hài cốt Võ công về chôn ở Phú Phong - Võ công thọ đến 90 tuổi (phỏng đoán).

Khi triều đại Tây Sơn không còn, Nguyễn Ánh ra sức triệt phá những ngôi đình làng được thay thế. Đình dựng lên để thờ thần nhưng nhân dân lại đem sắc thần (của Gia Long phong) đến một ngôi miếu khác sau đình Kiên Mỹ - còn đình thì bí mật thờ ba anh em nhà Tây Sơn vào các lễ Xuân kỳ Thu tế, các bậc kỳ lão chỉ khấn vái thầm và gọi ngày lễ ấy là ngày cúng cơm mới.

Ngoài ra, khi đi ngang qua đình Kiên Mỹ thì họ lấy nón, cúi đầu, người đi võng đi ngựa đều xuống đất đi bộ nên có câu:

Ruộng đồng mặc sức chim bay

Hầm hồ lai láng mặc tài cá đua

Có đua sông trước thì đua

Sông sau có miếu thờ vua xin đừng.

Trong bài "Ai tư vãn" của Ngọc Hân công chúa khóc Quang Trung Nguyễn Huệ có câu:

Non Tây áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình

Câu này là của Ngọc Hân nhưng nhân dân Tây Sơn thuộc nằm lòng. Không chỉ những bậc thức giả mà cả lớp bình dân đều thuộc nằm lòng và trở thành ca dao.

+ Ngọc Hân công chúa:

Thường mến nhà Tây Sơn nên thương cả Ngọc Hân công chúa. Vào thời mà anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ chưa bất hòa thì Ngọc Hân đã đến vùng Tây Sơn bằng danh nghĩa thầy thuốc với hình ảnh:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người đãy gấm khăn điều vắt vai

Chiều chiều rồi lại mai mai

Nhớ người đãy gấm vắt vai khăn điều.

Trí tưởng tượng của người dân Tây Sơn quả là phong phú vì lẽ sự thất bại của nhà Tây Sơn đã đưa đến cái chết của nhiều người. Nhưng sau ngày thất bại đau thương ấy, họ lại tưởng tượng ra cảnh của một thầy thuốc nào đó thành hình ảnh Ngọc Hân.

+ Ông Chảng:

- Tên thật là Đinh Văn Nhưng, là người có công với Tây Sơn những ngày đầu dựng nghiệp đế. Tương truyền ông đã giúp đỡ và dạy võ cho 3 anh em Tây Sơn - mãi sau khi Nguyễn Nhạc xưng vương, nhà vua cũng không quên họ Đinh ở Bằng Châu (An Nhơn). Ông Nhưng tính khí ngang tàng, bướng bỉnh, vua Thái Đức mời ông đến để tạ ơn. Ông nói:

- Ông làm vua là vua với thiên hạ chớ với tôi là con - cháu - con cháu mà ban chức tước cao cho cha ông, tôi thấy hơi nghịch. Chi bằng để tôi phê rồi ông duyệt thì hơn. Nhà vua chuẩn y, ông lão viết:

Bùng binh chi tướng

Uýnh cướng chi quan

Bộn bàng chi chức

Chảng chảng ngang thiên

Rồi mỗi lần ông đi thăm Vua thì ông ngồi trên cái ghế có 4 người khiêng, hai bên chừng vài chục người cầm cào cỏ, cuốc, xuổng và che bằng hai cây "đu đu" tát nước và một đoàn người đánh trống thổi kèn bằng miệng. Vì thế mà người Tây Sơn thường bảo rằng "ngang như ông Chảng là vậy".

+ Mai Xuân Thưởng:

Mai Xuân Thưởng là người lãnh đạo phong trào Cần Vương chống giặc Pháp. Căn cứ của nghĩa quân đóng nơi Hòn Dinh. Hòn Dinh thuộc dãy Trường Sơn, tuy không cao lắm nhưng xung quanh có nhiều núi nhỏ làm thành đồn lũy chống được giặc nên người dân qua lại nơi đây đều luyến tiếc:

Mây chiều quấn quít hòn Dinh

Nhớ Mai nguyên soái hết tình cứu dân

Non sông chưa sạch bụi trần

Nắng mưa bao quản tấm thân quê người

Tre tàn còn có măng tươi

Gương xưa còn tỏ, còn người noi gương.

Về sau, cuộc khởi nghĩa thất bại vì quân địch quá mạnh. Tuy nhiên lòng dân vẫn còn nhớ tiếc:

Bình Tây dù chẳng thành công

Hương Sơn để dấu anh hùng ngàn thu

Giận ai cưu mối tư thù

Nhưng gương phấn dũng căm thù còn noi.

Mai Xuân Thưởng là một nhà lãnh đạo tài ba. Ông còn là một người con hiếu thảo. Khi mất một thời gian, những người hâm mộ còn luyến tiếc bái phục. Ngày xưa có cầu cơ là phương cách để người chết liên lạc với người sống. Họ lập bàn cầu cơ. Và một câu thơ do cơ ứng hiện được lan truyền trong dân gian mà thành ca dao:

Chim kêu dưới suối đá dàn

Em còn chút mẹ cậy chàng viếng thăm.

+ Tăng Bạt Hổ:

Tăng Bạt Hổ tên thực là Tăng Doãn Văn, một trong những lãnh tụ của phong trào Cần Vương, được cử giữ chức Tổng Trấn.

Trên đường hoạt động phong trào Cần Vương, một hôm từ vùng Hoài Ân về căn cứ Hòn Dinh, trong lúc qua đèo Đốc thuộc Hoài Ân ông gặp một con hổ khá lớn, đứng giữa đèo như thách thức. Mặc dù tài võ nghệ của ông không đến nỗi kém cỏi, ông có thể vượt qua đèo bằng cách đánh đuổi hổ nhưng ông nghĩ rằng thắng được hổ chưa phải là việc cần thiết hiện nay, hơn nữa việc lớn chưa tròn, bao nhiêu người còn cần đến ông. Ông bèn trụ thế roi "trung bình" và chờ đợi. Lòng ông tâm niệm "ta vì vua, vì nhân dân đi tìm đường cứu nước! Nếu "mi" (cọp) là loài vật thiêng ắt mi thấu hiểu được lòng ta, mi hãy nhường đường cho ta!" Quả nhiên sau lời nguyện ấy, cọp lủi thủi đi về rừng. Từ huyền thoại ấy ông có tên là Tăng Bạt Hổ - tức là ông Tăng đã làm lui được cọp.

Vì dân cứu nước lên đường

Là loài cầm thú cùng nhường lối đi.

Phải chăng hổ đã chịu lòng người hay sợ thế võ của ông?

Hay:

Mây chiều quấn quít hòn Dinh

Nhớ Tăng tổng trấn hết tình vì dân.

VỀ LOÀI CHIM

Về loài chim
Lắng lặng mà nghe
Cái vè em kể
Từ nguồn chí bể
Bãi lách rừng sim
Chúa các loài chim
Vì tài vì đức
Ưa ăn trái trúc
Đậu cây ngô đồng
Xứng vợ đẹp chồng
Là đôi chim phượng
Mồi thơm chẳng tưởng
Ngàn mây thảnh thơi
Hưởng cao tuổi trời
Là con chim hạc
Mẹ già tuổi tác
Lòng con thương lo
Nuôi mẹ ấm no
Là chim quà quạ
Đầu xuân sang hạ
Hồn nước năm canh

Mờ bóng trăng thanh
Là con chim cuốc
Thương người lỡ bước
Núi tuyết chăn dân
Mang bức thư về
Là con chim nhạn
Bên sông Ngân Hán
Cảm vợ chồng ngâu
Ra công bắc cầu
Là chim ô thước
Eo sèo mặt nước
Bóng ngã đò đông
Gánh gạo đưa chồng
Là con cò trắng
Chiều chiều bay cao
Nhớ cảnh anh hào
Là con chim én
Vì lời bạn hẹn
Đêm nhớ ngày thương
Ngàn mây kêu sương
Là con chim vạc
Ăn no tắm mát

Đậu cành mẫu đơn
Sợ lòng bạn hờn
Oanh vàng thỏ thẻ
Mấy lời em kể
Chưa hết nguồn cơn
Bạn ơi chớ hờn
Núi rừng rộng quá.

VỀ TRĂM CÁ

Giữa lòng biển cả
Muôn cá ngàn khơi
Cá lớn tuyệt vời
Là ông Nam Hải
Thuyền qua bão lại
Gặp lúc khốn nguy
Ông lại tức thì
Cứu ngay ngư phủ
Có con làm chủ
Một vùng biển khơi
Phun nước ngời ngời
Là cá nhà táng
Sống nơi đảo rạng

Tàn ác hung thần
Là tên cá mập
Cá yêu người nhất
Là con cá heo
Thấy thuyền cá theo
Là cô cá nược
Lội xuôi lội ngược
Là con cá ngừ
Đầu cổ bù xù
Mực ma, bạch tuộc
Luôn luôn đi trước
Là cánh cá chim
Miệng há gọng kìm
Là con cá hổ
Chẳng sợ búa bổ
Ấy giống cá chai
Đầu giống như nai
Là con cá ngựa
Mềm nhũn là sứa
Lơ lửng khắp nơi
Lội nước có ngời
Là con cá vượt
Phóng bay trên nước

Là con cá chuồn
Thân dài lội suông
Là con cá lạc
Cuộc sống đạm bạc
Là em cá phai
Nằm đất dài dài
Là con cá liệt
Chém tài như xiếc
Là con cá đao
Kiệt sức lội ào
Là con cá đuối
Đỏ như uống rượu
Cá đỏ cá hồng
Ở biển ở sông
Là con cá mú
Con gì tên thú
Cá mó lưỡi mèo
Gặp nó ắt nghèo
Là con cá nạn
Phình to lên cạn
Cá nóc chính tông
Vác dáo chạy rông
Là con cá rựa

Chẳng trâu chẳng ngựa
Chính hiệu cá bò
Mang tên nước to
Là con cá úc
Đón đằng mò xúc
Còn gặp tôm hùm
Thụn ngắn càng chân
Là cua Huỳnh đế
Nổm lên gió bể
Là có cá thu
Tên gọi lù đù
Mà nhanh như chớp
Cá có nọc độc
Con đẻn võ rồi
Ăn vô chầu trời
Ấy loài rắn biển
Cá màu làm kiểng
Cá mú cá ong
Thân dẹp có vòng
Là con cá đĩa
Chẳng ngọt như mía
Sao gọi bánh đường
Chia trải bốn phương

Là con cá trích
Rẻ ngon ăn thích
Là cá ồ ồ
Mắt lớn ngây ngô
Là con trao tráo
Còn anh cá ngáo
Miệng há to rầm
Cái đầu chầm dầm
Là con cá đục
Từng bầy nhung nhúc
Là đám cá cơm
Chẳng nói om sòm
Sao tên cá đồng
Đi khơi đi lộng
Là được cá mòi
Vảy bạc ánh ngời
Cá ngân chính thống
Chẳng kèn chẳng trống
Sao gọi cá cờ
Lẩn quẩn quanh bờ
Là lũ cá chốt
Tên gọi thật tốt
Là đám cá sơn

Loang loáng mình tròn
Là con bạc má
Cá biển nhiều quá
Nên trở lại sông
Cá mú, cá hồng
Ngon ngon thơm béo
Sắc màu đẹp khéo
Cá mó một dòng
Vùi cát dưới sông
Là bà cá móm
Gặp mồi là tóm
Cá bống cá trê
Lội lượn phỡn phè
Sao tên cá lốc
Miếng ngon dầm mắm
Là con cá rô
Mắt đỏ hoe hoe
Ấy chị cá diếc
Ra đi biền biệt
Thác lác vẫn còn
Luôn trở về nguồn
Ấy loài cá chép
Thành rồng hóa phép

Thành ngựa táo quân

Có sọc có vằn

Là anh cá sặc

Đẹp màu vảy bạc

Cá đuổi một đàn

Rượt chạy lang thang

Là bầy cá ngựa

Nói ào nói phứa

Chưa đủ trăm con

Lời hẹn chưa tròn

Ngày mai kể tiếp.

+ Tơ lụa:

Câu này được ghi trong *Đại Nam thực lục tiền biên*:

Năm chục quan tiền

Xoay vòng trái bưởi

Con heo bỏ cũi khiêng đi

Tấm lụa An Thái em bận chơi cho mát

Lụa Kiến Hàng em bận lót mồ hôi

Nón phủ Trung anh chạy đổi mồi

Gấm nước mặn chạy hoa bông cúc

Tiền thời cho chẵn một trăm

Bạc thời năm nén, vàng ròng mười đôi

Lụa năm bảy gọn anh ơi

Nhiễu thêm một gọn thì tôi mới về.

Câu ca dao trên đã nói lên những đặc sản từng vùng như lụa An Thái, Kiến Hàng; gấm Nước Mặn, v.v... Đó là những vật phẩm tương lệ cưới hay thách cưới chăng?

+ Măng le:

Là đặc sản của vùng Tây Sơn - Hàng năm người vùng cao thường đem măng le xuống bán ở vùng đồng bằng và mua cá mắm về núi.

Ai về nhắn với nậu nguồn

Măng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên

Măng le nấu với thịt gà

Vừa ngon vừa bổ để cha mẹ dùng

Phần con rau mắm ung dung

Cũng đủ no lòng, chữ hiếu còn ghi.

+ Đặc sản:

Ai đi Tam Tượng hái chè

Bỏ cây ớt chín sau hè chim ăn

Phải chăng Tam Tượng là đất chè - Trà Tam Tượng một thời nổi tiếng khiến người địa phương rủ nhau đi hái chè. Chè ngon khiến giá lên cao - họ quên cả vườn tược, khiến cây ớt, cây bầu bị lãng quên đến nỗi chim đến ăn!

+ Cây dó:

Ở Bình Định có loại cây dó, vỏ bên ngoài dùng làm giấy, phần lõi cứng và rất thơm. Người Bình Định dùng lõi dó để chữa bệnh. Thứ gỗ lõi cứng này gọi là trầm hương, thứ quý gọi là kỳ nam. Vì vậy nhiều người lên rừng Bình Định Tây Nguyên tìm trầm.

Cất công ngậm ngải tìm trầm

Trầm đâu chẳng thấy thấy bầm tấm thân.

+ Củi lửa:

Kim Giao và Lộ Giao là 2 vùng trù phú, nhiều cây cối dùng làm củi để đốt và nấu nướng.

Non xanh nước biếc đẹp ghê

Muốn cần củi nước ta về Lộ Giao.

Bình Định có nhiều làng nghề. Mỗi vùng có một sản phẩm riêng khá nhiều mà lại rẻ. Vùng An Nhơn, Tuy Phước là vùng lúa, Phù Mỹ, Phù Cát là vùng nhiều khoai sắn. Vùng Hoài Nhơn, Tam Quan là xứ dừa. Mỗi vùng một vẻ, bài bắt đầu:

Từ cảng Hoài Nhơn

Bồng Sơn phía Bắc

Làng dừa xanh ngắt

Cơm trắng nấu dừa

An Lão trồng dâu

Nhuộm màu lụa đũi

Nghề muối Đề Gi

Củ mì Phù Cát

Chiếu lác vùng chua

Nước dừa Tam Quan

Củ lang Đồng Phó

Đỗ phộng Hà Nhung

Nghề đồng Đập Đá

Nghề cá Hưng Xương

Nấu đường Nhơn Phúc

Nghề đúc Bá Canh

Nghề dệt Phương Danh

Nón lá An Hành

Hà Ra củ gấu

Trồng đậu Đa tài

Trồng mai háo đức

An Thái lụa vàng

Cảnh Hàng bán kén

Đồ gốm Gò Chăm

Bột sam Nước Mặn

Nón trắng Gò Găng

Phú Gia nón ngựa

Dệt lụa Háo Lễ

Roi mủa Thuận Truyền

Đóng thuyền xóm Tấn

Có nghề làm phấn

Trường Úc nung vôi

Tôm cá Gò Bồi

Lạc hòa làng Mã

Xiếc giã lưới cào

Làm sao kể hết

Chuyện nghiệp chuyện nghề

Lời xưa còn nhắc

Trâu ruộng bề bề

Không bằng nghề trong tay.

Phải chăng chuyện nghề nghiệp ngày xưa đã chú trọng phát triển - đã có ý thức phải có nghề mới mong đời sống được sung túc hơn.

Bài vè do các bạn bài chòi sáng tác được biểu diễn khắp nơi trong tỉnh mà dân gian vẫn nhớ và thuộc.

MÓN ĂN UỐNG

Bình Định có những món ăn nổi tiếng mang tính địa phương như nem chợ Huyện - chợ Huyện gần huyện đường Tuy Phước ngày xưa - dấu tích còn lại bên cạnh là cửa Lý

Môn. Ngày ngày kẻ lui người tới huyện đường vì việc công việc tư nên từ đó các quán hàng ăn cũng mọc theo. Nem chợ Huyện nổi tiếng từ đó.

Ai về Vĩnh Thạnh quê em

Ăn nem chợ Huyện xem đêm hát tuồng.

Có lẽ đó là chuyện giải trí ngày xưa, đơn giản mà thú vị. Thật là thoải mái sau khi xem hát bội lại được thưởng thức món nem chua ở đây. Ngày nay nem chợ Huyện vẫn còn nổi tiếng, dọc theo quốc lộ 1 và 19 thuộc xã Phước Lộc nhan nhản những quán nem và thương hiệu là nem chợ Huyện.

- *Rượu Bầu Đá*: Rượu Bầu Đá có lẽ có từ thời Tây Sơn, cái thời mà võ nghệ được nâng cao. Rượu được bán khắp vùng hạ đạo.

Ngày xưa chợ rượu tiếng đồn

Rượu như nước uống, đất Tây Sơn anh hùng.

Vào thập kỷ 60 thế kỷ 20 rượu Bầu Đá được sống lại một thời khá huy hoàng. Các tỉnh miền Nam ra Bình Định mua cho được rượu này và những bữa tiệc rượu được tổ chức.

Rượu Bầu Đá nhấm với mực khô

Có xuống âm phủ cũng đội mồ mà lên

Phải chăng câu này phát ra từ các "bợm nhậu". Rượu Bầu Đá còn được gọi là thứ rượu "uống đến đâu biết đến đó". Cái ngon của rượu Bầu Đá là ở chỗ - Rượu không đắng, chỉ có vị

cay và ngọt, nồng độ tuy cao nhưng khi say rượu Bầu Đá thì người không mệt, không nhức đầu. Hoặc:

Rượu Bầu Đá nhấm với cá liệt chỉ vàng

Còn hơn giàu kẹo, không màng đâu em.

Cá liệt chỉ vàng là loại cá tuy không lớn nhưng rất ngon. Loại này có khá nhiều ở Bình Định, nhiều nhất là vùng đầm Thị Nại, khô liệt là món đưa cay tuyệt diệu.

Lòng cá chẻm: cá chẻm cũng có khá nhiều ở các vùng sông nước Bình Định như Tam Quan, Đề Gi và Thị Nại Quy Nhơn. Cá chẻm khá lớn, trọng lượng đến 10kg. Cá ăn tôm cá còn sống nên cá rất mạnh. Cá chẻm ngon nhất là bộ lòng, nhất là bao tử. Lòng cá chẻm cũng là món đưa cay đặc biệt.

Sống không ăn lòng cá chẻm tươi

Xuôi tay ngẫm lại vị đời đủ chưa?

Chình thâm Trà Ổ là loại chình thân dài như lươn nhưng khá lớn. Chình có 2 loại - chình thâm (hay chình mun) và chình bông - cả hai đều quý về sự béo bổ của nó. Chình bổ nhất là cái nhớt trên thân. Vì vậy trong những cỗ tiệc, người Bình Định thường cố gắng tìm cho được loại thực phẩm này.

Ăn tiệc ăn cỗ

Chình thâm Trà Ổ

Béo bổ thơm lành

Vừa lịch vừa thanh

Đừng quên Trà Ổ

Hay:

Một khoanh chình thâm Trà Ổ

Mười thang thuốc bổ không bằng.

Chình thâm không quý phần thịt mà quý nơi chất nhớt bên ngoài nên có câu:

Thịt mỡ vừa béo vừa thanh

So cái nhớt chình, béo bở thua xa.

+ Bánh ít lá gai:

Bánh ít được chế biến từ bột nếp quết nhuyễn với lá gai, bên trong có nhân đậu, thường là đậu xanh. Bánh khá ngon và phổ biến ở Bình Định.

Sở dĩ được gọi là bánh ít vì được bắt nguồn từ câu chuyện sau: Một nông dân vào một quán bên đường hỏi mua mấy chiếc bánh đem về cho cha già. Anh giải thích, bánh vừa ngon, lại vừa mềm, dễ tiêu nên rất thích hợp cho người cao tuổi. Bà chủ quán cũng già nên khen nức nở, bảo rằng anh là người hiếu thảo, thật ít người mua bánh này với tấm lòng như vậy. Từ đó gọi là bánh ít.

Bánh này mua để cho cha

Vừa mềm vừa ngọt người già thích ăn.

Cũng từ đó mà bánh ít trở nên phổ biến.

Một chàng trai Bình Định ra Huế học, chàng đem tặng nàng mấy cái bánh ít. Bánh ngon tuy muốn ăn nhưng ngại rằng sau khi nhận quà có thể chuyện gì xảy ra, hay cũng nhân chuyện này cô gái muốn ỡm ờ bày tỏ tình mình chăng:

Muốn ăn bánh ít lá gai

Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.

Không biết cô có sợ đường dài không. Chỉ biết sau một thời gian cô về làm dâu ở đất Bình Định. Tuy nhiên nhiều địa phương cũng nhận rằng bánh ít lá gai là của xứ mình?

+ Chả cuốn Gò Bồi:

Chả cuốn Gò Bồi tương tự như nem cuốn ở các địa phương khác. Điều đặc biệt là chả được chế biến từ tôm đầm Thị Nại. Chả được làm thành gắp như bánh pháo. Có lẽ chỉ có ở Gò Bồi - Bình Định. Chả có vị ngon đặc biệt không giống một loại chả nào ở các địa phương khác. Người Gò Bồi thích ăn đến nghiện.

Chả Gò Bồi vừa ngọt vừa thơm

Vừa ngon vừa bổ thay cơm cũng vừa.

Hoặc:

Lấy chồng xa nhớ cha nhớ má

Nhớ chả Gò Bồi nhớ quá nên em mãi về thăm.

+ Cá:

Sông Côn cá chép mép son

Lại Giang cá bống trắng non vóc ngà

Thật vậy, hai sông có hai nguồn phát nguyên khác nhau nên mỗi sông có một đặc sản.

Xuôi về đông ta còn thấy nhiều đặc sản:

Nón ngựa Gò Găng

Bún song thằn An Thái

Lụa đậu tư An Ngãi

Xoài tượng Hưng Long

Mặc ai tham táo thích hồng

Làng quê vẫn giữ một lòng trước sau

Đáng lưu ý nhất là bún *song thằn* - một đặc sản khá đặc biệt, vì lẽ đó bún *song thằn* chỉ có ở phía hữu ngạn sông Côn và chỉ một vùng này làm được bún ngon mà thôi. Bên kia sông tuy vẫn làm được nhưng không ngon - phải chăng là do chất hòa tan trong nước?

+ *Trà cam khổ:*

Trà cam khổ

Vùng mộ tổ Trần gia

Nơi làng Vạn Hội

Hương nồng gió thổi

Vị ngọt tung hầu

Uống vào hết đau (sầu)

Hằng năm đem cống

Loại trà này mọc tự nhiên ở vùng Vạn Hội, nơi ấy có mộ tổ Trần gia. Trà khá đặc biệt, mới uống vào thấy đắng đắng nhưng dư vị còn lại trong hầu ngon ngót và thơm.

Trà này dân ít được dùng, chỉ để dâng vua nên triều đình đưa người đến canh giữ. Một năm hai kỳ vào tháng 3 và tháng 9 Âm lịch. Một năm nọ, khi ở trên núi kéo xuống ăn phá nên cả hai vụ chè không có chè để tiến vua. Người giữ trà bị tội tử hình. Vì vậy mà còn có tên là cam khổ.

Một cách giải thích mang tính dân gian hơn là lúc mới uống thì đắng (khổ) nhưng uống xong lại thấy ngọt ở hầu (cam).

+ Chà viên:

Mỗi địa phương thường có một loại cây trái đặc biệt. Nếu:

Quảng Nam nổi tiếng bòn hon

Chà viên Bình Định vừa ngon vừa lành

Chín muồi da vẫn tươi xanh

Mùi thơm cơm nếp vị thanh đường phèn

Người địa phương thường bảo rằng: cây chà viên vừa cao lại vừa có gai rất khó hái, nên đến mùa trái thì người ta chặt hết cành, nhặt trái, vì vậy ba năm sau chà viên mới có trái trở lại (?).

+ Chà là:

Cũng là đặc sản ở vùng hòn Chà Rang. Một hòn núi đất. Chà là mọc rất nhiều. Chà là Bình Định nhỏ hột nhưng thơm ngon. Tới mùa người quanh vùng (Phù Cát) đi giũ chà là, gọi là giũ vì lá chà là đã hóa gai nên không hái được, người hái chỉ hứng nón thúng, rồi rung cây cho hạt chà là rơi xuống.

Tu hú kêu chà là chín

Tu hú nín chà là già

Hạt đen người giữ hạt đà chim ăn.

Hoặc:

Chà là đen nhánh trái ngon

Đồng xanh lũ lượt lên hòn Chà Rang

Chung vui tu hú rộn ràng

Chút tình đất nước nặng càng sanh hương.

+ Bún song thằn:

Bún có nhiều tên tương tự, tuy nhiên mỗi chữ mỗi khác nghĩa. Bún này còn có tên là song thằn (hai dây). Sông thần lại có nghĩa nhờ nước có thần phù hộ nên bún chỉ làm tốt, ngon được tại một vùng của bên này sông, bên kia dù có cách chế biến tương tự cũng không ngon bằng.

Nước trong thì bún mới trong

Tình anh bạc bẽo vì lòng anh đen.

Ngoài ra còn có câu:

Song thằn vừa bổ vừa ngon

Vừa thơm vừa dẻo vừa giòn đó em.

Hay:

Dây tình trói buộc đôi ta

Dây bún đậm đà trói kẻ xa quê

Nhớ em anh trở lộn về

Song thằn bún quý chẳng nề công lao.

+ Cá chép sông Côn:

Cá thoạt trông bên ngoài thì giống nhau nhưng quan sát kỹ và nhất là được thưởng thức thì cá chép sông Côn có những đặc biệt:

Sông Côn cá chép mép son

Món gỏi cá chép vừa ngon vừa bùi.

Hoặc:

Cù giang chiếu lá trôi vàng

Tưởng bầy cá chép mép son sững sờ.

+ Dừa Tam Quan:

Dừa là đặc sản của vùng Hoài Ân, Hoài Nhơn, dừa là nguồn lợi, vẻ đẹp và là tự hào của vùng Bồng Sơn nên có câu:

Hạt tiêu An Lão, nước dừa Tam Quan.

Dừa bạt ngàn đến độ:

Công đâu công uổng công thừa

Công đâu xách nước tưới dừa Tam Quan.

Dừa làm mát đất và cả khí hậu khiến người con gái ở đây không cần đánh phấn vì:

Ngọn dừa xanh rây bóng nắng

Gái Tam Quan da trắng tóc dài.

Sau đây là câu đố và là bài toán về dừa, các bạn đoán thử:

Bán dừa một chục mười hai

Kẻ ép người nài một chục mười lăm

Công mua, công hái, công trồng

Bán đi một chục lợi năm mươi đồng

Anh khoe anh giỏi anh giang

Tính giùm vốn lái đổ đồng bao nhiêu?

Lệ bán dừa thật lạ và buồn cười vì dừa thì bán giá theo mười trái, sau đó người mua dừa lái kì kèo thành một chục là 12 trái, nhiều khi đến 15 trái.

+ Cá bống Lại Giang:

Lại Giang có nhiều cá nhất là cá bống - cá trắng, mập nõn nà như búp măng. Thịt cá ngon nên có câu:

Cá bống cát Lại Giang

Cá chép son sông Côn.

Cá bống ngon có tiếng nên ngoài thuế đinh thuế điền, người dân Bình Giang ở đây còn phải nạp một số cá ngon, lựa những con đặc biệt đem ra Huế dâng vua.

+ Cá biển: (xem bài *Vè trăm cá*)

Cá khá nhiều ở biển Bình Định. Trong đó có loài cá nục rất ngon dùng để làm nước mắm. Nước mắm cá nục rất ngon nên các chị bán cá bảo:

Cá nục gai bằng hai cá nục Vọng

Vợ chồng nghĩa trọng

Nhơn ngãi tình thâm

Xa nhau muôn dặm cùng tầm

Gặp nhau hớn hở tay cầm lời trao.

Ngoài cá nục còn có cá cơm:

Làm mắm mà được cá cơm

Vừa ngon vừa dịu, vừa thơm đậm đà.

+ Cây trái:

Thị: Cây thị tuy không cao lớn nhưng gỗ rất cứng - Người Bình Định ngày xưa dùng thị làm đồ chọc lỗ, đào đất. Trái màu vàng, rất thơm:

Ngó vô vườn thị thơm thanh

Thị thơm mặc thị lòng thành thì thôi.

Thị ngon và quyến rũ nhưng người sành ăn cho rằng thị rừng là loại trái quý để tặng bạn thân:

Miếng ngon tứ xứ đã dùng

Nhưng còn mấy trái thị rừng chưa ăn.

Thật vậy ở vùng Phù Cát - Bình Định trên núi có loại thị rừng trái nhỏ nhưng rất thơm ngon.

VIỆC HỌC HÀNH - THI CỬ

Trường Thi: Ngày xưa Bình Định có Trường Thi nên việc học hành thi cử được quý trọng và yêu chuộng. Cứ ba năm lại

có một kỳ thi được tổ chức phía Tây thành Bình Định. Cảnh dập dìu sĩ tử vào những ngày thi còn ấn tượng mãi:

Sông Côn có nhánh Trường Thi

Dưới sông cá lội sĩ tử đi dập dờn

Chõng lều cố vượt vũ môn

Bấy nhiêu tiến sĩ cử nhơn tú tài.

Sau kỳ thi người đậu thì hân hoan vui mừng khôn xiết, đáng mừng hơn, họ còn chú trọng đến vị trí trên bảng vàng, nhất là thủ khoa. Người nào đậu thủ khoa thì tiếng tăm lừng lẫy. Có khi địa phương này được, có khi địa phương khác được. Hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định là đối tượng tranh nhau. Từ cái thế kèn cựa ấy mà thành ca dao:

Tiếc công Bình Định xây thành

Để cho Quảng Ngãi vô giành thủ khoa.

Câu ca dao trên như một lời vừa tự hào vừa khiêu khích khiến sĩ tử Bình Định lại càng cố gắng hơn:

Tiếc công Quảng Ngãi đường xa

Để cho Bình Định thủ khoa ba lần.

Chuyện nơi trường thi khá nhiều nhưng người ta chú trọng đến kết quả. Có những năm có một gia đình có đến hai ba người thi đậu cả tú tài lẫn cử nhân cùng một khoa. Trong lúc ấy thì tỉnh Khánh Hòa chỉ đậu có một người nên ở vùng Quy Nhơn có câu:

Cả tỉnh Khánh Hòa không bằng nhà họ Mai.

Câu này cũng được phổ biến ở vùng Lộc Thuận, xã Nhơn Hạnh.

Cả tỉnh Khánh Hòa không bằng nhà Tú Xáng.

Câu ca dao phổ biến khắp vùng là rạng danh cho cả họ tộc hay một gia đình nên họ tranh nhau cũng là lẽ thường. Cũng có thể đó là 2 sự việc giống nhau nên chỉ cần sửa vài chữ trong câu là thành của mình!

Những người đậu ở trường thi Bình Định nhiều năm còn phải ra Huế - kinh đô thời Nguyễn để thi "trường ba" lấy Tiến sĩ. Huế là nơi đô hội, có nhiều gái đẹp và đối tượng của họ là những vị đại đăng khoa. Tuy nhiên những hình ảnh ấy còn lưu lại trong ký ức học sinh Bình Định.

Học trò Bình Định ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành

Một mai công toại danh thành

Đi trước (có) ngựa anh, đi sau võng nàng.

PHONG TỤC TẬP QUÁN

Tục thờ cá Ông - Tập tục thờ cá voi chỉ có từ Thừa Thiên đi vào phía Nam mà vùng đất này ngày xưa người Chiêm ở rất đông. Cuộc di dân vào Nam hình thành, những cuộc hôn nhân Việt - Chăm, Chăm - Việt cũng tạo nên những ảnh hưởng mới trong đó có nghề biển, và từ lòng sùng kính biển cả đã tạo nên

tập tục thờ cá Ông. Từ đó những kinh nghiệm đi biển cũng hình thành:

Ra khơi mà không thấy vọi ông

Giương buồm ta cứ yên lòng mà đi.

Một vài kinh nghiệm trên biển cả cũng xác minh rằng thuyền đã đi đến đâu, xa hay gần:

Thấy én bén bờ, được cá cờ xa bãi.

Những kinh nghiệm xưa này cũng được xác minh. Ngư dân Bình Định đi biển xa, khi trở về mà thấy núi Chóp Vung, núi Bà là họ đã yên lòng:

Thuyền về mà thấy hòn Bà

Quê hương ta đó, chẳng xa mà gần.

Tục nhuộm răng ăn trầu: Tục ăn trầu có từ Bắc chí Nam nhưng Bình Định lại có tục ăn thêm rễ cây:

Ăn trầu thì phải có vôi

Còn thêm chút rễ cho môi thêm hồng.

Để tóc: Trẻ gái ở Bình Định lúc còn bé thường để một túm tóc trên đỉnh đầu, xung quanh thì cạo sạch. Người ta gọi là tóc ổ gà.

Con đi tóc chởm ổ gà

Bây giờ tóc bới, úi cha là mừng

Hoặc:

Anh đi em tóc ổ gà

Khi về nẫu đã hóa ra gái lành

Cha chả là xinh

Nón che e lệ, cười tình cười duyên.

+ Ăn mặc:

Trong lao động, quần áo luôn gọn gàng, mặc dù người con gái ngày xưa luôn mặc quần dài:

"Quần xăn bó gối ruộng phèn (cũng) không sao".

Khi đi học, đi đây đi đó thì cách ăn mặc có phần đẹp đẽ hơn:

Ai đi bờ đỗ một mình

Cha chả là xinh

Áo nhuộm màu đinh

Quần thao cánh kiên

Tay vòng bộng giếng

Lại có xuyến vàng

Bít khăn màu ngái

Khi lên chùa thì ăn mặc nghiêm chỉnh hơn:

Làm lụng vắt áo cánh sen

Quần là áo lượt (để) đi lên trên chùa.

Yếm là chiếc áo che ngực của đàn bà ngày xưa. Nó là vật dụng thân thiết nhất nhưng khi đã yêu thì dù cho của quý đến đâu họ cũng tặng nhau được. Vì vậy:

Tình em chỉ có một đàng

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.

Tuy nhiên khi cuộc tình đã dang dở thì:

Bông cúc vàng nở bên bông cúc tím

Em có chồng rồi trả yếm lại anh.

Gặp hoàn cảnh ấy, người con gái phải thanh minh:

Bông cúc vàng nở bên bông cúc xanh

Yếm em, em mặc, yếm gì anh, anh đòi.

Nhiều khi có những chàng trai si tình, vẫn đeo đuổi người mình thương, nên các cô cũng thẳng thắn:

Khăn đen, áo đen đi đâu hớn hở

Em có chồng rồi bỡ ngỡ xấu chưa.

Hoặc:

Áo đen đi đâu hơn hở

Người ta có chồng rồi, sao chẳng mắc cỡ theo hoài.

Chiếc yếm là trang phục phụ nữ thì tà áo dài với tà áo, chéo áo lại là hình ảnh của thư sinh:

Ai đi bóng đổ một mình

Phất phơ chéo áo giống hình trò ba

Trò ba đi học trường xa

Cơm canh ai nấu cửa nhà ai coi.

Hay:

Xũng xình áo lụa mới may

Hôm qua mới bận bữa nay mất rồi.

Khi lao động thì tà áo dài được vắt chéo như cánh hoa sen:

Tà dài vắt cánh hoa sen

Vừa xinh vừa gọn vừa quen mắt chàng

Trên đồng cấy dưới đường quan

Trước sau ngắn gọn thênh thang việc đồng.

+ Việc cư trú:

Người Bình Định phân biệt người chánh quán và kẻ ngụ cư. Người ngụ cư bao giờ cũng thiệt thòi hơn người chánh cư.

Con vua thì ở đất vua

Ra đi một bước phải mua đất làng

Đò dọc phải nể đò ngang

Ngụ cư phải sợ dân làng chánh cư.

Hoặc:

Chánh cư thì cấp ruộng màu

Ngụ cư chẳng ruộng, thuế xâu nạp làng

Chiếu vuông thì để cho quan

Ngụ cư vác bổi, hai hàng mồ hôi.

Hiếu thảo người Bình Định cũng như mọi người của nhiều miền đất nước. Họ rất coi trọng chữ hiếu nhất là đối với mẹ:

Mẹ già như chuối chín cây

Gió đưa mẹ rụng con rày mồ côi

Mồ côi tội lắm ở trời

Đói cơm ai đỡ lỡ lời ai binh (bênh vực).

Hay:

Đói lòng ăn trái chà là

Nhịn cơm nuôi mẹ, mẹ già khó ăn.

Đây là những câu phổ biến nhất được các bà các chị hát ru em - hầu như người Bình Định đều thuộc câu này - có thể câu này là ca dao chung của đất nước.

+ Lễ hội:

Lễ hội chùa Bà - vào ngày tám tháng ba hàng năm ở Nước Mặn có hội chùa Bà. Người trẩy hội rất đông - chùa thờ Thiên Hậu thánh mẫu. Người đi lễ chùa cầu phúc cầu con làm ăn phát đạt và nhất là cầu về đường tình duyên được suôn sẻ:

Bậu ơi vào cuối tháng ba

Lễ hội chùa Bà cầu phúc cầu duyên.

Người gần xa khắp mọi miền

Gái trai đến đó ước nguyền lứa đôi.

Lễ hội cầu ngư - lễ cầu ngư từ Huế vào Nam nhưng ở Bình Định lễ cầu ngư được tổ chức khá long trọng:

Tháng hai mười tám vía ông

Gió yên, biển lặng biển đông lắm thuyền.

Đại vương Nam Hải tôn thần

Ngư dân mong được gia ân độ trì

Thuyền đầy ắp cá mấy khi

Bán buôn đắt lợi "ông" thì giúp cho.

Cá voi được ngư dân gọi là "ông" để tỏ lòng tôn kính - ngư dân tin rằng cá voi cứu giúp ghe thuyền trong cơn gió bão - thuyền trên biển gặp sóng to gió lớn thắp hương khấn vái lấy chèo gõ vào mạn thuyền gọi ông đến cứu giúp.

Lễ hội Tây Sơn:

Mồng năm dự hội Tây Sơn

Người người lũ lượt muôn phương tìm về

Xem đấu võ, hội hát hò

Xem trống trận, xem Hầm Hô nước tràn

(Xem phần lịch sử nhà Tây Sơn)

Hội Đỗ Giàn:

Rủ nhau đi hội Đỗ Giàn

Kiếm chút vải vàng may phải cho con

Lộc bà quí giá vàng son

Trừ tà, ma, quỉ lại còn yên thân.

Lễ Đỗ Giàn thường tổ chức ở các chùa vào những ngày đại lễ - ngày Vía Bà - Người Bình Định tin rằng vật phẩm trong lễ Đỗ Giàn là lộc của bà, nhất là được vải từ lá Phướn đem về may

phái (phái là cái túi nhỏ trong đó có một ít thuốc bùa) đeo cho trẻ em - trẻ em mạnh khỏe không bị ma quỉ ám hại.

Hội Đỗ Giàn có một thời gian bị mai một, những năm gần đây hội được phục hồi lại ở An Thái, xã Nhơn Phúc.

NGHỆ THUẬT DIỄN XƯỚNG DÂN GIAN

+ Hát bội:

Hát bội là một môn nghệ thuật phong phú - diễn những tuồng tích cổ xưa. Mặc dù nhiều câu hát mang tính văn chương bác học, câu nhiều chữ Hán khó hiểu - tuy nhiên dân gian vẫn ưu chuộng đến say mê. Sở dĩ hát bội được dân chúng Bình Định say mê là nhờ ở tuồng tích hợp với tấm lòng công bình của người xưa - hát bội luôn có một kết cuộc có hậu "Kẻ gian luôn bị trừng phạt đích đáng" - Một điều đáng chú ý nữa là hát bội mang tính ước lệ định sẵn, thêm vào đó là những câu nói lối luôn dễ hiểu. Vì những lẽ trên, hát bội được người Bình Định yêu chuộng.

Tai nghe trống chiến trống chầu

Xếp ba miếng kẹo lộn đầu lộn đuôi.

Xếp lộn vì vội vã, họ muốn làm việc thật nhanh để đủ thì giờ đi xem hát - vả lại những dịp có hát rất hiếm và trở thành quí - ngày xưa đào kép hát bội được gọi là "xướng ca vô loại" - Nên giới giàu có ít làm nghề này - tuy vậy trong dân gian lại ưa chuộng đến nỗi các cô gái phải thốt lên:

Mẹ ơi đừng đánh con đau

Để con theo hát làm đầu (đào) mẹ coi.

Mặc dầu bị ngăn cản, nhưng một khi đã quyết tâm theo nghề, dù cha mẹ có mắng họ cũng quyết theo hát cho bằng được - đến nỗi các bà mẹ phải nén giận:

Trồng trầu mà lộn dây tiêu

Con theo hát bội mẹ liều con hư.

Đó là lời nói của người lớn, còn đối với lớp trẻ thì:

Nghe trống chầu đâm đầu mà chạy

Nghe trống chiến không khiến cũng đi.

Nên trong gia đình thường xảy ra nhiều bất đồng - nhất là khi có hát, họ say mê đến nỗi quên cả việc gia đình, đến nỗi có người đã kêu lên:

Hát bội làm tội người ta

Đàn ông bỏ vợ, đàn bà bỏ con.

Hát bội làm tội người ta ư? Không! Hát bội là nghệ thuật diễn xuất, vì diễn xuất quá hay khiến nhiều người say mê, nhất là khi đứng trước vẻ đẹp. Cái tội là tự mình, tự khán giả chứ hát bội chẳng có tội gì cả. Ngày xưa việc đàn ông mê đào hát là chuyện thường tình và đôi khi còn là niềm hãnh diện nữa - cái thời mà chế độ năm thê bảy thiếp là điều được thừa nhận nên việc "vườn có thêm hoa" là điều hiển nhiên và người vợ nhà bị lơ đi là việc có thể xảy ra - còn đối với các bà các chị thì việc chăm sóc con cái bị lơ đễnh âu cũng là chuyện thường tình. Tuy vậy hát bội đối với dân chúng vẫn luôn hấp dẫn đến si mê - đó là cái chung. Nhiều khi họ còn mê từng đối tượng, từng vai diễn.

Chuyện kể rằng tuồng Lý Phụng Đình vốn là kho tuồng cổ nhưng khi được ông Nghè Trì (Nguyễn Trọng Trì) bổ túc và nhuận sắc lại thì vở tuồng trở nên hấp dẫn nên được nhiều nhóm hát trình diễn - nhất là khi có kép Nhưn Đông đóng vai thì vở diễn thêm phần độc đáo khiến các bà các chị say mê:

Đào Đông mà đóng (Lý) Phụng Đình

Dù chồng có đánh thì mình cũng đi.

Không biết cái hay của kép Nhưn Đông hấp dẫn đến thế nào mà xảy ra sự việc như vậy, nhưng điều hiển nhiên là ông Đông - một kép hát được quan tổng đốc Bình Định phong cho danh hiệu chánh ca. Từ đó tên chánh ca Đông được tiếng vang lừng lẫy - ông là kép hát gánh bầu Nhàn ở quê tôi - Kim Trì Tuy Phước - Bình Định.

Cùng vở tuồng này, lại xảy ra một chuyện tày đình - đó là chuyện một tiểu thư khuê các, con gái quan phu chánh Đại thần Nguyễn Thân vì quá si mê vai Lý Phụng Đình do một kép hát ở Quảng Ngãi đóng đến nỗi cha nàng đã giết người con của mình tại nơi đang diễn.

Ngoài ra còn nhiều đào kép nổi danh vì hát hay và tên tuổi họ cũng đi vào ca dao:

Kép hồng thứ nhất Hoàng Chinh

Đủ vai Long Trọng đào tình Thu An.

Mỗi đào kép đều có thế mạnh của mình qua từng vai độc đáo:

Đào Đức mà đóng Điêu Thuyền

Đào Siễn vai Lữ Bố

Dù cho mưa đổ

Đội nón đi xem.

Người Bình Định mê hát bội đến nỗi cha đánh mẹ rầy cũng lén đi xem - những câu trên đã phản ánh đúng và đầy đủ cái si mê đến kì lạ:

Giả trai thì có đào Liên

Đóng vai Lã Bố, hí Điêu Thuyền hết chê.

Bầu thơm vai xứng Tạ Ôn Đình

Dư Hoành - Lôi Nhược

(Dẫu cho khó tính như) chánh ca Ghình cũng khen.

Hoặc:

Đào Thu mà thủ đào Điên

Thức mấy đêm liền cũng ráng đi coi.

Đào Điên trong vai "con cơ giả dại qua ải". Tuồng này diễn đi diễn lại không biết bao lần mà khán giả không bao giờ nhàm chán.

+ *Bài chòi:*

Bài chòi là thể loại dân ca mà người Bình Định rất ưa thích - bài chòi thể hiện nhiều phương cách:

Thể hô hát bình thường không cần nhạc đệm.Thể hô hát theo tuồng tích.

Thể trò chơi như đánh bài chòi (phần này đã viết trong phần lễ hội ở Bình Định).

Rủ nhau đi đánh bài chòi

Mặc cho con khóc đến lòi rún ra

Rún ra thì mặc rún ra

Cũng chơi cho hết canh ba mới về.

Người Bình Định ca tụng bài chòi, mê hát bài chòi vì vậy nên cứ vài ba lần lại có một gánh hát tự biên tự diễn - tổ chức đơn giản mà hoạt động khá tích cực, tên thường gọi "ban bầu dắt". Tên đánh bài chòi đã thành danh từ chung. Bạn bầu dắt có mặt khắp Bình Định vì tính dễ dãi, ai mời cũng tới, tiền phí tổn lại rất ít nên có câu:

"Ban bầu dắt, xài bạc cắc (tiền lẻ nhỏ) hát lại hay, ai mời cũng tới". Người nghe bài chòi dù bỏ tiền ra vẫn không tiếc.

Bài chòi xem thế mà duyên

Thức khuya con chịu, tốn tiền mẹ ưng.

Vì vậy nên khi nghe tiếng trống phách bài chòi là người xem tề tựu rất đông:

Cắc rụp cắc - cắc rụp cắc

Rồi lại tùng tùng

Người tới rất đông

Chẳng cần mời gọi.

Có lẽ vì thế mà tên bạn bầu đất đã phổ biến thành danh từ chung để chỉ những gánh hát nhỏ của làng thôn. Mặc dù là gánh hát tự phát nhưng hầu hết họ đều là những nghệ sĩ đa năng - những bài vè, bài chòi được phổ biến rộng rãi đến nỗi rất nhiều người thuộc.

SẢN PHẨM THỦ CÔNG

+ *Nón ngựa:*

Lộc cộc lộc cạc

Thầy Chánh nón chụp bạc

Áo nhiễu Tam Giang. Cỡi ngựa qua làng

Con gái chạy te

Thầy Lý nón ngựa áo the,

Chẳng sợ ngựa đè mà sợ bóng quan.

Lộc cộc...

Nón ngựa là loại nón cao cấp dùng cho nhà giàu, nhất là Hương Lý, vì vậy nón ngựa còn là dấu ấn của trẻ em - bài đồng dao trên đã phản ánh về hình ảnh của nón ngựa.

Ngoài nón ngựa, Bình Định còn sản xuất nón Gò Găng - Gò Găng là địa phương thuộc huyện Phù Cát nơi sản xuất nón nhiều nhất.

+ *Nón Gò Găng:*

Nón Gò Găng vừa thanh vừa rẻ

Từ già đến trẻ ai đội cũng xinh.

Nón Gò Găng vừa tiêu biểu cho cách ăn mặc người con gái Bình Định:

Xinh xinh là nón Gò Găng

Vừa tròn vừa trắng ai bằng em tôi

Nón là đặc sản của Bình Định và chợ Gò Găng ngày xưa chỉ bán một mặt hàng nón mà thôi:

Chợ Gò Găng năm buổi một phiên

Bán toàn nón lá rẻ tiền mà xinh.

VÕ BÌNH ĐỊNH

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.

Võ Bình Định không những được phổ biến ở nam giới mà còn được nhiều người phụ nữ yêu chuộng - những nữ võ sĩ nổi tiếng như Tám Cảng và vợ Ba Chăm đã một thời vang bóng khiến giới mày râu phải nể mặt. Nhất là gái ở An Vinh - Điều đặc biệt là họ rất tâm đắc với trai An Thái - gái An Vinh nên có câu:

Trai An Thái, gái An Vinh.

Trai An Thái giỏi võ nhất là đi quyền - quyền tức là võ, mà không dùng đến các loại vũ khí:

Roi Thuân truyền - quyền An Thái

Võ Bình Định có đến 16 bộ môn - võ được phổ biến khắp nơi nhưng học võ chỉ để phòng thân. Vì vậy người học võ luôn tâm niệm:

Học võ để phòng thân

Khi cần hộ vệ

Học võ học thể

Không phải đánh người

Vì lẽ "cao nhân ắt hữu cao nhân trị".

KIẾN TRÚC CỔ

THÁP

Ở Bình Định còn tám cụm tháp - theo quốc lộ I, đi từ Bắc vào Nam trước tiên ta gặp: Tháp Phốc Lốc - Người Pháp gọi là Tourd'or "tháp vàng" - tháp đứng trên ngọn thổ sơn tròn trịa, thưa cây cối, thuộc xã Nhơn Thành - An Nhơn nên người đến viếng có câu:

Lên thăm hòn Phốc Lốc

Non không cao mà dốc

Nghĩ thương dân tộc Chiêm

Gặp cơn bể nổi dâu chìm

Đã không tài vá khuyết lại không chim lấp thù

Tháp đành ôm hận ngàn thu

Nấu nung vàng đá, mịt mù khói mây.

Hay:

Tháp neo đơn độc một vùng

Mấy ai còn nhớ anh hùng ngày xưa.

Thật vậy, tháp trông đìu hiu quạnh quẽ khiến cảnh thật buồn.

Hoặc:

Đồ Bàn còn núi, còn sông

Còn tiên kết cánh, còn rồng tuôn mây.

+ Tháp Cánh Tiên:

Tên chữ là Tiên Dực - người Pháp gọi là Tour de cuivre (tháp thau), tháp khá đẹp nhưng trải bao thời gian mưa nắng nên hư hại nhiều. Tháp nằm trên dãy Long Cốt gần thành Đồ Bàn.

Thành xưa dấu cũ còn thiêng

Dãi dầu mưa nắng cánh tiên vẫn còn.

Tháp đứng gần nơi thành Đồ Bàn cũ, chứng kiến nhiều cuộc chiến bể dâu giữa Tây Sơn và Gia Long - nơi đây là nơi tuẫn tiết hai trung thần của Gia Long là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu. Vì thế trong dân gian có câu:

Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên

Cảm thương ông Hậu thủ thiền ba năm.

+ Tháp Tri Thiện:

Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì sở dĩ có tên trên là vì dưới chân núi có tháp này, có một cái quán mà chủ quán có tên Tri Thiện - tháp thuộc huyện Tuy Phước - người Pháp gọi là Tour d'Argent - tháp bạc, dân gian gọi là tháp Bánh ít. Tháp có bốn ngọn, ngọn lớn ở trên đỉnh và ba tháp nhỏ hơn ở phía dưới trông như một đĩa bánh ít.

Tháp Bánh ít đứng sít cầu Bà Gi

Sông xanh núi cũng xanh rì

Vào Nam ra Bắc ai cũng đi đường này.

Hay:

Tháp bánh ít ngó xuống cầu Bà Gi

Người qua kẻ lại - ngã ba đường đi dập dìu.

+ Tháp Đôi:

Là tên gọi dân gian vì hai tháp giống và gần bằng nhau như đôi tình nhân - Người Pháp gọi là tháp Kờ mer. Phía Tây lại có hai cầu song song nhau nên có câu:

Cầu đôi nằm cạnh tháp đôi

Vật vô tri còn đèo bòng duyên lứa

Huống chi tôi với mình.

Hoặc:

Tháp kia còn có đủ đôi

Cầu nằm đủ cặp, huống chi tôi với mình

Hà Thanh nước mãi còn xanh

Đèo son thắm mãi mối tình đôi ta

Đôi ta như lửa mới nhen

Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu

Hay:

Chiều chiều mây kéo về kinh

Tháp kia chẳng đứng một mình

Ếch kêu giếng lạng (loạn) thảm tình đôi ta

Đôi ta như lửa mới nhen

Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

+ *Tháp Dương Long:*

Người Pháp đặt tên Tour d'Ivoire - tháp Ngà

Tháp vàng tháp bạc ai xây

Tháp Ngà còn đó đứng đây ngó trời

Ba hòn còn đứng chơi vơi

Xa xa cánh én tung trời chờ ai.

Hoặc:

Vững vàng tháp cổ ai xây

Bên kia Thủ Thiện bên này Dương Long

Nước sông trong

Nhưng đời dâu bể

Tiếng anh hùng còn để ngàn thu

Xa xa con én lượn mù

Tiềm Long hỏi chốn, vân du đợi ngày.

Tháp Chàm hay nước Chiêm ngày xưa còn ghi dấu một mối tình mà người ta thường gọi là Ô Ly:

Phấn son đền nợ Ô Ly

Tiếc sao một thuở xuân thì để kinh

Đóa hoa biền biệt một mình

Má hồng da tuyết vì tình nước non.

Hoặc:

Má hồng đền nợ quân vương

Những tay chống đỡ miếu đường là ai

Chuyện tình của Huyền Trân Công Chúa phải chăng là tình nhà hay nợ nước! Rất nhiều bài thơ bài nhạc cũng từ đó mà hình thành?

CHÙA

+ *Chùa Thập Tháp:*

Chùa nào xưa bằng chùa Thập Tháp

Tháp nào cao bằng tháp Dương Long

Cuộc đời dù có long đong

Vẫn trơ như tháp vẫn lòng nước non.

Thật vậy, ở Bình Định có chùa Thập Tháp là cổ nhất và tháp Dương Long, ba tháp đã gây ấn tượng nhiều nhất với dân gian Bình Định.

+ *Chùa Ông Núi* (xem phần thắng cảnh)

ÔNG KHỔNG LỒ

Gần như mọi địa phương đều có chuyện ông Khổng Lồ - Ông rất to theo trí tưởng tượng của dân gian. Có lẽ dân gian đã mượn ông để giải thích những hiện tượng về sự thành hình của núi sông!

Khổng Lồ gánh núi đi chơi

Gánh nghiêng gióng đổ bỏ rơi hai hòn

Hóa thành một cặp núi non

Sơn Trà là một và hòn Khánh Long

Ông còn tạo ra bàu và cả eo biển nữa - qua câu hát ru em:

Hai bàu hai dấu chân ông

Bàu Nhâm thì hẹp Bàu Năng rộng thình

Khi để giải thích về núi Xương Cá ở xã Phước Thuận, người địa phương có câu:

Khổng Lồ ăn cá bỏ xương

Thành hòn Xương Cá nắng sương dãi dầu.

Núi thì bề thế nhưng lởm chởm toàn đá san hô!

Hoặc:

Khổng Lồ ăn cá bỏ xương

Xương khô thấy đó nghĩ thương Khổng Lồ

Chừ còn gánh gió phương mô

Hay hòn Xương Cá thành mồ chôn ông

Chuyện đời tuy có mà không

Tuy không mà có chuyện ông Khổng Lồ.

Chuyện ông Khổng Lồ khá phong phú như các chuyện trên. Ngoài ra còn có câu hát ru em ở miền đảo Phương Mai. Vì Phương Mai có địa danh là Eo Vượt với sự tích:

Khổng Lồ rượt bắt cá kình

Phóng qua đỉnh núi một mình nhảy theo

Dậm chân bước nặng thành eo

Ấy là Eo Vượt, gió lèo thổi qua

Ông Khổng Lồ đi khắp đó đây tạo núi non, sông hồ. Nơi suối Đá trải cũng là nơi ông đặt chân đến - nên có bài vè mang tính hý lộng:

Hỡi ông khổng lồ

Ông vô Đá trải

Vì tình qua lại

Vướng ngãi vướng nhân

Đi rồi để lại dấu chân

Gởi tình thêm dấu, còn cân nặng tình

Nước tràn Trổ đó xinh xinh

Các cô yếm thắm, rùng mình khi đơm...

Đá Trải là con suối nhiều cá, thuộc thôn Bình Nghi - Tây Sơn.

Hoặc:

Lòng tham con diếc tiếc con rô

Trổ đó còn bia tiếng Khổng Lồ

Cù để móng chân rồng để nhớt

Khổng lồ đi để dấu hồ lô

(Hồ lô là bầu rượu phép)

Hoặc:

Khổng Lồ, Khổng Lồ

Ông bắt cá rô

Ông ăn mắc cổ

Đổ lỗi cá rô

Nước nguồn đồng lớn, ít khô

Ông thù, ổng cấm cá rô không được vào

Rồi ông bỏ suối đá trải

Ông đến mãi phương nào

Tháng ngày vắng vẻ âm hao

Nước qua trổ đó dạt dào nguồn cơn

Bụi đời lòng suối sạch trơn

Lòng ông còn giận còn hờn cá rô

Nhớ nguồn rô chẳng dám vô

Diếc dăm tí tởn, mấy cô chưa chồng

Chê ông lớn cọc nhọc lòng...

THẮNG CẢNH

Câu ca dao phổ biến nhất về các thắng cảnh Bình Định là:

Bình Định có đá Vọng Phu

Có chùa ông Núi có cù lao Xanh.

Sự tích đá Vọng Phu ở Bình Định có khác vài chi tiết với hòn Vọng Phu ở miền Bắc. Người Bình Định còn gởi vào đó một niềm tin nên gọi là Bà:

Trở về mà thấy hòn Bà

Ghe thuyền yên đủ về nhà yên vui.

Đó là câu ca của ngư dân vùng biển Quy Nhơn.

Đối diện với hòn Bà là hòn Ông.

Vọng Phu tục gọi hòn Bà

Phước Sơn chất ngất gọi là hòn Ông

Phải chi đây vợ đó chồng

Gánh tương tư, khởi nặng lòng nước non.

(Hát hò)

Tiếng đồn chàng hay chữ

Tài ngang tử cử

Lại đây em hỏi thử đôi câu

Ngọt ngay nước chảy dưới cầu

Gọi cầu Nước Mặn, cớ bởi đâu hỡi chàng

Thật thà là thói hồng nhan

Ăn xuôi nói ngược thá gian lạ gì

Mặn chằng nước vũng Đề Gi

Gọi Đầm Nước Ngọt, lẽ gì hỡi em.

Chùa Ông Núi là cảnh đẹp khiến thi nhân du khách đã tốn nhiều bút mực - Hòn đá trước chùa dày đặc bao nhiêu bài thơ, câu thơ:

Cây che đá chất chập chồng

Biển giăng dưới núi chùa lồng bóng mây.

Hoặc:

Ông Núi đi đâu

Bỏ bầu sơn thủy

Đủ nhân đủ trí

Thêm vĩ thêm kỳ

Chùa xưa nhạt bóng tà huy

Xui lòng non nước nặng vì nước non.

+ Chùa Ông Núi:

Tiêu biểu nhất là bài Chùa Ông Núi - Tuy không có tên tác giả nhưng lắm người thuộc. Bài đã in trong địa dư mông học tỉnh Bình Định của Bùi Văn Lăng.

Long Phong tự là đây đó nhỉ

Cảnh thiên nhiên, sơn thủy thật xinh

Khen ai khéo tạc nên tranh

Nghìn thu dấu cũ còn dành lại đây.

...

Lửng lơ dưới suối cá nghe kinh.

Hoặc:

Suối chảy quanh chùa, chùa vịn núi

Núi nằm ôm biển, biển xanh mây.

Phía sau chùa có một hang đá khá rộng đủ chỗ để nghỉ một vài người, ngoài ra còn những tảng đá lớn như những chiếc giường, chiếc bàn. Tương truyền nơi đây là chỗ tu hành của ông khi chùa ông núi chưa lập.

Sau chùa có đá có hang

Có đường Âm phủ, có thang lên trời

Đi đâu hỡi ông núi ơi

Để đường cỏ mọc người người nhớ ông?

Ngoài chùa Ông Núi còn có chùa Hang ở Phù Mỹ với những dòng thơ:

Mỹ hòa non chất đá

Trời mở ngọn chùa Hang

Hoa kép tầng tầng cửa

Mây tầng bậc bậc thang.

Hoặc:

Chùa Hang vừa đẹp vừa thiêng

Có đường Âm phủ, lối tiên đi về.

Cũng như chùa Ông Núi, chùa Hang vừa là phong cảnh đẹp vừa mang nét huyền thoại.

NHỮNG KHÚC ĐỒNG DAO QUA TRÒ CHƠI CỦA TRẺ EM BÌNH ĐỊNH

Kho tàng văn học dân gian của nước ta thật phong phú, trong đó, thể loại đồng dao đã góp phần không nhỏ vào việc tô điểm thêm màu sắc dân tộc. Các nhà học giả đã nghiên cứu, sưu tầm, đã viết và phân tích từ nguồn gốc đến thi pháp... Quả thật là công phu. Từ sách *Nam Quốc Phong dao tục ngữ* (vô danh) đến *Phong dao tục ngữ* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. Sách dày hàng ngàn trang. Sau khi đọc và đối chiếu với những bài đồng dao được phổ biến ở quê tôi thấy có nhiều dị biệt hoặc không có. Hơn nữa những bài đồng dao mà chúng tôi nêu lên sau đây đều gắn liền với một trò chơi phổ biến ở Bình Định quê tôi. Phải chăng đồng dao đã gắn liền với trò chơi như hình với bóng.

Trước tiên, tôi xin chọn bài đồng dao phổ biến nhiều nơi để so sánh:

A. TRÒ CHƠI

1. Trò chơi DUNG DĂNG DUNG DẺ

Khúc hát: *Dung dăng dung dẻ, dắt trẻ đi chơi, đến cửa nhà trời, lạy cậu lạy mợ, cho cháu về quê, cho dê đi học, cho cóc ở nhà, cho gà bới bếp, lâu lâu lại hụp.*

Ngày còn bé, vào những đêm trăng, chúng tôi từng tốp, cứ ba bốn đứa nắm tay nhau, vừa đi vừa đung đưa tay vừa nhìn trăng vừa hát theo từng nhịp, từng bốn chữ một. Khi đến câu "lâu lâu lại hụp", chúng tôi ngồi xuống... rồi lại đứng lên tiếp tục. Trò chơi tuy đơn giản mà hấp dẫn kéo dài hàng giờ cho đến khi đổ mồ hôi mới đổi trò chơi khác.

Địa phương Bình Định là xứ dừa, xứ cau nên cái tàu cau, tàu dừa đã biến thành ngựa qua trí tưởng tượng phong phú của các em.

2. Trò chơi CỠI NGỰA

Khúc hát: *Cù cửa cù cưa, cỡi ngựa tàu dừa, cỡi cọp tàu cau, con nào chạy mau, thì la như sấm, con nào chạy chậm, thì thớt dao đưa - Cù cửa cù cưa, chàng ngốc cỡi lừa, thầy chánh lên quan, thầy lý qua làng, con gái chạy te, thầy đội nón ngựa, Thầy lý áo the, chẳng sợ ngựa đề, mà sợ bóng quan. Cù cửa cù cưa.*

Trẻ em chừng 6, 7 tuổi thường chơi nhất. Mỗi đứa tìm một tàu dừa, hay tàu cau, nếu không có thì dùng cành tre, cành lá cũng được. Để tàu dừa dưới háng, giả làm ngựa, vừa nhảy vừa hát. Trò chơi càng đông càng vui.

3. ĐUA NGỰA

Trò chơi đua ngựa này trẻ em cùng hát khúc đồng dao dưới đây.

Diễn biến trò chơi: mỗi tốp 4 em, ba em làm ngựa, một em cỡi. Em đứng trước làm đầu ngựa, hai em đứng sau làm thân ngựa. Hai em đứng sau đặt tay lên vai em đứng trước. Một tay phải của em này, tay trái của em kia, tạo thành cái yên ngựa. Hai tay của hai em sau nắm tay của hai em làm đầu ngựa tạo thành bàn đạp để người cỡi leo lên ngồi trên yên ngựa. Các em vừa chạy vừa hát:

Đua ngựa, ngựa đua

Dù ngựa hay lừa

Cùng dong nước kiệu

Hãy liệu chạy nhanh

Điệu tế, yên lành

Điệu phi nước đại

Con khôn, con dại

Ra sức mà đua

(...tiếp: Dù ngựa hay lừa)

4. ĐUA KIỆU

Mỗi tốp 3 em, hai em khoanh tay làm kiệu. Một em ngồi lên trên. Tất cả cùng hát khúc đồng dao trên và cùng thi chạy.

Trò chơi này còn dùng làm phần thưởng cho những cuộc thi tài. Người thắng sẽ được ngồi kiệu, các em thua làm kiệu.

5. Bài CHỌI TRÂU:

Khúc hát: *Lô lô ầm, lô lô ạt, thịt thịt nạc, dao dao phay, con nào hay, ở lại mà cày, con nào dở dao phay nước mắm.*

Bài này lũ trẻ mục đồng thường hát khi thấy 2 con trâu đang hoặc sắp chọi nhau. Bài này dường như kích thích được trâu vì khi hát càng to, trâu chọi càng hăng. Khi không có trâu chọi thì các em lại thay thế, cứ hai đứa nắm tay nhau, đầu đối đầu, vừa nhảy vừa đẩy nhau trên gò. Đám trẻ đứng bên ngoài hát bài trên.

6. Trò chơi BẮT MA GIA:

Khúc hát: *Thả đỉa ba ba. Chớ thả đàn bà, tha tội đàn ông, cơm trắng áo trắng như bông, đổ thuyền, đổ mắm, đổ muối, đổ chuối xanh tiêu, đổ liêu cứt gà, nhà nào nhà nấy phải làm ma gia.*

Diễn biến trò chơi: Bọn trẻ đứng xếp hàng vòng tròn, một trong đám trẻ điều khiển cuộc chơi. Nó bắt đầu hô lên (bài hát trên) cứ một tiếng lại vỗ vào một người, chữ cuối cùng - chữ "ma gia" rơi đúng vào người nào thì người ấy làm ma gia. (Một hay hai người tùy số lượng người chơi). Số còn lại là người, chạy lên hè phố vừa vỗ tay vừa hát bài trên. Người điều khiển chốc chốc lại hô: "Qua sông" đám trẻ vội vàng đổi chỗ sang thềm hè khác. Chạy thế nào để người làm ma không bắt được mình, ai bị bắt sẽ làm ma thay thế. Lũ trẻ đủ mọi lứa tuổi đều có thể tham gia trò chơi này. Tội nghiệp cho các cậu bé, thích chơi mà vẫn sợ ma bắt nên thường núp sau đám trẻ lớn hơn hoặc chỉ thò chân xuống thềm rồi vội bước lên.

7. CHUYỀN NẺ: Khúc hát này được hát lên trong khi chơi.

Diễn tiến trò chơi: Trò chơi này, thông thường chơi từ hai đến bốn người. Đây là một sự tranh tài. Trẻ em gái thường chơi hơn là bé trai. Vì trò chơi mang tính dịu dàng khéo léo.

Dụng cụ gồm bộ nẻ - có bộ đơn, bộ kép. Tùy theo trình độ các em mà chọn. Ngoài ra còn có một hòn "cụm" - Hòm cụm là viên đá tròn, có thể là một trái banh nhỏ như banh tennis.

Bộ nẻ đơn gồm sáu con nẻ, độ dài lớn như một chiếc đũa con. Bộ nẻ kép có 12 con.

Trước khi chơi nẻ thường dùng bài "Tập tầm vông" tay không tay có để xác định bên nào đi trước. Trẻ vừa dồi bắt nẻ vừa hát *"Chuyền chuyền nẻ, trải nẻ cho đều, chớ kêu rằng khó. Đi một canh, về một canh. Đi hai canh về hai canh..."*

- Dồi cụm, trải nẻ, bắt cụm.

- Dồi cụm, nhặt một con nẻ và bắt cụm lần lượt bắt hết sáu con.

Tiếp tục lần thứ 2, lần thứ 3, 4, 5, 6, số nẻ bắt theo số lần.

Sang con dặn: bên đối thủ bảo; bỏ bốn lấy 2, hoặc tùy theo ý của đối thủ mà bên kia phải làm theo. Nếu làm sai phải để cho bên đi.

Hết giai đoạn này: Trẻ vừa hát vừa chuyền nẻ *"Sang tay chuyền, chuyền một múa hai, chuyền hai múa ba, chuyền ba múa tư, chuyền tư múa năm... chuyền chín múa mười... hết nẻ, khẽ bàn"*.

Sang con dộng: Trẻ vừa dồi cụm vừa dộng bó nẻ xuống sàn vừa nói dộng một, dộng hai, cho đến sáu.

Sang con rút: Trẻ vừa dồi cụm vừa rút từng con nẻ đặt xuống sàn và nhặt theo nhịp hát. Khi rút đến con thứ sáu là sang con khẻ. Em nào chơi mà không bị sai người ấy thắng.

Người thắng vừa dồi cụm, vừa khẻ vào chân người thua vừa hát:

Đã chơi nẻ, khẻ cho đau, dù có đau, cũng không được khóc, chẳng rơi nước mắt là trò chơi thôi. Trò nào cũng vui, mau về luyện tập.

Trò chơi nhịp nhàng khéo léo, có tính tranh đua, mang tính tập luyện khéo tay và giáo dục kỹ thuật.

8. ĐÁ BÒ

Khúc hát: *Đá bò, bò đá, phải nhảy cho lanh. Vè kia ai giành, là người thắng cuộc. Bò mà đá trước, phải tránh cho mau kẻo bị đá đau. Trở thành bò đá. Đá bò, bò đá...*

Diễn tiến trò chơi: Trò chơi này được tổ chức trên sân gò rộng thích hợp cho trẻ em nam. Số trẻ chia làm hai phe - một phe làm bò, một phe làm người. Bên bò phải chống tay, chân xuống đất. Ở giữa có một cái roi găm xuống đất gọi là "vè". Bò bảo vệ vè bằng cách chống hai tay, dùng chân đá vào người "hộ". Người hộ phải né, hoặc vừa né vừa chụp vào đầu bò. Khi đầu đã bị giữ thì bò không có quyền đá nữa. Em nào bị bò đá là chết không được tham gia, phải đứng ngoài mà hát bài vè trên. Lừa bò đến gần vè, bất thình lình giật vè mà chạy và tất nhiên đám bò đuổi theo đá nhưng tay phải chống đất. Nếu giật được vè mà không bị đá là thắng cuộc. Trẻ giật được vè vừa chạy vừa lấy hơi kêu u... u... u... chạy đến khi hết hơi dừng lại. Đó là mốc chiến thắng.

Trò chơi đầy tính thể thao, cần khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Trò chơi nhằm mục đích luyện tập thân thể và sự can đảm.

Bài 2: Bài đá bò có nơi hơi khác: *"Đá bò, bò đá, như đá vượt cồn, chân nhảy cho khôn, chụp đầu bò lại. Đá bò, bò đá. Dí thả hai bên, nhảy dẻo chạy bền, chụp đầu bò lại"*.

9. ĐẬP CHUỒN CHUỒN:

Khúc hát: *Đập chuồn chuồn xỏ luồn kim chỉ*

Móc mồi câu. Xâu cá về ăn

Đập chuồn chuồn, nỗi buồn tan biến

Cá cắn câu nhấp nháo cái phao

Đập cào cào, gắn vào chì lưới

Cá cắn rồi ở dưới giật lên.

Cách chơi: Mỗi tốp ba em mắc chân vào nhau, tay vỗ miệng hát. Điều đáng nói là cách mắc chân thật khéo, thật nghệ thuật, khiến chân khi đã mắc vào thành hình rế rồi thì không sút ra được. Chỉ khi nào một trong ba em bị té ngã, thì mới sổ chân ra.

Trẻ em vừa hát, vừa vỗ tay vừa di chuyển. Có khi là một cuộc thi đi ngang đến đích thật là hào hứng vui vẻ.

10. ĐẤU KIẾM:

Bài vè: *Đấu gì? Đấu kiếm.*

Kiếm gì? Kiếm cung

Cung gì? Cung tên

Tên gì? Tên A

A gì? A đen.

Cứ hai em làm một cặp. Tay phải em này nắm tay trái em kia (giáp vai nhau), hai tay đưa lên tưởng tượng là kiếm để đấu nhau. Hai tay còn lại giữ trước bụng. Những cánh tay làm kiếm đấu nhau đối mặt và hát bài trên.

11. KÉO CƯA LỪA XẺ:

Bài vè:

Kéo cưa lừa xẻ

Một chẽ ba đồng

Một chồng một vợ

Một tơ ba sườn

Một đường hai ngả

Gặp gã thợ cưa

Kéo cưa lừa xẻ

Cứ hai em một, ngồi bệt xuống đất, chân trái người này đè chân phải người kia và ngược lại. Hai tay người này nắm tay hai người kia. Làm theo động tác thợ cưa. Một người ngã ngửa, kéo em kia chồm tới và ngược lại.

12. DÚ DE:

Bài vè:

Dú de dú de

Đi chợ bán me

Bỏ quên đòn gánh

Về nhà chồng đánh

Mua bánh chồng ăn

Mua khăn chồng bịt

Mua quýt cho chồng

Chồng ăn không hết

Cút kít cò ke

(Trở lại)

Cách chơi: Một trẻ em làm *cái* xòe bàn tay ra, các em khác dí ngón tay mình vào bàn tay vừa hát bài trên. Thình lình người

cái nắm tay lại. Các em vội rút tay ra nhưng thế nào cũng có một em bị giữ lại. Em ấy phải chịu bịt mắt lại bằng đôi bàn tay của cái. Các em khác chạy trốn hết. Người cái mới hỏi:

- Đói hay no

- Đói

- Kiếm cức cói mà ăn,

- Ngược lại nếu nói "no" thì nhà cái bảo:

- No đi kiếm cứt cò mà lùm.

Nhà cái thôi không bịt mắt nữa. Đứa trẻ vừa được thả ra vội đi tìm bắt cho được một em để thay thế cho mình. Vừa thả em ấy ra thì các em trốn gần nhất chạy về phía nhà cái hô "Chộ mẹ" - một vài em trốn biệt cho đến khi em (bị bịt mắt) chịu thua mới thôi. Nếu không bắt được một người thay thì trò chơi lại bắt đầu như trước.

14. ÚP BÁT ÚP DĨA (Cách chơi tương tự như trò chơi dú de)

Khúc đồng dao:

Úp bát úp dĩa

Dĩa ngao dĩa ngút

Con cút cụt đuôi

Không cho bà nuôi

Bà nuôi con ù

15. DÚ HÀ DÚ HỘT

Trẻ em ngồi xung quanh, một em làm "cái". Trẻ em chơi đặt úp một bàn tay vào bên trong thành hình tròn. Tất cả hát bài đồng dao:

Dú hà dú hột

Cơm sốt cơm nhão

Cá đảo hồng đơn

Cá sơn cá liệt

Cá diếc cá tràu

Ăn cau bỏ dú

Dú già dú non

Có kẻ cầm hòn

Mà u, mà quạ mà chạy

Người làm cái, cứ lần lượt theo từng chữ và chỉ vào từng bàn tay của các em, cuối cùng chữ *chạy* rơi vào tay em nào em ấy phải chịu bịt mắt - đi tìm - như trò "dú de".

16. RANG BẮP:

Bài vè:

Rang rang bắp, đậy nắp vung đồng,

Bắp nổ bật vung, đổ vào rang lại

Rang rang 1 - Rang rang 2 - Rang rang 3

Rang rang 4 - Bốn bốn bốn!

Từng cặp hai em đối mặt nhau vừa hát vừa làm động tác sau:

Bốn câu đầu vuốt tay theo từng câu (4 chữ) rồi đập bốp hai bàn tay. Sang đến câu rang rang 1 thì tay trái người này chạm vào tay trái người kia, rút về 2 tay mình đánh bốp, rồi đến tay phải. Đến lượt thứ bốn thì hô bốn bốn. Trò chơi hồn nhiên, rộn ràng mà thú vị, nghe như tiếng nổ lốp bốp của bắp.

17. TRÒ CHƠI ĐẾM CHUỘT:

Con chuột là con vật khá gần gũi với dân gian, nên con chuột cũng được vào trong trò chơi của trẻ em.

Trên bãi cỏ rộng trên gò mả hoặc trước sân đình, trẻ em thường tụ tập để chơi trò chơi này. Trò chơi này có khúc đồng dao vừa đơn giản vừa có tính nhạc khiến trò chơi khá hấp dẫn.

Khúc đồng dao: - *Một con chuột là một cái đuôi, hai tai, hai mắt, một đầu và bốn cái chân. Tình tang tính tang tang tình tang tính tính, tình tang tính,tính tang tình tang tính tình.*

Tiếp theo là 2 con chuột... ba... bốn v.v...

Diễn tiến trò chơi: - Các em hát, chỉ cần theo nhịp điệu, còn độ cao thấp không quan hệ lắm vì bài đồng dao nói theo âm từ nó đã có tính nhạc rồi.

Các em vừa hát vừa làm bộ tịch như múa.

Khi hô một con chuột: thì một em bước ra giữa vòng tròn đưa một ngón tay ra phía trước.

Đến câu là một cái đuôi, thì em ấy đưa tay ra phía sau lưng chỉ vào vị trí đuôi.

Đến câu hai tai, hai mắt, thì lấy 2 tay sờ vào hai tai, rồi đến hai mắt, rồi tiếp đến chỉ vào đầu.

Đến câu - bốn cái chân thì hai tay thòng xuống đất, cong lưng hợp với 2 chân cho đủ bốn và khi hát đến tình tang... tính tình thì các em quay vòng tròn.

Cứ thế lần lượt từ 1 con chuột cho đến hết, có thể là 10, 11, 12.

Tính giáo dục: Trước tiên tập cho các em tính rập ràng, vì bên ngoài các em chưa làm chuột vẫn đồng thanh hát bài đồng dao trên.

Tập các em tính toán nhanh, ví dụ khi nói đến nhiều con chuột như 9 thì các em phải hát đúng.

Chín con chuột là chín cái đuôi, mười tám tai, mười tám mắt, chín đầu và băm sáu cái chân.

Nhận xét: trò chơi khá vui và hấp dẫn vì tính nhạc, tính rập ràng, và nhất là biết tính nhanh, nếu không rất dễ nhầm lẫn.

18. TRÒ CHƠI ĐẦU HÁT:

Trẻ em thường chia làm hai phe, một toán nam, một toán nữ, mỗi bên hát một khúc đồng dao. Cố hát thế nào cho thật to, thật rập ràng để chỉ cái xấu của bên kia.

Khúc đồng dao: con gái hát:

Chè là chè lít
Con nít tám nghề
Thứ nhất ngồi lê
Sáng không rửa mặt
Dốt đặc là hai
Không chịu học bài
Tới trường thầy đánh
Trộm bánh là ba
Quậy phá vườn nhà
Là bốn tật xấu
Láu táu là năm
Cái mặt chằm quằm
Như con chó đực
Bảy không chịu cực
Lại thích đi rông
Ở lổ tồng ngồng
Xấu ơi là xấu.

Bài đồng dao con trai hát:

Chè là chè lẩy *Ăn quà là bốn*
Con gái bảy nghề *Trốn việc là năm*
Ngồi lê là một *Hay nằm là sáu*
Dựa cột là hai *Ăn xén của cháu*
Ăn vụng là ba *Là bảy tật hư*
Xấu ơi là xấu.

Nhận xét: Trò chơi cũng hấp dẫn vì tính cạnh tranh, vạch những thói hư tật xấu của mỗi bên. Cuộc vui thật hồn nhiên và đầy tính dân gian. Trò chơi và những khúc đồng dao luôn đi đôi với nhau, khiến trò chơi trở nên hấp dẫn, rập ràng phản ánh được nếp sinh hoạt hàng ngày và tập tục địa phương, chẳng hạn như bài thả đỉa ba ba đã phản ánh một phần nào cuộc sống vùng sông nước. Bài trò chơi Cỡi ngựa cũng thể hiện được đặc trưng xứ dừa Bình Định:

Công đâu công uổng công thừa

Công đâu xách nước tưới dừa Tam Quan.

Xét về phương diện chữ nghĩa, những tưởng chữ *thả đỉa ba ba, cù cửa cù cưa, lô lô ầm, lô lô ạt* không có nghĩa gì rõ ràng mà ngớ ngẩn đến lạ lẫm dễ thương, khơi động được trí tò mò của các em.

Phần cấu trúc bố cục lại càng lỏng lẻo, từ chỗ *dắt nhau đi chơi, đến cửa nhà Trời, rồi cóc, rồi dê đi học*. Có lẽ chỉ có các em mới hiểu nổi. Phải chăng đó là tính sáng tạo trong văn hóa dân gian.

HÁT HÒ

Hầu hết các tỉnh miền Nam Trung Bộ đều có hát hò.

Hát hò là nét sinh hoạt văn hóa nghệ thuật đậm nét trữ tình và dân gian. Nó là nhu cầu tinh thần cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống của người dân quê Bình Định.

Có lao động là có hát hò: Hầu như mọi người đều thích hát hò. Người biết thì hát đã đành, người không biết hát thì lắng nghe và thưởng thức. Người không biết hát thì hò. Cứ sau một câu hát thì mọi người xung quanh đáp lại bằng tiếng hò hơ hò... Vì thế hát hò còn gọi là *hò hê*.

Các bà các chị hát khi đi cấy, nhổ mạ, bác lái đò hát khi chèo thuyền trên sông. Thậm chí khi lao động riêng lẻ, chỉ có một người thôi họ cũng nghêu ngao vài câu để giải khuây.

Câu hát: Mọi người đều mê hát nên ai cũng thuộc năm ba câu, có thể là những câu hát mà họ từng nghe từ khi nằm nôi qua lời ru ngọt ngào của mẹ. Câu hát còn được sáng tác rất nhanh, nó phát xuất từ ý nghĩ. Vì vậy nên câu hát thường mộc mạc và thành thật.

Hình thức câu hát: Câu hát được sáng tác rất nhanh nên được vận dụng đủ mọi hình thức. Từ lối nói bắt quàng, vè, lục bát, song thất lục bát. Có lẽ hình thức được vận dụng nhiều nhất là lục bát biến thể, miễn sao câu hát diễn tả được ý nghĩ của mình. Họ vận dụng khá dễ dàng thể loại này vì câu hát không câu nệ số chữ. Ngoài ra họ còn có nhiều cách gieo vần đa dạng. Có khi gieo vần bằng, vần trắc hoặc vần lưng.

Những loại hình hát hò: Tùy theo sinh hoạt lao động mà có tên gọi khác nhau. Tuy nhiên cách diễn tả thường giống nhau. Bắt đầu là câu hát của một trong đám người đang làm việc cất lên, người này thường có giọng tốt hát trước. Cứ sau một câu là tiếng đáp lại hò là hò ơ... của nhiều người.

- Hò đi cấy:

Bình Định có hai vụ mùa cấy vào tháng tư và tháng mười một âm lịch. Vào mùa này trời khá lạnh và có mưa. Công việc vất vả. Để quên nỗi mệt nhọc, các bà thường hát hò để quên cái rét.

Để việc cấy lúa được vui vẻ, họ luôn tìm những câu hát dí dỏm để cùng nhau cười, quên hết mệt mỏi. Chuyện chọc cười luôn xảy ra. Có một lần đám thợ cấy dám chọc cả quan huyện. Chuyện kể rằng, có một quan huyện là người ở trong làng, thuở ấu thơ là bạn cùng xóm, lớn lên đi học, thi đỗ làm quan. Quan lấy một người vợ nhan sắc không mấy đẹp. Hôm ấy đám thợ cấy đang cấy ruộng trước nhà quan. Tiếng hát lanh lảnh vọng tới nhà quan:

Con cá rô nó róc rách đường cày

Đã đen lại rỗ, ông trời đày phải thương.

Quan huyện nghe được giận lắm, nghĩ mình là quan, tại sao có kẻ dám trêu mình. Quan định gọi đám thợ cấy lại hỏi, thấy quan bước ra ngõ thì một người trong đám đùng đỉnh hát rằng:

Phải chăng vì hộ đối môn đương

Gửi làng chọn mặt, đôi đường đẹp đôi.

Câu hát tiếp theo như ve vuốt lòng quan khiến quan bớt giận vì lẽ câu hát đúng tâm lý mình nên đành lấy "bồ hòn làm ngọt".

Họ ghẹo người ngoài cuộc đã đành mà họ còn hát chọc cả trong đoàn thợ cấy của họ.

- Hò đối đáp

Thể loại này ở miền Bắc Bình Định gọi là "hát kết", có nơi còn gọi là hò giã gạo. Bình Định là vùng nhiều lúa, các vùng ấy là Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn. Vì vậy việc mua bán gạo khá phát đạt. Gò Bồi là tiểu thị trấn nên nghề buôn phát đạt và nghề làm "hàng xáo" khá đông. Họ đi khắp nơi để mua lúa giá rẻ. Họ nhờ nông dân xay giã vào lúc nông nhàn. Thế là những buổi xay lúa, giã gạo được tổ chức, đông người tham gia. Nơi sân lúa từng dãy cối xay, cối giã được tập hợp về đây để xay giã và hát hò. Ngoài ra đây cũng là dịp giao lưu văn hóa, quen biết. Từ đó nảy sinh tình cảm của gái trai và những cuộc hôn nhân cũng từ đó mà thành. Ngày ấy trò chơi giải trí rất ít nên hát hò là dịp vui. Khi câu hò đã nổi lên thì trong chốc lát người ta đến khá đông như đi hội. Họ đến với lòng vô tư không phải vì tiền công mà vì ham vui, muốn tham gia hò hát. Những câu hát đối đáp rất sít sao, ý lời thanh cao, nhiều khi xa xôi nhưng được người hát hiểu đó là những lời tâm sự của tình yêu hay một lời hứa hẹn, tình ý dồi dào sâu sắc.

Mở đầu cho buổi hát là giọng của một cô gái, tiếng hát vang lên như thách thức gọi mời:

+ Hát mời

Vô đây ở bạn vô đây
Trầu têm cánh phượng đã xây lên bàn
Tội chi mà đứng ngoài đàng
Sương sa, rủi nhiễm thương hàn ai nuôi?

Bên ngoài, nếu có người con trai nào thích thì vào cuộc. Anh ta cầm chày đứng đối diện với cô gái nhìn nhau vừa hát, vừa giã gạo. Nếu không có người thì cô gái lại hát thêm câu mới với giọng thách thức pha chút chọc ghẹo:

Tới đây chẳng hát thì hò

Đâu phải con cò ngóng cổ mà nghe.

Thế rồi dăm ba phút cũng có vài chàng trai vì lòng tự trọng, tự ái, anh ta vào cầm chày.

+ *Hát chào:*

Nam: Mở lời chào, xin chào làng, chào xóm, chào họ, chào hàng

Tui đây là kẻ qua đàng

Thấy cảnh vui làng, nên ghé vào chơi

Vui chơi cũng mấy cách chơi

Tôi được lời mời, chẳng phải khách văn chương.

Thoạt nghe lời chào có vẻ khiêm tốn vừa để thanh minh nhưng anh ta chẳng phải tay vừa.

+ *Hát gợi:*

Tối trời tôi chẳng biết bạn là ai

Cho tôi chào chung một tiếng sớm mai lại nhìn.

Nữ: *Trăng tà mờ nhạt bất nhơn*

Sao anh không nhìn cho rõ, để biết nghĩa nhân mà chào.

Qua vài câu hát, họ đã thăm dò được trình độ của nhau. Thế là những câu hát đố được tung ra để dò biết người ấy thế nào, ở đâu.

Nữ: *Trước tiên xin hỏi bạn đôi câu*

Quê ở nơi nào, đến đây phân tỏ thiệt hơn.

+ Hát đố:

Hỏi rằng nơi nào có núi Lang Sơn,

Có đầm nước ngọt, sóng dờn dợn xanh.

Nam: *Người ơi dẫu chẳng học hành*

Tôi thường đây đó cũng rành núi non

Đề Gi có núi Lang Sơn

Có đầm Đạm Thủy, nước dờn dợn xanh.

Nam hỏi lại: *Nơi nào nghề gốm, nghề đan*

Dù em chưa ra Bắc chẳng vào Nam

Biết rằng cấy lúa cũng ham

Nhưng có nghề, có nghiệp, có làm có ăn.

Phải chăng chàng dò hỏi về gia thế, công việc làm.

Cô gái đáp lại: *Có chi mà bạn băn khoăn*

Lắng nghe cho rõ, như trăng trên trời

Chợ Gồm làm gốm nơi nơi

Đồ đan Phú Hội người người giỏi giang.

Cuộc chơi bắt đầu luôn như thế, có nhiều câu hát hóc búa được hát lên như để bắt bí đối phương. Những câu hỏi như vậy nhiều khi đối thủ không đáp được, thì bên ngoài đã có những người hiểu biết gợi ý giúp đỡ. Đó là điều được cho phép. Nhiều khi phải hẹn hôm sau sẽ trả lời. Mặc dù câu đố hạn chế trong vùng địa phương Bình Định nhưng đã là người Bình Định thì phải biết:

Sông nào nguồn nước tự Kim Sơn
Từ vùng Yên Lão chảy dồn về đông
Xin người giải rõ giải thông
Thì xin chắp mối tơ đồng mà xe.

Trả lời:

Tiếng đồn cảng thâm là Đầm Thị Nại
Sông nào dài là sông Lại Bồng Sơn
Chảy từ nguồn An Lão Kim Sơn
Cho đồng lúa tốt, chơn vơn bóng dừa

Dường như họ đã hiểu nhau ít nhiều về trình độ, nơi ở, nên những câu đố khó không còn là chuyển sang bằng tình cảm.

Nam dò hỏi:

Tôi ngóng cô chờ, vì mơ em bậu
Đã có chồng hay nẫu vườn không.

Nữ: *Nhìn bức sen hồng*
Biết em còn thủ tiết
Thuyền đã động đào xin cứ việc chèo vô.

Nam: *Chuyện đời rủi may*
Tay chày lòng cối
Rủi yêu nàng biết lối nào ra.

Nữ: *Lối nào ra đôi ta sẽ liệu*
Kìa hoa hải đường, hàm tiếu trước sân

Một đời được mấy mùa xuân

Sao không bước tới, cho người mừng kẻ vui.

Thế là họ đã kết với nhau, giờ đây cuộc hát dường như đã đâm chồi nảy hoa. Câu hát trở nên nồng nàn:

Nam: *Vắng mặt em anh ăn vàng cũng đắng*

Gặp em rồi, anh ăn hột muối trắng cũng ngon.

Nữ: *Vắng mặt anh như trầu xanh đợi nước*

Gặp anh rồi như được nước nguồn về.

Tuy nhiên không phải cuộc hát nào cũng hay, cũng đẹp, có nhiều hoàn cảnh khiến cuộc tình dở dang. Hoặc một trong hai không thuận thì lại tung ra nhiều câu hát "móc họng" nhau: chẳng hạn khi chàng tỏ ý sàm sỡ:

Thấy đôi bồng đảo rung rung

Lòng anh không chịu nổi, muốn hun đôi lần.

Nữ thẳng thắn:

Anh muốn hun xem ra cũng khó

Sao không về nhà, vào trong xó, bắt mèo mà hun.

Cũng có lúc họ dỗi nhau:

Nữ: *Em có chồng hồi còn nhỏ*

Như ngọn cỏ lúc còn non

Chốn loan phòng em chưa nhập, nên còn như xưa.

Nam: *Tép kia dù nhỏ cũng có râu*

Xưa nay ai lại bắc cầu giữa sông

Thế là cuộc khẩu chiến bằng thơ, câu hát trở nên kệch cỡm. Anh ta phản ứng:

Nắm tay em anh thử hỏi rằng

Từ nhỏ tới lớn em đãi đằng hay chưa.

Cô gái lại phản ứng quyết liệt:

Thân em như thể trái dừa

Đãi người thân thiết, còn cặn thừa đãi anh.

Đó là những trường hợp khó giải, nên bên ngoài có người xin vào thay hầu mong cuộc khẩu chiến trở lại bình thường.

Có thể nói rằng câu hò câu hát đa dạng, mỗi nơi mỗi khác, điều đáng ghi nhận là ở đây hát hò là thú vui, đầy kịch tính và thơ nhất.

- Hò chèo đò

Ở những vùng sông nước, người ta dùng đò di chuyển, trên sông luôn vang vọng tiếng hò khi khoan khi nhặt. Nhiều khi bác lái đò lại hát nghêu ngao để giải khuây hoặc giúp vui cho khách đi đò. Đò xuôi ngược trên sông, khi gặp nhau họ hát những câu chúc tụng:

Chúc bà con thượng lộ bình an

Xuôi chèo mát mái, đò giang thuận bườm.

Khi thuyền đã gần về bến họ lại chúc nhau

Thuyền về mau kẻo vợ con mong đợi

Cơm lành canh ngọt nấu mới chờ anh

Dù rằng sông nước mênh mông

Đò về cập bến người ta chờ anh ở nhà.

- Cảnh hát hò trên sông thật thơ mộng. Khiến các bác lái đò xao xuyến tâm hồn mà sáng tác những điệu hò thật dào dạt.

Một mẩu chuyện tình nổi tiếng vì nhiều cay đắng cũng bắt đầu từ những đêm trăng hát hò giã gạo. Đó là chuyện tình "ông đồ nho và cô hàng nước nắm" thân sinh nhà thơ Xuân Diệu (trích tác giả Nguyễn Phúc).

"Cụ tú là người Nghệ An vào Bình Định dạy học ở Quốc Học Quy Nhơn thuở ban đầu làm gia sư cho nhà họ Lê. Cô Tú tức là Bà Hiệp dang dở đường chồng con, nên về ở với mẹ ở Gò Bồi. Bà thường sang xóm Than nơi ông đồ đang dạy học. Bà Hiệp vừa ưa thích hát hò vừa sáng tác nhanh. Cả hai người ông Tú Thọ và bà Hiệp là những người ở sau hậu trường".

Hôm ấy nhà ông nghề Hân có tổ chức hò giã gạo. Ông Tú cố vấn cho bên Nam - Cô tôi (bà Hiệp) đại diện cho bên nữ. Mới vào gò mấy câu không biết Ông Tú cố vấn thế nào mà chú Bốn Nhọn khi hát đã dí dỏm đánh tráo chữ đò thành đồ:

Sang sông đò ở bên ni

Hỡi người thục nữ! Tên chi

Gọi đò sao chẳng gọi, gọi chi ông Đồ

Cô tôi chẳng vừa:

Hỡi người xứ lạ nơi mô

Đò ngang thì tôi gọi, chứ gọi ông đồ mà chi

Cô tôi lại tiếp:

Hỡi người xứ lạ vào đây

Gái son chẳng ghẹo, ghẹo chi nơi này đã chồng con

Ông Tú lại nhắc chú Bốn Nhọn hát:

Rượu ngon cái cặn cũng ngon

Đã thương nhau bất luận chồng con mấy đời

Đám hát hò cười thoải mái. Những ngày yêu thương bắt đầu từ đó...

- Kết luận:

Câu hát hò nhiều vô kể, nếu chịu khó sưu tầm có thể đến hàng trăm hàng nghìn câu hay có thể sưu tập thành sách.

Câu hát lại mang tính trữ tình lãng mạn, luôn đầy kịch tính, nó phản ánh được nội tâm của người sáng tác. Hát hò là một mô hình mang đậm tính trữ tình nhưng không kém phần hoa mỹ.

KỶ NIỆM 100 NĂM

PHONG TRÀO ĐỒNG BÀO (1908 - 2008)

Vè và Ca dao

Phong trào khất sưu, kháng thuế của các tỉnh từ Huế vào đến Phú Yên âm i từ lâu cho đến năm 1908 mới bùng nổ. Sở dĩ phong trào này được gọi là "Đồng bào" là bắt nguồn từ tiếng gọi nhau trong khi xây dựng phong trào. Vì vậy khi nhắc đến phong trào khất sưu, giảm thuế người ta còn gọi phong trào là Đồng bào.

Sơ lược về phong trào kháng thuế Bình Định

Nguyên nhân: năm 1888 vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương bị dập tắt nhưng lòng yêu nước vẫn sôi sục trong lòng dân. Nền đô hộ của Pháp từ đó cũng hoàn chỉnh. Thực dân Pháp bắt đầu thi hành chính sách bóc lột bằng sưu cao thuế nặng, nông dân trăm bề cực khổ.

Sự tình cờ hay cái cớ đầu tiên

Nhân một bữa giỗ ở huyện Đại Lộc – Quảng Nam, hầu hết đều là dân làng, họ vừa ăn uống vừa than phiền về việc sưu cao, thuế nặng. Trong đám có người nảy ra ý kiến, làm đơn đưa lên Chính phủ Nam triều và Công sứ Pháp để xin giảm thuế. Được mọi người tán đồng, hai ông Lương Châu và Trương Hoành ở Quảng Nam lên cơ quan đầu não trình bày nguyện vọng một

cách ôn hòa. Không ngờ khi đến tòa sứ Pháp ở Hội An, người Pháp chẳng để ý gì đến nguyện vọng của dân chúng mà chúng bắt ngay hai ông Châu và Hoành đày đi Lao Bảo.

Nhân dân rất căm phẫn, các nhà cách mạng có khuynh hướng duy tân thúc đẩy phong trào kháng thuế từ Thừa Thiên đến Phú Yên.

Phong trào kháng thuế ở Bình Định

Phong trào nổi dậy như một làn gió nóng lan từ Quảng Nam vào đất Bình Định:

Gió đâu nóng tựa gió Lào

Nấu nung tâm cật tràn vào quê ta

Gió mang hơi ấm mọi nhà

Nhớ người quân tử hương hoa một thời.

(Câu hát ru em.)

Đó là câu ca dao nửa kín nửa mở, tuy xa xôi nhưng nhân dân thời bấy giờ hiểu rất rõ đó là lời kêu gọi hưởng ứng phong trào khất sưu giảm thuế.

Một bài thơ song thất lục bát từ miền ngoài được phổ biến:

Cơn mưa gió trời Nam bảng lảng

Bước anh hùng nhiều chặng gian truân

Gẫm xem con tạo xoay vần

Gây nên một cuộc canh tân cũng kỳ

Khắp nhân sĩ lưỡng kỳ Trung Bắc

Bỗng giật mình chợt tỉnh cơn mơ

Học, thương xoay đủ mọi nghề

Cái hồn ái quốc gọi về cũng mau

Hồn đã tỉnh bảo nhau cùng dậy

Chưa học bò vội chạy đua theo

Khi lên như gió thổi diều

Trong hò chống thuế ngoài reo phá thành.

Đây là một đoạn trong bài thơ kể chuyện duy tân xuất hiện trong thời kỳ ấy. Bài do cụ Huỳnh Thúc Kháng chép lại in trong giai thoại làng Nho của Lãng Nhân (trang 97 - 98). Có lẽ bài khá dài nhưng trong sách chỉ có đoạn trên.

Phong trào được lan vào Bình Định do Nho sinh Phan Long Bàn bắt liên lạc với những người có tâm huyết ở Bình Định như: Nguyễn Khiêm, Trần Vỹ, Đặng Tiên ở Hoài Ân - Hoài Nhơn. Ban đầu họ kết nạp những người trong nhà, trong làng xóm ở vùng quê hẻo lánh vào phong trào:

Anh em ta cả thảy, xin khuyến ngã khuyến ngã dân quyền

Răng rứa chừ không khai trí hóa

Sao cho khá với người để tiếng cười xấu hổ ngàn năm.

Nghìn năm lâu dài ai hỡi ai.

Cũng mắt tai trong cõi trần ai

Khắp phủ huyện, anh em ta gắng sức.

- Rủ nhau cắt tóc đi tu

Tụng kinh "độc lập" ở chùa "duy tân"

Người nào hưởng ứng thì cúp tóc:

Tay trái cầm lược

Tay phải cầm kéo

Húi hề, húi hề

Thủng thẳng cho khéo

Bỏ cái ngu này, bỏ cái ngu này

Học mới từ đây

(Theo Lộc Xuyên - *Nhân vật Bình Định*)

Việc đầu tiên là cúp tóc. Vào thời ấy việc cúp tóc là việc rất quan hệ. Người xưa quan niệm rằng tóc là quan hệ nhất, là của ông bà cha mẹ để cho mình, nếu cắt đi là phạm vào trọng tội. Nếu người Trung Hoa có "đuôi sam" thì người Việt Nam có "búi tó". Búi tó là hình ảnh, là quốc hồn của người Việt xưa. (Xem ảnh vua Hàm Nghi ta thấy rõ). Nếu cắt đi là quên mất cội nguồn dân tộc. Hưởng ứng thì họ sẵn sàng nhưng cắt cái búi tó lại là việc rất khó. Dần dần nhờ sự vận động khéo léo, một số người có học là các nho sinh cắt trước, mọi người bắt chước làm theo:

Búi tó búi tó

Cái khó theo sau,

Bao nhiêu cơ cầu

Bấy nhiêu khổ cực

Nào ruộng nào đất

Bỏ công cấy cày

Làm lụng suốt ngày

Sao không no ấm

Hai sương một nắng

Đói rách hãy còn

Cả cái cùng con

Nhà nhà ăn cám

Hỏi bởi tại đâu

Thuế má đầy đầu

Vai không gánh nổi

Tiếng than vang dội

Khắp cõi Trung kỳ

Chung sức bước đi

Đồng bào ruột thịt

Trước tiên cắt bỏ

Của khó trên đầu

Cắt bỏ cái ngu

Tay cầm, tay thủ

Nhập vào hàng ngũ

Một bọc đồng bào

Khất thuế giảm sưu

Canh tân cuộc sống(*)

Năm 1908 cụ Hồ Sỹ Tạo nhân dịp về cư tang mẹ thì cũng vào lúc này phong trào khất sưu giảm thuế dâng cao. Đang đau buồn vì tang chế lại thêm việc rắc rối khiến cụ rất suy tư. Trời hừng sáng một đoàn người đến nhà, họ cung kính nói:

Bẩm quan - chúng tôi đến để xin lĩnh ý của quan về việc... chưa hết lời tiến sỹ vội bảo:

Xin các người đừng gọi tôi là quan nữa, tôi xin làm dân... thế là mọi người mừng rỡ tán thưởng. Chỉ trong một ngày mà tin ấy đã loan đi khắp tỉnh. Được sự tham gia của vị tiến sĩ Hòa Cư, phong trào như sôi sục hẳn lên. Hàng ngàn người cùng cắt tóc ngắn, kéo nhau lên thành Bình Định. Đoàn người dài đến 3, 4 cây số. Đến cửa Đông là nơi các quan Nam triều đóng ở đó, rồi cùng nhau kéo xuống Quy Nhơn nơi quan công sứ Pháp đóng để yêu sách. Phong trào bị đàn áp dã man, nhiều người chết ngay vì bị đánh đập, một số bị bắt. Tiến sĩ Hồ Sỹ Tạo bị kết án tử hình, nhưng sau được giảm còn khổ sai chung thân.

Có một bài vè cũng được gọi là "vè đồng bào" được phổ biến. Lớp người lớn tuổi ở An Nhơn đều thuộc. Bài vè như một lời kêu gọi kể lể, cảm thông những cực khổ trong tù:

(*) Bài ghi chép, trong khi đi tìm dòng văn nghệ dân gian, bài do cụ Bảy Thước ở Lộc Thuận - An Nhơn cung cấp. Cụ bảo năm 1908 cụ đã 15 tuổi. Cụ còn cho biết thêm phong trào rất mạnh, sôi sục suốt mấy tháng liền. Họ gọi nhau là đồng bào. Hai chữ đồng bào được giải thích là cùng chung một bọc, trong truyện mẹ Âu Cơ đẻ ra trăm trứng.

Đêm năm canh kèn thổi tò le

Ngày sáu khắc đứng ngồi chẳng tiện

Thiếu chi kẻ thiên kinh vạn quyển

Lắm cảnh tù, hiền giả hóa ngu

...Nhớ hiền phụ lệ tuôn lai láng.

Có người bảo đó là bài của tiến sĩ Hòa Cư. Nhưng giới trí thức bấy giờ bảo là không phải của tiến sĩ vì lời văn nôm na như muốn bày tỏ lòng yêu mến vị tiến sĩ đã nhiệt tình với phong trào.

Ngoài tiến sĩ Hồ Sỹ Tạo còn nhiều người bị bắt, bị giết, chỉ cần thấy người nào cắt búi tó là bắt giam, đến nỗi nhà lao không còn đủ chỗ. Thế nhưng trong lao tù vẫn có những vần thơ:

Cũng bởi đâu bày hướng tự cường

Cả tổng, lý, hường thôn đều cúp trọi

Phải chi khất thuế sưu mà đặng khỏi

Thà chịu mang tiếng với đồng bào...

Phong trào lắng xuống và tan rã nhưng dư âm vẫn còn mãi trong lòng dân chúng.

VÈ CÁC LÁI

A. HÁT VÔ

Ghe bầu các lái đi buôn

2. Đêm khuya ngồi buồn, kể chuyện ngâm nga

Bắt từ Gia Định kể ra

4. Anh em thuận hòa ngoài Huế kể vô

Trên thời ngói lợp tòa đô

6. Dưới sông thủy cát ra vô dập dìu

Trên thời vua Thuấn, vua Nghiêu

8. Ngoài dân, trong triều tòa chính sửa sang

Trên thời ngói lợp tòa vàng

10. Dưới dân buôn bán nghênh ngang chật bờ

Này đoạn các lái trở vô

12. Thuận An là chốn thuyền đô ra vào

Vát[1] ra một đỗi khơi cao

---

[1] Vát: Chạy thuyền giỏ bằng cách kéo xiên xiên lá buồn, theo Paulus Huỳnh Tịnh Của. *Đại Nam quấc âm tự vị*. Tr.544.

14. Ta sẽ lần vào thì tới Cửa Ông[2]

Nay đà giáp phủ Thuận Phong

16. Hòn Am, Cửa Kiểng nằm trong thay là

Nới lèo, ráng bánh trở ra

18. Khỏi mũi Châu Mới[3] thì ta lần vào

Ngó lên núi Ải[4] rất cao

20. Ta sẽ lần vào Hố Chuối, Hang Dơi[5]

Ghé vô củi nước nghỉ ngơi

22. Hòn Hành nằm đó là nơi Cửa Hàn[6]

Cửa Hàn còn ở trong xa

24. Ngoài mũi Sơn Trà lại có Hòn Nghê[7]

Vũng Nồm, Vũng Bắc dựa kề

26. Mỹ Khê[8] làng mới làm nghề lưới đăng

Ngó về Non Nước[9] thẳng băng

---

[2] Cửa Ông: Cửa Tư Hiền, nơi đầm Cầu Hai ăn thông ra biển.

[3] Mũi Châu Mới còn có tên là Mũi Chân Mây, thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[4] Núi Ải: Núi Hải Vân.

[5] Hố Chuối, Hang Dơi: Hai địa danh nằm ở phía đông chân đèo Hải Vân.

[6] Hòn Hành: Hòn núi án ngữ bên cửa Hàn, có dáng như một củ hành. Cửa Hàn tức cửa Đà Nẵng. Bắt đầu từ câu 22 trở đi là thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

[7] Hòn Nghê: Quả núi nhỏ nằm chân dãy Sơn Trà có hình con nghê.

[8] Mỹ Khê: Nay thuộc quận 3, thành phố Đà Nẵng.

[9] Non Nước: Tức Ngũ Hành Sơn.

28. Có chùa thờ Phật, Phật hằng linh thiêng
Lao Chàm[10] nay đã gần miền
30. Hòn Lá, Hòn Lụi nằm liền Hòn Tai
Năm hòn nằm đó không sai
32. Hòn Khô, Hòn Dài lố nhố thêm vui
Ngó về Cửa Đợi thương ôi
34. Hòn Nồm[11] nằm đó mồ côi một mình
Tam Ấp, Xà Bửu[12] có rạn trời sinh
36. Bàn Thang, Cửa Lỡ liên kinh An Hòa[13]
Sa Cần, Châu Ổ[14] bao xa[15]
38. Ngoài mũi Cây Quýt thiệt là Tổng Binh
Lâm châm, cỏ ngựa[16] trời sinh
40. Làng Gành, Mỹ Giảng ăn quanh Vũng Tàu[17]
Nới lèo, ráng lái mau mau
42. Châu Me, Lò Rượu[18] sóng xao Hòn Nhàn[19]

---

[10] Củ lao Chàm gồm có 5 hòn đảo nhỏ nằm cách Cửa Đợi 10 hải lý.
[11] Hòn Nồm: một đảo nhỏ nằm ngoài khơi cửa Đợi.
[12] Tam Ấp, Xà Bửu: Cửa sông nhỏ chảy ra vùng An Hòa.
[13] Các địa danh thuộc huyện Tam Kỳ ở phía Nam Quảng Nam - Đà Nẵng.
[14] Cửa Sa Cần: Nơi con sông Châu Ổ chảy qua huyện Bình Sơn, đổ ra biển.
[15] Bắt đầu từ câu 37 trở đi là thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi.
[16] Lâm châm, cỏ ngựa: Hai loại cỏ mọc nhiều ở vùng này.
[17] Vũng Tàu: Cửa Sa Kỳ.
[18] Châu Me, Lò Rượu: Địa danh thuộc huyện Tư Nghĩa.
[19] Hòn Nhàn: Hay củ lao Nhàn, nơi cư trú của loài chim biển lông màu trắng.

Vát mặt xem thấy Bàn Thang

44. Ngoài thời lao Ré nằm ngang Sa Kỳ[20]

Quảng Ngãi, Trà Khúc núi chi?

46. Có hòn Thiên Ấn[21] dấu ghi để đời

Hòn Sụp ta sẽ buôn khơi

48. Trong vịnh, ngoài vời, núi đất mênh mang

Buồm giăng ba cánh sẵn sàng

50. Anh em chúng bạn nhiều đàng tư lương

Mỹ Á, Cửa Cạn, Hàng Thương[22]

52. Chạy hết Bãi Trường[23] xích thố băng băng

Hèn chi lời thốt thuở xưa

54. Nam thanh nữ tú đã vưa con người

Gặp nhau chưa nói đã cười

58. Kìa mũi Từ Phú là nơi nhiều ghè[24]

Non xanh nước biếc chỉnh ghê

---

[20] Củ lao Ré: Nằm ở ngoài khơi của Sa Kỳ.

[21] Hòn Thiên Ấn: Một trong 10 cảnh đẹp của Quảng Ngãi, đứng soi bóng xuống dòng sông Trà Khúc.

[22] Tên cửa biển thuộc huyện Đức Phổ.

[23] Bãi Trường cũng có tên là Bãi Dài.

[24] Mũi Từ Phú: nằm bên cửa An Dũ, nơi sản xuất đồ gốm: Ghè là một loại chum, vại, lu (tiếng địa phương).

60. Bãi Hường, Gành Trọc dựa kề Lộ Giao[25]

Ngó ra thất Lố Khô Cao[26]

62. Ta sẽ đi vào cửa cạn Hà Ra[26]

Bàu Bàn, Gành Mác bao xa[27]

64. Trống Kinh, Hòn Đụn thiệt là Lố Ông[28]

Ngó vô thấy mũi Vi Rồng

66. Hòn Lan, Nước Ngọt ăn vòng Hòn Khô

Trực nhìn Suối Bún, Vũng Tô

68. Ông Ầm nằm đó lớn to vô hồi

Thương cha nhớ mẹ ngùi ngùi

70. Hòn núi Kẻ Thử có người bồng con[29]

Nhớ lời thề nước hẹn non

72. Bồng con tạc đá ghi son để đời

Vũng Nồm,Vũng Bấc buông khơi[30]

---

[25] Các địa danh thuộc huyện Hoài Nhơn.

[26] Lố Khô Cao: Lố là núi đá nhô ra biển. Nơi đây còn gọi là Hòn Quy, án ngữ cửa Hà Ra. Cửa Hà Ra dưới triều Minh Mạng là một cửa quan trọng có đặt đồn biên phòng, nay cửa bị bồi lấp.

[27] Các địa danh trên nằm trong thắng cảnh Bạch Sa Động, nơi trảng cát chạy dài dọc bờ biển, tạo thành một cảnh quan thơ mộng nơi ven biển Bình Định.

[28] Lố Ông: tức Lố Ông Giả, thuộc huyện Phù Mỹ.

[29] Kẻ Thử: còn có tên là Cách Thử, ngày xưa có tên là Nha Nhiên hải tấn. Trên núi Kẻ Thử là Hòn Vọng Phu.

[30] Vũng Nồm,Vũng Bấc nằm dọc theo bán đảo Triều Châu, phía ngoài có Hòn Cỏ, Hòn Cân án ngữ.

74. Trong vịnh ngoài vời, Hòn Cỏ, Hòn Cân[30]

Nam lò Eo Vượt rần rần[31]

76. San Hô, Mũi Mác ăn lần Hòn Mai[32]

Cửa Giã có hòn Án ngoài

78. Các lái thường ngày hay gọi lao Xanh

Vùng Mú[33] trong vịnh, ngoài gành

80. Cù Mông, Vũng Trích ăn quanh bãi liền

Gành Bà[34] ai khéo đặt tên

82. Sơn Dương, Gành Móm nối liền Vũng La[35]

Bắt từ Vũng Lấm bương qua

84. Xuân Đài, Mũi Yến chạy qua Sông Cầu

Mái Nhà, Cát Xối liền nhau[36]

86. Sơn Thủy sắc màu tợ gấm kim quy

Ngó vô mây nước cực kỳ

---

[31] Eo Vượt: Eo biển hiểm trở, vào mùa Nam, gió thổi rất mạnh, thuyền bè qua lại nơi đây dễ gặp tai nạn.

[32] Hòn Mai: tức bán đảo Phương Mai, địa danh San Hô, Mũi Mác nằm trên bán đảo này.

[33] Từ câu 79 trở đi là địa phận tỉnh Phú Yên.

[34] Cù Mông, Vũng Trích, Gành Bà: Những địa danh thuộc huyện Sông Cầu.

[35] Sơn Dương, Gành Móm, Vũng La, Vũng Lấm: Những địa danh thuộc huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

[36] Cù lao Mái Nhà và Cát Xối: Thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

88. Trong thì có mả[37] ngoài thì có lao
Giữa kinh có một Hòn Trảo[38]
90. Hòn Yến, Hòn Mác ăn vào Ma Liên[38]
Hòn Chùa, Hòn Dứa[38] nằm riêng
92. Chóp Chài[39] nằm đó ăn liền Bãi Dinh[40]
Ngó vô thất tháp[41] xinh xinh
94. Nới lèo, ráng lái bãi Dinh dặm dài
Tuy Hòa cách chẳng bao dai
96. Qua khỏi nơi này tới mũi Trà Nông
Hòn Khô[42] đá chất chập chùng
98. Thông trong có vịnh, giữa dòng có kinh
Mũi Nạy có Đá Bia xinh
100. Tạc để lưu truyền nối nghiệp Hùng Vương
Vũng Rô núi tấn bốn phương[43]

---

[37] Mả: Tục truyền, xưa Cao Biền chết chôn ở nơi đây. Điều này không đúng với lịch sử.
[38] Các Hòn Mác, Hòn Yến, Hòn Chùa, Hòn Dứa nằm phía ngoài bãi biển Ma Liên, Ma Liên: theo truyền thuyết, đây là nơi họp chợ "âm dương", nên có câu ca dao: "Ma Liên là Ma Liên tiên. Đi chợ mang tiền có kẻ theo bưng. Bán rồi bỏ nước xem chừng. Tiền nổi thì chớ, tiền chìm thì vắng".
[39] Núi Chóp Chài: Nằm ở phía tây bắc thị xã Tuy Hòa.
[40] Bãi Dinh: Tên gọi xưa của bãi biển Tuy Hòa.
[41] Tháp: Ngôi tháp Chàm mang tên Tháp Nhạn, bên sông Đà Rằng.
[42] Hòn Khô: Nằm bên cạnh mũi Trà Nông.
[43] Vũng Rô: Một vũng lớn kín gió nằm dưới chân Đèo Cả.
Từ câu 101 trở đi là bước vào địa phận tỉnh Khánh Hòa.

101. Mịt mờ sơn thủy như gương tựa đồ
Bịt bùng, chi một đường vô
104. Dầu nồm, dầu bấc không xô phía nào
Hòn Nưa[44] không thấp không cao
106. Ta sẽ đi vào Bãi Võ[45] sóng ngang
Hòn Gầm[46] sóng vỗ đá vang
108. Chạy khỏi Cát Thắm lại sang Đồi Mồi
Anh em thề thốt than ôi
110. Chạy khỏi Đồi Mồi tới đầm Ba Gia[47]
Ngó vô bãi cát Trường Sa
112. Có mũi Đăng Lưới, không nhà thôn dân[48]
Xà Cừ[49] nay đã hầu gần
114. Lần qua Bãi Giếng lánh thân Trâu Nằm[50]

---

[44] Hòn Nưa: Nằm trong Vũng Rô.
[45] Bãi Võ: Tên gọi xưa kia của bãi biển Đại Lãnh, một thắng cảnh, một địa điểm du lịch hấp dẫn ven chân Đèo Cả.
[46] Hòn Gầm: Cù lao án ngữ ngoài Vũng Rô.
[47] Cát Thắm, Đồi Mồi, đầm Ba Gia: Những địa danh thuộc huyện Vạn Ninh (Khánh Hòa).
[48] Mũi Đăng Lưới: Nơi đây ngư phủ làm nghề lưới đăng hay ghé ngang qua để phơi lưới.
[49] Xà Cừ: Hòn núi đá có màu sắc óng ánh như xà cừ khi ánh mặt trời chiếu xuống.
[50] Bán đảo Hòn Gốm chạy từ đèo Cổ Mã đâm ra biển dài 30km, tạo thành một vũng kín là vịnh Vân Phong. Bãi Giếng và Vũng Tàu nằm thuộc vịnh Vân Phong, huyện Vạn Ninh.

Nam lò Hòn Khói[51] tăm tăm

116. Cứt Chim, Hòn Bạc, Cây Sung, Chà Là[52]

Nha Trang, đất Chụt[53] bao xa

118. Kẻ vô mua đệm, người ra mua chằng

Gặp nhau chào hỏi lăng xăng

120. Xùng xình Bãi Miễu phăng phăng lướt vào

Nhìn ra Nội, Ngoại[54] sóng xao

122. Vát mũi chạy vào Bãi Dài, Con Nghê[55]

Chụt đèn ngó xuống chỉnh ghê

124. Ngó về Hòn Tý dựa kề Cam Linh[56]

Mò O, Dỏ Tó rất xinh

126. Lại thêm Đá Vách dựa kề Vũng Găng[57]

---

[51] Hòn Khói: Một bán đảo thuộc huyện Ninh Hòa, nơi trước đây thời Nguyễn có đặt đồn canh. khi có giặc cướp ngoài biển thì đốt khói lên, báo động dân chúng bên trong đất liền biết.

[52] Đây là những hòn đảo nhỏ nằm phía bắc vịnh Nha Phu.

[53] Chụt: Vạn chài nằm bên cửa Bé (cửa Nha Trang), nơi từ lâu người ta bán những mặt hàng dành cho ghe thuyền đi biển: đệm buồm, dây neo, dây chằng, phao, lưới... Chụt vốn có nghĩa là "vũng nhỏ ở dựa gành có thể cho ghe thuyền núp gió" (*Đại Nam quấc âm tự vị*).

[54] Hòn Nội, Hòn Ngoại: Hai hòn đảo nằm ngoài khơi Nha Trang. Có nhiều chim yến làm tổ.

[55] Bãi Dài, Con Nghê: Những địa danh ở phía nam Cửa Bé.

[56] Cam Linh: Cam Ranh.

[57] Đá Vách, Vũng Găng: Vùng núi đá thẳng đứng như bức thành.

Vùng Găng, Đá Vách tựa thành

128. Hai bên núi tấn vây quanh như buồng

Mặc dầu thuyền đậu bán buôn

130. Nào ai đình trú ở luôn mặc lòng

Túi thơ bầu rượu rong chơi

132. Buồn dương ba cánh nhắm vời chạy ra

Nam mù mù Hòn Chông, Bãi Lúa[58]

134. Khỏi Ma Văn mới tới Phan Rang[59],

Vũng Tròn lai láng nguồn cơn,

136. Trông xa thăm thẳm là rừng Mũi Dinh[60]

Qua Mũi Dinh cho liền Chín Vại[60]

138. Tắt mặt trời, bẻ lái đi ra

Nhắm chừng Bãi Lưới băng qua

140. Hướng Tây chỉ mũi, lái đà gác đông

An Hòa lẳng lặng muôn phần

Lao Cao, Cà Ná[61] là đây

---

[58] Bãi Lúa: Ở thôn Thái An. Nơi đây, xưa kia có đoàn ghe bầu chở lúa từ Nam ra Bắc, bị sóng đánh chìm. Người ta vớt những bao lúa lên phơi, số lúa rơi rớt lại trên bãi, gặp mưa mọc thành mạ xanh. Từ đó có tên là Bãi Lúa.

[59] Ma Văn: Một cửa biển của tỉnh Ninh Thuận.

[60] Mũi Dinh, Chín Vại: Những địa danh thuộc Ninh Thuận.

[61] Lao Cao: Củ lao Lao Cao. Cà Ná: vùng sản xuất muối nổi tiếng nằm tựa vào mũi Sừng Trâu.

144. Lòng Sông, Mũi Chọ thẳng vô La Gàn[62]

Ngó vô thuyền đậu nghênh ngang

144. Gành Son, Trại Lưới tiếng vang làng nghề[62]

Cửa Duồng nay đã gần kề

148. Lạch kia Phan Rí ghe nghè xôn xao

Nhắm chừng Mũi Nhỏ băng qua

150. Vũng Môn, Đá Dựng đã xa Hòn Hường

Hòn Nghề. Quảng Thí dựa nương

152. Hòn Rơm, Mũi Né là đường vô ra

Ghe thuyền tụ tập gần xa

154. Phú Hài, Phan Thiết ấy là trạm trung

Hỡi ai đốn củi Gành Thông[63]

156. Sơn lâm một gánh chất chồng hai vai

Kê Gà[64] nay đã đến nơi

158. Anh em làm lễ một hồi cho qua

Nới lèo, quay lái trở ra

---

[62] Sông Lòng Sông chảy qua thị trấn Tuy Phong đổ vào một vùng biển nhỏ cạnh mũi La Gàn.

Từ câu 144 trở đi thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận.

[62] Gành Son, Trại Lưới: Hai làng chơi ven biển có nhiều đặc sản có giá trị, trong đó có loại sò, điệp.

[63] Gành Thông: Nằm cạnh Hòn Nốt, gần Phan Thiết.

[64] Mũi Kê Gà: Mũi đất nhô ra biển. Vốn là Khe Gà mà người ta phát âm trại ra.

160. Hòn Lang, Cửa Cạn ấy là Tam Tân[65]

Sóng ào ào, buồm giương ba cánh

162. Chạy một hồi tỏ rạng La Gi[66]

Hòn Bà, Rạn Gõ một khi[67]

164. Ngoài khơi Rạn Đập, trong ni Rạn Hồ[67]

Buồn giương ba cánh chạy vô

166. Hòn Bà, Hóc Kiểm quanh co Hồ Chàm[67]

Kim ngân lễ vật cúng dường

168. Lâm râm khấn nguyện lòng thường chớ quên

Bãi Giống chạy thẳng Xích Ram[68]

170. Lưới Rê qua khỏi, Rạn Cam nằm ngoài

Ngòi Ba Lũy sóng rền Cửa Cạn[68]

172. Vát một hồi tỏ rạng Thủy Vân[69]

Ngoài Kỷ Vân trong liền Giếng Bộng[69]

174. Vát một hồi lồng lộng xa khơi

Ba non chót vót cao vời

---

[65] Cửa Cạn: Theo *Đại Nam nhất thống chí*, tỉnh Bình Thuận, có tên là của Thiên Môn, thời Nguyễn trung hưng có đặt đồn binh. Tâm Tân: Thị trấn ven biển thuộc huyện Hàm Tân, Bình Thuận.

[66] La Gi: Theo ĐNNTC tỉnh Bình Thuận. Cửa tấn La Gi xưa có đặt đồn binh.

[67] Các địa danh thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

[68] Các địa danh đều thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

[69] Thủy Vân (còn gọi là Kỷ Vân), Giếng Bộng: Địa danh thuộc Vũng Tàu

176. Muốn cho khỏi rạn phải lơi ra ngoài
Vũng Tàu kìa đã đến rồi
178. Trình đồn, rồi lại thẳng nơi Sài Gòn
Nhà Bè nước chảy chia hai
180. Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.

B. HÁT RA

Tiếng đồn các lái Đồng Nai
2. Tháng giêng cưa ván, tháng hai đóng thuyền
Tháng ba củi lửa huyên thuyên
4. Tháng tư dọn thuyền quay trở lộn ra
Sài Gòn, Rạch Giá bao xa
6. Lần theo tăm cá xa nhà đã lâu
Một trăm ông lái làu làu
8. Đi qua Giáp Nước[1] Vũng Tàu phải ghê
Kỳ Vân có bãi lưới rê[2]
10. Non cao biển thẳm ủ ê tấc lòng
Khúc nôi lụy nhỏ đằm đằm
12. Xích Ram đã khỏi, Bãi Dầm[3] đã qua,
Hồ Chàm, Hồ Đứng de ra[3]

---

[1] Giáp Nước: Nơi hai dòng hải lưu gặp nhau ở ngoài khơi Vũng Tàu.
[2] Kỳ Vân: Mũi Kỳ Vân, còn gọi là Thủy Vân, thuộc phường Phước Hải, Vũng Tàu.
[3] Các địa danh đều thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

14. Thân Trong nằm trước. Mũi Bà nằm trong
Cù Mi thượng hạ song song
16. La Gi[4] nằm khuất phía trong Hòn Bà[5]
Cây Khô, Cửa Cạn đã qua[6]
18. Trực nhìn Khe Cả nay đà kề bên
Dập dìu ghe lưới bủa chen
20. Xa trông đã thấy Mũi Đèn ở kia
Đồn rằng Phan Thiết lịch thay
22. Sớm chiều phiên chợ tối ngày bán buôn
Trên đường xe chạy bon bon
24. Dưới sông thuyền đậu bán buôn rộn ràng
Phú Hài[7] chừ đã liền sang
26. Buồm dong ba cánh lòng càng thảnh thơi
Mũi Né[8] ta sẽ buông khơi,
28. Trong thời có xóm ăn chơi bỉ bàng
Anh em nước, củi đàng hoàng
30. Nước mắt hai hàng lụy nhỏ xót xa

---

[4] La Gi: Cửa sông Dinh, thuộc huyện Hàm Tân. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, xưa nơi đây dưới triều Nguyễn có đặt đồn binh.
[5] Hòn Bà: Cù lao nằm trước cửa La Gi.
[6] Cửa Cạn: Còn có tên là Cửa Thiên Môn.
[7] Phú Hài: làng cá nằm bên cửa sông Cà Ty (Phan Thiết).
[8] Mũi Né: Nơi sản xuất nước mắm ngon nổi tiếng.

Hòn Nôm, Quảng Thí[9] kia là

32. Ngó lên Mũi Nhỏ, trồng qua Hòn Nghề[9]

Ngồi buồn cám cảnh ê chề

34. Hỏi con sóng bổ tới quê bao thì?

Con Nghê[10] sao khéo dị kỳ

36. Ra nằm nước mặn luận chi thương hàn

Mãi trông vừa thấy một đàng

38. Đi ngoài, Nội, Ngoại[11] cầm làn gác giăng

Anh em bèn bảo nhau rằng

40. Trầu cau, nước hết, gác giăng làm gì?

Quạt cào sang kiếm một khi,

42. Chụt Đèn[12] đã khỏi, tới khi Lò Kho[13]

Tai nghe lưới đánh, mành hò

44. Buông lên một đỗi còn lo xùng xình

Ngó vô Bãi Miễu vắng tanh

46. Tư bề quạnh quẽ trong mình xót xa

Có người cố quận kia là

---

[9] Hòn Nôm, Quảng Thí, Hòn Nghề: Những cù lao ở ngoài khơi Mũi Né.

[10] Con Nghê: hay Hòn Nghề nằm ngoài khơi Cam Ranh.

[11] Nội, Ngoại: Tức Hòn Nội và Hòn Ngoại, hai cù lao nằm ngoài khơi Nha Trang, nơi có rất nhiều tổ yến.

[12] Chụt Đèn: Địa danh nằm bên Cửa Bé, Nha Trang, nơi trên đồi cao có ngọn hải đăng

[13] Lò Khô: Làng cá, nơi chuyên làm nghề hấp cá để có thể chuyên chở đi đường xa.

48. Mai qua Bãi Chụt[14] để mà gặp nhau
Vừa chào, vừa chạy cho mau
50. Kẻ lo mua bán, người sầu niềm tây,
Cầu Đá, Cửa Bé[15] là đây
52. Bãi Dông[16] đã khỏi ló rày Nha Trang
Trên thời quán xá rộn ràng
54. Dưới sông thuyền đậu nghinh ngang quá chừng
Gặp nhau mừng rỡ tưng bừng
56. Rượu trà thết đãi vui chung chào mời
Kẻ thời ăn uống vui chơi,
58. Người thời ve vãn những lời nguyệt hoa
Kẻ thời mua song cùng lá [17]
60. Người thời mua đệm, mua cau, mua hèo[18]
Kẻ thời mua dây buộc lèo
62. Người mua sống lá đem theo xỏ tiền[19]
Kẻ mua thuốc bánh thuốc viên

---

[14] Chú: Tên một vạn chài nằm bên Cửa Bé, nơi mua bán những dụng cụ dùng cho ghe thuyền đi biển, đã có một thời khá sầm uất.
[15] Cầu Đá, Cửa Bé: Cầu cảng được xây dựng bằng đá, nên có tên là Cầu Đá.
[16] Bãi Dông: Một bãi cát dài nằm ở phía nam Cửa Bé
[17] Song: mây song: Lá: Lá buông dùng đan đệm buồm
[18] Hèo: loại mây song lấy từ Hòn Hèo rất tốt, người ta dùng làm gậy
[19] Sống lá: cọng của lá buông, rất dẻo, người ta ngày xưa dùng để xâu tiền kẽm thành chuỗi.

64. Người mua thuốc xấp để nguyên đem về
Đôi ta kết nghĩa phu thê
66. Cùng qua mua bán mà mê tấm tình
Đất Chụt là đất nhàn thanh
68. Trai chuyên biển giã, gái rành bán buôn
Thôi thôi chớ nói thêm buồn
70. Kéo neo mà chạy đi luôn kịp thời
Ngó vô Hòn Đất thương ôi
72. Ngoài thời Hòn Bạc lẻ loi một mình
Vũng Túc, Cầm Bấc[20] cảnh xinh
74. Muôn Xưởng, Hòn Nọc liên kinh Chà Là [21]
Cây Sung, Mũi Cỏ[22] đã qua
76. Bến đò Cồn Cạn vang xa tiếng đồn
Hòn Lớn, Hòn Nhỏ chỉn khôn[23]
78. Cứt Chim, Hòn Đỏ[22] đến hôm nào lầm
Trông lên một đỗi tăm tăm
80. Gần nơi Cửa Nhỏ rạng danh Bãi Trường[24]
Trâu Nằm[25] ngoài nước chín phương

---

[20] Các địa danh bên vịnh Nha Phu, huyện Ninh Hòa, Khánh Hòa.
[21] Chà Là: Còn có tên là hòn Trà La, nơi có yến sào.
[22] Các địa danh nằm ở phía đông bán đảo Phước Hòa - huyện Ninh Hòa - Khánh Hòa.
[23] Các địa danh nằm ở phía đông bán đảo Phước Hòa.
[24] Bãi Trường: còn có tên Nôm là Bãi Dài.
[25] Hòn Trâu Nằm: (khác Vũng Trâu Nằm) ở ngoài Mũi Gành.

82. Sóng xô, gió tạt mênh mông tứ bề

Xa Cừ[26] cách trở sơn khê

84. Buông lên một đỗi ngó về Ba Gia

Đồi Mồi[27] chân chở xề ra

86. Thông trong Cát Thắm chạy ra Hòn Gầm[27]

Hòn Gầm sóng bổ lao xao.

88. Vát mặt nghinh vào Bãi Võ[28] sóng ngang

Thương con nhớ vợ trăm đàng

90. Nước mắt hai hàng lụy ứa thấm biên

Sừng sững Đá Chồng[29] mọc lên

92. Bia tạc để truyền nối đức Hùng Vương

Hướng lên một đỗi dặm trường

94. Vũng Rô[30] núi tấn bốn phương như nhà

Đầu gành Mũi Nạy[31] xề ra

96. Bên bên có bãi hiệu là Bãi Môn

Bãi Tiên, Bãi Xếp[32] kề bên

---

[26] Xa Cừ: Hòn củ lao, đá núi khi phản chiếu ánh sáng mặt trời ông ánh như xa cừ nằm ở ngoài khơi bờ biển Rạn Ninh.

[27] Những địa danh nằm phía cực bắc của tỉnh Khánh Hòa.

[28] Bãi Võ: Bãi Đại Lãnh.

[29] Đá Chồng: Núi Đá Bia.

[30] Vũng Rô: Một vùng lớn, rất kín gió, nằm ở chân Đèo Cả.

[31] Mũi Nạy: Mũi đất nằm ở phía nam cửa biển Đà Nông.

[32] Bãi Tiên, Bãi Xếp: Những bãi cát trắng dài với phong cảnh đẹp chạy từ Mũi Nạy đến cửa Đà Nông.

98. Hòn Khô[33] nằm trước ấy miền Trà Nông[34]
Biển bờ lai láng mênh mông
100. Ngó vô thấy tháp Dinh Ông, Đà Rằng[35]
Chóp Chài[36], Ma Liên[37], Mây Nức chừng ngằn
102. Hòn Chùa, Hòn Dứa[38] nằm giăng kia là
Hòn Yến, Hòn Mác, Cát Xối đã qua[38]
104. Mồ xây, mả đắp đồn xa ông Cao Biền[39]
Vốn là người ở Đại Niên[39]
106. Tìm long điểm huyệt, dựng bia chốn này
Bàn Thang[40] lun lúp lá, cây,
108. Anh em cố nhớ, kẻo rày dễ quên
Hòn lao nước chảy hai bên

---

[33] Hòn Khô: Hòn đảo nhỏ án ngữ trước cửa Đà Nông.
[34] Trà Nông: Còn có tên là Đà Nông, một cửa biển nhỏ, nơi con sông Bàn Thạch đổ ra biển.
[35] Dinh Ông: Tức Tháp Nhạn, nằm bên thị xã Tuy Hòa, Đà Rằng: con sông Ba phát nguyên từ vùng núi Tây Nguyên đổ ra biển, chảy trên đất Phú Yên, đoạn chảy qua Tuy Hòa mang tên Đà Rằng.
[36] Chóp Chài: Hòn núi nằm ở phía tây bắc thị xã Tuy Hòa.
[37] Ma Liên: Xem thêm chú thích ở Vè Các lái (hát vô) câu 90.
[38] Hòn Chùa, Hòn Dứa, Hòn Yến, Hòn Mác: Các củ lao nằm ở ngoài khơi động cát Ma Liên.
[39] Theo truyền thuyết dân gian vùng này, nơi đây có mả ông Cao Biền, không đúng với lịch sử.
[40] Bàn Thang: Cụm núi ven biển thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

110. Thông trong Rạn Lẽ, phía trên Vũng Bầu
Ngó vô cửa Mới thêm rầu
112. Nay bồi, mai lở cạn sâu vô chừng
Gặp nhau nửa tủi, nửa mừng
114. Xa xa Cát Xối liền chưn Mái Nhà[41]
Gành Đèn chớn chở xô ra
116. Gò Bàng[42] cát sạn ăn qua Bãi Trầu[42]
Sơn Đài[43] xanh ngắt một màu
118. Hòn Yến[44] cui cút lại hầu ngoài khơi
Mưa sa, giá lạnh tợ đồng
120. Bãi Ngang, Gành Đỏ[45] bạn cùng làng đôi
Buồm dong, mắt ngó biển trời
122. Ngó ra Lao Xá[46] lẻ loi một mình
Trông về Vũng Lấm rất xinh
124. Vôi tô, ngói lợp, chen chân phố phường

---

[41] Mái Nhà, Cát Xối: Hai cù lao nằm ngoài khơi huyện Tuy An, Phú Yên, phía ngoài đầm Ô Loan.
[42] Gò Bàng, Bãi Trầu: Những địa danh thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.
[43] Sơn Đài: tức Xuân Đài, một vũng rộng sâu, nước rất trong.
[44] Hòn Yến: Nằm ngoài khơi xã An Chấn, huyện Tuy An, nơi sản xuất nước mắm ngon nổi tiếng.
[45] Bãi Ngang, Gành Đỏ: Vùng đất đối diện với cù lao Ông Xá.
[46] Lao Xá: Tức cù lao Ông Xá nằm ngoài vịnh Xuân Đài, câu ca dao: "Ngó vô Vũng Lấm, Sông Cầu, Cù Lao Ông Xá đứng hầu một bên".

Đây, kia nhà ở hai phương

126. Bắc cầu Sông Cạn[47] làm đường vãng lai

Sáng, chiều họp chợ xoay vần

128. Thuyền bè tấp nập, khách thương đủ miền

Trực tình nhớ tới sự riêng

130. Kéo neo mà chạy nhắm miền quê cưa

Hết Thìn sang Tỵ vừa trưa

132. Song Giang nước lớn đò đưa Sông Cầu

Quán Chùa nay ở nơi đâu?

134. Vũng Chào, Vũng Sứa lại hầu Vũng La[48]

Gành Tướng, Mũi Móm[48] trông ra

136. Mo O đã khỏi, sang qua Gành Bà[49]

Ngó về bãi cát Trường Sa

138. Phong cảnh nơi đó xinh đà quá xinh

Cù Mông, Vũng Trích[50] ăn quanh

140. Vũng Mú trực chỉ Cù Lao Xanh sáng đèn[51]

Thuận buồm xuôi gió một phen

---

[47] Sông Cạn: Ở xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, khi thủy triều xuống bày ra bãi cát, có thể đi ra đến cù lao Nhất Tự Sơn không cần thuyền.

[48] Các địa danh thuộc huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

[49] Gành Bà: Thuộc huyện Sông Cầu.

[50] Cù Mông, Vũng Trích: Ranh giới tự nhiên giữa Phú Yên và Bình Định.

[51] Nơi đây có ngọn hải đăng.

142. Ghé vô Cửa Giã[52] trong miền Hòn Mai[53]
Gành Ráng mút tận Bãi Dài[54]
144. Băng qua Bãi Nhạn[55] vô chơi phố phường
Đi cho thấu chữ Quy Nhơn
146. Giáp đầm Thị Nại[56] hãy còn sử xanh
Vô chợ, ăn bún song thần
148. Hỏi mua nón ngựa[57] để dành về quê
Thiếu gì hải vị sơn khê
150. Vào nam, ra bắc, ê hề ngựa xe
Nói chơi sợ nẩu cười chê
152. Day qua Mũi Mác, San Hô[58] dong buồm
Eo Vượt[59] ló thấy Cỏ, Cân[60]
156. Vũng Nồm, Vũng Bấc[60] kề gần làng đôi

---

[52] Cửa Giã: Cửa Thị Nại, Quy Nhơn.
[53] Hòn Mai: Tức bán đảo Phương Mai, nằm bên cửa Thị Nại.
[54] Gành Ráng, Bãi Dài: nằm ở phía nam thành phố Quy Nhơn.
[55] Bãi Nhạn: Còn có tên gọi là Nhạn Sa.
[56] Đầm Thị Nại: Nơi hai con sông Côn và sông Hà Thanh đổ nước ra biển, ngày xưa là một hải cảng quan trọng của vương quốc Chăm Pa.
[57] Nón ngựa: Được sản xuất tại Gò Găng, nên cũng có tên là nón Gò Găng, ngày xưa những người đi ngựa hay đội loại nón này.
[58] Mũi Mác, San Hô: Những địa danh nằm trên bán đảo Phương Mai.
[59] Eo Vượt: Eo biển hiểm trở, rất nguy hiểm cho thuyền ghe qua lại vào mùa gió nam thổi mạnh.
[60] Cỏ, Cân: tức Hòn Cỏ, Hòn Cân, hai cù lao án ngữ phía ngoài Vũng Nồm, Vũng Bấc, dọc theo bán đảo Triều Châu.

Ngó vô Cách Thử[61] thương ôi

158. Trông chồng hóa đá, tích đời còn ghi[61]

Vũng Tô, suối Bún là đây[62]

160. Hòn Khô, Nước Ngọt dựa kề hòn Lan[62]

Vũng Bầu ở chếch phía nam

162. Vi Rồng, Phường Mới[62] giăng ngang kia là

Lố Ông, Mũi Đụn[63] đã qua

164. Gành Mác đã khỏi, Hà Ra[63] hầu gần

Tiếp theo là xóm Hội Vân

166. Phong cảnh xoay vần đến mũi Lộ Giao[64]

Vùng cù sóng bổ lao xao

168. Nồm thổi ngọt ngào, ghe chạy thưng thưng

An Dũ[65] sâu cạn không chừng

170. Lời đồn có miếu thổ thần linh ghê

Tam Quan rày đã gần kề

---

[61] Cách Thử: Còn có tên là Kẻ Thử, ở gần bên núi Vọng Phu.

[62] Những địa danh nằm trong thắng cảnh Bạch Sa Động một trong những cảnh đẹp của Bình Định.

[63] Lố Ông, Mũi Đụn, gành Mác: Thuộc huyện Phù Mỹ, Bình Định.

[64] Lộ Giao: Thuộc huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

[65] Cửa An Dũ: thuộc xã Hoài Hương - huyện Hoài Nhơn, nơi có nghề truyền thống câu cá mập, làm vi cá.

172. Đất này nổi tiếng Tân Khê nhiều dừa

Nhớ lời thề thốt thuở xưa

174. Tiếng hát mài dừa lảnh lói[66] thâu đêm

Tai nghe dạ xót niềm riêng

176. Nhổ neo mà chạy hướng lên Sa Hoàng[67]...

(Hai bài vè Hát Vô và Hát Ra này được trích trong sách *Ca dao Nam Trung bộ*, Nxb KHXH, 1994 với chú thích của hai tác giả Thạch Phương và Ngô Quang Hiển).

ĐÔI ĐIỀU VỀ BÀI VÈ CÁC LÁI

Bài vè được phổ biến rộng khắp giới ngư dân.

Bài viết theo thể lục bát biến thể, lời văn nôm na mang tính dân gian nên được gọi là Vè các lái. Lái là danh từ chung để chỉ những người điều khiển ghe thuyền trên biển. Người đi biển ngày xưa không có la bàn, bản đồ, chủ yếu là theo kinh nghiệm. Muốn làm nghề này ngư dân phải theo nghề từ nhỏ. Lúc đầu họ là những đứa trẻ theo thuyền để sai vặt. Lớn lên 16 tuổi, mới được thực thụ gọi là *bạn*. Trước tiên hoạt động trong vùng biển gần, sau mới ra khơi *"đi khơi đi lộng"*. Dần dần mới đi đến các thành phố Sài Gòn, Hà Nội đó là niềm mơ ước. Vì thế mỗi lần

---

[66] Lảnh lói: Gần nghĩa với lảnh lót (*Đại Nam quấc âm tự vị*).

[67] Sa Hoàng: Tức Sa Huỳnh, vùng đất cực nam của tỉnh Quảng Ngãi.

qua một chuyến đi họ tích lũy được nhiều kinh nghiệm, hiểu biết. Cứ nhìn trời nhìn nước mà đoán được thời tiết. Biển cả thì mênh mông, họ chỉ căn cứ vào những đỉnh núi cao, hình dạng thế nào để biết mình đã đi đến đâu. Từ đó họ thuộc lòng từng cửa biển, từng hòn đảo, những mỏm núi, những bãi san hô, đá ngầm và cả những eo đầm... Ngư dân làm cá, ngư dân chuyên nghề đi biển ở Bình Định hầu hết đều thuộc lòng bài vè này. Có thế họ mới rút được nhiều kinh nghiệm, họ mới lái thuyền được. Lái là trưởng toán chịu trách nhiệm về chuyên môn điều khiển ghe. Chủ thuyền là người có thuyền nhưng mọi việc đều theo đề nghị của lái. Có nơi gọi chủ thuyền là lái và người điều khiển là lái phụ.

Bài vè xuất phát từ Bình Định

Bình Định là đất yêu thơ nên mọi sự việc đều có thể chép thành thơ, vè. Mặc dù câu thơ không hoa mĩ nhưng nhiều ý lạ và hay.

Chữ "vè thủy trình" có lẽ mới được đặt từ người sưu tầm. Ở Bình Định luôn gọi là "vè các lái" mặc dù 2 chữ đều có nghĩa tương đồng, chữ các lái lại rõ ràng hơn, dân dã hơn.

Trong bài có rất nhiều tiếng địa phương của Bình Định:

Chữ *vát* (câu l3) là danh từ chuyên môn trong nghề lái thuyền, áp dụng khi thuyền hơi ngược gió. Tuy nhiên qua phương tiện chiếc buồm mở lớn, nhỏ theo hướng nào để thuyền có thể đi ngược hướng gió. Ngoài ra ở Bình Định trong giới ngư dân thường dùng chữ chạy "ganh". Chạy ganh là

chạy nghịch hướng gió nên thuyền phải nghiêng. Bằng cách đặt một đòn dài qua thân ghe, dùng vật nặng đặt một bên làm đối trọng để giữ trọng tâm thuyền. Có thế thì thuyền mới đi ngược gió được.

Bài vè có nhiều tiếng nôm na mang tính địa phương rất rõ như: *thiệt là*, (câu 38). Chữ *ngó*, đồng nghĩa với chữ trông; chữ *ghè* đồng nghĩa với chữ *hũ, ché*, chữ *tối ngày* đồng nghĩa với *suốt ngày; một đỗi* như một lúc, *thuốc xấp* là thuốc lá được xâu lại thành xấp...

Đặc biệt nhất là từ *nẫu*. Từ này hoàn toàn là tiếng địa phương, đặc trưng nhất không thể lầm vào đâu được. Ví dụ:

Thương chi cho uổng công tình

Nẫu về xứ nẫu, nẫu bỏ mình bơ vơ

Câu ca dao phổ biến nhất ở các làng, vạn vùng biển.

Bài vè hình thành lúc nào?

Đúng theo nhận xét của người sưu tầm, bài vè xuất hiện vào khoảng đầu thế kỷ thứ XIX với những câu:

"Trình đồn rồi lại thẳng nơi Sài Gòn" (câu 178 hát vô). Đồn này là đồn tây, đã có sau cuộc đô hộ của Pháp đã hoàn chỉnh. Chữ "de" tức là lui ra. (Arrière) Vè cũng chịu chung luật hình thành của ca dao. Nghĩa là lúc đầu có người xướng lên trước là ông Kiều rồi được phổ biến. Sau mỗi lần đi, trước cảnh mắt thấy tai nghe mà câu vè được bổ sung, sửa đổi. Một hành trình dài ngàn dặm, nhất là trên biển, chắc lúc đầu không hoàn toàn đầy đủ vì đó có sự bổ sung thay đổi chút ít.

Tác giả chính là ai?

Qua nhiều tài liệu, chúng tôi cũng tìm ra được một số giả thuyết sau: 1. Ông La Xuân Kiều, một dòng họ hiếm ở Bình Định. Họ này có thể thuộc về người gốc Trung Hoa và xuất hiện ở vùng An Thái, Bình Khê, Tây Sơn. Làng này đã theo và ủng hộ nhà Tây Sơn lúc khởi nghiệp cho đến lúc thành công. 2. Người sưu tầm bảo rằng La Xuân Kiều là một trong *Tây Sơn ngũ mĩ,* người huyện Phù Ly Quy Nhơn. Sau khi nhà Tây Sơn mất thì La Xuân Kiều đã trốn, mai danh ẩn tích, ngày ngày theo thuyền đó đây để tiêu dao ngày tháng và ông sáng tác nên bài vè này. 3. Cũng có ý kiến cho rằng trong "nhà Tây Sơn" thì La Xuân Kiều không phải trong nhóm ngũ mĩ, mà thuộc nhóm Lục Kì Sĩ: Võ Xuân Hoài, Nguyễn Thung, Trương Mỹ Ngọc, La Xuân Kiều, Trần Đình Thiệp và Cao Tắc Tựu.

Trong *Non nước Bình Định*, khi viết về cửa Đề Gi có đoạn: "Cửa Đề Gi cũng như cửa Kim Bồng, hẹp, không sâu nên tàu lớn không vào được. Ngay trước cửa chừng 2 hải lý, có mấy hòn đảo nhỏ tục gọi là Hòn Trâu. Trên bản đồ ghi là Iles aux buffles. Không biết đó có phải là đảo trâu nằm mà vị tiền bối là ông Kiều đã đề Vịnh chăng?

Trâu ai cắc cớ chẳng ăn đồng

Lúc ngúc ra nằm giữa biển Đông

Sóng bạc lô xô xao trước mặt

Rong ranh tấp tểnh đóng bên hông

Cán roi Ninh Thích không sờn dạ

Ngọn lửa Điền Đan chẳng cháy lòng

Phải gặp ông Y mà hỏi thử

Nội sằn lúc trước có cày không?

Ông Kiều còn có bài Vè các lái kể các nơi có tiếng đi dọc theo bờ biển từ Phú Xuân đến Gia Định.

Một chi tiết tuy nhỏ nhặt nhưng mang tính xác định. Trong bài hát ra ông chỉ kể đến Tam Quan - Bình Định là hết, là tới quê nhà. Chứ không phải là nơi bắt đầu đi vô là Huế:

Nhớ lời thề thốt thuở xưa

Tiếng hát mài dừa thánh thót thâu đêm

Tai nghe dạ xót niềm riêng

Nhổ neo mà chạy hướng lên Sa Hoàng.

VÈ CHÀNG LÍA

Có người ở phủ Quy Nhơn
Quán Phù Ly huyện gần miền Bình Khê
Cha xưa lính thú thải về
Ăn cận ngồi kề, sinh đặng một con
Thời trời thế nước chon von[1]
Cha thác, mẹ còn, Lía chịu mồ côi
Dậm chưn ba tiếng kêu trời
Thân tôi có mẹ, dưới đời không cha
Mụ gia[2] chi thảm xót xa
Xóm làng thấy vậy cũng đà thương thay
Thảy đều giúp đỡ một hai
Qua cơn túng khốn khi rày mà thôi
Lía ta tính lạ ai tày
Tuy là hung dữ lâu nay tiếng đồn
Nhưng mà hiếu thảo ai hơn

---

(1) Chon von: Cheo leo, ý nói thời buổi khó khăn
(2) Mụ gia: Tiếng gọi chỉ người đàn bà đã có tuổi rồi.

Nhiều người trông thấy vẫn còn nhớ ghi
Hành hung đương lúc thị kỳ(3)
Chết sống Lía chẳng kể gì đến ai
Nhưng mà thấy mẹ sợ thay
Dẫu đang hung dữ trở ngay thành hiền
Trong lòng khiếp sợ rất nên
Thấy mẹ ưu phiền, Lía rất xót xa
Một hôm ra tới làng ngoài
Gặp con chú Xã cả hai vui vầy
Lía ta tánh dữ hay gây
Giành chơi chi đó, cả tay đánh người
Chú Xã giận đã hết hơi
Vội vàng trỗi bước(4) đến nơi la rầy
Mụ nghe chú nói sự này
Lòng càng thổn thức đắng cay thảm sầu
Lía ta ngoài nội bước vào(5)
Thấy mẹ buồn bã xiết bao lo lường
Ân cần hỏi lại mẹ dường
Chuyện chi mà mẹ thảm buồn xin phân
Mẹ già sầu não trăm phần

---

(3) Thị kỳ: Cậy ta đây
(4) Trỗi bước: Bước vội
(5) Ngoài nội: Ngoài đồng

La rằng con thiệt chẳng tuân theo lời
Ra ngoài gây họa theo đòi
Thân ta vô phước mới thời sinh mi
Nói rồi hột lụy tâm ly
Lía ta thấy vậy xiết chi đau lòng
Lạy mẹ thưa lại đục trong
Xin mẹ thôi chớ nhọc lòng lo âu
Thà cho con chết xong đời
Còn để họ hiếp(6) nhớp đời chịu đâu
Nay con để mẹ phải rầu
Từ đây con sẽ trước sau nhịn nhường.
Mụ rằng con thiệt khá thương
Phận mình đương lúc cùng đường thất cơ
Đừng nên ỷ sức dại khờ
Muôn điều phải nhịn, để lo sự mình.
Chớ nên làm dữ đua tranh
Nghèo hèn há dễ chống kình đặng ai
Mẹ sanh có được mình mày
Nếu con sinh sự chẳng hay còn gì?
Mấy lời mẹ dạy khá ghi
Không được gây gổ làm chi với người

---

(6) Hiếp: Hiếp đáp, bắt nạt.

Lía nghe hối hận đang khi
Cúi đầu lạy mẹ bước đi ra ngoài
Trong lòng chi xiết ai hoài
Lời mẹ dặn đó từ nay ghi lòng
Vừa đi vừa xét đục trong
Kiếm nơi làm lụng, ngõ phòng dưỡng thân[7]
Lía ta suy xét xa gần
Vừa hay ngang ngõ hương thân trong làng
Thình lình tiếng chó sủa ran
Làm cho chàng Lía kinh tâm hãi hùng
Chó kia hung tợn muôn phần
Nhảy a[8] táp Lía mười phần nguy nan
Lía liền né tránh gọn gàng
Cầm đá mà liệng ngõ toan giữ mình.
Vừa hay đá trúng tâm linh[9]
Chó kia vỡ óc thình lình chết ngay
Lía ta thấy thế sợ thay
Hương thân tiếng dữ xưa nay vẫn đồn
Trong lòng lo tính muôn phần
Hương thân mà biết khổ thân thế nào

---

(7) Dưỡng thân: Nuôi thân, còn có nghĩa là nuôi mẹ
(8) Nhảy a: Nhảy sấn vào
(9) Tâm linh: Ý nói trúng chỗ hiểm ở đầu,

Còn đương toan liệu trước sau
Bồi hồi chưa biết đi đâu lánh mình
Thình lình bị thộp[10] thất kinh
Ngó ngoái lại nhìn, đích chú Hương thân
Hương thân mặt giận hằm hằm
Nạt vang mày thiệt một thằng hung hoang
Mày liệng chó tao chết rõ ràng
Thằng này lớn mật to gan quá chừng
Lía ta thưa lại đục trong
Hết lời năn nỉ ngõ phòng xin dung
Lỡ tay trong lúc rối lòng
Liệng dọa nó sợ để hòng lánh đi
Chẳng dè nó chết một khi
Thì là quá rủi nên chi nỗi này.
Hương thân ngẫm nghĩ, chau mày
Thằng này nghèo khó, đền ngay có gì?
Thôi đành tống khứ nó đi
Lần này tao thứ, cút đi cho đành
Lía ta mừng rỡ khôn lanh
Thoát qua tai nạn, chạy nhanh về nhà
Mụ gia thấy trẻ hỏi qua

---

(10) Thộp: Nắm lấy ngực áo.

Đi đâu con nói cho ta đặng nào
Lía bèn kể lại trước sau
Con đi kiếm việc ngõ hầu làm ăn
Nhưng mà thiệt rủi vô ngần
Tìm không ra việc khó khăn thay là!
Mụ gia mới tỏ gần xa
Con ơi nhìn lại trong nhà khổ sao!
Mẹ nay đầu bạc tuổi cao
Thiệt chẳng còn có sức nào nuôi con
Nay con tuổi đã lớn khôn
Lại lo nuôi mẹ đỡ cơn túng cùng
Mẹ nay đang lúc đói lòng
Chẳng còn một trự[11] một đồng thảm thay
Mẹ chịu nhịn đói ngày nay
May sao có được củ khoai đỡ lòng.
Lời mẹ nghe xói tâm trung
Khiến cho Lía phải não nùng thiết tha
Rưng rưng ứa lụy thưa qua
Xin mẹ an dạ ở nhà chờ con
Dứt lời trỗi bước dời chưn
Mụ gia vội vã kêu con hỏi rằng

---

(11) Trự: Một đồng.

Đi đâu con khá bày tàng
Cho mẹ biết chốn, ngõ an tấc lòng.
Lía ta thưa lại đục trong
Con nay chưa tính trong lòng đi đâu
Mụ gia căn dặn trước sau
Phải nghe lời mẹ trước sau chỉ bày
Tuy ta nghèo túng nỗi này
Nhưng phải giữ dạ sạch ngay cho toàn
Chớ nên vì buổi nguy nan
Mà làm những việc tham gian của người
Lía quỳ lạy mẹ thưa lời
Xin mẹ an dạ, con thời gắng ghi
Bồi hồi bước vội chưn đi
Trong lòng buồn bã việc chi tim mà!
Bỗng nghe văng vẳng nẻo xa
Tiếng ai cười nói thiệt là rộn vang
Lía ta bước đến vội vàng
Thấy nhà phú hộ chuyện ran vui mừng
Đám cưới đông đã quá chừng
Uống ăn rầm rộ vô cùng thỏa vui
Ngậm ngùi xét khúc nổi trôi[12]

(12) Khúc nôi: Nỗi niềm, tình cảnh.

Nhà này giàu có ắt người đức nhân
Âu là vào đó nhờ thân
Cầu người thương xót thi ân đỡ mình
Phú ông giàu có gia đình
Nhưng mà chẳng đặng hiền lành đức nhân
Con người ích kỷ muôn phần
Bởi chưng giàu có xóm làng nể kiêng
Lía ta nào rõ sự duyên
Tưởng là giàu có hẳn hiền hơn ai
Thấy họ ăn uống đông đầy
Lía bèn vội vã bước ngay vào nhà
Bầy chó rộn rực túa ra
Nhảy chồm bâu sủa thiệt là hung hăng
Lía ta kinh sợ vô ngần
Tới lui chẳng tiện trăm phần khó khăn
Phú ông trông thấy rõ ràng
Bước ra la chó nạt vang hỏi rằng
Thằng này lớn mật to gan
Đi đâu mau khá bày tàng[13] thấp cao
Chuyện chi bay tới nhà tao
Ăn mặc rách rưới khác nao ăn mày

---

(13) Tảng: Tường tận, rõ ràng

Lía bèn thưa lại một hai
Thân tôi đói khổ khó thay chăng cùng
Nghe đồn lượng cả phú ông
Đến xin cứu vớt, mở lòng đoái thương
Nhà tôi phải lúc tai ương
Mẹ già khốn khó trăm đường gian nan
Cút côi thân phận cơ hàn
Thật là túng bấn nghèo nàn xót xa
Tôi thay mẹ góa ở nhà
Mấy ngày chịu đói thật là thảm thương
Thân hèn đi khắp tứ phương
Kiếm nơi ở đợ mong dường nuôi thân
Đi đà khắp chốn thôn lân
Chưa ai chịu mướn nên lần tới đây
Xin ông thương lấy thân này
Ra tay tế độ ơn tày tợ sông
Phú ông cười nhạt mà rằng
Mau mau mi khá tìm đường ra ngay
Nhà tao đâu mướn thứ bay
Khá tầm nơi khác ngõ may được nhờ
Lía nghe lụy nhỏ dầm dờ
Cúi xin mở lượng tôi nhờ chút nao

Cơm thừa cá cặn dường bao

Cha mẹ được bữa thỏa thao[14] lòng người

Phú ông tức giận thốt lời

Cơm thừa cá cặn đến nơi đau mày

Chó tao lớn nhỏ một bầy

Nó ăn chẳng đủ, cho mày lấy đâu?

Có khôn mày khá đi mau

Nhược bằng đứng đó, tao huýt chó sủa bâu bây giờ

Lía ta nghe rõ lại do

Trong lòng tức tối ngẫn ngơ bất bình

Lẽ nào tàn nhẫn cho đành

Chẳng thương kẻ khó cho ăn lúc này

Thiệt là lũ chó nhà đây

Hơn người nghèo khổ ta nay quá chừng

Bồi hồi Lía tức tràn hông

Ngẫm thân đành phải dằn lòng làm thinh

Xung gan chi xiết bất bình

Há nào dám hé sự tình nỗi chi

Phú hộ huýt cho tức thì

Một bầy hung dữ thừa khi hiếp người

---

(14) Thỏa thao:Thỏa lòng

Nhảy vô làm dữ vô hồi
Con chồm con sủa xem thôi kinh hoàng
Lía ta sửng sốt bàng hoàng
Bỏ chạy ra ngõ tìm đàng lánh thân
Chó bầy hung dữ muôn phần
Rượt theo đuổi Lía, sủa rân khắp làng
Lía ta chi xiết hoang mang
Chun vào bụi rậm bên đàng lánh thân
Phú hộ khi ấy cười rân
Huýt bắt bầy chó vào sân tức thì
Lía ta phách tán hồn phi
Ngồi không cục cựa xiết chi kinh hoàng!
Đang ngồi trong bụi thở than
Dè đâu nhằm chỗ kiến vàng tuôn ra
Chít chiu sa số hằng hà
Cắn chàng bấn loạn nhảy ra kêu trời
Phủi lia dông chạy tách vời
Phút thôi mệt đuối kêu trời xót đau
Trách người tàn nhẫn độc sâu
Chẳng lòng thương tưởng chút nào kẻ nguy
Cơm thừa để có ích gì
Cho ta đỡ tạm mẹ già ngóng trông

Dặm đàng mỏi cẳng bực lòng
Oán tên phú hộ ở lòng bất nhơn
Mồ hôi nhỏ giọt ròng ròng
Tay chưa mỏi rụng vô cùng thiết tha
Chẳng dám bước trở lại nhà
Về nhà thấy mẹ đói đà sao ăn?
Ngày ngày đi khắp xóm làng
Vô phương hết kế biết toan lẽ nào?
Bây giờ con biết làm sao
Cha ôi, mẹ hỡi, nói sao được chà?
Lía ta chi xiết sầu đà
Ngập ngừng chưa bước xót xa thảm sầu
Hai hàng lụy ngọc thấm bâu
Nhìn trời ngó đất đớn đau muôn phần
Vừa đi vừa xét bần thần
Ngang qua trước ngõ Hương thân xem chừng
Lía ta đã đến nước cùng
Ngẫm xem Hương quản có lòng hiền lương
Đánh liều vào đó bày tường
Cầu xin giúp đỡ kẻ đương nguy nàn
Nghĩ thôi chưa bước vội vàng
Vào thưa Hương quản một đàng thủy chung

Kể qua những nỗi lao lung
Kể qua những nỗi khốn cùng chịu qua
Chú Hương nghe rõ đủ là
Nhìn xem kỹ lại, quả là Lía đây
Chú Hương mới hỏi lời này
Đi đâu khuya khoắt thế này hỡi mi?
Ban ngày sao lại chẳng đi
Hay mày gian giảo ý chi chăng là?
Lía liền lời mới thưa qua
Cả ngày đi khắp gần xa xóm làng
Thân này quả thiệt khốn nàn
Chẳng ai cứu giúp cơ hàn khúc nôi
Chú Hương thương kẻ hàn vi
Rằng mày nói vậy dễ gì mà tin
Nói thôi chưa hết sự tình
Thím Hương trong cửa ứng thinh như là
Thằng này chẳng phải lạ xa
Vốn này đồn đại rất là dữ hung
Khá mau đuổi nó chớ chừng
Đừng cho nó đứng tráo trưng nhà mình
Chú Hương còn chút nhân tình
Dữ đâu chẳng dữ với mình thì thôi

Hồi chiều cơm nguội có dư
Còn này giúp nó qua hồi làm ơn
Thím rằng cơm nguội tuy còn
Cho chăng đến nó được nhơn ngãi gì?
Nói rồi quầy quạy đuổi đi(15)
Lía ta thấy vậy ngậm ngùi đắng cay
Nước đời sâu độc thế này
Lòng người nham hiểm thân rày biết đâu!
Biển sông dò dặn cạn sâu
Nhân tình hiểm hóc, lòng nào dò sông?
Nhớ hồi ta chửa lớn khôn
Họ ham giành giật tranh hơn hoang đàng
Ức thôi đánh lộn rộn ràng
Chẳng cho người hiếp, họ rằng dữ hung
Còn họ độc ác vô cùng
Nào ai trách họ, họ không xét lường?
Càng nghĩ càng giận phi thường
Trách ai tàn nhẫn vô lương bất nghì
Rê chưn(16) về chốn mẹ già
Cả ngày mẹ đói lòng đà xót xa

---

(15) Quầy quạy: Lắc đầu một mực từ chối
(16) Rề chưn: Đi từng bước chậm rãi.

Nghĩ thầm chắc mẹ trông ta
Nhưng ta chẳng có chút gì biết sao
Nếu ta cứ bước chưn vào
Để mẹ mừng tưởng càng đau đớn lòng
Lía ta lụy nhỏ ròng ròng
Đứng sau chòi vách vô cùng thiết tha
Nghe mẹ rên xiết trong nhà
Rằng sao thằng Lía con ta chưa về?
Lòng già đang đợi trăm bề
Đêm nay đói nữa thân hề còn đâu?
Nghe mẹ than thở âu sầu
Làm cho chàng Lía âu sầu héo hon
Xiết chi những nỗi đau lòng
Chòi tranh chẳng dám dời chưn bước vào
Bồi hồi dạ ngọc xót đau
Đánh liều tính đến trước sau một điều
Nhớ lời mẹ dặn đã nhiều
Tham lam nhớ giữ, làm điều vẹn thân
Đến nay trong lúc nguy nàn
Giữ làm sao đặng chính ngay được nào
Mẹ già răn nhỏ trước sau
Lòng con ghi nhớ lẽ nào dám quên

Nhưng giờ đến lúc đảo điên
Cam đành trái mẹ mới yên thân mình
Dốc lòng cố giữ lòng thành
Mà trời chẳng giúp, phải đành gian tham
Lía ta tính đến cùng đàng
Nhằm nhà phú hộ, vội vàng đến nơi
Chó bầy đã ngủ hết rồi
Tuốt vô chuồng vịt xách đôi về nhà
Chòi tranh qua cửa tức thì
Mụ gia trong thấy hỏi chi chớ mà?
Lía thời mới lựa thưa qua
Có cậu Hương ấp thương ta vô cùng
Thấy con khốn khổ lao lung
Hỏi con đã rõ đục trong sự tình
Nghe con bày tỏ nỗi mình
Cậu mới thương tình bắt vịt cho con
Mụ gia nghe rõ thiệt hơn
Tin theo lời trẻ, chẳng còn ngại nghi
Xúm quanh làm vịt một khi
Xong đem ăn uống đỡ khi nguy nàn.
No lòng mừng rỡ trăm phần
Mụ gia còn dặn đừng tham của người

Dù rằng chết đói thời thôi
Lía nghe biết vậy đành rồi bỏ qua
Gian tham tuy xấu nhưng là
Bởi sao họ chẳng chịu mà giúp ta?
Ngày kia Lía nọ đi xa
Cả ngày mạ chửa ăn qua lót lòng
Âu đành lại tính mới xong
Miễn sao họ chọn phận con đủ đàng
Lía ta vào lén trong làng
Bắt gà trộm vịt, ngõ phòng đỡ nguy
Chẳng dè Lía rủi một khi
Bị người bắt đặng xiết chi kinh hoàng
Lía ta tuy thật lẹ làng
Vừa toan tẩu thoát, xóm làng tuôn ra
Chiếc thân nguy hiểm thay là
Chủ nhà bắt đặng kéo ra giữa đàng
Làng đem chú Lía đóng gông
Hội tề nhóm lại, om sòm hỏi han
Hương thân trổ giọng nạt vang
Lía mày là đứa hung hoang làng này
Thiệt mày gan dạ lắm thay
Nhè nhà Hương quản để mày gian tham.

Lía rằng thiệt chẳng đành cam
Nhưng về cảnh ngộ nguy nan buộc mình
Làng rằng mày chớ nói lanh[17]
Làm ăn chẳng muốn lại đành tà gian
Thiệt mày tội đánh trăm đàng
Phen này khó nỗi, đặng an đâu mà!
Sao không ở mướn người ta
Kiếm tiền nuôi dưỡng mẹ già chớ chi?
Lía mới thưa lại một khi
Mấy ông không biết chuyện chi xa gần
Tôi đây bao quản cực thân
Chẳng biết mấy lần đi hỏi làm ăn
Nhưng mà khốn nạn vô ngần
Chẳng ai chịu mướn khó khăn bần cùng.
Làng nghe nổi giận đùng đùng
Rằng thằng gian ác mựa[18] đừng dối quanh
Trùm đâu mau khá phạt hành
Đánh sao cho nó thất kinh mà chừa
Lía ta chưa kịp tỏ thưa
Bị tên trùm đánh chẳng chừa đi đâu

---

(17) Nói lanh: Quanh co, láu linh.
(18) Mựa: Lọ, chớ

Cắn răng mà chịu trước sau
Da tan thịt nát xót đau vô chừng
Khóc la lụy nhỏ ròng ròng
Lía ta than thở não nùng xiết bao
Xóm làng đang lúc bàn nhau
Hương sư đi trễ trước vào hỏi qua
Chuyện chi đánh trẻ kêu la
Khá tua phân lại gần xa mọi đàng
Hương sư quyền thế trong làng
Nhiều tiền lắm của cả làng nể nang
Lía ta khóc lóc thưa làng
Hương sư rõ chuyện xin làng mở gông
Một thằng con trẻ đói cơm
Làm xằng qua lẽ, đỡ lòng dưỡng thân
Sao mà nỡ đánh nhẫn tâm
Xin cùng hương chức xa gần thứ tha
Nó ở hiếu với mẹ già
Không gì nuôi mẹ sinh ra kế cùng
Xin làng suy xét đục trong
Mấy ai biết nhục mà không giữ mình?
Bởi chưng cơn túng buộc tình
Lại thêm còn tuổi xuân xanh biết gì!

Nghe lời biện bạch như khi
Cả làng đều thảy tức thì tha ngay
Lía ta thoát nạn mừng thay
Lạy người bốn lạy, tỏ bày biết ơn
Hương sư mới tỏ thiệt hơn
Từ nay bỏ tánh chớ còn gian tham
Lía ta khép nép bày tàng
Hiềm vì làng chẳng mướn làm nuôi thân
Thật là khốn nạn muôn phần
Mẹ tôi mà biết khổ tâm thay là
Mấy lời thành thật thiết tha
Hương sư nghĩ ngợi phân ra rằng mày
Đến tao ở mướn từ nay
Nhưng mày phải ráng đổi thay tính tình
Lía nghe thỏa dạ ưng đành
Thề nguyền thay đổi thay lành tính gian
Hương sư trỗi bước vội vàng
Lía vội theo dõi gia đàng đến nơi
Tiền mướn đâu đó tính rồi
Bạc trong tay Lía, Lía vui vô cùng
Cầm bạc chi xiết là mừng
Về nhà cùng mẹ đục trong giãi bày

Thuật qua các việc vắn dài
Mụ gia toại chí từ rày khỏi lo
Mừng con đặng chốn ấm no
Phận mình cũng khỏi nguy cơ túng cùng
Việc nhà thu xếp vừa xong
Hương sư biểu Lía ra đồng chăn trâu
Lía quản chi mưa nắng dãi dầu
Hết lòng chăm chút đáp ơn sâu cứu mình
Mai chiều trọn tấm lòng thành
Chẳng hề sai sót phận mình chút chi
Hằng ngày chăn dắt đàn trâu
Ngoài đồng thoáng đãng, trước sau toại lòng
Có hơn hai chục mục đồng
Từ ngày biết Lía có lòng nể kiêng
Lía ta tâm tánh chẳng hiền
Lại thêm cao lớn rất nên lạ lùng
Chưa đầy mười sáu thu đông
Sức chàng hổ dễ tưởng không ai bì
Tính tình chi thiệt lạ kỳ
Không chịu ai hiếp, nhiều khi sinh rầy
Thường ngày chăn dắt ở ngoài
Thả trâu ăn cỏ bãi bày ruộng kia

Chợt ngày nhìn thấy dưới khe
Gốc cây cá lóc nằm kề một bên
Phút đầu vùng cái nhảy lên
Rớt xuống cá đã nằm trên ruộng rồi
Lía ta thấy vậy tức cười
Khen con cá lóc vô hồi tài ba
Chớ chi cá lóc dạy ta
Học theo miếng đó, thiệt là mang ơn
Mục đồng xúm lại hỏi dồn
Lía nhìn chi đó, dừng chưn đứng hoài?
Lía rằng cá lóc rất hay
Nó vùng một cái thiệt tài vô song
Dưới khe sâu thẳm vô cùng
Một cái thoắt vùng, nhảy lẹ lên trên
Mục đồng nghe rõ sự duyên
Có đứa bày giải hư nên tỏ tình
Con cá nó cũng như mình
Tập lâu ắt đặng, chẳng tin thử làm
Lía nghe bèn hỏi cho tàng
Làm sao lại thể học đàng nhảy cao?
Mục đồng bày tỏ trước sau
Cứ đào cái lỗ ban đầu vừa thôi

Mình tập nhảy đặng khỏi rồi
Thì đào sâu nữa, lần hồi sẽ nên.
Lía nghe tỏ rõ căn nguyên
Tấc lòng thơ thới rất nên thỏa đành
Mấy lời gẫm xét rành rành
Lía liền quyết chí tập tành nhảy cao
Mục đồng xúm xít cùng nhau
Giúp chàng đào lỗ thật sâu luyện rèn
Lía ta xuống đó nhảy lên
Cứ làm như vậy nhảy lên gọn gàng
Kiên gan vững chí trăm đàng
Chuyên tâm rèn tập vẹn toàn một năm
Lần lần nhảy giỏi trăm phần
Lỗ nọ đào lần càng bữa càng sâu
Chẳng những Lía nhảy khỏi đầu
Nhảy còn qua khỏi hàng rào thiệt cao
Nghề chi năng luyện năng trao
Thét rồi cũng giỏi lẽ nào đơn sai
Nhảy cao như Lía thiệt tài
Nóc nhà nhảy khỏi ai ai cũng nhường
Mục đồng xem thấy hẳn hường[19]

---

(19) Hẳn hường: Rõ ràng như thế.

Thảy đều kinh sợ, dễ thường dám qua
Lía ta toại dạ thay là
Giỏi nghề cá lóc ai mà dám đương?
Khắp cùng đồng nội ruộng nương
Mục đồng đều thảy kinh nhường Lía ta.
Ngày kia Lía tỏ gần xa
Minh đầy đủ mặt thảy là hai mươi
Chia ra mỗi phía mười người
Giả đò đánh giặc chơi vui cho đành
Thằng Mướp mười bảy xuân xanh
Lớn hơn các đứa, vóc hình cũng to
Nghe Lía bày tỏ căn do
Mướp liền ưng chịu, lựa người phân hai
Xong rồi hai phía ra tay
Cùng nhau đánh giặc vui thay chăng là!
Giữa đồng bày trận chia ra
Rượt qua, đánh lại vui mà nào hơn.
Rốt cùng bên Lía thắng hơn
Mục đồng thảo bấy lòng son những ngày
Lía ta toại nguyện lắm thay
Một hôm kêu tất thảy thay mục đồng
Nói rằng hát bội ngoài đình

Vua bị vai nịnh vây rành không sai
Bọn ta phân cũng làm hai
Thử làm như vậy xem ai thắng nào?
Mục đồng nghe rõ trước sau
Vỗ tay ưng chịu chia nhau trận bày
Lía bên tỏ rõ một hai
Thằng Mướp làm nịnh, tao nay chúa đầu
Nhưng tao giao ước như sau
Làm vua phải để lâu lâu mới là
Thằng Mướp, thằng Bi, thằng Cà
Đều theo phe nịnh gian tà bất trung
Thằng Ổi, thằng Khế, thằng Hùng
Phò vua trọn dạ chính trung mới đành
Bao nhiêu còn lại sắp thành
Làm quan làm tướng theo rành mỗi bên
Lía ta ra lệnh chỉ truyền
Mục đồng hết thảy theo liền vui chơi
Thằng Mười bèn tỏ khúc nôi
Trâu đều thảy cột xong xuôi mọi đoàn
Cùng nhau sau trước một đùm
Kéo vào miễu nọ ngõ toan vui vầy
Đến nơi ngồi dưới cột cây

Xúm quanh bàn luận vắn dài thấp cao
Lía bèn tỏ rõ âm hao
Làm vua phải ngự ngai cao mới là
Đúng như ngài ở trào ca
Tụi bây lo đẹp lòng ta bây giờ
Thằng Mướp hăng hái đôi co
Châu mày phân lại đặng cho Lía tàng
Làm gì mình có ngai vàng
Mày khéo bày chuyện khó toan vô cùng
Ngồi đại dưới đất cũng xong
Ngai vàng khó nỗi, thiệt không thể làm
Lía ta thấy cãi lịnh ban
Nạt rằng vua đã chỉ truyền cãi sao?
Làm ngai nào khó chi đâu
Vào rừng đẵn gỗ khó nào mà chi
Nghe Lía ăn nói dị kỳ
Mướp ta cãi lộn nằn nì hỏi ra
Ngai đâu ở chốn rừng già
Mày khá bày giải cho ta đặng tường
Trái tai chàng Lía đâu nhường
Mắng rằng mày thiệt ngu bường (bằng) con trâu
Ngai kia ở chốn rừng sâu

Ấy tao nói ý, cớ sao không tàng
Đốn cây làm cái ngai vàng
Cột lại như thể cái thang khó gì?
Thằng Mướp nghe nói đành y
Mục đồng chạy tuốt vô thì rừng sâu
Đốn cây cột lại theo nhau
Làm thành ngai giải trước sau như là
Lía ta mặt nở như hoa
Ngang nhiên lên thẳng ngai vua mà ngồi
Nói cười trong dạ mừng vui
Tỷ như mình đã trị ngôi thỏa lòng
Mướp ta mới nói lông bông
Như mày quả thiệt vô cùng cao sang
Chàng Lía mới tỏ mọi đàng
Từ đây y thửa[20] lệnh truyền chớ sai
Mỗi ngày ngồi đại trên ngai
Mục đồng ngồi dưới vui vầy trào ca
Lía ta ngang dọc thay là
Mục đồng nể sợ ai mà chẳng kiêng
Bày chơi vui trước miễu thần
Mục đồng cùng Lía trăm phần thỏa vui

---

(20) Y thửa: Cứ thế

Ngày kia chàng Lía lên ngôi
Nhìn xem xuống dưới đủ người trước sau
Mướp ta chẳng biết đi đâu
Sao rày vắng mặt ai nào biết không?
Mục đồng quỳ tấu song song
Ắt là tên Mướp tráo lòng chi đây
Cùng ta chẳng chịu vui vầy
Không chừng có chuyện bữa nay ở nhà?
Lía ta bèn tỏ gần xa
Thằng Mướp nó chẳng phục ta không chừng
Chờ khi lai đáo trảo trung
Đặng ta hỏi rõ đục trong cho tường
Ví bằng nó chẳng chịu nhường
Cùng ta thí sức đối đương thử tài
Nếu nó thắng được Lía đây
Ta thời quyết hẳn nhường ngôi Mướp liền
Còn đang bàn tán sự duyên
Bỗng thấy Mướp đến đứng bên kia là
Lía ta bèn hỏi cho ra
Sao mày lại đáo trảo ca trễ mày?
Khá tua bày tỏ vắn dài
Đặng ta thấu rõ cho hay thiệt tình

Mướp bèn trổ giọng bất bình
Chơi vầy thiệt chẳng công minh chút nào
Tài chi mày ngự ngai cao
Lẽ thì phải để cho tao ngai này
Bởi tao lớn tuổi hơn mày
Mày còn nhỏ tuổi mà tài cán chi?
Lía ta nghe rõ như y
Trong lòng nổi giận tức thì phân qua
Nếu mày muốn chiếm ngai ta
Hãy cùng thử sức mới là công minh
Nếu mày thiếu sức chống kình
Thì là mày phải chịu đành nhường ngai
Thường ngày tùng phục ta ngay
Ta kêu phải dạ, ta sai vâng lời
Cứ việc thí sức mà chơi
Đặng cho biết rõ ai thời hơn ai?
Mướp nghe Lía nói gật hoài
Nếu đặng như vậy ta đây vui lòng
Lía nghe tức giận đùng đùng
Kế mưu sắp sẵn quyết cùng phen nay
Lía bèn phân lại một hai
Thi tài thử sức rất hay chăng là

Nhưng ta còn muốn nói qua
Thằng Mướp giả kẻ gian tà đoạt ngôi
Sẵn dịp đó phải là vui
Cùng ta tỉ thí đặng coi thế nào
Mướp đà nghe rõ trước sau
Vui lòng thuận dạ xiết bao là mừng
Chia đôi phe nịnh phe trung
Sắp đặt đâu đó đã xong mọi đàng
Mướp ta tỏ vẻ ngang tàng
Cầm côn đứng giữa bệ vàng phân qua
Hôn quân vô đạo kia là
Vô nhơn thiếu đức khó mà trị ngai
Sánh duyên nam bắc đông tây
Thảy đều đồ thán[21] chẳng ai phục tòng
Chẳng đáng kể vị ngai rồng
Làm vua bạo ngược dân không thuận tình
Vua Lía phán hỏi phân minh
Sao rằng vô đạo nói rành nghe qua
Làm vua ngẫm lại như ta
Dư tài dư đức thiệt mà không sai.

---

(21) Đồ thán: Lầm than, khổ cực.

Thằng Mướp mới nói lời này
Mê dâm đắm sắc hôm mai rõ ràng
Chẳng lo công việc trào đàng
Lại chẳng kể đến trăm quan trung thần
Lía nghe kể xấu xa gần
Trong lòng lửa giận phừng phừng bốc lên
Quả mày là đứa tà gian
Võ đao mau khá bắt giam chém đầu
Thốt vừa nói dứt mấy câu
Thì phe vua Lía áp vào ra tay
Mướp ta cầm một khúc cây
Đánh nam đỡ bắc múa may loạn trào
Lía ta tức giận xiết bao
Trên ngai nhảy xuống, xông vào đua tranh
Chàng Lía hết sức lẹ lanh
Lại thêm sức mạnh ai kình cho qua
Đường côn toàn vẹn trăm bề
Múa nghe giông tố tiếng nghe vù vù
Nỗ lực đánh đấm một hồi
Mướp đánh tính chuyện dễ vời bôn phi[22]

---

(22) Bôn phi: Chạy thoát cho nhanh

Kiếm nơi nào đó lánh nguy
Nhưng Lía theo kịp tức thì bắt ngay
Mướp ta mỏi rụng hai tay
Chỉ đỡ chớ khó ra tài cự đương
Lía ta đánh tới khôn lường
Mướp đỡ chẳng kịp, trúng thương vào đầu
Mướp liền choáng váng té nhào
Sọ bể một miếng máu đào chảy thâm
Lía ta hồi hộp sợ thầm
Lỡ tay nên đánh trúng nhằm nguy nan
Cúi bồng thằng Mướp vội vàng
Thấy hồn nó đã suối vàng xa chơi
Hay tin thằng Mướp chết rồi
Mục đồng ai nấy rụng rời tay chân
Thảy đều kinh sợ muôn phần
Kéo nhau ù chạy rần rần kêu la
Lía ta kinh sợ thay là
Chuyện này chẳng dễ cho ta đâu mà
Nên chi làng xóm kéo ra
Ta đây ắt hẳn khó mà thoát nan
Chi bằng ngay sớm lo toan
Mau mau phải kiếm tìm đàng lánh thân

Không sớm tính họa đến gần
Bôn phi thôi khá dời chân lên đàng
Chạy thẳng lên núi tìm phương lánh mình
Thằng Mướp bỏ mạng thình lình
Mục đồng tất thảy thất kinh la trời
Có đứa chạy thẳng một hơi
Về đến nhà hội[23] bày lời thấp cao
Chức hương nghe rõ âm hao
Kéo nhau đến thẳng, ngõ hầu xem qua
Thấy đà tường tận gần xa
Kêu cha thằng Mướp đến mà nhận con
Chú Thơ nghe rõ sự duyên
Ngã ra chết giấc một cơn biết gì
Ôm con mà khóc lâm ly
Hai hàng lụy nhỏ thương bi muôn phần
Xóm làng hỏi lại tỏ phân
Mục đồng khai rõ xa gần trước sau
Làng nghe thấu thiệt âm hao
Biết rằng thằng Lía bấy lâu ngang tàng
Thằng Lía hung dữ ai bằng
Án mạng phải bắt, ngõ toan hành hình

---

(23) Nhà hội: Nhà hội của làng

Nhưng nó đã trốn bặt tin
Làng nghe càng giận bất bình thiết tha
Đoạn này nói việc mụ gia
Đang đau bịnh nặng ai qua mà tường
Ốm nằm rên rỉ trên giường
Lía gây án mạng mọi đường chưa hay
Có người ở cùng xóm này
Nghe tin thằng Lía vội ngay đến nhà
Lựa lời nói với mụ gia
Thằng Lía con bà quá thiệt hung hăng
Mụ gia chưa thấu hỏi rằng
Chuyện chi đến mức bày tàng nghe qua?
Miệng tuy han hỏi gần xa
Mà lòng sảng sốt, mặt đà tái xanh
Người này bèn tỏ hắc minh(24)
Thằng Lía làm việc chẳng lành ghê thay
Nó đánh thằng Mướp chết ngay
Nay đà trốn biệt chẳng hay nơi nào
Xóm làng đang lúc xôn xao
Tìm kiếm thằng Lía bắt vào khảo tra

---

(24) Hắc minh: Đen sáng, ý nói đen trắng rõ ràng

Mụ gia nghe nói xót xa
Kêu lên một tiếng ngã ra tức thì
Thân già bệnh đã thùy nguy(25)
Nay nghe chuyện dữ hồn phi phách rời
Sợ quá bất tỉnh ngất người
Bởi chưng yếu sẵn, tắt hơi chết liền
Thiệt là bao xiết thảm phiền
Mụ gia nghĩ lại rất nên vô phần
Xóm làng khắp chốn xa gần
Nghe tin mụ chết động tâm thương tình
Nghĩ xưa mụ ở hiền lành
Chung quanh chẳng có bất bình chuyện chi
Ngày nay mụ rủi thác đi
Bà con thương xót xiết chi thảm tình
Xóm làng bàn luận phân minh
Con mụ làm dữ bất bình nào sai
Nhưng mụ hiền đức lâu nay
Chẳng lẽ ta để rã thây cho đành
Âu làng cũng khá làm lành
Chung nhau góp đậu(26) đưa linh lên đàng

---

(25) Thùy nguy: Rất nặng, nguy kịch.
(26) Góp đậu: Mỗi người góp một ít

Xóm làng lớn nhỏ lo toan
Kẻ công người của tống an lão bà!
Đến đoạn chàng Lía nhắc qua
Sau khi làm tội rừng già ẩn thân
Nghĩ mà đau đớn lương tâm
Vui đùa thái quá, mang phần nguy nan
Ngùi ngùi suy xét mọi đàng
Ăn năn hối hận xốn xang tấc lòng
Chẳng màng đói khổ nguồn cơn
Chỉ thương cho mẹ biết đường làm sao?
Nếu mà rõ thấu âm hao
Chắc là mẹ phải xót đau vô cùng
Đang cơn bịnh hoạn não nùng
Nghe tin làm dữ, đâu chừng tội con
Bồi hồi trong dạ nao nôn
Chín chiều ruột thắt khác đường kim châm
Xiết bao bứt rứt lương tâm
Lớp thương nỗi mẹ trăm phần chẳng an
Lớp lo mình phải nguy nan
Mạng người chí trọng nghĩ càng xót xa
Mấy ngày ở náu rừng già
Hái trái đỡ dạ thiệt là khốn nguy

Dầm sương dãi nắng một khi
Tấm thân vất vả xiết chi tính lần
Bấm môi cạn xét mọi phần
Khổ lòng chua xót âm thầm lụy rơi
Nhớ thương thân mẹ vô hồi
Nghĩ mình xấu số bồi hồi xót xa
Đói âu cam chịu biết mà
Nếu lần xuống xóm ai mà thứ dung
Thôi đành ở chốn núi rừng
Có đói mà thác cũng đừng có ra
Lần hồi tháng lụn ngày qua
Trái cây đỡ dạ nghĩ mà thảm thương
Từ ngày ngộ cảnh tai ương
Thảm chi chàng Lía đoạn trường xót xa
Ngày đêm thương tưởng mẹ già
Như kim châm dạ thiết tha vô cùng
Nửa trăng chàng Lía ở rừng
Thiệt là thảm khổ não nùng xiết chi
Nhiều khi nóng nảy tức thì
Muốn liều về xóm thăm khi mẹ già
Lía ngồi ngẫm nghĩ xét suy
Liều về viếng mẹ kể gì nguy nan

Chờ khi canh vắng lên đàng
Kẻo người ta thấy sẽ toan cáo mình
Trải qua rừng tía non xanh
Bước cao bước thấp gập ghềnh dời chân
Đêm thanh vắng vẻ xa gần
Tiếng gà tiếng chó nghe lần xa xa
Lần mò ra khỏi rừng già
Phăng phăng tách dặm bôn ba xuống làng
Cơn chừ[27] đêm vắng canh tràng
Bóng người chẳng thấy trên đàng lại qua
Phần thì trời tối thay là
Mò lần chưn bước, nhằm nhà đến nơi
Bâng khuâng cỏ nội hoa đồi
Đi về chốn cũ ngậm ngùi dạ riêng
Lòng càng ảo não ưu phiền
Nhà xưa đâu mất rất nên lạ lùng
Chỉ còn có cái nền không
Làm cho chàng Lía vô cùng lo nao
Bây giờ chẳng biết phương nào
Đặng mà tầm mẹ kẻo đau xót lòng

---

(27) Cơn chừ: Lúc bấy giờ

Sự tình chẳng rõ đục trong
Lẽ đâu biến đổi vô cùng lẹ lanh
Thiệt là thảm thiết chi tình
Muốn hỏi hàng xóm sự mình cho hay
Nhưng mà họ thấy ta rày
Nhớ lại tội ấy ắt vây ngay liền
Não nề tấc dạ xốn xang
Đoái nhìn cảnh cũ đoạn tràng lụy rơi
Đứng nhìn giây lát ngậm ngùi
Bồi hồi chân bước tếch về rừng sâu
Bỗng đâu thấy dáng đi mau
Nghĩ ai thấy rõ đi sau bắt mình
Trộm nhìn chẳng phải thăm mình
Vốn người trong xóm ghập ghình đi đâu
Kiết hung chưa rõ thế nào
Trong lòng còn sợ bề nào đặng an?
Người kia theo kịp bên đàng
Ngó ngang cất tiếng hỏi han sự tình
Thấy anh tôi tưởng thằng Dinh
Lật đật theo dõi lộ trình cho vui
Thằng Dinh nó ở xóm tôi
Vác cần câu cá sớm nơi trong bàu

Nó đà về trước đã lâu
Lía ta yên dạ kiếm câu hỏi lần
Xưa tôi cũng ở gần làng
Nhưng vì có việc phải sang xứ người
Tới nay tính đã lâu rồi
Nay về thăm hỏi kiếm người quen thân
Nào dè kiếm khắp xa gần
Biệt tăm chẳng thấy trăm phần buồn riêng.
Người kia nghe nói hỏi liền
Kiếm ai khá nói rõ tên nghe nào?
Lía rằng chẳng dấu chi đâu
Kiếm mẹ thằng Lía ngõ hầu viếng thăm
Nghe qua tỏ vẻ thương tâm
Người Lía chặc lưỡi lầm rầm[28] phân qua
Tưởng ai chẳng rõ gần xa
Chớ mẹ thằng Lía nay đà mạng vong
Đương đau nằm ở trên giường
Hay tin con tội, kinh mang chết liền
Thằng Lía vốn đứa chẳng hiền
Xóm làng hết sức kiếm tìm chưa ra

---

(28) Lầm rầm: Nói lầm bầm trong miệng.

Nghe vừa dứt sự gần xa
Lía ta thương xót mẹ già biết bao
Trong lòng như cắt muôn dao
Cắn răng, bậm miệng, tâm bào héo hon
Người kia nói tiếp nguồn cơn
Mẹ Lía quả thiệt đức nhơn vô cùng
Sanh ra thằng Lía dữ hung
Mụ thiệt vô phước quá chừng đến na?
Làng xóm thương tưởng tuổi già
Chung tiền chôn cất cũng là xong xuôi
Lía ta lòng dạ bồi hồi
Ôm lòng thầm chịu trách đời vô lương
Cả hai đang lúc đi đường
Bỗng đâu Hương quản đêm đương đi tuần
Hương quản khi bước đến gần
Rọi đuốc thấy Lía trăm phần mừng thay
Trong tay cầm ngọn roi cây
Đưa ngang cản Lía, nạt rày thấp cao
Lâu nay mày trốn nơi nao
Bây giờ xuống xóm, tính nào chuyện chi?
Nghe xong Lía chẳng nói gì
Trông lên ngó lại định đi cho rồi

Hương quản thấy vậy kêu trời
Xóm giềng náo động nghe lời kéo ra
Lía ta tức giận chăng là
Huơ roi bổ xuống đầu mà Hương thân
Hương thân kinh sợ vô ngần
Đỡ Lía chẳng khỏi roi văng ra ngoài
Dân làng thấy vậy lo hoài
Áp vào đánh Lía cứu bài chú Hương
Lía ta huơ đánh tứ phương
Một mình đứng giữa trung ương ra tài
Đánh nhau từ lúc canh hai
Kéo cho đến sáng thiệt tài vô song
Chung quanh chật ních bao vòng
Kẻ dao người mác, giận hung chăng là
Lía ta suy xét gần xa
Trời gần đà sáng mà ta đánh hoài
Kìa là dân xóm đông thay
Dùng miếng cá lóc đánh bài thoát thân
Chung quanh vây kín những dân
Lía ta nhảy phóc muôn phần lẹ lanh
Nhảy thoát khỏi được vây quanh
Nhắm thẳng phía trước rừng xanh dong vào

Trăm dân đuổi rượt theo sau
Nhưng trời còn tối biết đâu mà tầm
Lía ta giờ đã thoát nàn
Người rồi nhớ mẹ lệ dầm thảm thương
Bấy nay còn mẹ dựa nương
Sớm chiều con mẹ thăm thường vào ra.
Ngày nay xa cách những là
Tại con, mẹ thác xót xa vô cùng
Hai hàng lệ nhỏ dầm dường
Trong lòng than thở nghĩ lung mọi đàng
Ngày nào mẹ sống dương gian
Phận con còn phải lo toan mẹ già
Con chỉ lo mẹ ở nhà
Cho nên nhẫn nhịn như là cho yên
Ngày nay mẹ xuống huỳnh tuyền[29]
Con được rảnh trí dễ nên vẫy vùng
Quyết làm cho thỏa tấm lòng
Dẫu bao tai họa cũng không sợ gì
Có chết, chết một con đây
Chẳng còn sợ nỗi tội lây mẹ già

---

(29) Huỳnh tuyền: Suối vàng, chỉ cõi chết

Lâu nay nuốt hận nhưng là
Thù bọn hương chức dạ hòa vô lương
Chúng thấy người khốn chẳng thương
Phen này chúng biết tỏ tường chí ta
Đêm thâu vừa lúc canh ba
Lía từ xuống núi, bôn ba vào làng
Tầm nhà phú hộ vội vàng
Đến sân bầy chó sủa vang lẫy lừng
Phú ông vốn chẳng thấu tàng
Ơ hờ mở cửa đàng hoàng bước ra
Lía ta lanh lẹ thay là
Đá nhằm phú hộ ngã ra chết liền
Xong rồi Lía vượt nhà trên
Lục xâu chìa khóa vào liền mở rương
Có bao nhiêu bạc vét luôn
Vai mang một gói trong lòng hả hê
Người nhà thức dậy ra lề[30]
Cửa sau cửa trước tứ bề kín vây
Trông thấy phú hộ thảm thay
Nhìn vào thấy Lía vang rầy tri hô[31]

---

(30) Lề: Lằn nhà, hiên nhà
(31) Tri hô: La lớn lên

Lía rằng nếu đó tri hô
Chúng mày chết trước nói cho bây tường
Tao đây há sợ xóm làng
Đừng la vô ích mà mang họa giờ
Tao làm tội tao chịu cho
Bây không chộp rộp sợ lo nỗi gì
Nói xong nhảy tót ra đi
Rừng xanh vào thẳng ai tri đặng chàng.
Tới tôi giờ mới la làng
Thằng Lía cướp bạc chạy mang vô rừng
Xóm làng kéo đến phừng phừng
Đốt đèn thắp đuốc vang lừng đông tây
Dân làng kéo đến đông rày
Nghe danh chàng Lía còn ai chẳng nhường
Làm đơn phúc bẩm quan tường
Nhưng quan cũng phải tìm đường im đi
Lía ta đã có bạc chi(32)
Đem về hang núi kiếm nơi giấu tiền
Sáng ngày về chốn thị thiên
Đến nơi chợ lạ xa miền quê hương

---

(32) Chi: Chi tiêu

Sắm sanh đủ vật đủ đường
Về đem lên núi, mực thường thiếu chi
Ngày qua tháng lại tên đi
Lía đành an phận non đoài gởi thân
Ngày Lía trực nhớ Hương thân
Thù xưa còn đó tính lần cho xong
Vợ Hương quản chẳng có lòng
Tối nay báo hận đục trong rõ ràng
Nửa đêm đường vắng người làng
Lía đi xuống núi tầm đàng nhà Hương
Ở nhà chỉ có vợ chồng
Chú Hương cùng thím trong phòng nghỉ an
Tớ tôi còn ở trong làng
Mảng xem hát bội đang ham chưa về
Vừa chừng nghe chó sủa ghê
Hương quản mở cửa hỏi *"về đó bay"*
Lía vào quật ngã thẳng ngay
Đưa dao ngang họng trình bày gần xa
Cơ chi[33] mày cất tiếng la
Thời khó thoát khỏi dao ta đâm liền

---

(33) Cơ chi: Nếu như

Hương quản chẳng dám la lên
Hai tay bị trói rất nên kinh hoàng
Thím Hương nghe tiếng rì rầm
Bước chân xuống sàn thím mới đi ra
Lía bèn nắm cổ ngay là
Thím vừa thấy Lía hồn đà lên mây
Chưa kịp mở miệng nói bày
Lía đà trói lại buộc ngay nóc nhà
Nhớ xưa mày mắng chưởi ta
Cơm nguội giấu cất khó mà quên đâu
Trán kia chữ khắc nét sâu
Để cho thiên hạ đâu đâu biết chừng
Xong rồi bước tới phòng trung
Phá rương thâu bạc dồn mang về rừng
Sáng ngày khắp chốn khắp làng
Mới hay chuyện nọ kinh hoàng vô song
Xúm quanh hỏi chuyện vợ chồng chú Hương
Hương quản kinh sợ phi thường
Mau mà khỏi thác cũng bường (bằng) tái sinh
Lía ta quả thiệt đáng kinh
To gan lớn mật một mình dám đương
Danh đà nổi dậy bốn phương

Mối thù khi trước vừa lòng trả yên.
Còn ra chẳng oán ai riêng
Chỉ chừng ác cảm bọn trên phú hào
Lía ta tâm tánh lạ sao
Ghét phường phú hộ đất đào ném ra
Những người nghèo khó đâu ta
Thì Lía xót phận rất là yêu thương
Kẻ nghèo rủi gặp tai ương
Hễ Lía nghe biết dễ thường bỏ đâu
Giúp cho tiền bạc tiếc nào
Cho nên nhiều kẻ xiết bao cảm tình
Người thì bảo Lía chẳng lành
Người thường hết mực nổi danh xa gần
Thiệt là tài giỏi dọc ngang
Dẫu cho có bẩm lên quan làm gì?
Mỗi khi quân lính động chi
Cứ ở trên núi nằm lỳ an thân
Hỏi ai biết rõ mà tầm
Càng ngày thế lực vững vàng chẳng lay.
Ngày kia Lía định tính bài
Tầm qua núi khác mong rày dựa nương
Nẻo rừng khôn khó trăm đường
Quản bao mưa nắng gió sương đâu là

Định bài ẩn nhẫn núi xa
Chẳng dè có bọn lâu la đón đàng
Chàng Lía ra sức dọc ngang
Đánh bọn tiểu tốt nguy nan vô cùng
Chúng thua chạy núp khắp rừng
Có thằng trốn thoát, trại trung mà về
Chủ trại chúng cũng rất ghê
Cha Hồ chú Nhẫn mọi bề oai phong
Nghe qua tỏ rõ đục trong
Cha Hồ chú Nhẫn trong lòng giận thay
Cả hai xuống núi như bay
Chận Lía, chẳng nói vắn dài thấp cao
Lía ta không sợ chút nào
Huơ côn xáp chiến anh hào lắm thay
Cự đương một đánh với hai
Tả xung hữu đột bụi bay mù trời
Đánh nhau từ buổi sớm mai
Đến chiều xế bóng, vô hồi liệt oanh
Lía càng sung sức hoành hành
Cha Hồ chú Nhẫn thất kinh đuối rồi
Bốn tay múa đã mỏi rời
Nhưng hai chủ trại là người biết suy

Tên này hào kiệt ai bì
Chi bằng tính chuyện kết vi[34] với mình
Lía ta đang sức bình sinh
Cha Hồ chú Nhẫn tự mình nhảy ra
Lạ lùng Lía hỏi gần xa
Đang khi giao đấu sao mà ngừng tay?
Cha Hồ lời khéo tỏ bày
Chúng ta nay đã thử tài một thôi
Thấp cao mười đã tỏ mười
Cùng người hào kiệt nào người lạ xa
Xin anh danh tánh phân qua
Để hai tôi rõ kẻo mà ngại nghi
Lía nghe cười nói tức thì
Hào kiệt dễ gì lại giấu tên sao
Lía đây vốn thiệt là tao
Vua quan chẳng sợ, binh trào chẳng kinh
Nghe qua Hồ, Nhẫn thất kinh
Vội vàng đến trước cúi mình thưa qua
Nghe danh anh đã lâu mà
Lòng riêng kính nể yêu vì lắm thay

---

(34) Kết vi: Kết làm vây cánh

Nay đây trời khiến sum vầy
Thật là phỉ nguyện em đây vô cùng
Xin mời lên chốn trại trung
Ba ta hội hiệp thỏa lòng bấy nay
Lía ta đang lúc khốn thay
Nên nghe nói vậy cũng rày dời chân
Cười cười nói nói thỏa tâm
Đến nơi sơn trại muôn phần mừng vui
Cơ này chính bởi trời xui
Cha Hồ, chú Nhẫn vui cười làm sao
Chú Nhẫn khi ấy nói vào
Ba ta kết nghĩa khác nào tích xưa
Quan, Trương, Lưu Bị cùng là
Vườn đào kết nghĩa ruột rà khác chi
Cha Hồ cũng nói một khi
Ba ta kết nghĩa gắng ghi tấc lòng
Tử sanh ta nguyện chung cùng
Nhất tâm giữ một chữ đồng chẳng thôi
Lía ta nghe rõ khúc nôi
Gật đầu ưng thuận y lời trước sau
Ba người bàn luận với nhau
Vườn đào kết nghĩa mổ trâu giết bò

Trại này không có trâu bò
Heo cũng không có tính lo thế nào?
Chú Nhẫn bèn tỏ âm hao
Gần đây có một nhà giàu lắm heo
Nên chi chỉ khó một điều
Mụ Mân giỏi võ đã nhiều kẻ thua
Hai ta phải quyết tranh đua
Bắt heo bằng được đánh thua chủ nhà
Anh Lía trông giữ trại ta
Đợi chờ chừng lối canh ba em về
Lía ta nghe hẳn mọi bề
Gật đầu ưng thuận không hề cản ngăn
Cha Hồ chú Nhẫn lo toan
Sắm sanh gậy gộc xuống làng tức thôi
Lâu la bốn chục theo rày
Thẳng đường xuống xóm chật đầy đường quan
Cùng nhau kéo đến mụ Mân
Vượt rào phá cổng vào trong tính bài
Mụ Mân khoảng độ bốn hai
Lầu thông võ nghệ ít ai sánh bì
Thình lình chưa biết việc chi

Tiện tay mụ với tức thì đoản côn[35]
Bước ra thấy rõ thiệt hơn
Mụ không thèm hỏi huơ côn đánh liền
Cha Hồ chú Nhẫn nạt lên
Ta nay Hồ, Nhẫn đến quên mụ mà
Heo chuồng mụ góp dăm ba
Đem về sơn trại lũ ta tế cờ
Mụ Mân đâu có dại khờ
Chẳng rằng chẳng nói làm ngơ đánh tràn
Cả ba vùng vẫy đua tranh
Mụ Mân quả thiệt liệt oanh ai tày
Phút thôi Hồ, Nhẫn cả hai
Đuối tay kéo chạy như bay khác nào
Lâu la kinh sợ làm sao
Tớ thầy thằng tuốt non cao lánh mình
Lía ta mới hỏi sự tình
Chuyện chi xem bộ hãi kinh thế này?
Cha Hồ chú Nhẫn đáp ngay
Mụ Mân quả thiệt là tay anh hùng
Chúng tôi ráng sức tranh hùng
Nhưng không được mụ, chạy cùng về đây

---

(35) Đoản côn: Cây gậy ngắn

Lía nghe tức giận lắm thay
Quân đâu khá dẫn ra ngay xuống làng
Đánh cho mụ chạy tan hoang
Bắt heo về trại mới đang lòng này
Nói rồi tức tốc đi ngay
Tay cầm roi sắt oai thay chăng là
Bây giờ độ cuối canh ba
Mụ Mân đang tính vảo nhà nghỉ ngơi
Chợt nghe chó sủa từng hồi
Ngoài rào huyên náo tiếng người rân rân
Xăm xăm mụ bước ra sân
Bốn heo đã thấy đóng trăng(36) đó rồi
Trong lòng tức giận vô hồi
Huơ đao lên đánh không lời nói năng
Lía ra nhảy tránh lẹ làng
Truyền quân bay khá tìm đàng bôn phi
Heo kia đem vác ngay đi
Để ta cho mụ biết thì Lía đây
Lâu la vâng lệnh vang rày
Vác heo mà chạy tính bài về non

---

(36) Đóng trăng: Đóng cọc buộc vảo, đây chỉ việc có buộc dây để khiêng

Mụ Mân tức giận trong lòng
Múa dao vào đánh chẳng còn kể chi
Xóm làng náo động một khi
Dân thôn kéo đến tứ vi đông ngàn
Lía ta bình tĩnh đối đang
Mụ Mân tuy giỏi khó toan vẫy vùng
Lía thiệt sức mạnh vô cùng
Mụ Mân đuối sức tay chân rụng rời
Cầm chừng mụ đánh một hồi
Lía gạt dao gãy, đá bồi một chân
Xong bèn thừa kế thoát thân
Dùng miếng cá lóc nhảy ngang khỏi rào
Rào này tuy đã là cao
Mà Lía nhảy khỏi xiết bao chí tài
Rừng sâu chạy tuốt vô ngay
Phía nhằm sơn trại phút giây tới rồi
Cha Hồ chú Nhẫn tỏ lời
Hết lòng khâm phục tài người đàn anh
Anh em cùng hạ lệnh truyền
Mổ heo đặng tế Ngọc Hoàng chứng tri
Ba người thề nguyện một khi
Cùng nhau sống thác kết thì anh em

Hồ, Nhẫn xin chịu làm em
Nhường Lía đầu đảng tài xem ai bằng
Tháng ngày mặc sức dọc ngang
Muốn đâu đánh đó quân quan mặc lòng
Trải qua xuân hạ thu đông
Tiếng tăm chàng Lía non sông vang lừng
Dẫu cho khanh tế trào đường
Giã tài cũng khó nỗi đương lại là
Quanh mình đông đảo lâu la
Tiền dư bạc sẵn ai mà dám đương?
Khác chi chúa tể tòa chương
Đáp thành cất trại một phương nhưng là
Ngày kia Lía nhớ thiết tha
Đến mẹ hồi mà lòng dạ héo hon
Tuy nay thân mẫu chẳng còn
Nhưng lòng hiếu thảo của con quên nào
Truyền cho bộ hạ kịp mau
Xuống làng tìm mả ngỏ hầu đắp xây
Lâu la vâng lịnh đi ngay
Xong về trước Lía trình bày trước sau
Mộ cố[37] xây đắp đã cao

---

(37) Cố: Chi mẹ Lía, ý tôn trọng.

Như mả mệnh phụ đại trào nào sai
Lía ta đẹp dạ chi tày
Truyền cho làm tiệc vui vầy với nhau
Tính ưa hát bội xiết bao
Giao cho bộ hạ lo sao việc này
Lâu la mừng rỡ vâng ngay
Xuống làng rước gánh một ngày tới nơi
Đòi vào Lía mới mở lời
Nghe tiếng gánh chủ nên mời lên đây
Hát sao cho thích dạ này
Giá một ta thưởng bằng nay gấp mười
Nhược bằng chú hát qua thôi
Ta chém cả lũ đầu rơi tức thì
Bầu Huật nghe nói một khi
Cúi đầu thưa Lía xin ghi nhớ lời
Đến giờ khai rạp trống hồi
Diễn tích Lưu Bị đi mời Khổng Minh
Kép hát rủi bịnh một anh
Vai sắm Lưu Bị tính đành phải thay
Nhưng gánh chẳng còn có ai
Có anh dẹo cẳng hát hay vô cùng
Ra sân lui tới ngập ngừng
Chân cao chân thấp lạ lùng xiết bao

Lía ngự xem hát trên cao
Trông thấy bộ tịch xiết bao bất bình
Đòi bầu lại hỏi sự tình
Lưu Bị đẹp đẽ, dạng hình hùng oai.
Cớ sao dẹo cẳng thế kia
Còn ai coi đặng, hỏi mày nói sao?
Mày không coi trọng phép tao
Truyền quân đem chém, chẳng còn thứ dung
Dứt lời truyền lịnh tùy tùng
Chặt đầu bầu Huật cho xong một đời
Gánh hát thấy vậy rụng rời
Nhưng Lía tha hết, sai người đuổi đi
Từ ấy có lịnh định kỳ
Mỗi năm lại hát ở đây một chầu
Thảm thay năm sáu ông bầu
Đều bị mất đầu, bởi hát chẳng nên
Tưởng chàng ở chốn lâm san
Không tường xem hát làm càn cho xong
Chẳng dè Lía rất thạo thông
Hát chẳng vừa lòng truyền lịnh chém ngay
Lần lữa đến lệ hát kỳ
Lía sai bộ hạ mau đi rước bầu

Có gánh bầu Lễ tuổi cao
Xưa nay nổi tiếng, bấy lâu danh đồn
Nghe tin đòi đến Lam Sơn
Hát cho bọn Lía thì hồn đã bay
Lâu la đem lịnh truyền bày
Bầu phải nội ngày, rước gánh hát lên
Bầu Lễ trong dạ nào yên
Phen này chắc chết, rất nên thảm sầu
Lía chém biết mấy ông bầu
Nay mình lên đó lẽ nào toàn thân
Nghĩ thôi lụy nhỏ dầm dàng
Đi khắp xóm làng từ giã bà con
Vợ con khóc lóc thở than
Quải đơm[38] tế sống đã an mọi bề
Vợ chồng con cái thảm thê
Cảnh tình trông thấy trăm bề xót xa
Lía lại truyền lịnh lâu la
Xuống giục bầu Lễ chần chà nỗi chi?
Ôm lòng từ biệt ra đi
Ngùi ngùi trong dạ ai bi vô cùng

---

[38] Quải đơm: Cúng quải, bày cỗ cúng vái.

Gánh hát vừa tới sơn trung
Vào ra mắt Lía ngập ngừng sợ thay
Thưa rằng trên gọi lên đây
Chẳng dám trái mạng nội ngày đến nơi
Mong trên cứu xét thương tôi
Lỗi lầm tha thứ trọn đời ghi ân
Tôi nay già cả trăm phần
Lại thêm nhà cửa túng bần nguy nan
Con năm sáu đứa chảng ràng
Nên tôi thọ tử thương đàn con thơ
Ơn trên rộng lượng tôi nhờ
Tôi xin ráng sức làm cho hay mà.

Cười vui chàng Lía phân qua
Ta đây minh chính cậy là vốn không
Ta nói danh nghĩa lễ công
Hát hay ta thưởng thỏa lòng không sai
Nhược bằng làm dối khi nay
Thì ta chém quách đầu ai chẳng vì
Miễn tuồng hát thiệt hay đi
Sắm tuồng cho đúng việc chi lo nào?
Bầu cùng đào kép lao xao
Ra sân mà dạ xiết bao kinh hoàng

Rạp treo gấm nhiễu lụa hàng
Chưng dọn rực rỡ trào đàng nào sai
Bảo nhau sắm hát thiệt hay
Cho vui lòng Lía thì thây mới toàn
Đến giờ khai diễn rõ ràng
Diễn tích *"Triệu Tử thưởng san đi tuần"*
Hát thôi hay vẹn mười phần
Lía xem chầu bội thỏa tâm vô hồi
Ba chầu vừa hát đã rồi
Lía ta đẹp dạ vui cười truyền ra
Khi đầu hẳn nhớ lời ta
Hát hay ta thưởng lẽ nào đơn sai?
Cho bầu Lễ cái rạp này
Lụa là gấm nhiễu có vài nghìn cây
Những gì chưng để nơi đây
Ta cũng cho hết thưởng tài cầm ca
Hai trăm lượng bạc đưa ra
Cho làm sở phí đó là thưởng riêng
Bầu Lễ được thưởng của tiền
Cúi đầu bái tạ rất nên thỏa lòng
Mười xe lìa chốn sơn trung
Đem về làng xóm vô cùng hân hoan

Nhứt mừng tánh mạng đặng toàn
Lại mừng được gấm nhiễu hàng quý sao!
Lía ta nổi tiếng anh hào
Sơn hà một góc thiếu nào người hay
Bạc tiền thừa đủ một hai
Chiêu binh mãi mã càng ngày càng đông
Làm cho vốn biển anh hùng
Mến danh đều tới phục tùng chân tay
Chàng Lía phỉ dạ chí tày
Góc trời hùng cứ nào ai dám kình?
Lâu la tứ phía dò tin
Kiếm nhà trọc phú mới đành ra tay
Kẻ nào tàn ác lâu nay
Lía sai cướp của, đoạt tài chẳng dung
Nhà giàu mấy tỉnh trong vùng
Thảy đều kinh sợ vô cùng lo toan
Nhất nhì những việc nhà quan
Nghe chàng Lía dọa kinh hoàng như điên
Nhà nào nhiều bạc dư tiền
Mà không ân đức Lía bèn đoạt thâu
Tuy chàng ở chốn non đầu
Nhưng mà lương thực vật nào lại không

Lâu la mấy vạn tụ đông
Vỡ rừng làm rẫy vun trồng bắp khoai
Sơn trung hàng vạn con người
Thảy đều no đủ sớm nơi an nhàn
Tiếng tăm về đến trào đàng
Làm cho văn võ bàng hoàng chẳng an
Nam triều chúa ngự ngai vàng
Bá quan chầu chực hai hàng tung hô
Có quan ngự sử bày phô
Tâu lên vua rõ lai do sự tình
Đem việc thằng Lía chiêu binh
Trình lên cặn kẽ phân minh mọi đàng
Nào khi Lía phá xóm làng
Đến khi lên núi dọc ngang thế nào
Kể tên những bậc phú hào
Những bị quân Lía đoạt thâu gia tài
Vua ngồi nghe rõ một hai
Đập bàn vỗ án giận rày thét la
Dè đâu có đứa gian tà
Giết người đoạt của thiệt là khó dung
Truyền cho mười vạn binh hùng
Dưới quyền đại tướng binh nhung lên đàng

Đại quan vâng lệnh Nam hoàng
Đem quân tức khắc thẳng đàng ruổi dong
Rập rình bao quản núi non
Dậy trời sát khí quân bao lên rừng.
Lía này ở chốn sơn trung
Ngày đêm luyện tập ung dung chén nồng
Vui say thỏa dạ phỉ lòng
Thình lình quân báo bước xông ngay vào
Thưa rằng dưới xóm binh trào
Rân rân kéo đến định vào sơn trung
Lía nghe cất tiếng mà rằng
Ta đây muốn gặp trào đàng đã lâu
Bấy ràng chưa đánh trận nào
Ngày nay có dịp đối đầu cũng hay
Để cho vua chúa biết tài
Rằng đây có Lía một tay anh hùng
Vào buồng nai nịt binh nhung
Lên yên thẳng xuống, trùng trùng rinh rang
Lâu la kén đủ năm ngàn
Thình lình cướp trại đánh ngang quân trào
Quan binh đang lúc vây bao
Chợt đâu bị đánh xiết bao hãi hùng

Kéo nhau mà chạy trùng trùng
Bốn bề hỗn loạn vô chừng rối ren
Tướng trào thoát vội lên yên
Cản đường chàng Lía quyết quyền đua tranh
Phút thôi náo động non xanh
Đá bay cây ngã, lẹ lanh khác tày
Lía ta võ nghệ đại tài
Đánh cho đại tướng hai tay rụng rời
Hai tay đánh trọn ngày trời
Tướng trào liệu sức tếch vời cho mau
Cả kêu quan trấn cứu thời cho ngay
Trấn quan vội vã truyền bài
Xông ra tiếp đánh, cứu rày đặng an
Đại tướng thoát được cơn nàn
Truyền quân đóng ải lo toan canh phòng
Lía ta đâu chịu về không
Hô quân vào đánh sập đồn mới thôi
Lâu la hò hét rầm trời
Xông vô quan ải phá thời tan hoang
Lía ta công phá dọc ngang
Kéo lên đoạt ải gọi hàng quan binh

Đại tướng thấy sá hồn kinh
Mật cùng quan trấn chạy rinh về trào
Lừng danh chàng Lía tài cao
Thâu được thành nọ tiếng hào đồn rân
Vỗ về chiêu dụ trăm dân
Trước sau an ổn mười phần làm ăn
Đại tướng thoát trận thoát nàn
Về trào chịu tội mất thành binh tan
Vua nghe tức giận đập bàn
Chỉ sai đô đốc lên đàng cho ngay
Với mười vạn lính giỏi thay
Ải quan tiến phát cướp ngay lại thành
Đô đốc võ nghệ vẹn toàn
Quân binh hùng dũng chiến tràng đua tranh
Lía bên giục ngựa ra thành
Quyết cùng đô đốc giao tranh so tài
Đôi bên xáp chiến cả ngày
Bất phân thắng bại khen thay anh hào
Tính toán thành khó giữ nào
Bởi chưng quân ít không sao chống kình
Lía ngầm muốn tính bỏ thành
Ngặt vì binh tướng trào đình phủ vây

Cuối cùng Lía chịu bó tay
Một mình giữa trận quân bay đường nào?
Lính trào tứ phía đánh vào
Lía đà suy nghĩ kế nào thoát thân?
Cơn nguy chuyển hết sức thần
Dùng miếng cá lóc dậm chân nhảy liền
Quân trào vây kín khắp miền
Lía vọt ra khỏi rất nên kì tài
Bây giờ đã thoát vòng vây
Thẳng về sơn trại một ngày đã an
Tháng ngày ở lại lâm san
Lâu la lương thực ngày càng đủ đông
Đô đốc tức giận trong lòng
Xua quân vây núi đạp non phen này
Tưởng rằng bắt Lía chóng ngay
Để cho dân sự chốn này được an
Chẳng dè hiểm địa lâm san
Đường đi hiểm trở, ngách hang những là
Tháng ngày vây chặt tứ vi
Hao binh tổn của khổ nguy trăm đàng
Sớ tấu về đến trào đàng
Đậu thêm binh lính gẫm càng uổng công

Một năm vây Lía trong vòng
Non cao thủ hiểm, khó lòng sợ chi
Lương tiền hao tốn trào nghi
Vua đành truyền lịnh tạm thì bãi binh
Từ nay chàng Lía một mình
Oai danh lừng lẫy thần linh nể vì
Chuyện Lía nay kể như y
Giúp vui cô bác một khi việc rồi
Đầu đuôi có thế mà thôi
Xin chào chư vị, quê tôi, tôi trở về.

ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH VÀ THỜI TIẾT - NHỮNG KHÁI NIỆM QUA DÂN GIAN

Lịch! Vào dịp tết lịch có mặt khắp mọi nơi, mọi nhà, với nhiều hình thức. Lịch được treo trang trọng ở nơi được nhiều người chú ý nhất. Người ta luôn tính toán mọi việc làm theo ngày tháng đã định nên lịch rất quan trọng trong đời sống con người. Thiết tưởng chúng ta cũng cần tìm hiểu về lịch của người xưa.

Theo dòng lịch sử: ngày xưa nước ta, không có tài liệu nào ghi chép về lịch pháp, từ thời Triệu đến Thục, trước Triệu Đà có lẽ đều dùng theo lịch Tống. Mãi từ thời Đinh đến thời Lý mới thấy sách chép một số sự kiện có ghi ngày tháng.

Ngày xưa soạn lịch và ban lịch là trách nhiệm của vua. Vua là thiên tử, là trung gian giữa trời và đất. Vua thay trời bảo dân làm theo lịch. Vì vậy vua phải biết ngày tháng và thời tiết trong năm để tế lễ và nông vụ. Từ cuối đời Lý Thánh Tông mới có viên chức lo soạn lịch. Theo sử liệu thì năm 1078 lịch ta và Trung Quốc còn đồng một tháng giêng nhuận nhưng hai năm sau lại lệch đi một tháng. Điều ấy chứng tỏ rằng nước ta đã có lịch riêng.

Việc soạn lịch được ty Thiên Văn hay cục Thái Sử phụ trách. Cứ vào cuối thu là lịch đã soạn xong, quan làm lịch

trình vua duyệt rồi mới họp triều phổ biến. Các vùng miền đều thống nhất dùng lịch này. Lễ ban lịch cũng được tổ chức long trọng và từ đó mỗi triều đại có tên gọi khác nhau: từ lịch Thụ thời đổi tên lần lượt là Hiệp kỷ, Đại thông. Lịch Đại thông được dùng suốt triều Lê song song với đời Minh (1644) cho đến về sau.

Âm lịch và dương lịch. Cách tính lịch luôn dựa theo những chuyển biến của mặt trời, mặt trăng và trái đất. Nếu tính theo mặt trời thì gọi là dương lịch, tính theo mặt trăng thì gọi là âm lịch.

Dương lịch. Trái đất quay quanh mặt trời là một năm, trái đất tự xoay một vòng là một ngày. Theo sự tính toán của các nhà thiên văn học thì một năm là 365 ngày thêm 1/4 ngày nữa. Nói trọn để dễ nhớ. Vì vậy nên 4 năm, theo dương lịch mới có ngày nhuận. Năm ấy có 366 ngày. Đó là những năm có con số chia chẵn cho 4. Ví dụ: 2004, 2008... thông thường tháng hai có 28 ngày, năm nhuận tháng 2 có 29 ngày. Những tháng giêng, ba, năm, bảy, tám, mười, mười hai có 31 ngày. Những tháng còn lại có 30 ngày.

Âm lịch. Mặt trăng xoay quanh trái đất một vòng là 29 ngày rưỡi. Mặt trăng vừa quay xung quanh nó, nhận ánh sáng mặt trời đó là lúc trăng nằm giữa mặt trời và quả đất. Ta ở trên quả đất thấy trăng khi tròn khi khuyết. Âm lịch có tháng 29 ngày và tháng 30 ngày. Như vậy theo âm lịch thì 12 tháng chỉ có 354 ngày. So với dương lịch thiếu đến 9 ngày. Vậy nên âm lịch cứ 3 năm qua, lịch lại thiếu 27 ngày. Để bù lại khoảng thiếu đó năm nhuận âm lịch có 13 tháng.

Âm lịch và dương lịch có mâu thuẫn nhau không? Thoạt trông thì có nhiều khác biệt nhưng vẫn không mâu thuẫn vì lẽ ngoài ngày tháng tính theo âm lịch còn những hình thức bổ túc song song với âm lịch đó là *tiết*. Một năm có 24 tiết đó là: Vũ Thủy, Kinh Trập, Xuân Phân, Thanh Minh, Cốc Vũ, Lập Hạ, Tiểu Mãn, Man Hiện, Hạ Chí, Tiểu Thử, Đại Thử, Lập Thu, Xử Thử, Bạch Lộ, Sương Giáng, Thu Phân, Hàn Lộ, Lập Đông, Tiểu Tiết, Đại Tiết, Đông Chí, Tiểu Hàn, Đại Hàn, Lập Xuân.

Vì vậy ở Bình Định có ca dao:

Mỗi năm hai mươi bốn tiết trời
Cứ theo thứ tự lập lời của dân
Lập Xuân, Vũ Thủy tháng Dần
Bước qua Kinh Trập, Xuân Phân ấy là
Thanh Minh vào tiết tháng ba
Bước qua Cốc Vũ mới là tháng tư.
Lập Hạ, Tiểu Mãn vừa như.
Man Hiện, Hạ Chí ấy từ tháng năm.
Tiểu Thử tháng sáu đã nhằm
Còn qua Đại Thử nửa năm qua lần
Lập Thu, Xử Thử tháng Thân
Bạch Lộ, Sương Giáng Thu Phân nửa mùa
Hàn Lộ, sương tuyết mịt mù
Hết tuần tháng chín ba thu chẵn chòi.

Lập Đông Tiểu Tiết tháng mười

Đại Tiết, Đông Chí âm hồi dương lai

Tiểu Hàn là tháng mười hai

Đại Hàn rồi lại làm bài Lập Xuân.

Mỗi tiết có 15 hay 16 ngày. Như vậy 24 tiết vẫn đủ 365 ngày. Nói một cách khác đó là lịch nông vụ. Người làm nông gieo trồng theo tiết. Vì thế mà mùa màng vẫn tươi tốt bình thường. Nếu bạn theo dõi ta luôn thấy tiết Đông Chí gần trùng với ngày Noel 24/12 dương lịch chỉ cách nhau trước sau một ngày.

Ngoài ra ở miền Trung Trung Bộ còn có bài vè về thời tiết:

Tháng giêng đông dài

Tháng hai đông tố

Tháng ba nồm rộ

Tháng tư nam non

Tháng năm nam dòn

Tháng sáu dã bãi

Tháng bảy mưa dông

Tháng tám nám bòng

Tháng chín mưa dầu

Tháng mười mưa lũ

Tháng mười một thưa mưa

Sửa soạn cày bừa

Tháp chạp lúa cấy

Ngoài ra còn nhiều câu mang tính thời vụ riêng lẻ.

Chốp đông nhay nháy Hòn Ông

Thế nào trời cũng mưa dông buổi chiều

Đó là vào tháng bảy, hoặc:

Ông tha bà không tha

"Dễn" cái lụt hăm ba tháng mười.

Vì sao dân ta lâu nay vẫn dùng âm lịch. Như ta đã biết mọi sự thay đổi của thời tiết, của các vì sao luôn ảnh hưởng đến con người trong đó mặt trăng ở gần chúng ta nhất nên ảnh hưởng nhiều nhất.

- Vòng kinh nguyệt của phụ nữ bình thường từ 29 - 30 ngày theo mặt trăng. Nó ảnh hưởng đến đời sống sinh lý con người.

Thủy triều. Nước biển lên xuống hằng ngày theo sức hút của mặt trời và mặt trăng. Khi mặt trời và mặt trăng cùng di chuyển theo một hướng thủy triều dâng cao nhất và ngược lại. Tuy nhiên mặt trăng ảnh hưởng nhiều hơn vì vậy các nhà nghiên cứu có thể tính trước được sự lên xuống của thủy triều. Theo khoa học thì mặt trăng có từ trường, từ trường ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và nhất là loài nhuyễn thể. Vào những đêm tối trời, từ ngày 20 âm lịch trở đi thì cua ghẹ trở nên mập tròn. Có lẽ vào những đêm này chúng có nhiều thực phẩm nên chúng trở nên chắc hơn. Vì vậy có câu "chắc như cua gạch tối trời".

Những ngày lễ và kỷ niệm ngày xưa đều tính theo âm lịch.

Mặt trăng có ảnh hưởng đến đời sống và tính tình con người. Vào những rằm, mồng một con người dễ cáu kỉnh nhất, nên Phật giáo khuyên con người nên ăn chay vào những ngày trên. Ngoài ra âm lịch còn ghi thêm ngày tốt xấu, khuyên dân nên làm gì. Phải chăng đó là yếu tố tâm lý gây cho con người niềm tin, dựa vào niềm tin ấy người ta dễ quyết tâm làm theo, khiến công việc dễ thành công hơn. Ngay cả trong một tháng mặt trăng cũng có đổi thay.

Trong dân gian có bài vè nói về trăng:

Mồng một lưỡi trai
Mồng hai lá lúa
Mồng ba lưỡi liềm
Mồng bốn liềm giật
Mồng năm lưỡi mát
Mồng sáu thật trăng.
Mồng bảy cũng bằng
Mồng tám nám nửa
Mồng chín mím chơi
Mồng mười cười khẽ
Mười một trăng cười
Mười hai cười thật
Mười ba lật đật
Mười bốn gần tròn

Ngày rằm nước nhảy

Mười sáu tròn thanh

Mười bảy thảy giường chiếu

Mười tám nám đống trấu

Mười chín nín một canh

Hai mươi Tuất rốt

Hăm mốt nửa đêm

Hăm hai im lìm

Hăm ba cũng vậy

Hăm bốn khuyết dần

Hăm lăm dần khuyết

Hăm sáu sừng trâu

Hăm bảy sừng nai

Hăm tám trăng cài gà gáy

Hăm chín tối thui

Ba mươi tắt ngấm.

Kết luận: Dương lịch mang nhiều tính khoa học và dễ nhớ, dễ làm theo hơn nhưng âm lịch vẫn có những quan niệm hợp với người xưa. *Xưa bày nay làm*, việc này đã có hàng mấy chục ngàn năm nên khó thay đổi. Vả lại, âm lịch và dương lịch không có điều mâu thuẫn căn bản.

KẾT LUẬN

Qua các bài viết trên đã phản ánh phần nào về hình ảnh miền đất Bình Định và cả những tâm tư tình cảm của người xứ Nẫu. Con người ở Bình Định cũng như mọi miền đất nước đều có những nét đặc trưng của miền đất mình đang sinh sống và gắn bó với quê hương mình.

Trong việc sưu tầm nghiên cứu, chúng tôi đã mất khá nhiều thời gian nhưng vẫn chưa đầy đủ. Vì cứ mỗi lần đi sưu tầm lại phát hiện thêm những câu ca dao, vè mới lạ. Việc làm này theo chúng tôi tuy hiệu quả không cao như lúc ban đầu nhưng lại là một việc cần thiết không thể lơ là được vì lẽ những câu hát, câu hò thường được lớp người lớn tuổi cung cấp và đã là lớn tuổi thì một ngày nào đó họ sẽ vĩnh viễn về với ông bà và nguồn tư liệu cũng theo thời gian mà mai một. Thế nên chúng tôi thấy cần phải gấp rút sưu tầm liên tục. Có thế thì nguồn ca dao, vè, tục ngữ ngày càng đầy đủ hơn.

Một điều đáng quan tâm hơn là hy vọng các tỉnh bạn của mọi miền đất nước cũng có những công trình nghiên cứu và sưu tập tương tự để chúng ta có một bộ sưu tập của đất nước Việt Nam phong phú đầy đủ hơn.

Hy vọng đây sẽ là những tư liệu hữu ích trong việc nghiên cứu sưu tầm văn học dân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Ca dao và tục ngữ,* Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (xuất bản trước năm 1975).

2. *Văn học sử yếu,* Dương Quảng Hàm (sách xuất bản trước năm 1975).

3. *Nước non Bình Định,* Quách Tấn và Quách Giao - Nhà xuất bản thanh niên năm 1999.

4. *Xuân Diệu một khoảng trời thơ* - Sở Thông tin văn hóa Nghĩa Bình xuất bản - 1986 - Ca dao miền Nam Trung Bộ.

- Các tạp chí văn hóa Bình Định, văn nghệ Bình Định, báo Bình Định.

- Nguồn ca dao, vè, tục ngữ dân gian khắp vùng Bình Định.

PHẦN III

CA DAO, HÒ, VÈ PHÚ YÊN

Dương Thái Nhơn

CA DAO - TỤC NGỮ - HÒ - VÈ TRÊN ĐẤT PHÚ YÊN

I. SINH HOẠT GIA ĐÌNH

1. - Ai mà tưng trọng nàng dâu
Tao đem mày về tao nói bấy lâu đằng rằng
Mày không nghe lời thiên hạ chối phăng
Làm dâu tao khó lắm không dễ ăn đâu mày mừng
Sao hư, hư quá, hư chừng
Vụng về khe thúi, vá lỗ quần không nên
Ăn rồi đắp chiếu nằm rên
Giả đò đau bụng đắp mền nằm co
Cơm tao ăn sao mày không biết lo
Chẳng thà tao cho chó nó ăn giữ nhà

- Má đừng xỉ vả người ta
Con nào có giỏi cũng không qua con này
Chịu lỳ đã mấy năm nay
Má không đành bụng để rày con ra

- Con kia, về biểu mẹ mày qua
Bông kiềng, vàng bạc trả mà cho tao
Nhược bằng ai sức món nào
Tao đánh nát thịt tao đào nát xương.

2. Nữ: Anh têm hộp trầu cho kỹ
Anh rót chén rượu cho đầy
Trước thưa bà thiếm gởi người thương trên này
Cha anh về dưới thăm rày mẹ cha
Khuyên em ở lại đừng bướm hoa nơi nào
Xót xa trong dạ xởn bào
Mắt anh nhìn đến bạn ra vào biển đông
Anh không sống làm chi xa vợ xa chồng
Kẻ ăn lê lựu mà anh mong đợi chờ
Câu thương câu nhớ câu đợi câu chờ
Ba bốn câu dặn hết đừng bạc cờ lung hoang
Mai sau đói rét cơ hàn
Khổ phần anh chịu, khổ phần nàng ích chi

Nam: Hai tay lãnh bức thơ tình
Bởi chun gót nhẹ về trình mẹ cha
Cha mẹ ngồi cửa sổ bàn pha
Xem thơ rồi lại nước mắt ra hai hàng

Khen cho dâu thảo biết đàn văn chương
Ông trời sao khéo đem lòng thương dị kỳ
Giở bâu áo ra thấy chữ nàng ghi
Giàu sang cũng đợi, khó lâm nguy cũng chờ
Của gì anh bạc anh cờ
Của chồng công vợ tóc tơ với nàng
Phải chi nàng giàu có đông sàng
Ham vui thua lỡ đêm quan đừng phiền

3. Chồng cày vợ lại nấu cơm
Tới mùa thu hoạch xách cơm ra đồng
Chồng cày vợ lại rắc bông
Tới mùa làm vải thu đông mặc lành
Anh ham lo phú quí bỏ chữ công danh
Mồ cha đứa dại nói hành tới em

4. Nữ: Chữ trung chữ hiếu chữ hòa
Hỏi anh ba chữ thờ cha chữ nào?
Nam: Chữ trung là chữ thờ cha
Chữ hiếu thờ mẹ chữ hòa thờ anh

5. Đêm năm canh hồn thơ ngơ ngẩn
Nghĩ xét tấm lòng lại giận nói duyên

Chàng ơi tinh giấc trường nguyên
Ngoái tai thiếp tỏ khỏi phiền này cho
Kể từ ngày se dây tơ kết tóc
Chén loan phòng trằn trọc xiết bấy lâu
Vào ra nét mặt u sầu
Trách sao trong dạ đem lòng vùi bùn dơ
Thiếp khuyên chàng biết mấy thu đông
Chàng đừng ngỡ mặt – Thiếp đừng ngỡ tai
Hỡi ai là đức ông chồng
Có chồng phải dạy khổ chưa hỡi trời
Này thiếp tỏ một lời cho rõ
Sách nam nhi chàng bỏ cho ai

6. Đi tới Hà Nội cũng ba chặng đường
Làm thơ gởi lại cho chồng
Bảo đừng trấn trữ đừng bày vòng nguyệt hoa
Em ơi! Đừng trà trộn với người ta
Mai anh nghe đặng cửa nhà tan hoang
Mai sau trát sức về làng
Kiệu anh đi trước cán nàng theo sau

7. Nam mô hai chữ từ bi
Cái quần tám túm nó đi đâu rồi

Nam mô hai chữ di đà
Cái quần tám tụm mẹ già vắt kia
Dâu hiền lại gặp mẹ hiền
Cái quần tám túm lại lành như xưa

8. Năm nay nhà nước mộ binh
Các sứ về đình tình nguyện ra đi
Anh làm trai không nợ can chi
Bước xuống tàu hỏa ra đi
Có ông thầy thuốc mãng da
Cởi quần cùng áo đem ra ngắm hình
Ngắm rồi anh hộ bộ binh
Anh ngồi anh nghĩ sự tình bơ vơ
Chồng già vợ yếu con thơ
Đến khi đau ốm biết nhờ cậy ai
Làm trai phải trả nợ trai
Chữ trung chữ hiếu hai vai nặng nề
Nửa đi nửa đặng muốn kề
Đi thì đặng đó biết về đặng không
Hai hàng nước mắt lạnh lùng
Nghĩ mình thân phận trong lòng

Ngày nay chồng vợ những còn thấy đây
Ngày nay đã sang qua tây
Bước xuống tàu hỏa con em ngời ngó qua
Tàu đi mỗi lúc một xa

9. Ngày nào còn bé cỏn con
Bây giờ em đã lớn khôn thế này
Cơm cha áo mẹ nghĩa thầy
Nghĩ sao cho bõ những ngày ước ao

10. Ngày xưa anh bủng anh beo
Tay bưng chén thuốc lại đèo muối chanh
Bây giờ anh tốt anh lành
Anh khoe duyên mới anh đành phụ tôi

11. Ngó lên chợ dốc triền miên
Ném dây lưng đỏ hỏi tiền mua tiêu
Đặt con vào dạ phải lo
Nghệ tiêu, tiêu nghệ anh phải lo cho nàng
Em biểu anh về lên núi đốt than
Chặt cây che ổ cho nàng sanh thai
Mai sau đặng chút con trai
Đem về báo dưỡng vãng lai từ đường

12. Ngó lên nhà trống thấy trời
Thương con đứt ruột giận chồng bất nhơn

13. Ngồi buồn nói chuyện bao đồng
Thương người chết vợ bỏ loan phòng lẻ loi
Con thời bốn đứa mồ côi
Còn cha mất mẹ buồn ơi những là
Đứa thời mười bảy rồi lại mười ba
Đứa thời mười một đứa thời mười hai
Anh ở vậy nuôi vài chút con
Anh đừng nhảy nhót rồi lại nhảy nhon
Kiếm bà dì ghẻ về sát con nhà mình
Nó ăn hồn anh ngậm miệng làm thinh
Anh đây có nói binh con ông con bà
Con của mình đứa lớn hái củi đứa nhỏ chăn bò
Mụ ở nhà mụ ních cho no
Cơm mùa thịt khúc cá kho thơm lừng
Bánh bèo bánh đúc bánh căn
Lòng heo dưa giá mụ ăn li bì
Con của mình mụ không thí chút chi
Nấu nắm mì bắp, khoai mì trộn vô
Vài con cá liệc thì kho

Bỏ vô nắm muối giống đồ chó ăn
Cơm thì mụ thí sét chén mặt ăn
Ba mươi đời dì ghẻ sao bằng mẹ cha
Chị em mình hái trái ổi già
Ăn cho đỡ đói sống qua tháng ngày
Chị em dìu dắt đi ăn mày
Dắt lên mả mẹ tìm cha cho rầy mẹ ơi!
Em từ ngày mồ côi mẹ cho đến nay
Đói cơm lạc mắm, bầy hầy bèm hem
Bây giờ quần áo rách lang thang
Dắt ra ngoài chợ tìm đằng mả xin
Em ngồi chờ chị ngồi chờ em
Ăn cho đứa miệng khéo thèm
Chị ơi! liệu bề ra làm cho nước bí dễ vào khi ra

14. Ngư hồn hồn là quân tử lông hai
Kìa sơn lâm phấn điệm dâu mài
Gái gặp trai duyên lành xâm chốn
Trai gặp gái quân tử dụi lòng
Em tan đời lòng cho rõ
Lòng em thương dạ gió nào hay
Than gì than đất rộng trời dày

Nhớ gì nhớ lâu ngày gặp mặt
Sầu gì sầu ruột thắt từng cơn tới lưng
Bởi vì ai cách trở nẻo đường
Không nên đặng nhớ thương nhau hoài
Tai nghe trong đêm trên lầu
Nửa thương phần vợ nửa sầu phần con
Đêm nằm con khóc ni non
Con ơi con nín mẹ con thác rồi
Ôm con lại đỡ một hồi
Đỗi lâu không nín khóc rồi lại la
Cha nghiêng mình cởi trật áo ra
Nẻ nè con bú vú cha đỡ lòng
Canh một con bú vú cha
Miệng con ngậm bú nhạt
Mẹ đã phần can rồi con ơi
Canh sửa tiết lên đàng
Sửa rim cùng cốm vái người bữa khuya
Trời làm chồng vợ phân chia
Vái dong hồn về hương chén nước kia khỏi buồn
Gió đưa bong bóng luồn mái tranh
Canh bốn cảnh tịch bát yên

Con thơ thức dậy cũng phiền lòng cha
Canh năm vừa gọi sáng ra
Bồng con dạo xóm lân la bú nhờ
Mẹ con thác sớm biết nhờ cậy ai

15. Nửa đêm chèo bẻo tan canh
Nàng ngồi thục nữ duyên lành theo ta
Tiên trị quốc hậu trị gia
Lâm xâm bước tới trường ta
Trên trăng thanh tỏ rạng dưới xuống ta vui vầy
Tự xưa rầy dạ lên xuống bán buôn
Tai nghe lệnh cấm cửa nguồn thiếu em

16. Nữ: Nước mắm ngon thượng thủ
Chấm đu đủ đực lỡ dở
Em than phận em con dại con khờ
Về làm dâu nhà cha mẹ cũng nhờ cậy anh

Nam: Em ở ngoài vòng con nghi con ngại
Em vô trong vòng khôn dại có anh
Hỡi người thục nữ đừng lo
Về làm dâu cha mẹ cung đành thương con

17. Thức khuya dậy sớm cho quen
Làm dâu bà đó không hên gì ha
Về nhà có mẹ có cha
Ở cho trung hiếu kin hòa mới khen
Giàu nghèo cũng phải coi xem
Hỏi han tường tận rồi đem ra mời
Nhân phần đến lúc thảnh thơi
Ở đời mới thấy cuộc đời mới ghê
Dạy con xét mấy lời quê
Xin cho thấy nầu chớ chê chớ cười
Thứ nhất kế sự làm người
Dẫu no dẫu đói cho tươi mặt mày
Bữa ăn phải giữ tháng ngày
Thức khuya dậy sớm cho tày người ta
Tôi thời xem việc trong nhà
Hình dung yểu điệu nết na dịu dàng
Khi đi khi đứng chững chàng
Khi ngồi khi nói bẽ bàng dung nghi
Tôi thời cận thủ thần di
Đồ ăn đồ đạc vật gì phải soi
Xét qua đậy đệm hẳn hoi

Chỗ nào chỗ nấy phải soi cho cùng
Ngủ thời quét chiếu giũ mùng
Đêm khuya thức dậy kinh dung phải gìn
Tinh mơ gà mới giựt tin
Kêu thầy khiến tớ cứ in việc thường
Làm người cho biết mọi đường
Lành nghề bánh trái kia là
Đến khi lễ lạt trong nhà cũng hay
Bán buôn kim chỉ kia thay
Nghề nào phải giữ trong tay một nghề
Nghề thoi nghề củi nghề canh
Phải học nghề cày để giành một bên
Chẳn chờ không chịu về quê
Đến khi cúng tụng lo bề làm ăn
Ở cho có nắp có ngăn
Gái trai phân biệt cách ngăn rạch ròi
Gặp nhau đi đứng bên ngoài
Gặp nhau chân ấu chớ hề vãng lai
Cũng đừng trò chuyện ngồi dai
Cũng đừng bỡn cợt cho trai mặt lờn
Làm người phải giữ có hơn

Chuyện ai gây gổ so hơn làm gì
Dẫu mà mua bán việc chi
Bán thì liệu vốn mua thì liệu phen
Bạn đừng ve vãn làm duyên
Gánh gồng nhớ nỗi truân chuyên trợt đò
Làn nước bẻ cây mà đo
Sông sâu đừng lội đò đầy đừng qua
Gặp người đáng đạo mẹ cha
Trình thưa gọi dạ mới là con khôn
Ra đường mỗi vật mỗi ngon
Mua về cha mẹ gọi con chút tình
Đừng tăm tối một mình
Dù ngay cho lắm thì mình cũng gian
Chuyện ai chớ khá luận bàn
Làm người đừng có ăn càn nói dê
Chỗ đông ngoảnh mặt làm ngơ
Dù trai giễu cợt giả khờ đi ngay
Một mai ca xướng vui thay
Chị em có rủ ban ngày phải đi
Ở cho có kính có nhường
Trên trời cha mẹ dưới thời chị em

18. Từ khi em về làm dâu
Anh thì dặn bảo trước sau một lời
Mẹ già khó lắm em ơi
Nhịn ăn nhịn mặc nhịn lời mẹ cha
Nhịn cho nên cửa nên nhà
Nên kèo nên cột nên xà đòn dông
Nhịn cho nên vợ nên chồng
Thì em coi sóc lấy trông cửa nhà

19. Vai mang khăn gói sang sông
Mẹ kêu mặc mẹ thương chồng cứ đi

20. Vậy cho nên tôi mới biểu với con vợ tôi rằng
Em ơi em! Ở đây làm chi cho vua quan sưu thuế nặng nề
Đầu con, đầu vợ đứa bế đứa bồng
Đứa lên một đứa lên năm đứa lên ba đứa lên bảy
Tao biểu mày quảy mày không quảy
Mày để tao quảy, quảy về đến đất phú ơn (Phú Yên)
Nặng nề gánh vác giang sơn
Đầu con đầu vợ cái đất phú ơn ta lại về
Nhìn trông đỉnh núi tứ bề
Cành mai chớm nở ta về xứ ta

Hết hòn vay tới hòn trả
Hết hòn trả tới hòn hành
Tấc dạ cam đành
Dắt vợ cùng con
Biết bao giờ trả nợ dương trần
Dương trần y lân tay vác
Chân vịn chân trèo ta
Ta về xứ ta
Biết bao giờ trở lại quê nhà.

II. CÂU HÒ CHỦ ĐỀ VỀ TÌNH YÊU

1. Ai bày ai biểu mà thương
Cùng ai duyên nợ vấn vương
Cho nên lỗi đạo cang thường mẹ cha
Làm người thì phải nghĩ xa
Thân tôi như chùm gởi bá cây đa giữa rừng
Bạn ơi thấy đi đừng mừng
Bông sen nở rộ bỗng dừng được đâu

2. Anh đây ở lại thất hiếu mẫu thân
Anh ra về lỗi đạo ái ân thiếp chàng
Khuyên ở lại cưu quang

Đường mòn lối cũ cho chàng dời chân
Hai hàng nước mắt rưng rưng
Em ơi ở lại giữ tiết xuân má đào
Nơi nào giàu lớn chức quyền cao
Tốt như tiên – tốt mượt em đừng trao duyên lành
Một lễ đành hai chữ thương ôi
Bông hoa tàn cũng đợi, cành hoa rơi cũng chờ
Em chờ anh cho đến sức chờ
Chừng nào tóc bạc thì hồn thơ chia lìa

3. Anh thương em có cặp chân mày
Sinh sao để vậy ai bày em xe

4. Anh với em ở cách bao xa
Cách một đám đất phân ra hai làng
Buổi xưa kia anh không lập trường văn võ
Em có chồng rồi anh đứng ngõ gởi thư
Ba bốn nơi đến nói em chờ
Còn nơi nhựt nguyệt cũng chờ đợi anh

5. Bạn còn thương nữa hay thôi
Nói cho anh biết anh ngồi anh trông
Thân anh như chiếc thuyền rồng

Anh ngồi anh đợi gió đông thổi vào
Tam sơn tứ hải quản bao
Anh ngồi hòn núi chiều đào anh than
Hột châu nhỏ xuống hai hàng
Ngọn cỏ khô tươi lại nó hoàn về đâu

6. Bí chanh non không ngon tại nấu
Thiếp xa chồng tại xấu mà i dong
Ngó về cửa sổ 5 song
Thấy đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng
Tại cha tại mẹ bên chồng
Cho nên đũa ngọc mâm vàng xa nhau
Biển hừng đông rồng nằm thấy dạng
Cái dạ em buồn thấy bạn cũng vui

7. Bị gậy ai để ngoài sân
Giống hình bị gậy ái ân buổi đầu
Mời về uống nước ăn trầu
Rồi đây ta sẽ kết câu ân tình

8. Biết làm sao anh giải cơn buồn em ơi
Đôi lứa ta kết tóc nhau rồi
Trăm năm nguyền kết những lời nên duyên

Chắp tay lạy thiếu hoàng thiên
Mấy lời thục nữ lan cung đợi chờ

9. Chim chuyền thánh thót giọt lệ
Tự xưa rày vắng điệu hiền thê cũng buồn
Vắng em anh vẫn khóc luôn
Bởi ai cán nẻo chận truông thiếp chàng
Miếng trầu là nghĩa tân lang
Lời ăn tiếng nói phụ nàng dám trao
Miệng thế gian bén tợ gươm dao
Đôi ta thương đặng ngày nào thì thương
Ví dầu cha mẹ nghiên xương
Căng da xẻ thịt điệu tình thương đừng lìa
Đôi ta như cá trong đìa
Có sớm cũng đợi có khuya cũng chờ

10. Chim quyên đậu nhánh tre già
Đôi ta phân rẽ phụ mẫu nhà chưa hay
Dừa tơ đẹp bẹ trái sai
Đôi ta thơ thửng được vài tháng nay

11. Chít chiu như gà lạc mẹ
Buồn hỡi buồn như nhạn lẻ đôi

Anh với em lỡ đã lỡ rồi
Dẫu đi cũng ngặt dẫu rồi khổ đau
Buồn tình như bụi chuối xả tàu
Tay chân rũ riệt khác màu anh ơi
Hồi nào một bước không rời
Bây giờ giữa biển giữa trời lênh đênh

13. Có câu lưỡng tánh đa đoan
Nghiêng nghiêng vòng nguyệt thiếp chàng ngăn sông
Từ biết dạ hỡi luống trông
Em trông anh như hổ trông lâm
Như tiên trông phụng như rồng trông mây
Anh gặp em đây rồi lại hỏi hờ
Ai xuôi mái tóc đợi chờ trao duyên

14. Con cua nằm kẹt đá
Con cá nọ chờ chim
Gỗ trôi sông gỗ nặng gỗ chìm
Anh thương bởi nằm điềm chiêm bao

15. Con ngựa vàng lông ăn vồng lang
Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê

Đi như vầy chúng bạn cười chê
Năm ba người biết chín mười người không
Để em về chớ mẹ em trông
Con đi làm mướn sao không thấy về
Hay là mê điệu hiền thê
Cho nên đêm tối không về phòng loan
Ước như chàng chịu đa đoan
Thì em ở lại với chàng đôi năm

16. Còn gì chờ đợi sớm khuya
Kẻ ở Tân quốc người về Đơn bang
Biết thuở nào cho thiếp gặp chàng
Cơn buồn đến, bạn biết toan lẽ nào
Buồn lâu thế cũng hư hao
Liều mình tự vẫn ra nhào biển đông
Sống làm chi thiếp chẳng gặp chàng
Kẻ ăn lê liệu người mong đợi chờ

17. Cơm chén san chén sớt
Đũa hai đôi, đôi đứng đôi nằm
Cha mẹ em có đánh chín chục một trăm
Đánh rồi đứng dậy một trăm lần em vẫn thương anh

18. Đầm Ô Loan vừa dài vừa hẹp
Nước Ô Loan vừa mát vừa trong
Thuyền anh bơi ngược dòng
Tìm em cho thỏa tấm lòng đợi mong

19. Đất Cù Du là nơi chiếu tốt
Lãnh nào tốt bằng lãnh Ngân Sơn
Em đừng so sánh thiệt hơn
Tình anh đây ví thứ keo sơn nào bằng

20. Đèo cao thì mặc đèo cao
Thương em anh vẫn tìm vào thăm em

21. Đêm nay gió lạnh ngoài hiên
Chàng ơi bớt ngủ để em than đôi lời
Đêm nay lặng gió thanh trời
Chàng ơi bớt ngủ để nghe lời em than
Lời em than gió chứng nguyệt tâm ân
Chết đi mới mất, sống không bỏ chàng
Chàng ơi nam tử là chàng
Em đây nát nửa lá gan vì gan
Lời nguyền đã khắc không phai
Sông Đà Rằng lấp cạn mới sai lời nguyền

22. Đêm nằm bàng bạc ánh trăng
Ngân Sơn bên đó, Màng Lăng bên này
Thuyền chao bóng nước gió lay
Lòng em xáo động chàng hay chăng chàng
Một dòng nước xoáy Tam Giang
Bởi lời cha mẹ phụ phàng tình anh

23. Đêm nằm tóc bỏ tả tơi
Vai mang giấc điệp chơi cõi trần
Tai em nghe ngoài ngõ thơ rơi
Thức dậy một giờ rồi lại xem thơ
Thơ bên chàng có bốn chữ kèm
Em năn tay cho mềm lại giở thơ ra
Chiếu nuộc trải xuống nền ngà
Thân phụ nàng ngồi trước con nàng ngồi sau
Cha già không thấy chữ đâu
Biểu con đọc hết trước sau cho tường
Đọc rồi bải hoải tay chân
Bàng hoàng trong dạ biết chừng thương ai

24. Đôi ta như cá dưới ao
Chàng than thiếp thở biết làm sao lên bờ

Em ngửa tay em lấy câu thơ
Anh về cửa nghĩ chi cơ ở nhà
Thiếp với chàng như bướm với hoa
Nào ai nỡ ở bạc ông trời nào chứng cho

25. Đồng tiền chạm bốn chữ vàng
Buổi xưa kia thiếp nói với chàng làm sao
Mà giờ nay lộn mai nhào
Hỏng (không) sợ chúng bạn nẫu ngó vào cười chê

26. Em ra sông cái em nhào
Em làm chi không đặng ra vào với anh

27. Em than với anh một tiếng có chồng
Tỉ như cây kiểng ông lớn trồng trước dinh
Em ngồi buồn than thở một mình
Đương không gán nghĩa chung tình với anh
Mai sau duyên nợ không thành
Bỏ lời ăn tiếng nói cho anh, anh phiền

28. Giả đò dạo xóm bán trầu
Hỏi thăm người bạn bệnh đau thế nào
Đến năm canh thọ bệnh bất an
Em ơi ở lại thuốc thang đôi ngày

Huỳnh trì, huỳnh bá, huỳnh liên
Bạch xâm xác quế sắc liền mười phân
Tay bưng chén thuốc lại gần
Anh ơi dậy uống thuốc thần mạnh thiên
Vừa may bệnh nọ mạnh liền
Anh ơi ở lại huỳnh tuyền em lui

29. Hồi nào thiếp đứng chàng ngồi
Chàng trao cái áo làm đầu cái khăn
Bao giờ ơn nghĩa bất bằng
Em ngồi bãi cát em mần cái cây
Trời ơi sao hỏng định xây
Con cá kia về sông định để em rầy chịu cam

30. Lạc đường xuống chốn ô sào
Chim kêu vượn hú trên non cao thâm tình
Tự xưa rày anh hỡi ở đâu
Bỏ em chịu thảm chịu sầu lệ rơi

31. Ngọn đèn chong tứ hướng
Có cây gió vướng không sao
Nửa lưng tỏ rạng chỗ nào không hay
Thương về duyên trong nhác lầm vầy

32. Nhớ về chuyện nợ mình nay hao gầy
Đêm này bỏ xõa tóc vào
Thò tay bao lại biết thuở nào cho nguôi
Mặt nhìn em nước mắt bùi ngùi
Bạn vàng ơi nghĩ lại thương tui đôi lời
Ơn đền nghĩa trả bạn ơi
Bạn đừng than trách đất trời
Trời ơi chi lắm bấy nhiêu lời gian nan
Mới trưa sao lại xế sang
Không nhớ xưa khi hai mặt thiếp chàng hòa giao
Không nhớ khi hai mặt ngó vào
Anh thề em nguyện hồi nao vẫn còn
Lược thưa em gỡ đã mòn
Gỡ rồi anh cất những còn chỗ đây
Cuối tháng trăng khuyết làm vầy
Tỉ như trăng đầy tháng càng ngày càng cao
Nhựt dời nguyệt cách chỗ nào
Nhựt dời nguyệt lặn hồi sao vẫn còn
Ai làm lìa nước nọ non làm vầy
Nghĩa nhơn trời định mới xây
Cha dứt mẹ ngầy tội nghiệp thân em

33. Qua đò ướt áo em hong
Thấy anh có nghĩa em mong đợi chờ
Không ai viết một bài thơ
Dán lên cây thị mà chờ người thương
Dây tơ hồng ai khéo vấn vương
Gặp mặt một bữa mà thương nhau hoài

34. Sao rua chín cái nằm kề
Thương em từ thuở mẹ về với cha
Sao rua chín cái nằm ngang
Thương em từ thuở mẹ mang trong lòng
Sao rua chín cái nằm chồng
Đôi má em hồng hàm răng em trắng
Cho anh thơ thẩn chín nhớ mười thương
Tam cầu lục tỉnh bắc cầu lục tỉnh
Là hai mươi bốn cầu
Cầu nam, cầu nữ, cầu dữ, cầu hiền
Cầu cho hai đứa kết duyên Tấn Tần
Trên nhà quê cầu võng cầu qua
Dưới sông giang hà
Thuyền đậu cát lái cầu nước, cầu non

Anh đem về cầu của cầu con
Cầu cha cầu mẹ vuông tròn như xưa

36. Tay dang tay dở sao nỡ
Ruột cắt ruột sao đành
Lời nguyền chứng có cao xanh
Nguyện cùng thiên địa yêu anh trọn đời

37. Tay nâng bút rưng rưng lệ ngọc
Gượng làm vui vội tả tâm thơ
Trăm mối sầu khó nỗi lấp ngơ
Ngàn đoạn thảm ai mà xao lãng
Dạ bứt rứt thương thầy nhớ bạn
Lòng bâng khuâng ngồi đứng nào an
Nhớ cựu tình thoáng thức vào ra
Thảm là thảm năm lừa bảy lọc
Thương là thương mới ngộ lại xa

38. Than rằng con rít nhiều chân
Đi sao cho kịp bạn gần ta thay
Ơ bạn ơi đứng lại ta phân đôi lời

39. Thiên tài dụng võ vô dụng nghĩa
Thế gian cầu lợi bất cầu danh

Tai nghe tiếng sáo thổi thanh
Chim quyên uốn lưỡi đầu cành líu lo
Làm người đừng tính so đo
Sáo đờn hòa nhịp còn lo nỗi chìm
Đôi ta như bộ đờn kìm
Đứt đi nối lại mà tìm đặng đôi

40. Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây
Như con chim chèo bẻo xa cây măng vòi

41. Thò tay mà ngắt đọt ngò
Thương anh da diết giả đò ngó lơ
Thương sao thương dại thương khờ
Trong nhà không khóc ra bụi bờ khóc than
Một ngày làm tể đôi quan
Bỏ công tìm bạn mới an tấm lòng

42. Trăng trên trời còn khuyết lưỡi liềm
Huống chi người bạn kiếm tìm người khôn
Chẳng thiếu chi nơi bạc đồng thiếu chi chỗ vàng chôn
Đâu giàu anh chuộng khổ khôn anh tìm
Không biết làm sao biến đặng con chim
Bay vô dặn bạn mả chuyền trên cây

Lén cha lén mẹ nào hay
Bay vô dặn bạn rồi bay trở lại

43. Vái ông tơ một chồng bánh tráng
Ván bà tơ một tán đường Dinh
Đôi ta gá nghĩa chung tình
Dù ăn cơm mắm ngủ đình cũng ưng

44. Vàng mười đúng lượng thiếp cân
Vàng mười đúng lượng bỏ vô cân đều đồng
Em gặp anh đây như vợ gặp chồng
Như đòn gánh gẫy giữa đồng gặp tre
Hèn lâu em mới gặp nghe
Như bình tích nguộc bỏ chè ô long
Vòng mai anh đứng kề cây khế
Vòng xế anh đứng tựa cây dừa
Mồ hôi chưa ráo áo cột nọ chưa khô
Tai nghe em té ao hồ
Anh bưng chén thuốc cam lồ cứu em

46. Nhà anh đây nhà em đấy
Không cách mấy nhau xa
Cách một cái suối năm ba cái đường

Không đi thì nhớ thì thương
Đi thời lại sợ xóm phường trở trang
Muốn đi cho thấy mặt nàng
Cho thấy bụi chuối nở toang sau vườn
Không đi thì nhớ thì thương
Đi thì lại sợ cái mương cái cầu
Không đi thì thảm thì sầu
Đi thì lại sợ cái cầu cái mương.

III. SINH HOẠT XÃ HỘI

1. Nữ: Ai phò Đường Quốc, ai ở đất Kinh Châu
Ai cày non lịch, ai câu Thạch Bàn
Ai mà giết vợ làm quan
Chôn con nuôi mẹ đặng vàng trời cho
Ai mà đọc sách luôn pho
Nói cho em biết em lo kết nguyền

Nam: Giáo Kim phò Đường quốc, Lưu Bị ở đất Kinh Châu
Thuận cấy non lịch, Lữ Vọng ngồi câu Thạch Bàn
Ngô khi giết vợ làm quan
Quách Cự chôn con nuôi mẹ đặng vàng trời cho

Mãi thần đọc sách luôn pho
Nói cho em biết em lo kết nguyền

2. Anh có vợ nhà như gà ấp trứng
Em đây không chồng như hạc đứng bàng quang

3. Anh đi về quãy mấy tuần
Để nàng đi với thăm cùng mẹ cha
Một trăm bánh ít nhưng (nhân) dừa
Một cân đường cát quả chè ô long
Anh về em gởi một cặp chè ngon
Cha mẹ có hỏi: Của con gởi về

4. Anh ham vui đến chốn đô thành
Em giàu mấy vạn gặp anh em cũng phải chào
Ví dù em có nơi nào
Gặp anh cũng hỏi cũng chào mới khôn
Ba năm cá vượt vũ môn
Tào khang chi thủy em có nôn gì cũng phải nghĩ phần qua
Một ngày cũng nghĩa bướm hoa
Dẫu tình dẫu nghĩa dẫu xa cũng tình
Bẻ bông mà cắm lục bình

Nẫu xa mặt nẫu đôi lứa mình đừng xa
Anh ngơ ngơ em cũng ngơ ngơ
Trời xui đất khiến hai đứa mình gặp nhau

5. Nam: Anh nói với em lời đã cạn lời
Diều bay cá nhảy thấu trời bằng sao
Nàng không nhớ khi hôm sớm ra vào
Nghĩa nhơn gầy dựng ai đã trao ân tình
Chẳng qua trời đất bất bình
Làm cho mấy điềm tư tình ngả nghiêng
Đến canh năm hưởng những than phiền
Ngày sáu khắc người bạn hiền cách xa

6. Anh vái cùng trời và nước giặc yên
Anh đi phản bội về làng nghỉ ngơi
Đi thời rầy đã đến nên
Nghe cho mặt thốt hai lời xót xa
Em đi bỏ của rồi lại bỏ nhà
Con thơ chiu chít mày đà lấy trai
Năm ngoái mày đã thọ thai
Uống thuốc mày phá thiên hạ người đều hay
Năm ngoái chí dĩ năm nay

Ban đêm ngủ đậu ban ngày ngủ lang
Phải chi nay ta bỏ xứ đi hoang
Mày ở nhà làm vậy ta cũng an tấm lòng
Tao đi quân ngũ hoành hành đỡ đầu tên mũi đạn
Mày ở nhà mày lãnh bạc tháng mày ăn
Lạ gì thứ bán thứ ăn
Ban ngày ngủ lậu tối băng ngủ chồng
Mày đi đâu bỏ cửa nhà bỏ không
Mê trai đắm gái lấy bạc đồng đem cho

7. Nữ: Anh về bán ngọn cây đa
Bán đôi trâu già chẳng cưới được em

Nam: Anh về bán rế kim can
Bán đôi đũa bếp cưới nàng còn dư

8. Anh về chớ vợ anh trông
Con thơ anh khóc đèn chong hết dầu

9. Anh về hái đậu hái cà
Để em đi chợ kẻo mà lỡ phiên
Chợ lỡ phiên tốn công thiệt của
Mang tiếng người cười dở sao nên

Lấy chồng phải gánh giang san
Chợ phiên còn lỡ giang san còn gì

10. Nữ: Bình Định tỉnh, Phú Yên cũng tỉnh
Gò chàm thôn, gò dưới cũng thôn
Em đố anh con gì chết không chôn
Đem ra mả bỏ kiến chồn không ăn

Nam: Mồ cha ông tổ em ra
Bình vôi ông táo kiến chồn nào ăn

11. Bến hiền thuyền đậu
Bến dữ thuyền đi
Ngọn nước chảy ngược ai lại bỏ sào nguôi
Làm sao giữ vững để tới lui con thuyền

12. Cảm thương ông mẫu tới khuyên
Mới vừa đôi lứa tám nhà huyên sum vầy
Có câu tháng bảy tại trời
Hoàng thiên ai nỡ hại người mồ côi
Nghèo thời tại số anh ơi
Giàu thời tại vận, mồ côi tại trời
Đố ai bứt xé cho rời

Tơ hồng đã định đôi này thời một dây
Chàng về thiếp lộn lên mây
Mẹ này ở chén này ai nuôi.

13. Nữ: Cau kỳ thính lính bụ ngọ dài sơn
Em ở xa chưa rõ nguồn cơn
Chưa từng trăng gió tường không mấy chừng
Nam tào bắc đẩu lung lung
Chim chuyền thủy thạch con trùng đồng ngô
Hèn lâu hơn mới gặp hôm
Người quân tử chừng ngày mô kết nguyền
Gió luồn cửa sổ luôn long
Thốt ra mới biết để lòng ai hay
Tỷ như trăng đầy tháng càng đầy càng cao
Khuyên cho chàng có dạ biểu bao
Thốt ra trăm chuyện, chuyện nào cũng yêu
Bạn kêu ta cũng biết ơn
Về thưa trang phụ mẫu biết nguồn cơn thế nào
Nam: Chớ mà chực tiếc má đào bấy lâu
Tôi không biết em đợi về đâu
Bạn kêu ba tiếng biết nguồn cơn thế nào
Kẻo nào mặc tiếc má đào bấy lâu

14. Cất tiếng kêu người ở xóm đùi
Nửa đêm thức dậy cầm dùi đập xơ
Mau ngâm rồi lại tiếp xơ
Tiếp thành con nhỏ để đưa vô bàn
Đánh ba con lại thành đàn dây neo

15. Cậu cai buông áo em ra
Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa
Chợ trưa rau nó héo đi
Lấy gì nuôi mẹ lấy gì nuôi con

16. Cây lê câu lựu đứng ở bờ sông
Ai khéo vun nó bén vụng trồng nó xiêu
Một nhành hoa năm bảy bông điều
Hỡi bạn, bạn muốn chọn yêu bông nào?
Chàng ngó thấy nước ngõ nào chảy ra
Anh mà đối đặng em phải giao ca
Đối mà không đặng bước ra đi về

17. Nam: Thò tay ký giấy tờ đoan
Mùa xuân hoa nở một ngàn ong xây
Anh nói với em ngày rằm tháng bảy làm chay Phật bà
Chủ gia thiết lập thủ kỳ

Ngày kỵ ngày lạc món gì cũng dâng
Anh đây trả hiếu cho cha
Anh đền nghĩa mẹ em ra có chồng
Mai dong đứng vái tơ hồng
Cho vợ cho chồng đi tết đầu heo
Quan âm lượm đá trên đèo
Trụ câu bâu lộ bán heo chợ này
Quản gia vét giếng đào ao
Chàng ngó thấy nước dưới trào dâng lên

Nữ: Ai mà ôm bảng khảy đờn
Ai mà đổi núi tan cờ làm chi
Ai mà ngắt ngọn rau vi
Ai mà ôm Phật lên ngồi phòng đai
Ai mà sinh đặng chín trái
Sinh ra hai gái khải chi tai đồng bằng
Ai mà mặt đỏ như thau
Ai mà đem gả con đầu về phiên
Ai liều mình thác xuống huỳnh tuyền
Trai nam nhơn đối đặng gái kết nguyền trăm năm

18. Nam: Thạch Sach ôm bảng khảy đàn
Tiên ông núi ta nhơn bằng chi

Quan âm ngắt ngọn rau vi
Thầy chùa ôm Phật lên ngồi vành đai
Vua Nghiêu sinh đặng chín trai
Sinh ra hai gái khác chi đồng bằng
Quan công mặt đỏ như thau
Kiều công đem gả con đầu về phiên
Vân Tiên thác xuống huỳnh tuyền
Trai nam nhơn đối đặng gái có quyền vô thi

Nữ: Lời giao ngôn thuyết câu quớ chàng
Ngày 20 tháng 8 dọn đường trương tre
Nơi nào giàu đến nói chàng đừng nghe
Tình chàng nghĩa thiếp gán công xoe đợi chờ
Em chờ anh đến sức chờ
Chừng nào tóc bạc hồn thơ chia lìa

Nam: Lời giao ngôn thuyết câu
Sâu nhảy xuống sông
Sao sao cũng vợ cũng chồng
Chừng nào đá nát thì lòng em sai
Chân vàng chân dép mược ai
Không tin em lập tờ đang
Mai sau có lấy tờ đang cũng còn

Nữ: Anh không thương nói trước em hay
Để bằng chi em lên xuống cực lòng đây thêm phiền
Khi không nẩu đặng trao duyên
Đây em có nói cũng phiền lòng anh
Anh là người không biết xét xem
Xứng đôi vừa lứa em cũng đem bụng mừng
Trời cao không biết mấy từng
Bữa này nẫu đã cướp bưng tôi rồi
Hai tay bải hoải anh ơi!
Bứt không thất bứt mà lã mồ hôi ướt mình
Bữa nay đà em lâm bệnh thật tình
Uống trăm thang thuốc trong mình không yên
Em hiểu mình thác xuống huỳnh tuyền
Sống làm chi thấy mặt bạn hiền nhớ nhung

19. Con rồng xa bát nước chín cõi tiên đô
Sông ngân cù dậy cá vô biển nào
Chân em ngừng do nguyệt xem sao
Đèn trời lồng lộng tỏ vào cho minh
Cầu hồn hai ngả bình đinh
Biết ai là nghĩa là tình đám vung
Chờ lệnh trên tâu lại có chừng
Phải Tần phải Tấn em vung lời vàng

20. Nữ: Chẳng thà ưng đứa ăn mày
Bánh tráng treo đầu gậy ngủ ngày luôn luôn
Không thèm ưng đứa học trò
Thức khuya dậy sớm nhọc lo đêm ngày

Nam: Thái công phổ đức Văn Vương
Trương Lương phổ hớn lập đường công danh
Em không nhớ khi ấu học tráng hành
Công hầu đại đại rõ ràng hiển vang
Áo khăn mũ mão vua ban
Lo chi chuyện ấy, thì nàng lo âu
Ưng thằng hành khất đứng ngồi với ai
Ăn chiều thì phải lo mai
Dạo làng cùng sớm nhà ai cũng vào
Đến chừng chợ họp lao xao
Đụng đâu bóc đó hàng nào cũng la
Ích gì bậu lại đắm sa
Ăn trưa ngủ sớm người ta chê cười
Đến chừng bệnh tật lừ dừ
Không nhà mà ở tỉ như người bỏ thây
Ham chi cái bánh đầu cây
Quần áo rách rưới ngọn gió lây lạnh lùng

21. Nam: Chiều chiều ra tắm suối hoa

Mấy câu nhơn nghĩa trôi ra giữa dòng

Dậm chân xuống đất trời đã ghi lòng

Tu nhơn tích đức trời mà chứng cho

Ra đi thiên hạ dặn dò

Bẻ cây ngán nước ngừng đò hỏi thăm

Lương duyên ai dễ ai cầm

Trôi ra giữa bến tri âm gặp chàng

22. Chim kêu trước cửa

Chó sủa sau hè

Chồng em đi nói cặp chè

Nói thì có nói trả chè không ưng

23. Nam: Chim kêu vượn hú đá đang

Long hồ nhạc khúc bạn toan lễ nào?

Đường xa tui mới bước vào

Nghe tiếng bạn chào sao bác dửng dưng

Nữ: Hai dòng nhựt nguyệt đương xuân

Tối tăm cảnh liễu sáng trưng vườn đào

Bạn nghiêng tai nghe tiếng ta chào

Đương không tự bạn đừng trách sao bạc tình

24. Chợ xởm ăn bám bỏ cùi
Ma liêu thấy vậy xách gùi chạy lên

25. Chu cha sao sáng bể dâu
Anh về làm rể ngõ bầu an thân
Bùn lê từ gót đến chân
Em ngồi vắt vẻo ngoài sân ăn quà

26. Nam: Con chim hồng hoàng bay ngang trước chợ ,
Anh hỏi em rầy ở đợ cho ai?

Nữ: Xà cúi đổ lộn xà bì
Em không ở đợ lấy gì nuôi anh

27. Con chim kêu lăng tăng líu tíu
Anh mê cái con liu điu sao nỡ dứt tình
Từ rày bạn cựu xa mình
Lập quy mô xứ khác gẫm sự tình mất vui

28. Con rồng nằm ngoài phố Huế
Con ngựa tế Đồng Nai
Nước sông trong chảy tận sông ngoài
Hèn lâu gái mới gặp trai
Ti như đôi cá lâu đài gặp nhau

29. Còn gì chờ đợi sớm khuya
Kẻ ở Tần quốc người hồi Đơn bang
Ngồi lâu lại tốn buồn hao
Tức mình tự giận ra vào biển đông
Thôi thôi quất ngựa về không
Không thèm dỗ vợ dành chồng của ai

30. Công anh đeo đuổi mà chi
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh nông
Sớm khuya có vợ có chồng
Cày sâu bừa kỹ mà mong được mùa

31. Nữ: Còn gì chờ đợi sớm khuya
Kẻ ở Tần quốc người về với Đơn bang
Biết làm sao thấy được mặt chàng
Cơn buồn nhớ bạn biết toan lẽ nào
Buồn lâu thế cũng hư hao
Em mang tự vận ra vào biển đông

Nam: Em chết đi đâu uổng oan hồn
Trước bỏ cha mẹ, sau bỏ chồng bơ vơ
Anh nghĩ đi anh nghĩ lại thấy thất thơ thảm thuyền
Vào ra tăm tối một mình
Tiếng tăm không có dạng hình cũng không

32. Em ơi bớt thở đừng than
Để anh lên diện nguộc vàng thưa với vua cha
Dao vàng cắt ruột anh ra
Đền gan cho bạn khéo mà gan hư
Bởi vì nhân nghĩa đồng tư
Ruột xé đứt anh nối, gan có hư anh bồi
Tấm tranh bên bác, ruột nát bên tây
Khổ thân em lắm bấy nương theo rầy mẹ cha
Ai làm loan phượng cách xa cũng buồn
Điện chung tình phải tỏ cho luôn

33. Đa nhơn phú quí sở dục
Anh chê em nghèo lánh đục tìm trong
Bỏ em nghèo về kiếm chỗ giàu sang
Mai sau đau ốm đặng anh chàng nhờ thân
Ví dầu hòa phụng giao lân
Dầu cha mẹ định xa gần anh cũng phải theo

34. Đầu đồng trồng cúc không bông
Ngó ra biển thẳm thấy ông chèo đò
Chèo đò biết đói biết no
Biết ơn cha nghĩa mẹ sang qua kết nguyền

35. Đế vương khai lập đồng quờn
An nơi sanh nước dễ dời là lâu
Sông vạn lưỡi vạn người câu
Đồng hồ trở khác trống trên lầu tan canh
Mở lời chào nữ tú nam thanh
Chào thêm tiếng nữa, yên ấm vui vầy

36. Đồ trong nhà này vác thẳng ra gò
Đứng sân dưới mày lò cò kéo lên
Nói mày tao đánh cũng nên
Nọc ra tao đánh tan xương nát đầu

37. Anh về Bình Định ba ngày
Dặn mua chiếc nón nửa dày nửa thưa
Nửa dày che nắng che mưa
Nửa thưa em đội em chừa cho anh

38. Anh về chẻ nứa đan sàng
Chẻ tre đan võng cho nàng nuôi con

39. Để anh đứng mũi chịu sào
Em cắp bánh lái sang qua, đò hò

40. Nam: Đôi đường ở dưới lên đây

Trước thưa bà thiếm cho anh xây ngọn cờ

Ngọn cờ siêu bác đầu, ngoài vòng thành trống giục tri cơ

Chữ san hô anh phải hỏi thăm

Tri nhơn tri diện anh chưa tri tình

Nữ: Nghiêng chân bước xuống thuyền vàng

Trước chào nam tử mấy nàng phi nga

Thầm mừng sáo thổi đờn ca

Trao không chuốt ngót dây mà lên hương

Chào người quân tử xa đường

Se dây cầm sắc điệu can thường làm sao

Chim quyên đậu nhánh liễu cao

Trực nhìn ngó thấy dưới ao cá trừng

Nam: Bạn chào ta thăm thăm dịu dịu

Đây anh chào lại yểu điệu canh thanh

Lúa canh tân tới lúc thanh nhàn

Trên thời hoa nở dưới tà vàng chung sung

Dạo miền khắp hết chín cung

Nước Tần nước Tấn hiệp cùng trường an

Tre xanh dương cúc bĩ bàng

Trước vung lời thục nữ, sau đáp nàng một câu

41. Đường nào đây giống đường năm ngoái
Ngõ nào đây giống ngõ ngày xưa
Cũng nguyền trọn nghĩa đón đưa Tấn Tần
Có xa xích lại cho gần
Nghĩa kia lưu lạc bao giờ gặp đây

42. Em đi không áo không chăn
Áo mượn không được, cái khăn không lành
Nghĩ mà rầu thấu mặt xanh
Gió đưa không thấy gẫy cành thiên hương
Sự đời kể hết anh thương
Anh đừng ham nơi nhà ngói, phụ rẫy nhà tranh

43. Em đừng vu oan giá họa
Em đừng mộng mạ cho chàng
Em lấy ai ruột chửa chang bang
Đồ thừa dây lưng đỏ cho làng bắt anh
Cho mau tới tháng tới ngày
Đặng em sinh để coi mà gái trai
Phải chi con gái thời chàng xin không
Phải chi nam tử mặt rồng
Tốn bao nhiêu anh chịu làm chồng nuôi cho

Làm thân con gái sao chẳng biết lo
Để ba bốn tháng sao em còn đòi nghệ tiêu
Để làm chi thậm ý trí kiều
Em níu anh, em níu lưng lụa điều này buông ra
Con cua anh không sợ, anh sợ con còng
Người du côn anh không sợ, anh sợ gái hai lòng hại anh

44. Nữ: Em qua cầu ván mong gió rung
Rủi tay em rớt xuống cái đùng
Sương sa lạnh lẽo em cậy cùng vớt lên
Mai sau em có làm nên
Ơn đền nghĩa trả cho chàng có dư

Nam: Em đi công chi mà sự việc chi
Cho nên em té dậy thì cầu cao
Miệng anh vái trời rồi lại vái sau
Vái cùng bắc đẩu nam tào
Anh liều mình nhảy xuống hoa đào biển đông
Vớt em lên lạnh lẽo tợ như đồng
Tay bưng âu lửa lại cầm mo than
Một tay giơ lấy mình nàng
Nàng ơi sống dậy trả ơn chàng một khi

45. Nữ: Em đố anh chứ ai xô ông Tể ngã
Ai kéo mà ông phản trì
Anh mà đối đặng tới em gả dì em cho

Nam: Trời mưa lộp bộp
Cầu bà xộp gập gềnh
Ông Tể đi ông Tể ngã thì ông phản trì
Đây ông đối đặng, cháu với dì tính làm sao?

46. Em đương ăn chén cháo
Kẻ giựt lại sao đành
Thốt thôi trở lại đồng thành
Gây thêm bá nghĩa đứng đầu gành thở than
Tưởng đà mình thiếp với chàng
Hay đâu có kẻ vào làng thả chân
Gá lời kêu thục nữ đào đông
Còn gì lên xuống mà trông nữa chàng

47. Hồi nào bạn nói với ta
Tuổi xanh hữu mạng có xa tại trời
Dao vàng cắt ruột máu rơi
Ruột chưa đau mấy nghe lời em than

Nam: Trên non cao trớn trở
Dưới bực lỡ cát bồi
Sông dài biển rộng cá tìm mồi băn khoăn
Mược ý ai chài lưới chân đăng
Buông câu chỗ đó cá nào ăn mới nhờ

Nữ: Hột châu nhỏ xuống tai sen
Tiếng ai giống tiếng bạn quen buổi đầu
Xưa rầy bạn bữa đi đâu
Bỏ em chịu thảm chịu sầu như dơi
Đêm nằm nước mắt lụy rơi
Sửa sang thuyền để ra mời rước anh

Nam: Phụ tùng tử tường là mẫu tử
Thơ trồng phu ấu tử trồng nhi
Xưa này anh mắc chân đi
Nay rày rảnh việc bàn phi thăm nàng
Ta nghe nàng có chỗ vững vàng
Thời chàng phải liệu lo toan trăm bề
Biết làm sao đặng biên thơ
Chàng chồng thiếp vợ ra bờ đủ đôi

49. Nam: Trước tôi chào nam thanh nữ tú

Sau chào mấy chú mấy cô
Chào luôn tiếng nữa Hớn với Hồ trải sang
Không mấy khi Tấn Tần lưỡng ban đơn trình
Nàng tới đây hỏi hết nhơn huynh
Ai tân ai cựu tỏ cho mình nghe chơi

Nữ: Câu chào câu hỏi đã an
Câu nhơn nghĩa thì chàng liệu sao
Chim quyền uốn lưỡi chào nhanh cao
Trực nhìn ngó xuống thấy dưới ao cá trừng
Em vớt anh đây nửa mừng nửa sợ rồi lại nửa lo
Vào vòng nhơn nghĩa đừng lo nổi chìm
Nhất sinh nhì tử em cũng nguyền kết đôi
Vung lời nam tử đường xa
Sau buông lời hỏi mẹ cha thế nào
Hỏi thăm quê quán làm sao
Anh em thúc bá là bao nhiêu người
Tuổi chăng liệu ước mấy mươi
Ngày sinh tháng đẻ lúc nào nói ra
Người nào tình thuận mẹ cha
Người nào riêng có thất gia đã rồi
Ai đã cách bạn lẻ đôi
Nói cho em biết còn cho câu ân tình

50. Khó ăn ở chợ lèo tèo
Ông bà cô cậu chẳng thèm hỏi han
Giàu sang ở bên nước Lào
Hùm tha rắn cắn cũng chui vào cho mau

51. Khoan khoan gá nghĩa thủng thẳng giao hòa
Để cho em hỏi mở cửa nhà bằng sao
Cao nhơn thúc bá lễ nào
Chàng nào khác tỏ làm sao nàng tường
Chữ rằng hà cảnh hà phương
Hà thành hà thị ai mà hà công?
Tuổi chàng đã mấy thu đông
Cha mẹ đã định chữ tang bồng chưa hay
Ngộ kỳ đông lập hậu đồng trưa
Thiếp gặp chàng đây phải ngăn ngừa trước sau
Phải sao nàng nói mau mau
Đây em mới biết trao câu ân tình

52. Nam: Nhứt lòng quá lưỡng hình
Biểu tôi gá nghĩa chung tình sao nên
Chung tình nặng cả hai bên
Ở nhà có kẻ đắp mền nằm trông
Biểu tôi gá nghĩa nồi đồng sao nên

Nữ: Chim kêu trên cây con cá lội dưới cầu
Con cá lý ngư mầy đã mắc câu
Trên đình đưa vẫn váng trống nhà cầu tan canh
Không ai về nhắn với ngọt lành
Khuyên ở lại khẽ làng tranh khỏi buồn
Thoát lên dưới biển mưa nguồn
Ngư ông nổi giận ngồi buồn thả câu
Hay đâu ngoài biển bác cầu
Bác trên mặt nước rồng chầu tứ phương
Bữa nay dời gót xa phương
Khuyên anh ở lại để lòng thương cho bền

Nam: Đêm ngồi nghe tiếng chuông đưa
Chợt nhìn thấy bạn thiếu em xưa thêm phiền
Buổi xưa kia có hệ lời nguyền
Xuống lên không đặng bạn hiền nhắc trông

53. Lâm xâm bước xuống bực sông
Chiếc thuyền lan đậu bến bạn không cầm chèo
Hay bạn thấy bộ hành nghèo không đưa
Hai hàng nước mắt như mưa
Bạn đưa không nói triệt sớm trưa giữa nay
Nghỉ ngơi rồi lại gãy chèo

Bộ hành ơi! đứng đó giàu nghèo cũng đưa
Nàng đừng có sợ sớm trưa
Sông sâu thì có đò đưa qua đời
Em đứng giữa nay nhờ hưởng lộc trời
Giàu nghèo đưa hết không lời khó khăn
Anh nghiêng tai em tô điệu nàng
Đi thì bước xuống đặng cho nàng đưa sang

54. Lên rừng thấy cặp cu đang đá
Xuống biển thấy cặp cá đang đùa
Em về lập miếu thờ vua
Lập lăng thờ mẹ, lập chùa thờ anh
Chữ trung chữ hiếu chữ hòa
Đố em ba chữ, chữ nào em thờ cha
Chữ trung em để thờ cha
Chữ hiếu thờ mẹ, chữ hòa thờ anh

55. Lời nguyền tất thảy minh sơn
Trăm năm đi nữa cũng không quên ơn chàng
Em gặp anh đây đang lúc giữa đàng
Của tiền không có bạc vàng cũng không
Thục nữ khôn mến khách vào đông đào
Tình chàng nghĩa thiếp nỡ nào phân chia

Mở lời chào người bạn tới khuya
Anh đừng thấy vậy dạ kia nghi ngờ
Đừng cho nhang tắt đèn mờ
Trăm năm đi nữa cũng chờ đợi anh

56. Mặt nhìn mặt lòng em còn nghi ngại
Lòng nhìn lòng không biết phải hay không
Lời ăn tiếng nói cũng in
Liếc con mắt ngọc châu sa ngùi ngùi
Em muốn thốt ra lời sợ bạn không vui
Để coi nhành quế con chim lui hay chuyền

57. Miệng tà la như cha ông nhơ
Mặt chàng rỗ như tổ ổ ong
Về nhà chồng cỡi cho xong
Vô duyên lời nói mất lòng chị em

58. Nam: Một mình em cam khổ xót xa
Xuống lên cung có năm ba tháng trời
Em biết chừng nào có vượt ra khơi
Thấy em thì thấy trao lời cho trao
Em tưởng chút tình cửu ước thơ giao
Ôm lòng đợi bạn ra vào cho chờ anh

Nữ: Cam cực mấy em cũng ôm lòng cam chịu
Khó khăn thay em cũng rán em chèo
Lênh đênh xa thế trai đèo
Người đợi ai biết ai gương treo nhãn tiền
Xuống lên thấy mặt bạn hiền
Dẫu mà có thác chốn huỳnh tuyền cũng ưng

59. Nữ: Cũng một ngằng hai phết đó là chữ dại
Đây em hò lại cũng chứ không phải thua anh
Trời làm sao chổi ba tua
Chiếc tàu tây qua lại, quan vua nhộn nhàng

60. Mở mắt chúa gọi đi cày
Phát bờ, cuốc góc nửa ngày chưa tha
Bờ lớn thì phải cuốc xa
Bờ bé đắp lại cho bà con ơi

61 Mưa giông cá mồi đập đuôi
Chờ người nam tử trầu mời mới ăn
Áo sao áo chẳng vừa khăn
Anh mơ chén khác, em đây ngăn đặng nào

62 Này này con gái hỗn hảo
Trai chưa đi cưới nhảy vào làm dâu

63 Năn năn nỉ nỉ mà chi
Thăn thăn thì thì nhiều khi anh ngầy
Nhà anh chài lưới làm đầy
Cá không ăn hết ai bày bắt cua
Hết mắm thì nói anh mua
Em đừng giang nắng bắt cua nữa anh ngầy

64 Nghĩ đời mà sợ cho đời
Kẻ đen người trắng sao trời luân phiên

65 Ngó lên bụi dứa tùm lum
Trâu tôi mới dực một đùm hai con

66 Trâu tôi con thuộc con không
Lợn nái bẻ ách không công cầm cày
Bỏ đi đường ống đường dây
Khuyên trong các bọn dở hay đừng cười

67 Ngó lên Hòn Dứa tăm tăm
Thấy anh kéo lưới bịt khăn đầu rìu
Thương anh em cũng muốn liều
Sợ vì một nỗi sớm chiều buồn teo

68 Ngó lên quán đánh lao xao
Ham chơi lá liễu quên chào bạn xưa

69 Nhà anh lác lợp sậy dừng
Anh ra nói khéo nhà dừng ba căn
Trong nhà không đặng một bưng
Bận áo cổ giữa buộc dây lưng mạ vàng
Đêm thời dạo xóm dạo làng
Tới chợ ăn cắp còn khoe khoang nỗi gì

70 Nhà em có tám mái gà
Đẻ ra mỗi mái vậy mà tám con
Đem bán chợ hẻm cho chí chợ mai
Được mười tám quan chẵn, mười hai mái gà
Tai anh nghe còn mẹ còn cha
Cho ăn đi học là ba năm trời
Bữa nay gặp lúc thảnh thơi
Thiếp cậy chàng tính thử vốn lời bao nhiêu?

71 Nhởn nhơ con cá lội sanh kỳ
Ngó lên trên núi thấy gì nàng tiên?
Đôi chân đi xuống chợ thành
Có ông thượng lão kết nguyền đò xưa
Nghèo mà bảo quản sớm trưa
Ơn cha nghĩa mẹ, em đền vừa thời thôi

Nắng lên cúc mẹ xa chồi
Cội tùng bóng mát em ngồi em than
Đất vàng ai nỡ bỏ hoang
Ơn cha nghĩa em toan đền bồi

72 Ơn cha chốn ở nghĩa mẹ trời che
Em muốn nên cơ nghiệp phải nghe lời chàng
Chốn lều tranh anh cũng không phụ phàng
Khi đau khi ốm khi nàng thọ thai
Anh tìm cho đặng sữa hai
Về nuôi từ mẫu lâu dài an thân
Em nghiêng tai cho anh tỏ phân trần
Em muốn nên vợ chồng đừng than giàu nghèo
Lên đèo bẻ lá quyết đèo
Thấy em than khổ than nghèo anh thương
Không mầm mà lại ăn tương
Không chiếu nằm đất giữ tình thương cho tràn

73 Phía bên chàng thật là gian khổ
Phía bên nàng khổ đã gian nan
Nàng mai lên núi đốt than
Nàng chiều xuống biển đào trong bắt còng

Dặn anh hai chữ bằng lòng
Ai có giăng dây cũng bứt thắt vòng cũng mở ra

74 Qua cầu nửa ván nửa tre
Có đi cũng ngặt ngồi đây cũng nghèo
Thân tôi thất thế tai bèo
Sóng dồi gió dập hiểm nghèo lắm thay
May mà trôi nổi đến đây
Chị em thương đỡ một đôi ngày cũng biết ơn

75 Ra về không lấy gì đưa
Còn một cây quạt đưa anh lên đường
Nực thời anh quạt tối lại che sương
Nghĩ tới cây quạt, điệu tình thương đừng lìa

76 Ruộng đồng cỏ chỉ bỏ lan
Anh lo đi học, em lo toan có chồng
Bữa nay đà e bậu đã có chồng
Mời anh uống chén rượu nồng giải khuây
Anh nghiêng đá chén rượu nóng
Em mà bạc nghĩa có chồng thời thôi
Anh về cất ngói tô vôi
Em lâm cơ thất vận tới ngồi ngõ anh

Hai hàng nước mắt mảnh manh
Tay bưng chén gạo trong thành bước ra
Trực nhìn bạn cũ thoáng qua
Thấy không dám khóc cười mà giải khuây

77 Nữ: Sáng trăng quân tử đi chơi
Tay cầm chiếc chiếu trải nơi đồng sàng
Mở rương lấy cặp gối loan
Lấy bình tích ngọc ngay hàng để bên
Mở miệng mời quân tử ngồi trên ăn trầu

Nam: Vàng nóng vì lửa, tuyết lạnh vì sương
Anh đây vẫn biết xa đường chơi
Bình phong sao đẹp một nơi
Luận chi chiếu trải, kịp nơi bỏ trần
Ở đâu không biết nàng giàu
Gối loan, bình tích, hộp trầu cất đi
Hộp trầu này đem cất có nơi
Chờ khi khách quí sang chơi đem mừng
Anh với nàng vốn thiệt người dưng
Sao anh lại dám đưa mừng bình phong

78 Sông giang hà tứ phía
Biết trồng mía ngang đầu

Sông sâu cát lấp
Biết trồng đâu ngõ này
Nhà giàu ơi thương nhà khó với cùng
Mai sau hạt dậy nhánh tùng trả ơn

79 Sớm mai vừa rạng sáng ra
Dời chưn, gót nhẹ mới qua đất người
Ngửa tay khuyên bạn đừng cười
Phần tui xa xứ tỉ như người xa quê
Hỏng (không) mấy khi lạc Sở quan Tề
Ngửa tay xin bạn đừng bề trọng khinh

80 Sư đang tụng niệm nam mô
Thấy cô xách giỏ mò cua bên chùa
Lòng sư luống những mơ hồ
Bỏ cả kinh kệ tìm cô hỏi chào
Ai ngờ cô đi đường nào
Tay cầm trang hạt đi vào băn khoăn

81 Thân em như bức tranh đồ
Thân anh cá lội ao hồ nhẩn nhơ
Trong nhà buổi tối như tơ
Có người bạn ngọc đứng chờ ngoài sân

Bạn đừng xưng ta đóng Kim Lân
Nịnh ta, ta ghét, trung thần ta thương
Đói no nhờ có Thị nương
Ngày thời buôn bán phố phường nuôi cha
Đường dài mà chạy bao xa
Mà đi bí nước mà nằm trong cung

82 Thấy gai mà ngán cho rừng
Thấy anh than thở nhiều từng gian nan
Khổ như anh chừng mấy anh than
Khổ như em chết nửa lá gan chần ngần

83 Thấy lời bạn nói thảm phiền
Phải em có giấy biên liền không sai
Em chờ anh cho mãn thu lai
Trăm năm đi nữa không sai lời nguyền
Em dốc lòng chờ đợi bạn hiền
Gởi thân vô để cửa tiền lương tri
Em chờ cho anh mãn lâm qui
Trăm năm đi nữa không luận gì kẻ công
Em chờ anh như vợ chờ chồng
Tỷ như ong bướm dạo vườn hồng bát hoa

Em không giận mẹ em không hờn cha
Tiết mà thực tiết chờ hoa đồng sàng
Em không mơ điệu hò khoan
Tìm người quân tử thở than đôi lời

84 Thò tay ký giấy tờ đoan
Mùa xuân hoa nở một ngàn ong xây
Em hỏi anh ông phủ ai xây
Ngày rằm tháng bảy làm chay ông gì
Em hỏi anh ai tạo lập thủ kỳ
Ngày kỵ ngày lạc món nào dâng lên
Em hỏi anh ai trả hiếu cho cha
Ai đền nghĩa mẹ em ra có chồng
Em hỏi anh ai đứng vái tơ hồng
Cho vợ gặp chồng anh đi tết đầu heo

85 Nam: Thò tay mà ngắt ngọn cà
Thấy em má đỏ anh mà muốn hôn

Nữ: Trai thường dại gái thường khôn
Muốn hôn trầu rượu đến mà hôn trọn đời

Nam: Muốn hôn một chút mà chơi
Chớ mà trầu rượu thành nơi vợ chồng

86 Thò tay bắt lươn
Lươn trờn xuống vực
Thò tay bắt cò
Cò giựt cò bay
Uống đà quá uống dang tay nửa chừng
Anh chê em cũng phải vì chưng em nghèo
Em nghèo hột gạo đồng tiền
Phải chi em giàu có cũng kết duyên vợ chồng

87 Tiếng anh thường ăn thường học
Thường đọc chữ quốc ngữ
Lại đây em hỏi thử địa đồ
Hỏi từ ngoài Huế hỏi vô
Con sông nào lớn, cái cầu nào cao?
Sông Ba nước chảy ngả nào
Hòn đá bia Đại Lãnh đứng địa đầu làm chi

88 Tưởng rằng một gối hai đầu
Mang câu hoạn noạn cơn sầu chịu chung
Làm người nay ngái mai sung
Phận em là gái không biết dùng mưu chi

89 Vườn đào tưới hết vườn tết đơm bông

Lâm xâm bước tới vực sông
Thuyền lan chín chiếc cũng không thấy chèo
Hay là bạn thấy bộ hành nghèo không đưa
Gá lời kêu quớ chiếc đò đưa
Cầm sào rước khách kẻo thưa bộ hành

90 Vườn hạnh em gặp chầu hoa nở
Em gặp anh không trước thì sau
Người người thục nữ chưa mày châu đợi chờ
Làm trai sao khéo ngẩn ngơ
Phải nên duyên thì kết chứ đợi chờ uổng công
Làm gái nàng phải tỏ tang bồng
Duyên nay không gặp anh muốn trông pha nào

91 Xa xôi chi đó
Kẻ đơm người trồng
Lạ lùng chi em phải hỏi han
Lánh nơi phố thị lạc đường nước non
Xuân thu 28 tuổi tròn
Hoa còn ẩn nhụy, chờ bình đơm bông.

92 Tới đây chào chung chào chạ
Có người khách lạ em phải chào riêng

Chào rồi quay trái hỏi liền
Người nào thiệt vợ Vân Tiên
Nói cho em biết em kết nguyền chị dâu
Người nào dứt gánh lẻ đôi
Nói cho em biết trao câu ân tình

93 Tiếng đồn anh ăn học đã cao
Chị dâu té giếng anh nắm chỗ nào kéo lên
Anh đang ăn học trên trường
Chị dâu té giếng giựt mình liệng nghiêng
Chạy về ra thẳng mái hiên
Bắc thang xuống cứu liền chị dâu
Nắm đầu thì sợ tội trời
Hai tay nâng đỡ sợ lời thế gian
Hai tay liền bắc cái thang
Cứu chị dâu té giếng kéo thác oan linh hồn
Chị dâu té giếng cái ào
Hòn đất phụ thế nằm chỗ nào cũng xong.

94 Trách ai ăn thịt bỏ tai
Làm cho thiếp phải trần ai một mình

95 Trước xe chỉ thắm tơ hồng
Bên tình bên nghĩa thương đồng cả hai

Anh ở xa chưa rõ vào tai
Đẩy xe ngàn dặm lâm hồi ai cũng buồn
Điệu chung tình phải tỏ cho luôn
Trên thời ngại quá dưới lệ tuôn sầu chàng
Không nhớ khi đá lấp trong hang
Ba từng lớp đất thì chàng biết đâu
Nhớ thương vì bởi buổi đầu
Trách ông tơ bà nguyệt ngồi ngự cửa nhà lầu ước mơ
Giàu lâm san phú quí ba bốn bực giàn thơ
Nàng treo chôn của, cơ bàn nghiêm trang
Bây giờ hỏi thiệt át an
Bần mà gặp phú vững vàng tay không.

IV. SẢN VẬT THỜI TIẾT

Bốn mùa xuân hạ thu đông
Ai ai cũng phải việc nông cho cần
Ruộng đồng ngày tháng sớm hôm
Cày bừa cày gặt ươm trồng tốt tươi
Bây giờ sạ lúa ba trăng
Cùng cô bán nguyệt cùng chàng ba sen
Tháng sáu thì cấy lúa mùa

Tháng chạp thì cấy đồng chua thủy triều
Ruộng sâu cấy lúa hạt tiêu
Ruộng cao trồng bắp đỏ mèo lên bông
Nhất mạnh là giống lúa thông
Mùa hè thì cấy mùa đông bỏ đồng
Ai sinh ra giống khoai lang
Lang đỏ lang trắng lang vàng lang nâu
Anh tài đủ mặt cùng nhau
Đánh loài quỷ dữ đói cút đầu tan ngay
Bây giờ ai đem giống cây
Mít kia vàng ruột lại hay ở chùa
Nhãn kia ai thấy cũng mua
Khế kia lắm cạnh lại chua chát lòng
Tan thì ngọt miệng mát lòng
Ai mà thấy chẳng mua dùng chắt chiu
Ơi kia chỉ giống nói liều
Những điều ương bướng cũng đều chua ngoa
Sướng thay có một cây sung
Ơn trời lắm trái xoay vòng tử vi
Xấu thay có một cây si
Trồng trong bể cạn có khi rườm rà

Ngã ba có một cây đa
Chát chua ai biết mặn mà ai hay
Của nhà có một cây chay
Ruột thời ăn được vỏ cây trời dùng
Tối trời cây bưởi cây bồng
Vỏ ngoài the đắng múi trong chua lòm
Quí thay vỏ bưởi vỏ cam
Đông tây đều thích bắc nam đều dùng
Cá ngon là cá Cù Mông
Gạo ngon là gạo ở đồng Phú Dương
Cam Đa Lộc, thuốc Lỗ Dung
Minh niên kính chúc quí thầy
Trong vườn trồng đủ thanh hoa
Cam quýt thanh trà khế ổi chôm chôm
Hai bên xoài thị mít thơm
Hai bên lê lựu đào thơm mãng cầu
Chuối tiêu chuối mật vườn rau
Vườn trước trồng một đám cau dưỡng già
Trong sân trồng đủ thứ hoa
Hoa lan hoa lý những là hoa sen
Hoa quỳ hoa cúc hoa trang

Vạn thọ bông bụt đinh lăng nhuộm màu
Lại thêm trồng một vườn trầu
Chờ khi có khách ra vào tiếp chơi
Rau thơm mỹ vị tốt tươi
Ý vị lòng người phảng phất lòng ta
Rau răm rau quế bạc hà
Húng tàu húng dũi lại hòa tía tô
Cải trắng cải rổ rau bò
Diếp cá đắng biển rau chua rau cần
Hành hẹ tỏi nén hai hàng
Riềng sả hai hàng, chục hàng muống lang
Bốn bề ăn đu đủ nở nang
Trái non trái chín trái vàng trái xanh
Cà dê cà đĩa cà chình
Ớt chim ớt bị ớt cà ớt bay (ớt chim)
Bầu bí dưa mướp tốt thay
Đỗ ngự đang trái bí chanh võng bồng
Củ tứ củ quyết bình tinh
Đậu đen đậu trắng đậu xanh đậu vàng
Khoai môn khoai lỗ khoai lang
Đỗ rựa đỗ đũa đậu nành váng tre

Đám dâu đám mía đám chè
Đám bắp tượng hột đám mè đương xanh
Xem trong địa thế Phú Yên
Lâm sản thổ sản khắp miền thiếu chi
Phú Yên tinh nhỏ lo gì
Nhưng mà sản vật đủ thì nghinh ngang
Muốn ăn mía tây đi đến Thạch Bàn
Thạch Thành, Lương Phước rõ ràng mênh mông
Còn ăn mía ta đến tổng Xuân Phong
Tổng An Sơn, tổng An Hải, phủ trong tổng Hòa Tường
Ăn cam sành đi chợ Cũng Sơn
Ăn xoài đá trắng, ăn thơm chợ Đồn
Dẫu mà mấy chị có nôn
Vân Hòa ăn mít, dưa hồng Tuy An
Ăn dừa đường biển đi sang
Mỹ Quan, Long Thủy, Đồng Tàu, Đồng Xuân
Ăn đồ phụng thì phải dời chân
Sơn Hòa, An Phú, An Xuân, Hòa Bình
Vùng bông đến tổng An Vinh
Tuy Hòa, Hòa Lạc, Phước Bình nghinh ngang
Dùng gai đi đến Định An

Còn dùng thuốc lá thì đến Tuy An, Sơn Hòa

Dưa gang dưa hấu chan hòa

Trung Trinh, Long Phước, Phước Hòa mênh mông

Trầu cau ở làng Định Phong

Trung Lương, Phong Phú, Quang Quang, Sơn Triều

Còn như gia súc cũng nhiều

Bò trâu đi đến Sơn Triều nhiều thay

Tân Long, Tân Hội đất cày

Triêm Đức, Thạch Đức cùng nay Sơn Bình

Mỹ Trung, Hòa Lộc, Trung Thiềng

Trung Lương, Phước Hậu, Tuy Bình, Cũng Sơn

Trừu nuôi vĩnh cữu nhiều hơn

Liên Trì, Long Thủy, Nhơn Sơn, Sông Cầu

Vịt nuôi ở tại Tiên Châu

Bàn Nhan Thạch Chẩm vườn ngoài Hòa Đa

Tầm nuôi nước nóng, soi hà

Phong Thái, Thạch Nghiệp, Định Trung, Sơn Triều

Chợ nào bán cá cũng nhiều

Chợ Tuy Hòa, chợ Đông Mỹ, chợ Sơn Triều, chợ Thái Long

Chợ Phú Nhiêu, chợ Phú Thứ, chợ Phú Nông

Chợ Phú Lâm, chợ Phú Hiệp nhiều hơn

Chợ Thạch Thành, chợ Phước Mỹ, chợ Phước Sơn, chợ Núi Sầm

Chợ Mồng Màng, chợ Lò Giấy, chợ Nho Lâm

Chợ Lò Tre, chợ Xóm, chợ Phú Tân, chợ Vân Hòa

Chợ Phú Quang, chợ Phú Cốc, chợ Hòa Đa

Chợ Phú Thạnh, chợ Phiên Thứ, cũng là chợ Quán Cau

Chợ Quản Thuận, chợ Quản Đức, chợ Tiền Châu

Chợ Phong Thái, chợ Phú Thạnh, chợ Sông Cầu, chợ La Hai

Chợ Đèo, chợ Mới, chợ Đồng Dài

Chợ Phiên Sơn, chợ Phước Lãnh, chợ Gò Chai, chợ Bình Hòa

Nước mắm ngon chợ Khoan Hậu, chợ Gành Bà

Chợ Tiên Châu, chợ Giã cùng là Phú Sơn

Vũng Bầu ở Yến nhiều hơn

Phú Câu, Đông Tác, Tuy Hòa, Đa Ngư

Còn như chị Bảy chị Mười

Ăn đường đen, đường cát thì thời Thái Long

Thiện Đức, Thạch Đức, Phú Xuân

Tân Long, cùng tổng Xuân Long, Hòa Tường

Mua muối đi chợ Lệ Uyên

Tuyết Diêm, Đông Trạch tráng tinh hằng hà

Bánh tráng đi chợ Hòa Đa
Ngân Sơn, Mỹ Lệ, Tuy Hòa, Tứ Tung
Cẩm Sơm làm trả, làm vung
Làm chum, làm vại, nắn thùng, nắn niêu
Quán Cau chợ gỗ cũng nhiều
Nào thùng, nào bọng, nào niêu, nào nồi
Đầu đuôi tôi kể hết rồi
Em trong địa thế Phú Yên thời thiếu chi
Xoài Đá Trắng, sắn phường Lụa
Dày sao thì nắng, vắng sao thì mưa
Diều hâu rít lưỡi
Lạnh giá đến nơi
Muốn ăn lúa tháng năm
Trông trăng rằm tháng tám
Muốn ăn lúa tháng mười
Trông trăng mồng tháng tư.

LÔ TÔ PHONG THẦN

- Vua Kiệt mất nước, Thành Thang xưng vương, dựng lên nhà Thương, nhờ ông Y Doãn, ba đời sáng lạn, nghiệp cả vững bền, cơ trời suy nên vua Trụ háo sắc, oan Kiên vằn vặt, quả báo nhãn tiền, sông núi ngửa nghiêng, lòng dân ủ dột. Con số này 1.

- Lên chùa cầu phước, vua Trụ dâng hoa, thấy tượng Nữ Oa, chân đi không dứt, ước gì người thực, kết nghĩa Châu – Trần, lòng Vua lâng lâng, tay cầm bút ngọc, làm thơ trêu chọc, viết thắng 1 bài. Con số này 2.

- Nữ Oa thần nữ, tức giận Trụ Vương lên chùa dâng hương đem lòng tà mị, bèn sai Cửu Vĩ, Hồ ly xuống trần báo thù hỏa quân, gây nên tội ác, triều thần xơ xác, bá tánh xót xa. Con số này 3.

- Có nàng Đắc Kỷ, vua Trụ ngày đêm yến tiệc liên miên, bỏ bê triều chánh, sản triều vắng lạnh quan chức buồn thiu, can gián đủ điều, lòng vua không chuyển, chư hầu bốn biển, đau xót ruột đằm. Con số này 5.

- Khi yêu xuất hiện nơi chốn thâm cung, đạo sĩ Vân – Trung mang gươm xuống yểm. Hồ Ly chết điếng, Vua Trụ thất kinh, nghĩ lại giật mình đốt cây gươm báu. Con số này 6.

- Vua Trụ háo sắc, triều thần uất ức, liều chết cản ngăn, Đắc Kỷ tức mình, chế hình bào lạc, cột đồng tám thước, lửa đỏ rực trời, ai nói một lời hành hình cả thảy. Con số này 7.

- Cảm thương Ngươn – Tiến là đấng trung thần, chẳng kể tấm thân, liều vô can gián, Vua Trụ giận dữ, truyền chém bêu đầu, cây cỏ âu sầu, non sông ảm đạm là con số 8.

- Thái sư Văn Trọng đánh giặc đường xa, Phi Hổ ở nhà một mình còn thế, triều đình bỏ phế, công việc bê tha, trong lòng xót xa con đành phải nín là con số 9.

- Thung Dung Thừa Tướng tuổi hạc đã cao, vua yêu má đào làm điều tội lỗi, nhắm can không nổi, treo ấn từ quan, trả chức về làng sống cùng dân dã, giòng châu lã chã tấc dạ không yên con số 10 nguyên.

- Cơ đồ sụp đổ, Mai Bá đau lòng, vô tận cung phòng, can vua diệt Ngụy, hồ ly Đắc Kỷ tàn ác phi thương tâu cùng vua Trụ, quăng thấy bào lạc, triều thần xơ xác, ruột nát gan bầm, đứng nhìn Mai Công thịt xương thành bột. Con số 11.

- Chánh cung Khương Hậu, tiết hạnh ai bì, Đắc Kỷ hồ ly, bày mưu ám hại. Vua Trụ mê loạn chẳng kể tình duyên, khoét mắt vợ hiền, thịt da đốt cháy, lòng người như vậy, thật đáng chê bai. Con số 12.

- Dù cho hùm dữ, chẳng nỡ hại con, Vua Trụ hôn quân, đang tay hạ sát, Đắc Kỷ tàn ác, chẳng kể nhân luân, án gian án hồng, tháp trường lãng mạn, đạo lý đảo điên, thần tâm cảm động xuống cứu đem ra. Con số 13.

- Du hồn bí trọng, cộng với hồ ly, gian ảo vô nghì, tôi trung bi thái, can thường tan nát, đạo lý đảo điên, nhân tâm ngửa nghiêng, lòng đau như xốn. Con số 14.

- Say mê tửu sắc, hành động dã man. Vua Trụ không an trong lòng sợ sệt, lập mưu ám hại các trấn chư hầu, chiêu triệu về chầu, hại người trung liệt, mỗi người mỗi việc điều chế dao găm. Con số 15.

- Tây hầu Cơ bá, công đức cao dày, nơi chốn Tây Kỳ, khập khễnh ra đi, về chầu vua Trụ, giữa đường phong vũ, lượm được hài nhi, tướng mạo phương phi, thật là quý báu. Con số 16.

- Cơ Xương chẳng đạt, hái quả nhi thần, số mạng long đong, bị tài Dũ lý, xa cõi Tây kỳ, lòng sầu bi, lấy đờn ngồi khảy. Con số 17.

- Đông Hầu, Nam hầu bị vua Trụ giết, hai con quyết liệt, cử binh báo thù, gươm giáo mịt mù, trời mây u ám. Con số 18.

- Thần đồng trấn ải, Lý tự huyện binh, cơ trời xui nên. Na Tra xuất thế, mới lọt lòng mẹ, bửu bối đầy mình, ai nấy đều kinh, một lòng tôn kính. Con số 19.

- Na Tra bảy tuổi cao lớn phi thường, đánh chết Long Vương, rút gân cả đống, Ngao Quân nổi giận, kiện đến cửa trời, Na Tra đến nơi đè đầu mà khảo, Ngao Quân lảo đảo, lỡ khóc lỡ cười. Con số 20.

- Tính tình hung dữ, Na Tra gây sự, hay đến song thân bốn bể Long thần lên đòi Lý Tịnh cầu thời liệu định, Thái Ất chơn chơn, mang tính thiệt hơn, Na Tra lóc thịt, trong lòng bi thiết, báo hiếu mẹ cha, phép tiên ban ra, xác phàm trả nốt. Con số 21.

- Na Tra tái hiện bằng cốt hoa sen, Thái Ất chơn nhơn, truy hồn nhập xác, tiên gia khoái lạc, phép lạ thật tài. Con số 22.

- Cơ trời sắp đặt Tử Nha hạ trần tuổi đã 73, cưới vợ 64, vợ chồng già sậm nương náu làm ăn, vận nước chưa thông, nhiều điều khổ cực, mụ vợ hậm hực, lắm lúc rầy la. Con số 23.

- Anh hùng vi ngộ, mạng số do thiên, Khương Thượng đảo điên, cơ hàn đúng mức năm tháng ăn chực, cơm vợ áo nhà, kẻ mắng người la, như tuồng hư đốn. Con số 24.

- Nghe lời Đắc Kỷ lập nên Soái Bổn, hồ ly ác nhơn, vua Trụ quá ác, đang tay hạ sát cung nữ đủ trăm. Con số 25.

- Xây Bá lạc đài, vua Trụ đắm say, nhân dân khốn đốn, kho tàng hao tốn, công quý mất tiêu, khổ cực đủ điều, dòng châu trộn máu. Con số 26.

- Cơ trời chưa đến, vận nước chưa xong, mụ vợ cằn nhằn. Tử Nha để vợ một mình bỡ ngỡ, xách gói ra đi, qua chốn Tân Kỳ không buồn một mảy. Con số 27.

- Tây hồn Cơ Xương, 7 năm Dũ lý xa cõi Tây Kỳ, Ấp Khảo ra đi, khảy đờn chuộc tội, Đắc Kỷ dâm loạn, nài ép trăng hoa, không thỏa lòng tà, tìm điều hắc ám. Con số 28.

- Thương thay Ấp Khảo, một đấng trung thần, một chết liều thân, không làm ô mị. Hồ Ly Đắc Kỷ, lóc thịt thành hình, một mối oan tình nêu gương trung tín. Con số 29.

- Bằng Khuê câu cá, Khương Thượng đợi thời, Văn Khương đến mời, về phong thừa tướng, tôi hiền chúa thảo, nước mạnh dân an, sông núi huy hoàng, phong cảnh tốt tươi. Con số 30.

- Trăng rằm đỏ rạng, nơi Bá Lạc đài Đắc Kỷ đặt bày mời bạn dự tiệc, cáo chồn hóa phép, bay đến ngổn ngang, rượu thịt

hai hàng xúm nhau ăn uống, say sưa luống cuống, đuôi ló dài thòng. Tỷ Can dọ đường, tìm hang mà đốt. Con số 31.

- Thù vì hai bạn, Đắc Kỷ nghiến răng, quyết giết Tỷ Can, ăn tim uống huyết, Tỷ Can trung liệt, không cãi lời vua, nên đành chịu thua, can tâm mổ bụng, thời suy quỷ lộng, thật quá không sai. Con số 32.

- Vua Trụ dâm loạn, Dã Thị lên chầu, chọc ghẹo trên lầu, không kiêng phép nước, quân thần cách biệt, Dã Thị trung trinh, một thác liều mình, nhảy lầu tự tử, tấm gương thục nữ, rõ kẻ chánh tà. Con số 33.

- Vua Trụ giết vợ, Phi Hỏa đau lòng mang tiếng trung thần tới lui khó tính, ra đi bịn rịn, phản Trụ đầu Châu, nhằm lúc cạnh thân, anh em bỏ trốn. Con số 34.

- Trần Đồng phép thuật, trấn ải Đồng Quan, tuân lệnh thánh Hoàng, bắt Hoàng Phi Hổ, anh hùng mạt lộ, Thiên Hóa xuống trần cứu cha toàn thân, đưa qua khỏi ải, Tây Kỳ vòi vọi muôn vạn xa xăm. Con số 35.

- Nơi Tỵ Thủy – quan, Phi Hổ lâm nạn, Na Tra xuống cứu, Du Hóa mất phép, Hãn Vinh chạy dài, minh mẩy mặt mày thảy đều dính máu. Con số 36.

- Nhà Thương vận mạt, nhà Châu trung hưng, Văn Trọng tài tình không qua thời vận, đem binh chinh phạt quyết lấy Tây Kỳ, xa chốn triều nghi lầu son trống trải. Con số 37.

- Ngươn – Thụy chủ giáo, treo bảng phong thần. Tử Nha ân cần, lập đài phong chứ, thần tiên ra mặt, trổ phép tranh tài, máu chảy dầm dài, rừng cây u ám. Con số 38.

- Vì bên tà đạo có Thân Công Báo, An luyện lâu năm, cậy phép thần thông, ra công phò Trụ, đem tài khuyến dụ, các đấng thiên thần, lỗi cả vào vòng, điều binh khiển lính. Con số 39.

- Ma Ya Tử tướng, phép thuật tinh vi, vây thành Tây Kỳ, Tử Nha thất thế, bốn phương sóng bể, trời đất ngửa nghiêng, Chủ Giáo Thụy Ngươn, ra tài trợ giúp phép thần phá đặng, cứu mạng mọi người. Con số 40.

- Nhà Châu đang thịnh, tướng mạnh binh hùng, nhiều phép thần thông, lại thêm Dương Tiễn, và con thần khuyển thất thập huyền công, nhậm lẹ vô cùng anh hùng có 1. Con số 41.

- Biên thùy chấn động, binh tướng rã rời, vua Trụ bận ngồi say mê tửu sắc, cảm thương Văn Trọng, luyến nghiệp Thành Thang trải mật phơi gan, lòng trung không đổi, tuổi già lặn lội, sương gió dặm dài. Con số 42.

- Hùng binh Văn Trọng đến núi Kỳ Lân, một trận giao phong, lâm le Khương Thượng, roi thần bị gãy, binh tướng hao mòn, vội vã lên non, cầu cùng triệt giáo, tiên cô, tiên lão, phép thuật can qua. Con số 43.

- Giang san binh biến, quỷ khóc thần sầu, dân chúng thảm rầu, xương phơi máu chảy, cũng vì vua Trụ, một đấng hôn quân, tàn bạo vô ngần, gây nhiều khốn đốn. Con số 44.

- Triệt giáo quần tiên, hội họp Tây Thiền, cố tâm làm dữ, Tử Nha nan cự túng phải cầu thầy, Xiển giáo ra tay cùng nhau xuống núi, cỏ cây bờ bụi, phép thuật tối tăm. Con số 45.

- Nơi trận Hàng Băng, Viên Giác trổ tài, giết Tiết ác Hổ, phổ thiên cứu độ, biến hóa hào quang, phá hủy trận đàng, yêu ma chạy ráo. Con số 46.

- Kim quang Thánh mẫu, lập trận Kim quang, khắp cả trận đàng, gắn toàn kiếm báu, hào quang sáng chói ai nấy đều kinh, Thành tử liều mình, xông vào cả phá, Kim quang vội vã, lấy kiếng chiếu tiên, ngươn thủy phá liền, Kim quang bỏ chạy. Con số 47.

- Hóa huyết trận đồ, Tôn Lương ở dữ, Kiều Khôn vô cư, bị phép hắc sa, mình mẩy tím ngà, tan ra thành máu, nóng tình đồng đội, Thái Ất xông vô, đánh phá đạo tà, trị loài gian ác, Cửu Long thần ngọt rồng lửa bay ra, tiêu kẻ đạo tà, mặt mày cháy nám. Con số 48.

- Lục yểm gươm báu, giết Triệu Công Minh, Văn Trọng rầu rình, ra vào than thở, tới lui bỡ ngỡ, ngồi đứng không an, mạng sống nan toàn, khổn đường suy tính. Con số 49.

- Tà giáo Xiển Giáo tranh bá tranh hùng, lập trận lung tung, bên Châu bên Trụ, đánh toàn bùa chú, phép thuật toàn tài, sấm sét kinh tai, trận đồ tở mở, anh hùng khiếp sợ, không dám dễ ngươi. Con số 50.

- Binh thơ bị mất, Dương Tiễn Na Tra, vâng lệnh Tử Nha bắt thần ăn trộm, hóa ra lần ngọc, gạt giết Cửu Công, đoạt lại sách hồng, bay về rầm rột. Con số 51.

- Võ Vương nguy khốn trong trận Huỳnh Sa, tiểu tướng Na Tra xông vô tiếp cứu rủi bị thần chú, rớt giữa trận tiền, tôi chúa nằm yên, không đường tẩu thoát, cơ trời định đoạt, chưa dứt nạn tai. Con số 52.

- Tử Nha lành bịnh, Nguyên soái Tây Kỳ, vai khoác chinh y, phò Châu diệt Trụ, binh hùng tướng đủ, đồi núi xông pha. Con số 53.

- Nhiên Đăng lão tổ, lập bảng phong thần cùng các Tiên nhân cầm đầu Xiển giáo tranh sức tranh tài gặp nhiều nạn tai, lắm phen khốn đốn. Con số 54.

- Vân Tiên, Bích Tiên cùng với Huỳnh Viên xuống núi làm liều đánh cùng lão tổ, gây bao gian khổ giữa đám ba quân, dấu cặp má hồng, quyết không nhường bước, được thua thua được vẫn nổi tiếng tăm. Con số 55.

- Cửu khúc Huỳnh Hà, Vân Tiên lập ra, quyết bắt Tử Nha cùng là lão tổ anh hùng mạt lộ Dương Tiễn loạt hầm lão tổ kinh tâm, cầu cùng Ngươn thủy, giáng trần sửa trị, tam vị tiên cô, mượn phép hồ lô thâu vào hết ráo. Con số 56.

- Nhi Lượng hiện lánh, đánh với Âu Hồng, đã bốn hôm ròng bất phân thắng bại. Con số 57.

- Cảm thương Văn Trọng, mạt lộ cùng đường, hết kế vô phương cam đành chịu thác, nơi Tuyệt Long Cát rồng lửa phun vây, thiêu đốt cả ngày, thịt teo da nám. Con số 58.

- Văn Trọng bị thác, Cửu công nối nghiệp điều khiển ba quân, vận nước suy vong, qua đầu Võ Đế, Tô Hộ thay thế, thống lãnh binh rồng, hết sức giao tranh, quyết lòng không nhịn. Con số 59.

- Mã Ngươn tướng Trụ, cùng với Võ Minh, đem sức ra kình, liệu mình yếu thế, trong lòng tính kế, thừa thế bắt chơn quăng lên nửa lừng, giộng đầu xuống đất lấy gươm mổ mật ăn sống nuốt tươi. Con số 60.

- Tiểu tướng Na Tra, vâng lệnh Tử Nha đánh cùng Thiền Ngọc, con gái Cửu công, khinh dễ má hồng, nên lầm quỷ kế,

mặt mày xài xể, máu mủ đỏ phun dẫn đạo binh rồng chạy như con rối. Con số 61.

- Tướng trung Cửu công, vâng lệnh Trụ vương chinh phạt Tây Thương, nơi bãi chiến trường, đánh cùng Dương Tiễn, bị con thần khuyển, cắn trúng mép tai. Con số 62.

- Cảm thương Thiền Ngọc là gái nữ nhi, giữa chốn binh kỷ, bị con thần Khuyển, của tướng Dương Tiễn bỏ chạy mà la. Con số 63.

- Nhị Lang hiện lánh tại Núi Bồng Lai, trổ phép trổ tài, biến ra Dư Quá, bước vô lạy tạ giáo chủ Dư Ngươn, đang xin thuốc hườn, trị đau hóa huyết. Dư Ngươn tưởng thiệt, bầu thuốc đưa cho, Dương Tiễn co giò, chạy về Trị thủy, đem ra điều trị, Chẩn tử Na Tra, qua cơn khốn đốn. Con số 64.

- Tướng Thổ Hành Tôn, có tài độn thổ, lén đến dinh Thương đánh cắp Lạc đà chạy quãng đường xa, Dư Ngươn bắt đặng, tưởng đà vong mạnh, nhờ Cù Lu Tôn, mở túi càn khôn, cứu nguy đệ tử, Hành Tôn tức tưởi, mặt giận hằm hằm. Con số 65.

- Nhứt khí Dư Ngươn, luyện phép thần thông, gươm chém như không, giáo đâm không lủng, Nhiên Đăng bắt đặng, cầu phép phi đao, gươm thần bay cao, lấy đầu tà đạo là con 66.

- Trịnh Luân tướng hổ làm phép Ô Nha, bắt lấy binh nhà ra làm tướng Trụ, quân gia không chủ bỏ ai ra đầu, Tỵ thì về Châu, tướng hàng bỏ chạy con số 67.

- Ân giao Thái tử xin thầy hạ san, bị đi lầm đàng, nghe theo Công Báo, theo nghe tà đạo, đánh lại Tử Nha, nổi giận phong ba, thiên hồn địa án. Con số 68.

- Khương Thượng Tử Nha tuổi tác đã già, mưu cao chước quỷ, công thành phá lũy, phò chúa Võ Vương, lục quốc phải nhường, mọi người tôn kính. Con số 69.

- Nơi Đông Quan ải Châu chúa bị hại, trong trận Ôn Hoàng, Khương Thượng lâm nạn sa vào huyệt trận, Võ vương nổi giận, ngồi đứng không yên. Con số 70 nguyên.

- Anh hùng Dương Tiễn, thất thập huyền công, rủi bị Âu Hồng dùng Âm Dương kiếng, không trung bay luyện, nhào chém liên miên, quân lính đảo điên, mặt mày ủ dột. Con số 71.

- Tiên Sư Thánh Tử, dạy nhầm trò dữ là tướng Ân giao, xấc xược hỗn láo, lại truyền hết phép, nay đành chịu hẹp, hóa mống chạy dài. Con số 72.

- Thông thiên Giáo Chủ, lập trận trụ tiên, gây rối đảo điên, cho phe Khương Thượng, Xiển Giáo không nhường, cầu cứu Tây Thương, tiếp dẫn khai đường, để trừ giáo chủ, phò Châu diệt Trụ, đánh phá đạo tà. Con số 73.

- Nơi Xuyên Vân ải, Tử Nha thảm bại, bốn tướng quy thiên, Na Tra bình yên, cứu lấy bạn hiền, qua cơn khốn đốn. Con số 74.

- Nơi ải Đồng Quan, binh Châu lâm nạn, hết 80 vạn, vì bởi họ Dư, Phục Hy nhẫn từ, ban cho phước báu, cứu người chánh đạo, khỏi phải mưu thần. Con số 75.

- Trương Khuê tướng Trụ, đánh trận Huỳnh Hà, Dương Tiễn bày ra, thiên la địa võng, Trương Khuê lọng cọng bị lãnh trái chùng, hồn xuống âm ty, toàn thân nhuộm máu. Con số 76.

- Vạn Tiên trận chót, cơ trời định đoạt, tà giáo sa cơ, cũng bởi tôn thờ, hôn quân vô đạo, nay đành thảm não, phải chịu làm thần, thọ lãnh chức phong lên đài cả thảy. Con số 77.

- Vượt sông Huỳnh Hà, Võ Vương Cơ Phát, quân thần cộng lạc trù tính diệt Thương, cảm thương Trụ vương, quân tàn tướng hết, tửu sắc mê mệt, giờ biết tính sao, ôm cặp má đào, đêm ngày sầu thảm. Con số 78.

- Hết cơn bĩ cực, tới hồi thái lai. Cơ Phát ngày nay chư hầu kiêng nể, tuân theo luật lệ hát khúc ân ca, lục quốc chư hầu, thảy đều tôn kính. Con số 79.

- Tà giáo, Xiển giáo, mấy độ giao tranh, cao thấp đành rành, ác lai ác báo, cơ trời phép đạo, hợp với lòng người. Con này 80.

- Lục quốc Chư hầu đến phục nhà Châu, bao phen gian khổ giao tranh mấy độ, kéo đến dinh Thương, quyết bắt Trụ vương trả đền tội ác, lòng dân khoái lạc, ca khúc vang dầy, kéo đi rầm rột. Con số 81.

- Hồ Ly Đắc Kỷ, bày trò quái mỵ quốc phá gia vong, chư hầu tấn công, đòi đem xé xác, mặt mày dớn dác, thở ngắn thở dài. Con số 82.

- Quân Châu bao phủ, khắp cả thành trì. Vua Trụ Hồ Ly, nhìn nhau trối chết, quân tàn tướng hết, Đắc Kỷ ra quân, đem cặp má hồng mà ve Dương Tiễn, già mồm già miệng khóc kể rên la. Con số 83.

- Hồ Ly quái mỵ, Đắc Kỷ đa tình, càng khóc càng xinh như hoa buổi sáng, trong thấy hình dạng, chẳng nỡ xuống tay, Dương Tiễn thở dài, gươm rơi lổn cổn. Con số 84.

- Hồ Ly Đắc Kỷ, trăm năm thọ khí, Tư Nha biết ý, Lục yếm đem ra lấy đầu yêu tà, rửa hờn cho dân bị loài yêu nịnh, cực khổ bao năm. Con số 85.

- Cơ nghiệp tan nát vì cặp má đào, Vọng Nguyệt lầu cao. Trụ vương thiêu xác, lửa hồng rào rạt, đốt cháy hôn quân, tưới mát lòng dân bao năm đẫm máu. Con số 86.

- Nhà Châu trung hưng, Nhà Thương vận mạt, Võ Vương Cơ Phát được thuận lòng trời, trang trải khắp nơi, thấm nhuần ơn ngãi. Con số 87.

- Nguyên soái Tử Nha, công đức sáng lòa, cứu dân mến nước, diệt tan bạo ngược, trừ được hôn quân, vẹn chữ trung thần, nhân dân đều cảm. Con số 88.

- Nhà Thương sụp đổ, nhà Châu lên thay, công đức cao dày, người hiền tìm đến, một lòng quý mến, vận nước an hòa, lập nghiệp âu ca, đủ điều trung tín. Con số 89.

- Võ vương tức vị, Lục quốc Chư hầu, đều đến khấu đầu, quanh năm công hiến, từ đây bốn biển, như thể một nhà, mưa thuận gió hòa, vua tôi an lạc, niềm vui rào rạt, đượm vẻ xinh tươi. Con này 90.

BÀI CHÒI

Bầu non ong đúc nó eo
Tuổi tui còn nhỏ không mỡ mèo gì đâu
Trời kia nỡ định làm dâu nhà người
Nói ra sợ chị em cười
Năm ba chuyện thảm, chín mười chuyện cay
Việc làm không kịp trở tay
Bữa ăn bữa uống không ngày nào lo
Bà mẹ chồng sắc sảo gay go
Tấm quần manh áo không cho mặc lành
Đêm thời thức trọn năm canh
Rau heo cháo chó vòng quanh trăm lần
Ngày thời làm cỏ gánh phân
Bớ kia con mày đừng chót mỏ nói rân
Tao đây không lạy không cầu mày đâu
Phận mày mà đòi làm dâu
Đồ quỷ bắt đồ trâu đồ bò

Ăn rồi làm biếng nằm co
Giả điên giả dại ốm o cả ngày
Mày về nói với mẹ mày
Đem vàng đem bạc trả rày cho tao
Nếu mày có thiếu đồng nào
Tao đào tao chửi nát tan ông bà
Ở mà đừng hủy hoại người ta
Con nào có giỏi cũng chẳng qua con này

-o0o-

Bình Định là xứ quê cha
Hột gạo quê mẹ, Phú Đa quê chồng
Ngồi buồn nghĩ chuyện bao đồng
Thương người chết vợ trong phòng lẻ loi
Con năm bảy đứa mồ côi
Còn cha chết mẹ than ôi những là...
Con thời lên bảy lên ba
Lên năm lên sáu, mười một mười hai
Có gái có trai ăn không ở vậy
Chân yếu gối chùn nhờ cậy đứa con
Ức hiếp nổi gì nhảy nhót nhảy nhon

Cười bà dì ghẻ giày xéo con của mình
Ăn thua nhịn miệng làm thinh
Lộng gan họ nói bên ông phía bà
Ngày nào mụ cũng đào ông bới cha
Giống nòi mẹ mày sinh ra
Nào quái nào quỷ toàn là lũ ôn
Sống chi bóp mũi chết chôn cho rồi
Chồng ở nhà nói ngọt nói ngon
Đến chừng đi khỏi xét con lạc loài
Đứa nào đứa nấy trần ai
Con gái hái củi con trai đốn bò
Mụ ở nhà mụ ních cho no
Cơm mùa cá khúc thịt no tôm rằn
Bữa ăn sét chén mặt trăng
Xin mụ chén nữa mụ vùng vằng không cho
Mụ mắng đứa nhỏ mụ chửi đứa to
Ăn như thế chúa của kho đâu còn
Bánh bò bánh đúc bánh nậm bánh canh
Lòng heo dưa giá mụ ăn li bì
Mấy đứa con chồng chẳng có chi đâu
Ăn đủ mấy xác khoai đậu trộn vô

Lấy xương cá liệt kho khô
Bỏ đôi hột muối tựa đồ chó ăn
Chị em than khóc nhau rằng:
Ba đời dì ghẻ sao bằng mẹ ta
Rủ nhau đi hái sim già
Ăn cho dừa bữa đói no qua ngày
Từ ngày mẹ chết đến nay
Đói cơm, lạt mắm không ngày nào no
Con cu lót ổ cây dừa
Làm ruộng mất mùa con gái chửa hoang
Cái bụng bằng cái trã rang
Đi đâu cáng náng cho làng ăn heo
Làm bắt làng chèo làng hỏi lấy ai
Canh một tôi lấy ông cai
Canh hai ông xã canh ba ông trùm
Bây giờ dính lúc một đùm
Ông xã chặt củi ông trùm đốt than
Ông cai săn sóc nuôi nàng
Lo tiền lo nghệ cho nàng thai sinh.

VÈ

1. VÈ BÀ LỆ

Nghe vẻ nghe vè bà Lệ
Làm ăn bê trễ lại muốn cho no
Ăn rồi lên võng nằm co
Ngủ cho thẳng giấc dậy đo mặt trời
Quần áo nó rách tả tơi
Lấy dây mà cột mỗi nơi mỗi đùm
Ngồi lê nói mách um sùm
Nước non không có trong chum hột nào
Thúng gạo chuột ỉa mèo quào
Nấu cơm trong bếp nước trào xuống tro
Cắt áo không thước mà đo
Dàng khuya chưa đóng mà lo vá quần
Đi chợ thì lo ăn hàng
Không bánh không bún không đường khi khoai
Về nhà gác nhĩ lỗ tai

Nuôi con heo nái nằm dài thở ra
Gia tài còn một đôi trâu
Nó đem nó bán mua trầu nó ăn
Khó khăn vì nỗi khó khăn
Cũng vì lỗ miệng nó ăn vô chừng
Cơm ngày ba bữa chưa ưng
Củ khoai cơm lẽ lòng mừng dạ vui
Tánh tôi rộng rãi thì vui
Lòng tôi bỉ bạc lòng ai thêm sầu
Tánh tôi ăn ở có sầu
Ông qua bà lại miếng trầu thắm môi
Anh đừng sợ nợ anh ơi
Còn da lông mọc còn chồi lên cây
Muốn cho chồng vợ sum vầy
Giữ niềm tơ tóc má đào thu đông
Không thèm làm vải làm bông
Đau lưng mỏi cổ cũng không ra gì
Để tằm thì trời đạt đi
Nuôi heo tốn kém cám nhi thì nhọc công
Làm người đừng có so đo
Đêm khuya động đụng chẳng lo ai thường

Đi buôn Quãng Ngãi nằm sương

Đêm khuya ngủ quán ngủ đường quá gan

Ở nhà con khóc đã gan

Đêm khuya gìn giữ gà con đêm ngày

Hết lúa thì phải đi xay

Rồi đây thiếp sẽ biểu bày con sau

Bước vô tàu khậu mà nằm

Nẫu đà ngoài ngõ tối tăm mặt mày

Phần thì tiền tháng tiền ngày

Phần thì bạn lại hẹn rày hẹn mai

Đôi ta vô thẳng Đồng Nai

Nẫu đà ngoài ngõ biết đau nỗi đòi

Cho chừa cái tính ăn hàng

Sáng mai ra chợ mua mà luông trồn

Lăm xăm bước tới chỗ đông

Hết nhìn qua lại chợ đông dày dày

Chị em buôn bán đông tây

Hỏi thăm xoài tượng chín cây chỗ nào

Chị em buôn bán lao xao

Bánh mì khoai sáp bánh mao đầy tràn

Ngó nghiêng thấy mạ khoai lang

Mấy đồng một mẻ là dồn huyên thiên
Mua rồi chẳng nói gì tiền
Ăn rồi tính lại nợ liền như trăm.

2. VÈ CHĂN VỊT

Nghe vẻ nghe ve
Nghe vè chăn vịt
Dở thời như khỉ
Làm tốt cột kỹ
Bận áo năm khuy
Không khi nào hở
Trai mình chê vợ
Không sợ sá nghèo
Bận áo mái chèo
Vải xanh vải đỏ
Chực lớn chực nhỏ
Cho đủ cánh tiên
Cái nón mang xiềng
Trong mình ỉa són
Ai biết ai hay
Cây quạt cầm tay

Cây sào ai kéo
Dây lưng buộc xéo
Nẫu cho chàng màng
Nhất lụa nhì hàng
Hồ giăng vải chịu
Thân tôi vừa liệu
Quần tới ống chưn
Xê xê lưng quần
Xê xê mắt cá
Sự cực chẳng đã
Xuống nước phải xăn
Tới chỗ vịt ăn
Mong mong gái mót
Bất kỳ vịt sót
Bất kỳ vịt đi
Ai bán bánh chi
Không chừa lỗ miệng
Ăn rồi nghiễn chuyện
Lại đánh chưa mày
Ngó mặt thằng này
Giống con khỉ mẹ.

3. VÈ CHÚC TẾT

Đầu năm ba bữa xuân niên
Đến đây sinh sống chúc nguyền làm ăn
Chúc ông với bà phúc đức vinh hoa
Sống trong cửa nhà đầu rau tóc bạc
Đừng nghèo đừng mạt
Tiền bạc đầy rương
Lụa se kim tuyến
Giàu cho có tiếng
Tận biển chí nguồn
Lụa chất đầy nong
Lúa muôn ngàn đống
Trâu bò đầy cồng
Bể ngỗng nhiều luôn
Vịt gà trật chuồng
Bán buôn đắt khách
Phía trước điện tiền
Ao hồ cá lội quanh niên hiệp hòa.

4. VÈ DẠY VỢ

Nghe vẻ nghe ve

Nghe vè dạy vợ

Má đào hớn hở mặt nợ chuyển dang?

Từ anh cưới nàng về coi gia thất

Trăm việc cũng cậy có nàng

Việc nặng ngoài đàn thì để cho anh

Trã cá trã canh xin nàng chuối chắm

Nồi cơm thùng mắm gìn giữ cửa nhà

Cha mẹ nàng thát thể như mẹ cha qua

Đừng nói tiếng nặng tiếng nhẹ mát lòng cha mẹ

Thuở bé bậu ở với mẹ cùng cha

Lớn lên bậu về với qua nghe lời qua dạy

Nấu cơm đừng để cháy vì bởi không vẫn

May áo không chần rìa chân rận ở

Nấu cơm hay dở vì bởi hôi ê

Bậu đừng ngồi lê bậu đừng nói mách

Nhà kia có vách gạch nọ có tai

Chuyện nói không ai ngày mai đôi chối

Chuyện gì có lỗi mới nói đến chàng

Sai một mảy phải lạy người ta

Bậu đừng xiêng hoa bậu đừng láo xược

Nấu cơm đổ nước bổn phận đàn bà

Làm cho nghiêm ngặt gọi là gái khôn

Bậu ăn rồi cái nồi, cái trả cái vách cái trá

Rửa đi cho sạch

Mai mốt có khách đến nấu ăn mới ngon

Mai sau có con cùng chung dạy bảo

Nghề làm chiếu, bỏ cho phăng

Bỏ bỉa chí ăn là nó mới nhỏ

Trèo lên khung cửi bỏ nhỏ ngón chân

Dệt một hồi đau lưng nằm ngay xuống ngủ

Lấy gì cho đủ áo mặc cơm ăn

Lấy gì đãi khăn cho đồng chúng bạn

Giấc ngủ sớm là giấc ngủ ngày

Qua khuyên bậu, bậu đừng bắt chước

Xách nước bậu phải súc vò

Đũa bếp khó so, đũa con khó sống

Đèn gánh đôi gióng kiếm chỗ giắt lên

Đừng bỏ xó phên nắng mưa nó mục

Bếp nhiều tro phải hốt

Vá áo rồi kiếm chỗ giắt lên

Đừng bỏ xó phên mèo tha chó liếm.

5. VÈ EM CÚT

Nghe vẻ nghe ve
Nghe vè em cút
Trâu ăn mấy chút
Bắt mẹ tôi đền
Nắm tóc kéo lên
Đau đầu cha chả
Tôi mời trùm xã
Tôi lại kéo công
Trâu ăn ngoài đồng
Bắt trâu về cột
Mâm trầu cho tốt
Hũ rượu cho ngon
Cưới vợ cho giòn
Nó chửi cho nghe
Việc làm trách trở
Chi biết ăn chơi
Cha mẹ qua đời
Không ai cấp dưỡng
Dáng đi thấp thưởng
Miệng thời tu hú
Tay chân cứ rũ

Như tướng cò ma
Cổ bé xót xa
Kêu cho nắm gạo
Sao ở mất công
Chết rũ giữa đồng
Rồi đi thằng khác.

6. VÈ KHOA TRƯƠNG

Nghe vẻ nghe ve
Cái vè nói ngược
Ngựa đua dưới nước
Thuyền chạy trên bờ
Trai đẳng xa lãnh bưởi quai tơ
Gái rủ trai coi hát
Dưới phố phường phát rẫy đốt than
Trai quí nương một vợ hai chồng
Làm ruộng lấy ve đựng thóc
Đặt rượu lấy lẫm đổ vào
Thiên hạ đòn quẩy đòn quá
Ông hương ông xã lên rừng bắt cá
Trai làng xuống biển săn nai
Cái giường có tua có quai

Cái nón có song có vạt
Con chó chạy ra nó cục cồ tát
Con gà nó sủa gầm gừ
Mụt măng bẻ cổ ông voi
Trứng gà tha quạ lên ngồi ngọn cây.

7. VÈ Ở MƯỚN

Nghe vẻ nghe ve
Bát vè ở mướn
Hồi đầu mới mướn
Dỗ ngọt dỗ ngon
Nung nung nẩy nẩy
Ở đặng nửa mùa
Mắng nhiếc đồ chua
Quơ dùa quơ gậy
Đánh năm bảy cái
Không nói thì dại
Nói lại cơ cầu
Mướn thằng chăn trâu
Tính hơn tính thiệt
Cơm ăn thì ít
Cứ bữa lưng niêu

Lấy nồi làm gạo
Cái nồi chạo rạo
Bằng cái trứng công
Chỉ vừa nắm gạo
Bớ ông bớ ông
Cái trách long tong
Bằng cái trứng gà
Chỉ vừa đủ nắm
Bớ bà bớ bà
Nồi cơm mới bắc lên sôi
Mới vần đã chín thiệt nồi chăn trâu
Dở ra con chủ nó bu
Mỗi đứa sét chén đà vừa lắm thay
Sớm mai cậu mở trâu cày
Con trâu thánh thót chau mày không đi
Trong nhà hết gạo một khi
Mụ kể công mụ mướn thằng ở lâu
Cái áo cổ vải mà không còn bâu
Đầu chơi nón rách gió bay lõa lồ
Bay vô đất nước thằng Ngô
Bay qua bay lại bay vô nhà này

Nhà này có chứng ăn tham

Đổng đâm cớm lố ăn đan vô buồng

Ăn cho chết mẩy chết chương

Mướn thằng đón nghé không thương nó cùng

Đêm khuya thức dậy lùng bùng

Mắng thầy chửi tớ như khùng quá ghê

Còn ba tháng nữa tôi về

Thưa trước cậu mợ mướn thuê thế nào

Trăng lên khỏi nước ba sào

Bắt tôi vác ách chun vào chuồng trâu

Con trâu nó ỉa đầy đầu

Tôi giận tôi chửi con trâu chúa đàn

Mẹ mày làm bánh làm sang

Tao mua nén vàng tao đốt tận lông

Da nhỏ tao nộp cho vua

Da lớn tao nộp cho chúa làm bịt trống giàn kinh

Trả ơn dựa vách đá dô

Còn ba tháng nữa qua về nhà qua

Trả ơn trâu binh trâu bầu

Trả ơn trâu cái sống lâu, qua về

Trả ơn cái cối cái cày

Cần gì cục kịch liền ngày liền đêm
Trả ơn cái trẹt cái nia
Cần gì sàng sẩy đêm khuya một mình.

8. VÈ THẰNG NHÁC

Lắng lặng mà nghe
Cái vè thằng nhác
Trời đã phú tác
Tính khí anh ta
Buổi còn cha mẹ
Theo đòi thư sự
Cho đi học chữ
Nhiều chữ ai vay?
Cho đi học cày
Rằng nghề ở tớ
Cho đi làm thợ
Nói nghề ấy buồn
Cho đi tập buôn
Ấy việc ngồi chợ(*)

(*) Bài vè này về nội dung phân biệt rõ rệt 2 phần, có thể trong quá trình lưu truyền đã có sự nhầm lẫn gộp thành 1 bài. Chúng tôi tạm tách ra thành vè thằng nhác và vè rau.

9. VÈ RAU

... Là rau muống biển
Quan thầy đòi kiện
Mình bác nấu canh
Ăn hơi tanh tanh
Là cây diếp cá
Có ba không má
Rau má mọc bờ
Thò tay sợ dơ
Nó là rau nhớt
Ăn cay như ớt
Vốn thật rau sam
Sống trước ngàn năm
Là rau vạn thọ
Tánh hay sợ vợ
Vốn thật rau có
Lòng hiếp chẳng cho
Chịu là rau húng
Lên chùa mà cúng
Vốn thật hành hương
Giục ngựa buông cương
Là rau mã đề.

10. VÈ VỀ QUAN

Sáp vàng hai cánh
Yến huyết một cân
Mứt bí mứt gừng
Mứt chanh mứt khế
Thôi thì mượn đế
Cùng với ổ qua
Tôm khô vị cá
Đòn độn con nai
Bột báng bột khoai
Dầu thông nắm muối
Cà cuống lá sam
Bạch dương kỳ nam
Thuốc tàu a phiện
Khô nai búng miếng
Vịt nước le le
Ba ba cần đước
Tôi đi sáp trước
Đem đời ông hy
Chẳng thiếu vật chi
Lễ mừng ông tử
Xóm làng ta lúc ni
Liệu thế thầy dạy đi.

11. VỀ THUẾ NẶNG

Hỡi trời cao đất dày
Thuế cao nặng thế này!
Làng xóm đành bóp bụng
Đàn bà nộp thuế Tây
Từ thượng mục hạ lào
Trống mõ nện lao nhao
Tìm phải mối đem nộp
Ba đồng thêm sáu hào
Tuần đi như thiên lôi
Lý trưởng mất ốc nhồi
Mũi đe dẹt, quát chửi
Sao ra tiền ông xơi
Mẹ sao thật chó má
Quát mắng suốt đêm ngày
Làm dân mình bơi xơi
Chỉ sướng độc quan Tây
Buộc lòng phải theo vậy
Tưởng được no cái bụng
Ai ngờ vẫn cơ cực
Vợ chồng phải xa nhau
Thôi năn nỉ chi nữa.

NÓI LẼ

1. Dạ dạ trước thầy sau trẻ
Nín lặng lẽ tôi nói lẽ cho nghe
Mấy con ai biết nói lẽ?
Ta con ông Cường bà Cường bán đường trên chợ
Theo quê vợ ở tại Mỹ Quang
Nhà cửa nghinh ngang trâu bò chẳng hiếm
Tôi một tòa tranh năm ba tòa nhà ngói
Lục tôi đã không no không đói phần thực đủ xài
Ruộng ngoài đồng năm ba thiên giống
Tiền tôi cất đống để làm vách coi chơi
Sắm một trăm chiếc xa hơi đưa bộ hành phước cho con
Của chất bằng non tôi coi như rác
Tôi năm ba ông bác bảy sáu bà cô
Giàu có như mô sân dâu vườn tược
Ai giàu thì mượt ta không kéo đến bờ sân
Đêm năm canh đứng ngoài ngõ kêu năm bảy lần

Tưởng kêu về chi - kêu về giao hương hỏa
Lục tôi đã thong thả không lãnh tổ tiên
Mất giấc ăn mất giấc ngủ
Tiền tôi cũng đủ thong thả bò trâu
Trồng đám soi dâu bán một lứa - trăm năm bảy chục
Nhà tôi thường ngày thường bữa
Đường phèn mỗi đứa ba cân
Đậu xanh hái đỗ đầy sân
Trẻ nhỏ nấu ăn cũng đòi có liếu
Nhà tôi giàu - nhiều giường nhiều chiếu
Nậu gặt nậu mót ở chín mười mươi
Mấy chị có trầu dư cau tươi cho xin một miếng
Tánh tôi làm biếng - tôi ăn bồ cạp
Vợ tôi lập tiệm bán hàng
Kiếm vài đồng lời xuống chợ Tuy Hòa xài cả
Cà rá kiềng vòng cẩm châu lục soạn
Những đồ thượng hạng những gấm hương nho
Vải nhỏ vải to trồng đầy cam lộ
Xá tình cam lộ thằng bể vải tây
Chỉ trái chỉ cây dây chuyền ống khói
Cà rá đeo tay nón bông bịt bạc
Hàng cây diêm quẹt nút bóp nút xinh

Bánh phong... bánh quy bánh mì xí mại
Tính đi tính lại mũ ni mũ nan
Những dép quai ngang, những giày cá lóc
Kể qua đồ đạc chén mỏng đĩa bàn
Thùng quẹt giấy ngang giàu sang ai có
Trăng đâm dấu chỉ dầu Nhị thiên đường
Bán hộp bán đường bán qua đầu máy
Lâm thời nhà cháy để nợ để nần
Vợ chồng ở trần ăn ngày bữa cháo.

2. Ngồi buồn nói láo chữ thiên
Thằng nhỏ hai tuổi đòi khiêng ông trời
Ra đồng thấy muỗi bắt dơi
Bọ hung làm giỗ đi mời ông voi
Nhà tôi có một củ khoai
Xát ra năm thúng hẳn hòi còn dư
Nhà tôi có bụi khoai từ
Bới lên một củ hắn lăn hư nửa vườn
Tôi vừa bắt được con lươn
Lấy thịt quết chả, lấy xương đẽo cày
Nhà tôi có một bụi gừng
Bới lên một củ ước chừng một đòn xeo

Nhà tôi có một con mèo
Buổi mô hết thịt hắn lên đèo bắt nai
Nhà tôi có một cái chai
Đựng tám thùng nước với hai thùng dầu
Nhà tôi có một cái ang
Gạo cả bản làng đong hãy còn lưng
Ông tôi có một bộ râu
Tôi bứt một cọng đem câu con cá chình
Nói ra sợ chị em khinh
Cả thiên hạ nói láo chứ mình tôi chi.

3. Ngồi buồn nói láo chữ thiên
Thằng nhỏ hai tuổi đòi khiêng ông trời
Ra đồng thấy muỗi bắt dơi
Bọ hung, bọ niễng, tranh đòi hóa long
Xuống sông bắt một con còng
Bán tám đồng bạc, thịt bộ lòng xỏ xâu
Nhà tôi có một con trâu
Cái đuôi đằng trước, cái đầu sau khu
Nhà tôi có một cái lu
Đem ra đựng nước họ trù tám sông
Nhà tôi có một núi bông

Làm tám lọn vải mà không có rồi

Nhà tôi có một cái nồi

Nấu tám thiên lúa ăn chơi cả đời

Nhà tôi có một áo tơi

Mang ra áng trời không có ngõ đi

Nhà tôi có một cái ky

Đựng tám thiên củ có khi không tràn mà vẫn còn lưng

Nhà tôi có một liếp gừng

Đào chơi nửa liếp ước chừng đòn xeo

Nhà tôi có một con mèo

Đến chừng thèm thịt dẫn lên đèo bắt nai

Nhà tôi có một con chó thiệt tài

Nó theo con chồn ngận mười hai đêm ngày

Nhà tôi có một cối xay

Cái khung bịt bạc, cái ngõng bịt vàng

Nhà tôi có một ống oang

Hai đầu bịt bạc chính giữa chum vàng trọi trơn

Ở giữa mạ sơn

Nhứt điều tam phụ không ai giàu hơn bằng mình

Nói láo đại huynh

Láo thiên, láo địa láo trong mình láo ra.

4. Tôi không nói láo tôi không nói lẽ
Nuôi một con se sẻ đẻ một bầy gà ri
Trồng bụi sắn mì đào ba trăm dạ
Trồng bụi khoai hạ bán ba trăm đồng
Nhà nẫu nuôi tằm cho ăn dâu lá
Nhà tôi nuôi tằm cho ăn bắp hột
Có một cây cột chiều cao ba thước
Ra đi một bước lượm trăm trứng ruồi
Về ấp nở đại hồng chung
Đánh cái thùng ở Phan Rang nghe rõ
Nhà nuôi con thỏ
Không lớn không nhỏ
Bằng giỏ đốt than
Nhà quan trả ba trăm quan, không bán
Công ông cán, cháu bà Cường
Hay bán đường giữa chợ
Từng theo quê vợ
Tại chợ Mỹ Quang
Nhà cửa nghinh ngang
Thiếu đất làm vách
Để vậy coi chơi
Sắm ba cỗ xe hơi

Đưa bộ hành làm phước
Rủi tiền bạc có ướt
Kêu cô bác tới phơi giùm
Cho mỗi người một bó
Nhà tôi nhiều giường nhiều chiếu
Chứa nậu gặt nậu mót
Đông đến đôi mươi
Chị em có bồ cạp cho miếng trầu ăn đỡ, mai hãy hay...

5. Trời mưa tháng mười tôi xem cũng trúng
Việc tôi nói láo như người dự chứng
Việc tôi nói diễn như người thế gian
Nhà tôi bán than chặn cánh mặt tiền
Trong tám tầng chạm cánh cò bay
Bồ trong nhà không đi không ở
Tiền trong bịch đếm hoài không đủ
Sách tôi vừa hơn ba tủ
Thuốc nam thuốc bắc chẳng biết mấy bì
Bận quần thì tuột xuống đi
Cột dây lưng thả tua tám mối
Gạo đủ liền nấu cơm không hở cái nồi
Vác lược đồi mồi buông tay tóc xõa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tham khảo:

1. *Đại Nam thực lục*. H.Sử học, 1962
2. *Đại Nam nhất thống chí*. Huế: Thuận Hóa, 1997
3. *Quan chế Triều đình Nhà Nguyễn*. Huế: Thuận Hóa
4. *Quốc triều hương khoa lục*. Tp.Hồ Chí Minh, 1993
5. *Địa chí Phú Yên*. 1967, 1969
6. *Lịch triều hiến chương loại chí*. H.Khoa học xã hội, 1992

PHẦN IV

HÒ GIÃ GẠO DÂN CA NINH HÒA

Nguyễn Viết Trung

MỞ ĐẦU

ĐI TÌM LAI LỊCH HÒ GIÃ GẠO NINH HÒA

Đến nay chưa tìm thấy tài liệu nào xác định được thời điểm ra đời thể loại dân ca hò giã gạo của Ninh Hòa và những ai là tác giả làn điệu này. Muốn truy nguyên chúng, ta thử ngược dòng thời gian để lý đoán tìm hiểu ra sao.

Từ giữa thế kỷ 17, vùng đất Khánh Hòa ngày nay đã trở thành một phần lãnh thổ của nước ta. Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần lập ra 2 phủ Thái Khang và Diên Ninh trên phần đất từ nam Phú Yên đến phía đông sông Phan Rang. Về tổ chức hành chính, phủ Thái Khang (vùng đất phía bắc Khánh Hòa hiện nay) gồm 2 huyện là Quảng Phước và Tân Định, phủ Diên Ninh (vùng đất phía nam Khánh Hòa hiện nay) gồm 3 huyện là Phước Điền, Vĩnh Xương và Hoa Châu.

Huyện Tân Định thuộc phủ Thái Khang chính là tiền thân của huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa ngày nay. Theo Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí,* vào đầu thế kỷ XVIII, huyện Tân Định có 1 tổng, 1 trang. Đến thời điểm triều đình nhà Nguyễn tiến hành công cuộc đạc điền và lập địa bạ các làng xã ở Khánh Hòa (1810 - 1830), huyện Tân Định có 3 tổng: Thượng, Trung, Hạ với 68 xã, thôn. Vào

đầu thế kỷ XX, số đơn vị hành chính của huyện đã tăng lên 73 xã, thôn với số đinh là 2795 người. Đến tháng 11 năm 1931, huyện Tân Định được đổi thành phủ Ninh Hòa. Năm 1954, ngụy quyền đổi phủ Ninh Hòa thành quận Ninh Hòa. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, năm 1976 hợp nhất 2 huyện Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh thành huyện Khánh Ninh. Năm 1978 thành lập thị trấn Ninh Hòa. Đến năm 1979 huyện Khánh Ninh lại được tách ra thành 2 huyện Vạn Ninh và Ninh Hòa như cũ.

Hiện nay, huyện Ninh Hòa có 26 xã là: Ninh An, Ninh Tây, Ninh Thượng, Ninh Thọ, Ninh Hải, Ninh Sim, Ninh Xuân, Ninh Trung, Ninh Thân, Ninh Đông, Ninh Diêm, Ninh Thủy, Ninh Phụng, Ninh Đa, Ninh Bình, Ninh Giang, Ninh Phú, Ninh Quang, Ninh Hà, Ninh Phước, Ninh Tân, Ninh Hưng, Ninh Lộc, Ninh Vân, Ninh Ích, Ninh Sơn và 1 thị trấn: Ninh Hòa.

350 năm hình thành và phát triển, vùng đất Ninh Hòa đã tạo cho mình một diện mạo văn hóa khá rõ nét. Từ thuở cai cơ Hùng Lộc mở cõi về phương Nam, người dân Ninh Hòa hình thành, bám trụ vùng đất mới để sinh cơ lập nghiệp, khai khẩn đất đai làm ăn sinh sống. Các làng nghề ban sơ như chài lưới, trồng trọt, chăn nuôi cũng dần hình thành trên vùng đất này. Văn hóa tín ngưỡng phát triển mạnh, tục thờ cúng tổ tiên càng trở nên thiêng liêng đối với những người con xa xứ. Cùng với việc thờ cúng Thành Hoàng và Tiền Hiền theo truyền thống của người Việt, người dân Ninh Hòa còn thờ cúng những vị thần mới: cư dân các làng nông nghiệp thờ Bà Hậu Thổ, Bà Thiên Y A Na, cư dân các làng ngư nghiệp thờ Ông Nam Hải (tục thờ

Cá Voi). Truyền thống uống nước nhớ nguồn được thể hiện khá rõ nét trong việc thờ cúng những vị đã có công khai phá đất đai, truyền dạy nghề nghiệp...

Truyền thống tôn sư trọng đạo được người dân nơi đây đặt lên hàng đầu, thể hiện qua cách sắp xếp vị trí các đối tượng được thờ trong đình làng: chính điện thờ thần Thành Hoàng (người có công khai khẩn, truyền dạy nhân dân làm nghề), bên hữu thờ Tiền Hiền, bên tả thờ Bà Hậu Thổ, Bà Thiên Y A Na. Văn hóa của người Ninh Hòa là sự kết hợp giữa văn hóa của người Việt, người Hoa và người Chăm nhưng chủ đạo vẫn mang nét văn hóa riêng của người Việt. Chính nhờ sự tiếp thu có chọn lọc ấy đã tạo một môi trường thuận lợi cho các cộng đồng dân tộc Việt Nam cùng sống hòa thuận, an lành dưới một mái nhà chung.

Các sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người Ninh Hòa phát triển đa dạng và phong phú, tiêu biểu là lễ hội đình làng, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Kỳ An... được tổ chức hàng năm vào dịp tháng 3 và tháng 8 âm lịch. Đến với lễ hội, người dân được gặp gỡ bạn bè, người thân, đồng bào trong làng xã để trao đổi nghề nghiệp làm ăn sinh sống, hàn huyên tâm sự, tưởng nhớ đến Tiền Nhân, Tiền Hiền đã có công khai khẩn đất hoang, truyền dạy nghề nghiệp, bày tỏ lòng thành kính biết ơn. Các lễ hội nơi đây đều mang đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian, thể hiện tính giáo dục sâu sắc cho thế hệ hôm nay và mai sau những truyền thống, đạo lý tốt đẹp của quê hương, dân tộc.

Di dân các tỉnh và định cư tại Khánh Hòa phải trải qua vài ba thập kỷ mới tạm ổn định kinh tế, dân ca chính là món ăn tinh thần giải tỏa bao nỗi nhọc nhằn, tạo nguồn vui lành mạnh, nhờ đó họ quyết tâm bám trụ và xây dựng quê hương mới. Đây cũng

là sợi dây liên kết tình cảm nghĩa nhân giữa cộng đồng người ly hương vừa quy tụ đến. Điều kiện địa lý và dân cư của vùng đất mới đã tạo cho Khánh Hòa một nền văn hóa đa dân tộc, có những nét đại đồng tiểu dị với văn hóa các tỉnh nằm trong tiểu vùng văn hóa Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Vốn dân ca, dân nhạc của người Kinh ở Khánh Hòa khá phong phú với đầy đủ các thể loại: Hô bài chòi, hò, vè, hát ru, lý, đồng dao và cả hệ thống âm nhạc tôn giáo, tín ngưỡng.

Riêng về hò, Khánh Hòa là một tỉnh duyên hải với vùng biển dài có lắm đầm, nhiều vịnh nên đã sản sinh nhiều điệu *hò biển* khá độc đáo như *hò chèo thuyền, hò hời lơ, hò khoan, hò lưới đăng, hò Bá trạo*... Bên cạnh đó còn một số điệu hò chủ yếu nảy sinh trong môi trường giao lưu sinh hoạt, vui chơi giải trí như điệu *hò giã gạo* trước đây từng rất thịnh hành ở Ninh Hòa.

Có lẽ ban đầu bên cối gạo trắng trong đêm trăng thanh, người xưa chỉ thay nhau hát chơi năm ba câu thơ bình dị. Dần dà sau đó cuộc vui thường đêm diễn ra, những lời thơ câu hát được phát triển, bây giờ họ thấy thích thú khi nghe câu hò nương theo nhịp chày giã gạo, hay hòa theo tiếng đờn tiếng sáo. Thế là điệu hò giã gạo hình thành, rồi sau nhiều thập niên tăng bổ, hò giã gạo đã trở thành một làn điệu dân ca mang sắc thái độc đáo trên quê hương mới.

Cũng như nhiều làn điệu dân ca ở các vùng miền khác trong cả nước, tác giả của điệu hò giã gạo Ninh Hòa chính là quần chúng nhân dân thuộc nhiều thế hệ ở địa phương. Trải qua mấy trăm năm hình thành phát triển, hò giã gạo vẫn mang tính đặc thù, không mô phỏng bất cứ làn điệu dân ca nào khác. Nó độc

lập trong cách hò hát và cấu trúc nhịp phách giã gạo dưới ánh trăng đêm.

Cho đến trước năm 1945, hò giã gạo là làn điệu dân ca rất thịnh hành ở Ninh Hòa. Trải qua thời gian, cùng với bao biến động thăng trầm của lịch sử và sự thay đổi nhanh chóng của đời sống xã hội, cùng số phận với nhiều thể loại dân ca khác, điệu hò giã gạo Ninh Hòa cũng đã bị lãng quên dần, thậm chí đã bị mai một mất hẳn dấu vết. Đến nỗi trong giới cao niên còn sống hiện nay ở Ninh Hòa cũng ít ai nhớ rõ hoặc nhớ không chính xác bài bản, giai điệu hò giã gạo, còn giới trẻ thì tỏ ra khá xa lạ nếu không muốn nói là họ chưa từng nghe ai nói đến làn điệu này. Vì thế việc sưu tầm, nghiên cứu, giữ gìn, bảo vệ và phổ biến làn điệu dân ca hò giã gạo - một vốn quý trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể của huyện Ninh Hòa nói riêng, tỉnh Khánh Hòa nói chung - là điều vô cùng quan trọng và cấp thiết hiện nay, lại càng cấp thiết hơn khi mà các vị nghệ nhân, các cụ lão thành ở địa phương lần lượt qua đời và mang theo cả những hiểu biết quý báu mà ta chưa kịp ghi chép lại.

CHƯƠNG I

CẤU TẠO LÀN ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO

Hò giã gạo Ninh Hòa - còn gọi là hò đối đáp - là một thể loại dân ca ra đời trong môi trường giao lưu sinh hoạt giữa hai bên trai gái trong làng hoặc giữa làng này với làng khác. Trong những đêm trăng thanh gió mát, quây quần bên những cối gạo (đây chính là bối cảnh để cho hò giã gạo phát sinh và tồn tại), nam thanh nữ tú vừa giã gạo vừa hò hát đối đáp theo nhịp chày khua dồn dập, thôi thúc. Những đêm sinh hoạt hò giã gạo ở nông thôn Ninh Hòa xưa là cơ hội để các đôi trai gái gặp gỡ công khai, dùng điệu hò câu hát để ngỏ ý giao duyên hay tâm sự việc nghĩa nhơn chung thủy đồng thời cũng để thi thố tài năng ứng đối thấp cao. Sinh hoạt hò giã gạo không cấm ngặt trai gái yêu nhau. Nhiều nam nữ thanh niên mê nhau qua giọng hò mùi mẫn, phục nhau cái hơi dài và tài ứng đối thông minh nhanh nhẹn, đồng thời cảm hóa nhau về đức hạnh, tính nết và sự làm lụng cần cù. Sự tự do phóng khoáng không vì thế mà làm biến chất tâm hồn trong sáng, chất phác, trọng nhân nghĩa, đạo lý của người dân nông thôn, cũng như không vì thế mà làm biến chất các cuộc hò.

Tất cả bài bản hò giã gạo đều làm theo thể lục bát hoặc biến thể lục bát, đa số thường được soạn sẵn, chỉ một ít được ứng

tác "xuất khẩu thành thi" ngay lúc giao lưu. Đề tài hò giã gạo khá phong phú đa dạng, phần lớn là các câu hò giao duyên tình cảm, một số bài ca ngợi luân thường đạo lý, nặng tính giáo dục (nam nhân nên giữ theo khí tiết trượng phu, nữ giới nên giữ trò đức tòng thục hạnh). Nhiều bài còn có nội dung chê bai đả kích kẻ bất trung, gian nịnh, bội nghĩa vong tình, vô thủy vô chung, nhắc nhở mọi người phải lấy đó làm gương.

Những nghệ nhân sáng tác bài bản hò giã gạo đa số là những người mê ca xang, hò hát, có năng khiếu về ca từ, thông hiểu chữ nghĩa kinh truyện của thánh hiền.

Về giai điệu, tựu trung hò giã gạo được cấu tạo bằng ba loại nhịp chính là *hò nhịp hai, hò nhịp bốn* và *hò nhịp trùng.*

Về nội dung và đề tài có *hò truyện, hò mép,* lại có lối *hò ứng tác.*

Ngoài ra, trong thời gian hai bên đối đáp tạm nghỉ xả hơi giữa cuộc hò, có ai đó hò đôi ba câu ứng tác lai giọng Nam Ai hòa với tiếng đờn cò đờn bầu, nhưng không có nhịp chày giã gạo. Lối này gọi là *hò đối đáp suông.*

I. CÁCH HÒ NHỊP HAI

Về tiết tấu, khi chàng trai giã chiếc chày vào cối thì cô gái nhịp nhẹ chày của mình lên miệng cối, đến lượt chàng trai nhắc chiếc chày nhịp nhẹ thì cô gái giã chày vào cối, cứ như thế khoan thai tiếp tục cho đến hết bài.

Cách hò nhịp này như sau: Trước khi giã chày vào cối, bên đối (xướng) đãi giọng: *Hò hơ hò...,* tiếp theo chày giã vào cối

tiếng hát mới bắt đầu. Nhịp chày khoan thai tiếng hò cũng khoan thai. Câu lục đủ sáu chữ thì hát theo đủ sáu nhịp chày, sau mỗi tiếng hát cộng thêm một nhịp đãi giọng thành ra hai nhịp, nên gọi là *hò nhịp hai.*

Ví dụ:

Câu lục đủ sáu chữ hát là:

Ai /2/ *bày* /2/ *chi* /2/ *chuyện* /2/ *ác* /2/ *nhơn* /3(4)/ (chữ cuối cùng của câu cộng vào giọng đãi thường phải ba hay bốn nhịp).

Nếu câu lục biến thể thành bảy tám chữ thì phải hát hai hay ba chữ nào đó trong câu bằng ba nhịp chày, thường khi đệm thêm tiếng *"mà"* để chuyển mạch giọng hò hát.

Ví dụ:

Câu lục biến thể ra bảy tám chữ thì phải hát là:

Con cuốc /3/ *lẻ* /2/ *đôi* /2/ *còn* /2/ *ngôi* /2/ *than* /2/ *khóc* /3(4)/

Hoặc có thể hát:

Con /2/ *cuốc* /2/ *lẻ* /2/ *đôi* /3/ *còn ngồi* /3/ *than* /2/ *khóc* /3(4)/

Câu bát đủ tám chữ thì hai chữ đầu bằng ba nhịp chày, còn các chữ sau hai nhịp:

Ví dụ: *Mà nay* /3/ *bỗng* /2/ *chốc* /2/ *nhịp* /2/ *cầu* /2/ *gãy* /2/ *đôi* 3/(4)/

Nếu câu bát biến thể thành chín mười chữ thì hát phải giữ nhịp như sau:

Ví dụ: *Thiếp muốn* /3/ *chết* /2/ *đi* /2/ *cho* /2/ *thoát* /2/ *kiếp má hồng* /4/ *đắng* /2/ *cay* /3(4)/

Trường hợp câu lục bát biến thể ra đến 12 chữ (dùng câu tục ngữ) thì phải phân làm hai khổ, mỗi khổ 6 chữ, ba chữ đầu của mỗi khổ hát bằng 4 nhịp, ba chữ sau mỗi chữ 2 nhịp (chữ cuối cộng 2 nhịp đãi thành 4 nhịp).

Ví dụ:

Không mấy ai /4/ giàu /2/ ba /2/ họ /4/

Không mấy ai /4/ khó /2/ ba /2/ đời /4/

Cũng có thể hát:

Không /2/ mấy /2/ ai /2/ giàu ba họ /5/

Không /2/ mấy /2/ ai /2/ khó ba đời /5/

Bên đối (xướng) diễn xuất như vậy, còn bên đáp chuẩn bị thế nào? Trong lúc bên đối cao giọng trầm bổng hò theo nhịp chày, khi người đối hát dứt xong giọng đãi sau mỗi câu bên đáp phải nhất tề hợp tấu: *"Hò hơ hò"* (*Hò /2/ hơ /2/ hò /3/*). Nếu bên đối hát bốn câu lục bát thì bên đáp phải *hò hơ* đủ bốn lần.

Ví dụ:

Con cuốc lẻ đôi còn ngồi than khóc/ Hò Hơ Hò

Huống chi vợ với chồng tơ tóc lìa nhau/ Hò Hơ Hò

Bao năm tình nặng nghĩa sâu/ Hò Hơ Hò

Mà nay bỗng chốc nhịp cầu gãy đôi/ Hò Hơ Hò

Để bên bạn biết mình hát xong một đoạn thì sau câu cuối người cầm chày cũng phải chung giọng với phe bạn tấu lên: *Hò Hơ Hò*. Nghe qua phe bạn tiếp theo hát đáp trả, lúc này phe đối lại làm nhiệm vụ tấu câu: *Hò Hơ Hò*. Cuộc đối đáp cứ thế luân

phiên, giọng hò quyện với nhịp chày dồn dập hòa cùng tiếng réo rắt của đờn cò đờn bầu dưới ánh trăng thanh.

II. CÁCH HÒ NHỊP BỐN

Hò nhịp bốn tức là hai tiếng hò cùng giọng đãi nằm trong khuôn khổ bốn nhịp, hai tiếng hò hai nhịp chày, còn giọng đãi hai nhịp, tiếng hò hơ tấu lên giống hò nhịp hai.

Ví dụ:

Cầm cần /2+2/ câu cá /2+2/ liệt xuôi /2+2/

Nấu canh /2+2/ rau bợ /2+2/ mà nuôi /2+2/ mẹ già /2+2/

Nếu câu lục biến thể ra bảy tám chữ thì tùy theo ba chữ nào đó trong câu ăn vào bốn nhịp. Câu bát biến thể thì cách hát cũng như thế.

Ví dụ:

Gặp nhau /2+2/ thiếp khấn giữa /2+2/ đất trời /2+2/

Kiếp này /2+2/ không hiệp /2+2/ nguyện đền bồi /2+2/ kiếp sau /2+2/

III. CÁCH HÒ NHỊP TRÙNG

Hò nhịp trùng khó hơn hò nhịp hai và nhịp bốn, nếu không tập luyện nhuần nhuyễn sẽ bị lỗi nhịp chày và lỗi điệu hò. Những ai giỏi hò hát khi gặp nhau trong các cuộc đối đáp giao lưu thường thích hò nhịp trùng.

Thế nào gọi là hò nhịp trùng?

Tức là có một số chữ trong câu hò được lặp lại một lần và có lúc đệm thêm chữ *"mà"* để chuyển mạch.

Ví dụ câu hò chia tay dưới đây:

"Gặp nhau chưa cạn tấc lòng

Trăng đà xế bóng buồn không hỡi chàng

Cuốc kêu quốc quốc bẽ bàng

Nặng thương nặng nhớ hai hàng châu rơi"

Cách hò nhịp trùng đoạn thơ này như sau:

Gặp /1/ nhau /1/ chưa /1/ cạn /1/ (mà) chưa /1/ cạn /1/ tấc /1/ lòng /1+2/

Trăng /1/ đà /1/ xế /1/ bóng /1+2/

Trăng /1/ đà /1/ xế /1/ bóng /1+2/ (giọng ngân thật cao)

Buồn /1/ không /1/ (mà) buồn /1/ không /1/ hỡi /1/ chàng /3/

Cuốc /1/ kêu /1/ quốc /1/ quốc /1/ (mà) quốc /1/ quốc /1/ bẽ /1/ bàng /1+2/

Nặng /1/ thương /1/ nặng /1/ nhớ /1+2/

Nặng /1/ thương /1/ nặng /1/ nhớ /1+2/ (giọng ngân thật cao)

Hai /1/ hàng /1/ (mà) hai /1/ hàng /1/ châu /1/ rơi /1+2/

Nếu gặp câu lục bát biến thể ra nhiều chữ thì phải hát như sau:

Ví dụ:

Chắp /1/ tay /1/ giữa trời đất /2/ mà trời /1/ đất /1/ thiếp /1/ thề /1+2/ (3 tiếng *giữa trời đất* bằng 2 nhịp chày)

Qua /1/ xin /1/ bậu /1/ nhớ /1+2/

Qua /1/ xin /1/ bậu /1/ nhớ /1+2/ (giọng ngân thật cao)

Cái /1/ gương /1/ (mà) cái /1/ gương /1/ vợ Mãi Thần /2+2/ (3 tiếng *vợ Mãi Thần* bằng 2+2 nhịp đãi)

Sau mỗi câu hát nhịp trùng, tiếng đồng tấu *Hò hơ* không giống như ở hò nhịp hai và nhịp bốn mà có giai điệu như sau:

Khi nghe người phe bạn hát vừa đãi dứt hơi, một người đàn anh đàn chị phe mình độc tấu trước hai tiếng *Hò hơ* bằng hai nhịp và giọng đãi một nhịp rưỡi, tập thể đồng thanh tấu theo *Hò hơ* bằng một nhịp rưỡi, rồi *Họ hờ* hai nhịp cùng hai nhịp giọng đãi. Công thức như sau:

Hò Hơ /2+1,5/ Hò Hơ /1,5/ Họ Hờ /2+2/ (*Hò Hơ Hò Hơ Họ Hờ* được tấu 2 lần)

Khi vào cầm chày, hễ người đối (xướng) hò nhịp nào, thì người đáp phải hò đáp nhịp đó đến hết bài chứ không được đổi nhịp khác. Người đối đáp với nhau phải có giọng trầm giọng bổng, định lệ hát giọng cao, hò phải theo giọng cao, định lệ hát giọng thấp, hò cũng phải theo giọng thấp. Bởi vậy có câu nói nôm na để nhắc nhở mọi người học hát: *"Giọng hò phải lò cò theo giọng hát"*.

Thế nào gọi là hò lỗi nhịp chày?

Hò lỗi nhịp chày tức là tiếng hò không ăn theo đúng nhịp chày (khi hò, nhịp chày không theo tiếng hát mà tiếng hát luôn luôn phải theo nhịp chày). Người xưa gọi nhịp chày là "làm thầy". Một khi câu hát lỗi nhịp chày thì cả ba yếu tố: tiếng chày, tiếng hát, tiếng đờn nhiễu loạn ngay, dù bài bản cùng giọng hát có hay đến mấy cũng bị mọi người chê là dở.

IV. HÒ TRUYỆN

Thường do những người giỏi chữ nghĩa, thông kinh truyện sử sách sáng tác. Tùy theo đề tài họ làm sẵn bài bản để bày vẽ người khác. Những bài này hay dùng các điển tích rút ra từ truyện Tàu như Tam Quốc Chí, Đông Chu Liệt Quốc, Phong Thần hoặc các truyện Nôm như Kiều, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh Lý Thông, Thoại Khanh Châu Tuấn, Phạm Công Cúc Hoa v.v... Lời hò thường sử dụng các thành ngữ bằng chữ Hán đúng chuẩn mực nhưng vẫn giữ được chất bình dân mộc mạc của làn điệu dân ca. Những nghệ nhân này được giới hò hát tôn làm thầy, những khi phe ta gặp câu xướng hiểm hóc thì cầu kiến nhờ họ giải thích, chỉ dẫn cho. Có khi đám thanh niên trong làng phải chung nhau rước thầy về nhà, cơm bưng nước rót hàng tuần để thầy san định gỡ gạt, giải cho những câu hò hiểm hóc.

V. HÒ MÉP

Ngày xưa ở nông thôn có nhiều người dốt chữ hoặc chỉ biết chút ít chữ nghĩa nhưng bù lại họ rất sáng dạ, mỗi khi nghe ai giảng luận kinh truyện, sử sách thì họ nhập tâm ngay. Từ vốn kiến thức học lóm, lại là những người mê văn nghệ, thích ca xang, họ đã sáng tác ra nhiều câu hò điệu hát tuy rằng câu cú chữ nghĩa không được súc tích, văn vẻ, chuẩn mực cho lắm. Loại bài bản này gọi là hò môi mép hoặc hò mép.

VI. HÒ ỨNG TÁC

Ngoài lối hò truyện và hò mép là loại bài bản được các bên đối đáp soạn trước tại nhà, còn có lối hò ứng tác mà bài bản

được người hát ứng khẩu tại chỗ, xuất khẩu thành văn trong cuộc hát. Lối hò này đòi hỏi nghệ nhân phải là người có bản lĩnh, trình độ và phải thật nhạy cảm trước khung cảnh và tình huống xung quanh, trước đối thủ chưa từng quen mặt. Do ứng tác nên nhiều câu hò vốn là thơ lục bát đôi khi đã bị "biến thể" quá trớn, ý tứ chưa thật suôn sẻ, vần điệu nhiều khi gượng ép.

VII. HÒ SUÔNG

Hò suông hoặc hò đối đáp suông không phải làn điệu thuần túy của hò giã gạo, nó đã biến dạng từ làn điệu gốc lại pha ảnh hưởng giọng Nam ai của Hát Bội. Lối hò này ít được dùng trong những cuộc hò hẹn giao lưu, người ta chỉ diễn xuất khi nào cuộc hò hết gạo lức hết trấu không thể giã gạo được, hoặc lúc đứng hai bên bờ sông hát đối đáp, hoặc lúc các làng cùng chung nhau đắp đập ngăn sông lấy nước làm ruộng. Lối hò này khi xưa chỉ sử dụng bên lề, phụ họa theo giai điệu hò giã gạo. Hò đối đáp suông mà được đệm bằng tiếng đờn cò, đờn bầu, với các bài có nội dung chia tay dang dở thì âm thanh rất ai oán não nùng, người nghe dễ bồi hồi xúc động. Đến những năm 30 của thế kỷ 20 là thời điểm điệu hò giã gạo đã bước vào giai đoạn cáo chung, nơi thôn quê không còn diễn ra những cuộc hò hát giao lưu bên cái cối cái chày nữa, người ta không còn nghe được các điệu hò nhịp hai, nhịp bốn, nhịp trùng sôi động nữa mà chỉ còn nghe đến giọng hò suông thôi. Lý do là cuộc hò đối đáp suông ít có mời hẹn, chỉ sinh hoạt bất thường, nếu có rủ rê nhau cũng chỉ hai đầu làng liên cư cùng xóm, số người tham dự cũng hạn chế, nhờ đó chính quyền đương thời không lưu ý. Cũng những bài bản của hò giã gạo xưa kia, giờ đây chỉ thay đổi giọng hát

(cách *Hò Hơ Hò* không thay) và thay lối xưng hô giữa trai và gái. Giai đoạn này trai gái đã bắt đầu dạn dĩ xưng hô *"anh em"* với nhau. Các đại từ *"chàng, thiếp, bậu, qua"* ít thấy ai dùng nữa. Thanh niên không còn bới lọn tóc củ tỏi trên chóp đầu như xưa mà hớt ngắn gọn như "dân tây". Trong các câu hò đôi khi nghe thấy xen cả tiếng tây tiếng u (được phiên âm) tạp pí lù.

Ví dụ:

Hò Hơ Hò...

Bớp bò sư tử li ong

Lơ van con ngựa mu tong con cừu...

Giai đoạn này kéo dài khoảng gần hai chục năm, đến giữa thập kỷ bốn mươi thì mờ nhạt rồi mất hẳn. Ngày nay ở nông thôn Ninh Hòa, các cụ già trên bảy tám mươi tuổi hiếm còn người rành rẽ điệu hò giã gạo, nhưng lối hát suông thì nhiều cụ còn hò hát được. Sau đây là một số câu sưu tầm được ở Ninh Hòa:

- Đôi ta gá nghĩa chung tình

Dù ăn cơm mắm ngủ ngoài đình cũng ưng.

- Đôi ta như cặp cá bè

Lênh đênh trên biển ai dè gặp nhau.

- Đôi ta như cặp cá sơn

Ăn trên mặt nước đợi cơn mưa rào.

- Anh thương em dưới dốc thương lên

Đá lăn mược đá miễn thương bền thì thôi.

- Anh thường ham đó bỏ đăng

Ham lê quên lựu ham trăng quên đèn.

- Anh ơi anh đừng ngậm ngùi

Một căn hai nợ anh ừ cho xong

Hồi thương nước đục cũng trong

Hồi ghét nước chảy giữa dòng cũng dơ

Lên non bẻ lá đề thơ

Trai không hết khó gái chờ mãn tang.

- Xưa kia lời nói cũng in

Hoa tàn nhị rữa cũng nhìn hổng dong

Bây giờ nhị rữa hoa tàn

Con thơ trìu mến sao chàng vội dong.

- Ai làm nên nỗi nước này

Chùa xưa vắng vẻ tớ thầy xa nhau.

- Ai làm bầu bí đứt dây

Chàng nam thiếp bắc ngọn gió tây lạnh lùng.

- Một mai cúc ngã lan quì

Bậu lo cho bậu đừng lo gì đến qua.

- Mai sau thiếp có xa chàng

Đôi bông thiếp trả con chàng thiếp xin.

- Sóng sao bọt nước xanh xanh

Chàng bỏ thiếp cuối bãi đầu ghềnh đêm đông

Thiếp hỏi chàng có thương trọn hay không

Làm cho thiếp đợi mất công thiếp chờ.

- Chim chuyền bụi sậy

Con cá quậy bụi lùng

Qua nhớ bậu da diết vô cùng

Lấy nghiên mài mực chạm từng câu thơ

Câu thương câu nhớ câu đợi chờ

Ba bốn câu kết lại biết ai nhờ gởi trao.

VIII. TỪ ĐIỆU HÒ HƠ SANG ĐIỆU HÒ LƠ

Trong những năm 1954 - 1957 tại Ninh Hòa xuất hiện điệu hò lơ. Làn điệu này không phải có nguồn gốc tại Ninh Hòa mà du nhập từ địa phương khác, có lẽ xuất xứ ở Nam Bộ. Điệu hò này được dùng trong sinh hoạt tập thể của bộ đội, dân công, trong các cuộc mít tinh, biểu tình của khối đông đảo quần chúng, trong công việc tuyên truyền chống nạn mù chữ, bài trừ tệ đoan xã hội như đồng bóng dị đoan, rượu chè cờ bạc. Hằng đêm ở nông thôn, làng xóm nào cũng rộn rịp tiếng "Hò Lơ Hó Lơ".

Cách sinh hoạt như sau: Trong đám đông, một người xướng trước: *Hò Lơ Hó Lơ lắng tai nghe hó lờ,* tập thể đồng thanh ba tiếng: *Ta lại hò.* Người hát giữ nhịp hò bằng cách vỗ tay. Cứ hai chữ *Hò lơ* hoặc *hó lơ* bằng một nhịp vỗ tay, ba chữ *lắng tai nghe* bằng một nhịp, ba chữ *Ta lại hò* một nhịp. Sau tiếng: *Ta lại hò,* người xướng lại tiếp tục hô từng tiếng cho đến hết câu hò.

Ví dụ:

Xướng: *Tháng ba âm lịch mùng mười*

Tập thể đồng thanh: *Ta lại hò.*

Người xướng tiếp: *Là ngày giỗ Tổ mọi người không quên*

Tập thể cùng vỗ tay đồng thanh: *Hò lơ / hó lơ / lắng tai nghe / hó lơ / ta lại hò.*

Người xướng tiếp tục:

Nhớ thời đất nước bình yên

Đồng thanh: *Ta lại hò*

Xướng tiếp: *Đáp xe lửa đến Tiên Kiên thì ngừng.*

Đồng thanh: *Hò lơ / hó lơ / lắng tai nghe / hó lơ / ta lại hò.*

Nhịp hát cứ thế mà đến hết bài.

Điệu hò này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn rồi thôi, chủ yếu như một phương tiện tuyên truyền giáo dục, nhưng không bắt rễ được vào tâm hồn quần chúng như điệu hò giã gạo.

CHƯƠNG II

SINH HOẠT HÒ GIÃ GẠO

I. ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA HÒ GIÃ GẠO

Hò giã gạo cũng là một loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian nhưng người biểu diễn không tập hợp thành đoàn, toán ổn định như gánh hát bội hay hiệu bài chòi mà thực chất là một thể loại sinh hoạt hò hát mang tính phổ cập quần chúng, rất được mọi người ưa chuộng.

Từ thập niên 30 trở về trước, làn điệu dân ca này rất thịnh hành và là một món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân nông thôn Ninh Hòa xưa. Khi ấy hầu như làng nào, tổng nào cũng có bạn hát và người dạy hát, từ đó cuốn theo một số người ở địa phương đam mê ngón đờn truyền thống. Nhiều đôi trai và gái từ những cuộc hò mà phải lòng nhau rồi nên duyên chồng vợ cũng trong điều kiện này. Thời ấy người ta sẽ không lấy làm lạ khi nghe nói dù cho buổi chiều mưa gió, người bạn trai không quản gian nan sẵn sàng đội áo tơi đến làng bên sông để hò đối đáp với người bạn tình. Thật đúng với câu:

Thương nhau mấy núi cũng trèo

Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.

Những cuộc hò đối đáp thường được tổ chức riêng trong làng, hoặc hò hẹn giao lưu với những làng lân cận, có khi hai làng khác tổng cách xa nhau hằng mười lăm cây số đường dài. Tuy không lập thành bầu đoàn như hát bội, dù vậy mỗi khi đi giao lưu luôn có giới đàn anh lão luyện đứng ra dìu dắt. Tất cả bạn hò cùng đi đều phải biết hò hát ứng đối rành rẽ và hiểu được những quy định trong cuộc hát giao lưu. Địa điểm sinh hoạt thường được chọn tại nhà riêng, cũng có thể vào những đêm trăng trời quang mây tạnh, mùa gặt hái đã xong thì một đám ruộng khô nào đó ở giữa xóm gần nhà dân sẽ được chọn làm bãi giã gạo giao lưu. Người ta không tổ chức cuộc hò tại đình chùa, bởi lẽ nó có tính cách trần gian tục lụy, trái với nơi trang nghiêm thanh tịnh.

Thường thì cuộc hát hò giao lưu nào cũng chọn đêm có trăng, nếu hò giã gạo chỉ riêng ở làng mình thì thích hợp nhất trong các đêm từ 12 đến 20 âm lịch, nếu là giao lưu thi thố với làng xa thì hẹn ước nhau những đêm có trăng khuya, để khi đi về nhờ ánh trăng soi đường.

Đối tượng thích hợp tham gia sinh hoạt hò giã gạo là lứa tuổi thanh niên nam nữ chưa lập gia đình hoặc trai gái lỡ thì đơn lẻ. Những bạn trai gái nửa đường gãy gánh gối chiếc phòng đơn cũng rất thích tham gia. Đây là dịp vừa giải trí vừa học hỏi tài năng ứng đối đồng thời cũng là dịp tốt để hò hát ví von giao duyên tình cảm. Người con gái khi đã có gia đình rồi thì không được phép đi giao lưu, nếu có mạnh dạn tham dự cuộc vui tại làng thì cũng chẳng ai dám hát giao duyên với người "có chủ". Riêng hạng mày râu có tâm hồn năng khiếu ca xang đàn địch, thì dù đã có gia đình tuổi tác

vẫn được tự do nhập cuộc, vừa làm trọng tài mà cũng vừa làm cố vấn cho bạn hát.

Phàm người già và phụ nữ chỉ hò hát đối đáp nhau qua đám cấy gặt để quên đi nỗi nhọc nhằn. Các cụ già lúc trà dư tửu hậu, ngồi bên nhau hò hát gợi lại những chuỗi ngày niên thiếu đã qua, hay bày dạy cho con cháu.

Đến những năm 60 của thế kỷ 20, câu hò giã gạo vẫn còn thường dùng ở thôn quê để hát ru trẻ ngủ. Điệu hò giã gạo ra đời và tồn tại một cách thích hợp với hoàn cảnh cuộc sống nông thôn. Giả sử khi xưa tại Ninh Hòa không có làn điệu dân ca này, chắc rằng sự quan hệ trong cộng đồng dân cư tẻ nhạt và vô vị lắm.

II. CÁCH XƯNG HÔ TRONG CUỘC HÒ GIÃ GẠO

Người xưa rất chuộng đạo lý cang thường dẫu rằng tâm hồn họ mộc mạc đơn sơ. Phàm việc ứng xử dù ở phương diện nào cũng phải đặt trong phạm vi lễ giáo. Kể cả trong lời ăn tiếng nói thường ngày, dường như ít ai dùng hai tiếng "mày tao" để xưng hô giữa người lớn với nhau. Giữa bàn dân thiên hạ mà có ai đó ăn nói sỗ sàng ắt bị mọi người chê bai. Bởi vậy trong những dịp giao lưu sinh hoạt hò hát, trai gái xưng hô đối đáp với nhau rất từ tốn lịch sự. Người Ninh Hòa xưa quan niệm rằng đến với đêm hò giã gạo còn là để "học ăn, học nói, học gói, học xách" là thế.

Thời ấy trai gái nông thôn không biết dùng (nói đúng hơn là không dám dùng) những từ yêu đương như kiểu ngày nay. Dường như nói thẳng ra những từ đó là phạm phải một điều

gì cấm kỵ. Họ chỉ nói "phải lòng nhau" hay "ưng ý nhau", còn những lời lẽ nồng nàn sướt mướt có lẽ chỉ để thầm thì bày tỏ nơi chốn riêng tư. Bởi vậy mà trong tất cả bài bản hò giã gạo chưa bao giờ nghe thấy người xưa dùng từ "yêu nhau", chỉ thấy nói "đánh bụng nhau" hay "thương nhau" mà thôi.

Khi vào cầm chày giã gạo đối đáp, chàng trai luôn luôn xưng với cô gái bằng tiếng "qua", gọi cô gái bằng "bậu", "cô bậu", "cô nường". Từ "qua" (nghĩa là "tôi" hoặc "anh") là tiếng nhân xưng có sắc thái mật thiết, bình dân, cho đến ngày nay người ta vẫn còn dùng. Phần cô gái gọi người trai bằng "chàng" và xưng bằng "thiếp" (trong trường hợp hò chê bai công kích nhau, cô gái không xưng bằng "thiếp" mà xưng bằng "tui"). Nếu trai gái giã gạo hò đối đáp nhau xưng bằng "anh anh em em" sẽ bị bạn hò chê là sàm sỡ, lẳng lơ.

Về sau này khi người Pháp chính thức bảo hộ xứ Trung Kỳ (1885), giới đầm tây xuất hiện, lớp thị dân và con cái thuộc gia đình địa chủ giàu có theo tân học, thì cách xưng hô bắt đầu chuyển hướng. Người dân quê sống khoảng giữa thập kỷ 20 cũng tập quen từ từ lối xưng hô theo lớp thị dân, trai gái khi hò đối đáp suông đã dạn dĩ dùng tiếng "anh em" để gọi nhau.

Trong các bài bản hò giã gạo, tuy lời lẽ xưng hô chất phác quê mùa, nhưng nếu ta chịu lắng nghe, sẽ thấy tiềm ẩn trong đó những nét trữ tình tao nhã. Hãy nghe vài câu hò ví von tình tứ sau đây:

- Chàng trai:

Trước nhà dăm một hàng trầu

Mà sao chẳng thấy trồng cau cây nào

Lòng qua ước muốn bước vào

Xin cha cho phép phụ vét hào trồng cau

Mai kia cau lớn bên trầu

Trầu xanh cau tốt nương nhau kết nguyền.

- Cô gái hò đáp lại:

Thiếu cau mà chỉ dăm trầu

Bởi chưa tìm được giống cau để trồng

Quả như chàng có tốt lòng

Đem cau trồng giúp thiếp cảm lòng cho ai.

Hay:

Không mấy ai giàu ba họ

Không mấy ai khó ba đời

Nhìn bậu cắt cỏ đội nón cời qua thương.

Hay:

Nếu mà quyết kết đá vàng

Bụng chàng đã thực ai dám phụ phàng cùng ai

Chàng về thưa mẹ cậy ông mai

Kết duyên cầm sắt thiếp không sai chữ tòng.

Cái khung cảnh nông thôn thanh bình ngày xưa ấy vẫn đượm một màu sắc lễ giáo nhẹ nhàng, kín đáo, dường như những lớp sóng tình nóng bỏng khó làm vẩn đục tấm lòng trong sáng của đôi trai gái mới quen nhau.

III. CÁCH PHỤC SỨC KHI ĐI HÒ GIÃ GẠO

Ngày xưa người dân quê nghèo lắm, áo quần chi cần "ăn chắc mặc dày", từng nhà tự túc cán bông kéo chỉ dệt lấy vải sô để may quần áo. Theo lời các cụ thì sợi chỉ kéo từ bông vải to bằng cọng tăm, dệt thành khổ gọi là vải ta rồi đem nhuộm đen, lại có khi nhuộm bằng rễ cây dủ dẻ ra màu nâu sậm. Người dân nuôi tằm kéo tơ chỉ để bán chứ ít ai được dùng, ngoại trừ số người giàu có.

Ngày ấy có đoạn hò:

Ngó ra ngoài ruộng mấy lần

Thấy chàng ở trần bụng thiếp xót xa

Trở về lấy xấp vải ta

Cắt áo cổ giữa khuy tra mắt vàng

Biết ai nhờ gửi cho chàng

Để đêm khuya chàng bận lúc cơ hàn gió mưa.

Quần áo mặc khi đi tham dự cuộc hò giã gạo đều may bằng vải ta, màu sắc thông dụng là màu nâu sậm hay màu đen. Áo chỉ may một kiểu bà ba cổ kiềng, ống tay dài. Quần đàn ông lẫn quần đàn bà đều may đáy ngang, chứ không đáy giữa như ngày nay.

Nam giới lúc đi tham dự đám hò giã gạo muốn làm ra dáng lịch sự bảnh bao thường chưng diện như sau: Lọn tóc củ tỏi phải thắt chặt và bới cao lên gần đỉnh đầu, luôn cột chéo một chiếc khăn xéo để bợ đỡ lọn tóc phía sau. Chàng ta mặc bộ bà ba đen, quần đáy ngang không có dây thắt lưng hay dây thun như ngày nay, bởi vì khổ lưng quần rất rộng nên khi mặc vào

chỉ nắm hai chéo vải cuộn cho chặt mà thôi. Lại dùng thêm một khổ vải dài màu đen hay đỏ, thắt ngang lưng quần bên trong áo rồi thả lòng thòng phía trước cho ra vẻ cẩn thận kín đáo (lối phục sức thế này khi xưa gọi là "bận quần thả bù lương"). Cổ chàng trai quấn một chiếc khăn dài thả một trước một sau, chân đi đôi guốc vông, miệng luôn nhai trầu và ngậm cục thuốc rê dùng để đánh răng lận ở môi trên. Được như thế, khi đi "phó hội" hò giã gạo chắc chắn các cô gái sẽ khen chàng là người lịch sự thanh nhã.

Trong đám đi hát đối cũng có những anh chàng nghèo hơn, đi chân đất không mang guốc, đầu cũng cột cái khăn xéo để bợ lọn tóc củ tỏi phía sau (ngày xưa con trai đủ 18 tuổi gọi là tráng đinh phải bới tóc để râu, trẻ nhỏ thì chừa mỏ ác, lớn chút nữa thì chừa ổ cu ở đỉnh đầu, 15 tuổi bắt đầu để tóc dài chuẩn bị vào tráng đinh), trên vai luôn vắt chiếc khăn điều để lau miệng khi ăn trầu, vì thế các cô gái mới có câu hò:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ chàng hôm ấy khăn điều vắt vai.

Các chàng trai này phần đông hò hát hay đối đáp giỏi, lắm chàng ăn nói có duyên được các cô gái để ý rồi "phải lòng". Chỉ tội nghiệp chàng gia cảnh nghèo nàn nên bên cô gái chẳng thuận gả, để rồi chàng và nàng đành phải chịu cảnh "Sông Tương một dải nông sờ. Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia"!

Họ than thở với nhau bằng những câu hò giã gạo:

Chỉ vì cách trở bóng hường

Thỏ còn nép bóng liễu dương mơ màng

Lòng qua chỉ quyết đá vàng

Chắc rằng người cũ tìm đường thanh vân.

Các cô gái lúc đi hò mặc áo bà ba cổ kiền màu đen hay nâu, bên trong buộc chặt chiếc yếm, bình thường tai không đeo vàng mà đeo đôi bông búp bằng nhôm hay thau. Quần không mặc kiểu "thả bù lương" như nam giới, tóc bới gọn sau ót (con gái ngày xưa cũng không thả tóc thề, vừa lớn lên có tóc dài phải kẹp gọn hay bới, các bà mẹ khi tuổi về già thường để lại lọn tóc giả cho con gái bới chung vào mái tóc thiệt. Có khi một lọn tóc giả truyền cho nhau hằng ba thế hệ). Buổi chiều trước khi rủ nhau nhập cuộc hát hò, cô nào cũng chuẩn bị têm sẵn trầu cau, thuốc dún bỏ trong chiếc túi vắt gọn vào lưng. Ngày xưa phụ nữ có tục ăn trầu, nhuộm răng đen hạt huyền cho là đẹp, nếu cô nào để hàm răng trắng ngà thì thiên hạ chê là "răng ma", khi vào đám hát thường bị các chàng trai chế giễu:

Đêm nay sao có bóng ma

Hàm răng trắng xác theo người ta mà ngồi.

IV. CÁCH GIÃ GẠO TRONG CUỘC HÒ

Trong các cuộc hò giã gạo, ngoài đờn cò đờn bầu thì chày và cối cũng có thể coi là nhạc cụ. Bởi vì âm thanh phát ra từ nhịp chày giã vào cối làm nhịp chuẩn cho câu hát. Nếu không có tiếng chày nhịp dưới ánh trăng thì không còn gọi là cuộc hò giã gạo. Nhờ có khoảng cách của nhịp chày, điệu hát sẽ khoan thai.

Lúc bắt đầu vào cuộc hát, mỗi bên đối đáp có một người vào cầm chày, thông thường phải có một nam một nữ. Nếu vai chủ

nữ thì vai khách nam hay ngược lại. Cũng có khi hai bên đều là nam vì bài hò có nội dung hát nhân nghĩa thách đố chứ không hò giao duyên tình cảm.

Mỗi cuộc hò đều được tổ chức, chuẩn bị chu đáo. Ngoài mấy thúng gạo lức, vai chủ còn chuẩn bị sẵn vài thúng trấu, chờ khi gạo lức hết thì đổ trấu vào cối để giã, hầu giữ nhịp cho câu hò. Hai người giã thì gọi là *giã chày đôi,* ba người thì gọi là *giã chày ba,* có khi *giã chày chéo,* tức là hai người giã trái trả một lần hai cối gạo. Giã chày chéo chỉ dành cho thanh niên có sức khỏe và lanh lẹ vì thế cách giã này ít dùng đến.

Khi giã gạo ai vụng tay chạm chày vào thành cối, gạo bay tung tóe ra ngoài hay táng chày vào nhau sẽ bị bạn hò phê bình là nhịp chày "sống sít". Hai người hò phải nhìn vào nhau chứ không cúi xuống cối gạo hoặc nhìn nơi khác. Cái hay trong cuộc hò giã gạo còn ở diễn xuất trên gương mặt, giọng hò tùy theo nội dung bài bản vui hay buồn. Tuy nhiên đôi lúc chàng trai hò những câu, đoạn có chiều tình tứ lại thêm cái miệng cười thật duyên dáng thì cô nàng có thể bẽn lẽn cúi xuống cối hay nhìn bâng quơ nơi khác.

V. LỀ LỐI SINH HOẠT HÒ GIÃ GẠO

Ngày xưa đa số ruộng trên địa bàn huyện Ninh Hòa chỉ làm một vụ, chủ yếu là ăn nước trời. Vì thế mà công việc nông tang có phần nhàn rỗi. Trong thời gian này thanh niên ở các làng lân cận hay cách xa thường mời hẹn nhau những cuộc đối đáp hò giã gạo, như ngày nay ta gọi là giao lưu văn nghệ. Thuở ấy hai làng cách nhau trên dưới chục cây số là xa lắm, phương tiện

đi lại chủ yếu là đôi chân. Thế mà người ta vẫn náo nức đi hò hoặc không biết hò thì đi nghe hò, đi xem hò. Vì đi sinh hoạt hò hát cũng chính là đi để học hỏi những điều hay lẽ đẹp. Họ rủ rê nhau đi thành tốp, hầu hết là trai gái đang độ tuổi thanh niên, điều ấy chứng tỏ rằng làn điệu dân ca hò giã gạo có sức hấp dẫn lòng người lắm.

Nếu cuộc hò tổ chức riêng trong làng hay giữa hai làng liên cư gần gũi thì giới thanh nữ luôn luôn có mặt, còn như cuộc giao lưu ở các làng xa thì chỉ ưu tiên cho giới "mày râu" mới được lên đường "phó hội". Việc hẹn ước cùng nhau giữa thanh niên các làng đều do số "nghệ sĩ" cây nhà lá vườn tổ chức, đĩ nhiên phải thông qua vị lý trưởng (trưởng thôn). Các cụ tuy không đứng mũi chịu sào nhưng rất hâm mộ và hỗ trợ nhiệt tình. Trong những đêm sinh hoạt, tất cả trà thuốc nước non đều do các cụ tài trợ. Những cuộc hội ngộ này là dịp để thi thố tài năng từng cá nhân, mà làng xã của địa phương mình nếu có người xuất sắc thì cũng được tiếng ngợi khen. Trong trường hợp giao lưu với làng ở xa, số "nghệ sĩ" làng khách được mời tham dự toàn là thanh nam, thì "nghệ sĩ" thanh nữ của làng chủ sẽ đóng vai chính để đối diện cầm chày giã gạo hát đối đáp. Bởi hát giao duyên tình cảm phải có một nam một nữ, thanh nam làng chủ chỉ lo nhắc nhở bài bản hay ngồi ngoài hát đỡ hát vớt khi cô gái làng mình đối đáp có phần lúng túng. Chỉ khi nào hò hát tuồng tích thách đố cả hai bên thì giới thanh nam làng chủ mới trổ tài.

Đa số đề tài, bài bản hò giã gạo thường đặt sẵn, người nào dồi dào năng khiếu có thể đặt bài hát mới, trong đó có thể có câu chữ, điển tích, nói lái, chơi chữ để phe bạn bất ngờ bị lúng

túng, hoặc không đáp lại được. Điểm cao thấp hay dở là ở chỗ này. Trong cuộc giao lưu, nếu bên nào trò chuyện rủi sơ ý đặt sai điển tích hay sai câu chữ Nho vào bài hát để phía bạn phát hiện hát câu điều chỉnh sau đó thì bên hát sai cũng bị thua một phần. Bởi vậy khi cuộc hò tổ chức riêng trong làng thì người ta hò truyện tích không mấy e dè, nhưng khi ra khỏi làng "mang chuông đi đánh xứ người", rủi bất cẩn để chuông đánh "bị rè", lúc về làng sẽ bị các bậc bô lão rành hò hát biết chữ nghĩa khiển trách. Vì thế có câu:

Biết thời hát truyện hát tuồng

Dở thời hát mép để khỏi buồn lòng ai.

Một khi trai làng mình đi đối đáp với làng xa, điều tâm niệm là phải giữ lễ và khiêm tốn, nếu anh chàng nào tự thị hát "cà xốc", khi đi về sẽ dễ bị "ăn đòn". Hò hẹn gặp gỡ nhau mà hai bên biết giữ lễ, ăn nói đối đáp rào trước đón sau dĩ nhiên sẽ được hẹn mời trang trọng.

Thuở đó người ta cho rằng hay dở, tốt xấu, khôn dại thường hiện ra ở các đám hò giã gạo nên có câu hát:

Trai khôn tìm vợ đám đông

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

Trước đêm hò hẹn vài bữa, một số anh chị đầu đàn họp nhau lại chuẩn bị bài bản cũ và mới thật chu đáo. Họ phân công bao nhiêu người hát truyện, những ai hát mép, dự đoán những thanh niên làng bạn mời đến ai có sở trường đối đáp kiểu nào, ai là người lanh lợi giỏi nhất, thanh niên làng mình phải ứng phó đối đáp ra sao. Nhiều đám hò giã gạo lại mời riêng "thầy hò" hay

rước các anh chàng "dài lưng cẳng cao" cố vấn phía sau để gỡ gạc những chiêu bất ngờ của địch thủ.

Vai chủ chuẩn bị tất cả nhu dụng và đồ tiếp tân, đồng thời phải có vài cây đàn để hòa tấu cùng đàn của vai khách. Buổi chiều hôm ấy trong sân hoặc bãi đất trống, mấy chiếc chiếu rộng được trải ra ở đầu sân phía trong, dành riêng cho giới cụ ông vừa ngồi nghe mà cũng vừa làm trọng tài cân nhắc cho hai bên. Giữa sân đặt một cái cối giã, vài ba cái chày và nhiều thúng gạo lức do lối xóm đem đến. Hai đầu sân đối diện đều trải vài ba chiếc chiếu dành làm chỗ ngồi cho hai đoàn "nghệ sĩ". Lại còn có nhiều cây chuối được tề ngọn, gốc bằng phẳng, láng mượt đặt trong và ngoài sân dành làm chỗ ngồi cho bà con cô bác đến nghe.

Phần thanh niên làng khách được mời cũng cảm thấy vinh dự lắm, lòng mọi người náo nức lo âu, đã bao lâu học hỏi tập tành nay được dịp ra đi thi thố tài năng, ai ai cũng quyết lòng cố gắng. May thắng cuộc hay tương hòa trong sự ái mộ ngợi khen của làng bạn, lúc trở về làng thế nào cũng được các bậc trưởng thượng ngợi khen, có khi còn được thưởng vài lít rượu, đôi ba con gà giò. Rủi ra để bị "bại trận" thì trong đêm "ban sư" cờ rũ trống im, chắc chắn sẽ bị cười chê.

Bởi vậy khi nhận lời mời của thanh niên làng bạn, họ cũng họp nhau lại trước buổi chiều "xuất sư" vài ba bữa, tuyển chọn nhân sự, lựa lọc bài hát cũ lẫn mới, xếp đặt đề tài để hát và đánh giá tìm hiểu nhân sự làng bạn, lưu ý các điển tích và câu chữ thật chu đáo.

Một cuộc hò giã gạo thường trải qua ba chặng. Chặng đầu là *hò thăm hỏi, hò chào mời trầu.* Đây là giai đoạn làm quen,

tìm hiểu đối phương, rào đón và dò dẫm tình ý, tài nghệ. Lời hò phải thể hiện sự khiêm nhường, từ tốn, lịch sự. Chặng hai là *hò đối đáp, hò giao duyên.* Đây là giai đoạn chính của cuộc hò, hễ bên trai đố thì bên gái giải, bên gái gài thì bên trai gỡ. Lúc này cuộc hò trở nên sôi nổi, hồi hộp, gay cấn và hào hứng. Chặng cuối là *hò giã từ, hò tiễn bạn,* đôi bên giã từ nhau qua những câu hò nặng tình lưu luyến, cảm phục, thương nhớ, vấn vương.

Cuộc giao lưu đối đáp cũng có những quy luật dù rằng không quá bó buộc, như mở đầu cuộc hát (sau bài hát chào thông lệ), không xướng đối những bài oán than, thách đố mà căn bản là giao duyên thăm hỏi mời trầu, không dùng những bài thiếu nhi tiếu lâm. Bài hò hát sau không trùng lặp với bài trước, dù có biến thể "quá trớn" cũng phải gieo vần. Khi phe bạn hát đáp lại không được thì không được hát câu chế giễu triệt phá...

Thường người ta dùng câu:

Được thua cũng chỉ lẽ thường

Hơn nhau ở đạo nghĩa nhân mới là.

Bên thua hát hẹn lại bằng câu:

Khen thay bạn hữu tài ba

Tôi xin hẹn đáp chỉ là tuần trăng.

Khi trở về làng, bên thua sẽ tìm thầy chỉ dạy cho bài giải, sau đó mời hẹn nhau đáp trả nợ cuộc thua lần trước. Đêm hò cuối, lúc nào hai bên trai gái cũng trao đổi trầu cau thuốc dún cho nhau. Có nhiều cặp hò hát tương đắc "đã phải lòng nhau" và cắn chia hai miếng trầu cau để hứa hẹn. Lúc chia tay giữa đêm khuya, vai chủ tiễn chân vai khách đến đầu làng hay tận

bến sông, khách đứng bên đây sông, chủ đứng bên kia sông, hai bên dạo sẵn khúc đờn tống biệt cùng tiếp nhau hò giọng nhịp trùng.

Vai chủ xướng:

Mai sau đừng lỗi hẹn hò

Cây da còn đó bến đò còn đây

Vai khách ngân giọng đáp tạ:

Trăng kia dù khuyết hay đầy

Lòng ta vẫn vẹn đừng phai nghĩa tình.

Đêm càng khuya, trăng càng cao, đâu đây vẳng tiếng gà cầm canh xao xác, hai bên vẫn dùng dằng chân bước, ngoảnh mặt lại nhìn nhau lòng đầy nỗi mến tiếc luyến lưu.

VI. GIAI ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO VÀ DƯ ÂM

Trước đây hò giã gạo là thể loại sinh hoạt dân ca rất thịnh hành, phổ biến ở nông thôn Ninh Hòa. Cho đến những năm 30 thì chựng lại và có phần biến dạng, rồi đến năm 50 đi vào giai đoạn suy tàn, mai một và mau chóng rơi vào quên lãng. Sự mai một của điệu hò giã gạo Ninh Hòa, theo chúng tôi do có nhiều nguyên nhân:

- Trước khi người Pháp bảo hộ đất Trung Kỳ (1884), nhân dân sống trong cảnh thanh bình, mọi sinh hoạt trong đêm có tính chất tụ tập văn nghệ không bị cấm đoán. Suốt giai đoạn Cần Vương đến cuộc dân biến chống sưu thuế ở các tỉnh miền Trung, từ tỉnh Khánh Hòa trở vào không biến động

theo phong trào, do đó người Pháp cũng lơi lỏng phần nào sự cai trị. Nhờ vậy giai điệu hò giã gạo vẫn còn giao lưu sinh hoạt bình thường ở nông thôn. Tháng giêng năm 1908, cụ Trần Quý Cáp - một lãnh tụ của phong trào Duy Tân - vào làm giáo thọ phủ Ninh Hòa. Đến cuối tháng ba năm ấy cụ bị thực dân Pháp và Nam Triều bắt tội xử chém. Qua vụ việc này giặc Pháp nghi ngờ trong địa hạt đã có cơ sở của phong trào Duy Tân, chúng bắt đầu cấm đoán mọi cuộc tụ tập đông người về đêm nơi thôn dân. Điệu hò giã gạo bị chựng lại, những cuộc giao lưu hò hẹn giữa các làng với nhau không còn nữa. Chỉ còn những đêm hò lẻ tẻ trong lối xóm với chừng năm bảy người, vì thôn dân lúc này đều lo sợ, ít người dám đi lại dạy hò hát như trước đây. Cũng chẳng mấy ai nghĩ đến chuyện sáng tác thêm bài mới, hay có ý truyền đạt giữ gìn lại điệu hò.

Cuối năm 1908, các phong trào yêu nước ở miền Trung bị thực dân Pháp đàn áp dập tắt. Chúng điều tra biết tại phủ Ninh Hòa không có tổ chức nào đối kháng nên nới lỏng việc cai trị, không cấm ngặt sự đi lại tụ tập giao lưu văn nghệ. Thời gian này các cuộc sinh hoạt hò giã gạo được tổ chức trở lại nhưng không còn thường xuyên đều khắp như trước, bởi cái án chém ngang lưng của cụ Thái Xuyên vẫn còn lờn vờn trong trí nhớ của mọi người. Ai cũng e ngại, lo sợ, không còn hào hứng đi tham dự cuộc vui. Điệu hò giã gạo chỉ còn hoạt động cầm chừng ở nông thôn.

Năm 1916 tại Huế nổ ra cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân và các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên... Cuộc khởi nghĩa này có đường dây lan rộng đến các tỉnh Quảng Ngãi, Bình

Định, Phú Yên, giặc Pháp nghi ngờ các tỉnh phía Nam có tổ chức liên hệ nên thắt chặt lại việc cai trị về mọi mặt. Đến tháng 7 năm 1930 tại Ninh Hòa có cuộc biểu tình chống Pháp do Đảng Cộng Sản tổ chức. Đông đảo đồng bào các vùng Hòn Khói, Suối Ré, Xuân Hòa, Mỹ Hiệp, Phước Đa, Quang Đông... tập trung xuống đường kéo vào huyện lỵ khiến bọn nha lại hết sức kinh hoàng. Sau sự kiện này chính quyền thực dân Pháp lại càng ra sức đàn áp, kềm kẹp. Điệu hò giã gạo chịu ảnh hưởng nặng nề của những biến động xã hội cũng dần dần mai một, cho đến năm 1945 thì âm thầm cáo chung lùi vào dĩ vãng.

- Hò giã gạo là sinh hoạt văn nghệ tự biên tự diễn trong cộng đồng nông thôn, cứ xưa bày nay làm suốt mấy thế kỷ. Khi nông thôn còn sống trong cảnh chân lấm tay bùn, cái cối cái chày là những vật dụng cần thiết và thân quen thì sinh hoạt này còn có môi trường phát triển hay ít ra vẫn còn dây mơ rễ má để tồn tại. Đến khi xã hội chuyển mình, làn gió Âu hóa làm thay da đổi thịt bộ mặt xã hội, trong đó có nông thôn. Thanh niên nam nữ hầu hết ngả theo xu hướng mới lạ. Trong mắt họ các làn điệu dân ca (trong đó có hò giã gạo) là một cái gì quá quê mùa lạc hậu trước dòng tân nhạc mới ra đời có sức hấp dẫn lạ thường. Trong ngõ xóm đường làng, thay cho giọng hò hơ nhịp trùng, nhịp hai, nhịp bốn bên cối gạo giờ đây là tiếng ca "hò hơ gạo trắng trăng thanh" cũng rất tha thiết ngọt ngào của đôi tài tử Nguyễn Hữu Thiết và Ngọc Cẩm. Dân ca lúc này dường như không còn điểm tựa, như chiếc thuyền con từ từ trôi ngược dòng thời gian, chòng chành không có bến đậu, rồi mau chóng rơi vào quên lãng.

CHƯƠNG III

CHẤT LƯỢNG NGHỆ THUẬT VÀ TƯ TƯỞNG LUÂN LÝ TRONG ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO

I. CHẤT LƯỢNG NGHỆ THUẬT HÒ GIÃ GẠO

1. Nghệ thuật nói lái

Trong các làn điệu dân ca ở miền Trung thì điệu hò giã gạo có riêng nét độc đáo, đó là lối *nói lái* và *chơi chữ*. Tìm hiểu dân ca Ninh Hòa mà bỏ qua phương diện này là một điều thiếu sót lớn. Trước tiên chúng ta tìm hiểu cách nói lái trong hò giã gạo, sau đó qua thuật chơi chữ.

Nói lái thì dễ chừng ai cũng biết nói, nhưng sử dụng được cả hai mặt phải và trái của từ lái ấy sao cho có ý nghĩa riêng vào câu hò quả không phải dễ. Trong hò giã gạo có hai cách nói lái, tạm gọi là *nói lái trực tiếp* và *nói lái diễn ngữ*.

Nói lái trực tiếp là dùng cách đảo âm một từ hai âm tiết thành một từ có ý nghĩa khác.

Ví dụ:

Mụ Thị Mãnh *về làng* Thạnh Mỹ

Xuống Bình Tây *rủi gặp một* Bầy Tinh.

Nói lái diễn ngữ là lấy một từ Hán Việt diễn dịch ra tiếng mẹ đẻ, sau đó nói lái lại mới rõ ý.

Ví dụ:

Mắm nêm ăn với quả cà

Vắng anh Tử Trực *đâu mà biết ngon.*

Nghe qua câu hò này ta biết người ăn đang thèm ớt, bởi vì Tử Trực diễn dịch ra thành "con ngay", nói lái lại là "cay ngon".

Hay:

Bụi riềng trồng ở bờ ao

Chú Mộc Tồn *quấn quít ngày nào cũng xin.*

Nghe câu này hiểu ngay rằng ăn thịt chó (Mộc Tồn là "cây còn", nói lái lại là con cầy) phải cần có củ riềng.

Trong cuộc hò có sử dụng lối nói lái, nếu người hát thiếu chuẩn bị bài bản hay không lanh trí lợi khẩu thì khó đáp lại kịp thời. Dù nói lái theo lối hò truyện hoặc theo lối hò mép đều có cái dí dỏm hiểm hóc riêng, vì thế trong cái cuộc hò đối đáp, hai bên đều e ngại lối hò này. Muốn thắng phe bạn người hò phải tìm thầy cầu học. Các "cụ thầy" này phần đông rỗi việc ngồi không, suốt ngày nhâm nhi rượu trà cố tìm ra những câu hát bài hò hóc búa, để chỉ dạy cho "đám thân chủ". Khi đi giao lưu đọ sức đọ tài, nếu "đám thân chủ" thành công thì thầy sẽ được đám "nghiệp môn" bưng trà lá đến tung hô câu: "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư".

Sau đây là một câu hò lái mép:

Cô gái hò đối trước:

Sáng nay bà Cấu *đi tát đìa*

Bắt được một bầu cá *đem đìa kho măng*

Hỏi chàng có đáp được chăng?

Nếu không đáp được gọi thiếp bằng chị hai.

Và chàng trai hò đáp lại:

Lạ chi bà đó *không con*

Rủi bị bò đá *bệnh hơn bảy ngày*

Bệnh lành đi nhổ rau má *liền tay*

Rủi té ra máu *nằm ngay giữa đồng.*

Không phải bất cứ lúc nào hễ nghe phe bạn xướng đối lái lên là phe mình đáp được liền. Nếu như gặp hò đối lái mép còn có thể đáp trả ngay hoặc hẹn lại đáp lần sau (thường không được quá một tuần trăng tức 30 đêm) thì trường hợp gặp hò nói lái bằng truyện tích quá hiểm hóc gọi là *hò lái bí* ắt đành phải chịu thua, mà chính người đặt ra bài xướng đối cũng không giải được!

Xin lấy ví dụ một trích đoạn sau đây:

Có chồng Ngô Khởi *tài cao*

Vợ mừng ngơi khổ *sẽ thoát bao dãi dầu*

Khởi tham danh cao *mê công hầu*

Lấy dao canh *cổ vợ nào nhẫn tâm*

Đạo tào khang chàng giảng rõ để làm gương soi.

Đoạn trích dẫn trên gọi là hò lái bí, có nghĩa là câu hò lái bí hiểm không đường gỡ gạc được. Theo nguyên tắc của nghệ thuật hò lái đối đáp, khi phe bạn đối lái truyện thì phe đáp cũng phải hò đáp lái truyện, nếu như đáp lại bằng hò lái mép thì không được chấp thuận, hay hò đối bằng lái mép thì hò đáp lại cũng bằng lái mép.

Cũng tại câu hò lái quá hiểm hóc cho nên từ lúc nó ra đời cho đến khi hò giã gạo cáo chung chưa thấy có câu hò nào đáp lái cho tương xứng (Trường hợp câu hò lái bí này giống như câu đối của một nữ thi sĩ: *"Da trắng vỗ bì bạch"*).

Trong cuộc hò giã gạo, khi đến phần hò hát lái là sôi động và căng thẳng nhất. Ngày xưa các cụ còn đặt ra cách thưởng hò hát lái như sau: Trước mặt các cụ ngồi để một cái dĩa đựng trầu cau và thuốc hút quấn sẵn, khi phe nào thắng cuộc thì có một người lanh lẹ dáng dấp nói năng theo kiểu chú Hề, đến bưng dĩa trầu cau thuốc hút đi theo bộ bước một bước hai, đến đứng bán quỵ (nửa quì nửa đứng chân trước chân sau) và hô to giọng ái nam ái nữ:

Vâng lệnh làng lệnh lấy khai tiền,

Dâng trướng mã mời trầu ăn thuốc hút.

Thì người đại diện đứng dậy lễ phép hai tay lấy một điếu thuốc và một miếng trầu cau dún.

Lại cũng có mấy trường hợp vì cố ý nói lái để trả thù mà sau đó phải hối hận đau khổ cả đời, có khi con trai phải mất vợ hứa hôn.

2. Nghệ thuật chơi chữ

Nghệ thuật chơi chữ là một trong những nét rất độc đáo của văn học Việt Nam. Người dùng nghệ thuật này phải có sở học cao rộng cộng thêm năng khiếu bẩm sinh. Với tầng lớp dân quê ít học hành, thuật chơi chữ thường đậm nét dân gian, từ ngữ sử dụng không xa lạ cầu kỳ. Riêng hàng tri thức uyên thâm và đỗ đạt thì thuật chơi chữ cao siêu đặc sắc hơn. Người đọc hay nghe nếu không chú ý hoặc ít thông hiểu kinh sử văn chương sẽ khó nhận được thâm ý của người làm ra. Những giai thoại làng nho về tài năng văn chương của trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, tể tướng Đào Duy Từ, nữ sĩ Đoàn Thị Điểm... là những minh chứng cụ thể về nghệ thuật này.

Trong điệu hò giã gạo, người bình dân ưa sử dụng nghệ thuật nói lái vì lối vừa với trình độ hiểu biết của họ, còn người có trình độ cao hơn đọc hiểu thông thạo sử sách kinh truyện thì chơi chữ theo tuồng tích sử sách chuyển tải bằng ngôn ngữ bình dân.

Sau đây là một trích đoạn hò đối đáp có chơi chữ:

Xướng:

Hôm qua giờ Meo

Thiếp đi chợ Gò Miêu

Rao bán một con mèo

Mèo chưa bán được thiếp đói meo cả lòng

Xách mèo về gặp bác Bốn Mão ở Quang Đông

Bác hứa mua cho anh Chấn

Chỉ trong vòng tháng Hai...

Đáp:

Hôm kia giờ Tuất

Qua đến quán Cây Cầy

Đem tiền muôn mua con Cẩu choai choai

Mười Dư không bán chó chỉ đổi vài cái trứng non

Lũ khuyển thấy người lạ sủa càn

Hẹn tháng chín gió bấc qua sang bắt về.

Trong hai đoạn hò đối đáp trên, tác giả đã dùng cách chơi chữ theo chữ và số trong Kinh Dịch, một trong ngũ kinh của Trung Hoa (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu). Căn cứ theo kinh ấy xin nói lên các ý chính của tác giả câu hò:

Người hát đã lấy con chó đối với con mèo từ đầu đến cuối, dù cho dùng chữ và số có khác nhau như *Quang Đông, Chấn, tháng Hai, Mười Dư, cái trứng non, càn, tháng Chín, gió bấc* cũng không ngoài hai con vật mèo và chó. Hai con vật này rất gần gũi với người và được thương mến. Mèo thì tha thướt yểu điệu, nằm ngủ có dáng dấp hiền từ, chó thì trung thành, chung thủy không chê bỏ chủ dù cho chủ khổ nghèo. Mèo và chó rất thân thiết với nhau, mùa lạnh chúng ăn chung ngủ chung đùa giỡn rất vui vẻ, mùa nắng chúng gắt gỏng kình địch, ăn riêng, ngủ riêng cách biệt, dầu vậy cả hai đều trung thành phục vụ cho chủ tuyệt đối. Ấy là biểu tượng giữa vợ và chồng, có lúc tương sinh có khi tương khắc. Theo nguyên lý âm dương trong Dịch học, chính nhờ tương sinh cộng hợp, tương khắc mâu thuẫn chuyển tiếp mới sinh sôi con cháu, nẩy nở loài người.

Mèo có 5 tên gọi khác nhau là *Mẻo, Meo, Miêu, Mẹo, Mão,* vị thứ tháng trong một năm là tháng Hai (tháng giêng là Dần tháng hai là Mẹo...), tuần tự trong Bát Quái thuộc cung Chấn, định vị phương Đông.

Chó có 6 tên gọi là *Chó, Tuất, Muôn, Khuyển, Cẩu, Cầy,* vị thứ trong 12 con giáp là thứ 11 (Hợi 12), vị thứ tháng trong một năm là tháng chín, tuần tự trong Bát Quái thuộc cung Cản, định vị phương Tây Bắc (gió Bấc).

Hò giã gạo sử dụng từ ngữ "chọi" nhau như thế là chỉnh tề ở lối chơi chữ, nhưng chỉ tạm ăn khớp ở cú pháp. Sở dĩ nói "tạm" mà không nói "rất" vì các câu đối đáp không được dưới trên song song biền ngẫu.

Để rõ thế nào là trên dưới song song biền ngẫu, xin nêu ví dụ:

"Tới Mậu Thân từ rỡ vẻ tường vân, sông núi khắp nhờ công đãng địch.

Qua Canh Tuất lại tưới cơn thời vũ, cỏ cây đều gội đức triêm nhu".

(Tụng Tây Hồ phú của Phạm Huy Lượng)

Điều này chứng tỏ rằng tác giả câu hò trên tuy có hiểu biết chữ nghĩa kinh truyện, nhưng về nghệ thuật ca trù thi phú thì ít am tường.

Thêm một điểm ngộ nghĩnh nữa ở câu:

Mười Dư không bán chó

Chỉ đổi vài cái trứng non.

Đây là thuật chơi chữ rất khéo theo lối chuyển chú tượng ý trong Hán văn của người xưa, xin giải thích sau đây:

Đem con chó đổi lấy *"hai cái trứng non"* ngụ ý đổi lấy *"con mèo cái"* có chửa song thai. Theo Hán tự *mèo* tên chữ là *Mão,* nếu đặt hai dấu chấm vào giữa hai nét trái và phải thì nó biến ra chữ *"Noãn"* nghĩa là cái trứng gà vịt, hàm ý đổi cái sản phẩm của "con mèo cái" đẻ ra. Dấu chấm biểu tượng cho cái nhân tố mà người xưa gọi nôm na là "giọt mây mưa" hay "giọt máu". Bởi vậy tại Ninh Hòa xưa nay người dân thường nói câu tục ngữ "mèo đẻ trứng" là vốn xuất phát từ tự dạng Hán văn này.

Cả 2 đoạn đối đáp trên đều dùng theo Hậu Thiên Bát Quái, cô gái đối trước bằng con Mèo tên chữ là Mão hay Mẹo, thuộc quẻ đơn Chấn tượng là sấm chớp có hình dạng hai vạch trên đứt một vạch dưới dài, phương vị ở hướng Đông. Sở dĩ người xưa dùng tên làng Quang Đông mà không dùng những tên làng cùng vần như Tân Phong hay Tân Hưng vì rằng Quang Đông cũng có nghĩa là phương Đông. Kinh Dịch viết là: *Chấn ngưỡng bồn chánh đông đương mẹo,* ý nghĩa: quẻ Chấn hình cái chậu ngửa ở phương Đông thuộc mèo.

Tuy đoạn hò đối (xướng) quanh quẩn dài dòng, tựu trung lại chỉ có một con mèo yểu điệu tha thướt đáng yêu đó là con gái.

Chàng trai đáp lại bằng con chó, tên chữ là Cẩu hay Khuyển nằm ở vị trí thứ 11 chi Tuất. Theo Bát Quái, Tuất ở phương vị Tây Bắc thuộc quẻ càn tượng bầu trời hình ba vạch liền. Kinh Dịch viết là: *Càn tam liên tây bắc tuất hợi,* ý nghĩa: quẻ càn ba vạch liền ở vào hướng tây bắc thuộc Tuất Hợi. Mười Dư là vị

thứ 11 (cách gọi vị thứ con cái anh em trong gia đình tại Ninh Hòa), số thứ tự chi tuất và tháng chín thuộc vào tháng tuất. Cũng như đoạn hò đối của cô gái, chàng trai đáp lại tuy nói lòng vòng nào gió bấc, sùa Càn, Cây Cầy, tiền muôn... tựu trung lại cũng chỉ là con chó.

Còn một điều kỳ thú nữa: có lẽ ý của người xưa làm ra bài hò này không chỉ chơi chữ đơn thuần như đã trình bày ở trên mà còn có dụng ý *trùng quái* tức là chồng quẻ lên nhau để lý giải dạy dỗ đạo vợ chồng. Qua cách sử dụng dịch từ và lối cấu trúc ý tứ trong câu hò thì người xưa đã lấy quẻ đơn Chấn và quẻ đơn Càn luân phiên chồng lên nhau, tạo thành hai quẻ (quái) kép có trong Bát Quái để tỏ cái quan niệm tương đối trong lễ xướng tùy (ở đây không hề đề cập đến cách bói toán tử vi hay tà thuật xủ quẻ âm dương, bấm tay nhảm nhí).

Quẻ thứ nhất:

Cô gái hát ví con mèo thuộc quẻ đơn Chấn tượng hình lôi tức sấm chớp. Cô gái hò đối trước (xướng) dĩ nhiên làm chủ quẻ nằm ở bên dưới (hạ quái). Chàng trai hát ví con chó thuộc quẻ đơn Càn tượng hình thiên tức là bầu trời, hò đáp sau nằm ở bên trên (ngoại quái). Đem quẻ Càn chồng lên quẻ Chấn sẽ thành ra quẻ kép thứ 25 tên là Thiên Lôi Vô Vọng có tự dạng: ba vạch trên liền, hai vạch kế đứt, vạch dưới liền (1 trong 64 quẻ kép). Nghĩa tổng quát của quẻ này viết là: Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh. Ý nghĩa tóm gọn như sau: Câu hò dùng quẻ kép này có ẩn ý rằng trong gia đình có phương diện người vợ làm chủ như chủ túi tiền, chủ việc gia nương. Nhưng dù ở cương vị nào đi nữa người vợ cần phải giữ đúng đạo "tùy", không nên tự thị vượt quá lằn ranh

làm vợ, phải thuần phục Càn ở trên tức là chồng. Được như thế thì sẽ đón nhận đủ cả Nguyên Hanh Lợi Trinh tức là làm mới mẻ thông suốt từ đầu đến cuối, lại có danh tốt là trinh thuận và người chồng được thơm lây (*Vợ khôn chồng được mang giầy*).

Quẻ thứ hai:

Đoạn này chàng trai đến lượt mình làm chủ quẻ, ví là Tuất thuộc quẻ đơn Càn tượng hình thiên tức là bầu trời nằm ở bên dưới (hạ quái) còn đơn chấn nằm ở trên. Chồng quẻ đơn Chấn lên trên đơn Càn sẽ biến thành quẻ kép thứ 34 tên là Lôi Thiên Đại Tráng có tự dạng hai vạch trên đứt, bốn vạch dưới dài (1 trong 64 quẻ kép). Quẻ Đại Tráng viết là Lợi và Trinh. Ý nghĩa quẻ này như sau: người chồng (Càn) làm chủ việc gia đình cả bên trong lẫn bên ngoài đã vững vàng rồi, cần phải giữ gìn giềng mối phu xướng phụ tùy (chồng nói vợ nghe, cho cứng rắn tức là Đại Tráng (mạnh mẽ vững vàng). Không nên lỏng lẻo gia cang, rủi người vợ qua mắt làm chuyện không hay trong gia đình (*Nhất thời vợ dại trong nhà...*). Được thế gia đình phát đạt, vợ chồng hạnh phúc tức vẹn chữ Lợi Trinh.

Vì sao người xưa lại đem cái lý cao sâu khó hiểu của Kinh Dịch lồng vào câu hò hát để thuyết minh đạo vợ chồng, như vậy có ích chi! Có lẽ do cái ý cầu kỳ, nhân chơi chữ bằng từ ngữ Kinh Dịch rồi ẩn ý diễn quẻ trong câu hò luôn, chỉ để cho những ai đọc hiểu Kinh truyện biết thêm để tìm nguồn vui tinh tế trong câu hò, chứ không cần phổ cập ý nghĩa cho người bình thường. Bởi giới bình dân ít chữ đã có nhiều bài hò khác dạy luân lý rồi.

PHỤ CHÚ: MỘT VÀI GIAI THOẠI VỀ NGHỆ THUẬT CHƠI CHỮ

• Hai bài thơ ghép chữ sau đây của đôi bạn học lâu ngày gặp nhau.

Cụ thứ nhất đối:

Hòa hỏa tâm sầu mễ thả thô

Ngôn thân thốn tạ cổ tân cô

Lập mộc kiến thân môn khẩu vấn

Tây thị không phiêu cổ nguyệt hồ

Cách ghép như sau:

Ba chữ Hòa, Hỏa, Tâm ghép thành chữ Sầu là buồn rầu, hai chữ Mễ, Thả ghép thành chữ Thố là sơ sài quê mùa.

Ba chữ Ngôn, Thân, Thốn ghép thành chữ Tạ là từ tạ, hai chữ Tân, Cổ ghép thành chữ Cô là tội lỗi.

Ba chữ Lập, Mộc, Kiến ghép thành chữ Thân là gần gũi, hai chữ Môn, Khẩu ghép thành chữ Vấn là hỏi cầu.

Ba chữ Tây, Thị, Phong ghép thành chữ Phiêu là gió bay, phiêu lưu, hai chữ Cổ, Nguyệt ghép thành chữ Hồ là xa xôi.

Cụ thứ hai đáp lại:

Hòa mễ nhi nhu thủy khả hà

Nhật sanh gia đẳng cát gia gia

Thiệt cam tâm khể ngôn phong phúng

Tháo bạch vi hòa mã đại đà.

Cách ghép như sau:

Ba chữ Hòa, Vũ, Nhi ghép thành chữ Nhu là gạo nếp, hai chữ Thủy, Khả ghép thành chữ Hà là con sông.

Ba chữ Nhật, Sanh, Qua ghép thành chữ Đẳng là cân tiểu lượng dùng để cân vàng, hai chữ Cát, Gia ghép thành chữ Gia là tốt.

Ba chữ Thiệt, Cam, Tâm ghép thành chữ Khế là nghỉ ngơi, hai chữ Ngôn, Phong ghép thành chữ Phúng là đùa cợt.

Ba chữ Thảo, Bạch, Vi ghép thành chữ Hoa là bông hoa, hai chữ Mã, Đại ghép thành chữ Đà là con lạc đà.

Lối ghép chữ trong bài thứ nhất biểu lộ hoàn cảnh của một người sống nghèo khổ, đang có tâm trạng buồn bã, chia cách, cô đơn. Các chữ ghép trong bài thứ hai có ý nghĩa trái lại là biểu lộ ra cái no đủ, thảnh thơi, an vui, giàu có.

• ĐẠI ĐIỂM QUẦN THẦN

Nguyễn Văn Tâm lập nội các làm thủ tướng Nam Kỳ Quốc (nước Nam Kỳ), trong một dịp ghé thăm phủ Ninh Hòa, cuộc nghênh đón được tổ chức rất trọng thể, đã không ít kẻ a dua, nịnh bợ đến khom lưng, tung hô chật trong, chật ngoài. Bỗng có một cụ già dáng quắc thước ăn mặc chỉnh tề (có lẽ không phải người ở Ninh Hòa) xin đến mừng tặng cho tấm liễn có bốn chữ thật to: *Đại Điểm Quần Thần* (nghĩa đen của bốn chữ đại tự này là: Trong đám thần tử, Tâm là số một).

Tâm mở ra xem câu chúc tụng, đúng là nét chữ rồng bay phượng múa ít có trên thế gian. Y tươi cười gật đầu vừa ý và cho

tùy viên cất giữ. Khi vào Nam Kỳ Quốc, Tâm cho treo tấm liễn ấy ở chỗ trang trọng nhất để khoe với mọi người biết rằng mình được dân Ninh Hòa suy tôn. Sau đó mấy ngày có người "xì" ra cho vợ Tâm biết rằng bốn chữ kia có ý xỏ xiên miệt thị, bởi Đại Điểm Quần Thần dịch sát và đủ chữ là "Chấm to bầy tôi" nói lái lại là "Chó Tâm bồi Tây". Tâm hổ thẹn và giận tái người, liền điện cho viên quan phủ Ninh Hòa tìm nã tên "thủ phạm", nhưng cụ già kia đã biến mất.

Chữ Quần lại có ý xỏ xiên thêm, bên trái là chữ Quân ám chỉ cha con Bảo Đại, bên phải có chữ Dương ám chỉ Tâm vì Tâm tuổi Mùi cầm tinh con "dê xồm", hàm ý vua trong vua ngoài đồng lòng làm bồi cho Tây. Câu chuyện này sau đó được lan nhanh ra khắp nước. Báo chí hồi đầu thế kỷ có đăng nhưng không ghi rõ xuất xứ từ Ninh Hòa.

• QUỶ SỨ CHẲNG TINH

Đầu năm 1908 cụ Thái Xuyên Trần Quý Cáp vào làm giáo thọ phủ Ninh Hòa. Bọn quan lại Nam Triều rất ghét cụ, bởi cụ khinh bỉ chúng và chống Tây. Ít tháng sau tri phủ Điện Bàn là Trần Văn Thống mật báo vào tỉnh Khánh Hòa cho bố chánh Nguyễn Văn Mại và án sát Phạm Ngọc Quát biết rằng cụ Trần có can dự vào phong trào biểu tình chống thuế ở Quảng Nam. Mại và Quát hạ lệnh bắt cụ Trần. Tên tri huyện Tân Định (Ninh Hòa ngày nay) là họ Lê lúc đó ở ngay tòa tỉnh biết được liền "phỗng tay trên" viên tri phủ Ninh Hòa, vội vàng về dẫn lính đến bắt cụ Trần tại nhà giao cho cấp trên. Chúng giải cụ đến làng Thanh Minh (Diên Khánh) xử chém ngang lưng. Sau vụ lập công này tên tri huyện họ Lê được thăng tri phủ. Tên này là

người rất tham lam, hà khắc, ăn hối lộ nổi tiếng, khi hắn được thăng chức tri phủ, dân chúng Tân Định mừng rằng con ác quỷ này sẽ đổi đi nơi khác. Ai dè hắn lại đi đáo nhậm nhiệm sở tại phủ Ninh Hòa và biến thành con chằng tinh. Đáo nhậm ít ngày, một buổi sáng trước cổng phủ đường Ninh Hòa bỗng xuất hiện hai câu đối, chữ lớn viết trên giấy trắng tựa như hai câu đối đi phúng đám ma, nội dung như sau:

Tân Định hữu duyên thiên quỷ sứ

Ninh Hòa vô phước đáo chằng tinh.

Nhiều người qua lại đứng xem rồi bàn tán, bình luận. Tri phủ Lê hay được vô cùng tức giận nhưng không thể làm gì, hắn biết đây là đòn trả thù của nhân dân Ninh Hòa vì tội ác của hắn trong vụ án cụ Trần.

3. Chất trữ tình trong ca từ

Không phải vì cái mộc mạc bình dân của người nông thôn mà trong câu hò điệu hát thiếu nét trữ tình duyên dáng. Tình yêu giữa trai và gái ở thời đại nào cũng vậy, sự rung cảm của con tim cũng như sự cảm nhận nơi ánh mắt vẫn có những sắc thái giống nhau. Nó chỉ khác nhau ở ngôn từ hoặc ở cách biểu lộ, diễn đạt qua lối giao tế.

Trong xã hội ngày nay, ngôn ngữ cử chỉ giữa trai gái yêu nhau phần nhiều quá lố lăng sống sượng, nhiều khi còn trái với thuần phong mỹ tục. Lại còn có lời thơ câu hát đầy tính chất bụi bặm, diêm dúa, không biết tại sao vẫn được công khai diễn xuất lưu hành. Thời xưa, ngôn từ cử chỉ trong giao tiếp giữa các đôi

trai gái luôn có phần tế nhị dè dặt. Khi gặp gỡ trò chuyện, dẫu chỉ có riêng hai người, dẫu tình cảm giữa họ nồng nàn đến mấy thì hầu hết vẫn lấy lễ nghi, danh dự làm mực thước. Nói như thế không có nghĩa là trái tim người dân quê ngày xưa sần sùi chai đá, tuy nhiên cái lãng mạn trong tình cảm, dù thể hiện qua ngôn ngữ cử chỉ, luôn luôn kín đáo, lẩn khuất sau lối ví von bóng bẩy. Họ sợ sự sỗ sàng trong tình yêu cũng như rất sợ vượt qua hàng rào lễ giáo. Bởi thế trong câu hò bài hát thường hàm ý ẩn dụ xa xôi, người hát người nghe cảm nhận được tình yêu trong trắng mượt mà ấy sẽ thấy thích thú và trân trọng hơn.

Chính cái trữ tình sâu sắc trong ca từ càng làm phát sáng nét yêu đương tao nhã của người xưa. Lối ví von để diễn đạt cái rạo rực của con tim đang yêu đương sao mà kín đáo, sao mà khéo quá. Trong lần sơ ngộ người ta bày tỏ tình cảm chỉ bằng những miếng trầu cay, điếu thuốc quấn giấy tơ hồng, nhịp chày trong cối gạo trắng giữa đêm trăng thanh... thế mà vừa hàm chứa vừa biểu lộ ý tứ tha thiết nồng nàn như những câu hò hát sau đây:

Vào nhà thiếp mời miếng trầu cay

Giữa quệt vôi đỏ bỏ khay ngô đồng

Thuốc ngon quấn giấy tơ hồng

Mời tô nước lượt (lọc) mát lòng khách xa.

Tục ngữ có câu "miếng trầu là đầu câu chuyện", người con gái muốn tâm sự cùng chàng trai bằng cách mời thuốc mời trầu ngụ ý tỏ cho chàng biết rằng lòng mình vốn chung thủy sắt son. Trầu của nàng không quệt vôi trắng, bởi vì mầu trắng của vôi biểu tượng cho sự bạc tình bạc dạ (giống như câu thơ nữ sĩ họ Hồ: *Đừng xanh như lá bạc như vôi!*), mà nàng chỉ quệt vôi đỏ

biểu tượng sự sắt son chung thủy. Mời trầu để trong dĩa đã là lịch sự rồi, ở đây nàng lại còn bỏ trầu vào khay ngô đồng - một loại khay khảm xa cừ quý giá, hàm ý người vợ hiền trang trọng hai tay nâng khay ngô đồng ngang mày mời trầu đấng phu quân (cử án tề mi). Nàng cũng không mời nước trà, ngụ ý rằng nước trà có màu không thuần khiết, lại có thể thay màu theo thời gian, còn nước lọc trắng trong tinh khiết, dầu cho vật đổi sao dời nước vẫn không hoen ố. Đó là biểu tượng cho lòng thủy chung trinh tiết của nàng. Cô gái còn ví von khéo léo hơn khi mời bạn trai hút thuốc "quấn giấy tơ hồng", đó là niềm mong ước cho tình yêu sớm đến hồi kết thúc tốt đẹp.

Bốn câu hò trên cho ta thấy tình cảm cô gái thật tha thiết mặn nồng, thế nhưng không hề thấy một từ ngữ yêu đương nào được nói lên cả, mà chỉ là lòng hiếu khách lịch sự mời đãi nhau.

Hay những câu hò ví von sau đây:

Thiếu cau mà chỉ dăm trầu

Bởi chưa tìm được giống cau để trồng

Nếu mà ai đó tốt lòng

Đem cau trồng giúp mấy công cũng đáp bồi.

Người con gái đã gởi gắm tâm trạng cô đơn của lòng mình vào mấy câu hò ấy. Nàng cô đơn có lẽ vì còn kén chọn thăm dò, nàng không vội vàng, thiếu cân nhắc để sau này khỏi hối hận. Nỗi đợi chờ chọn lựa được ví von rằng chưa tìm được giống cau vừa ý để trồng. Đến nay mắt xanh gặp được "ý trung nhân", nàng gợi ý ngay cho chàng trai biết là sẽ đáp bồi công lao của người đem "giống cau" tốt trồng giúp nhà nàng. Phải chăng

nàng đáp trả công lao cho chàng trai trẻ trồng cau ấy bằng cả một cuộc đời trinh trắng thủy chung của nàng. Nàng gợi ý giao tình mà không sợ mang tiếng "cột tìm trâu", bởi nàng chỉ thụ động sau khi "con trâu tơ" chủ động đi "tìm cột" đâu đây.

Bài hò có quê mùa mộc mạc đấy song ý tứ sâu lắng, nó ấp ủ gói ghém tiếng tơ lòng xinh xắn dễ thương, một lối giao duyên yêu đương chỉ cảm nhận và bắt gặp bằng nhịp tim ánh mắt.

Khi cô gái bóng gió gởi gắm tình ý qua câu hò, vốn đồng cảm tương liên, chàng trai hiểu được nỗi cô đơn của nàng. Bằng những lời lẽ lịch sự kín đáo, chàng tiến đến gần trái tim của nàng hơn và hai trái tim đã xao xuyến trùng nhịp đập. Dầu vậy, mặc cho "sóng tình dường đã liêu xiêu", chàng đâu dám "có chiều là lơi". Chàng cũng âu yếm ví von đáp lại lời lẽ tao nhã:

Cau qua ương giống mới vào thu

Đến nay chưa có đất đâu để trồng

Bậu mà thấu được đáy lòng

Qua thưa cha mẹ sang sông thăm nhà.

Người có đất tốt màu mỡ lại thiếu giống, kẻ có giống tốt nảy mầm ngay tiết lập thu thì thiếu đất, cách ví von nơi đồng quê khi xưa thật lãng mạn trữ tình, hỏi người có chất thơ chất tình ai mà không thích thú!

Ở một bài khác, chàng trai muốn tỏ tình cùng cô gái, dù chỉ có hai người đứng đụt mưa và chăn trâu giữa đồng, chàng vẫn giữ phong cách đàng hoàng chứ không dám buông lời sàm sỡ theo kiểu "mèo mả gà đồng" mà cất giọng hò rằng:

Qua ngồi đụt mưa trong chòi Đất Lớn

Nhìn lên Nghi Phụng

Thấy bậu che nón đứng chận trâu

Qua đây đã có sẵn trầu

Rủi quên đem dún đem cau để dùng

Cô bậu có dún cau không

Trầu qua xin đem đến mình nhai chung cho ấm lòng.

Qua bốn câu hò trên ta thấy chàng trai vừa dè dặt, vừa lãng mạn. Dè dặt ở chỗ "xin" đem đến chứ không dám tự tiện mang đến, chàng cũng không thể nói quên đem cả trầu cau hóa ra "ăn nhờ" trơ trẽn, mà chỉ nói quên đem hai thứ là cau, dún mà thôi. Mượn cớ thiếu hai món ấy sẽ dễ đến gần nàng để ngỏ lời tâm sự. Giả sử không được cô gái "bắt mắt" thì chàng cũng đỡ phần mắc cỡ, còn nếu may mà cô gái đồng ý "cho dún cho cau" thì chàng sẽ lấy trầu mình ra và mời nàng "nhai chung". Trong câu hò, các từ "mình" và "nhai chung" sao mà tình tứ lãng mạn quá! Đọc đến các câu hò này ta thấy cái duyên quê nó ướt át tươi trẻ mãi trong ngôn ngữ bình dân.

Ngày nay đôi tình nhân sang trọng ngồi bên nhau uống nước, thấy cũng có nét đẹp trong tình yêu đấy chứ! Thế mà ngày xưa đôi trai gái đứng giữa đồng dưới đám mưa ngâu, biết lịch sự mời "nhai chung" miếng trầu cho ấm lòng. Hai hình ảnh tuy khác nhau, một bên thì vóc dáng văn minh thời thượng, một bên thì nghiêm túc trong bộ áo bà ba cổ kiềng, nhưng lại giống nhau ở cái "chung" giữa con tim, khung cảnh ấy chỉ có hai ánh mắt, hai tâm hồn, hai trái tim, nhưng cùng một ý tưởng là yêu nhau.

Văn chương trong điệu hò giã gạo rất đẹp, rất sáng dù được chuyển tải bằng lớp ngôn ngữ bình dân. Nó không lộng lẫy giống như các loại hoa lai ghép muôn hương muôn sắc ngày nay mà đơn sơ, bình dị như loài hoa vạn thọ trong vườn, tuy không cạnh tranh chen lấn với muôn hoa nhưng vẫn được trân trọng mãi mãi trong ngày xuân dân tộc.

4. Một thoáng lẳng lơ trong điệu hò giã gạo

Giai điệu Hò Giã Gạo mà có ý tứ lẳng lơ sao!? Thưa rằng có, nhưng chỉ thấp thoáng mơ màng như làn sương mỏng ban mai hay ánh sao trong đêm trăng sáng. Không thể dùng ánh mắt hay sự cảm nhận thông thường để biết được, mà phải có tâm hồn "thể ngộ" hay nói nôm na là "suy diễn" thì mới hiểu, mới thấy. Đến lúc cảm nhận được rồi thì nét thấp thoáng lẳng lơ kia không còn trần tục thô thiển nữa, mà trở nên thanh cao, thoát tục, như khi ta cảm nhận được vẻ đẹp lung linh thầm lặng của hạt sương mai buổi sáng, khi ánh mặt trời vừa chiếu rọi.

Đứng trước hạt sương mai ấy, nếu tâm thức ta không cảm nhận nổi là viên kim cương để thưởng thức, thì nó chỉ là hạt sương mai bình thường, còn tâm thức ta cảm nhận được cái lấp lánh ngàn tía muôn hồng được phát ra từ ấy, bấy giờ trước mắt ta là viên kim cương quý giá tuyệt đẹp.

Cái ý tứ lẳng lơ trong dân ca Ninh Hòa khi hò hát lên, nó không hề động chạm đến thuần phong mỹ tục, bởi nó thanh thoát vượt ra ngoài vòng tục lụy trầm kha, và cho đến mãi mãi về sau nó vẫn còn nguyên vẹn tâm hồn trong ngọc trắng ngà của cô thôn nữ. Nó không giống như lời thơ Trung Hoa, diễn đạt

tâm hồn của người chinh phụ sao mà lẳng lơ lộ liễu quá. Chúng ta thử tìm hiểu và so sánh để thấy được cái ý tứ đẹp của giai điệu dân ca quê hương chúng ta.

Nếu ai đọc qua tập *Đường Thi Tam Bách Thủ* của Trung Hoa, chắc hẳn không thể quên hai câu thơ ngũ ngôn luật:

Thiếu phụ kim xuân ý

Lương nhân tạc dạ tình.

Nghĩa là suốt cả mùa xuân năm nay, nàng thiếu phụ lúc nào cũng tưởng nhớ lại tất cả những giờ phút ái ân chăn gối bên người chồng. Còn người chồng nơi biên ải xa xôi đêm hôm trước thức trắng năm canh say sưa ôn lại bao cuộc giao cảm nồng nàn bên người vợ. Đã có người thoát dịch:

Xuân nay thiếu phụ tình man mác

Đêm trước chinh phụ ý tuyệt vời.

Hai câu thơ vỏn vẹn chỉ có năm chữ mỗi câu, thế mà diễn tả hết được tâm tình, hoàn cảnh, thời gian của cả đôi chinh phu chinh phụ. Hai câu thơ thật tuyệt diệu hàm súc, với tình cảm dạt dào. Khi đọc qua hỏi ai sao khỏi xót thương tội nghiệp cho hai bạn trẻ. Tuổi còn xuân trẻ, chuỗi ngày êm ấm chăn gối chưa được bao lâu, thế rồi chinh chiến xảy ra cả đôi vợ chồng son sẻ trở thành đôi chinh phu chinh phụ. Họ cách xa nhau vạn dặm, người ở đầu sông Tương kẻ ở cuối sông Tương cùng sống trong cảnh cô đơn lạnh lùng thương nhớ. Cả hai tìm gặp nhau chỉ còn biết truy hoan cùng nhau trong tư tưởng.

Tuy nhiên ở đây ta thấy người chinh phụ của Tàu sao mà lẳng lơ lộ liễu quá, tại sao suốt cả một mùa xuân chẳng dành

riêng những thời gian nào đó để cho tâm hồn hưởng được bao hương âm sáng sùa thanh cao, mà cứ mãi say sưa đắm chìm trong bao cuộc truy hoan ảo tưởng! Trong khi người chinh phụ của Việt Nam chỉ biết chăm chú:

Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.

(Chinh Phụ Ngâm)

Các cụ Việt Nam ta thời phong kiến, ít khi viết nên những tâm hồn quá tục lụy như thế. Cho nên hai câu thơ Đường trên kể về mặt thi ca thì hay tuyệt, còn về mặt vẽ nên một tâm hồn đoan trang thuần mỹ của người phụ nữ thì kém lắm. Giả sử thi nhân phương Bắc chỉ cho nét lẳng lơ ấy mờ nhạt ẩn ẩn hiện hiện, phải dùng giác quan suy diễn để cảm nhận được, có lẽ rằng nàng chinh phụ kia cũng đáng thương và tuyệt đẹp cả tâm hồn.

Trong thi ca dù thi ca bác học cổ điển hay bình dân, khi phương diện trữ tình lãng mạn được diễn đạt quá dạt dào chan chứa, ắt sẽ hiện ra những ý tứ lẳng lơ. Nó chỉ khác nhau ở chỗ từ ý bóng bẩy kín đáo hay phơi bày mà thôi. Ví dụ như truyện Thúy Kiều là một áng văn chương bác học, dù vậy cụ Tố Như không biết vô tình hay cố ý (có lẽ cố ý thì đúng hơn, vẫn để bộc lộ những ý tứ cử chỉ lẳng lơ lơi lả. Như sự lẳng lơ của Thúy Kiều:

Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ

Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.

Hay:

Nàng rằng khoảng vắng đêm trường

Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.

Hoặc:

Sánh vai về chốn thư hiên

Góp lời phong nguyệt nặng nguyền non sông.

Và sự lả lơi của Kim Trọng:

Sóng tình dường đã liêu xiêu

Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.

Cũng như ánh mắt sàm sỡ tò mò của Thúc Sinh lúc Thúy Kiều đang tắm:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên.

Trong xã hội phong kiến, trai gái có kiểu cách như thế là "bạo" đấy! Thời ấy mà vẽ nên cơ thể người phụ nữ bằng giọng thơ ướt át lãng mạn quá trớn chắc chắn sẽ bị thiên hạ cho là xúc phạm đến thuần phong mỹ tục. Do vậy đã có câu răn đe:

Đàn ông chớ đọc Phan Trần

Đàn bà chớ đọc Thúy Vân Thúy Kiều.

Còn sự lẳng lơ trong điệu hò giã gạo khác biệt thế nào? Để tìm hiểu chúng ta hãy nghe vài câu hò đối đáp giữa đôi trai gái giã gạo đêm trăng khi xưa:

Cô gái xướng:

Hôm qua giờ Mẹo

Thiếp đi chợ Gò Miêu

Rao bán một con mèo

Mèo chưa bán được thiếp đói meo cả lòng

Xách mèo về gặp bác Bốn Mão ở Quang Đông

Bác hứa mua cho anh Chấn

Chỉ trong vòng tháng hai

Hết tháng hai sao chẳng thấy ai

Chàng mà đáp được thiếp theo ngay chân chàng.

Chàng trai thấy cô gái quá chủ quan bèn liến thoắng hò đáp lại ngay:

Cô bậu nghe qua đáp đây

Hôm kia giờ Tuất

Qua đến quán Cây Cầy

Đem tiền muốn mua con cẩu choai choai

Mười Dư không bán chó chỉ đổi vài trứng non

Thấy người lạ lũ khuyển sủa càn

Tháng chín gió bấc qua sang bắt về

Lời đáp nghe cũng xuôi bề

Thôi thôi ta hãy chung ghe thuận dòng

Bậu ơi! đừng có trớ lòng vòng

Sắt cầm ta kết thủy chung hảo cầu

Về nhà thưa cha mẹ đuôi đầu

Kiềng đồng qua sắm lễ bỏ trầu nàng đeo

Bậu đừng vội nói đi theo

Để qua bưng kỉnh tiền cheo cho làng.

Ở Ninh Hòa cách đây bảy tám chục năm về trước, trong làng xã chẳng ai dám bán mèo chó, họ sợ nếu mua bán hai con vật này thì chuyện làm ăn sẽ gặp rủi ro thất bại, đã thế còn bị người chung quanh chê cười rủa sả, vì thế mua bán mèo chó đã trở thành một tục cấm kỵ (sau này người Ninh Hòa biết thưởng thức món "mộc tồn" và món "thỏ đồng" cũng như dạn dĩ bán mèo chó là kể từ khi có sự hiện diện của người miền ngoài di cư đến địa phương sinh sống). Thế mà ở đây lại có cô gái xách mèo đi chợ rao bán. Câu hò đặt chuyện "mèo đẻ trứng" không bao giờ xảy ra hẳn có ngụ ý.

Rao bán mèo ở đây chỉ là lối nói ẩn dụ bóng bẩy của cô gái sợ trôi qua cái tuổi xuân xanh, nên khéo ví von úp mở đi "chào hàng" chút duyên xuân sắc.

Theo quan niệm Đông Phương thì mèo thoát thai từ con thỏ trắng, tháng Mẹo còn gọi là tháng thỏ. Nếu ai có đọc qua các sách Ngọc Hạp Thông Thơ của khoa tử vi bói toán, thì sẽ thấy bài "Hùm sổ rọ, thỏ giỡn trăng..." để tính ngày tháng kiết hung. Thỏ giỡn trăng ý chỉ ngày Mẹo hay tháng Mẹo. Thỏ trắng còn là biểu tượng cho mặt trăng như trong câu: "Kim ô tự tiễn bạch thố như phi" nghĩa là mặt trời thoáng nhanh như mũi tên bắn, mặt trăng lướt qua như bay, ví von thời gian đi qua chớp nhoáng. Mặt trăng trong truyền thuyết của người Trung Hoa là cung điện của Hằng Nga tức là biểu tượng cho phái đẹp.

Như vậy con mèo trong câu hò giã gạo chính là hình ảnh của cô gái. Trong đoạn đầu cô gái giả đò làm cao, đoạn tiếp theo bộc lộ thâm ý của cô gái mong có được một bóng tùng quân để nương tựa. Bởi vậy cô kín đáo đem con mèo ra làm biểu tượng cho mình. Cô thôn nữ buồn lòng vì chút duyên của cô chưa có

ai chịu để ý. Cụm từ "đói meo cả lòng" không phải là đói bụng do thiếu ăn, mà cô nàng đang cô đơn, đang "đói tình" đấy thôi! May thay "con mèo" xinh xắn kia đã có bác Bốn Mão hứa mua cho anh Chấn rồi. Mua mèo cho con trai không phải là loài mèo bắt chuột, bác ta thật tình mua tuổi Mẹo của cô gái.

Nguồn vui vừa chớm thế rồi cô lại buồn chán ngay, bởi người ta hẹn tháng hai sang đặt lễ "rước mèo", nhưng rồi có thấy cha con anh Chấn nào đến đâu! Đúng là người ta hứa cuội hứa lèo và "con mèo" vẫn chưa có chủ. Cô thôn nữ càng lo lắng cho cái tuổi xuân qua nhanh, đêm nay may gặp được ý trung nhân, cô đo lường được lòng chàng, nên dám nói thách đố:

Chàng mà đáp được thiếp theo ngay chân chàng.

Cô gái có thật quá chủ quan trong câu hò của mình mà đánh giá thấp sự linh hoạt của chàng trai ấy không? Bên ngoài rõ ràng nàng chủ quan đấy, nhưng bên trong chẳng qua mượn cái lớp chủ quan để che kín ý muốn gợi tình cảm vậy thôi. Vả lại qua mấy câu hò đầu chàng trai đã tỏ ra lịch lãm nhạy bén, thì câu hò nói khích này chẳng qua gián tiếp bật đèn xanh cho chàng trai biết, nếu đáp được nàng sẽ "theo ngay". Bởi nàng tin rằng câu hò tuy hóc hiểm, nhưng chàng trai sẽ đáp được.

Đúng là cô thôn nữ Ninh Hòa khi xưa rất giỏi thuật "lộng giả thành chân", người ngoại cuộc không cùng nhịp đập con tim thì dễ gì thấy, dễ gì hiểu cái hư hư thực thực ấy!

Bây giờ ta mới thấy cô gái trong điệu Hò Giã Gạo rất khéo tạo ra một tấm màn thấp thoáng mờ ảo để che giấu sự lẳng lơ. Giả sử cô không tỏ tình được bằng lối ví von ẩn dụ ấy, thì ý lẳng

lơ của cô còn tệ hơn sự lẳng lơ của nàng chinh phụ trong thơ Đường và cũng không thua gì nét lẳng lơ của nàng Thúy Kiều. Bởi vì nàng chinh phụ trong thơ Đường đáng thương kia chỉ đắm chìm truy hoan trong ảo tưởng với chồng mình, chứ nào có phải ngoại tình tư tưởng đâu, cũng như nàng Kiều chỉ lẳng lơ với tình quân đã kết ước từng thề non hẹn biển, còn cô gái trong điệu hò giã gạo chẳng lẽ mới gặp bạn trai lần đầu tiên đã khát tình đến độ giao bán cái duyên của mình rồi sao? Không đâu, cô thôn nữ Ninh Hòa tinh tế kín đáo lắm, cô có thể thương hại cho nàng chinh phụ và nàng Kiều cũng cùng phận nữ nhi mà hai nàng kia quá lộ liễu, kẻ ngoài nhìn vào đã biết ngay. Còn cô khéo thu mình nhỏ lại chui vào trong "cái kén" lễ giáo, nhìn vào ai cũng chỉ thấy bao lớp tơ tằm óng mượt. Cô không dại gì tự mình vội vã hóa bướm, cứ để mặc cho người kéo chỉ quay tơ rồi hóa bướm giúp cô. Một thoáng lẳng lơ trong giai điệu hò giã gạo là thế.

Về phần chàng trai, khi nghe qua câu hò đã quá hiểu ý cô gái, đang cô đơn gặp cảnh đồng hội đồng thuyền liền ngỏ ý ngay nhưng vẫn ví von lịch sự. Để đối đáp tương xứng giữa hai bên, chàng trai dí dỏm cho cô gái biết rằng chủ con chó không chịu bán bằng tiền, ông Mười Dư chỉ muốn giao chó đổi lấy vài cái trứng vịt hay gà còn non (cái ý tinh nghịch dí dỏm này đã phân tích ở trên).

Dù biết thâm ý của cô gái nhưng chàng vẫn giả vờ trổ ngọt vài câu để cô nàng khỏi ngượng:

Lời đáp nghe cũng xuôi bề

Thôi thôi ta hãy chung ghe thuận dòng.

Nhưng chàng không thể dịu ngọt mãi được, biết đâu "vị hôn thê" của chàng sẽ được thể làm cao "được đằng chân lân đằng đầu" nên chàng khéo làm ra vẻ đạo mạo kiểu quân tử Tàu mà sửa lưng ngang:

Bậu đừng vội nói đi theo

Để qua bưng kỉnh tiền cheo cho làng.

II. TƯ TƯỞNG LUÂN LÝ TRONG ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO

Người xưa sáng tác điệu hò giã gạo chắc không chỉ dành riêng cho giới trai gái hát giao duyên tình cảm mà còn có mục đích là đem luân lý vào điệu hò để giáo dục, di dưỡng tánh tình mọi người sống sao cho hợp lẽ phải. Từ đứa trẻ mới biết tập tành hò hát cũng đã cảm nhận phần nào là lễ nghĩa hiếu thảo, đến người thành niên luôn luôn ghi khắc lễ nghĩa luân thường vào lòng mà hành xử phải đạo với mọi người. Nếu chỉ dùng đạo lý uyên thâm của thánh hiền giảng suông có lẽ cũng khó thâm nhập một cách nhanh chóng, nhẹ nhàng vào lòng người, thế nhưng biết dùng những câu hò tiếng hát để giảng dạy luân lý đạo đức ắt người ta sẽ thích nghe thích học hơn. Từ đó trong lời ăn tiếng nói việc làm của thôn dân luôn lấy lễ nghĩa làm mực thước. Đạo vợ chồng, nghĩa bằng hữu, tình anh em, chữ trung với vua chữ hiếu với cha mẹ... đều có sẵn trong điệu hò giã gạo.

Một trong những nội dung luân lý chuyển tải qua các câu hò giã gạo là đề cao lòng hiếu thảo. Trong các cuộc giao lưu, qua đêm thứ hai các đôi nam nữ thường hát phần "hiếu nghĩa vi tiên".

Ví dụ:

Cầm cần câu cá liệt xuôi

Nấu canh rau bợ mà nuôi mẹ già.

Hai câu này có ý nghĩa thật sâu sắc, cá liệt là loài ở biển, còn rau bợ chỉ mọc ở ruộng nước làng quê, lá mỏng hơn tờ giấy, tìm hái đủ rau này để nấu cho được một tô canh không phải là chuyện đơn giản, đòi hỏi phải có sự cộng tác của đôi vợ chồng. Người xưa làm ra câu này là để dạy bảo con dâu phải tận tụy nuôi nấng mẹ cha, và nó đã đi vào kho tàng ca dao của Ninh Hòa mà ở làng quê thường dùng để hát ru con cháu.

Hoặc:

Được thân làm kiếp người ta

Cù Lao ơn ấy như là núi sông

Nhớ ai đội gạo dặm trường

Thương ai nặng hiếu dứt lòng chôn con.

Hoặc:

Ít lời nhắn nhủ cùng ai

Song thân phụ mẫu ái hoài xiết bao

Gẫm câu cúc dục cù lao

Biết sao trả đặng công lao nghĩa dày.

Để dạy bảo vợ chồng ăn ở với nhau phải có nghĩa nặng tình sâu, hò giã gạo có những câu nhắn nhủ đơn sơ mà vô cùng cảm động:

Tay bưng dĩa muối chấm gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng phụ nhau.

Hay:

Nắng mưa chẳng ngại dãi dầu

Chữ trinh thiếp để trên đầu có trời coi.

Để nói lên lòng keo sơn sắt đá của người vợ khi xa cách chồng thì:

Xa chàng thiếp thệ sắt son

Biển sông dù cạn cũng không sờn tình ta.

Cũng có những câu nhắc nhở con dâu phải giữ trọn đạo hiếu đối với cha mẹ chồng như:

Dù cho bão tố ngặt nghèo

Nuôi cha mẹ yếu thiếp không nao tấc lòng.

Trong câu hò giã gạo, hai yếu tố ái tình và lễ nghĩa luân lý phải song song như hai cánh của con chim, lễ nghĩa luân lý luôn luôn chi đạo nghiêm túc cho ngôn ngữ cử chỉ của ái tình, nhờ vậy mà cái tình cảm mộc mạc đơn sơ ở phương diện nào cũng cao thượng.

Sau đây là một đoạn hò đối đáp:

Chữ ngũ luân thật quá cao sâu

Quân thần ngãi trọng dám đâu sai lời

Phụ tử tình nặng chớ phai

Phu thê tấm cám trọn đời phải thủy chung

Chữ tín đạo của kim bằng

Thương người Tôn Tẩn giận thằng Bàng Quyên.

Để nhắc nhở con gái lớn phải giữ hạnh kiểm nết na thì:

Con gái lớn phải giữ đạo này

Quen chàng thời đặng nhưng không vô nhà

Thiếp còn sợ mẹ sợ cha

Đi đường thẳng lối về nhà trình thưa.

Hoặc lời nói đoan trang của cô gái lúc đối diện với chàng trai:

Phận thiếp là gái đâu dễ thường tự tung

Thiếp nghe có đạo tam tòng

Chỉ học tùng nhất chưa thông tùng nhì.

Nhiều câu hò còn nhắc nhở mọi người ăn ở cho lương thiện, làm ác sẽ bị báo ứng của ông Trời:

Trời cao báo ứng không lầm

Ác giả thì bị họa thâm đó bạn vàng.

Hay:

Chuyện đời ác giả họa thâm

Lịch sự thầm dễ ở, hổ ngươi thầm khó quên.

Điệu hò giã gạo vừa như những nhát búa riu phán xét sự bội nghịch bất trung của một số nhân vật trong lịch sử để trừng giới cho ngày nay, vừa như những tiếng nhã nhạc ca ngợi nết hay, lòng cao thượng của cổ nhân để làm gương sáng cho người đời

sau. Chính nhờ đó người dân quê tuy ít học nhưng vẫn có thể hiểu biết thêm được chuyện xưa tích cũ, bổ túc cho kiến thức hạn hẹp của mỗi người.

Đây là câu hò phê phán kẻ bất trung:

Giận cho lũ Tạ Thiên Lăng

Bất trung soán đoạt ngai vàng Tề Vương.

Còn đây kể tội kẻ bất nhân bất nghĩa:

Chuyện xưa Ngô Khởi ác tâm

Bất lương giết vợ để làm nguyên nhung.

Nhưng trời đâu có thứ dung

Về sau Ngô Khởi vận cùng bị xé thây.

Những kẻ phản bội cũng bị mỉa mai bêu xấu:

Nếu còn nặng nghĩa thủy chung

Qua xin bậu nhớ cái gương vợ Mãi Thần

Kìa như người Võ Thể Loan

Tích xưa kẻ ấy ai còn thương chi.

Biết chê kẻ xấu nhưng cũng biết khen người tốt có tấm lòng chung thủy nghĩa nhơn:

Thương nhau chàng nhớ lời này

Hãy chê Ngô Khởi học nơi Bá Lý Hề.

Ca ngợi kẻ trung thần quyết tử có câu:

Cảm thương Khương Linh Tá liều mình

Quân thần trọn đạo tử sinh không màng.

Khen tặng lòng nghĩa khí thủy chung của ba anh em Lưu - Quan - Trương có câu:

Trời cho thề ấy được thành

Nghĩa trung sắt đá sử xanh không mờ.

Một số câu hò giã gạo có nội dung luân lý nay đã biến thành ca dao thường nghe hát ru ở miền quê như:

- Cầm cần câu cá liệt xuôi

Nấu canh rau bợ mà nuôi mẹ già.

- Tay bưng dĩa muối chấm gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng phụ nhau.

- Mai sau đừng lỗi hẹn hò

Cây da còn đó con đò còn đây.

Dù cho trăng khuyết hay đầy

Lòng ta vẫn vẹn chớ phai nghĩa tình.

Lại có câu hóa thành tục ngữ:

- Đừng nên bẻ ách lộn nài

- Tiếng đồn cha mẹ anh hiền

Cắn cơm không bể cắn tiền bể hai.

CHƯƠNG IV

NHỮNG CÂU HÒ GIÃ GẠO SƯU TẦM ĐƯỢC Ở HUYỆN NINH HÒA

I. HÒ CHÀO MỜI TRẦU VÀ GIAO DUYÊN

Chặng đầu của một cuộc hò giã gạo là những bài hò chào với nội dung thăm hỏi, tìm hiểu đối phương, rào đón và dò dẫm tình ý, tài nghệ. Lời hò khiêm nhường, từ tốn và lịch sự. Tiết tấu khúc chiết, gãy, gọn với tốc độ dồn dập, sôi động theo nhịp chày hai (hai người giã) hoặc chày ba (ba người giã).

BÀI 1

Bài hò này giã nhịp chày ba, hai nàng và một chàng.

- Cô gái 1:

Hò ơ hò...

Tôi xin chào lớn trước nhỏ sau

Chào người bạn mới may đâu tương phùng

Đường xa cách trở mấy sông

Mến tình nặng nghĩa dốc lòng đến đây

Dễ đâu gặp được dịp này

Tôi xin mời miếng trầu cay gọi là

Rằng nghe chàng giỏi hò ca

Đêm nay mong đặng nghe qua giọng hò.

- Cô gái 2:

Xin chào anh bạn tổng bên

Nhịp chày mình sẽ làm quen trong câu hò

Trước tiên thăm hỏi nơi nhà

Hai thân tóc hạc da gà[1] *có khỏe không?*

Băng sương chẳng quản đường trường

Mới hay tri kỷ tìm đường tri âm.

- Chàng trai:

Vừa nghe thục nữ ướm lời

Lòng mừng gặp gỡ đặng người ước mong

Trước xin chào các bà các ông

Cùng cô chú bác sau chào chung bạn mình

Dẫu rằng đường sá gập ghềnh

Bởi chưng nặng nghĩa trọng tình mà đi

Nhịp chày qua[2] *đáp bạn nữ nhi*

Mẹ già đã yếu cha thì tuổi cao

---

(1) Tóc hạc da gà: Người già tóc trắng như lông hạc, da dủn như da gà.
(2) Qua: Tôi

Khi đi cha mẹ dạy mấy điều

Gặp người hiền đức ghi vào giữa tâm

Nay biết ai là bạn tri âm

Nhờ nàng chỉ giúp mối tình thâm sau này.

- Cô gái 1:

Biết chàng lòng vốn đa mang

Thiếp xin làm mối hai nàng ở bên sông

Sanh đôi cô chị tên Tam tòng[1]

Cô em tên Tứ đức[2] *má hồng còn xuân*

Qua sông chàng hỏi nhà ông Ngũ luân[3]

Mai này chàng đến một lần thử sao.

- Cô gái 2:

Hai cô rất kén bạn đời

Kén nhân kén ngãi kén người thủy chung

Không kén ruộng đất vàng ròng

Nếu chàng thấy đủ đạo luân thường[4] *ghé chơi*

---

(1) Tam Tòng: Ba điều phải theo của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, đó là: khi còn ở nhà phải theo cha, khi đi lấy chồng phải theo chồng, khi chồng chết thì phải theo con trai.

(2) Tứ Đức: Bốn đức hạnh tốt của người phụ nữ, đó là: giữ mình trinh tiết, ăn nói đàng hoàng, dáng điệu dịu dàng, chăm chỉ khéo léo.

(3)&(4): Luân thường: gồm Ngũ luân (đạo vua tôi, đạo cha con, đạo vợ chồng, đạo bằng hữu, đạo anh em) và Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).

Hai cô chàng chọn một người

Chị em thiếp thật dạ tỏ lời mối manh.

Chàng trai:

Giọng hò làm mối trắng trong

Chắc cô Tứ đức, Tam tòng cũng gần đây

Luân thường nhà qua có đầy

Nhắn hai cô qua sẽ chọn ngày rào thưa.

- Cô gái 1:

Sao chàng lòng quá đa đoan

Chị em rào hết thì nghĩa nhơn ở chỗ nào

Hãy nên tính lại xem sao

Nếu không chàng sẽ khó rào đặng ai

Chàng trai:

Qua đâu bẻ ách lộn nài(*)

Chị ra phần chị em thời phận em

Chỉ e giống quá dễ lầm

Luân thường có sẵn đâu dám vượt tầm lễ nghi.

(*) Bẻ ách lộn nài: Con trâu đi bên *thá* (bên trái) vượt cái ách qua bên *dí* (bên phải), ngược lại con trâu đi bên *dí* lộn dây nài (dây choàng cổ) sang bên *thá,* ám chỉ hạng người tráo trở, gian dối.

BÀI 2

- Cô gái:

Hò ơi hò...

Chim bay mỏi cánh chim sà

Chàng có qua sông Cái[1] mời vào nhà thiếp chơi

Vào nhà mời miếng trầu cay

Giữa quệt vôi đỏ bỏ khay ngô đồng[2]

Thuốc ngon lại quấn tơ hồng[3]

Mời tô nước lược[4] mát lòng khách xa.

- Chàng trai:

Nhà bậu[5] ở tận làng xa

Muốn đi qua đó phải bước qua nhịp cầu

Trước nhà dăm một hàng trâu

Mà sao chẳng thấy trồng cau cây nào

Lòng qua ước muốn bước vào

Xin cha cho phép phụ vét hào trồng cau

---

[1] Sông Cái: Không phải sông Cái ở Diên Khánh - Nha Trang. Sông này phát nguyên từ núi Vọng Phu chảy qua Dục Mỹ rồi đổ vào sông Dinh ở Ninh Hòa.

[2] Khay ngô đồng: Khay khảm xà cừ có hình cây ngô đồng, thường dùng để mời trầu, rượu khi có khách quý.

[3] Tơ hồng: Giấy tơ hồng - một loại giấy xưa dùng để quấn thuốc hút.

[4] Nước lược: Nước lọc.

[5] Bậu: Cô/em, tiếng xưng hô chàng trai gọi cô gái trong cuộc hò.

Mai kia cau lớn bên trầu

Trầu xanh cau tốt cùng nhau kết nguyền.

- Cô gái:

Thiếu cau mà chi dăm trầu

Bởi chưa tìm được giống cau để trồng

Nếu như ai đó tốt lòng

Đem cau trồng giúp mấy công cũng đáp bồi

Chi e cau đã vun nồi[1]

Mà chàng nhổ gốc đem nơi khác trồng

Gương xưa nặng nghĩa tào khương[2]

Nếu mà đem đến uổng công đem dề(về).

- Chàng trai:

Bậu ơi qua chỉ đất mà thề

Chỉ trời làm chứng qua không hề dối đâu

Cau qua ươm giống mới vào thu

Đến nay chưa có đất đâu để trồng

Bậu mà thấu được đáy lòng

Qua thưa cha mẹ sang sông thăm nhà.

---

(1) Vun nồi: Khi cây trồng đã lớn, lấy đất đắp tròn chung quanh như cái nồi để tưới nước.

(2) Nghĩa tào khương: Đọc đúng là *tao khang* (nghĩa đen *tao* là bã rượu, *khang* là cám), chỉ người vợ lấy lúc còn cám bã nuôi nhau (lúc còn hàn vi) thì không thể bỏ nhau được.

- Cô gái:

Chàng về cuốc đất trồng cau

Thiếp xin trồng ké dây trầu một bên

Mai sau cau nọ lớn lên

Trầu kia ra lá mới nên vợ chồng.

BÀI 3

- Chàng trai:

Hò ơ hò...

Không mấy ai giàu ba họ

Không mấy ai khó ba đời

Gặp bậu cắt cỏ đội nón cời[1] qua thương

Mới quen sao thấy lòng vấn vương

Trầu cau qua mời bậu xin đừng ngại chi

Nhà qua mái rạ phên che

Lát nữa cô bậu đi dề(về) ghé thăm

Mẹ già tóc điểm hoa râm

Trở trời trái gió bà ăn nằm không yên

Mẹ trông qua gặp được bóng thuyền quyên[2]

Bà nhìn tận mặt chết cũng thỏa nguyền mà thôi

---

[1] Nón cời: nón rách

[2] Thuyền quyên: Xinh đẹp, dịu dàng, chỉ người phụ nữ đẹp.

Bậu thương qua trong cảnh mồ côi

Mời bậu miếng trầu nữa qua thêm vôi cho nồng

Nhà qua chị gái có chồng

Cũng không em gái bậu đừng vội lo

Mẹ lo chuyện mả chuyện mồ

Mong qua sớm nối tự đồ[1] tổ tiên

Số trời nên được làm quen

Nếu phải duyên nợ ta kết nên vợ chồng.

- Cô gái:

Con gái lớn phải giữ đạo tòng

Quen chàng thời đặng nhưng không vô nhà

Thiếp còn sợ mẹ sợ cha

Đi đường thẳng lối về nhà trình thưa

Mẹ chàng đạo đức chan hòa

Thương thiếp thời hãy mời bà dạm thăm

Trên cha cùng mẹ nhất tâm

Phận thiếp là gái bụng thầm nghe theo

Chàng về lo đủ tiền cheo[2]

Tiền cưới lấy lệ nghèo khổ bao nhiêu thiếp cũng tùng.

---

[1] Nối tự đồ: Con trai nối dõi tông tộc.

[2] Tiền cheo: Tiền nộp lễ cho làng trước khi rước dâu. Hủ tục này về sau được bãi bỏ.

BÀI 4

- Chàng trai ngỏ ý hò:

Hò ơ hò...

Qua ngồi đụt mưa trong chòi đất Lớn

Nhìn lên Nghi Phụng[1] thấy bậu che nón chận trâu[2]

Qua đây đã có sẵn trầu

Rủi quên đem dủn[3] đem cau để dùng

Em bậu có dủn có cau không

Trầu qua xin đem đến, mình nhai chung cho ấm lòng.

- Cô gái:

Tôi chận trâu cũng liệu thời liệu tiết

Trong tháng bảy đã biết có mưa ngâu

Ra đồng đem đủ trầu cau

Đủ thuốc đủ dún lọ[4] cầu đến ai

Giữa đồng rủi gặp mưa dai

Trầu cau sẵn có mà nhai cũng ấm lòng.

Chàng trai:

Trời mưa bậu đứng giữa đồng

Nón che không được đôi má hồng bị tạt mưa

---

[1] Đất Lớn, Nghi Phụng: Địa danh ở xã Ninh Phụng, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Chận trâu: Chăn trâu

[3] Dủn: Vỏ cây *man* trên rừng lột ra phơi khô đập cho mềm rồi cắt ra thành miếng nhỏ để nhai trầu.

[4] Lọ: Chẳng cần

Ngồi đây qua thấy xót xa

Áo tơi[1] *qua phải đem ra cho nàng*

Thà qua chịu lạnh phũ phàng

Bậu mà thấm ý đây sẵn sàng dầm mưa.

- Cô gái:

Cảm ơn người quân tử tốt lòng

Thấy thiếp đứng lạnh giữa đồng mà thương

Một lời nhân ngãi vấn vương

Mười hai bến nước khó tường đục trong

Còn như chuyện thắt chỉ hồng[2]

Thiếp không dám hứa dẫu lòng vẫn thương

Nơi nhà cha mẹ không dễ thường

Áo tơi đâu dám giữa đường nhận ngang

Thì thôi chàng hãy rõ ràng

Trong nhà cha mẹ ngoài họ hàng phải hay

Một ngày gặp gỡ nhau đây

Hôm nào chàng hãy coi ngày lên chơi.

---

(1) Áo tơi: Xưa người thôn quê dùng lá *buông* trên rừng chằm thành áo để che mưa.

(2) Thắt chỉ hồng: Chỉ việc kết duyên vợ chồng.

BÀI 5

Bài hò này giã nhịp chày ba, một chàng và hai nàng.

- Chàng trai hò trước:

Hò hơ hò...

Đêm trăng qua sông Lốt[1]

Nghe tiếng giã gạo thùng thình

Lắng nghe giọng chị em mình

Cho xin vào chung giã

Để tỏ chút tình bên nay sông.

- Cô gái giả đò đỏng đảnh làm cao:

Cối này gạo giã gần xong

Đủ chày đủ bạn chứ không thiếu người

Chị em tôi xin hỏi đôi lời

Nơi nhà gạo không giã qua ngồi chi đây

Rủi mà bà chị bả[2] *hay*

Tam bành[3] *bả nổi anh trở xoay thế nào?*

- Vừa mới chân ướt chân ráo bước vào ngỏ lời, nghe cô gái xướng chàng trai cứ tưởng rằng các cô gái không ưa mình đã rào trước đón sau, chàng trai vội phân trần:

---

(1) Sông Lốt: Phát nguyên từ núi Đá Bàn chảy vào sông Dinh (Ninh Hòa).

(2) Bả: Bà ấy

(3) Tam bành: Cổ thư Trung Quốc viết có ba ác thần thường trú bên trong con người hay xúi giục người ta giận dữ, làm bậy là Bành Cư, Bành Chất, Bành Kiện.

Em bậu ơi! Đừng nói tầm phào

Qua đây chưa vợ ông trời cao chứng lòng

Đêm nay trăng sáng bên sông

Qua mong chung giã gạo cùng với ai

Lòng này chỉ một không hai

Bậu nên nghĩ lại đừng phụ lời của qua.

- Thật ra các nàng chỉ giả đò rào đón đó thôi, chứ đã biết tỏng chàng trai chưa vợ. Cô lớn hò:

Nghe chàng bày tỏ thật lòng

Dì em nó nói lòng không hẹp gì

Cối này chàng tiếp giã đi

Cùng nhau chung giã cho đầy thúng thôi.

- Chàng trai nghe qua lòng mừng khấp khởi liền bộc bạch:

Dưới trăng vàng sáng tỏ

Qua xin nói chuyện sách vở thánh hiền

Ông Tô Tần(*) lạc bước long vân

Vợ còn hắt hủi quên ân lạt tình

Chuyện đời kim cổ phân minh

(*) Tô Tần: Người đời Xuân Thu chiến quốc (430-256 trước CN), là một thuyết khách có tài nhưng không được vua Tần trọng dụng, khốn cùng quá nên quay trở về nhà nhưng bị vợ hắt hủi, bạc đãi. Bèn quyết chí học thêm rồi lại lên đường du thuyết, sau đeo ấn Tể tướng sáu nước. Khi về, vợ vừa sợ vừa thẹn phải bò bằng hai đầu gối ra ngõ đón ông.

Tấm gương để sẵn răn mình về sau

Gẫm lại tích xưa

Qua mong sao gặp bạn tâm đầu

Kết người ý hiệp khổ nghèo cũng vui

Tình trong gạo cũng trắng rồi

Trầu cay mời bậu nhận lời của qua.

- Cô gái hò đáp lại:

Gặp nhau dưới ánh trăng vàng

Gạo giã chưa trắng mà chàng vội tuông(*)

Nói sách vở sao pha chuyện luông tuồng

Phận thiếp là gái sao dễ thường tự tung

Thiếp nghe có đạo tam tùng

Đã học tùng nhất chưa thông tùng nhì

Giã gạo chàng lật đật làm chi

Gạo giã cho trắng hầu khi được nhờ.

- Chàng trai đã hiểu ý cô gái úp mở mách nước đi cho chàng nên không ngần ngại nói thật lòng mình:

Qua giã gạo nhưng thiếu người sàng gạo

Nay lấy ai phụ trả hiếu đạo cho mẹ già

Bậu ơi! Hiểu cảnh tình qua

(*) Tuông: Dùng hai tay đùa gạo ra từ cối giã.

Đi sớm về tối mẹ già chơi dơi (vơi)

Có câu xuân đáo nhất thời[1]

Tòng phu đúng lúc để kịp thời xuân xanh

Qua xin thề dưới trăng thanh

Kết ước được bậu quyết vẹn tình phu thê.

- Thấy chàng trai vừa lịch lãm vừa nói năng chân thật, cô gái đã phải lòng nói lại ngay:

Nếu mà quyết kết đá vàng[2]

Bụng chàng đã thực ai dám phụ phàng cùng ai

Chàng về thưa mẹ cậy ông mai

Nếu phải duyên nợ đó đây tao phùng

Tay bưng dĩa muối chấm gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng phụ nhau.

II. HÒ KỂ TRUYỆN TÍCH NHÂN NGHĨA

Xưa, những đêm hò giã gạo đối đáp truyện tích nhân nghĩa rất được bà con nông thôn Ninh Hòa ưa thích, bởi ý nghĩa từng câu từng đoạn thường đậm nét đạo lý cương thường.

Bài dưới đây do hai chàng trai hò đối đáp:

---

(1) Xuân đáo nhất thời: Tuổi xuân chỉ đến một lần.

(2) Đá vàng: Do chữ Hán *kim thạch* (*kim* là kim khí dùng để đúc chuông, đỉnh; *thạch* là đá dùng để tạc bia), chỉ sự bền vững, không thay đổi; ở đây ám chỉ chuyện vợ chồng, chuyện trăm năm.

- Chàng trai 1 hò trước:

Hò ơ hò...

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ

Thiên hạ hà nhân bất thức quân[1]

May sao gặp bạn tình thân

Ta cùng học hỏi nghĩa nhân mới là

Nhớ tích xưa

Thương thay cho kẻ quạt mồ[2]

Ghét thay cho kẻ cầm vồ tháo săng[3]

Chuyện đời lấy đó làm răn

Tôi thưa anh bạn đạo hằng ở đâu?

- Chàng trai 2 đáp:

Hò hơ hò...

Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm

Bất thị thi nhân mạc hiến thi[4]

---

[1] Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ/ Thiên hạ hà nhân bất thức quân: 2 câu này xuất xứ từ bài "Biệt Đổng Đại" của Cao Thích đời nhà Đường, nghĩa là: "Đừng buồn nơi đất khách không bạn tri kỷ/ Trong thiên hạ ai người chẳng biết anh".

[2] Quạt mồ: Trong sách Nam Hoa kinh của Trang Tử có chuyện một lão trọc phú ích kỷ sợ sau khi chết cô vợ trẻ đi lấy chồng khác nên lo dặn trước là phải chôn xác lão nơi đất có mạch nước nhỉ, rồi bắt cô vợ ở luôn bên cạnh quạt cho đến khi nào mộ lão khô mới được đi lấy chồng!

[3] Cầm vồ thảo săng: Cũng trong sách Nam Hoa kinh của Trang Tử có chuyện một người đàn bà ngoại tình, chồng chết chưa kịp chôn đã cầm chày vồ phá quan tài để khoét mắt chồng giao cho tình nhân!

[4] Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm/ Bất thị thi nhân mạc hiến thi: 2 câu này nghĩa là: Gặp người kiếm khách mới nói chuyện kiếm pháp với họ/ Đừng nên nói chuyện thi ca với kẻ không biết làm thơ.

Cảm ơn người bạn tương tri

Tôi biết chi nói nấy đỡ thì vài câu

Đạo hằng ở tại trên đầu

Thân gầy cõng mẹ phiêu du tìm chồng

Lóc thịt mình dâng mẹ no lòng[1]

Quỷ thần cảm động mà không hại nàng

Ai kia kết nghĩa kim bằng

Bởi ganh tài đức chặt chân bạn hiền[2]

Nọ người lòng dạ bất nhân

Hỏi bạn nghĩa chữ ngũ luân là thế nào?

- Chàng trai 1 đáp:

Ngũ luân nghĩa thật cao sâu

Quân thần nghĩa trọng dám đâu sai lời

Phụ tử tình nặng chớ phai

Phu thê tấm cám trọn đời phải thủy chung

Huynh thì hữu đệ phải cung

Giữ tình cốt nhục chứ không nghe xằng

---

(1) Kể chuyện Thoại Khanh Châu Tuấn.

(2) Kể chuyện thời Đông Chu liệt quốc có hai người bạn học là Tôn Tẫn, Bàng Quyên. Khi Quyên làm quan ở Ngụy vì ghen tài mà chặt chân Tẫn. Tẫn giả điên được sứ Tề cứu đưa về Tề làm quân sư. Sau Quyên xua binh đánh Hàn, vua Tề sai Tẫn dẫn quân cứu Hàn và lập mưu giết được Quyên tại Mã Lăng.

Chữ tín đạo của kim bằng

Thương chàng Tôn Tẩn giận thằng Bàng Quyên

Dưới trăng tôi nghe tiếng khảy đờn

Tiếng đờn bằng hữu bạn còn nhớ ai?

- Chàng trai 2 đáp:

Tiếng đờn tôi nhớ ông Bá Nha[1]

Nghe Tử Kỳ khảy ông biết là nước xuôi

Ông Bá Nha khi đã chết rồi

Tử Kỳ buồn bã suốt đời đờn treo

Ai người kết nghĩa vườn đào[2]

Nhờ bạn kể lại trước sau tỏ tường?

- Chàng trai 1 đáp:

Tích xưa nghe chuyện ba ông

Ông Lưu bụng bự, Quan Công râu dài

Ông Trương mắt ốc gan chì

Ba ông thề nguyện kết thì tử sanh

---

[1] Kể chuyện Bá Nha, Tử Kỳ. Bá Nha là người giỏi đánh đàn, Chung Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Bá Nha muốn bày tỏ tình ý gì qua tiếng đàn, Tử Kỳ đều thấu hiểu cả. Về sau Tử Kỳ chết, Bá Nha treo đàn không đánh nữa vì cho rằng trên đời này không còn ai hiểu nổi tiếng đàn của mình.

[2] Vườn đào: nơi 3 anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi đời Tam Quốc kết nghĩa, thề cùng nhau sống chết để khôi phục nhà Hán.

Trời cho thề ấy được thành

Nghĩa trung sắt đá sử xanh không mờ

Còn ai là đứa vô nghì

Cướp công của bạn nhận giết thì chẳng tinh?

- Chàng trai 2:

Thương thay cho chú Thạch Sanh[1]

Bị thằng họ Lý bạc tình anh em

Trời cao báo ứng không lầm

Ác giả thì bị họa thâm đó bạn vàng

Ai kia chuộng quý tham sang

Nhẫn tâm giết vợ để mang ấn hầu?

Nghe bạn kinh sử thuộc lầu

Giảng cho tích ấy rõ câu nhân tình.

- Chàng trai 1:

Chuyện xưa Ngô Khởi[2] *ác tâm*

Bất lương giết vợ để làm nguyên nhung

Nhưng trời đâu có thứ dung

Về sau quả báo vận cùng bị xé thây

---

(1) Kể chuyện Thạch Sanh, Lý Thông.

(2) Ngô Khởi: Nhân vật đời Chiến Quốc, làm quan nước Lỗ. Tề đánh Lỗ, Lỗ muốn dùng Khởi làm tướng nhưng nghi ngờ Khởi có vợ Tề. Khởi bèn giết vợ dâng đầu cho vua Lỗ để được làm tướng soái.

Bạn ơi! Tôi hỏi chuyện này

Có bà Nguyệt Kiểu cứu ai đường cùng?

- Chàng trai 2 đáp:

Tôi giận lũ Tạ Thiên Lăng(*)

Bất trung soán đoạt ngai vàng Tề Vương

Lòng bà Nguyệt Kiểu như gương

Cứu ngay ấu chúa chạy buơn ra Phàn Thành

Cảm thương Khương Linh Tá liều mình

Quân thần trọn đạo tử sanh không màng

Đêm khuya dưới ánh trăng vàng

Gạo đã giã trắng mời bạn vàng dừng tay

Ta cùng quấn thuốc nhai trầu cay

Trầu nồng nhân nghĩa thuốc xây luân thường.

(*) Tạ Thiên Lăng: Tuồng Sơn Hậu kể chuyện anh em Tạ Thiên Lăng cướp ngôi vua Tề. Bà Nguyệt Kiểu là chị Tạ Thiên Lăng lập mưu cứu ấu chúa chạy ra Phàn Thành, Khương Linh Tá đi đoạn hậu cản thương bị Tạ Ôn Đình giết chết. Về sau vua Tề phục nghiệp, anh em nhà họ Tạ (chỉ trừ bà Nguyệt Kiểu) bị tiêu diệt.

III. HÒ ĐỢI CHỜ VÀ OÁN THAN

BÀI 1

- Cô gái có chồng đóng lính ở xa:

Hò ơ hò...

Chàng đi lưu thú(*) nay đã ba thu

Trông chàng như thể bà Vọng Phu trông chồng

Thương chàng vượt núi băng sông

Chân mây góc biển lạnh lùng xác xơ

Nhớ chàng thiếp nhờ tả tờ thơ

Gởi ra biên ải biết bao giờ đến nơi

Thơ rằng: vạn lý trùng khơi

Chòi tranh cột nứa thiếp giữ lời sắt son

Cầu cho chàng đặng vuông tròn

Nơi nhà cha mẹ yếu thiếp không sờn đạo dâu

Nắng mưa chẳng ngại dãi dầu

Chữ trinh thiếp để trên đầu khó phai

Vắng chàng gương thiếp chẳng soi

Lược kia kệ lược chẳng đoái hoài làm chi

Ít hàng lệ thiếp lâm ly

Thơ kia chẳng biết đến thì chàng không.

(*) Lưu thú: Đi lính đóng quân ở xa.

- Chàng trai đóng vai chinh phu hò đáp:

Ngó ra ngoài hướng đèo Rù Rì[1]
Bỗng nghe Tân Định[2] *trạm kỳ trẩy vô*[3]
Sáng mới qua nhận được tờ thơ
Lật ra mới biết là thơ của nàng
Vừa nghe chỉ có mấy hàng
Hai dòng nước mắt rụa ràng nghẹn tâm
Qua nhờ thầy ngũ trưởng[4] *tả dùm*
Mấy hàng gởi bậu mối tình thâm của chồng
Cha già nhờ bậu cúc cung
Để qua trả nợ núi sông cho đời
Chạnh lòng qua lắm bậu ơi!
Nhớ cha thương vợ đầy vơi giọt sầu
Nguyện cùng trời rộng bể sâu
Trăng thề ngày lưu thú qua giữ câu chung tình
Phần bậu vẹn được tiết trinh
Mười năm mãn thú ta với mình đoàn viên.

---

(1) Rù Rì: Tên đèo ở phía bắc Nha Trang.
(2) Tân Định: Tên cũ của huyện Ninh Hòa ngày nay.
(3) Trạm kỳ trẩy vô: Đến kỳ ngựa trạm chuyển công văn giấy tờ vào.
(4) Ngũ trưởng: người chỉ huy một cơ binh 50 lính.

- Cô gái:

Nghe thơ chồng gởi buổi chiều

Lòng đầy thương nhớ biết nói sao cho cùng

Thiếp thề giữ vẹn thủy chung

Bà Vọng Phu chờ đặng thiếp một lòng chờ theo

Dù cho bão tố ngặt nghèo

Nuôi cha mẹ yếu thiếp không nao tấc lòng

Chàng yên lòng trả nợ non sông

Trời nuôi ta sẽ tương phùng bên nhau.

BÀI 2

Một chàng trai nhà nghèo nhưng hò hát hay, đối đáp giỏi, nói năng duyên dáng, lịch sự, được một cô gái nhà khá giả đem lòng cảm mến qua mấy cuộc giao lưu. Cả hai từng thề non hẹn biển. Nhưng cha mẹ cô gái chê chàng trai nghèo không chịu gả. Sau có đám nhà giàu đi hỏi, cha mẹ cô gái ép duyên con.

- Chàng trai buồn ý trách móc cô gái:

Hò hơ hò...

Qua mời bậu miếng trầu têm,

Dừng chân một chút kẻo qua đem dạ sầu

Nhìn bậu nước mắt qua thấm bâu(*)

(*) Bâu: Cổ áo.

Cái duyên cầm sắt[1] biết tang âu[2] thế nào
Lời thề nguyện giữa trời cao
Một ngày cũng nghĩa bụng dạ nào không thương
Chỉ vì cách trở bóng hường
Thỏ còn nép bóng liễu dương mơ màng
Lòng qua chỉ quyết đá vàng
Chắc rằng người cũ tìm đường thanh vân
Bơ vơ kẻ Tấn người Tần
Thương cho cái chuyện Chu Mãi Thần[3] thời xưa
Cuộc đời sớm nắng chiều mưa
Bậu nên nghĩ lại cho vừa lòng qua
Bậu về nài nỉ mẹ cha
Vẹn lời thề cũ chớ bước qua khác thuyền
Ngậm ngùi thương Lục Vân Tiên
Bậu còn có nhớ Thể Loan chăng là
Qua thương cái nết Nguyệt Nga
Ngày sau đã có ông Trời già chứng tri

---

[1] Cầm sắt: Thời cổ có đàn cầm, đàn sắt là hai loại đàn thường đánh hòa âm với nhau; ở đây chỉ chuyện vợ chồng.
[2] Tang âu: hư-nên, được-không được.
[3] Chu Mãi Thần: Nhân vật thời Đông Chu, do nghèo nên vợ phụ bạc bỏ đi lấy chồng khác. Sau ông lập được công danh lớn, người vợ cũ bèn quay về xin ăn ở lại. Ông bưng chén nước đổ xuống đất và bảo vợ nếu hốt lại được đầy thì sẽ thuận, người vợ nghe vậy xấu hổ bỏ đi.

Lời qua mong bậu khắc ghi

Để khỏi mang tiếng thị phi ở đời.

- Cô gái nào phải người thay lòng đổi dạ, cũng chỉ vì cha mẹ ép duyên nên phải phụ lời vàng đá. Nàng thổn thức bày tỏ nỗi lòng với tình quân:

Nghe chàng tỏ hết ruột gan

Lòng thiếp như thể nát tan trăm phần

Gấp rút gì thiếp cũng dừng chân

Miếng trầu xin nhận một lần này thôi

Đau lòng thiếp lắm chàng ơi!

Vì ai ngăn cách chia đôi nhịp cầu

Thiếp đâu bỏ ngãi tham giàu

Thiếp đâu nỡ phụ miếng trầu đôi ta

Chỉ vì ý định mẹ cha

Lệnh trên bó buộc mà ra phụ lời

Gặp nhau xin khấn với đất trời

Kiếp này không hiệp nguyện đền bồi kiếp sau

Giờ đây cam tiếng phụ nhau

Để cho trọn hiếu vẹn câu tam tòng

Chiếc cong đồng(*) xin trả lại cho chàng

(*) Cong đồng: Vòng trang sức bằng đồng.

Hãy đừng oán thiếp phụ chàng cùng ai

Chàng về lo chuyện tương lai

Thiếp xin một lạy tạ lời thề xưa.

BÀI 3

Đây là tâm trạng của một chàng trai làm rể hai năm bị cô gái tham giàu phụ bạc. Bài hò đáp lại của cô gái chúng tôi chưa sưu tầm được.

- Chàng trai:

Hò ơ hò...

Chim chuyền suối Sặc(*) chim xa

Sao bậu lừa phỉnh đời ta thế này

Bậu đừng lòng mỏng dạ dày

Phỉnh ta hai lượt lượt này là ba

Bậu đừng trớ tại mẹ cha

Phụ nhân bỏ ngãi bước qua khác thuyền

Năm xưa ai chỉ núi mà nguyền

Chỉ sông mà thệ chỉ ông Thiên chứng lòng

Nay vì mê bạc vàng ròng

Qua cầu rút nhịp vội vàng dong khơi

Lòng bậu bạc trắng như vôi

Hai năm ở rể ta thời đành cam

Chuyện đời ác giả họa thâm

(*) Suối Sặc là địa danh ở Ninh Hòa.

Lịch sự thầm dễ ơ, hổ ngươi thầm khó quên

Ngó ra Bãi Định, Cát Tiên(*)

Ham nơi giàu có phụ duyên ta nghèo.

BÀI 4

Bài hò sau đây sưu tầm tại xã Xuân An tức làng văn hóa Điềm Tịnh hiện nay.

Một chàng trai dáng dấp bảnh bao lịch sự tóc bới củ tỏi lên cao, đầu chít khăn xéo vào cầm chày hò tương diện với một cô gái.

- Chàng trai:

Hò hơ hò...

Đến đây lạ cảnh lạ người

Làm quen chỉ biết hát lời thủy chung

Lòng này ai có đành không

Hò xang cống xự ước mong vuông tròn

Đá mòn nhưng dạ không mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

- Cuối đoạn hò chàng trai mượn hai câu ca dao để ví lòng mình trong sạch và chung thủy như dòng suối Tào Khê. Rủi thay, cô gái biết rõ gã trai là phường sở khanh, trước đây đã

(*) Bãi Định, Cát Tiên đều là những địa danh ở Ninh Hòa.

từng lừa đảo, phụ bạc nhiều cô, nên thẳng thắn vạch mặt kẻ bất lương:

Tui ngó xuống núi Ổ Gà[1]
Rồi nhìn qua Hòn Lớn[2]
Oán giận cho người dạ đoản
Đã phụ bạc lời thề
Khinh người chơi lựu quên lê
Quên nhân quên ngãi lối về cũng quên
Không ngờ gã mặt trắng mà lòng đen
Làm sao dám đứng ở trên cõi đời
Chắp tay tôi phú cho đất trời
Phụ người người sẽ phụ mười lần hơn
Chị em rõ được nguồn cơn
Thấy gã mặt trắng chớ nên đứng gần
Đám hò này kết ngãi kết nhân
Chớ không kết kẻ vong ân bội tình
Có câu nghĩa trọng tài khinh
Gã mặt trắng kia đi cho khuất
Chớ đứng chình ình làm chi.

---

(1) Núi Ổ Gà: Tên chữ là Phú Như Sơn, thuộc địa phận huyện Ninh Hòa.
(2) Hòn Lớn: Còn gọi là Hòn Ông, một hòn đảo trong vịnh Vân Phong thuộc huyện Ninh Hòa.

IV. HÒ CHẮP NỐI DUYÊN NỢ

BÀI 1

Bài hò này là lời thở than tâm sự giữa những người còn son trẻ gặp cảnh lỗi duyên gãy gánh mong kết nối bạn đồng hội đồng thuyền.

- Chàng trai kể lể:

Hò hơ hò...

Thấy người đủ cặp đủ đôi

Còn tôi thì phải lẻ loi một mình

Đêm đêm tôi oán trách ông cao xanh

Duyên đang nồng thắm ông đành phân hai

Khóc cho cánh nhạn rẽ bầy

Con còn con mất lạc loài kêu sương

Kể từ vắng vẻ bóng hường

Nắng mưa cui cút cảm thương phận mình

Chim kêu dưới suối tang tình

Không ai lẻ bạn cho mình kín đôi.

- Cô gái vốn là người cùng cảnh ngộ nửa đường đứt gánh, bao ngày tháng sống lạnh lùng âm thầm bên nong tằm khung cửi, nghe chàng trai than thở, nàng cũng trải lòng chân thật mong kết bạn trăm năm:

Nghe tiếng xe cán bông cút ca cút kít

Chợt nghe tiếng chàng thống thiết nhớ ai

Nợ duyên cũng tại số trời

Người còn kẻ mất không ở đời với nhau

Nhìn lên trời thiếp thương chàng Ngưu

Thương cho Chức Nữ ở hai đầu sông Ngân

Thương xa rồi lại thương gần

Thương thiếp duyên phận cô đơn giống chàng

Bao năm duyên số lỡ làng

Lắm phen gặp cảnh phũ phàng không biết nương ai

Nếu chàng thương cánh bèo trôi

Dây tơ ta nối thành đôi bạn lành

Nói ra nghĩ thẹn cho mình

Trâu đi tìm cột sao cột giành tìm trâu!

Nhưng mà chàng ơi!

Thiếp sợ bao sóng gió dãi dầu.

Một thân bồ liễu không dám đón đầu phong ba.

- Nghe cô gái tâm sự, chàng trai vô cùng cảm động:

Ông Trời bày chuyện bẽ bàng

Bắt qua gãy gánh bắt nàng đứt dây

Hai lần gặp bậu đến nay

Thầm thương nào dám tỏ ngay cái tình

Cũng là duyên nợ ba sinh[1]
Qua mong cùng bậu kết tình phu thê
Gừng cay muối mặn nguyện thề
Qua lo nghi thất[2] *bậu yên bề nghi gia*[3]
Thương cho bụng bậu thiệt thà
Thương qua bậu chẳng nề hà tỏ phân
Từ nay rõ được nghĩa nhân
Gió to đừng sợ cơ hàn đừng lo.

BÀI 2

Dân gian có câu: "Ba năm không con đánh đòn rồi bỏ" ám chỉ một luật lệ khắc nghiệt dưới xã hội phong kiến là cho phép nhà chồng có quyền gởi trả con dâu lại cho nhà sui nếu sau ba năm về nhà chồng mà không sinh con. Vì thế ngày xưa đã từng có bao cô gái bất hạnh lấy chồng gặp số không con đã phải đau xót từ giã chồng mà về lại nhà cha mẹ mình. Đề tài này người xưa cũng đặt thành bài bản để hò.

- Cô gái lỡ duyên nhịp chày hò trước:

Hò ơ hò...
Con cuốc lẻ đôi còn ngồi than khóc
Huống chi vợ với chồng tơ tóc lìa nhau

---

(1) Nợ ba sinh: Người xưa có quan niệm vợ chồng có duyên nợ với nhau đến ba kiếp là tiền sinh, kim sinh và hậu sinh.
(2) Nghi thất: yên bền vợ.
(3) Nghi gia: yên bền chồng.

Bao năm tình nặng nghĩa sâu
Mà nay bỗng chốc nhịp cầu gãy đôi
Tại người hay tại ông Trời
Để cha mẹ nói thiếp không biết nối nòi nối tông
Xách gói ra đi nước mắt hai dòng
Nhìn chồng đứng đó mà lòng héo hon
Ai bày cái lệ ác nhơn
Ba năm son sẻ đánh đòn không dung
Trời cao có thấu cảnh nạ dòng(*)
Thiếp muốn chết đi cho thoát kiếp má hồng đắng cay.

- Chàng trai tương diện cảm thương cho một phận má hồng, bèn đáp lại bằng lời lẽ nhân hậu nghĩa hiệp:

Cuốc kêu quốc quốc sau rào
Qua nghe em bậu than vào thở ra
Bậu ơi! đã kiếp người ta
Có căn có số dễ mà thoát đâu
Thương cho bậu lỡ bước đầu
Sao không nhờ lũ quạ bắc cầu sang sông
Qua đây đâu chê tiếng nạ dòng
Miễn ai biết thuận chữ tòng mà thôi
Lương duyên cũng bởi số trời
Bậu đừng nghĩ dại hãy ở đời cùng qua.

(*) Nạ dòng: Người đàn bà đã qua một đời chồng không con.

- Cô gái rất cảm động với những lời lẽ trượng phu của chàng trai, nhưng nàng tựa như con chim đã một lần bị ná nên còn dè dặt ngại ngùng:

Lỡ thân nghĩ lại xót lòng
Giờ không biết nối chỉ hồng cùng ai
Dẫu biết rằng xuân bất tái lai
Gẫm trong số phận tủi cho đời thương thân
Chẳng may lạc sáo lỗi đàn
Nào đâu phải hạng vong ân bội tình
Chuyện bước thêm nghĩ lại giật mình
Rủi như bước trước hỏi bạn tình có dung không?

- Chàng trai quyết lòng thề hứa:

Chuyện tang âu đâu phải tại mình
Do nơi thiên số định thành đó thôi
Lòng qua thề hứa một lời
Bậu mà son sẻ suốt đời cũng đừng lo
Mong sao bến mãi bên đò
Xướng tùy(*) vẹn ngãi ông Trời cho con hiền.

(*) Xướng tùy: Gốc ở câu "Phu xướng phụ tùy", nghĩa là chồng nói vợ nghe.

BÀI 3

Bài hò sau đây là tâm sự của đôi trai gái cùng lỡ duyên cá nước:

- Cô gái:

Hò hơ hò...

Thiếp muốn thăm cảnh giếng đào

Nhưng sợ cha mẹ hỏi con nào đi đâu

Thiếp lỡ duyên cá nước dạ sầu

Người thương đứng đó không biết tang âu lẽ nào

Miệng thế gian bén tựa gươm đao

Đôi đứa mình thương đặng ngày nào thời thương

Dầu mà cha mẹ nghiền xương

Căng da xẻ thịt tấm tình thương cho bền.

- Chàng trai:

Bậu cứ vào thẳng giếng đào

Nếu cha mẹ hỏi con nào mới vô

Qua thưa người đó ở nước Hồ

Vì chưng mến nghĩa nên vô chốn này

Bậu đứng đó thì qua chấp tay

Thưa cha cùng mẹ bằng nay bạn vàng

Gác chuỗi sầu đoài đoạn rối ngang

Cha mẹ không nỡ chận đàng đôi ta

Bậu đừng nghi bảy ngờ ba

Nếu lỡ duyên cá nước qua mà đền cho

Lòng qua không có so đo

Trai trượng phu gái đừng lo nỗi gì

Qua lỡ duyên bậu cũng lỡ thì

Hai đứa lỡ kết không lỡ gì mình ai.

IV. HÒ ĐỐ VÀ HÒ CHƠI CHỮ

Đây là giai đoạn chính, thường diễn ra vào đêm thứ hai hay ba của cuộc hò. Phần hò này là để so tài ứng đối và sự hiểu biết cao thấp. Hễ bên trai đố thì bên gái giải, bên gái gài thì bên trai gỡ. Với những câu đố ngắn và dễ thì người đáp đáp lại liền, còn với những câu đố dài và khó thì hai bên tạm ngưng giã gạo năm mười phút để ăn trầu hút thuốc hội ý tìm lời giải, sau đó tiếp tục. Hầu hết các bài hò đố đều có ý nghĩa dí dỏm hài hước, nhưng không khí tranh tài rất căng thẳng, gay cấn. Chỉ cần đàn anh bên nào thắng được một đêm hát hò "hóc búa" là được nổi tiếng và sẽ có em út đến xin làm "nghiệp môn" (học trò trong nhà thầy).

BÀI 1

- Cô gái nhịp chày xướng:

Hò hơ hò...

Nghe chàng đố giỏi nhất làng

Hỏi rằng con cá trê vàng có mấy cải râu

Con gì cái bụng rất sâu

Con gì nối được nhịp cầu ở sông Ngân

Tại sao có mười ba đợt trăng tròn

Đố chàng ai đứng đầu non đợi chồng

Vua gì hóa cuốc ven sông

Đêm đêm nhớ nước não nùng "quốc gia"

Vợ chồng ai cách trở sông Ngân hà

Ai người giúp bạn đăng khoa tiếng đời

Vua nào mê muội tiếng cười

Để cho cơ nghiệp chôn vùi còn chi

Vua nào nếm mật nằm gai

Vua nào nếm phẩn chờ mai phục thù

Ai một bước nhảy khắp bốn châu

Ai ăn một bữa trả ơn sâu nghìn vàng

Nếu chàng đáp được tỏ tường

Trầu này thuốc đó thiếp lẹ làng bưng dâng.

- Trước lời thách thức của cô gái, chàng trai bình tĩnh hò đáp lại:

Dưới trăng nghe bậu hát lần đầu

Lòng này muốn được ăn trầu nàng dâng

Qua đáp bậu nghe cho rõ ràng

Xưa nay con cá trê vàng có bốn cái râu

Con người bụng dạ rất sâu

Quạ đen bắc được nhịp cầu ở sông Ngân

Năm nhuận có mười ba đợt trăng tròn

Bà Vọng Phu vò võ đầu non đợi chồng

Vua Thục hóa cuốc ở ven sông

Đêm đêm nhớ nước chạnh lòng "quốc gia"

Chàng Ngưu ả Chức ly biệt bến Ngân hà

Tô Tần giúp bạn vinh hoa một đời

U Vương mê muội tiếng cười

Đông Châu cơ nghiệp tơi bời một khi

Vua Ngô nếm mật nằm gai

Vua Việt nếm phẩn chờ mai phục thù

Ngộ Không một bước nhảy khắp bốn châu

Hoài Âm ăn một bữa trả ơn sâu nghìn vàng

Qua đã đáp được tỏ tường

Tháng sau qua muốn cưới nàng được chăng?

- Trước lời lẽ giải đáp trôi chảy của chàng trai, cô gái tìm cách tránh trớ thêm lần nữa:

Cưới thiếp đâu có dễ dàng

Lần này đáp được rõ ràng thiếp sẽ theo

Hôm qua giờ Mẹo

Thiếp đi chợ Gò Miêu(*)

Rao bán một con mèo

Mèo chưa bán được thiếp đói meo cả lòng

Xách mèo về gặp Bốn Mão ở Quảng Đông

Bác hứa mua cho anh Chấn

Chỉ trong vòng tháng hai

Hết tháng hai sao chẳng thấy ai

Chàng mà đáp được thiếp theo ngay chân chàng.

Điều hóm hỉnh trong đoạn hò của cô gái là các chữ Mẹo, Miêu, Mão (đều có nghĩa là mèo), quẻ Chấn thuộc về tháng hai. Chàng trai cũng không kém, đối ngay bằng các chữ Tuất, Cầy, Cẩu, Khuyển (đều có nghĩa là chó), quẻ Càn thuộc về tháng chín:

Ở đời phải giữ ngũ thường

Lòng qua không thích trớ tràng đổi thay

Xin bậu hãy nghe đáp đây

Hôm kia giờ Tuất

Qua đến quán Cây Cầy

Đem tiền mua con cẩu choai choai

Mười Dư không bán chó chỉ đổi vài cái trứng non

Thấy người lạ lũ khuyển sủa càn

Hẹn tháng chín gió bấc qua sang bắt về

(*) Chợ Gò Miêu: tên một cái chợ xưa ở tổng Thân Thượng.

Lời đáp cũng đã xuôi bề

Thôi thôi ta hãy chung ghe thuận dòng

Bậu ơi! Đừng có trớ lòng vòng

Sắt cầm ta kết thủy chung hảo cầu

Về nhà thưa cha mẹ đuôi đầu

Kiềng đồng qua sắm lễ bỏ trầu nàng đeo

Bậu đừng vội nói đi theo

Để qua bưng kỉnh tiền cheo cho làng.

BÀI 2

Những bài hò có tính cách chơi chữ thường do những người có học hành sáng tác rồi dạy lại cho con em trong làng để đi hò hát thi thố với thanh niên làng khác. Sau đây là một đoạn:

- Cô gái:

Hò ơ hò...

Anh Thổ vác cây tre lén đè chị Nhật

Chín tháng sanh con chưa biết đặt tên gì

Nghe chàng đọc sách thơ thi

Đặt cho đứa bé tên chi hỡi chàng?

Cách chơi chữ của câu hò này như sau: Chữ Thổ thêm một nét (vác cây tre) đặt trên chữ Nhật (đè chị Nhật) thành chữ Giả, cô gái có ý chê chàng trai là người giả dối.

- Biết cô gái xỏ xiên mình, chàng trai cũng không vừa bèn đáp lại:

Anh Thổ chị Nhật tầm phào

Lén lút trăng gió cợt đào đùa tiên

Biết đẻ sao không biết đặt tên

Tôi đặt tên là Giả có nên chưng nàng?

Cô bậu ơi! Ba cô dụm miệng bên đàng

Đố bậu có biết rõ ràng cái chi?

Cô gái là chữ Nữ, ba chữ Nữ chụm lại (ba cô dụm miệng) thành chữ Gian. Ý chàng trai chê cô gái nhiều chuyện, ngồi lê đôi mách, thích xen vào chuyện người khác.

- Cô gái bị chàng trai thọc gậy đau quá liền phản công ngay:

Đàn bà có đá có vàng

Trách ai khéo gán chữ Gian một bè

Gian hết sao có Phàn Lê Huê

Có Chung Vô Diệm cứu vua Tề ngày xưa

Đàn bà dãi nắng dầm mưa

Nối tông nối dõi sao bảo là đám gian!

BÀI 3

- Hỏi:

Một trăm cái hố, hố nào không nước?

Một trăm cái thước, thước nào không cây?

Một trăm cái dây, dây nào không trái?

Một trăm con gái, gái nào không chồng?

Chàng mà đáp được đôi má hồng thiếp trao.

- Đáp:

Một trăm cái hố, hố hò khoan không nước

Một trăm cây thước, thước thợ mả không cây

Một trăm cái dây, dây lưng không trái

Một trăm cô gái, gái tố nữ không chồng

Qua đà đáp được đôi má hồng bậu mau trao.

BÀI 4

Bài hò sau đây vừa chơi chữ vừa thách thức:

- Cô gái:

Tay cầm dùi đục đánh gục đầu chàng

Chàng xây mặt đục cho nàng hỏi thăm

- Chàng trai:

Bậu chừa lời nói thất ngôn

Bậu chê qua mặt đục mười mặt khôn bậu không bằng

Bậu phụng loan qua cũng phụng hoàng

Trời kia đã định qua với nàng gặp nhau.

BÀI 5

Đây là bài hò đố chữ:

- Hỏi:

Hai ngang hai phết

Tui biết không hết tui lại hỏi anh

Đồng quê cho chí đất thành

Quan quân sầu thảm hãy nói nhanh chữ gì?

- Đáp:

Hai ngang hai phết

Bậu đánh tui cho chết

Tui cũng nói chữ Thiên

Giặc ngoài thành giặc đánh liên miên

Quan quân sầu thảm dạ phiền trăm năm.(*)

V. HÒ NÓI LÁI

BÀI 1

Bài hò này theo lối nói lái diễn ngữ:

- Đối:

(*) Các cụ xưa giải thích câu hò này như sau: Cô gái nói hai ngang hai phết là chữ Tinh tức cái giếng - ý chỉ về bên âm (nữ). Nếu chàng trai đáp chữ Tinh thì sẽ bị bên gái cười nên chàng ta nhanh trí đáp là chữ Thiên (chữ này cũng có hai ngang hai phết) nghĩa là Trời - ý chỉ về bên dương (nam) để các nàng phải ngượng ngùng.

Mắm nêm ăn với quả cà

Vắng anh **Tử Trực**[1] *đâu mà biết ngon.*

- Đáp:

Bụi riềng trồng ở bờ ao

Chú **Mộc Tồn**[2] *quấn quít ngày nào cũng xin.*

BÀI 2

Bài hò này theo lối nói lái trực tiếp:

- Cô gái nhịp chày xướng:

Hò ơ hò...

Hát tình hát nghĩa đã qua

Bây giờ hát lái mới biết là hơn thua

Mẹ mua con **cá đối** *lúc trưa*

Để trên **cối đá** *sao bây giờ mất tiêu*

Chàng chỉ dùm con cá đối ở đâu

Hay mèo tha dấu ngoài rào sau mất rồi!

- Chàng trai đáp lại:

Cá mắm chuyện của nữ nhi

Bậu còn vô ý thì chuyện gì cho nên

Con **mèo đuôi cụt** *nhà bên*

Biết mẹ đi mua cá nó leo lên **mút đuôi kèo**

---

(1) Tử trực là con ngay, con ngay là cay ngon, ám chỉ quả ớt.

(2) Mộc tồn là cây còn, cây còn là con cẩy, ám chỉ thịt chó.

Mẹ xách con **cá đối** *nó nhìn theo*

Thấy để trên **cối đá** *nó khều liền tay*

Lần sau nhớ lấy lần này

Thấy mẹ mua cá đem ngay cất liền.

BÀI 3

Bài hò sau đây lời lẽ khá lãng mạn:

- Chàng trai:

Thương bậu má thắm **môi hồng**

Mong hồi *bước lại thỏa lòng cùng ai*

Ước gì qua cậy ông mai

Đi cùng cha mẹ kết hai chúng mình.

- Cô gái xinh xắn đáp lại:

Ai mong *ai hẹn với chàng*

Ông mai *chàng vội dẫn đường dạm hoa*

Tuổi thiếp mới khỏi **mười ba**

Mà bươi *sớm lắm hãy chờ qua trăng rằm.*

BÀI 4

Bài hò sau đây nói lái rất dí dỏm:

- Cô gái:

Nghe chàng hát lái từ lâu

Gặp đây mời đáp vài câu mới dìa (về)

Sáng nay **bà Cấu** *đi tát đìa*

Bắt một **bầu cá** *đem dìa kho măng*

Hỏi chàng có đáp được chăng

Nếu không đáp được kêu thiếp bằng chị hai.

- Nghe giọng hò láu lỉnh, chàng trai cũng không vừa, ghẹo lại:

Cao nhân tắc hữu cao nhân trị[1]

Bậu đừng dại chi làm chị

Làm em để được điểm nhụy phòng loan

Qua lạ chi **bà đó** *không con*

Rủi bị **bò đá** *bệnh hơn bảy ngày*

Bệnh lành đi nhổ **rau má** *liền tay*

Bị té **ra máu** *nằm ngay giữa đồng*

Em bậu có thuốc gì không

Giúp cho bà Cấu thoát vòng khổ đau.

- Cô gái cũng lịch lãm hò đáp lại:

Kiến nghĩa bất vi phi dũng giả[2]

Sao chàng không giúp cho bà được chăng!

Hãy tìm một nắm **me lăng**

Măng le *vài đọt giã chung uống vào*

---

[1] Cao nhân tắc hữu cao nhân trị: Người tài cao có kẻ còn cao hơn.

[2] Kiến nghĩa bất vi phi dũng giả: Thấy việc nghĩa mà không làm thì chưa phải là kẻ dũng sĩ.

Đến tiệm **Huyền linh** *bán thuốc tàu*

Vị **huỳnh liên** *mua ba chỉ đắp lên đầu sẽ khỏi ngay*

Tiện đây xin tỏ lời này

Phòng loan thiếp đã then cài nửa song[1].

BÀI 5

Hai đoạn hò nói lái tinh nghịch dí dỏm sau đây của đôi trai gái trêu chọc nhau.

- Chàng trai:

Hò hơ hò...

Tháng mười trời lạnh mưa bay

Qua thấy bậu đứng nhìn say cái **mống chuồng**[2]

Bậu ưa xanh đỏ tím vàng

Mống chuồng *phai mất bậu lỡ làng lòng son*

Khi nào mống đóng ở Ba Non[3]

Thì qua rủ bậu chung chân ra đứng nhìn.

- Cô gái:

Nghe chàng bỏ nghiệp cuốc cày

Theo nghề bào đục mấy ai có ngờ

---

(1) Then cài nửa song: Ý nói cô gái đã hứa hôn rồi.

(2) *Mống chuồng* là cái cầu vồng nhưng nói lái lại là *muốn chồng*, nhằm chọc ghẹo cô gái.

(3) Ba Non: Tức dãy núi Tam Phong ở tỉnh Khánh Hòa.

Nhờ ông cậu ruột chỉ cho

Chuyện riêng của cậu chàng tò mò làm chi

Chàng ngồi lê **thộc mợ**(*) *ích gì*

Để mợ kình cậu li bì thâm canh

Nếu rủi ông cậu buồn tình

Không dạy nghề nữa thiệt mình xấu ghê

Chàng nên bỏ tánh ngồi lê

Thộc mợ *một lần nữa mẹ gọi về làm nông.*

BÀI 6

Trong hò nói lái có lối *hò lái bí*. Hò lái bí chỉ có bài đối mà không có bài đáp lại tương xứng, như bài hò sau đây:

- Cô gái:

Tích xưa **Ngô Khởi** *tài cao*

Vợ mừng **ngơi khỗ** *thoát bao dãi dầu*

Khởi tham **danh cao** *mê công hầu*

Lấy **dao canh** *cổ vợ ai nào nhẫn tâm*

Nếu chàng kinh sử nhập tâm

Đạo tào khang chàng giảng rõ để làm gương soi.

(*) *Thộc mợ* (nói chệch từ *thọc mạch*) vừa ám chỉ kẻ nhiều chuyện, vừa nói lái lại là *thợ mộc*, nhằm chế giễu chàng trai.

- Chàng trai đành bó tay trước câu hò đối bí hiểm này và hẹn tháng sau. Một tháng sau cũng không tìm được câu giải, chàng ta "lặn" luôn trong lần giao lưu kế tiếp. Bốn năm tháng trôi qua, tại nơi cũ lại diễn ra cuộc hò đối đáp, chàng trai nghĩ rằng cô gái sẽ không có mặt, hoặc giả nếu có cô ta cũng quên mất. Không ngờ lần tái ngộ này cả hai lại gặp nhau bên cối gạo, cô gái hò nhắc lại món nợ cũ:

Năm ngoái chàng nợ câu hò

Hẹn rằng sẽ trả mà bây giờ cũng không

Hay chàng cùng **Ngô Khởi** *một lòng*

Vợ chàng có **ngơi khỗ** *hay không hỡi chàng?*

- Chàng trai thú thực bó tay, nhưng để vớt vát bèn cải biên vài câu *hò mép* ở đâu đó để thay vào:

Qua không rành chuyện sử kinh

Bậu hò lái bí qua đành chịu thua

Bây giờ hát chuyện bán mua

Chuyện cày chuyện cấy chuyện dưa chuyện cà

Chuyện rằng:

Có nàng **Thị Mãnh** *ở nơi ta*

Tới làng **Thạnh Mỹ**(*) *tìm nhà em trai*

Em trai đã xuống **Bình Tây**

(*) Làng Thạnh Mỹ nay có tên là Thanh Mỹ thuộc xã Ninh Quang huyện Ninh Hòa.

Bầy tinh *biết được chận nhau giữa đường*

Thôi thôi qua từ giã cô nương

Để mau xuống đó tìm phương giúp người.

- Cô gái chưa chịu, toan bắt bẻ, thì một cô gái khác hóa giải cũng bằng câu hò hiểm hóc:

Cảm thương anh **Trí Bá**(*) *làng xa*

Đáp câu **trá bí,** *chị em ta cũng nương lời.*

VI. HÒ CHỌC GHẸO MÌA MAI

Trong sinh hoạt hò hát giữa các làng với nhau, lúc nào hai bên cũng giữ lễ nghi tình cảm, do đó ít sử dụng những bài hò có nội dung chọc ghẹo, mỉa mai. Tuy nhiên đôi lúc cũng có vài cặp trai gái quá quen mặt nên khích bác châm chọc nhau, thảng hoặc có cô cậu do bản tánh xấu nên bị bạn hò chế giễu.

BÀI 1

- Một chàng trai mắt bét ghẹo cô gái cổ cò:

Hò hơ hò...

Bậu kia ngồi ngóng cổ cò

Đến đây không hát không hò không khoan

Hay là cả tấm tình son

Bị xông bùa ngải nên quên hát hò.

(*) Trí Bá: nhân vật đời Xuân Thu, là người thất bại trong giấc mộng công hầu.

- Chàng trai đơn phương giã gạo khiêu chiến. Cô gái kia bất bình vào cầm chày giã gạo nghênh chiến ngay:

Ai kia có mắt như mờ

Hay mắt bị bét ghèn lòa mắt chăng!

Phận mình đầu tóc rối nhăng

Lại còn xoi bói cổ bằng cổ cao...

(Mất một đoạn)

...Tại sao mà gọi trăng già trăng non

Tại sao trăng khuyết liền tròn

Tại sao đá cứng bị mòn bởi chân

Ít câu tôi hò hát có chừng

Hỏi người mắt bét rõ ràng nghe chưa.

- Không ngờ cô gái tấn công mình, chàng trai phản kích lại:

Mắt qua hơi bét, cô bậu ghét quá rồi

Trời làm qua phải chịu thôi

Mà sao bậu dám nặng lời mỉa khinh

Bảy mươi chưa gọi rằng lành

Chê người rồi sẽ lượt mình người chê...

(Mất một đoạn)

...Trăng già vì bởi trăng qua hạ tuần

Núi non tiếng lóng của cổ nhơn

Núi non đâu phải là con núi già

Nguyệt thực bậu biết chăng là

Trăng tròn vội khuyết khuyết ra liền tròn

Qua nghe chân cứng đá mềm

Chưa nghe chân cứng đá mòn bậu ơi!

Tiện đây qua tỏ vài lời

Con gái cú tắng(*) chắc ế đời xuân xanh.

- Ngày xưa con gái bị rủa ế chồng là nặng lắm, cô gái bực tức đáp ngay:

Ế chồng tôi chẳng có lo

Sợ ai ế vợ nằm co một mình

Cổ cò tôi cũng chịu đành

Ai kia mắt bét không dám tỏ tình với ai.

- Không ngờ cuộc hát đêm nay căng thẳng đến thế, một người khác vào giã chày ba can gián:

Đêm nay hát nghĩa hát tình

Sao ai hát mỉa hát kình với ai

Dĩ hòa vi quý ai ơi!

Nhịn nhau một tiếng láng lơi nghĩa tình

Nhịn người người sẽ nhịn mình

Gặp nhau xỉa xói sao đành cùng nhau

Tôi xin can mời thuốc mời trầu

Rồi cùng hò tiếp những câu dịu dàng.

(*) Cú tắng: Hay gây sự.

BÀI 2

Sau đây là bài *hò ghẹo* về đề tài tát nước.

- Chàng trai hò trước:

Hò hơ hò...

Năm nay trời khô hạn

Ra đồng tát nước gặp cô bạn làng bên

Bậu không chê qua chân đất đóng phèn

Qua xin với bậu kết nguyền cùng nhau

Sòng cao cột chắc dây gầu

Dây dưới cùng kéo dây đầu cùng lôi

Qua mong tìm được bạn đời

Giúp nhau tát nước cạn lời cùng nhau.

- Cô gái vốn biết chàng trai này chỉ giỏi tán tỉnh mà có tật lười biếng với cái lưng dài "ngay đơ như cái cuốc" không thể quyến rũ được ai. Dẫu vậy cô vẫn lịch sự đãi đưa:

Ruộng tôi ở trên gò

Sòng cao nước gác

Chàng lưng dài có dám tát nước chăng

Giò cao chàng hãy bền lòng

Chân quỵ cho dẻo lưng còng cho hay

Ruộng tôi sòng cao dài dây

Dưới dây ráng kéo trên dây ráng trì

Sự đời kỳ ngộ tương tri

Giúp nhau tát nước ai tiếc gì với ai

Nghe đồn rằng lưng chàng quá dài

Miệng nói nghe dễ làm thời thở ra

Chị em tôi ngại tiếng đồn xa

Dựa anh lưng thẳng biết mà nên không.

- Chàng trai bị cô nàng "đá giò lái" hơi đau nhưng cũng ra lời chống chế:

Trăm nghe không bằng một thấy

Nẫu(*) đồn tầm bậy mà bậu cũng tin theo

Qua đây biết lo chuyện khổ nghèo

Chớ đâu phải hạng sớm chiều nghêu ngao

Nhưng mà bậu ơi!

Cuộc đời như giấc chiêm bao

Quanh năm cặm cụi biết sao cho vừa

Miễn cần dĩa muối dĩa dưa

Phụ tùng phu xướng sớm trưa cũng no lòng.

- Dầu có chối quanh co cuối cùng chàng ta cũng để lộ cái đuôi lười biếng, cô gái lần này dứt khoát cho "de":

Có thực mới vực được đạo

Sao giờ này chàng còn giảng đạo muối dưa

(*) Nẫu: Người ta.

Tát nước từ sáng đến trưa
Chàng xướng dĩa muối, dĩa dưa ai dám tùy
Chị em tôi ăn chắc mặc dày
Cơm rau vững dạ chàng đừng bày muối dưa.
Ruộng tôi nước tát đã thừa
Ruộng chàng thiếu nước đi dìa tát bươn(*).

BÀI 3

Một chàng trai bị ế vợ vì cha mẹ quá keo lận bủn xỉn, nhà tuy giàu có nhưng chưa ai dám gả con đến nỗi lớn tuổi rồi mà vẫn độc thân. Đám hò nào chàng cũng có mặt nhưng cuối cùng chỉ đi có về không. Bài hò này có mục đích răn đời những kẻ trọc phú khi xưa.

- Chàng trai:

Bao năm buồn ý mẹ cha
Bởi qua chưa có ai là người thương
Mẹ già tóc đã pha sương
Thấy người có cháu bà luôn ưu phiền
Mẹ nuôi tằm thiếu dâu chăn chuyên
Qua ra đồng thiếu vợ lo toan chuyện nhà
Ruộng gieo ở tận đồng xa
Ruộng rộc bát ngát ai mà trông coi

(*) Bươn: Nôn nả, lật đật, nhanh lên.

Gặp bậu qua xin tỏ một lời

Cho qua với bậu trọn đời bên nhau.

- Nghe chàng trai ngỏ lời theo lối khoe khoang giàu có ruộng đất, cô gái hò đáp lại bằng lời lẽ chua cay:

Tiếng đồn cha mẹ chàng hiền

Cắn cơm không bể cắn tiền bể hai

Nên chàng chưa có quen ai

Tre thời già ngắt măng thời chưa ra

Chàng về thưa với mẹ cha

Muốn tìm dâu đặng phải mở ra cửa lòng

Nhà tôi cửa gãy phên dừng

Làm sao dám bước vào vòng ruộng trâu.

- Chàng trai thẹn thùng nhưng cũng chống chế:

Người ta ghen ghét dệt thêu

Cha mẹ qua đâu có những điều bậu nghe

Trò đời lắm chuyện éo le

Người cười ở rộng người chê hẹp lòng

Ví dù cha mẹ ít bao dung

Làm con phải giữ trọn đường hiếu nhơn

Trăm năm cha mẹ khó còn

Bậu làm dâu thảo hai thân thỏa lòng.

- Cô gái hò đáp lại:

Phần tôi chẳng biết dệt may

Nội trợ thì dở cấy cày cũng không

Nhà chàng ruộng đất mênh mông

Tằm tơ rộn rịp vai bông bời bời

Chị em tôi áo cụt quần cùi

Ngàn lần không dám đến nơi sang giàu

Chàng tìm nơi khác dạm trầu

Ai ham ruộng đất chàng mau cưới về.

MỘT GIAI THOẠI VỀ HÒ CHỌC GHẸO

Xưa ở tổng Hiệp Trung có một cô gái tên là Hường, nhà nghèo, khi đi chợ thường mặc áo bính(*) của người chị. Ngặt một nỗi áo của chị thì còn lành lặn nhưng ngắn, áo của cô đã cũ sờn nhưng lại dài hơn, mặc thế này gọi là mặc áo "lỡ lường".

Trong làng có một anh nọ tên Hàn nhà đủ ăn, biết hò hát, thấy cô Hường như vậy không chực thông cảm mà còn mỉa mai chọc ghẹo. Nhiều lần cô Hường đi qua anh đứng trong nhà hò ra:

- Dáng ai như dáng cô Hường

Bận chi cái áo lỡ lường đẹp ghê!

(*) Mặc bính: Mặc đồ của người khác nên đôi khi rộng hẹp không vừa.

Cô nghe qua thẹn tái mặt. Anh này đùa cợt vài lần khiến cô tức lắm nhưng chưa biết cách nào đáp lại. Vài năm sau cha mẹ anh Hàn chết, anh rủi bị tai nạn đui một mắt phải sang làng khác học nghề đan lát độ thân. Sau nhớ lại làng cũ, anh quay về bưng theo ít cái rổ để thăm bà con.

Không may về làng gặp lại cô Hường, "cố nhân" tương kiến, để trả mối hận xưa cô hò ngay:

- Ai kia trông giống anh Hàn

Bưng rổ "mặt mốt" về làng xin khoai

Khúc sông khi lở khi bồi

Anh còn "một mắt" nhìn đời có rõ không?

Nghe hò, anh toan tìm câu đáp nhưng mãi tần ngần hồi lâu không tìm được câu nào. Anh quay về nhà uất ức thành bệnh mà chết, trước khi chết còn trăn trối lời oán trách cô Hường.

Hối hận trước cái chết của anh Hàn, cô ra mộ anh đốt nhang xin tha tội và nguyện cả đời ở vậy không lấy chồng, để chuộc lỗi với cố nhân.

Câu chuyện rất xót thương cảm động và đáng trách cho cả hai bên. Bởi thế người dân Ninh Hòa thường dạy con cháu bằng câu *"Bảy mươi chưa què đừng khoe rằng lành!"*.

Lại có câu:

- Nói năng phải giữ lấy lời

Một lời đã xuất suốt đời khổ đau!

VII. HÒ CHIA TAY THAN THỞ

Một cuộc hò đối đáp kéo dài đến ba bốn đêm liền, trai gái tha hồ gửi gắm lòng mình qua câu hò hơ dưới ánh trăng thanh. Từng đôi trai gái thay nhau hát những câu hò nhân nghĩa chứa đựng ý tình hẹn biển thề non, từng nhịp chày vang lên đều đặn như nối kết nhịp đập của những con tim vừa chớm yêu đương. Không biết bài bản họ học từ đâu, thuộc lúc nào, mà đối đáp thao thao như dòng nước chảy, tình cảm càng lúc càng trào dâng lai láng. Nhưng cuộc vui nào rồi cũng phải tàn. Chặng cuối của cuộc hò giã gạo là hò chia tay, hò từ giã, những câu hò chan chứa bao nỗi cảm phục, luyến tiếc, vui buồn, thương nhớ, vấn vương...

BÀI 1

Đêm nay là đêm cuối. Tiếng gà khuya xao xác gáy như đánh thức giấc mộng yêu đương. Sực tỉnh lại thì giờ phút chia tay sắp đến rồi, bao nỗi buồn thương luyến tiếc tràn ngập vào cả con tim của đôi trai gái:

- Cô gái:

Gặp nhau chưa thỏa tấc lòng

Trăng đã xế bóng buồn không hỡi chàng

Cuốc kêu quốc quốc đoạn trường

Nặng thương nặng nhớ hai hàng châu rơi

Bỏ chày buông cối chàng ơi!

Ngưu Lang Chức Nữ ven trời chân mây

Duyên may ta gặp dịp này

Tình chàng ý thiếp tràn đầy nghĩa nhơn

Xa chàng thiếp thệ sắt son

Biển sông dù cạn cũng không sờn tình ta

Sang canh giục giã tiếng gà

Sương khuya nhuộm thắm trăng tà non tây

Thương nhau chàng nhớ lời này

Tránh xa Ngô Khởi học nơi Bá Lý Hề

Chắp tay giữa trời đất thiếp thề

Thủy chung thiếp quyết không hề sang ngang.

- Chàng trai cũng xúc động bùi ngùi, ngân cao giọng hò bên cối gạo bằng lời lẽ thủy chung:

Ngãi nhân mới kết chữ đồng

Sông Tương kẻ cuối bến người đầu dòng bậu ơi!

Nhìn bậu nước mắt qua tuôn rơi

Lòng đầy trĩu nặng một trời nhớ thương

Biết nhau vừa tạc đá vàng

Vì đâu qua bậu hai đàng chia tay

Bậu thì lẻ bóng nơi đây

Phần qua về lại làng tây ven rừng

Bậu còn nặng nghĩa thủy chung

Thì mong bậu nhớ cái gương vợ Mãi Thần

Kìa như mặt ả Kim Liên

Chuyện xưa kẻ ấy ai còn khen chi

Lòng qua mãi mãi khắc ghi

Mong sao dạ bậu đừng thay đổi nào

Dời chân biết gởi gì nhau

Qua xin trao bậu túi trầu làm tin.

BÀI 2

Cũng có người không kết nghĩa được ai, chung cuộc vào hò ít câu chia tay với đám hát:

- Chấp tay chào bạn tôi đi dìa

Trời đêm đã có sao khuya soi đường

Chân bước đi mà lòng thấy vấn vương

Nhớ miếng trầu nồng thắm, nhớ khăn vuông bịt đầu

Sách có câu đồng khí tương cầu

Một lời cũng đã thấm sâu đáy lòng

Xin chào các bà các ông

Chào cô chú bác, chào chung bạn hiền

Chúc ai kết được lời nguyền

Mong cho ván sớm đóng thuyền cùng nhau

Trăng già khuất khỏi hàng cau

Dời chân để kịp về mở trâu đi cày.

PHỤ LỤC

NHỮNG KHÚC BÀI CHÒI SƯU TẦM ĐƯỢC Ở HUYỆN NINH HÒA

Bài chòi không phải là làn điệu dân ca đặc thù của Khánh Hòa. Người dân nông thôn Khánh Hòa xưa chỉ thỉnh thoảng hô bài chòi để góp vui trong dịp lễ tết. Bốn khúc bài chòi sau đây chúng tôi sưu tầm được ở huyện Ninh Hòa. Qua tìm hiểu nội dung, có thể đoán định rằng những khúc bài chòi này đã được người dân Ninh Hòa sáng tác cách đây từ 50 năm đến cả thế kỷ.

BÁ NGHỆ

Trời sanh chi số long đong
Tôi học bá nghệ không xong nghệ nào
Ban đầu học nghệ thầy mù
Đi ra khỏi ngõ nẫu rước u(*) vô nhà
Đốt hương chước tửu châm trà
Đánh chuông xủ quẻ quẻ mà ứng linh

(*) Rước u: Dẫn mau vào.

Quẻ ứng sao tôi nói thiệt tình

Nói chồng mụ bệnh chết mụ kình với tôi

Mụ nói chồng mụ bị cháy thui

Sao nói bệnh chết mụ đuổi tôi ra ngoài

Nghĩ mạng tôi không có hào tài

Bỏ nghề thầy bói học bài ba con

Hai tay xóc trọn bỏ dòn

Nẫu thua cháy túi không còn một xu

Thua tiền nẫu đá tôi liên u

Nắm đầu lấy lại tôi ngồi thù lù anh ơi!

Thấy bài ba lá khó chơi

Bỏ bài ba lá học thời nghề nông

Ở cày trót đã ba đông

Mãn mùa tính lại phủi tay không hết tiền

Nghĩ mạng mình hạp tổ Lỗ Ban

Quen ông thợ mộc cùng làng tôi theo

Ba năm nghề học thấy nhiều

Xuất sư tôi lãnh chuồng heo bước đầu

Lãnh thêm nước gỗ nhà trù(*)

Đục bào hư gỗ phải chổng khu đền tiền

(*) Nhà trù: Nhà bếp.

Gẫm mình phận bạc tài hèn

Quyết tâm theo học nghề hàn một năm

Hàn nồi hàn chảo hàn mâm

Hàn đâu nứt đó đền thâm túi tiền

Ở Tân Định coi bộ không yên

Tôi dong ra Bình Định học quyền đi roi

Tôi xàng qua nẫu xúm nẫu coi

Tôi xàng lại đá trúng, nẫu lòi xương khu

Cu-lít(*) bắt tôi ngồi tù

Ba năm trong ngục khóc mù con ngươi

Thôi thôi nghề võ chối từ

Tôi theo học nghệ thầy thư kiếm tiền

Mấy năm họ rước liên miên

Thư đâu nhẹ đó thời tiền biết bao

Năm nay thời vận làm sao

Thư đâu chết đó ngồi lao hoài hoài

Nghĩ mình hết kế sinh nhai

Làm ra thời có hào tài thời không

Làm cho cổ bị mang gông

Hay là cũng tại phước ông phước bà

(*) Cu-lít: Cảnh sát.

Hay là nghiệp báo oan gia

Không cho vận đỏ bắt mà vận đen

Tôi bèn học nghề thợ rèn

Suốt ngày vác búa đập liền một năm

Rủi thay đập trúng tay bạn làm

Thợ cả ổng đuổi tôi tìm đường đi dong

Mới xin theo nghệ hát tuồng

Hát tận dưới biển trên nguồn đều khen

Năm nay thời vận tôi đen

Ông Tổ ổng trác ông bầu chê hèn không cho theo

Mới xoay học nghệ thiến heo

Thiến đâu chết đó nằm queo đầy chuồng

Bụng rầu kiếm ngõ lủi bươn

Ở đây ắt sẽ bị xuông không còn

Nhảy gon(*) vô xứ Sài Gòn

Làm đầy tớ tháng phải mòn cặp tay

Mãi lo cui cút cả ngày

Giã gạo xay lúa bắt quay mòng mòng

Ở đợ coi bộ không xong

Tính đi tính lại ba chục vòng trơ trơ

(*) Nhảy gon: Đi xe lửa chui (gon tức toa xe lửa).

Tôi bèn học nghệ xếp-phơ[1]
Còn lái xe cứ dưới bờ nó dong
Làm cho lộn cuống lộn mòng
Kẻ thời nằm sấp nằm chồng chồng khu
Quan gông tôi bắt nhốt vô tù
Ba năm mãn hạn lên La-cu[2] *trồng chè*
Rồi qua làm sở cà phê
Tháng hai đồng rưỡi bạn bè rất đông
Bỗng đâu gặp mụ trốn chồng
Biết tôi có bạc có đồng mũ[3] *theo*
Mũ than mũ thở mũ nghèo
Mũ những mũ nhẽo ỏn èo bụng mông
Tôi lấy mũ làm vợ làm chồng
Dẫn về sắm xuyến sắm đồng sắm neo
Sắm cho cà rá nhận bông bèo
Cái khăn chữ thọ ren thêu bốn bìa
Sắm cho cái áo la-mia[4]

---

(1) Xếp-phơ: Tài xế.
(2) La-cu: Tỉnh Pleiku.
(3) Mũ: Mụ ấy.
(4) La-mia: Kiểu áo dài cải cách của nhà may Cát Tường (Le Mur) hồi đầu những năm 30.

Cái quần lãnh phụng đôi hia mũ xài
Sắm cho một bộ lược cài
Một cái nón ngựa bông tai nhận xĩ vàng
Sắm cho đôi guốc mũ mang
Cái khăn mũ bịt cái yếm hàng mũ chưng
Sắm son sắm phấn quá chừng
Bây giờ coi lại trong lưng hết tiền
Tưởng rằng chồng vợ bách niên
Thủy chung nương dựa gần bên đến già
Ai ngờ mũ là đứa tà ma
Mũ biểu tôi ở nhà rồi tối mũ vô
Tôi ngủ quên mũ lác(*) gói đồ
Bỏ tôi bầu cạn, biển hồ mũ dong khơi
Thức dậy tôi phát rụng rời
Của tiền ráo cạn bởi lầm nơi con đĩ già
Ngồi buồn tôi chách lưỡi thở ra
Số tôi sao lại mưa sa bão bùng
Tôi đâu lười biếng rong chơi
Nghề chi cũng học quyết mong đổi đời
Gẫm ra thì bởi ý trời
Bôn ba cho lắm cũng đời lao đao

(*) Lác: Ăn cắp, ăn trộm.

Bây giờ chẳng biết tính sao
Thôi về làng cũ trồng câu dưỡng già.

ANH TẨU

Thiên sanh nhân hà nhân vô lộc
Địa sanh thảo hà thảo vô căn(*)
Nghệ gì cũng phải tài năng
Học một chữ tẩu cũng rằng hơn ai
Anh văn ảnh cũng thiệt tài
Miệng hô tay vẽ làm bài mau thông
Anh võ đứng bắn cây ngô đồng
Bắn chưa hết lá ngồi trông đợi nàng
Anh Tẩu nhận lãnh trống Tràng An
Đường xa ngàn dặm vội vàng chạy ngay
Đức vua hẹn chỉ hai ngày
Miễn sao cho kịp dâng rày long nhan
Ra đi lòng những bần thần
Bỗng dưng thấy cái miễu thờ thần xa xa
Gẫm đường vạn lý quan hà

(*) Thiên sanh nhân hà nhân vô lộc/ Địa sanh thảo hà thảo vô căn: Trời sinh ra con người, người nào chẳng có lộc; Đất sinh ra cỏ, cỏ nào chẳng có rễ.

Hai chân chạy bộ ắt là không xong

Nhớ nàng hoảng hốt trong lòng

Chạy bươn đến miễu những mong nhờ thần

Khấn rằng tôi là đứa tiện dân

Trót thương công chúa nên ngần thế đây

Vua cha đã lệnh điều này

Tràng An trống ấy đem bày ở Tràng Trung

Nhờ ngài dụng phép thần thông

Thâu đường ngắn bớt để tôi không trễ ngày

Xin keo(*) rồi chàng chạy như bay

Tràng An trống đã lấy bày ở Tràng Trung

Quơ dùi chàng đánh cái thùng

Anh văn ném bút anh bắn ngô đồng ném tên

Bệ rồng nhẹ gót tiến lên

Dắt tay công chúa lạy liền vua cha

Tâu rằng vạn dặm đường xa

Nay thần lãnh trống Tràng Ca mới về.

(*) Xin keo: Dùng hai đồng tiền kẽm gieo quẻ âm dương để đoán ý quỷ thần.

DUYÊN SỐ TÔI

Số tôi vô phước vô phần

Có bảy mụ vợ không xong mụ nào

Mụ thứ nhất có tánh tào lao

Ngồi lê nói phét chuyện nào cũng thày lay[1]

Rong rong mụ đi suốt ngày

Nghe ai đánh lộn mụ vô ngay dạy đời

Mụ thứ hai mắc bệnh ghẻ ruồi

Gãi thì sồn sột cả ngồi lẫn đi

Tay chân mụt cóc sù sì

Thêm bệnh hôi nách ai thời cũng tránh xa

Mụ thứ ba hai mắt quáng gà[2]

Đã bét lại lé ghèn đỏ ra tối ngày

Mặt trời lặn khỏi non tây

Mũ hành tôi dắt khổ thay bớ trời!

Ban ngày tôi biểu hết lời

Mặt mũi rửa sạch ghèn thời chặm lau

Bạn tôi thường đến thăm nhau

Mụ để ghèn đỏ cục vàng âu ra chào

---

[1] Thày lay: Tày khôn, hay xía vào chuyện người khác (Người Ninh Hòa có câu tục ngữ: "Thày lay dao phay cán cổ").

[2] Quáng gà: Chứng mờ mắt khi mặt trời lặn.

Mụ thứ tư miệng hạm cổ cao
Gặp ai mụ cứ xáp vào tỉ tê
Bà con ai nấy đều ghê
Nhưng mũ ngờ nghệch chẳng hề biết đâu
Thứ năm mụ vợ kể sau
Hai tai điếc lác nói đầu quên đuôi
Tôi biểu mụ vô lấy cái nồi
Mụ vô nằm ngửa đợi tôi tại giường
Mụ thứ sáu càng thật thảm thương
Đứng thời dựa cột ngủ thường chổng mông
Ngủ say mụ ngáy đùng đùng
Nước miếng thúi chảy trây cùng mặt tôi
Mụ thứ bảy có tật lạ đời
Đái dầm suốt sáng cũng không phơi chiếu giường
Tai mụ bị thúi dị thường
Tôi phải chặm rửa họ hàng biết không!
Mùa xuân cho tới mùa đông
Mụ không tắm rửa cũng không chải đầu
Than ôi! Số kiếp cơ cầu
Gặp bảy mụ vợ héo rầu bụng tôi
Làm sao nhắn đến ông Trời
Bắt chi tôi phải làm người trần gian
Nợ duyên khéo chắp nối càn
So ra trong khắp tổng làng hiếm hoi

Thôi thì tôi tự thương tôi
Tình chồng phải trọn để trả nợ đời cho xong.

CHÁU NGOẠI LÀ CHÁU CỦA MÌNH

Đêm dài thương cái thân tôi
Dốt chữ nát nghĩa diễn khơi ít vần
Vợ già sanh mụn trai tân
Mừng rằng nối được tổ tiên tự đồ[1]
Một gái tôi nói viết vô[2]
Vì sau nó giữ cơ đồ cho người ta
Con dâu là vàng để trong nhà[3]
Nên tôi lật đật bưng rượu trà ngồi sui[4]
Bán bò cưới vợ cho con tôi
Trông bươn có cháu nối nòi mới nghe
Ông Trời sanh chuyện éo le
Gây nên giặc giã kéo bè khắp nơi
Bỗng đâu có lệnh ông vua Trời[5]

---

(1) Tự đồ: nối dòng.
(2) Viết vô: Từ câu "Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô" nghĩa là "Có 1 con trai cũng là có, còn có đến 10 con gái cũng bằng không" bộc lộ quan niệm lạc hậu "trọng nam khinh nữ" trong xã hội phong kiến.
(3) Con dâu là vàng để trong nhà: Tương tự câu tục ngữ "Con gái là khách qua đàng, con dâu là vàng bỏ đáy".
(4) Ngồi sui: Nhà trai đến nhà gái cầu hôn cho con.
(5) Vua trời: chỉ vua Thái đức Nguyễn Nhạc. Thời đó nông dân các tỉnh có phong trào Tây Sơn đều xưng Nguyễn Nhạc là ông vua Trời.

Kê đinh[1] bắt lính người người thất kinh

Con tôi gạt lệ đăng trình

Lìa cha mẹ yếu biệt tình phu thê

Con vợ nó kêu khóc não nề

Chỉ trời chỉ đất nguyện thề thủy chung

Cờ dương trống đánh đùng đùng

Con tôi cắp giáo thẳng dong Phiên Thành[2]

Nơi nhà lạnh lẽo mái tranh

Dâu tôi gánh thúng gánh mành đi buôn

Nhớ con đêm những lo buồn

Nghe dâu nói chửa tôi mừng hơn được vàng

Bấm tay tôi tính rõ ràng

Tháng ba năm đến nó đàng hoàng khai hoa

Vợ tôi mừng sắm đủ là

Nào than, tiêu, nghệ, muối, trà, chậu, chum...

Cuối tháng hai bụng tôi mừng thầm

Bởi ít ngày nữa tôi làm chức ông

Tháng ba tôi sốt ruột rối lòng

Tháng tư nó chẳng đẻ lại nói rằng chửa trâu[3]

---

[1] Kê đinh: Lập danh sách đàn ông từ 18 đến 49 để sung vào lính.

[2] Phiên thành: tức thành Phiên An (Gia Định).

[3] Chửa trâu: Ngày xưa người ta tin rằng đàn bà chửa thường tiếp xúc với trâu sẽ mang bầu 14 tháng như trâu chửa. Thật ra đây là lối ngụy biện của hạng đàn bà ngoại tình khi vắng chồng lâu ngày.

Nó cười 12 tháng đẻ là mau
Lại nói tháng sáu tuần đầu mới sinh
Chưng hửng tôi mới giật mình
Đến khi nó đẻ chình ình con ai?!
Tôi dặm chân kêu bớ ông Trời
Trên cao nhìn xuống mà coi chăng là
Dâu tôi nó chửa quỷ chửa ma
Chớ đâu phải chửa với mà con tôi
Cảnh này thôi thế thì thôi
Thà nuôi cháu ngoại cho xuôi cái tình
Cháu ngoại là cháu của mình
Cháu nội nghĩ lại vô hình người dưng
Mặn nồng chi đó mà thương
Thương thì thương tạm có chừng mà thôi
Nghe qua thật trái lý đời
Bà con nghĩ lại tới nơi cũng nhằm
Cháu nội này chẳng tình thâm
Bởi tôi đã biết cái tâm dâu mình
Cưới về nó ở trong gia đình
Nó giữ nó lấy thằng con mình đã an
Con mình đi thú tận phiên bang
Nó chửa 13 tháng sao mang với con mình?!
Tức lòng nhưng phải làm thinh
Đành nuôi nó đẻ tan tành ruột gan

Sanh ra thật cháu rõ ràng

Nhưng mà khác giống khác họ hàng khác tông

Tuy là nó tiếng có chồng

Ai mà biết được ngoài đồng nó rung rinh

Con nó đâu phải cháu mình

Không bằng cháu ngoại cái tình mặn hơn

Bà con nếu rõ nguồn cơn

Cũng là cháu ngoại mặn hơn mấy ngần

Con gái mình làm chuyện bá nhăng

Dù mà nó lấy một trăm thằng cũng không sao

Bất kỳ khí huyết thằng nào

Mẹ nó sanh vào thật cháu mình đây

Miễn sao đẹp mặt đủ chân tay

Tròn vuông con mẹ thật đây cháu mình

Nói ra hữu lý hữu tình

Tôi nuôi cháu ngoại thật minh chín điều.

2. CA DAO KHÁNG CHIẾN NINH HÒA

Thời kỳ cả nước sục sôi chuẩn bị Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, khắp làng quê huyện Ninh Hòa truyền khẩu nhiều bài thơ hô theo điệu bài chòi có nội dung kêu gọi mọi người tham gia phong trào Việt Minh đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Lớp trẻ chúng tôi còn nhớ được đôi câu:

Mồ cha cái lũ thằng Tây

Xâm lăng cướp nước khổ cay dân tình

Mồ cha cái lũ bù nhìn

Phản dân đem bán nước mình cho Tây.

Hoặc:

Lá cờ màu đỏ sao vàng

Biểu dương sức mạnh muôn ngàn anh linh

Oai hùng thay chiến sĩ Việt Minh

Hết lòng vì nước liều mình xông pha...

Trong thời gian 9 năm kháng chiến chống Pháp, chính những khúc bài chòi ấy có tác dụng hun đúc chí căm thù giặc và lòng yêu nước của người dân địa phương cũng như đã góp phần thôi thúc bao lớp thanh niên trai tráng sẵn sàng lên đường tham gia phong trào cứu nước.

Tháng 4 năm 2003, chúng tôi có dịp ghé thôn Lệ Cam, xã Ninh Phú, huyện Ninh Hòa, tình cờ gặp một cụ già 74 tuổi tên là Mười Đồng làm nghề giữ vườn điều mướn dưới chân núi Lệ Cam. Cụ đã đọc cho chúng tôi ghi lại một số khúc dân ca theo thể bài chòi lưu hành trong những năm kháng chiến chống Pháp tại Ninh Hòa. Cuộc kháng chiến vô cùng gian khổ và cũng vô cùng vẻ vang của dân tộc đã qua đi ngót 50 năm, thế mà giờ đây nghe lại những khúc ca này, trong tâm hồn chúng tôi vẫn cảm thấy rộn ràng sục sôi bầu máu nóng của lòng nhiệt huyết, tinh thần bất khuất sẵn sàng xông pha đi diệt thù cứu nước.

BÀI CA KÊU GỌI

Lá cờ màu đỏ sao vàng
Biểu dương đất Việt muôn ngàn anh linh
Oai hùng thay chiến sĩ Việt Minh
Hết lòng vì nước liều mình xông pha
Đáp đền ơn nước nợ nhà
Vinh thay chiến sĩ máu pha sông đào
Cả kêu Tân Định đồng bào
Việt Minh cứu nước giục vào lòng ta
Bảo toàn chung mối sơn hà
Để ngôi sao chói rạng khắp mà năm châu
Đồng bào Tân Định đâu đâu
Hãy đứng lên tranh đấu góp thâu lợi quyền
Căm thù bè lũ Việt gian
Quét cho sạch đám vua quan mã tà
Diệt loài phát xít Lang sa
Lấy dòng máu đỏ rửa thù nhà từ đây
Tám mươi năm kiếp sống đọa đầy
Vùng lên chỉ có dịp này mà thôi
Rựa dài phản nhọn dao phay
Mài cho thiệt bén nắm chặt tay theo cụ Hồ
Lấy xương lấy máu xây dựng cơ đồ
Nằm gai gối đất dựng cờ lập công
Mai này thoát ách xiềng gông
Nước nhà độc lập nhớ công là công cụ Hồ.

BÀI CA VỢ KHUYÊN CHỒNG ĐÀO NGŨ

Nói lối: *Vợ khuyên chồng gương treo trước mắt, hãy nghĩ đó anh coi*

Vợ hô: *Làm người chí lý phải cao xa*
Em còn nghĩ đến huống mà chi anh
Sống thì rạng rỡ thanh danh
Nếu mà tử trận bia xanh vẫn còn
Sợ anh thân thể hao mòn
Sao không để đức cho con gọi là
Theo Tây anh phản lại nước nhà
Giờ mau bỏ ngũ còn mà đợi chi
Hay là anh chẳng muốn từ ly
Tiếc chức cai đội anh ra đi không đành
Thực công lương mới biết công hành
Nếu anh theo Pháp thân anh chẳng còn
Gia bần mới biết là con
Quốc loạn mới rõ lòng son mọi người

Chồng hô: *Anh đây chán biết hiểu dư*
Nào ai giới thiệu không người dẫn đi
Đêm dài anh bóp trán nghĩ suy
Không biết chánh phủ người thì có tha
Một là anh lo nỗi mẹ cha
Hai nữa con, vợ cửa nhà trước sau

Vợ hô: *Anh này trí hóa anh đâu*

Ai mà vạch lá tìm sâu bao giờ

Em nhắc nên chớ làm lơ

Đừng để nước lớn ngập bờ khó khăn

Khuyên anh sớm biết ăn năn

Gia đình em nguyện chừng ngằn liệu lo

Con thơ em thay phận làm cha

Song thân hôm sớm nắng mưa em không nài

Nước nhà đang gặp lúc chông gai

Làm trai trả nợ nước đội cai anh đừng màng

Đôi ta chen gánh vẹn toàn

Hiếu trung anh giữ gia đường em thảo ngay

Anh mau bỏ ngũ bỏ Tây

Kháng chiến cũng xét lòng anh ngay mà khoan hồng

Anh mau phải gắng lập công

Đừng ham cai đội tấm lòng lãng xao

Anh nay phải nghĩ cho cao

Kháng chiến lúc nào cũng đại đức đại nhơn

Sợ gì cầm giấy truyền đơn

Gặp lúc nguy biến thiệt hơn tô trần

Lẽ nào chánh phủ bỏ dân

Anh quay về tổ quốc hiến thân chuộc mình

Cụ Hồ thiệt đấng anh minh
Thế giới còn phục huống mình ngại chi
Anh nên thấu rõ hành vi
Gương treo trước mắt anh thì nghiệm xem
Nếu mà anh chẳng nghe em
Mãi còn theo Pháp đây em phải lìa
Chừng đó chồng vợ phân chia
Khác nào như thể én lìa cành mai.

3. VẺ ĐẸP THIÊN NHIÊN NINH HÒA QUA THƠ CA DÂN GIAN

Ninh Hòa đẹp lắm ai ơi
Ghé thăm một chuyến cho đời thêm tươi.

Ninh Hòa là một huyện đồng bằng trù phú của tỉnh Khánh Hòa. Đã tròn 350 năm (1653-2003) kể từ ngày con dân Đại Việt đến đây lập ấp, lập làng. Năm tháng đi qua, thiên nhiên và con người Ninh Hòa cùng thăng trầm theo sự thăng trầm của lịch sử dân tộc. Trên cái nền lịch sử đầy gian khổ, hy sinh, mất mát nhưng cũng rất hào hùng, anh dũng trong công cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước, cũng như nhiều vùng đất khác, nhân dân Ninh Hòa đã sản sinh và gìn giữ dòng chảy thơ ca dân gian rất đáng tự hào, góp phần làm giàu thêm cho kho tàng văn học dân gian Khánh Hòa và cả nước.

Ninh Hòa nổi tiếng với nhiều di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Khánh Hòa, trên địa bàn huyện Ninh Hòa có 219 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 2 di tích đã được công nhận cấp quốc gia là Huyện đường Tân Định và Lăng Nhũ Mẫu. Nhiều thắng cảnh nổi tiếng hàng năm thu hút một lượng lớn khách tham quan du lịch như các khu du lịch Dốc Lết, Trường Bơi, Ba Hồ, khu du lịch sinh thái Hòn Thị, Suối Hoa Lan cùng nhiều địa điểm tham quan nổi tiếng khác như suối Nước nóng Trường Xuân, Thác Bay...

Thơ ca dân gian Ninh Hòa đã cất lên lời ngợi ca cái đẹp, cái giàu, cái tình, cái nghĩa... trên quê hương mình. Ninh Hòa có núi rừng bạt ngàn, có những dòng sông uốn quanh phố huyện, có bãi biển xanh tràn ngập nắng trời, có đồng ruộng thẳng cánh cò bay… Cái đẹp trong thơ ca dân gian Ninh Hòa gắn liền với tên núi, tên sông, tên đảo, tên đất, tên làng gần gũi, thân quen:

"Núi cao tứ phía

Biết trồng mía ngang đâu?

Sông sâu cát lấp

Biết trồng dâu ngả nào?

Sông Dinh ai bới ai đào?

Để cho con nước chảy vào vòng cung?"

Người xưa từng nhận xét xứ Ninh Hòa "mở cửa thấy núi", núi cao tứ phía, vây bọc trong ngoài: *"Mây xám ba Non, hòn Hèo đội mũ"*. Trong những dải núi này, có ngọn danh sơn Vọng Phu mà truyền thuyết từ bao năm vẫn nhắc:

Ai về suối Mít, Ba Non

Ngắm con thác Bạc, ngắm hòn Vọng Phu.

Núi cao 2.051 mét, sừng sững giữa bầu trời Tây Bắc của huyện. Đỉnh núi là hình tượng một người mẹ bồng con trải qua bao nắng mưa, bão tố ngóng trông về phía biển Đông chờ đợi chồng về:

Bồng con ngồi tựa trên non

Trăng thu vằng vặc dạ còn nhớ trông.

Ghe bầu khi xưa qua hải phận Ninh Hòa, nhìn lên phía tây, đỉnh Vọng Phu xanh mờ, lãng đãng những chòm mây trắng như mái tóc gội sương, ngư dân và thương lái thường khẩn cầu mong nàng giúp đỡ:

Lạy Bà cho thổi gió nồm

Chồng bà ở Quảng giong buồm theo vô.

Hoặc:

Lạy Bà, Bà cả gió đồng

Cho thuyền tôi chạy, cho chồng bà lên.

Và con sông Dinh xinh đẹp như dải lụa quấn quanh chảy giữa lòng phố huyện. Một dòng sông quê với hai mùa mưa nắng:

Một lần đến với Ninh Hòa

Sông Dinh yêu dấu hương hoa bãi bồi.

Con sông đã để lại cho người Ninh Hòa biết bao niềm thương nỗi nhớ khi phải sống xa quê:

Sông Dinh có ba ngọn nguồn

Nhớ em, anh băng đèo vượt suối

Nhưng không biết đường đến thăm em!

Ghé vô chợ Ninh Hòa

Mua một xâu nem

Một chai rượu trắng

Anh uống cho say mèm

Để quên nỗi nhớ nhung.

Con sông hợp lưu từ ba dòng sông bắt nguồn từ đỉnh Vọng Phu ngút ngàn mây trắng, với dòng thác bạc như dải lụa treo giữa lưng trời. Từ rừng núi đại ngàn băng qua đá núi chập chùng, nhiều thác, nhiều ghềnh, nhiều truông, nhiều lạch, hoặc từ một buôn làng hoang sơ, uốn mình qua những cánh đồng thẳng cánh cò bay *"nước bốn mùa bạc trắng đục màu vôi"* đến đất làng Ninh Phụng hợp lưu thành dòng sông Dinh hiền hòa, ấm mát một triền sông cát trắng, chảy qua những vườn cây trái yên lành... uốn vòng cung đổ ra vịnh Nha Phu. Con sông khảm vào tâm hồn người Ninh Hòa những kỉ niệm vui buồn, để rồi giữa cuộc sống đời thường, trải qua, chiêm nghiệm trong cuộc mưu sinh, người ta luôn thấy mình gắn bó với nó.

Bờ biển Ninh Hòa chủ yếu là thấp, hơi bằng phẳng vì được tạo bởi những cánh đồng nằm sát biển. Cũng có đôi chỗ gập ghềnh uốn khúc theo những dải núi trải chân sát bờ. Song nhìn chung cảnh trí rất đẹp, bắt mắt khách nhàn du. Xa bờ một chút là đảo, có nơi là chùm đảo. Những hòn đảo điểm xuyết giữa một vùng non xanh nước biếc như những nét chấm phá trong tranh thủy mặc:

Cửa Đò, Hòn Khói xa xăm

Kinh ngoài hòn Đỏ, kinh trong bãi Trầy.

Hoặc:

Bến đò hòn Khói tăm tăm

Chạy khỏi Trâu nằm đến cửa cây Sung

Chà Là, Hố, Đụn, Chóp Vung

Kinh ngoài hòn Bạc, kinh trong Ninh Hòa.

Từ trên cao nhìn xuống, Ninh Hòa như một thung lũng bao quanh bởi rừng núi đại ngàn. Có lẽ vì thế mà xưa kia trên vùng đất này có nhiều loài thú dữ sinh sống. Cách trung tâm thị trấn Ninh Hòa chừng 3 cây số có núi Ổ Gà (tức núi Phú Như), ngày xưa rậm rạp, cây cối um tùm, là nơi cọp thường ở. Trên đèo Bánh Ít, trước đây có một ngôi miễu gọi là Miễu Ông Cọp. Vì thế dân gian có câu:

Cọp Ổ Gà, ma Đồng Lớn.

Và từ trung tâm thị trấn đi về phía Nha Trang khoảng 9 cây số là đèo Rọ Tượng. Theo người dân kể lại, sở dĩ đèo có tên như thế vì gắn liền với một câu chuyện là nơi núi rừng này có rất nhiều voi, voi đi từng đàn, phá hoại mùa màng, và người ta phải đào hầm, cài bẫy, bắt nhốt vào rọ:

Rừng nhiều voi cọp hung hăng

Dạy làm rọ bẫy đón ngăn các loài

Nhân dân nhờ được khỏi tai

Ăn no mặc ấm, trong ngoài vững yên.

Cảnh trí thiên nhiên Ninh Hòa tươi đẹp như một bức tranh non nước hữu tình. Con người Ninh Hòa tình sâu, nghĩa nặng, giàu lòng yêu nước, giàu truyền thống đấu tranh cách mạng:

Ai về Nhĩ Sự, Tân Phong

Nhớ hồi kháng chiến chiến công chói ngời

Năm ba (1953) *sử sách ghi đời*

Tháp canh ta diệt Pháp thời khiếp kinh.

Ninh Hòa có nhiều đặc sản:

Yến sào hòn Nội

Vịt lội Ninh Hòa

Hoặc:

Mây Hòn Hèo

Heo Đất Đỏ

Đặc biệt là món nem chua Ninh Hòa được chế biến công phu từ thịt heo nuôi tại vùng Đất Đỏ đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng cả nước. Đến với Khánh Hòa, xin ai đó hãy ghé lại Ninh Hòa, mua một xâu nem, một chai rượu bọt rồi ra bờ biển Dốc Lết, hoặc vào Ba Hồ, Trường Bơi, hoặc lên Suối Nước Nóng vừa ngắm cảnh đẹp vừa nhấm nháp chút rượu cay nồng.

Để rồi:

Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa

Nhớ biển Nha Trang gió mát

Nhớ Ninh Hòa nhiều nem.

4. MÚA LỤC CÚNG HOA ĐĂNG Ở NINH HÒA

Cách đây khoảng 80 năm (1923) tại làng Điềm Tịnh, huyện Tân Định (tên cũ của huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa hiện nay) có một đoàn ca múa Lục Cúng Hoa Đăng được thành lập và đi lưu diễn nhiều nơi trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa. Sự hình thành và hoạt động của đoàn ca múa này đã làm cho địa danh Tân Định lúc ấy được vang tiếng ra xa ở cả hai tỉnh bạn Phú Yên và Ninh Thuận. Theo các cụ cao niên nói lại thì mỗi tháng đoàn ca múa đi lưu diễn chừng ba bốn lần từ Tuy Hòa đến Ba Ngòi. Có thể nói đây là đoàn nghệ thuật dân gian đầu tiên của Ninh Hòa được thành lập, nhưng rất tiếc nó chỉ tồn tại được trong khoảng 5, 6 năm rồi bặt bóng. Dầu vậy đoàn cũng đã để lại dấu ấn đậm nét trong lòng những thế hệ khán giả địa phương mà ngày nay đã ở lứa tuổi tám, chín mươi.

Người sáng lập đoàn ca múa Lục Cúng Hoa Đăng huyện Tân Định là thầy xã Vạn Hữu (chưa rõ họ tên), quê quán làng Vạn Hữu, xã Ninh Quang. Không biết cơ duyên đưa đẩy thế nào mà thầy trả chức lý trưởng làng Vạn Hữu cho tổng huyện rồi về làng Điềm Tịnh an cư tại chùa Thiên Bửu. Tại đây thầy san định cải biên bài bản, điệu múa và lập đoàn Lục Cúng Hoa Đăng.

Theo nhiều vị bô lão ở làng Điềm Tịnh và các làng lân cận nói lại, thầy xã Vạn Hữu là người uyên thâm Hán học và biết nhiều tuồng hát bội. Thầy chính là vị tổ sư của đoàn nghệ thuật bởi vì thầy đã sáng tạo ra cách thức múa hát và bài bản Lục Cúng Hoa Đăng. Nhưng theo sách *"Những đại lễ vũ khúc của vua chúa Việt Nam"* (xuất bản tại Sài Gòn năm 1960) của các tác giả Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề cũng như theo sự tìm

hiểu riêng của chúng tôi, múa Lục Cúng Hoa Đăng không hẳn do thầy xã Vạn Hữu tổ thuật toàn bộ. Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng: theo những gì hai cụ Đỗ viết về Lục Cúng Hoa Đăng ở Huế, thì cách múa hát lẫn bài bản Lục Cúng Hoa Đăng ở Huế có khác với cách múa hát cũng như bài bản Lục Cúng Hoa Đăng tại Ninh Hòa. Trước khi tìm hiểu về Lục Cúng Hoa Đăng Ninh Hòa, tưởng cần điểm qua múa Lục Cúng Hoa Đăng tại Huế, từ đó mới thấy huyện Ninh Hòa nói riêng, Khánh Hòa nói chung đã có một điệu ca vũ cổ truyền rất đặc trưng nay đã bị thất truyền.

Theo hai cụ Đỗ viết trong sách nói trên, vũ điệu Lục Cúng Hoa Đăng vốn do các nhà sư Ấn Độ truyền sang. Một số nhà nghiên cứu tại đất Thuận Quảng như các cụ Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Bội Liên... thì cho rằng Lục Cúng Hoa Đăng ảnh hưởng điệu múa Chiêm Thành. Theo thiển ý, chúng tôi không dám đồng tình với ý kiến trên, vì:

1. Xưa nay chưa thấy sử sách nào có đề cập đến việc nhà sư Ấn Độ truyền dạy vũ điệu Lục Cúng Hoa Đăng. Giới nhà sư Ấn Độ chỉ có mặt tại Việt Nam từ đầu thời Lý trở về trước, còn Lục Cúng Hoa Đăng lại có mặt vào đầu thời Nguyễn, như vậy ý kiến của hai cụ Đỗ vẫn chưa được thuyết phục. Có lẽ hai cụ nhớ đến việc vua Lý Thái Tông bắt các cung nữ học điệu múa Tây Thiên như trong sử có ghi mà hiểu lầm ra chăng!

2. Còn cho rằng vũ điệu Lục Cúng Hoa Đăng ảnh hưởng điệu múa người Chăm cũng không ổn vì nếu ai có lần xem người Chăm múa bóng tại Tháp Chàm Phan Rang thì sẽ thấy giữa hai điệu múa rất dị biệt, bởi điệu múa của người Chăm uyển chuyển lắc lư cả châu thân và luôn cả đôi tay đôi chân, dường như vũ nữ nhún nhảy bằng các đầu ngón chân và gót

chân phô cả đường nét vệ nữ sống động, còn Lục Cúng Hoa Đăng khi múa hát chỉ xoay người uyển chuyển nhưng kín đáo bước tới bước lui, tất cả các động tác đều vững chắc, cân bằng và trang nghiêm chứ không giống như vũ điệu người Chăm.

3. So sánh múa Lục Cúng Hoa Đăng tại Huế và Lục Cúng Hoa Đăng tại Ninh Hòa chúng tôi thấy có những điểm giống nhau và cả những điểm khác nhau. Cả hai đều có một số bài bản ảnh hưởng kinh kệ nhà Phật như ngoài Huế có tán rơi múa bài Trí Đăng, Hương Phù, Vu Kim, Hoa Quả, còn tại Ninh Hòa thì tán rơi múa các bài Hồng Thừ, Nhân Duyên, Hò Ngàn Ta, Tam Bảo. Điểm khác nhau là: với Lục Cúng Hoa Đăng ở Huế, cách tán và múa có nhiều chỗ giống khoa Mông Sơn chạy đàn của Thiền Môn, trái lại ở Ninh Hòa thì cách hô xướng, múa hát ảnh hưởng đậm nét bộ môn hát bội. Ngoài ra Lục Cúng Hoa Đăng Ninh Hòa còn có nhiều bài bản và cách nhảy chữ mà ngoài Huế không có. Từ đây chúng tôi đi đến nhận định là Lục Cúng Hoa Đăng tại Ninh Hòa không phải do thầy xã Vạn Hữu làm khai sơn tổ sư, mà có lẽ thầy đã học được bộ môn này từ các tỉnh ngoài. Khi đem về Tân Định, thầy vốn sành Hán văn và giỏi soạn tuồng hát bội nên đặt thành bài bản mới cũng như cải biên lại các điệu múa để độc lập với vũ điệu tỉnh ngoài. Như vậy Lục Cúng Hòa Đăng tại Huế và Ninh Hòa chỉ đồng danh đồng tánh nhưng khác biệt rõ nét về vũ điệu và ca từ. Sau khi đoàn nghệ thuật dân gian này được thành lập, thầy xã có truyền bá ra huyện Vạn Ninh. Năm 1959 người đệ tử của thầy là bà Đặng Thị Nhân pháp danh Tâm Giáo có nối chí bổn sư lập ra tại chùa Thiên Bửu Điềm Tịnh một đoàn múa Lục Cúng Hoa Đăng, sinh hoạt biểu diễn một số nơi trong tỉnh được khoảng vài năm thì ngừng hoạt động.

Theo tìm hiểu của chúng tôi thì vũ khúc Lục Cúng Hoa Đăng là một điệu múa dân gian hình thành tại Huế vào khoảng đầu triều Nguyễn. Có lẽ ca từ vũ điệu do hàng Phật tử tại gia dàn dựng nên ảnh hưởng đậm nét lối chạy đàn chẩn tế của thiền môn cũng như sử dụng một số bài kệ trong nhà chùa. Ban đầu Lục Cúng Hoa Đăng thường được biểu diễn vào những dịp cử hành đại lễ như Khánh Tiết, Phật Đản, Đăng Quang... Dưới triều Minh Mạng, nhà vua thường tổ chức các trai đàn chẩn tế để cầu tuổi thọ và quốc thái dân an. Trong dịp này vua xuống chiếu tuyển chọn một số tăng sĩ tài đức trong cả nước lai kinh phó hội, vừa dự lễ đàn tràng vừa để Bộ Lễ sát hạch kinh điển (căn cứ theo tờ tăng cang độ điệp tại chùa Vạn Đức ở Hội An và chùa Thiên Bửu Hạ ở Ninh Hòa). Trong dịp này Lục Cúng Hoa Đăng được trình diễn. Sau khi phó hội, mỗi vị tăng sĩ được bộ Lễ cấp cho một giới đao và tờ Tăng Cang Độ Điệp trở về địa phương. Trong số này có thể có ai đó đã học được vũ khúc Lục Cúng Hoa Đăng về dạy cho Phật tử để ca múa khi có đàn tràng. Chính thầy xã Vạn Hữu đã học được điệu múa này tại Phú Yên, sau đó đem về Ninh Hòa cải biên toàn diện.

Trong đoàn Lục Cúng Hoa Đăng thường có 6 cô gái tượng trưng cho Lục Hoa Tiên Nữ, tuổi từ 13 đến 17 (điệu múa này không có nam nhân tham gia). Xiêm y, mão miện không giống đạo (Phật giáo), cũng không giống đời (Hát bội) mà được thầy xã Vạn Hữu thiết kế riêng biệt. Mỗi "tiên nữ" đầu đội mão Tỳ Lư, xiêm y bằng vải có màu xanh đỏ vàng, giống tựa như tua lá tràng phan kết lại, dài quá gối, phủ kín thân mình nhưng chừa hai tay. Bên trong "tiên nữ" mặc áo tay dài, quần trắng bó thật

gọn vào hai ống chân y như đào kép hát bội. Chân mang hài có vớ. Hai tay cầm 2 cái đèn lồng có cán hình hoa sen, bên trong thắp đèn cầy, khi múa 2 tay đưa lồng đèn lên ngang đầu. Cả 6 tiên nữ vừa múa vừa hát theo tiếng hát và tiếng trống của vị đàn chủ tức thầy xã Vạn Hữu. Vị đàn chủ mặc áo dài, đầu đội khăn đóng nếu biểu diễn tại nhà quyền quý, hoặc mặc áo nâu sồng nếu tại nhà chùa. Lúc điều khiển cuộc hát múa, vị đàn chủ chỉ sử dụng cái trống cơm để gõ nhịp. Thường thường giới tăng sĩ không được phép tham gia vào vũ điệu Lục Cúng Hoa Đăng, bởi vì giới luật nhà chùa cấm kị.

Lục Cúng Hoa Đăng tại Ninh Hòa thuở ấy thường trình diễn trong các ngày lễ lớn như Phật Đản, Khánh Tiết, hay tại các tư gia quan lại quyền quý trong những dịp hỷ hả.

Nội dung câu hát ảnh hưởng bộ môn hát bội, ví dụ:

"Hỡi Lục Hoa tiên nữ, tu chỉnh nghiêm trang sửa đoạn đăng chúc huy hoàng, nghe thánh thượng lệnh truyền lai đáo.

Dạ dạ chúng con đồng hiệp lực, nay vâng lệnh nhà vàng, Lục Hoa đà đăng chúc huy hoàng, chờ thánh thượng lệnh truyền lai đáo."

Hay cuối câu hát có những tiếng *ư ứ ư* giống hát bội mà Lục Cúng Hoa Đăng Huế không có:

"Tạ thiên ư ứ ư, tạ địa ư ứ ừ, tạ thiên tạ địa hề tạ quân vương."

Bắt đầu vào hát múa là bài "Đường Đường Chánh Tại", ý nghĩa của bài này là cảm tạ ơn đức hiếu sinh của Trời Đất, ơn vua chúa chánh phủ và hạnh từ bi của Phật Đà, ví dụ:

"Đường đường chánh tại hề hiến kim liên

Chiếu diệu hào quang hề thấu cửu thiên

Phước đẳng hà sa hề vô số phật ứ ư ứ ừ"

Những câu kế tiếp trong bài cầu chúc cho mưa thuận gió hòa, mùa màng thạnh mậu hay đất nước được bình yên:

"Thường kỳ xứ xứ hề điền hòa thục ứ ư ứ ừ

Tứ phương bình định hề can qua tức ứ ư ứ ừ"

Những câu kết cầu cho xã hội lành mạnh, chúa thánh tôi hiền, cha từ con hiếu:

"Tam chúc tòa xuân hề thọ vô cương

Thánh chúa hiền thần hề an xã tắc ứ ư ứ ừ

Phụ từ tử hiếu hề ấn gia nương"

Trong cách múa Lục Cúng Hoa Đăng ở Ninh Hòa, ngoài sự ảnh hưởng cách chạy đàn chẩn tế nhà chùa, còn chịu ảnh hưởng nhiều những động tác của hát bội như bộ chân nhún nhảy cho nhanh và dịu, khi cần đến bộ ngựa thì trụ cho vững, khi dùng đến khiêng hay kiệu thì đôi vai cho thẳng và hai tay nắm thật chắc... Cuộc múa hát có khi kéo dài đến vài tiếng đồng hồ với đủ cả các bộ điệu. Khi múa, thường các cô gái hai tay cầm hai cây đèn lồng đưa ngang đầu, bên trong có thắp đèn cầy. Gặp những lúc động tác một tay làm kiệu thì tay kia cầm cả hai cái đèn lồng.

Thông thường một ban Lục Cúng Hoa Đăng có 8 cô gái tuổi từ 13 hay 17 trở xuống, khi biểu diễn chỉ có 6 cô, 2 cô để dự khuyết chờ thay thế lúc cần nhảy chữ. Lối múa nhảy chữ như sau: khi nghe thầy xã Vạn Hữu hô lên chữ gì thì các cô gái nhanh nhẹn nhảy ngay đến vị trí ấn định sẵn, hai tay có động

tác kết lại hay dang ra làm sao cho hiệp thành các chữ Hán. Các chữ Hán thường nhảy là *Lục Cúng Thái Bình* và *Lục Cúng Bát Tiên.* Ví dụ khi thầy xã hô: *Lục Cúng Thái Bình* thì một cô nhún chân bước nhảy đến ngồi bán quỵ (nửa quỳ nửa ngồi) cho gọn, cô thứ hai nhún chân nhảy ngồi bên sau dang thẳng 2 tay, hai cô kế tiếp ngồi xiên bên sau, một tay cầm đèn lồng đưa thẳng vào ngực và tay kia cũng cầm đèn lồng đưa thẳng ra để ráp thành chữ *Lục.* Sau khi xong hình một chữ, nghe tiếng trống các cô liền tiếp tục nhảy ráp hình sang chữ khác. Những động tác này phải thật nhanh gọn, ngồi ở vị thế thật vững và chính xác.

Thuở ấy, bên cạnh bộ môn hát bội, người dân nông thôn Ninh Hòa rất thích thưởng thức vũ điệu Lục Cúng Hoa Đăng. Dẫu rằng múa Lục Cúng Hoa Đăng có nguồn gốc tại Huế, nhưng khi du nhập về Ninh Hòa thầy xã Vạn Hữu đã cải biên bài bản và cách múa làm cho Lục Cúng Hoa Đăng Ninh Hòa mang đậm sắc thái độc đáo của địa phương. Tiếc rằng sau đời thầy xã Vạn Hữu và bà Tâm Giáo, không còn ai tiếp tục duy trì và phát huy điệu múa dân gian cổ truyền này nữa.

Dưới đây xin giới thiệu một trích đoạn hát múa Lục Cúng Hoa Đăng sưu tầm được ở Ninh Hòa:

- Đàn chủ hô: *Hỡi Lục Hoa Tiên Nữ!*

- Lục Hoa đồng thanh: *Dạ.*

- Đàn chủ: *Tu chỉnh nghiêm trang sửa đoạn đăng chúc huy hoàng, nghe thánh thượng lệnh ban lai đáo.*

- Lục Hoa đáp: *Dạ dạ chúng con đồng hiệp lực, nay vâng lệnh nhà vàng, Lục Hoa đà đăng chúc huy hoàng, nghe thánh thượng lệnh truyền lai đáo.*

- Tả hữu hai tay cầm đèn lồng múa sàng qua lại hai lần rồi trở lại vị trí cũ và thưa tiếp: *Dạ dạ thần đẳng bá ban đồng tử đồng lai hiến vũ hoa đăng, phụng thánh chỉ ban truyền đáo đàn tràng hiến tại.*

- Đàn chủ và Lục Hoa đồng thanh liền theo: *Thả khứ thả khứ đồng hành đồng hành.*

- Lục Hoa múa lộn hai vòng rồi về chỗ cũ. Đàn chủ liền nhịp trống cơm, Lục Hoa tiên nữ vừa hát vừa múa điệp khúc bài "Đường Đường Chánh Tại":

Đường đường chánh tại hề hiến kim liên

Chiếu diệu hào quang hề thấu cửu thiên

Phước đẳng hà sa hề vô số Phật ứ ư ứ ừ

Ân đàm phổ hữu hề phối lương duyên

Đức cập phổ thiên hề vi thiện đạo ứ ư ứ ừ

Hồi đầu vọng bái hề tại đế tiền

Mỗi nhật thần hôn hề nhiệt chú hương

Tạ thiên ư ứ ư tạ địa ư ứ ừ

Tạ thiên tạ địa hề tạ quân vương

Thường kỳ xứ xứ hề điền hòa thục ứ ư ứ ừ

Đang nguyện gia gia hề thọ mãn trường

Tứ phương bình định hề can qua tức ứ ư ứ ừ

Tam chúc tòa xuân hề thọ vô cương

Thánh chúa hiền thần hề an xã tắc ứ ư ứ ừ

Phụ từ tử hiếu hề ấn gia nương

Phụng hiến hảo hoa hề chí Phật tiền

Oai quang sắc tướng hề tại đoan nhiên

Nguy nga nhật nguyệt hề Kỳ viên hội ứ ư ứ ừ

Vi nhiễu hậu tiền hề đẩu xuất thiên

Ngọc thọ kim chi hề khai ánh nhật

Linh căn tịnh diệp hề tối tinh nghiêm

Thể hoa thánh chúa hề hồ quỳ bổn ứ ư ứ ừ

Khể thủ quy y hề tại phước điền.

- Kế tiếp là bài tán tẩu *"Hò Ngàn Ta"*, lối múa này vừa giống cách chạy đàn vừa phảng phất điệu múa của hát bội:

Hò ngàn ta ta lý hòa ta

Tò ngò tố bố tư bay

Độ thừ bay giá lồ kia

Càn ty nể hòa ty xang phuột thạt

Bố chang min cát thạt

Mò hò hò chốc lai

Thừ phím lai nạn than

Mo de dạ hồng

- Múa hát điệp khúc.

Bài này phiên âm theo mật chú của tiếng Phạn.

5. TỪ Ý A RU ĐẾN NHA PHU, ĐI TÌM ĐỊA DANH CỔ CỦA NINH HÒA

Tháng 10 năm 1714, ba chiếc thuyền buồm chất đầy hàng hóa của thương nhân Hòa Lan từ Nhật Bản trở về Batavia (quần đảo Nam Dương) đã bị bão đánh đắm trên những bãi ngầm của quần đảo Hoàng Sa. Thư từ trao đổi của các giáo sĩ châu Âu thuộc Hội truyền giáo Pa-ri trong thời gian này cho biết đa số thủy thủ đoàn đã thoát nạn nhờ bám vào những mảnh ván của con thuyền vỡ và sóng xô dạt họ lên những cồn cát. Những người này đã sống trên đảo khoảng một tháng, sau đó họ gom góp những mảnh vỏ tàu kết lại thành một chiếc xuồng, theo sau bóng dáng những chiếc ghe bầu của ngư dân xứ Đàng Trong tiến về bờ biển Nam Hà, vào một cửa biển có tên là *Nha Tlang*. Thư của các giáo sĩ cũng đề cập tới một địa danh khác là *Nha Ru* và cho biết *Nha Tlang* cách *Nha Ru* độ một ngày đường bộ. Từ *Nha Tlang*, đoàn người sống sót sau vụ đắm tàu đã lên đường tới *Nha Ru* và từ đây họ tiếp tục cuộc hành trình khổ nhọc ra Huế bệ kiến chúa Nguyễn[1].

Trong một bài viết trước đây[2], chúng tôi đã chứng minh *Nha Tlang* chính là *Nha Trang* hiện nay. Cách ghi âm bằng mẫu tự La-tinh *Nha Tlang* như trong thư của các nhà truyền giáo nước ngoài hoạt động ở Đàng Trong vào thời điểm trên phản

---

[1] Nguyễn Nhã, *Hoàng Sa qua vài tài liệu văn khố của Hội Truyền giáo Ba Lê*, tập san Sử Địa (Sài Gòn) số 29 (1-3/1975), trang 258-273.

[2] Nguyễn Viết Trung, *Về địa danh Nha Trang*, trong sách *Khánh Hòa - Diện mạo văn hóa một vùng đất (tập 1)*, Sở VHTT Khánh Hòa xuất bản 1998.

ánh sự tồn tại một số phụ âm kép như *bl, ml, tl...* trong ngữ âm tiếng Việt ở các thế kỷ XVI-XVII mà về sau này không còn nữa. Về nguồn gốc, *Nha Trang* là cách đọc của người Việt phỏng theo âm một địa danh Chăm là *Ýa Trang*. *Ýa Trang* - có nghĩa là sông lau - nguyên là tên sông Cái Nha Trang. Từ tên sông sau chỉ rộng ra cả vùng đất.

Còn *Nha Ru*? Qua một số chi tiết trong thư của các giáo sĩ kể lại vụ đắm tàu năm 1714 đã nêu ở trên, có thể đoán định rằng *Nha Ru* là một cửa biển nào đó nằm gần *Nha Trang* và ở phía bắc tỉnh Khánh Hòa hiện nay. Lần theo dấu vết của địa danh này qua các tài liệu, thư tịch cổ, chúng tôi phát hiện rằng *Nha Ru* cũng là một địa danh gốc Chăm như *Nha Trang* và là tên cũ của vùng đất Ninh Hòa ngày nay. Trong hệ thống địa danh Việt ở vùng này có một số địa danh là phiên âm theo tiếng Chàm xưa. Tra cứu *Từ điển Chàm-Việt Pháp* của Gerald Moussay[1], chúng tôi thấy có ghi các mục từ sau:

- *ýa ru* (thác nước)

- *paley Ýa Ru* (xứ Ninh Hòa)

Người Chăm cũng có câu ca *"Ko Ýa Ru iku Ýa Trang"* nghĩa là "đầu ở Ninh Hòa đuôi ở Nha Trang" khi kể về sự tích vua Pô Klong Garai (nay còn đền thờ ở Tháp Chàm, Phan Rang)[2].

---

[1] Gerald Moussay, *Dictionnaire Căm - Viêtnamien - Francais,* Trung tâm Văn hóa Chàm Phan Rang xuất bản 1971, trang 474.

[2] Bố Thuận, *Sự tích vua Pô Klong Garai hay là sự tích Tháp Chàm,* tạp chí Bách Khoa (Sài Gòn).

Cùng bắt nguồn từ địa danh cổ *Ýa Ru* (có nghĩa là thác nước), để chỉ vùng đất Ninh Hòa xưa, bên cạnh tên *Nha Ru,* ta còn thấy tồn tại một số cách gọi khác có dạng phát âm tương tự như sau:

- *Nha Du:* Trong bản đồ *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* có niên đại khoảng cuối thế kỷ XVIII, phần vẽ vùng đất Khánh Hòa ngày nay thấy có ghi địa danh *Nha Du hải môn* (cửa biển *Nha Du*)[1]. Cửa biển này được vẽ gần *Nha Trang hải môn.*

- *Nha Lỗ:* Trong bài vè thủy trình *Hải môn ca* (bằng chữ Nôm) của dân ghe bầu kể về các cửa biển ở Đàng Trong có đoạn: "Sông ngang thủy thế mênh mông/ Qua miền *Nha Lỗ* phỏng trong nửa ngày/ Đến *Nha Trang* một ngày chầy/ Lại thêm nửa ngày đến *tiểu Nha Trang...*"[2]. Ở đây, *Nha Lỗ chính là Nha Ru* vì trong mối tương quan giữa các địa danh thuần Việt và địa danh Hán Việt, ta thường thấy có sự chuyển đổi giữa cặp phụ âm đầu r >< l, chẳng hạn: Cam Ranh >< Cam Linh; Phan Rang >< Phan Lang.

- *Nha Từ:* Trong sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn viết năm 1776 có chép tên *đầm Nha Từ* thuộc phủ Bình Khang[3], còn sách *Thông quốc duyên cách hải chử* của Nguyễn Đức Huyên và Đoàn Viết Nguyên soạn năm Gia Long thứ 16 (1817) thấy có tên *Nha Từ hải môn* (cửa biển *Nha Từ*)[4] thuộc trấn Bình

---

(1) *Hồng Đức bản đồ,* Viện Khảo cổ Sài Gòn xuất bản 1962, trang 160-161.

(2) Bửu Cầm, *Hải môn ca,* Văn hóa nguyệt san (Sài Gòn), tập XIII quyển 9 (9/1964).

(3) Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1: *Phủ biên tạp lục,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1977, trang 217.

(4) Bửu Cầm, sách đã dẫn.

Hòa (Chú ý: phủ Bình Khang, trấn Bình Hòa đều là tên cũ của Khánh Hòa).

- *Nha Phu:* Sách *Đại Nam thực lục chính biên* - bộ sử biên niên của nhà Nguyễn - cho biết đến năm Minh Mạng thứ 14 (1833) đổi tên tấn sở *Nha Tù* ở tỉnh Khánh Hòa là *Nha Phu*[1]. Về các cửa biển thuộc phía bắc tỉnh Khánh Hòa, sách *Đại Việt địa dư toàn biên* (còn gọi là *Phương Đình dư địa chí*) của Nguyễn Văn Siêu và Bùi Quỹ soạn dưới thời Tự Đức có ghi tên *cửa Nha Phu* ở phía đông huyện Quảng Phước[2]. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn có chép các địa danh *Nha Phu úc* (Vịnh Nha Phu), *Nha Phu tấn* (tấn sở Nha Phu)[3]. Hiện nay cửa Nha Phu tức là cửa Hà Liên thuộc huyện Ninh Hòa, nơi sông Dinh chảy ra đầm / vịnh Nha Phu.

Căn cứ vào những ghi chép trên, có thể xác định rằng: tên *Nha Ru* (theo cách ghi âm của các giáo sĩ châu Âu đến truyền đạo ở Đàng Trong hồi đầu thế kỷ XVIII) hay *Nha Tù, Nha Du, Nha Lỗ* (trong các văn bản Hán Nôm trước năm 1833) rồi *Nha Phu* (từ 1833 đến nay) đều có gốc chung từ tiếng Chăm là *Ýa Ru* và là địa danh cổ của vùng đất Ninh Hòa hiện nay.

---

[1] *Đại Nam thực lục chính biên,* Đệ nhị kỷ VIII, tập 12 (1833), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1965, trang 36.

[2] Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình dư địa chí,* Cơ sở Tự Do (Sài Gòn) xuất bản 1960, trang 162.

[3] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí (quyển 11: tỉnh Khánh Hòa),* bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Nha Văn hóa (Sài Gòn) xuất bản 1964, trang 89.

SUMMARY

Folk verses, chantey, satirical verses of the authors collect some genres of folk lyrical verses of Central part.

The main content of the work contains four parts:

Part I: *Folk songs of Quang Nam province 's people* is composed by the author Truong Dinh Quang. Beside introduction about land and people, the author studies the folk songs genres such as: "Sac bua" singing, "ho thai", satirical verses, "ly", chantey of sending off the soul of death people...

Part II: *Folk verses, chantey, satirical verses with the identity of Binh Đinh people* is composed by the authors Nguyen Xuan Nhan- Nguyen Phuc Liem- Chau Minh Hung. The authors collect in folk songs, chantey, satirical verses of local and are clearly showed the identity of Binh Đinh people.

Part III: *Folk verses, chantey, satirical verses* of Phu Yen province's people is composed by the author Duong Thai Nhon. In this part, the author collects the genres of folk verses, chantey, satirical verses, "bai choi" of Phu Yen province.

Part IV: *Chantey to pound rice is folk songs tune of Ninh Hoa district* is composed by the author Nguyen Viet Trung. Chantey to pound rice is popularly folk songs tune of Ninh Hoa district. Khanh Hoa province before 1945 year with own characteristics of chantey, singing, structure of rhythm... in this part, the author studies and collects the chanteys to pound rice of Ninh Hoa district.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 9

PHẦN I: MEN RƯỢU HỒNG ĐÀO 11

LỜI NỐI ĐẦU 12
QUẢNG NAM TRỜI - ĐẤT - NGƯỜI 15
LỜI VÀO... 23
ĐI TÌM DÂN CA CỔ CỦA HOÀI PHỐ 31
TỪ NGÀY TÂY LẠI ĐẤT HÀN... 37
SẮC BÙA 44
LỜI HÁT NHÂN NGHĨA ĐỪNG QUÊN 54
XỐ CỔ NHƠN - HỒ THAI 76
HỒ BÀI CHỜI 88
HỒ LÔ TÔ 122
VÈ 129
NỐI LÍA 139
HỒ KHOAN 146
SOI QUẠT 200
HÁT ỐNG 204
LÝ 207
ĐỒNG DAO 242
HÁT RU 289
HÒ ĐƯA LINH - BẢ TRẠO 308
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT 367

PHẦN II: CA DAO HÒ VÈ MANG SẮC THÁI BÌNH ĐỊNH 407

LỜI THƯA 408
NGUỒN GỐC VÀ ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA CỦA CÁC MIỀN VÀO BÌNH ĐỊNH 410
LÀM SAO ĐỂ PHÂN BIỆT CA DAO CỦA BÌNH ĐỊNH VỚI CA DAO CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC? 416
CA DAO VỀ TÌNH YÊU CỦA BÌNH ĐỊNH 420

CA DAO, HÒ, VÈ VỀ ĐỊA DANH, VÙNG ĐẤT 440
NHỮNG KHÚC ĐỒNG DAO QUA TRÒ CHƠI CỦA TRẺ EM BÌNH ĐỊNH 539
HÁT HỒ 552
KỶ NIỆM 100 NĂM PHONG TRÀO ĐỒNG BÀO (1908 - 2008) 562
VÈ CÁC LÁI 569
VÈ CHÀNG LÍA 597
ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH VÀ THỜI TIẾT - NHỮNG KHÁI NIỆM QUA DÂN GIAN 665
KẾT LUẬN 672
TÀI LIỆU THAM KHẢO 673

PHẦN III: CA DAO, HÒ, VÈ PHÚ YÊN 675
CA DAO, HÒ, VÈ TRÊN ĐẤT PHÚ YÊN 676
LÔ TÔ PHONG THẦN 751
BÀI CHÒI 763
VÈ 767
NÓI LỄ 784
TÀI LIỆU THAM KHẢO 791

PHẦN IV: HÒ GIÃ GẠO DÂN CA NINH HÒA 793
MỞ ĐẦU 794
CHƯƠNG I: CẤU TẠO LÀN ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO 799
CHƯƠNG II: SINH HOẠT HÒ GIÃ GẠO 812
CHƯƠNG III: CHẤT LƯỢNG NGHỆ THUẬT VÀ TƯ TƯỞNG LUÂN LÝ TRONG ĐIỆU HÒ GIÃ GẠO 828
CHƯƠNG IV: NHỮNG CÂU HÒ GIÃ GẠO SƯU TẦM ĐƯỢC Ở HUYỆN NINH HÒA 860
PHỤ LỤC: NHỮNG KHÚC BÀI CHÒI SƯU TẦM ĐƯỢC Ở HUYỆN NINH HÒA 919
SUMMARY 957

959

53548

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội
DT: 04.39434239 - 04.38263070
Email:nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn
Cn: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: (08).38222895
Email: cn_nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
LƯU XUÂN LÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập: DIỆU THÚY - HOÀNG NGÂN
Biên tập kỹ thuật: DIỆU THÚY - HOÀNG NGÂN
Sửa bản in: DIỆU THÚY
Chế bản: TẤN NGHĨA
Trình bày bìa: CÔNG TY TNHH SX - TM HƯNG HÀ

Đối tác liên kết: HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

THƯ VIỆN
Anphongsō
00053548

CA DAO HÒ VÈ MIỀN TRUNG

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Cty CP Thông tin Quốc tế
Số đăng ký KHXB: 154- 2012/CXB/23 - 30/VHDT.
Quyết định xuất bản số: 71- 12/QĐXB - NXBVHDT
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012.